TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

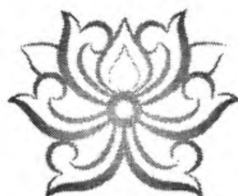
04

TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

04

KINH TĂNG CHI BỘ

(Aṅguttara Nikāya)



Dịch giả

Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ
ĐỨC THẾ TÔN, BẬC A-LA-HÁN CHÁNH ĐẲNG GIÁC



HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

(Nhiệm kỳ 2017 – 2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
- Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

- Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG
- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội
- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
- Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ



•Cố vấn
- Hòa thượng VIÊN MINH
- Hòa.thượng Tiến sĩ THIỆN TÂM

•Trưởng ban
- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

•Phó Trưởng ban
- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN

•Tổng Biên tập
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ

•Phó Tổng Biên tập
- Thượng tọa GIÁC GIỚI

•Thư ký Biên tập
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG

•Ủy viên Biên tập
- Thượng tọa Thạc sĩ GIÁC TRÍ
- Thượng tọa Tiến sĩ BỬU HIỀN
- Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
- Sư cô Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN THỦY

•Trưởng ban Tài chánh
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có ghi: "*Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển pháp luân*" (佛以一一身，處處轉法輪), nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp.

Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pāli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác…

Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "*Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chỉ*" (以聖教爲明鏡照見自心，以自心爲智燈照經幽旨), nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn.

Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự."

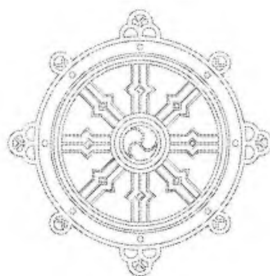
Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

(Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)



LỜI GIỚI THIỆU

Thay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này.

Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

1. Về thuật ngữ

Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "*Đại tạng kinh Việt Nam*", vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*", nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay.

Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. *Sutta Piṭaka*, H. 經藏) tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. *Vinaya Piṭaka*, H. 律藏, Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. *Abhidhamma Piṭaka*, H. 論藏, Luận tạng), Văn học Chú giải (P. *Aṭṭhakathā*), Văn học Phụ chú giải (P. *Ṭīkā*), Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v...

2. Về Văn học sử Phật giáo

"Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, H. 法, Pháp), Đạo đức (P=S. *Vinaya*, H. 戒律, Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. *Abhidhamma,* S. *Abhidharma,* H. 無比法, Vô tỷ pháp).

Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngôn ngữ Pāli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến đại hội kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm *Đảo sử* (*Dīpavaṃsa*) và *Đại sử* (*Mahāvaṃsa*) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pāli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn.

Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I (TTL) trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhist Canon*) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. Về phương diện lịch sử

Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (*Ma-ha Bát-nhã*, *Hoa Nghiêm*, *Đại Bảo Tích*, *Niết-bàn*, *Pháp Hoa*); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (*Đại Bát-nhã*); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (*Trung A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (*Trường A-hàm*, *Tạp A-hàm*), v.v…

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pāli sang tiếng Việt.[1] Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pāli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pāli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pāli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pāli.

Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,[2] gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam.

Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành *Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh*.

Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa.

4. Về bản sắc quốc gia

Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pāli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ.

Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có *Khai Bảo tạng* được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

[1] Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành *Kinh Trường bộ* từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập *Kinh Trung bộ*: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III).

[2] Còn thiếu 5 quyển trong *Kinh Tiểu bộ*: *Diễn giải, Phân tích Đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử và Hạnh tạng*.

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng.

Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大藏經), hay còn gọi là *Bát vạn Đại tạng kinh* (八萬大藏經), có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn.

Nhật Bản có *Thiên Hải tạng* (天海藏) đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經, 1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất.

Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác.

Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch.

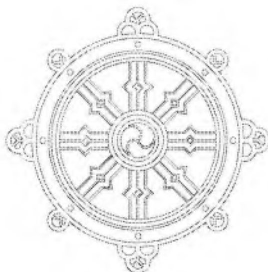
Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. *Sutamayapaññā*, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. *Cintāmayapaññā*, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. *Bhāvanāmayapaññā*, Tu tuệ).

Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh *Tam tạng Thánh điển*

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* sớm thành tựu mỹ mãn.

Xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
(Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)



LỜI NÓI ĐẦU

T*am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một kho tàng Pháp bảo đầy đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ thứ III (TTL) đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saṅghamittā của vương triều này đã truyền

bá đạo Phật sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vaṭṭagāmaṇī Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniṣka từ cuối thế kỷ thứ I đến đầu thế kỷ thứ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền.

Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pāli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vaṭṭagāmaṇī Abhaya vào thế kỷ thứ I (TTL), công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách.

Tạng Pāli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ thứ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pāli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pāli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pāli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V.

Ngoài tạng Pāli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là *Khai Bảo tạng*, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó *Bát vạn Đại tạng kinh* (còn gọi là *Cao Ly Đại tạng kinh*) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ thứ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*Taishō Shinshū Daizōkyō*, 大正新脩大藏經) do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc

truyền hoàn chỉnh nhất cho đến năm 1934. Mông Cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện.

Lịch sử thực hiện *Đại tạng kinh Việt Nam* khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ thứ XX. Việc phiên dịch, ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,…

Như vậy, nội dung bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

Nguồn tư liệu này dựa vào *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo.

Phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều biểu tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pāli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo.

Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này thật bất khả tư nghì.

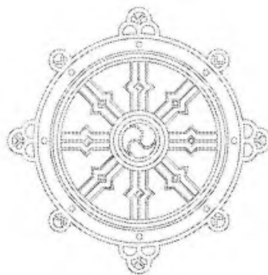
Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị.

Thành kính cúng dâng ấn phẩm ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

(Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)



TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

"*Kinh Tăng chi bộ* (như tên đã chỉ dẫn) là một bộ kinh được sắp đặt theo pháp số, từ một pháp lên đến 11 pháp, cứ mỗi chương tăng thêm một pháp đến số 11 pháp. Trong Chương Một pháp (*Ekanipāla*), gồm các kinh đề cập đến một pháp. Trong Chương Hai pháp (*Dvenipāla*) gồm các kinh đề cập đến hai pháp và tuần tự lên đến 11 pháp (*Ekādasanipāla*). Số kinh được ghi nhận là hơn 2.308 kinh, nhưng con số này không được chính xác vì số kinh phân biệt không được rõ ràng. *Kinh Tăng chi bộ* được chia làm 11 chương, từ "Chương Một pháp" cho đến "Chương Mười một pháp" và phân thành năm tập."

"Bộ *Kinh Tăng chi bộ* Pāli có bộ chữ Hán tương đương là bộ *Tăng nhất A-hàm*, do Ngài Tăng-già-đề-dà dịch, tức là Ngài Saṃghadeva, cùng một dịch giả với bộ *Trung A-hàm*."

"Như các kinh trước, nay chúng tôi chỉ lo dịch cho xong, dịch cho đủ và dịch cho chính xác, chứ không có thể làm gì hơn, vì không có thì giờ, và không có người phụ giúp. Chúng tôi chưa thể giới thiệu về nội dung được vì các vấn đề được đề cập rất là phong phú, dồi dào và không được phân loại theo những tiêu chuẩn nhất định, chỉ sau khi dịch xong trọn bộ mới có thể đi sâu vào nội dung và phân loại các vấn đề được đề cập."

"Chúng tôi cũng chưa làm được các bảng mục lục về tên kinh, tên người, các địa danh, các giáo lý được đề cập, các ví dụ, vì không có thì giờ, và không có người phụ tá. Những việc này thật sự không có gì khó khăn, chỉ cần kiên trì, chịu khó và có thì giờ.

Ngoài ra, có vấn đề tự điển Pāli-Việt, Việt-Pāli, vấn đề này làm tương đối dễ dàng, vì dịch xong hai ba bộ kinh thì có thể làm được. Nhưng dịch là cả một vấn đề uyển chuyển và linh động. Cũng một danh từ, nhưng có đoạn phải dịch khác, với nghĩa khác. Cũng như có những đoạn tương tự, nhưng khi dịch, các danh từ dùng lại khác nhau. Cho nên, phải chờ dịch xong cả năm bộ kinh, rồi làm một sự chọn lọc tổng quát các danh từ, các câu văn, thời khi ấy công trình làm tự điển Pāli-Việt, Việt-Pāli mới có thể hoàn thành tốt đẹp.

Một vấn đề nữa cũng làm chúng tôi bận tâm là tìm những kinh, những đoạn văn tương đương giữa Kinh tạng Pāli và Kinh tạng A-hàm chữ Hán. Chúng tôi tin rằng hai tạng kinh có những đoạn giống nhau, có nhiều đoạn bổ túc cho

nhau, có những đoạn soi sáng cho nhau. Nhưng muốn khai thác những điểm này cho được chính xác, cần phải dùng nhiều thì giờ và nhiều dụng công và như vậy có trở ngại cho sự phiên dịch hiện tại. Do vậy, chúng tôi quyết định, phải tạm gác vấn đề đối chiếu hai tạng một bên, hoặc chờ sau khi phiên dịch năm bộ Kinh tạng Pāli rồi sẽ làm; hay chờ một vị nào khác làm cho vấn đề này."

(*Lời Giới thiệu Kinh Tăng chi bộ*, tập I, 1980)

"Một điều kỳ diệu nữa trong lời dạy của đức Phật là đối tượng thuyết pháp của Ngài không có xa lạ gì, chính là cái thân dài mấy tầm này, cái thân gọi là năm uẩn, không phải cái thân thuộc 2525 năm về trước, mà chính là cái thân hiện tại của chúng ta, với sắc tướng như thế này, với cảm thọ như thế này, với tưởng tượng như thế này, với các hành như thế này, với các thức như thế này. Chính trên cái thân có mấy tầm này, có tư tâm sở (*Cetanā*: Hành uẩn) làm chủ yếu. Với tư tâm sở, thân làm điều ác, miệng nói điều ác, ý nghĩ ác, thời cảnh giới địa ngục, súc sanh hiện ra. Nếu với tư tâm sở, thân làm điều lành, miệng nói lời lành, ý suy nghĩ lành, thời thế giới chư thiên hiện ra ngay trong hiện tại. Với tư tâm sở ấy, nếu chúng ta sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, uống rượu men rượu nấu, chúng ta trở thành đê tiện nam, đê tiện nữ. Trái lại, chúng ta giữ trọn năm giới cấm, chúng ta trở thành thiên nam, thiên nữ. Cũng chính với cái thân mấy tầm này, chúng ta sống lành mạnh, chí thiện, hành trì Bốn thiền, Hiện tại lạc trú, hướng đến Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, thời chính cái thân này của chúng ta tỏa rộng ra Giới hương, Định hương, Tuệ hương, Giải thoát hương, Giải thoát tri kiến hương. Lời dạy của đức Phật chỉ cho chúng ta rõ đâu là con đường ác cần phải từ bỏ, đâu là con đường thiện cần phải thực hành, đâu là Giới Định Tuệ cần phải tu tập để hướng tiến trên con đường đạo. Với sự giải thoát và giác ngộ của Ngài, những lời dạy của Ngài bao giờ cũng thấm nhuần giải thoát và giác ngộ, cũng là những sức mạnh hướng dẫn đến giác ngộ giải thoát.

Viện Phật học Vạn Hạnh chúng tôi với tâm niệm đề cao và phổ biến Chánh pháp, luôn luôn cố gắng để phiên dịch Kinh tạng Pāli, xuất bản và phát hành dịch tạng này trong các ngày Lễ lớn, đặc biệt là ngày Phật đản. Những Kinh tạng này được sưu tầm và phổ biến trước khi đạo Phật chia thành Nam tông và Bắc tông, Đại thừa và Tiểu thừa, chứa đựng những lời dạy thật sự nguyên thủy, không rơi vào những chia ly của các học phái, những phát triển của Luận tạng.

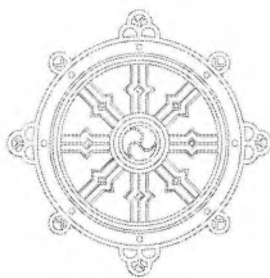
Chúng tôi có thể nói sự chia rẽ thành các học phái khác biệt như Thượng Tọa bộ, Đại Chúng bộ, Nhất Thiết Hữu bộ, v.v... Nam tông, Bắc tông, v.v... bắt nguồn từ Văn học Jātaka (Bổn sanh), Văn học Luật tạng (*Vinaya*) và Văn học Luận tạng (*Abhidhamma*). Do vậy Kinh tạng (*Suttanta*) nay đã được thế giới học Phật xem là những giáo lý căn bản chung cho tất cả các học phái, chung cho cả Nam tông, Bắc tông, chung cho cả Đại thừa và Tiểu thừa."

(*Lời Giới thiệu Kinh Tăng chi bộ*, tập IIA, 1981)

"Điều nổi bật trong các kinh này là nói lên được trí tuệ vô thượng của đức Phật, những điều Ngài dạy liên hệ đến con người chúng ta, đến đời sống hằng ngày của con người. Ngài khuyên chúng ta nên nhìn thẳng vào thực trạng cuộc đời, nhìn vấn đề sanh, lão, bệnh, tử, đang chi phối con người chúng ta, nhìn mà không hốt hoảng, lo sợ, than khóc như kẻ phàm phu, nhìn mà không kiêu mạn trong tuổi trẻ, trong sức khỏe, trong sự sống và làm các hành động bất thiện thuộc tham, sân, si như một số người đã làm. Đức Phật khuyên các Thánh đệ tử có học, có trí, nhìn thẳng vào thực trạng sanh, lão, bệnh, tử của con người, và khi sanh đến, già đến, bệnh đến, chết đến, không có hốt hoảng, không có lo sợ, không có than khóc, nhìn thẳng vào đời để tìm thấy con đường đưa đến diệt tận khổ đau. Các kinh như *Kinh Kakudha* thuộc chương V (kinh 100), hay *Kinh Đem lại An lạc* thuộc chương V (kinh 104) giới thiệu cho chúng ta rõ năm bậc đạo sư, và đức Phật là vị Đạo sư có giới thanh tịnh, có sanh mạng thanh tịnh, có tri kiến thanh tịnh và đức Phật đích thực là một Đạo sư đem lại an lạc của Sa-môn cho các bậc Sa-môn, Bà-la-môn.

Một số kinh cũng giới thiệu cho chúng ta rõ vai trò quan trọng của Chánh pháp (*Dhamma*) và đức Phật đã cung kính Pháp như thế nào, đã thuyết pháp cẩn thận như thế nào cho các loài chúng sanh và các loài hữu tình. Chính nghe pháp, thẩm sát ý nghĩa pháp được tuyên dạy đã giúp cho Thánh đệ tử đoạn được năm hạ phần kiết sử, đạt được vô thượng đoạn diệt sanh y, đưa đến chấm dứt sanh, lão, bệnh, tử, chấm dứt trọn vẹn khổ đau."

(*Lời Giới thiệu Kinh Tăng chi bộ*, tập IIB, 1981)



BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

A.	*Aṅguttara Nikāya* (*Kinh Tăng chi bộ*)
AA.	*Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tăng chi bộ*)
Ap.	*Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*)
ApA.	*Apadāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thánh nhân ký sự*)
Asl.	*Aṭṭhasālinī* (*Chú giải Pháp tụ*)
Bv.	*Buddhavaṃsa* (*Phật sử*)
BvA.	*Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phật sử*)
CNid.	*Cūḷaniddesa* (*Tiểu nghĩa thích*)
Cp.	*Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*)
CpA.	*Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Hạnh tạng*)
Cv.	*Cūḷavagga* (*Tiểu phẩm*)
Cvs.	*Cūḷavaṃsa* (*Tiểu sử*)
D.	*Dīgha Nikāya* (*Kinh Trường bộ*)
DA.	*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Dh.	*Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*)
DhA.	*Dhammapada Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Pháp cú*)
Dhs.	*Dhammasaṅgaṇī* (*Pháp tụ*)
Dpvs.	*Dīpavaṃsa* (*Đảo sử*)
Gāt.	*Gātha* (*Thera* và *Therī*): *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*
It.	*Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*)
J.	*Jātaka* (*Chuyện tiền thân của đức Phật*)
Kh.	*Khuddakapāṭha* (*Tiểu tụng*)
Kkvt.	*Kaṅkhāvitaraṇī* (*Giải nghi*)
Kvu.	*Kathāvatthu* (*Luận sự / Những điểm dị biệt*)

M.	*Majjhima Nikāya (Kinh Trung bộ)*
MA.	*Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Trung bộ)*
Mhbv.	*Mahābodhivaṃsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan)*
Mhvs.	*Mahāvaṃsa (Đại sử)*
Miln.	*Milindapañha (Mi-tiên vấn đáp)*
MNid.	*Mahāniddesa (Đại nghĩa thích)*
MT.	*Majjhima Nikāya Ṭīkā (Phụ chú giải Kinh Trung bộ)*
Mv.	*Mahāvagga (Đại phẩm)*
Nd.	*Niddesa (Nghĩa thích)*
NdA.	*Niddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Nghĩa thích)*
Netti.	*Nettipakaraṇa (Đạo luận)*
Patth.	*Paṭṭhāna (Luận Duyên hệ)*
Pe.	*Peṭakopadesa (Chú thích kinh tạng)*
Ps.	*Paṭisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo)*
PsA.	*Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo)*
Pug.	*Puggalapaññatti (Nhân thi thiết luận)*
PugA.	*Puggalapaññatti Aṭṭhakathā (Chú giải Nhân thi thiết luận)*
Pv.	*Petavatthu (Ngạ quỷ sự)*
S.	*Saṃyutta Nikāya (Kinh Tương ưng bộ)*
SA.	*Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ)*
Sn.	*Suttanipāta (Kinh tập)*
SnA.	*Suttanipāta Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh tập)*
Sum.	*Sumaṅgalavilāsinī (Chú giải Kinh Trường bộ)*
Thag.	*Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ)*
ThagA.	*Theragāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ)*
Thīg.	*Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)*
ThīgA.	*Therīgāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)*
Thūp.	*Thūpavaṃsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)*
Ud.	*Udāna (Cảm hứng ngữ)*
UdA.	*Udāna Aṭṭhakathā (Chú giải Cảm hứng ngữ)*
Uj.	*Upāsakajanālaṅkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)*
Vbh.	*Vibhaṅga (Phân tích)*

VbhA.	*Vibhaṅga Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phân tích*)
Vin.	*Vinaya Piṭaka* (*Luật tạng*)
VinA.	*Vinaya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Luật tạng*)
Vism.	*Visuddhimagga* (*Thanh tịnh đạo luận*)
Vv.	*Vimānavatthu* (*Thiên cung sự*)
VvA.	*Vimānavatthu Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thiên cung sự*)
Yam.	*Yamaka* (*Luận Song đối*)

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy.	*Divyāvadāna* (*Thiên cung sự*)
Mhvu.	*Mahāvastu* (*Đại sự*)
MPS.	*Mahāparinirvānasūtra* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*)

TÁC PHẨM TIẾNG ANH

BBS.	*Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhima Nikāya* (*Kinh Trung bộ*, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti)
BD.	*Book of Discipline* (*Luật tạng*)
BI.	*Buddhist India* (*Phật giáo Ấn Độ*)
BPE.	*Buddhist Manual of Psychological Ethics* (*Cẩm nang Tâm lý Đạo đức Phật giáo*)
Cpd.	*Compendium of Philosophy* (*Cương yếu triết học, Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasaṅgaha*)
DB.	*Dialogues of the Buddha* (*Kinh Trường bộ*)
Expos.	*Expositor* (*Chú giải Pháp tụ*)
GS.	*Gradual Sayings* (*Kinh Tăng chi bộ*)
KS.	*Kindred Sayings* (*Kinh Tương ưng bộ*)
MB.	*A Manual of Buddhism* (*Cẩm nang Phật giáo*)
MLS.	*Middle Length Sayings* (*Kinh Trung bộ*)
QKM.	*Questions of King Milinda* (*Mi-tiên vấn đáp*)
PC.	*Points of Controversy* (*Những điểm dị biệt*)
Pss. Breth.	*Psalms of the Brethern* (*Trưởng lão Tăng kệ*)
Pss. Sis.	*Psalms of the Sisters* (*Trưởng lão Ni kệ*)
SBB.	*Sacred Books of the Buddhists* (*Thánh điển Phật giáo*)

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại./T.	*Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經)
N.	*Nam truyền Đại tạng kinh* (南傳大藏經)
Biệt Tạp.	*Biệt dịch Tạp A-hàm kinh* (別譯雜阿含經)
Tăng.	*Tăng nhất A-hàm kinh* (增壹阿含經)
Tạp.	*Tạp A-hàm kinh* (雜阿含經)
Trung.	*Trung A-hàm kinh* (中阿含經)
Trường.	*Trường A-hàm kinh* (長阿含經)

TỪ ĐIỂN

BHSD.	*Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary* (*Từ điển Phật giáo Sanskrit lai tạo*)
CPD.	*Critical Pāli Dictionary* (*Từ điển Biện giải Pāli*)
DPPN.	*Dictionary of Pāli Proper Names* (*Từ điển Danh từ riêng Pāli*)
EB.	*Encyclopaedia of Buddhism* (*Bách khoa Từ điển Phật giáo*)
EPD.	*English-Pāli Dictionary* (*Từ điển Anh - Pāli*)
ERE.	*Encyclopedia of Religion and Ethics* (*Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức*)
PED.	*Pāli-English Dictionary* (*Từ điển Pāli - Anh*)

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ

PTS.	Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli)
JPTS.	*Journal of Pali Text Society* (*Tạp chí Hội Thánh điển Pāli*)
JRAS.	*Journal of the Royal Asiatic Society* (*Tạp chí Hội Hoàng gia Á châu*)
VRI.	Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán)

CÁC TỪ VIẾT TẮT

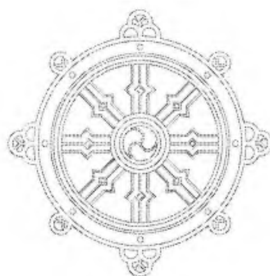
Tiếng Việt

S.	Tiếng Sanskrit	P.	Tiếng Pāli
H.	Tiếng Hán	E.	Tiếng Anh
TTL.	trước Tây lịch	TL.	Tây lịch
tr.	trang	Sđd.	Sách đã dẫn
NXB.	Nhà Xuất bản		

HT.	Hòa thượng	TT.	Thượng tọa
ĐĐ.	Đại đức	NS.	Ni sư
SC.	Sư cô	TS.	Tiến sĩ
ThS.	Thạc sĩ		

Tiếng Anh

AD. (*Anno Domini*)	Công nguyên
BC. (*Before Christ*)	trước Công nguyên
Cf. (*confer*)	Tham chiếu, so sánh
ed. (*by*)	biên tập (bởi)
etc. (*et cetera*)	vân vân… (v.v…)
f./ ff. (*following pages*)	trang kế tiếp/ các trang kế tiếp
ibid. (*ibidem*)	cùng trang đã dẫn/ như trên
n. (*note*)	chú thích
op. cit (*opere citato*)	sách đã dẫn
p./ pp. (*page/ pages*)	trang/ các trang
tr. (*by*)	dịch bởi
trans.	bản dịch
v. (verse)	câu kệ, bài thơ
vol./ vols. (*volume/ volumes*)	tập, quyển/ các tập, các quyển



DẪN LUẬN KINH TĂNG CHI BỘ

Tăng chi bộ (*Aṅguttara Nikāya*) là bộ kinh thứ tư trong năm bộ thuộc hệ thống Kinh tạng Nikāya của Phật giáo Thượng Tọa bộ (Theravāda). Theo tác phẩm *Diệu pháp yếu lược* (*Saddhammasaṅgaha*) của Ngài Dhammakitti Mahāsāmi, việc giữ gìn và truyền tụng *Tăng chi bộ* là do Tôn giả Anuruddha và Tăng chúng thuộc nhóm của Ngài thực hiện.

Trong Tổng quan về 5 bộ kinh Pāli, Ngài Ấn Thuận chủ trương rằng cả 5 bộ kinh này, trong đó có *Tăng chi bộ*, được bảo tồn và lưu truyền bởi Đồng Diệp bộ.[1] Chi tiết hơn, Ngài Ấn Thuận trích dẫn theo Ngài Buddhaghosa về việc có 4 hệ thống phụ trách 4 bộ kinh chính như sau:

(1) Hệ thống Ānanda phụ trách *Trường bộ*;

(2) Hệ thống Sāriputta phụ trách *Trung bộ*;

(3) Hệ thống Mahākassapa phụ trách *Tương ưng bộ*;

(4) Hệ thống Anuruddha phụ trách *Tăng chi bộ*.

Tăng chi bộ có một cấu trúc rất đặc thù vì bộ kinh vừa giống như một bản khái quát cô đọng, tóm tắt những giáo lý cơ bản, những đề tài quan trọng đã được trình bày rộng rãi ở trong *Trường bộ* (*Dīgha Nikāya*) và cả *Trung bộ* (*Majjhima Nikāya*). Không những vậy, *Tăng chi bộ* còn chuyển tải những nội dung vừa phong phú vừa rất mực chi tiết về những điều khoản giống với Luật tạng như vấn đề Tám pháp trọng yếu (*Aṭṭhagarudhamma*) của Tỳ-kheo-ni.

Tương tự truyền thống pháp số đi từ thấp lên cao như hai bản kinh cuối cùng trong *Trường bộ*,[2] *Tăng chi bộ* có cấu trúc từ Một pháp (*Ekakanipāta*) cho đến Mười một pháp (*Ekādasakanipāta*). Cấu trúc này cũng được thiết lập trong bộ kinh Hán tạng tương đương là *Tăng nhất A-hàm* (*Ekottarikāgama*), tuy nhiên trật tự pháp số cũng như sự sắp xếp về nội dung giữa hai bộ kinh này có nhiều điểm khác biệt nhau. *Tăng nhất A-hàm* được Ngài Saṃgharaksa (Tăng Hộ) khẩu truyền cho Ngài Saṃghadeva (Tăng-già-đề-bà) và được dịch sang tiếng Hán vào năm 397-98. Cả hai Ngài đều là người Kasmir (Kế-tân). Khi phiên dịch, dường như Ngài Saṃghadeva cũng sử dụng một phiên bản xưa hơn

[1] "Năm bộ bằng tiếng Pāli được bảo tồn một cách hoàn chỉnh do Đồng Diệp bộ (Tāmraṣāṭīyā) lưu truyền. Đây là việc làm hy hữu, không thể bỏ qua không tìm hiểu. Đồng Diệp bộ là một bộ phái của hệ Phân Biệt Thuyết (Vibhajyavāda), thuộc hệ Thượng Tọa bộ (Sthavira)." Hòa thượng Thích Ấn Thuận, *Lịch sử biên tập Thánh điển Phật giáo Nguyên thủy* (Thích Phước Sơn và các dịch giả khác), NXB. Phương Đông, 2015, tr. 681.

[2] *D.* 33, *Saṅgīti Sutta* (*Kinh Phúng tụng*) và *D.* 34, *Dasuttara Sutta* (*Kinh Thập thượng*).

do Ngài Dharmanandi (Đàm-ma-nan-đề) người Tokharian (Khương-cư) truyền khẩu lại. Rất tiếc, những bản gốc tiếng Sanskrit đều không còn, ngoài những bài kinh rời tìm được ở miền Đông Thổ Nhĩ Kỳ (Turkestan).[3] Truyền thống thiết lập nội dung dựa trên trật tự pháp số trong *Tăng chi bộ* cũng như *Tăng nhất A-hàm* là một trong những phương cách phổ biến để ghi nhớ và truyền bá kinh điển. Vì lẽ, trong thư tịch cổ văn của Ấn Độ, vấn đề này còn được phát hiện trong tác phẩm kinh điển *Sthānāṅgasūtra* và *Samavāyānga*[4] của Kỳ-na giáo (*Jain*) và cả trong chương *Udyoga Parva* của trường ca *Mahābhārata.*[5] Điều khác biệt là những nhà biên tập *Tăng chi bộ* cũng như *Tăng nhất A-hàm* đã đưa truyền thống pháp số vốn có trong nền văn học cổ đại Ấn Độ làm cấu trúc chủ đạo, xuyên suốt và chi phối toàn bộ.[6]

Vấn đề số lượng các kinh trong *Tăng chi bộ* cũng là một vấn đề nan giải, vì mãi đến hôm nay vẫn chưa có được một con số thống nhất. Quan điểm truyền thống dựa trên tuyên bố của Ngài Dhammakitti Mahāsāmi viết trong tác phẩm *Diệu pháp yếu lược* cho rằng có 9.557 kinh. Ấn bản hiện có của Tam tạng Tích Lan (*Sri Lanka Tipiṭaka*) chỉ ghi nhận có 8.777 kinh.[7] Trong tác phẩm *Phân tích Kinh tạng Pāli* (*An Analysis of the Pāli Canon*), tác giả Russell Webb đã thống kê có 3.208 kinh.[8] Trong bản dịch *Tăng chi bộ* từ Pāli sang Anh ngữ với tên gọi *The Numerical Discourses of the Buddha,* Bhikkhu Bodhi đã đếm được tổng số là 8.122 kinh. Trong số đó, có 4.250 kinh bị trùng lặp, thế nên thực tế chỉ có 3.872 kinh.[9] Con số tối thiểu mà học giả Maurice Winternitz đưa ra là 2.308 kinh.[10] Cách tính của Edmund Hardy lại cho ra con số 2.344,[11] con số này được *Bách khoa Từ điển Phật giáo* (*Encyclopaedia of Buddhism*) xuất bản tại Tích Lan tiếp nhận.[12] Trong bản dịch tiếng Việt *Tăng chi bộ* của Hòa thượng Thích Minh Châu, chúng tôi đếm được 7.231 kinh. Trên thực tế chỉ có 2.202 kinh, còn lại là những kinh giống như kinh trước nhưng chỉ khác một thuật ngữ hoặc một khái niệm nhỏ.

Truyền bản *Tăng chi bộ* được ghi lại đầu tiên bằng ngôn ngữ Sinhala do một nhóm các vị Tỳ-kheo tại Alu Vihāra gần Mātale thực hiện vào năm 454 sau khi đức Phật nhập Niết-bàn (35-32 BC.).[13] Đến cuối thế kỷ XIX, vào năm 1885,

[3] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. I (The Government of Ceylon, 1961-65), p. 630.

[4] Maurice Winternitz, *A History of Indian Literature*, vol. 2 (Delhi: Motilal Banarsidass, 1993), p. 63.

[5] Oskar von Hinüber, *Handbook of Pāli Literature* (Berlin: Walter de Gruyter, 1996), p. 40.

[6] *Op. cit.*

[7] Cf. https://www.accesstoinsight.org/.

[8] Russell Webb, *An Analysis of the Pāli Canon* (Kandy: Buddhist Publication Society, 1975), p. 26.

[9] Bhikkhu Bodhi, *The Numerical Discourses of the Buddha* (Somerville, Massachusetts: Wisdom Publications, 2012), p. 18.

[10] *Op. cit.*, tr. 58.

[11] Kanai Lal Hazra, *Pali Language and Literature*, vol. 1 (New Delhi: D. K. Printword Pvt. Ltd., 1994), p. 250.

[12] G. P. Malalasekera (ed.), *op. cit.*, tr. 629.

[13] Étienne Lamotte, *History of Indian Buddhism* (Paris: Institut Orientaliste Louvain La-Neuve, 1988), p. 558.

Hội Thánh điển Pali (PTS) đã tổ chức ấn hành bản *Tăng chi bộ* từ ngôn ngữ Pāli chuyển thể sang mẫu tự La-tinh do Richard Morris (1833-1894) biên tập. Sau đó, Hội PTS đã lần lượt ấn hành bản dịch Anh ngữ *Tăng chi bộ* với tựa đề *The Book of the Gradual Sayings* do tác giả F. L. Woodward (1871-1952) dịch tập I, tập II, tập V và tác giả E. M. Hare (1893-1955) dịch tập III và tập IV. Đến năm 2012, Bhikkhu Bodhi đã dịch lại *Tăng chi bộ* từ Pāli sang Anh ngữ với tựa đề *The Numerical Discourses of the Buddha*. Vào năm 2018, Bhikkhu Sujato dịch bản kinh này từ Pāli sang Anh ngữ với tựa đề *Numerical Discourses*. *Bách khoa Từ điển Phật giáo* tại Tích Lan cho rằng những tựa đề trên đều xuất phát từ tựa đề rất dài mà Max Müller trước kia đã sử dụng *Collection of Discourses in Divisions the Length of Which Increases by One*.[14] Tính đến ngày nay, *Tăng chi bộ* đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ trên thế giới như Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Nga, Hoa, Thái Lan, Indonesia… và gồm cả tiếng Việt.

Tăng chi bộ gồm những bài kinh ngắn và rất ngắn, tuy nhiên, cũng có nhiều bài kinh dài, thường được hỗ trợ bởi các đoạn kệ tụng.[15] Tất cả những bài kinh dù ngắn hay dài đều được sắp xếp theo hệ thống một cách cẩn thận.[16] Bimala Churn Law cho rằng, bộ kinh này từ *Trường bộ* và *Trung bộ* chia nhỏ mà có. Nhờ ngắn gọn nên có tác dụng giúp ích cho việc ghi nhớ, thuận tiện cho việc đọc tụng cũng như truyền dạy từ thầy xuống trò. Mặt khác, nhờ ngắn gọn nên từng đề tài nhỏ trong kho tàng giáo pháp được nhấn mạnh đầy đủ,[17] cụ thể như trường hợp mỗi một triền cái trở thành đề tài của một bài kinh.

Nội dung của *Tăng chi bộ* vô cùng đa dạng, phong phú, ngoài giáo pháp còn có những mảng liên quan đến triết học, đạo đức học,[18] văn hóa, luật pháp[19] và công ích xã hội.[20] *Tăng chi bộ* không chỉ hàm chứa nội dung có giá trị rất riêng, soi sáng về lịch sử phát triển của Phật giáo,[21] mà còn có nhiều nội dung tương thông với Luật tạng, nhất là với *Suttavibhaṅga*[22] và Luận tạng, đặc biệt với bộ *Puggalapaññatti* (Nhân chế định),[23] nhưng nhiều nhất vẫn là sự tương thông với các bộ kinh khác. Về mặt ngôn ngữ và văn phong, *Tăng chi bộ* gần như không có gì khác biệt với 3 bộ kinh trước vì cả 4 bộ kinh này đều có chung một nguồn tư liệu là nền văn học Phật giáo Nguyên thủy[24] trong dạng truyền khẩu. Ngài Ấn Thuận đã liệt kê 215 trường hợp của *Tăng chi bộ* có cùng nội dung với

---

[14] *Op. cit.*

[15] Maurice Winternitz, *A History of Indian Literature*, vol. 2 (Delhi: Motilal Banarsidass, 1993), p. 59.

[16] Kanai Lal Hazra, *Pali Language and Literature*, vol. 1 (New Delhi: D. K. Printword Pvt. Ltd., 1994), p. 250.

[17] Bimala Churn Law, *A History of Pali Literature* (Varanasi: Indica Books, 2000), p. 203.

[18] *Op. cit.*, p. 252.

[19] Bimala Churn Law, *op. cit.*, p. 203.

[20] *Op. cit.*

[21] *Op. cit.*

[22] *Op. cit.*, pp. 202-03. Kanai Lal Hazra, *op. cit.*, p. 251.

[23] Bimala Churn Law, *op. cit.*, p. 203.

[24] G. P. Malalasekera (ed.) *op. cit.*, p. 630. Kanai Lal Hazra, *op. cit.*, p. 251.

Trung A-hàm kinh.[25] Nhiều trường hợp khác, *Tăng chi bộ* có cùng nội dung với *Tăng nhất A-hàm kinh*, *Như thị ngữ kinh* và *Bổn sự kinh.*[26]

Cả Bimala Churn Law và Kanai Lal Hazra[27] đều chia sẻ một bản liệt kê giống nhau về việc phân bố của các phần (*nipāta*), phẩm (*vagga*), quyển (*nikāya*) và trang của ấn bản PTS như sau:

Stt	Phần	Phẩm	Quyển	Trang
1	Một pháp	21	I	01 – 46
2	Hai pháp	16	I	47 – 100
3	Ba pháp	16	I	101 – 304
4	Bốn pháp	26	II	01 – 257
5	Năm pháp	26	III	01 – 278
6	Sáu pháp	12	III	279 – 452
7	Bảy pháp	09	IV	01 – 149
8	Tám pháp	09	IV	150 – 350
9	Chín pháp	09	IV	351 – 466
10	Mười pháp	22	V	01 – 310
11	Mười một pháp	03	V	311 – 361

Bản dịch tiếng Việt *Tăng chi bộ* do Hòa thượng Thích Minh Châu thực hiện vào năm 1976 và đã ấn hành lần đầu tiên vào năm 1980 trong hình thức lưu hành nội bộ. Trải qua nhiều lần hiệu đính được thực hiện bởi chính dịch giả và các vị được giao phó, *Tăng chi bộ* trong bản in năm 2020 có bổ sung một số phụ chú tham chiếu Pāli, Hán cổ và bản tiếng Anh mà Ngài đã sử dụng tham khảo trong quá trình dịch thuật.

Ấn bản lần này gom thành 1 tập và có số phẩm, số trang như sau:

Stt	Phần	Phẩm	Trang
1	Một pháp	20	01 – 47
2	Hai pháp	19	49 – 92
3	Ba pháp	18	93 – 267
4	Bốn pháp	28	269 – 497
5	Năm pháp	29	499 – 710
6	Sáu pháp	13	711 – 827
7	Bảy pháp	11	829 – 929
8	Tám pháp	11	931 – 1053

[25] Ấn Thuận, *Lịch sử Biên tập Thánh điển Phật giáo Nguyên thủy* (TP. HCM: NXB. Phương Đông, 2015), tr. 984-87.

[26] Ấn Thuận, *op. cit.*, tr. 1044-46.

[27] Bimala Churn Law, *op. cit.*, p. 192. Kanai Lal Hazra, *op. cit.*, p. 253.

9	Chín pháp	10	1055 – 1131
10	Mười pháp	23	1133 – 1319
11	Mười một pháp	04	1321 – 1350

Nội dung của *Tăng chi bộ* được tóm tắt như sau:

1. Chương Một pháp (*Ekakanipāta*) gồm những chủ đề: Sức mạnh và tai hại của ngũ dục; Các trạng thái thiền định; Bản chất và sức mạnh của tâm khi được tu tập cũng như xác định đúng hướng và ngược lại; Những thành tựu đúng nghĩa và những mất mát vô nghĩa; Những lợi ích và bất lợi; Những bậc Thánh tiêu biểu trong giáo pháp, từ đức Phật đến Thánh chúng và các vị cư sĩ tại gia; Những sự kiện không xảy ra và có xảy ra; Sự đặc thù của chánh kiến và tà kiến; Sức mạnh của không phóng dật, tinh tấn và thiền định.

"*Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói, nhưng tâm này bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào*" (*A*. I. 10).

2. Chương Hai pháp (*Dukanipāta*) gồm những chủ đề: Nhân quả và tội báo; Nền tảng đạo đức; Hai loại sức mạnh; Hai cách thuyết pháp; Vai trò của văn cú và nội dung ý nghĩa; Tri ân và báo ân; Định danh Trưởng lão; Các loại hội chúng; Các loại hỷ lạc; Các loại hy vọng; Các loại bố thí; Bậc Thánh và sự giác ngộ; Thanh tịnh thì không sợ hãi; Hiền trí và kẻ ngu; Thiền định và các tâm hộ trì; Phẫn nộ và hiềm hận; Nguyên nhân chế giới.

"*Hai pháp trắng này, này các Tỷ-kheo, che chở cho thế giới. Thế nào là hai? Tàm và quý*" (*A*. I. 51).

3. Chương Ba pháp (*Tikanipāta*) gồm những chủ đề: Kẻ ngu và người trí; Ba thời điểm cần ghi nhớ; Bài học từ người đóng bánh xe; Bài học từ người buôn bán; Những loại người xuất hiện trên đời, những loại người nên và không nên gần gũi; Nghệ thuật giao tiếp; Con cái tôn kính cha mẹ như Phạm thiên; Thế nào gọi là an lạc; Gia đình hiền thiện; Điều kiện sống của đức Phật trước khi xuất gia; Ba minh của Bà-la-môn và Ba minh của bậc Thánh; Ba loại thần thông; Biện minh về tạo hóa; Sư tử và dã can; Tự biết rõ rồi hãy tin; Sơ khởi về Nhân minh luận; Các loại trai giới; Các loại hương; Tăng thượng tam học; Vải thô và lụa là; Nắm muối và chén nước; Lọc tâm như lọc vàng; Ba hạng Đạo sư; Tự ngã thối nát; Ba loại chữ viết; Chiến sĩ và Tỳ-kheo; Tam pháp ấn; Thuần hóa ngựa rừng; Các loại đạo lộ.

"*Như vậy, này Ānanda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt*" (*A*. I. 223).

4. Chương Bốn pháp (*Catukkanipāta*) gồm những chủ đề: Giới, Định, Tuệ và Giải thoát; Bậc trí tuệ và đa văn như vàng ròng ở cõi Diêm-phù; Bốn vô sở úy; Bốn chánh cần; Tôn trọng và nương tựa pháp; Bốn pháp tác thành bậc Trưởng lão; Mục đích của Phạm hạnh; Bốn Thánh chủng; Bốn nhiếp pháp; Đức Phật là ai; Bốn cách trả lời; Nguồn cội của phước đức; Bốn cách sống chung;

Bốn pháp bố thí; Bổn phận của cư sĩ; Pháp rải tâm từ; Sự vi diệu của Như Lai; Cách thức thuyết pháp; Đạo lộ tu hành; Cơ sở xác định giáo pháp; Lắng nghe, tụng đọc, suy gẫm cách thức để thể nhập pháp; Hiểu rồi hãy nên tin; Nguyên nhân đẹp và xấu; Bốn loại nghiệp; Bốn quả Sa-môn.

"*Cũng vậy, này Bà-la-môn, sanh ra trong đời, lớn lên trong đời, Ta sống chinh phục đời, không bị đời thấm ướt. Này Bà-la-môn, Ta là Phật, hãy như vậy thọ trì*" (*A*. II. 37).

5. Chương Năm pháp (*Pañcakanipāta*) gồm những chủ đề: Năm sức mạnh; Dạy bảo cứng rắn; Biết sống hòa hợp; Uế nhiễm của tâm; Năm xứ giải thoát; Lợi ích của kinh hành; Công đức bố thí; Pháp của nàng dâu; Ý nghĩa sinh con trai; Phương cách gầy dựng tài sản; Bố thí vật khả ý; Năm loại Thánh tài; Mũi tên sầu muộn; Năm chướng ngại bao phủ tâm; Xuất gia khi tuổi xế chiều; Sống theo pháp; Năm hạng chiến sĩ; Sống ở trong rừng; Trưởng lão kỳ cựu; Mất thần thông vì danh lợi; Phương thức của kẻ trộm; Sống theo Giới bổn; Chăm sóc bệnh; Phương pháp gia tăng tuổi thọ; Tội ngũ nghịch; Tổn thất và thành tựu; Bậc Chuyển Luân Vương; Con voi của nhà vua; Bố thí của bậc Chân nhân; Diệu pháp hỗn loạn; Cách thức thuyết pháp; Trừ khử hiềm hận; Kẻ bị vất bỏ; Năm việc không kinh doanh; Hạng người sống ở rừng; Cựu pháp của Bà-la-môn; Các hạng Bà-la-môn; Bà-la-môn và chú thuật; Giấc mộng của Bồ-tát; Năm tính chất của lời nói; Lợi ích của cháo; Lợi ích của tăm xỉa răng; Thuyết pháp với giọng ca; Tham luyến trú xứ.

"*Nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa, nói lời liên hệ đến lợi ích, nói với lời từ tâm*" (*A*. III. 243).

6. Chương Sáu pháp (*Chakkanipāta*) gồm những chủ đề: Cung kính bậc đáng cung kính; Các căn và các lực; Con ngựa của nhà vua; Sáu nguyên tắc sống chung; Giáo giới khi lâm chung cho hàng cư sĩ, Tỳ-kheo; Nghề nghiệp và ác nghiệp; Tu tập niệm chết; Thời gian thích hợp để tu hành; Sáu chỗ tùy niệm; Sáu pháp minh phần; Vô nhân luận của Bà-la-môn; Nguyên nhân để Diệu pháp tồn tại; Trú xứ mà Phật hoan hỷ; Xác tín về quả Dự lưu; Đau khổ của kẻ nghèo khổ; Bình đẳng tư duy; Phòng hộ các căn; Không phóng dật; Đồng Phạm hạnh phải kính trọng nhau; Tiếng đàn của Soṇa; Đoạn trừ lậu hoặc; Hoàn tục và xuất gia; Con đường đi đến bờ kia; Pháp môn quyết trạch; Sáu lực của Như Lai; Điều kiện để chứng quả Bất lai và A-la-hán; Điều kiện để an trú Sơ thiền; Thành tựu sự thanh lương; Quyết định tánh của sự nghe pháp; Hành động của người có chánh kiến; Chứng quả Dự lưu.

"*Khi tinh cần tinh tấn quá căng thẳng, thời đưa đến dao động; khi tinh cần tinh tấn quá thụ động, thời đưa đến biếng nhác*" (*A*. III. 375).

7. Chương Bảy pháp (*Sattakanipāta*) gồm những chủ đề: Bảy tài sản của bậc Thánh; Phiền não tiềm phục; Điều kiện trở thành gia đình thuần lương; Ví dụ người và nước; Bảy pháp bất thối của một quốc gia và của vị Tỳ-kheo; Bảy

giác chi; Lời nói vắn tắt nhưng ý nghĩa rộng lớn; Những điều kiện để trở thành bạn tốt; Điều kiện đạt được bốn vô ngại giải; Thiện xảo trong thiền định; Bảy chỗ thức trú; Bảy loại lửa và lợi ích của chúng; Bảy loại tưởng; Thế nào là sống Phạm hạnh; Pháp môn hệ lụy và ly hệ lụy; Bố thí với ý nghĩa lớn; Nguồn gốc của sự hồi hướng công đức; Những sự kiện Như Lai không trả lời; Bảy sanh thú của loài người; Kết quả hiện tại của sự bố thí; Như Lai không che đậy và không phạm lỗi; Những phương pháp ngăn ngừa buồn ngủ; Bảy hạng vợ; Ước muốn của kẻ thù địch; Tàm quý và cơ sở để chế ngự các căn; Bảy mặt trời; Phòng hộ vững chãi như thành trì ngoài biên ải; Bảy pháp cần thắng tri; Cây Trú Độ của chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba; Tỳ-kheo phải kính trọng ai; Tùy thuận tu tập; Sự nguy hiểm của cung kính và lợi dưỡng; Ngoại đạo ly tham Araka dạy đệ tử; Để xứng đáng là bậc trì Luật; Bảy pháp diệt trừ sự tranh cãi; Người xứng đáng được cung kính.

"*Như giọt sương là đời sống loài người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não*" (*A*. IV. 136).

8. Chương Tám pháp (*Aṭṭhakanipāta*) gồm những chủ đề: Lợi ích của lòng từ; Tám nhân duyên thành tựu Phạm hạnh; Tám pháp xoay chuyển thế gian; Khi tâm bị chinh phục; Những phẩm hạnh của Tôn giả Nanda; Tỳ-kheo giả dạng; Các triết phái công kích đức Thế Tôn; Tướng quân Sīha quy y với Thế Tôn; Con ngựa thuần phục, con ngựa chưa được điều phục và các hạng Tỳ-kheo; Vô minh và cấu uế; Điều kiện để trở thành sứ giả; Sự trói buộc giữa nam và nữ; Tám tính chất của biển và giáo pháp; Điều kiện để Bố-tát; Ugga và Hatthaka, những cư sĩ lý tưởng; Định nghĩa về cư sĩ; Tám sự kiện phi thời cho đời sống Phạm hạnh; Tư niệm về pháp của Tôn giả Anuruddha; Những lý do phải bố thí và làm phước; Thửa ruộng và vị Tỳ-kheo; Tám nguồn nước công đức; Quả dị thục của hành động ác; Tám chi trai giới và công đức thực hành; Tám pháp để nữ nhân sanh thiên; Các pháp giúp người phụ nữ sống tự chủ; Sự thành lập Ni đoàn và tám pháp trọng yếu; Những điều kiện để người cư sĩ sống hạnh phúc, an lạc ngay trong hiện tại và tương lai; Đạo và Quả của bậc Thánh; Điều kiện cần của vị giảng sư; Giao thiệp với chư thiên; Tám thắng xứ; Tám giải thoát; Tám Thánh ngôn; Hội chúng của đức Phật; Lời hứa của đức Phật; Lòng tin; Tu tập niệm chết; Chỗ dựa của biếng nhác và tinh tấn; Cội rễ của sự vật; Pháp của kẻ trộm; Các tên gọi khác của Như Lai; Trú xứ được đức Phật khen ngợi; Pháp trách phạt cư sĩ; Pháp yết-ma cử tội; Các nữ cư sĩ tiêu biểu.

"*Trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thục là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thình lình*" (*A*. IV. 197).

9. Chương Chín pháp (*Navakanipāta*) gồm những chủ đề: Chín pháp y cứ để thành tựu Chánh giác phần; Các pháp đưa đến tâm giải thoát; Nghe pháp đúng thời và đàm luận pháp đúng thời; Thành tựu bốn sức mạnh; Pháp cần phải thân cận và không cần phải thân cận; Bậc A-la-hán không còn lỗi lầm; Chín hạng người; Phẩm hạnh của Tôn giả Sāriputta; Những lý do để sống Phạm hạnh;

Hỏi đáp với Tôn giả Samiddhi; Thân thể như ung nhọt; Chín loại tưởng; Những gia đình vị Tỷ-kheo nên đến và không nên đến; Tám pháp trai giới và bốn tâm vô lượng; Sự hối hận của chư thiên; Phân biệt bố thí; Chín chỗ cư trú của loài hữu tình; Tâm vững chãi như trụ đá; Chín cách nghĩ gây xung đột và cách điều phục; Đoạn diệt và an trú tuần tự; Niết-bàn là an lạc; Trí tuệ thể nhập và khởi xuất thiền chứng; Đúng sai và hý luận; Trận chiến giữa chư thiên và a-tu-la; Hạnh sống độc cư thiền tịnh của vị Tỷ-kheo; Thế nào là an tịnh?; Trói buộc và giải thoát; Thế nào gọi là thân chứng, tuệ giải thoát và giải thoát cả hai phần; Năm hạ phần kiết sử và năm thượng phần kiết sử; Năm tâm hoang vu và bốn niệm xứ.

"*Pháp là chính thực mình thấy, pháp là thiết thực hiện tại*" (*A*. IV. 453).

10. Chương Mười pháp (*Dasakanipāta*) gồm những chủ đề: Sự phát triển tuần tự của thiện pháp; Hữu diệt là Niết-bàn; Trú xứ lý tưởng; Năm tâm hoang vu và năm tâm triền phược; Không phóng dật là chỗ quy tụ của thiện pháp; Mười bậc xứng đáng được cúng dường; Mười chỗ cư trú của bậc Thánh; Mười lực và mười trí như thật của Như Lai; Mười đề mục (biến xứ) để tu thiền; Tối thượng và hạ liệt; Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) tán thán đức Thế Tôn; Mười lý do chế giới; Người hòa giải; Tư cách làm Thầy; Phá hòa hợp Tăng; Cội gốc của tranh luận; Quán sát kỹ rồi hãy buộc tội; Nguy hiểm khi thân cận vương quyền; Tự soi sáng tâm mình; Các pháp lấy Niết-bàn làm cứu cánh; Mười tưởng và việc trị bệnh; Thức ăn của vô minh và minh; Giải thích thêm về bốn bậc Thánh; Ước nguyện đúng pháp; Tiếng ồn là cây gai của thiền định; Hạnh nghiệp và nơi tái sinh; Con quạ và vị Tỳ-kheo; Mười hạng người hưởng dục; Chấp thủ của ngoại đạo; Rừng núi làm loạn tâm vị Tỳ-kheo chưa chứng thiền định; Định nghĩa về tẩy trần; Thuốc xổ của bậc Thánh; Ngày xuất ly của Bà-la-môn và của bậc Thánh; Tịnh hạnh và bất tịnh hạnh; Cúng cho người chết; Pháp môn quanh co và pháp môn Chánh pháp.

"*Với người sống Phạm hạnh, thân cận với phụ nữ là cây gai. Với người chứng Thiền thứ nhất, tiếng ồn là cây gai. Với người chứng Thiền thứ hai, tâm tứ là cây gai. Với người chứng Thiền thứ ba, hỷ là cây gai. Với người chứng Thiền thứ tư, hơi thở là cây gai. Với người đã đạt được Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ là cây gai. Tham là cây gai. Sân là cây gai. Si là cây gai*" (*A*. V. 133).

11. Chương Mười một pháp (*Ekādasakanipāta*) gồm những chủ đề: Sự sinh khởi tuần tự các thiện pháp; Những tai họa khi xúc phạm bậc Thánh; Tác ý và không tác ý; Thiền tư thuần thục; Bậc Minh Hạnh Tròn Đầy; Các pháp tùy niệm; An trú với lòng tin và những pháp liên hệ; Những lợi ích khi tu tập lòng từ; Cánh cửa bất tử; Pháp của người chăn bò; Các trạng thái thiền định; Thắng tri tham ái.

"*Sát-ly, chúng tối thắng,*
Với người tin chủng tánh,
Bậc Minh Hạnh Đầy Đủ,
Tối thắng giữa nhân, thiên" (*A*. V. 326).

Kết luận

Với điều kiện không có nhiều tùy chọn trong việc ghi nhớ và giữ gìn lời dạy của đức Phật, thì việc sắp xếp nội dung theo pháp số tăng dần của *Tăng chi bộ* là một kết cấu đặc thù, đã góp phần gìn giữ được sự toàn vẹn của giáo pháp. Mặc dù cách trình bày mang tính vắn tắt, cô đọng nhưng *Tăng chi bộ* đã chuyển tải được rất nhiều nội dung quan trọng trong giáo lý Phật giáo. Ngoài những quy định chi tiết, cụ thể như các điều luật dành cho giới xuất gia và cư sĩ tại gia, cho đến những phân tích sâu xa về sự vận hành của tâm thức, bản kinh này đặc biệt chứa đựng nhiều nội dung rất thiết thực, liên quan đến người cư sĩ lý tưởng trong việc sống có đạo đức, cách tạo dựng tài sản, xây dựng gia đình, xã hội lành mạnh, phụng sự Tam bảo và tha nhân. Những vấn đề này có ý nghĩa vô cùng thực tiễn, có giá trị ứng dụng vượt thời gian và không gian, nhất là trong thời đại hiện nay, cuộc sống muôn màu, muôn vẻ.

Về phương diện pháp hành, *Tăng chi bộ* chứa đựng rất nhiều phương pháp hành trì mà đức Phật đã giảng dạy. Từ những cách thức tu tập đơn giản nhất như tụng kinh, niệm Phật, hồi hướng công đức cho đến những pháp hành mang tính phổ quát như thiền Tứ niệm xứ, thiền Chánh niệm… người học Phật nếu có đủ trí tuệ và đủ duyên vẫn có thể tự mình trải nghiệm và thành tựu được những pháp tu này, sau khi đã đọc kỹ và chiêm nghiệm *Tăng chi bộ*.

Xét về phương diện lịch sử, văn hóa, bản dịch tiếng Việt *Tăng chi bộ* của Hòa thượng Thích Minh Châu là một đóng góp to lớn và có ý nghĩa về nhiều mặt. Ở đây, việc giữ gìn và lưu bố bản kinh này, không những là một việc làm nhằm thể hiện lòng tri ân đối với các bậc tiền nhân mà còn là bổn phận và trách nhiệm đối với tương lai của Phật giáo Việt Nam.

Mặc dù cách thời đức Phật đã xa nhưng khi khảo cứu về phương diện lịch sử truyền thừa, có thể thấy rằng, lời dạy của đức Phật trong *Tăng chi bộ* vẫn còn giữ được nguyên vẹn tính chân thực. Bởi lẽ, những lời dạy đó hoàn toàn phù hợp và trùng khớp khi so sánh với Pháp và Luật được trình bày trong các kinh.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2020

Cẩn soạn

TT. TS. THÍCH MINH THÀNH

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I - MỘT PHÁP

CHƯƠNG II - HAI PHÁP

CHƯƠNG III - BA PHÁP

CHƯƠNG IV - BỐN PHÁP

CHƯƠNG V - NĂM PHÁP

CHƯƠNG VI - SÁU PHÁP

NĂM MƯƠI KINH THỨ NHẤT

NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI

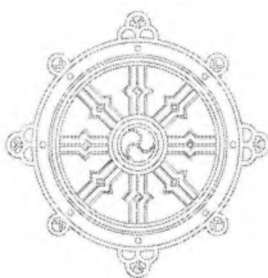
CHƯƠNG VII - BẢY PHÁP

CHƯƠNG VIII - TÁM PHÁP

CHƯƠNG IX - CHÍN PHÁP

CHƯƠNG X - MƯỜI PHÁP

CHƯƠNG XI - MƯỜI MỘT PHÁP



CHƯƠNG I
MỘT PHÁP (*EKAKANIPĀTA*)

I. PHẨM SẮC
(*RŪPĀDIVAGGA*)[1] (*A*. I. 1)

1. Tôi nghe như vầy.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ta không thấy một sắc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông như sắc của người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, sắc của người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.

2. Ta không thấy một tiếng nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm[2] người đàn ông như tiếng của người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, tiếng của người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.

3. Ta không thấy một hương nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông như hương của người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, hương của người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.

4. Ta không thấy một vị nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông như vị của người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, vị của người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.

5. Ta không thấy một xúc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông như xúc của người đàn bà. Này các Tỷ-kheo, xúc của người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.

6. Ta không thấy một sắc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà như sắc của người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, sắc của người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà.

---

[1] Trong bản tiếng Anh của PTS, 10 kinh (từ 1-10) được trình bày liên tục với tên nhóm: *Form and the Rest*, nghĩa là *Sắc và phần còn lại*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.9.7. 0563a13); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.9.8. 0563a27).

[2] *Cittaṃ pariyādāya tiṭṭhati*. Xem *S*. II. 235; *KS*. III. 17ff.

7. Ta không thấy một tiếng nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà như tiếng của người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, tiếng của người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà.

8. Ta không thấy một hương nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà như hương của người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, hương của người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà.

9. Ta không thấy một vị nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà như vị của người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, vị của người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà.

10. Ta không thấy một xúc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà như xúc của người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, xúc của người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà.



II. PHẨM ĐOẠN TRỪ TRIỀN CÁI (*NĪVARAṆAPPAHĀNAVAGGA*)[3] (*A*. I. 3)

11. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, dẫn đến dục tham[4] chưa sanh được sanh khởi, hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỷ-kheo, như tịnh tướng (*subhanimittaṃ*). Tịnh tướng, này các Tỷ-kheo, nếu không như lý tác ý, thời dục tham chưa sanh được sanh khởi, hay dục tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

12. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến sân chưa sanh được sanh khởi, hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỷ-kheo, như đối ngại tướng (*paṭighanimittaṃ*). Đối ngại tướng, này các Tỷ-kheo, nếu không như lý tác ý, thời sân chưa sanh được sanh khởi, hay sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

13. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi, hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỷ-kheo, như không hân hoan, biếng nhác, chán nản, ăn quá no và tâm thụ động. Với người có tâm thụ động, này các Tỷ-kheo, hôn trầm thụy miên chưa sanh được sanh khởi, hay hôn trầm thụy miên đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

14. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến trạo hối chưa sanh được sanh khởi, hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỷ-kheo, như tâm không tịnh chỉ. Với người tâm không tịnh chỉ, này các Tỷ-kheo, trạo hối chưa sanh được sanh khởi, hay trạo hối đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

15. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỷ-kheo, như không như lý tác ý. Do không như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, nghi hoặc chưa sanh được sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

16. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến dục tham chưa sanh không sanh khởi, hay dục tham đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như bất tịnh tướng. Bất tịnh tướng, này các Tỷ-kheo, nếu như lý tác ý, thời dục tham chưa sanh không sanh khởi, hay dục tham đã sanh được đoạn tận.

[3] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.9.9-10. 0563b11-23).

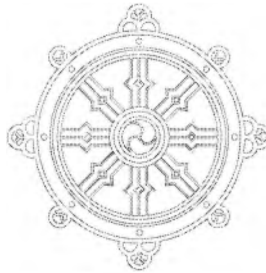
[4] *AA*. I. 30 viết *kāmacchanda* (ham muốn hưởng dục) bao gồm *kāmarāga* (tham dục), *kāmanandī* (thích dục), *kāmataṇhā* (khát dục).

17. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến sân chưa sanh không sanh khởi, hay sân đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như từ tâm giải thoát. Từ tâm giải thoát, này các Tỷ-kheo, nếu như lý tác ý, thời sân chưa sanh không sanh khởi, hay sân đã sanh được đoạn tận.

18. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến hôn trầm thụy miên chưa sanh không sanh khởi, hay hôn trầm thụy miên đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như tinh cần giới, tinh tấn giới, dõng mãnh giới.[5] Đối với người tinh cần tinh tấn, này các Tỷ-kheo, hôn trầm thụy miên chưa sanh không sanh khởi, hay hôn trầm thụy miên đã sanh được đoạn tận.

19. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến trạo hối chưa sanh không sanh khởi, hay trạo hối đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như tâm tịnh chỉ. Đối với người tâm tịnh chỉ, này các Tỷ-kheo, trạo hối chưa sanh không sanh khởi, hay trạo hối đã sanh được đoạn tận.

20. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến nghi hoặc chưa sanh không sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như như lý tác ý. Đối với người như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, nghi hoặc chưa sanh không sanh khởi, hay nghi hoặc đã sanh được đoạn tận.



[5] *Ārambhadhātu nikkamadhātu parakkamadhātu*. Xem *KS*. V. 54; *Vism*. I. 131-33.

III. PHẨM KHÓ SỬ DỤNG
(*AKAMMANIYAVAGGA*)[6] (*A*. I. 5)

21. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại khó sử dụng, này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập. Tâm không được tu tập, này các Tỷ-kheo, khó sử dụng.

22. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại dễ sử dụng, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập. Tâm được tu tập, này các Tỷ-kheo, dễ sử dụng.

23. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến bất lợi lớn (*anatthāya*), này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập. Tâm không được tu tập, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

24. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập. Tâm được tu tập, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

25. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập, không được làm cho hiển lộ.[7] Tâm không được tu tập, không được làm cho hiển lộ, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

26. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập, được làm cho hiển lộ. Tâm được tu tập, được làm cho hiển lộ, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

27. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập, không được làm cho sung mãn (*abahulīkataṃ*). Tâm không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

28. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập, được làm cho sung mãn. Tâm được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

29. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đem lại đau khổ, này các Tỷ-kheo, như tâm không được tu tập, không được làm cho sung mãn. Tâm không được tu tập, không được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đem lại đau khổ.

---

[6] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.5-6. 0566c09-16).

[7] *Apātubhūtaṃ*. *Chú giải* giải thích rằng: "Tâm bị ràng buộc theo vòng luân hồi, không thể vượt thoát khỏi, không thể được tự tại trong cảnh thanh tịnh như Đạo, Niết-bàn." *Chú giải* trích dẫn lời của Tôn giả Phusamitta: "Tâm được tu tập trong Chánh pháp sẽ được làm cho hiển lộ."

30. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đem lại an lạc, này các Tỷ-kheo, như tâm được tu tập, được làm cho sung mãn. Tâm được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đem lại an lạc.



IV. PHẨM KHÔNG ĐIỀU PHỤC
(*ADANTAVAGGA*) (*A*. I. 6)

31. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được điều phục. Tâm không được điều phục, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

32. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được điều phục. Tâm được điều phục, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

33. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được hộ trì. Tâm không được hộ trì, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

34. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được hộ trì. Tâm được hộ trì, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

35. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được phòng hộ. Tâm không được phòng hộ, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

36. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được phòng hộ. Tâm được phòng hộ, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

37. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được bảo vệ. Tâm không được bảo vệ, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

38. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được bảo vệ. Tâm được bảo vệ, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

39. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm không được điều phục, không được hộ trì, không được phòng hộ, không được bảo vệ. Tâm không được điều phục, không được hộ trì, không được phòng hộ, không được bảo vệ, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

40. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như tâm được điều phục, được hộ trì, được phòng hộ, được bảo vệ. Tâm được điều phục, được hộ trì, được phòng hộ, được bảo vệ, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

V. PHẨM ĐẶT HƯỚNG VÀ TRONG SÁNG (*PAṆIHITAACCHAVAGGA*)[8] (*A*. I. 8)

41. Ví như, này các Tỷ-kheo, sợi râu của lúa mì,[9] hay sợi râu của lúa mạch bị đặt sai hướng, khi tay hay chân đè vào, có thể bị đâm thủng, hay có thể làm đổ máu; sự tình này không xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì sợi râu bị đặt sai hướng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với tâm bị đặt sai hướng, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, có thể chứng đạt Niết-bàn; sự tình này không xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm bị đặt sai hướng.

42. Ví như, này các Tỷ-kheo, sợi râu của lúa mì hay sợi râu của lúa mạch được đặt đúng hướng, khi tay hay chân đè vào, có thể bị đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm cho đổ máu; sự tình này có xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì sợi râu được đặt đúng hướng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với tâm được đặt đúng hướng, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, có thể chứng đạt Niết-bàn; sự tình này có xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm được đặt đúng hướng.

43. Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta biết tâm một người là uế nhiễm, Ta rõ biết: "Nếu trong thời gian này, người này mệnh chung, người như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục."[10] Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng tâm người ấy uế nhiễm.

Cũng do tâm uế nhiễm làm nhân như vậy, này các Tỷ-kheo, một số loài hữu tình ở đời, sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

44. Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta biết tâm một người là thanh tịnh, Ta rõ biết: "Nếu trong thời gian này, người này mệnh chung, người như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới." Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng tâm người ấy thanh tịnh.

Cũng do tâm thanh tịnh làm nhân như vậy, này các Tỷ-kheo, một số loài hữu tình ở đời, sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi thiện, cõi trời, cõi đời này.

---

[8] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.9.5. 0562c18); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.9.6. 0563a01). *Acchanna*: Không bị che phủ, chỉ cho nước không bị bọt nước che phủ.

[9] Xem *S*. V. 10.

[10] *AA*. I. 57: *Yathābhataṃ nikkhittoti yathā āharitvā ṭhapito* ("Tương xứng rơi xuống" nghĩa là khi mang theo [tâm uế nhiễm], phải bị rơi xuống [địa ngục]). Xem *M*. I. 71.

45. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước uế nhớp, bị khuấy động, đục bùn. Tại đấy, có người có mắt, đứng trên bờ, không thể thấy các con ốc, các con sò, các hòn sạn, các hòn sỏi, các đàn cá qua lại, đứng yên.[11] Vì cớ sao? Vì nước bị khuấy đục. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với tâm bị khuấy đục[12] biết được lợi ích của mình, hay biết được lợi ích của người, hay biết được lợi ích của cả hai, hay sẽ chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy không xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng tâm vị ấy bị khuấy đục.

46. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước trong, sạch, không bị khuấy đục, tại đấy, có người có mắt, đứng trên bờ, có thể thấy các con ốc, các con sò, các hòn sạn, các hòn sỏi, các đàn cá qua lại, đứng yên. Vì cớ sao? Vì nước không bị khuấy đục. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với tâm không bị khuấy đục biết được lợi ích của mình, hay biết được lợi ích của người, hay biết được lợi ích của cả hai, hay sẽ chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy có xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng tâm vị ấy không bị khuấy đục.

47. Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại cây gì, cây Phandana[13] được xem là tối thượng, tức là về nhu nhuyến và dễ sử dụng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một pháp nào khác lại nhu nhuyến và dễ sử dụng hơn một tâm được tu tập, được làm cho sung mãn. Tâm được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, là nhu nhuyến và dễ sử dụng.

48. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại thay đổi nhanh chóng hơn tâm. Thật không dễ gì, này các Tỷ-kheo, dùng một ví dụ để diễn tả sự thay đổi nhanh chóng của tâm.

49. Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói, nhưng tâm này bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào.

50. Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói, và tâm này được gột sạch các cấu uế từ ngoài vào.

---

[11] Xem *D*. I. 84.

[12] Bởi năm triền cái.

[13] *Phandana*: Uyển chuyển, mềm mại. Xem *AA*. I. 59.

VI. PHẨM BÚNG NGÓN TAY
(*ACCHARĀSAṄGHĀTAVAGGA*) (*A.* I. 11)

51. Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói, nhưng tâm này bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào. Kẻ phàm phu ít nghe, không như thật rõ biết tâm ấy, do vậy, Ta nói rằng tâm kẻ phàm phu ít nghe không được tu tập.

52. Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói, và tâm này được gột sạch các cấu uế từ ngoài vào. Bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, như thật rõ biết tâm ấy, do vậy, Ta nói rằng tâm bậc Thánh đệ tử nghe nhiều có được tu tập.

53. Nếu chỉ trong khoảnh khắc búng ngón tay, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo khởi từ tâm; vị ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Tỷ-kheo trú thiền tịnh không có trống không,[14] làm theo lời dạy của bậc Đạo sư, là người làm theo lời giáo giới, ăn đồ ăn khất thực của xứ không có uổng phí.[15] Còn nói gì những người làm cho sung mãn từ tâm ấy!

54-55. Nếu chỉ trong khoảnh khắc búng ngón tay, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập từ tâm, tác ý từ tâm; vị ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Tỷ-kheo trú thiền tịnh không có trống không, làm theo lời dạy của bậc Đạo sư, là người làm theo lời giáo giới, ăn đồ ăn khất thực của xứ không có uổng phí. Còn nói gì những người làm cho sung mãn từ tâm ấy!

56. Phàm những pháp nào, này các Tỷ-kheo, là bất thiện, thuộc thành phần bất thiện, đứng về phía bất thiện, tất cả các pháp ấy đều có ý đi trước. Ý khởi trước các pháp ấy, các pháp bất thiện theo sau.[16]

57. Phàm những pháp nào, này các Tỷ-kheo, là thiện, thuộc thành phần thiện, đứng về phía thiện, tất cả các pháp ấy đều có ý đi trước. Ý khởi trước các pháp ấy, các pháp thiện theo sau.

58. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như phóng dật. Với người phóng dật, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận.

59. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các

---

[14] *AA.* I. 71: *Arittajjhānoti atucchajjhāno apariccattajjhāno vā* ("Thiền không có trống không" nghĩa là thiền không có vô ích).

[15] *Amogha*. Xem *Dh.* v. 308; *It.* 90.

[16] Xem *Dh.* v. 1, 2.

pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như không phóng dật. Với người không phóng dật, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận.

60. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như biếng nhác. Với người biếng nhác, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận.



VII. PHẨM PHÁT KHỞI TINH TẤN (*VĪRIYĀRAMBHĀDIVAGGA*)[17] (*A*. I. 12)

61. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như phát khởi tinh tấn. Với người phát khởi tinh tấn, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận.

62. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như dục lớn. Với người có dục lớn, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận.

63. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như ít dục. Với người có ít dục, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận.

64. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như không biết vừa đủ. Với người không biết vừa đủ, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận.

65. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như biết vừa đủ. Với người biết vừa đủ, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận.

66. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như không như lý tác ý. Với người không như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận.

67. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được

---

[17] Xem *A*. I. 4; *S*. V. 64. *Vīriyārambha* = *Vīriya* (tinh tấn) + *ārambha* (phát khởi).

đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như như lý tác ý. Với người có như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận.

68. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như không tỉnh giác. Với người không tỉnh giác, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận.

69. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như tỉnh giác. Với người có tỉnh giác, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận.

70. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như ác hữu với ác. Với người ác hữu với ác, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận.



VIII. PHẨM LÀM BẠN VỚI THIỆN HỮU (*KALYĀṆAMITTĀDIVAGGA*) (*A*. I. 14)

71. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như làm bạn với thiện hữu.[18] Với người làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận.

72. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như chuyên tâm hành các pháp bất thiện[19] và không chuyên tâm hành các pháp thiện. Do chuyên tâm hành các pháp bất thiện, này các Tỷ-kheo, do không chuyên tâm hành các pháp thiện, nên các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn tận.

73. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, như chuyên tâm hành các pháp thiện và không chuyên tâm hành các pháp bất thiện. Do chuyên tâm hành các pháp thiện, này các Tỷ-kheo, do không chuyên tâm hành các pháp bất thiện, nên các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận.

74. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các giác chi chưa sanh không sanh khởi, hay các giác chi đã sanh không được tu tập cho viên mãn, này các Tỷ-kheo, như không như lý tác ý. Do không như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, các giác chi chưa sanh không được sanh khởi, và các giác chi đã sanh không được tu tập cho viên mãn.

75. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các giác chi chưa sanh được sanh khởi, hay các giác chi đã sanh được tu tập cho viên mãn, này các Tỷ-kheo, như như lý tác ý. Do như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, các giác chi chưa sanh được sanh khởi, và các giác chi đã sanh được tu tập cho viên mãn.

76. Ít có giá trị, này các Tỷ-kheo, là những mất mát này, như mất mát bà

---

[18] Xem *S*. V. 29-35.

[19] *Anuyogo akusalānaṃ dhammānaṃ*.

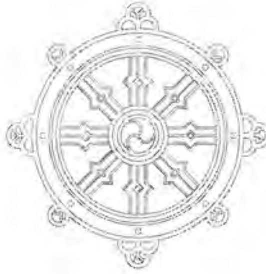
con. Điều này là khốn cùng[20] giữa các mất mát, này các Tỷ-kheo, tức là mất mát trí tuệ.

77. Ít có giá trị, này các Tỷ-kheo, là những tăng trưởng này, như tăng trưởng bà con. Điều này là tối thượng (*etadaggaṃ*) giữa các tăng trưởng, này các Tỷ-kheo, tức là tăng trưởng trí tuệ. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ làm tăng trưởng sự tăng trưởng trí tuệ." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

78. Ít có giá trị, này các Tỷ-kheo, là những mất mát này, như mất mát tài sản. Điều này là khốn cùng giữa các mất mát, này các Tỷ-kheo, tức là mất mát trí tuệ.

79. Ít có giá trị, này các Tỷ-kheo, là những tăng trưởng này, như tăng trưởng tài sản. Điều này là tối thượng giữa các tăng trưởng, này các Tỷ-kheo, tức là tăng trưởng trí tuệ. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ làm tăng trưởng sự tăng trưởng trí tuệ." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

80. Ít có giá trị, này các Tỷ-kheo, là những mất mát này, như mất mát danh tiếng. Điều này là khốn cùng giữa các mất mát, này các Tỷ-kheo, tức là mất mát trí tuệ.



[20] *AA*. I. 82: *Etaṃ patikiṭṭhanti etaṃ pacchimaṃ etaṃ lāmakaṃ* ("Điều này là khốn cùng" có nghĩa là điều này là thấp nhất, điều này là tồi tệ).

IX. PHẨM PHÓNG DẬT
(*PAMĀDĀDIVAGGA*)[21] (*A*. I. 16)

81. Ít có giá trị, này các Tỷ-kheo, là những tăng trưởng này, như tăng trưởng danh tiếng. Điều này là tối thượng giữa các tăng trưởng, này các Tỷ-kheo, tức là tăng trưởng trí tuệ. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ làm tăng trưởng sự tăng trưởng trí tuệ." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

82. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, có thể đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như là phóng dật. Phóng dật, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

83. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, có thể đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như là không phóng dật. Không phóng dật, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

84. (Như số 82, chỉ thay thế "như là biếng nhác").

85. (Như số 83, chỉ thay thế "như là tinh cần tinh tấn").

86. (Như số 82, chỉ thay thế "như là nhiều dục").

87. (Như số 83, chỉ thay thế "như là ít dục").

88. (Như số 82, chỉ thay thế "như là không biết đủ").

89. (Như số 83, chỉ thay thế "như là biết đủ").

90. (Như số 82, chỉ thay thế "như là không như lý tác ý").

91. (Như số 83, chỉ thay thế "như là như lý tác ý").

92. (Như số 82, chỉ thay thế "như là không tỉnh giác").

93. (Như số 83, chỉ thay thế "như là tỉnh giác").

94. (Như số 82, chỉ thay thế "như là làm bạn với ác hữu").

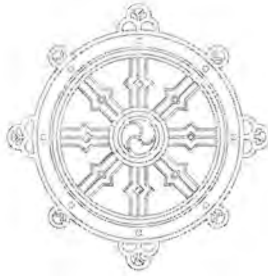
95. (Như số 83, chỉ thay thế "như là làm bạn với thiện hữu").

96. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, có thể đưa đến bất lợi lớn, này các Tỷ-kheo, như là chuyên tâm hành các pháp bất thiện, không chuyên tâm hành các pháp thiện. Chuyên tâm hành các pháp bất thiện, không chuyên tâm hành các pháp thiện, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

---

[21] Bản tiếng Anh của PTS: *Earnestness*, nghĩa là *Tinh cần*.

97. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn, này các Tỷ-kheo, như là chuyên tâm hành các pháp thiện, không chuyên tâm hành các pháp bất thiện. Chuyên tâm hành các pháp thiện, không chuyên tâm hành các pháp bất thiện, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.



X. PHẨM PHÓNG DẬT THỨ HAI (*DUTIYAPAMĀDĀDIVAGGA*)[22] (*A.* I. 16)

98. Đứng về phương diện nội phần, này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến bất lợi lớn như vậy, này các Tỷ-kheo, như phóng dật. Phóng dật, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

99. Đứng về phương diện nội phần, này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến lợi ích lớn như vậy, này các Tỷ-kheo, như không phóng dật. Không phóng dật, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

100. (Như số 98, chỉ thay thế "biếng nhác").

101. (Như số 99, chỉ thay thế "tinh cần tinh tấn").

102-109. (Như trên, tuần tự thay thế "dục lớn, ít dục… không biết đủ, biết đủ… không như lý tác ý, như lý tác ý… không tỉnh giác, tỉnh giác…").

110. Đứng về phương diện ngoại phần, này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến bất lợi lớn như vậy, này các Tỷ-kheo, như làm bạn với ác hữu. Làm bạn với ác hữu, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

111. Đứng về phương diện ngoại phần, này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến lợi ích lớn như vậy, này các Tỷ-kheo, như làm bạn với thiện hữu. Làm bạn với thiện hữu, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

112. Đứng về phương diện nội phần, này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến bất lợi lớn như vậy, này các Tỷ-kheo, như chuyên tâm hành các pháp bất thiện, không chuyên tâm hành các pháp thiện. Chuyên tâm hành các pháp bất thiện, không chuyên tâm hành các pháp thiện, này các Tỷ-kheo, đưa đến bất lợi lớn.

113. Đứng về phương diện nội phần, này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một phần nào khác đưa đến lợi ích lớn như vậy, này các Tỷ-kheo, như chuyên tâm hành các pháp thiện, không chuyên tâm hành các pháp bất thiện. Chuyên tâm hành các pháp thiện, không chuyên tâm hành các pháp bất thiện, này các Tỷ-kheo, đưa đến lợi ích lớn.

114. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, khiến Diệu pháp bị lu mờ, bị biến mất như vậy, này các Tỷ-kheo, như phóng dật. Phóng dật, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp bị lu mờ và bị biến mất.

---

[22] Bản tiếng Anh của PTS chia 42 kinh (từ 98-139) thành 2 chương. Chương X. a. gồm 34 kinh, với tên nhóm: *In a Fourfold Way*, nghĩa là *Trong con đường bốn ngành*. Chương X. b. gồm 10 kinh, với tên nhóm: *Not Dhamma*, nghĩa là *Phi pháp*.

115. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, khiến Diệu pháp được an trú, không bị lu mờ, không bị biến mất như vậy, này các Tỷ-kheo, như không phóng dật. Không phóng dật, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp được an trú, không bị lu mờ, không bị biến mất.

116. (Như số 114, chỉ thay thế "biếng nhác").

117. (Như số 115, chỉ thay thế "tinh cần tinh tấn").

118-128. (Như trên, chỉ tuần tự thay thế "dục lớn, ít dục… không biết đủ, biết đủ… không như lý tác ý, như lý tác ý… không tỉnh giác, tỉnh giác… ác hữu với ác, thiện hữu với thiện… chuyên tâm hành các pháp bất thiện, không chuyên tâm hành các pháp thiện").

129. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, khiến Diệu pháp được an trú, không bị lu mờ, không bị biến mất như vậy, này các Tỷ-kheo, như chuyên tâm hành các pháp thiện, không chuyên tâm hành các pháp bất thiện. Chuyên tâm hành các pháp thiện, không chuyên tâm hành các pháp bất thiện, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp được an trú, không bị lu mờ, không bị biến mất.

130. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ phi pháp[23] là pháp, sở hành của những vị ấy, này các Tỷ-kheo, đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước và khiến cho Diệu pháp biến mất.

131. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ pháp là phi pháp, sở hành của những vị ấy, này các Tỷ-kheo, đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước và khiến cho Diệu pháp biến mất.

132-139. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ phi luật là luật... nêu rõ luật là phi luật... điều Như Lai không nói lên, tuyên bố là Như Lai có nói lên, không tuyên bố là Như Lai không nói lên... điều Như Lai có nói lên, tuyên bố là Như Lai không nói lên, không tuyên bố là Như Lai có nói lên... điều Như Lai không thực hành, tuyên bố là Như Lai có thực hành... điều Như Lai thực hành, tuyên bố là Như Lai không thực hành... điều Như Lai không chế đặt, tuyên bố là Như Lai có chế đặt... điều Như Lai có chế đặt, tuyên bố là Như Lai không chế đặt, sở hành của những vị ấy, này các Tỷ-kheo, đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước và khiến cho Diệu pháp biến mất.

[23] *Adhammo*. *Chú giải* dành nhiều đoạn để miêu tả pháp bị hiểu lầm như thế nào và các kinh điển nào theo thứ tự dần dần bị biến mất. Xem *Anāgatavaṃsa* trong *Buddhism in Translations* (*Các dịch phẩm Phật giáo*), 481.

XI. PHẨM PHI PHÁP
(*ADHAMMAVAGGA*) (*A*. I. 19)

140. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ phi pháp là phi pháp, những Tỷ-kheo ấy, sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú.

141. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ pháp là pháp, những Tỷ-kheo ấy, sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú.

142-149. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ phi luật là phi luật... luật là luật... điều Như Lai không nói lên, tuyên bố là Như Lai không nói lên... điều Như Lai có nói lên, tuyên bố là Như Lai có nói lên... điều Như Lai không thực hành, tuyên bố là Như Lai không thực hành... điều Như Lai có thực hành, tuyên bố là Như Lai có thực hành... điều Như Lai không chế đặt, tuyên bố là Như Lai không chế đặt... điều Như Lai có chế đặt, tuyên bố là Như Lai có chế đặt, những Tỷ-kheo ấy, sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú.



XII. PHẨM KHÔNG PHẠM
(*ANĀPATTIVAGGA*) (*A.* I. 20)

150. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ không phạm là có phạm, những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo, đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước và khiến cho Diệu pháp biến mất.

151. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ có phạm là không phạm, những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo, đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước và khiến cho Diệu pháp biến mất.

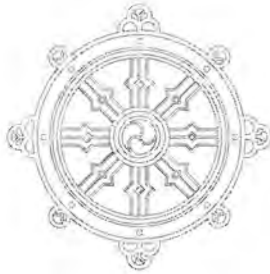
152-159. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ tội nhẹ là tội nặng (*garukaṃ āpattiṃ*)... tội nặng là tội nhẹ (*lahukā āpattīti*)... tội thô trọng (*duṭṭhullaṃ āpattiṃ*) là tội không thô trọng (*aduṭṭhullā āpattīti*)... tội không thô trọng là tội thô trọng... tội có dư tàn (*sāvasesā āpattīti*) là tội không dư tàn (*anavasesā āpattīti*)... tội không dư tàn là tội có dư tàn... tội có thể sám hối (*sappaṭikammaṃ āpattiṃ*) là tội không thể sám hối (*appaṭikammaṃ āpattiṃ*)... tội không thể sám hối là tội có thể sám hối, những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo, đem lại bất hạnh cho đa số, không an lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đem lại bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều vô phước và khiến cho Diệu pháp biến mất.

160. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ không phạm tội là không phạm tội, những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú.

161. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ phạm tội là phạm tội, những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú.

162-169. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, nêu rõ tội nhẹ là tội nhẹ... tội nặng là tội nặng... tội thô trọng là tội thô trọng... tội không thô trọng là tội

không thô trọng... tội có dư tàn là tội có dư tàn... tội không dư tàn là tội không dư tàn... tội có thể sám hối là tội có thể sám hối... tội không thể sám hối là tội không thể sám hối, những Tỷ-kheo ấy, với sở hành như vậy, này các Tỷ-kheo, đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Và hơn nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy tạo điều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú.



XIII. PHẨM MỘT NGƯỜI
(*EKAPUGGALAVAGGA*)[24] (*A*. I. 22)

170. Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người. Người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

171. Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời. Sự xuất hiện của một người nào? Đó là sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo, khó gặp được ở đời.

172. Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, là sự xuất hiện của một người vi diệu. Người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Chính người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, là sự xuất hiện của một người vi diệu.

173. Sự mệnh chung của một người, này các Tỷ-kheo, được đa số thương tiếc. Sự mệnh chung của một người nào? Đó là sự mệnh chung của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Sự mệnh chung của một người này, này các Tỷ-kheo, được đa số thương tiếc.

174. Một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, là sự xuất hiện của một người, không có một người thứ hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương tự, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc Tối thượng giữa các loài hai chân.[25] Người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Người này, khi xuất hiện ở đời, là sự xuất hiện của một người, không có một người thứ hai, không có đồng bạn, không có so sánh, không có tương tự, không có đối phần, không có người ngang hàng, không có ngang bằng, không có đặt ngang bằng, bậc Tối thượng giữa các loài hai chân.[26]

---

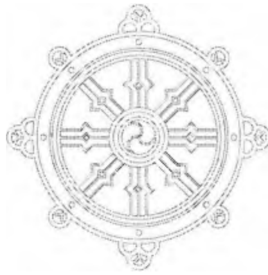
[24] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.8.2. 0561a08); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.8.7. 0561b26).

[25] *Dvipadānaṃ aggo*. Xem *S*. I. 6.

[26] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.8.4. 0561b01); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.8.10. 0561c24).

175-186. Sự xuất hiện của một người, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của Mắt lớn, là sự xuất hiện của Đại quang, là sự xuất hiện của Đại minh, là sự xuất hiện của Sáu vô thượng,[27] là sự chứng ngộ Bốn vô ngại giải,[28] là sự thông đạt nhiều Giới,[29] là sự thông đạt các Giới sai biệt,[30] là sự chứng ngộ Minh và Giải thoát,[31] là sự chứng ngộ quả Dự lưu, là sự chứng ngộ quả Nhất lai, là sự chứng ngộ quả Bất lai, là chứng ngộ quả A-la-hán. Người ấy là ai? Chính là Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỷ-kheo, là sự xuất hiện của Mắt lớn, là sự xuất hiện của Đại quang... là sự chứng ngộ quả A-la-hán.

187. Ta không thấy một người nào khác, này các Tỷ-kheo, có thể chơn chánh chuyển vận vô thượng pháp luân do Như Lai chuyển vận, này các Tỷ-kheo, như Sāriputta. Sāriputta, này các Tỷ-kheo, chơn chánh chuyển vận vô thượng pháp luân do Như Lai chuyển vận.



[27] *Anuttariya*: Thù thắng về thấy, nghe, sở hữu, giáo dục, phục vụ, niệm.

[28] *Paṭisambhidā:* Về ý nghĩa, nhân duyên, định nghĩa và trí tuệ.

[29] *Anekadhātupaṭivedha.*

[30] *Nānādhātupaṭivedha.*

[31] *Vijjāvimuttiphalasacchikiriyā.*

XIV. PHẨM NGƯỜI TỐI THẮNG (*ETADAGGAVAGGA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT (*Paṭhamavagga*)[32] (*A*. I. 23)

188. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta nhiều hạ lạp,[33] này các Tỷ-kheo, tối thắng là Aññākoṇḍañña.

189. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có đại trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sāriputta.

190. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có thần thông, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahāmoggallāna.

191. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta hành trì hạnh Đầu-đà, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahākassapa.

192. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có Thiên nhãn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Anuruddha.

193. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thuộc gia đình quý tộc, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bhaddiya Kāḷigodhāyaputta.

194. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có âm thanh vi diệu, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Lakuṇṭaka (người lùn) Bhaddiya.

195. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta rống tiếng rống sư tử, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Piṇḍolabhāradvāja.

196. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thuyết pháp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Puṇṇa Mantāṇiputta.

197. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thuyết giảng rộng rãi những điều được nói lên một cách vắn tắt, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahākaccāna.

II. PHẨM THỨ HAI (*Dutiyavagga*) (*A*. I. 24)

198. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có thể dùng ý hóa thân, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Cūḷapanthaka.

199. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thiện xảo về tâm thắng tiến,[34] này các Tỷ-kheo, tối thắng là Cūḷapanthaka.

---

[32] Tên phẩm này và 3 phẩm kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Pre-Eminent Ones*, nghĩa là *Người tối thắng nhất*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.4.1-10. 0557a17-0558c07).

[33] *Rattaññūnaṃ*: Bậc Trưởng lão (hiểu biết sự việc trong nhiều năm).

[34] *Cetovivaṭṭa*. Xem *Ps*. I. 108.

200. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thiện xảo về tưởng thắng tiến, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahāpanthaka.

201. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta sống không có sự chống đối, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Subhūti.

202. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Subhūti.

203. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta tu ở rừng, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Revata Khadiravaniya.

204. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta tu thiền, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kaṅkhārevata.

205. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta tinh cần tinh tấn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Soṇa Koḷivisa.

206. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta khéo nói, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Soṇa Kuṭikaṇṇa.

207. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta được cúng dường, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sīvali.

208. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có tín thắng giải, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Vakkali.

III. PHẨM THỨ BA (*Tatiyavagga*) (*A*. I. 24)

209. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta ưa thích học tập, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Rāhula.

210. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta xuất gia vì lòng tin, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Raṭṭhapāla.

211. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đầu tiên có thẻ nhận thức ăn cúng dường, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kuṇḍadhāna.

212. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có trí thông minh, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Vaṅgīsa.

213. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta dễ mến toàn diện, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Upasena Vaṅgantaputta.

214. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta sửa soạn chỗ ngồi, chỗ nằm, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Dabba Mallaputta.

215. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta được chư thiên ái mộ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Pilindavaccha.

216. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có thắng trí mau lẹ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bāhiya Dārucīriya.

217. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thuyết giảng vi diệu, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kumāra Kassapa.

218. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đạt được vô ngại giải, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahākoṭṭhita.

IV. PHẨM THỨ TƯ (*Catutthavagga*) (*A*. I. 24)

219. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta, được nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Ānanda.

220. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đầy đủ ức niệm, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Ānanda.

221. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đầy đủ cử chỉ tốt đẹp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Ānanda.

222. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta đầy đủ sự kiên trì, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Ānanda.

223. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta làm thị giả, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Ānanda.

224. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta có hội chúng lớn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Uruvela Kassapa.

225. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta làm cho các gia đình hoan hỷ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kāḷudāyī.

226. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta không có bệnh hoạn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bākkula.

227. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sobhita.

228. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta trì Luật, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Upāli.

229. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta giáo giới Tỷ-kheo-ni, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Nandaka.

230. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta hộ trì các căn môn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Nanda.

231. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta giáo giới Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahākappina.

232. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta thiện xảo về hỏa giới, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sāgata.

233. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta năng khởi biện tài, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Rādha.

234. Trong các vị đệ tử Tỷ-kheo của Ta mang thô y, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mogharājā.

V. PHẨM THỨ NĂM (*Pañcamavagga*)[35] (*A*. I. 25)

235. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta nhiều hạ lạp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahāpajāpatī Gotamī.

---

[35] Bản tiếng Anh của PTS: *Women Disciples*, nghĩa là *Nữ đệ tử*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.5.1-5. 0558c21-0559b22).

236. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta có đại trí tuệ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Khemā.

237. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta có thần thông, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Uppalavaṇṇā.

238. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta trì Luật, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Paṭācārā.

239. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta thuyết pháp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Dhammadinnā.

240. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta tu thiền, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Nandā.

241. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta tinh cần tinh tấn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Soṇā.

242. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta có Thiên nhãn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bakulā.

243. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta có thắng trí mau lẹ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bhaddā Kuṇḍalakesā.

244. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta nhớ đến các thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bhaddā Kāpilānī.

245. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta đã chứng đạt đại thắng trí, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Bhadda Kaccānā.

246. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta mang thô y, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kisāgotamī.

247. Trong các vị nữ đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta đầy đủ tín thắng giải, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Siṅgālakamātā.

VI. PHẨM THỨ SÁU (*Chaṭṭhavagga*)[36] (*A.* I. 25)

248. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta quy y đầu tiên, này các Tỷ-kheo, tối thắng là các người buôn bán Tapassu Bhallikā.

249. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta bố thí, này các Tỷ-kheo, tối thắng là gia chủ Sudatta Anāthapiṇḍika.

250. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta thuyết pháp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Citta Macchikāsaṇḍika.

251. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta nhiếp phục hội chúng nhờ Bốn nhiếp pháp, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Hatthaka Āḷavaka.

252. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta bố thí các món ăn thượng vị, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Mahānāma Sakka.

253. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta bố thí các món đồ khả ý, này các Tỷ-kheo, tối thắng là gia chủ Ugga Vesālika.

---

[36] Bản tiếng Anh của PTS: *Lay-Followers*, *Men*, nghĩa là *Nam cư sĩ*.

254. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta hộ trì Tăng chúng, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Hatthigāmaka Uggata.

255. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta có lòng tịnh tín bất động, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sūra Ambaṭṭha.

256. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta được dân chúng kính mến, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Jīvaka Komārabhacca.

257. Trong các vị đệ tử nam cư sĩ của Ta nói chuyện một cách thân mật, này các Tỷ-kheo, tối thắng là gia chủ Nakulapitā.

VII. PHẨM THỨ BẢY (*Sattamavagga*)[37] (*A*. I. 26)

258. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta đi đến quy y đầu tiên, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sujātā Senānīdhītā.

259. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta bố thí, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Visākhā Migāramātā.

260. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Khujjuttarā.

261. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta an trú từ tâm, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Sāmāvatī.

262. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta tu thiền, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Uttarā Nandamātā.

263. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta bố thí các món ăn thượng vị, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Suppavāsā Koliyadhītā.

264. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta chăm sóc người bệnh, này các Tỷ-kheo, tối thắng là nữ cư sĩ Suppiyā.

265. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta có lòng tịnh tín bất động, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kātiyānī.

266. Trong các vị đệ tử nữ cư sĩ của Ta nói chuyện một cách thân mật, này các Tỷ-kheo, tối thắng là nữ gia chủ Nakulamātā.

267. Trong các vị nữ cư sĩ đệ tử của Ta có lòng tịnh tín đối với lời đồn, này các Tỷ-kheo, tối thắng là Kāḷī, nữ cư sĩ ở Kulagharikā.

[37] Bản tiếng Anh của PTS: *Lay-Followers*, *Women*, nghĩa là *Nữ cư sĩ*.

XV. PHẨM KHÔNG THỂ CÓ ĐƯỢC (*AṬṬHĀNA*)[38]

I. PHẨM THỨ NHẤT (*Paṭhamavagga*) (*A*. I. 26)

268. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các hành là thường còn, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể chấp nhận các hành là thường còn, sự kiện này có xảy ra.

269. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các hành là lạc, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể chấp nhận các hành là lạc, sự kiện này có xảy ra.

270. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể chấp nhận các pháp là ngã, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể chấp nhận các pháp là ngã, sự kiện này có xảy ra.

271-276. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Một người thành tựu chánh kiến có thể đoạt mạng sống của mẹ... của cha... của vị A-la-hán... có thể với ác tâm làm bậc Như Lai chảy máu... có thể phá hòa hợp Tăng... có thể tuyên bố theo một vị Đạo sư khác, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, kẻ phàm phu có thể đoạt mạng sống của mẹ... của cha... của vị A-la-hán... có thể với ác tâm làm bậc Như Lai chảy máu... có thể phá hòa hợp Tăng... có thể tuyên bố theo một vị Đạo sư khác, sự kiện này có xảy ra.

277. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Trong một thế giới, hai vị A-la-hán[39] Chánh Đẳng Giác, không trước không sau (*apubbaṃ acarimaṃ*), xuất hiện một lần, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, trong một thế giới, chỉ có một vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, sự kiện này có xảy ra.

II. PHẨM THỨ HAI (*Dutiyavagga*) (*A*. I. 28)

278. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Trong

---

[38] Bản tiếng Anh của PTS trình bày liên tục Chapter XV. *The Impossible*, nghĩa là *Không thể có được* gồm 28 kinh (từ 268-295).

[39] Không phải nghĩa A-la-hán là vị chứng quả Thánh thứ tư thông thường mà là vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

một thế giới, có hai Chuyển Luân Vương, không trước không sau, xuất hiện một lần, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, trong một thế giới, chỉ có một Chuyển Luân Vương xuất hiện, sự kiện này có xảy ra.

279. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Một phụ nữ có thể là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, người đàn ông có thể là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, sự kiện này có xảy ra.

280. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Một phụ nữ có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, một người đàn ông có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này có xảy ra.

281-283. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Một phụ nữ có thể là vị Đế-thích (Sakka)... là Ác ma... là Phạm thiên, sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, một người đàn ông có thể là vị Đế-thích... là Ác ma... là Phạm thiên, sự kiện này có xảy ra.

284. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Là quả dị thục của thân làm ác có thể là khả lạc, khả hỷ, khả ý; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là quả dị thục của thân làm ác là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý; sự kiện này có xảy ra.

285-286. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Là quả dị thục của miệng nói ác... của ý nghĩ ác có thể là khả lạc, khả hỷ, khả ý; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là quả dị thục của miệng nói ác... của ý nghĩ ác là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý; sự kiện này có xảy ra.

III. PHẨM THỨ BA (*Tatiyavagga*) (*A*. I. 28)

287. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Là quả dị thục của thân làm thiện có thể là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là quả dị thục của thân làm thiện là khả lạc, khả hỷ, khả ý; sự kiện này có xảy ra.

288-289. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Là quả dị thục của miệng nói thiện... của ý nghĩ thiện có thể là không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là quả dị thục của miệng nói thiện... của ý nghĩ thiện là khả lạc, khả hỷ, khả ý; sự kiện này có xảy ra.

290. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Là người đầy đủ thân làm ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi lành, cõi trời, cõi đời này; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ thân làm ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục; sự kiện này có xảy ra.

291-292. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Là người đầy đủ miệng nói ác... ý nghĩ ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi lành, cõi trời, cõi đời này; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ ý nghĩ ác, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục; sự kiện này có xảy ra.

293. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Là người đầy đủ thân làm thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ thân làm thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi lành, cõi trời, cõi đời này; sự kiện này có xảy ra.

294-295. Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không thể có được: Là người đầy đủ miệng nói thiện... ý nghĩ thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục; sự kiện này không xảy ra. Nhưng sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ ý nghĩ thiện, do nhân ấy, do duyên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi lành, cõi trời, cõi đời này; sự kiện này có xảy ra.



XVI. PHẨM MỘT PHÁP
(*EKADHAMMA*)

I. PHẨM THỨ NHẤT (*Paṭhamavagga*)[40] (*A*. I. 30)

296. Có một pháp, này các Tỳ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán (*ekantanibbidāya*), ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Phật. Chính một pháp này, này các Tỳ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

297. Có một pháp, này các Tỳ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Một pháp ấy là gì? Chính là niệm Pháp... niệm Tăng... niệm giới... niệm thí... niệm thiên... niệm hơi thở vô hơi thở ra... niệm chết... niệm thân... niệm an tịnh. Chính một pháp này, này các Tỳ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

II. PHẨM THỨ HAI (*Dutiyavagga*)[41] (*A*. I. 31)

298. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỳ-kheo, như tà kiến. Với người có tà kiến, này các Tỳ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

299. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh được tăng trưởng, quảng đại, này các Tỳ-kheo, như chánh kiến. Với người có chánh kiến, này các Tỳ-kheo, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh được tăng trưởng, quảng đại.

300. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ-kheo, do pháp ấy, các pháp thiện chưa sanh không sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh bị đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, như tà kiến. Với người có tà kiến, này các Tỳ-kheo, các pháp thiện chưa sanh không sanh khởi, và các pháp thiện đã sanh bị đoạn diệt.

301. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỳ-kheo, do pháp ấy, các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh bị

---

[40] Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XVI. *The One Thing*, nghĩa là *Một pháp*.

[41] Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XVII. *The Seed*, nghĩa là *Chủng tử*.

đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, như chánh kiến. Với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo, các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh bị đoạn diệt.

302. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, tà kiến chưa sanh được sanh khởi, hay tà kiến đã sanh được tăng trưởng, này các Tỷ-kheo, như không như lý tác ý. Do không như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, tà kiến chưa sanh được sanh khởi, và tà kiến đã sanh được tăng trưởng.

303. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, chánh kiến chưa sanh được sanh khởi, hay chánh kiến đã sanh được tăng trưởng, này các Tỷ-kheo, như như lý tác ý. Do như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, chánh kiến chưa sanh được sanh khởi, và chánh kiến đã sanh được tăng trưởng.

304. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, này các Tỷ-kheo, như tà kiến. Các chúng sanh có đầy đủ tà kiến, này các Tỷ-kheo, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

305. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, các chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào cõi lành, thiên giới, cõi đời này, này các Tỷ-kheo, như chánh kiến. Các chúng sanh có đầy đủ chánh kiến, này các Tỷ-kheo, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này.

306. Đối với người có tà kiến, này các Tỷ-kheo, phàm mọi thân hành hoàn toàn theo tà kiến, phàm mọi khẩu hành... phàm mọi ý hành hoàn toàn theo tà kiến, phàm có tư tâm sở nào…, phàm có quyết định nào…, phàm có ước nguyện nào…, và phàm có các hành nào…, tất cả pháp ấy đưa đến không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý, đưa đến bất hạnh, đau khổ. Vì cớ sao? Vì tánh ác của tà kiến, này các Tỷ-kheo.

Ví như, này các Tỷ-kheo, hạt giống cây nimba,[42] hay hạt giống cây kosātaki (một loại cây leo), hay hạt giống cây mướp đắng, được gieo vào đất ướt. Phàm vị gì nó lấy lên từ đất, phàm vị gì nó lấy lên từ nước, tất cả vị ấy đều đưa đến tánh đắng, tánh cay, tánh không lạc của nó. Vì cớ sao? Vì tánh ác của hạt giống, này các Tỷ-kheo.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với người có tà kiến, này các Tỷ-kheo, phàm mọi thân hành hoàn toàn... (như trên)… Vì tánh ác của tà kiến, này các Tỷ-kheo.

307. Đối với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo, phàm mọi thân hành hoàn toàn theo chánh kiến, phàm mọi khẩu hành... phàm mọi ý hành hoàn toàn theo chánh kiến, phàm có tư tâm sở nào…, phàm có quyết định nào…, phàm có ước nguyện nào…, và phàm có các hành nào…, tất cả pháp ấy đưa đến khả

---

[42] *Nimba*: Một loại cây gỗ cứng và lá đắng. Xem *A*. I. 32; V. 212; *J*. II. 105, 106; *DhA*. I. 52; *Vin*. I. 152.

lạc, khả hỷ, khả ý, đưa đến hạnh phúc, an lạc. Vì cớ sao? Vì tánh hiền thiện của chánh kiến, này các Tỷ-kheo.

Ví như, này các Tỷ-kheo, hạt giống cây mía, hay hạt giống cây lúa (*sāli*), hay hạt giống cây nho (*muddikā*) được gieo vào đất ướt. Phàm vị gì nó lấy lên từ đất, phàm vị gì nó lấy lên từ nước, tất cả vị ấy đều đưa đến tánh ngọt, thích ý, tánh ngon ngọt (*asecanaka*) của nó. Vì cớ sao? Vì tánh hiền thiện của hạt giống, này các Tỷ-kheo.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo, phàm mọi thân hành hoàn toàn... Vì tánh hiền thiện của chánh kiến, này các Tỷ-kheo.

III. PHẨM THỨ BA (*Tatiyavagga*)[43] (*A*. I. 33)

308. Có một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Người ấy là ai? Người có tà kiến, người có điên đảo kiến. Người ấy làm cho nhiều người xa lìa Diệu pháp, an trú phi pháp. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người.

309. Có một người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem đến hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đưa đến hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Người ấy là ai? Người có chánh kiến, người không có điên đảo kiến. Người ấy làm cho nhiều người xa lìa phi pháp, an trú Diệu pháp. Chính một người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem đến hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đưa đến hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

310. Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, lại phạm tội lớn, này các Tỷ-kheo, như tà kiến. Tối thắng tà kiến, này các Tỷ-kheo, là phạm tội lớn nhất.

311. Ta không thấy một người nào khác, này các Tỷ-kheo, mà tuân theo sẽ đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người, này các Tỷ-kheo, như kẻ ngu si Makkhali.[44]

Ví như, này các Tỷ-kheo, tại cửa sông có đặt một cái nơm bẫy cá,[45] đem lại bất hạnh, đau khổ, tổn thương, tổn hại cho nhiều cá. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si Makkhali xuất hiện ở đời, Ta nghĩ rằng như là một cái nơm bẫy cá cho loài người, đem đến bất hạnh, đau khổ, tổn thương, tổn hại cho nhiều loại hữu tình.

[43] Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XVIII. *Makkhali*, nghĩa là *Ngoại đạo sư Makkhali*.

[44] *Makkhali Gosāla*: Một trong sáu ngoại đạo sư có chủ trương *Ahetuvāda* (Vô nhân).

[45] *Khipaṃ* = *Kuminaṃ*. Theo *Chú giải*, đó có thể là một loại giỏ mây lừa cá vào rồi ra không được. Xem *AA*. II. 28.

312. Ai khuyến khích chấp nhận một Pháp, Luật bị vụng thuyết, này các Tỷ-kheo, thời người khuyến khích (*samādapeti*) và người được khuyến khích tuân hành như vậy, tất cả đều đem lại nhiều tổn phước. Vì cớ sao? Vì Pháp bị vụng thuyết.

313. Ai khuyến khích chấp nhận một Pháp, Luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo, thời người khuyến khích và người được khuyến khích tuân hành như vậy, tất cả đều đem lại nhiều phước đức. Vì cớ sao? Vì Pháp được khéo thuyết.

314. Trong một Pháp, Luật bị vụng thuyết, này các Tỷ-kheo, ước lượng[46] của sự bố thí, do người cho biết, chớ không phải do người nhận. Vì cớ sao? Vì Pháp bị vụng thuyết.

315. Trong một Pháp, Luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo, ước lượng của sự bố thí, do người nhận biết, không phải do người cho. Vì cớ sao? Vì Pháp được khéo thuyết.

316. Trong một Pháp, Luật bị vụng thuyết, này các Tỷ-kheo, người tinh cần tinh tấn, sống đau khổ.[47] Vì cớ sao? Vì Pháp bị vụng thuyết.

317. Trong một Pháp, Luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo, người biếng nhác sống đau khổ. Vì cớ sao? Vì Pháp được khéo thuyết.

318. Trong một Pháp, Luật bị vụng thuyết, này các Tỷ-kheo, ai sống biếng nhác, người ấy sống an lạc. Vì cớ sao? Vì Pháp bị vụng thuyết.

319. Trong một Pháp, Luật được khéo thuyết, này các Tỷ-kheo, ai sống tinh cần tinh tấn, người ấy sống an lạc. Vì cớ sao? Vì Pháp được khéo thuyết.

320. Ví như, này các Tỷ-kheo, một ít phân có mùi hôi thối. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán về sự hiện hữu dầu cho có ít thôi, cho đến chỉ trong thời gian búng ngón tay.

321. Ví như, này các Tỷ-kheo, một ít nước tiểu có mùi hôi thối... một ít nước miếng có mùi hôi thối... một ít mủ có mùi hôi thối... một ít máu có mùi hôi thối. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán về sự hiện hữu dầu cho có ít thôi, cho đến chỉ trong thời gian búng ngón tay.

IV. PHẨM THỨ TƯ (*Catutthavagga*)[48] (*A*. I. 35)

322. Ví như, trong cõi Jambudīpa (Diêm-phù-đề) này, số ít là các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các vùng đất khả ái, các hồ ao khả ái; còn nhiều hơn là các chỗ đất cao đất thấp, các con sông khó lội qua, các khu vực rậm rạp những gậy gộc, gai góc, các núi non lởm chởm. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sanh trên đất liền; còn nhiều hơn là các chúng sanh sanh ở trong nước.

---

[46] *Mattā*. Theo *AA*. II. 29, trong Pháp và Luật vụng thuyết, người cho cần biết nên cho nhiều ít. Nhưng trong Pháp và Luật thuyết chơn chánh, người nhận tự biết bằng lòng nếu có nhận ít và dùng vừa đủ nếu có nhận nhiều.

[47] Chỉ cho những người tu khổ hạnh.

[48] Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XIX (a). 1, 2. *Trifling,* nghĩa là *Số ít*.

323. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh được tái sanh giữa loài người; còn nhiều hơn là các chúng sanh được tái sanh ra ngoài loài người.

... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh được tái sanh ở trung tâm các quốc độ; còn nhiều hơn là các chúng sanh phải tái sanh ở các quốc độ biên địa, giữa các loài man rợ không biết nhận thức.[49]

324. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh có trí tuệ, nhanh trí, không điếc, không câm, có khả năng suy xét ý nghĩa của những lời khéo thuyết hay vụng thuyết; còn nhiều hơn là các chúng sanh có ác trí tuệ, chậm trí, điếc và câm,[50] không có khả năng suy xét ý nghĩa của những lời khéo thuyết hay vụng thuyết.

325. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh đầy đủ cặp mắt trí tuệ của bậc Thánh; còn nhiều hơn là các chúng sanh bị chìm đắm trong vô minh, si ám.

326. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh được thấy Như Lai; còn nhiều hơn là các chúng sanh không được thấy Như Lai.

327. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh được nghe Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng; còn nhiều hơn là các chúng sanh không được nghe Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

328. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi nghe, thọ trì pháp; còn nhiều hơn là các chúng sanh, sau khi nghe, không thọ trì pháp.

329. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh quán sát ý nghĩa các pháp, họ học thuộc lòng; còn nhiều hơn là các chúng sanh không quán sát ý nghĩa các pháp mà họ đã học thuộc lòng.

330. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi hiểu được ý nghĩa, sau khi hiểu được pháp, thực hành đúng theo pháp và tùy pháp;[51] còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi hiểu được ý nghĩa, sau khi hiểu được pháp, không thực hành đúng theo pháp và tùy pháp.

331. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh được khích động[52] bởi những vấn đề đáng được khích động; còn nhiều hơn là các chúng sanh không được khích động bởi những vấn đề đáng được khích động.

332. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi được khích động, như lý tinh tấn; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi được khích động, không như lý tinh tấn.

333. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhất tâm; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi từ bỏ pháp sở duyên, không được định, không được nhất tâm.

---

[49] *Milakkha:* Những người không phải bậc Thánh (*Ariyan*). Xem *S.* V. 466.

[50] *Eḷamūgā*. *AA*. II. 28 giải thích là khi nói, nước miếng trong miệng chảy ra.

[51] *AA*. II. 39: *Anulomapaṭipadaṃ pūrenti* (Hoàn thành việc thực hành thuận theo thứ lớp).

[52] *AA*. II. 39: *Saṃvejanīyesu ṭhānesūti saṃvegajanakesu kāraṇesu* ("Ở các vấn đề đáng được kích động" tức là nói đến những nguyên nhân tạo ra sự kích động).

334. ... Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, số ít là các chúng sanh được đồ ăn tối thắng, được vị ăn tối thắng; còn nhiều hơn là các chúng sanh không được đồ ăn tối thắng, không được vị ăn tối thắng, chỉ nuôi sống với các áo và đồ ăn lượm lặt.

335. ... Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, số ít là các chúng sanh đã được vị ngọt của mục đích, vị ngọt của pháp, vị ngọt của giải thoát; còn nhiều hơn là các chúng sanh không được vị ngọt của mục đích, vị ngọt của pháp, vị ngọt của giải thoát.[53] Do vậy, này các Tỳ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ là những người được vị ngọt của mục đích, vị ngọt của pháp, vị ngọt của giải thoát." Như vậy, này các Tỳ-kheo, các ông cần phải học tập.

336-338. ... Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, trong cõi Diêm-phù-đề này, số ít là các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các vùng đất khả ái, các hồ ao khả ái; còn nhiều hơn là các chỗ đất cao đất thấp, các con sông khó lội qua, các khu vực rậm rạp những gậy gộc, gai góc, các núi non lởm chởm. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, số ít là chúng sanh sau khi chết từ loài người được tái sanh trong loài người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ loài người bị tái sanh ở địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.[54]

339-341. ... Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết từ loài người được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ loài người bị tái sanh ở địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

342-344. ... Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết từ chư thiên được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ chư thiên bị tái sanh ở địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

345-347. ... Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết từ chư thiên được tái sanh giữa loài người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ chư thiên bị tái sanh ở địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

348-350. ... Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết từ địa ngục được tái sanh giữa loài người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

351-353. ... Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục được tái sanh lên chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

354-356. ... Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết từ loài bàng sanh được tái sanh giữa loài người; còn nhiều hơn là các chúng

[53] Chỉ cho bốn Đạo, bốn Quả, Niết-bàn.

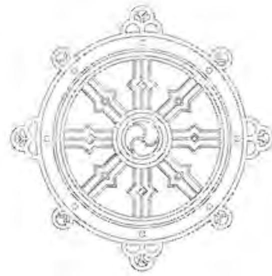
[54] Xem *S.* V. 466.

sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

357-359. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

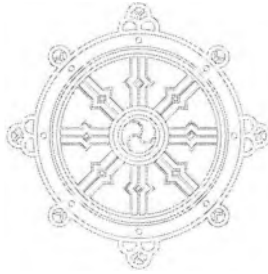
360-362. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết ở cõi ngạ quỷ được tái sanh giữa loài người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết ở cõi ngạ quỷ bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.

363-365. ... Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, số ít là các chúng sanh sau khi chết ở cõi ngạ quỷ được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết ở cõi ngạ quỷ bị tái sanh ở cõi địa ngục... ở các loài bàng sanh... ở cõi ngạ quỷ.



XVII. PHẨM PHÁP TÁC TỊNH
(*PASĀDAKARADHAMMAVAGGA*)[55] (*A*. I. 38)

366-381. Thật sự[56] điều này là một trong những điều lợi ích, này các Tỷ-kheo, tức là sống trong rừng… sống khất thực… mang y phấn tảo… chỉ mang ba y… thuyết Pháp… trì Luật… biết nhiều về sự thật… đã lâu ngày là vị trưởng lão[57] … có oai nghi nghiêm chỉnh… có được hội chúng quy tụ[58] … có hội chúng lớn đoanh vây… con gia đình tốt đẹp… diện mạo đoan chánh… ngôn ngữ hòa nhã (*kalyāṇavākkaraṇatā*)… thiểu dục… ít bệnh hoạn.



[55] Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XX. *On Musing* (a), nghĩa là *Thiền định* (a). Bản Hán: *Tĩnh lự phẩm* 靜慮品 (*N*.19. 0007.1. 0049a06).

[56] *AA*. II. 40: *Addhamidantiādīsu addhanti ekaṃsādhivacanametaṃ, addhā idaṃ lābhānaṃ, ekaṃso esa lābhānanti vuttaṃ hoti* ("Thật sự điều này, v.v..." nghĩa là chắc chắn sự chỉ định này thuộc về điều lợi ích).

[57] *AA*. II. 40: *Thāvareyyanti cirapabbajitattā thāvarappattabhāvo* ("Vị trưởng lão" nghĩa là vị xuất gia đã lâu, bậc trưởng lão).

[58] *AA*. II. 40: *Parivārasampadā = Suciparivāratā* (được vây quanh bởi hội chúng thanh tịnh).

XVIII. PHẨM BÚNG NGÓN TAY KHÁC (*APARAACCHARĀSAṄGHĀTAVAGGA*)[59] (*A*. I. 39)

382. Nếu chỉ trong thời gian búng ngón tay, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập Thiền thứ nhất, vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị Tỷ-kheo an trú thiền không phải uổng phí, đã làm theo lời dạy bậc Đạo sư, là vị chịu nghe lời giáo giới, ăn đồ ăn khất thực của xứ không có uổng phí. Còn nói gì vị ấy làm cho sung mãn thiền ấy.

383-389. Nếu chỉ trong thời gian búng ngón tay, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... Từ tâm giải thoát... Bi tâm giải thoát... Hỷ tâm giải thoát... Xả tâm giải thoát...

390-393. Nếu vị ấy trú quán thân trên thân,[60] nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

394-397. Đối với các pháp ác, bất thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các pháp ác, bất thiện đã sanh, khởi lên ý muốn đoạn tận, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các pháp thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn làm cho sanh khởi, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng. Đối với các pháp thiện đã sanh, khởi lên ý muốn làm cho an trú, không cho vong thất, làm cho tăng trưởng, làm cho quảng đại, tu tập, làm cho viên mãn, tinh cần tinh tấn, quyết tâm, cố gắng.

398-401. ... Tu tập như ý túc[61] câu hữu với dục định tinh cần hành... câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành... câu hữu với tâm định tinh cần hành... câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

402-406. ... Tu tập tín căn[62]... tu tập tấn căn... tu tập niệm căn... tu tập định căn... tu tập tuệ căn...

407- 411. ...Tu tập tín lực... tu tập tấn lực... tu tập niệm lực... tu tập định lực... tu tập tuệ lực...

412-418. ... Tu tập niệm giác chi[63]... tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh

---

[59] Trong bản tiếng Anh của PTS, phần này thuộc Chapter XX. *On Musing* (a), nghĩa là *Thiền định* (a)

[60] Xem *S*. V. 9.

[61] Bốn như ý túc. Xem *S*. V. 263.

[62] Năm căn và năm lực. Xem *S*. V. 197.

[63] Bảy giác chi. Xem *S*. V. 63.

tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi...

419-426. ... Tu tập chánh tri kiến[64]... tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định...

427-434. ... Quán tưởng nội sắc,[65] thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy..."

... Quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy..."

... Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, xấu, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy..."

... Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, xấu, vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy..."

... Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy..."

... Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy..."

... Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy..."

... Quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy..."

435-442. ... Tự mình có sắc, thấy các sắc. Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các loại ngoại sắc... quán tưởng sắc là tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy... vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không suy tư đến các tưởng khác biệt, với suy tư: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ... vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ... vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ... vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ... vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định...

443-452. ... Tu tập địa biến xứ... tu tập thủy biến xứ... tu tập hỏa biến xứ... tu tập phong biến xứ... tu tập xanh biến xứ... tu tập vàng biến xứ... tu tập đỏ biến xứ... tu tập trắng biến xứ... tu tập hư không biến xứ... tu tập thức biến xứ...

---

[64] Tám Thánh đạo. Xem *S*. V. 1.

[65] Tám thắng xứ (*abhibhāyatana*)...

453-462. ... Tu tập tưởng bất tịnh... tu tập tưởng về chết... tu tập tưởng ghê tởm đối với các món ăn... tu tập tưởng không hỷ lạc đối với tất cả thế giới... tu tập tưởng vô thường... tu tập tưởng khổ trên vô thường... tu tập tưởng vô ngã trên khổ... tu tập tưởng đoạn tận... tu tập tưởng ly tham... tu tập tưởng đoạn diệt...

463-472. ... Tu tập tưởng vô thường... tu tập tưởng vô ngã... tu tập tưởng về chết... tu tập tưởng ghê tởm đối với các món ăn... tu tập tưởng không hỷ lạc đối với tất cả thế giới... tu tập tưởng hài cốt... tu tập tưởng bị trùng bọ ăn... tu tập tưởng bị xanh bầm... tu tập tưởng bị đầy những lỗ hổng... tu tập tưởng bị sưng phồng lên...

473-482. Tu tập niệm Phật... tu tập niệm Pháp... tu tập niệm Tăng... tu tập niệm giới... tu tập niệm thí... tu tập niệm thiên... tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra... tu tập niệm chết... tu tập thân niệm... tu tập an tịnh niệm...

483-492. Tu tập tín căn đồng với Thiền thứ nhất... tu tập tấn căn đồng với Thiền thứ nhất... tu tập niệm căn đồng với Thiền thứ nhất... tu tập định căn đồng với Thiền thứ nhất... tu tập tuệ căn đồng với Thiền thứ nhất... tu tập tín lực... tu tập tấn lực... tu tập niệm lực... tu tập định lực... tu tập tuệ lực đồng với Thiền thứ nhất...

493-562. Tu tập tín căn đồng với Thiền thứ hai... tu tập tuệ lực đồng với Thiền thứ hai...

Tu tập tín căn đồng với Thiền thứ ba... tu tập tuệ lực đồng với Thiền thứ ba...

Tu tập tín căn đồng với Thiền thứ tư... tu tập tuệ lực đồng với Thiền thứ tư...

Tu tập tín căn câu hữu với từ... tu tập tuệ lực câu hữu với từ...

Tu tập tín căn câu hữu với bi... tu tập tuệ lực câu hữu với bi...

Tu tập tín căn câu hữu với hỷ... tu tập tuệ lực câu hữu với hỷ...

Tu tập tín căn câu hữu với xả... tu tập tuệ lực câu hữu với xả...

Nếu tu tập tín căn... nếu tu tập tấn căn... nếu tu tập niệm căn... nếu tu tập định căn... nếu tu tập tuệ căn... nếu tu tập tín lực... nếu tu tập tấn lực... nếu tu tập niệm lực... nếu tu tập định lực... nếu tu tập tuệ lực.., vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là một Tỷ-kheo an trú thiền không phải uổng phí, đã làm theo lời dạy bậc Đạo sư, là vị chịu nghe lời giáo giới, ăn đồ ăn khất thực của xứ không có uổng phí. Còn nói gì vị ấy làm cho sung mãn thiền ấy!

XIX. PHẨM THÂN HÀNH NIỆM (*KĀYAGATĀSATIVAGGA*)[66] (*A*. I. 44)

563. Như một ai, này các Tỷ-kheo, với tâm biến mãn cùng khắp biển lớn, có thể bao gồm tất cả con sông bé nhỏ đổ vào biển cả; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai tu tập, làm cho sung mãn Thân hành niệm, cũng bao gồm tất cả thiện pháp, gồm những pháp thuộc về minh phần.[67]

564-570. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn, lợi ích lớn, an ổn lớn khỏi các khổ ách, chánh niệm tỉnh giác, đưa đến chứng đắc Tri kiến, đưa đến hiện tại lạc trú, đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn... đưa đến chứng ngộ quả Minh và Giải thoát.

571. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, thân được khinh an, tâm được khinh an, tầm và tứ được tịnh chỉ, toàn bộ các pháp thuộc về minh phần đi đến tu tập, làm cho viên mãn. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, làm cho sung mãn, thân được khinh an, tâm được khinh an, tầm và tứ được tịnh chỉ, toàn bộ các pháp thuộc về minh phần đi đến tu tập, làm cho viên mãn.

572. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi, hay các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, các pháp bất thiện chưa sanh không sanh khởi, và các pháp bất thiện đã sanh được đoạn tận.

573. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, các pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, hay các pháp thiện đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, các pháp thiện chưa sanh... được tăng trưởng, quảng đại.

---

[66] Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XXI. *On Musing* (b), nghĩa là *Thiền định* (b). Bản Hán: *Tĩnh lự phẩm* 靜慮品 (*N*.19. 0007.1. 0058a14).

[67] Xem *A*. III. 334.

574. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, vô minh bị đoạn tận, minh sanh khởi, ngã mạn (*asmimāno*) bị đoạn tận, các tùy miên bị nhổ sạch, các kiết sử bị đoạn tận. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, vô minh bị đoạn tận... các kiết sử bị đoạn tận.

575-576. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự phân tích của trí tuệ, đưa đến Niết-bàn không có chấp thủ. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự phân tích của trí tuệ... không có chấp thủ.

577-579. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự thông đạt của nhiều giới, đưa đến sự thông đạt của nhiều giới sai biệt, đưa đến sự vô ngại giải của nhiều giới. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự thông đạt... sự vô ngại giải của nhiều giới.

580-583. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự lưu... đưa đến sự chứng ngộ quả Nhất lai... đưa đến sự chứng ngộ quả Bất lai... đưa đến sự chứng ngộ quả A-la-hán. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng ngộ quả Dự lưu... quả A-la-hán.

584-599. Có một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ,[68] đưa đến sự tăng trưởng trí tuệ, đưa đến viên mãn tăng trưởng trí tuệ, đưa đến đại trí tuệ, đưa đến trí tuệ rộng rãi, đưa đến quảng đại trí tuệ, đưa đến thâm sâu trí tuệ, đưa đến vô song trí tuệ, đưa đến vô hạn trí tuệ, đưa đến nhiều trí tuệ, đưa đến trí tuệ nhanh lẹ, đưa đến trí tuệ nhẹ nhàng, đưa đến trí tuệ hoan hỷ, đưa đến trí tuệ tốc hành, đưa đến trí tuệ sắc sảo, đưa đến trí tuệ thể nhập. Một pháp ấy là gì? Chính là Thân hành niệm. Đây là một pháp, này các Tỷ-kheo, khi được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến sự chứng đắc trí tuệ... đưa đến trí tuệ thể nhập.

---

[68] Các đặc tánh này, Ngài Sāriputta có đủ. Xem *KS*. I. 87.

XX. PHẨM BẤT TỬ
(*AMATAVAGGA*)[69] (*A*. I. 45)

600. Những vị này không hưởng được bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị không thực hiện Thân hành niệm. Những vị này hưởng được bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị thực hành Thân hành niệm.

601. Những vị này không hưởng được bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị không chia sẻ Thân hành niệm. Những vị này chia sẻ bất tử, này các Tỷ-kheo, là những vị chia sẻ Thân hành niệm.

602. Bất tử bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với những ai đoạn tận Thân hành niệm. Bất tử không bị đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không đoạn tận Thân hành niệm.

603. Bất tử bị khiếm khuyết, này các Tỷ-kheo, đối với những ai khiếm khuyết Thân hành niệm. Bất tử được viên thành, này các Tỷ-kheo, đối với những ai viên thành Thân hành niệm.

604. Bất tử bị xao lãng, này các Tỷ-kheo, đối với những ai xao lãng Thân hành niệm. Bất tử không bị xao lãng, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không xao lãng Thân hành niệm.

605. Bất tử bị vong thất, này các Tỷ-kheo, đối với những ai vong thất Thân hành niệm. Bất tử không bị vong thất, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không vong thất Thân hành niệm.

606. Bất tử không được thực hiện, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không thực hiện Thân hành niệm. Bất tử được thực hiện, này các Tỷ-kheo, đối với những ai thực hiện Thân hành niệm.

607. Bất tử không được tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không tu tập Thân hành niệm. Bất tử được tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với những ai tu tập Thân hành niệm.

608. Bất tử không được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không làm cho sung mãn Thân hành niệm. Bất tử được làm cho sung mãn, này các Tỷ-kheo, đối với những ai làm cho sung mãn Thân hành niệm.

609. Bất tử không được thắng tri, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không thắng tri Thân hành niệm. Bất tử được thắng tri, này các Tỷ-kheo, đối với những ai thắng tri Thân hành niệm.

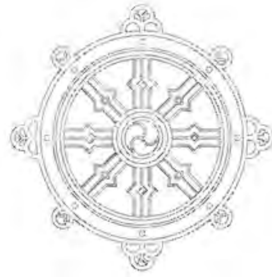
---

[69] Trong bản tiếng Anh của PTS, phần này thuộc Chapter XXI. *On Musing* (b), nghĩa là *Thiền định* (b).

610. Bất tử không được liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không liễu tri Thân hành niệm. Bất tử được liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với những ai liễu tri Thân hành niệm.

611. Bất tử không được chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với những ai không chứng ngộ Thân hành niệm. Bất tử được chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với những ai chứng ngộ Thân hành niệm.

Thế Tôn thuyết như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



CHƯƠNG II
HAI PHÁP (*DUKANIPĀTA*)

I. PHẨM HÌNH PHẠT
(*KAMMAKARAṆAVAGGA*)

I. KINH TỘI (*Vajjasutta*)[1] (*A*. I. 47)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Thắng Lâm, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Có hai loại tội, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Tội có kết quả ngay trong hiện tại và tội có kết quả trong đời sau.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tội có kết quả ngay trong hiện tại?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thấy vua chúa bắt được người ăn trộm, kẻ vô loại, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác.[2] Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn,[3] họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu,[4] họ dùng hình phạt bối đầu hình[5] (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la-hầu khẩu hình[6]... hỏa man hình[7] (lấy lửa đốt thành vòng hoa)... đốt tay[8]... khu hành hình[9] (lấy rơm bện lại rồi siết chặt)... bì y hình[10] (lấy vỏ cây làm áo)... linh dương

---

[1] Trong bản tiếng Anh của PTS, 10 kinh (từ 1-10) được trình bày liên tục với tên nhóm: *Punishments*, nghĩa là *Nhiều hình phạt*.

[2] *Kammakāraṇā*: Hình phạt. Xem *M.* I. 87.

[3] *Addhadaṇḍaka*: Cây gậy ngắn.

[4] *Bilaṅgathālikaṃ*: Theo *Chú giải*, đó là cách khoét lỗ trên đỉnh đầu, thả viên sắt nướng đỏ vào làm não sôi lên.

[5] *Saṅkhamuṇḍikaṃ*: Lấy sạn cát chà trên đầu cho đến khi trơn láng như vỏ ốc.

[6] *Rāhumukhaṃ*: Dùng kềm mở miệng nạn nhân, đổ dầu và cắm tim rồi thắp.

[7] *Jotimālikaṃ*: Tẩm dầu khắp thân rồi đốt cháy.

[8] *Hatthapajjotikaṃ*: Tay bị làm như ngọn đuốc với giẻ tẩm dầu quấn tay rồi đốt.

[9] *Erakavattikaṃ*: Da bị lột từ cổ trở xuống, cột lại dưới háng và treo lên.

[10] *Cīrakavāsikaṃ*: Da bị cắt thành từng đường dài, và cột lại như một loại quần áo.

hình[11] (hình phạt con dê núi)... câu nhục hình[12] (lấy câu móc vào thịt)... tiền hình[13] (cắt thịt thành đồng tiền)... khối chấp hình[14]... chuyển hình[15]... cao đạp đài[16]..., họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu.

Người ấy thấy vậy, suy nghĩ như sau: "Do nhân các ác nghiệp như vậy, vua chúa bắt được kẻ ăn trộm, kẻ vô loại, áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi... họ lấy gươm chặt đầu. Nếu ta làm các ác nghiệp như vậy, vua sẽ bắt ta và áp dụng các hình phạt như vậy." Người ấy sợ hãi phạm tội ngay trong hiện tại, không cướp phá tài sản của những người khác. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tội có kết quả ngay trong hiện tại.

Và này các Tỷ-kheo thế nào là tội có kết quả trong đời sau?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người suy xét như sau: "Quả dị thục của thân làm ác trong đời sau là ác và khổ. Quả dị thục của miệng nói ác trong đời sau là ác và khổ. Quả dị thục của ý nghĩ ác trong đời sau là ác và khổ. Nếu thân ta làm ác, nói lời ác, nghĩ việc ác, ta có thể, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục." Người ấy sợ tội có kết quả trong đời sau, từ bỏ thân làm ác, tu tập thân làm thiện, từ bỏ miệng nói ác, tu tập miệng nói thiện, từ bỏ ý nghĩ ác, tu tập ý nghĩ thiện, và giữ cho mình (*attānaṃ pariharati*) thật thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tội có kết quả trong đời sau.

Này các Tỷ-kheo, trên đây là hai loại tội. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Chúng ta phải sợ hãi đối với tội có kết quả hiện tại. Chúng ta phải sợ hãi đối với tội có kết quả trong đời sau. Chúng ta phải tránh xa các tội (*vajjabhīruno*). Chúng ta phải thấy rõ sự nguy hiểm của các tội." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. Đối với ai tránh xa các tội, này các Tỷ-kheo, đối với ai thấy rõ sự nguy hiểm của các tội, thời được chờ đợi rằng người ấy sẽ được giải thoát tất cả tội.

II. KINH TINH CẦN (*Padhānasutta*) (*A.* I. 49)

2. Có hai sự tinh cần, này các Tỷ-kheo, rất khó thực hiện ở đời. Thế nào là hai? Sự tinh cần của các gia chủ ở nhà với mục đích bố thí các vật dụng như đồ ăn khất thực, các sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, và sự tinh cần của các người xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình với mục đích từ bỏ tất cả sanh y. Hai sự tinh cần này, này các Tỷ-kheo, rất khó thực hiện ở đời.

Trong hai tinh cần này, này các Tỷ-kheo, tối thắng là tinh cần với mục đích từ bỏ tất cả sanh y. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau:

---

[11] *Eṇeyyakaṃ*: Nạn nhân bị trói chặt lại, dùng cây sắt đâm ngang, đính vào đất và nướng sống.

[12] *Baḷisamaṃsikaṃ*: Bị lột da với móc câu.

[13] *Kahāpaṇikaṃ:* Lột từng miếng thịt bằng đồng tiền.

[14] *Khārāpatacchikaṃ*: Thân bị đập với cây côn, và lấy vôi đắp vào vết thương.

[15] *Palighaparivattikaṃ*: Đóng đinh thân trên đất ngang qua hai lỗ tai, rồi nắm chân xoay vòng tròn.

[16] *Palālapīṭhakaṃ*: Thân bị đập cho đến khi các xương bị bể nát và thân bị mềm sụn như tấm nệm.

"Ta sẽ cố gắng tinh cần để từ bỏ tất cả sanh y." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

III. KINH LÀM CHO NUNG NẤU (*Tapanīyasutta*) (*A*. I. 49)

3. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo, làm cho nung nấu. Thế nào là hai? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân làm ác, thân không làm thiện; miệng nói lời ác, miệng không nói lời thiện; ý nghĩ ác, ý không nghĩ thiện. Vị ấy bị nung nấu với ý nghĩ: "Thân ta đã làm ác." Vị ấy bị nung nấu với ý nghĩ: "Thân ta đã không làm thiện." Vị ấy bị nung nấu với ý nghĩ: "Miệng ta đã nói lời ác." Vị ấy bị nung nấu với ý nghĩ: "Miệng ta đã không nói lời thiện." Vị ấy bị nung nấu với ý nghĩ: "Ý ta đã nghĩ ác." Vị ấy bị nung nấu với ý nghĩ: "Ý ta đã không nghĩ thiện." Có hai pháp này, này các Tỷ-kheo, làm cho nung nấu.

IV. KINH KHÔNG LÀM CHO NUNG NẤU (*Atapanīyasutta*) (*A*. I. 50)

4. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo, không làm cho nung nấu. Thế nào là hai? Ở đây, có người thân làm thiện, thân không làm ác; miệng nói lời thiện, miệng không nói lời ác; ý nghĩ thiện, ý không nghĩ ác. Vị ấy không bị nung nấu với ý nghĩ: "Thân ta đã làm thiện." Vị ấy không bị nung nấu với ý nghĩ: "Thân ta đã không làm ác." Vị ấy không bị nung nấu với ý nghĩ: "Miệng ta đã nói lời thiện." Vị ấy không bị nung nấu với ý nghĩ: "Miệng ta đã không nói lời ác." Vị ấy không bị nung nấu với ý nghĩ: "Ý ta đã nghĩ thiện." Vị ấy không bị nung nấu với ý nghĩ: "Ý ta đã không nghĩ ác." Có hai pháp này, này các Tỷ-kheo, không làm cho nung nấu.

V. KINH ĐÃ BIẾT ĐƯỢC (*Upaññātasutta*) (*A*. I. 50)

5. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo, Ta đã học được, biết được. Thế nào là hai? Không biết đủ đối với thiện pháp và không có thối chuyển đối với tinh cần. Không có thối chuyển, này các Tỷ-kheo, Ta cố gắng như sau: "Ta sẵn sàng, dầu chỉ còn da, gân và xương, dầu thịt và máu trên thân bị khô héo, mong rằng sẽ tinh tấn kiên trì để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ sức mạnh của Ta, nhờ tinh tấn của Ta, nhờ cần dõng của Ta. Ta nhờ không phóng dật, chứng được Chánh giác; nhờ không phóng dật, chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách." Và này các Tỷ-kheo, nếu các ông không có thối chuyển, cố gắng như sau: "Ta sẵn sàng, dầu chỉ còn da, gân và xương, dầu thịt và máu trên thân bị khô héo, mong rằng sẽ tinh tấn kiên trì để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ sức mạnh của ta, nhờ tinh tấn của ta, nhờ cần dõng của ta", thời không bao lâu, này các Tỷ-kheo, các ông sẽ đạt được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đó chính là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, các ông với thắng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Không có thối chuyển, chúng ta cố gắng, chúng ta sẵn sàng, dầu chỉ còn da, gân và xương, dầu thịt và máu trên thân bị khô héo, mong rằng sẽ có tinh tấn, kiên trì để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, nhờ sức mạnh của chúng

ta, nhờ tinh tấn của chúng ta, nhờ cần dõng của chúng ta." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VI. KINH KIẾT SỬ (*Saṃyojanasutta*) (*A*. I. 51)

6. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Thấy vị ngọt trong các pháp có thể làm khởi lên kiết sử, và thấy nhàm chán trong các pháp có thể làm khởi lên kiết sử. Ai sống thấy vị ngọt trong các pháp có thể làm khởi lên kiết sử, này các Tỷ-kheo, tham không đoạn tận, sân không đoạn tận, si không đoạn tận; do tham không đoạn tận, sân không đoạn tận, si không đoạn tận, nên không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khổ đau. Ai sống thấy nhàm chán trong các pháp có thể làm khởi lên kiết sử, này các Tỷ-kheo, tham được đoạn tận, sân được đoạn tận, si được đoạn tận; do tham được đoạn tận, sân được đoạn tận, si được đoạn tận, nên được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; Ta nói rằng người ấy giải thoát khỏi khổ đau. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.

VII. KINH PHÁP ĐEN (*Kaṇhasutta*) (*A*. I. 51)

7. Hai pháp, này các Tỷ-kheo, là pháp đen.[17] Thế nào là hai? Không tàm và không quý. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp đen.

VIII. KINH PHÁP TRẮNG (*Sukkasutta*) (*A*. I. 51)

8. Hai pháp, này các Tỷ-kheo, là pháp trắng. Thế nào là hai? Tàm và quý. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp trắng.

IX. KINH HẠNH (*Cariyasutta*) (*A*. I. 51)

9. Hai pháp trắng, này các Tỷ-kheo, che chở cho thế giới. Thế nào là hai? Tàm và quý. Nếu hai pháp trắng này không che chở cho thế giới, thời không thể chỉ được đây là mẹ hay đây là cô dì, hay đây là vợ của anh hay em, hay đây là vợ của Thầy, hay đây là vợ của các vị Tôn trưởng. Và thế giới sẽ đi đến hỗn loạn như giữa các loài dê, loài gà vịt, loài heo, loài chó, loài dã can. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho thế giới, nên mới có thể chỉ được đây là mẹ hay đây là cô dì, hay đây là vợ của anh hay em, hay đây là vợ của Thầy, hay đây là vợ của các vị Tôn trưởng.

X. KINH AN CƯ MÙA MƯA (*Vassūpanāyikasutta*) (*A*. I. 52)

10. Có hai thời kỳ an cư mùa mưa, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Tiền an cư và hậu an cư. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai thời kỳ an cư mùa mưa.

---

[17] *Kaṇhā* (pháp đen) và *sukkā* (pháp trắng). Xem *M*. I. 389; *Dh*. v. 87; *It*. 36; *Miln*. 200; *Asl*. 129, 389.

II. PHẨM TRANH LUẬN
(*ADHIKARAṆAVAGGA*) (*A*. I. 52)

11. Có hai sức mạnh, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Sức mạnh tư sát[18] và sức mạnh tu tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sức mạnh tư sát? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tư sát như sau: "Với thân làm ác, quả dị thục là ác ngay hiện tại và trong đời sau. Với miệng nói ác, quả dị thục là ác ngay trong hiện tại và trong đời sau. Với ý nghĩ ác, quả dị thục là ác ngay trong hiện tại và trong đời sau." Vị ấy tư sát như vậy, từ bỏ thân làm ác, tu tập thân làm thiện; từ bỏ miệng nói ác, tu tập miệng nói thiện; từ bỏ ý nghĩ ác, tu tập ý nghĩ thiện; và giữ cho mình thật thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sức mạnh tư sát.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sức mạnh tu tập? Ở đây, này các Tỷ-kheo, sức mạnh tu tập tức là sức mạnh của người Hữu học (*Sekhāna*). Do sức mạnh tu tập, vị ấy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si. Sau khi từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, vị ấy không làm các điều bất thiện, không phục vụ các điều ác. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sức mạnh tu tập. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai sức mạnh.

12. Này các Tỷ-kheo, có hai sức mạnh. Thế nào là hai? Sức mạnh tư sát và sức mạnh tu tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sức mạnh tư sát?... (như trên). Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sức mạnh tư sát.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sức mạnh tu tập? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi[19] liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sức mạnh tu tập. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai sức mạnh.

13. Này các Tỷ-kheo, có hai sức mạnh... (như số 11). Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sức mạnh tu tập? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ; làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái

---

[18] *AA*. II. 97: *Paṭisaṅkhānabala = Paccavekkhaṇabala* (sức mạnh của việc tư duy quán sát).

[19] Xem *S*. V. 63.

hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm; ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba; xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sức mạnh tu tập. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai sức mạnh.

14. Có hai cách thuyết pháp này của Như Lai, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lược thuyết và quảng thuyết. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai cách thuyết pháp của Như Lai.

15. Trong bất cứ tranh tụng nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội, không tự mình khéo quán sát lấy mình, thời tranh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là sẽ đưa đến kéo dài, gay gắt, ác liệt, và các Tỷ-kheo sẽ sống không được an lạc. Và trong bất cứ cuộc tranh tụng nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội, tự mình khéo quán sát lấy mình, thời tranh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là sẽ không đưa đến kéo dài, gay gắt, ác liệt, và các Tỷ-kheo sẽ sống được an lạc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội, khéo tự mình quán sát lấy mình? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm tội quán sát như sau: "Ta phạm một tội bất thiện về thân. Tỷ-kheo ấy đã thấy ta phạm tội bất thiện về thân. Nếu ta không phạm tội bất thiện về thân, Tỷ-kheo ấy sẽ không thấy ta phạm tội bất thiện về thân. Do vì ta có phạm một tội bất thiện về thân, Tỷ-kheo ấy thấy ta có phạm tội bất thiện về thân. Do thấy ta có phạm tội bất thiện về thân, Tỷ-kheo ấy không được hoan hỷ. Vì không hoan hỷ, Tỷ-kheo ấy nói với ta lời không hoan hỷ. Vì ta bị Tỷ-kheo ấy nói lời không hoan hỷ nên ta không hoan hỷ. Do ta không hoan hỷ, ta nói cho các người khác biết. Như vậy, ở đây tội đã phạm chinh phục ta[20] như trường hợp người phải trả thuế hàng hóa của mình." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo phạm tội, khéo tự mình quán sát lấy mình.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo buộc tội, khéo tự mình quán sát lấy mình? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo buộc tội quán sát như sau: "Tỷ-kheo phạm một tội bất thiện về thân. Ta đã thấy Tỷ-kheo ấy phạm một tội bất thiện về thân. Nếu Tỷ-kheo ấy không phạm tội bất thiện về thân, thời ta đã không thấy Tỷ-kheo ấy phạm tội bất thiện về thân. Do vì Tỷ-kheo ấy có phạm một tội bất thiện về thân, do vậy Ta thấy Tỷ-kheo ấy phạm tội bất thiện về thân. Và sau khi thấy Tỷ-kheo ấy phạm tội bất thiện về thân, ta không hoan hỷ. Do ta không hoan hỷ, ta nói với Tỷ-kheo ấy lời không hoan hỷ. Vì Tỷ-kheo ấy bị ta nói lời không hoan hỷ nên không hoan hỷ. Vì không hoan hỷ, vị ấy nói cho các người khác biết. Như vậy, ở đây, tội đã phạm chinh phục ta, như trường hợp người phải trả thuế hàng hóa của mình." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo buộc tội, khéo tự mình quán sát lấy mình.

Trong bất cứ tranh tụng nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo

[20] *Accayo accagamā*. Xem *S*. II. 127.

buộc tội, không tự mình khéo quán sát lấy mình, thời tranh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là sẽ đưa đến kéo dài, gay gắt, ác liệt, và các Tỷ-kheo sẽ sống không được an lạc. Và trong bất cứ cuộc tranh tụng nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm tội và Tỷ-kheo buộc tội, tự mình khéo quán sát lấy mình, thời tranh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, có thể sẽ không đưa đến kéo dài, gay gắt, ác liệt, và các Tỷ-kheo sẽ sống được an lạc.

16. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, thưa Tôn giả Gotama, do duyên gì, ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?

– Do nhân phi pháp hành và bất bình đẳng hành, này Bà-la-môn, như vậy, ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

– Do nhân gì, thưa Tôn giả Gotama, do duyên gì ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này?

– Do nhân pháp hành và bình đẳng hành, này Bà-la-môn, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

17. Rồi Bà-la-môn Jāṇussoṇi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, thưa Tôn giả Gotama, do duyên gì, ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?

– Do vì có làm, này Bà-la-môn, do vì không làm, như vậy, ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

– Do nhân gì, thưa Tôn giả Gotama, do duyên gì, ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này?

– Do vì có làm, này Bà-la-môn, do vì không làm, như vậy, ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

– Thưa Tôn giả Gotama, con không được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt không giảng rộng của Tôn giả Gotama. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho con để con có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt không giảng rộng của Tôn giả Gotama!

– Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

Bà-la-môn Jāṇussoṇi vâng đáp Thế Tôn:

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này Bà-la-môn, có người thân làm ác, thân không làm thiện; miệng nói ác, miệng không nói thiện; ý nghĩ ác, ý không nghĩ thiện; như vậy, này Bà-la-môn, do làm và do không làm như vậy, ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Lại nữa, ở đây, này Bà-la-môn, có một số chúng sanh thân làm thiện, thân không làm ác; miệng nói thiện, miệng không nói ác; ý nghĩ thiện, ý không nghĩ ác; như vậy, này Bà-la-môn, do làm và do không làm như vậy, ở đây một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

18. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi xuống một bên:

– Ta tuyên bố một cách dứt khoát rằng, này Ānanda, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác là điều không nên làm.

– Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã tuyên bố một cách dứt khoát rằng thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác là điều không nên làm. Nếu làm những điều không nên làm ấy thời có những nguy hại gì chờ đợi?

– Vì rằng, này Ānanda, Ta đã tuyên bố một cách dứt khoát rằng thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác là điều không nên làm. Nếu làm những điều không nên làm ấy thời có những nguy hại như sau chờ đợi: Tự mình chê trách mình; sau khi biết được, người trí chê trách; tiếng ác đồn xa; bị mê ám khi mệnh chung; sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Vì thế, này Ānanda, Ta đã tuyên bố một cách dứt khoát rằng thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác là điều không nên làm. Nếu làm những điều không nên làm ấy, thời có những nguy hại như vậy chờ đợi. Ta tuyên bố một cách dứt khoát rằng, này Ānanda, thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện là điều nên làm.

– Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã tuyên bố một cách dứt khoát rằng thân

làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện là điều nên làm. Nếu làm những điều nên làm ấy thời có những lợi ích gì được chờ đợi?

– Vì rằng, này Ānanda, Ta đã tuyên bố một cách dứt khoát rằng thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện là điều nên làm. Nếu làm những điều nên làm ấy thời có những lợi ích như sau được chờ đợi: Tự mình không chê trách mình; sau khi biết được, người trí tán thán; tiếng lành đồn xa; không bị mê ám khi mệnh chung; sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Vì thế, này Ānanda, Ta đã tuyên bố một cách dứt khoát rằng thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện là điều nên làm. Nếu làm những điều nên làm ấy thời có những lợi ích như vậy được chờ đợi.

19. Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện. Này các Tỷ-kheo, từ bỏ bất thiện có thể làm được. Nếu từ bỏ bất thiện không thể làm được thời Ta đã không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện." Vì rằng, này các Tỷ-kheo, từ bỏ bất thiện có thể làm được, do vậy Ta mới nói rằng: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện." Và nếu, này các Tỷ-kheo, từ bỏ bất thiện đưa đến bất hạnh, đau khổ, thời Ta không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện." Và này các Tỷ-kheo, vì từ bỏ bất thiện đưa đến hạnh phúc, an lạc nên Ta đã nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ bất thiện."

Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện. Này các Tỷ-kheo, tu tập thiện có thể làm được. Nếu tu tập thiện không thể làm được, này các Tỷ-kheo, thời Ta đã không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện." Vì rằng, này các Tỷ-kheo, tu tập thiện có thể làm được, do vậy Ta mới nói rằng: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện." Và nếu, này các Tỷ-kheo, tu tập thiện đưa đến bất hạnh, đau khổ, thời Ta đã không nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện." Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, vì tu tập thiện đưa đến hạnh phúc, an lạc nên Ta đã nói như sau: "Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thiện."

20. Hai pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự hỗn loạn [mê mờ] và biến mất của Diệu pháp. Thế nào là hai? Văn cú bị đảo ngược[21] và ý nghĩa bị hiểu lầm. Nếu văn cú bị đảo ngược thời ý nghĩa bị hiểu lầm. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp đưa đến hỗn loạn và biến mất của Diệu pháp.

21. Hai pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến an trú, không hỗn loạn, không biến mất của Diệu pháp. Thế nào là hai? Văn cú được sử dụng chơn chánh và ý nghĩa được hiểu chơn chánh. Nếu văn cú được sử dụng chơn chánh thời ý nghĩa được hiểu chơn chánh. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp đưa đến an trú, không hỗn loạn, không biến mất của Diệu pháp.

[21] Xem *A.* II. 147; *Netti*. 21.

III. PHẨM NGƯỜI NGU
(*BĀLAVAGGA*) (*A.* I. 60)

22. Này các Tỷ-kheo, có hai loại người ngu này. Thế nào là hai? Người có phạm tội nhưng không thấy có phạm tội; và người không chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình. Này các Tỷ-kheo, có hai loại người ngu này.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại người có trí. Thế nào là hai? Người có phạm tội thấy là có phạm tội; và người chấp nhận người khác như pháp phát lộ tội của mình. Này các Tỷ-kheo, có hai loại người có trí này.

23. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai.[22] Thế nào là hai? Người độc ác với tâm đầy sân hận; và người có lòng tin với tà kiến. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai.

24. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ Như Lai có nói, có thuyết là Như Lai không nói, không thuyết; và người nêu rõ Như Lai không nói, không thuyết là Như Lai có nói, có thuyết. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ Như Lai có nói, có thuyết là Như Lai có nói, có thuyết; và người nêu rõ Như Lai không nói, không thuyết là Như Lai không nói, không thuyết. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai.

25. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ kinh cần phải giải nghĩa là kinh đã được giải nghĩa, và người nêu rõ kinh đã được giải nghĩa là kinh cần phải giải nghĩa. Này các Tỷ-kheo, hai hạng người này xuyên tạc Như Lai.

26. Này các Tỷ-kheo, có hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai. Thế nào là hai? Người nêu rõ kinh cần phải giải nghĩa là kinh cần phải giải nghĩa; và người nêu rõ kinh đã được giải nghĩa là kinh đã được giải nghĩa. Này các Tỷ-kheo, hai hạng người này không xuyên tạc Như Lai.

27. Với người có hành động che đậy,[23] này các Tỷ-kheo, một trong hai sanh thú được chờ đợi: Địa ngục hay bàng sanh. Với người không có hành động che đậy, này các Tỷ-kheo, một trong hai sanh thú được chờ đợi: Chư thiên hay loài người.

[22] Xem *Vin.* II. 249.
[23] Xem *A.* II. 239.

28. Với người có tà kiến, này các Tỷ-kheo, một trong hai sanh thú được chờ đợi: Địa ngục hay bàng sanh.

29. Với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo, một trong hai sanh thú được chờ đợi: Chư thiên hay loài người.

30. Người theo ác giới, này các Tỷ-kheo, có hai sanh thú đang chờ đợi (*paṭiggāha*): Địa ngục hay bàng sanh. Người đầy đủ thiện giới, này các Tỷ-kheo, có hai sanh thú đang chờ đợi: Chư thiên hay loài người.

31. Do quán thấy hai lợi ích, này các Tỷ-kheo, Ta đi đến các khu rừng hẻo lánh, các trú xứ xa vắng. Thế nào là hai? Thấy tự mình hiện tại lạc trú, và có lòng thương tưởng đến những chúng sanh về sau. Do quán thấy hai lợi ích này, này các Tỷ-kheo, nên Ta đi đến các khu rừng hẻo lánh, các trú xứ xa vắng.

32. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo, thuộc thành phần minh. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Chỉ được tu tập, này các Tỷ-kheo, có lợi ích gì? Tâm được tu tập. Tâm được tu tập, có lợi ích gì? Cái gì thuộc về tham được đoạn tận. Quán được tu tập, này các Tỷ-kheo, có lợi ích gì? Tuệ được tu tập. Tuệ được tu tập, có lợi ích gì? Cái gì thuộc vô minh được đoạn tận. Bị tham làm uế nhiễm, này các Tỷ-kheo, tâm không thể giải thoát. Hay bị vô minh làm uế nhiễm, tuệ không được tu tập. Do vậy, do ly tham, tâm giải thoát. Do đoạn vô minh, tuệ giải thoát.



IV. PHẨM TÂM THĂNG BẰNG (*SAMACITTAVAGGA*)[24] (*A*. I. 62)

33. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về địa vị bậc không phải chân nhân[25] và địa vị bậc chân nhân. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là địa vị bậc không phải chân nhân? Người không phải chân nhân, này các Tỷ-kheo, không biết ơn, không nhớ ơn. Đối với những người độc ác, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỷ-kheo, tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị của kẻ không phải chân nhân, này các Tỷ-kheo, tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Còn bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo, là biết ơn, nhớ ơn. Đối với những thiện nhân, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỷ-kheo, tức là biết ơn, nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị của bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo, tức là biết ơn, nhớ ơn.

34. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, Ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và cha. Nếu một bên vai cõng mẹ, này các Tỷ-kheo, nếu một bên vai cõng cha, làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đấy, mẹ cha có vãi tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ cho mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỷ-kheo, nếu có an trí mẹ cha vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ cho mẹ và cha. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, mẹ cha đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này.[26] Nhưng này các Tỷ-kheo, ai đối với mẹ cha không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ cho mẹ và cha.[27]

---

[24] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.20.5. 0600a05).

[25] *AA*. II. 121: *Asappurisabhūmīti asappurisānaṃ patiṭṭhānaṭṭhānaṃ* ("Địa vị bậc không phải chân nhân" tức nói đến nơi chốn, vị trí của người không phải bậc chân nhân).

[26] *Dassetāro*. Xem *A*. I. 132.

[27] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.20.11. 0601a10).

35. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm thân hữu; sau khi nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy nói với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama đã nói gì, đã thuyết gì?

– Này Bà-la-môn, Ta thuyết về hành động và Ta thuyết về không hành động.

– Như thế nào, Tôn giả Gotama thuyết về hành động và thuyết về không hành động?

– Ta thuyết về không hành động, này Bà-la-môn, đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Ta thuyết không hành động đối với nhiều loại pháp ác, bất thiện. Ta thuyết hành động, này Bà-la-môn, đối với thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Ta thuyết hành động đối với nhiều loại pháp thiện. Như vậy, này Bà-la-môn, Ta thuyết về hành động và Ta thuyết về không hành động.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

36. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika bạch Thế Tôn:

– Có bao nhiêu người, bạch Thế Tôn, đáng được cúng dường ở đời? Và chỗ nào cần phải bố thí cúng dường?

– Có hai hạng người, này gia chủ, đáng được cúng dường ở đời: Hữu học và Vô học.[28] Đối với hai hạng người này, đáng được cúng dường ở đời, này gia chủ, ở đây cần phải bố thí cúng dường.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo sư lại nói thêm:

Hữu học và Vô học,
Cả hai ở trong đời,
Đều đáng được cúng dường,
Đối với người dâng lễ.
Họ giữ thân chánh trực,
Cả lời nói ý nghĩ,

[28] Xem *Pug*. 22. Hạng đầu là hạng đã đoạn tận 5 hạ phần kiết sử ở dục giới. Hạng thứ hai là hạng đã đoạn tận 5 thượng phần kiết sử ở sắc giới và vô sắc giới.

Phước điền người dâng cúng,
Đây thí có quả lớn.[29]

37. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Sāvatthi, Thắng Lâm, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta trú ở Sāvatthi, tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migāra. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này chư Hiền, tôi sẽ giảng về người bị nội kiết sử trói buộc và người bị ngoại kiết sử trói buộc. Hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này chư Hiền, thế nào là người bị nội kiết sử trói buộc? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo có giới hạnh, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào một trong các thiên giới. Sau khi từ chỗ ấy mệnh chung, vị ấy trở lui lại làm người, trở lại thế giới này. Vị này, này chư Hiền, được gọi là người bị nội kiết sử trói buộc, người trở lui, trở lại trạng thái này.[30]

Này chư Hiền, thế nào là người bị ngoại kiết sử trói buộc? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo có giới hạnh, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ấy chứng đạt và an trú an tịnh tâm giải thoát. Sau khi thân hoại mệnh chung, vị ấy sanh vào một trong các thiên giới. Sau khi từ chỗ ấy mệnh chung, vị ấy không còn trở lui, không còn trở lại đời này nữa. Vị này, này chư Hiền, được gọi là người bị ngoại kiết sử trói buộc, không còn trở lui, không còn trở lại đời này nữa.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới hạnh, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ấy thực hiện sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt các dục vọng. Vị ấy thực hiện sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt các hữu.[31] Vị ấy thực hiện sự đoạn diệt khát ái. Vị ấy thực hiện sự đoạn diệt tham. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào một trong các thiên giới.[32] Sau

---

[29] Tham chiếu: *Phước điền kinh* 福田經 (*T.*01 0026.127. 0616a05); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.992. 0258c11).

[30] *Itthattaṃ ithabhāvaṃ*: Trong trường hợp này không có nghĩa là "như vậy" mà là chỉ cho "đời này". Xem *A.* II. 160; *AA.* II. 265; *KS.* I. 318.

[31] Cả dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

[32] *Chú giải*: Cảnh giới Tịnh Cư thiên.

khi từ chỗ ấy mệnh chung, vị ấy không còn trở lui, không còn trở lại đời này nữa. Vị này, này chư Hiền, được gọi là người bị ngoại kiết sử trói buộc, không còn trở lui, không còn trở lại đời này nữa.

Rồi một số đông chư thiên với tâm thăng bằng[33] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, chư thiên ấy bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Sāriputta này, bạch Thế Tôn, tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migāra, thuyết pháp về người bị nội kiết sử trói buộc và người bị ngoại kiết sử trói buộc. Hội chúng rất hoan hỷ, bạch Thế Tôn. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn đi đến Tôn giả Sāriputta.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất ở Thắng Lâm, hiện ra tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migāra, trước mặt Tôn giả Sāriputta. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Sāriputta đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi một bên:

– Ở đây, này Sāriputta, có một số đông chư thiên, với tâm thăng bằng, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, chư thiên ấy thưa với Ta: "Tôn giả Sāriputta này, bạch Thế Tôn, tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migāra, thuyết pháp về người bị nội kiết sử trói buộc và người bị ngoại kiết sử trói buộc. Hội chúng rất hoan hỷ, bạch Thế Tôn. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn đi đến Tôn giả Sāriputta." Này Sāriputta, chư thiên ấy tuy con số đến mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, sáu mươi, nhưng cùng đứng chỉ trong khoảng trống đầu một cây kim, không có chen lấn nhau. Này Sāriputta, ông có thể nghĩ như sau: "Chắc chắn, tại chỗ kia[34] [trên thiên giới] chư thiên ấy đã tu tập, nhờ vậy, chư thiên ấy, tuy con số đến mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, sáu mươi, nhưng cùng đứng chỉ trong khoảng trống đầu một cây kim, không có chen lấn nhau." Này Sāriputta, ông chớ có thấy như vậy. Chính tại đây, này Sāriputta, chư thiên ấy đã tu tập tâm, nhờ vậy, chư thiên ấy tuy con số đến mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, sáu mươi, nhưng cùng đứng chỉ trong khoảng trống đầu một cây kim, không chen lấn nhau. Do vậy, này Sāriputta, cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ có các căn an tịnh, các ý an tịnh." Này Sāriputta, cần phải học tập như vậy. Với những ai có các căn an tịnh, này Sāriputta, với những ai có các ý an tịnh, thời thân nghiệp cũng sẽ được an tịnh, khẩu nghiệp được an tịnh, ý nghiệp được an tịnh. "Chúng ta sẽ đem tặng cho các vị đồng Phạm hạnh một quà tặng an tịnh", này Sāriputta, các ông cần phải học tập như vậy. Các du sĩ ngoại đạo nào, này Sāriputta, không được nghe pháp môn này, họ sẽ bị thiệt hại.[35]

---

[33] *AA*. II. 136: *Samacittā devatāti cittassa sukhumabhāvasamatāya samacittā* ("Chư thiên với tâm thăng bằng" nghĩa là tâm như nhau, tâm bình đẳng). Bản tiếng Anh của PTS viết: *They were not 'born so' but had created an appearance resembling their state of mind*, nghĩa là *họ không được sinh ra như vậy nhưng hình thức bên ngoài được tạo ra tương ứng với trạng thái tâm của họ* (*GS*. I. 63).

[34] *Tattha* trong trường hợp này nghĩa là phải tu tập ngay trong đời hiện tại.

[35] Tham chiếu: *Đẳng tâm kinh* 等心經 (*T*.01. 0026.21. 0448c16).

38. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Mahākaccāna ở tại Varaṇā, trên bờ sông Kaddamadaha. Rồi Bà-la-môn Ārāmadaṇḍa đi đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahākaccāna những lời chào đón hỏi thăm thân hữu; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ārāmadaṇḍa thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

– Do nhân gì, thưa Tôn giả Mahākaccāna, do duyên gì các người Sát-đế-lỵ tranh chấp với các người Sát-đế-lỵ, các người Bà-la-môn tranh chấp với các người Bà-la-môn, các gia chủ tranh chấp với các gia chủ?

– Do nhân thiên chấp, do bị trói buộc, do bị đắm say, do bị xâm chiếm, do bị đắm trước (*ajjhosāna*) bởi các dục tham, này Bà-la-môn, nên các người Sát-đế-lỵ tranh chấp với các người Sát-đế-lỵ, các người Bà-la-môn tranh chấp với các người Bà-la-môn, các người gia chủ tranh chấp với các người gia chủ.

– Do nhân gì, thưa Tôn giả Mahākaccāna, do duyên gì các Sa-môn tranh chấp với các Sa-môn?

– Do nhân thiên chấp, do bị trói buộc, do bị đắm say, do bị xâm chiếm, do bị đắm trước bởi các kiến tham, này Bà-la-môn, nên các Sa-môn tranh chấp với các Sa-môn.

– Nhưng thưa Tôn giả Kaccāna, có người nào ở đời có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này?

– Có người ở đời này, này Bà-la-môn, có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này.

Vị ấy là ai, này Bà-la-môn, có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này?

Ở quốc độ phương Đông, này Bà-la-môn, có một thành phố tên là Sāvatthi. Tại đấy, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nay đang cư trú. Vị Thế Tôn ấy, này Bà-la-môn, đã vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; đã vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Ārāmadaṇḍa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, đầu gối phía hữu quỳ trên đất, chắp tay hướng về phía Thế Tôn và nói lên ba lần lời cảm hứng như sau:

– Kính lễ Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Kính lễ Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Kính lễ Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Vị Thế Tôn ấy đã vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm

chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; đã vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Kaccāna! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Kaccāna! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, thưa Tôn giả Kaccāna, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay đem đèn vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc, cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Kaccāna dùng nhiều pháp môn để giải thích. Thưa Tôn giả Kaccāna, con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo! Mong Tôn giả Kaccāna chấp nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.[36]

39. Một thời, Tôn giả Mahākaccāna trú ở Madhurā, tại rừng Gundā. Rồi Bà-la-môn Kaṇḍarāyana đi đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahākaccāna những lời chào đón hỏi thăm thân hữu; sau khi nói lên với Tôn giả Mahākaccāna những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Kaṇḍarāyana thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

– Tôi có nghe như sau, thưa Tôn giả Kaccāna: "Sa-môn Kaccāna không kính lễ, không đứng dậy, không lấy ghế mời ngồi các bậc Bà-la-môn già cả, trưởng lão, các bậc trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời, đã đạt mức cuối tuổi đời." Thưa Tôn giả Kaccāna, có phải sự tình là như vậy không? Nếu Tôn giả Kaccāna không kính lễ, không đứng dậy, không lấy ghế mời ngồi các bậc Bà-la-môn già cả, trưởng lão, các bậc trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời, đã đạt mức cuối tuổi đời, sự tình như vậy, thưa Tôn giả Kaccāna, là không được tốt đẹp.

– Này Bà-la-môn, có Thế Tôn, bậc Tri Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã tuyên bố về địa vị của tuổi trưởng lão và về địa vị của tuổi trẻ. Vị trưởng lão, này Bà-la-môn, tám mươi tuổi hay chín mươi tuổi, hay một trăm tuổi đời, nếu vị ấy thọ hưởng các dục vọng, sống giữa các dục vọng, bị đốt cháy bởi lửa nhiệt não của dục vọng, bị nhai nghiến bởi các tầm tư dục vọng, cố gắng tìm cầu các dục vọng; người như vậy được gọi là kẻ ngu, không phải là bậc trưởng lão. Dầu cho, này Bà-la-môn, một người còn trẻ, một thanh niên trẻ trung với tóc đen nhánh, đầy đủ tuổi trẻ hiền thiện trong thời sơ khởi của tuổi đời, mà người ấy không hưởng thọ các dục vọng, không sống giữa các dục vọng, không bị đốt cháy bởi lửa nhiệt não của dục vọng, không bị nhai nghiến bởi các tầm tư dục vọng, không cố gắng tìm cầu các dục vọng; người như vậy được gọi là bậc có trí, bậc trưởng lão.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Kaṇḍarāyana từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu đảnh lễ chân các Tỷ-kheo còn trẻ tuổi và nói:

– Trưởng lão là chư Tôn giả, đã đứng trên địa vị trưởng lão. Trẻ tuổi là chúng con, đã đứng trên địa vị trẻ tuổi.

---

[36] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.546. 0141b22).

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Kaccāna... Mong Tôn giả Kaccāna chấp nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

40. – Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người ăn trộm cường mạnh trong khi các vua chúa yếu đuối, trong khi ấy, thật không an toàn cho các vua chúa để đi qua lại, đi ra, đi quan sát (*anusaññātuṃ*) các biên cương. Và trong khi ấy, thật không an toàn cho các Bà-la-môn, các gia chủ để đi qua lại, đi ra, đi giám sát các công việc làm ở ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào các ác Tỷ-kheo cường mạnh trong khi các thuần tịnh Tỷ-kheo yếu đuối, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo thuần tịnh giữ thái độ im lặng hoặc ẩn mình giữa chúng Tỷ-kheo, hoặc đi đến các quốc độ biên địa. Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là bất hạnh cho đa số, là bất lạc cho đa số, là bất lợi cho đa số, là bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, các vua chúa cường mạnh trong khi các trộm cướp yếu đuối, trong khi ấy, thật an toàn cho các vua chúa để đi qua lại, đi ra, đi quan sát các biên cương. Và trong khi ấy, thật an toàn cho các Bà-la-môn, các gia chủ để đi qua lại, đi ra, đi giám sát các công việc làm ở ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào các thuần tịnh Tỷ-kheo cường mạnh trong khi các ác Tỷ-kheo yếu đuối, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, các ác Tỷ-kheo giữ thái độ im lặng, hoặc ẩn mình giữa chúng Tỷ-kheo, hoặc đi các chỗ khác. Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạnh phúc cho đa số, là an lạc cho đa số, là lợi ích cho đa số, là hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

41. Ta không tán thán hai loại tà hạnh, này các Tỷ-kheo, ở người gia chủ hay ở người xuất gia.[37] Người gia chủ hay người xuất gia theo tà hạnh, này các Tỷ-kheo, do nhân duyên tà hạnh, không thể đem lại chánh lý, thiện pháp.

Ta tán thán hai loại chánh hạnh, này các Tỷ-kheo, ở người gia chủ hay ở người xuất gia. Người gia chủ hay người xuất gia theo chánh hạnh, này các Tỷ-kheo, do nhân duyên chánh hạnh, có thể đem lại chánh lý, thiện pháp.

42. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, chặn đứng cả văn và nghĩa bằng cách nắm giữ sai lạc các kinh điển và những văn tự thích ứng, thì những Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chịu trách nhiệm về bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Ngoài ra, các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chất chứa nhiều điều vô phước và khiến cho Diệu pháp biến mất.

Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, tùy thuận cả văn và nghĩa bằng cách nắm giữ đúng đắn các kinh điển và những văn tự thích ứng, thì những Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chịu trách nhiệm về hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Ngoài ra, các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chất chứa nhiều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú.

---

[37] Xem *M.* II. 197.

V. PHẨM HỘI CHÚNG
(*PARISAVAGGA*) (*A*. I. 70)

43. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng nông nổi và hội chúng thâm sâu. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng nông nổi? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo tháo động,[38] kiêu căng, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng nông nổi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thâm sâu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo không tháo động, không kiêu căng, không dao động, không lắm mồm lắm miệng, không phát ngôn bừa bãi, không thất niệm, tỉnh giác, có định tĩnh, có nhất tâm, có các căn được bảo vệ, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thâm sâu.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thượng giữa hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thâm sâu.

44. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng bất hòa và hội chúng hòa hợp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng bất hòa? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng bất hòa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng hòa hợp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo hòa hợp, hòa kính, không có đấu tranh, hòa hợp như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt từ ái, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng hòa hợp.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thượng giữa hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng hòa hợp.

45. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng không thù thắng và hội chúng thù thắng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không thù thắng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Trưởng lão Tỷ-kheo sống trong sự đầy đủ,[39] lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không có ra sức tinh tấn để đạt đến những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ; còn lớp hậu

[38] Xem *M.* I. 32; *S.* I. 61; V. 269.

[39] *Bāhulikā*. Xem *A*. II. 148; *M.* I. 14.

nhân tùy thuận sở kiến của họ, sống trong sự đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không có ra sức tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không thù thắng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thù thắng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Trưởng lão Tỷ-kheo không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có ra sức tinh tấn để đạt đến những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ; còn lớp hậu nhân, tùy thuận sở kiến của họ, không sống trong sự đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, có gia sức tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng được những gì chưa chứng, để ngộ được những gì chưa ngộ, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thù thắng.

46. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng không phải Thánh và hội chúng bậc Thánh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không phải Thánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo không như thật rõ biết: "Đây là khổ"; không như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; không như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; không như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không phải Thánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng bậc Thánh? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ"; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng bậc Thánh.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng bậc Thánh.

47. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng cặn bã và hội chúng tinh ba. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng cặn bã? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo đi đến con đường dục,[40] đi đến con đường sân, đi đến con đường si, đi đến con đường sợ hãi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng cặn bã.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tinh ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo không đi đến con đường dục, không đi đến con đường sân, không đi đến con đường si, không đi đến con đường sợ hãi, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tinh ba.

---

[40] *Chanda*. Xem *D*. III. 133.

Này các Tỷ-kheo, đây là hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng tinh ba.

48. Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn và hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ không khéo nghe, không lóng tai, không an trú tâm để hiểu biết chúng, không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. Nhưng đối với các kinh điển thi văn do thi sĩ làm ra với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, họ lóng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng, họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ không hỏi đi hỏi lại cùng nhau, không có mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như: "Pháp này là gì? Thế nào là ý nghĩa của pháp này?" Họ không mở rộng những gì bị che kín, họ không phơi bày những gì không được phơi bày, họ không giải nghi về những điểm nghi vấn trong Chánh pháp, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo đối với các kinh điển thi văn do thi sĩ làm ra với các nguyên âm hoa mỹ, với các phụ âm hoa mỹ, các kinh thuộc ngoại giáo, được các đệ tử ngoại giáo nói lên, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ không khéo nghe, họ không lóng tai, họ không an trú tâm để hiểu biết chúng, họ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. Nhưng đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến không, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, lóng tai, họ an trú tâm để hiểu biết chúng, họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng. Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ hỏi đi hỏi lại cùng nhau, họ mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như sau: "Pháp này là gì? Thế nào là ý nghĩa của pháp này?" Họ mở rộng những gì được che kín, họ phơi bày những gì không được phơi bày, họ giải nghi về các điểm nghi vấn trong Chánh pháp, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương.

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương.

49. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng Diệu pháp và hội chúng tôn trọng Diệu pháp,

không tôn trọng tài vật. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng Diệu pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo trước mặt các gia chủ bận áo trắng, tự tán thán lẫn nhau như sau: "Tỷ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần; Tỷ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát; Tỷ-kheo này là bậc Thân chứng; Tỷ-kheo này là bậc Kiến chí (Kiến đắc); Tỷ-kheo này là bậc Tín giải thoát; Tỷ-kheo này là bậc Tùy pháp hành; Tỷ-kheo này là bậc Tùy tín hành; Tỷ-kheo này là bậc có giới hạnh, theo thiện pháp; Tỷ-kheo này là kẻ ác giới, theo ác pháp." Do vậy, họ được các lợi dưỡng. Sau khi được các lợi dưỡng, họ thọ hưởng, bị trói buộc, mê say, đắm trước, không thấy các sự nguy hại, không hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng tài vật, không tôn trọng Diệu pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tôn trọng Diệu pháp, không tôn trọng tài vật? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo trước mặt các gia chủ bận áo trắng, không tự tán thán lẫn nhau như sau: "Tỷ-kheo này là bậc Giải thoát cả hai phần; Tỷ-kheo này là bậc Tuệ giải thoát; Tỷ-kheo này là bậc Thân chứng; Tỷ-kheo này là bậc Kiến chí; Tỷ-kheo này là bậc Tín giải thoát; Tỷ-kheo này là bậc Tùy pháp hành; Tỷ-kheo này là bậc Tùy tín hành; Tỷ-kheo này là bậc có giới hạnh, theo thiện pháp; Tỷ-kheo này là kẻ ác giới, theo ác pháp." Do vậy, họ được các lợi dưỡng. Sau khi được các lợi dưỡng, họ thọ hưởng, không bị trói buộc, không bị mê say, không đắm trước, thấy các sự nguy hại, hiểu rõ sự giải thoát khỏi các lợi dưỡng ấy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tôn trọng Diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng tôn trọng Diệu pháp, không tôn trọng tài vật.

50. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng không đồng đẳng và hội chúng đồng đẳng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không đồng đẳng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào nghiệp phi pháp được thi hành, nghiệp đúng pháp không được thi hành; nghiệp phi luật được thi hành, nghiệp đúng luật không được thi hành; nghiệp phi pháp được phát huy, nghiệp đúng pháp không được phát huy; nghiệp phi luật được phát huy, nghiệp đúng luật không được phát huy, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không đồng đẳng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng đồng đẳng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào nghiệp đúng pháp được thi hành, nghiệp phi pháp không được thi hành; nghiệp đúng luật được thi hành, nghiệp phi luật không được thi hành; nghiệp đúng pháp được phát huy, nghiệp phi pháp không được phát huy; nghiệp đúng luật được phát huy, nghiệp phi luật không được phát huy, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng đồng đẳng.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng đồng đẳng.

51. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng phi pháp và hội chúng đúng pháp... (như trên).

Này các Tỷ-kheo, có hai hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng đúng pháp.

52. Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Thế nào là hai? Hội chúng thuyết phi pháp và hội chúng thuyết đúng pháp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết phi pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo khởi sự tranh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tranh tụng ấy, họ không tin cho nhau biết và không tìm cách tin cho nhau biết; họ không hòa giải cùng nhau và không tìm cách đi đến hòa giải; họ cương quyết không tin cho nhau biết; họ cương quyết không hòa giải với nhau; họ không từ bỏ tranh tụng ấy; họ kiên trì tranh tụng ấy, chấp thủ, thiên chấp và tuyên bố: "Chỉ có đây mới là sự thật, ngoài ra là hư ngụy", này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thuyết phi pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng thuyết đúng pháp? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo khởi lên sự tranh tụng hợp pháp hay phi pháp. Sau khi khởi lên sự tranh tụng ấy, họ tin cho nhau biết và tìm cách tin cho nhau biết; họ hòa giải cùng nhau và tìm cách đi đến hòa giải; họ cương quyết tin cho nhau biết và cương quyết hòa giải với nhau; họ từ bỏ tranh tụng ấy; họ không kiên trì tranh tụng ấy, không chấp thủ, không thiên chấp và không tuyên bố: "Chỉ có đây là sự thật, ngoài ra là hư ngụy", này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng thuyết đúng pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại hội chúng này. Hội chúng tối thắng trong hai hội chúng này, này các Tỷ-kheo, tức là hội chúng thuyết đúng pháp.



VI. PHẨM NGƯỜI
(*PUGGALAVAGGA*) (*A*. I. 77)

53. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số; đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là hai? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Những người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số; đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

54. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, là sự xuất hiện của những người vi diệu. Thế nào là hai? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Những người này, này các Tỷ-kheo, khi xuất hiện ở đời, là sự xuất hiện của những người vi diệu.

55. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, khi mệnh chung, đem lại thương tiếc cho đa số. Thế nào là hai? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, khi mệnh chung, đem lại thương tiếc cho đa số.

56. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, xứng đáng để xây tháp. Thế nào là hai? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Chuyển Luân Vương. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, xứng đáng để xây tháp.

57. Có hai bậc Giác Ngộ, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Độc Giác Phật. Những vị này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc Giác Ngộ.

58. Có hai [sanh] loại, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi. Thế nào là hai? Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc và con voi thuần chủng. Hai [sanh] loại này, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi.

59. Có hai [sanh] loại, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi. Thế nào là hai? Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc và con ngựa nòi giống tốt. Hai [sanh] loại này, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi.

60. Có hai [sanh] loại, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi. Thế nào là hai? Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc và con sư tử, vua các loài thú. Hai [sanh] loại này, này các Tỷ-kheo, không bị sét đánh làm cho sợ hãi.

61. Do thấy hai lý do, này các Tỷ-kheo, các loài kimpurisa[41] (phi nhân,

---

[41] Kimpurisa. *AA*. II. 151 viết là Kinnarā (Kim Sí điểu), loại chim thần thoại với thân người đầu ngựa hay đầu thú khác.

khẩn-na-la) không nói lên tiếng người. Thế nào là hai? "Chúng ta chớ có nói láo và chúng ta chớ có xuyên tạc người khác với điều không thật." Do thấy hai lý do này, này các Tỷ-kheo, các loài kiṃpurisa không nói lên tiếng người.

62. Có hai điều, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ. Thế nào là hai? Sự giao cấu và sanh con. Hai điều này, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ.

63. – Ta sẽ giảng cho các ông, này các Tỷ-kheo, về sự cộng trú của người bất thiện và sự cộng trú của người thiện. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự cộng trú của người bất thiện và thế nào là người bất thiện cộng trú với nhau? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị trưởng lão Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Mong rằng vị trưởng lão không nói với ta, vị trung niên không nói với ta, vị tân học không nói với ta. Và ta cũng không nói với vị trưởng lão, ta cũng không nói với vị trung niên, ta cũng không nói với vị tân học. Nếu vị trưởng lão nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn làm hại ta, không phải vì hạnh phúc cho ta, ta hãy nói 'không' với vị ấy, ta hãy làm cho vị ấy phật lòng; và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta không có đáp ứng thích hợp. Nếu vị trung niên nói với ta... Nếu vị tân học nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn làm hại ta, không phải vì hạnh phúc cho ta, ta hãy nói 'không' với vị ấy, ta hãy làm cho vị ấy phật lòng; và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta không có đáp ứng thích hợp."

Này các Tỷ-kheo, vị trung niên Tỷ-kheo suy nghĩ như sau...

Này các Tỷ-kheo, vị tân học Tỷ-kheo suy nghĩ như sau...

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự cộng trú của người bất thiện và như vậy là người bất thiện cộng trú với nhau.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự cộng trú của người thiện và thế nào là người thiện cộng trú với nhau? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị trưởng lão Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Mong rằng vị trưởng lão nói với ta, vị trung niên nói với ta, vị tân học nói với ta. Và ta cũng sẽ nói với vị trưởng lão, cũng sẽ nói với vị trung niên, cũng sẽ nói với vị tân học. Nếu vị trưởng lão nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn hạnh phúc cho ta, không với ý muốn làm hại ta, ta sẽ nói: 'Lành thay!' với vị ấy, ta sẽ không làm cho vị ấy phật lòng; và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta có đáp ứng thích hợp. Nếu vị trung niên nói với ta... Nếu vị tân học nói với ta, vị ấy nói với ta với ý muốn hạnh phúc cho ta, không với ý muốn làm hại ta, ta sẽ nói: 'Lành thay!' với vị ấy, ta sẽ không làm vị ấy phật lòng; và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta sẽ đáp ứng thích hợp."

Này các Tỷ-kheo, vị trung niên Tỷ-kheo suy nghĩ như sau...

Này các Tỷ-kheo, vị tân học Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Mong rằng vị trưởng lão nói với ta, vị trung niên nói với ta, vị tân học nói với ta... và nếu thấy vị ấy nói đúng, ta sẽ đáp ứng thích hợp."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự cộng trú của người thiện và như vậy là người thiện cộng trú với nhau.

64. Trong cuộc tranh tụng nào, này các Tỷ-kheo, cả hai phía có lời qua tiếng lại, có những quan điểm ngoan cố, với tâm hiềm hận, ưu não, uất ức, nội tâm không an tịnh, thời sự tranh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là sẽ đưa đến kéo dài, gay gắt, thô bạo,[42] và các Tỷ-kheo sẽ sống không an lạc.

Và này các Tỷ-kheo, trong cuộc tranh tụng nào, này các Tỷ-kheo, cả hai phía có lời qua tiếng lại, có những quan điểm ngoan cố, với tâm hiềm hận, ưu não, uất ức, nhưng nội tâm được an tịnh, thời sự tranh tụng ấy, này các Tỷ-kheo, có thể sẽ không kéo dài, không có gay gắt, không có thô bạo, và các Tỷ-kheo sẽ sống an lạc.



[42] Xem *A*. I. 53.

VII. PHẨM LẠC
(*SUKHAVAGGA*) (*A*. I. 80)

65. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc tại gia và lạc xuất gia. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc xuất gia.

66. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Dục lạc và viễn ly lạc. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là viễn ly lạc.

67. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc sanh y và lạc không sanh y. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc không sanh y.

68. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc có lậu hoặc và lạc không có lậu hoặc. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc không có lậu hoặc.

69. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc thuộc tài vật và lạc không thuộc tài vật. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc không thuộc tài vật.

70. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc bậc Thánh và lạc không phải bậc Thánh. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc bậc Thánh.

71. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc thuộc thân và lạc thuộc tâm. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc thuộc tâm.

72. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc có hỷ và lạc không có hỷ. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc không có hỷ.

73. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc có hân hoan và lạc có xả. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc có xả.

74. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc có định và lạc không có định. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc có định.

75. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc với sở duyên có hỷ

và lạc với sở duyên không có hỷ. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc với sở duyên không có hỷ.

76. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc với sở duyên có hân hoan và lạc với sở duyên có xả. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc với sở duyên có xả.

77. Có hai loại lạc, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Lạc với sở duyên thuộc sắc và lạc với sở duyên thuộc vô sắc. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai lạc. Tối thắng trong hai lạc này, này các Tỷ-kheo, tức là lạc với sở duyên thuộc vô sắc.



VIII. PHẨM TƯỚNG
(*SANIMITTAVAGGA*) (*A*. I. 82)

78. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có tướng, không phải không có tướng. Do đoạn tận chính tướng ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt.

79. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có nhân duyên, không phải không có nhân duyên. Do đoạn tận chính nhân duyên ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt.

80. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có nhân, không phải không có nhân. Do đoạn tận chính nhân ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt.

81. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có các hành, không phải không có các hành. Do đoạn tận chính các hành ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt.

82. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có duyên, không phải không có duyên. Do đoạn tận chính duyên ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt.

83. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có sắc, không phải không có sắc. Do đoạn tận chính sắc ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt.

84. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có thọ, không phải không có thọ. Do đoạn tận chính thọ ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt.

85. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có tưởng, không phải không có tưởng. Do đoạn tận chính tưởng ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt.

86. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có thức, không phải không có thức. Do đoạn tận chính thức ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt.

87. Này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện khởi lên có sở duyên hữu vi, không phải không có sở duyên hữu vi. Do đoạn tận chính sở duyên hữu vi ấy, như vậy các pháp ác, bất thiện ấy không có mặt.

IX. PHẨM CÁC PHÁP
(*DHAMMAVAGGA*) (*A*. I. 83)

88. Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này. Thế nào là hai? Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.

89. ... Tinh tấn và nhất tâm...

90. ... Danh và sắc...

91. ... Minh và giải thoát...

92. ... Hữu kiến và vô hữu kiến...

93. ... Vô tàm và vô quý...

94. ... Tàm và quý...

95. ... Khó nói và ác hữu...

96. ... Dễ nói và thiện hữu...

97. ... Giới thiện xảo và tác ý thiện xảo...

98. Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này. Thế nào là hai? Phạm thiện xảo và xuất phạm thiện xảo. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.



X. PHẨM KẺ NGU
(*BĀLAVAGGA*) (*A.* I. 85)

99. Này các Tỷ-kheo, có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai? Người mang gánh nặng chưa đến và người không mang gánh nặng đã đến. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu.

100. Này các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai? Người mang gánh nặng đã đến và người không mang gánh nặng chưa đến. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc hiền trí.

101. Này các Tỷ-kheo, có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai? Người tưởng là hợp pháp (*kappiyasaññī*) đối với việc không hợp pháp và người tưởng là không hợp pháp đối với việc hợp pháp. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu.

102. Này các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai? Người tưởng là không hợp pháp đối với việc không hợp pháp và người tưởng là hợp pháp đối với việc hợp pháp. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc hiền trí.

103. Này các Tỷ-kheo, có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai? Người tưởng là có phạm tội đối với việc không phạm tội và người tưởng là không phạm tội đối với việc có phạm tội. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu.

104. Này các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai? Người tưởng là không phạm tội đối với việc không phạm tội và người tưởng là phạm tội đối với việc có phạm tội. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc hiền trí.

105. Này các Tỷ-kheo, có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai? Người tưởng là đúng Pháp (*Dhammasaññī*) đối với việc phi Pháp và người tưởng là phi Pháp đối với việc đúng Pháp. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu.

106. Này các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai? Người tưởng là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp và người tưởng là phi Pháp đối với việc phi Pháp. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc hiền trí.

107. Này các Tỷ-kheo, có hai loại kẻ ngu này. Thế nào là hai? Người tưởng là đúng Luật (*Vinayasaññī*) đối với việc phi Luật và người tưởng là phi Luật đối với việc đúng Luật. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai kẻ ngu.

108. Này các Tỷ-kheo, có hai bậc hiền trí này. Thế nào là hai? Người tưởng là phi Luật đối với việc phi Luật và người tưởng là đúng Luật đối với việc đúng Luật. Hai người này, này các Tỷ-kheo, là hai bậc hiền trí.

109. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng.

Trong hai hạng người nào? Người lo lắng những việc không đáng lo lắng và người không lo lắng những việc đáng lo lắng. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng.

110. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người không lo lắng những việc không đáng lo lắng và người lo lắng những việc đáng lo lắng. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng.

111. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là hợp pháp đối với việc không hợp pháp và người tưởng là không hợp pháp đối với việc hợp pháp. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng.

112. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là không hợp pháp đối với việc không hợp pháp và người tưởng là hợp pháp đối với việc hợp pháp. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng.

113. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là có phạm tội đối với việc không phạm tội và người tưởng là không phạm tội đối với việc có phạm tội. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng.

114. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là có phạm tội đối với việc có phạm tội và người tưởng là không phạm tội đối với việc không phạm tội. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng.

115. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là đúng Pháp đối với việc phi Pháp và người tưởng là phi Pháp đối với việc đúng Pháp. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng.

116. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là đúng Pháp đối với việc đúng Pháp và người tưởng là phi Pháp đối với việc phi Pháp. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng.

117. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là đúng Luật đối với việc phi Luật và người tưởng là phi Luật đối với việc đúng Luật. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc tăng trưởng.

118. Trong hai hạng người, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng. Trong hai hạng người nào? Người tưởng là đúng Luật đối với việc đúng Luật và người tưởng là phi Luật đối với việc phi Luật. Trong hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc không tăng trưởng.

XI. PHẨM HY VỌNG KHÓ TỪ BỎ
(*ĀSĀDUPPAJAHAVAGGA*) (*A*. I. 87)

119. Có hai hy vọng, này các Tỷ-kheo, khó được từ bỏ. Thế nào là hai? Hy vọng được lợi dưỡng và hy vọng được sống. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai hy vọng khó được từ bỏ.

120. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời. Thế nào là hai? Người thi ân trước và người biết nhớ ơn đã làm.[43] Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời.

121. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời. Thế nào là hai? Người thỏa mãn và người làm người khác thỏa mãn.[44] Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời.

122. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, khó làm cho thỏa mãn. Thế nào là hai? Người cất chứa các lợi dưỡng và người phung phí các lợi dưỡng. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, khó làm cho thỏa mãn.

123. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, dễ làm cho thỏa mãn. Thế nào là hai? Người không cất chứa các lợi dưỡng và người không phung phí các lợi dưỡng. Hai hạng người này, này các Tỷ-kheo, dễ làm cho thỏa mãn.

124. Có hai duyên, này các Tỷ-kheo, khiến tham sanh khởi. Thế nào là hai? Tịnh tướng và không như lý tác ý. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến tham sanh khởi.

125. Có hai duyên, này các Tỷ-kheo, khiến sân sanh khởi. Thế nào là hai? Chướng ngại tướng và không như lý tác ý. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến sân sanh khởi.

126. Có hai duyên, này các Tỷ-kheo, khiến tà kiến sanh khởi. Thế nào là hai? Tiếng nói của người khác[45] và không như lý tác ý. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến tà kiến sanh khởi.

127. Có hai duyên, này các Tỷ-kheo, khiến chánh kiến sanh khởi. Thế nào là hai? Tiếng nói của người khác và như lý tác ý. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai duyên khiến chánh kiến sanh khởi.

---

[43] *Kataññūkatavedī*. *AA*. II. 157 giải thích hạng người đầu xem như là một bổn phận phải làm; và hạng thứ hai xem như là một bổn phận phải trả ơn.

[44] *Tappetā*. Độc Giác Phật và các đệ tử của Như Lai là *Tittā*; và Như Lai, Chánh Đẳng Giác là *Tappetā*. Hạng người đầu thỏa mãn vì thấy mình đã giải thoát; và hạng người thứ hai muốn làm các người khác thỏa mãn. Xem *AA*. II. 157; *Pug*. 27.

[45] *Parato ca ghoso* được giải thích là tiếng từ thế giới khác đến chứ không phải tiếng người bạn, v.v… Xem *M*. I. 294.

128. Có hai loại tội phạm, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Tội phạm nhẹ và tội phạm nặng. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại tội phạm.

129. Có hai loại tội phạm, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Tội phạm thô trọng và tội phạm không thô trọng. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại tội phạm.

130. Có hai loại tội phạm, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Tội phạm có dư tàn và tội phạm không có dư tàn. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại tội phạm.



XII. PHẨM HY CẦU
(*ĀYĀCANAVAGGA*) (*A*. I. 89)

131. Tỷ-kheo có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: “Mong rằng ta sẽ như Sāriputta và Moggallāna.” Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, tức là Sāriputta và Moggallāna.

132. Tỷ-kheo-ni có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: “Mong rằng ta sẽ như Tỷ-kheo-ni Khemā và Uppalavaṇṇā.” Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, tức là Tỷ-kheo-ni Khemā và Uppalavaṇṇā.

133. Cư sĩ có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: “Mong rằng ta sẽ như gia chủ Citta và Hatthaka[46] ở Āḷavī.” Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka ở Āḷavī.

134. Nữ cư sĩ có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: “Mong rằng ta sẽ như nữ cư sĩ Khujjuttarā và Veḷukaṇḍakiyā, mẹ của Nanda.” Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarā và Veḷukaṇḍakiyā, mẹ của Nanda.

135. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu vụng về, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là hai? Không suy tư, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán và chỉ trích người xứng đáng được tán thán. Do thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu vụng về, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước.

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí khôn khéo, bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức. Thế nào là hai? Sau khi suy tư và thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán, và chỉ trích người đáng bị chỉ trích. Do thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí khôn khéo, bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức.

---

[46] Xem *A*. I. 26.

136. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu vụng về, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là hai? Không có suy tư, không có thẩm sát, tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ không đáng tin tưởng và tự cảm thấy không tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng. Do thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu vụng về, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước.

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí khôn khéo, bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức. Thế nào là hai? Sau khi suy tư và thẩm sát, tự cảm thấy không tin tưởng đối với những chỗ không đáng tin tưởng, và tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng. Do thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí khôn khéo, bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức.

137. Do tà hạnh đối với hai [hạng người] này, kẻ ngu vụng về... nhiều điều vô phước. Đối với hai hạng người nào? Với mẹ và với cha. Do tà hạnh đối với hai [hạng người] này, kẻ ngu vụng về... nhiều điều vô phước.

Do chánh hạnh đối với hai [hạng người] này, bậc hiền trí... tạo nên nhiều phước đức. Đối với hai hạng người nào? Với mẹ và với cha. Do chánh hạnh đối với hai [hạng người] này, bậc hiền trí... tạo nên nhiều phước đức.

138. Do tà hạnh đối với hai [hạng người] này, kẻ ngu vụng về... nhiều điều vô phước. Đối với hai hạng người nào? Với Như Lai và với đệ tử của Như Lai. Do tà hạnh đối với hai [hạng người] này, kẻ ngu vụng về... nhiều điều vô phước.

Do chánh hạnh đối với hai [hạng người] này, bậc hiền trí... tạo nên nhiều phước đức. Đối với hai hạng người nào? Với Như Lai và với đệ tử của Như Lai. Do chánh hạnh đối với hai [hạng người] này, bậc hiền trí... tạo nên nhiều phước đức.

139. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Thanh tịnh tự tâm và không chấp thủ một cái gì ở đời. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.

140. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.

141. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Nhiếp phục phẫn nộ và nhiếp phục hiềm hận. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.

XIII. PHẨM BỐ THÍ
(*DĀNAVAGGA*) (*A.* I. 92)

142. Này các Tỷ-kheo, có hai loại bố thí này. Thế nào là hai? Bố thí tài vật và bố thí pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại bố thí. Tối thắng trong hai loại bố thí này, này các Tỷ-kheo, tức là bố thí pháp.

143. Này các Tỷ-kheo, có hai cúng dường này. Thế nào là hai? Cúng dường tài vật và cúng dường pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại cúng dường. Tối thắng trong hai loại cúng dường này, này các Tỷ-kheo, tức là cúng dường pháp.

144. Này các Tỷ-kheo, có hai loại thí xả này. Thế nào là hai? Thí xả tài vật và thí xả pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại thí xả. Tối thắng trong hai loại thí xả này, này các Tỷ-kheo, tức là thí xả pháp.

145. Này các Tỷ-kheo, có hai loại biến xả này. Thế nào là hai? Biến xả tài vật và biến xả pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại biến xả. Tối thắng trong hai loại biến xả này, này các Tỷ-kheo, tức là biến xả pháp.

146. Này các Tỷ-kheo, có hai loại tài sản này. Thế nào là hai? Tài sản tài vật và tài sản pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại tài sản. Tối thắng trong hai loại tài sản này, này các Tỷ-kheo, tức là tài sản pháp.

147. Này các Tỷ-kheo, có hai loại tài sản thọ dụng chung này. Thế nào là hai? Tài sản thọ dụng chung về tài vật và tài sản thọ dụng chung về pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại tài sản thọ dụng chung. Tối thắng trong hai loại tài sản thọ dụng chung này, này các Tỷ-kheo, tức là tài sản thọ dụng chung về pháp.

148. Này các Tỷ-kheo, có hai loại tài sản thọ dụng đồng đẳng này. Thế nào là hai? Tài sản thọ dụng đồng đẳng về tài vật và tài sản thọ dụng đồng đẳng về pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại tài sản thọ dụng đồng đẳng. Tối thắng trong hai loại tài sản thọ dụng đồng đẳng này, này các Tỷ-kheo, tức là tài sản thọ dụng đồng đẳng về pháp.

149. Này các Tỷ-kheo, có hai loại nhiếp thọ này. Thế nào là hai? Nhiếp thọ tài vật và nhiếp thọ pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại nhiếp thọ. Tối thắng trong hai loại nhiếp thọ này, này các Tỷ-kheo, tức là nhiếp thọ pháp.

150. Này các Tỷ-kheo, có hai loại nhiếp ích này. Thế nào là hai? Nhiếp ích tài vật và nhiếp ích pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại nhiếp ích. Tối thắng trong hai loại nhiếp ích này, này các Tỷ-kheo, tức là nhiếp ích pháp.

151. Này các Tỷ-kheo, có hai loại ai mẫn này. Thế nào là hai? Ai mẫn tài vật và ai mẫn pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại ai mẫn. Tối thắng trong hai loại ai mẫn này, này các Tỷ-kheo, tức là ai mẫn pháp.

XIV. PHẨM ĐÓN CHÀO
(*SANTHĀRAVAGGA*) (*A*. I. 93)

152-163. (Như trên đối với các pháp sau đây: "Đón chào... đón tiếp... tầm cầu... tầm cầu cùng khắp... tầm hỏi... cúng lễ... chiêu đãi... phồn vinh... tăng trưởng... châu báu... tích tập... quảng đại...")



151. Này các Tỷ-kheo, có hai loại ai mẫn này. Thế nào là hai? Ai mẫn tài vật và ai mẫn pháp. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai loại ai mẫn. Tối thắng trong hai loại ai mẫn này, này các Tỷ-kheo, tức là ai mẫn pháp.

XIV. PHẨM ĐÓN CHÀO
(*SANTHĀRAVAGGA*) (*A*. I. 93)

152-163. (Như trên đối với các pháp sau đây: "Đón chào... đón tiếp... tầm cầu... tầm cầu cùng khắp... tầm hỏi... cúng lễ... chiêu đãi... phồn vinh... tăng trưởng... châu báu... tích tập... quảng đại...")



XV. PHẨM NHẬP ĐỊNH
(*SAMĀPATTIVAGGA*) (*A*. I. 94)

164. Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này. Thế nào là hai? Thiện xảo nhập định và thiện xảo xuất định. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.

165. ... Chất trực và nhu hòa...

166. ... Kham nhẫn và dịu hiền...

167. ... Hòa thuận[47] và đón tiếp...

168. ... Bất hại và thanh tịnh...

169. ... Không hộ trì các căn và không tiết độ trong ăn uống...

170. ... Hộ trì các căn và tiết độ trong ăn uống...

171. ... Tư trạch lực và tu tập lực[48]...

172. ... Niệm lực và định lực...

173. ... Chỉ và quán...

174. ... Phá giới và phá kiến...

175. ... Cụ túc giới và cụ túc kiến...

176. ... Giới thanh tịnh và kiến thanh tịnh...

177. ... Kiến thanh tịnh và tinh tấn như kiến...

178. ... Không biết đủ đối với các thiện pháp và thiên về tinh tấn...

179. ... Thất niệm và không tỉnh giác...

180. ... Niệm và tỉnh giác...

---

[47] Xem *A*. I. 52.

[48] Xem *S*. IV. 240, v.v...

XVI. PHẨM PHẪN NỘ LƯỢC THUYẾT (*KODHAPEYYĀLA*)[49] (*A.* I. 95)

181. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận… giả dối và não hại… tật đố và bỏn xẻn... man trá và phản trắc… không tàm và không quý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.

182. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận… không giả dối và không não hại… không tật đố và không bỏn xẻn… không man trá và không phản trắc… tàm và quý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp.

183. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, phải sống trong đau khổ. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận… giả dối và não hại… tật đố và bỏn xẻn… man trá và phản trắc… không tàm và không quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, phải sống trong đau khổ.

184. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, được sống trong an lạc. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận... không giả dối và không não hại… không tật đố và không bỏn xẻn… không man trá và không phản trắc… tàm và quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, được sống trong an lạc.

185. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến đọa lạc cho các vị Tỷ-kheo Hữu học. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận… giả dối và não hại… tật đố và bỏn xẻn… man trá và phản trắc… không tàm và không quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến đọa lạc cho các vị Tỷ-kheo Hữu học.

186. Có hai pháp, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự đọa lạc cho các vị Tỷ-kheo Hữu học. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận… không giả dối và không não hại… không tật đố và không bỏn xẻn… không man trá và không phản trắc… tàm và quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến đọa lạc cho các vị Tỷ-kheo Hữu học.

187. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận... (như số 181)… không tàm và không quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục.

188. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận... (như số 182)… tàm và quý.

---

[49] Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XVI. 1-17. *Conditions*, etc., nghĩa là *Các điều kiện, v.v...*

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

189. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận... (như số 181)… không tàm và không quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

190. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận... (như số 182)… tàm và quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

XVII. PHẨM BẤT THIỆN LƯỢC THUYẾT (*AKUSALAPEYYĀLA*)[50] (*A*. I. 97)

191-200. Thành tựu hai pháp bất thiện này... hai pháp thiện này... hai pháp có tội này... hai pháp không có tội này... hai pháp tăng khổ này... hai pháp tăng lạc này… hai pháp với quả dị thục là khổ này... hai pháp với quả dị thục là lạc này... hai pháp não hại này... hai pháp không não hại này. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận… không giả dối và không não hại… không tật đố và không bỏn xẻn… không man trá và không phản trắc… tàm và quý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp không não hại.



[50] Trong bản tiếng Anh của PTS, phần này thuộc Chapter XVI. 1-17. *Conditions*, etc., nghĩa là *Các pháp*, *v.v*...

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

189. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận... (như số 181)… không tàm và không quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

190. Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận... (như số 182)… tàm và quý. Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

XVII. PHẨM BẤT THIỆN LƯỢC THUYẾT (*AKUSALAPEYYĀLA*)[50] (*A*. I. 97)

191-200. Thành tựu hai pháp bất thiện này... hai pháp thiện này... hai pháp có tội này... hai pháp không có tội này... hai pháp tăng khổ này... hai pháp tăng lạc này… hai pháp với quả dị thục là khổ này... hai pháp với quả dị thục là lạc này... hai pháp não hại này... hai pháp không não hại này. Thế nào là hai? Không phẫn nộ và không hiềm hận… không giả dối và không não hại… không tật đố và không bỏn xẻn… không man trá và không phản trắc… tàm và quý. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp không não hại.



[50] Trong bản tiếng Anh của PTS, phần này thuộc Chapter XVI. 1-17. *Conditions*, etc., nghĩa là *Các pháp*, *v.v*...

XVIII. PHẨM GIỚI LUẬT LƯỢC THUYẾT (*VINAYAPEYYĀLA*)[51] (*A*. I. 98)

201. Do thấy hai lợi ích này, Như Lai chế lập học giới cho các đệ tử. Thế nào là hai? Cực thiện cho Tăng chúng và an lạc cho Tăng chúng... chế ngự các người ác và lạc trú cho thuần tịnh Tỷ-kheo... sự phòng hộ các lậu hoặc, các oán thù, các tội phạm, các sợ hãi, các pháp bất thiện ngay trong hiện tại, và sự ngăn chặn các lậu hoặc, các oán thù, các tội phạm, các sợ hãi, các pháp bất thiện trong tương lai... lòng từ mẫn đối với các gia chủ và đoạn tuyệt các thành phần ác dục... đem lại tín tâm cho kẻ bất tín và làm tăng trưởng những người có tín tâm... cho Diệu pháp được an trú và để hộ trì giới luật. Do duyên hai lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Như Lai chế lập học giới cho các đệ tử.

202-230. Do duyên hai lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Như Lai chế lập Giới bổn (*Pātimokkha*) cho các đệ tử (như trên)... tụng đọc Giới bổn... đình chỉ Giới bổn... Tự tứ... đình chỉ Tự tứ... sở tác cần phải quở trách[52]... sở tác cần phải y chỉ,[53] sở tác cần phải tẩn xuất, sở tác cần phải xin lỗi[54]... sở tác cần phải ngưng chức... cho phép biệt trú[55]... bắt làm lại từ đầu[56]... cho phép làm... được phục hồi địa vị cũ... được phục chức... cần phải xuất ly... cụ túc... bạch yết-ma [lần đầu tiên][57]... đưa ra biểu quyết lần thứ hai... đưa ra biểu quyết lần thứ tư... điều chưa được chế lập... thay đổi điều đã được chế lập... giải quyết với sự hiện diện của hai phe liên hệ... giải quyết theo ức niệm của đương sự phạm tội... giải quyết sau khi đương sự khỏi điên loạn... giải quyết theo sự chấp thuận của đương sự... giải quyết theo số đông... giải quyết tùy theo đương sự phạm tội... giải quyết như trải cỏ ra cho các đệ tử.

Thế nào là hai? Cực thiện cho Tăng chúng và an lạc cho Tăng chúng... chế ngự các người ác và lạc trú cho thuần tịnh Tỷ-kheo... cho Diệu pháp được an trú và để hộ trì giới luật. Do duyên hai lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Như Lai đã chế lập... giải quyết như trải cỏ ra cho các đệ tử.

---

[51] Bản tiếng Anh của PTS: Chapter XVII. 1-5. *Results*, nghĩa là *Những thành quả*.

[52] *Tajjanīyakammaṃ*: Bị chỉ trích vì nói lời thô lỗ.

[53] *Niyassakammaṃ*: Cử người y chỉ cho các Tỷ-kheo không đáng tin cậy.

[54] *Paṭisāraṇīyakammaṃ*: Một Tỷ-kheo làm phật lòng một cư sĩ, cần phải xin lỗi cư sĩ ấy.

[55] *Parivāsadānaṃ*: Một Tỷ-kheo giấu tội của mình, bắt buộc phải sống một mình, không cho nhập chúng.

[56] *Mūlāya paṭikassanaṃ*: Kẻ phạm tội phải bắt đầu lại hình phạt của mình, vì đã phạm tội trong khi chịu hình phạt.

[57] *AA*. II. 165: *Ñattikammaṃ nava ṭhānāni gacchatīti evaṃ navaṭṭhānikaṃ ñattikammaṃ paññattaṃ* (Các Tăng sự mới sẽ được tiến hành bạch yết-ma. Như vậy, việc thiết lập bạch yết-ma là thuộc về Tăng sự mới). Lần đầu chỉ là tác bạch, lần 2, 3, 4 mới lấy biểu quyết.

XIX. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (*RĀGAPEYYĀLA*)[58] (*A.* I. 100)

231. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập.

Để biến tri tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để biến tri tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để biến tận tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để biến tận tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để đoạn tận tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để đoạn tận tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để trừ diệt tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để trừ diệt tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để biến diệt tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để biến diệt tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để ly tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để ly tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để đoạn diệt tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để đoạn diệt tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để xả bỏ tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để xả bỏ tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để từ bỏ tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để từ bỏ tham, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập.

232-246. Để thắng tri sân… si… phẫn nộ… hiềm hận… giả dối… não hại… tật đố… xan tham… man trá… phản trắc… cứng đầu… hung hăng… mạn… quá mạn… say đắm… phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để thắng tri phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Để biến tri phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Thế nào là hai? Để biến tri phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để biến tận phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để biến tận phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để đoạn tận phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để đoạn tận phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để trừ diệt phóng

[58] Trong bản tiếng Anh của PTS, phần này thuộc Chapter XVII. 1-5. *Results*, nghĩa là *Những thành quả*.

dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để trừ diệt phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để biến diệt phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để biến diệt phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để ly phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để ly phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để đoạn diệt phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để đoạn diệt phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để xả bỏ phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để xả bỏ phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập. Để từ bỏ phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp cần phải tu tập. Thế nào là hai? Chỉ và quán. Để từ bỏ phóng dật, này các Tỷ-kheo, hai pháp này cần phải tu tập.



CHƯƠNG III
BA PHÁP (*TIKANIPĀTA*)

I. PHẨM NGƯỜI NGU
(*BĀLAVAGGA*)[1]

I. KINH SỢ HÃI (*Bhayasutta*)[2] (*A.* I. 101)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Phàm có sự sợ hãi nào khởi lên, này các Tỷ-kheo, tất cả sự sợ hãi ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí.[3] Phàm có những nguy hiểm nào khởi lên, tất cả những nguy hiểm ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phàm có những tai họa nào khởi lên, tất cả những tai họa ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí.

Ví như, này các Tỷ-kheo, ngọn lửa[4] từ nhà bằng cỏ lau hay từ nhà bằng cỏ, thiêu đốt các ngôi nhà có nóc nhọn, các ngôi nhà có trét trong và trét ngoài, ngăn chặn được gió, các ngôi nhà có chốt cửa đóng chặt (*phusitaggaḷāni*), có các cửa đóng kín (*pihitavātapānāni*). Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có sự sợ hãi nào khởi lên, này các Tỷ-kheo, tất cả sự sợ hãi ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phàm có những nguy hiểm nào khởi lên, tất cả những nguy hiểm ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phàm có những tai họa nào khởi lên, tất cả những tai họa ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phàm có những nguy hiểm nào khởi lên, tất cả những nguy hiểm ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người ngu có sợ hãi, người hiền trí không sợ

---

[1] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.22.6. 0607c24).

[2] Trong bản tiếng Anh của PTS, 10 kinh (từ 1-10) được trình bày liên tục với tên nhóm: *The Fools*, nghĩa là *Người ngu*.

[3] *Bālato uppajjanti, no paṇḍitato*. Xem *M.* III. 62.

[4] *Aggimukko*. Xem *M.* III. 61.

hãi; người ngu có nguy hiểm, người hiền trí không có nguy hiểm; người ngu có tai họa, người hiền trí không có tai họa. Này các Tỷ-kheo, không có sợ hãi đến với người hiền trí, không có nguy hiểm đến với người hiền trí, không có tai họa đến với người hiền trí.

Do vậy, ở đây, cần phải học tập như sau: "Thành tựu với ba pháp nào, một người ngu được biết là như vậy, hãy từ bỏ ba pháp ấy; thành tựu với ba pháp nào, một người hiền trí được biết là như vậy, hãy chấp nhận ba pháp ấy và thực hành chúng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập.

II. KINH TƯỚNG (*Lakkhaṇasutta*) (*A.* I. 102)

2. Này các Tỷ-kheo, tướng của người ngu ở trong hành động [của mình]; tướng của người hiền trí ở trong hành động [của mình]. Trí tuệ chói sáng trong nếp sống [của mình].

Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, một người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Này các Tỷ-kheo, thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Này các Tỷ-kheo, thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Thành tựu với ba pháp nào, một người ngu được biết đến, hãy từ bỏ ba pháp ấy; thành tựu với ba pháp nào, một người hiền trí được biết đến, hãy chấp nhận ba pháp ấy và thực hành chúng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập.

III. KINH SUY NGHĨ (*Cintīsutta*)[5] (*A.* I. 102)

3. Có ba pháp, này các Tỷ-kheo, là đặc tánh của người ngu, là tướng trạng của người ngu, là ấn tích của người ngu. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu suy nghĩ ác, nói ác và làm ác. Nếu người ngu này, này các Tỷ-kheo, không suy nghĩ ác, không nói ác và không làm ác, thời lấy gì người hiền trí biết được: "Người này là kẻ ngu, không phải là bậc chân nhân?" Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người ngu suy nghĩ ác, nói ác và làm ác, nên các người hiền trí biết được: "Người này là kẻ ngu, không phải là bậc chân nhân." Có ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là đặc tánh của người ngu, là tướng trạng của người ngu, là ấn tích của người ngu.

Có ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là đặc tánh của người hiền trí, là tướng trạng của người hiền trí, là ấn tích của người hiền trí. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người hiền trí suy nghĩ thiện, nói thiện và làm thiện. Nếu người hiền trí này, này các Tỷ-kheo, không suy nghĩ thiện, không nói thiện và không làm thiện, thời lấy gì người hiền trí biết được: "Người này là người hiền trí, là bậc chân nhân"? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người hiền trí suy nghĩ thiện, nói

[5] Xem *M.* 129, *Bālapaṇḍita Sutta* (*Kinh Hiền ngu*), *M.* III. 163.

thiện và làm thiện, nên các người hiền trí biết được: "Người này là người hiền trí, là bậc chân nhân." Có ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là đặc tánh của người hiền trí, là tướng trạng của người hiền trí, là ấn tích của người hiền trí.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Sở hữu với ba pháp nào, người ngu được biết đến, hãy từ bỏ ba pháp ấy; sở hữu với ba pháp nào, người hiền trí được biết đến, hãy chấp nhận ba pháp ấy và thực hành chúng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập.

IV. KINH PHẠM TỘI (*Accayasutta*) (*A*. I. 103)

4. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Phạm tội, không thấy là có phạm tội; phạm tội, sau khi thấy là có phạm tội, không như pháp sám hối; được người khác phát lộ có tội, không như pháp chấp nhận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Phạm tội, thấy là có phạm tội; phạm tội, sau khi thấy là có phạm tội, như pháp sám hối; được người khác phát lộ có tội, như pháp chấp nhận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Sở hữu với ba pháp nào, người ngu được biết đến, hãy từ bỏ ba pháp ấy; sở hữu với ba pháp nào, người hiền trí được biết đến, hãy chấp nhận ba pháp ấy và thực hành chúng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập.

V. KINH KHÔNG NHƯ LÝ (*Ayonisosutta*) (*A*. I. 103)

5. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Không như lý suy tư, đặt câu hỏi; không như lý suy tư, trả lời câu hỏi; khi người khác như lý trả lời câu hỏi với những câu, những chữ vuông tròn, với những hành văn trơn tru chải chuốt, không có chấp nhận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Như lý suy tư, đặt câu hỏi; như lý suy tư, trả lời câu hỏi; khi người khác như lý trả lời câu hỏi với những câu, những chữ vuông tròn, với những hành văn trơn tru chải chuốt, liền chấp nhận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Sở hữu với ba pháp nào, người ngu được biết đến, hãy từ bỏ ba pháp ấy; sở hữu với ba pháp nào, người hiền trí được biết đến, hãy chấp nhận ba pháp ấy và thực hành chúng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập.

VI. KINH BẤT THIỆN (*Akusalasutta*) (*A*. I. 103)

6. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm bất thiện, miệng nói bất thiện, ý nghĩ bất thiện. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Sở hữu với ba pháp nào, người ngu được biết đến, hãy từ bỏ ba pháp ấy; sở hữu với ba pháp nào, người hiền trí được biết đến, hãy chấp nhận ba pháp ấy và thực hành chúng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập.

VII. KINH CÓ TỘI (*Sāvajjasutta*) (*A.* I. 104)

7. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm có tội, miệng nói có tội, ý nghĩ có tội. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm không có tội, miệng nói không có tội, ý nghĩ không có tội. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Sở hữu với ba pháp nào, người ngu được biết đến, hãy từ bỏ ba pháp ấy; sở hữu với ba pháp nào, người hiền trí được biết đến, hãy chấp nhận ba pháp ấy và thực hành chúng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập.

VIII. KINH CÓ NÃO HẠI (*Sabyābajjhasutta*) (*A.* I. 104)

8. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm có não hại, miệng nói có não hại, ý nghĩ có não hại. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu được biết đến.

Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến. Thế nào là ba? Thân làm không có não hại, miệng nói không có não hại, ý nghĩ không có não hại. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí được biết đến.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Sở hữu với ba pháp nào, người ngu được biết đến, hãy từ bỏ ba pháp ấy; sở hữu với ba pháp nào, người hiền trí được biết đến, hãy chấp nhận ba pháp ấy và thực hành chúng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập.

IX. KINH MẤT GỐC (*Khatasutta*) (*A.* I. 105)

9. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu vụng về, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là ba? Thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người ngu vụng về, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí không vụng về,

là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc,[6] không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí không vụng về, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách và tạo nên nhiều phước đức.

X. KINH CẤU UẾ (*Malasutta*) (*A.* I. 105)

10. Do thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba cấu uế, tương xứng như vậy bị quăng vào địa ngục. Thế nào là ba? Ác giới và cấu uế của ác giới không được đoạn tận; tật đố và cấu uế của tật đố không được đoạn tận; xan tham và cấu uế của xan tham không được đoạn tận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba cấu uế này, như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục.

Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy được sinh lên cõi trời. Thế nào là ba? Có giữ giới và cấu uế của các giới được đoạn tận; không có tật đố và cấu uế của tật đố được đoạn tận; không có xan tham và cấu uế của xan tham được đoạn tận. Thành tựu với ba pháp này, đoạn tận ba cấu uế này, tương xứng như vậy được sanh lên cõi trời.



[6] Xem *A.* I. 88 (kinh 135 ở trước); *A.* I. 294 (kinh 154 ở sau).

II. PHẨM NGƯỜI ĐÓNG XE
(*RATHAKĀRAVAGGA*)

I. KINH DANH TIẾNG (*Ñātasutta*)[7] (*A*. I. 106)

11. Thành tựu với ba pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có danh tiếng sống đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Khuyến khích các thân nghiệp không tùy thuận, khuyến khích các ngữ nghiệp không tuỳ thuận,[8] khuyến khích các pháp [ý nghiệp] không tùy thuận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có danh tiếng sống đem lại bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có danh tiếng sống đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Khuyến khích các thân nghiệp tùy thuận, khuyến khích các ngữ nghiệp tùy thuận, khuyến khích các pháp [ý nghiệp] tùy thuận. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo có danh tiếng sống đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, đem lại hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

II. KINH ĐÁNG GHI NHỚ (*Sāraṇīyasutta*)[9] (*A*. I. 106)

12. Ba pháp, này các Tỷ-kheo, một vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba?

Tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh được sanh ra; đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, một vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một vị vua Sát-đế-ly được làm lễ quán đảnh; đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, một vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh sau khi chiến thắng một trận, tại chỗ chiếm được, vị ấy như người đứng

---

[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Three Qualities*, nghĩa là *Ba phẩm chất*.

[8] *AA*. II. 172: *Ananulomiketi sāsanassa na anulometīti ananulomikaṃ, tasmiṃ ananulomike* ("Không tùy thuận" nghĩa là không thuận theo giáo pháp). Xem *GS*. I. 105.

[9] Bản tiếng Anh của PTS: *Three Places*, nghĩa là *Ba chỗ*.

đầu trong cuộc chiến thắng; đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh cần phải trọn đời ghi nhớ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba pháp này, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba?

Tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, tại chỗ nào, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

III. KINH HY VỌNG (*Āsaṃsasutta*)[10] (*A.* I. 107)

13. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo, xuất hiện, có mặt ở đời. Thế nào là ba? Không hy vọng, có hy vọng và ly hy vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người không hy vọng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người được sanh trong một gia đình thấp kém, gia đình một người đổ phân, hay gia đình một người thợ săn, hay gia đình một người đan tre, hay gia đình một người đóng xe, hay gia đình một người quét rác, hay gia đình một người nghèo khổ, khó tìm được đồ ăn uống để sống, khó tìm cho được đồ ăn, đồ mặc... Và người ấy xấu xí, khó nhìn, lùn, thấp, nhiều bệnh hoạn, đui một mắt, còm, què, hay đi khập khiễng, không có được đồ ăn, đồ uống, đồ mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ ở, hay đèn. Người ấy nghe nói như sau: "Vị Sát-đế-lỵ tên như vậy đã được các Sát-đế-lỵ làm lễ quán đảnh theo lễ quán đảnh của các Sát-đế-lỵ." Người ấy không nghĩ như sau: "Không biết khi nào các Sát-đế-lỵ mới làm lễ quán đảnh cho ta theo lễ quán đảnh của Sát-đế-lỵ?" Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người không hy vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có hy vọng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, trưởng nam của vua Sát-đế-lỵ xứng đáng để được làm lễ quán đảnh, đã đến tuổi thành niên[11] nhưng chưa làm lễ quán đảnh. Người ấy nghe nói như sau: "Vị Sát-đế-lỵ tên như vậy đã được các Sát-đế-lỵ làm lễ quán đảnh theo lễ quán đảnh của

---

[10] Bản tiếng Anh của PTS: *Three Persons*, nghĩa là *Ba hạng người*.

[11] *Acalappatta*: Đã đến tuổi thành niên. Xem *A.* II. 86.

các Sát-đế-lỵ." Người ấy suy nghĩ như sau: "Không biết khi nào các Sát-đế-lỵ mới làm lễ quán đảnh cho ta theo lễ quán đảnh của Sát-đế-lỵ?" Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có hy vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người ly hy vọng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có một vị vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh. Vị vua ấy nghe nói như sau: "Vị Sát-đế-lỵ tên như vậy đã được các Sát-đế-lỵ làm lễ quán đảnh theo lễ quán đảnh của các Sát-đế-lỵ." Vị vua ấy không nghĩ như sau: "Không biết khi nào các Sát-đế-lỵ mới làm lễ quán đảnh cho ta theo lễ quán đảnh của Sát-đế-lỵ?" Vì cớ sao? Hy vọng được làm lễ quán đảnh trước kia đã hoàn toàn chấm dứt khi vị vua ấy được làm lễ quán đảnh. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người ly hy vọng.

Ba hạng người, này các Tỷ-kheo, xuất hiện, có mặt ở đời. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba hạng người xuất hiện, có mặt giữa các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Không hy vọng, có hy vọng và ly hy vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người không hy vọng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người ác giới, tánh tình độc ác, sở hành bất tịnh, có những hành vi che đậy, không phải Sa-môn nhưng hiện tướng là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng hiện tướng có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh. Người này nghe: "Tỷ-kheo có tên như vậy, do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Người ấy không suy nghĩ như sau: "Đến khi nào, do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta sẽ chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?" Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người không hy vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có hy vọng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo giữ giới, tánh tình hiền thiện. Vị ấy nghe: "Tỷ-kheo có tên như vậy, do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Vị ấy suy nghĩ như sau: "Đến khi nào, do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta sẽ chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?" Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có hy vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người ly hy vọng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, một vị A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc. Vị này nghe: "Tỷ-kheo có tên như vậy, đã đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Vị ấy không suy nghĩ như sau: "Đến khi nào, do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta sẽ chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?" Vì cớ sao? Hy vọng được giải thoát đã hoàn toàn chấm dứt khi vị ấy giải thoát. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người ly hy vọng.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, xuất hiện, có mặt giữa các vị Tỷ-kheo.

IV. KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG (*Cakkavattisutta*)[12] (*A.* I. 109)

14. – Này các Tỷ-kheo, phàm Vua Chuyển Luân nào đúng pháp, Pháp vương, vị ấy cũng chuyển bánh xe [cai trị]; không phải vị ấy không có một vị vua.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ai là vua cho Vua Chuyển Luân đúng pháp, Pháp vương?

– Đó là pháp, này Tỷ-kheo.

Thế Tôn nói:

– Ở đây, này Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân đúng pháp, Pháp vương, y cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với quần chúng.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân đúng pháp, Pháp vương, y cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với các Sát-đế-ly, đối với các tùy tùng, đối với quân đội, đối với các Bà-la-môn và gia chủ, đối với các thị trấn và quốc độ, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn, đối với các loài thú và các loài chim.

Vua Chuyển Luân ấy, này các Tỷ-kheo, đúng pháp, Pháp vương, y cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, sau khi ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với các Sát-đế-ly, đối với các tùy tùng, đối với quân đội, đối với các Bà-la-môn và gia chủ, đối với các thị trấn và quốc độ, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn, đối với các loài thú và các loài chim, chuyển bánh xe đúng pháp. Bánh xe ấy không bị ngăn cản sự chuyển vận bởi bất cứ người nào hay bởi loài hữu tình thù nghịch nào.

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đúng pháp, vị Pháp Vương, y cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với thân nghiệp, nghĩ rằng: "Thân nghiệp như vậy cần phải hành trì, thân nghiệp như vậy không được hành trì."

Lại nữa, này Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đúng pháp, vị Pháp Vương, y cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với khẩu nghiệp, nghĩ rằng: "Khẩu nghiệp như vậy cần phải hành trì, khẩu nghiệp như vậy không được hành trì";... đối với ý nghiệp, nghĩ rằng: "Ý nghiệp như vậy cần phải hành trì, ý nghiệp như vậy không được hành trì."

Như Lai, này Tỷ-kheo, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đúng pháp, vị Pháp Vương, y cứ pháp, cung kính pháp, kính trọng pháp, tôn kính pháp, lấy pháp

---

[12] Bản tiếng Anh của PTS: *Dhamma*, nghĩa là *Pháp*.

làm tràng phan, lấy pháp làm cờ xí, lấy pháp làm tối thắng, sau khi ra lệnh hộ trì, che chở, ủng hộ đúng pháp đối với thân nghiệp... đối với khẩu nghiệp... đối với ý nghiệp... chuyển bánh xe đúng pháp. Bánh xe ấy không bị ngăn chặn sự chuyển vận bởi Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ác ma, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời.

V. KINH SACETANA (*Sacetanasutta*)[13] (*A.* I. 110)

15. Một thời, Thế Tôn ở tại Bārāṇasī, Isipatana, chỗ Vườn Nai. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có vị vua tên là Sacetana.[14] Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Sacetana cho gọi người thợ đóng xe:

"Này người đóng xe, sau sáu tháng sẽ có trận chiến. Này người đóng xe, ông có thể làm cho ta một cặp bánh xe mới được không?"

"Thưa Đại vương, có thể được." Người đóng xe trả lời cho Vua Sacetana.

Rồi này các Tỷ-kheo, người đóng xe sau sáu tháng trừ sáu ngày, làm xong một bánh xe. Rồi Vua Sacetana bảo người đóng xe:

"Sau sáu ngày, này người đóng xe, sẽ có trận chiến. Đôi bánh xe mới có thể làm xong được không?"

"Thưa Đại vương, sau sáu tháng trừ sáu ngày, một bánh xe đã làm xong."

"Này người đóng xe, ông có thể, với sáu ngày [còn lại] này, làm xong bánh xe thứ hai?"

"Thưa Đại vương, con có thể làm được." Người đóng xe trả lời cho Vua Sacetana.

Rồi này các Tỷ-kheo, người đóng xe trong sáu ngày, sau khi làm xong bánh xe thứ hai, cầm cặp bánh xe mới, đi đến Vua Sacetana; sau khi đến, thưa với Vua Sacetana:

"Thưa Đại vương, cặp bánh xe mới này đã làm xong cho ngài."

"Này người đóng xe, cái bánh xe này làm xong trong sáu tháng trừ sáu ngày và cái bánh xe này làm xong trong sáu ngày, có cái gì sai khác giữa hai cái này, ta không thấy có cái gì sai khác hết."

"Có sự sai khác giữa hai cái này, thưa Đại vương. Thưa Đại vương, hãy nhìn sự sai khác!"

Rồi, này các Tỷ-kheo, người đóng xe đẩy cho chạy bánh xe được làm xong

---

[13] Pacetana = Sacetana. Bản tiếng Anh của PTS: *The Wheelwright* (or *Pacetana)*, nghĩa là *Người đóng xe* (hay *Pacetana*).

[14] Xem *D.* I. 143; *M.* 81, *Ghaṭīkāra Sutta* (*Kinh Ghaṭīkāra*); *S.* I. 35; *KS.* V. 125.

trong sáu ngày. Bánh xe ấy tiếp tục chạy cho đến khi sức đẩy [ban đầu] còn tồn tại rồi xoay quanh vài vòng và rơi xuống đất. Rồi người đóng xe đẩy cho chạy bánh được làm xong trong sáu tháng trừ sáu ngày. Bánh xe ấy tiếp tục chạy cho đến khi sức đẩy [ban đầu] còn tồn tại, rồi nó đứng lại như đang mắc vào trục xe.

"Do nhân gì, này người đóng xe, do duyên gì cái bánh xe được làm xong trong sáu ngày tiếp tục chạy cho đến khi sức đẩy [ban đầu] còn tồn tại rồi xoay quanh vài vòng và rơi xuống đất? Do nhân gì, này người đóng xe, do duyên gì cái bánh xe được làm xong trong sáu tháng trừ sáu ngày tiếp tục chạy cho đến khi sức đẩy [ban đầu] còn tồn tại rồi nó đứng lại như mắc vào trục xe?"

"Thưa Đại vương, cái bánh xe này được làm xong trong sáu ngày, vành xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm; các căm xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm; trục xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm. Vì rằng vành xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm; vì rằng các căm xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm; vì rằng trục xe bị cong, có chỗ hỏng, có khuyết điểm nên bánh xe ấy tiếp tục chạy cho đến khi sức đẩy [ban đầu] còn tồn tại, rồi xoay quanh vài vòng, rồi rơi xuống đất. Còn bánh kia, thưa Đại vương, được làm xong trong sáu tháng trừ sáu ngày, vành xe ấy không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm; các căm xe không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm; trục xe ấy không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm. Vì rằng vành xe không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm; vì rằng các căm xe không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm; vì rằng trục xe không bị cong, không có chỗ hỏng, không có khuyết điểm nên bánh xe ấy tiếp tục chạy cho đến khi sức đẩy [ban đầu] còn tồn tại rồi nó đứng lại như đang mắc vào trục xe."

Rất có thể, này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ rằng trong thời ấy, người đóng xe ấy là một người khác. Này các Tỷ-kheo, chớ có nghĩ như vậy. Trong thời ấy, Ta chính là người đóng xe. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, Ta khéo léo về chỗ cong của gỗ, về chỗ hỏng của gỗ, về khuyết điểm của gỗ. Nay, này các Tỷ-kheo, Ta là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, khéo léo về chỗ cong của thân, về chỗ hỏng của thân, về khuyết điểm của thân; khéo léo về chỗ cong của lời nói, về chỗ hỏng của lời nói, về khuyết điểm của lời nói; khéo léo về chỗ cong của ý, về chỗ hỏng của ý, về khuyết điểm của ý.

Đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thân cong không có đoạn tận, thân hư hỏng, thân khuyết điểm [không có đoạn tận]; lời nói cong không có đoạn tận, lời nói hư hỏng, lời nói khuyết điểm [không có đoạn tận]; ý cong không có đoạn tận, ý hư hỏng, ý khuyết điểm [không có đoạn tận], như vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy rời khỏi Pháp và Luật này, ví như bánh xe ấy được làm xong trong sáu ngày.

Đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thân cong được đoạn tận, thân hư hỏng, thân khuyết điểm [được đoạn tận]; lời nói cong... ý cong được đoạn tận, ý hư hỏng, ý khuyết điểm [được đoạn tận], như vậy, này các Tỷ-kheo, vị ấy an

trú vững chắc trong Pháp và Luật này, ví như bánh xe được làm xong trong sáu tháng trừ sáu ngày.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: "Chúng tôi sẽ đoạn tận thân cong, thân hư hỏng, thân khuyết điểm; chúng tôi sẽ đoạn tận lời nói cong, lời nói hư hỏng, lời nói khuyết điểm; chúng tôi sẽ đoạn tận ý cong, ý hư hỏng, ý khuyết điểm." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VI. KINH KHÔNG CÓ LỖI LẦM (*Apaṇṇakasutta*)[15] (*A.* I. 113)

16. Thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường không có lỗi lầm và có những căn bản thắng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống và chú tâm cảnh giác.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì nhãn căn không được bảo vệ, khiến tham ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự bảo vệ nguyên nhân ấy, phòng hộ nhãn căn, thực hành phòng hộ nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được bảo vệ, khiến tham ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự bảo vệ nguyên nhân ấy, phòng hộ ý căn, thực hành phòng hộ ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo hộ trì các căn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như lý giác sát thọ dụng các món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình mà chỉ để thân này được an trú và được bảo dưỡng, để [thân này] khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái; ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái; ban đêm trong canh giữa, nằm xuống như con sư tử về phía hông bên phải, hai chân gác lên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý tưởng thức dậy; ban đêm trong canh cuối, sau khi thức dậy, trong khi đi kinh hành và ngồi, gột sạch tâm khỏi các triền cái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường không có lỗi lầm và có những căn bản thắng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc.

---

[15] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.21.6. 0603c18).

VII. KINH HẠI MÌNH, HẠI NGƯỜI, HẠI CẢ HAI (*Attabyābādhasutta*)[16] (*A*. I. 114)

17. Có ba pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến hại mình, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai. Thế nào là ba? Thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến hại mình, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai.

Có ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai. Thế nào là ba? Thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai.

VIII. KINH THIÊN GIỚI (*Devalokasutta*) (*A*. I. 115)

18. – Nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các ông như sau: "Chư Hiền, có phải Sa-môn Gotama sống Phạm hạnh để được sanh lên cõi trời?" Này các Tỷ-kheo, được hỏi vậy, các ông có bực phiền, tủi nhục, chán ngấy hay không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông bực phiền, tủi nhục, chán ngấy đối với thiên thọ mạng; các ông bực phiền, tủi nhục, chán ngấy đối với thiên sắc, thiên lạc, thiên danh vọng, thiên thù thắng, còn nói gì, này các Tỷ-kheo, đối với thân làm ác, các ông bực phiền, tủi nhục, chán ngấy như thế nào; đối với miệng nói ác... đối với ý nghĩ ác, các ông cảm thấy bực phiền, tủi nhục, chán ngấy như thế nào.

IX. KINH NGƯỜI BUÔN BÁN THỨ NHẤT (*Paṭhamapāpaṇikasutta*) (*A*. I. 115)

19. Thành tựu ba chi phần, này các Tỷ-kheo, một người buôn bán không thâu nhận được tài sản chưa được thâu nhận và không tăng trưởng tài sản đã được thâu nhận. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán vào buổi sáng không có nhiệt tâm chăm chú vào công việc, vào buổi trưa không có nhiệt tâm chăm chú vào công việc, vào buổi chiều không có nhiệt tâm chăm chú vào công việc.

Thành tựu với ba chi phần này, này các Tỷ-kheo, một người buôn bán không thâu nhận được tài sản chưa được thâu nhận và không tăng trưởng tài sản đã được thâu nhận.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo thành tựu ba chi phần này, không thâu nhận được thiện pháp chưa được thâu nhận và không tăng trưởng thiện pháp đã được thâu nhận. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vào buổi sáng không có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi trưa không có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi chiều không có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng.

[16] Bản tiếng Anh của PTS: *Three Qualities*, nghĩa là *Ba phẩm chất*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1245. 0341b17).

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo không thâu nhận được thiện pháp chưa được thâu nhận và không tăng trưởng thiện pháp đã được thâu nhận.

Thành tựu ba chi phần, này các Tỷ-kheo, một người buôn bán thâu nhận được tài sản chưa được thâu nhận và tăng trưởng tài sản đã được thâu nhận. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán vào buổi sáng có nhiệt tâm chăm chú vào công việc, vào buổi trưa có nhiệt tâm chăm chú vào công việc, vào buổi chiều có nhiệt tâm chăm chú vào công việc. Thành tựu với ba chi phần này, này các Tỷ-kheo, một người buôn bán thâu nhận được tài sản chưa được thâu nhận và tăng trưởng tài sản đã được thâu nhận.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo thành tựu ba chi phần này, thâu nhận được thiện pháp chưa được thâu nhận và tăng trưởng thiện pháp đã được thâu nhận. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vào buổi sáng có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi trưa có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng, vào buổi chiều có nhiệt tâm chăm chú vào định tướng. Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo thâu nhận được thiện pháp chưa được thâu nhận và tăng trưởng thiện pháp đã được thâu nhận.

X. KINH NGƯỜI BUÔN BÁN THỨ HAI
(*Dutiyapāpaṇikasutta*) (*A.* I. 116)

20. Thành tựu với ba chi phần, này các Tỷ-kheo, người buôn bán không bao lâu đạt đến tài sản lớn mạnh và rộng lớn. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán có mắt, khéo phấn đấu và xây dựng được căn bản.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người buôn bán có mắt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán biết các thương phẩm. Vật này, mua như vậy, bán như vậy sẽ đưa lại tiền như vậy, tiền lời như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán có mắt.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán khéo phấn đấu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán khéo léo mua và bán các thương phẩm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán khéo phấn đấu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người buôn bán xây dựng được căn bản? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người buôn bán được các gia chủ hay con các gia chủ, được các nhà giàu, có tiền bạc lớn, có tài sản lớn biết đến như sau: "Người buôn bán này là người có mắt, khéo phấn đấu, có đủ sức cấp dưỡng vợ con và thường trả tiền lời cho chúng ta. Chúng ta trao hàng hóa cho người này: 'Này người bạn buôn bán, hãy lấy tiền này, xây dựng tài sản để nuôi dưỡng vợ con và thường trả tiền lời cho chúng tôi.'" Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người buôn bán xây dựng được cơ bản.

Thành tựu với ba chi phần này, này các Tỷ-kheo, người buôn bán không bao lâu đạt đến tài sản lớn mạnh và rộng lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu với ba pháp, vị Tỷ-kheo không bao lâu đạt đến lớn mạnh và rộng lớn về các thiện pháp. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có mắt, khéo phấn đấu và xây dựng được cơ bản.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo có mắt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ"; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo có mắt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo khéo phấn đấu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần, tinh tấn, đoạn tận các pháp bất thiện, làm cho sanh khởi các thiện pháp. Vị ấy dõng mãnh, kiên trì, tinh tấn, không có từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo khéo phấn đấu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo xây dựng được cơ bản? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, thông hiểu các tập A-hàm (*Āgama*), bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu (*Mātikādharā*), thường đến yết kiến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: "Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Pháp này ý nghĩa gì?" Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác còn có những chỗ nghi ngờ, các vị ấy giải thích các sự nghi ngờ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo xây dựng được cơ bản.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu đạt đến sự lớn mạnh và rộng lớn về các thiện pháp.



III. PHẨM NGƯỜI
(*PUGGALAVAGGA*)

I. KINH SAVIṬṬHA (*Samiddhasutta*)[17] (*A*. I. 118)

21. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Saviṭṭha[18] và Tôn giả Mahākoṭṭhika đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Saviṭṭha đang ngồi một bên:

– Có ba hạng người này, này Hiền giả Saviṭṭha, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chứng, Kiến chí và Tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, này Hiền giả, hạng người nào Hiền giả chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn?

– Có ba hạng người này, thưa Hiền giả Sāriputta, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chứng, Kiến chí và Tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, thưa Hiền giả, hạng người Tín giải, hạng người này tôi chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn. Vì cớ sao? Vì rằng, thưa Hiền giả, với hạng người này, tín căn được tăng thượng.

Rồi Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Mahākoṭṭhika:

– Có ba hạng người này, này Hiền giả Koṭṭhika, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chứng, Kiến chí và Tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, này Hiền giả, hạng người nào Hiền giả chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn?

– Có ba hạng người này, thưa Hiền giả Sāriputta, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chứng, Kiến chí và Tín giải. Ba hạng người này, thưa Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, thưa Hiền giả, hạng người Thân chứng, hạng người này tôi chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn. Vì cớ sao? Vì rằng, thưa Hiền giả, với hạng người này, định căn được tăng thượng.

Rồi Tôn giả Mahākoṭṭhika thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Có ba hạng người này, thưa Hiền giả Sāriputta, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chứng, Kiến chí và Tín giải. Ba hạng người này, thưa Hiền

---

[17] Bản tiếng Anh của PTS: *Testifying with Body*, nghĩa là *Chứng thực với thân*.

[18] Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Saviṭṭha.

giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, thưa Hiền giả, hạng người nào Hiền giả chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn?

– Có ba hạng người này, này Hiền giả Koṭṭhika, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Thân chứng, Kiến chí và Tín giải. Ba hạng người này, này Hiền giả, có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba hạng người này, này Hiền giả, hạng người Kiến chí, hạng người này tôi chấp nhận là hy hữu hơn, là thù diệu hơn. Vì cớ sao? Vì rằng, này Hiền giả, với hạng người này, tuệ căn được tăng thượng.

Rồi Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Saviṭṭha và Tôn giả Mahākoṭṭhika như sau:

– Này các Hiền giả, tất cả chúng ta đã trả lời tùy theo biện tài của mình. Này các Hiền giả, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, chúng ta sẽ hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào, chúng ta hãy như vậy thọ trì.

– Vâng, thưa Hiền giả.

Tôn giả Saviṭṭha và Tôn giả Mahākoṭṭhika vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Rồi Tôn giả Sāriputta, Tôn giả Saviṭṭha và Tôn giả Mahākoṭṭhika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta thuật lại với Thế Tôn tất cả câu chuyện đã xảy ra với Tôn giả Saviṭṭha và Tôn giả Mahākoṭṭhika.

– Ở đây, này Sāriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều là hạng người nào hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người đó. Sự kiện này xảy ra, này Sāriputta, hạng người Tín giải là hạng người đang hướng đến A-la-hán, hạng người Thân chứng là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai, và hạng người Kiến chí là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai.

Ở đây, này Sāriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều là hạng người nào hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người đó. Sự kiện này xảy ra, này Sāriputta, hạng người Thân chứng là hạng người đang hướng đến A-la-hán, hạng người Tín giải là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai, và hạng người Kiến chí là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai.

Ở đây, này Sāriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều là hạng người nào hy hữu hơn, thù diệu hơn trong ba hạng người đó. Sự kiện này xảy ra, này Sāriputta, hạng người Kiến chí là hạng người đang hướng đến A-la-hán, hạng người Tín giải là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai, còn hạng người Thân chứng là hạng người Nhất Lai hay Bất Lai.

Ở đây, này Sāriputta, thật không dễ gì để trả lời một chiều rằng hạng người nào là hy hữu hơn và thù diệu hơn trong ba hạng người đó.

II. KINH BỆNH (*Gilānasutta*) (*A.* I. 120)

22. Có ba hạng người bệnh, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người bệnh, dầu có được các món ăn thích hợp hay không được các món ăn thích hợp; dầu có được các thuốc men thích

hợp hay không được các thuốc men thích hợp; dầu có được sự chăm sóc thích đáng hay không được sự chăm sóc thích đáng vẫn không được bình phục, khỏi chứng bệnh ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người bệnh, dầu có được các món ăn thích hợp hay không được các món ăn thích hợp; dầu có được các thuốc men thích hợp hay không được các thuốc men thích hợp; dầu có được sự chăm sóc thích đáng hay không được sự chăm sóc thích đáng vẫn được bình phục từ chứng bệnh ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người bệnh, có được các món ăn thích hợp, không phải không được; có các thuốc men thích hợp, không phải không được; có được sự chăm sóc thích đáng, không phải không được, được bình phục từ chứng bệnh ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng người bệnh này, có được các món ăn thích hợp, không phải không được; có được các thuốc men thích hợp, không phải không được; có được sự chăm sóc thích đáng, không phải không được, được bình phục khỏi chứng bệnh ấy. Chính do duyên với hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, các món ăn [thích hợp] với người bệnh đã được chấp thuận; các thuốc men [thích hợp] với người bệnh đã được chấp thuận; sự chăm sóc [thích đáng] với người bệnh đã được chấp thuận. Chính do duyên với hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, các người bệnh khác cần phải được chăm sóc như vậy.

Ba hạng người bệnh này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này, có mặt, xuất hiện ở đời, có thể so sánh với ba hạng người bệnh này. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được thấy Như Lai hay không được thấy Như Lai; được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày hay không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, không có đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đối với các thiện pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được thấy Như Lai hay không được thấy Như Lai; được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày hay không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đối với các thiện pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được thấy Như Lai, không phải không được thấy Như Lai; được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, không phải không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đối với các thiện pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng người này, được thấy Như Lai, không phải không được thấy Như Lai; được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, không phải không được nghe Pháp và Luật do Như Lai trình bày, đi vào tánh quyết định, tánh chơn chánh đối với các thiện pháp. Chính do duyên hạng người này, này các Tỷ-kheo, thuyết pháp được chấp nhận; và chính do duyên hạng người này, này các Tỷ-kheo, pháp được thuyết giảng cho các người khác.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời, có thể so sánh với ba hạng người bệnh.

III. KINH CÁC HÀNH (*Saṅkhārasutta*)[19] (*A.* I. 122)

23. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chất chứa thân hành có não hại, chất chứa khẩu hành có não hại, chất chứa ý hành có não hại. Sau khi chất chứa thân hành có não hại, chất chứa khẩu hành có não hại, chất chứa ý hành có não hại, người ấy sanh trong thế giới có não hại. Vì phải sanh trong thế giới có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc có não hại. Do cảm giác các cảm xúc có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ có não hại, nhất hướng đau khổ như các chúng sanh ở trong địa ngục.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người chất chứa thân hành không có não hại, chất chứa khẩu hành không có não hại, chất chứa ý hành không có não hại. Sau khi chất chứa thân hành không có não hại, chất chứa khẩu hành không có não hại, chất chứa ý hành không có não hại, người ấy được sanh trong thế giới không có não hại. Được sanh trong thế giới không có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc không có não hại. Do cảm giác các cảm xúc không có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ không có não hại, nhất hướng lạc như chư thiên ở Biến Tịnh thiên.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người chất chứa thân hành có não hại và không có não hại, chất chứa khẩu hành có não hại và không có não hại, chất chứa ý hành có não hại và không có não hại. Sau khi chất chứa thân hành có não hại và không có não hại, chất chứa khẩu hành có não hại và không có não hại, sau khi chất chứa ý hành có não hại và không có não hại, người ấy được sanh vào thế giới có não hại và không có não hại. Được sanh vào thế giới có não hại và không có não hại, người ấy cảm giác các cảm xúc có não hại và không có não hại. Do cảm giác các cảm xúc có não hại và không có não hại, người ấy cảm giác các cảm thọ có não hại và không có não hại, xen lẫn lạc và khổ, ví như loài người, một loại chư thiên và một loại sanh trong đọa xứ.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

IV. KINH NHIỀU LỢI ÍCH (*Bahukārasutta*) (*A.* I. 123)

24. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo, làm nhiều lợi ích cho người khác. Thế nào là ba?

Do người nào, này các Tỷ-kheo, có người được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, người ấy là hạng người làm lợi ích nhiều cho người kia. Đây là hạng người làm lợi ích nhiều cho người khác.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do người này, người khác rõ biết: "Đây là khổ",

---

[19] Bản tiếng Anh của PTS: *Accumulation*, nghĩa là *Chất chứa*.

rõ biết: "Đây là khổ tập", rõ biết: "Đây là khổ diệt", rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", người ấy là hạng người làm lợi ích nhiều cho người kia. Đây là hạng người làm lợi ích nhiều cho người khác.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do người này, người khác đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí, tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Đây là hạng người làm lợi ích nhiều cho người khác.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, làm lợi ích nhiều cho người khác. Ta nói rằng không có một người nào khác làm lợi ích nhiều hơn cho người khác bằng ba hạng người này. Ta nói rằng một người không thể khéo trả ơn cho ba hạng người này như đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay, hành động thân thiện, bố thí các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, thuốc trị bệnh.

V. KINH VÍ DỤ KIM CANG (*Vajirūpamasutta*)[20] (*A.* I. 123)

25. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Hạng người với tâm được ví dụ như vết thương, với tâm được ví dụ như chớp sáng, với tâm được ví dụ như kim cang.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như vết thương? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phẫn nộ, nhiều hiềm hận. Dù chỉ bị nói chút ít, người ấy cũng tức tối, phẫn nộ, sân hận, sừng sộ; người ấy biểu lộ sự phẫn nộ, sân hận và bực tức. Ví như một vết thương đang làm mủ, nếu bị cây gậy hay miếng sành đánh phải, liền chảy mủ nhiều hơn; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người phẫn nộ, nhiều hiềm hận. Dù chỉ bị nói chút ít, người ấy cũng tức tối, phẫn nộ, sân hận, sừng sộ; người ấy biểu lộ sự phẫn nộ, sân hận và bực tức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người với tâm được ví dụ như vết thương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như chớp sáng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người như thật rõ biết: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Ví như một người có mắt thấy các sắc trong đêm tối tăm mù mịt khi có chớp sáng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người như thật rõ biết: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người với tâm được ví dụ như chớp sáng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với tâm được ví dụ như kim cang? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nhờ đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người với tâm được ví dụ như kim cang.

---

[20] Bản tiếng Anh của PTS: *The Open Sore*, nghĩa là *Vết thương làm mủ*. Xem *Pug.* 30; *PugA.* 212.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

VI. KINH CẦN PHẢI THÂN CẬN (*Sevitabbasutta*)[21] (*A.* I. 124)

26. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Có hạng người, này các Tỷ-kheo, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường; có hạng người, này các Tỷ-kheo, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường; có hạng người, này các Tỷ-kheo, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thấp kém về giới, định, tuệ. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, không nên gần gũi, không nên sống chung, không nên hầu hạ cúng dường, trừ khi vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đồng đẳng [với mình] về giới, định, tuệ. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Với ý nghĩ: "[Cả hai] thiện xảo về giới, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về giới, được diễn tiến [lợi ích] cho cả hai chúng ta và sẽ làm cho hai chúng ta được an lạc; [cả hai] thiện xảo về định, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về định, được diễn tiến [lợi ích] cho cả hai chúng ta và sẽ làm cho hai chúng ta được an lạc; [cả hai] thiện xảo về tuệ, câu chuyện của chúng ta sẽ thuộc về tuệ, được diễn tiến [lợi ích] cho cả hai chúng ta và sẽ làm cho hai chúng ta được an lạc", cho nên với hạng người như vậy, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thù thắng về giới, định, tuệ. Hạng người ấy, này các Tỷ-kheo, sau khi cung kính, tôn trọng, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Với ý nghĩ: "Như vậy, nếu giới chưa đầy đủ, ta sẽ làm cho đầy đủ; hay nếu giới được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Hay nếu định chưa đầy đủ, ta sẽ làm cho đầy đủ; hay nếu định được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ. Hay nếu tuệ chưa đầy đủ, ta sẽ làm cho đầy đủ; hay nếu tuệ được đầy đủ, ta sẽ hỗ trợ thêm cho chỗ này chỗ kia với trí tuệ", cho nên, với hạng người như vậy, sau khi cung kính, tôn trọng, nên gần gũi, nên sống chung, nên hầu hạ cúng dường.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Người gần kẻ hạ liệt,
Rồi cũng bị hạ liệt.

---

[21] Xem *Pug.* 35.

Thân cận người đồng đẳng,
Được khỏi bị thối đọa.
Ai gần bậc Thù thắng,
Mau chóng được thăng tiến.
Do vậy hãy sống chung,
Bậc ưu thắng hơn mình.

VII. KINH ĐÁNG GHÊ TỞM (*Jigucchitabbasutta*) (*A*. I. 126)

27. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Có hạng người đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Có hạng người, này các Tỷ-kheo, cần phải nhìn một cách thản nhiên, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Có hạng người, này các Tỷ-kheo, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ác giới, tính tình độc ác, sở hành bất tịnh, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng hiện tướng có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, đầy những tham dục, tánh tình bất tịnh. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Vì rằng, dầu không thuận theo một chút nào tri kiến của người như vậy, nhưng tiếng xấu bị đồn xa về người ấy là có bạn ác, có bằng hữu ác, là tôn sùng kẻ ác. Ví như, này các Tỷ-kheo, một con rắn đi vào trong đống phân, dầu nó không cắn ai nhưng cũng bị [đống phân] làm cho ô uế. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, dầu không thuận theo một chút nào tri kiến của người như vậy, nhưng tiếng xấu bị đồn xa về người ấy là có bạn ác, có bằng hữu ác, là tôn sùng kẻ ác. Cho nên, hạng người như vậy đáng ghê tởm, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người cần phải nhìn một cách thản nhiên, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người phẫn nộ, nhiều hiềm hận, dầu có bị nói chút ít cũng tức tối, phẫn nộ, sân hận, sừng sộ, hiện rõ phẫn nộ, sân hận và bực tức. Ví như, này các Tỷ-kheo, một vết thương làm mủ, nếu bị cây gậy hay mảnh sành đánh phải, thời chảy mủ ra nhiều hơn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người phẫn nộ, nhiều hiềm hận, dầu có bị nói chút ít cũng tức tối, phẫn nộ, sân hận, sừng sộ, hiện rõ phẫn nộ, sân hận và bực tức. Ví như, này các Tỷ-kheo, một que lửa bằng gỗ tinduka, nếu bị cây gậy hay mảnh sành đánh phải, thời xịt lửa, xịt khói ra nhiều hơn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người phẫn nộ, nhiều hiềm hận, dầu có bị nói chút ít cũng tức tối, phẫn nộ, sân hận, sừng sộ, hiện rõ phẫn nộ, sân hận và bực tức. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hố phân được cây gậy hay mảnh sành quật vào, thời mùi

hôi thối lại càng nhiều hơn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người phẫn nộ, sân hận và bực tức. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải nhìn với cặp mắt thản nhiên, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Vì nghĩ rằng: "Người ấy có thể nhục mạ ta. Người ấy có thể chửi mắng ta. Người ấy có thể làm hại ta." Cho nên, hạng người như vậy cần phải nhìn một cách thản nhiên, không cần phải gần gũi, không cần phải sống chung, không cần phải hầu hạ cúng dường.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người giữ giới, tánh tình hiền thiện. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường. Vì cớ sao? Vì rằng, dầu không thuận theo chút nào tri kiến của người như vậy, nhưng tiếng tốt được đồn xa về người ấy là có bạn lành, là có bằng hữu lành, là tôn sùng kẻ lành. Cho nên, hạng người như vậy, cần phải gần gũi, cần phải sống chung, cần phải hầu hạ cúng dường.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Người gần kẻ hạ liệt,
Rồi cũng bị hạ liệt.
Thân cận người đồng đẳng,
Được khỏi bị thối đọa.
Ai gần bậc Thù thắng,
Mau chóng được thăng tiến.
Do vậy hãy sống chung,
Bậc ưu thắng hơn mình.

VIII. KINH NGƯỜI NÓI NHƯ PHÂN (*Gūthabhāṇīsutta*)[22] (*A*. I. 127)

28. Có ba hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Hạng người nói như phân, hạng người nói như hoa, hạng người nói như mật.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nói như phân? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người khi đi vào hội trường, hay đi vào hội chúng, hay khi đi đến giữa các người bà con, hay khi đi đến giữa các người đồng một tổ hợp, hay đi đến giữa cung vua, hay bị dẫn đi như là người làm chứng, được nói: "Ngươi biết gì, hãy nói lên." Người ấy không biết, nói rằng: "Tôi có biết"; có biết, nói rằng: "Tôi không biết"; không thấy, nói rằng: "Tôi có thấy"; có thấy, nói rằng: "Tôi không thấy." Do vì mình hay vì người, hay vì một vài lợi vật nhỏ mà cố ý nói láo, người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nói như phân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nói như hoa? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người khi đi vào hội trường, hay khi đi vào hội chúng, hay khi đi đến giữa các người bà con, hay khi đi đến giữa các người đồng một tổ hợp, hay

[22] Bản tiếng Anh của PTS: *Fair-Spoken*, nghĩa là *Nói như hoa*.

đi đến giữa cung vua, hay bị dẫn đi như là người làm chứng, được nói: "Ngươi biết gì, hãy nói lên." Người ấy không biết, nói rằng: "Tôi không biết"; có biết, nói rằng: "Tôi có biết"; không thấy, nói rằng: "Tôi không thấy"; có thấy, nói rằng: "Tôi có thấy." Không vì mình hay vì người, hay vì một vài lợi vật nhỏ mà cố ý nói láo, người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nói như hoa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nói như mật? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đoạn tận ác ngữ, từ bỏ lời nói ác ngữ. Lời nói của người ấy không hại, tai ưa nghe, khả ái, đi thẳng đến tâm, lễ độ, được nhiều người ưa thích, được nhiều người thích ý, người ấy nói những lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người nói như mật.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

IX. KINH MÙ LÒA (*Andhasutta*)[23] (*A*. I. 128)

29. Ba hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Người mù, người có một mắt, người có hai mắt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người mù? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không có mắt để có thể với mắt như vậy, thâu hoạch được tài sản chưa được thâu hoạch hay làm cho tăng trưởng tài sản đã được thâu hoạch; không có mắt để có thể với mắt như vậy, biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người mù.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có một mắt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có mắt để có thể với mắt như vậy, thâu hoạch được tài sản chưa được thâu hoạch hay làm cho tăng trưởng tài sản đã được thâu hoạch; không có mắt để có thể với mắt như vậy, biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người có một mắt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có hai mắt? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có mắt để có thể với mắt như vậy, thâu hoạch được tài sản chưa được thâu hoạch hay làm cho tăng trưởng tài sản đã được thâu hoạch; có mắt để có thể với mắt như vậy, biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không tội, pháp liệt và thắng, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người có hai mắt.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Kẻ mù, mắt bị hư,
Cả hai[24] đều bất hạnh,
Vừa không được tài sản,
Vừa công đức không làm.

---

[23] Xem *Pug*. 30.

[24] *A*. II. 220: *Ubhayattha kaliggāhoti idhaloke ca paraloke cāti ubhayasmimpi aparaddhaggāho, parājayaggāho hotīti attho* ("Cả hai đều bất hạnh" nghĩa là chịu sự thất bại ở đời này và đời khác). Xem *M*. I. 403.

Thứ đến là hạng người,
Được gọi là một mắt,
Liên hệ[25] pháp, phi pháp,
Tầm cầu các tài sản,
Với trộm và man trá,
Cùng với cả nói láo,
Vừa khéo góp tài sản,
Vừa giỏi hưởng dục lạc,
Từ đây đến địa ngục,
Người một mắt bị hại.
Còn vị có hai mắt,
Được gọi người tối thượng,
Thâu hoạch các tài sản,
Một cách đúng Chánh pháp,
Các tài sản đã có,
Tăng trưởng đúng Chánh pháp,
Bố thí ý tốt đẹp,
Không phân vân ngập ngừng,[26]
Được sanh chỗ hiền thiện,
Đi chỗ ấy không sầu.
Vậy hãy tránh thật xa,
Người mù, người một mắt,
Thân cận bậc hai mắt,
Bậc Tối thắng trượng phu.

X. KINH LỘN NGƯỢC (*Avakujjasutta*)[27] (*A*. I. 130)

30. Ba hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Hạng người với trí tuệ lộn ngược (*avakujja pañño*), hạng người với trí tuệ bắp vế (*ucchaṅga pañño*), hạng người với trí tuệ rộng lớn (*puthupañño*).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người với trí tuệ lộn ngược? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá), thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo. Các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ấy, tại chỗ ngồi ấy, đối với bài thuyết giảng ấy, không có tác ý đến đoạn đầu, không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Và khi từ chỗ ngồi ấy đứng lên, đối với bài thuyết giảng ấy, người ấy không có tác ý đến đoạn đầu, không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái ghè bị lộn ngược, nước chứa trong ấy tuôn

[25] *AA*. II. 201: *Saṭhoti* = *Kerāṭiko* (người không thành thật).
[26] *AA*. II. 201: *Abyagghamānaso* (không phân vân ngập ngừng) = *Nibbicikicchacitto* (tâm không nghi ngờ).
[27] Xem *Pug*. 31.

chảy, không có dừng lại. Cũng vậy, ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá), thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo. Các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ấy, tại chỗ ngồi ấy, đối với bài thuyết giảng ấy, không có tác ý đến đoạn đầu, không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Khi từ chỗ ngồi ấy đứng lên, đối với bài thuyết giảng ấy, người ấy không có tác ý đến đoạn đầu, không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người với trí tuệ lộn ngược.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người với trí tuệ bắp vế? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá), thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo. Các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ấy, tại chỗ ngồi ấy, đối với bài thuyết giảng ấy, có tác ý đến đoạn đầu, có tác ý đến đoạn giữa, có tác ý đến đoạn cuối. Nhưng khi từ chỗ ngồi ấy đứng lên, đối với bài thuyết giảng ấy, người ấy không có tác ý đến đoạn đầu, không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Ví như, này các Tỷ-kheo, trên bắp vế của một người, các loại đồ ăn được chồng lên như hạt mè, hạt gạo, các loại kẹo và trái táo. Khi từ chỗ ngồi đứng lên, vì vô ý, người ấy làm đổ vãi tất cả. Cũng vậy, ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá), thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo. Các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ấy, tại chỗ ngồi ấy, đối với bài thuyết giảng ấy, có tác ý đến đoạn đầu, có tác ý đến đoạn giữa, có tác ý đến đoạn cuối. Nhưng khi từ chỗ ngồi ấy đứng lên, đối với bài thuyết giảng ấy, người ấy không có tác ý đến đoạn đầu, không có tác ý đến đoạn giữa, không có tác ý đến đoạn cuối. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người với trí tuệ bắp vế.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có trí tuệ rộng lớn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá), thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo. Các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ấy, tại chỗ ngồi ấy, đối với bài thuyết giảng ấy, có tác ý đến đoạn đầu, có tác ý đến đoạn giữa, có tác ý đến đoạn cuối. Và khi từ chỗ ngồi ấy đứng lên, đối với bài thuyết giảng ấy, vị ấy có tác ý đến đoạn đầu, có tác ý đến đoạn giữa, có tác ý đến đoạn cuối. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái ghè được dựng đứng, nước chứa trong ấy được giữ lại, không có chảy đi. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người đi đến khu vườn (tinh xá), thường nghe pháp từ các Tỷ-kheo. Các vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho người ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Người ấy, tại chỗ ngồi ấy, đối với bài thuyết giảng ấy, có tác ý đến đoạn đầu, có tác ý đến đoạn giữa, có tác ý đến đoạn cuối. Và khi từ chỗ ngồi ấy đứng lên, đối với bài

thuyết giảng ấy, vị ấy có tác ý đến đoạn đầu, có tác ý đến đoạn giữa, có tác ý đến đoạn cuối. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người với trí tuệ rộng lớn.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

Hạng trí tuệ lộn ngược,
Không thông minh, không mắt,
Họ thường thường đi đến,
Đến gần các Tỷ-kheo,
Đoạn đầu của bài giảng,
Đoạn giữa và đoạn cuối,
Họ không học được gì,
Họ không có trí tuệ.
Hạng trí tuệ bắp vế,
Được gọi là tốt hơn,
Họ thường thường đi đến,
Đến gần các Tỷ-kheo,
Đoạn đầu của bài giảng,
Đoạn giữa và đoạn cuối,
Ngồi trên chỗ mình ngồi,
Nắm giữ được lời văn,
Đứng dậy không hiểu rõ,
Quên mất điều đã nắm.
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Được gọi tốt hơn cả,
Họ thường thường đi đến,
Đến gần các Tỷ-kheo,
Đoạn đầu của bài giảng,
Đoạn giữa và đoạn cuối,
Ngồi trên chỗ mình ngồi,
Nắm giữ được lời văn,
Thọ trì điều được nghe,
Suy tư điều tối thắng,
Với ý không dao động,
Là hạng người như vậy,
Thực hành pháp, tùy pháp,
Có thể đoạn khổ đau.

IV. PHẨM THIÊN SỨ
(*DEVADŪTAVAGGA*)

I. KINH NGANG BẰNG VỚI PHẠM THIÊN (*Sabrahmakasutta*) (*A*. I. 132)

31. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận ngang bằng với Phạm thiên. Những gia đình nào, Này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận như các Đạo sư thời xưa. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, trong ấy, các con cái kính lễ mẹ cha ở trong nhà, những gia đình ấy được chấp nhận là đáng được cúng dường.

Phạm thiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Các Đạo sư thời xưa, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Vì cớ sao? Giúp đỡ rất nhiều, này các Tỷ-kheo, là mẹ cha đối với con cái, nuôi chúng lớn, dưỡng dục chúng, giới thiệu chúng vào đời.

Mẹ cha gọi Phạm thiên,
Bậc Đạo sư thời trước,
Xứng đáng được cúng dường,
Vì thương đến con cháu.
Do vậy bậc hiền triết,
Đảnh lễ và tôn trọng,
Dâng đồ ăn đồ uống,
Vải mặc và giường nằm,
Thoa bóp [cả thân mình],
Tắm rửa cả chân tay,
Với sở hành như vậy,
Đối với mẹ và cha,
Đời này người hiền khen,
Đời sau hưởng thiên lạc.

II. KINH ĀNANDA (*Ānandasutta*)[28] (*A*. I. 132)

32. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Rất có thể, bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo được định như vậy, trong cái

[28] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099. 982. 0255b15).

thân có thức này, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tuỳ miên; đối với tất cả tướng ở ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tuỳ miên; và do chứng đạt, an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tuỳ miên, vị ấy có thể chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy?

– Rất có thể, này Ānanda, một Tỷ-kheo được định như vậy... có thể chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy.

– Như thế nào, bạch Thế Tôn, rất có thể, một Tỷ-kheo được định như vậy... có thể chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy?

– Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù diệu, tức là chỉ tức tất cả hành, từ bỏ tất cả sanh y, đoạn tận tham, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này Ānanda, rất có thể Tỷ-kheo được định như vậy... có thể chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy.

Lại nữa, này Ānanda, liên hệ đến vấn đề này, Ta đã nói như sau trong kinh tên là: "Những câu hỏi của Puṇṇaka", trong chương *Pārāyana*:[29]

Do phân tích ở đời,
Những vật cao và thấp,
Với vị không dao động,
Bởi vật gì ở đời,
An tịnh, không tối mù,
Không phiền muộn, không cầu,
Ta nói người như vậy,
Đã vượt khỏi sanh già.

III. KINH SĀRIPUTTA (*Sāriputtasutta*)[30] (*A*. I. 133)

33. Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi một bên:

– Này Sāriputta, Ta có thể thuyết pháp một cách tóm lược. Này Sāriputta, Ta có thể thuyết pháp một cách rộng rãi. Này Sāriputta, Ta có thể thuyết pháp một cách tóm lược và rộng rãi. Và những người hiểu được thật là khó tìm!

– Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn; nay đã đến thời, bạch Thế Tôn, để Thế Tôn thuyết pháp một cách tóm lược, thuyết pháp một cách rộng rãi, thuyết pháp một cách tóm lược và rộng rãi. Sẽ có những người có thể hiểu rõ Chánh pháp.

– Vậy này Sāriputta, hãy học tập như sau: "Trong cái thân có thức này, sẽ không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; đối với tất cả tướng ở ngoài, sẽ không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; và do chứng đạt, an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên, chúng tôi sẽ chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải

[29] Xem *A*. II. 45; *Sn*. 199.

[30] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099. 983. 0255c16); *Tạp A-hàm kinh* 雜阿含經 (*T*.02. 0101.8. 0495a19).

thoát ấy!" Như vậy, này Sāriputta, các ông cần phải học tập. Khi nào Tỷ-kheo đối với thân có thức này, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; đối với tất cả các tướng ở ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; và do chứng đạt, an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên, vị ấy chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy. Người như vậy, này Sāriputta, được gọi là Tỷ-kheo đã chặt đứt khát ái, đã cởi mở kiết sử, với chơn chánh hiện quán kiêu mạn, đã đoạn tận khổ đau.[31]

Lại nữa, này Sāriputta, liên hệ đến vấn đề này, Ta đã nói như sau trong kinh tên là: "Những câu hỏi của Udaya", trong chương *Pārāyana*:[32]

Đoạn tận cả hai pháp,
Dục tham và sân hận,
Và từ bỏ hôn trầm,
Chặn đứng mọi trạo hối,
Với xả niệm thanh tịnh,
Tư duy trước các pháp,
Ta nói trí giải thoát,
Vô minh được phá tận.

IV. KINH CÁC NGUYÊN NHÂN (*Nidānasutta*) (*A*. I. 134)

34. Có ba nguyên nhân, này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp. Thế nào là ba? Tham là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Sân là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Si là nguyên nhân khởi lên các nghiệp.

Phàm nghiệp nào được làm vì tham, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ tham, duyên khởi từ tham, tập khởi từ tham, tại chỗ nào tự ngã được hiện hữu, tại chỗ ấy, nghiệp ấy được thuần thục. Chỗ nào nghiệp ấy được thuần thục, chỗ ấy quả dị thục của nghiệp ấy được cảm thọ ngay trong hiện tại, hay trong đời sống kế tiếp, hay trong một đời sau nữa (*pariyāye*).

Phàm nghiệp nào được làm vì sân, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ sân, duyên khởi từ sân, tập khởi từ sân, tại chỗ nào tự ngã được hiện hữu, tại chỗ ấy, nghiệp ấy được thuần thục. Chỗ nào nghiệp ấy được thuần thục, chỗ ấy quả dị thục của nghiệp ấy được cảm thọ ngay trong hiện tại, hay trong đời sống kế tiếp, hay trong một đời sau nữa.

Phàm nghiệp nào được làm vì si, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ si, duyên khởi từ si, tập khởi từ si, tại chỗ nào tự ngã được hiện hữu, tại chỗ ấy, nghiệp ấy được thuần thục. Chỗ nào nghiệp ấy được thuần thục, chỗ ấy quả dị thục của nghiệp ấy được cảm thọ ngay trong hiện tại, hay trong đời sống kế tiếp, hay trong một đời sau nữa.

---

[31] Xem *M*. I. 122; *S*. I. 12; IV. 205. *UdA*. 363.
[32] Xem *Sn*. 193.

Ví như, này các Tỷ-kheo, các hạt giống không bị bể vụn, không bị hư thối, không bị gió và nắng làm hư, còn tươi tốt,[33] được khéo gieo vào một đồng ruộng tốt, được trồng vào đất khéo sửa soạn và được trời mưa xuống đều đặn; các hạt giống ấy, này các Tỷ-kheo, được lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm nghiệp nào được làm vì tham... hay trong một đời sau nữa. Phàm nghiệp nào được làm vì sân... hay trong một đời sau nữa. Phàm nghiệp nào được làm vì si... hay trong một đời sau nữa.

Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp.

Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp. Thế nào là ba? Không tham là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Không sân là nguyên nhân khởi lên các nghiệp. Không si là nguyên nhân khởi lên các nghiệp.

Phàm nghiệp nào được làm từ không tham, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ không tham, duyên khởi từ không tham, tập khởi từ không tham; vì rằng tham được từ bỏ, như vậy, nghiệp ấy được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây Sāla, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai.

Phàm nghiệp nào được làm từ không sân, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ không sân, duyên khởi từ không sân, tập khởi từ không sân; vì rằng sân được từ bỏ, như vậy, nghiệp ấy được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây Sāla, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai.

Phàm nghiệp nào được làm từ không si, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ không si, duyên khởi từ không si, tập khởi từ không si; vì rằng si được từ bỏ, như vậy, nghiệp ấy được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây Sāla, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai.

Ví như, này các Tỷ-kheo, các hạt giống không bị bể vụn, không bị hư thối, không bị gió và nắng làm hư, còn được tươi tốt, được khéo gieo và một người lấy lửa đốt chúng, sau khi lấy lửa đốt, làm cho chúng thành tro, sau khi làm thành tro, quạt chúng trong gió lớn hay cho vào dòng nước sông chảy mạnh cuốn đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hạt giống ấy được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sāla, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm nghiệp nào được làm từ không tham... không thể sanh khởi trong tương lai. Phàm nghiệp nào được làm từ không sân... không thể sanh khởi trong tương lai. Phàm nghiệp nào được làm từ không si... không thể sanh khởi trong tương lai.

Có ba nguyên nhân này, này các Tỷ-kheo, khởi lên các nghiệp.

---

[33] *Sārādāni*. *AA*. II. 210: *Sārādānīti gahitasārāni sāravantāni na nissārāni* ("Còn tươi tốt" nghĩa là phần cốt lõi được lấy, phần nhân, không phải là không có giá trị). Xem *KS*. III. 46; V. 329.

Phàm có hạnh nghiệp nào,
Sanh từ tham, sân, si,
Do kẻ vô trí làm,
Dầu có ít hay nhiều,
Tại đây được cảm thọ,
Không phải tại chỗ khác.
Do vậy, vị Tỷ-kheo,
Từ bỏ tham, sân, si,
Làm khởi lên minh trí,
Từ bỏ mọi ác thú.

V. KINH HATTHAKA (*Hatthakasutta*)[34] (*A*. I. 136)

35. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Āḷavī, tại Gomagga, trong rừng Siṃsapā, trên chỗ có trải lá.

Rồi Hatthaka, người Āḷavī, đang bộ hành du ngoạn, thấy Thế Tôn đang ngồi trên chỗ có trải lá trong rừng Siṃsapā ở Gomagga, thấy vậy, liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Hatthaka, người Āḷavī, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sống có an lạc không?

– Phải, này Hoàng tử, Ta sống được an lạc. Và những ai cảm thấy an lạc ở đời, Ta là một trong số những người ấy.

– Bạch Thế Tôn, lạnh là đêm mùa đông, thời gian giữa những ngày thứ tám[35] là thời gian tuyết rơi, cứng rắn là đất do trâu bò giẫm đạp,[36] mỏng manh là nệm làm bằng lá, lưa thưa là những lá của cây, lạnh là tấm vải cà-sa, và lạnh là làn gió thổi.

Rồi Thế Tôn nói như sau:

– Dẫu vậy, này Hoàng tử, Ta sống được an lạc. Và những ai cảm thấy an lạc ở đời, Ta là một trong số những người ấy. Vậy nay, này Hoàng tử, ở đây Ta sẽ hỏi Hoàng tử, nếu có thể kham nhẫn, Hoàng tử hãy trả lời. Hoàng tử nghĩ thế nào, này Hoàng tử, ở đây, người gia chủ hay con người gia chủ có nhà nóc nhọn,[37] với các tường trét trong trét ngoài, che chở khỏi gió, chốt cửa được khóa chặt, các cửa sổ được đóng kín. Trong ấy, có một chỗ nằm có trải tấm thảm len với lông dài, với tấm vải giường bằng len trắng, chăn len thêu bông, nệm bằng da quý của con sơn dương kadali, tấm thảm có lọng che phía trên và gối nệm đỏ cả hai đầu, có đèn thắp đỏ và bốn bà vợ đẹp hầu hạ. Này Hoàng

[34] Bản tiếng Anh của PTS: *Of Āḷavī*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.28.3. 0650a20).

[35] *Antaraṭṭhaka*: Giữa những ngày thứ tám, tức là tám ngày trước và sau ngày rằm.

[36] *Gokaṇṭaka*: Móng chân của con bò. Xem *Vin*. I. 195.

[37] Xem *A*. I. 101; *D*. I. 7.

tử, Hoàng tử nghĩ thế nào, người ấy nằm ngủ có an lạc không? Hay Hoàng tử nghĩ thế nào?

– Bạch Thế Tôn, người ấy nằm ngủ an lạc. Nếu có những người cảm thấy an lạc ở đời, người ấy là một trong những người ấy.

– Hoàng tử nghĩ thế nào, này Hoàng tử, với người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, khởi lên những nhiệt não về thân hay về tâm, do tham ái sanh. Bị nung đốt bởi những nhiệt não do tham ái sanh, người ấy có cảm thấy đau khổ không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, này Hoàng tử, bị nung đốt bởi những nhiệt não do tham ái sanh, cảm thấy đau khổ. Tham ái ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Ta cảm thấy an lạc.

Hoàng tử nghĩ thế nào, này Hoàng tử, với người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, khởi lên những nhiệt não về thân hay tâm do sân sanh... do si sanh. Bị nung đốt bởi những nhiệt não do si sanh, người ấy có cảm thấy đau khổ không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Người gia chủ hay con của người gia chủ ấy, này Hoàng tử, bị nung đốt bởi những nhiệt não do si sanh, cảm thấy đau khổ. Si ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy, Ta cảm thấy an lạc.

Luôn luôn được an lạc,
Vị Phạm chí tịch tịnh,
Không bị dục uế nhiễm,
Trong mát, không sanh y,
Mọi tham trước dứt đoạn,
Nhiếp phục tâm sầu khổ,
An tịnh, cảm thọ lạc,
Với tâm đạt an tịnh.

VI. KINH THIÊN SỨ (*Devadūtasutta*)[38] (*A*. I. 138)

36. Có ba thiên sứ, này các Tỷ-kheo, thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Sau khi thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, thân hoại mệnh chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Rồi này các Tỷ-kheo, những người lính địa ngục, với hai cánh tay, bắt người ấy dẫn đến Vua Yama (Diêm Vương)[39] và thưa:

---

[38] Tham chiếu: *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30. 0114b07); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.4. 0674b16).

[39] Xem *M*. II. 75; III. 180.

"Thưa Đại vương, người này không kính mẹ, không kính cha, không kính Sa-môn, không kính Bà-la-môn, không tôn kính các bậc lớn tuổi trong gia đình, Đại vương hãy trừng phạt nó!"

Rồi Vua Yama chất vấn người ấy, cật vấn, nạn vấn người ấy về thiên sứ thứ nhất:

"Này người kia, ngươi có thấy vị thiên sứ thứ nhất hiện ra giữa loài người không?"

Người ấy trả lời:

"Con không thấy, thưa ngài."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy:

"Này người kia, ngươi có bao giờ thấy giữa loài người, một người đàn bà hay đàn ông tám mươi tuổi, hay chín mươi tuổi, hay một trăm tuổi, già yếu, lưng còm, cong như nóc nhà, chống gậy, vừa đi vừa run rẩy, bệnh hoạn, tuổi trẻ đã tận, răng rụng, tóc bạc hư rụng, sói đầu, da nhăn, đầu rung, tay chân da mồi, khô đét?"[40]

Người ấy nói như sau:

"Thưa ngài, con có thấy."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy như sau:

"Này người kia, với ngươi là người có trí và lớn tuổi, ngươi có nghĩ rằng: 'Ta rồi cũng bị già, ta không vượt qua tuổi già. Vậy ta hãy làm điều lành, về thân, về lời nói, về ý'"?

Người ấy nói như sau:

"Không, thưa ngài, con không có làm. Thưa ngài, con phóng dật."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy:

"Này người kia, chính vì do phóng dật, ngươi đã không làm các điều lành về thân, về lời nói, về ý. Thật vậy, này người kia, chúng sẽ làm cho ngươi, đúng theo sự phóng dật của ngươi. Ác nghiệp ấy của ngươi không phải mẹ làm, không phải cha làm, không phải anh làm, không phải chị làm, không phải bạn bè thân hữu làm, không phải bà con huyết thống làm, không phải chư thiên làm, không phải Sa-môn, Bà-la-môn làm. Ác nghiệp ấy chính do ngươi làm và ngươi sẽ thọ lãnh quả dị thục của ác nghiệp ấy."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama sau khi chất vấn, cật vấn, nạn vấn người ấy về vị thiên sứ thứ nhất, liền chất vấn, cật vấn, nạn vấn người ấy về vị thiên sứ thứ hai:

"Này người kia, ngươi có thấy vị thiên sứ thứ hai hiện ra giữa loài người không?"

Người ấy trả lời:

---

[40] Xem *M.* I. 88.

"Con không thấy, thưa ngài."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy:

"Này người kia, ngươi có bao giờ thấy giữa loài người, một người đàn bà hay một người đàn ông, bệnh hoạn, khổ não nguy kịch, nằm ngủ lầy trong tiểu tiện, đại tiện của mình, cần người khác nâng dậy, cần người khác dìu nằm xuống?"[41]

Người ấy nói như sau:

"Thưa ngài, con có thấy."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy như sau:

"Này người kia, với ngươi là người có trí và lớn tuổi, ngươi có nghĩ rằng: 'Ta rồi cũng bị bệnh, ta không vượt qua bệnh hoạn. Vậy ta hãy làm điều lành về thân, về lời nói, về ý'"?

Người ấy nói như sau:

"Không, thưa ngài, con không có làm. Thưa ngài, con phóng dật."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy:

"Này người kia, chính vì do phóng dật, ngươi đã không làm các điều lành về thân, về lời nói, về ý. Thật vậy, này người kia, chúng sẽ làm cho ngươi, đúng theo sự phóng dật của ngươi. Ác nghiệp ấy của ngươi không phải mẹ làm, không phải cha làm, không phải anh làm, không phải chị làm, không phải bạn bè thân hữu làm, không phải bà con huyết thống làm, không phải chư thiên làm, không phải Sa-môn, Bà-la-môn làm. Ác nghiệp ấy chính do ngươi làm và ngươi sẽ thọ lãnh quả dị thục của các nghiệp ấy."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama sau khi chất vấn, cật vấn, nạn vấn người ấy về vị thiên sứ thứ hai, liền chất vấn, cật vấn, nạn vấn người ấy về vị thiên sứ thứ ba:

"Này người kia, ngươi có thấy vị thiên sứ thứ ba hiện ra giữa loài người không?"

Người ấy trả lời:

"Con không thấy, thưa ngài."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy:

"Này người kia, ngươi có bao giờ thấy giữa loài người, một người đàn bà hay một người đàn ông chết được một ngày, hay chết được hai ngày, hay chết được ba ngày, sưng phù lên, xanh xám lại và nát rữa ra?"

Người ấy nói như sau:

"Thưa ngài, con có thấy."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy như sau:

---

[41] Xem *D*. II. 24; *Vin*. I. 301.

"Này người kia, với ngươi là người có trí và lớn tuổi, ngươi có nghĩ rằng: "Ta rồi cũng bị chết, ta không thể vượt qua sự chết. Vậy ta hãy làm điều lành về thân, về lời nói, về ý"?

Người ấy nói như sau:

"Không, thưa ngài, con không có làm. Thưa ngài, con phóng dật."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama nói với người ấy:

"Này người kia, chính vì do phóng dật, ngươi đã không làm các điều lành về thân, về lời nói, về ý. Thật vậy, này người kia, chúng sẽ làm cho ngươi, đúng theo sự phóng dật của ngươi. Ác nghiệp ấy của ngươi không phải mẹ làm, không phải cha làm, không phải anh làm, không phải chị làm, không phải bạn bè thân hữu làm, không phải bà con huyết thống làm, không phải chư thiên làm, không phải Sa-môn, Bà-la-môn làm. Ác nghiệp ấy chính do ngươi làm và ngươi sẽ thọ lãnh quả dị thục của các nghiệp ấy."

Rồi này các Tỷ-kheo, Vua Yama sau khi chất vấn, cật vấn, nạn vấn người ấy về vị thiên sứ thứ ba, rồi giữ im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người lính địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc. Họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Này các Tỷ-kheo, rồi các người lính địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy cái rìu chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Này các Tỷ-kheo, rồi các người lính địa ngục dựng ngược người ấy, chân trên đầu dưới và lấy dao sắc chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Này các Tỷ-kheo, các người lính địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới, kéo người ấy chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, các người lính địa ngục đẩy người ấy lên, kéo người ấy xuống trên một sườn núi đầy than hừng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, các người lính địa ngục nắm ngược người ấy, chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, khi thì trôi nổi lên, khi thì

chìm xuống đáy, khi thì trôi giạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, những người lính địa ngục quăng người ấy vào đại địa ngục. Này các Tỷ-kheo, đại địa ngục ấy:

Có bốn góc, bốn cửa,
Chia thành phần bằng nhau,
Xung quanh có tường sắt,
Mái sắt lợp lên trên,
Nền địa ngục bằng sắt,
Nung đỏ cháy đỏ rực,
Hơi nóng luôn phát ra,
Rộng một trăm do-tuần.[42]

Một thời xưa lắm, này các Tỷ-kheo, Vua Yama suy nghĩ như sau: "Những ai làm ác nghiệp ở đời phải thọ lãnh những hình phạt sai khác như vậy. Mong rằng ta được làm người, và Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, ta có thể hầu hạ Thế Tôn, Thế Tôn thuyết pháp cho ta, và ta có thể thông hiểu pháp do Thế Tôn thuyết giảng."

Này các Tỷ-kheo, điều Ta đang nói, không phải Ta nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác; những điều Ta đang nói chỉ được Ta biết mà thôi, chỉ được Ta thấy mà thôi, chỉ được Ta hiểu mà thôi.

Dầu thiên sứ báo động,
Thanh niên vẫn phóng dật,
Họ ưu buồn lâu dài,
Sanh làm người hạ liệt.
Ở đây, bậc chân nhân,
Được thiên sứ báo động,
Không bao giờ phóng dật,
Trong Diệu pháp bậc Thánh,
Thấy sợ trong chấp thủ,
Trong hiện hữu sanh tử,
Được giải thoát không thủ,
Sanh tử được đoạn trừ,
Được yên ổn an lạc,
Ngay hiện tại tịch tịnh,
Mọi oán hận sợ hãi,
Các vị ấy vượt qua,
Mọi đau đớn khổ sầu,
Thảy đều được siêu thoát.

[42] *M.* III. 183 đề cập chi tiết hơn về các địa ngục.

VII. KINH BỐN BẬC ĐẠI VƯƠNG (*Catumahārājasutta*)[43] (*A*. I. 142)

37. Này các Tỷ-kheo, trong ngày thứ tám của nửa tháng, các vị Đại thần cố vấn cho Bốn Thiên Vương đi du hành trong thế giới này để xem trong loài người phải chăng có nhiều người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính các Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ Bố-tát (*Uposatha*), có đề cao cảnh giác, có làm các công đức.

Này các Tỷ-kheo, trong ngày mười bốn của nửa tháng, các Hoàng tử của Bốn Thiên Vương đi du hành trong thế giới này để xem trong loài người phải chăng có nhiều người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính các Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ *Uposatha*, có đề cao cảnh giác, có làm các công đức.

Này các Tỷ-kheo, trong ngày rằm lễ *Uposatha*, Bốn Thiên Vương tự mình đi du hành trong thế giới này để xem trong loài người phải chăng có nhiều người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính các Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ *Uposatha*, có đề cao cảnh giác, có làm các công đức.

Nếu chỉ có ít người giữa loài người, này các Tỷ-kheo, có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính các Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ *Uposatha*, có đề cao cảnh giác, có làm các công đức, thời này các Tỷ-kheo, Bốn Thiên Vương liền báo với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba đang ngồi tụ họp tại hội trường Sudhammā:

"Thưa chư vị, có ít người giữa loài người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính các Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ *Uposatha*, có đề cao cảnh giác, có làm các công đức."

Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba không hoan hỷ và nói:

"Thật vậy, thiên chúng sẽ bị tổn giảm và asura (a-tu-la) chúng sẽ được sung mãn."

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu có nhiều người giữa loài người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính các Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ *Uposatha*, có đề cao cảnh giác, có làm các công đức, thời này các Tỷ-kheo, Bốn Thiên Vương liền báo với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba đang ngồi tụ họp tại hội trường Sudhammā:

"Thưa chư vị, có nhiều người giữa loài người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính các Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn trọng các vị gia trưởng, có làm lễ *Uposatha*, có đề cao cảnh giác, có làm các công đức."

Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba hoan hỷ nói:

"Thật vậy, thiên chúng sẽ được sung mãn, còn asura chúng sẽ bị tổn giảm."

---

[43] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.24.6. 0624b19); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.46. 0389a10).

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka đang thuyết giảng cho chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba, trong khi ấy, nói lên bài kệ như sau:

Ngày mười bốn, ngày rằm,
Ngày tám trong nửa tháng,
Kể cả phần đặc biệt,
Khéo đầy đủ cả tám,
Theo làm lễ Bố-tát,[44]
Vị ấy giống như ta.

Bài kệ ấy, này các Tỷ-kheo, đã bị Thiên chủ Sakka hát sai, không hát đúng; nói sai, không nói đúng. Vì cớ sao? Thiên chủ Sakka, này các Tỷ-kheo, chưa ly tham, chưa ly sân, chưa ly si.

Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán, lậu hoặc đã đoạn tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục đích đã thành đạt, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. Với vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, lời nói này mới là thích đáng:

Ngày mười bốn, ngày rằm,
Ngày tám trong nửa tháng,
Kể cả phần đặc biệt,
Khéo đầy đủ cả tám,
Theo làm lễ Bố-tát,
Vị ấy giống như ta.

Vì cớ sao? Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, đã ly tham, đã ly sân, đã ly si.

VIII. KINH BỐN BẬC ĐẠI VƯƠNG THỨ HAI
(*Dutiyacatumahārājasutta*)[45] (*A*. I. 143)

38. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka đang thuyết giảng cho chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba, trong khi ấy, nói lên bài kệ như sau:

Ngày mười bốn, ngày rằm,
...
Vị ấy giống như ta.

Bài kệ ấy, này các Tỷ-kheo, đã bị Thiên chủ Sakka hát sai, không hát đúng... Vì cớ sao? Ta nói rằng Thiên chủ Sakka, này các Tỷ-kheo, chưa giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Còn vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, là bậc A-la-hán... chánh trí giải thoát. Với vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, lời nói này mới là thích đáng:

Ngày mười bốn, ngày rằm,
...
Vị ấy giống như ta.

---

[44] Xem *S*. I. 208; *Dh*. v. 404; *Thīg*. v. 31.

[45] Bản tiếng Anh của PTS: *Sakka*, tức Thiên chủ cõi trời Tam Thập Tam. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.24.6. 0624b19); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.46. 0389a10).

Vì cớ sao? Ta nói rằng, vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, đã thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, giải thoát khỏi khổ đau.

IX. KINH NUÔI DƯỠNG TẾ NHỊ (*Sukhumālasutta*)[46] (*A*. I. 145)

39. Này các Tỷ-kheo, Ta được nuôi dưỡng tế nhị, tối thắng nuôi dưỡng tế nhị, cứu cánh nuôi dưỡng tế nhị. Này các Tỷ-kheo, trong nhà Phụ vương Ta, các hồ nước được xây lên, trong một hồ có hoa sen xanh, trong một hồ có hoa sen đỏ, trong một hồ có hoa sen trắng, tất cả phục vụ cho Ta. Không một hương Chiên-đàn nào Ta dùng, này các Tỷ-kheo, là không từ Kāsi đến. Bằng vải Kāsi là khăn của Ta, này các Tỷ-kheo. Bằng vải Kāsi là áo cánh, bằng vải Kāsi là nội y, bằng vải Kāsi là thượng y. Đêm và ngày, một lọng trắng được che cho Ta để tránh xúc chạm lạnh, nóng, bụi, cỏ hay sương. Này các Tỷ-kheo, ba lâu đài được xây dựng cho Ta, một cái cho mùa đông, một cái cho mùa hạ, một cái cho mùa mưa.[47] Và Ta, này các Tỷ-kheo, tại lâu đài mùa mưa, trong bốn tháng mưa, được những nữ nhạc công đoanh vây, Ta không xuống dưới lầu. Trong các nhà của người khác, các người đầy tớ, làm công được cho ăn cơm tấm và cháo chua. Trong nhà Phụ vương Ta, các người đầy tớ, làm công được cho ăn gạo, thịt và cơm nấu.

Với Ta, này các Tỷ-kheo, được đầy đủ với sự giàu sang như vậy, được cứu cánh nuôi dưỡng tế nhị như vậy, Ta suy nghĩ rằng: "Kẻ vô văn phàm phu tự mình bị già, không vượt qua khỏi già, khi thấy người khác bị già, lại bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm, quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị già, không vượt qua khỏi già, sau khi thấy người khác già, Ta có thể bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm sao? Như vậy, thật không xứng đáng cho Ta." Sau khi quan sát về Ta như vậy, này các Tỷ-kheo, sự kiêu mạn của tuổi trẻ trong tuổi trẻ được đoạn trừ hoàn toàn.

"Kẻ vô văn phàm phu tự mình bị bệnh, không vượt khỏi bệnh, thấy người khác bị bệnh, lại bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm, quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị bệnh, không vượt qua khỏi bệnh, sau khi thấy người khác bị bệnh, Ta có thể bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm sao? Như vậy, thật không xứng đáng cho Ta." Sau khi quan sát về Ta như vậy, này các Tỷ-kheo, sự kiêu mạn của không bệnh trong không bệnh được đoạn trừ hoàn toàn.

"Kẻ vô văn phàm phu tự mình bị chết, không vượt khỏi chết, thấy người khác bị chết, lại bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm, quên rằng mình cũng như vậy. Ta cũng bị chết, không vượt qua khỏi chết, sau khi thấy người khác chết, Ta có thể bực phiền, hổ thẹn, ghê tởm sao? Như vậy, thật không xứng đáng cho Ta." Sau khi quan sát về Ta như vậy, này các Tỷ-kheo, sự kiêu mạn của sự sống trong sự sống được đoạn trừ hoàn toàn.

---

[46] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.22.8. 0608b16); *Nhu nhuyễn kinh* 柔軟經 (*T*.01. 0026.117. 0607c04). *AA*. II. 235: *Sukhumāloti niddukkho* ("Được nuôi dưỡng khéo léo" tức là không làm cho thương tổn, khổ não).

[47] Xem *D*. II. 19.

Có ba kiêu mạn này,[48] này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Kiêu mạn của tuổi trẻ, kiêu mạn của không bệnh, kiêu mạn của sự sống.

Say sưa trong kiêu mạn của tuổi trẻ, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói, làm các ác hành về ý. Do làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói, làm các ác hành về ý, sau khi thân hoại mệnh chung, kẻ ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Say sưa trong kiêu mạn của không bệnh, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói, làm các ác hành về ý. Do làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói, làm các ác hành về ý, sau khi thân hoại mệnh chung, kẻ ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Say sưa trong kiêu mạn của sự sống, này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói, làm các ác hành về ý. Do làm các ác hành về thân, làm các ác hành về lời nói, làm các ác hành về ý, sau khi thân hoại mệnh chung, kẻ ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Say sưa trong kiêu mạn của tuổi trẻ, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Say sưa trong kiêu mạn của không bệnh, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Say sưa trong kiêu mạn của đời sống, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục.

Bị bệnh và bị già,
Lại còn phải bị chết,
Kẻ phàm phu ghê tởm,
Người khác bị như vậy.
Nếu Ta cũng ghê tởm,
Chúng sanh bị như trên,
Không xứng đáng cho Ta,
Với Ta được sống vậy.
Nên Ta sống như thật,
Biết pháp không sanh y,
Sự say sưa không bệnh,
Tuổi trẻ và sự sống.
Tất cả Ta nhiếp phục,
Thấy xuất ly an ổn,
Nơi Ta khởi tinh tấn,
Vì Ta thấy Niết-bàn.
Ta không còn có thể,
Thọ hưởng các dục vọng,
Ta sẽ không trở lui,
Đích Phạm hạnh Ta đến.

[48] Trong bản tiếng Anh của PTS, đây là mục IX. *Pride*, nghĩa là *Kiêu mạn*.

X. KINH TĂNG THƯỢNG (*Ādhipateyyasutta*) (*A*. I. 147)

40. Này các Tỷ-kheo, có ba tăng thượng này. Thế nào là ba? Tự ngã tăng thượng, thế giới tăng thượng, pháp tăng thượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tự ngã tăng thượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống rồi thẩm sát như sau: "Không phải vì y áo mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Không phải vì món ăn khất thực, không phải vì sàng tọa, không phải vì nhân có mặt hay không có mặt ở đây mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, [nhưng với ý nghĩ như sau:] 'Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; rơi vào khổ, bị khổ chi phối. Có thể do làm như vậy, sự đoạn tận tất cả khổ uẩn này được hiện khởi lên [cho ta].' Và ta đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sau khi đã đoạn tận tất cả các dục vọng như vậy, lại còn đeo đuổi các dục vọng như kia hay còn ác tệ hơn. Như vậy, thật không xứng đáng cho ta."

Vị ấy lại quán sát như sau: "Thắng tấn là tinh tấn của ta, không có thụ động; an trú là niệm [của ta], không có thất niệm; khinh an là thân của ta, không có dao động; định tĩnh là tâm [của ta], được nhất tâm." Vị ấy làm cho tăng thượng tự ngã, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện; từ bỏ có tội, tu tập không tội; gìn giữ cho tự ngã được thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tự ngã tăng thượng.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là thế giới tăng thượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống rồi thẩm sát như sau: "Không phải vì y áo mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Không phải vì món ăn khất thực, không phải vì sàng tọa, không phải vì nhân có mặt hay không có mặt ở đây mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, [nhưng với ý nghĩ như sau:] 'Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; rơi vào khổ, bị khổ chi phối. Có thể do làm như vậy, sự đoạn tận tất cả khổ uẩn này được hiện khởi lên [cho ta].' Và ta đã xuất gia như vậy, lại có thể suy nghĩ về dục tầm hay có thể suy nghĩ về sân tầm, hay có thể suy nghĩ về hại tầm. To lớn là đại chúng này sống ở trong đời. Trong đại chúng sống ở đời, có các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thần thông, có Thiên nhãn thông, có Tha tâm thông. Các vị này có thể nhìn thấy từ xa, và dù họ ở gần nhưng không thể nhìn thấy họ được; và họ có thể biết tâm [ta] với tâm của họ. Các vị ấy có thể biết về ta như sau: 'Hãy xem thiện nam tử này, tuy vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng sống xen lẫn với các pháp ác, bất thiện.' Lại có các chư thiên có thần thông, có Thiên nhãn thông, có Tha tâm thông. Các vị này có thể nhìn thấy từ xa, và dù họ ở gần nhưng không thể nhìn thấy họ được; và họ có thể biết tâm [ta] với tâm của họ. Các vị ấy có thể biết về ta như sau: 'Hãy xem thiện nam tử này, tuy vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng sống xen lẫn với các pháp ác, bất thiện.'"

Vị ấy lại quán sát như sau: "Thắng tấn là tinh tấn của ta, không có thụ động; an trú là niệm [của ta], không có thất niệm; khinh an là thân của ta, không có dao động; định tĩnh là tâm [của ta], được nhất tâm." Vị ấy làm cho tăng thượng thế giới, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện; từ bỏ có tội, tu tập không có tội; giữ gìn cho tự ngã được thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thế giới tăng thượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp tăng thượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống rồi thẩm sát như sau: "Không phải vì y áo mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Không phải vì món ăn khất thực, không phải vì sàng tọa, không phải vì nhân có mặt hay không có mặt ở đây mà ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, [nhưng với ý nghĩ như sau:] 'Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; rơi vào khổ, bị khổ chi phối. Có thể do làm như vậy, sự đoạn tận tất cả khổ uẩn này được hiện khởi lên [cho ta]'. Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có kết quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí có thể tự mình giác hiểu. Nay ta có những người đồng Phạm hạnh, họ biết và thấy. Vì ta đã được xuất gia trong Pháp và Luật khéo giảng như vậy, không lẽ ta lại có thể sống biếng nhác, phóng dật. Như vậy, thật không xứng đáng cho ta."

Vị ấy lại quán sát như sau: "Thắng tấn là tinh tấn của ta, không có thụ động; an trú là niệm [của ta], không có thất niệm; khinh an là thân của ta, không có dao động; định tĩnh là tâm [của ta], được nhất tâm." Vị ấy làm cho tăng thượng pháp, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện; từ bỏ có tội, tu tập không tội; giữ gìn cho tự ngã được thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp tăng thượng.

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp tăng thượng này.

Trên đời không giấu được,[49]
Ác nghiệp tự mình làm,
Ngã của ngươi ta biết,
Là thật hay là giả.
Ngươi thật khinh thiện ngã,
Mặt giáp mặt chứng kiến,
Muốn che giấu tự ngã,
Điều ác tự ngã làm.
Chư thiên và Như Lai,
Thấy rõ ở trong đời,
Sở hành của kẻ ngu,
Làm các hạng tà vạy,
Vậy vị ngã tăng thượng.
Sở hành phải chánh niệm,
Vị thế giới tăng thượng,

---

[49] *Raho*: Chỗ giấu kín. Xem *JA*. III. 19.

Hãy khôn khéo thiền tịnh,
Với vị pháp tăng thượng,
Hãy sống theo tùy pháp.
Đạo sĩ không thối thất,
Tinh cần theo chân lý,
Nhiếp phục được ma quân,
Chiến thắng được tử thần,
Với tinh cần tinh tấn,
Sanh đã được đoạn tận.
Bậc Đạo sĩ như vậy,
Hiểu thế gian Diệu trí,
Đối với tất cả pháp,
Không có gì xúc chạm.



V. PHẨM NHỎ
(*CŪḶAVAGGA*)

I. KINH SỰ CÓ MẶT (*Sammukhībhāvasutta*)[50] (*A*. I. 150)

41. Do sự có mặt của ba pháp, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Thế nào là ba?

Do sự có mặt của lòng tin, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Do sự có mặt của vật bố thí, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước. Do sự có mặt của các vị xứng đáng được cúng dường, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước.

Do sự có mặt của ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử có lòng tin tạo ra nhiều phước.

II. KINH BA SỰ KIỆN (*Tiṭhānasutta*)[51] (*A*. I. 150)

42. Do ba sự kiện, này các Tỷ-kheo, một người được biết là có lòng tin. Thế nào là ba?

Ưa thấy người có giới hạnh; ưa nghe Diệu pháp; với tâm ly cấu uế của xan tham, sống trong nhà, bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, thích phân phát vật bố thí.[52] Do ba sự kiện này, này các Tỷ-kheo, một người được biết là có lòng tin.

Thích thấy người giới hạnh,
Muốn được nghe Diệu pháp,
Nhiếp phục uế xan tham,
Vị ấy gọi có lòng tin.

III. KINH ĐIỀU CẦN THIẾT (*Atthavasasutta*)[53] (*A*. I. 151)

43. Thấy rõ ba lợi ích, này các Tỷ-kheo, là cần thiết cho một người thuyết pháp cho người khác. Thế nào là ba?

Người thuyết pháp cần phải liễu giải nghĩa và cần phải liễu giải pháp.[54]

---

[50] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.24.7. 0626a25).

[51] Bản tiếng Anh của PTS: *Characteristics*, nghĩa là *Các đặc tính*. Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.43. 0881c22).

[52] *Dānasaṃvibhāgarato*. Xem *S*. I. 228.

[53] Bản tiếng Anh của PTS: *Qualities*, nghĩa là *Các phẩm chất*.

[54] Xem *A*. I. 69. *Attha*: Đầu tiên hay ý nghĩa nổi bật, chỉ cho pháp có ý nghĩa ứng dụng.

Người nghe pháp cần phải liễu giải nghĩa và cần phải liễu giải pháp. Người thuyết pháp và cả người nghe pháp cần phải liễu giải nghĩa và cần phải liễu giải pháp. Thấy rõ ba lợi ích này, này các Tỷ-kheo, là cần thiết cho một người thuyết pháp cho người khác.

IV. KINH PHÁP THOẠI LỢI ÍCH (*Kathāpavattisutta*)[55] (*A*. I. 151)

44. Có ba trường hợp, này các Tỷ-kheo, cuộc pháp thoại được diễn tiến[56] có lợi ích. Thế nào là ba?

Người thuyết pháp cần phải liễu giải nghĩa và cần phải liễu giải pháp. Người nghe pháp cần phải liễu giải nghĩa và liễu giải pháp. Người thuyết pháp và người nghe pháp cần phải liễu giải nghĩa và cần phải liễu giải pháp. Có ba trường hợp này, này các Tỷ-kheo, là cuộc pháp thoại được diễn tiến có lợi ích.

V. KINH BẬC HIỀN TRÍ (*Paṇḍitasutta*)[57] (*A*. I. 151)

45. Ba pháp, này các Tỷ-kheo, được người hiền trí tuyên bố, được bậc chân nhân tuyên bố. Thế nào là ba?

Bố thí, này các Tỷ-kheo, được người hiền trí tuyên bố, được bậc chân nhân tuyên bố. Xuất gia, này các Tỷ-kheo, được người hiền trí tuyên bố, được bậc chân nhân tuyên bố. Hầu hạ cha mẹ, này các Tỷ-kheo, được người hiền trí tuyên bố, được bậc chân nhân tuyên bố. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, được người hiền trí tuyên bố, được bậc chân nhân tuyên bố.

Biết bố thí thiện sĩ,
Bất hại, chế ngự căn,
Tự điều, hầu cha mẹ,
Các vị sống Phạm hạnh.
Bổn phận kẻ thiện khen,
Người hiền thực hiện chúng,
Bậc Thánh thấy rõ vậy,
Đạt được đời an lạc.

VI. KINH BẬC GIỚI HẠNH (*Sīlavantasutta*) (*A*. I. 151)

46. Gần làng hay thị trấn nào, này các Tỷ-kheo, các bậc xuất gia có giới hạnh trú ở tại chỗ ấy, các người nhờ ba sự kiện này được gặt nhiều công đức. Thế nào là ba? Bởi thân, bởi lời nói, bởi ý.

Gần làng hay thị trấn nào, này các Tỷ-kheo, các bậc xuất gia có giới hạnh trú ở tại chỗ ấy, các người nhờ ba sự kiện này được gặt nhiều công đức.

---

[55] Bản tiếng Anh của PTS: *Respects*, nghĩa là *Các trường hợp*.

[56] *Pavattinī*. Xem *A*. I. 125.

[57] Bản tiếng Anh của PTS: *Duties*, nghĩa là *Các bổn phận*. Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.47. 0882c26).

VII. KINH TƯỚNG HỮU VI (*Saṅkhatalakkhaṇasutta*)[58] (*A*. I. 152)

47. Có ba tướng hữu vi, này các Tỷ-kheo, cho các pháp hữu vi. Thế nào là ba?

Sanh được trình bày rõ, diệt được trình bày rõ, sự biến dị khi đang trú được trình bày rõ. Có ba tướng hữu vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp hữu vi.

VIII. KINH TƯỚNG VÔ VI (*Asaṅkhatalakkhaṇasutta*)[59] (*A*. I. 152)

48. Có ba tướng vô vi, này các Tỷ-kheo, cho các pháp vô vi. Thế nào là ba?

Sanh không được trình bày rõ, diệt không được trình bày rõ, sự biến dị khi đang trú không được trình bày rõ. Có ba tướng vô vi này, này các Tỷ-kheo, cho các pháp vô vi.

IX. KINH VUA TUYẾT SƠN (*Pabbatarājasutta*)[60] (*A*. I. 152)

49. Dựa vào vua Tuyết Sơn, này các Tỷ-kheo, các cây Sāla to lớn được lớn lên với ba sự tăng trưởng. Thế nào là ba?

Chúng lớn lên về cành, về lá, về toàn bộ lá cây; chúng lớn lên về vỏ trong và vỏ ngoài hay mầm non; chúng lớn lên về giác cây và lõi cây. Dựa vào vua Tuyết Sơn, này các Tỷ-kheo, các cây Sāla to lớn được lớn lên với ba sự tăng trưởng này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, dựa vào thiện nam tử có lòng tin, những người trong gia đình được lớn lên với ba sự tăng trưởng. Thế nào là ba?

Tăng trưởng về lòng tin, tăng trưởng về giới, tăng trưởng về trí tuệ. Dựa vào thiện nam tử có lòng tin, này các Tỷ-kheo, những người trong gia đình được lớn lên với ba sự tăng trưởng này.

Như núi đá sừng sững,
Trong rừng sâu, rừng rậm,
Các cây lớn dựa vào,
Lớn lên những thần rừng.
Cũng vậy, thiện nam tử,
Có lòng tin, giới đức,
Vợ con và gia quyến,
Dựa vào để lớn mạnh,
Với tùy tùng bà con,
Nhờ cậy để sinh sống.
Thấy vị giới hạnh làm,
Giới, bố thí, thiện hành,
Nếu họ có mắt sáng,
Họ làm theo vị ấy.

---

[58] Bản tiếng Anh của PTS: *Conditioned*, nghĩa là *Hữu vi*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.22.5. 0607c13).

[59] Bản tiếng Anh của PTS trình bày liên tục mục VII. *Conditioned*, nghĩa là *Hữu vi*.

[60] Bản tiếng Anh của PTS: *Mountain*, nghĩa là *Núi*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.7. 0812b14).

Ở đây, làm đúng pháp,
Con đường đến cõi lành,
Trong thiên giới hỷ lạc,
Ước muốn được hoan hỷ.[61]

X. KINH NÊN NHIỆT TÂM LÀM (*Ātappakaraṇīyasutta*)[62] (*A*. I. 153)

50. Có ba trường hợp, này các Tỷ-kheo, nhiệt tình cần phải làm mạnh. Thế nào là ba?

Các ác, bất thiện pháp chưa sanh, nhiệt tình cần phải làm mạnh đừng cho sanh; các thiện pháp chưa sanh, nhiệt tình cần phải làm mạnh để cho sanh; để chịu đựng các thân thọ đã sanh, khổ đau, nhói đau, da diết đau, gay gắt đau, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng sống, nhiệt tình cần phải làm mạnh.

Có ba trường hợp này, này các Tỷ-kheo, nhiệt tình cần phải làm mạnh.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, nhiệt tình cần phải làm mạnh đừng để cho sanh; đối với các thiện pháp chưa sanh, nhiệt tình cần phải làm mạnh để cho sanh; để chịu đựng các thân thọ đã sanh, khổ đau, nhói đau, da diết đau, gay gắt đau, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng sống, nhiệt tình cần phải làm mạnh. Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là vị có nhiệt tình, thận trọng, chánh niệm để chơn chánh đoạn tận khổ đau.

XI. KINH KẺ CƯỚP LỚN (*Mahācorasutta*) (*A*. I. 153)

51. Do đầy đủ ba điều kiện, này các Tỷ-kheo, một tên cướp lớn có thể chặt được khóa cửa, mang đi được đồ ăn trộm, làm kẻ cướp một nhà, làm kẻ đứng đường chặn cướp.[63] Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào sự quanh co hiểm trở (*visama*), dựa vào rừng rậm, dựa vào kẻ có quyền lực.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là tên cướp lớn dựa vào sự quanh co hiểm trở? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào con sông khó lội qua hay sự quanh co hiểm trở của núi non. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là tên cướp lớn dựa vào sự quanh co hiểm trở.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tên cướp lớn dựa vào rừng rậm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào rừng rậm cỏ, hay rừng rậm cây, hay khóm rừng, hay đám rừng rậm lớn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là tên cướp lớn dựa vào rừng rậm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tên cướp lớn dựa vào kẻ có quyền lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo, tên cướp lớn dựa vào vua hay các vị đại thần của vua và nghĩ như sau: "Nếu có ai kết tội ta, các vua ấy hay các vị đại thần của vua ấy sẽ

---

[61] *Kāmakāmino*. Xem *A*. II. 62; *It*. 112.

[62] Bản tiếng Anh của PTS: *Ardent Energy*, nghĩa là *Nhiệt tâm tinh tấn*.

[63] *Paripanthepi tiṭṭhati*. Xem *D*. I. 52; *S*. III. 208; *KS*. IV. 251ff.

giải thích, cứu thoát ta." Và thực sự là như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là tên cướp lớn dựa vào kẻ có quyền lực.

Do đầy đủ ba điều kiện này, này các Tỷ-kheo, một tên cướp lớn có thể chặt được khóa cửa, mang đi được đồ ăn trộm, làm kẻ cướp một nhà, làm kẻ đứng đường chặn cướp.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ác Tỷ-kheo đầy đủ ba pháp, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo dựa vào sự quanh co hiểm trở, dựa vào rừng rậm và dựa vào kẻ có quyền lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào sự quanh co hiểm trở? Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo đầy đủ với thân hành quanh co hiểm trở, với ngữ hành quanh co hiểm trở, với ý hành quanh co hiểm trở. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào sự quanh co hiểm trở.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào rừng rậm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo có tà kiến, đầy đủ những tri kiến đi đến cực đoan. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào rừng rậm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào kẻ có quyền lực? Ở đây, này các Tỷ-kheo, dựa vào các vua hay các đại thần của vua, ác Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Nếu có ai kết tội ta, các vua ấy hay các đại thần của vua ấy sẽ giải thích, cứu thoát ta." Và thực sự là như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào kẻ có quyền lực.

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách và tạo nên nhiều điều vô phước.



VI. PHẨM CÁC BÀ-LA-MÔN
(*BRĀHMAṆAVAGGA*)

I. KINH HAI BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT
(*Paṭhamadvebrāhmaṇasutta*)[64] (*A*. I. 155)

52. Có hai vị Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã một trăm hai mươi tuổi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, những Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi là[65] những Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã một trăm hai mươi tuổi nhưng chúng tôi không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sự sợ hãi.[66] Tôn giả Gotama hãy răn dạy chúng tôi! Tôn giả Gotama hãy giảng dạy chúng tôi! Nhờ vậy, chúng tôi sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

– Thật vậy, các ông là những Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã một trăm hai mươi tuổi nhưng các ông không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sự sợ hãi. Thật vậy, này các Bà-la-môn, thế giới này đã bị già, bệnh, chết dắt dẫn. Thế giới đã bị già, bệnh, chết dắt dẫn như vậy, này các Bà-la-môn, thời chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý trong đời này, đối với kẻ đã đi đến cõi chết,[67] phải là chỗ nương tựa, là hang trú ẩn, là hòn cù lao (hay ngọn đèn), là chỗ quy y và là đích xứ người ấy đến.

Đời sống bị dắt dẫn,
Mạng sống chẳng là bao,
Bị già kéo dẫn đi,
Không có nơi nương tựa.
Hãy luôn luôn quán tưởng,
Sợ hãi tử vong này,

---

[64] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Two People*, nghĩa là *Hai người*. Tham chiếu: *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.86. 0403b10).

[65] *Assu*: Đây là một trợ từ nhấn mạnh, chỉ cho các Bà-la-môn, không phải người giai cấp khác.

[66] *Bhīruttāṇā*. Xem *A*. II. 174. *AA*. II. 255: *Akatabhīruttāṇāti* = *Akatabhayaparittāṇā* (không làm những điều để được an toàn, chấm dứt các sợ hãi).

[67] *Peta*: *Paralokaṃ gatassa* (người đi qua thế giới bên kia, người đã mất). Xem *AA*. II. 255.

Hãy làm các công đức,
Đưa đến [chơn] an lạc.
Ở đây chế ngự thân,
Chế ngự lời và ý,
Kẻ ấy dầu có chết,
Cũng được hưởng an lạc,
Vì khi còn đang sống,
Đã làm các công đức.

II. KINH HAI BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (*Dutiyadvebrāhmaṇasutta*)[68] (*A*. I. 156)

53. Rồi hai vị Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã một trăm hai mươi tuổi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, những Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi là những Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã một trăm hai mươi tuổi nhưng chúng tôi không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sự sợ hãi. Tôn giả Gotama hãy răn dạy chúng tôi! Tôn giả Gotama hãy giảng dạy chúng tôi! Nhờ vậy, chúng tôi sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

– Thật vậy, các ông là những Bà-la-môn già yếu, trưởng lão, tuổi lớn, cuộc đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời, đã một trăm hai mươi tuổi nhưng các ông không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sự sợ hãi. Thật vậy, này các Bà-la-môn, thế giới này đã bị già, bệnh, chết dắt dẫn. Thế giới đã bị già, bệnh, chết dắt dẫn như vậy, này các Bà-la-môn, thời chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý trong đời này, đối với kẻ đã đi đến cõi chết, phải là chỗ nương tựa, là hang trú ẩn, là hòn cù lao (hay ngọn đèn), là chỗ quy y và là đích xứ người ấy đến.

Trong ngôi nhà bị cháy,
Đồ đạc được đem ra,
Đồ ấy lợi cho họ,
Không phải đồ bị cháy.
Cũng vậy đời bị cháy,
Do già chết thiêu đốt,
Nhờ bố thí tự cứu,
Khéo cứu, đồ bố thí.
Ở đây, chế ngự thân,
Chế ngự lời và ý,

[68] Tham chiếu: *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.86. 0403b10).

Kẻ ấy dầu có chết,
Cũng được hưởng an lạc,
Vì khi còn đang sống,
Đã làm các công đức.

III. KINH VỊ BÀ-LA-MÔN (*Aññatarabrāhmaṇasutta*) (*A*. I. 156)

54. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Pháp là thiết thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

– Này Bà-la-môn, một người bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Khi tham ái được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Bà-la-môn, một người bị sân làm uế nhiễm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Khi sân được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Bà-la-môn, một người bị si làm mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Khi si được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IV. KINH VỊ DU SĨ (*Paribbājakasutta*) (*A*. I. 157)

55. Rồi một Bà-la-môn du sĩ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón

hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn du sĩ bạch Thế Tôn:

– Pháp là thiết thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

– Này Bà-la-môn, một người bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Khi tham ái được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu.

Này Bà-la-môn, một người bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời nói, làm ác hạnh về ý. Khi tham ái được đoạn trừ, vị ấy không làm ác hạnh về thân, không làm ác hạnh về lời nói, không làm ác hạnh về ý.

Này Bà-la-môn, một người bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên không như thật rõ biết lợi ích của mình, không như thật rõ biết lợi ích của người, không như thật rõ biết lợi ích của cả hai. Khi tham ái được đoạn trừ, vị ấy như thật rõ biết lợi ích của mình, như thật rõ biết lợi ích của người, như thật rõ biết lợi ích của cả hai. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Bà-la-môn, một người bị sân làm uế nhiễm...

Này Bà-la-môn, một người bị si làm mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Khi si được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu.

Này Bà-la-môn, một người bị si làm mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời nói, làm ác hạnh về ý. Khi si được đoạn trừ, vị ấy không làm ác hạnh về thân, không làm ác hạnh về lời nói, không làm ác hạnh về ý.

Này Bà-la-môn, một người bị si làm cho mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên không như thật rõ biết lợi ích của mình, không như thật rõ biết lợi ích của người, không như thật rõ biết lợi ích của cả hai. Khi si được đoạn trừ, vị ấy như thật rõ biết lợi ích của mình, như thật rõ biết lợi ích của người, như thật rõ biết lợi ích của cả hai. Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra

những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

V. KINH TỊCH TỊNH (*Nibbutasutta*) (*A.* I. 158)

56. Rồi Bà-la-môn Jāṇussoṇi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Niết-bàn là thiết thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, Niết-bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

– Này Bà-la-môn, một người bị tham ái làm say đắm, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Khi tham ái được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết-bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Bà-la-môn, một người bị sân làm uế nhiễm...

Này Bà-la-môn, một người bị si làm mê mờ, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm nên nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Khi si được đoạn trừ, vị ấy không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ, tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết-bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Khi vị ấy, này Bà-la-môn, cảm thọ tham ái được đoạn tận, không có dư tàn; cảm thọ sân được đoạn tận, không có dư tàn; cảm thọ si được đoạn tận, không có dư tàn; như vậy, này Bà-la-môn, Niết-bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VI. KINH HOẠI DIỆT (*Palokasutta*)[69] (*A*. I. 159)

57. Rồi một Bà-la-môn giàu có lớn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn giàu có lớn bạch Thế Tôn:

– Con có nghe, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn thuở xưa, các trưởng lão lớn tuổi, bậc thầy của các bậc thầy nói rằng: "Thuở xưa, thế giới này quá sung mãn với người, người ta nghĩ như một vực sâu không có sóng, các làng, các thị trấn, các kinh thành quá gần để một con gà trống có thể bước từ chỗ này qua chỗ kia."

Do nhân gì, thưa Tôn giả Gotama, do duyên gì ngày nay loài người lại bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố, các quốc độ trở thành không phải quốc độ?

– Ngày nay, này Bà-la-môn, loài người bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, bị ác tham chinh phục và bị tà kiến chi phối. Vì bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, vì bị ác tham chinh phục và vì bị tà kiến chi phối, họ cầm gươm sắc bén sát hại lẫn nhau. Do vậy, nhiều người mệnh chung. Đây là nhân, này Bà-la-môn, đây là duyên vì sao ngày nay loài người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố, các quốc độ trở thành không phải quốc độ.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ngày nay loài người bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, bị ác tham chinh phục và bị tà kiến chi phối. Vì bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, vì bị ác tham chinh phục và vì bị tà kiến chi phối, trời không mưa xuống đều đặn. Vì vậy, bữa ăn khó tìm, mùa màng hư mất, trắng xóa với côn trùng,[70] chỉ còn lại cọng lép.[71] Do vậy, nhiều người mệnh chung. Đây là nhân, này Bà-la-môn, đây là duyên vì sao ngày nay loài người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố, các quốc độ trở thành không phải quốc độ.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ngày nay loài người bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, bị ác tham chinh phục và bị tà kiến chi phối. Vì bị tham ái phi pháp làm cho say đắm, vì bị ác tham chinh phục và vì bị tà kiến chi phối, các loài

---

[69] Bản tiếng Anh của PTS: *The Rich Man*, nghĩa là *Người giàu có*. Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.14. 0878a06).

[70] *Setaṭṭhikā*. *AA*. II. 257 giải thích rằng khi lúa trổ hạt, các loại côn trùng bu tới để ăn. Vì loài côn trùng quá nhiều nên đầu ngọn lúa bị nấm trắng. *SA*. III. 106 viết là *setaṭṭhikā* và giải thích là đầy những xương người chết.

[71] *Salākāvutta*. Xem *KS*. IV. 238. Ở đây, *Chú giải* giải thích khi gặt lúa xong, chỉ cọng rơm còn lại, không có hạt lúa; không phải phiếu lấy đồ ăn như có chỗ đã giải thích.

yakkha (dạ-xoa) thả ra các loài phi nhân dữ tợn. Do vậy, nhiều người mệnh chung. Đây là nhân, này Bà-la-môn, đây là duyên vì sao ngày nay loài người bị tiêu diệt, bị giảm thiểu trông rõ như thế, các làng trở thành không phải làng, các thị trấn trở thành không phải thị trấn, các thành phố trở thành không phải thành phố, các quốc độ trở thành không phải quốc độ.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VII. KINH VACCHAGOTTA (*Vacchagottasutta*)[72] (*A.* I. 160)

58. Rồi du sĩ Vacchagotta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Vacchagotta thưa với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi có được nghe: "Sa-môn Gotama nói như sau: 'Cần phải bố thí cho Ta, không cần bố thí cho người khác; cần phải bố thí cho đệ tử của Ta, không cần phải bố thí cho đệ tử của những người khác; bố thí cho Ta có quả lớn, bố thí cho những người khác không có quả lớn; bố thí cho các đệ tử của Ta có quả lớn, bố thí cho các đệ tử của những người khác không có quả lớn.'" Thưa Tôn giả Gotama, những ai nói rằng Sa-môn Gotama nói như sau: "Cần phải bố thí cho Ta... không có quả lớn", những người nói như vậy có phải nói đúng lời nói của Tôn giả Gotama, không có xuyên tạc Tôn giả Gotama với điều không thật? Có phải họ nói như vậy là đúng pháp và thuận pháp? Và những ai là người đúng pháp, nói lời đúng pháp và thuận pháp sẽ không có cơ hội để chỉ trích? Chúng tôi thật không muốn xuyên tạc Tôn giả Gotama.

– Này Vaccha, những ai nói rằng: "Sa-môn Gotama nói như sau: 'Cần phải bố thí cho Ta, không cần bố thí cho người khác; cần phải bố thí cho đệ tử của Ta, không cần phải bố thí cho đệ tử của những người khác; bố thí cho Ta có quả lớn, bố thí cho những người khác không có quả lớn; bố thí cho các đệ tử của Ta có quả lớn, bố thí cho các đệ tử của những người khác không có quả lớn'", những người ấy không nói đúng với lời nói của Ta, họ đã xuyên tạc Ta với điều không thật (*asatā*), họ đã nói láo. Này Vaccha, ai ngăn chặn người khác bố thí, người ấy tạo ra ba chướng ngại pháp và đánh mất ba vật. Thế nào là ba?

Người ấy làm chướng ngại người cho được công đức; người ấy ngăn chặn người nhận được bố thí; và tự ngã người ấy trước đã mất gốc, lại càng bị

[72] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.95. 0026a05); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.261. 0465c05).

thương tổn hơn. Này Vaccha, ai ngăn chặn người cho bố thí người khác, tạo ra ba chướng ngại như vậy và đánh mất ba vật. Này Vaccha, Ta nói như sau: "Những ai đổ đồ phế thải trên mâm bàn, hay đồ rửa chén bát vào hố phân, hay hố rác rưởi [với ý nghĩ] để các loài hữu tình trong ấy nhờ đấy được ăn để sống." Do nhân duyên ấy, này Vaccha, Ta nói có đem lại công đức, còn nói gì đối với loài người.

Lại nữa, này Vaccha, Ta tuyên bố rằng, bố thí cho người có giới hạnh được quả lớn, bố thí cho người hành ác giới không được như vậy. Người có giới hạnh là người đã đoạn tận năm pháp và đã đầy đủ năm pháp.

Thế nào là năm pháp đã được vị ấy đoạn tận? Dục tham đã được đoạn tận, sân đã được đoạn tận, hôn trầm thụy miên đã được đoạn tận, trạo hối đã được đoạn tận, nghi đã được đoạn tận. Vị ấy đã đoạn tận năm pháp này.

Thế nào là năm pháp vị ấy đã đầy đủ? Đầy đủ vô học giới uẩn, đầy đủ vô học định uẩn, đầy đủ vô học tuệ uẩn, đầy đủ vô học giải thoát uẩn, đầy đủ vô học giải thoát tri kiến uẩn. Vị ấy đã đầy đủ năm pháp này. Ở đây, Ta tuyên bố rằng, bố thí cho người đoạn tận năm pháp và đầy đủ năm pháp có quả lớn.

Như trong một đàn bò,[73]
Có con đen, trắng, đỏ,
Màu hung hay có đốm,
Có con màu bồ câu,
Dầu con bò màu gì,
Kiếm được con bò thuần,
Con vật kéo sức mạnh,
Đẹp, lanh và hăng hái,
Mặc kệ nó màu gì,
Liền mắc vào gánh nặng.
Cũng vậy giữa loài người,
Dầu có sinh chỗ nào,
Hoàng tộc, Bà-la-môn,
Thương gia hay nô bộc,
Kẻ không có giai cấp,
Hay hạ cấp đổ phân,
Giữa những người như vậy,
Ai điều phục thuần thục,
Ngay thẳng, đủ giới đức,
Nói thực, biết tàm quý,
Sanh tử đã đoạn tận,
Phạm hạnh được vẹn toàn,
Gánh nặng đã hạ xuống,

[73] Các bài kệ có trong *A*. III. 214.

Không còn bị trói buộc,
Việc cần làm đã làm,
Không còn bị lậu hoặc,
Đã đến bờ bên kia,
Không chấp pháp, tịch tịnh,
Phước điền ấy vô cấu,
Quả lớn đáng cúng dường.
Như kẻ ngu không biết,
Thiếu trí, ít nghe nhiều,
Chỉ bố thí bên ngoài,
Không đến gần kẻ thiện.
Những ai gần kẻ thiện,
Có tuệ, tôn bậc hiền,[74]
Họ tin bậc Thiện Thệ,
An trú tận gốc rễ.
Sanh thiên hay ở đây,
Được sanh gia đình tốt,
Bậc trí tuần tự tiến,
Chứng được cảnh Niết-bàn.

VIII. KINH TIKAṆṆA (*Tikaṇṇasutta*)[75] (*A*. I. 163)

59. Rồi Bà-la-môn Tikaṇṇa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Tikaṇṇa, trước mặt Thế Tôn, tán thán các bậc Bà-la-môn có đầy đủ Ba minh.

– Phải, này Bà-la-môn, họ là bậc có Ba minh. Phải, các Bà-la-môn có Ba minh. Cho đến như thế nào, này Bà-la-môn, các Bà-la-môn diễn tả Ba minh của các Bà-la-môn?

– Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, vị Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh[76] cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và các cổ truyện là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biện tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của các vị Đại nhân. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là các vị Bà-la-môn diễn tả Ba minh của các vị Bà-la-môn.

– Thật là khác, này Bà-la-môn, các Bà-la-môn diễn tả Ba minh của các Bà-la-môn! Thật là khác Ba minh trong Luật của bậc Thánh!

– Như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là Ba minh trong Luật của bậc Thánh?

---

[74] *Dhīrasammate.* Xem *sādhusammato* trong *D*. I. 47; *DA*. I. 143.

[75] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.884-885. 0223b03-12).

[76] *Saṃsuddhagahaṇika*. Xem *D*. I. 113.

Lành thay nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho chúng tôi về Ba minh trong Luật của bậc Thánh!

– Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Tikaṇṇa vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây."

Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các nét chi tiết. Đây là Minh thứ nhất vị ấy đã đạt được, vô minh diệt, minh khởi; bóng tối diệt, ánh sáng sanh đối với vị an trú không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy rõ biết rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, ngữ, ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ, ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào các cõi thiện, cõi trời, cõi đời này.

Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, thấy sự sống chết của chúng sanh.

Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Đây là Minh thứ hai vị ấy đã đạt được, vô minh diệt, minh khởi; bóng tối diệt, ánh sáng sanh đối với vị an trú không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy rõ biết như thật: "Đây là khổ", rõ biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", rõ biết như thật: "Đây là khổ diệt", rõ biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; rõ biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", rõ biết như thật: "Đây là nguyên nhân các lậu hoặc", rõ biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", rõ biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc."

Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa." Đây là Minh thứ ba vị ấy đã đạt được, vô minh diệt, minh khởi; bóng tối diệt, ánh sáng sanh đối với vị an trú không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Giới hạnh không cao thấp,
Khôn khéo và thiền tịnh,
Với tâm được chinh phục,
Nhất tâm, khéo định tĩnh,
Bậc trí đoạn mê ám,
Ba minh diệt tử thần,
Vị ấy được tôn xưng,
Đại hạnh cho trời, người,
Bậc "Đoạn tận tất cả",
Đầy đủ cả Ba minh,
An trú không mê vọng,
Đức Phật, bậc Giác Ngộ,
Bậc chứng thân tối hậu,
Họ lễ Gotama.
Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa giới,
Vị ấy là Đạo sĩ,
Đoạn sanh, đạt thắng trí.
Vị Bà-la-môn nào,
Chứng được Ba minh này,
Ta gọi là Ba minh,
Không như thường được gọi.

Như vậy, này Bà-la-môn, là Ba minh trong Luật của bậc Thánh.

– Thật khác, thưa Tôn giả Gotama, là Ba minh của các Bà-la-môn! Thật khác là Ba minh trong Luật của bậc Thánh! Và thưa Tôn giả Gotama, người có được Ba minh của các Bà-la-môn không sánh bằng một phần mười sáu của vị chứng Ba minh trong Luật của bậc Thánh.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IX. KINH JĀṆUSSOṆI (*Jāṇussoṇisutta*)[77] (*A*. I. 166)

60. Rồi Bà-la-môn Jāṇussoṇi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Ai làm lễ tế đàn, thưa Tôn giả Gotama, hay ai làm lễ cúng linh, hay ai có bố thí, cần phải bố thí các vật ấy cho các vị Bà-la-môn có Ba minh.

– Cho đến như thế nào, này Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn diễn tả một Bà-la-môn có Ba minh?

– Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, vị Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ nào, không bị một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; nhà phúng tụng, nhà trì chú, thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải, và các cổ truyện là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biện tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn diễn tả Ba minh của các Bà-la-môn.

– Thật là khác, này Bà-la-môn, các Bà-la-môn diễn tả Ba minh của các Bà-la-môn! Thật là khác Ba minh trong Luật của bậc Thánh!

– Như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là Ba minh trong Luật của bậc Thánh? Lành thay nếu Tôn giả Gotama thuyết giảng cho chúng tôi về Ba minh trong Luật của bậc Thánh!

– Vậy Bà-la-môn hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Jāṇussoṇi vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.

---

[77] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.884-885. 0223b03-12).

Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây."

Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các nét chi tiết. Đây là Minh thứ nhất vị ấy đã đạt được, vô minh diệt, minh khởi; bóng tối diệt, ánh sáng sanh đối với vị an trú không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy rõ biết rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, ngữ, ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ, ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào các cõi thiện, cõi trời, cõi đời này.

Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Đây là Minh thứ hai vị ấy đã đạt được, vô minh diệt, minh khởi; bóng tối diệt, ánh sáng sanh đối với vị an trú không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị ấy dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy rõ biết như thật: "Đây là khổ", rõ biết như thật: "Đây là

nguyên nhân của khổ", rõ biết như thật: "Đây là khổ diệt", rõ biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; rõ biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", rõ biết như thật: "Đây là nguyên nhân các lậu hoặc", rõ biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", rõ biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc."

Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Vị ấy biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa." Đây là Minh thứ ba vị ấy đã đạt được, vô minh diệt, minh khởi; bóng tối diệt, ánh sáng sanh đối với vị an trú không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Ai đầy đủ giới hạnh,
Tinh cần và định tĩnh,
Với tâm được chinh phục,
Nhất tâm, khéo định tĩnh.
Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Vị ấy là Đạo sĩ,
Đoạn sanh, đạt thắng trí.
Vị Bà-la-môn nào,
Chứng được Ba minh này,
Ta gọi là Ba minh,
Không như thường được gọi.

Như vậy, này Bà-la-môn, là Ba minh trong Luật của bậc Thánh.

– Thật khác, thưa Tôn giả Gotama, là Ba minh của các Bà-la-môn! Thật khác là Ba minh trong Luật của bậc Thánh! Và thưa Tôn giả Gotama, người có được Ba minh của các Bà-la-môn không sánh bằng một phần mười sáu của vị chứng Ba minh trong Luật của bậc Thánh!

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

X. KINH SAṄGĀRAVA (*Saṅgāravasutta*)[78] (*A*. I. 168)

61. Rồi có Bà-la-môn Saṅgārava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón

[78] Tham chiếu: *Thương-ca-la kinh* 傷歌邏經 (*T*.01. 0026.143. 0650b09).

hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Saṅgārava bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi làm lễ tế đàn và khuyên các người khác làm lễ tế đàn. Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, ai làm lễ tế đàn và ai khuyên các người khác làm lễ tế đàn, tất cả đều thực hành con đường đưa đến công đức cho nhiều người, tức là kết quả của tế đàn. Thưa Tôn giả Gotama, ai xuất gia, từ bỏ gia tộc, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chỉ nhiếp phục một tự ngã của mình, chỉ an tịnh một tự ngã của mình, chỉ làm cho một tự ngã của mình chứng được Niết-bàn, như vậy, người ấy thực hành con đường đưa đến công đức chỉ có một mình, tức là kết quả của sự xuất gia.

– Vậy này Bà-la-môn, ở đây, Ta sẽ hỏi ông. Ông kham nhẫn như thế nào, hãy như vậy trả lời. Ông nghĩ như thế nào, này Bà-la-môn, ở đây, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời. Vị ấy nói như sau: "Đây là con đường, đây là đạo lộ, nhờ thực hành con đường này, Ta đã thể nhập vô thượng Phạm hạnh, tự mình với thắng trí, chứng đạt, an trú và tuyên thuyết. Các ngươi hãy đến! Hãy như vậy thực hành! Các ngươi sẽ thể nhập vô thượng Phạm hạnh, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú." Như vậy, vị Đạo sư này thuyết pháp và các người khác như thật hành trì. Số người như vậy là hàng trăm, hàng ngàn, hàng trăm ngàn. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, sự việc là như vậy, thời con đường đưa đến công đức này ảnh hưởng chỉ đến một người hay ảnh hưởng đến nhiều người, tức là kết quả của sự xuất gia?

– Sự việc này là như vậy, thưa Tôn giả Gotama, con đường đưa đến công đức này là ảnh hưởng đến nhiều người, tức là kết quả của sự xuất gia.

Được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Bà-la-môn Saṅgārava:

– Trong hai con đường, này Bà-la-môn, con đường nào, ông có thể kham nhẫn là giản dị hơn, ít khó chịu hơn, kết quả lớn hơn và lợi ích lớn hơn?

Được hỏi như vậy, Bà-la-môn Saṅgārava nói với Tôn giả Ānanda:

– Như Tôn giả Gotama và Tôn giả Ānanda, cả hai đối với tôi là đáng kính lễ và đáng tán thán.

Lần thứ hai, Tôn giả Ānanda nói với Bà-la-môn Saṅgārava:

– Này Bà-la-môn, ta không hỏi ông như vậy: "Những ai là đáng đảnh lễ hay những ai là đáng tán thán?" Này Bà-la-môn, như thế này là ta hỏi ông: "Này Bà-la-môn, trong hai con đường này, con đường nào ông có thể kham nhẫn là giản dị hơn, ít khó chịu hơn, kết quả lớn hơn và lợi ích lớn hơn?"

Lần thứ hai, Bà-la-môn Saṅgārava nói với Tôn giả Ānanda:

– Như Tôn giả Gotama và Tôn giả Ānanda, cả hai đối với tôi là đáng đảnh lễ và đáng tán thán.

Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda nói với Bà-la-môn Saṅgārava:

– Này Bà-la-môn, ta không hỏi ông như vậy: "Những ai là đáng kính lễ hay những ai là đáng tán thán?" Này Bà-la-môn, như thế này là ta hỏi ông: "Này Bà-la-môn, trong hai con đường này, con đường nào ông có thể kham nhẫn là giản dị hơn, ít khó chịu hơn, kết quả lớn hơn và lợi ích lớn hơn?"

Lần thứ ba, Bà-la-môn Saṅgārava nói với Tôn giả Ānanda:

– Như Tôn giả Gotama và Tôn giả Ānanda, cả hai đối với tôi là đáng kính lễ và đáng tán thán.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: "Cho đến lần thứ ba, Bà-la-môn Saṅgārava được hỏi một câu đúng pháp lại tránh né, không trả lời. Vậy Ta hãy giải tỏa việc này."

Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Saṅgārava:

– Này Bà-la-môn, câu chuyện gì đã khởi lên hôm nay trong cung điện nhà vua khi hội chúng của nhà vua ngồi tụ họp lại?

– Thưa Tôn giả Gotama, hôm nay, trong cung điện nhà vua, câu chuyện như sau đã khởi lên khi hội chúng của nhà vua ngồi tụ họp lại: "Thuở xưa, các Tỷ-kheo ít hơn, nhưng nhiều hơn là các pháp Thượng nhân, các thần thông thần biến được thị hiện. Ngày nay, các Tỷ-kheo nhiều hơn, nhưng ít hơn là các pháp Thượng nhân, các thần thông thần biến được thị hiện." Thưa Tôn giả Gotama, đây là câu chuyện đã khởi lên hôm nay trong cung điện nhà vua khi hội chúng của nhà vua ngồi tụ họp lại.

– Này Bà-la-môn, có ba loại thần thông. Thế nào là ba? Thần thông biến hóa, thần thông ký thuyết và thần thông giáo hóa.

Này Bà-la-môn, thế nào là thần thông biến hóa?

Ở đây, này Bà-la-môn, có người chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Này Bà-la-môn, đây gọi là thần thông biến hóa.

Và này Bà-la-môn, thế nào là thần thông ký thuyết?

Ở đây, này Bà-la-môn, có người nói lên nhờ tướng: "Như vậy là ý của ông, như thế này là ý của ông, như thế này là tâm của ông." Nếu vị ấy có nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người không nói lên nhờ tướng, nhưng nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của chư thiên, liền nói lên: "Như vậy là ý của ông, như thế này là ý của ông, như thế này là tâm của ông." Nếu vị ấy có nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người không nói lên nhờ tướng, cũng không nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của chư thiên, nhưng nhờ sau

khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư, sau khi suy tầm và suy tư liền nói lên: "Như vậy là ý của ông, như thế này là ý của ông, như thế này là tâm của ông." Nếu vị ấy có nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người không nói lên nhờ tướng, không nói lên nhờ nghe tiếng của loài người hay của phi nhân, hay của chư thiên, cũng không nói lên nhờ sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư, sau khi suy tầm và suy tư, nhưng nhờ thành tựu định không tầm không tứ, với tâm [của mình] biết rõ tâm của người khác tùy theo ý hành của vị Tôn giả này hướng đến chỗ nào, thời tâm của vị này lập tức suy tầm đến chỗ ấy. Nếu vị ấy có nói lên nhiều, cũng chỉ là như vậy, không có gì khác. Này Bà-la-môn, đây gọi là thần thông ký thuyết.

Và như thế nào, này Bà-la-môn, là thần thông giáo hóa?

Ở đây, này Bà-la-môn, có người giáo giới như sau: "Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như thế kia! Hãy tác ý như thế này, chớ tác ý như thế kia! Hãy từ bỏ cái này, hãy đạt đến và an trú cái kia!" Này Bà-la-môn, đây gọi là thần thông giáo hóa.

Này Bà-la-môn, đây là ba loại thần thông. Trong ba loại thần thông này, ông có thể chấp nhận loại thần thông nào là hy hữu hơn, thù diệu hơn?

– Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, loại thần thông này: Ở đây, có người chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, ai làm loại thần thông ấy, người ấy tự kinh nghiệm lấy. Ai làm thần thông ấy, tự mình có được thần thông ấy. Loại thần thông này, đối với tôi, tánh chất được xem như là huyễn hóa.

Còn loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama: Ở đây, có người nói lên nhờ tướng... sau khi nghe được tiếng trình bày rõ ràng và có suy tư... với tâm của mình biết rõ tâm của người khác... Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, ai làm loại thần thông ấy, người ấy tự kinh nghiệm lấy. Ai làm thần thông ấy, tự mình có được thần thông ấy. Loại thần thông này, đối với tôi, tánh chất được xem như là huyễn hóa.

Còn loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama: Ở đây, có người giáo giới như sau: "Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như thế kia! Hãy tác ý như thế này, chớ tác ý như thế kia! Hãy từ bỏ cái này. Hãy đạt đến và an trú cái kia." Loại thần thông này, thưa Tôn giả Gotama, tôi có thể chấp nhận là hy hữu hơn và thù diệu hơn trong ba loại thần thông.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả

Gotama! Vấn đề này được Tôn giả Gotama khéo nói như vậy. Chúng tôi thọ trì rằng Tôn giả Gotama có thành tựu cả ba loại thần thông này. Thật vậy, Tôn giả Gotama có thể chứng được nhiều loại thần thông... tự thân bay đến cõi Phạm thiên. Thật vậy, Tôn giả Gotama thành tựu được định không tầm không tứ, với tâm của mình rõ biết tâm của người khác, tùy theo ý hành của Tôn giả Gotama hướng đến chỗ nào, thời tâm của Tôn giả Gotama lập tức suy tầm đến chỗ ấy. Thật vậy, Tôn giả Gotama giáo giới như sau: "Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như thế kia! Hãy tác ý như thế này, chớ tác ý như thế kia! Hãy từ bỏ cái này, hãy đạt đến và an trú cái kia!"

– Thật vậy, này Bà-la-môn, lời nói của ông trước như là chống đối Ta, sau xích lại gần Ta.[79] Và Ta sẽ trả lời cho ông. Này Bà-la-môn, Ta chứng được nhiều loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân... Này Bà-la-môn, Ta thành tựu được định không tầm không tứ, với tâm của mình rõ biết tâm của người khác, tùy theo ý hành của Ta hướng đến chỗ nào, thời tâm của Ta lập tức suy tầm đến chỗ ấy. Này Bà-la-môn, Ta có thể giáo giới như sau: "Hãy suy nghĩ như thế này, chớ suy nghĩ như thế kia! Hãy tác ý như thế này, chớ tác ý như thế kia! Hãy từ bỏ cái này, hãy đạt đến và an trú cái kia!"

– Thưa Tôn giả Gotama, có một Tỷ-kheo nào khác cũng thành tựu được ba loại thần thông này ngoài Tôn giả Gotama?

– Này Bà-la-môn, không phải chỉ có một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn nữa các Tỷ-kheo thành tựu được ba loại thần thông này.

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, nay các Tỷ-kheo ấy hiện ở đâu?

– Này Bà-la-môn, trong chúng Tỷ-kheo này.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc, cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện thuyết giảng. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

[79] *AA*. II. 272: *Āsajja upaṇīya vācā bhāsitāti mama guṇe ghaṭṭetvā mameva guṇānaṃ santikaṃ upanītā vācā bhāsitā* (Sau khi chống đối thiện tánh của Ta lại nói lời thân mật đối với thiện tánh của Ta).

VII. PHẨM LỚN
(*MAHĀVAGGA*)

I. KINH THUYẾT CĂN BẢN CỦA NGOẠI ĐẠO
(*Titthāyatanādisutta*)[80] (*A*. I. 173)

62. Này các Tỷ-kheo, có ba y xứ này của ngoại đạo, dầu có bị các bậc Hiền giả cật vấn,[81] nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống[82] về vô vi (*akiriyāya*). Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ."[83] Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân một vị Tạo hóa tạo ra." Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, hay Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên."

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ"; đối với các vị ấy, Ta đến và nói: "Chư Tôn giả, có thật chăng chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: 'Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân nghiệp quá khứ'?"

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy."

Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người sát sanh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người lấy của không cho; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói láo; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người ác khẩu; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người tham lam; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở

---

[80] Bản tiếng Anh của PTS: *Tenets*, nghĩa là *Các nguyên lý*. Tham chiếu: *Độ kinh* 度經 (*T*.01. 0026.13. 0435a24).

[81] Xem *M*. I. 130.

[82] *Parampi gantvāti*: Kiên trì đời này qua đời khác.

[83] Xem *M*. II. 214ff.

thành người có tâm sân; do nhân nghiệp quá khứ, sẽ trở thành người theo tà kiến." Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào nghiệp quá khứ như là lý do xác thực, những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có suy nghĩ "đây là việc phải làm" hay "đây là việc không nên làm." Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được xem là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho họ được, vì họ sống thất niệm, với các căn không được hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ nhất của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân một vị Tạo hóa tạo ra"; đối với các vị ấy, Ta đến và nói: "Chư Tôn giả, có thật chăng chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: 'Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do nhân một vị Tạo hóa tạo ra'?"

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy."

Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người sát sanh; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người lấy của không cho; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người nói láo; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người ác khẩu; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người tham lam; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người có tâm sân; do nhân một vị Tạo hóa tạo ra, sẽ trở thành người theo tà kiến." Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào vị Tạo hóa tạo ra như là lý do xác thực, những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có suy nghĩ "đây là việc phải làm" hay "đây là việc không nên làm." Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được xem là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho họ được, vì họ sống thất niệm, với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ hai của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn thuyết như sau, chấp kiến như sau: "Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên"; đối với các vị ấy, Ta đến và nói: "Chư Tôn giả, có thật chăng chư Tôn giả có thuyết như sau, chấp kiến như sau: 'Phàm có cảm giác gì con người này lãnh thọ lạc, khổ hay không khổ không lạc, tất cả đều do không nhân, không duyên'?"

Được Ta hỏi vậy, họ trả lời: "Thưa phải, có như vậy."

Ta nói với họ như sau: "Như vậy, thời theo các Tôn giả, do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người sát sanh; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người lấy của không cho; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người không Phạm hạnh; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người nói láo; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người nói hai lưỡi; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người ác khẩu; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người nói lời phù phiếm; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người tham lam; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người có tâm sân; do không nhân, không duyên, sẽ trở thành người theo tà kiến." Nhưng này các Tỷ-kheo, với những ai trở lại dựa vào không nhân, không duyên như là lý do xác thực, những người ấy sẽ không có ước muốn, không có tinh tấn, không có suy nghĩ "đây là việc phải làm" hay "đây là việc không nên làm." Như vậy, sự cần thiết cần phải làm hay không cần phải làm không được xem là chân thực, là đáng tin cậy, thời danh từ Sa-môn không thể áp dụng đúng pháp cho họ được, vì họ sống thất niệm và với các căn không hộ trì.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự chỉ trích đúng pháp thứ ba của Ta đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn có thuyết như vậy, có chấp kiến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, đây là ba y xứ của ngoại đạo, dầu có bị các bậc Hiền giả cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn kiên trì trong quan điểm truyền thống về vô vi [không hành động].

Và này các Tỷ-kheo, đây là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách?

Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách.

Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách, được nói đến như vậy. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào được nói đến? Này các Tỷ-kheo, có sáu giới này: Địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới. Sáu giới này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Có sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào được nói đến? Này các Tỷ-kheo, có sáu xúc xứ này: Nhãn xúc xứ, nhĩ xúc xứ, tỷ xúc xứ, thiệt xúc xứ, thân xúc xứ, ý xúc xứ. Có sáu xúc xứ này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào được nói đến? Khi mắt thấy sắc, tư tưởng hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho hỷ; hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho ưu; hướng về và đến gần sắc, làm y xứ cho xả. Khi tai nghe tiếng, tư tưởng hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho hỷ; hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho ưu; hướng về và đến gần tiếng, làm y xứ cho xả. Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức pháp, tư tưởng hướng về và đến gần pháp, làm y xứ cho hỷ; hướng về và đến gần pháp, làm y xứ cho ưu; hướng về và đến gần pháp, làm y xứ cho xả. Có mười tám ý cận hành này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào được nói đến? Do chấp thủ sáu giới, này các Tỷ-kheo, nên có nhập thai; do có nhập thai nên có danh sắc; do duyên danh sắc nên có sáu xứ; do duyên sáu xứ nên có xúc; do duyên xúc nên có thọ. Với người có cảm thọ, này các Tỷ-kheo, Ta nêu rõ: "Đây là khổ"; Ta nêu rõ: "Đây là khổ tập; Ta nêu rõ: "Đây là khổ diệt"; Ta nêu rõ: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?

Sanh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ; điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỷ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?

Vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt?

Do vô minh diệt, không có dư tàn nên các hành diệt; do hành diệt nên thức diệt; do thức diệt nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt; do xúc diệt nên thọ diệt; do thọ diệt nên ái diệt; do ái diệt nên thủ diệt; do thủ diệt nên hữu diệt; do hữu diệt nên sanh diệt; do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt?

Đây là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không có uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

II. KINH CÁC SỢ HÃI (*Bhayasutta*)[84] (*A*. I. 178)

63. Có ba sự sợ hãi, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được người phàm phu không học nói đến. Thế nào là ba?

Có một thời, này các Tỷ-kheo, một hỏa tai lớn khởi lên. Khi hỏa tai lớn này khởi lên, này các Tỷ-kheo, các làng bị thiêu, các thị trấn bị thiêu, các thành phố bị thiêu. Khi các làng bị thiêu, các thị trấn bị thiêu, các thành phố bị thiêu, mẹ không tìm được con, con không tìm được mẹ. Đây là sợ hãi thứ nhất, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một thời có mưa lớn khởi lên. Khi mưa lớn khởi lên, này các Tỷ-kheo, lụt lớn sanh khởi. Do có lụt lớn sanh khởi nên các làng bị cuốn trôi, các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi. Khi các làng bị cuốn trôi, các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi, mẹ không tìm được con, con không tìm được mẹ. Đây là sợ hãi thứ hai, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một thời có sợ hãi về giặc cướp rừng nổi lên, và dân chúng leo lên xe chạy trốn. Khi sợ hãi về giặc cướp rừng nổi lên, này các Tỷ-kheo, dân chúng leo lên xe chạy trốn, mẹ không tìm được con, con không tìm được mẹ. Đây là sợ hãi thứ ba, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến.

Có ba sự sợ hãi này, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con, được người phàm phu không học nói đến.

Có ba sự sợ hãi này, này các Tỷ-kheo, có khi chia rẽ mẹ con, có khi không chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến. Thế nào là ba?

Có một thời, này các Tỷ-kheo, một hỏa tai lớn khởi lên. Khi hỏa tai lớn này khởi lên, này các Tỷ-kheo, các làng bị thiêu, các thị trấn bị thiêu, các thành phố

---

[84] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.758. 0199b05).

bị thiêu. Khi các làng bị thiêu, các thị trấn bị thiêu, các thành phố bị thiêu, trong khi ấy, thời có trường hợp mẹ có thể tìm được con, con có thể tìm được mẹ. Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ nhất, có khi làm chia rẽ mẹ con, có khi không làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một thời có mưa lớn khởi lên. Khi mưa lớn khởi lên, này các Tỷ-kheo, lụt lớn sanh khởi. Do có lụt lớn sanh khởi nên các làng bị cuốn trôi, các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi. Khi các làng bị cuốn trôi, các thị trấn bị cuốn trôi, các thành phố bị cuốn trôi, trong khi ấy, thời có trường hợp mẹ có thể tìm được con, con có thể tìm được mẹ. Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ hai, có khi làm chia rẽ mẹ con, có khi không làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một thời có sợ hãi về giặc cướp rừng nổi lên, và dân chúng leo lên xe chạy trốn. Khi sợ hãi về giặc cướp rừng nổi nên, này các Tỷ-kheo, dân chúng leo lên xe chạy trốn, trong khi ấy, thời có trường hợp mẹ có thể tìm được con, con có thể tìm được mẹ. Này các Tỷ-kheo, đây là sợ hãi thứ ba, có khi làm chia rẽ mẹ con, có khi không làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến.

Có ba sự sợ hãi này, này các Tỷ-kheo, có khi làm chia rẽ mẹ con, có khi không làm chia rẽ mẹ con, được kẻ phàm phu không học nói đến.

Có ba sự sợ hãi này, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con. Thế nào là ba? Sợ hãi về già, sợ hãi về bệnh, sợ hãi về chết.

Này các Tỷ-kheo, người mẹ không muốn con mình bị già: "Ta nay bị già, mong rằng con ta không bị già!" Hay người con không muốn mẹ mình bị già: "Ta nay bị già, mong rằng mẹ ta không bị già!"

Này các Tỷ-kheo, người mẹ không muốn con mình bị bệnh: "Ta nay bị bệnh, mong rằng con ta không bị bệnh!" Hay người con không muốn mẹ mình bị bệnh: "Ta nay bị bệnh, mong rằng mẹ ta không bị bệnh!"

Này các Tỷ-kheo, người mẹ không muốn con mình bị chết: "Ta nay bị chết, mong rằng con ta không bị chết!" Hay người con không muốn mẹ mình bị chết: "Ta nay bị chết, mong rằng mẹ ta không bị chết!"

Đây là ba sự sợ hãi, này các Tỷ-kheo, làm chia rẽ mẹ con.

Có con đường, này các Tỷ-kheo, có đạo lộ đưa đến từ bỏ, vượt qua ba sự sợ hãi không làm chia rẽ mẹ con này, và ba sự sợ hãi làm chia rẽ mẹ con này. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường, thế nào là đạo lộ đưa đến từ bỏ, vượt qua ba sự sợ hãi không làm chia rẽ mẹ con này, và ba sự sợ hãi làm chia rẽ mẹ con này?

Đấy là con đường tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường, này các Tỷ-kheo, đây là đạo lộ đưa đến từ bỏ, vượt qua ba sự sợ hãi không làm chia rẽ mẹ con này, và ba sự sợ hãi làm chia rẽ mẹ con này.

III. KINH VENĀGAPURA (*Venāgapurasutta*) (*A*. I. 180)

64. Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đến một làng Bà-la-môn Kosala tên là Venāgapura. Các gia chủ Bà-la-môn ở Venāgapura được nghe: "Sa-môn Gotama, dòng họ Thích-ca, xuất gia từ gia tộc Thích-ca, đã đến Venāgapura. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama: 'Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài với thắng trí, tự thân chứng ngộ và tuyên bố về thế giới này, cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời, loài người. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch.' Tốt đẹp thay được chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!"

Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Venāgapura đi đến Thế Tôn; sau khi đến, có người đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm rồi ngồi xuống một bên; có người chắp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người im lặng rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vacchagotta, người xứ Venāgapura, bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh, chói sáng. Ví như, thưa Tôn giả Gotama, trái táo vàng vào mùa thu, được thanh tịnh, chói sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh, chói sáng. Ví như, thưa Tôn giả Gotama, trái cây Sāla chín vừa rời khỏi cành, thanh tịnh, chói sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh, chói sáng. Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một đồ trang sức bằng vàng đỏ, được người thợ vàng thiện xảo khéo luyện trong lò (*ukkāmukhe*), khéo đập và đặt trên tấm vải vàng, được chiếu sáng, chói sáng, rực sáng; cũng vậy, các căn của Tôn giả Gotama thật trong sáng, màu da thật thanh tịnh, chói sáng.

Thưa Tôn giả Gotama, còn các giường cao và lớn như ghế bành,[85] ghế dài, nệm trải giường bằng lông cừu, vải trải giường nhiều tấm, nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông, thảm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía, mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm thảm lớn có thể chứa mười sáu người múa, nệm voi, nệm ngựa, nệm xe, nệm bằng da sơn dương khâu lại với nhau, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm thảm có lọng che phía trên, ghế dài có hai đầu gối chân màu

---

[85] *AA*. II. 293: *Tattha āsandīti. Pallaṅkoti pādesu vāḷarūpāni ṭhapetvā kato. Goṇakoti dīghalomako mahākojavo* (Ở đây, trường kỷ (*āsandīti*) là loại ghế dài quá khổ. Loại ghế chạm khắc hình thú (*pallaṅko*) nghĩa là loại có chạm khắc hình thú nơi chân ghế. Nệm trải giường bằng lông cừu (*goṇako*) nghĩa là tấm trải lớn, đẹp, bằng lông cừu dài). Xem *D*. I. 7.

đỏ; các loại giường cao và giường lớn như vậy, chắc Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

– Này Bà-la-môn, các giường cao và lớn ấy, như ghế bành... có hai đầu gối chân màu đỏ, thật rất khó được các vật ấy. Và nếu có được cũng không thích hợp với những người xuất gia.

Này Bà-la-môn, có ba loại giường cao và giường lớn này, nay Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thế nào là ba?

Giường cao, giường lớn chư thiên; giường cao, giường lớn Phạm thiên; giường cao, giường lớn bậc Thánh. Ba giường cao, giường lớn này, này Bà-la-môn, Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

– Và thưa Tôn giả Gotama, thế nào là giường cao, giường lớn chư thiên mà Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

– Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát đi vào làng ấy hay vào thị trấn ấy để khất thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khất thực trở về, Ta đi đến góc cuối của khu rừng. Ở tại đấy, Ta lượm cỏ hay lá chất thành một đống, rồi Ta ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Ly dục, ly pháp bất thiện, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Đoạn lạc và đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc chư thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc chư thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ ngồi của Ta thuộc chư thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta nằm, thời trong lúc ấy giường cao và giường lớn của Ta thuộc chư thiên. Này Bà-la-môn, đây là giường cao, giường lớn thuộc chư thiên mà Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Có ai khác ngoài Tôn giả Gotama có thể có được giường cao, giường lớn chư thiên như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là giường cao, giường lớn Phạm thiên mà Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

– Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát đi vào làng ấy hay thị trấn ấy để khất thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khất thực trở về, Ta đi đến góc cuối của khu rừng. Ở tại đấy, Ta lượm cỏ hay lá chất thành một đống, rồi Ta ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Ta an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, Ta an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai... quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân.

Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc Phạm thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc Phạm thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ ngồi của Ta thuộc Phạm thiên. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta nằm, thời trong lúc ấy, các giường cao, giường lớn của Ta thuộc Phạm thiên. Này Bà-la-môn, đây là giường cao, giường lớn thuộc Phạm thiên mà Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Có ai khác ngoài Tôn giả Gotama có thể có được giường cao, giường lớn Phạm thiên như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là giường cao, giường lớn bậc Thánh mà Tôn giả Gotama có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

– Ở đây, này Bà-la-môn, Ta sống gần một làng hay một thị trấn. Buổi sáng, Ta đắp y, cầm y bát đi vào làng ấy hay thị trấn ấy để khất thực. Sau khi ăn xong, trên con đường đi khất thực trở về, Ta đi đến góc cuối của khu rừng. Ở tại đấy, Ta lượm cỏ hay lá chất thành một đống, rồi Ta ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Ta rõ biết như sau: "Tham ái đã được Ta đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Sân đã được Ta đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Si đã được Ta đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai."

Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đi kinh hành, thời trong lúc ấy, chỗ kinh hành của Ta thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta đứng, thời trong lúc ấy, chỗ đứng của Ta thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta ngồi, thời trong lúc ấy, chỗ ngồi của Ta thuộc bậc Thánh. Này Bà-la-môn, trong trạng thái như vậy, nếu Ta nằm, thời trong lúc ấy, các giường cao, giường lớn của Ta thuộc

bậc Thánh. Này Bà-la-môn, đây là giường cao, giường lớn thuộc bậc Thánh mà Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Có ai khác ngoài Tôn giả Gotama có thể có được giường cao, giường lớn bậc Thánh như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IV. KINH SARABHA (*Sarabhasutta*)[86] (A. I. 185)

65. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Lúc bấy giờ, du sĩ Sarabha, từ bỏ Pháp và Luật này không bao lâu, đang tuyên bố như sau với hội chúng ở Rājagaha: “Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy.”

Rồi có nhiều Tỳ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Rājagaha để khất thực. Các vị Tỳ-kheo ấy nghe du sĩ Sarabha tuyên bố như sau với hội chúng ở Rājagaha: “Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy.”

Rồi các vị Tỳ-kheo đi khất thực ở Rājagaha xong, sau bữa ăn, trên con đường khất thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Du sĩ Sarabha, bạch Thế Tôn, đã từ bỏ Pháp và Luật này không bao lâu. Vị ấy tuyên bố như sau với hội chúng ở Rājagaha: “Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật ấy.” Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng bi mẫn, hãy đi đến du sĩ Sarabha.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ ngồi thiền tịnh đứng dậy, đi đến bờ sông Sappinī, khu vườn của các du sĩ, đến du sĩ Sarabha; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha:

[86] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.970. 0250a19); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.204. 0449b28).

– Có thật chăng, này Sarabha, ông đã nói như sau: "Ta đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử. Và vì hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử nên ta đã từ bỏ Pháp và Luật này"?

Được nghe hỏi vậy, du sĩ Sarabha giữ im lặng.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha:

– Hãy nói lên, này Sarabha, ông đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu ông hiểu chưa được đầy đủ, thời Ta sẽ làm cho được đầy đủ. Nhưng nếu ông hiểu được đầy đủ, thời Ta sẽ hoan hỷ tiếp nhận.

Lần thứ hai, du sĩ Sarabha giữ im lặng.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với du sĩ Sarabha:

– Chính do Ta, này Sarabha, pháp của các Sa-môn Thích tử được trình bày lên. Hãy nói lên, này Sarabha, ông đã hiểu rõ pháp của các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu ông hiểu chưa được đầy đủ, thời Ta sẽ làm cho được đầy đủ. Nhưng nếu ông hiểu được đầy đủ, thời Ta sẽ hoan hỷ tiếp nhận.

Lần thứ ba, du sĩ Sarabha giữ im lặng.

Rồi các du sĩ ở Rājagaha nói với du sĩ Sarabha:

– Này Hiền giả, những điều gì Hiền giả cần hỏi Sa-môn Gotama, Sa-môn Gotama đã cho Hiền giả có cơ hội nói lên. Hãy nói lên, này Sarabha, Hiền giả đã hiểu pháp của các Sa-môn Thích tử như thế nào? Nếu Hiền giả hiểu chưa được đầy đủ, Sa-môn Gotama sẽ làm cho đầy đủ. Nếu Hiền giả hiểu được đầy đủ, Sa-môn Gotama sẽ hoan hỷ tiếp nhận.

Được nghe nói vậy, du sĩ Sarabha giữ im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không thể trả lời.

Rồi Thế Tôn biết được du sĩ Sarabha đang giữ im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, ngồi không trả lời, liền nói với các du sĩ ấy:

– Này các du sĩ, nếu có ai nói về Ta như sau: "Dầu ông tự cho là đã Chánh đẳng giác nhưng ông không có Chánh đẳng giác các pháp này", ở đây, Ta sẽ khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận với người ấy. Người ấy bị Ta khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận như vậy, không có chỗ nào, không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau: Hoặc là tránh né vấn đề với một vấn đề khác, sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài [đề tài chính]; hay tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, và bất mãn; hay im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói gì như du sĩ Sarabha.

Này các du sĩ, nếu có ai nói về Ta như sau: "Dầu ông tự cho đã đoạn tận các lậu hoặc nhưng các lậu hoặc này chưa được đoạn tận", ở đây, Ta sẽ khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận với người ấy. Người ấy bị Ta khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận như vậy, không có chỗ nào, không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau: Hoặc là tránh né vấn đề với một vấn đề khác, sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài [đề tài chính]; hay tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, và

bất mãn; hay im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói gì như du sĩ Sarabha.

Này các du sĩ, nếu có ai nói về Ta như sau: "Pháp do ông thuyết giảng với mục đích chơn chánh đoạn tận khổ đau, không có đưa người thực hành đến mục đích ấy", ở đây, Ta sẽ khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận với người ấy. Người ấy bị Ta khéo cật vấn, nạn vấn, thảo luận như vậy, không có chỗ nào, không có trường hợp nào, ngoài cách dựa vào một trong ba thái độ như sau: Hoặc là tránh né vấn đề với một vấn đề khác, sẽ hướng dẫn câu chuyện ra ngoài [đề tài chính]; hay tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, và bất mãn; hay im lặng, hoang mang, rụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói gì như du sĩ Sarabha.

Rồi Thế Tôn, tại khu vườn các du sĩ, trên bờ sông Sappinī, sau khi rống lên ba lần tiếng rống con sư tử, liền ra đi trên hư không.

Rồi các du sĩ ấy, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, liền bao vây xung quanh du sĩ Sarabha, công kích du sĩ Sarabha với những lời chỉ trích như sau:

– Này Hiền giả Sarabha, như con dã can già yếu trong rừng rậm nghĩ rằng: "Ta sẽ rống tiếng con sư tử", nhưng nó chỉ thốt ra tiếng rú của con dã can, chỉ thốt ra tiếng rú của con thú bị ăn thịt. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama có thể có tiếng rống con sư tử, ông nghĩ: "Ta sẽ rống tiếng rống con sư tử", nhưng ông chỉ thốt ra tiếng rú của con dã can, chỉ thốt ra tiếng rú của con thú bị ăn thịt.

Ví như, này Hiền giả Sarabha, con gà con nghĩ rằng: "Ta sẽ gáy lên tiếng gáy con gà trống", nhưng nó chỉ có thể thốt ra tiếng kêu con gà con. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama có thể gáy lên tiếng gáy gà trống, ông nghĩ: "Ta có thể gáy lên tiếng gáy con gà trống", nhưng ông chỉ thốt ra tiếng gáy con gà con.

Ví như, con bê cái con, này Hiền giả Sarabha, khi chuồng bò trống không, nghĩ rằng có thể rống tiếng rống to khỏe của con bò đực. Cũng vậy, này Hiền giả Sarabha, ngoài Sa-môn Gotama ra, ông nghĩ rằng ông có thể rống lên tiếng rống to khỏe của con bò đực, nhưng ông chỉ thốt ra tiếng rống của con bê cái con.

Như vậy, các du sĩ ấy bao vây xung quanh du sĩ Sarabha, công kích du sĩ Sarabha với những lời chỉ trích như vậy.

V. KINH CÁC VỊ Ở KESAPUTTA (*Kesamuttisutta*)[87] (*A.* I. 188)

66. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến Kesaputta, thị trấn của người Kālāma.

Các người Kālāma ở Kesaputta được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử,

[87] Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Kesaputta. Tham chiếu: *Già-lam kinh* 伽藍經 (*T.*01. 0026.16. 0438b13).

xuất gia từ dòng họ Thích-ca, đã đến Kesaputta. Tiếng đồn tốt đẹp như sau được truyền đi về Sa-môn Gotama: 'Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài với thắng trí, tự thân chứng ngộ và tuyên bố về thế giới này, cùng với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời, loài người. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, và giới thiệu đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch.' Tốt đẹp thay được chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!" Rồi những người Kālāma ở Kesaputta đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, có người đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên; có người chắp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; có người xưng tên và dòng họ rồi ngồi xuống một bên; có người im lặng rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, các người Kālāma ở Kesaputta bạch Thế Tôn:

– Có một số Sa-môn, Bà-la-môn, bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta; họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình nhưng họ bài xích, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc quan điểm của người khác. Bạch Thế Tôn, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng đi đến Kesaputta; họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình nhưng họ bài xích, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc quan điểm của người khác. Đối với họ, bạch Thế Tôn, chúng con có những nghi ngờ, phân vân: "Trong những Tôn giả Sa-môn này, ai nói sự thật, ai nói láo?"

– Đương nhiên, này các Kālāma, các ông có những nghi ngờ! Đương nhiên, này các Kālāma, các ông có những phân vân! Trong những trường hợp đáng nghi ngờ, các ông đương nhiên khởi lên phân vân.

Này các Kālāma, chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình rõ biết như sau: "Các pháp này là bất thiện; các pháp này là đáng chê; các pháp này bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến bất hạnh, khổ đau"; thời này các Kālāma, hãy từ bỏ chúng!

Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, lòng tham khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

– Người này có tham, này các Kālāma, bị tham chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng

khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, lòng sân khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

– Người này có sân, này các Kālāma, bị sân chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, lòng si khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

– Người này có si, này các Kālāma, bị si chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, các pháp này là thiện hay bất thiện?

– Là bất thiện, bạch Thế Tôn.

– Đáng chê hay không đáng chê?

– Đáng chê, bạch Thế Tôn.

– Bị người có trí quở trách hay không bị người có trí quở trách?

– Bị người có trí quở trách, bạch Thế Tôn.

– Nếu được thực hiện, được chấp nhận, chúng có đưa đến bất hạnh, đau khổ không? Hay ở đây là như thế nào?

– Nếu được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh, đau khổ. Ở đây đối với chúng con là vậy.

– Như vậy, này các Kālāma, điều Ta vừa nói với các ông: "Chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình rõ biết như sau: 'Các pháp này là bất thiện; các pháp này là đáng chê; các pháp

này bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến bất hạnh, khổ đau'; thời này các Kālāma, hãy từ bỏ chúng!" Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Này các Kālāma, chớ có tin vì nghe báo cáo... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình rõ biết như sau: "Các pháp này là thiện; các pháp này là không đáng chê; các pháp này không bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc, an lạc"; thời này các Kālāma, hãy chứng đạt và an trú!

Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, không tham khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

– Người này không tham, này các Kālāma, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, không sân khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

– Người này không sân, này các Kālāma, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho người ấy hay không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, không si khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

– Người này không si, này các Kālāma, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho người ấy hay không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Kālāma, các pháp này là thiện hay bất thiện?

– Là thiện, bạch Thế Tôn.

– Các pháp này là đáng chê hay không đáng chê?

– Không đáng chê, bạch Thế Tôn.

– Bị người có trí quở trách hay được người có trí tán thán?

– Được người có trí tán thán, bạch Thế Tôn.

– Nếu được thực hiện, được chấp nhận, chúng có đưa đến hạnh phúc, an lạc không? Hay ở đây là như thế nào?

– Nếu được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây đối với chúng con là vậy.

– Này các Kālāma, chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Kālāma, khi nào tự mình rõ biết như sau: "Các pháp này là thiện; các pháp này là không đáng chê; các pháp này không bị người có trí chỉ trích; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc, an lạc", thời này các Kālāma, hãy chứng đạt và an trú! Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Này các Kālāma, vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, biến mãn một phương, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân.

Vị Thánh đệ tử ấy, này các Kālāma, với tâm không oán như vậy, không sân như vậy, không uế nhiễm như vậy, thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, người ấy đạt được bốn sự an ủi:

"Nếu có đời sau, nếu có kết quả dị thục của các nghiệp thiện ác, sau khi thân hoại mệnh chung, ta sẽ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này"; đây là an ủi thứ nhất vị ấy có được.

"Nếu không có đời sau, nếu không có kết quả dị thục của các nghiệp thiện ác, thời ở đây, trong hiện tại, ta tự sống với tâm không oán, không sân, không phiền não, được an lạc"; đây là an ủi thứ hai vị ấy có được.

"Nếu việc ác có làm, nhưng ta không có tâm ác đối với ai cả, và nếu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau được"; đây là an ủi thứ ba vị ấy có được.

"Nếu việc ác không có làm, như vậy, cả hai phương diện [do ta làm vô ý hay cố ý], ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tịnh"; đây là an ủi thứ tư vị ấy có được.

Vị Thánh đệ tử ấy, này các Kālāma, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, đạt được bốn an ủi này.

– Sự việc là như vậy, bạch Thế Tôn! Sự việc là như vậy, bạch Thiện Thệ! Vị Thánh đệ tử ấy, bạch Thế Tôn, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, đạt được bốn an ủi:

"Nếu có đời sau, nếu có kết quả dị thục của các nghiệp thiện ác, sau khi thân hoại mệnh chung, ta sẽ được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này"; đây là an ủi thứ nhất vị ấy có được.

"Nếu không có đời sau, nếu không có kết quả dị thục của các nghiệp thiện ác, thời ở đây, trong hiện tại, ta tự sống với tâm không oán, không sân, không phiền não, được an lạc"; đây là an ủi thứ hai vị ấy có được.

"Nếu việc ác có làm, nhưng ta không có tâm ác đối với ai cả, và nếu ta không làm điều ác, sao ta có thể cảm thọ khổ đau được"; đây là an ủi thứ ba vị ấy có được.

"Nếu việc ác không có làm, như vậy, cả hai phương diện [do ta làm vô ý hay cố ý], ta quán thấy ta hoàn toàn thanh tịnh"; đây là an ủi thứ tư vị ấy có được.

Vị Thánh đệ tử ấy, bạch Thế Tôn, với tâm không oán như vậy, với tâm không sân như vậy, với tâm không uế nhiễm như vậy, với tâm thanh tịnh như vậy, ngay trong hiện tại, đạt được bốn an ủi này.

Thật vi diệu thay, thưa Thế Tôn! Thật hy hữu thay, thưa Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Chúng con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

VI. KINH SĀḶHA (*Sāḷhasutta*) (*A.* I. 193)

67. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Nandaka trú ở Sāvatthi, tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migāra.

Rồi Sāḷha, cháu trai của Migāra, và Rohaṇa, cháu trai của Pekhuṇiya, đi đến Tôn giả Nandaka; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Nandaka rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Nandaka nói với Sāḷha, cháu trai của Migāra như sau:

– Hãy đến, này các Sāḷha, chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Sāḷha, khi nào tự mình rõ biết như sau: "Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị người trí quở trách; các

pháp này nếu được thực hành và chấp nhận, đưa lại bất hạnh và đau khổ"; thời này các Sāḷha, các ông cần phải từ bỏ chúng.

Này các Sāḷha, các ông nghĩ thế nào, có tham hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Tham, này các Sāḷha, ta nói nghĩa này là vậy. Này các Sāḷha, người có tham này bị tham chinh phục, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Sāḷha, có sân hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Sân, này các Sāḷha, ta nói nghĩa này là vậy. Này các Sāḷha, người có sân này bị sân chinh phục, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Này các Sāḷha, các ông nghĩ thế nào, có si hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Si, này các Sāḷha, ta nói nghĩa này là vậy. Này các Sāḷha, người có si này bị si chinh phục, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo và cũng khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Sāḷha, các pháp này là thiện hay bất thiện?

– Là bất thiện, bạch Tôn giả.

– Các pháp này là có tội hay không có tội?

– Có tội, bạch Tôn giả.

– Bị người có trí quở trách hay được người có trí tán thán?

– Bị người có trí quở trách, bạch Tôn giả.

– Nếu được thực hiện, được chấp thuận, chúng có đưa lại bất hạnh, đau khổ không? Hay ở đây là thế nào?

– Nếu được thực hiện, được chấp thuận, thưa Tôn giả, chúng đưa lại bất hạnh, đau khổ. Ở đây đối với chúng con là như vậy.

– Như vậy, này các Sāḷha, điều ta vừa nói với các ông: "Chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin

vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Này các Sāḷha, khi nào tự mình biết như sau: 'Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị người có trí quở trách; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa lại bất hạnh và đau khổ'; thời này các Sāḷha, hãy từ bỏ chúng!" Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Như vậy, này các Sāḷha, chớ có tin vì nghe báo cáo... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Sāḷha, khi nào tự mình rõ biết như sau: "Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này không bị người có trí quở trách; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc, an lạc"; thời này các Sāḷha, hãy chứng đạt và an trú!

Các ông nghĩ như thế nào, này các Sāḷha, không tham khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Hạnh phúc, bạch Tôn giả.

– Người này không tham, này các Sāḷha, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Các ông nghĩ như thế nào, này các Sāḷha, không sân khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Hạnh phúc, bạch Tôn giả.

– Người này không sân, này các Sāḷha, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật... cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Các ông nghĩ như thế nào, này các Sāḷha, không si khi khởi lên trong nội tâm của người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

– Hạnh phúc, bạch Tôn giả.

– Người này không si, này các Sāḷha, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo và cũng không khích lệ người khác làm như vậy, như thế có làm cho người ấy được hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Tôn giả.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Sāḷha. Các pháp này là thiện hay bất thiện?

– Là thiện, bạch Tôn giả.

– Các pháp này là có tội hay không có tội?

– Không có tội, bạch Tôn giả.

– Bị người có trí quở trách hay được người có trí tán thán?

– Được người có trí tán thán, bạch Tôn giả.

– Nếu được thực hiện, được chấp nhận, chúng có đưa đến hạnh phúc, an lạc không? Hay ở đây là như thế nào?

– Nếu được thực hiện, được chấp nhận, bạch Tôn giả, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây đối với chúng con là như vậy.

– Như vậy, này các Sāḷha, điều ta vừa nói với các ông: "Chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này các Sāḷha, khi nào tự mình rõ biết như sau: 'Các pháp này là thiện; các pháp này không có tội; các pháp này được người có trí tán thán; các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận, đưa lại hạnh phúc, an lạc'; thời này các Sāḷha, hãy chứng đạt và an trú!" Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Này các Sāḷha, vị Thánh đệ tử nào ly tham, ly sân, ly si như vậy, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, biến mãn một phương, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy rõ biết như sau: "Có trạng thái này, có trạng thái hạ liệt, có trạng thái thù thắng, có xuất ly ra khỏi tưởng giới này." Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Vị ấy rõ biết như sau: "Trước ta có tham, tham ấy là bất thiện; nay ta không có nữa, như vậy là thiện. Trước ta có sân, sân ấy là bất thiện; nay ta không có nữa, như vậy là thiện. Trước ta có si, si ấy là bất thiện; nay ta không có nữa, như vậy là thiện." Như vậy, ngay trong đời sống hiện tại, vị ấy được giải thoát khỏi hy cầu, được tịch tịnh, được thanh lương, cảm thấy an lạc, tự mình an trú trong Phạm tánh.

VII. KINH CÁC VẤN ĐỀ ĐƯỢC NÓI ĐẾN (*Kathāvatthusutta*)[88] (*A*. I. 197)

68. Này các Tỷ-kheo, có ba vấn đề[89] này được nói đến. Thế nào là ba? Có

[88] Tham chiếu: *Thuyết xứ kinh* 說處經 (*T*.01. 0026.119. 0609a06).

[89] Xem *Kvu*. I. 513.

thể nói về quá khứ, này các Tỷ-kheo, nói rằng: "Như vậy đã xảy ra trong thời quá khứ." Có thể nói về tương lai, này các Tỷ-kheo, nói rằng: "Như vậy sẽ xảy ra trong thời tương lai." Có thể nói về hiện tại, này các Tỷ-kheo, nói rằng: "Như vậy đang xảy ra trong thời hiện tại."

Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

Nếu người nào, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, không trả lời một cách dứt khoát[90] cho một câu hỏi cần phải trả lời một cách dứt khoát, không trả lời một cách phân tích cho một câu hỏi cần phải trả lời một cách phân tích, không trả lời với một câu hỏi ngược lại cho một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại, không gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên, như vậy, này các Tỷ-kheo, một người như vậy không có khả năng thảo luận.

Nếu người nào, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, trả lời một cách dứt khoát cho một câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát, trả lời một cách phân tích cho một câu hỏi cần trả lời một cách phân tích, trả lời với một câu hỏi ngược lại cho một câu hỏi cần phải trả lời với một câu hỏi ngược lại, gạt qua một bên một câu hỏi cần phải gạt qua một bên, như vậy, này các Tỷ-kheo, một người như vậy có khả năng thảo luận.

Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, không xác nhận là đúng hay không đúng, không xác nhận là một giả thuyết, không xác nhận là quan điểm của bậc trí, không xác nhận là sở hành thường làm, nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, xác nhận là đúng hay không đúng, xác nhận là một giả thuyết, xác nhận là quan điểm của bậc trí, xác nhận là sở hành thường làm, nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy có khả năng thảo luận.

Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, tránh câu hỏi ấy[91] với một câu hỏi khác, hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, bày tỏ sự phẫn nộ, sân hận, bất mãn, nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, không tránh câu hỏi ấy với một câu hỏi khác, không hướng câu chuyện ra ngoài vấn đề, không

---

[90] *Ekaṃsena*. Xem *DB*. III. 221; *Miln*. 144.

[91] Xem *A*. I. 187; *D*. I. 96.

bày tỏ sự phẫn nộ, sân hận, bất mãn, nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có khả năng thảo luận.

Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người là có khả năng thảo luận hay không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, lại mắng chửi, đánh đập, nhạo báng, chụp lấy chỗ sơ hở, nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này không có khả năng thảo luận.

Nếu một người, này các Tỷ-kheo, khi được hỏi một câu, không mắng chửi, không đánh đập, không nhạo báng, không chụp lấy chỗ sơ hở, nếu là như vậy, này các Tỷ-kheo, người này có khả năng thảo luận.

Qua sự nói chuyện, này các Tỷ-kheo, có thể biết được một người có duyên hay không có duyên.

Không có lóng tai, này các Tỷ-kheo, là không có duyên. Có lóng tai là có duyên. Người có duyên thắng tri một pháp, biến tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp;[92] do thắng tri một pháp, biến tri một pháp, từ bỏ một pháp, chứng đắc một pháp, vị ấy cảm thấy chánh giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là lợi ích của thảo luận, như vậy là lợi ích của đàm luận, như vậy là lợi ích có duyên, như vậy là lợi ích của nghe lời khuyên, tức là tâm giải thoát không có chấp thủ.

Nói chuyện với hiềm thù,
Thiên chấp và kiêu mạn,
Nghịch lại đức bậc Thánh,
Bới móc lỗi lầm nhau,
Thích nghe nói xấu người,
Người lầm, người bối rối,
Người bị thua, bị hại,
Bậc Thánh không làm vậy.
Nếu muốn cùng đàm luận,
Bậc hiền biết thời gian,
Câu chuyện của bậc Thánh,
Liên hệ pháp, pháp nghĩa.
Người có trí nói chuyện,
Không hiềm thù, kiêu mạn,
Với tâm không chấp trước,
Không hiềm hận độc đoán,
Không để tâm lơ đãng,
Nói lên với chánh trí,
Hoan hỷ lời khéo nói,
Không vui lời vụng về,

[92] Bốn pháp này, theo *Chú giải* là pháp, Thánh đế về khổ, bất thiện và A-la-hán quả.

Không học cách chỉ trích,
Không chụp sơ hở người,
Không nhiếc mắng, đánh đập,
Không nói lời vu vơ,
Lời nói của bậc Thánh,
Vừa dạy vừa hoan hỷ,
Như vậy bậc Thánh nói,
Bậc Thánh luận đàm vậy,
Bậc trí biết rõ vậy,
Nói lời thật khiêm tốn.

VIII. KINH DU SĨ NGOẠI ĐẠO (*Aññatitthiyasutta*)[93] (*A*. I. 199)

69. – Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "Có ba pháp này, này các Hiền giả. Thế nào là ba? Tham, sân, si. Những pháp này, này các Hiền giả, là ba pháp. Trong ba pháp này, này các Hiền giả, thế nào là đặc thù, thế nào là thù thắng,[94] thế nào là khác biệt?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông trả lời như thế nào với các du sĩ ngoại đạo ấy?

– Đối với chúng con, bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm nương tựa. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết ý nghĩa lời nói này cho chúng con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "Có ba pháp này, này các Hiền giả. Thế nào là ba? Tham, sân, si. Những pháp này, này các Hiền giả, là ba pháp. Trong ba pháp này, này các Hiền giả, thế nào là đặc thù, thế nào là thù thắng, thế nào là khác biệt?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Tham, thưa các Hiền giả, là tội nhỏ,[95] nhưng ly tham là chậm chạp. Sân là tội lớn, nhưng ly sân là mau chóng. Si là tội lớn, và ly si là chậm chạp."

"Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì tham chưa sanh được sanh khởi, và tham đã sanh đưa đến tăng trưởng, quảng đại?"

Cần phải trả lời là "tịnh tướng". "Với ai không như lý tác ý tịnh tướng, thời tham chưa sanh được sanh khởi, và tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến tham chưa sanh được sanh khởi, và tham đã sanh được tăng trưởng, quảng đại."

---

[93] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.21.7. 0604a28); *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.45. 0882a11).

[94] Xem *A*. I. 267; *S*. III. 66.

[95] Xem *A*. III. 416.

"Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì sân chưa sanh được sanh khởi, và sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại?"

Cần phải trả lời là "chướng ngại tướng". "Với ai không như lý tác ý chướng ngại tướng, thời sân chưa sanh được sanh khởi, và sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến sân chưa sanh được sanh khởi, và sân đã sanh được tăng trưởng, quảng đại."

"Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì si chưa sanh được sanh khởi, và si đã sanh được tăng trưởng, quảng đại?"

Cần phải trả lời là "không như lý tác ý". "Với ai không như lý tác ý, thời si chưa sanh được sanh khởi, và si đã sanh được tăng trưởng, quảng đại. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến si chưa sanh được sanh khởi, và si đã sanh được tăng trưởng, quảng đại."

"Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì tham chưa sanh không sanh khởi, và tham đã sanh được đoạn tận?"

Cần phải trả lời là "bất tịnh tướng". "Với ai như lý tác ý bất tịnh tướng, thời tham chưa sanh không sanh khởi, và tham đã sanh được đoạn tận. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến tham chưa sanh không sanh khởi, và tham đã sanh được đoạn tận."

"Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì sân chưa sanh không sanh khởi, và sân đã sanh được đoạn tận?"

Cần phải trả lời là "từ tâm giải thoát". "Với ai như lý tác ý từ tâm giải thoát, thời sân chưa sanh không sanh khởi, và sân đã sanh được đoạn tận. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến sân chưa sanh không sanh khởi, và sân đã sanh được đoạn tận."

"Do nhân gì, này các Hiền giả, do duyên gì si chưa sanh không sanh khởi, và si đã sanh được đoạn tận?"

Cần phải trả lời là "như lý tác ý". "Với ai như lý tác ý, thời si chưa sanh không sanh khởi, và si đã sanh được đoạn tận. Đây là nhân, này các Hiền giả, đây là duyên khiến si chưa sanh không sanh khởi, và si đã sanh được đoạn tận."

IX. KINH CÁC CĂN BẢN BẤT THIỆN (*Akusalamūlasutta*)[96] (*A*. I. 201)

70. Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này. Thế nào là ba? Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện.

Pháp gì là tham, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là bất thiện. Ai với lòng tham, có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là bất thiện. Với ai có lòng tham, bị lòng tham chinh phục, tâm không được tự chủ, vu cáo làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh", việc ấy là bất thiện. Như vậy, rất nhiều ác, bất

[96] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.46. 0882a24).

thiện pháp này sanh ra từ tham, duyên khởi từ tham, tập khởi từ tham, khởi lên nơi người ấy.

Pháp gì là sân, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là bất thiện. Ai với lòng sân, có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là bất thiện. Với ai có lòng sân, bị lòng sân chinh phục, tâm không được tự chủ, vu cáo làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh", việc ấy là bất thiện. Như vậy, rất nhiều ác, bất thiện pháp này sanh ra từ sân, duyên khởi từ sân, tập khởi từ sân, khởi lên nơi người ấy.

Pháp gì là si, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là bất thiện. Ai với lòng si, có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là bất thiện. Với ai có lòng si, bị lòng si chinh phục, tâm không được tự chủ, vu cáo làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh", việc ấy là bất thiện. Như vậy, rất nhiều ác, bất thiện pháp này sanh ra từ si, duyên khởi từ si, tập khởi từ si, khởi lên nơi người ấy.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này được gọi là người nói phi thời, nói không thực, nói không trúng đích, nói phi Pháp, nói phi Luật. Vì sao người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nói phi thời, nói không thực, nói không trúng đích, nói phi Pháp, nói phi Luật? Như vậy là vì người này, này các Tỷ-kheo, đã vu cáo làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh." Khi được đối chất với sự thật, người ấy phủ nhận, không có chấp nhận; khi được đối chất với sự không thật, người ấy không có nhiệt tình thoát mở ra ngoài, nói rằng: "Đây là không chân, đây là không thực." Cho nên, người như vậy được gọi là người nói phi thời, nói không thực, nói không trúng đích, nói phi Pháp, nói phi Luật. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị các ác, bất thiện pháp do tham sanh nhiếp phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị các ác, bất thiện pháp do sân sanh nhiếp phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị các ác, bất thiện pháp do si sanh nhiếp phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú.

Ví như, này các Tỷ-kheo, cây Sāla hay cây Dhava hay cây Phandana bị phá hoại, bị bao trùm bởi ba loại tầm gởi (*māluvālatā*), đi đến tổn hại, đi đến bất hạnh, đi đến tổn hại và bất hạnh; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, người như vậy, bị các ác, bất thiện pháp do tham sanh chinh phục, tâm mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú... bị các ác, bất thiện pháp do sân sanh... bị các ác, bất thiện pháp do si sanh chinh phục, tâm mất tự chủ, ngay

trong hiện tại sống đau khổ với sự tổn não, với sự ưu não, với sự nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn bản bất thiện.

Có ba căn bản của thiện, này các Tỷ-kheo. Thế nào là ba? Không tham là căn bản của thiện, không sân là căn bản của thiện, không si là căn bản của thiện.

Pháp gì là không tham, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là thiện. Ai với lòng không tham, có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là thiện. Với ai không có lòng tham, không bị lòng tham chinh phục, tâm được tự chủ, không vu cáo, không làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh", việc ấy là thiện. Như vậy, rất nhiều thiện pháp này sanh ra từ không tham, duyên khởi từ không tham, tập khởi từ không tham, khởi lên nơi người ấy.

Pháp gì là không sân, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là thiện. Ai với lòng không sân, có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là thiện. Với ai không có lòng sân, không bị lòng sân chinh phục, tâm được tự chủ, không vu cáo, không làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh", việc ấy là thiện. Như vậy, rất nhiều thiện pháp này sanh ra từ không sân, duyên khởi từ không sân, tập khởi từ không sân, khởi lên nơi người ấy.

Pháp gì là không si, này các Tỷ-kheo, pháp ấy là thiện. Ai với lòng không si, có làm gì về thân, về lời, về ý, việc ấy là thiện. Với ai không có lòng si, không bị lòng si chinh phục, tâm được tự chủ, không vu cáo, không làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh", việc ấy là thiện. Như vậy, rất nhiều thiện pháp này sanh ra từ không si, duyên khởi từ không si, tập khởi từ không si, khởi lên nơi người ấy.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này được gọi là người nói đúng thời, nói thực, nói trúng đích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Vì sao người như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nói đúng thời, nói thực, nói trúng đích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật? Như vậy là vì người này, này các Tỷ-kheo, đã không vu cáo, đã không làm người khác đau khổ bằng cách sát hại, trói buộc, tịch thu tài sản, mắng nhiếc hay tẩn xuất, dựa trên: "Ta là sức mạnh, ta có sức mạnh." Khi được đối chất với sự thật, người ấy chấp nhận, không có phủ nhận; khi được đối chất với sự không thật, người ấy nhiệt tình thoát mở ra ngoài, nói rằng: "Đây là không chân, đây là không thực." Cho nên, người như vậy được gọi là người nói đúng thời, nói thực, nói trúng đích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật.

Người như vậy, này các Tỷ-kheo, đoạn tận các ác, bất thiện pháp do tham sanh, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn. Người như vậy, này các Tỷ-kheo,

không bị các ác, bất thiện pháp do sân sanh nhiếp phục, tâm không mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, không bị các ác, bất thiện pháp do si sanh nhiếp phục, tâm không mất tự chủ, ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, cây Sāla hay cây Dhava, cây Phandana, bị ba cây tầm gởi phá hoại bao trùm. Rồi có người đi đến, cầm cuốc và thúng. Người ấy chặt đứt rễ cây tầm gởi ấy, sau khi chặt đứt rễ, người ấy đào mương. Đào mương xong, người ấy nhổ các rễ lên, nhổ cho đến các rễ nhỏ như rễ Usīra.[97] Rồi người ấy chặt cây tầm gởi thành từng khúc nhỏ, bửa và chẻ thành từng mảnh nhỏ, người ấy đem phơi giữa gió và mặt trời. Sau khi phơi giữa gió và mặt trời, người ấy lấy lửa đốt, làm thành một đống tro, và quạt chúng ra giữa gió lớn hay đổ chúng xuống dòng nước chảy nhanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các cây tầm gởi ấy, bị cắt đứt gốc từ rễ, bị làm cho như thân cây Sāla, làm cho không hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với người như vậy, các ác, bất thiện pháp do tham sanh đã được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sāla, được làm cho không hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, ngay trong hiện tại được sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn... do sân sanh... các ác, bất thiện pháp do si sanh đã được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sāla, được làm cho không hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, ngay trong hiện tại được sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não, ngay trong hiện tại được Bát-niết-bàn.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba căn bản của thiện.

X. KINH CÁC LỄ BỐ-TÁT (*Uposathasutta*)[98] (*A*. I. 205)

71. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi (Xá-vệ), Pubbārāma (Đông Viên), nơi lâu đài của mẹ Migāra. Rồi Visākhā, mẹ của Migāra, trong ngày *Uposatha*,[99] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngồi một bên:

– Này Visākhā, từ đâu bà đến sáng sớm như thế này?

– Bạch Thế Tôn, hôm nay con thọ trai giới (*Uposatha*).

– Có ba loại trai giới này, này Visākhā. Thế nào là ba?

---

[97] Một loại rễ thơm dùng để làm nước hoa.

[98] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.24.6. 0624b19); *Trì trai kinh* 持齋經 (*T*.01. 0026.202. 0770a16).

[99] Chính là ngày rằm.

Trai giới người chăn bò, trai giới Nigaṇṭha và trai giới bậc Thánh.

Như thế nào, này Visākhā, là trai giới người chăn bò?

Ví như, này Visākhā, người chăn bò vào buổi chiều lùa các con bò về cho chủ của chúng. Người ấy suy nghĩ: "Hôm nay, các con bò đã ăn cỏ tại chỗ này và chỗ này, đã uống nước tại chỗ này và chỗ này. Ngày mai, các con bò sẽ ăn cỏ tại chỗ này và chỗ này, sẽ uống nước tại chỗ này và chỗ này." Cũng vậy, này Visākhā, ở đây có người giữ trai giới suy nghĩ: "Hôm nay, ta đã ăn loại đồ ăn cứng này, loại đồ ăn cứng này ta đã ăn; ta đã ăn loại đồ ăn mềm này, loại đồ ăn mềm này ta đã ăn. Ngày mai, ta sẽ ăn loại đồ ăn cứng này, loại đồ ăn cứng này ta sẽ ăn; ta sẽ ăn loại đồ ăn mềm này, loại đồ ăn mềm này ta sẽ ăn"; như vậy, người ấy sống cả ngày với tâm đồng hành với tham dục. Như vậy, này Visākhā, là trai giới người chăn bò.

Này Visākhā, thế nào là trai giới các Nigaṇṭha?

Ở đây, này Visākhā, có hạng Sa-môn tên là Nigaṇṭha, họ khích lệ đệ tử như sau: "Ông hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Đông, ngoài một trăm do-tuần; hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Tây, ngoài một trăm do-tuần; hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Bắc, ngoài một trăm do-tuần; hãy quăng bỏ trượng đối với các sinh loại sống ở phương Nam, ngoài một trăm do-tuần." Như vậy, họ khích lệ vì lòng thương, vì lòng từ mẫn đối với một số sinh loại mà thôi; họ không khích lệ vì lòng thương, vì lòng từ mẫn đối với một số sinh loại khác. Trong ngày *Uposatha*, họ khích lệ đệ tử như sau: "Này các ông, hãy quăng bỏ tất cả áo quần và nói như sau: 'Ta không có bất cứ vật gì, bất cứ ở đâu, bất cứ chỗ nào. Bất cứ vật gì, bất cứ ở đâu, bất cứ chỗ nào, không có cái gì là của ta.'"[100] Nhưng cha và mẹ của người ấy biết người ấy là con của mình, và người ấy biết họ là cha mẹ của mình. Vợ và con người ấy biết người ấy là chồng, là cha của mình; và người ấy biết họ là vợ, là con của mình. Các người nô tỳ làm công biết người ấy là chủ của họ; và người ấy biết họ là nô tỳ, là nhân viên của mình. Như vậy, trong thời gian đáng phải khích lệ đúng với sự thật, trong thời gian ấy, lại được khích lệ bằng điều nói láo, đây Ta tuyên bố là một sự nói láo. Sau khi đêm ấy đã qua, người ấy thọ hưởng tất cả tài sản chưa đem cho, đây Ta tuyên bố là lấy của không cho. Như vậy, này Visākhā, là lễ *Uposatha* của các Nigaṇṭha. Được sống thực hành như vậy, này Visākhā, lễ *Uposatha* của các Nigaṇṭha không có quả lớn, không có lợi ích lớn, không chói sáng lớn, không có ánh sáng lớn.

Và này Visākhā, thế nào là trai giới các bậc Thánh? Chính là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là làm thanh tịnh một tâm uế nhiễm với phương pháp thích nghi?[101]

---

[100] *Kiñcana*. *AA*. II. 231 viết *palibodho*, có nghĩa là trở ngại. Xem *A*. II. 177; *Ud*. VII. 10; *UdA*. 386.

[101] *Upakkamena*: Với phương pháp thích nghi. Theo *AA*. II. 324, đức Phật ví như đầu, Pháp là thân, Tăng là y phục, Giới là tấm gương và chư thiên là vàng ròng.

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, đầu uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là đầu uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Do duyên bột nhồi, do duyên đất sét, do duyên nước và do duyên nỗ lực thích nghi của con người.[102] Như vậy, này Visākhā, là đầu uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Do vị ấy niệm Như Lai, tâm được tịnh tín, hân hoan khởi lên, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành trai giới Phạm thiên, vị ấy cùng sống với Phạm thiên. Do duyên Phạm thiên,[103] tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Này Visākhā, tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu." Do vị ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, thân uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là thân uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Do duyên đá bọt (*sotti*),[104] do duyên bột tắm (*cuṇṇa*), do duyên nước và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là thân uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi.

---

[102] *Tajja, sarūpa*. Xem *S*. II. 96; IV. 215.

[103] Ở đây Phạm thiên (Brahmā) chỉ cho đức Phật.

[104] Một thứ đá bọt dùng để chà lưng. *M*. II. 46. Theo *Chú giải*, đá Kuruvindakạ được nghiền ra thành bột, làm thành viên tròn với sáp, được đục lỗ và xâu dây vào, hai tay cầm hai đầu dây kéo qua kéo lại, cọ xát trên lưng.

Và như thế nào, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng... được người trí tự mình giác hiểu." Do người ấy niệm Pháp, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành pháp trai giới, vị ấy sống với Pháp. Chính nhờ Pháp, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Này Visākhā, tâm uế nhiễm được gột sạch với phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời." Do vị ấy niệm Tăng, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, một tấm vải bị uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là một tấm vải bị uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Do duyên đất mặn, do duyên nước tro, do duyên phân bò, do duyên nước và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, một tấm vải bị uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn... là vô thượng phước điền ở đời." Nhờ vị ấy niệm Tăng, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là Thánh đệ tử thực hành chúng Tăng trai giới, sống với chúng Tăng. Chính nhờ chúng Tăng, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Này Visākhā, tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm giới:[105] "Không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được

[105] Xem *KS*. V. 297.

người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định." Do vị ấy niệm giới, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, một tấm gương uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là một tấm gương uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Do duyên dầu, do duyên tro, do duyên bàn chải lông (*vālaṇḍupaka*) và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là tấm gương uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm giới: "Không bị phá hoại... đưa đến thiền định." Vị ấy nhờ niệm giới, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Này Visākhā, đây gọi là vị Thánh đệ tử thực hành giới *Uposatha*, sống chung với giới. Nhờ giới, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi.

Này Visākhā, tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi. Và này Visākhā, thế nào là tâm uế nhiễm được gột sạch nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm thiên:[106] "Có chư thiên cõi Tứ Thiên Vương; có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba; có chư thiên Dạ-ma; có chư thiên Đâu-suất; có chư thiên Hóa Lạc; có chư thiên Tha Hóa Tự Tại; có chư thiên Phạm Chúng; có chư thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; lòng tin như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với giới như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; thí như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với tuệ như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; tuệ như vậy cũng có đầy đủ nơi ta." Khi người ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư thiên ấy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Ví như, này Visākhā, là vàng bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là vàng bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi?

---

[106] Ở đây *devatā* gồm cả hai *devā* và *devatā*. Trong *D.* II. 252, *Mahāsamaya Sutta* và *S.* V. 420, có đề cập chư thiên cao hơn, trừ *bhummadevatā* (địa thần) thấp nhất.

Do duyên lò, do duyên đất muối, do duyên phấn đỏ, do duyên ống bệ, do duyên cái kềm và do duyên nỗ lực thích nghi của con người. Như vậy, này Visākhā, là vàng bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi. Cũng vậy, này Visākhā, là tâm bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi.

Và này Visākhā, thế nào là tâm bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi?

Ở đây, này Visākhā, vị Thánh đệ tử niệm thiên: "Có chư thiên Bốn Thiên Vương; có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba... có chư thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư thiên ấy, sau khi mệnh chung ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; ta cũng có lòng tin như vậy. Đầy đủ với giới... với nghe pháp... với thí... với trí tuệ như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; ta cũng có trí tuệ như vậy." Khi vị ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và của chư thiên ấy, tâm được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Đây gọi là vị Thánh đệ tử thực hành thiên trai giới (*Uposatha*), sống chung với chư thiên. Nhờ chư thiên, tâm vị ấy được tịnh tín, hân hoan sanh khởi, các phiền não của tâm được đoạn tận. Như vậy, này Visākhā, là tâm bị uế nhiễm được làm cho thanh tịnh nhờ phương pháp thích nghi.

Vị Thánh đệ tử ấy, này Visākhā, suy tư như sau: "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ sát sanh,[107] tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới."

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới."

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống từ bỏ tà hạnh, tịnh tu Phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới."

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới."

---

[107] Xem *A*. IV. 248ff; *D*. I. 4ff; *S*. V. 469.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ rượu men rượu nấu làm cho đắm say, tránh xa rượu men rượu nấu làm cho đắm say. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống từ bỏ rượu men rượu nấu làm cho đắm say, tránh xa rượu men rượu nấu làm cho đắm say. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới."

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán ăn một ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống ăn một ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới."

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán tránh xa, không xem múa, hát, nhạc, diễn kịch;[108] không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta sống tránh xa, không xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới."

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ giường cao, giường lớn, tránh xa giường cao, giường lớn. Các vị ấy nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên đệm cỏ. Cũng vậy, ngày và đêm nay, ta từ bỏ giường cao, giường lớn, tránh xa giường cao, giường lớn. Ta nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ hay trên đệm cỏ. Về chi phần này, ta theo gương các vị A-la-hán và ta sẽ thực hành trai giới."

Như vậy, này Visākhā, là Thánh trai giới (*Uposatha*); thực hành Thánh trai giới , này Visākhā, có quả lớn, có lợi ích lớn, có chói sáng lớn, có ánh sáng lớn.

Quả lớn là như thế nào? Lợi ích lớn như thế nào? Chói sáng lớn như thế nào? Ánh sáng lớn như thế nào?

Ví như, này Visākhā, có người áp đặt chủ quyền cai trị trên mười sáu quốc độ lớn tràn đầy bảy báu như Aṅga, Magadha, Kāsi, Kosala, Vajjī, Malla, Ceti, Vaṅga, Kuru, Pañcāla, Macchā, Sūrasena, Assaka, Avanti, Gandhāra, Kamboja,[109] nhưng chủ quyền ấy không bằng một phần mười sáu của một trai giới thực hành đầy đủ cả tám giới. Vì cớ sao? Nhỏ nhoi thay, này Visākhā, là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!

Năm mươi năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi Tứ Thiên Vương. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Năm mươi năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi Tứ Thiên Vương. Sự kiện này có xảy ra,

---

[108] Xem *KS*. V. 394.

[109] Các quốc độ này được diễn tả trong *BI*. 23ff... Các dân tộc Aṅga ở phía Đông Magadha; các dân tộc Magadha, nay gọi là Bihar; các dân tộc Kāsi ở xung quanh Benares; các dân tộc Kosalā ở Nepal, kinh đô là Sāvatthi; các dân tộc Vajjī, gồm có 8 dòng họ, như: Licchavī và Videhā ở không xa Vesāli; các dân tộc Mallā ở Kusinārā và Pāvā; các dân tộc Ceti (Cedī) có lẽ ở Nepal; các dân tộc Vaṃsā (hay Vacchā) có lẽ ở Bengal; các dân tộc Kurū ở gần Delhi, các dân tộc Pañcālā ở phía Đông Kuru; các dân tộc Macchā (Matsya) ở phía Nam Kuru; các dân tộc Surasenā ở Tây Nam Maccha; các dân tộc Assakā ở trên sông Godhāvari; Avanti với kinh đô là Ujjeni; Gandhāra (nay là Kandahar) và Kamboja, phía xa Tây Bắc.

này Visākhā, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên cõi Tứ Thiên Vương. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!"

Một trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Một ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!"

Hai trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Yāmā. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Yāmā. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Yāmā. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!"

Bốn trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Tusita. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Tusita. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Tusita. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!"

Tám trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc. Ba mươi đêm như vậy làm thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Tám ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành trai giới đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!"

Một ngàn sáu trăm năm của một đời người, này Visākhā, bằng một đêm một ngày của chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Ba mươi đêm như vậy làm

thành một tháng. Mười hai tháng như vậy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư thiên như vậy làm thành thọ mạng của chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Sự kiện này có xảy ra, này Visākhā, ở đây, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi thực hành *Uposatha* đầy đủ cả tám giới, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Chính dựa trên trường hợp này, được nói lên rằng: "Nhỏ nhoi thay là vương quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư thiên!"

Chớ giết hại sinh loài,
Chớ lấy của không cho,
Chớ nói lời nói láo,
Chớ uống thứ rượu say,
Từ bỏ, không Phạm hạnh,
Từ bỏ, không dâm dục,
Không ăn vào ban đêm,
Tránh không ăn phi thời,
Không mang các vòng hoa,
Không dùng các hương liệu,
Hãy nằm trên tấm thảm,
Được trải dài trên đất,
Chính hạnh trai giới này,
Được gọi có tám phần,
Do đức Phật nói lên,
Đưa đến đoạn tận khổ.
Mặt trăng và mặt trời,
Được thấy là lành tốt,
Chỗ nào chúng đi tới,
Chúng chói sáng hào quang,
Chúng làm mây sáng chói,
Giữa hư không chúng đi,
Trên trời chúng chói sáng,
Sáng rực mọi phương hướng,
Trong khoảng không gian ấy,
Tài sản được tìm thấy,
Trân châu và ngọc báu,
Lưu ly, đá cầu may,[110]
Vàng cục trong lòng đất,
Hay loại kañcana,[111]
Cùng loại vàng sáng chói,

[110] *AA*. II. 330: *Bhaddakanti laddhakaṃ* ("Đá cầu may" hay còn gọi đá quý là loại đá đẹp).
[111] *Kañcana*: Tìm được trong núi. Xem *AA*. II. 329.

Được gọi là hāṭaka,[112]
Tuy vậy chúng trị giá,
Chỉ một phần mười sáu,
Với hạnh giữ trai giới,
Đầy đủ cả tám giới,
Kể cả ánh sáng trăng,
Với cả vòm trời sao.
Vậy người nữ, người nam,
Hãy giữ theo tịnh giới,
Hành Bố-tát trai giới,
Đầy đủ cả tám giới,
Làm thiện các công đức,
Đem lại nhiều an lạc,
Được sanh lên cõi trời,
Không bị người cười chê.



VIII. PHẨM ĀNANDA
(*ĀNANDAVAGGA*)

I. KINH CHANNA (*Channasutta*)[113] (*A*. I. 215)

72. Một thời, Thế Tôn ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi du sĩ Channa[114] đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên với Tôn giả những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Channa nói với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Hiền giả Ānanda, có phải các người tuyên thuyết về đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si?

– Vâng, thưa Hiền giả, chúng tôi tuyên thuyết về đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si.

– Thưa Hiền giả, do thấy nguy hại của tham như thế nào, các người tuyên thuyết về đoạn tận tham? Do thấy nguy hại của sân như thế nào, các người tuyên thuyết về đoạn tận sân? Do thấy nguy hại của si như thế nào, các người tuyên thuyết về đoạn tận si?

– Người có tham, thưa Hiền giả, bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ, nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm giác khổ ưu thuộc về tâm. Khi tham được đoạn tận, không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm giác khổ ưu thuộc về tâm.

Người có tham, thưa Hiền giả, bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Khi tham được đoạn tận, thân không làm ác, miệng không nói ác, ý không nghĩ ác.

Người có tham, thưa Hiền giả, bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ, không như thật rõ biết lợi mình, không như thật rõ biết lợi người, không như thật rõ biết lợi cả hai. Khi tham được đoạn tận, như thật rõ biết lợi mình, như thật rõ biết lợi người, như thật rõ biết lợi cả hai.

Tham, thưa Hiền giả, làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn.

Người có sân, thưa Hiền giả, bị sân chinh phục, tâm mất tự chủ, nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm giác khổ ưu thuộc về

---

[113] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.973. 0251b20); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.207. 0451a11).

[114] Trong các bản kinh không thấy vị Channa này. Vị này khác với vị Channa ở *S*. III và IV.

tâm. Khi sân được đoạn tận, không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm giác khổ ưu thuộc về tâm.

Người có sân, thưa Hiền giả, bị sân chinh phục, tâm mất tự chủ, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Khi sân được đoạn tận, thân không làm ác, miệng không nói ác, ý không nghĩ ác.

Người có sân, thưa Hiền giả, bị sân chinh phục, tâm mất tự chủ, không như thật rõ biết lợi mình, không như thật rõ biết lợi người, không như thật rõ biết lợi cả hai. Khi sân được đoạn tận, như thật rõ biết lợi mình, như thật rõ biết lợi người, như thật rõ biết lợi cả hai.

Sân, thưa Hiền giả, làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn.

Người có si, thưa Hiền giả, bị si chinh phục, tâm mất tự chủ, nghĩ đến hại mình, nghĩ đến hại người, nghĩ đến hại cả hai, cảm giác khổ ưu thuộc về tâm. Khi si được đoạn tận, không nghĩ đến hại mình, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm giác khổ ưu thuộc về tâm.

Người có si, thưa Hiền giả, bị si chinh phục, tâm mất tự chủ, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với miệng, làm ác hạnh với ý. Khi si được đoạn tận, không làm ác hạnh với thân, không làm ác hạnh với miệng, không làm ác hạnh với ý.

Người có si, thưa Hiền giả, bị si chinh phục, tâm mất tự chủ, không như thật rõ biết lợi mình, không như thật rõ biết lợi người, không như thật rõ biết lợi cả hai. Khi si được đoạn tận, như thật rõ biết lợi mình, như thật rõ biết lợi người, như thật rõ biết lợi cả hai.

Si, thưa Hiền giả, làm thành mù, làm thành không mắt, làm thành không trí, đoạn diệt trí tuệ, dự phần vào tổn não, không đưa đến Niết-bàn.

Thấy sự nguy hại này của tham, thưa Hiền giả, chúng tôi tuyên thuyết đoạn tận tham. Thấy sự nguy hại này của sân, thưa Hiền giả, chúng tôi tuyên thuyết đoạn tận sân. Thấy sự nguy hại này của si, thưa Hiền giả, chúng tôi tuyên thuyết đoạn tận si.

– Có con đường nào, thưa Hiền giả, có đạo lộ nào đưa đến đoạn tận tham, sân, si?

– Có con đường, thưa Hiền giả, có đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân, si.

– Con đường ấy là gì, thưa Hiền giả, đạo lộ ấy là gì, đưa đến đoạn tận tham, sân, si?

– Chính là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường, thưa Hiền giả, đây là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân, si.

– Hiền thiện là con đường, thưa Hiền giả! Hiền thiện là đạo lộ đưa đến đoạn tận tham, sân, si! Thật là vừa đủ (*alaṃ*), thưa Hiền giả Ānanda, để áp dụng không phóng dật.

II. KINH TÀ MẠNG ĐỆ TỬ (*Ājīvakasutta*) (*A*. I. 217)

73. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita.

Rồi một tà mạng đệ tử gia chủ đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, tà mạng đệ tử gia chủ nói với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Tôn giả Ānanda, pháp của những ai được khéo thuyết? Những ai khéo hành trì ở đời? Những ai khéo vượt qua ở đời?

– Vậy này gia chủ, về vấn đề này ta sẽ hỏi ông. Ông kham nhẫn thế nào, hãy trả lời như vậy. Ông nghĩ thế nào, này gia chủ, những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, pháp có được các vị ấy khéo thuyết hay không? Hay ở đây, ông nghĩ thế nào?

– Thưa Tôn giả, ai thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, pháp được vị ấy khéo thuyết. Và ở đây, tôi nghĩ như vậy.

– Ông nghĩ thế nào, này gia chủ, những ai thực hành đoạn tận tham, thực hành đoạn tận sân, thực hành đoạn tận si, những vị ấy có khéo thực hành ở đời hay không? Hay ở đây, ông nghĩ thế nào?

– Thưa Tôn giả, những ai thực hành đoạn tận tham, thực hành đoạn tận sân, thực hành đoạn tận si, những vị ấy khéo thực hành ở đời. Và ở đây, tôi nghĩ như vậy.

– Ông nghĩ thế nào, này gia chủ, những ai tham được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai sân được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai si được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, những vị ấy có khéo vượt qua ở đời hay không? Hay ở đây, ông nghĩ thế nào?

– Thưa Tôn giả, những ai tham được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai sân được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai si được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, những vị ấy khéo vượt qua ở đời. Và ở đây, tôi nghĩ như vậy.

– Như vậy, ông đã trả lời như sau: "Thưa Tôn giả, những ai thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, pháp được các vị ấy khéo thuyết." Và ông đã trả lời như sau: "Thưa Tôn giả, những ai đã thực hành đoạn tận tham, thực hành đoạn tận sân, thực hành đoạn tận si, những vị ấy khéo thực hành ở đời." Và ông đã trả lời như sau: "Thưa Tôn giả, những ai đã đoạn tận tham, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm

cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai đã đoạn tận sân, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; những ai đã đoạn tận si, đã cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, những vị ấy khéo vượt qua ở đời."

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Ở đây sẽ không có tự khen pháp của mình, không có chê trách pháp của người khác, chỉ có thuyết pháp trong giới xứ, chỉ nói đến lợi ích mà không đề cập đến tự ngã.[115]

– Thưa Tôn giả Ānanda, Tôn giả thuyết pháp để đoạn tận tham, thuyết pháp để đoạn tận sân, thuyết pháp để đoạn tận si, và thưa Tôn giả, pháp được Tôn giả khéo thuyết. Thưa Tôn giả Ānanda, Tôn giả thực hành đoạn tận tham, Tôn giả thực hành đoạn tận sân, Tôn giả thực hành đoạn tận si, Tôn giả đã khéo thực hành ở đời. Thưa Tôn giả Ānanda, tham đã được Tôn giả đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai... sân đã được Tôn giả đoạn tận... si đã được Tôn giả đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai; Tôn giả đã khéo vượt qua ở đời.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Thưa Tôn giả, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Thưa Tôn giả Ānanda, con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Ānanda nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

III. KINH MAHĀNĀMA DÒNG HỌ THÍCH
(*Mahānāmasakkasutta*)[116] (*A*. I. 219)

74. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka (Thích tử), tại Kapilavatthu, ở khu vườn Nigrodha.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn được khỏi bệnh không bao lâu. Rồi Mahānāma dòng họ Thích đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahānāma dòng họ Thích bạch Thế Tôn:

– Đã lâu ngày, bạch Thế Tôn, con biết pháp đã được dạy như sau: "Trí đến với người định tĩnh, không đến với người không định tĩnh." Bạch Thế Tôn, định đến trước rồi trí đến sau? Hay trí đến trước rồi định đến sau?

Rồi Tôn giả Ānanda suy nghĩ như sau: "Thế Tôn mới khỏi bệnh không bao

---

[115] *AA*. II. 331: *Attho ca vuttoti mayā pucchitapañhāya attho ca pakāsito* ("Và [chỉ] nói đến mục đích" nghĩa là chỉ trình bày mục đích, câu hỏi được tôi hỏi). Xem trang 768 trong bộ *Kinh Tăng chi* này.

[116] Bản tiếng Anh của PTS: *The Sakya*, nghĩa là *Người họ Thích*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.934. 0238c29); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.158. 0433c02).

lâu. Mahānāma dòng họ Thích này hỏi một câu rất thâm sâu. Vậy ta hãy đưa Mahānāma dòng họ Thích qua một bên và thuyết pháp cho Mahānāma."

Rồi Tôn giả Ānanda cầm tay Mahānāma dòng họ Thích, kéo qua một bên rồi nói với Mahānāma dòng họ Thích:

– Giới của bậc Hữu học, này Mahānāma, được Thế Tôn nói đến, và giới của bậc Vô học cũng được Thế Tôn nói đến; định của bậc Hữu học được Thế Tôn nói đến, định của bậc Vô học cũng được Thế Tôn nói đến; tuệ của bậc Hữu học được Thế Tôn nói đến; tuệ của bậc Vô học cũng được Thế Tôn nói đến.

Và này Mahānāma, thế nào là giới của bậc Hữu học?

Ở đây, này Mahānāma, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học giới. Này Mahānāma, đây là giới của bậc Hữu học.

Và này Mahānāma, thế nào là định của bậc Hữu học?

Ở đây, này Mahānāma, ly dục, ly bất thiện pháp, vị Tỷ-kheo chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này Mahānāma, đây là định của bậc Hữu học.

Và này Mahānāma, thế nào là trí tuệ của bậc Hữu học?

Ở đây, này Mahānāma, vị Tỷ-kheo như thật quán tri: "Đây là khổ", như thật quán tri: "Đây là nguyên nhân của khổ", như thật quán tri: "Đây là khổ diệt", như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Này Mahānāma, đây gọi là trí tuệ của bậc Hữu học. Vị Thánh đệ tử như vậy đầy đủ giới, như vậy đầy đủ định, như vậy đầy đủ tuệ; do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này Mahānāma, là giới bậc Hữu học được Thế Tôn thuyết, là giới bậc Vô học được Thế Tôn thuyết; là định bậc Hữu học được Thế Tôn thuyết, là định bậc Vô học được Thế Tôn thuyết; là tuệ bậc Hữu học được Thế Tôn thuyết, là tuệ bậc Vô học được Thế Tôn thuyết.

IV. KINH VỊ LÕA THỂ (*Nigaṇṭhasutta*)[117] (*A.* I. 220)

75. Một thời, Tôn giả Ānanda trú tại Vesāli, Đại Lâm, trong ngôi giảng đường có nóc nhọn. Rồi Abhaya người Licchavi và Paṇḍitakumāra người Licchavi đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Abhaya người Licchavi thưa với Tôn giả Ānanda:

[117] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.563. 0147c02).

– Nigaṇṭha Nāthaputta, thưa Tôn giả, tự cho là toàn tri, toàn kiến, có tri kiến toàn diện: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ, ta thức, tri kiến luôn luôn được an trú, không có gián đoạn." Vị ấy tuyên bố chấm dứt các nghiệp cũ với khổ hạnh và phá hoại (*setughātaṃ*) các nghiệp mới với vô vi [không hành động]. Như vậy, do nghiệp đoạn diệt nên khổ đoạn diệt; do khổ đoạn diệt nên thọ đoạn diệt; do thọ đoạn diệt nên tất cả khổ sẽ được tiêu diệt. Như vậy là [pháp môn] siêu thoát, thanh tịnh, diệt nhiệt não, thiết thực hiện tại. Ở đây, thưa Tôn giả, Thế Tôn nói thế nào?

– Này Abhaya, có ba [pháp môn] thanh tịnh, diệt nhiệt não, được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh tuyên bố, khiến chúng sanh được thanh tịnh, khiến vượt qua sầu bi, khiến chấm dứt khổ ưu, khiến đạt được chánh lý, khiến chứng được Niết-bàn. Thế nào là ba?

Ở đây, này Abhaya, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ấy không làm các nghiệp mới, và với các nghiệp cũ ảnh hưởng đến mình, chấm dứt các nghiệp ấy. Đây là [sự thanh tịnh thứ nhất], thiết thực hiện tại, diệt nhiệt não, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Vị Tỷ-kheo ấy, này Abhaya, đầy đủ với giới như vậy, ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, vị ấy chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy không làm các nghiệp mới, và với các nghiệp cũ ảnh hưởng đến mình, chấm dứt các nghiệp ấy. Đây là [sự thanh tịnh thứ hai], thiết thực hiện tại, diệt nhiệt não, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Vị Tỷ-kheo ấy, này Abhaya, đầy đủ với giới như vậy... với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Vị ấy không làm các nghiệp mới, và với các nghiệp cũ ảnh hưởng đến mình, chấm dứt các nghiệp ấy. Đây là [sự thanh tịnh thứ ba], thiết thực hiện tại, diệt nhiệt não, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Abhaya, có ba sự thanh tịnh, diệt nhiệt não này, được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chơn chánh tuyên bố, khiến chúng sanh được thanh tịnh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng được Niết-bàn.

Khi được nói như vậy, Paṇḍitakumāra người Licchavi nói với Abhaya người Licchavi:

– Này bạn Abhaya, bạn có tín thọ lời khéo nói của Tôn giả Ānanda là khéo nói không?

– Này bạn, tôi là ai mà lại không tín thọ lời khéo nói của Tôn giả Ānanda là khéo nói! Đầu người ấy sẽ vỡ tan nếu không tín thọ lời khéo nói của Tôn giả Ānanda là khéo nói.

V. KINH CẦN PHẢI KHÍCH LỆ (*Nivesakasutta*)[118] (*A*. I. 222)

76. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

– Này Ānanda, với ai ông có lòng từ mẫn, và với những ai ông nghĩ là nên nghe theo, các bạn bè, thân hữu, bà con hay cùng một huyết thống; với những người ấy, này Ānanda, ông cần phải khích lệ, cần phải hướng dẫn, cần phải an trú trong ba điểm.[119] Thế nào là ba?

Hãy khích lệ, hướng dẫn và an trú vào tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Hãy khích lệ, hướng dẫn và an trú vào tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu." Hãy khích lệ, hướng dẫn và an trú vào tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn; Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn; Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn; Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử của Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được cúng dường, đáng được tôn trọng, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời."

Dầu cho bốn đại chủng có đổi khác, này Ānanda, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nhưng vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật không có đổi khác. Ở đây, đổi khác là như thế này: Vị Thánh đệ tử ấy, này Ānanda, thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật, sẽ sanh vào cõi địa ngục, loài bàng sanh hay cõi ngạ quỷ. Sự kiện này không xảy ra.

Dầu cho bốn đại chủng có đổi khác, này Ānanda, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nhưng vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp không có đổi khác. Ở đây, đổi khác là như thế này: Vị Thánh đệ tử ấy, này Ānanda, thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp, sẽ sanh vào cõi địa ngục, loài bàng sanh hay cõi ngạ quỷ. Sự kiện này không xảy ra.

Dầu cho bốn đại chủng có đổi khác, này Ānanda, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nhưng vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng không có đổi khác. Ở đây, đổi khác là như thế này: Vị Thánh đệ tử ấy, này

---

[118] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.21.4. 0603a15).
[119] Xem *KS*. V. 165, 317ff.

Ānanda, thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, sẽ sanh vào cõi địa ngục, loài bàng sanh hay cõi ngạ quỷ. Sự kiện này không xảy ra.

Này Ānanda, với ai ông có lòng từ mẫn, và với những ai ông nghĩ là nên nghe theo, các bạn bè, thân hữu, bà con hay cùng một huyết thống; với những người ấy, này Ānanda, ông cần phải khích lệ, cần phải hướng dẫn, cần phải an trú trong ba điểm này.

VI. KINH HIỆN HỮU THỨ NHẤT (*Paṭhamabhavasutta*)[120] (*A*. I. 223)

77. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Hữu, hữu, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được xem là có hữu?

– Này Ānanda, nếu không có hành động [nghiệp] và sự chín muồi của dục giới, thời dục hữu có thể trình bày được không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này Ānanda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới thấp kém. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ānanda, hữu có mặt.

Và này Ānanda, nếu không có hành động và sự chín muồi của sắc giới, thời sắc hữu có thể trình bày được không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này Ānanda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới bậc trung. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ānanda, hữu có mặt.

Và này Ānanda, nếu không có hành động và sự chín muồi của vô sắc giới, thời vô sắc hữu có thể trình bày được không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này Ānanda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới thù thắng. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ānanda, hữu có mặt.

VII. KINH HIỆN HỮU THỨ HAI (*Dutiyabhavasutta*)[121] (*A*. I. 224)

78. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn: (Như kinh trên).

---

[120] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.42. 0881c04).

[121] Bản tiếng Anh của PTS: *Intention and Aspiration*, nghĩa là *Tư và Mong cầu*.

– Như vậy, này Ānanda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hạt giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên tư được an lập, khởi điểm được an lập trong giới thấp kém. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ānanda, hữu có mặt.

(Đoạn còn lại như kinh trên, chỉ thay thế "tư" và "khởi điểm").

VIII. KINH GIỚI CẤM (*Sīlabbatasutta*)[122] (*A*. I. 225)

79. (Nhân duyên như kinh trên).

Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

– Này Ānanda, mọi giới cấm, sinh sống Phạm hạnh, con đường tu tập tâm linh có kết quả khi thực hành điều căn bản không?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, không thể trả lời một chiều được.

– Vậy này Ānanda, hãy phân tích thêm!

– Bạch Thế Tôn, phàm giới cấm, sinh sống Phạm hạnh, con đường tu tập tâm linh nào được áp dụng, khiến pháp bất thiện tăng trưởng, pháp thiện đoạn tận, thời giới cấm, sinh sống Phạm hạnh, con đường tu tập tâm linh như vậy không có kết quả. Và bạch Thế Tôn, phàm giới cấm, sinh sống Phạm hạnh, con đường tu tập tâm linh nào được áp dụng, khiến pháp bất thiện đoạn tận, pháp thiện tăng trưởng, thời giới cấm, sinh sống Phạm hạnh, con đường tu tập tâm linh như vậy có kết quả.

Tôn giả Ānanda nói như vậy và bậc Đạo sư đồng ý.

Rồi Tôn giả Ānanda nghĩ: "Bậc Đạo sư đã đồng ý với ta", từ chỗ ngồi đứng dậy, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, khi Tôn giả Ānanda ra đi không bao lâu, nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Ānanda còn là Hữu học, nhưng không dễ gì tìm được một người có trí tuệ ngang bằng.

IX. KINH CÁC LOẠI HƯƠNG (*Gandhajātasutta*)[123] (*A*. I. 225)

80. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Có ba loại cây hương này, bạch Thế Tôn, hương của chúng bay theo chiều gió, không bay ngược gió. Thế nào là ba? Cây hương rễ, cây hương lõi và cây hương hoa. Có ba loại cây hương này, bạch Thế Tôn, hương của chúng bay theo chiều gió, không bay ngược gió. Bạch Thế Tôn, có thể có loại cây hương nào, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió?

– Có loại cây hương, này Ānanda, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió.

---

[122] Bản tiếng Anh của PTS: *Service*, nghĩa là *Sự giúp ích*.

[123] Tham chiếu: *Dh*. v. 24; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.23.5. 0613b10); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1073. 0278c08).

– Bạch Thế Tôn, loại cây hương ấy là gì, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió?

– Ở đây, này Ānanda, tại làng nào hay tại thị trấn nào, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ dùng rượu men rượu nấu làm say người, giữ giới, tâm tánh hiền lương, sống trong nhà với tâm không nhiễm xan tham, bố thí không luyến tiếc với tay rộng mở, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích chia sẻ đồ bố thí; người như vậy, được các Sa-môn, Bà-la-môn tán thán khắp bốn phương: "Tại làng ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng… ưa thích chia sẻ đồ bố thí." Chư thiên và các phi nhân cũng tán thán: "Tại làng ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng… ưa thích chia sẻ đồ bố thí." Cây hương như vậy, này Ānanda, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió.

Không một hương hoa nào,[124]
Bay ngược chiều gió thổi,
Dầu là hoa Chiên-đàn,
Già-la hay Mạt-lỵ.
Chỉ hương người đức hạnh,
Bay ngược chiều gió thổi,
Chỉ có bậc chân nhân,
Biến mãn mọi phương trời.

X. KINH ÍT HƠN (*Cūḷanikāsutta*)[125] (*A.* I. 226)

81. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được nắm giữ trước mặt Thế Tôn: "Abhibhū, đệ tử đức Phật Sikhī, đứng ở Phạm thiên giới, có thể làm cho ngàn thế giới nghe tiếng của mình." Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?

– Vị ấy chỉ là một đệ tử, này Ānanda. Các Như Lai là vô lượng.

Lần thứ hai, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được nắm giữ trước mặt Thế Tôn: "Abhibhū, đệ tử đức Phật Sikhī, đứng ở Phạm thiên giới, có thể làm cho ngàn thế giới nghe tiếng của mình." Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?

– Vị ấy chỉ là một đệ tử, này Ānanda. Các Như Lai là vô lượng.

---

[124] Xem *Dh.* v. 54.

[125] Bản tiếng Anh của PTS: *Abhibhu*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.423-425. 0111b25-c26).

Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được nắm giữ trước mặt Thế Tôn: "Abhibhū, đệ tử đức Phật Sikhī, đứng ở Phạm thiên giới, có thể làm cho ngàn thế giới nghe tiếng của mình." Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác có thể làm cho nghe tiếng xa như thế nào?

– Này Ānanda, ông có được nghe nói đến tiểu thiên thế giới không?

– Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời, bạch Thiện Thệ, để Thế Tôn nói về vấn đề này. Sau khi nghe Thế Tôn nói, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này Ānanda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Xa cho đến mặt trăng, mặt trời chạy trong quỹ đạo của chúng và chói sáng khắp bốn phương với ánh sáng của chúng, xa như vậy là một ngàn thế giới. Trong ấy có một ngàn mặt trăng, một ngàn mặt trời, một ngàn núi Sineru (Tu-di), một ngàn Jampudīpa (Diêm-phù-đề), một ngàn Aparagoyāna (Tây Ngưu Hóa châu), một ngàn Uttarakuru (Bắc Cu-lô châu), một ngàn Pubbavideha (Đông Thắng Thần châu), bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn Đại vương, một ngàn cõi trời Bốn Thiên Vương, một ngàn cõi trời Ba Mươi Ba, một ngàn Dạ-ma thiên, một ngàn Đâu-suất thiên, một ngàn Hóa Lạc thiên, một ngàn Tha Hóa Tự Tại thiên, một ngàn Phạm thiên. Này Ānanda, đây gọi là một tiểu thiên thế giới. Này Ānanda, cho đến một ngàn lần tiểu thiên thế giới, được gọi là, này Ānanda, hai trung thiên thế giới. Này Ānanda, cho đến một ngàn trung thiên thế giới, được gọi là, này Ānanda, ba đại thiên thế giới. Này Ānanda, Như Lai có thể làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn.

– Làm sao, bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn?

– Ở đây, này Ānanda, Như Lai chiếu ánh sáng cho đến ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến khi các chúng sanh nhận thức được ánh sáng ấy. Rồi Như Lai phát âm và làm cho tiếng mình được nghe. Như vậy, này Ānanda, Như Lai làm cho tiếng mình nghe xa cho đến ba ngàn đại thiên thế giới hay xa hơn nữa nếu muốn.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Udāyī:

– Được lợi ích thay cho tôi, khéo được lợi ích thay cho tôi, có được bậc Đạo sư có thần lực như vậy, có uy lực như vậy!

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Udāyī nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Hiền giả Ānanda, ở đây Hiền giả nghĩ có được gì, nếu bậc Đạo sư của Hiền giả có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy?

Khi được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Udāyī:

– Chớ có nói như vậy, này Udāyī; chớ nói vậy, này Udāyī. Này Udāyī, nếu Ānanda chưa có đoạn tận tham và mệnh chung, nhưng với tâm tịnh tín của mình, vị ấy có thể bảy lần ngự trị trên thế giới chư thiên, có thể bảy lần ngự trị trên cõi Jampudīpa này. Nhưng này Udāyī, Ānanda ngay trong hiện tại sẽ được Bát-niết-bàn.



IX. PHẨM SA-MÔN
(*SAMAṆAVAGGA*)

I. KINH SA-MÔN (*Samaṇasutta*)[126] (*A*. I. 229)

82. Này các Tỷ-kheo, có ba hạnh Sa-môn cần phải làm này của Sa-môn. Thế nào là ba? Thọ trì tăng thượng giới học, thọ trì tăng thượng định học, thọ trì tăng thượng tuệ học. Đây là ba hạnh Sa-môn cần phải làm này của Sa-môn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: "Sắc bén sẽ là ước muốn (*chanda*) của chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng định học. Sắc bén sẽ là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng tuệ học." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

II. KINH CON LỪA (*Gadrabhasutta*)[127] (*A*. I. 229)

83. Ví như, này các Tỷ-kheo, một con lừa đi theo sau lưng một đàn bò, nghĩ rằng: "Ta cũng là con bò, ta cũng là con bò", nhưng nó không có màu sắc giống như con bò, nó không có tiếng giống như con bò, nó không có chân giống như con bò; tuy vậy, nó vẫn đi theo đàn bò, nghĩ rằng: "Ta cũng là con bò, ta cũng là con bò." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có Tỷ-kheo đi theo sau lưng chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: "Ta cũng là Tỷ-kheo, ta cũng là Tỷ-kheo", nhưng vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng giới học như các Tỷ-kheo khác, vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng định học như các Tỷ-kheo khác, vị ấy không có ước muốn thọ trì tăng thượng tuệ học như các Tỷ-kheo khác; tuy vậy, vị ấy vẫn đi theo sau lưng chúng Tỷ-kheo, nghĩ rằng: "Ta cũng là Tỷ-kheo, ta cũng là Tỷ-kheo."

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Sắc bén sẽ là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng định học. Sắc bén sẽ là ước muốn của chúng ta để thọ trì tăng thượng tuệ học." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

III. KINH NGHỀ NÔNG (*Khettasutta*)[128] (*A*. I. 229)

84. Có ba việc, này các Tỷ-kheo, một nông phu gia chủ cần phải làm trước. Thế nào là ba?

---

[126] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.16.4. 0579b21); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.828. 0212b18).

[127] Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh 82 và 83 được trình bày trong một kinh với tên: *The Recluse*, nghĩa là *Sa-môn*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.16.4. 0579b21); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.828. 0212b18).

[128] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.827. 0212a24).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ, trước hết khéo cày và khéo bừa. Khéo cày và khéo bừa xong, người ấy cho gieo hạt giống đúng thời. Cho gieo hạt giống đúng thời xong, người ấy cho nước chảy vô chảy ra đúng thời. Ba việc này, này các Tỷ-kheo, một nông phu gia chủ cần phải làm trước.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc này một Tỷ-kheo cần phải làm trước. Thế nào là ba? Thọ trì tăng thượng giới học, thọ trì tăng thượng định học, thọ trì tăng thượng tuệ học. Ba công việc này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm trước. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Sắc bén sẽ là ước muốn của tôi để thọ trì tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn của tôi để thọ trì tăng thượng định học. Sắc bén sẽ là ước muốn của tôi để thọ trì tăng thượng tuệ học." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

IV. KINH NGƯỜI VAJJĪ (*Vajjiputtasutta*)[129] (*A.* I. 230)

85. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, chỗ giảng đường có góc nhọn. Rồi một Tỷ-kheo người Vajjī đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo người Vajjī bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, hơn một trăm năm mươi học giới này, nửa tháng một lần con phải tụng đọc (*uddesaṃ*), ở đây, con không thể học tập nổi.

– Này Tỷ-kheo, ông có thể học tập ba học pháp tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học không?

– Bạch Thế Tôn, con có thể học tập ba học pháp tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học.

– Do vậy, này Tỷ-kheo, ông hãy học tập ba học pháp tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Nếu ông học tập tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học, này Tỷ-kheo, nhờ học tập ba học pháp này, tham sẽ đoạn tận, sân sẽ đoạn tận, si sẽ đoạn tận. Do tham đoạn tận, sân đoạn tận, si đoạn tận, điều bất thiện ông sẽ không làm, điều ác ông sẽ không theo.

Tỷ-kheo ấy, sau một thời gian học tập tăng thượng giới học, học tập tăng thượng định học, học tập tăng thượng tuệ học; do học tập tăng thượng giới học, học tập tăng thượng định học, học tập tăng thượng tuệ học, tham được đoạn tận, sân được đoạn tận, si được đoạn tận. Vị ấy, do tham đoạn tận, sân đoạn tận, si đoạn tận nên không làm điều bất thiện, không theo điều ác.

V. KINH HỮU HỌC (*Sekkhasutta*)[130] (*A.* I. 231)

86. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

---

[129] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.829. 0212c08).

[130] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.642. 0182a14); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.824. 0211c01).

– Hữu học, hữu học, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là hữu học?

– Học tập, này Tỷ-kheo, nên được gọi là hữu học, và học tập cái gì? Học tập tăng thượng giới học, học tập tăng thượng định học, học tập tăng thượng tuệ học. Vị ấy, này Tỷ-kheo, do vậy được gọi là vị Hữu học.

Bậc Hữu học học tập,
Đi theo con đường thẳng,
Ở trong sự diệt tận,
Trí thứ nhất khởi lên.
Tiếp theo không gián đoạn,
Chánh trí mới sanh khởi.
Rồi Chánh trí giải thoát,
Trí như vậy khởi lên.
Bất động ta giải thoát,
Hữu kiết sử đoạn tận.

VI. KINH HỌC PHÁP THỨ NHẤT (*Paṭhamasikkhāsutta*)[131] (*A*. I. 231)

87. Này các Tỷ-kheo, bản tụng đọc này gồm hơn một trăm năm mươi học giới,[132] cần phải đọc nửa tháng một lần. Ở đây, các thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. Này các Tỷ-kheo, tất cả được thâu nhiếp hợp lại làm thành ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Chính ba học giới này, này các Tỷ-kheo, thâu nhiếp tất cả.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì một phần; đối với Tuệ, hành trì một phần; vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt, nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng [xứng đáng]. Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến Chánh giác.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì một phần; đối với Tuệ, hành trì một phần; vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt, nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, chỉ trở về thế giới này một lần, rồi đoạn tận khổ đau.

---

[131] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (88, 89) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Recital*, nghĩa là *Trùng tụng*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.821. 0210c13).

[132] *Sādhikamidaṃ diyaḍḍhaṃ sikkhāpadasataṃ*: Hơn 150 học giới. Con số đúng là 227.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì toàn phần; đối với Tuệ, hành trì một phần. Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt, nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo... chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì toàn phần; đối với Tuệ, hành trì toàn phần; vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt, nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phàm có những học pháp nào là căn bản Phạm hạnh, là tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người hành trì một phần, thành tựu được một phần; người hành trì toàn phần, thành tựu được toàn phần. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các học giới không phải là rỗng không.

VII. KINH HỌC PHÁP THỨ HAI (*Dutiyasikkhāsutta*)[133] (*A.* I. 232)

88. Này các Tỷ-kheo, bản tụng đọc này gồm hơn một trăm năm mươi học giới, cần phải đọc nửa tháng một lần. Ở đây, các thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. Này các Tỷ-kheo, tất cả được thâu nhiếp làm thành ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Chính ba học pháp này, này các Tỷ-kheo, thâu nhiếp tất cả.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với các Giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì một phần; đối với Tuệ, hành trì một phần. Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt, nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì cớ sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng. Phàm có những học giới nào là căn bản Phạm hạnh, là tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, là bậc tối đa phải sanh lại bảy lần. Sau khi rong ruổi, luân chuyển tối đa bảy lần giữa chư thiên và loài người, liền đoạn tận khổ đau. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, là bậc Nhập Lưu, rong ruổi, lưu chuyển trong hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, là bậc Nhất Chủng, sau khi phải sanh hiện hữu làm người một lần, rồi đoạn tận khổ đau. Vị ấy do đoạn tận ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, phải trở lui lại đời này chỉ một lần, rồi đoạn tận khổ đau.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với các Giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì toàn phần; đối với Tuệ, hành trì một phần; vị ấy có vi phạm... chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận

[133] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.820. 0210b19).

năm hạ phần kiết sử, là bậc Thượng lưu đạt được Sắc Cứu Cánh thiên. Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Hữu hành Bát-niết-bàn.[134] Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Vô hành Bát-niết-bàn. Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Tổn hại Bát-niết-bàn.[135] Vị ấy do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Trung gian Bát-niết-bàn.[136]

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với các Giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì toàn phần; đối với Tuệ, hành trì toàn phần. Vị ấy có vi phạm... chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người hành trì một phần, thành tựu được một phần; người hành trì toàn phần, thành tựu được toàn phần. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các học giới không phải là rỗng không.

VIII. KINH HỌC PHÁP THỨ BA (*Tatiyasikkhāsutta*)[137] (*A*. I. 234)

89. Này các Tỷ-kheo, bản tụng đọc này... (như đoạn đầu kinh 88)… này các Tỷ-kheo, thâu nhiếp tất cả.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần; đối với Định, hành trì toàn phần; đối với Tuệ, hành trì toàn phần; vị ấy có vi phạm... chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Trung gian Bát-niết-bàn. Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là bậc Tổn hại Bát-niết-bàn... là bậc Vô hành Bát-niết-bàn... là bậc Hữu hành Bát-niết-bàn... là bậc Thượng lưu chứng đạt Sắc Cứu Cánh thiên. Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, do đoạn tận ba kiết sử, do làm cho muội lược tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, chỉ trở lui đời này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau. Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, sau khi đoạn tận ba kiết sử, là bậc Nhất Chủng, sau khi mệnh chung phải sanh hiện hữu làm người một lần, rồi đoạn tận khổ đau. Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, do đoạn tận ba kiết sử, là bậc Nhập Lưu, sau khi rong ruổi, luân chuyển trong hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau. Hoặc nếu chưa chứng đạt, nếu chưa thể nhập, do đoạn tận ba kiết sử, là bậc tối đa phải sanh lại bảy lần, sau khi rong ruổi, luân chuyển tối đa bảy lần giữa chư thiên và loài người, rồi đoạn tận khổ đau.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, người hành trì một phần, thành tựu được một

[134] Nên viết Vô hành Bát-niết-bàn trước rồi đến Hữu hành Bát-niết-bàn.

[135] *Upahaccaparinibbāyī*. *Chú giải* viết sau 500 kiếp.

[136] *Antarāparinibbāyī*: Vị này là vị Bất Lai, chấm dứt sự tái sanh của mình ở Phạm thiên giới.

[137] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.819. 0210b13).

phần; người hành trì toàn phần, thành tựu được toàn phần. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các học giới không phải là rỗng không.

IX. KINH BA HỌC PHÁP THỨ NHẤT (*Paṭhamasikkhattayasutta*)[138] (*A.* I. 235)

90. Có ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học.

Thế nào là tăng thượng giới học? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới... chấp nhận, học tập trong các học giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng giới học.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tăng thượng định học? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện... chứng và trú Thiền thứ tư. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng định học.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tăng thượng tuệ học? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ." ... như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng tuệ học.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba học giới.

X. KINH BA HỌC PHÁP THỨ HAI (*Dutiyasikkhattayasutta*)[139] (*A.* I. 235)

91. Này các Tỷ-kheo, có ba học pháp này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học.

... ("tăng thượng giới học, tăng thượng định học" như kinh trên, chỉ khác "tăng thượng tuệ học").

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tăng thượng tuệ học? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tăng thượng tuệ học. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba học pháp.

Người tinh tấn, nghị lực,
Kiên trì và thiền tu,
Sống hộ trì các căn,
Hãy hành ba tăng thượng.
Trước thế nào sau vậy,
Sau thế nào trước vậy,
Dưới thế nào trên vậy,
Trên thế nào dưới vậy,
Ngày thế nào đêm vậy,
Đêm thế nào ngày vậy,

---

[138] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Training*, nghĩa là *Tu học*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.817. 0210a23); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099. 0832c08).

[139] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.816. 0210a06).

Hãy nhiếp phục mọi phương,
Với vô lượng tâm định.
Đây gọi Hữu học đạo,
Là thuần tịnh hạnh đức.
Đây gọi đời Chánh giác,
Bậc trí đạt tối hậu.
Với thức được đoạn diệt,
Ái diệt được giải thoát,
Như đèn sáng tịch diệt,
Tâm vị ấy giải thoát.

XI. KINH PAṄKADHĀ (*Saṅkavāsutta*)[140] (*A.* I. 236)

92. Một thời, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến một thị trấn của dân chúng Kosala tên là Paṅkadhā. Tại đấy, Thế Tôn trú ở Paṅkadhā. Paṅkadhā là một thị trấn của dân chúng Kosala.

Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo tên là Kassapagotta trú ở Paṅkadhā. Tại đấy, Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Rồi Tỷ-kheo Kassapagotta, trong khi Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: "Sa-môn này quá nghiêm khắc, tỉ mỉ!"

Thế Tôn, sau khi trú ở Paṅkadhā cho đến khi thỏa mãn, rồi ra đi, du hành hướng đến Rājagaha, tiếp tục du hành và đến tại Rājagaha. Tại đấy, Thế Tôn trú ở Rājagaha, Gijjhakūṭa.

Rồi Tỷ-kheo Kassapagotta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, cảm thấy hối hận, ăn năn, nghĩ rằng: "Thật không lợi ích cho ta, thật lợi ích không được tốt cho ta, thật không khéo lợi ích cho ta khi Thế Tôn với pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, ta lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: 'Sa-môn này quá nghiêm khắc, tỉ mỉ!' Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, trước mặt Thế Tôn, hãy tỏ lộ có phạm tội là có phạm tội."

Rồi Tôn giả Kassapagotta, sau khi dọn dẹp lại chỗ nằm, cầm y bát rồi ra đi theo hướng Rājagaha, tiếp tục đi đến Rājagaha, Gijjhakūṭa, đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo Kassapagotta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một thời, Thế Tôn trú ở Paṅkadhā, Paṅkadhā là một thị trấn của dân chúng Kosala. Tại đấy, Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan

[140] Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Paṅkadhā. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.830. 0213b05).

hỷ. Bạch Thế Tôn, trong khi Thế Tôn với một pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, con lấy làm bất nhẫn, con lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: “Sa-môn này quá nghiêm khắc, tỉ mỉ!” Rồi Thế Tôn, sau khi trú ở Paṅkadhā cho đến khi thỏa mãn, rồi ra đi, du hành hướng đến Rājagaha. Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, con cảm thấy hối hận, ăn năn: “Thật không lợi ích cho ta, thật lợi ích không được tốt cho ta, thật không khéo lợi ích cho ta khi Thế Tôn với pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, ta lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: ‘Sa-môn này quá nghiêm khắc, tỉ mỉ!’ Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, trước mặt Thế Tôn, hãy tỏ lộ có phạm tội là có phạm tội.” Phạm tội đã chinh phục con, bạch Thế Tôn, ngu si như con, đần độn như con, bất thiện như con. Vì rằng trong khi Thế Tôn, với pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, con lấy làm bất nhẫn, con lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: “Sa-môn này quá nghiêm khắc, tỉ mỉ!” Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận con có phạm tội là có phạm tội, để con ngăn chặn trong tương lai.

– Thật vậy, này Kassapa, phạm tội đã chinh phục ông, ngu si đần độn như ông, bất thiện như ông. Vì rằng trong khi Ta với pháp thoại liên hệ đến học giới, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, ông lại lấy làm bất nhẫn, lấy làm bất mãn, nghĩ rằng: “Vị Sa-môn này quá nghiêm khắc, tỉ mỉ.” Và này Kassapa, khi ông thấy có phạm tội là có phạm tội, và như pháp phát lộ, thời chúng ta chấp nhận cho ông. Đây là sự tăng trưởng giới luật của bậc Thánh này, khi ai thấy có phạm tội là có phạm tội, và như pháp phát lộ, để ngăn chặn trong tương lai.

Nếu một trưởng lão Tỷ-kheo, này Kassapa, không ưa thích học tập, không tán thán chấp hành học tập. Và đối với các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này không khích lệ họ học tập; còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này không tán thán họ chơn thực và đúng thời. Vị trưởng lão Tỷ-kheo như vậy, này Kassapa, Ta không có tán thán. Vì cớ sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với trưởng lão ấy, nghĩ rằng: “Bậc Đạo sư tán thán vị ấy.” Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy sẽ đem lại bất hạnh, đau khổ lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta không tán thán vị trưởng lão Tỷ-kheo ấy.

Nếu một trung niên Tỷ-kheo, này Kassapa... Nếu một tân học Tỷ-kheo, này Kassapa, không ưa thích học tập, không tán thán chấp hành học tập. Và đối với các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này không khích lệ họ học tập; còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này không tán thán họ chơn thực và đúng thời. Vị tân học Tỷ-kheo như vậy, này Kassapa, Ta không có tán thán. Vì cớ sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với vị tân học Tỷ-kheo ấy, nghĩ rằng: “Bậc Đạo sư tán thán vị ấy.” Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp

nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy sẽ đem lại bất hạnh, đau khổ lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta không tán thán vị tân học Tỷ-kheo ấy.

Nếu một trưởng lão Tỷ-kheo, này Kassapa, ưa thích học tập, tán thán chấp hành học tập. Và đối với các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này khích lệ họ học tập; còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này tán thán họ chơn thực và đúng thời. Vị trưởng lão Tỷ-kheo như vậy, này Kassapa, Ta tán thán. Vì cớ sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với vị trưởng lão Tỷ-kheo ấy, nghĩ rằng: “Bậc Đạo sư tán thán vị ấy.” Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy, như vậy sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta tán thán vị trưởng lão Tỷ-kheo ấy.

Nếu một trung niên Tỷ-kheo, này Kassapa... Nếu một tân học Tỷ-kheo, này Kassapa, ưa thích học tập, tán thán chấp hành học tập. Và đối với các Tỷ-kheo không ưa thích học tập, vị này khích lệ họ học tập; còn đối với các Tỷ-kheo ưa thích học tập, vị này tán thán họ chơn thực và đúng thời. Vị tân học Tỷ-kheo như vậy, này Kassapa, Ta tán thán. Vì cớ sao? Vì các Tỷ-kheo khác có thể thân cận với vị tân học Tỷ-kheo ấy, nghĩ rằng: “Bậc Đạo sư tán thán vị ấy.” Và những ai thân cận với vị ấy, họ có thể chấp nhận tri kiến của vị ấy. Và những ai chấp nhận tri kiến của vị ấy, sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ. Do vậy, này Kassapa, Ta tán thán vị tân học Tỷ-kheo ấy.



X. PHẨM HẠT MUỐI
(*LOṆAKAPALLAVAGGA*)

I. KINH CẤP THIẾT (*Accāyikasutta*) (*A.* I. 239)

93. Này các Tỷ-kheo, có ba việc cấp thiết này người nông phu gia chủ cần phải làm.[141] Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người nông phu gia chủ mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng; sau khi mau lẹ khéo cày thửa ruộng, khéo bừa thửa ruộng, liền mau lẹ gieo hạt giống; sau khi mau lẹ gieo hạt giống, liền mau lẹ cho nước vô, cho nước ra. Này các Tỷ-kheo, đây là ba việc cấp thiết người nông phu gia chủ cần phải làm.

Người nông phu gia chủ ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực [để ra lệnh]: "Hôm nay lúa của ta được mọc lên, ngày mai chúng sẽ trổ hạt, ngày kế tiếp chúng sẽ chín." Nhưng chính theo thời gian của người nông phu gia chủ, các cây lúa do sự thay đổi của thời tiết, được mọc lên, được trổ hạt và được chín.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ba công việc cấp thiết này Tỷ-kheo cần phải làm. Thế nào là ba?

Chấp hành tăng thượng giới học, chấp hành tăng thượng định học, chấp hành tăng thượng tuệ học. Ba công việc cấp thiết này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải làm.

Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, không có thần lực hay không có uy lực [để ra lệnh]: "Hôm nay, tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ, ngày mai cũng vậy, ngày kế tiếp cũng vậy." Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do thời gian Tỷ-kheo ấy sử dụng để học tập tăng thượng giới học, để học tập tăng thượng định học, để học tập tăng thượng tuệ học mà tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng giới học. Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng định học. Sắc bén sẽ là ước muốn của ta để chấp hành tăng thượng tuệ học." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

II. KINH SỐNG VIỄN LY (*Pavivekasutta*) (*A.* I. 240)

94. Có ba hạnh viễn ly này được các du sĩ ngoại đạo trình bày. Thế nào là ba? Viễn ly y áo, viễn ly đồ ăn khất thực, viễn ly sàng tọa.

---

[141] *A.* II. 354: *Accāyikā = Atipātika* (cấp thiết, nhanh chóng). Xem *A.* I. 82.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly y áo: Mang vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác,[142] mặc vải tẫn liệm quăng đi, mặc vải lượm từ đống rác, y thì dùng vỏ cây tirītaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen,[143] mặc áo từ cỏ kusa bện lại, mặc áo bằng vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly y áo.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly đồ ăn khất thực: Ăn rau, cây kê, gạo sống, gạo rừng,[144] cây lau,[145] bột gạo, bột gạo cháy,[146] ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly đồ ăn khất thực.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly sàng tọa: Sống trong rừng tại một gốc cây, tại bãi tha ma, tại khóm rừng rậm, sống ngoài trời, trên một đống rơm, trong nhà bằng tranh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly sàng tọa.

Này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về ba hạnh viễn ly này.

Này các Tỷ-kheo, có ba hạnh viễn ly này của vị Tỷ-kheo trong Pháp và Luật. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới, có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến, đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới, có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến, đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc, nên Tỷ-kheo này, này các Tỷ-kheo, được gọi là đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, được an trú trên căn bản.[147]

Ví như, này các Tỷ-kheo, ruộng lúa của người nông phu gia chủ đã chín, người nông phu gia chủ ấy mau mắn gặt lúa; sau khi mau mắn gặt lúa, phải mau mắn chất lúa thành đống; sau khi mau mắn chất lúa thành đống, phải mau mắn chở lúa về; sau khi mau mắn chở lúa về, phải mau mắn chất lúa thành đống; sau khi mau mắn chất lúa thành đống, phải mau mắn đập lúa; sau khi mau mắn đập lúa, phải mau mắn giũ rơm; sau khi mau mắn giũ rơm, phải mau mắn lấy thóc ra; sau khi mau mắn lấy thóc ra, phải mau mắn quạt thóc; sau khi mau mắn quạt

---

[142] *Masāṇa*: Miếng vải thô. Xem *M.* I. 77ff.

[143] *AA.* II. 355: *Ajinakkhipanti tadeva majjhe phālitaṃ, sahakhurakantipi vadanti* ("Áo choàng kết từ từng mảnh da con sơn dương đen" nghĩa là từng mảnh da khâu kết lại có cả móng guốc của con sơn dương).

[144] *Daddula. Chú giải* giải thích là da dư thừa do thợ quăng đi. Xem *M.* I. 78.

[145] *AA.* II. 355: *Haṭaṃ vuccati silesopi sevālopi kaṇikārādirukkhaniyyāsopi* ("Thức ăn từ nhựa cây" tức là chất dính, rau mọc dưới nước, nhựa cây Lòng Man).

[146] *AA.* II. 355: *Ācāma* nghĩa là đậu nấu quá chín và bị cháy.

[147] *AA.* II. 355: *Sāre patiṭṭhitoti sīlasamādhipaññāsāre patiṭṭhito* ("Được an trú trên căn bản" nghĩa là được an trú trên căn bản giới, định, tuệ). Xem *M.* I. 31.

thóc, phải mau mắn chứa thóc; sau khi mau mắn chứa thóc, phải mau mắn xay thóc; sau khi mau mắn xay thóc, phải mau mắn sàng cám lấy gạo. Như vậy, này các Tỷ-kheo, với người nông phu gia chủ ấy, lúa gạo ấy đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, đạt được an trú trên căn bản. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới, có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến, đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc, nên Tỷ-kheo này, này các Tỷ-kheo, được gọi là đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, được an trú trên căn bản.

III. KINH MÙA THU (*Saradasutta*)[148] (*A.* I. 242)

95. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào mùa thu, khi bầu trời quang đãng, không có mây và mặt trời mọc lên giữa bầu trời,[149] phá sạch hắc ám khắp cả hư không, và chói sáng, bừng sáng, rực sáng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử, Pháp nhãn[150] ly trần cấu khởi lên; và do tri kiến này khởi lên, này các Tỷ-kheo, ba kiết sử được đoạn tận: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Lại nữa, vị ấy được thoát khỏi hai pháp tham và sân. Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Trong thời gian ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nếu có mệnh chung, sẽ không có kiết sử nào, do kiết sử ấy, vị Thánh đệ tử phải đi đến thế giới này nữa.[151]

IV. KINH HỘI CHÚNG (*Parisāsutta*) (*A.* I. 242)

96. Có ba hội chúng, này các Tỷ-kheo, thế nào là ba? Hội chúng tối thượng, hội chúng không hòa hợp, hội chúng hòa hợp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng tối thượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hội chúng nào có các Tỷ-kheo trưởng lão, không có sống đầy đủ, không có biếng nhác, từ bỏ dẫn đầu về đọa lạc, đi đầu về hạnh viễn ly, tinh cần, tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và những thế hệ kế tiếp tùy thuận theo tri kiến của họ. Hội chúng ấy cũng không có sống đầy đủ, không có biếng nhác, từ bỏ dẫn đầu về đọa lạc, đi đầu về hạnh viễn ly, tinh cần, tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng tối thượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng không hòa hợp?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, tranh luận, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng không hòa hợp.

---

[148] Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh này thuộc kinh 92. *Aloofness*, nghĩa là *Viễn ly*.

[149] Xem *D.* II. 183; *M.* I. 317; *S.* III, 156; *It.* 20.

[150] *Dhammacakkhu*: Pháp nhãn. Xem *D.* I. 86.

[151] Vị ấy không còn là bậc Dự Lưu, mà là bậc Nhất Lai.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hội chúng hòa hợp?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, tại hội chúng nào các Tỷ-kheo sống hòa hợp hoan hỷ, không có luận tranh, sống như nước với sữa hòa lẫn, nhìn nhau bằng cặp mắt ái kính. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hội chúng hòa hợp.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ, không có luận tranh, như nước với sữa hòa lẫn, nhìn nhau bằng cặp mắt ái kính, khi ấy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo tạo được công đức; khi ấy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống Phạm trú. Nghĩa là, với ai hân hoan với tâm giải thoát liên hệ với hỷ, thời hỷ sanh; với ai có hỷ, thân được khinh an; với thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với ai cảm giác lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hạt,[152] nước mưa ấy chảy theo sườn dốc, làm đầy các hang núi, các khe núi, các thung lũng. Sau khi làm đầy các hang núi, các khe núi, các thung lũng, nước mưa ấy làm đầy các hồ nhỏ. Sau khi làm đầy các hồ nhỏ, nước mưa ấy làm đầy các hồ lớn. Sau khi làm đầy các hồ lớn, nước mưa ấy làm đầy các sông nhỏ. Sau khi làm đầy các sông nhỏ, nước mưa ấy làm đầy các sông lớn. Sau khi làm đầy các sông lớn, nước mưa ấy làm đầy biển cả.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ, không có luận tranh, như nước với sữa hòa lẫn, nhìn nhau bằng cặp mắt ái kính, khi ấy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo tạo được công đức; khi ấy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống Phạm trú. Nghĩa là, với ai hân hoan với tâm giải thoát liên hệ với hỷ, thời hỷ sanh; với ai có hỷ, thân được khinh an; với ai có thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với ai cảm giác lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba hội chúng.

V. KINH THUẦN THỤC THỨ NHẤT (*Paṭhamaājānīyasutta*)[153] (*A.* I. 244)

97. Đầy đủ với ba đức tánh, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiền thiện thuần thục, xứng đáng để vua dùng, thuộc quyền sở hữu của vua và được xem như một biểu tượng của vua. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiền thiện thuần thục, đầy đủ với sắc đẹp, đầy đủ với sức mạnh, đầy đủ với tốc lực. Đầy đủ với ba đức tánh này, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiền thiện thuần thục, xứng đáng để vua dùng, thuộc quyền sở hữu của vua và được xem như một biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đầy đủ với ba pháp, một Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp, đầy đủ sức mạnh, đầy đủ tốc lực.

---

[152] Xem *KS.* II. 27.

[153] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (98, 99) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Thoroughbred*, nghĩa là *Con ngựa thuần thục*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.920. 0233c19); *Phật thuyết Mã hữu tam tướng kinh* 佛說馬有三相經 (*T.*02. 0114. 0506c11).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo giữ gìn giới luật, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ sức mạnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoạn tận các pháp bất thiện, thành tựu đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, dõng mãnh, không từ bỏ trách nhiệm đối với các pháp thiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ sức mạnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực.

Đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

VI. KINH THUẦN THỤC THỨ HAI (*Dutiyaājānīyasutta*) (*A*. I. 245)

98. (Như kinh 97).

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh tại chỗ ấy nhập Bát-niết-bàn, khỏi phải trở lui từ thế giới ấy đến thế giới này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực.

Đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

VII. KINH THUẦN THỤC THỨ BA (*Tatiyaājānīyasutta*) (*A*. I. 245)

99. (Như kinh 97).

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực.

Đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

VIII. KINH VẢI THÔ BẰNG VỎ CÂY (*Potthakasutta*) (*A*. I. 246)

100. Này các Tỷ-kheo, có tấm vải bằng vỏ cây hoàn toàn mới, sắc xấu, có

xúc chạm khó chịu và không có giá trị. Này các Tỷ-kheo, có tấm vải bằng vỏ cây bậc trung, sắc xấu, có xúc chạm khó chịu và không có giá trị. Này các Tỷ-kheo, có tấm vải bằng vỏ cây cũ kỹ để lau chùi nồi niêu hay đáng được quăng trên đống rác.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo mới tu hành, hành ác giới, theo ác pháp, Ta nói rằng vị Tỷ-kheo này có sắc xấu. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây sắc xấu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy.

Còn những ai theo vị này, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị này, họ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài; ở đây, Ta nói rằng vị này có xúc chạm khó chịu. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây có xúc chạm khó chịu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy.

Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ không có quả lớn, không có lợi ích lớn; ở đây, Ta nói rằng, vị này không có giá trị. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây không có giá trị ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, nếu là trung niên Tỷ-kheo... Này các Tỷ-kheo, nếu là Tỷ-kheo trưởng lão, hành ác giới, theo ác pháp. Ta nói rằng, vị này có sắc xấu. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải làm bằng vỏ cây sắc xấu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này là giống như ví dụ ấy.

Còn những ai theo vị này, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị này, họ bị bất hạnh, đau khổ lâu dài; ở đây, Ta nói rằng, vị này có xúc chạm khó chịu. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây có xúc chạm khó chịu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy.

Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ không có quả lớn, không có lợi ích lớn; ở đây, Ta nói rằng, vị này không có giá trị. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải bằng vỏ cây không có giá trị ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trưởng lão này nói lên giữa chúng Tăng, rồi các Tỷ-kheo khác nói lại như sau: "Sao ông nghĩ rằng ông, một người ngu si, không thông minh, lại có thể tuyên bố?" Vị này phẫn nộ, bất mãn, sẽ nói lên những lời này; chúng Tăng đuổi vị này ra khỏi, như người ta quăng bỏ tấm vải bằng vỏ cây ấy trên đống rác.

–[154] Này các Tỷ-kheo, có tấm vải Kāsi [ở Ba-la-nại] hoàn toàn mới, có sắc đẹp, cảm xúc dễ chịu và có giá trị lớn. Này các Tỷ-kheo, có tấm vải Kāsi bậc trung, có sắc đẹp, cảm xúc dễ chịu và có giá trị lớn. Này các Tỷ-kheo, có tấm vải Kāsi cũ, có sắc đẹp, cảm xúc dễ chịu và có giá trị lớn. Và này các Tỷ-kheo,

[154] Trong bản tiếng Anh của PTS, đây là kinh 98, *Cloth of Benares*, nghĩa là *Vải ở Ba-la-nại*.

có tấm vải Kāsi cũ kỹ dùng để gói các châu báu hay được đặt vào trong một hộp có hương thơm.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo mới tu hành, giữ gìn giới luật, theo thiện pháp, Ta nói rằng vị Tỷ-kheo này có sắc đẹp. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải Kāsi có sắc đẹp ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy.

Còn những ai theo vị này, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị này, họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài; ở đây, Ta nói rằng vị này có cảm xúc dễ chịu. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải Kāsi có cảm xúc dễ chịu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy.

Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn; ở đây, Ta nói rằng vị này có giá trị lớn. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải Kāsi có giá trị ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy.

Còn nếu là trung niên Tỷ-kheo... Này các Tỷ-kheo, nếu là Tỷ-kheo trưởng lão, giữ gìn giới luật theo thiện pháp, Ta nói rằng vị này có sắc đẹp. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải Kāsi có sắc đẹp ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy.

Còn những ai theo vị này, thân cận, hầu hạ, chấp nhận, thuận theo tri kiến của vị này, họ được hạnh phúc, an lạc lâu dài; ở đây, Ta nói rằng vị này có cảm xúc dễ chịu. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải Kāsi có cảm xúc dễ chịu ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy.

Còn từ những ai, vị này nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh, họ sẽ có quả lớn, có lợi ích lớn; ở đây, Ta nói rằng vị này có giá trị lớn. Này các Tỷ-kheo, ví như tấm vải Kāsi có giá trị lớn ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trưởng lão này nói lên giữa chúng Tăng, rồi các Tỷ-kheo nói như sau: "Chư Tôn giả hãy im lặng, Tỷ-kheo trưởng lão đang nói Pháp và Luật, và lời nói của vị này trở thành châu báu cần phải cất giữ, như một người cất giữ tấm vải Kāsi trong một hộp có hương thơm." Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy học tập như sau: "Chúng ta sẽ được như ví dụ tấm vải Kāsi, không giống như ví dụ tấm vải bằng vỏ cây." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

IX. KINH HẠT MUỐI (*Loṇakapallasutta*)[155] (*A.* I. 249)

101. – Ai nói như sau, này các Tỷ-kheo: "Người này làm nghiệp như thế nào, như thế nào; người này cảm thọ [quả] như vậy, như vậy." Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời không có đời sống Phạm hạnh, không có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chơn chánh đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, ai nói như sau:

[155] Tham chiếu: *Diêm dụ kinh* 鹽喻經 (*T.*01. 0026.11. 0433a12).

"Người này làm nghiệp được cảm thọ như thế nào, như thế nào; người này cảm thọ quả dị thục như vậy, như vậy." Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời có đời sống Phạm hạnh, có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chơn chánh đoạn diệt.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau],[156] còn nói gì là nhiều.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bỏ một nắm muối vào trong một chén nước nhỏ. Các ông nghĩ như thế nào, này các Tỷ-kheo, nước trong chén ấy có vì nắm muối trở thành mặn và không uống được phải không?

– Thưa đúng vậy, bạch Thế Tôn. Vì cớ sao? Nước trong chén nhỏ này là ít, do nắm muối này nước trở thành mặn và không uống được.

– Ví như, này các Tỷ-kheo, có người bỏ một nắm muối vào sông Hằng. Các ông nghĩ như thế nào, này các Tỷ-kheo, sông Hằng có vì nắm muối trở thành mặn và không uống được phải không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn. Vì cớ sao? Lớn là cả khối nước sông Hằng. Khối nước ấy không vì nắm muối này nước trở thành mặn và không uống được.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều.

---

[156] *AA*. II. 361: *Nāṇupi khāyatīti dutiye attabhāve aṇupi na khāyati, aṇumattampi dutiye attabhāve vipākaṃ na detīti attho* ("Cho đến chút ít cũng không thấy được" nghĩa là trong đời thứ hai, cho đến chút ít cũng không thấy được, [ý muốn nói] trong đời kế tiếp, một chút quả dị thục cũng không còn sinh).

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Hạng người như vậy, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bị tù tội vì nửa đồng tiền, bị tù tội vì một đồng tiền, bị tù tội vì một trăm đồng tiền. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không bị tù tội vì nửa đồng tiền, không bị tù tội vì một đồng tiền, không bị tù tội vì một trăm đồng tiền.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, bị tù tội vì nửa đồng tiền, bị tù tội vì một đồng tiền, bị tù tội vì một trăm đồng tiền? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người nghèo khổ, ít sở hữu, ít tài sản. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, bị tù tội vì nửa đồng tiền, bị tù tội vì một đồng tiền, bị tù tội vì một trăm đồng tiền.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, không bị tù tội vì nửa đồng tiền, không bị tù tội vì một đồng tiền, không bị tù tội vì một trăm đồng tiền? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người giàu có, có tiền của lớn, có tài sản lớn. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, không bị tù tội vì nửa đồng tiền, không bị tù tội vì một đồng tiền, không bị tù tội vì một trăm đồng tiền.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có người làm nghiệp ác nhỏ mọn, nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này

các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều.

Ví dụ một người đồ tể hay người giết dê, này các Tỷ-kheo, đối với một số người đánh cắp dê, có thể giết hay trói, hay tịch thu tài sản, hay làm như ý người ấy muốn. Đối với một số người cũng đánh cắp dê, không thể giết, không thể trói, không thể tịch thu tài sản, hay không thể làm như ý người ấy muốn.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, người đồ tể hay người giết dê, đối với một số người đánh cắp dê, có thể giết, có thể trói, có thể tịch thu tài sản, hay có thể làm như ý người ấy muốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người nghèo khổ, ít sở hữu, ít tài sản. Kẻ đồ tể hay người giết dê, đối với kẻ đánh cắp dê như vậy có thể giết, hay trói, hay có thể tịch thu tài sản, hay có thể làm như ý người ấy muốn.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, người đồ tể hay người giết dê, đối với kẻ đánh cắp dê, không thể giết, không thể trói, không thể tịch thu tài sản, hay không thể làm gì như ý người ấy muốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người giàu có, có sở hữu lớn, có tài sản lớn, hay nhà vua, hay đại thần của nhà vua. Người đồ tể hay người giết dê, đối với kẻ đánh cắp dê như vậy không thể giết, không thể trói, không thể tịch thu tài sản, hay không thể làm gì như ý người ấy muốn. Không có gì phải làm khác hơn là chắp tay và cầu xin như sau: "Thưa ngài, hãy cho con lại con dê hay giá tiền con dê."

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, đối với một số người có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục. Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với một số người làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít oi. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, làm nghiệp ác nhỏ mọn, và nghiệp ác ấy đưa người ấy vào địa ngục.

Hạng người như thế nào, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, và nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được, còn nói gì là nhiều? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thân được tu tập, giới được tu tập, tâm được tu tập, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng. Người như vậy, này các Tỷ-kheo, có làm nghiệp ác nhỏ mọn tương tợ, nghiệp ác ấy đưa người ấy đến cảm thọ ngay trong hiện tại, cho đến chút ít cũng không thấy được [trong đời sau], còn nói gì là nhiều.

Ai nói như sau, này các Tỷ-kheo: "Người này làm nghiệp như thế nào, như thế nào; người này sẽ cảm thọ [quả] như vậy, như vậy." Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời không có đời sống Phạm hạnh, không có cơ hội để nêu rõ đau

khổ được chơn chánh đoạn diệt. Và này các Tỷ-kheo, có ai nói như sau: "Người này làm nghiệp được cảm thọ như thế nào, như thế nào; người này sẽ cảm thọ quả dị thục như vậy, như vậy." Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ-kheo, thời có đời sống Phạm hạnh, có cơ hội để nêu rõ đau khổ được chơn chánh đoạn diệt.

X. KINH NGƯỜI ĐÃI LỌC BỤI (*Paṃsudhovakasutta*)[157] (*A*. I. 253)

102. Này các Tỷ-kheo, có những uế nhiễm thô tạp của vàng như: Bụi, cát, đá, sạn và đá sỏi. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi đem đổ vào trong cái máng, rồi rửa sạch qua, rửa sạch lại, rửa sạch thêm nữa.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, còn lại các uế nhiễm bậc trung của vàng như: Cát, đá, sạn tế nhị và các hạt cát thô tạp. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi rửa sạch, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, còn lại các uế nhiễm tế nhị như: Cát mịn và cát bụi đen. Người đãi lọc bụi hay đệ tử của người đãi lọc bụi lại rửa sạch, rửa sạch thêm nữa, rửa sạch hoàn toàn.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại bụi vàng.

Rồi người thợ vàng hay đệ tử của người thợ vàng bỏ bụi vàng ấy vào trong cái lò (*mūsā*), rồi thụt ống bệ, thụt ống bệ thêm, thụt ống bệ cho đến khi vàng bắt đầu chảy, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò. Vàng ấy được thụt bệ, được thụt bệ thêm nữa, được thụt bệ hơn nữa, nhưng không chảy ra khỏi miệng lò, chưa được làm xong, chưa sạch các uế nhiễm, chưa có nhu nhuyến, chưa có kham nhậm, chưa có sáng chói. Vàng ấy còn có thể bể vụn và chưa có thể được tác thành tốt đẹp.

Có một thời, này các Tỷ-kheo, người thợ vàng hay đệ tử người thợ vàng ấy lại thụt bệ, thụt bệ thêm nữa, thụt bệ hơn nữa, cho đến khi vàng chảy ra khỏi lò. Vàng ấy lại được thụt bệ, được thụt bệ thêm nữa, được thụt bệ hơn nữa, cho đến khi vàng ấy chảy ra khỏi lò, được làm xong, được sạch các uế nhiễm, được nhu nhuyến, kham nhậm và được sáng chói. Vàng ấy không có bể vụn và được tác thành tốt đẹp. Và loại trang sức nào người ấy muốn như: Vàng lá (*paṭṭikāya*), hay nhẫn, hay vòng cổ, hay dây chuyền, người ấy có thể làm thành như ý muốn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử thô tạp, thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành. Tỷ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho sanh khởi lại.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử thuộc bậc trung, dục tầm, sân tầm, hại tầm. Tỷ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt, không cho sanh khởi.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, Tỷ-kheo tu tập tăng thượng tâm, còn tồn tại các kiết sử tế nhị, như tư tưởng về gia tộc, tư tưởng về quốc độ, tư

---

[157] Bản tiếng Anh của PTS: *Gold-Refiner*, nghĩa là *Người đãi vàng*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1246. 0341b25).

tưởng không bị khinh rẻ (*anavaññatti*). Tỷ-kheo có tư lự, có thông minh, từ bỏ, gột sạch, chấm dứt không cho chúng sanh khởi.

Làm như vậy xong, làm như vậy hoàn tất, chỉ còn lại các pháp tầm.

Định như vậy không có an tịnh, không có thù thắng, không được khinh an, không đạt đến nhất tâm, nhưng là một trạng thái chế ngự thường xuyên dằn ép. Nhưng đến một thời, này các Tỷ-kheo, tâm của vị ấy được an trú bên trong, lắng đứng lại, được nhất tâm, được định tĩnh. Định ấy được an tịnh, được thù diệu, được khinh an, đạt đến nhất tâm, không phải một trạng thái chế ngự thường xuyên dằn ép, tùy thuộc vào pháp gì tâm người ấy hướng đến để thắng tri, để chứng ngộ; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: "Ta sẽ chứng được các loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình; đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Vị ấy nếu ước muốn: "Với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư thiên và loài người"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: "Mong rằng với tâm của mình có thể biết tâm của các loại chúng sanh khác, tâm của các loài người khác như sau: 'Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham; tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân; tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si; tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn; đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm; tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng, tâm vô thượng biết là tâm vô thượng; tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không thiền định biết là tâm không thiền định; tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: "Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp; vị ấy nhớ rằng: 'Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này.

Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh tại đây'"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: "Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, ta thấy sự sống và chết của chúng sanh. Ta biết rõ chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh ấy làm những ác nghiệp về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những vị này, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên các cõi thiện, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, ta có thể thấy sự sống chết của chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ", vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: "Do đoạn tận các lậu hoặc ngay trong hiện tại, với thắng trí, ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát", vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

XI. KINH TƯỚNG (*Nimittasutta*)[158] (*A*. I. 256)

103. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, cần phải thỉnh thoảng tác ý ba tướng. Cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng định, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần (*paggāha*), cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng xả.

Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng định, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến thụ động. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng tinh cần, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến trạo cử. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng xả, thời có sự kiện tâm vị ấy không chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc. Nhưng nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, thỉnh thoảng tác ý tướng định, thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, thỉnh thoảng tác ý tướng xả, tâm vị ấy trở thành nhu nhuyến, kham nhậm, chói sáng, không bể vụn, chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc.

Ví như một thợ làm vàng, này các Tỷ-kheo, hay đệ tử người làm vàng xây lên các lò đúc. Sau khi xây lên các lò đúc, người ấy nhóm lửa đốt miệng lò (*ukkāmukha*). Sau khi đốt miệng lò, với cái kềm, người ấy cầm vàng bỏ vào miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thụt ống bệ, thỉnh thoảng người ấy rưới nước, thỉnh thoảng người ấy quan sát kỹ lưỡng.[159] Nếu người làm vàng hay đệ

[158] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1247. 0342a03).

[159] *AA*. II. 365: *Ajjhupekkhatīti pakkāpakkabhāvaṃ upadhāreti* ("Được làm xong" nghĩa là xem như đã nung đủ).

tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, một chiều thổi ống bệ, thời có sự kiện vàng ấy bị cháy. Nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, một chiều rưới nước, thì có sự kiện vàng ấy bị nguội lạnh. Nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, một chiều quan sát kỹ lưỡng, thời có sự kiện vàng ấy không đi đến chơn chánh thuần thục. Còn nếu người làm vàng hay đệ tử người làm vàng, này các Tỷ-kheo, thỉnh thoảng thổi ống bệ [đốt nóng] vàng ấy, thỉnh thoảng rưới nước, thỉnh thoảng quan sát kỹ lưỡng, thời vàng ấy trở thành nhu nhuyến, kham nhậm, chói sáng, không có bể vụn, và được tác thành tốt đẹp. Và loại trang sức nào người ấy muốn như: Vàng lá, hay nhẫn, hay vòng cổ, hay dây chuyền, người ấy có thể làm thành như ý muốn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo siêng năng tu tập tăng thượng tâm, cần phải thỉnh thoảng tác ý ba tướng. Cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng định, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, cần phải thỉnh thoảng tác ý tướng xả. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng định, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến thụ động. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng tinh cần, thời có sự kiện tâm vị ấy đi đến trạo cử. Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, nếu một chiều tác ý tướng xả, thời có sự kiện tâm vị ấy không chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc. Nhưng nếu Tỷ-kheo siêng tu tập tăng thượng tâm, này các Tỷ-kheo, thỉnh thoảng tác ý tướng định, thỉnh thoảng tác ý tướng tinh cần, thỉnh thoảng tác ý tướng xả, tâm vị ấy trở thành nhu nhuyến, kham nhậm, chói sáng, không bể vụn, chơn chánh định tĩnh để đoạn tận các lậu hoặc. Tùy thuộc theo pháp gì, tâm vị ấy hướng đến để thắng tri, để chứng ngộ; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy muốn: "Ta sẽ chứng đạt nhiều loại thần thông... (như kinh 102)... chứng tri sáu loại thắng trí... do đoạn tận các lậu hoặc... (như kinh 102)... sau khi chứng ngộ, ta sẽ chứng đạt và an trú"; vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.



XI. PHẨM CHÁNH GIÁC
(*SAMBODHAVAGGA*)

I. KINH TRƯỚC KHI GIÁC NGỘ (*Pubbevasambodhasutta*) (*A.* I. 258)

104. Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt ở đời? Cái gì là nguy hại? Cái gì là xuất ly?" Rồi này các Tỷ-kheo, về vấn đề ấy, tư tưởng sau đây khởi lên nơi Ta: "Do duyên với đời, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt ở đời. Cái gì ở đời là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hại ở đời. Điều phục dục tham ở đời, đoạn tận tham dục, đấy là xuất ly ở đời."

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Ta chưa như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không có xác nhận Ta đã giác liễu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Ta như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta mới xác nhận Ta đã giác liễu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa."

II. KINH VỊ NGỌT THỨ NHẤT (*Paṭhamaassādasutta*) (*A.* I. 259)

105. Này các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm cầu vị ngọt ở đời, vị ngọt ở đời là gì, Ta đã tìm được; cho đến như thế nào vị ngọt có mặt ở đời, với trí tuệ Ta khéo thấy vị ngọt ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta đã tìm cầu nguy hại ở đời, nguy hại ở đời là gì, Ta đã tìm được; cho đến như thế nào nguy hại có mặt ở đời, với trí tuệ Ta khéo thấy nguy hại ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta đã tìm cầu xuất ly ở đời, xuất ly ở đời là gì, Ta đã tìm được; cho đến như thế nào xuất ly có mặt ở đời, với trí tuệ Ta khéo thấy xuất ly ấy.

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Ta chưa như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không có xác nhận Ta đã giác liễu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Ta như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy

hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta mới xác nhận Ta đã giác liễu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng với thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa."

III. KINH VỊ NGỌT THỨ HAI (*Dutiyaassādasutta*) (*A.* I. 260)

106. Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt ở đời, thời các loài hữu tình không có tham nhiễm đối với đời; vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt ở đời nên các loài hữu tình có tham nhiễm ở đời. Này các Tỷ-kheo, nếu không có nguy hại ở đời, thời các loài hữu tình không có nhàm chán đối với đời; vì rằng, này các Tỷ-kheo, có nguy hại ở đời nên các loài hữu tình có nhàm chán đối với đời. Này các Tỷ-kheo, nếu không có xuất ly ra khỏi đời, thời các loài hữu tình không có xuất ly đối với đời; vì rằng, này các Tỷ-kheo, có xuất ly đối với đời nên các loài hữu tình có xuất ly ra khỏi đời.

Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các loài hữu tình chưa như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, các loài hữu tình không thể an trú với tâm thoát ly, không có hệ phược, giải thoát, không bị hạn cuộc khỏi thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các loài hữu tình đã như thật giác tri vị ngọt ở đời là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, các loài hữu tình có thể an trú với tâm thoát ly, không có hệ phược, giải thoát, không bị hạn cuộc khỏi thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người.

IV. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (*Samaṇabrāhmaṇasutta*)[160] (*A.* I. 260)

107. Này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật rõ biết vị ngọt là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, không được công nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, không được công nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại không với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, các Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết vị ngọt là vị ngọt, nguy hại là nguy hại, xuất ly là xuất ly, các Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, được công nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, được công nhận là Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại sẽ có với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay mục đích của Bà-la-môn hạnh.

---

[160] Bản tiếng Anh của PTS không có tiêu đề này.

V. KINH KHÓC THAN (*Ruṇṇasutta*)[161] (*A*. I. 261)

108. Này các Tỷ-kheo, đây được xem là khóc than trong giới luật của bậc Thánh, tức là ca vịnh; này các Tỷ-kheo, đây được xem là điên loạn trong giới luật của bậc Thánh, tức là múa nhảy; này các Tỷ-kheo, đây được xem là trẻ con trong giới luật của bậc Thánh, tức là cười quá đáng để lộ cả răng. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy phá cây cầu đi đến ca hát; hãy phá cây cầu đi đến múa nhảy; thật là vừa đủ nếu các ông được hoan hỷ đúng pháp, mỉm cười để tỏ là các ông được hoan hỷ.

VI. KINH KHÔNG THỎA MÃN (*Atittisutta*)[162] (*A*. I. 261)

109. Này các Tỷ-kheo, hưởng thọ ba sự ở đời, không bao giờ thỏa mãn. Thế nào là ba?

Hưởng thọ ngủ nghỉ, này các Tỷ-kheo, không bao giờ thỏa mãn. Hưởng thọ rượu men rượu nấu, này các Tỷ-kheo, không bao giờ thỏa mãn. Hưởng thọ sự dâm dục giao hợp, này các Tỷ-kheo, không bao giờ thỏa mãn.

VII. KINH NÓC NHỌN (*Arakkhitasutta*)[163] (*A*. I. 261)

110. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, khi tâm không được phòng hộ, thời thân nghiệp cũng không được phòng hộ, khẩu nghiệp cũng không được phòng hộ, ý nghiệp cũng không được phòng hộ. Với ai thân nghiệp không được phòng hộ, khẩu nghiệp không được phòng hộ, ý nghiệp không được phòng hộ, thời thân nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy,[164] khẩu nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy, ý nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy. Với ai thân nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy, khẩu nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy, ý nghiệp đầy ứ tham dục và rỉ chảy, thời thân nghiệp bị hủ bại, khẩu nghiệp bị hủ bại, ý nghiệp bị hủ bại. Với ai thân nghiệp bị hủ bại, khẩu nghiệp bị hủ bại, ý nghiệp bị hủ bại, thời sự chết không được hiền thiện,[165] mệnh chung không được hiền thiện.

Này gia chủ, ví như ngôi nhà nóc nhọn vụng lợp, thời nóc nhọn không được phòng hộ, rui kèo không được phòng hộ, vách tường không được phòng hộ; nóc nhọn bị đầy ứ và rỉ nước, rui kèo bị đầy ứ và rỉ nước, các vách tường bị đầy ứ và rỉ nước; nóc nhọn bị hủ bại, rui kèo bị hủ bại, vách tường bị hủ bại. Cũng vậy, này gia chủ, khi tâm không được phòng hộ, thời thân nghiệp cũng không được

---

[161] *Chú giải* giải thích rằng đây chỉ cho 6 vị Tỷ-kheo ưa hát, múa, cười.

[162] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Satiety*, nghĩa là *Thỏa mãn*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.22.10. 0608c24).

[163] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.2. 0875c19).

[164] *Avassutaṃ*: Nghĩa đen là đầy ứ nên rỉ chảy. *AA*. II. 367 viết *tintaṃ* (ẩm ướt).

[165] *AA*. II. 367: *Na bhaddakaṃ maraṇaṃ hotīti apāye paṭisandhipaccayatāya na laddhakaṃ hoti* ("Cái chết không tốt lành" nghĩa là không êm đềm, do duyên tái sanh vào đọa xứ).

phòng hộ, khẩu nghiệp... ý nghiệp... thời sự chết không được hiền thiện, mệnh chung không được hiền thiện.

Này gia chủ, khi tâm được phòng hộ, thời thân nghiệp cũng được phòng hộ, khẩu nghiệp cũng được phòng hộ, ý nghiệp cũng được phòng hộ. Với ai thân nghiệp được phòng hộ, khẩu nghiệp được phòng hộ, ý nghiệp được phòng hộ, thời thân nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy, khẩu nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy, ý nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy. Với ai thân nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy, khẩu nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy, ý nghiệp không đầy ứ tham dục và rỉ chảy, thời thân nghiệp không bị hủ bại, khẩu nghiệp không bị hủ bại, ý nghiệp không bị hủ bại. Với ai thân nghiệp không bị hủ bại, khẩu nghiệp không bị hủ bại, ý nghiệp không bị hủ bại, thời sự chết được hiền thiện, mệnh chung được hiền thiện.

Này gia chủ, ví như ngôi nhà nóc nhọn khéo lợp, thời nóc nhọn được phòng hộ, rui kèo được phòng hộ, vách tường được phòng hộ; nóc nhọn không đầy ứ và rỉ nước, rui kèo không đầy ứ và rỉ nước, các vách tường không đầy ứ và rỉ nước; nóc nhọn không bị hủ bại, rui kèo không bị hủ bại, vách tường không bị hủ bại. Cũng vậy, này gia chủ, khi tâm được phòng hộ, thời thân nghiệp cũng được phòng hộ, khẩu nghiệp... ý nghiệp... không bị hủ bại, thời sự chết được hiền thiện, mệnh chung được hiền thiện.

VIII. KINH ÁC Ý (*Byāpannasutta*) (*A.* I. 262)

111. (Kinh này hoàn toàn giống như kinh trên, chỉ thay thế "không được phòng hộ" bằng "thất thế, lung lay" và có một vài thay đổi cần thiết).

IX. KINH NHÂN DUYÊN THỨ NHẤT (*Paṭhamanidānasutta*)[166] (*A.* I. 263)

112. Này các Tỷ-kheo, có ba nhân duyên này khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba?

Tham là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, sân là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, si là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi.

Phàm nghiệp nào do tham tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ tham, do tham làm nhân duyên, do tham tập khởi, nghiệp ấy là bất thiện, nghiệp ấy có phạm tội, nghiệp ấy có khổ dị thục, nghiệp ấy làm nghiệp tập khởi, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp đoạn diệt. Phàm nghiệp nào do sân tác thành... Phàm nghiệp nào do si tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ si, do si làm nhân duyên, do si tập khởi, nghiệp ấy là bất thiện, nghiệp ấy có phạm tội, nghiệp ấy có khổ dị thục, nghiệp ấy làm nghiệp tập khởi, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp đoạn diệt.

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi.

– Này các Tỷ-kheo, có ba nhân duyên này khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba?

---

[166] Kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS chia thành 4 kinh có cùng tên: *Three Causes*, nghĩa là *Ba nhân duyên*.

Vô tham là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, vô sân là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi, vô si là nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi.

Phàm nghiệp nào do vô tham tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ vô tham, do vô tham làm nhân duyên, do vô tham tập khởi, nghiệp ấy là thiện, nghiệp ấy không có phạm tội, nghiệp ấy có lạc dị thục, nghiệp ấy đưa đến nghiệp đoạn diệt, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp tập khởi. Phàm nghiệp nào do vô sân tác thành... Phàm nghiệp nào do vô si tác thành, này các Tỷ-kheo, sanh ra từ vô si, do vô si làm nhân duyên, do vô si tập khởi, nghiệp ấy là thiện, nghiệp ấy không có phạm tội, nghiệp ấy có lạc dị thục, nghiệp ấy đưa đến nghiệp đoạn diệt, nghiệp ấy không đưa đến nghiệp tập khởi.

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba nhân duyên khiến các nghiệp tập khởi.

X. KINH NHÂN DUYÊN THỨ HAI (*Dutiyanidānasutta*) (*A*. I. 264)

113. Này các Tỷ-kheo, có ba nhân duyên này khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn sanh khởi.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát. Do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát, nên ước muốn sanh khởi. Vì có ước muốn, nên nó bị liên hệ với các pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng đó là một kiết sử, vì tâm ấy có tham ái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn sanh khởi.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát. Do duyên các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong tương lai; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát, nên ước muốn sanh khởi. Vì có ước muốn, nên nó bị liên hệ với các pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng đó là một kiết sử, vì tâm ấy có tham ái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn sanh khởi.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát. Do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại; với tâm, nó tầm cầu, nó tư sát, nên ước muốn sanh khởi. Vì có ước muốn, nên nó bị liên hệ với pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng đó

là một kiết sử, vì tâm ấy có tham ái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, có ba nhân duyên này khiến các nghiệp tập khởi.

– Này các Tỷ-kheo, có ba nhân duyên này khiến các nghiệp tập khởi. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn không sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn không sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn không sanh khởi.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn không sanh khởi?

Có người rõ biết, này các Tỷ-kheo, quả dị thục trong tương lai của các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong quá khứ. Sau khi rõ biết quả dị thục trong tương lai, người ấy tránh né quả dị thục ấy. Sau khi tránh né quả dị thục ấy, tâm người ấy không còn tham đắm; với trí tuệ, vị ấy thể nhập và thấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ ý xứ cho dục tham trong quá khứ, ước muốn không sanh khởi.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn không sanh khởi?

Có người rõ biết, này các Tỷ-kheo, quả dị thục trong tương lai của các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai. Sau khi rõ biết quả dị thục trong tương lai, người ấy tránh né quả dị thục ấy. Sau khi tránh né quả dị thục ấy, tâm người ấy không còn tham đắm; với trí tuệ, người ấy thể nhập và thấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong tương lai, ước muốn không sanh khởi.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn không sanh khởi?

Có người rõ biết, này các Tỷ-kheo, quả dị thục trong tương lai của các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại. Sau khi biết rõ quả dị thục trong tương lai, người ấy tránh né quả dị thục ấy. Sau khi tránh né quả dị thục ấy, tâm người ấy không còn tham đắm; với trí tuệ, người ấy thể nhập và thấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên các pháp làm chỗ y xứ cho dục tham trong hiện tại, ước muốn không sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, có ba nhân duyên này khiến các nghiệp tập khởi.

XII. PHẨM RƠI VÀO ĐỌA XỨ
(*ĀPĀYIKAVAGGA*)

I. KINH RƠI VÀO ĐỌA XỨ (*Āpāyikasutta*) (*A*. I. 265)

114. Này các Tỷ-kheo, ba hạng người này bị rơi vào đọa xứ, rơi vào địa ngục, trừ phi họ đoạn bỏ pháp này.[167] Thế nào là ba?

Ai sống không Phạm hạnh, tự xưng là có sống Phạm hạnh; đối với người sống Phạm hạnh thanh tịnh, hành Phạm hạnh thật thanh tịnh, ai công kích là không Phạm hạnh một cách không căn cứ; ai chủ trương như sau: "Không có lỗi lầm trong các dục vọng" và rơi vào say đắm[168] trong các dục vọng.

Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người bị rơi vào đọa xứ, rơi vào địa ngục, trừ phi họ đoạn bỏ pháp này.

II. KINH KHÓ TÌM ĐƯỢC (*Dullabhasutta*) (*A*. I. 266)

115. Này các Tỷ-kheo, sự xuất hiện của ba hạng người này khó tìm được ở đời. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác, khó tìm được ở đời; người có thể thuyết Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, khó tìm được ở đời; người tri ân, người biết ơn, khó tìm được ở đời.

Sự xuất hiện của ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, khó tìm được ở đời.

III. KINH KHÔNG THỂ ƯỚC LƯỢNG (*Appameyyasutta*) (*A*. I. 266)

116. Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Dễ ước lượng, khó ước lượng và không thể ước lượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người dễ ước lượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng.[169] Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người dễ ước lượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là người khó ước lượng?

---

[167] *AA*. II. 369: *Idamappahāyāti idaṃ brahmacāripaṭiññatādiṃ pāpadhammattayaṃ avijahitvā* ("Trừ phi bỏ [pháp] này" nghĩa là không bỏ ác pháp "tự cho là sống Phạm hạnh", v.v...).

[168] *Pātabyataṃ*. Theo *PED*., nó có thể có từ gốc là *pāteti* nghĩa là sự hư hoại, đổ nát. *Chú giải* cho rằng từ này có thể xuất phát từ ngữ căn √*pīv*, nghĩa là say đắm. Xem *AA*. II. 369; *M*. I. 305.

[169] *AA*. II. 370: *Pākatindriyo* = *Vivaṭindriyo* (các căn để mở). Xem *KS*. V. 241.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không tháo động, không kiêu căng, không dao động, không lắm mồm lắm miệng, không phát ngôn bừa bãi, trú niệm, tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, các căn được bảo vệ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người khó ước lượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là người không thể ước lượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu hoặc được đoạn tận. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người không thể ước lượng.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

IV. KINH VÔ SẮC GIỚI (*Āneñjasutta*)[170] (*A.* I. 267)

117. Này các Tỷ-kheo, có ba hạng người này có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người hoàn toàn vượt qua sắc tưởng, chấm dứt đối ngại tưởng, không tác ý các tưởng sai biệt, xem "hư không là vô biên", đạt đến và an trú Không vô biên xứ. Vị ấy thưởng thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy. An trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, an trú nhiều trong cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mệnh chung được sanh cộng trú với chư thiên đã đạt đến Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư thiên đã đạt đến Không vô biên xứ là hai mươi ngàn kiếp. Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi ngạ quỷ. Nhưng đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đấy cho hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù, đây là sự tăng thượng, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe nhiều và kẻ vô văn phàm phu về vấn đề sanh thú và tái sanh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người vượt qua Không vô biên xứ, xem "thức là vô biên", đạt đến và an trú Thức vô biên xứ. Vị ấy thưởng thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy. An trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, an trú nhiều trong cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mệnh chung được sanh cộng trú với chư thiên đã đạt Thức vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư thiên đã đạt đến Thức vô biên xứ là bốn mươi ngàn kiếp. Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi ngạ quỷ. Nhưng đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đấy cho hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù, đây là sự tăng thượng, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe nhiều và kẻ vô văn phàm phu về vấn đề sanh thú và tái sanh.

---

[170] Bản tiếng Anh của PTS: *The Sphere of Infinite Space*, nghĩa là *Không vô biên xứ.*

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người vượt qua Thức vô biên xứ, xem "không có gì cả", đạt đến và an trú Vô sở hữu xứ. Vị ấy thưởng thức cảnh giới ấy, hy cầu cảnh giới ấy, thỏa mãn với cảnh giới ấy. An trú trong cảnh giới ấy, tín giải cảnh giới ấy, không có từ bỏ cảnh giới ấy, đến khi mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên đã đạt Vô sở hữu xứ. Này các Tỷ-kheo, thọ mạng của chư thiên đã đạt đến Vô sở hữu xứ là sáu mươi ngàn kiếp. Kẻ phàm phu, sau khi trú ở đấy cho đến hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư thiên ấy, kẻ ấy đi vào địa ngục, đi vào loại bàng sanh, đi vào cõi ngạ quỷ. Nhưng đệ tử của Thế Tôn, sau khi trú ở đấy cho hết thọ mạng, sau khi trải qua tất cả thời gian thọ mạng của chư thiên ấy, cuối cùng nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Đây là sự đặc thù, đây là sự tăng thượng, đây là sự sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe nhiều và kẻ vô văn phàm phu về vấn đề sanh thú và tái sanh.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

V. KINH KHIẾM KHUYẾT VÀ VIÊN MÃN
(*Vipattisampadāsutta*) (*A*. I. 268)

118. Này các Tỷ-kheo, có ba sự khiếm khuyết này. Thế nào là ba? Khiếm khuyết về giới, khiếm khuyết về tâm, khiếm khuyết về tri kiến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khiếm khuyết về giới?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khiếm khuyết về giới.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khiếm khuyết về tâm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tham lam, với tâm sân hận. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khiếm khuyết về tâm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khiếm khuyết về tri kiến?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có tà kiến, có tri kiến điên đảo: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có cúng tế, không có quả dị thục trong các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; ở đời không có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình với thắng trí giác ngộ đời này, đời sau và truyền dạy lại."[171] Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khiếm khuyết về tri kiến.

Do nhân khiếm khuyết về giới, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân khiếm khuyết về tâm, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân khiếm khuyết về tri kiến, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba khiếm khuyết.

[171] Xem *KS*. IV. 250. Quan điểm Đoạn kiến của Ajita Kesakambala.

Này các Tỷ-kheo, có ba viên mãn này. Thế nào là ba? Viên mãn về giới, viên mãn về tâm, viên mãn về tri kiến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là viên mãn về giới?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là viên mãn về giới.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là viên mãn về tâm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không tham lam, không có tâm sân hận. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là viên mãn về tâm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là viên mãn về tri kiến?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có chánh kiến, không có tri kiến điên đảo: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có cúng tế, có quả dị thục trong các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; ở đời có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình với thắng trí giác ngộ đời này, đời sau và truyền dạy lại." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là viên mãn về tri kiến.

Do nhân viên mãn về giới, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào cõi thiện, cõi trời, cõi đời này. Do nhân viên mãn về tâm, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi thiện, cõi trời, cõi đời này. Do nhân viên mãn về tri kiến, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi thiện, cõi trời, cõi đời này. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba viên mãn.

VI. KINH KHÔNG KHIẾM KHUYẾT (*Apaṇṇakasutta*)[172] (*A*. I. 270)

119. Này các Tỷ-kheo, có ba khiếm khuyết này. Thế nào là ba? Khiếm khuyết về giới, khiếm khuyết về tâm, khiếm khuyết về tri kiến... (như kinh 118).

Ví như, này các Tỷ-kheo, một hột xúc xắc[173] chính xác, nếu được liệng về mặt trên, được nằm về mặt ấy, được nằm khéo đặt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do nhân khiếm khuyết về giới, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân khiếm khuyết về tâm, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do nhân khiếm khuyết về tri kiến, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba khuyết khuyết.

Này các Tỷ-kheo, có ba viên mãn này. Thế nào là ba? Viên mãn về giới, viên mãn về tâm, viên mãn về tri kiến... (như kinh 118).

Ví như, này các Tỷ-kheo, một hột xúc xắc chính xác, nếu được liệng về mặt trên, được nằm về mặt ấy, được nằm khéo đặt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do

[172] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1047. 0274a05). *Apaṇṇaka*: Niết-bàn. Xem *A*. I. 113.

[173] *Maṇi*: Con xúc xắc có sáu mặt (*pāsaka*).

nhân viên mãn về giới... do nhân viên mãn về tâm... do nhân viên mãn về tri kiến, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba viên mãn.

VII. KINH HÀNH ĐỘNG (*Kammantasutta*) (*A*. I. 270)

120. Này các Tỷ-kheo, có ba khiếm khuyết này. Thế nào là ba? Khiếm khuyết về hành động, khiếm khuyết về sanh kế, khiếm khuyết về tri kiến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khiếm khuyết về hành động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây là khiếm khuyết về hành động.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khiếm khuyết về sanh kế?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người theo tà sanh kế, nuôi sống bằng tà sanh kế. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khiếm khuyết về sanh kế.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khiếm khuyết về tri kiến?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có tà kiến, có tri kiến điên đảo: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có cúng tế, không có quả dị thục trong các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; ở đời không có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình với thắng trí giác ngộ đời này, đời sau và truyền dạy lại." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khiếm khuyết về tri kiến.

Này các Tỷ-kheo, có ba viên mãn này. Thế nào là ba? Viên mãn về hành động, viên mãn về sanh kế, viên mãn về tri kiến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là viên mãn về hành động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là viên mãn về hành động.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là viên mãn về sanh kế?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người theo chánh sanh kế, nuôi sống bằng chánh sanh kế. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là viên mãn về sanh kế.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là viên mãn về tri kiến?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có chánh kiến, không có tri kiến điên đảo: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có cúng tế, có quả dị thục trong các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; ở đời có các hàng Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình với thắng trí giác ngộ đời này, đời sau và truyền dạy lại." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là viên mãn về tri kiến.

Này các Tỷ-kheo, các pháp này là ba viên mãn.

VIII. KINH THANH TỊNH THỨ NHẤT (*Paṭhamasoceyyasutta*) (*A.* I. 271)

121. Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này. Thế nào là ba? Thân thanh tịnh, lời nói thanh tịnh, ý thanh tịnh.

Thế nào là thân thanh tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thân thanh tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lời nói thanh tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lời nói thanh tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ý thanh tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không có tham lam, với tâm không sân hận, có chánh tri kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ý thanh tịnh.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba thanh tịnh.

IX. KINH THANH TỊNH THỨ HAI (*Dutiyasoceyyasutta*) (*A.* I. 272)

122. Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này. Thế nào là ba? Thân thanh tịnh, lời nói thanh tịnh, ý thanh tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thân thanh tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thân thanh tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lời nói thanh tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lời nói thanh tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ý thanh tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nếu nội tâm có ước muốn về dục, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có ước muốn về dục." Nếu nội tâm không có ước muốn về dục, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có ước muốn về dục." Ước muốn về dục chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Ước muốn về dục đã sanh khởi, được đoạn trừ thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Và ước muốn về dục đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy.

Nếu nội tâm có sân, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có sân." Nếu nội tâm không có sân, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có sân." Sân chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Sân đã sanh khởi, được đoạn trừ thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Và sân đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy.

Nếu nội tâm có hôn trầm thụy miên, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có hôn trầm thụy miên." Nếu nội tâm không có hôn trầm thụy miên, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có hôn trầm thụy miên." Hôn trầm thụy miên chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Hôn trầm thụy miên đã sanh khởi, được

đoạn trừ thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Và hôn trầm thụy miên đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy.

Nếu tâm có trạo hối, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có trạo hối." Nếu nội tâm không có trạo hối, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có trạo hối." Trạo hối chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Trạo hối đã sanh khởi, được đoạn trừ thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Và trạo hối đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy.

Nếu tâm có nghi, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta có nghi." Nếu nội tâm không có nghi, vị ấy rõ biết: "Nội tâm ta không có nghi." Nghi chưa sanh khởi, được sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Nghi đã sanh khởi, được đoạn trừ thế nào, vị ấy rõ biết như vậy. Và nghi đã được đoạn trừ, tương lai không sanh khởi thế nào, vị ấy rõ biết như vậy.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ý thanh tịnh. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba thanh tịnh.

Thân và lời thanh tịnh,
Tâm thanh tịnh vô lậu,
Trong sạch, được thanh tịnh,
Được gọi ác đoạn trừ.

X. KINH TOÀN HẢO (*Moneyyasutta*)[174] (*A*. I. 273)

123. Này các Tỷ-kheo, có ba sự toàn hảo. Thế nào là ba? Toàn hảo về thân, toàn hảo về lời nói, toàn hảo về ý.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là toàn hảo về thân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thân toàn hảo.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là toàn hảo về lời nói?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lời nói toàn hảo.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là toàn hảo về ý? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn trừ các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ý toàn hảo.

Này các Tỷ-kheo, các pháp này là ba toàn hảo.

Thân và lời toàn hảo,
Tâm toàn hảo, vô lậu,
Toàn hảo, được toàn hảo
Được gọi đoạn tất cả.

---

[174] *AA*. II. 372: *Moneyyānī* (toàn hảo) = *Munibhāvā* (trở nên thánh thiện). Bản tiếng Anh của PTS: *Munibhāvā* (*states of silence of a sage*), nghĩa là *munibhāvā* chỉ cho trạng thái tịch mặc của vị ẩn sĩ (*GS*. I. 251). Xem thêm *D*. III. 220.

XIII. PHẨM KUSINĀRA
(*KUSINĀRAVAGGA*)

I. KINH TẠI KUSINĀRA (*Kusinārasutta*) (*A.* I. 274)

124. Một thời, Thế Tôn trú ở Kusināra, tại rừng Baliharaṇa. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn. Rồi người gia chủ hay con người gia chủ đi đến vị ấy mời mai lại dùng cơm. Nếu muốn, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhận lời. Sau khi đêm ấy đã mãn, Tỷ-kheo ấy vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát và đi đến trú xứ người gia chủ hay con người gia chủ. Sau khi đến, vị ấy ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi người gia chủ hay con người gia chủ tự tay đứng mời và làm cho thỏa mãn Tỷ-kheo ấy với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Vị ấy suy nghĩ: "Thật tốt lành thay, người gia chủ hay con người gia chủ này tự tay đứng mời và làm thỏa mãn ta với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm!" Rồi vị ấy suy nghĩ như sau: "Mong rằng người gia chủ hay con người gia chủ này trong tương lai, tự tay đứng mời và làm thỏa mãn ta với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm!" Vị ấy thọ hưởng món ăn khất thực ấy, tham dính, say đắm, đam trước, không thấy sự nguy hại, không thấy được sự xuất ly. Ở đây, vị ấy khởi lên sự suy tầm về dục, khởi lên sự suy tầm về sân, khởi lên sự suy tầm về hại. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng bố thí cho Tỷ-kheo như vậy không có quả lớn. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống phóng dật.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn. Rồi một gia chủ hay con người gia chủ đi đến vị ấy mời mai lại dùng cơm. Nếu muốn, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhận lời. Sau khi đêm ấy đã mãn, Tỷ-kheo ấy vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát và đi đến trú xứ người gia chủ hay con người gia chủ. Sau khi đến, vị ấy ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi người gia chủ hay con người gia chủ tự tay đứng mời và làm cho thỏa mãn Tỷ-kheo ấy với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Vị ấy không có suy nghĩ: "Thật tốt lành thay, người gia chủ hay con người gia chủ này tự tay đứng mời và làm thỏa mãn ta với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm!" Rồi vị ấy không suy nghĩ như sau: "Mong rằng người gia chủ hay con người gia

chủ này trong tương lai, tự tay đứng mời và làm thỏa mãn ta với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm!” Vị ấy thọ hưởng món ăn khất thực ấy, không tham dính, không say đắm, không đam trước, thấy được sự nguy hại, thấy được sự xuất ly. Vị ấy ở đây khởi lên sự suy tầm về viễn ly, khởi lên sự suy tầm về vô sân, khởi lên sự suy tầm về vô hại. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng bố thí cho Tỷ-kheo như vậy có quả lớn. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì Tỷ-kheo ấy không sống phóng dật.

II. KINH TRANH LUẬN (*Bhaṇḍanasutta*) (*A.* I. 275)

125. Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi, này các Tỷ-kheo, thật không thoải mái cho Ta khi nghĩ đến phương hướng ấy, còn nói gì đi đến chỗ ấy. Ở đây, Ta đi đến kết luận như sau: “Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp và đã làm quá nhiều ba pháp.”

Ba pháp họ đã từ bỏ là gì? Viễn ly tầm, vô sân tầm, bất hại tầm. Ba pháp này họ đã từ bỏ.

Ba pháp gì họ đã làm quá nhiều? Dục tầm, sân tầm, hại tầm. Ba pháp này họ đã làm quá nhiều.

Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi, này các Tỷ-kheo, thật không thoải mái cho Ta khi nghĩ đến phương hướng ấy, còn nói gì đi đến chỗ ấy. Ở đây, Ta đi đến kết luận như sau: “Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp này và đã làm quá nhiều ba pháp này.”

Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ, không đấu tranh nhau, như nước và sữa hòa lẫn, nhìn nhau với cặp mắt ái kính, này các Tỷ-kheo, đi đến phương hướng ấy thật thoải mái cho Ta, còn nói gì nghĩ đến phương hướng ấy. Ở đây, Ta đi đến kết luận như sau: “Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp này và đã làm quá nhiều ba pháp này.”

Ba pháp họ đã từ bỏ là gì? Dục tầm, sân tầm, hại tầm. Ba pháp này họ đã từ bỏ.

Ba pháp gì họ đã làm quá nhiều? Viễn ly tầm, vô sân tầm, bất hại tầm.

Tại phương hướng nào, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo sống hòa hợp, hoan hỷ, không đấu tranh nhau, như nước và sữa hòa lẫn, nhìn nhau với cặp mắt ái kính, này các Tỷ-kheo, đi đến phương hướng ấy thật thoải mái cho Ta, còn nói gì nghĩ đến phương hướng ấy. Ở đây, Ta đi đến kết luận như sau: “Thật vậy, các Tỷ-kheo ấy đã từ bỏ ba pháp này và đã làm quá nhiều ba pháp này.”

III. KINH ĐIỆN THỜ GOTAMA (*Gotamakacetiyasutta*) (*A.* I. 276)

126. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại điện thờ Gotama. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp với thắng trí,[175] không phải với không thắng trí; này các Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp với nhân duyên, không phải với không nhân duyên; này các Tỷ-kheo, Ta thuyết pháp với thần thông, không phải với không thần thông. Này các Tỷ-kheo, do vì Ta thuyết pháp có thắng trí, không phải với không thắng trí; do vì Ta thuyết pháp có nhân duyên, không phải không có nhân duyên; do vì Ta thuyết pháp có thần thông, không phải không có thần thông, nên giáo giới cần phải làm, giảng dạy[176] cần phải làm.

Thật là vừa đủ, này các Tỷ-kheo, để các ông bằng lòng; thật là vừa đủ để các ông hân hoan; thật là vừa đủ để các ông hoan hỷ: "Chánh Đẳng Giác là Thế Tôn! Pháp được Thế Tôn khéo thuyết! Khéo hành trì là chúng Tăng!"

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ lời Thế Tôn giảng. Trong khi lời thuyết giảng này được nói lên, một ngàn thế giới đều rung động.

IV. KINH BHARAṆḌU, NGƯỜI KĀLĀMA
(***Bharaṇḍukālāmasutta***) (*A.* I. 276)

127. Một thời, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala và đi đến Kapilavatthu. Mahānāma dòng họ Thích nghe tin Thế Tôn đã đến Kapilavatthu. Rồi Mahānāma dòng họ Thích đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với Mahānāma dòng họ Thích đang đứng một bên:

– Hãy đi, này Mahānāma, và tìm xem ở Kapilavatthu có chỗ nào, tại chỗ ấy, hôm nay chúng ta sẽ trú lại một đêm.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Mahānāma dòng họ Thích vâng đáp Thế Tôn, đi vào Kapilavatthu, đi khắp toàn vùng Kapilavatthu và không thấy một chỗ nào Thế Tôn có thể trú một đêm. Rồi Mahānāma dòng họ Thích đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở Kapilavatthu không có chỗ nào, tại đấy, hôm nay Thế Tôn có thể trú một đêm. Nhưng có Bharaṇḍu, người Kālāma này, trước đồng tu Phạm hạnh với Thế Tôn.[177] Hôm nay, Thế Tôn hãy ở một đêm tại am thất của vị ấy.

– Này Mahānāma, hãy đi và trải một tấm thảm [cho Ta ở đó].

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Mahānāma dòng họ Thích vâng đáp Thế Tôn, đi đến am thất của Bharaṇḍu người Kālāma; sau khi đến, trải tấm thảm, đặt nước để rửa chân, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

---

[175] Xem *M.* II. 9.

[176] *Anusāsanī*. Xem *A.* I. 170 về giáo hóa thần thông (*anusāsanīpāṭihāriyaṃ*).

[177] Trong thời Āḷāra Kālāma (*Chú giải*).

– Bạch Thế Tôn! Tấm thảm đã trải, nước để rửa chân đã sẵn sàng. Bạch Thế Tôn! Nay Thế Tôn hãy làm gì Ngài nghĩ là phải thời.

Rồi Thế Tôn đi đến am thất của Bharaṇḍu người Kālāma; sau khi đến, ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân.

Rồi Mahānāma dòng họ Thích nghĩ như sau: "Nay không phải thời để hầu hạ Thế Tôn. Thế Tôn đang mệt mỏi. Ngày mai ta sẽ đến hầu hạ Thế Tôn", [nghĩ vậy xong] bèn đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi đi ra.

Mahānāma dòng họ Thích, sau khi đêm ấy đã mãn, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Mahānāma dòng họ Thích đang ngồi một bên:

– Này Mahānāma, có ba vị Đạo sư có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba?

Ở đây, này Mahānāma, có vị Đạo sư trình bày sự biến tri của các dục vọng, nhưng không trình bày sự biến tri của các sắc, không trình bày sự biến tri của các cảm thọ. Ở đây, này Mahānāma, có vị Đạo sư trình bày sự biến tri của các dục vọng, trình bày sự biến tri của các sắc, nhưng không trình bày sự biến tri của các cảm thọ. Nhưng ở đây, này Mahānāma, có vị Đạo sư trình bày sự biến tri của các dục vọng, trình bày sự biến tri của các sắc, trình bày sự biến tri của các cảm thọ. Này Mahānāma, có ba vị Đạo sư này có mặt, xuất hiện ở đời. Trong ba vị này, này Mahānāma, kết luận là một hay là sai khác?

Khi được nghe như vậy, Bharaṇḍu, người Kālāma, nói với Mahānāma dòng họ Thích:

– Này Mahānāma, hãy nói là một.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Mahānāma dòng họ Thích:

– Này Mahānāma, hãy nói là khác.

Lần thứ hai, Bharaṇḍu, người Kālāma, nói với Mahānāma dòng họ Thích:

– Này Mahānāma, hãy nói là một.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Mahānāma dòng họ Thích:

– Này Mahānāma, hãy nói là khác.

Lần thứ ba, Bharaṇḍu, người Kālāma, nói với Mahānāma dòng họ Thích:

– Này Mahānāma, hãy nói là một.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Mahānāma dòng họ Thích:

– Này Mahānāma, hãy nói là khác.

Rồi Bharaṇḍu, người Kālāma, suy nghĩ như sau: "Trước mặt Mahānāma dòng họ Thích có thế lực lớn này, ta bị Sa-môn Gotama nói trái ngược cho đến lần thứ ba. Vậy ta hãy rời khỏi Kapilavatthu."

Rồi Bharaṇḍu, người Kālāma, đi ra khỏi Kapilavatthu, một sự ra đi khỏi Kapilavatthu, không bao giờ trở lại nữa.

V. KINH HATTHAKA (*Hatthakasutta*)[178] (*A*. I. 278)

128. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn của Anāthapiṇḍika.

Rồi thiên tử Hatthaka, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, vị ấy nghĩ: "Ta sẽ đứng thẳng trước Thế Tôn", nhưng vị ấy chìm xuống, lún xuống, không có thể đứng thẳng; ví như thục tô hay dầu đổ trên cát, chìm xuống, lún xuống, không thể được giữ lại. Cũng vậy, thiên tử Hatthaka nghĩ rằng: "Ta sẽ đứng thẳng trước mặt Thế Tôn", nhưng vị ấy chìm xuống, lún xuống, không có thể đứng thẳng.

Rồi Thế Tôn nói với thiên tử Hatthaka:

– Này Hatthaka, hãy hóa thành một tự thể thô xấu.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thiên tử Hatthaka vâng đáp Thế Tôn. Sau khi hóa thành một tự thể thô xấu, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với thiên tử Hatthaka đang đứng một bên:

– Này Hatthaka, các pháp được diễn tiến trước kia, khi ông còn làm người, các pháp ấy được diễn tiến hiện nay đối với ông không?

– Bạch Thế Tôn, các pháp được diễn tiến trước kia, khi con còn làm người, các pháp ấy có được diễn tiến hiện nay với con. Và bạch Thế Tôn, có các pháp không được diễn tiến trước kia, khi con còn làm người, các pháp ấy có được diễn tiến hiện nay đối với con. Ví như, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn sống, được các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, các vua chúa, các đại thần của vua, các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo đoanh vây; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con sống được các thiên tử đoanh vây. Từ xa, bạch Thế Tôn, các thiên tử đi đến, nghĩ rằng: "Chúng ta hãy đến nghe pháp từ thiên tử Hatthaka."

Có ba pháp, bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ, khi con chết, con vẫn còn ân hận, luyến tiếc. Thế nào là ba?

Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được thấy Thế Tôn, khi con chết, con vẫn còn ân hận, luyến tiếc. Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được nghe Diệu pháp, khi con chết, con vẫn còn ân hận, luyến tiếc. Bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ được phục vụ hầu hạ chúng Tăng, khi con chết, con vẫn còn ân hận, luyến tiếc.

Có ba pháp này, bạch Thế Tôn, con cảm thấy không bao giờ vừa đủ, khi con chết, con vẫn còn ân hận luyến tiếc:

Con thấy không vừa đủ,
Khi được gặp Thế Tôn,

[178] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.594. 0159a01); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.188. 0442a18).

Được phục vụ chúng Tăng,
Được lắng nghe Diệu pháp,
Học tập tăng thượng giới,
Thích thú nghe Diệu pháp.
Do đối với ba pháp,
Cảm thấy không vừa đủ,
Thiên tử Hatthaka,
Được sanh Vô Phiền thiên.[179]

VI. KINH THỐI NÁT (*Kaṭuviyasutta*)[180] (*A*. I. 279)

129. Một thời, Thế Tôn trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), Isipatana (chư tiên đọa xứ), tại Vườn Nai.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Ba-la-nại để khất thực. Thế Tôn, trong khi đi khất thực tại Goyogapilakkha, gần cây sung, chỗ cột đàn bò, thấy một Tỷ-kheo hưởng thọ hương vị trống không, không có thiền định, hưởng thọ hương vị hướng ngoại của vật dục, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm tán loạn, với các căn phóng túng. Thấy vậy, Thế Tôn liền nói với vị Tỷ-kheo ấy:

– Này Tỷ-kheo, này Tỷ-kheo! Ông chớ có làm cho tự ngã trở thành thối nát.[181] Này Tỷ-kheo, ai làm cho tự ngã thối nát, đầy ứ, thoát ra toàn mùi hôi thối, rồi mong rằng: "Các loài ruồi lằng sẽ không bu đậu, sẽ không có chiếm cứ", sự kiện như vậy không xảy ra.

Tỷ-kheo ấy được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới như vậy, cảm thấy xúc động mạnh.[182] Rồi Thế Tôn, sau khi đi khất thực ở Ba-la-nại xong, sau bữa ăn, trên đường trở về, bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, ở đây, sau khi đắp y vào buổi sáng, Ta cầm lấy y bát, đi vào Ba-la-nại để khất thực. Này các Tỷ-kheo, trong khi đi khất thực tại Goyogapilakkha, Ta thấy một Tỷ-kheo hưởng thọ hương vị trống không, không có thiền định, hưởng thọ hương vị hướng ngoại của vật dục, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, với tâm tán loạn, với các căn phóng túng. Thấy vậy, Ta liền nói với vị Tỷ-kheo ấy: "Này Tỷ-kheo, này Tỷ-kheo! Ông chớ có làm cho tự ngã trở thành thối nát. Này Tỷ-kheo, ai làm cho tự ngã thối nát, đầy ứ, thoát ra toàn mùi hôi thối, rồi mong rằng: 'Các loài ruồi lằng sẽ không bu đậu, sẽ không có chiếm cứ', sự kiện như vậy không xảy ra."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được Ta giáo giới với lời giáo giới này, cảm thấy xúc động mạnh.

---

[179] *Avihā*, Vô Phiền thiên, cõi trời thứ 12 - Phạm thiên giới.

[180] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1081. 0283a20); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.20. 0380b02).

[181] *AA*. II. 378: *Kaṭuviya = Ucchiṭṭha* (bất tịnh, khó chịu).

[182] *AA*. II. 378: *Saṃvegamāpādīti sotāpanno jāto* ("Trạng thái chấn động mạnh" tức chỉ cho trạng thái khi vị ấy trở thành bậc Dự Lưu).

Khi nghe nói như vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thối nát là gì, mùi hôi thối là gì, các loài ruồi lằng là gì?

– Này các Tỷ-kheo, tham cầu là thối nát, sân là mùi hôi thối, các suy tầm ác, bất thiện là ruồi lằng. Này các Tỷ-kheo, ai làm cho các tự ngã thối nát, đầy ứ, thoát ra mùi hôi thối, rồi mong rằng: "Các loài ruồi lằng sẽ không bu đậu, sẽ không chiếm cứ", sự kiện như vậy không xảy ra.

Tai mắt không gìn giữ,
Các căn không phòng hộ,
Ruồi lằng sẽ bu đậu,
Các tư duy tham ái.
Tỷ-kheo làm thối nát,
Đầy ứ những mùi hôi,
Xa thay là Niết-bàn!
Chịu phần về bất hạnh.
Tại làng hay trong rừng,
Tự ngã không an tịnh,
Kẻ ngu và không trí,
Đi đứng đầy ruồi lằng.
Ai đầy đủ giới luật,
Thích tịch tịnh trí tuệ,
Sống an tịnh hạnh phúc,
Mọi ruồi lằng trừ diệt.

VII. KINH ANURUDDHA THỨ NHẤT
(*Paṭhamaanuruddhasutta*)[183] (*A.* I. 281)

130. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, con thấy phần lớn các nữ nhân, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do đầy đủ với bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, các nữ nhân, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?

– Do đầy đủ ba pháp, này Anuruddha, các nữ nhân, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là ba?

Ở đây, này Anuruddha, các nữ nhân vào buổi sáng, sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của xan lẫn; vào buổi trưa, sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của tật đố; vào buổi chiều, sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của dục tham. Do đầy đủ với ba pháp này, này Anuruddha, các nữ nhân, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

[183] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.22.9. 0608c03).

VIII. KINH ANURUDDHA THỨ HAI (*Dutiyaanuruddhasutta*) (*A*. I. 281)

131. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha nói với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Tôn giả Sāriputta, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, tôi có thể nhìn một ngàn thế giới. Phấn chấn là tinh tấn của tôi, không có thụ động; niệm được an trú, không có thất niệm; tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh nhất tâm. Tuy vậy, tâm của tôi chưa được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có không chấp thủ.

– Này Hiền giả Anuruddha, Hiền giả suy nghĩ như sau: "Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, tôi có thể nhìn một ngàn thế giới", đây là kiêu mạn của Hiền giả. Này Hiền giả Anuruddha, nếu Hiền giả suy nghĩ như sau: "Phấn chấn là tinh tấn của tôi, không có thụ động; niệm được an trú, không có thất niệm; tâm được khinh an, không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh nhất tâm", đây là trạo cử của Hiền giả. Này Hiền giả Anuruddha, Hiền giả suy nghĩ như sau: "Tuy vậy, tâm của tôi chưa được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có không chấp thủ", đây là hối quá của Hiền giả. Lành thay, nếu Tôn giả Anuruddha đoạn trừ ba pháp này, không tác ý ba pháp này, hãy chú tâm vào giới bất tử!

Rồi Tôn giả Anuruddha, sau một thời gian, sau khi đoạn trừ ba pháp này, sau khi không tác ý ba pháp này, chú tâm vào giới bất tử. Rồi Tôn giả Anuruddha sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu đạt được mục đích mà một thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, sau khi chứng ngộ, chứng đạt, vị ấy an trú. Vị ấy chứng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Tôn giả Anuruddha trở thành một vị A-la-hán nữa.

IX. KINH CHE GIẤU (*Paṭicchannasutta*)[184] (*A*. I. 282)

132. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Thế nào là ba?

Sở hành của nữ nhân, này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Chú thuật (*mantā*) của các Bà-la-môn, này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Tà kiến, này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Vành tròn của mặt trăng, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Vành tròn của mặt trời, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ,

[184] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.22.4. 0607b26).

không có che giấu. Pháp và Luật được Thế Tôn tuyên thuyết, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu. Ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.

X. KINH KHẮC CHỮ (*Lekhasutta*)[185] (*A.* I. 283)

133. Này các Tỷ-kheo, ba hạng người này có mặt, xuất hiện ở đời. Thế nào là ba? Hạng người như chữ viết trên đá, hạng người như chữ viết trên đất, hạng người như chữ viết trên nước.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chữ viết trên đá?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người luôn luôn phẫn nộ và phẫn nộ của người này tiếp tục lâu dài. Này các Tỷ-kheo, ví như chữ viết trên đá không bị gió hay nước tẩy xóa mau chóng, được tồn tại lâu dài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người luôn luôn phẫn nộ và phẫn nộ của người này tiếp tục lâu dài. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người như chữ được viết trên đá.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chữ viết trên đất?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người luôn luôn phẫn nộ và phẫn nộ của người này không có tiếp tục lâu dài. Này các Tỷ-kheo, ví như chữ viết trên đất bị gió hay nước tẩy xóa mau chóng, không có tồn tại lâu dài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người luôn luôn phẫn nộ và phẫn nộ của người này không có tiếp tục lâu dài. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người như chữ được viết trên đất.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người như chữ viết trên nước?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người dầu có bị nói một cách kịch liệt, dầu có bị nói một cách ác độc, dầu có bị nói một cách thô lỗ, tuy vậy vẫn dễ dàng hòa hợp, thân thiện và hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, ví như chữ viết trên nước được mau chóng biến mất, không có tồn tại lâu dài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có người dầu có bị nói một cách kịch liệt, dầu có bị nói một cách ác độc, dầu có bị nói một cách thô lỗ, tuy vậy vẫn dễ dàng hòa hợp, thân thiện và hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là hạng người như chữ được viết trên nước.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, xuất hiện ở đời.

[185] Xem *Pug*. 32. Bản tiếng Anh của PTS: *Carved on Rock, Earth and Water*, nghĩa là *Chữ viết trên đá, trên đất và trên nước*.

XIV. PHẨM NGƯỜI CHIẾN SĨ (*YODHĀJĪVAVAGGA*)

I. KINH NGƯỜI CHIẾN SĨ (*Yodhājīvasutta*) (*A*. I. 284)

134. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ ba đức tánh, một người chiến sĩ xứng đáng cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng[186] và đâm thủng (*padāletā*) được vật to lớn. Đầy đủ ba đức tánh này, này các Tỷ-kheo, một người chiến sĩ xứng đáng cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng[187] của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đầy đủ ba đức tánh, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng và đâm thủng được vật to lớn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn xa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả sắc ấy, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm có cảm thọ gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả cảm thọ ấy, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm có tưởng gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả tưởng ấy, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm có các hành gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả các hành ấy, vị ấy

---

[186] *AA*. II. 380: *Akkhaṇavedhīti avirādhitavedhī, akkhaṇaṃ vā vijju vijjantarikāya vijjhituṃ samatthoti attho* ("Người bắn [cung] nhanh như chớp" nghĩa là bắn không trật, nhanh như tia chớp, cũng có nghĩa là bắn trong khoảng thời gian tia chớp xuất hiện rồi tắt ngấm). Xem *SA*. I. 181.

[187] *AA*. II. 380: *Aṅganteva saṅkhyaṃ gacchatīti hattho viya pādo viya ca avassaṃ icchitabbattā aṅganti saṅkhyaṃ gacchati* ("Thuộc sở hữu [của vua], là biểu tượng [của vua]" nghĩa là mong muốn vững chắc như tay chân, trở thành sở hữu, là biểu tượng).

thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.”

Phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; hoặc nội hay ngoại; hoặc thô hay tế; hoặc liệt hay thắng; hoặc xa hay gần, tất cả các thức ấy, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.”

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật tuệ tri: “Đây là khổ”, như thật tuệ tri: “Đây là khổ tập”; như thật tuệ tri: “Đây là khổ diệt”; như thật tuệ tri: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đâm thủng vô minh uẩn to lớn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn. Đầy đủ ba đức tánh này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

II. KINH HỘI CHÚNG (*Parisāsutta*) (*A*. I. 285)

135. Này các Tỷ-kheo, có ba hội chúng này. Thế nào là ba? Hội chúng điêu luyện về khoa trương, hội chúng điêu luyện về chất vấn, hội chúng điêu luyện về tùy theo sở thích.[188]

Này các Tỷ-kheo, có ba hội chúng này.

III. KINH NGƯỜI BẠN (*Mittasutta*) (*A*. I. 286)

136. Này các Tỷ-kheo, có đầy đủ ba đức tánh, một người bạn cần được thân cận. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cho điều khó cho, làm điều khó làm, nhẫn điều khó nhẫn. Này các Tỷ-kheo, đầy đủ ba đức tánh này, một người bạn cần được thân cận.

IV. KINH XUẤT HIỆN (*Uppādāsutta*) (*A*. I. 286)

137. Này các Tỷ-kheo, dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn được an trú là pháp trú tánh của giới ấy,[189] là pháp quyết định tánh,[190] tức là: “Tất cả các hành là vô thường.” Vấn đề này, Như Lai chánh giác tri, chánh giác

---

[188] *AA*. II. 381: ‘*Yāvatāvinītāti*’ *pamāṇavasena vinītā, pamāṇaṃ ñatvā vinītaparisāti attho.* (‘*Yāvatajjhā*’ *ti pāḷiyā pana yāva ajjhāsayāti attho, ajjhāsayaṃ ñatvā vinītaparisāti vuttaṃ hoti.* ‘*Yāvatāvinītā*’ trong nghĩa ‘điêu luyện về so sánh’ nghĩa là hội chúng điêu luyện, biết về so sánh, đo đếm, tiêu chuẩn; ‘*Yāvatajjhā*’ trong nghĩa ‘sở thích’, nghĩa là muốn cho đến phạm vi bao xa, [họ] biết ý muốn ấy; được gọi là hội chúng điêu luyện về tùy theo sở thích).

[189] *AA*. II. 381: *Dhammaṭṭhitatā* (pháp trú tánh) = *Sabhāvaṭṭhitatā* (pháp trú tính chất).

[190] *AA*. II. 381: *Dhammaniyāmatā* (pháp quyết định tánh) = *Sabhāvaniyāmatā* (pháp quyết định tính chất). *S*. II. 25, có thêm *idappaccayatā*, sự liên hệ cái này đến cái kia.

ngộ; sau khi chánh giác tri, chánh giác ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị: "Tất cả các hành là vô thường."

Này các Tỷ-kheo, dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn được an trú là pháp trú tánh của giới ấy, là pháp quyết định tánh, tức là: "Tất cả các hành là khổ." Về vấn đề này, Như Lai chánh giác tri, chánh giác ngộ; sau khi chánh giác tri, chánh giác ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị: "Tất cả các hành là khổ."

Này các Tỷ-kheo, dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn được an trú là pháp trú tánh của giới ấy, là pháp quyết định tánh, tức là: "Tất cả các pháp là vô ngã." Về vấn đề này, Như Lai chánh giác tri, chánh giác ngộ; sau khi chánh giác tri, chánh giác ngộ, Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị: "Tất cả các pháp là vô ngã."

V. KINH MỀN BẰNG TÓC (*Kesakambalasutta*) (*A*. I. 286)

138. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tất cả loại vải được dệt, mền được dệt bằng tóc được xem là hạ liệt nhất.[191] Mền được dệt bằng tóc, này các Tỷ-kheo, khi trời lạnh thì lạnh, khi trời nóng thì nóng, xấu xí, có mùi hôi, xúc chạm khó chịu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong các chủ thuyết của các Sa-môn ngoại đạo tuyên bố, chủ thuyết của Makkhali được xem là hèn hạ nhất. Này các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si có thuyết như sau, có kiến như sau: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn."

Này các Tỷ-kheo, trong thời quá khứ, những ai là các vị A-la-hán, các vị Chánh Đẳng Giác, các bậc Thế Tôn, các vị ấy đều chủ trương có nghiệp, đều chủ trương có nghiệp quả, đều chủ trương có tinh tấn. Nhưng này các Tỷ-kheo, chỉ có Makkhali, kẻ ngu si nói phản lại tất cả: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn."

Này các Tỷ-kheo, trong thời vị lai, những ai là các vị A-la-hán, các vị Chánh Đẳng Giác, các bậc Thế Tôn, các vị ấy đều chủ trương có nghiệp, đều chủ trương có nghiệp quả, đều chủ trương có tinh tấn. Nhưng này các Tỷ-kheo, chỉ có Makkhali, kẻ ngu si nói phản lại tất cả: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn."

Còn Ta, này các Tỷ-kheo, nay là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác cũng chủ trương có nghiệp, chủ trương có nghiệp quả, chủ trương có tinh tấn. Nhưng này các Tỷ-kheo, chỉ có Makkhali, kẻ ngu si nói phản lại tất cả: "Không có nghiệp, không có nghiệp quả, không có tinh tấn."

Ví như, này các Tỷ-kheo, tại cửa sông, có người đặt một cái sập bẫy cá,[192] đem đến bất hạnh, đau khổ, tổn hại, nguy hại cho các loại cá. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Makkhali, kẻ ngu si xuất hiện ở đời như cái bẫy sập người, đem lại bất hạnh, đau khổ, tổn hại, nguy hại cho nhiều loài hữu tình.

---

[191] *AA*. II. 381: *Paṭikiṭṭhoti pacchimako lāmako* ("Hèn hạ nhất" nghĩa là thấp kém, tệ nhất).

[192] *AA*. II. 381: *Khippaṃ uḍḍeyyāti kuminaṃ oḍḍeyya* ("Đặt sập bẫy cá" nghĩa là đặt lưới cá hoặc cái giỏ hình phễu). Xem *KS*. I. 101.

VI. KINH THÀNH TỰU (*Sampadāsutta*)[193] (*A*. I. 287)

139. Này các Tỷ-kheo, có ba sự thành tựu này. Thế nào là ba? Thành tựu về tín, thành tựu về giới, thành tựu về tuệ.

Này các Tỷ-kheo, các pháp này là ba sự thành tựu.

VII. KINH TĂNG TRƯỞNG (*Vuddhisutta*) (*A*. I. 287)

140. Này các Tỷ-kheo, có ba sự tăng trưởng. Thế nào là ba? Tăng trưởng về tín, tăng trưởng về giới, tăng trưởng về tuệ.

Này các Tỷ-kheo, ba pháp này là ba sự tăng trưởng.

VIII. KINH NGỰA CHƯA ĐƯỢC ĐIỀU PHỤC (*Assakhaḷuṅkasutta*)[194] (*A*. I. 287)

141. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về ba loại ngựa chưa được điều phục và Ta sẽ giảng về ba hạng người chưa được điều phục. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại ngựa chưa được điều phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.[195] Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa chưa được điều phục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người chưa được điều phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người chưa được điều phục.

Thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ"; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp (*Abhidhamma*), Thắng luật (*Abhivinaya*), vị ấy lại ngập ngừng không có trả lời; ở đây Ta nói trong nghĩa không có sắc

---

[193] Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh 139 và 140 được trình bày trong một kinh với tên: *Attainment*, nghĩa là *Thành tựu*.

[194] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.917. 0232b24); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.143. 0428b04).

[195] *AA*. II. 381: *Idamassa ārohapariṇāhasminti ayamassa uccabhāvo parimaṇḍalabhāvoti vadāmīti* ("Đây [Ta nói] nghĩa cân đối" nghĩa là [Ta nói] chiều cao và vòng tròn của thân).

đẹp. Vị ấy không có nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chưa có điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ"; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lời không có ngập ngừng; ở đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Nhưng vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chưa có điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ"; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lời không có ngập ngừng; ở đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Vị ấy có nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chưa có điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người chưa được điều phục.

IX. KINH NGỰA ĐƯỢC ĐIỀU PHỤC (*Assaparassasutta*)[196] (*A*. I. 289)

142. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về ba loại ngựa được điều phục và Ta sẽ giảng về ba hạng người được điều phục. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại ngựa được điều phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa được điều phục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người được điều phục?

---

[196] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.918. 0232c29); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.144. 0428c16).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Ba loại này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người được điều phục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy ngập ngừng không có trả lời; ở đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy trả lời không có ngập ngừng; ở đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Nhưng vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy trả lời không có ngập ngừng; ở đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Vị ấy nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người được điều phục.

X. KINH CÁC LOẠI NGỰA THUẦN THỤC (*Assājānīyasutta*)[197] (*A*. I. 290)

143. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng về ba loại ngựa hiền thiện,[198]

---

[197] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.919. 0233b13); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.145. 0429a09).

[198] *Bhadde*. *AA*. II. 381: *Bhadra* = *Bhaddaka* (hiền thiện, tốt lành).

thuần thục;[199] ba hạng người hiền thiện, thuần thục. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại ngựa hiền thiện, thuần thục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Những loại này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa hiền thiện, thuần thục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người hiền thiện, thuần thục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người hiền thiện, thuần thục.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy ngập ngừng không trả lời; ở đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lời không có ngập ngừng; ở đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Nhưng vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, có sắc đẹp, nhưng không có cân đối.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thục có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong

---

[199] *AA*. II. 381: *Assājānīyeti kāraṇākāraṇaṃ jānanake asse* ("Ngựa thuần thục" nghĩa là ngựa biết điều gì nên làm, điều gì không nên làm).

hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy trả lời không ngập ngừng; ở đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Vị ấy nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây Ta nói trong nghĩa có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện, thuần thục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người hiền thiện, thuần thục.

XI. KINH MORANNIVĀPA THỨ NHẤT
(*Paṭhamamoranivāpasutta*) (*A*. I. 291)

144. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại Moranivāpa (chỗ nuôi dưỡng các con công). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đạt đến tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Với vô học giới uẩn, với vô học định uẩn, với vô học tuệ uẩn, đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.

XII. KINH MORANNIVĀPA THỨ HAI
(*Dutiyamoranivāpasutta*) (*A*. I. 291)

145. Đầy đủ với ba pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba?

Với Biến hóa thần thông, với Ký thuyết thần thông, với Giáo hóa thần thông, đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.

XIII. KINH MORANNIVĀPA THỨ BA
(*Tatiyamoranivāpasutta*) (*A*. I. 292)

146. Đầy đủ với ba pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba?

Với chánh tri kiến, với chánh trí, với chánh giải thoát, đầy đủ với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo là tột cùng tối hảo, tột cùng an ổn khỏi các khổ ách, tột cùng Phạm hạnh, tột cùng cứu cánh, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.

XV. PHẨM CÁT TƯỜNG (*MAṄGALAVAGGA*)

I. KINH KHÔNG THIỆN (*Akusalasutta*) (*A.* I. 292)

147. Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là ba? Với thân làm không thiện, với lời nói không thiện, với ý nghĩ không thiện, đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là ba? Với thân làm thiện, với lời nói thiện, với ý nghĩ thiện, đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

II. KINH CÓ PHẠM TỘI (*Sāvajjasutta*) (*A.* I. 292)

148. Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là ba? Với thân làm có tội, với lời nói có tội, với ý nghĩ có tội, đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là ba? Với thân làm không có tội, với lời nói không có tội, với ý nghĩ không có tội, đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

III. KINH KHÔNG THĂNG BẰNG (*Visamasutta*) (*A.* I. 293)

149. (Như kinh trên, chỉ thay thế "không thăng bằng" và "thăng bằng").

IV. KINH BẤT TỊNH (*Asucisutta*) (*A.* I. 293)

150. (Như kinh trên, chỉ thay thế "bất tịnh" và "tịnh").

V. KINH MẤT GỐC THỨ NHẤT (*Paṭhamakhatasutta*) (*A.* I. 293)

151. Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, có phạm tội, bị người trí quở trách, làm nhiều điều vô phước. Thế nào là ba? Với thân làm không thiện, với lời nói không thiện, với ý nghĩ không thiện, đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, có phạm tội, bị người trí quở trách, làm nhiều điều vô phước.

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không

có phạm tội, không bị người trí quở trách, làm nhiều điều phước lành. Thế nào là ba? Với thân làm thiện, với lời nói thiện, với ý nghĩ thiện, đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không có phạm tội, không bị người trí quở trách, làm nhiều điều phước lành.

VI. KINH MẤT GỐC THỨ HAI (*Dutiyakhatasutta*) (*A*. I. 293)

152. (Như kinh trên, chỉ thay thế "có phạm tội, không phạm tội").

VII. KINH MẤT GỐC THỨ BA (*Tatiyakhatasutta*) (*A*. I. 293)

153. (Như kinh trên, chỉ thay thế "có thăng bằng, không thăng bằng").

VIII. KINH MẤT GỐC THỨ TƯ (*Catutthakhatasutta*) (*A*. I. 294)

154. (Như kinh trên, chỉ thay thế "bất tịnh" và "tịnh").

IX. KINH KÍNH LỄ (*Vandanāsutta*) (*A*. I. 294)

155. Này các Tỷ-kheo, có ba loại kính lễ này. Thế nào là ba? Với thân, với lời nói, với ý, các pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba loại kính lễ.

X. KINH BUỔI SÁNG (*Pubbaṇhasutta*)[200] (*A*. I. 294)

156. Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi sáng, thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi sáng tốt đẹp. Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi trưa, thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi trưa tốt đẹp. Các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, thân làm việc thiện, miệng nói lời thiện, ý nghĩ điều thiện, các loài hữu tình ấy, này các Tỷ-kheo, có một buổi chiều tốt đẹp.

Vầng sao lành, điềm lành,
Rạng đông lành, dậy lành,
Sát-na lành, thời lành.
Cúng dường bậc Phạm hạnh,
Thân nghiệp chánh,[201] lời chánh,
Ý nghiệp chánh, nguyện chánh,
Làm các điều chơn chánh,
Thì được lợi an lạc,
Lớn mạnh trong giáo pháp,
Hãy không bệnh, an lạc,
Cùng tất cả bà con.

[200] Bản tiếng Anh của PTS: *Happy*, nghĩa là *Hạnh phúc*.

[201] *Padakkhinā*. Đi vòng phía tay mặt xung quanh bậc đáng cung kính.

XVI. PHẨM LÕA THỂ
(*ACELAKAVAGGA*) (*A*. I. 295)

157-163. Này các Tỷ-kheo, có ba đạo lộ này. Thế nào là ba? Thâm cố đạo lộ, kịch khổ đạo lộ, trung đạo lộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thâm cố đạo lộ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người nói như sau, thấy như sau: "Không có tội lớn trong các dục vọng" và rơi vào say đắm trong các dục vọng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thâm cố đạo lộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kịch khổ đạo lộ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sống lõa thể, sống phóng túng, không theo lễ nghi,[202] liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, đi khất thực không chịu đứng lại, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn đặc biệt nấu cho mình, không nhận mời đi ăn, không nhận đồ ăn từ nơi nồi chảo, không nhận đồ ăn từ ngưỡng cửa, không nhận đồ ăn đặt giữa những cây gậy, không nhận đồ ăn đặt giữa những cối giã gạo, không nhận đồ ăn từ hai người đang ăn, không nhận đồ ăn từ người đàn bà có thai, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận đồ ăn từ người đàn bà đang giao cấu, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận đồ ăn tại chỗ có chó đứng, không nhận đồ ăn từ chỗ có ruồi bu, không ăn cá thịt, không uống rượu nấu rượu men, cho đến không uống cháo. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà, chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà, chỉ nhận ăn hai miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà, chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát (*datti*), nuôi sống chỉ với hai bát, nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa, bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng chỉ ăn một lần. Vị ấy ăn rau, ăn cây kê, ăn gạo sống, ăn gạo rừng (*daddula*), ăn cây lau (*haṭa*), ăn bột gạo (*kaṇha*), ăn bột gạo cháy (*ācāma*), ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Vị ấy mang vải gai thô, mặc vải gai thô đan xen với các vải khác, mặc vải tẫn liệm quăng đi, mặc vải lượm từ đống rác, dùng vỏ cây tirīṭaka làm áo, mặc áo da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo vải từ cỏ kusa bện lại, mặc áo bằng vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người theo tập tục sống nhổ râu tóc, là

[202] *Muttācāra*. Xem *A*. III. 206; *D*. I. 166; *M*. I. 77.

người theo hạnh thường đứng, không dùng chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường ngủ nằm trên giường gai, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm để gột sạch tội lỗi. Như vậy, dưới nhiều hình thức, vị ấy sống thực hành các hạnh hành hạ, hành khổ thân thể. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kịch khổ đạo lộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là trung đạo lộ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là trung đạo lộ.

Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, là ba đạo lộ.

– Này các Tỷ-kheo, có ba đạo lộ này. Thế nào là ba? Thâm cố đạo lộ, kịch khổ đạo lộ, trung đạo lộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thâm cố đạo lộ? (Như trên).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kịch khổ đạo lộ? (Như trên).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là trung đạo lộ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Vị ấy tu tập Thần túc thông câu hữu với dục định tinh cần hành, tu tập Thần túc thông câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành, tu tập Thần túc thông câu hữu với tâm định tinh cần hành, tu tập Thần túc thông câu hữu với tư duy định tinh cần hành. Vị ấy tu tập tín căn, tu tập tấn căn, tu tập niệm căn, tu tập định căn, tu tập tuệ căn. Vị ấy tu tập tín lực, tu tập tấn lực, tu tập niệm lực, tu tập định lực, tu tập tuệ lực. Vị ấy tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi. Vị ấy tu tập chánh tri kiến, tu tập chánh tư duy, tu tập chánh ngữ, tu tập chánh nghiệp, tu tập chánh mạng, tu tập chánh tinh tấn, tu tập chánh niệm, tu tập chánh định.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là trung đạo lộ.

XVII. PHẨM HÀNH NGHIỆP LƯỢC THUYẾT (*KAMMAPATHAPEYYĀLA*)

164-183. SÁT SANH (*A*. I. 297)

Đầy đủ ba pháp, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy bị rơi vào địa ngục. Thế nào là ba? Tự mình sát sanh, khích lệ người khác sát sanh, tùy hỷ sự sát sanh. Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy bị rơi vào địa ngục.

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy được sanh lên thiên giới. Thế nào là ba? Tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh, tùy hỷ sự từ bỏ sát sanh. Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy được sanh lên thiên giới.

LẤY CỦA KHÔNG CHO (*A*. I. 297)

Tự mình lấy của không cho, khích lệ người khác lấy của không cho, và tùy hỷ sự lấy của không cho…

Tự mình từ bỏ lấy của không cho, khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho, và tùy hỷ sự từ bỏ lấy của không cho…

TÀ HẠNH TRONG CÁC DỤC (*A*. I. 297)

Tự mình tà hạnh trong các dục, khích lệ người khác tà hạnh trong các dục, và tùy hỷ tà hạnh trong các dục…

Tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục, và tùy hỷ từ bỏ tà hạnh trong các dục…

NÓI LÁO (*A*. I. 298)

Tự mình nói láo , khích lệ người khác nói láo, và tùy hỷ nói láo…

Tự mình từ bỏ nói láo, khích lệ người khác từ bỏ nói láo, và tùy hỷ sự từ bỏ nói láo…

NÓI HAI LƯỠI (*A*. I. 298)

Tự mình nói hai lưỡi, khích lệ người khác nói hai lưỡi, và tùy hỷ nói hai lưỡi…

Tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, khích lệ người khác từ bỏ nói hai lưỡi, và tùy hỷ sự từ bỏ nói hai lưỡi…

NÓI LỜI THÔ ÁC (*A*. I. 298)

Tự mình nói hai lưỡi, khích lệ người khác nói hai lưỡi, và tùy hỷ nói lời thô ác…

Tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, khích lệ người khác từ bỏ nói hai lưỡi, và tùy hỷ sự từ bỏ nói lời thô ác…

NÓI LỜI PHÙ PHIẾM (*A*. I. 298)

Tự mình nói lời phù phiếm, khích lệ người khác nói lời phù phiếm, và tùy hỷ nói lời phù phiếm…

Tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm, khích lệ người khác từ bỏ nói lời phù phiếm, và tùy hỷ sự từ bỏ nói lời phù phiếm…

THAM (*A*. I. 298)

Tự mình tham, khích lệ người khác tham, và tùy hỷ tham…

Tự mình từ bỏ tham, khích lệ người khác từ bỏ tham, và tùy hỷ sự từ bỏ tham…

SÂN (*A*. I. 298)

Tự mình sân, khích lệ người khác sân, và tùy hỷ sân …

Tự mình từ bỏ sân, khích lệ người khác từ bỏ sân, và tùy hỷ sự từ bỏ sân…

TÀ KIẾN (*A*. I. 298)

Tự mình tà kiến, khích lệ người khác tà kiến, và tùy hỷ tà kiến…

Tự mình từ bỏ tà kiến, khích lệ người khác từ bỏ tà kiến, và tùy hỷ sự từ bỏ tà kiến…



XVIII. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (*RĀGAPEYYĀLA*)[203] (*A*. I. 299)

184. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba? Không định, vô tướng định, vô nguyện định. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

Này các Tỷ-kheo, để biến tri... biến diệt... đoạn tận... diệt tận... trừ diệt... ly tham... đoạn diệt... trừ khử... từ bỏ tham, ba pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải tu tập.

Này các Tỷ-kheo, để biến tri... biến diệt... đoạn tận... diệt tận... trừ diệt... ly tham... đoạn diệt... trừ khử... từ bỏ sân... từ bỏ si... từ bỏ phẫn nộ... từ bỏ hận... từ bỏ giả dối... từ bỏ não hại... từ bỏ tật đố... từ bỏ xan lẫn... từ bỏ man trá... từ bỏ phản bội... từ bỏ ngoan cố... từ bỏ bồng bột nông nổi... từ bỏ mạn... từ bỏ tăng thượng mạn... từ bỏ kiêu... từ bỏ phóng dật, ba pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải tu tập.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



[203] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.24.10. 0630b02).

CHƯƠNG IV
BỐN PHÁP (*CATUKKANIPĀTA*)

I. PHẨM BHAṆḌAGĀMA
(*BHAṆḌAGĀMAVAGGA*)

I. KINH GIÁC NGỘ (*Anubuddhasutta*)[1] (*A*. II. 1)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Vajjī, tại làng Bhaṇḍa. Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, không thể nhập bốn pháp, như vậy phải chạy dài, luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các ông! Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, không thể nhập Thánh giới, như vậy phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các ông. Này các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, không thể nhập Thánh định... Thánh tuệ... Thánh giải thoát, như vậy phải chạy dài, phải luân chuyển trong một thời gian dài, đối với Ta và đối với các ông.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Thánh giới này được giác ngộ, được thể nhập; Thánh định được giác ngộ, được thể nhập; Thánh tuệ được giác ngộ, được thể nhập; Thánh giải thoát được giác ngộ, được thể nhập; hữu ái được chặt đứt, dây cột của hữu[2] được đoạn tận, nay không còn tái sanh.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ sau khi nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Giới, thiền định, trí tuệ,
Với giải thoát vô thượng,
Gotama danh xưng,
Giác ngộ những pháp này.

---

[1] Tham khảo: *A*. II. 68; *GS*. II. 77 (kinh 62 ở sau); *D*. 16, *Mahāparinibbāna Sutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*).

[2] *Bhavanetti* là dây cột trói (*rajju*), cũng như dây cột cổ trâu bò để dắt dẫn đi. Xem *D*. II. 90, phần *Koṭigāma*, chính là sự thể nhập Bốn sự thật đưa đến kết quả này.

Đức Phật thắng tri chúng,
Thuyết pháp cho Tỷ-kheo,
Đạo Sư đoạn tận khổ,
Bậc Tuệ Nhãn tịch tịnh.

II. KINH RỜI KHỎI (*Papatitasutta*) (*A*. II. 2)

2. Người không thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, được gọi là bị rời khỏi Pháp, Luật này. Thế nào là bốn?

Không thành tựu Thánh giới, này các Tỷ-kheo, được gọi là bị rời khỏi Pháp, Luật này; không thành tựu Thánh thiền định, này các Tỷ-kheo, được gọi là bị rời khỏi Pháp, Luật này; không thành tựu Thánh trí tuệ, này các Tỷ-kheo, được gọi là bị rời khỏi Pháp, Luật này; không thành tựu Thánh giải thoát, này các Tỷ-kheo, được gọi là bị rời khỏi Pháp, Luật này.

Không thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là bị rời khỏi Pháp, Luật này.

Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, được gọi là không rời khỏi Pháp, Luật này. Thế nào là bốn?

Thành tựu Thánh giới, này các Tỷ-kheo, được gọi là không rời khỏi Pháp, Luật này; thành tựu Thánh định, này các Tỷ-kheo, được gọi là không rời khỏi Pháp, Luật này; thành tựu Thánh trí tuệ, này các Tỷ-kheo, được gọi là không rời khỏi Pháp, Luật này; thành tựu Thánh giải thoát, này các Tỷ-kheo, được gọi là không rời khỏi Pháp, Luật này.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, được gọi là không rời khỏi Pháp, Luật này.

Sau khi chết họ rơi,
Bị rơi, họ tham ái,
Do vậy họ trở lại,
Một lần nữa tái sanh.
Đã làm việc phải làm,
Đã thích việc đáng thích,
Người ấy được an lạc,
Do an lạc đưa đến.

III. KINH MẤT GỐC THỨ NHẤT (*Paṭhamakhatasutta*)[3] (*A*. II. 2)

3. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân,[4] tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước. Thế nào là bốn? Không có suy xét, không có cứu xét, tán thán người không đáng được tán thán; không có suy xét, không có cứu xét, không tán thán người đáng được tán

[3] Xem *S*. I. 10, 149; *Sn*. 127.

[4] *Asappurisa* = *Anariya*. Xem *A*. II. 32 (kinh 31 ở sau).

thán; không có suy xét, không có cứu xét, tỏ bày sự tín nhiệm tại những chỗ không đáng được tín nhiệm; không có suy xét, không có cứu xét, tỏ bày sự bất tín nhiệm tại những chỗ đáng được tín nhiệm.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị kẻ trí quở trách, và tạo nên nhiều điều phước đức. Thế nào là bốn?

Sau khi suy xét, sau khi cứu xét, không tán thán những người không đáng được tán thán; sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tán thán những người đáng được tán thán; sau khi suy xét, sau khi cứu xét, không tỏ bày sự tín nhiệm tại những chỗ không đáng được tín nhiệm; sau khi suy xét, sau khi cứu xét, tỏ bày sự tín nhiệm tại những chỗ đáng được tín nhiệm.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều phước đức.

Ai khen người đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Kẻ ấy với miệng lưỡi,
Chứa chấp điều bất hạnh.
Do vì bất hạnh ấy,
Không tìm được an lạc.
Nhỏ nhen không đáng kể,
Là loại bất hạnh này,
Bất hạnh do cờ bạc,
Phá hoại các tài sản.
Lớn hơn, lớn hơn nhiều,
Là loại bất hạnh này,
Cho tất cả mọi người,
Và cả với riêng mình.
Những ai với ác ý,
Đối với bậc Thiện Thệ,
Trải qua một trăm ngàn,
Thời Nirabbuda,[5]
Và cộng ba mươi sáu,
Với năm Abbuda,[6]

[5] Nirabbuda: Một con số rất lớn, gấp 20 lần Abbuda; đồng thời là tên của một địa ngục.
[6] Abbuda: Một con số rất lớn, chỉ cho thời gian dài chịu đau khổ trong địa ngục.

Bị sanh vào địa ngục,
Trong suốt thời gian ấy,
Nếu mắng nhiếc bậc Thánh,
Với lời, ý, nguyện ác.[7]

IV. KINH MẤT GỐC THỨ HAI (*Dutiyakhatasutta*) (*A*. II. 4)

4. Do tà hạnh trong bốn sự, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách, và tạo nhiều điều vô phước. Thế nào là tà hạnh trong bốn sự?

Tà hạnh đối với mẹ, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

Tà hạnh đối với cha, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

Tà hạnh đối với Như Lai, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

Tà hạnh đối với đệ tử của Như Lai, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

Tà hạnh trong bốn sự này, này các Tỷ-kheo, là kẻ ngu, không thông minh, không phải bậc chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, bị thương tích, phạm tội, bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều vô phước.

Chánh hạnh trong bốn sự này, này các Tỷ-kheo, là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nên nhiều điều phước đức. Thế nào là chánh hạnh trong bốn sự?

Chánh hạnh đối với mẹ, này các Tỷ-kheo, là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nhiều phước đức.

Chánh hạnh đối với cha, này các Tỷ-kheo, là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nhiều phước đức.

Chánh hạnh đối với Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nhiều phước đức.

---

[7] Xem *A*. V. 171; *S*. I. 149; *Sn*. 123; *Netti*. 132.

Chánh hạnh đối với đệ tử Như Lai, này các Tỷ-kheo, là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nhiều phước đức.

Chánh hạnh trong bốn sự này, này các Tỷ-kheo, là bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, không bị thương tích, không phạm tội, không bị người trí quở trách, và tạo nhiều phước đức.

Ai hành xử tà vạy,
Đối với mẹ và cha,
Với Như Lai Chánh Giác,
Hay với đệ tử Ngài,
Người xử sự như vậy,
Tạo nhiều điều vô phước.
Những ai có ác hạnh,
Đối với mẹ và cha,
Đời này bậc trí trách,
Đời sau sanh đọa xứ.
Ai hành xử chơn chánh,
Đối với mẹ và cha,
Với Như Lai Chánh Giác,
Hay với đệ tử Ngài,
Người xử sự như vậy,
Tạo nhiều điều phước đức.
Những ai có chánh hạnh,
Đối với mẹ và cha,
Đời này bậc trí khen,
Đời sau hưởng thiên giới.

V. KINH THUẬN DÒNG (*Anusotasutta*) (*A*. II. 5)

5. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người đi thuận dòng, hạng người đi nghịch dòng, hạng người tự đứng lại và vị Bà-la-môn đã vượt qua đến bờ bên kia, đứng trên đất liền.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đi thuận dòng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thọ hưởng các dục và làm các nghiệp ác. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người đi thuận dòng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đi ngược dòng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không thọ hưởng các dục; không làm ác nghiệp; với khổ, với ưu, nước mắt đầy mặt, khóc than, sống Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người đi ngược dòng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người tự đứng lại? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người do diệt tận năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đây

nhập Niết-bàn, không còn trở lại đời này nữa. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người tự đứng lại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Bà-la-môn[8] đã vượt qua đến bên bờ kia, đứng trên đất liền? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người do diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Bà-la-môn đã vượt qua đến bờ bên kia, đứng trên đất liền.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

Những ai sống ở đời,
Không chế ngự các dục,
Không từ bỏ ly tham,
Thọ hưởng các dục vọng,
Họ đi đến sanh già,
Đến rồi lại đến nữa,
Bị khát ái trói buộc,
Họ đi thuận dòng đời.
Do vậy, bậc có trí,
Ở đời trú chánh niệm,
Không thọ hưởng các dục,
Không hành trì điều ác,
Dầu chịu sự khổ đau,
Từ bỏ các dục vọng,
Họ được gọi hạng người,
Đi ngược lại dòng đời.
Những ai quyết đoạn tận,
Năm phiền não kiết sử,
Bậc Hữu học viên mãn,
Không còn bị thối thất,
Đạt được tâm điều phục,
Các căn được định tĩnh,
Vị ấy được gọi là,
Người đã tự đứng lại.[9]
Đối các pháp thắng, liệt,
Vị ấy được giác tri,
Đã được quét quạt sạch,
Các pháp được chấm dứt,
Vị ấy bậc Trí giả,
Phạm hạnh được thành tựu,

---

[8] Xem *S*. I. 47; IV. 174; *Dh*. v. 26, *Brāhmaṇavagga* (phẩm *Bà-la-môn*).

[9] *Chú giải*: Vị ấy là bậc Bất Lai.

Được tên gọi danh xưng,
Bậc Đã Đi Đến Nơi,
Chỗ tận cùng thế giới,
Bậc Đã Đến Bờ Kia.

VI. KINH NGHE ÍT (*Appassutasutta*) (*A*. II. 6)

6. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên; nghe ít, điều đã được nghe có khởi lên; nghe nhiều, điều đã được nghe không khởi lên; nghe nhiều, điều đã được nghe có khởi lên.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được nghe ít về Kinh, Ứng tụng,[10] Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp pháp, Phương quảng. Người ấy, với điều đã được nghe ít ỏi này, không biết nghĩa, không biết pháp, không thực hành pháp, tùy pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người nghe ít, điều đã được nghe có khởi lên? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được nghe ít về Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Người ấy, với điều đã được nghe ít ỏi này, biết nghĩa, biết pháp, thực hành pháp, tùy pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người nghe ít, điều đã được nghe có khởi lên.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người nghe nhiều, điều đã được nghe không khởi lên? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được nghe nhiều về Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Người ấy, với điều đã được nghe nhiều này, không biết nghĩa, không biết pháp, không thực hành pháp, tùy pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người nghe nhiều, điều đã được nghe không khởi lên.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người nghe nhiều, điều đã được nghe được khởi lên? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được nghe nhiều về Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Người ấy, với điều đã được nghe nhiều này, biết nghĩa, biết pháp, thực hành pháp, tùy pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người nghe nhiều, điều đã được nghe có khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

Nếu là người nghe ít,
Không định tĩnh trong giới,
Họ chỉ trích người ấy,
Cả hai, giới và nghe.

---

[10] Xem *A*. II. 103 (kinh 102 ở sau); *A*. II. 177 (kinh 186 ở sau); *M*. I. 133; *Vin*. III. 8; *Pug*. 43.

Nếu là người nghe ít,
Nhưng khéo định trong giới,
Họ khen về giới đức,
Về nghe không đầy đủ.
Nếu là người nghe nhiều,
Không định tĩnh trong giới,
Họ chỉ trích người ấy,
Về nghe được đầy đủ.
Nếu là người nghe nhiều,
Lại khéo định trong giới,
Họ tán thán người ấy,
Cả hai, giới và nghe.
Đệ tử Phật nghe nhiều,
Trì pháp, có trí tuệ,
Như vàng cõi Diêm-phù,
Ai có thể chỉ trích?
Chư thiên khen vị ấy,
Phạm thiên cũng ngợi khen.

VII. KINH CHÓI SÁNG (*Sobhanasutta*)[11] (*A*. II. 8)

7. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, thông minh, được huấn luyện, không sợ hãi, nghe nhiều, trì pháp, thực hành pháp, tùy pháp, chói sáng Tăng chúng. Thế nào là bốn?

Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, thông minh, được huấn luyện, không sợ hãi, nghe nhiều, trì pháp, thực hành pháp, tùy pháp, chói sáng Tăng chúng. Tỷ-kheo-ni, này các Tỷ-kheo... Nam cư sĩ, này các Tỷ-kheo... Nữ cư sĩ, này các Tỷ-kheo, thông minh, được huấn luyện, không sợ hãi, nghe nhiều, trì pháp, thực hành pháp, tùy pháp, chói sáng Tăng chúng.

Ai là người thông minh,
Là người không sợ hãi,
Lại là người nghe nhiều,
Và cũng hành trì pháp,
Đối với Chánh diệu pháp,
Thực hành pháp, tùy pháp,
Người như vậy được gọi,
Vị chói sáng Tăng chúng.
Vị Tỷ-kheo đủ giới,
Tỷ-kheo-ni nghe nhiều,
Bậc cư sĩ tín nam,

---

[11] Bản tiếng Anh của PTS: *Illuminates* (*the Order*), nghĩa là *Chói sáng* (*Tăng chúng*). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.27.7. 0645c18); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.873. 0220c04).

Bậc cư sĩ tín nữ,
Họ chói sáng Tăng chúng,
Là ánh sáng chúng Tăng.

VIII. KINH VÔ SỞ ÚY (*Vesārajjasutta*)[12] (*A*. II. 8)

8. Có bốn vô sở úy của Như Lai, này các Tỷ-kheo, do thành tựu bốn vô sở úy này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng con sư tử trong các hội chúng và chuyển pháp luân. Thế nào là bốn?

"Như Lai tự nhận là Chánh Đẳng Giác, nhưng những pháp này không được Như Lai chánh đẳng giác trong các pháp này", ở đây, nếu có vị Sa-môn, Bà-la-môn, hay Thiên, Ma vương, hay Phạm thiên, hay bất cứ ai ở đời buộc tội Ta đúng pháp như vậy; này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có trường hợp này. Này các Tỷ-kheo, do Ta không thấy có trường hợp này, nên Ta trú, đạt được an ổn, đạt được không run sợ, đạt được không sợ hãi.

"Như Lai tự nhận là Ngài đã đoạn trừ các lậu hoặc, nhưng các lậu hoặc này chưa được đoạn trừ", ở đây, nếu có vị Sa-môn, Bà-la-môn... buộc tội Ta đúng pháp như vậy; này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có trường hợp này. Này các Tỷ-kheo, do Ta không thấy có trường hợp này, nên Ta an trú, đạt được an ổn, đạt được không run sợ, đạt được không sợ hãi.

"Các pháp Như Lai nói là các chướng ngại pháp,[13] nhưng ai có thọ dụng chúng không thấy có chướng ngại gì", ở đây, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn... buộc tội Ta đúng pháp như vậy; này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có trường hợp này. Này các Tỷ-kheo, do Ta không thấy có trường hợp này, nên Ta an trú, đạt được an ổn, đạt được không run sợ, đạt được không sợ hãi.

"Pháp và mục đích mà Như Lai tuyên bố, không được người chơn chánh thực hành đoạn diệt khổ đau", ở đây, nếu có vị Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ ai ở đời buộc tội Ta đúng pháp như vậy; này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có trường hợp này. Này các Tỷ-kheo, do Ta không thấy có trường hợp này, nên Ta an trú, đạt được an ổn, đạt được không run sợ, đạt được không sợ hãi.

Bốn pháp không sợ hãi này của Như Lai, này các Tỷ-kheo, do thành tựu bốn vô sở úy này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng con sư tử trong các hội chúng và chuyển pháp luân.

Các loại luận đàm này,
Được y chỉ rộng rãi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nương tựa, y chỉ chúng.

---

[12] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.27.6. 0645b26). *Vesārajjaṃ*. Xem *M*. 12, *Sīhanāda Sutta* (*Tiểu kinh Sư tử hống*), *M*. I. 71.

[13] *Antarāyikā dhammā*. Xem *M*. I. 130ff.

Khi họ đến Như Lai,
Họ không còn tồn tại,
Các luận đàm được nói,
Họ run sợ, sợ hãi.
Ai chinh phục tất cả,
Chuyển vận được pháp luân,
Vì lòng thương tất cả,
Mọi chúng sanh hữu tình,
Với những bậc như vậy,
Tối thắng giữa thiên, nhân,
Mọi chúng sanh đảnh lễ,
Bậc Vượt Qua Sanh Hữu.

IX. KINH ÁI SANH (*Taṇhuppādasutta*)[14] (*A*. II. 10)

9. Có bốn ái sanh khởi, này các Tỷ-kheo, khi nào ái sanh, có thể sanh khởi nơi vị Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Do nhận y áo, này các Tỷ-kheo, khi ái khởi lên, khởi lên nơi vị Tỷ-kheo; hay do nhận đồ ăn khất thực... hay do nhận sàng tọa... hay do nhận đây là hữu, đây là phi hữu,[15] khi ái khởi lên, khởi lên nơi vị Tỷ-kheo.

Bốn ái sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, khi nào ái sanh, có thể sanh khởi nơi vị Tỷ-kheo.

Người có ái làm bạn,
Sẽ luân chuyển lâu dài,
Khi hiện hữu chỗ này,
Khi hiện hữu chỗ khác,
Người ấy không dừng được,
Sự luân chuyển tái sanh.
Rõ biết nguy hại này,
Chính ái sanh đau khổ,
Tỷ-kheo từ bỏ ái,
Không nắm giữ chấp thủ,
An trú, không thất niệm,
Vị ấy sống xuất gia.

X. KINH CÁC ÁCH (*Yogasutta*)[16] (*A*. II. 10)

10. Này các Tỷ-kheo, có bốn ách này (*yogā*). Thế nào là bốn? Dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách.

---

[14] Bản tiếng Anh của PTS: *Craving*, nghĩa là *Khát ái*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.29.8. 0658a27).

[15] *Itibhavābhava*. Xem kinh 254 ở sau; *D*. I. 8. Trong *AA*. III. 12: *Itibhavābhavahetūti ettha itīti nidassanatthe nipāto* ("Do nhận đây là hữu, đây là phi hữu": "Đây là" là từ bất biến chỉ sự so sánh). *SnA*. 6: Hữu được so sánh với phi hữu như sau: Hữu là thành công, phi hữu là thất bại; hữu là thường còn, phi hữu là hoại diệt; hữu là thiện, phi hữu là ác.

[16] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.4. 0876c08).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là dục ách?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục. Do không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục, nên dục tham, dục hỷ, dục luyến, dục đam mê, dục khát, dục não, dục chấp thủ, dục ái trong các dục xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là dục ách.

Và thế nào là hữu ách?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các hữu. Do không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các hữu, nên hữu tham, hữu hỷ, hữu luyến, hữu đam mê, hữu khát, hữu não, hữu chấp thủ, hữu ái trong các hữu xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu ách.

Và thế nào là kiến ách?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các kiến. Do không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các kiến, nên kiến tham, kiến hỷ, kiến luyến, kiến đam mê, kiến khát, kiến não, kiến chấp thủ, kiến ái trong các kiến xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kiến ách.

Và thế nào là vô minh ách?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của sáu xúc xứ. Do không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của sáu xúc xứ, nên vô minh, vô trí trong sáu xúc xứ xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh ách.

Đây là dục ách, hữu ách, kiến ách và vô minh ách.

Bị trói buộc bởi các ác, bất thiện pháp, các phiền não, các pháp bị tái sanh, phiền nhiễu, các quả khổ dị thục trong tương lai bởi sanh, già, chết; do vậy, được gọi là không an ổn khỏi các ách. Này các Tỷ-kheo, có bốn ách này.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ly ách này. Thế nào là bốn? Ly dục ách, ly hữu ách, ly kiến ách, ly vô minh ách.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ly dục ách?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục. Do như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các dục, nên dục tham, dục hỷ, dục luyến, dục đam mê, dục khát, dục não, dục chấp thủ, dục ái trong các dục không xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ly dục ách.

Và thế nào là ly hữu ách?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm

dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các hữu. Do như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các hữu, nên hữu tham, hữu hỷ, hữu luyến, hữu đam mê, hữu khát, hữu não, hữu chấp thủ, hữu ái trong các hữu không xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ly hữu ách.

Và thế nào là ly kiến ách?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các kiến. Do như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của các kiến, nên kiến tham, kiến hỷ, kiến luyến, kiến đam mê, kiến khát, kiến não, kiến chấp thủ, kiến ái trong các kiến không xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ly kiến ách.

Và thế nào là ly vô minh ách?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của sáu xúc xứ. Do như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly của sáu xúc xứ, nên vô minh, vô trí trong sáu xúc xứ không xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ly vô minh ách.

Đây là ly dục ách, ly hữu ách, ly kiến ách và ly vô minh ách.

Không bị trói buộc bởi các ác, bất thiện pháp, các phiền não, các pháp bị tái sanh, phiền nhiễu, các quả khổ dị thục trong tương lai bởi sanh, già, chết; do vậy, được gọi là an ổn khỏi các ách. Này các Tỷ-kheo, có bốn ly ách này.

Bị trói buộc cả hai,
Dục ách và hữu ách,
Bị trói buộc kiến ách,
Với vô minh thượng thủ,
Chúng sanh bị luân chuyển,
Đi đến sanh và chết.
Những ai liễu tri dục,
Và toàn bộ hữu ách,
Nhổ vất bỏ kiến ách,
Và từ bỏ vô minh,
Ly hệ tất cả ách,
Họ vượt khỏi các ách.

II. PHẨM HÀNH
(*CARAVAGGA*)

I. KINH HÀNH (*Carasutta*)[17] (*A*. II. 13)

11. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi, khởi lên dục tầm, hay sân tầm, hay hại tầm, mà nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không có đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có xấu hổ, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đứng... khi đang ngồi... khi đang nằm, thức, khởi lên dục tầm, hay sân tầm, hay hại tầm, mà nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không có đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm, thức, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có xấu hổ, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi, khởi lên dục tầm, hay sân tầm, hay hại tầm, mà nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tình, có xấu hổ, liên tục thường hằng tinh cần, tinh tấn siêng năng.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đứng... khi đang ngồi... khi đang nằm, thức, khởi lên dục tầm, hay sân tầm, hay hại tầm, mà nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm, thức, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tình, có xấu hổ, liên tục thường hằng tinh cần, tinh tấn siêng năng.

Nếu khi đi, khi đứng,[18]
Khi ngồi hay khi nằm,
Khởi lên ác tầm tư,
Liên hệ đến gia đình,
Thực hành theo ác đạo,
Mờ ám bởi si mê,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không chứng Vô thượng giác.

---

[17] Xem *It*. 115.
[18] Xem *Ud*. 61; *It*. 82; *Sn*. 193.

Ai khi đi, khi đứng,
Khi ngồi hay khi nằm,
Điều phục được tầm tư,
Yêu thích tầm chỉ tịnh,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Chứng được Vô thượng giác.

II. KINH GIỚI (*Sīlasutta*)[19] (*A*. II. 14)

12. Này các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới, đầy đủ Giới bổn (*Pātimokkha*), được chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn. Hãy sống đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đã sống đầy đủ giới, này các Tỷ-kheo, đầy đủ Giới bổn, đã được chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, sống đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp, còn có gì cần phải làm thêm nữa?

Nếu Tỷ-kheo trong khi đi; tham, sân được từ bỏ; hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi được từ bỏ; tinh cần, tinh tấn không có thụ động; niệm được an trú không có thất niệm; thân được khinh an không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh nhất tâm; này các Tỷ-kheo, nếu các Tỷ-kheo khi đang đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có xấu hổ, liên tục, thường hằng tinh cần, tinh tấn siêng năng. Nếu Tỷ-kheo trong khi đứng... Nếu Tỷ-kheo trong khi ngồi... Nếu Tỷ-kheo trong khi nằm, thức; tham, sân được từ bỏ; hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi được từ bỏ; tinh cần, tinh tấn không có thụ động; niệm được an trú không có thất niệm; thân được khinh an không có cuồng nhiệt; tâm được định tĩnh nhất tâm; này các Tỷ-kheo, nếu các Tỷ-kheo khi đang nằm, thức, có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có xấu hổ, liên tục thường hằng tinh cần, tinh tấn siêng năng.

Đi, đứng biết tự chế,
Ngồi, nằm biết tự chế,
Tỷ-kheo biết tự chế,
Khi co tay, duỗi tay.
Phía trên, ngang cùng khắp,[20]
Xa cho đến cùng tột,
Bất cứ sanh thú nào,
Ở tại thế giới này,
Khéo quán sát sanh diệt,
Của tất cả pháp uẩn,
Tâm chỉ tịnh, chánh hạnh,

---

[19] Xem *It*. 118.

[20] *AA*. III. 18: *Apācīnanti adho. Ettāvatā atītā paccuppannā anāgatā ca pañcakkhandhā kathitā* (*Apācīnaṁ*: Phía dưới. [Ý nói] cho đến ngũ uẩn ở quá khứ, hiện tại và vị lai).

Thường xuyên chuyên học tập,
Liên tục hằng siêng năng,
Tỷ-kheo được gọi vậy.

III. KINH CHÁNH CẦN (*Padhānasutta*)[21] (*A*. II. 15)

13. Này các Tỷ-kheo, có bốn chánh cần này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh ra được trừ diệt, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn chánh cần.

Với các pháp chánh cần,
Chúng chinh phục ma giới,
Không dính, chúng vượt qua
Sợ hãi về sanh tử,
Hoan hỷ ly dục vọng,
Chúng thắng ma, ma quân,
Mọi lực Namuci,
Chúng thoát ly, an lạc.[22]

IV. KINH CHẾ NGỰ (*Saṃvarasutta*)[23] (*A*. II. 16)

14. Này các Tỷ-kheo, có bốn tinh cần này. Thế nào là bốn? Tinh cần chế ngự, tinh cần đoạn tận, tinh cần tu tập, tinh cần hộ trì.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần chế ngự? Ở đây,[24] này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn.

Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần chế ngự.

---

[21] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.875-876. 0221a09-14).

[22] Xem *S.* III. 83.

[23] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.879. 0221b16); *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T.*02. 0150A.11. 0877b27).

[24] Xem *D.* I. 70; *KS.* IV. 63.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần đoạn tận? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có chấp nhận dục tầm khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, khiến cho không hiện hữu lại; không có chấp nhận sân tầm khởi lên... không có chấp nhận hại tầm khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, khiến cho không hiện hữu lại; không có chấp nhận các ác, bất thiện pháp khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, khiến cho không hiện hữu lại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần đoạn tận.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần tu tập? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi,[25] y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, đưa đến xả ly; tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, đưa đến xả ly. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần tu tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần hộ trì? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hộ trì định tướng hiền thiện đã sanh, tướng bộ xương, tướng trùng ăn, tướng bầm xanh, tướng đầy ứ, mủ nồng, tướng nứt nẻ, tướng phồng trướng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần hộ trì.

Này các Tỷ-kheo, có bốn tinh cần này.

Chế ngự và đoạn tận,
Tu tập và hộ trì,
Bốn loại tinh cần này,
Được Bà Con Mặt Trời,[26]
Tuyên bố và thuyết giảng.
Ở đời, vị Tỷ-kheo,
Nhiệt tình đối với chúng,
Đạt được diệt khổ tận.

V. KINH THI THIẾT (*Paññattisutta*)[27] (*A*. II. 17)

15. Này các Tỷ-kheo, có bốn thi thiết tối thượng này. Thế nào là bốn?

Tối thượng trong những kẻ có tự ngã, này các Tỷ-kheo, tức là Rāhu, A-tu-la vương. Tối thượng trong các vị thọ hưởng các dục, này các Tỷ-kheo, tức là Vua Mandhātā. Tối thượng trong các vị có quyền lực tối thắng, này các Tỷ-kheo, tức là Ác ma. Trong thế giới chư Thiên, Ác ma, Phạm thiên, cùng với các Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, này các Tỷ-kheo, Như Lai được gọi là tối thượng, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Này các Tỷ-kheo, có bốn sự thi thiết tối thượng này.

Rāhu là tối thượng,

---

[25] Xem *KS*. V. 51ff.

[26] *Ādiccabandhu*. Xem *S*. I. 186, 192; III. 142.

[27] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.7. 0583b15).

Trong các vị tự ngã.
Mandhātā tối thượng,
Trong các vị hưởng dục.
Māra là tối thượng,
Giữa những bậc uy quyền.
Với thần túc danh xưng,
Vị ấy được chói sáng,
Phía trên, ngang, phía dưới,
Khắp sanh thú ở đời,
Trong thế giới chư thiên,
Phật được gọi Tối thượng.

VI. KINH TẾ NHỊ (*Sokhummasutta*)[28] (*A*. II. 17)

16. Này các Tỷ-kheo, có bốn trí tế nhị này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu trí tế nhị đối với sắc, không thấy một trí tế nhị đối với sắc nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Vị ấy không có phát nguyện đạt đến một trí tế nhị đối với sắc nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy.

Vị ấy thành tựu trí tế nhị đối với thọ, không thấy một trí tế nhị đối với thọ nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Vị ấy không có phát nguyện đạt đến một trí tế nhị đối với thọ nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy.

Vị ấy thành tựu trí tế nhị đối với tưởng...

Vị ấy thành tựu trí tế nhị đối với các hành, không thấy một trí tế nhị đối với hành nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy. Vị ấy không có phát nguyện đạt đến một trí tế nhị đối với hành nào khác tối thượng hơn, thù diệu hơn trí tế nhị thù thắng ấy.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn trí tế nhị.

Biết trí tế nhị sắc,
Biết hiện hữu các thọ,
Từ đâu tưởng sanh khởi,
Tại đâu tưởng chấm dứt.
Biết các hành biến khác,
Là không, không là ngã,
Nếu Tỷ-kheo thấy chánh,
Tịch tịnh, ưa tịch tịnh,
Thọ trì thân tối hậu,
Thắng ma và ma quân.

[28] *AA*. III. 21: *Sokhummānīti sukhumalakkhaṇapaṭivijjhanakāni ñāṇāni* ("Sự vi tế" nghĩa là trí hiểu thấu được đặc tính vi tế).

VII. KINH SANH THÚ KHÔNG NÊN ĐI THỨ NHẤT
(*Paṭhamaagatisutta*) (*A*. II. 18)

17. Này các Tỷ-kheo, có bốn sanh thú này không nên đi đến. Thế nào là bốn? Đi đến sanh thú vì dục, đi đến sanh thú vì sân, đi đến sanh thú vì si, đi đến sanh thú vì sợ hãi. Có bốn sanh thú này không nên đi đến.

Dắt dẫn bởi dục sân,
Bởi sợ hãi, si mê,
Ai vượt quá Chánh pháp,
Thời danh xưng người ấy,
Bị tổn hại, hư hại,
Như trăng trong thời tối.

VIII. KINH SANH THÚ KHÔNG NÊN ĐI THỨ HAI
(*Dutiyaagatisutta*)[29] (*A*. II. 18)

18. Này các Tỷ-kheo, có bốn sanh thú này nên đi đến. Thế nào là bốn? Không vì dục đi đến sanh thú, không vì sân đi đến sanh thú, không vì si đi đến sanh thú, không vì sợ hãi đi đến sanh thú. Này các Tỷ-kheo, có bốn sanh thú này nên đi đến.

Dắt dẫn bởi dục sân,
Bởi sợ hãi, si mê,
Ai không vượt Chánh pháp,
Thời danh xưng người ấy,
Được đầy đủ vuông tròn,
Như trăng trong thời sáng.

IX. KINH SANH THÚ KHÔNG NÊN ĐI THỨ BA
(*Tatiyaagatisutta*)[30] (*A*. II. 19)

19. (Kinh này là kinh 17 và kinh 18 hợp lại).

X. KINH NGƯỜI ĐẦU BẾP (*Bhattuddesakasutta*) (*A*. II. 19)

20. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, người đầu bếp như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục. Thế nào là bốn? Đi đến sanh thú vì dục, đi đến sanh thú vì sân, đi đến sanh thú vì si, đi đến sanh thú vì sợ hãi. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, một người đầu bếp như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục.

Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, một người đầu bếp như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Không vì dục đi đến sanh thú, không vì sân đi đến sanh thú, không vì si đi đến sanh thú, không vì sợ hãi đi đến sanh thú. Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

---

[29] Bản tiếng Anh của PTS: *Bourn*, nghĩa là *Sanh thú nên đi*.

[30] Bản tiếng Anh của PTS: *Bourn and No Bourn*, nghĩa là *Sanh thú nên đi và không nên đi*.

Những ai đối với dục,
Hạng người không chế ngự,
Là hạng người phi pháp,
Tôn trọng điều phi pháp,
Họ bị dắt dẫn đi,
Bởi dục sân, sợ hãi,
"Làm uế nhiễm hội chúng",[31]
Họ được gọi như vậy,
Như vậy họ được gọi,
Bởi Sa-môn hiểu biết.
Do vậy bậc chân nhân,
Các bậc đáng tán thán,
Họ trú vào Chánh pháp,
Họ không làm điều ác,
Họ đi không bị dẫn,
Bởi dục, sân, sợ hãi,
"Tinh hoa của hội chúng",
Họ được gọi như vậy,
Như vậy họ được gọi,
Bởi Sa-môn hiểu biết.



[31] *Parisakkasāva*. Xem *Dh*. v. 9, là một chất làm teo lại, trái với chữ *maṇḍo*.

III. PHẨM URUVELĀ
(*URUVELAVAGGA*)

I. KINH TẠI URUVELĀ THỨ NHẤT (*Paṭhamauruvelasutta*)[32] (*A*. II. 20)

21. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

– Một thời, này các Tỷ-kheo, Ta trú ở Uruvelā,[33] trên bờ sông Nerañjarā, dưới cây bàng Ajapāla, khi mới thành Chánh giác. Trong khi Ta thiền tịnh độc cư, này các Tỷ-kheo, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Thật là khó khăn sống không cung kính, không vâng lời; vậy Ta hãy cung kính, đảnh lễ và sống y chỉ vào một vị Sa-môn hay Bà-la-môn."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ: "Với mục đích làm cho đầy đủ giới uẩn chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, đảnh lễ và sống y chỉ vào một vị Sa-môn hay Bà-la-môn khác; nhưng Ta không thấy một chỗ nào trong thế giới chư Thiên, Ác ma và Phạm thiên, giữa quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư thiên hay loài người, có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, với giới đầy đủ hơn Ta, mà Ta có thể cung kính, đảnh lễ, sống y chỉ. Với mục đích làm cho đầy đủ định uẩn chưa được đầy đủ... Với mục đích làm cho đầy đủ tuệ uẩn chưa được đầy đủ... Với mục đích làm cho đầy đủ giải thoát uẩn chưa được đầy đủ, Ta hãy cung kính, đảnh lễ và sống y chỉ vào một vị Sa-môn hay Bà-la-môn khác; nhưng Ta không thấy một chỗ nào trong thế giới chư Thiên, Ác ma và Phạm thiên, giữa quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư thiên hay loài người, có một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, với giải thoát đầy đủ hơn Ta, mà Ta có thể sống cung kính, đảnh lễ, sống y chỉ." Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Với pháp này mà Ta đã chơn chánh giác ngộ, Ta hãy cung kính đảnh lễ và sống y chỉ pháp ấy."

Rồi Phạm thiên Sahampati, với tâm tư của mình biết tâm tư của Ta, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng như vậy, Phạm thiên Sahampati biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra trước mặt Ta.

---

[32] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1188. 0321c18); *Tạp A-hàm kinh* 雜阿含經 (*T*.02. 0101.101. 0410a03).

[33] Uruvelā, ở Magadha. *UdA*. 26 giải thích là đống cát. Xem *S*. I. 138; *KS*. I. 174; *Asl*. 219.

Rồi Phạm thiên Sahampati đắp thượng y vào một bên vai, với đầu gối chân mặt quỳ trên đất, chắp tay hướng đến Ta và thưa với Ta: "Như vậy là phải, bạch Thế Tôn! Như vậy là phải, bạch Thiện Thệ! Bạch Thế Tôn, trong thời quá khứ, các vị A-la-hán Chánh Đẳng Giác, chư Tôn giả ấy đã cung kính đảnh lễ, sống y chỉ vào Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, trong thời vị lai, các vị sẽ thành A-la-hán Chánh Đẳng Giác, chư Tôn giả ấy sẽ cung kính đảnh lễ, sống y chỉ vào Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, mong rằng thời hiện tại, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, hãy cung kính đảnh lễ, sống y chỉ vào Chánh pháp." Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói như vậy, lại nói thêm như sau:

Chư Phật thời quá khứ,
Chư Phật thời vị lai,
Và đức Phật hiện tại,
Đoạn sầu muộn nhiều người.
Tất cả các vị ấy,
Đã, đang và sẽ sống,
Cung kính và đảnh lễ,
Pháp chơn chánh vi diệu.
Pháp nhĩ là như vậy,
Đối với chư Phật-đà,
Vậy muốn lợi cho mình,
Ước vọng làm Đại nhân,
Hãy cung kính đảnh lễ,
Pháp chơn chánh vi diệu.
Hãy ghi nhớ giáo pháp,
Chư Phật Chánh Đẳng Giác.

Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy; nói vậy xong, đảnh lễ Ta, thân hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ. Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi biết được thỉnh nguyện của Phạm thiên, và thích ứng với Ta, Ta sống cung kính, tôn trọng và y chỉ pháp mà Ta đã tự chánh đẳng giác. Và này các Tỷ-kheo, vì rằng chúng Tăng thành tựu sự cao cả nên Ta tôn trọng đặc biệt chúng Tăng.[34]

II. KINH TẠI URUVELĀ THỨ HAI (*Dutiyauruvelasutta*) (*A.* II. 22)

22. Một thời, này các Tỷ-kheo, Ta trú ở Uruvelā, trên bờ sông Nerañjarā, dưới cây bàng Ajapāla, khi mới thành Chánh giác. Rồi này các Tỷ-kheo, rất nhiều Bà-la-môn già cả, trưởng lão, các bậc trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời, đã đạt mức cuối tuổi đời, đi đến Ta; sau khi đến, nói lên với Ta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn

[34] *Tibbagāravo*, đoạn này không có trong *S.* I. Trong *AA*. III. 27, có giải thích rằng khi nào Tăng chúng được kính lễ? Chính khi Mahāpajāpatī cúng y cho đức Phật và đức Phật bảo nên cúng cho chúng Tăng. Như vậy, cả đức Phật và chúng Tăng đều được cung kính. Xem *M.* III. 253.

ấy nói với Ta như sau: “Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi được nghe như sau: ‘Sa-môn Gotama không có kính lễ, không có đứng dậy, không có lấy ghế mời ngồi các bậc Bà-la-môn già cả, trưởng lão, các bậc trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời, đã đạt mức cuối tuổi đời.’ Thưa Tôn giả Gotama, có phải sự tình là như vậy không? Nếu Tôn giả Gotama không có kính lễ, không có đứng dậy, không có lấy ghế mời ngồi các bậc Bà-la-môn già cả, trưởng lão, các bậc trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời, đã đạt mức cuối tuổi đời, sự tình như vậy, thưa Tôn giả Gotama là không được tốt đẹp.”

Này các Tỷ-kheo, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: “Các Tôn giả này không hiểu gì về Trưởng lão, hay các pháp tác thành vị Trưởng lão.”

Nếu Trưởng lão, này các Tỷ-kheo, là tám mươi tuổi, hay chín mươi tuổi, hay một trăm tuổi đời, và nếu vị ấy nói phi thời, nói phi chân, nói phi nghĩa, nói phi Pháp, nói phi Luật, nói những lời không đáng giữ gìn, lời nói không hợp thời cơ, không hợp lý, không có giới hạn, không có liên hệ đến mục đích, thời vị ấy chỉ được gọi là vị Trưởng lão ngu. Nếu là một vị tuổi trẻ, này các Tỷ-kheo, một thanh niên còn non trẻ, tóc đen nhánh, trong tuổi hiền thiện của đời, còn trong tuổi thanh xuân, vị ấy nói lời đúng thời, nói lời chân thực, nói lời có nghĩa, nói lời đúng Pháp, nói lời đúng Luật, nói những lời đáng giữ gìn, lời nói hợp thời cơ, hợp lý, có giới hạn, liên hệ đến mục đích, thời vị ấy được gọi là vị Trưởng lão hiền trí.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp tác thành Trưởng lão này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp; vị nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, tích tụ điều đã nghe, thuyết những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh và các pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì đọc tụng bằng lời, quán sát với ý, thể nhập với chánh kiến; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, bốn pháp này tác thành vị Trưởng lão.

Ai với tâm cống cao,
Nói nhiều lời phù phiếm,
Với tư duy không định,
Như thú không ưa pháp,
Xa địa vị Trưởng lão,
Ác kiến, không kính trọng.
Và ai đủ giới hạnh,
Nghe nhiều, trí biện tài,
Sống chế ngự, bậc Trí,

Đối với tất cả pháp,
Vị ấy với trí tuệ,
Quán thấy chơn ý nghĩa,
Đạt cứu cánh các pháp,
Không hoang vu, biện tài,
Đoạn tận sanh và chết,
Viên mãn hành Phạm hạnh.
Vị ấy Ta gọi tên,
Trưởng lão không lậu hoặc,
Do đoạn trừ lậu hoặc,
Được gọi là Trưởng lão.

III. KINH THẾ GIỚI (*Lokasutta*)[35] (*A*. II. 23)

23. Này các Tỷ-kheo, thế giới[36] được Như Lai chánh đẳng giác. Như Lai không hệ lụy đối với đời.

Này các Tỷ-kheo, thế giới tập khởi được Như Lai chánh đẳng giác. Thế giới tập khởi được Như Lai đoạn tận.

Này các Tỷ-kheo, thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác. Thế giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ.

Này các Tỷ-kheo, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác. Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai tu tập.

Cái gì, này các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác; do vậy, được gọi là Như Lai. Từ đêm, này các Tỷ-kheo, Như Lai được Chánh đẳng giác, đến đêm Như Lai nhập Niết-bàn, trong thời gian ấy, điều gì Như Lai nói lên, tuyên bố, tất cả là như vậy, không có khác được; do vậy, được gọi là Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy. Vì rằng nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy, nên được gọi là Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Như Lai là bậc Chiến Thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại; do vậy, được gọi là Như Lai.

Do thắng tri thế giới,
Đúng như thật như vậy,
Ly hệ mọi thế giới,
Không chấp thủ thế giới.

---

[35] Tham chiếu: *Thế gian kinh* 世間經 (*T*.01. 0026.137. 0645b09); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.894. 0224c28).

[36] *AA*. III. 31: *Lokoti dukkhasaccaṃ* ("Thế giới" chỉ cho Sự thật về khổ). Xem *D*. III. 135; *It*. 121.

Thắng tất cả bậc Trí,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Cảm thọ tối thắng tịnh,
Niết-bàn, không sợ hãi.
Vị này đoạn lậu hoặc,
Bậc Giác Ngộ, Trí Giả,
Không dao động, nhiễu loạn,
Nghi ngờ được chặt đứt.
Đạt diệt tận mọi nghiệp,
Giải thoát, diệt sanh y,
Là Thế Tôn, là Phật,
Bậc Sư Tử Vô Thượng,
Trong thế giới, thiên giới,
Chuyển bánh xe Pháp luân,
Như vậy hàng thiên, nhân,
Đến quy y đức Phật,
Gặp nhau đảnh lễ Ngài,
Vĩ đại không sanh hữu.[37]
Điều phục, bậc Tối Thượng,
Trong người được điều phục,
An tịnh, bậc Ẩn Sĩ,
Những người được an tịnh,
Giải thoát, bậc Tối Thượng,
Những người được giải thoát,
Vượt qua, bậc Tối Thắng,
Những người được vượt qua.
Như vậy họ lễ Ngài,
Vĩ đại, không sanh hữu,
Thiên giới, thế giới này,
Không ai được bằng Ngài.

IV. KINH KĀḶAKA (*Kāḷakārāmasutta*) (*A.* II. 24)

24. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāketa, tại khu vườn Kāḷaka.[38] Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, cái gì trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người,

---

[37] *Vītasārada*: Không còn mọc lại. Xem *It.* 76.
[38] Vị này là một người giàu có đã cúng một khu vườn cho chúng Tăng.

được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, tất cả Ta đều biết.

Này các Tỷ-kheo, cái gì trong toàn thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý tư sát, Ta đã được biết rõ như sau: "Tất cả đều được Như Lai biết đến. Như Lai không có dựng đứng lên."[39]

Này các Tỷ-kheo, nếu Ta nói rằng: "Ta biết tất cả, những gì trong toàn thế giới... được thấy... được ý tư sát", như vậy là có nói láo trong Ta. Nếu Ta nói như sau: "Ta, cả hai biết và không biết", như vậy là có nói láo trong Ta. Nếu Ta nói như sau: "Ta không biết và cũng không phải không biết", như vậy là có nói láo trong Ta. Như vậy có lỗi trong Ta.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai là vị đã thấy những gì cần thấy, nhưng không có tưởng tượng điều đã được thấy, không có tưởng tượng những gì không được thấy, không có tưởng tượng những gì cần phải thấy, không có tưởng tượng đối với người thấy. Đã nghe những gì cần nghe, nhưng không có tưởng tượng điều đã được nghe, không có tưởng tượng những gì không được nghe, không có tưởng tượng những gì cần phải nghe, không có tưởng tượng đối với người nghe. Đã cảm giác những gì cần cảm giác, nhưng không có tưởng tượng điều đã được cảm giác, không có tưởng tượng những gì không được cảm giác, không có tưởng tượng những gì cần phải cảm giác, không có tưởng tượng đối với người cảm giác. Đã thức tri những gì cần thức tri, nhưng không có tưởng tượng điều đã được thức tri, không có tưởng tượng những gì không được thức tri, không có tưởng tượng những gì cần phải thức tri, không có tưởng tượng đối với người thức tri. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Như Lai đối với các pháp được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, đều đã biết rõ, nên vị ấy là như vậy.[40] Lại nữa, hơn người như vậy, không có ai khác tối thượng hơn và thù thắng hơn, Ta tuyên bố như vậy.

Cái gì được thấy, nghe,
Được cảm giác, chấp trước,
Được nghĩ là chân thực,
Bởi các hạng người khác.
Giữa những người thấy vậy,
Ta không phải như vậy,
Những điều họ tuyên bố,
Dầu là thật hay dối,

[39] *AA*. III. 40: *Taṃ tathāgato na upaṭṭhāsīti taṃ chadvārikaṃ ārammaṇaṃ tathāgato taṇhāya vā diṭṭhiyā vā na upaṭṭhāsi na upagañchi* ("Như Lai không có dựng đứng lên điều này" nghĩa là Như Lai không có dự vào, không tạo nên sáu trần này bằng tham ái hay tà kiến).

[40] *Sn*. 97: ... *Asito tādi pavuccate sa brahmā* (Tự tại nên gọi là Bà-la-môn). Xem *UdA*. 128, 130 giải thích *tathāgata* một cách đầy đủ.

Ta không xem tối hậu.[41]
Ta trong thời đã qua,
Thấy được mũi tên này,
Loài người bị câu móc.
Ta biết và Ta thấy,
Các đức Phật Như Lai,
Không tham đắm như vậy.

V. KINH PHẠM HẠNH (*Brahmacariyasutta*) (*A*. II. 26)

25. Phạm hạnh được sống, này các Tỷ-kheo, không vì mục đích lừa dối quần chúng; không vì mục đích mơn trớn quần chúng; không vì mục đích được lợi ích về lợi dưỡng, cung kính, danh vọng; không vì mục đích được lợi ích thoát khỏi lời phê bình bàn tán; không với ý nghĩ: "Mong quần chúng biết Ta như vậy." Và này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh này được sống với mục đích chế ngự, với mục đích đoạn tận, với mục đích ly tham, với mục đích đoạn diệt.

Với mục đích chế ngự,
Với mục đích đoạn tận,
Là đời sống Phạm hạnh,
Tránh xa lời nói suông.
Thế Tôn đã tuyên bố,
Đi đến nhập Niết-bàn,
Con đường này được đi,
Bởi Đại nhân, Đại sĩ.
Ai dấn bước thực hành,
Đúng như lời Phật dạy,
Sẽ chấm dứt khổ đau,
Làm theo Đạo sư dạy.

VI. KINH KẺ LỪA DỐI (*Kuhasutta*)[42] (*A*. II. 26)

26. Những vị Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, lừa dối, cứng đầu, lắm mồm lắm miệng, hoang dâm, hỗn hào, không có định tĩnh, những Tỷ-kheo ấy không phải là Tỷ-kheo của Ta. Những Tỷ-kheo ấy đã rời khỏi Pháp, Luật này, và họ không đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp, Luật này. Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào không lừa dối, không lắm mồm lắm miệng, có trí, không cứng đầu, khéo định tĩnh, những Tỷ-kheo ấy là Tỷ-kheo của Ta. Và

---

[41] *AA*. III. 41: *Saccaṃ musā vāpi paraṃ daheyyāti tesu sayaṃ saṃvutasaṅkhātesu diṭṭhigatikesu tathāgato tādī tesaṃ ekampi vacanaṃ "idameva saccaṃ moghamañña"nti evaṃ saccaṃ musā vāpi paraṃ uttamaṃ katvā na odaheyya, na saddaheyya, na pattiyāyeyya* ("Dầu là chân thật hay gian dối, Ta không xem tối hậu" nghĩa là giữa những người tự cho là có tiết chế, có (tà) kiến như vậy, đối với lời của họ, Như Lai nghĩ rằng 'Sự thật này là tưởng tượng giả tạo'; như vậy dầu là chân thật hay gian dối, Như Lai cũng không xem là tối hậu, là cao nhất, không thể tin, không thể dựa vào).

[42] Tham chiếu: *It*. 108, 112; *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.553. 0145a08).

những Tỷ-kheo ấy không rời khỏi Pháp, Luật này, và họ đi đến tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp, Luật này.

Kẻ lừa dối, cứng đầu,
Kẻ lắm mồm, hoang dâm,
Kẻ hỗn hào, không định,
Không tăng trưởng các pháp,
Được bậc Chánh Đẳng Giác,
Tuyên bố và thuyết giảng.
Không lừa, không lắm mồm,
Có trí, không cứng đầu,
Với tâm khéo định tĩnh,
Họ tăng trưởng các pháp,
Được bậc Chánh Đẳng Giác,
Tuyên bố và thuyết giảng.

VII. KINH BIẾT ĐỦ (*Santuṭṭhisutta*) (*A*. II. 26)

27. Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này là không quan trọng, dễ được và không có phạm lỗi. Thế nào là bốn?

Trong các loại y, này các Tỷ-kheo, y phấn tảo (y lượm từ đống rác) là không quan trọng, dễ được và không có phạm lỗi. Trong các loại đồ ăn, này các Tỷ-kheo, khi khất thực từng miếng là không quan trọng, dễ được và không phạm lỗi. Trong các sàng tọa, này các Tỷ-kheo, gốc cây là không quan trọng, dễ được và không có phạm lỗi. Trong các loại dược phẩm, này các Tỷ-kheo, nước đái quỷ là không quan trọng, dễ được và không có phạm lỗi.

Bốn loại, này các Tỷ-kheo, không quan trọng, dễ được, không có phạm lỗi này; này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết đủ với các loại không quan trọng, dễ được này, Ta tuyên bố rằng đây là một trong những chi phần của Sa-môn hạnh.

Biết đủ với sự vật,
Không quan trọng, dễ được,
Lại không có phạm tội,
Tâm không bị phiền nhiễu,
Về vấn đề trú xứ,
Y áo và ăn uống,
Tâm không bị lo lắng,
Về phương hướng phải đi,
Các pháp được tuyên bố,
Thuận lợi Sa-môn hạnh,
Chúng được có đầy đủ,
Với vị biết vừa đủ,
Với vị không phóng dật,
Tinh cần trong học tập.

VIII. KINH TRUYỀN THỐNG BẬC THÁNH (*Ariyavaṃsasutta*) (*A*. II. 27)

28. Có bốn truyền thống bậc Thánh,[43] này các Tỷ-kheo, được biết là tối sơ (*aggaññā*), có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết đủ với bất cứ loại y nào, và nói lời tán thán sự biết đủ với bất cứ loại y nào, không vì nhận y phục mà rơi vào sự tầm cầu bất chính, không thích hợp. Nếu không được y, không có lo âu tiếc nuối; nếu được y, không có tham lam, mê say, tham đắm; thấy sự nguy hiểm và với trí tuệ thấy được sự xuất ly,[44] vị ấy hưởng thọ y, không vì biết đủ với bất cứ loại y nào mà khen mình chê người. Ai ở đây, khôn khéo, không có thụ động, tỉnh giác, chánh niệm, này các Tỷ-kheo, đấy gọi là Tỷ-kheo đứng ở trên truyền thống bậc Thánh, kỳ cựu, được nhận biết là tối sơ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết đủ với bất cứ loại đồ ăn khất thực nào, và nói lời tán thán sự biết đủ với bất cứ loại đồ ăn khất thực nào, không vì nhận khất thực mà rơi vào sự tầm cầu bất chính, không thích hợp. Nếu không được đồ ăn khất thực, không có lo âu tiếc nuối; nếu được đồ ăn khất thực, không có tham lam, mê say, tham đắm; thấy sự nguy hiểm và với trí tuệ thấy được sự xuất ly, vị ấy hưởng thọ đồ ăn khất thực, không vì biết đủ với bất cứ loại đồ ăn khất thực nào mà khen mình chê người. Ai ở đây khôn khéo, không có thụ động, tỉnh giác, chánh niệm, này các Tỷ-kheo, đấy gọi là Tỷ-kheo đứng ở trên truyền thống bậc Thánh, kỳ cựu, được nhận biết là tối sơ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết đủ với bất cứ loại sàng tọa nào, và nói lời tán thán sự biết đủ với bất cứ loại sàng tọa nào, không vì nhận sàng tọa mà rơi vào sự tầm cầu bất chính, không thích hợp. Nếu không được sàng tọa, không có lo âu tiếc nuối; nếu được sàng tọa, không có tham lam, mê say, tham đắm; thấy sự nguy hiểm và với trí tuệ thấy được sự xuất ly, vị ấy hưởng thọ sàng tọa, không vì biết đủ với bất cứ loại sàng tọa nào mà khen mình chê người. Ai ở đây khôn khéo, không có thụ động, tỉnh giác, chánh niệm, này các Tỷ-kheo, đấy gọi là vị Tỷ-kheo đứng ở trên truyền thống bậc Thánh, kỳ cựu, được nhận biết là tối sơ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích tu tập, vui thích tu tập, ưa thích đoạn tận, vui thích đoạn tận; nhưng không vì ưa thích tu tập, vui thích tu tập, ưa thích đoạn tận, vui thích đoạn tận mà khen mình chê người. Ai ở đây khôn khéo, không có thụ động, tỉnh giác, chánh niệm, này các Tỷ-kheo, đấy gọi là Tỷ-kheo đứng trên truyền thống bậc Thánh, kỳ cựu, được nhận biết là tối sơ.

---

[43] *Ariyavaṃsa*: Phần lớn kinh này được đề cập trong *D*. III. 224, *Saṅgīti Suttanta*. Đây là truyền thống thứ tám, bảy truyền thống đầu là *Khattiyavaṃsa*, *Brāhmaṇavaṃsa*, *Vessavaṃsa*, *Suddavaṃsa*, *Samaṇavaṃsa*, *Kulavaṃsa*, *Rājavaṃsa*. Xem *AA*. III. 44.

[44] *AA*. III. 52: *Nissaraṇapaññoti "yāvadeva sītassa paṭighātāyā"ti vuttaṃ nissaraṇameva pajānanto* ("Trí tuệ thấy được sự xuất ly" nghĩa là biết rõ việc xuất ly, nói rằng 'chỉ để ngăn ngừa sự lạnh').

Bốn truyền thống bậc Thánh này, này các Tỷ-kheo, được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

Thành tựu bốn truyền thống bậc Thánh này, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trú ở phương Đông, vị ấy nhiếp phục không hoan hỷ, không hoan hỷ không nhiếp phục vị ấy. Nếu trú ở phương Tây, vị ấy nhiếp phục không hoan hỷ, không hoan hỷ không nhiếp phục vị ấy. Nếu trú ở phương Bắc, vị ấy nhiếp phục không hoan hỷ, không hoan hỷ không nhiếp phục vị ấy. Nếu trú ở phương Nam, vị ấy nhiếp phục không hoan hỷ, không hoan hỷ không nhiếp phục vị ấy. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì bậc trí nhiếp phục không hoan hỷ và hoan hỷ.

Hoan hỷ không nhiếp phục,
Không nhiếp phục bậc trí,
Không hoan hỷ không nhiếp,
Không nhiếp phục bậc trí,[45]
Bậc trí nhiếp phục được,
Nhiếp phục không hoan hỷ.
Vị xóa bỏ mọi nghiệp,[46]
Trừ khử và ngăn chặn,
Như vàng ròng Diêm-phù,
Ai xứng đáng cất giữ?
Chư thiên khen vị ấy,
Phạm thiên cũng tán thán.

IX. KINH PHÁP CÚ (*Dhammapadasutta*) (*A*. II. 29)

29. Có bốn pháp cú, này các Tỷ-kheo, được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách. Thế nào là bốn?

Không tham, này các Tỷ-kheo, là pháp cú được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách. Không sân, này các Tỷ-kheo, là pháp cú được biết là tối sơ... có trí quở trách. Chánh niệm, này các Tỷ-kheo, là pháp cú được biết là tối sơ... có trí quở trách. Chánh định, này các Tỷ-kheo, là pháp cú được biết là tối sơ... có trí quở trách.

Bốn pháp cú này, này các Tỷ-kheo, được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được

[45] *AA*. III. 61 viết: *Tattha dhīranti vīriyavantaṃ. Nārati dhīraṃ sahatīti idaṃ purimasseva kāraṇavacanaṃ* (“Sự kiên định hay bậc trí” có nghĩa là vị luôn nỗ lực, tinh tấn).

[46] *AA*. III. 61: *Sabbakammavihāyīnanti sabbaṃ tebhūmakakammaṃ cajitvā paricchinnaṃ parivaṭumaṃ katvā ṭhitaṃ*. (“Đoạn dứt tất cả nghiệp” nghĩa là dứt bỏ tất cả nghiệp trong ba cõi, an trú trong sự giải thoát tịch tịnh).

biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

Hãy sống không có tham,
Với tâm không có sân,
Chánh niệm và nhất tâm,
Nội tâm khéo định tĩnh.

X. KINH CÁC DU SĨ (*Paribbājakasutta*) (*A*. II. 29)

30. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, nhiều du sĩ danh tiếng, có thời danh, sống tại khu vườn du sĩ trên bờ sông Sappinī, như các du sĩ Annabhāra, Varadhara, Sakuludāyī, và một số du sĩ danh tiếng, có thời danh khác.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến khu vườn của các du sĩ trên bờ sông Sappinī; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn; rồi Thế Tôn nói với các du sĩ ngoại đạo ấy như sau:

– Có bốn pháp cú này, này các du sĩ, được biết là tối sơ, đã có lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách. Thế nào là bốn?

Không tham, này các du sĩ, là pháp cú được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

Không sân, này các du sĩ, là pháp cú được biết là tối sơ... có trí quở trách.

Chánh niệm, này các du sĩ, là pháp cú được biết là tối sơ... có trí quở trách.

Chánh định, này các du sĩ, là pháp cú được biết là tối sơ... có trí quở trách.

Này các du sĩ, có bốn pháp cú này được biết là tối sơ, có đã lâu đời, được biết là truyền thống, kỳ cựu, không có tạp nhiễm, trước không bị tạp nhiễm, nay không bị tạp nhiễm, vị lai sẽ không bị tạp nhiễm, không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

Này các du sĩ, ai nói như sau: "Nhưng tôi sẽ chỉ ra một Sa-môn hay Bà-la-môn, dầu cho vị này có tự chứng được pháp cú không tham này; tuy vậy, vị ấy vẫn có lòng tham, tham đắm sắc bén trong các dục." Đối với người ấy, Ta có thể nói như thế này: "Hãy để vị ấy nói lên. Hãy để vị ấy trả lời, rồi Ta thấy uy đức của vị ấy." Thật vậy, này các du sĩ, sự kiện này không xảy ra, rằng một Sa-môn hay Bà-la-môn như vậy đã tự mình chứng được pháp cú không tham này sẽ được nêu rõ là có lòng tham, tham đắm sắc bén trong các dục.

Này các du sĩ, ai nói như sau: "Nhưng tôi sẽ chỉ ra một Sa-môn hay Bà-la-môn, dầu cho vị này có tự chứng được pháp cú không sân này; tuy vậy, tâm của

vị ấy vẫn có sân, trong ý vẫn có tư duy hiềm hận." Đối với người ấy, Ta có thể nói như thế này: "Hãy để vị ấy nói lên, hãy để vị ấy trả lời, rồi Ta thấy uy đức của vị ấy." Thật vậy, này các du sĩ, sự kiện này không xảy ra, rằng một Sa-môn hay Bà-la-môn đã tự chứng được pháp cú không sân này sẽ được nêu rõ là tâm vẫn có sân, trong ý vẫn có tư duy hiềm hận.

Này các du sĩ, ai nói như sau: "Nhưng tôi sẽ chỉ ra một Sa-môn hay Bà-la-môn, dầu cho vị này có tự chứng được pháp cú chánh niệm này; tuy vậy, tâm của vị ấy vẫn thất niệm, không có tỉnh giác." Đối với người ấy, Ta có thể nói như thế này: "Hãy để vị ấy nói lên, hãy để vị ấy trả lời, rồi Ta thấy uy đức của vị ấy." Thật vậy, này các du sĩ, sự kiện này không xảy ra, rằng một Sa-môn hay Bà-la-môn, đã tự mình chứng được pháp cú chánh niệm này sẽ được nêu rõ là thất niệm, không có tỉnh giác.

Này các du sĩ, ai nói như sau: "Nhưng tôi sẽ chỉ ra một Sa-môn hay Bà-la-môn, dầu cho vị này có tự chứng được pháp cú chánh định này; tuy vậy vị ấy vẫn không định tĩnh, tâm vẫn dao động." Đối với người ấy, Ta có thể nói như thế này: "Hãy để vị ấy nói lên. Hãy để vị ấy trả lời, rồi Ta thấy uy đức của vị ấy." Thật vậy, này các du sĩ, sự kiện này không xảy ra, rằng một Sa-môn hay Bà-la-môn đã tự mình chứng được pháp cú chánh định này sẽ được nêu rõ là không định tĩnh, tâm vẫn dao động.

Này các du sĩ, nếu có ai nghĩ rằng, cần phải chỉ trích, cần phải bài xích bốn pháp cú này, thời ngay trong hiện tại, bốn sự phản kháng chỉ trích xứ đúng pháp được khởi lên cho vị ấy. Thế nào là bốn?

Nếu Tôn giả chỉ trích, bài xích pháp cú không tham, thời các Sa-môn hay Bà-la-môn nào có lòng tham, có lòng tham sắc bén đối với các dục, các vị ấy cần phải được Tôn giả đảnh lễ, các vị ấy cần phải được Tôn giả tán thán. Nếu Tôn giả chỉ trích pháp cú không sân... chỉ trích pháp cú chánh niệm... chỉ trích pháp cú chánh định, thời các Sa-môn hay Bà-la-môn nào không định tâm, tâm bị dao động, các vị ấy cần phải được Tôn giả đảnh lễ, các vị ấy cần phải được Tôn giả tán thán.

Này các du sĩ, ai nghĩ rằng cần phải chỉ trích, cần phải bài xích bốn pháp cú này, thời ngay trong hiện tại, bốn sự phản kháng chỉ trích xứ đúng pháp này được khởi lên cho vị ấy. Này các du sĩ, cho đến các dân chúng ở Ukkalā và dân chúng Vassa, dân chúng Bhañña theo Vô nhân luận, theo Vô tác luận, theo Hư vô luận, những vị ấy cũng đã không nghĩ rằng bốn pháp cú này cần phải chỉ trích, cần phải bài xích. Vì cớ sao? Vì sợ bị quở trách, phẫn nộ, công kích.

Thường không sân, chánh niệm,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Tham nhiếp phục, học tập,
Được gọi không phóng dật.

IV. PHẨM BÁNH XE
(*CAKKAVAGGA*)

I. KINH BÁNH XE (*Cakkasutta*)[47] (*A*. II. 32)

31. Có bốn bánh xe này,[48] này các Tỷ-kheo, thành tựu với chúng, bốn bánh xe được vận chuyển giữa chư thiên và loài người; thành tựu với chúng, chư thiên và loài người không bao lâu đạt đến sự lớn mạnh, tăng thịnh trong các tài sản. Thế nào là bốn? Trú xứ thích hợp, thân cận các bậc chân nhân, tự nguyện chơn chánh, trước đã làm phước.

Có bốn bánh xe này, này các Tỷ-kheo, thành tựu với chúng, bốn bánh xe được vận chuyển giữa chư thiên và loài người; thành tựu với chúng, chư thiên và loài người không bao lâu đạt đến sự lớn mạnh, tăng thịnh trong các tài sản.

Sống địa phương thích hợp,
Làm bạn với bậc Thánh,
Tự nguyện được chơn chánh,
Trước đã làm phước đức,
Người ấy về lúa gạo,
Tài sản và danh xưng,
Danh tiếng cùng an lạc,
Được đưa đến đầy đủ.

II. KINH NHIẾP PHÁP (*Saṅgahasutta*)[49] (*A*. II. 32)

32. Này các Tỷ-kheo, có bốn nhiếp pháp này.[50] Thế nào là bốn?

Bố thí và ái ngữ,
Lợi hành và đồng sự,[51]
Hỡi các vị Tỷ-kheo,
Đây là bốn nhiếp pháp.
Bố thí và ái ngữ,

---

[47] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.7. 0877a13).

[48] Xem *D*. III. 276.

[49] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.669. 0185a12); *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.6. 0877a04).

[50] *Saṅgahavatthūni*: *Dānaṃ, peyyavajjaṃ, atthacariyā samānattatā*. Xem *A*. II. 246, 248; *GS*. II. 251 (kinh 247, 248, 249 ở sau); *D*. III. 152. Trong *AA*. III. 64: *Saṅgahavatthūnīti saṅgaṇhanakāraṇāni* ("Các biểu hiện của lòng từ bi" nghĩa là các cách thực hiện lòng từ bi).

[51] *AA*. III. 64: *Samānattatāti samānasukhadukkhabhāvo* ("Đồng sự hay tánh không thiên vị" trong kinh này nghĩa là sướng, khổ cũng như nhau).

Lợi hành và đồng sự,
Đối với những pháp này,
Ở đời đối xử nhau,
Chỗ này và chỗ kia,
Như vậy thật tương xứng.
Và bốn nhiếp pháp này,
Như đinh đầu trục xe,
Nếu thiếu nhiếp pháp này,
Thời cả mẹ lẫn cha,
Không được các người con,
Tôn trọng và cung kính.
Do vậy bậc hiền trí,
Đồng đẳng nhìn nhiếp pháp,
Nhờ vậy họ đạt được,
Sự cao lớn, tán thán.[52]

III. KINH CON SƯ TỬ (*Sīhasutta*) (*A*. II. 33)

33. Này các Tỷ-kheo, con sư tử,[53] vua các loài thú, vào buổi chiều đi ra khỏi hang; sau khi ra khỏi hang, nó duỗi thân mình và chân; sau khi duỗi thân mình và chân, nó nhìn chung quanh bốn phương; sau khi nhìn chung quanh bốn phương, nó rống lên tiếng rống con sư tử ba lần; sau khi rống tiếng rống con sư tử ba lần, nó đi ra tìm mồi. Này các Tỷ-kheo, các loài thú thuộc loại bàng sanh nghe tiếng rống của con sư tử, vua các loài thú, phần lớn chúng sợ hãi, run sợ, khiếp đảm. Các loài ở hang tìm vào hang, các loài ở nước tìm xuống nước, các loài ở rừng tìm vào rừng, các loài chim bay lên hư không. Này các Tỷ-kheo, các loài voi chúa ở tại làng, thị trấn hay thành phố, bị trói bởi các dây da cứng chắc. Chúng bứt đứt, giật đứt những sợi dây ấy, khiếp đảm cuồng chạy tung cả phân và nước tiểu.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đại thần thông lực của con sư tử, vua các loài thú, đối với các loài bàng sanh, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; Như Lai thuyết pháp: "Đây là thân, đây là thân tập khởi, đây là thân đoạn diệt, đây là con đường đưa đến thân diệt." Này các Tỷ-kheo, có chư thiên tuổi thọ dài, có dung sắc, hưởng lạc nhiều, đã sống lâu trong các lâu đài to lớn; các chư thiên này, sau khi nghe Như Lai thuyết pháp, phần lớn họ sợ hãi, run sợ, khiếp đảm, họ nghĩ: "Chúng ta là vô thường, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường còn. Chúng ta là không thường hằng, này chư Tôn giả, nhưng chúng

[52] Các bài kệ trong *A*. I. 132; *It*. 109; *JA*. kệ 330.
[53] Xem *S*. III. 84.

ta nghĩ là chúng ta thường hằng. Chúng ta là không thường trú, này chư Tôn giả, nhưng chúng ta nghĩ là chúng ta thường trú. Này chư Tôn giả, chúng ta là vô thường, không thường hằng, không thường trú, bị thâu nhiếp trong một thân này."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đại thần thông lực của Như Lai đối với chư thiên và thế giới chư thiên, như vậy là đại thế lực, như vậy là đại uy lực.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thuyết giảng như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Khi Phật với thắng trí,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Cho thiên giới, nhân giới,
Bậc Đạo Sư vô tỷ,
Sự đoạn diệt thân uẩn,[54]
Sự hiện hữu thân uẩn,
Và đường Thánh tám ngành,
Đưa đến khổ diệt tận,
Chư thiên được trường thọ,
Có dung sắc, danh xưng,
Sanh khiếp đảm sợ hãi,
Như thú thấy sư tử,
Vì chưa thoát thân uẩn,
Nghe chúng ta vô thường,
Khi nghe lời Ứng Cúng,
Được giải thoát như vậy.

IV. KINH CÁC LÒNG TIN TỐI THƯỢNG (*Aggappasādasutta*)[55] (*A*. II. 34)

34. Này các Tỷ-kheo, có bốn lòng tin[56] tối thượng này. Thế nào là bốn?

Dầu cho các loại hữu tình nào, này các Tỷ-kheo, không chân hay hai chân, bốn chân hay nhiều chân, có sắc hay không sắc, có tưởng hay không tưởng, hay phi tưởng phi phi tưởng, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được xem là tối thượng. Những ai đặt lòng tin vào đức Phật, họ đặt lòng tin vào tối thượng; với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, dầu cho loại pháp hữu vi nào, Thánh đạo tám ngành được xem là tối thượng, những ai đặt lòng tin vào Thánh đạo tám ngành, họ đặt lòng tin vào tối thượng; với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng.

---

[54] *Sakkāya*: Có thân, tức là năm thủ uẩn.

[55] Bản tiếng Anh của PTS: *Faiths*, nghĩa là *Các lòng tin*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.21.1. 0601c27); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.902. 0225c21); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.903. 0225c25); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.904. 0226a02).

[56] *Pasādā*: Tịnh tín. Kinh này được tìm thấy trong *A*. III. 36; *It*. 87.

Dầu cho loại pháp nào, này các Tỷ-kheo, hữu vi hay vô vi, ly tham được xem là tối thượng trong tất cả pháp, tức là sự nhiếp phục kiêu mạn, sự nhiếp phục khát ái, sự nhổ lên tham ái, sự chặt đứt tái sanh, sự đoạn diệt tham ái, sự ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Những ai đặt lòng tin vào pháp ly tham, này các Tỷ-kheo, họ đặt lòng tin vào tối thượng; với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng.

Dầu cho chúng Tăng hay hội chúng nào, này các Tỷ-kheo, chúng Tăng đệ tử của Như Lai được xem là tối thượng trong tất cả hội chúng ấy, tức là bốn đôi tám vị, chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Những ai đặt lòng tin vào chúng Tăng, này các Tỷ-kheo, họ đặt lòng tin vào tối thượng; với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn lòng tin tối thượng.

Tin tưởng vào tối thượng,
Biết được Pháp tối thượng;
Tin tưởng Phật tối thượng,
Đáng tôn trọng vô thượng;
Tin tưởng Pháp tối thượng,
Ly tham, an tịnh, lạc;
Tin tưởng Tăng tối thượng,
Là ruộng phước vô thượng,
Bố thí bậc tối thượng,
Phước tối thượng tăng trưởng,
Tối thượng về thọ mạng,
Dung sắc và danh văn,
Tối thượng về an lạc,
Tối thượng về sức mạnh.
Bậc trí thí tối thượng,
Pháp tối thượng chánh định,
Chư thiên hay loài người,
Đạt được hỷ tối thượng.

V. KINH VASSAKĀRA (*Vassakārasutta*) (*A*. II. 35)

35. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Bà-la-môn Vassakāra,[57] vị đại thần xứ Magadha, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakāra nói với Thế Tôn:

– Người nào thành tựu bốn pháp này, thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi tuyên bố là bậc Đại tuệ, là bậc Đại nhân. Thế nào là bốn?

[57] Vassakāra. Xem *A*. II. 172; *D*. II. 72, 87; *M*. III. 8.

Này Tôn giả Gotama, ở đây, người nghe nhiều; được nghe điều gì, điều gì, vị ấy biết ý nghĩa của lời ấy: "Đây là ý nghĩa của lời này, đây là ý nghĩa của lời này"; có chánh niệm, ức niệm nhớ đến điều đã làm từ lâu, đã nói từ lâu; lại trong các công việc của gia chủ, những công việc gì cần phải làm, vị ấy, ở đây, có thiện xảo, không có thụ động, thành tựu với sự quán sát về phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Thưa Tôn giả Gotama, thành tựu với bốn pháp này, chúng tôi tuyên bố là bậc Đại tuệ, là bậc Đại nhân. Nếu Tôn giả Gotama nghĩ con đáng được tùy hỷ, mong Tôn giả Gotama hãy tùy hỷ con! Nếu Tôn giả Gotama nghĩ con đáng bị bài xích, Tôn giả Gotama hãy bài xích con!

– Này Bà-la-môn, Ta không tùy hỷ, Ta không bài xích ông. Này Bà-la-môn, thành tựu với bốn pháp này, Ta tuyên bố là bậc Đại tuệ, bậc Đại nhân. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Bà-la-môn, có người thực hiện hướng đến hạnh phúc cho nhiều người, hướng đến an lạc cho nhiều người. Với người này, nhiều người được an lập trên Thánh lý, tức là hiền thiện pháp tánh, thiện pháp tánh. Với tầm tư nào vị ấy nghĩ cần phải tầm tư, vị ấy tầm tư tầm tư ấy; với tầm tư nào vị ấy nghĩ không cần phải tầm tư, vị ấy không tầm tư tầm tư ấy; với tư duy nào vị ấy nghĩ cần phải tư duy, vị ấy tư duy tư duy ấy; với tư duy nào vị ấy nghĩ không cần phải tư duy, vị ấy không tư duy tư duy ấy. Như vậy, vị ấy đạt được tâm tự tại trong các đường hướng tầm tư. Đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, vị ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Do đoạn diệt các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này Bà-la-môn, Ta không tùy hỷ, Ta không bài xích ông. Thành tựu với bốn pháp này, này Bà-la-môn, Ta tuyên bố là bậc Đại tuệ, là bậc Đại nhân.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Cho đến như vậy, Tôn giả Gotama đã khéo nói. Chúng con thọ trì rằng Tôn giả Gotama đã thành tựu bốn pháp này: Tôn giả Gotama đã thực hành, hướng đến hạnh phúc cho nhiều người, hướng đến an lạc cho nhiều người, đã an lập nhiều người trên Thánh lý, tức là hiền thiện pháp tánh, thiện pháp tánh. Tôn giả Gotama là vị, với tầm tư nào nghĩ cần phải tầm tư, Tôn giả Gotama tầm tư tầm tư ấy; với tầm tư nào, Tôn giả Gotama nghĩ không cần phải tầm tư, Tôn giả Gotama không tầm tư tầm tư ấy; với tư duy nào, Tôn giả Gotama nghĩ cần phải tư duy, Tôn giả Gotama tư duy tư duy ấy; với tư duy nào, Tôn giả Gotama nghĩ không cần phải tư duy, Tôn giả Gotama không tư duy tư duy ấy. Tôn giả Gotama đạt được tâm tự tại trong các đường hướng tầm tư. Tôn giả Gotama đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn,[58] có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Tôn giả Gotama, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

[58] Xem *M.* I. 33, 354; *S.* V. 316.

– Thật vậy, này Bà-la-môn, lời tuyên bố của ông là một thách thức cho Ta và Ta sẽ trả lời cho ông. Này Bà-la-môn, Ta đã thực hành, hướng đến hạnh phúc cho nhiều người, hướng đến an lạc cho nhiều người, đã an lập nhiều người trên Thánh lý, tức là hiền thiện pháp tánh, thiện pháp tánh. Ta là vị, với tầm tư nào Ta nghĩ cần phải tầm tư, Ta tầm tư tầm tư ấy; với tầm tư nào Ta nghĩ không cần phải tầm tư, Ta không tầm tư tầm tư ấy; với tư duy nào Ta nghĩ cần phải tư duy, Ta tư duy tư duy ấy; với tư duy nào Ta nghĩ không cần phải tư duy, Ta không tư duy tư duy ấy. Này Bà-la-môn, Ta đạt được tâm tự tại trong các đường hướng tầm tư. Này Bà-la-môn, đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, Ta có được không khó khăn, Ta có được không mệt nhọc, Ta có được không phí sức. Này Bà-la-môn, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí, Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Ai trong mọi chúng sanh,
Hiểu rõ được giải thoát,
Khỏi cạm bẫy thần chết,
Vì hạnh phúc nhân, thiên,
Tuyên bố về Chánh lý,
Tuyên bố về Chánh pháp.
Quần chúng thấy nghe vậy,
Liền hoan hỷ tịnh tín,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Việc nên làm đã làm,
Vô lậu, bậc Giác Ngộ,
Với thân này thân cuối,
Ngài được gọi tôn xưng,
Bậc Đại Tuệ, Đại Nhân.

VI. KINH DOṆA (*Doṇasutta*)[59] (*A*. II. 37)

36. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Ukkaṭṭhā và Setavyā. Bà-la-môn Doṇa[60] cũng đang đi trên con đường giữa Ukkaṭṭhā và Setavyā. Bà-la-môn Doṇa thấy trên những dấu chân của Thế Tôn có dấu bánh xe một ngàn cọng, với vành xe, trục xe và đầy đủ tất cả các tướng khác. Thấy vậy, vị ấy suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Những dấu chân này không phải là của loài người."

Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, đến ngồi dưới một gốc cây, ngồi kiết-già, thân thẳng, đặt niệm trước mặt. Bà-la-môn Doṇa theo dấu chân của Thế Tôn, thấy Thế Tôn đang ngồi dưới một gốc cây đẹp đẽ, khởi lên tịnh tín, các căn tịch tịnh, tâm ý tịch tịnh, đạt được tịnh chỉ do điều phục tối thượng,

---

[59] Bản tiếng Anh của PTS: *As to the World*, nghĩa là *Tùy thuộc thế giới*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.3. 0717c18); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.101. 0028a20); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.267. 0467a26).

[60] Đây có thể là vị Bà-la-môn được chia cho bình đong Xá-lợi của đức Phật.

giống như một con voi được điều phục, được phòng hộ với các căn tịch tịnh. Thấy vậy, Bà-la-môn Doṇa liền đi đến Thế Tôn; sau khi đến, thưa với Thế Tôn:

– Có phải, thưa Tôn giả, Ngài[61] sẽ là vị Tiên?

– Hỡi này Bà-la-môn, Ta sẽ không là Tiên.

– Có phải, thưa Tôn giả, Ngài sẽ là Càn-thát-bà?

– Hỡi này Bà-la-môn, Ta sẽ không là Càn-thát-bà.

– Có phải, thưa Tôn giả, Ngài sẽ là Dạ-xoa?

– Hỡi này Bà-la-môn, Ta sẽ không là Dạ-xoa.

– Có phải, thưa Tôn giả, Ngài sẽ là loài người?

– Hỡi này Bà-la-môn, Ta sẽ không là người.

– Hỏi: "Ngài có phải sẽ là Tiên không?" Ngài trả lời: "Này Bà-la-môn, Ta sẽ không phải là Tiên." Hỏi: "Ngài có phải sẽ là Càn-thát-bà không?" Ngài trả lời: "Này Bà-la-môn, Ta sẽ không phải là Càn-thát-bà." Hỏi: "Ngài có phải sẽ là Dạ-xoa không?" Ngài trả lời: "Này Bà-la-môn, Ta sẽ không phải là Dạ-xoa." Hỏi: "Ngài có phải sẽ là loài người không?" Ngài trả lời: "Ta sẽ không phải là loài người." Vậy sở hành của Ngài là gì và Tôn giả sẽ là gì?

– Này Bà-la-môn, đối với những người chưa đoạn tận các lậu hoặc, Ta có thể là chư thiên, với các lậu hoặc đã đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm thành như thân cây Sāla, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đối với những người chưa đoạn tận các lậu hoặc, Ta có thể là Càn-thát-bà, Ta có thể là Dạ-xoa, Ta có thể là người, với các lậu hoặc đã đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm thành như thân cây Sāla, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Ví như, này Bà-la-môn, bông sen xanh, hay bông sen hồng, hay bông sen trắng, sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, và đứng thẳng không bị nước thấm ướt. Cũng vậy, này Bà-la-môn, sanh ra trong đời, lớn lên trong đời, Ta sống chinh phục đời, không bị đời thấm ướt. Này Bà-la-môn, Ta là Phật, hãy như vậy thọ trì.

Với lậu hoặc chưa đoạn,
Ta có thể là Tiên,
Có thể Càn-thát-bà,
Có thể là loài chim,
Hay đi đến Dạ-xoa,
Hay vào trong thai người.
Với Ta lậu hoặc tận,
Bị phá hủy, trừ khử,[62]
Như sen trắng tươi đẹp,

---

[61] *Bhavissati*. Vị Bà-la-môn không hỏi Ngài là gì, mà hỏi Ngài sẽ là gì và đức Phật cũng dùng thì vị lai để trả lời.

[62] *Abbaje*: Ở đây có thể giải thích là bào thai trong giai đoạn đầu. Xem *PED*.

Không bị nước thấm ướt.
Đời không thấm ướt Ta,
Do vậy, Ta được gọi,
Ta là Phật Chánh Giác,
Hỡi này Bà-la-môn.

VII. KINH KHÔNG THỂ RƠI XUỐNG (*Aparihāniyasutta*)[63] (*A*. II. 39)

37. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thể bị thối đọa, vị ấy gần Niết-bàn. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ giới, hộ trì các căn, biết tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ giới? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ giới.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; những nguyên nhân gì làm cho nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; những nguyên nhân gì, làm cho ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo hộ trì các căn.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo biết tiết độ trong ăn uống?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn khất thực, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ, không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết tiết độ trong ăn uống.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ban ngày đi kinh hành, hay trong lúc ngồi, tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm, canh một, vị ấy đi kinh hành hay trong lúc ngồi, tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm,

[63] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.12. 0877c16).

canh giữa, vị ấy nằm dáng nằm con sư tử bên hông tay phải, một chân đặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tâm nghĩ đến lúc thức dậy lại. Ban đêm, canh cuối, vị ấy thức dậy đi kinh hành hay trong lúc ngồi, tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chú tâm cảnh giác.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thể thối đọa, tiến gần đến Niết-bàn.

Tỷ-kheo an trú giới,
Sống chế ngự các căn,
Biết tiết độ ăn uống,
Và chú tâm cảnh giác,
Sống an trú như vậy,
Ngày đêm không mệt mỏi,
Tu tập các thiện pháp,
Đạt an ổn ách nạn,
Ưa thích không phóng dật,
Thấy sợ hãi phóng dật,
Không có thể thối đọa,
Tỷ-kheo gần Niết-bàn.

VIII. KINH TRÁNH NÉ (*Patilīnasutta*) (*A*. II. 41)

38. Tỷ-kheo trừ khử sự thật cá nhân, này các Tỷ-kheo, đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu hay thân hành được khinh an, vị ấy được gọi là vị độc hành.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã trừ khử sự thật cá nhân?[64]

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với các sự thật cá nhân phổ thông của các Sa-môn, Bà-la-môn nói chung, ví như thế giới là thường còn, hay thế giới là không thường còn; thế giới là có giới hạn, hay thế giới là không giới hạn; sinh mạng và thân này là một, hay sinh mạng và thân này là khác; Như Lai sau khi chết có tồn tại, hay Như Lai sau khi chết không tồn tại; Như Lai sau khi chết có tồn tại và không tồn tại, hay Như Lai sau khi chết không có tồn tại và không không tồn tại; Tỷ-kheo đối với tất cả các sự thật cá nhân ấy đã trừ khử, đã xả bỏ, đã nhổ ra, đã giải thoát, đã đoạn tận, đã từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trừ khử sự thật cá nhân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu?[65]

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo, dục tầm cầu được đoạn tận, hữu tầm cầu được đoạn tận, Phạm hạnh tầm cầu được khinh an. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu.

---

[64] Xem *D*. III. 269. Ba trong 10 Thánh trú (*Ariyavāsā*) được ghi vào bia ký của Vua Asoka.

[65] Theo *Chú giải*, dục tầm cầu được đoạn tận trên con đường chứng quả Bất lai. Tầm cầu thứ hai được đoạn tận trên con đường chứng quả A-la-hán. Và tầm cầu Phạm hạnh cũng được thành tựu ở đây. Nhưng tri kiến về tầm cầu đã bị rơi rụng khi chứng quả Nhập lưu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thân hành được khinh an?[66]

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thân hành được khinh an.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo độc cư?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo ngã mạn được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm như thân cây Sāla, được khiến cho không thể hiện hữu, khiến cho không thể sanh khởi trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo độc cư.

Tỷ-kheo trừ khử sự thật cá nhân, này các Tỷ-kheo, đã từ bỏ hoàn toàn các tầm cầu, hay thân hành được khinh an, vị ấy được gọi là vị độc hành.

Dục và hữu tầm cầu,
Cùng Phạm hạnh tầm cầu,
Chấp thủ sự thật này,
Chỗ kiến xứ chất chứa,
Ai không thích dục tham,
Giải thoát nhờ ái diệt,
Các tầm cầu từ bỏ,
Kiến xứ được nhổ lên,
Tỷ-kheo ấy an tịnh,
Thật chánh niệm, khinh an,
Không bị ai chiến bại,
Minh kiến được kiêu mạn,
Vị ấy được danh xưng,
Bậc Giác ngộ độc cư.

IX. KINH UJJAYA (*Ujjayasutta*)[67] (*A*. II. 42)

39. Rồi Bà-la-môn Ujjaya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ujjaya bạch Thế Tôn:

– Có phải Tôn giả Gotama không tán thán tế đàn?

– Này Bà-la-môn, Ta không tán thán tất cả các loại tế đàn. Nhưng này Bà-la-môn, Ta không phải không tán thán tất cả các loại tế đàn. Trong loại tế đàn nào, này Bà-la-môn, bò bị giết, dê, cừu bị giết, gia cầm, heo bị giết, các loài sinh vật khác đi đến bị giết hại, loại tế đàn ấy, này Bà-la-môn, liên hệ đến sát sanh, Ta không tán thán loại tế đàn ấy. Vì cớ sao? Tế đàn có sát sanh như vậy, này Bà-la-môn, các A-la-hán và những ai đã đi trên con đường hướng đến

[66] Được giải thích chi tiết hơn trong *KS*. V. 188.

[67] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.89. 0022c03); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.89. 0404a27).

A-la-hán không có đi đến. Tại tế đàn nào, này Bà-la-môn, trong ấy không có bò bị giết, không có dê, cừu bị giết, không có gia cầm, heo bị giết, không có các sinh vật khác bị giết, này Bà-la-môn, Ta tán thán tế đàn không có sát sanh như vậy, tức là bố thí thường làm từ lâu, tế đàn cầu hạnh phúc cho gia đình. Vì cớ sao? Tế đàn không có sát sanh như vậy, này Bà-la-môn, các A-la-hán và những ai đã đi trên con đường hướng đến A-la-hán có đi đến.

Lễ tế ngựa, tế người,
Lễ uống nước thắng trận,
Lễ ném cầu may rủi,
Lễ rút lui khóa cửa,
Lễ ấy nhiều sát sanh,
Không đem lại quả lớn.
Chỗ nào giết dê, cừu,
Bò và sinh vật khác,
Các bậc theo Chánh đạo,
Các bậc Đại ẩn sĩ,
Tại tế đàn như vậy,
Họ không có đi tới.
Tế đàn không sát sanh,
Thường cầu phước gia đình,
Không giết dê, cừu, bò,
Không giết sinh vật khác,
Các bậc theo Chánh đạo,
Các bậc Đại ẩn sĩ,
Tại tế đàn như vậy,
Họ đến tế đàn ấy.
Lễ ấy bậc trí làm,
Tế đàn ấy quả lớn,
Tế đàn vậy tốt lành,
Không đem đến ác hại,
Tế đàn càng to lớn,
Chư thiên càng hoan hỷ.

X. KINH UDĀYĪ (*Udāyīsutta*)[68] (*A*. II. 43)

40. Rồi Bà-la-môn Udāyī đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Udāyī bạch Thế Tôn:

– Có phải Tôn giả Gotama không tán thán tế đàn?

– Này Bà-la-môn, Ta không tán thán tất cả các loại tế đàn. Nhưng này Bà-la-môn, Ta không phải không tán thán tất cả các loại tế đàn. Trong loại tế đàn nào, này Bà-la-môn, bò bị giết, dê, cừu bị giết, gia cầm, heo bị giết, các

[68] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.90. 0023a06); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.90. 0404b27).

loài sinh vật khác đi đến bị giết hại, loại tế đàn ấy, này Bà-la-môn, liên hệ đến sát sanh, Ta không tán thán loại tế đàn ấy. Vì cớ sao? Tế đàn có sát sanh như vậy, này Bà-la-môn, các A-la-hán và những ai đã đi trên con đường hướng đến A-la-hán không có đi đến. Tại tế đàn nào, này Bà-la-môn, trong ấy không có bò bị giết, không có dê, cừu bị giết, không có gia cầm, heo bị giết, không có các sinh vật khác bị giết, này Bà-la-môn, Ta tán thán tế đàn không có sát sanh như vậy, tức là bố thí thường làm từ lâu, tế đàn cầu hạnh phúc cho gia đình. Vì cớ sao? Tế đàn không có sát sanh như vậy, này Bà-la-môn, các A-la-hán và những ai đã đi trên con đường hướng đến A-la-hán có đi đến.

Tế đàn không sát sanh,
Làm đúng thời, thích hợp,
Tế đàn vậy, các bậc
Phạm hạnh khéo chế ngự,
Đã vén rộng bức màn,
Khi còn ở trên đời,
Các bậc Vượt Thời Gian,
Đi đến tế đàn ấy.
Bậc Giác Ngộ tiện xảo,
Tán thán tế đàn ấy.
Hoặc tại lễ tế đàn,
Hoặc tín thí vong linh,
Tế vật cúng xứng đáng,
Tế lễ tâm hoan hỷ,
Hướng đến ruộng phước lành.
Đối các vị Phạm hạnh,
Khéo cúng, khéo tế lễ,
Khéo dâng bậc Đáng Cúng,
Tế đàn vậy rộng lớn,
Chư thiên đều tán thán,
Bậc trí sau khi lễ,
Tín thành, tâm giải thoát.

V. PHẨM ROHITASSA (*ROHITASSAVAGGA*)

I. KINH ĐỊNH TU TẬP (*Samādhibhāvanāsutta*) (*A*. II. 44)

41. Này các Tỷ-kheo, có bốn định tu tập[69] này. Thế nào là bốn?

Có định tu tập, này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến hiện tại lạc trú. Có định tu tập, này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chứng được tri kiến. Có định tu tập, này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chánh niệm tỉnh giác. Có định tu tập, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các lậu hoặc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến hiện tại lạc trú?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư.[70]

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến hiện tại lạc trú.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chứng được tri kiến?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý tưởng ánh sáng, an trú tưởng ban ngày, ngày như thế nào thời đêm như vậy, đêm như thế nào thời ngày như vậy. Như vậy, với tâm rộng mở, không có bị bao phủ, tu tập tâm đến chỗ sáng chói.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chứng được tri kiến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chánh niệm tỉnh giác?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo, thọ khởi lên được rõ biết, thọ an trú được rõ biết, thọ chấm dứt được rõ biết; tưởng khởi lên được rõ biết, tưởng an trú được rõ biết, tưởng chấm dứt được rõ biết; tầm khởi lên được rõ biết, tầm an trú được rõ biết, tầm chấm dứt được rõ biết.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chánh niệm tỉnh giác.

---

[69] *Samādhibhāvanā*. Xem *D*. III. 222.

[70] Xem *GS*. I. 165; *KS*. V. 235.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các lậu hoặc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc chấm dứt; đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ chấm dứt; đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng chấm dứt; đây là các hành, đây là các hành tập khởi, đây là các hành chấm dứt; đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức chấm dứt."

Này các Tỷ-kheo, đây là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các lậu hoặc.

Này các Tỷ-kheo, có bốn định tu tập này. Và cũng về vấn đề này, Ta có nói đến trong phẩm về mục đích, trong kinh gọi là: "Các câu hỏi của Puṇṇaka."[71]

Do tư sát ở đời,
Các sự vật thắng, liệt,
Không vật gì ở đời,
Làm vị ấy dao động.
An tịnh, không mờ mịt,
Không phiền não, không tham,
Ta nói vị ấy vượt,
Qua khỏi sanh và già.

II. KINH CÁC CÂU HỎI (*Pañhabyākaraṇasutta*)[72] (*A*. II. 46)

42. Này các Tỷ-kheo, có bốn cách thức để trả lời câu hỏi. Thế nào là bốn?

Có câu hỏi, này các Tỷ-kheo, đòi hỏi câu trả lời nhất hướng (một chiều dứt khoát); có câu hỏi, này các Tỷ-kheo, đòi hỏi một câu hỏi phản nghịch; có câu hỏi, này các Tỷ-kheo, cần phải để một bên; có câu hỏi, này các Tỷ-kheo, cần phải trả lời một cách phân tích.

Này các Tỷ-kheo, có bốn cách thức để trả lời câu hỏi này.

Một trả lời nhất hướng,
Rồi trả lời phân tích,
Thứ ba là câu hỏi,
Đòi câu hỏi phản nghịch,
Loại câu hỏi thứ tư,
Cần phải để một bên,
Trong các câu hỏi ấy,
Ai rõ biết thuận pháp?
Tỷ-kheo ấy được gọi,
Thiện xảo bốn câu hỏi.
Khó nhiếp phục, khó thắng,

[71] *Pārāyanavagga*. Xem *GS*. I. 116; *Sn*. 199.
[72] Xem *A*. I. 197; *DB*. III. 221.

Thâm sâu, khó chiến thắng,
Thiện xảo trong nghĩa lý,
Cả hai nghĩa, không nghĩa,
Từ bỏ không ý nghĩa,
Bậc trí nắm lấy nghĩa,
Bậc trí minh kiến nghĩa
Được gọi là bậc trí.

III. KINH KÍNH TRỌNG PHẪN NỘ THỨ NHẤT
(*Paṭhamakodhagarusutta*)[73] (*A*. II. 46)

43. Bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Kính trọng phẫn nộ, không kính trọng Diệu pháp;

Kính trọng gièm pha, không kính trọng Diệu pháp;

Kính trọng lợi dưỡng, không kính trọng Diệu pháp;

Kính trọng cung kính, không kính trọng Diệu pháp.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

Bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Kính trọng Diệu pháp, không kính trọng phẫn nộ;

Kính trọng Diệu pháp, không kính trọng gièm pha;

Kính trọng Diệu pháp, không kính trọng lợi dưỡng;

Kính trọng Diệu pháp, không kính trọng cung kính.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

Các Tỷ-kheo kính trọng,
Phẫn nộ và gièm pha,
Kính trọng các lợi dưỡng,
Kính trọng sự cung kính,
Vị ấy không lớn mạnh,
Trong pháp đức Phật thuyết.
Ai hiện sống, đã sống,
Kính trọng Chánh diệu pháp,
Các vị ấy lớn mạnh,
Trong pháp đức Phật thuyết.

IV. KINH KÍNH TRỌNG PHẪN NỘ THỨ HAI
(*Dutiyakodhagarusutta*) (*A*. II. 47)

44. Này các Tỷ-kheo, có bốn phi Diệu pháp này. Thế nào là bốn?

Kính trọng phẫn nộ, không kính trọng Diệu pháp; kính trọng gièm pha,

---

[73] Xem *S*. I. 169, 240. *Lābhasakkārasiloka*, tên một phẩm trong *S*. II. 225.

không kính trọng Diệu pháp; kính trọng lợi dưỡng, không kính trọng Diệu pháp; kính trọng cung kính, không kính trọng Diệu pháp.

Này các Tỷ-kheo, có bốn phi Diệu pháp này.

Này các Tỷ-kheo, có bốn Diệu pháp này. Thế nào là bốn?

Kính trọng Diệu pháp, không kính trọng phẫn nộ; kính trọng Diệu pháp, không kính trọng gièm pha; kính trọng Diệu pháp, không kính trọng lợi dưỡng; kính trọng Diệu pháp, không kính trọng cung kính.

Này các Tỷ-kheo, có bốn Diệu pháp này.

Trọng phẫn nộ, gièm pha,
Trọng lợi dưỡng, cung kính,
Như hạt giống hư thối,
Trong thửa ruộng tốt lành,
Tỷ-kheo ấy không lớn,
Trong Chánh pháp vi diệu.
Ai đã sống, hiện sống,
Kính trọng Chánh diệu pháp,
Các vị ấy lớn mạnh,
Trong Chánh pháp vi diệu,
Như dược thảo dùng dầu,
Chữa trị lớn mạnh hơn.

V. KINH ROHITASSA (*Rohitassasutta*)[74] (*A*. II. 47)

45. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi thiên tử Rohitassa sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên tử Rohitassa bạch Thế Tôn:

– Tại chỗ nào, bạch Thế Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới không?

– Này Hiền giả, tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới.

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], Ta tuyên bố rằng không thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới." Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con là vị ẩn sĩ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cường, có huấn

[74] Tham chiếu: *S*. I. 61; *KS*. I. 85; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.1. 0756a07); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1307. 0359a10); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.306. 0477b14).

luyện, khéo tay, thuần thục (*katūpāsano*), với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây Sāla. Bước chân của con là như vậy, như khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn, thành tựu được với tốc độ như vậy, với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: "Với bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùng của thế giới." Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai nếm, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, dầu thọ đến một trăm tuổi, dầu đã sống một trăm tuổi, dầu đi đến một trăm năm, cũng không thể đạt được tận cùng của thế giới, giữa đường con đã chết. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới."

– Này Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: "Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], không thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới." Nhưng này Hiền giả, trong cái thân dài độ mấy tấc này, với những tưởng, những tư duy của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.

Với đi, không bao giờ,
Đạt tận cùng thế giới.
Nếu không, không đạt được,
Chỗ tận cùng thế giới,
Thời không có giải thoát,
Ra khỏi ngoài khổ đau.
Do vậy, bậc Có Trí,
Hiểu biết rõ thế giới,
Đi tận cùng thế giới,
Với Phạm hạnh thành tựu,
Bậc Đạt Được An Tịnh,
Biết tận cùng thế giới,
Không mong cầu đời này,
Không mong cầu đời sau.

VI. KINH ROHITASSA THỨ HAI (*Dutiyarohitassasutta*)[75] (*A*. II. 49)

46. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, bảo các Tỷ-kheo:

– Đêm nay, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa bạch với Ta:

[75] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.1. 0756a07); *Tạp*. 雜 (*T*.02..0099.1307. 0359a10); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.306. 0477b14).

"Tại chỗ nào, bạch Thế Tôn, không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], chúng con có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới?"

Khi được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Thiên tử Rohitassa như sau:

"Này Hiền giả, tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], Ta tuyên bố rằng không thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới."

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Thiên tử Rohitassa nói với Ta như sau:

"Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: 'Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới!' Thuở xưa, bạch Thế Tôn, con là vị ẩn sĩ tên là Rohitassa, con của Bhoja, có thần thông, đi được trên hư không. Tốc độ của con là như thế này, bạch Thế Tôn; ví dụ như một người bắn cung kiên cường, có huấn luyện, khéo tay, thuần thục, với một mũi tên nhẹ có thể dễ dàng bắn xuyên qua bóng một cây Sāla. Bước chân của con là như vậy, như khoảng cách từ biển Đông qua biển Tây. Với con, bạch Thế Tôn, thành tựu được với tốc độ như vậy, với bước chân như vậy, con khởi lên ý muốn như sau: 'Với bước chân đi, ta sẽ đạt đến chỗ tận cùng của thế giới.' Bạch Thế Tôn, trừ khi ăn uống nhai nếm, trừ khi đi đại tiện, tiểu tiện, trừ khi ngủ để lấy lại sức, dầu thọ đến một trăm tuổi, dầu đã sống một trăm tuổi, dầu đi đến một trăm năm, cũng không thể đạt được tận cùng của thế giới, giữa đường con đã chết. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thật là khéo nói, bạch Thế Tôn, lời nói này của Thế Tôn: 'Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], Ta tuyên bố rằng không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới.'"

Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Thiên tử Rohitassa:

"Này Hiền giả, Ta tuyên bố rằng: 'Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ [đời này], không có sanh khởi [đời khác], không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới.' Nhưng này Hiền giả, trong cái thân dài một tấm này, với những tưởng, những tư duy của nó, Ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt."

Với đi, không bao giờ,
Đạt tận cùng thế giới.
Nếu không, không đạt được,
Chỗ tận cùng thế giới,
Thời không có giải thoát,

Ra khỏi ngoài khổ đau.
Do vậy, bậc Có Trí,
Hiểu biết rõ thế giới,
Đi tận cùng thế giới,
Với Phạm hạnh thành tựu.
Bậc Đạt Được An Tịnh,
Biết tận cùng thế giới,
Không mong cầu đời này,
Không mong cầu đời sau.

VII. KINH RẤT XA XĂM (*Suvidūrasutta*) (*A*. II. 50)

47. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự việc này, rất xa, rất xa với nhau. Thế nào là bốn?

Trời và đất, này các Tỷ-kheo, là sự việc thứ nhất rất xa, rất xa với nhau. Bờ biển bên này, này các Tỷ-kheo, với bờ biển bên kia, là sự việc thứ hai rất xa, rất xa với nhau. Từ chỗ mặt trời mọc lên, này các Tỷ-kheo, đến chỗ mặt trời lặn xuống, là sự việc thứ ba rất xa, rất xa với nhau. Pháp của hạng người bất thiện, này các Tỷ-kheo, với pháp của hạng người thiện, là sự việc thứ tư rất xa, rất xa với nhau.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn sự việc rất xa, rất xa với nhau này.

Rất xa là bầu trời,
Cũng rất xa, quả đất,
Người ta nói rất xa,
Là bờ biển bên kia.
Từ chỗ mặt trời mọc,
Chói sáng, tỏa ánh sáng,
Đến chỗ mặt trời lặn,
Rằng xa, thật là xa.
Người ta nói xa hơn,
Là pháp của bậc thiện,
Với pháp kẻ bất thiện,
Thật xa, xa hơn nhiều.
Hòa hợp với bậc thiện,
Thường hằng, không hoại diệt,
Khi nào còn đứng vững,
Vẫn như vậy kiên trì.
Còn hòa hợp bất thiện,
Rất mau bị phá hoại,
Do vậy pháp bậc thiện,
Rất xa pháp kẻ ác.

VIII. KINH VISĀKHA (*Visākhasutta*)[76] (*A*. II. 51)

48. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Visākha Pañcāliputta, trong hội trường với pháp thoại, đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, với lời nói lịch sự, thông suốt, không có phều phào, với ý nghĩa rõ ràng minh bạch, không có ngập ngừng.[77] Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy đi đến hội trường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, ai đang thuyết pháp trong hội trường cho các Tỷ-kheo, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, với lời nói lịch sự, thông suốt, không có phều phào, với ý nghĩa rõ ràng minh bạch, không có ngập ngừng?

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Visākha Pañcāliputta đang thuyết pháp trong hội trường cho các Tỷ-kheo, khích lệ... không có ngập ngừng.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Visākha Pañcāliputta:

– Lành thay! Lành thay! Này Visākha. Lành thay! Này Visākha, ông đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo... không có ngập ngừng.

Nếu vị ấy không nói,
Họ không biết vị ấy,
Như vậy bậc hiền trí,
Lẫn lộn với kẻ ngu.
Nếu vị ấy nói lên,
Họ biết đến vị ấy,
Khi vị ấy thuyết giảng,
Con đường đến bất tử.
Vậy hãy thuyết giảng lên,
Chói sáng chơn Diệu pháp,
Hãy dâng cao ngọn cờ,
Ngọn cờ các Ẩn sĩ.
Khéo nói là ngọn cờ,
Của các bậc Ẩn sĩ,
Và pháp là ngọn cờ,
Của những bậc Ẩn sĩ.

IX. KINH ĐIÊN ĐẢO (*Vipallāsasutta*)[78] (*A*. II. 52)

49. Này các Tỷ-kheo, có bốn tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo này. Thế nào là bốn?

---

[76] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1069. 0277b28); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.8. 0375c13). Xem *Pss. Breth*. 152; *KS*. II. 190, ở đây được đức Phật tán thán cách Visākha thuyết giảng và đọc lên bài kệ.

[77] Xem *S*. I. 189 (Tán thán Tôn giả Sāriputta thuyết giảng), chỉ thiếu chữ cuối *anissitāya*. Nghĩa trong *Chú giải* là không bị cuốn theo vòng luân hồi, nhưng ở đây dịch là lưu loát, không có ngập ngừng.

[78] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.5. 0876c17).

Trong vô thường nghĩ là thường, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Trong khổ nghĩ là không khổ, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Trong vô ngã nghĩ là ngã, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Trong không thanh tịnh nghĩ là thanh tịnh, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Này các Tỷ-kheo, có bốn tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo này.

Này các Tỷ-kheo, có bốn tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo này. Thế nào là bốn?

Trong vô thường nghĩ là vô thường, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo. Trong khổ nghĩ là khổ, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo. Trong vô ngã nghĩ là vô ngã, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo. Trong không thanh tịnh nghĩ là không thanh tịnh, này các Tỷ-kheo, đó là tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo.

Này các Tỷ-kheo, có bốn tưởng không điên đảo, tâm không điên đảo, kiến không điên đảo này.

Trong vô thường tưởng thường.
Trong khổ tưởng là lạc,
Trong vô ngã tưởng ngã,
Trong bất tịnh tưởng tịnh,
Chúng sanh đến tà kiến,
Tâm động tưởng tà vọng,
Bị ma trói buộc chặt,
Không thoát khỏi ách nạn,
Chúng sanh bị luân chuyển,
Trong sanh tử luân hồi.
Khi chư Phật xuất hiện,
Ở đời chói hào quang,
Tuyên thuyết Diệu pháp này,
Đưa đến khổ lắng dịu.
Nghe pháp được trí tuệ,
Trở lại được tự tâm,
Thấy vô thường không thường,
Thấy đau khổ là khổ,
Thấy tự ngã không ngã,
Thấy bất tịnh không tịnh,
Do hành chánh tri kiến,
Vượt qua mọi đau khổ.

X. KINH CÁC UẾ NHIỄM (*Upakkilesasutta*)[79] (*A*. II. 53)

50. Này các Tỷ-kheo, có bốn uế nhiễm này của mặt trăng, mặt trời; do những uế nhiễm này làm ô nhiễm, mặt trăng, mặt trời không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng. Thế nào là bốn?

Mây, này các Tỷ-kheo, là uế nhiễm của mặt trăng, mặt trời; do uế nhiễm này làm ô nhiễm, mặt trăng, mặt trời không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng. Mù, này các Tỷ-kheo, là uế nhiễm của mặt trăng, mặt trời... Khói và bụi, này các Tỷ-kheo, là uế nhiễm của mặt trăng, mặt trời... Rāhu, vua các loài a-tu-la, này các Tỷ-kheo, là uế nhiễm của mặt trăng, mặt trời; do uế nhiễm này làm ô nhiễm, mặt trăng, mặt trời không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng.

Này các Tỷ-kheo, có bốn uế nhiễm này của mặt trăng, mặt trời, do những uế nhiễm này làm ô nhiễm mặt trăng, mặt trời, không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn uế nhiễm này của các Sa-môn, Bà-la-môn; do uế nhiễm này làm ô nhiễm, các Sa-môn, Bà-la-môn không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, một số Sa-môn, Bà-la-môn uống rượu men rượu nấu, không từ bỏ rượu men rượu nấu; này các Tỷ-kheo, đây là uế nhiễm thứ nhất của Sa-môn, Bà-la-môn; do uế nhiễm này làm ô nhiễm, các Sa-môn, Bà-la-môn không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng.

Này các Tỷ-kheo, một số Sa-môn, Bà-la-môn hưởng thọ dâm dục, không từ bỏ dâm dục; này các Tỷ-kheo, đây là uế nhiễm thứ hai... không có rực sáng.

Này các Tỷ-kheo, một số Sa-môn, Bà-la-môn chấp nhận vàng và bạc, không từ bỏ nhận lấy vàng và bạc; này các Tỷ-kheo, đây là uế nhiễm thứ ba... không có rực sáng.

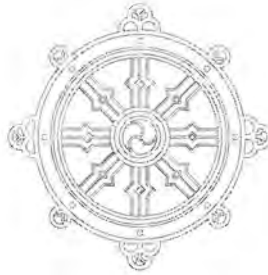
Này các Tỷ-kheo, một số Sa-môn, Bà-la-môn sinh sống với tà mạng, không từ bỏ tà mạng; này các Tỷ-kheo, đây là uế nhiễm thứ tư của các Sa-môn, Bà-la-môn; do uế nhiễm này làm ô nhiễm, các Sa-môn, Bà-la-môn không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng.

Này các Tỷ-kheo, có bốn uế nhiễm này của các Sa-môn, Bà-la-môn; do những uế nhiễm này làm ô nhiễm, các Sa-môn, Bà-la-môn không có cháy sáng, không có chói sáng, không có rực sáng.

Có Sa-môn, Phạm chí,
Bị tham sân trói buộc,
Bị vô minh bao phủ.
Loài người ưa sắc đẹp,
Uống rượu men rượu nấu,
Hưởng thụ pháp dâm dục,

[79] Tham chiếu: *Vin*. II. 295; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.28.2. 0650a08).

Mê hoặc, họ chấp nhận,
Nhận lấy[80] vàng và bạc,
Các Sa-môn, Phạm chí,
Sinh sống theo tà mạng.
Phật, Bà Con Mặt Trời
Nói đến uế nhiễm ấy,
Bị ô nhiễm bởi chúng,
Các Sa-môn, Phạm chí,
Không cháy sáng, chói sáng,
Ánh sáng[81] bụi ô nhiễm,
Bao phủ bởi tối tăm,
Nô lệ bởi ái dục,
Bị ái kéo, dắt dẫn,
Chúng làm đầy dẫy thêm,
Bãi tha ma ghê tởm,
Họ lại phải tái sanh.



[80] *AA*. III. 92: *Sādiyantīti gaṇhanti*. ("Nhận lấy" nghĩa là giữ lấy, chiếm lấy). Xem *KS*. IV. 230.
[81] *Magā* còn có nghĩa là các con thú, như trong *Vin*. II. 295.

VI. PHẨM NGUỒN SANH PHƯỚC
(*PUÑÑĀBHISANDAVAGGA*)

I. KINH NGUỒN SANH PHƯỚC THỨ NHẤT
(*Paṭhamapuññābhisandasutta*)[82] (*A*. II. 54)

51. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Có bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ y của ai, đạt đến và an trú vô lượng tâm định, như vậy là nguồn sanh phước vô lượng cho người ấy, là nguồn sanh thiện đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ đồ ăn khất thực của ai... Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ trú xứ của ai... Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ dược phẩm trị bệnh của ai, đạt đến và an trú vô lượng tâm định, như vậy là nguồn sanh phước vô lượng cho người ấy, là nguồn sanh thiện đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, thời không dễ gì để nắm lấy một số lượng phước thiện, và nói rằng: "Có chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc"; vì rằng cả khối phước thiện lớn được xem là vô số, vô lượng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong biển lớn, thật không dễ gì để nắm lấy một số lượng nước và nói rằng: "Có chừng ấy thùng nước, hay có chừng ấy trăm thùng nước, hay có chừng ấy ngàn thùng nước, hay có chừng ấy trăm ngàn thùng nước"; vì rằng cả khối lượng lớn nước được xem là vô số, vô lượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, thời không dễ gì nắm lấy một số lượng phước thiện và nói rằng: "Có chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, đem lại an lạc thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ,

[82] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh PTS dịch: *Flood of Merit* (*to Laymen*), nghĩa là *Nguồn sanh phước* (*với cư sĩ*).

khả ý, hạnh phúc, an lạc"; vì rằng cả khối phước thiện lớn được xem là vô số, vô lượng.

Biển lớn không hạn lượng,
Hồ lớn nhiều sợ hãi,
Là kho tàng cất giữ,
Vô số lượng châu báu,
Cũng là chỗ trú ẩn,
Vô số các loại cá,
Là chỗ các sông lớn
Quy tụ chảy ra biển.
Cũng vậy, người bố thí,
Đồ ăn và đồ uống,
Vải mặc và giường nằm,
Chỗ ngồi và thảm nệm,
Bậc Hiền thí như vậy,
Phước đức ùa chảy đến,
Như sông dẫn dòng nước,
Ùa chảy vào bể cả.

II. KINH NGUỒN SANH PHƯỚC THỨ HAI
(*Dutiyapuññābhisandasutta*) (*A*. II. 56)

52. Này các Tỷ-kheo, có bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với Phật. Bậc Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ nhất đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp. Pháp được Thế Tôn khéo nói, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ hai đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng. Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được đảnh lễ, đáng được chắp tay,

là vô thượng phước điền ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ ba này đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với những giới được bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị bể vụn, không bị điểm chấm, không bị uế nhiễm, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ tư đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỷ-kheo, bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, đem lại an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Ai tin tưởng Như Lai,
Bất động, khéo an trú,
Ai tin giới, hiền thiện,
Bậc Thánh khen, mến chuộng,
Ai tịnh tín chúng Tăng,
Với cái nhìn chánh trực,
Người ấy được họ gọi,
Không phải là người nghèo,
Đời sống người như vậy,
Không phải đời trống rỗng.
Do vậy, tín và giới,
Tịnh tín và thắng pháp,
Bậc trí chú tâm niệm,
Lời dạy của chư Phật.

III. KINH SỐNG CHUNG THỨ NHẤT (*Paṭhamasaṃvāsasutta*) (*A*. II. 57)

53. Một thời, Thế Tôn đang đi trên con đường giữa Madhurā và Verañjā. Có nhiều nam gia chủ và nữ gia chủ cũng đang đi trên con đường giữa Madhurā và Verañjā. Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, đến ngồi dưới một gốc cây, trên chỗ đã được sửa soạn. Các nam gia chủ và nữ gia chủ thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ đang ngồi một bên:

– Này các gia chủ, có bốn loại sống chung này. Thế nào là bốn? Đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ, đê tiện nam sống chung với thiên nữ, thiên nam sống chung với đê tiện nữ, thiên nam sống chung với thiên nữ.

Và này các gia chủ, thế nào là đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ?

Ở đây, này các gia chủ, người chồng sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu, ác giới, tánh ác, sống ở gia đình với tâm bị cấu uế xan tham chi phối, nhiếc mắng, chửi rủa các

Sa-môn, Bà-la-môn. Còn người vợ cũng sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu, ác giới, tánh ác, sống ở gia đình với tâm bị cấu uế xan tham chi phối, nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các gia chủ, là đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ.

Và này các gia chủ, thế nào là đê tiện nam sống chung với thiên nữ?

Ở đây, này các gia chủ, người chồng sát sanh... nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Còn người vợ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, có giới, thiện tánh, sống ở gia đình với tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các gia chủ, là đê tiện nam sống chung với thiên nữ.

Và này các gia chủ, thế nào là thiên nam sống chung với một đê tiện nữ?

Ở đây, này các gia chủ, người chồng từ bỏ sát sanh... không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Nhưng người vợ là người sát sanh, lấy của không cho... nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các gia chủ, là thiên nam sống chung với đê tiện nữ.

Và này các gia chủ, thế nào là thiên nam sống chung với thiên nữ?

Ở đây, này các gia chủ, người chồng từ bỏ sát sanh... không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Và người vợ cũng là người từ bỏ sát sanh... không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các gia chủ, là thiên nam sống chung với thiên nữ.

Này các gia chủ, có bốn loại chung sống này.

Cả hai là ác giới,
Xan tham và nhiếc mắng,
Cặp vợ và chồng ấy,
Đê tiện, sống đê tiện.
Chồng là người ác giới,
Xan tham và nhiếc mắng,
Vợ là người có giới,
Bố thí, không xan tham,
Như vậy, vợ thiên nữ,
Sống với chồng đê tiện.
Chồng là người có giới,
Bố thí, không xan tham,
Vợ là đê tiện nữ,
Chung sống chồng thiên nam.
Cả hai tín, bố thí,
Sống chế ngự, chánh mạng,
Cả hai vợ chồng ấy,

Nói lời thân ái nhau,
Đời sống nhiều hạnh phúc,
Chờ đợi hai người ấy.
Kẻ thù không thích ý,
Cả hai giới hạnh lành,
Ở đây sống theo pháp,
Giữ cấm giới đồng đẳng,
Cả hai giới hạnh lành,
Sống hoan hỷ thiên giới,
Hân hoan được thỏa mãn,
Đúng với điều cầu mong.

IV. KINH SỐNG CHUNG THỨ HAI (*Dutiyasaṃvāsasutta*) (*A*. II. 59)

54. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại sống chung này. Thế nào là bốn? Đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ, đê tiện nam sống chung với thiên nữ, thiên nam sống chung với đê tiện nữ, thiên nam sống chung với thiên nữ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đê tiện nam sống chung với đê tiện nữ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chồng là người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân tâm, tà kiến, ác giới, ác tánh, sống trong gia đình với tâm bị cấu uế xan tham chi phối, nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Còn người vợ cũng sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham lam, sân tâm, tà kiến, ác giới, ác tánh, sống ở gia đình với tâm bị cấu uế xan tham chi phối, nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đê tiện nam chung sống với đê tiện nữ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đê tiện nam sống chung với thiên nữ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chồng sát sanh... nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Còn người vợ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham, không có sân tâm, chánh kiến, có giới, thiện tánh, sống ở gia đình với tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đê tiện nam sống chung với thiên nữ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thiên nam sống chung với đê tiện nữ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chồng từ bỏ sát sanh... không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Nhưng người vợ là người sát sanh, lấy của không cho... nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là thiên nam sống chung với đê tiện nữ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thiên nam sống chung với thiên nữ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chồng từ bỏ sát sanh... không có nhiếc mắng,

chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Và người vợ cũng là người từ bỏ sát sanh... không có nhiếc mắng, chửi rủa các Sa-môn, Bà-la-môn. Như vậy, này các Tỷ kheo, là thiên nam sống chung thiên nữ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại sống chung này.

Cả hai là ác giới,
Xan tham và nhiếc mắng,
Cặp vợ và chồng ấy,
Đê tiện sống đê tiện.
Chồng là người ác giới,
Xan tham và nhiếc mắng,
Vợ là người có giới,
Bố thí, không xan tham,
Như vậy vợ thiên nữ
Sống với chồng đê tiện.
Chồng là người có giới,
Bố thí, không xan tham,
Còn người vợ ác giới,
Xan tham và nhiếc mắng,
Vợ là đê tiện nữ,
Chung sống chồng, thiên nam.
Cả hai, tín, bố thí,
Sống chế ngự, chánh mạng,
Cả hai vợ chồng ấy,
Nói lời thân ái nhau,
Đời sống nhiều hạnh phúc,
Chờ đợi hai người ấy.
Kẻ thù không thích ý,
Cả hai giới hạnh lành,
Ở đây sống theo pháp,
Giữ cấm giới đồng đẳng,
Cả hai giới hạnh lành,
Sống hoan hỷ thiên giới,
Hân hoan được thỏa mãn,
Đúng với điều cầu mong.

V. KINH SỐNG ĐỜI VỚI NHAU THỨ NHẤT
(*Paṭhamasamajīvīsutta*)[83] (*A*. II. 61)

55. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Suṃsumāragira, rừng Bhesakaḷā, ở Vườn Nai. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ gia chủ cha của Nakula; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn

[83] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Well Matched*, nghĩa là *Xứng đôi*.

sẵn. Rồi gia chủ cha của Nakula và nữ gia chủ mẹ của Nakula đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ cha của Nakula bạch Thế Tôn:

– Từ khi nữ gia chủ mẹ của Nakula được đem về đây cho con, khi con còn trẻ tuổi, con biết con không bao giờ có điều gì xâm phạm đến vợ con, cho đến ý nghĩ cũng không, chớ đừng nói gì đến thân. Vì rằng, bạch Thế Tôn, chúng con muốn thấy mặt nhau trong đời này, mà còn muốn thấy mặt nhau trong đời sau nữa.

Nữ gia chủ mẹ của Nakula bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, từ khi con được đem về đây cho gia chủ cha của Nakula, khi con còn trẻ tuổi, con biết con không bao giờ có điều gì xâm phạm đến gia chủ cha của Nakula, cho đến ý nghĩ cũng không, chớ đừng nói gì đến thân. Vì rằng, bạch Thế Tôn, chúng con muốn thấy mặt nhau trong đời này, mà còn muốn thấy mặt nhau trong đời sau nữa.

– Vậy này các gia chủ, khi cả hai vợ chồng muốn thấy mặt nhau trong đời này, cũng muốn thấy mặt nhau trong đời sau nữa, và cả hai người là đồng tín, đồng giới, đồng thí, đồng trí tuệ; thời trong đời hiện tại, các người được thấy mặt nhau, và trong đời sau, các người cũng được thấy mặt nhau.

Cả hai tín, bố thí,
Sống chế ngự, chánh mạng,
Cả hai vợ chồng ấy,
Nói lời thân ái nhau,
Đời sống nhiều hạnh phúc,
Chờ đợi hai người ấy.
Kẻ thù không thích ý,
Cả hai giới hạnh lành,
Ở đây sống theo pháp,
Giữ cấm giới đồng đẳng,
Cả hai giới hạnh lành,
Sống hoan hỷ thiên giới,
Hân hoan được thỏa mãn,
Đúng với điều sở cầu.

VI. KINH SỐNG ĐỜI VỚI NHAU THỨ HAI
(***Dutiyasamajīvīsutta***) (*A*. II. 62)

56. (Như kinh trên, nhưng bắt đầu bằng lời của Thế Tôn dạy cho các Tỷ-kheo).

VII. KINH SUPPAVĀSĀ (*Suppavāsāsutta*)[84] (*A*. II. 62)

57. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Koliya, tại thị trấn của dân chúng Koliya tên là Sajjanela. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát,

[84] Xem *GS*. I. 25. Cô được xem là người cúng dường đồ ăn khất thực ngon đệ nhất.

đi đến trú xứ của Suppavāsā, người dân Koliya; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Suppavāsā, người dân Koliya, sau khi tự tay mời Thế Tôn dùng cho đến thỏa mãn các món ăn loại cứng và loại mềm, rồi Suppavāsā, thuộc dân tộc Koliya, sau khi Thế Tôn ăn đã xong, tay đã rời khỏi bát,[85] liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Suppavāsā, người dân Koliya, đang ngồi một bên:

– Các Thánh nữ đệ tử khi bố thí đồ ăn, này Suppavāsā, bố thí bốn sự cho những người nhận. Thế nào là bốn? Cho thọ mạng, cho dung sắc, cho an lạc, cho sức mạnh.

Sau khi cho thọ mạng, người cho được chia phần (*bhāginī*) thọ mạng, thuộc cõi trời hay cõi người. Sau khi cho dung sắc, người cho được chia phần dung sắc, thuộc cõi trời hay cõi người. Sau khi cho an lạc, người cho được chia phần an lạc, thuộc cõi trời hay cõi người. Sau khi cho sức mạnh, người cho được chia phần sức mạnh, thuộc cõi trời hay cõi người. Này Suppavāsā, khi Thánh nữ đệ tử bố thí đồ ăn, bố thí bốn sự này cho những người nhận.

Cho đồ ăn khéo làm,
Sạch, thù diệu, vị ngon,
Nàng với sự cúng dường,
Bố thí vị chánh trực,
Những vị sống chánh hạnh,
Là những bậc đại hành,
Với đức, gặt công đức,
Lại được quả to lớn.
Bậc Hiểu Biết Thế Gian,
Có lời tán thán nàng,
Ức niệm tế đàn vậy,
Họ dạo quanh thế giới,
Với tâm tư hoan hỷ,
Nhiếp phục gốc xan tham,
Không bị ai chỉ trích,
Chứng đạt được cõi trời.

VIII. KINH SUDATTA (*Sudattasutta*)[86] (*A*. II. 63)

58. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, bậc Thánh đệ tử bố thí đồ ăn, bố thí bốn sự cho người nhận. Thế nào là bốn? Cho thọ mạng, cho dung sắc, cho an lạc, cho sức mạnh.

---

[85] *Onītapattapāṇiṃ*. Bản Pāli như *DA*.; *UdA*. 242; v.v… sử dụng nghĩa "tay rời khỏi bát"; còn bản Sanskrit sử dụng nghĩa "rửa tay".

[86] Xem *S*. I. 211.

Sau khi cho thọ mạng, người cho được chia phần thọ mạng, thuộc chư thiên hay loài người; sau khi cho dung sắc, người cho được chia phần dung sắc, thuộc chư thiên hay loài người; sau khi cho an lạc, người cho được chia phần an lạc, thuộc chư thiên hay loài người; sau khi cho sức mạnh, người cho được chia phần sức mạnh, thuộc chư thiên hay loài người.

Này gia chủ, bậc Thánh đệ tử bố thí món ăn, bố thí bốn sự này cho những người nhận.

Những ai khéo chế ngự,
Sống nhờ người bố thí,
Ai tùy thời, nhiệt thành,
Bố thí đồ ăn uống,
Đem lại cho các vị,
Bốn sự kiện như sau:
Cho thọ mạng, dung sắc,
Cho an lạc, sức mạnh.
Vị bố thí thọ mạng,
Vị bố thí sức mạnh,
Người bố thí an lạc,
Người bố thí sức mạnh,
Thọ mạng dài, danh xưng,
Dầu sanh tại chỗ nào.

IX. KINH CÁC ĐỒ ĂN (*Bhojanasutta*) (*A*. II. 64)

59. Người bố thí đồ ăn, này các Tỷ-kheo, bố thí bốn sự cho người nhận. Thế nào là bốn? Cho thọ mạng, cho dung sắc, cho an lạc, cho sức mạnh.

Sau khi cho thọ mạng, người cho được chia phần thọ mạng, thuộc chư thiên hay loài người; sau khi cho dung sắc... cho an lạc... sau khi cho sức mạnh, người cho được chia phần sức mạnh, thuộc chư thiên hay loài người.

Này các Tỷ-kheo, người bố thí các món ăn, bố thí bốn sự này cho người nhận.

Những ai khéo chế ngự,
Sống bố thí người khác,
Ai tùy thời, nhiệt thành,
Bố thí đồ ăn uống,
Đem lại cho các vị,
Bốn sự kiện như sau:
Cho thọ mạng, dung sắc,
Cho an lạc, sức mạnh.
Vị bố thí thọ mạng,
Vị bố thí dung sắc,
Người bố thí an lạc,
Người bố thí sức mạnh,

Thọ mạng dài, danh xưng,
Dầu sanh tại chỗ nào.

X. KINH BỔN PHẬN NGƯỜI GIA CHỦ (*Gihisāmīcisutta*)[87] (*A*. II. 65)

60. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Thành tựu bốn pháp này, này gia chủ, vị Thánh đệ tử bước vào con đường thích đáng của người gia chủ,[88] con đường đem lại tiếng tốt, con đường đưa đến cõi trời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử hộ trì chúng Tỷ-kheo với y, hộ trì chúng Tỷ-kheo với đồ ăn khất thực, hộ trì chúng Tỷ-kheo với sàng tọa, hộ trì chúng Tỷ-kheo với dược phẩm trị bệnh.

Thành tựu với bốn pháp này, này gia chủ, vị Thánh đệ tử bước vào con đường thích đáng của người gia chủ, con đường đem lại tiếng tốt, con đường đưa đến cõi trời.

Bậc hiền trí thực hiện,
Con đường thật xứng đáng,
Của người làm gia chủ,
Hộ trì bậc có giới,
Bậc sở hành chơn chánh,
Hộ trì với y áo,
Với đồ ăn khất thực,
Sàng tọa, thuốc trị bệnh,
Công đức họ tăng trưởng,
Thường hằng ngày lẫn đêm,
Do làm nghiệp hiền thiện,
Đi đến cảnh chư thiên.

---

[87] Tham chiếu: *Thương-ca-la kinh* 傷歌邏經 (*T*.01. 0026.143. 0650b11).

[88] *Gihisāmīcipaṭipadāṃ*. Xem *S*. V. 333. Trong *AA*. III. 97: *Gihisāmīcipaṭipadanti gihīnaṃ anucchavikaṃ paṭipattiṃ* ("Cách thực hành thích đáng của người gia chủ" nghĩa là cách thực hành thích hợp, đúng đắn của người gia chủ).

VII. PHẨM NGHIỆP CÔNG ĐỨC (*PATTAKAMMAVAGGA*)

I. KINH NGHIỆP CÔNG ĐỨC (*Pattakammasutta*)[89] (*A*. II. 65)

61. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Có bốn pháp này, này gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời. Thế nào là bốn?

"Mong rằng tài sản khởi lên cho ta đúng pháp"; đây là pháp thứ nhất, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời. "Tài sản đã được đúng pháp, mong rằng tiếng tốt được đồn về ta, cùng với bà con và các bậc Thầy"; đây là pháp thứ hai, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời. "Tài sản đã được đúng pháp, tiếng tốt đã được đồn về ta, cùng với bà con và các bậc Thầy, mong rằng ta sống lâu, hộ trì thọ mạng kéo dài"; đây là pháp thứ ba, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời. "Tài sản đã được đúng pháp, tiếng tốt đã được đồn về ta, cùng với bà con và các bậc Thầy, sau khi được sống lâu, hộ trì thọ mạng kéo dài, mong rằng khi thân hoại mệnh chung, ta sanh lên cõi thiện, cõi trời, cõi đời này"; đây là pháp thứ tư, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

Bốn pháp này, này gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời.

Này gia chủ, đối với bốn pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời này, có bốn pháp đưa đến chứng được những pháp ấy. Thế nào là bốn? Đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ.

Và này gia chủ, thế nào là đầy đủ lòng tin? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: Vị này là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Này gia chủ, đây gọi là đầy đủ lòng tin.

Và này gia chủ, thế nào là đầy đủ giới? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh... từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Này gia chủ, đây gọi là đầy đủ giới.

Và này gia chủ, thế nào là đầy đủ bố thí? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử sống ở gia đình, tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi, với

[89] Tham chiếu: *Hành dục kinh* 行欲經 (*T*.01. 0026.126. 0615a08).

bàn tay rộng mở, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, vui thích san sẻ vật bố thí. Này gia chủ, đây gọi là đầy đủ bố thí.

Và này gia chủ, thế nào là đầy đủ trí tuệ? Này gia chủ, sống với tâm bị dục tham chinh phục, làm việc không nên làm, không làm việc nên làm; do làm việc không nên làm, không làm việc nên làm, vị ấy rời khỏi (*dhaṃsati*) danh tiếng và an lạc. Này gia chủ, sống với tâm bị sân hận chinh phục... sống với tâm bị hôn trầm thụy miên chinh phục... sống với tâm bị trạo hối chinh phục... sống với tâm bị nghi chinh phục, làm việc không nên làm, không làm việc nên làm; do làm việc không nên làm, không làm việc nên làm, vị ấy rời khỏi danh tiếng và an lạc.

Này gia chủ, vị Thánh đệ tử ấy, sau khi biết được dục tham là uế nhiễm của tâm, từ bỏ dục tham, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được sân hận là uế nhiễm của tâm, từ bỏ sân hận, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được hôn trầm thụy miên là uế nhiễm của tâm, từ bỏ hôn trầm thụy miên, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được trạo hối là uế nhiễm của tâm, từ bỏ trạo hối, uế nhiễm của tâm; sau khi biết được nghi là uế nhiễm của tâm, từ bỏ nghi, uế nhiễm của tâm; này gia chủ, đây gọi là vị Thánh đệ tử có đại trí tuệ, có trí tuệ rộng lớn, bước vào giới vức minh kiến,[90] đầy đủ trí tuệ. Đây gọi là đầy đủ trí tuệ.

Này gia chủ, đối với bốn pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó được ở đời này, có bốn pháp này đưa đến chứng được những pháp ấy.

Vị Thánh đệ tử ấy, này gia chủ, với tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, là người đã làm bốn hành động. Thế nào là bốn?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử với tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, tự làm mình an lạc, hoan hỷ, là người chơn chánh đem lại an lạc;[91] giúp cha mẹ được an lạc, hoan hỷ, là người chơn chánh đem lại an lạc; giúp vợ con, người phục vụ, người làm công được an lạc, hoan hỷ, là người chơn chánh đem lại an lạc; giúp bạn bè thân hữu được an lạc, hoan hỷ, là người chơn chánh đem lại an lạc. Này gia chủ, đây là trường hợp thứ nhất vị ấy đi đến được, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ.

Lại nữa, này gia chủ, vị Thánh đệ tử với tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, với tài sản ấy, tự làm cho mình[92] được an toàn, chống lại những tai họa từ lửa đến, từ nước đến, từ vua đến, từ ăn trộm đến, từ các thừa

---

[90] *Āpātadaso. AA.* III. 99: *Āpātadasoti taṃ taṃ atthaṃ āpāteti tameva passati, sukhumampissa atthajātaṃ āpātaṃ āgacchatiyevāti attho* ("Bước vào giới vức minh kiến" nghĩa là thấy biết rõ đúng đắn trong bất kỳ trường hợp nào, ngay cả trường hợp hết sức vi tế).

[91] *Sammā sukhaṃ pariharati.*

[92] *Vattanti*. Bản Tích Lan và *Chú giải* viết là *vattati. AA.* III. 100: *Pariyodhāya saṃvattatīti pidahitvā vattati* ("Hướng đến chống lại" nghĩa là yểm hộ và duy trì).

tự thù nghịch đến. Này gia chủ, đây là trường hợp thứ hai vị ấy đi đến được, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ.

Lại nữa, này gia chủ, vị Thánh đệ tử với tài sản... thâu hoạch đúng pháp. Với tài sản ấy, vị ấy tổ chức năm loại lễ hiến cúng: Hiến cúng cho bà con, hiến cúng cho khách, hiến cúng cho các vong linh quá khứ,[93] hiến cúng cho vua, hiến cúng cho chư thiên. Này gia chủ, đây là trường hợp thứ ba vị ấy đi đến được, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ.

Lại nữa, này gia chủ, vị Thánh đệ tử với tài sản... thâu hoạch đúng pháp, đối với những vị Sa-môn, Bà-la-môn sống từ bỏ kiêu mạn, phóng dật, an trú trên nhẫn nhục, nhu hòa, an tịnh tự mình, nhiếp phục tự mình, làm lắng dịu tự mình; đối với những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy, vị ấy tổ chức sự cúng dường tối thượng, thuộc về cõi trời, đem đến quả lạc dị thục, đưa đến thiên giới.[94] Này gia chủ, đây là trường hợp thứ tư vị ấy đi đến được, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ.

Vị Thánh đệ tử ấy, này gia chủ, với tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp; với tài sản ấy, vị ấy là người đã làm được bốn hành động này. Nếu tài sản của ai, này gia chủ, được tiêu dùng không đúng với bốn hành động này, những tài sản này được gọi là tài sản đi đến không lợi ích, đi đến không thành đạt, đạt được sự hưởng thọ không đúng phương xứ. Nếu những tài sản của ai, này gia chủ, được tiêu dùng với bốn hành động này, những tài sản này được gọi là những tài sản đi đến lợi ích, đi đến thành đạt, đạt được sự hưởng thọ đúng phương xứ.

Tài sản ta thọ hưởng,
Gia nhân được nuôi dưỡng,
Chính nhờ các tài sản,
Do ta tránh tai họa,
Ta cúng dường tối thượng,
Làm năm loại hiến vật,
Hộ trì bậc trì giới,
Bậc tự điều, Phạm hạnh,
Mục đích gì bậc trí,
Trú nhà, cầu tài sản,
Mục đích ấy ta đạt,
Được làm không hối hận.
Người nào nhớ nghĩ vậy,
An trú trên Thánh pháp,
Đời này được tán thán,

[93] Petã còn ở trong địa ngục. Devatã ở thiên giới.

[94] Xem *D.* III. 66.

Đời sau được hoan hỷ,
Trên cảnh giới chư thiên.

II. KINH KHÔNG NỢ (*Ānaṇyasutta*) (*A*. II. 69)

62. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Có bốn loại an lạc này, này gia chủ, người tại gia thọ hưởng các dục thâu hoạch được, tùy thời gian, tùy thời cơ khởi lên cho vị ấy. Thế nào là bốn? Lạc sở hữu, lạc thọ dụng tài sản, lạc không mắc nợ, lạc không phạm tội.

Và này gia chủ, thế nào là lạc sở hữu?

Ở đây, này gia chủ, tài sản của người thiện nam thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp. Vị ấy suy nghĩ: "Ta có tài sản, thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay... thâu hoạch đúng pháp." Nghĩ vậy, vị ấy được lạc, được hỷ. Này gia chủ, đây gọi là lạc sở hữu.

Và này gia chủ, thế nào là lạc thọ dụng tài sản?

Ở đây, này gia chủ, người thiện nam tử thọ hưởng những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được... thâu hoạch đúng pháp và làm các việc phước đức. Vị ấy nghĩ rằng: "Ta thọ hưởng những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn... thâu hoạch đúng pháp và ta làm các phước đức." Nghĩ vậy, vị ấy được lạc, được hỷ. Này gia chủ, đây gọi là lạc thọ dụng tài sản.

Và này gia chủ, thế nào là lạc không mắc nợ?

Ở đây, này gia chủ, người thiện nam tử không có mắc nợ ai một điều gì, ít hay nhiều. Vị ấy nghĩ rằng: "Ta không có mắc nợ ai một điều gì, ít hay nhiều." Nghĩ vậy, vị ấy được lạc, được hỷ. Này gia chủ, đây gọi là lạc không mắc nợ.

Và này gia chủ, thế nào là lạc không phạm tội?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu thân hành không phạm tội, thành tựu khẩu hành không phạm tội, thành tựu ý hành không phạm tội. Vị ấy nghĩ rằng: "Ta thành tựu thân hành không phạm tội, khẩu hành không phạm tội, ý hành không phạm tội." Nghĩ vậy, vị ấy được lạc, được hỷ. Này gia chủ, đây gọi là lạc không phạm tội.

Có bốn loại lạc này, này gia chủ, người tại gia thọ hưởng các dục thâu hoạch được, tùy thời gian, tùy thời cơ khởi lên cho vị ấy.

Được lạc không mắc nợ,
Nhớ đến lạc sở hữu,
Người hưởng lạc tài sản,
Với tuệ, thấy như thị.
Do thấy, vị ấy biết,
Sáng suốt cả hai phần,
Lạc vậy chỉ bằng được,

Bằng một phần mười sáu,
Lạc không có phạm tội.

III. KINH BẰNG VỚI PHẠM THIÊN (*Brahmasutta*) (*A*. II. 70)

63. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, cha mẹ được các con đảnh lễ cúng dường ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là giống như Phạm thiên. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, cha mẹ được các con đảnh lễ cúng dường ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là giống như bậc Đạo sư thời xưa. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, cha mẹ được các con đảnh lễ cúng dường ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là giống như chư thiên thời trước. Những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, cha mẹ được các con đảnh lễ cúng dường ở trong nhà, những gia đình ấy được xem là đáng được cúng dường.

Phạm thiên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha; các bậc Đạo sư thời xưa, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha; chư thiên thuở xưa, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha; đáng được cung kính cúng dường, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với mẹ cha. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì mẹ cha giúp đỡ rất nhiều cho các con, nuôi dưỡng chúng lớn và giới thiệu chúng vào đời này.

Mẹ cha gọi Phạm thiên,
Bậc Đạo sư thời trước,
Xứng đáng được cúng dường,
Vì thương đến con cháu.
Do vậy, bậc Hiền sĩ,
Đảnh lễ và tôn trọng,
Dâng đồ ăn, đồ uống,
Vải mặc và giường nằm,
Thoa bóp cả thân mình,
Tắm rửa cả chân tay.
Với sở hành như vậy,
Đối với mẹ và cha,
Đời này người hiền khen,
Đời sau hưởng thiên lạc.

IV. KINH ĐỊA NGỤC (*Nirayasutta*) (*A*. II. 71)

64. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Với bốn pháp gì? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Sát sanh và trộm cắp,
Cái được gọi nói láo,

Và đi đến vợ người,
Bậc trí không tán thán.

V. KINH HÌNH THỨC BÊN NGOÀI (*Rūpasutta*) (*A*. II. 71)

65. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người đo lường sắc và thỏa mãn với sắc; hạng người đo lường tiếng và thỏa mãn với tiếng; hạng người đo lường sự khổ hạnh và thỏa mãn với sự khổ hạnh; hạng người đo lường pháp và thỏa mãn với pháp.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

Những ai đo lường sắc,
Những ai đi đến tiếng,
Bị tham dục dắt dẫn,
Chúng không biết người ấy.
Không biết được nội tâm,
Không thấy được ngoại cảnh,
Kẻ ngu bị bao quanh,
Bị tiếng nói chi phối.
Không biết được nội tâm,
Quán thấy được ngoại cảnh,
Thấy được quả ở ngoài,
Bị tiếng nói chi phối.
Rõ biết được nội tâm,
Quán thấy được ở ngoài,
Thấy rõ không chướng ngại,
Không bị tiếng chi phối.

VI. KINH THAM ÁI (*Sarāgasutta*) (*A*. II. 71)

66. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Có tham, có sân, có si, có mạn. Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

Tham ái vật đẹp đẽ,
Thích thú sắc khả ái,
Bị cột bởi vô minh,
Các hữu tình hạ liệt,
Càng tăng trưởng trói buộc.
Cho đến người có trí,
Làm các việc bất thiện,
Sanh từ tham, sân, si,
Khiến phiền muộn, khó chịu,
Làm đau khổ sanh khởi,
Kẻ bị vô minh vây,

Kẻ mù, không có mắt,
Tự tánh họ là vậy,
Họ không thể nghĩ rằng,
Ta có thể như vậy.[95]

VII. KINH VUA CÁC LOÀI RẮN (*Ahirājasutta*)[96] (*A*. II. 72)

67. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo ở Sāvatthi bị rắn cắn chết. Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo ở Sāvatthi bị rắn cắn đã mệnh chung.

– Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, với từ tâm đã không hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn. Nếu Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, với từ tâm có hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn, thời này các Tỷ-kheo, vị ấy có thể không bị rắn cắn mà mệnh chung. Thế nào là bốn gia đình vua các loài rắn?

Gia đình vua các loài rắn Virūpakkha,[97] gia đình vua các loài rắn Erāpatha, gia đình vua các loài rắn Chabyāputta, gia đình vua các loài rắn Kaṇhāgotamaka; Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, với từ tâm đã không hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn này. Nếu Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, với từ tâm có thể hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn, thời này các Tỷ-kheo, vị ấy có thể không bị rắn cắn mà mệnh chung.

Này các Tỷ-kheo, Ta cho phép với từ tâm hướng đến bốn gia đình vua các loài rắn này để tự bảo vệ, để tự hộ trì, để tự che chở.

Ta hãy có từ tâm,
Với Virūpakkha,
Ta hãy có từ tâm,
Với Erāpatha,
Ta hãy có từ tâm,
Với Chabyāputta,
Ta hãy có từ tâm,
Với Kaṇhāgotamaka,
Ta hãy có từ tâm,
Với các loài không chân,

---

[95] *Yathā dhammā tathā santā, na tassevanti maññare. AA*. III. 103: *Na tassevanti maññareti mayaṃ evaṃsantā evaṃsabhāvāti tassa na maññare, na maññantīti attho* (“Họ không thể nghĩ rằng: ‘Ta có thể như vậy’”, nghĩa là họ không thể nghĩ, không thể tưởng tượng rằng: “Chúng ta đang là như vậy, tự nhiên là vậy”).

[96] Tham chiếu: *Phật thuyết Tùy Dũng Tôn giả kinh* 佛說隨勇尊者經 (*T*.14. 0505. 0773a03).

[97] Xem *D*. II. 258; III. 199; *Dvya*. 126. Có 4 Vua rắn (Cātummahārāja) ở 4 cõi. Virūpakkha là Vua rắn ở phương Tây. *Chú giải Jātaka* viết rằng vị Bồ-tát hứa hẹn rằng những ai đọc bài kệ này sẽ có thọ mạng lâu dài.

Ta hãy có từ tâm,
Với các loài hai chân,
Ta hãy có từ tâm,
Với các loài bốn chân,
Ta hãy có từ tâm,
Với các loài nhiều chân.
Mong rằng loài không chân,
Không có làm hại ta,
Mong rằng loài hai chân,
Không có làm hại ta,
Mong rằng loài bốn chân,
Không có làm hại ta,
Mong rằng loài nhiều chân,
Không có làm hại ta,
Mọi chúng sanh, hữu tình,
Toàn thể mọi sinh vật,
Mong chúng thấy hiền thiện,
Chớ đi đến điều ác.

Đức Phật là vô lượng, Pháp là vô lượng, chúng Tăng là vô lượng; có lượng là các loài bò sát, các loài rắn, các con bò cạp, các con một trăm chân, các loại nhện giăng tơ, các con thằn lằn và các loài chuột. Ta đã làm sự hộ trì, ta đã làm sự che chở. Mong rằng các loài hữu tình sẽ bỏ đi. Ta đảnh lễ đức Thế Tôn. Ta đảnh lễ bảy vị Chánh Đẳng Giác.

VIII. KINH DEVADATTA (*Devadattasutta*)[98] (*A*. II. 73)

68. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu), sau khi Devadatta bỏ đi không bao lâu. Tại đấy, Thế Tôn nhân việc Devadatta, bảo các Tỷ-kheo:

– Đem đến hại mình, này các Tỷ-kheo, khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta; đem đến bất hạnh cho người, này các Tỷ-kheo, khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta! Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây chuối khi sanh ra trái, đem đến hại mình khi sanh ra trái, đem đến bất hạnh cho người khi sanh ra trái; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đem đến hại mình khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta; đem đến bất hạnh cho người khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta. Ví như, này các Tỷ-kheo, cây tre đem đến hại mình khi sanh ra trái, đem đến bất hạnh cho người khi sanh ra trái; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đem đến hại mình khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta, đem đến bất hạnh cho người khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta. Ví như,

[98] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.23.7. 0614a18); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1064. 0276b20); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.12.7. 0570b20).

này các Tỷ-kheo, cây lau đem đến hại mình khi sanh ra trái, đem đến bất hạnh cho người khi sanh ra trái; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đem đến hại mình khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta; đem lại bất hạnh cho người khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta. Ví như, này các Tỷ-kheo, con la đem đến hại mình khi mang thai, đem đến bất hạnh cho người khi mang thai; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đem đến hại mình khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta; đem đến bất hạnh cho người khi lợi dưỡng, cung kính, danh vọng khởi lên cho Devadatta.

Quả giết hại cây chuối,
Giết hại tre và lau,
Cung kính hại người ngu,
Thai tạng hại con la.

IX. KINH TINH CẦN (*Padhānasutta*)[99] (*A*. II. 74)

69. Này các Tỷ-kheo, có bốn tinh cần này.[100] Thế nào là bốn? Tinh cần chế ngự, tinh cần đoạn tận, tinh cần tu tập, tinh cần hộ trì.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần chế ngự?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần chế ngự.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần đoạn tận?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với mục đích đoạn tận các ác, bất thiện pháp, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần đoạn tận.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần tu tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với mục đích làm cho sanh khởi các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần tu tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh cần hộ trì?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tinh cần hộ trì.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại tinh cần này.

Chế ngự và đoạn tận,
Tu tập và hộ trì,
Bốn loại tinh cần này,
Được Bà Con Mặt Trời,

---

[99] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.875-876. 0221a09-14).
[100] Xem *KS*. V. 219.

Được đức Phật thuyết giảng.
Ở đây, vị Tỷ-kheo,
Với bốn tinh cần này,
Nhiệt tâm và nỗ lực,
Đạt được khổ đoạn diệt.

X. KINH PHI PHÁP (*Adhammikasutta*)[101] (*A*. II. 74)

70. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các vua phi pháp có mặt, khi ấy các đại thần phi pháp của vua có mặt. Khi nào các đại thần phi pháp của vua có mặt, khi ấy các Bà-la-môn gia chủ phi pháp có mặt. Khi nào các Bà-la-môn gia chủ phi pháp có mặt, khi ấy dân chúng thị thành và dân chúng các làng trở thành phi pháp. Khi nào dân chúng ở thị thành và các làng là phi pháp, khi ấy mặt trăng, mặt trời đi sai quỹ đạo. Khi nào mặt trăng, mặt trời đi sai quỹ đạo, khi ấy các dãy ngân hà, các loại sao đi sai quỹ đạo. Khi nào các dãy ngân hà, các loại sao đi sai quỹ đạo, khi ấy ngày đêm đi sai quỹ đạo. Khi nào ngày đêm đi sai quỹ đạo, khi ấy tháng và nửa tháng đi sai quỹ đạo. Khi nào tháng và nửa tháng đi sai quỹ đạo, khi ấy thời tiết và năm đi sai quỹ đạo. Khi nào thời tiết và năm đi sai quỹ đạo, khi ấy gió thổi sai lạc trái mùa. Khi nào gió thổi sai lạc trái mùa, khi ấy chư thiên bực mình. Khi nào chư thiên bực mình, khi ấy trời mưa không có điều hòa. Khi nào trời mưa không có điều hòa, khi ấy lúa chín trái mùa. Này các Tỷ-kheo, khi nào lúa chín trái mùa, khi ấy loài người nuôi sống với loại lúa ấy, thì thọ mạng sẽ ngắn, dung sắc xấu, yếu sức và nhiều bệnh.

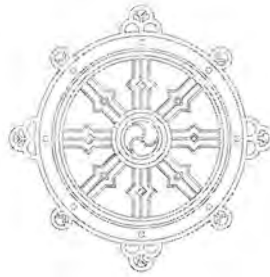
Khi nào, này các Tỷ-kheo, các vua đúng pháp có mặt, khi ấy các vị đại thần đúng pháp của vua có mặt. Khi nào các vị đại thần đúng pháp của vua có mặt, khi ấy các Bà-la-môn gia chủ đúng pháp có mặt. Khi nào các Bà-la-môn gia chủ đúng pháp có mặt, khi ấy dân chúng thị thành và dân chúng các làng trở thành đúng pháp. Khi nào dân chúng ở thị thành và các làng là đúng pháp, khi ấy mặt trăng, mặt trời đi đúng quỹ đạo. Khi nào mặt trăng, mặt trời đi đúng quỹ đạo, khi ấy các dãy ngân hà, các loại sao đi đúng quỹ đạo. Khi nào các dãy ngân hà, các loại sao đi đúng quỹ đạo, khi ấy ngày đêm đi đúng quỹ đạo. Khi nào ngày đêm đi đúng quỹ đạo, khi ấy tháng và nửa tháng đi đúng quỹ đạo. Khi nào tháng và nửa tháng đi đúng quỹ đạo, khi ấy thời tiết và năm đi đúng quỹ đạo. Khi nào thời tiết và năm đi đúng quỹ đạo, khi ấy gió thổi đúng mùa. Khi nào gió thổi đúng mùa, khi ấy chư thiên hoan hỷ. Khi nào chư thiên hoan hỷ, khi ấy trời mưa điều hòa. Khi nào trời trở mưa điều hòa, khi ấy lúa chín đúng mùa. Này các Tỷ-kheo, khi nào lúa chín đúng mùa, khi ấy loài người nuôi sống với loại lúa ấy, thọ mạng sẽ lâu dài, dung sắc đẹp đẽ, có sức mạnh và không có nhiều bệnh.

Khi đàn bò lội sông,
Đầu đàn đi sai lạc,

---

[101] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.11. 0586c03).

Cả đàn đều đi sai,
Vì hướng dẫn sai lạc.
Cũng vậy, trong loài người,
Vị được xem tối thắng,
Nếu sở hành phi pháp,
Còn nói gì người khác,
Cả nước bị đau khổ,
Nếu vua sống phi pháp.
Khi đàn bò lội sông,
Đầu đàn đi đúng hướng,
Cả đàn đều đúng hướng,
Vì hướng dẫn đúng đường.
Cũng vậy, trong loài người,
Vị được xem tối thắng,
Nếu sở hành đúng pháp,
Còn nói gì người khác,
Cả nước được an vui,
Nếu vua sống đúng pháp.



VIII. PHẨM KHÔNG HÝ LUẬN (*APAṆṆAKAVAGGA*)

I. KNH TINH TẤN (*Padhānasutta*) (*A*. II. 76)

71. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt[102] và có những căn bản thẳng tấn[103] để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới, nghe nhiều, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt, và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc.

II. KINH CHÁNH KIẾN (*Sammādiṭṭhisutta*) (*A*. II. 76)

72. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là bốn? Tầm viễn ly, tầm không sân, tầm không hại, chánh tri kiến.[104]

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành con đường thông suốt, và có những căn bản thẳng tấn để đoạn diệt các lậu hoặc.

III. KINH BẬC CHÂN NHÂN (*Sappurisasutta*) (*A*. II. 77)

73. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu không phải bậc chân nhân. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, không phải bậc chân nhân là người dầu không được hỏi, vẫn nói lên lời không tán thán người khác; còn nói gì nếu được hỏi!

Nhưng nếu được hỏi và phải trả lời, thời không dè dặt, không ngập ngừng, vị này nói lên lời không tán thán người khác, đầy đủ toàn bộ. Này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này không phải chân nhân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, không phải chân nhân là người dầu được hỏi, không nói lên lời tán thán người khác; còn nói gì nếu không được hỏi!

Nhưng nếu được hỏi và phải trả lời, thời dè dặt và ngập ngừng, vị này nói lên lời tán thán người khác, không đầy đủ, không toàn bộ. Này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này không phải chân nhân.

---

[102] *Apaṇṇaka* = *Nibbāna* (Xem *A*. I. 111). Trong *A*. I. 270, chỉ cho một con xúc xắc (*maṇi*) rơi đúng. Trong kinh dùng chữ *apaṇṇakatā*. *AA*. III. 106: *Apaṇṇakappaṭipadanti aviraddhappaṭipadaṃ* ("Con đường đúng đắn, chắc thật" nghĩa là con đường không sai, không thất bại). *KS*. IV. 253, Bà Rhys Davids giải thích là không còn xanh, chín chắn, đáng tin cậy. Bản tiếng Nhật dịch là Vô hý luận đạo.

[103] *Yoni cassa āraddhā*. Có nhiều kinh sử dụng thuật ngữ này. Xem *KS*. IV. 176; *A*. I. 113. *It*. 30.

[104] Ba pháp đầu trong *A*. I. 275; *KS*. II. 106.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, không phải chân nhân là người dầu được hỏi, không nói lên lời không tán thán về mình; còn nói gì nếu không được hỏi!

Nhưng nếu được hỏi và phải trả lời, thời dè dặt và ngập ngừng, vị này nói lên lời không tán thán về mình, không đầy đủ, không toàn bộ. Này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu, vị này không phải chân nhân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, không phải là chân nhân là người dầu không được hỏi, cũng nói lên lời tán thán về mình; còn nói gì nếu được hỏi!

Nhưng nếu được hỏi và phải trả lời, không dè dặt, không ngập ngừng, vị này nói lên lời tán thán về mình, đầy đủ và toàn bộ. Này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu vị này không phải chân nhân.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu không phải bậc chân nhân.

Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu là bậc chân nhân. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân là người dầu có được hỏi, không nói lên lời không tán thán người khác; còn nói gì nếu không được hỏi!

Nhưng nếu được hỏi, và phải trả lời, dè dặt và ngập ngừng, vị ấy nói lên lời không tán thán người khác. Cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này là bậc chân nhân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân là người dầu không được hỏi, cũng nói lên lời tán thán người khác; còn nói gì nếu được hỏi!

Nếu được hỏi và phải trả lời, không dè dặt, không ngập ngừng, vị ấy nói lời tán thán người khác, đầy đủ và toàn bộ. Cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này là bậc chân nhân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân là người nếu không được hỏi, vẫn nói lên lời không tán thán về mình; còn nói gì nếu được hỏi!

Nếu được hỏi và phải trả lời, không dè dặt, không ngập ngừng, vị ấy nói lên lời không tán thán về mình, đầy đủ và toàn bộ. Cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này là bậc chân nhân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân dầu có được hỏi cũng không nói lên lời tán thán về mình; còn nói gì nếu không được hỏi!

Nếu được hỏi và phải trả lời, dè dặt và ngập ngừng, vị ấy nói lên lời tán thán về mình, không đầy đủ, không toàn bộ. Cần phải được hiểu, này các Tỷ-kheo, vị này là bậc chân nhân.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu là bậc chân nhân.

[105]Ví như, này các Tỷ-kheo, người vợ trẻ,[106] trong đêm hay ngày, được đưa

---

[105] Trong bản tiếng Anh của PTS, đây là mục IV: *The Young Wife*, nghĩa là *Người vợ trẻ*.

[106] *AA*. III. 107: *Vadhukāti suṇisā* ("Người vợ trẻ" nghĩa là người con dâu). Trong *Ud*. cũng có đề cập đến kinh này.

về nhà chồng, nàng cảm thấy hết sức xấu hổ, sợ hãi trước mặt mẹ chồng, cha chồng, trước mặt chồng, cho đến trước mặt các người phục vụ, làm công. Sau một thời gian, do chung sống, do thân mật, nàng có thể nói với mẹ chồng, với cha chồng, với chồng: "Hãy đi đi, các người có thể biết được gì!"

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có Tỷ-kheo, trong đêm hay ngày, được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, cảm thấy hết sức xấu hổ, sợ hãi trước mặt các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, cho đến trước những người làm vườn và những Sa-di. Sau một thời gian, do chung sống, do thân mật, vị ấy có thể nói với Sư A-xà-lê, với Sư Giáo thọ: "Hãy đi đi, các người có thể biết được gì!"

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Ta sẽ sống với tâm người vợ trẻ khi mới đến nhà chồng." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

IV. KINH SỰ TỐI THƯỢNG THỨ NHẤT (*Paṭhamaaggasutta*) (*A*. II. 79)

74. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự tối thượng này. Thế nào là bốn? Giới tối thượng, Định tối thượng, Tuệ tối thượng, Giải thoát tối thượng. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự tối thượng này.

V. KINH SỰ TỐI THƯỢNG THỨ HAI (*Dutiyaaggasutta*)[107] (*A*. II. 79)

75. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự tối thượng này. Thế nào là bốn? Sắc tối thượng, thọ tối thượng, tưởng tối thượng, hữu tối thượng.[108] Này các Tỷ-kheo, có bốn sự tối thượng này.

VI. KINH KUSINĀRA (*Kusinārasutta*)[109] (*A*. II. 79)

76. Một thời, Thế Tôn trú ở Kusināra, tại Upavattana, trong rừng cây Sāla của dân chúng Mallā, giữa những cây Sāla song thọ, khi Ngài sắp sửa nhập Niết-bàn. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay con đường thực hành, thời này các Tỷ-kheo, các ông hãy hỏi đi, sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn."

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Lần thứ hai, Thế Tôn... Lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

---

[107] Bản tiếng Anh của PTS và bản tiếng Việt đã ấn hành không có tiêu đề này.

[108] *AA*. III. 107: *Bhavagganti ettha pana yasmiṃ attabhāve ṭhito arahattaṃ pāpuṇāti, etaṃ bhavaggaṃ nāmāti* ("Hữu tối thượng" [trong kinh này] có nghĩa là tại nơi ngã hữu [vị ấy] thành tựu A-la-hán, như vậy gọi là hữu tối thượng).

[109] Xem *D*. II. 137, 154.

– Này các Tỷ-kheo, nếu có một Tỷ-kheo nào nghi ngờ hay phân vân gì về Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay con đường thực hành, thời này các Tỷ-kheo, các ông hãy hỏi đi, về sau chớ có hối tiếc: "Bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta mà chúng ta không tận mặt hỏi Thế Tôn."

Lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nếu có vị nào vì lòng kính trọng bậc Đạo sư mà không hỏi, thời này các Tỷ-kheo, giữa bạn đồng tu, hãy hỏi nhau.

Khi được nói vậy, những Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay! Bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, con tin rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay con đường thực hành.

– Này Ānanda, ông có lòng tín thành nên nói vậy. Nhưng ở đây, này Ānanda, Như Lai biết rằng trong chúng Tỷ-kheo này, không có một Tỷ-kheo nào có nghi ngờ hay phân vân gì đối với Phật, Pháp, chúng Tăng, đạo hay con đường thực hành. Này Ānanda, trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất[110] đã chứng được quả Dự lưu, không còn bị thối đọa, chắc chắn hướng đến Chánh giác.

VII. KINH KHÔNG THỂ NGHĨ ĐẾN ĐƯỢC (*Acinteyyasutta*)[111] (*A*. II. 80)

77. Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.[112] Thế nào là bốn?

Phật giới của các đức Phật, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thiền giới của người ngồi thiền, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Quả dị thục của nghiệp, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Tâm tư thế giới,[113] này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.

---

[110] *Chú giải* giải thích là chỉ cho Ngài Ānanda và để khuyến khích Ngài Ānanda nên kiên trì.

[111] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.29.6. 0657a18); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.407. 0108c28).

[112] Tỷ-kheo nào không được khéo huấn luyện về *Abhidhamma*, đi quá sâu và rơi vào những hý luận về những vấn đề không nên nghĩ đến. Xem *Expos*. I. 31.

[113] *AA*. III. 109: *Lokacintāti "kena nu kho candimasūriyā katā, kena mahāpathavī, kena mahāsamuddo, kena sattā uppāditā, kena pabbatā, kena ambatālanāḷikerādayo"ti evarūpā lokacintā* ("Tâm tư thế giới" nghĩa là suy tư về thế giới như tư duy: "Ai tạo ra mặt trời, mặt trăng, đại địa, đại dương, sự sanh ra chúng sanh, núi, cây xoài, cây thốt nốt, cây dừa…?"). Xem *KS*. V. 377.

VIII. KINH THANH TỊNH THÍ VẬT (*Dakkhiṇasutta*)[114] (*A*. II. 80)

78. Này các Tỷ-kheo, có bốn thanh tịnh thí vật này.[115] Thế nào là bốn? Có bố thí, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận. Có bố thí, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh từ người nhận, không thanh tịnh từ người cho. Có bố thí, này các Tỷ-kheo, không thanh tịnh từ người cho, cũng không thanh tịnh từ người nhận. Có bố thí, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh từ người cho, cũng thanh tịnh từ người nhận.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bố thí thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người cho có giới, theo thiện pháp, còn người nhận có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bố thí thanh tịnh từ người cho, không thanh tịnh từ người nhận.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là bố thí thanh tịnh từ người nhận, không thanh tịnh từ người cho?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bố thí có ác giới, theo ác pháp, còn người nhận có giới, theo thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bố thí người nhận thanh tịnh, người cho không thanh tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bố thí người cho không thanh tịnh, và người nhận cũng không thanh tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người cho có ác giới, theo ác pháp, và người nhận cũng có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bố thí người cho không thanh tịnh, người nhận cũng không thanh tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bố thí người cho thanh tịnh, người nhận cũng thanh tịnh?

Ở đây này các Tỷ-kheo, người bố thí có giới, theo thiện pháp, và người nhận cũng có giới, theo thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bố thí người cho thanh tịnh, và người nhận cũng thanh tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại bố thí thanh tịnh này.

IX. KINH BUÔN BÁN (*Vaṇijjasutta*) (*A*. II. 81)

79. Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy,[116] đi đến thất bại? Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có hạng người, do buôn bán như vậy, thành tựu không được như ý muốn? Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy,

---

[114] Xem *D*. III. 231, nhưng trật tự có khác. *M*. III. 256 có thêm các bài kệ và pháp thứ năm.

[115] *Chú giải* ghi ba bố thí để làm ví dụ: 1) Bố thí của Vua Vessantara. 2) Bố thí của *Kevaṭṭa* cho Trưởng lão Dīghasamma. 3) Bố thí bởi một người đi săn ở Vaddhamāna tại cuộc tế lễ người mất.

[116] *Payuttā*: Không phải nghĩa tiêu phí, mà có nghĩa là làm nghề buôn bán. *Sn*. 71viết *payojaye dhammikaṃ so vaṇijjaṃ* (để được hưng thịnh, cần phải buôn bán thật thà đúng pháp).

thành tựu được như ý muốn? Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy, lại được thành tựu ngoài ý muốn?

– Ở đây, này Sāriputta, có hạng người đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: "Thưa Tôn giả, hãy nói lên điều Tôn giả cần giúp đỡ", nhưng người ấy không cho như đã quyết định muốn cho. Nếu từ chỗ đấy mệnh chung, đi đến chỗ này, dầu cho người ấy có buôn bán gì, buôn bán ấy đi đến chỗ thất bại.

Ở đây, này Sāriputta, có hạng người đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: "Thưa Tôn giả, hãy nói lên điều Tôn giả cần giúp đỡ", nhưng người ấy cho không như đã quyết định muốn cho. Nếu từ chỗ đấy mệnh chung, đi đến chỗ này, dầu cho người ấy có buôn bán gì, buôn bán ấy đi đến thành tựu không như ý muốn.

Ở đây, này Sāriputta, có hạng người đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: "Thưa Tôn giả, hãy nói lên điều Tôn giả cần giúp đỡ", và người ấy cho như đã quyết định muốn cho. Nếu từ chỗ đấy mệnh chung, đi đến chỗ này, dầu cho người ấy có buôn bán gì, buôn bán ấy đi đến thành tựu như ý muốn.

Ở đây, này Sāriputta, có hạng người đi đến vị Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: "Thưa Tôn giả, hãy nói lên điều Tôn giả cần giúp đỡ", và người ấy cho hơn như đã quyết định muốn cho. Nếu từ chỗ đấy mệnh chung, đi đến chỗ này, dầu người ấy có buôn bán gì, buôn bán ấy được thành tựu ngoài ý muốn.

Này Sāriputta, đây là nhân, đây là duyên, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy, đi đến thất bại. Đây là nhân, đây là duyên, này Sāriputta, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy, thành tựu không được như ý muốn. Đây là nhân, đây là duyên, này Sāriputta, ở đây, có hạng người, do buôn bán như vậy, thành tựu được như ý muốn. Đây là nhân, đây là duyên, này Sāriputta, ở đây, có hạng người do buôn bán như vậy, được thành tựu ngoài ý muốn.

X. KINH TINH TÚY CỦA SỰ NGHIỆP (*Kambojasutta*)[117] (*A*. II. 82)

80. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, nữ nhân không ngồi giữa trong pháp đình, không có dấn thân vào sự nghiệp, không đi đến tinh túy của sự nghiệp?

– Phẫn nộ là nữ nhân, này Ānanda. Tật đố là nữ nhân, này Ānanda. Xan tham là nữ nhân, này Ānanda. Ác tuệ là nữ nhân, này Ānanda. Đây là nhân, đây là duyên, này Ānanda, nữ nhân không ngồi giữa pháp đình, không có dấn thân vào sự nghiệp, không đi đến tinh túy của sự nghiệp.

---

[117] *Kamboja* (tức Kambu + oja) nghĩa là tinh túy của sự nghiệp. Kamboja còn là tên gọi của một nước ở phía Tây Bắc Ấn Độ gần Afghanistan.

IX. PHẨM KHÔNG CÓ RUNG ĐỘNG (*MACALAVAGGA*)

I. KINH SÁT SANH (*Pāṇātipātasutta*)[118] (*A*. II. 83)

81. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo.

Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

II. KINH NÓI LÁO (*Musāvādasutta*) (*A*. II. 83)

82. (Như kinh 81, chỉ khác bốn pháp: "Nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm").

III. KINH ĐÁNG BỊ CHÊ (*Avaṇṇārahasutta*)[119] (*A*. II. 84)

83. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn?

Không suy tư, không thẩm sát, tán thán người không xứng đáng được tán thán; không suy tư, không thẩm sát, không tán thán người xứng đáng được tán thán; không suy tư, không thẩm sát, tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ không đáng tin tưởng; không suy tư, không thẩm sát, tự cảm thấy không tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn?

Có suy tư, có thẩm sát, không tán thán người không xứng đáng được tán thán; có suy tư, có thẩm sát, tán thán người xứng đáng được tán thán; có suy tư,

---

[118] Bản tiếng Anh của PTS: *Stealing*, nghĩa là *Ăn trộm*.

[119] Bản tiếng Anh của PTS: *Praise*, nghĩa là *Tán thán*.

có thẩm sát, tự cảm thấy không tin tưởng đối với những chỗ không xứng đáng được tin tưởng; có suy tư, có thẩm sát, tự cảm thấy tin tưởng đối với những chỗ đáng tin tưởng.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

IV. KINH TÔN TRỌNG PHẪN NỘ (*Kodhagarusutta*)[120] (*A*. II. 84)

84. (Như kinh 83, chỉ khác bốn pháp: "Tôn trọng phẫn nộ, không tôn trọng Diệu pháp; tôn trọng gièm pha, không tôn trọng Diệu pháp; tôn trọng lợi dưỡng, không tôn trọng Diệu pháp; tôn trọng cung kính, không tôn trọng Diệu pháp").

V. KINH TỐI TĂM (*Tamotamasutta*)[121] (*A*. II. 85)

85. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Sống trong bóng tối hướng đến bóng tối, sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng, sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối, sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sống trong bóng tối hướng đến bóng tối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người được sanh trong một gia đình hạ tiện, gia đình một người đổ phân, hay gia đình một người thợ săn (*nesādakule*), hay gia đình người đan tre (*venakule*), hay gia đình người đóng xe (*rathakārakule*), hay gia đình người quét rác (*pukkusakule*),[122] hay trong một gia đình người nghèo đói, ăn uống thiếu thốn, sanh kế khó khăn, khó tìm cho được đồ ăn, đồ mặc; và người ấy lại xấu xí, khó nhìn, còm lưng, nhiều bệnh hoạn, đui một mắt, quẹo tay, bại chân, hay đi khập khiễng, hay nửa thân tê liệt (*pakkhahato*); người ấy không có được đồ ăn, đồ uống, đồ mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ ở, hay đèn đuốc. Người ấy sống với thân làm ác, sống với miệng nói ác, sống với ý nghĩ ác. Do sống với thân làm ác, với miệng nói ác, với ý nghĩ ác, người ấy sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người trong bóng tối hướng đến bóng tối.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người được sanh trong một gia đình hạ liệt... chỗ nằm, chỗ ở, hay đèn đuốc. Người ấy sống với thân làm lành, sống với miệng nói lành, sống với ý nghĩ lành. Do sống với thân làm lành, với miệng nói lành, với ý nghĩ lành, người ấy sau khi thân hoại mệnh chung được sanh lên cõi lành, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng.

---

[120] Bản tiếng Anh của PTS: *Wrath*, nghĩa là *Phẫn nộ*.

[121] Tham chiếu: *S*. I. 209; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.29.1. 0655a05).

[122] *Chú giải* giải thích là những người quét dọn bông héo ở các điện thờ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được sanh trong một gia đình cao quý, trong gia đình Sát-đế-lỵ giàu có, hay trong gia đình Bà-la-môn giàu có, hay trong gia đình gia chủ giàu có, phú hào có tài sản lớn, có của cải lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản, vật dụng, nhiều tiền của, ngũ cốc; người ấy lại đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, xinh xắn; người ấy lại nhận được đồ ăn, đồ uống, áo mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy sống với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, người ấy sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, như vậy là hạng người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sanh ra trong gia đình cao quý, trong gia đình Sát-đế-lỵ giàu có, hay trong gia đình Bà-la-môn giàu có, hay trong gia đình gia chủ giàu có, phú hào có tài sản lớn, có của cải lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản, vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc; và người ấy đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, xinh xắn; người ấy lại nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy, thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành. Do thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, cõi trời, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, như vậy là người sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng.

Như vậy, này các Tỷ kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

VI. KINH THẤP KÉM (*Oṇatoṇatasutta*) (*A*. II. 86)

86. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Thấp và thấp, thấp và cao, cao và thấp, cao và cao.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

VII. KINH ĐỆ TỬ (*Puttasutta*)[123] (*A*. II. 86)

87. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này[124] có mặt hiện hữu ở đời.

---

[123] Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (88-90) trong bản tiếng Anh của PTS: *Kinds of Recluses*, nghĩa là *Các hạng Sa-môn*.

[124] Có sự sai khác trong định nghĩa các hàng Sa-môn qua tập *Aṅguttara* và *Puggalapaññatti*. Mới đây là sự sai khác được bản dịch tiếng Anh (*GS*. II. 96) ghi nhận: 1. Samaṇacalo (Sa-môn bất động). *Aṅguttara*: Một Hữu học hướng đến an ổn khỏi các khổ ách. *Pug*.: Một Dự lưu. 2. Samaṇa-puṇḍarika (Sa-môn sen trắng). *Aṅguttara*: Vị đã đoạn tận các lậu hoặc nhưng thân chưa cảm thọ Tám giải thoát. Vị Bất Lai. *Pug*.: Vị đã đoạn tận năm hạ phần kiết sử. Vị Bất Lai. 3. Samaṇa-paduma (Sa-môn sen hồng). *Aṅguttara*: Vị đã đoạn tận các lậu hoặc, thân cảm thọ được Tám giải thoát. *Pug*.: Vị đã đoạn tận ba kiết sử, vị Nhất Lai. 4. Samaṇa-sukhumālo (Sa-môn tinh luyện): Vị đã hưởng mọi hạnh phúc an lạc ở đời và tự tại lớn, hoàn toàn sung sướng. *Pug*.: Vị A-la-hán. Như vậy có sự sai khác giữa truyền thống Kinh tạng và Luận tạng. Kinh kế tiếp cũng nói đến bốn hàng Sa-môn này, nhưng theo thứ tự Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán.

Thế nào là bốn? Sa-môn bất động, Sa-môn sen trắng, Sa-môn sen hồng, Sa-môn tinh luyện trong các Sa-môn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là hạng Hữu học, đang đi trên con đường, sống cố gắng hướng đến vô thượng an ổn khỏi các ách nạn. Ví như, này các Tỷ-kheo, vị trưởng nam của vua Sát-đế-ly, xứng đáng để được làm lễ quán đảnh, nhưng chưa làm lễ quán đảnh, và đạt đến địa vị bất động.[125] Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Hữu học, đang đi trên con đường, sống cố gắng hướng đến vô thượng an ổn khỏi các ách nạn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, nhưng chưa an trú với thân cảm giác được Tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, và an trú với thân cảm giác được Tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện trong các hàng Sa-môn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận đồ ăn khất thực, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận sàng tọa, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận dược phẩm trị bệnh, ít khi không được yêu cầu. Vị ấy sống với những vị đồng Phạm hạnh nào, các vị này đối với vị ấy, xử sự với nhiều thân nghiệp khả ái, với ít thân nghiệp không khả ái; với nhiều khẩu nghiệp khả ái, với ít khẩu nghiệp không khả ái; với nhiều ý nghiệp khả ái, với ít ý nghiệp không khả ái; giúp đỡ với nhiều giúp đỡ khả ái, với ít giúp đỡ không khả ái. Ở đây, một số cảm thọ khởi lên phát sanh từ mật (*pittā*), hay phát sanh từ đàm (*semhā*), hay phát sanh từ gió, hay phát sanh từ sự gặp gỡ của các nước trong thân thể, hay phát sanh từ sự thay đổi thời tiết, hay phát sanh từ sự gặp gỡ của các nghịch vận, hay phát sanh từ các công kích thình lình bên ngoài vào, hay do quả dị thục của nghiệp; những cảm thọ ấy không khởi lên nhiều, vị ấy ít bị bệnh tật. Đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú

[125] *Ābhiseko anabhisitto macalappatto*. Xem *A*. I. 108 viết là chưa làm lễ quán đảnh, nhưng ngôi vị đã chắc chắn, không ai có thể tranh giành được.

Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn tinh luyện trong các hàng Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, thời này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn. Này các Tỷ-kheo, Ta nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận đồ ăn khất thực, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận sàng tọa, ít khi không được yêu cầu; nhiều lần được yêu cầu nhận dược phẩm trị bệnh, ít khi không được yêu cầu. Ta sống với các Tỷ-kheo nào, các vị ấy đối với Ta, xử sự với nhiều thân nghiệp khả ái, với ít thân nghiệp không khả ái; với nhiều khẩu nghiệp khả ái, với ít khẩu nghiệp không khả ái; với nhiều ý nghiệp khả ái, với ít ý nghiệp không khả ái; giúp đỡ với nhiều sự giúp đỡ khả ái, với ít sự giúp đỡ không khả ái. Phàm có những cảm thọ nào khởi lên, phát sanh từ mật, hay phát sanh từ đàm, hay phát sanh từ gió, hay phát sanh từ sự gặp gỡ của nước trong thân thể, hay phát sanh từ sự thay đổi thời tiết, hay phát sanh từ sự gặp gỡ của các nghịch vận, hay phát sanh từ sự công kích thình lình bên ngoài vào, hay do quả dị thục các nghiệp; những cảm thọ ấy không khởi lên nhiều nơi Ta, Ta ít bị bệnh tật. Đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, Ta có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí, Ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, thời này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời.

VIII. KINH CÁC KIẾT SỬ (*Saṃyojanasutta*)[126] (*A*. II. 88)

88. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Sa-môn bất động, Sa-môn sen trắng, Sa-môn sen hồng, Sa-môn tinh luyện.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự Lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc hướng đến giác ngộ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi đoạn diệt ba kiết sử, làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, là bậc Nhất Lai, chỉ có một lần trở lui đời này rồi chấm dứt khổ đau. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen hồng?

[126] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.28.7. 0653c11).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị Bất Lai, từ đấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui từ thế giới ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, do đoạn tận các lậu hoặc, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời.

IX. KINH CHÁNH KIẾN (*Sammādiṭṭhisutta*) (*A*. II. 89)

89. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Sa-môn bất động, Sa-môn sen trắng, Sa-môn sen hồng, Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có chánh tri kiến... chánh định, chánh trí, chánh giải thoát, nhưng chưa an trú với thân cảm giác được Tám giải thoát. Như vậy này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen hồng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có chánh tri kiến... chánh giải thoát, an trú với thân cảm giác được Tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu... Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, đây là bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời.

X. KINH CÁC UẨN (*Khandhasutta*) (*A*. II. 90)

90. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Sa-môn bất động, Sa-môn sen trắng, Sa-môn sen hồng, Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Hữu học, ý chưa đạt được mục đích, đang sống hướng đến vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn bất động.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tùy quán sự sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt; đây là thọ... đây là tưởng... đây là các hành... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt." Nhưng vị ấy chưa an trú với thân cảm giác được Tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen trắng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn sen hồng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc... đây là thức đoạn diệt." Và vị ấy an trú với thân cảm giác được Tám giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng Sa-môn sen hồng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều lần được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu... Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, nói về hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn, người ấy, này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói về Ta, là hạng Sa-môn tinh luyện giữa các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.



X. PHẨM A-TU-LA
(*ASURAVAGGA*)

I. KINH A-TU-LA (*Asurasutta*)[127] (*A*. II. 92)

91. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

A-tu-la với quyến thuộc a-tu-la, a-tu-la với quyến thuộc chư thiên, chư thiên với quyến thuộc a-tu-la, chư thiên với quyến thuộc chư thiên.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người a-tu-la với quyến thuộc a-tu-la?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có ác giới, theo ác pháp, hội chúng của người ấy cũng có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người a-tu-la với quyến thuộc a-tu-la.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người a-tu-la với quyến thuộc chư thiên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có ác giới, theo ác pháp, nhưng hội chúng của người ấy có giới, theo pháp lành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người a-tu-la với quyến thuộc chư thiên.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người chư thiên với quyến thuộc a-tu-la?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có giới, theo pháp lành, còn hội chúng của người ấy có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người chư thiên với quyến thuộc a-tu-la.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng chư thiên với quyến thuộc chư thiên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có giới, theo pháp lành, và hội chúng của người ấy cũng có giới, theo pháp lành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người chư thiên với quyến thuộc chư thiên.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

II. KINH ĐỊNH THỨ NHẤT (*Paṭhamasamādhisutta*) (*A*. II. 92)

92. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chứng được nội tâm chỉ, nhưng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán.[128] Ở đây, này các Tỷ-kheo, có

[127] Tham chiếu: *A*. II. 57; *GS*. II. 66 (kinh 53 ở trước).

[128] *AA*. III. 116: *Adhipaññādhammavipassanāyāti saṅkhārapariggāhaka vipassanāñāṇassa* ("Tăng thượng tuệ pháp quán" nghĩa là tuệ quán phân biệt các pháp hữu vi).

hạng người được tăng thượng tuệ pháp quán, nhưng không chứng được nội tâm chỉ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không chứng được nội tâm chỉ, cũng không được tăng thượng tuệ pháp quán. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chứng được nội tâm chỉ, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán.

Này các Tỷ-kheo, bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

III. KINH ĐỊNH THỨ HAI (*Dutiyasamādhisutta*) (*A*. II. 92)

93. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chứng được nội tâm chỉ, nhưng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, nhưng không chứng được nội tâm chỉ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không chứng được nội tâm chỉ, cũng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chứng được nội tâm chỉ, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán.

Tại đấy, này các Tỷ-kheo, hạng người này chứng được nội tâm chỉ, nhưng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Sau khi người ấy an trú nội tâm chỉ, chú tâm thực hành tăng thượng tuệ pháp quán; người ấy, sau một thời gian, chứng được nội tâm chỉ, và chứng được tăng thượng tuệ pháp quán.

Tại đấy, này các Tỷ-kheo, hạng người này chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, nhưng không chứng được nội tâm chỉ. Sau khi người ấy an trú trên tăng thượng tuệ pháp quán, chú tâm thực hành nội tâm chỉ; người ấy, sau một thời gian, chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, và chứng được nội tâm chỉ.

Tại đấy, này các Tỷ-kheo, hạng người này không chứng được nội tâm chỉ, cũng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Người ấy, này các Tỷ-kheo, để chứng đắc các thiện pháp ấy, cần phải thực hiện tăng thượng ý muốn, tinh tấn, cố gắng, nỗ lực, tâm không thối chuyển, chánh niệm, tỉnh giác.

Ví như, này các Tỷ-kheo, khi khăn bị cháy hay đầu bị cháy, và để dập tắt khăn và đầu, cần phải thực hiện tăng thượng ý muốn, tinh tấn, cố gắng, nỗ lực, tâm không thối chuyển, chánh niệm, tỉnh giác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy, để chứng đắc các thiện pháp ấy, cần phải thực hiện tăng thượng ý muốn, tinh tấn, cố gắng, nỗ lực, tâm không thối chuyển, chánh niệm, tỉnh giác; vị ấy, sau một thời gian, thành người có chứng được nội tâm chỉ và tăng thượng tuệ pháp quán.

Tại đấy, này các Tỷ-kheo, hạng người này chứng được nội tâm chỉ, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, người ấy, này các Tỷ-kheo, sau khi an trú trong các thiện pháp ấy, cần phải chú tâm tu tập hơn nữa để đoạn diệt các lậu hoặc.

Này các Tỷ-kheo, bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

IV. KINH ĐỊNH THỨ BA (*Tatiyasamādhisutta*) (*A*. II. 93)

94. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chứng được nội tâm chỉ, nhưng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, nhưng không chứng được nội tâm chỉ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không chứng được nội tâm chỉ, cũng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chứng được nội tâm chỉ, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán.

Tại đấy, này các Tỷ-kheo, hạng người này chứng được nội tâm chỉ nhưng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán... (như trên). Sau khi đi đến hạng người chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, người này cần phải nói như sau: "Thưa Hiền giả, các hành cần phải thấy thế nào, các hành cần phải biết thế nào, các hành cần phải quán thế nào?" Người ấy trả lời cho vị này: "Như đã được thấy, như đã được biết, như vậy, này Hiền giả, các hành cần phải được thấy như vậy, các hành cần phải được biết như vậy, các hành cần phải quán như vậy." Vị này sau một thời gian, chứng được nội tâm chỉ, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán.

Tại đấy, này các Tỷ-kheo, hạng người này chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, nhưng không chứng được nội tâm chỉ. Người này sau khi đi đến hạng người chứng được nội tâm chỉ này, cần phải nói như sau: "Thưa Hiền giả, tâm cần phải an lập thế nào? Tâm cần phải an trú thế nào? Tâm cần phải nhất tâm thế nào? Tâm cần phải định tĩnh thế nào?" Người ấy trả lời cho vị này: "Như đã được thấy, như đã được biết, như vậy, thưa Hiền giả, tâm cần phải an lập như vậy, tâm cần phải an trú như vậy, tâm cần phải nhất tâm như vậy, tâm cần phải định tĩnh như vậy." Vị ấy sau một thời gian, chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, cũng chứng được nội tâm chỉ.

Tại đấy, này các Tỷ-kheo, hạng người này không chứng được nội tâm chỉ, cũng không chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Người này, này các Tỷ-kheo, sau khi đi đến hạng người chứng nội tâm chỉ, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán, người này cần phải nói như sau: "Thưa Hiền giả, tâm cần phải an lập thế nào? Tâm cần phải an trú thế nào? Tâm cần phải nhất tâm thế nào? Tâm cần phải định tĩnh thế nào? Các hành cần phải thấy thế nào? Các hành cần phải biết thế nào? Các hành cần phải quán thế nào?" Người ấy trả lời cho vị này: "Như đã được thấy, như đã được biết, như vậy, này Hiền giả, tâm cần phải an lập như vậy, tâm cần phải an trú như vậy, tâm cần phải nhất tâm như vậy, tâm cần phải định tĩnh như vậy, các hành cần phải thấy như vậy, các hành cần phải biết như vậy, các hành cần phải quán như vậy." Vị ấy, sau một thời gian chứng được nội tâm chỉ, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, hạng người này chứng được nội tâm chỉ, cũng chứng được tăng thượng tuệ pháp quán. Vị này, này các Tỷ-kheo, sau khi an trú trong các thiện pháp, cần phải tu tập chú tâm vào sự đoạn diệt các lậu hoặc.

Này các Tỷ-kheo, bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

V. KINH QUE LỬA (*Chavālātasutta*)[129] (*A*. II. 95)

95. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hạng người không hướng đến lợi mình, không lợi người; hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình; hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người; hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một que lửa lấy từ đống lửa thiêu xác, hai đầu đều cháy đỏ, ở giữa được trét với phân,[130] không có tác dụng là đồ chụm lửa ở làng hay ở rừng. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng người này giống như ví dụ ấy, tức là người không hướng đến lợi mình, không lợi người.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, hạng người này hướng đến lợi người, không lợi mình. Hạng người này so với hạng người kia, vi diệu hơn, thù thắng hơn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng người này hướng đến lợi mình, không lợi người. Hạng người này so với hai hạng người kia, vi diệu hơn, thù thắng hơn. Tại đây, này các Tỷ-kheo, hạng người này hướng đến lợi mình và lợi người, hạng người này so với ba hạng người trên, là tối thượng, tối thắng, thượng thủ, vô thượng và cực thắng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có đề-hồ,[131] và đây gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, hạng người này hướng đến lợi mình và lợi người, hạng người này so với ba hạng người trên là tối thượng, tối thắng, thượng thủ, vô thượng và cực thắng.

Bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

VI. KINH NHIẾP PHỤC THAM (*Rāgavinayasutta*)[132] (*A*. II. 96)

96. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người; hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình; hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người; hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

---

[129] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.9. 0877a25).

[130] *Gūthagata*. Ở đây cho là bôi phân bò vào que lửa khi làm lễ thiêu xác. Xem *S*. III. 93.

[131] Xem *A*. III. 219; V. 182; *S*. III. 264. Bản dịch tiếng Anh là từ bò có sữa, từ sữa có sữa đặc, từ sữa đặc có bơ, từ bơ có ghee, từ ghee có phần bọt của ghee. Danh từ Hán dịch là từ sữa có lạc (sữa đông), từ lạc có sanh tô, có thục tô, từ thục tô có đề-hồ.

[132] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (97, 98) trong bản tiếng Anh của PTS: *Profit of Self*, nghĩa là *Lợi ích cho mình*.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục tham; hướng đến nhiếp phục sân cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục sân; nhiếp phục si cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, khích lệ nhiếp phục tham cho người; không hướng đến nhiếp phục sân cho tự mình, khích lệ nhiếp phục sân cho người; không hướng đến nhiếp phục si cho tự mình, khích lệ nhiếp phục si cho người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục tham; không nhiếp phục sân cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục sân; không nhiếp phục si cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình và khích lệ người khác nhiếp phục tham; hướng đến nhiếp phục sân cho tự mình và khích lệ người khác nhiếp phục sân; hướng đến nhiếp phục si cho tự mình và khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

Này các Tỷ-kheo, bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

VII. KINH NHANH CHÓNG TỊNH TÂM (*Khippanisantisutta*)[133] (*A*. II. 97)

97. (Như đoạn đầu kinh 96).

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, thọ trì các pháp đã được nghe, suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; nhưng không phải là người thiện ngôn, khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác, rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch;[134] không phải là người thuyết giảng,

[133] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.8. 0877a20).

[134] Xem *S*. I. 240; II. 280; *Ud*. 59.

khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, không thọ trì các pháp đã được nghe, không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, không hiểu nghĩa, không hiểu pháp, không thực hành pháp, tùy pháp; nhưng là người thiện ngôn, khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; là người thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không có mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, không thọ trì các pháp đã được nghe, không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, không hiểu nghĩa, không hiểu pháp, không thực hành pháp, tùy pháp; không phải là người thiện ngôn, khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác, rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; không phải là người thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, không làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình và lợi người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, thọ trì các pháp đã được nghe, suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; và là người thiện ngôn, khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; là người thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời.

VIII. KINH LỢI ÍCH CHO MÌNH (*Attahitasutta*) (*A*. II. 98)

98. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hướng đến lợi mình, không lợi người; hướng đến lợi người, không lợi mình; không hướng đến lợi mình, không lợi người; hướng đến lợi mình, lợi người.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

IX. KINH CÁC HỌC PHÁP (*Sikkhāpadasutta*) (*A*. II. 98)

99. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hướng đến lợi mình, không lợi người; hướng đến lợi người, không lợi mình; không hướng đến lợi mình, không lợi người; hướng đến lợi mình, lợi người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người tự mình từ bỏ sát sanh, không khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho, không khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, không khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình không từ bỏ nói láo, khích lệ người khác từ bỏ nói láo; tự mình từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, không khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người tự mình không từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình không từ bỏ lấy của không cho, khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình không từ bỏ tà hạnh trong các dục, khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình không từ bỏ nói láo, khích lệ người khác từ bỏ nói láo; tự mình không từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không hướng đến lợi mình, không lợi người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người tự mình không từ bỏ sát sanh, không khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình không từ bỏ lấy của không cho, không khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình không từ bỏ tà hạnh trong các dục, không khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình không từ bỏ nói láo, không khích lệ người khác từ bỏ nói láo; tự mình không từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, không khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình, không lợi người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho, khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình từ bỏ nói láo, khích lệ người khác từ bỏ nói láo; tự mình từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

X. KINH POTALIYA (*Potaliyasutta*) (*A*. II. 100)

100. Rồi du sĩ Potaliya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với du sĩ Potaliya đang ngồi một bên:

– Này Potaliya, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Potaliya, có hạng người nói lời không tán thán đối với người không đáng được tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; nhưng không nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.

Ở đây, này Potaliya, có hạng người nói lên lời tán thán hạng người đáng được tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; nhưng không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; và không nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.

Ở đây, này Potaliya, có hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; và nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.

Này Potaliya, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Này Potaliya, trong bốn hạng người này, hạng người nào ông chấp nhận là vi diệu hơn, thù thắng hơn?

– Thưa Tôn giả Gotama, có bốn hạng người này, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, có hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán... không nói lời tán thán đối với người xứng đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời. Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, có hạng người nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán... không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời. Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, có hạng người không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán... không nói lời tán thán đối với hạng người được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời. Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, có hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; và nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời.

Thưa Tôn giả Gotama, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Trong

bốn hạng người này, thưa Tôn giả Gotama, hạng người không nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; không nói lời tán thán đối với hạng người xứng đáng được tán thán, dù là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời, hạng người này đối với tôi đáng được chấp nhận là vi diệu hơn, thù thắng hơn trong bốn hạng người trên. Vì cớ sao? Thưa Tôn giả Gotama, thật là vi diệu tức là xả này.

– Này Potaliya, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?... Này Potaliya, có bốn hạng người này... ở trong đời. Này Potaliya, trong bốn hạng người này, này Potaliya, hạng người này, nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng được tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời, hạng người này vi diệu hơn, thù thắng hơn trong bốn hạng người trên. Vì cớ sao? Này Potaliya, thật là vi diệu, tức là tại đây, tại đây rõ biết đúng thời.

– Thưa Tôn giả Gotama, có bốn hạng người... hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?... Thưa Tôn giả Gotama, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Trong bốn hạng người này, thưa Tôn giả Gotama, hạng người nói lời không tán thán đối với hạng người không đáng tán thán... nói lời tán thán đối với hạng người đáng được tán thán, là đúng sự kiện, đúng sự thật, đúng thời; hạng người này, tôi chấp nhận là vi diệu hơn, thù thắng hơn bốn hạng người trên. Vì cớ sao? Thưa Tôn giả Gotama, thật là vi diệu tức là tại đây, tại đây rõ biết đúng thời.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống... để những ai có mắt có thể thấy sắc, cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama tuyên thuyết với nhiều pháp môn. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama... từ nay cho đến mệnh chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.



XI. PHẨM MÂY MƯA
(*VALĀHAKAVAGGA*)

I. KINH MÂY MƯA THỨ NHẤT (*Paṭhamavalāhakasutta*)[135] (*A*. II. 102)

101. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có bốn loại mây mưa này. Thế nào là bốn? Có sấm, không có mưa; có mưa, không có sấm; không có sấm, cũng không có mưa; có sấm và có mưa. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại mây mưa này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với các loại mây mưa này, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người có sấm, không có mưa; hạng người có mưa, không có sấm; hạng người không có sấm, không có mưa; hạng người có sấm và có mưa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có sấm, không có mưa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có nói, không có làm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm, không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm, không có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có mưa, không có sấm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có làm, không có nói. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có mưa, không có sấm. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây chỉ có mưa, không có sấm ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không có sấm, cũng không có mưa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không có nói, cũng không có làm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không có sấm, cũng không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây không có sấm, cũng không có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

---

[135] Kinh này có thể so sánh với *KS*. III. 192, 200; *Pug*. 42.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có sấm và có mưa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có nói và có làm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm và có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm và có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người giống như các loại mây mưa này có mặt hiện hữu ở đời.

II. KINH MÂY MƯA THỨ HAI (*Dutiyavalāhakasutta*)[136] (*A*. II. 103)

102. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại mây mưa này. Thế nào là bốn? Có sấm, không có mưa; có mưa, không có sấm; không có sấm, cũng không có mưa; có sấm và có mưa. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại mây mưa này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ như các loại mây mưa này, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Hạng người có sấm, không có mưa; hạng người có mưa, không có sấm; hạng người không có sấm, cũng không có mưa; hạng người có sấm và có mưa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có sấm, không có mưa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thuộc lòng pháp như: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Quảng thuyết.[137] Vị ấy không như thật quán tri: "Đây là khổ"... "Đây là khổ tập"... "Đây là khổ diệt"... không như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm, không có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm, không có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có mưa, không có sấm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không học thuộc lòng pháp như: Khế kinh, Ứng tụng... Quảng thuyết. Vị ấy như thật quán tri: "Đây là khổ"... như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có mưa, không có sấm. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây chỉ có mưa, không có sấm ấy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không có sấm, cũng không có mưa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không học thuộc lòng pháp như: Khế kinh... Quảng thuyết. Vị ấy không như thật quán tri: "Đây là khổ"… không như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không có sấm, cũng không có mưa. Ví như, này các

[136] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.10. 0635a03); *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.10. 0877b04).

[137] Xem *Pug*. 43.

Tỷ-kheo, loại mây không có sấm, cũng không có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có sấm và có mưa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người học thuộc lòng pháp như: Khế kinh... Quảng thuyết. Vị ấy như thật quán tri: "Đây là khổ"… như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có sấm và có mưa. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại mây có sấm và có mưa ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người giống như các loại mây mưa này có mặt hiện hữu ở đời.

III. KINH CÁI GHÈ (*Kumbhasutta*)[138] (*A.* II. 104)

103. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ghè này. Thế nào là bốn? Trống và bịt, đầy và mở, trống và mở, đầy và bịt. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ghè này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví như các loại ghè này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Trống và bịt, đầy và mở, trống và mở, đầy và bịt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người trống và bịt?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có thái độ dễ thương[139] khi đi tới, đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay, duỗi tay, khi mang áo Tăng-già-lê, bình bát và y. Vị ấy không như thật quán tri: "Đây là khổ"… không như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người trống và bịt. Ví như, này các Tỷ-kheo, các ghè trống và bịt ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đầy và mở?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không có thái độ dễ thương khi đi tới, đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay, duỗi tay, khi mang áo Tăng-già-lê, bình bát và y. Vị ấy như thật quán tri: "Đây là khổ"… như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người đầy và mở. Ví như, này các Tỷ-kheo, các ghè đầy và mở ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người trống và mở?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không có thái độ dễ thương khi đi tới, đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay, duỗi tay, khi mang áo Tăng-già-lê, bình bát và y. Vị ấy không như thật quán tri: "Đây là khổ"… không như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người trống và mở, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

---

[138] Xem *Pug.* 44, 45.

[139] Xem *A.* II. 123; *GS.* II. 127 (kinh 122 ở sau).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người đầy và bịt?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có thái độ dễ thương, khi đi tới, đi lui, khi ngó phía trước, ngó hai bên, khi co tay, duỗi tay, khi mang áo Tăng-già-lê, mang y bát. Vị ấy như thật quán tri: "Đây là khổ"… như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người đầy và bịt. Ví như, này các Tỷ-kheo, các ghè đầy và bịt ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, bốn hạng người giống như các loại ghè này có mặt hiện hữu ở đời.

IV. KINH HỒ NƯỚC (*Udakarahadasutta*) (*A*. II. 105)

104. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này. Thế nào là bốn? Cạn nhưng thấy sâu, sâu nhưng thấy cạn, cạn và thấy cạn, sâu và thấy sâu. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này. Thế nào là bốn? Cạn có vẻ sâu, sâu có vẻ cạn, cạn có vẻ cạn, sâu có vẻ sâu. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại hồ nước này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với hồ nước này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Cạn có vẻ sâu, sâu có vẻ cạn, cạn có vẻ cạn, sâu có vẻ sâu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người cạn có vẻ sâu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có thái độ khả ái... (như kinh 103).

V. KINH CÁC TRÁI XOÀI (*Ambasutta*)[140] (*A*. II. 106)

105. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại xoài này. Thế nào là bốn? Chưa chín có vẻ chín, chín có vẻ chưa chín, chưa chín có vẻ chưa chín, chín có vẻ chín. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại xoài này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với bốn loại xoài này. Thế nào là bốn?... (Như kinh 103).

VI. KINH CÁC TRÁI XOÀI THỨ HAI (*Dutiyaambasutta*)[141] (*A*. II. 106)

106. (Nội dung tương tự như kinh trên, "... chưa chín nhưng thấy chín, chín nhưng thấy chưa chín...").

VII. KINH CÁC LOẠI CHUỘT (*Mūsikasutta*)[142] (*A*. II. 107)

107. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại chuột này. Thế nào là bốn? Đào hang không ở, ở không đào hang, không đào hang không ở, có đào hang có ở. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại chuột này.

---

[140] Tham chiếu: *Pug*. 44; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.7. 0634a17).

[141] Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh 105 và 106 được trình bày liên tục.

[142] Xem *Pug*. 43.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với các loại chuột này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Đào hang không ở, ở không đào hang, không đào hang không ở, có đào hang có ở. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có đào hang, nhưng không ở?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thuộc lòng pháp như: Khế kinh... Quảng thuyết. Vị ấy không như thật quán tri: "Đây là khổ"... "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người đào hang, nhưng không ở. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại chuột có đào hang, nhưng không ở trong ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có ở, không đào hang?... (Như kinh 102).

VIII. KINH CÁC LOẠI BÒ ĐỰC (*Balībaddasutta*) (*A*. II. 108)

108. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại bò đực này.[143] Thế nào là bốn?

Hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người; hung dữ với đàn bò của người, không hung dữ với đàn bò của mình; hung dữ với đàn bò của mình, hung dữ với đàn bò của người; không hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại bò đực này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví như các loại bò đực này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hạng người hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người; hạng hung dữ với đàn bò của người, không hung dữ với đàn bò của mình; hạng hung dữ với đàn bò của mình và hung dữ với đàn bò của người; hạng không hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người là một khiếp đảm cho hội chúng của mình, không là một khiếp đảm cho hội chúng của người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại bò đực hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hung dữ với đàn bò của người, không hung dữ với đàn bò của mình?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người là một khiếp đảm cho hội chúng của người, không là một khiếp đảm cho hội chúng của mình. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hung dữ với đàn bò của người, không hung dữ với đàn bò

[143] Xem *Pug*. 47.

của mình. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại bò đực hung dữ với đàn bò của người, không hung dữ với đàn bò của mình, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hung dữ với đàn bò của mình, hung dữ với đàn bò của người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người là một khiếp đảm cho hội chúng của mình, là một khiếp đảm cho hội chúng của người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hung dữ với đàn bò của người, hung dữ với đàn bò của mình. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại bò đực hung dữ với đàn bò của người, hung dữ với đàn bò của mình, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ với đàn bò của người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không là một khiếp đảm cho hội chúng của mình, không là một khiếp đảm cho hội chúng của người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không hung dữ với đàn bò của mình, không hung dữ với đàn bò của người. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại bò đực không hung dữ với đàn bò của mình và không hung dữ với đàn bò của người, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với các loại bò đực này, có mặt hiện hữu ở đời.

IX. KINH CÁC CÂY (*Rukkhasutta*)[144] (*A*. II. 109)

109. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại cây này. Thế nào là bốn? Có giác cây, bao vây với giác cây; có giác cây, bao vây với lõi cây; có lõi cây, bao vây với giác cây; có lõi cây, bao vây với lõi cây. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại cây này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ như bốn loại cây này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hạng người là giác cây, bao vây với giác cây; hạng người là giác cây, bao vây với lõi cây; hạng người là lõi cây, bao vây với giác cây; hạng người là lõi cây, bao vây với lõi cây.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người là giác cây, bao vây với giác cây?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có ác giới, theo ác pháp, hội chúng người ấy cũng có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người là giác cây, bao vây với giác cây. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại cây là giác cây, bao vây với giác cây ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người là giác cây, bao vây với lõi cây?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có ác giới, theo ác pháp, hội chúng

---

[144] Xem *Pug*. 52.

người ấy có giới, theo thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người là giác cây, bao vây với lõi cây. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại cây là giác cây, bao vây với lõi cây ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người là lõi cây, bao vây với giác cây?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có giới, theo thiện pháp, nhưng hội chúng của người ấy có ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người là lõi cây, bao vây với giác cây. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại cây là lõi cây, bao vây với giác cây ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người là lõi cây, bao vây với lõi cây?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người có giới, theo thiện pháp, hội chúng người ấy cũng có giới, theo thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người là lõi cây, bao vây với lõi cây. Ví như, này các Tỷ-kheo, là hạng người lõi cây, bao vây với lõi cây ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người giống như ví dụ các cây này có mặt hiện hữu ở đời.

X. KINH CÁC CON RẮN (*Āsīvisasutta*) (*A*. II. 110)

110. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại rắn này. Thế nào là bốn?

Loại rắn có nọc độc nhưng không ác độc, loại ác độc nhưng không có nọc độc, loại có nọc độc và ác độc, loại không có nọc độc và không ác độc. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại rắn này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người được ví dụ với các loại rắn này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hạng người có nọc độc nhưng không ác độc, hạng người ác độc nhưng không có nọc độc, hạng người có nọc độc và ác độc, hạng người không có nọc độc và không ác độc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có nọc độc nhưng không ác độc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người rất mau phẫn nộ nhưng phẫn nộ không tồn tại lâu dài. Như vậy là hạng người có nọc độc nhưng không ác độc. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại rắn có nọc độc nhưng không ác độc ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người ác độc nhưng không có nọc độc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không mau phẫn nộ nhưng phẫn nộ tồn tại lâu dài. Như vậy là hạng người ác độc nhưng không có nọc độc. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại rắn ác độc nhưng không có nọc độc ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có nọc độc và ác độc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người rất mau phẫn nộ và phẫn nộ tồn tại lâu dài. Như vậy là hạng người có nọc độc và ác độc. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại rắn có nọc độc và ác độc ấy, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không có nọc độc và không ác độc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không mau phẫn nộ và phẫn nộ không tồn tại lâu dài. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không có nọc độc và không ác độc. Ví như, này các Tỷ-kheo, loại rắn không có nọc độc, không ác độc ấy, Ta nói rằng, hạng người này giống như ví dụ ấy.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.



XII. PHẨM KESI
(*KESIVAGGA*)

I. KINH KESI (*Kesisutta*)[145] (*A*. II. 112)

111. Rồi Kesi, người đánh xe điều phục ngựa, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Kesi, người đánh xe điều phục ngựa, đang ngồi một bên:

– Này Kesi, ông là người đánh xe điều phục ngựa có chế ngự. Và này Kesi, ông nhiếp phục ngựa như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời nói mềm mỏng; con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời thô ác; con nhiếp phục ngựa đáng được điều phục với lời nói mềm mỏng và thô ác.

– Này Kesi, nếu con ngựa đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói thô ác, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và thô ác, thời ông làm gì với con ngựa ấy?

– Bạch Thế Tôn, nếu con ngựa đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói thô ác, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và thô ác của con, thời bạch Thế Tôn, con giết nó. Vì sao? Vì mong rằng nó không làm mất danh dự cho gia đình thầy của con! Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn là bậc Vô Thượng, điều ngự những ai đáng được điều ngự, như thế nào Thế Tôn nhiếp phục những ai đáng được điều phục?

– Này Kesi, Ta nhiếp phục người đáng được nhiếp phục với lời nói mềm mỏng; Ta nhiếp phục với lời nói cứng rắn; Ta nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng, vừa cứng rắn.

Tại đây, này Kesi, đây là với lời nói mềm mỏng: Đây là thân làm thiện, đây là quả báo thân làm thiện; đây là lời nói thiện, đây là quả báo lời nói thiện; đây là ý nghĩ thiện, đây là quả báo ý nghĩ thiện; đây là chư thiên, đây là loài người.

Tại đây, này Kesi, đây là với lời nói cứng rắn: Đây là thân làm ác, đây là quả báo thân làm ác; đây là lời nói ác, đây là quả báo lời nói ác; đây là ý nghĩ ác, đây là quả báo ý nghĩ ác; đây là địa ngục, đây là loài bàng sanh, đây là loài ngạ quỷ.

Tại đây, này Kesi, đây là lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn: Đây là thân làm thiện, đây là quả báo thân làm thiện; đây là thân làm ác, đây là quả báo thân làm ác; đây là lời nói thiện, đây là quả báo lời nói thiện; đây là lời nói ác, đây là quả báo lời nói ác; đây là ý nghĩ thiện, đây là quả báo ý nghĩ thiện; đây là ý

[145] Tham chiếu: *KS*. IV. 216-18; *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.923. 0234b21).

nghĩ ác, đây là quả báo ý nghĩ ác; đây là chư thiên, đây là loài người; đây là địa ngục, đây là loài bàng sanh, đây là ngạ quỷ.

– Bạch Thế Tôn, nếu người đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng của Thế Tôn, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và cứng rắn, thời Thế Tôn làm gì với người ấy?

– Này Kesi, nếu người đáng được điều phục không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng của Ta, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, này Kesi, thời Ta giết hại người ấy!

– Nhưng bạch Thế Tôn, sát sanh không xứng đáng với Thế Tôn. Tuy vậy, Thế Tôn nói: "Này Kesi, Ta giết hại người ấy."

– Thật vậy, này Kesi, sát sanh không xứng đáng với Như Lai. Nhưng người đáng được điều phục ấy không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng, không chịu nhiếp phục với lời nói cứng rắn, không chịu nhiếp phục với lời nói mềm mỏng và cứng rắn, Như Lai nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Và các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng người ấy không xứng đáng để được nói đến, để được giáo giới. Bị giết hại, này Kesi, là con người này, trong giới luật của bậc Thánh: Bị Như Lai nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới; bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới.

– Bạch Thế Tôn, người bị bậc Thiện Thệ giết hại là người nào bị Như Lai nghĩ rằng không xứng đáng được nói đến, không xứng đáng được giáo giới; bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghĩ rằng không đáng được nói đến, không đáng được giáo giới. Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ này cho đến mệnh chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

II. KINH TỐC ĐỘ (*Javasutta*)[146] (*A*. II. 113)

112. Thành tựu bốn chi phần, này các Tỷ-kheo, một con ngựa thuần thục hiền thiện của vua, xứng đáng cho nhà vua, là vật sở hữu của vua, được xem là biểu tượng của vua. Thế nào là bốn? Với trực tánh, với tốc độ, với kham nhẫn, với thiện ngôn.

Thành tựu bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, một con ngựa thuần thục, hiền thiện của vua, xứng đáng cho nhà vua, là vật sở hữu của vua, được xem là biểu tượng của vua.

---

[146] Xem *A*. III. 94.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu bốn pháp này, Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bốn? Với trực tánh, với tốc độ, với kham nhẫn, với thiện ngôn.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được chắp tay, xứng đáng được cúng dường, là vô thượng phước điền ở đời.

III. KINH GẬY THÚC NGỰA (*Patodasutta*)[147] (*A*. II. 114)

113. Có bốn loài ngựa hiền thiện thuần thục, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loài ngựa hiền thiện thuần thục, thấy bóng cây gậy thúc ngựa, liền bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì, và ta đáp ứng[148] thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loại ngựa hiền thiện thuần thục. Này các Tỷ-kheo, đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục thứ nhất, có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thục, thấy bóng cây gậy thúc ngựa, không bị dao động, kích thích. Nhưng khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào lông, nó liền bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì, và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục. Này các Tỷ-kheo, đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục thứ hai, có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thục, thấy bóng cây gậy thúc ngựa, không bị dao động, kích thích. Khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào lông, nó không bị dao động, kích thích. Nhưng khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào da, nó liền bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục. Này các Tỷ-kheo, đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục thứ ba, có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loài ngựa hiền thiện thuần thục, thấy bóng cây gậy thúc ngựa, không bị dao động, kích thích; bị cây gậy thúc ngựa đâm vào lông, không bị dao động, kích thích; bị cây gậy thúc ngựa đâm vào da, không bị dao động, kích thích. Nhưng khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào xương, nó liền bị dao động, kích thích, nghĩ rằng: "Hôm nay, người đánh xe điều ngự ngựa sẽ bảo ta làm gì và ta đáp ứng thế nào?" Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục. Này các Tỷ-kheo, đây là loài ngựa hiền thiện thuần thục thứ tư, có mặt hiện hữu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loài ngựa hiền thiện thuần thục, có mặt hiện hữu ở đời.

---

[147] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.922. 0234a16); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.148. 0429b15).

[148] *Kimassāhaṃ paṭikaromī* có thể có nghĩa là con ngựa hiểu và làm theo ý người chủ để trả ơn nuôi dưỡng, huấn luyện.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người hiền thiện thuần thục này, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện thuần thục nghe tại một làng hay thị trấn kia có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay bị mệnh chung, người ấy do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được tối thắng sự thật; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện thuần thục ấy, thấy bóng cây gậy thúc ngựa, bị dao động kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người hiền thiện thuần thục này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người hiền thiện thuần thục thứ nhất, có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người hiền thiện thuần thục không có nghe tại một làng hay thị trấn kia có người đàn bà hay người đàn ông bị đau khổ hay bị mệnh chung, nhưng khi tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay mệnh chung, người ấy do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện thuần thục ấy, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào lông, bị dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người hiền thiện thuần thục này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người hiền thiện thuần thục thứ hai, có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người hiền thiện thuần thục không có nghe tại một làng hay thị trấn kia có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay bị mệnh chung, không có tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay mệnh chung, nhưng khi có một người bà con hay người đồng một huyết thống khổ đau hay bị mệnh chung, người ấy do vậy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện thuần thục ấy, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào da, bị dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người hiền thiện thuần thục này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người hiền thiện. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người hiền thiện thuần thục thứ ba, có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người hiền thiện thuần thục không có nghe tại một làng hay thị trấn kia có người đàn bà hay người đàn ông bị khổ đau hay mệnh chung, không có tự mình thấy người đàn bà hay người đàn ông khổ đau hay bị mệnh chung, không có người bà con hay người đồng một huyết thống khổ đau hay bị mệnh chung, nhưng khi tự mình cảm xúc những cảm thọ về thân khổ đau, nhói đau, đau đớn, mãnh liệt, kịch liệt, không khả hỷ, không khả ý, đoạt mạng sống, vị ấy bị dao động, kích thích. Bị kích thích, vị ấy như lý tinh cần. Do tinh cần, với thân, vị ấy chứng ngộ được sự thật tối thắng; với trí

tuệ, vị ấy sau khi thể nhập, thấy được sự thật ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện thuần thục ấy, khi bị cây gậy thúc ngựa đâm vào xương mới bị dao động, kích thích, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người hiền thiện thuần thục này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người hiền thiện thuần thục. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người hiền thiện thuần thục thứ tư, có mặt hiện hữu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người hiền thiện thuần thục này có mặt hiện hữu ở đời.

IV. KINH CON VOI (*Nāgasutta*)[149] (*A*. II. 116)

114. Thành tựu bốn chi phần, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua, là tài sản của vua, được xem là biểu tượng của vua. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua biết nghe, biết sát hại, biết kham nhẫn, biết đi đến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết nghe?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khi người nài sai làm một công tác, hoặc đã làm từ trước hay chưa làm từ trước, sau khi nhiệt tâm[150] tác ý, hoàn toàn chú tâm lóng tai và lắng nghe. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua biết nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết sát hại?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua sau khi đi đến chiến trận, giết voi, giết người cưỡi voi, giết ngựa, giết người cưỡi ngựa, giết hại xe, giết hại người cưỡi xe, giết các bộ binh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua biết sát hại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết kham nhẫn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua sau khi đi đến chiến trường, chịu đựng cây giáo đâm, chịu đựng kiếm chém, chịu đựng tên bắn, chịu đựng búa chặt, chịu đựng tiếng trống lớn, tiếng thanh la, tiếng tù và, tiếng trống nhỏ và các tiếng ồn ào khác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua biết kham nhẫn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết đi đến?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khi người nài sai đi đến hướng nào, hoặc trước kia đã có đi, hay trước kia không có đi, liền đi đến chỗ ấy một cách mau mắn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua biết đi đến.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua xứng đáng là của vua, là tài sản của vua, đi đến làm biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu bốn pháp này, Tỷ-kheo xứng đáng

---

[149] Tham chiếu: *A*. III. 161; *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.26. 0879c01).

[150] *Aṭṭhikatvā*. Xem *D*. II. 204; *S*. I. 141; V. 95. Trong *AA*. III. 121: *Aṭṭhiṃ katvāti aṭṭhiko hutvā* ("Sau khi nhiệt tâm" nghĩa là sau khi hăng hái, nhiệt tình).

được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được chắp tay, xứng đáng được cúng dường, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết nghe, biết sát hại, biết kham nhẫn, biết đi đến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết nghe?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với Pháp, Luật do Như Lai thuyết giảng, sau khi nhiệt tâm tác ý hoàn toàn, chú tâm và lắng nghe. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết sát hại?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có chấp nhận dục tầm đã khởi lên, từ bỏ, gạn lọc, chấm dứt, làm cho không hiện hữu; không có chấp nhận sân tầm đã khởi lên... không có chấp nhận hại tầm đã khởi lên, từ bỏ, gạn lọc, chấm dứt, làm cho không hiện hữu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết sát hại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết kham nhẫn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn lạnh, kham nhẫn nóng, kham nhẫn đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, kham nhẫn những cách nói chửi mắng, phỉ báng, chịu đựng các cảm thọ về thân, khổ đau, nhói đau, mãnh liệt, không khả hỷ, không khả ý, chết điếng người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết kham nhẫn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết đi?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo theo phương hướng nào từ trước chưa từng đi, tại đấy, mọi hành được tịnh chỉ, mọi sanh y được từ bỏ, ái được đoạn diệt, ly tham đoạn diệt, Niết-bàn, vị ấy đi đến chỗ ấy một cách mau chóng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết đi.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, được tôn trọng, được chắp tay, được cúng dường, là vô thượng phước điền ở đời.

V. KINH CÁC TRƯỜNG HỢP (*Ṭhānasutta*) (*A*. II. 118)

115. Này các Tỷ-kheo, có bốn trường hợp này. Thế nào là bốn?

Có trường hợp, này các Tỷ-kheo, làm không thích ý, đưa đến không lợi ích cho người làm.

Có trường hợp, này các Tỷ-kheo, làm không thích ý, đưa đến lợi ích cho người làm.

Có trường hợp, này các Tỷ-kheo, làm được thích ý, không đưa đến lợi ích cho người làm.

Có trường hợp, này các Tỷ-kheo, làm được thích ý, đưa đến lợi ích cho người làm.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, trường hợp này làm không thích ý, không đem lại lợi ích cho người làm. Này các Tỷ-kheo, trong trường hợp này, nghĩ rằng về cả hai phương diện không nên làm. Trường hợp này làm không thích ý, đây là

trường hợp nghĩ rằng không nên làm. Trường hợp này làm không đem lại lợi ích cho người làm, đây là trường hợp nghĩ rằng không nên làm. Đây là trường hợp, này các Tỷ-kheo, nghĩ rằng về cả hai phương diện đều không nên làm.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, trường hợp này làm không thích ý, nhưng đem lại lợi ích cho người làm. Trong trường hợp này, này các Tỷ-kheo, người ta có thể biết kẻ ngu, bậc trí, về sức kiên trì của con người, tinh tấn của con người, nỗ lực của con người. Và này các Tỷ-kheo, người ngu không suy xét rằng: "Dầu trường hợp này làm không thích ý, nhưng trường hợp này đem lại lợi ích cho người làm." Người ấy không làm trường hợp này. Do không làm trường hợp này, nên không đem lại lợi ích cho người ấy. Còn người trí, này các Tỷ-kheo, suy xét rằng: "Dầu trường hợp này làm không được thích ý, nhưng trường hợp này đem lại lợi ích cho người làm." Người ấy làm trường hợp này. Do làm trường hợp này, nên đem lại lợi ích cho người ấy.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, trường hợp này làm được thích ý, nhưng không đem lại lợi ích cho người làm. Trong trường hợp này, người ta có thể biết kẻ ngu, bậc trí, về sức kiên trì của con người, tinh tấn của con người, nỗ lực của con người. Này các Tỷ-kheo, người ngu không suy xét rằng: "Dầu trường hợp này làm được thích ý, nhưng trường hợp này không đem lại lợi ích cho người làm." Người ấy làm trường hợp này. Do làm trường hợp này, không đem lại lợi ích cho người ấy. Còn người trí, này các Tỷ-kheo, suy xét như sau: "Dầu trường hợp này làm được thích ý, nhưng không đem lại lợi ích cho người làm." Người ấy không làm trường hợp này. Do không làm trường hợp này, nên đem lại lợi ích cho người ấy.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, trường hợp này làm được thích ý và đem lại lợi ích cho người làm. Này các Tỷ-kheo, trong trường hợp này, nghĩ rằng về cả hai phương diện đều nên làm. Trường hợp này làm được thích ý, đây là trường hợp nghĩ rằng cần phải làm. Trường hợp này đem lại lợi ích cho người làm, đây là trường hợp nghĩ rằng cần phải làm. Đây là trường hợp, này các Tỷ-kheo, nghĩ rằng về cả hai phương diện đều nên làm.

Này các Tỷ-kheo, có bốn trường hợp này.

VI. KINH KHÔNG PHÓNG DẬT (*Appamādasutta*) (*A*. II. 119)

116. Trong bốn trường hợp, này các Tỷ-kheo, cần phải không phóng dật. Thế nào là bốn?

Hãy từ bỏ thân làm ác, này các Tỷ-kheo, hãy tu tập thân làm lành, và ở đây chớ có phóng dật.

Hãy từ bỏ lời nói ác, này các Tỷ-kheo, hãy tu tập lời nói lành, và ở đây chớ có phóng dật.

Hãy từ bỏ ý nghĩ ác, này các Tỷ-kheo, hãy tu tập ý nghĩ lành, và ở đây chớ có phóng dật.

Hãy từ bỏ tà kiến, này các Tỷ-kheo, hãy tu tập chánh kiến, và ở đây chớ có phóng dật.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã từ bỏ thân làm ác, đã tu tập thân làm lành... đã từ bỏ tà kiến, đã tu tập chánh kiến, vị ấy không sợ hãi về đời sau, về chết.[151]

VII. KINH HỘ TRÌ (*Ārakkhasutta*) (*A*. II. 120)

117. Trong bốn trường hợp, này các Tỷ-kheo, không phóng dật, niệm và tâm hộ trì cần phải do tự mình làm.[152] Thế nào là bốn?

Với ý nghĩ: "Mong rằng đối với các pháp khiến cho tham đắm, tâm ta chớ có tham đắm", không phóng dật, niệm và tâm hộ trì, cần phải do tự mình làm.

Với ý nghĩ: "Mong rằng đối với các pháp khiến cho sân hận, tâm ta chớ có sân hận", không phóng dật, niệm và tâm hộ trì, cần phải do tự mình làm.

Với ý nghĩ: "Mong rằng đối với các pháp khiến cho si mê, tâm ta chớ có si mê", không phóng dật, niệm và tâm hộ trì, cần phải do tự mình làm.

Với ý nghĩ: "Mong rằng đối với các pháp khiến cho đắm say, tâm ta chớ có đắm say", không phóng dật, niệm và tâm hộ trì, cần phải do tự mình làm.[153]

Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các pháp khiến cho tham đắm, tâm không tham đắm, tự ngã được ly tham; đối với các pháp khiến cho sân hận, tâm không sân hận, tự ngã được ly sân; đối với các pháp khiến cho si mê, tâm không si mê, tự ngã được ly si; đối với các pháp khiến cho đắm say, tâm không đắm say, tự ngã được ly đắm say, thời vị ấy không có sợ hãi, không có dao động, không có hoảng hốt, không rơi vào hoảng sợ, cũng không bị thuyết phục bởi các đạo sĩ nói.[154]

VIII. KINH XÚC ĐỘNG (*Saṃvejanīyasutta*)[155] (*A*. II. 120)

118. Có bốn trú xứ, này các Tỷ-kheo, khi một nam cư sĩ thấy, cần phải xúc động mãnh liệt. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai sanh. Đây là trú xứ khi một nam cư sĩ thấy, cần phải xúc động mãnh liệt.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai đã giác ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác. Đây là trú xứ khi một nam cư sĩ thấy, cần phải xúc động mãnh liệt.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai chuyển pháp luân vô thượng. Đây là trú xứ khi một nam cư sĩ thấy, cần phải xúc động mãnh liệt.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai đã nhập Niết-bàn giới, không có dư y. Đây là trú xứ khi một nam cư sĩ thấy, cần phải xúc động mãnh liệt.

---

[151] *Chú giải* giải thích vị này đã đoạn hết lậu hoặc. Có chỗ giải thích, vị này mới chứng quả Dự lưu.

[152] *Attarūpena. Chú giải* theo *KS*. IV. 60 giải thích nghĩa của *attha* là lợi ích, vì lợi ích cho mình.

[153] Xem *S*. IV. 307.

[154] *Na ca pana samaṇavacanahetupi gacchatī*. Xem *A*. I. 174, *samaṇavādo*.

[155] Xem *D*. II. 140 (nói cho Ānanda).

Có bốn trú xứ, này các Tỷ-kheo, khi một nam cư sĩ thấy, cần phải xúc động mãnh liệt.

IX. KINH SỢ HÃI THỨ NHẤT (*Paṭhamabhayasutta*) (*A*. II. 121)

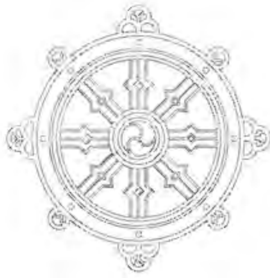
119. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi này. Thế nào là bốn? Sợ hãi về sanh, sợ hãi về già, sợ hãi về bệnh, sợ hãi về chết.

Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi này.

X. KINH SỢ HÃI THỨ HAI (*Dutiyabhayasutta*) (*A*. II. 121)

120. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi này. Thế nào là bốn? Sợ hãi về lửa, sợ hãi về nước, sợ hãi về vua, sợ hãi về ăn trộm.

Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi này.



XIII. PHẨM SỢ HÃI
(*BHAYAVAGGA*)

I. KINH TỰ TRÁCH (*Attānuvādasutta*) (*A*. II. 121)

121. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi này. Thế nào là bốn? Sợ hãi tự mình trách, sợ hãi người khác trách, sợ hãi hình phạt, sợ hãi ác thú.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự sợ hãi tự mình trách?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người suy xét: "Nếu thân ta làm ác, lời nói ta ác, ý ta nghĩ ác, thời tự ngã có thể trách ta về phương diện giới: 'Sao lại làm nghiệp ấy?'" Người ấy do sợ hãi tự trách, đoạn tận thân làm ác, tu tập thân làm lành; đoạn tận lời nói ác, tu tập lời nói lành; đoạn tận ý nghĩ ác, tu tập ý nghĩ lành, sống với tự ngã trong sạch. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sự sợ hãi tự mình trách.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự sợ hãi người khác trách?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người suy xét: "Nếu thân ta làm ác, lời ta nói ác, ý ta nghĩ ác, thời các người khác có thể trách ta về phương diện giới: 'Sao lại làm nghiệp ấy?'" Người ấy do sợ hãi người khác trách, đoạn tận thân làm ác, tu tập thân làm lành; đoạn tận lời nói ác, tu tập lời nói lành; đoạn tận ý nghĩ ác, tu tập ý nghĩ lành, sống tự ngã trong sạch. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sự sợ hãi người khác trách.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự sợ hãi hình phạt?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thấy các vua chúa khi bắt được người ăn trộm, kẻ đi cướp đường, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác.[156] Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bối đầu hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la-hầu khẩu hình (lấy xương và thịt cho rộng ra rồi đổ dầu sôi vào miệng), hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa), đốt tay, lấy rơm bện lại rồi siết chặt, lấy vỏ cây làm áo, hình phạt con dê núi, lấy câu móc vào thịt, cắt thịt thành hình đồng tiền, quẳng sắt chảy trên thân đầy vết thương rồi chà mạnh, chuyển hình (bắt nằm dưới đất, đâm một gậy sắt ngang qua hai lỗ tai rồi xoay tròn), cao đạp đài (lột da phần trên, lấy chày giã cho nát thân). Họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu. Người ấy suy nghĩ như sau: "Do nhân làm các nghiệp ác như vậy, các vua chúa khi bắt được

[156] Về những hình phạt này, xem *GS*. I. 42; *D*. I. 276; *Miln*. 197.

người ăn trộm, kẻ đi cướp đường, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác... họ lấy gươm chặt đầu." Người ấy vì sợ hãi bởi sự sợ hãi hình phạt, không có đi trộm cướp tài sản người khác.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sự sợ hãi hình phạt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự sợ hãi ác thú?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người suy nghĩ như sau: "Với ai thân làm ác, có ác dị thục trong tương lai; với ai lời nói ác, có ác dị thục trong tương lai; với ai ý nghĩ ác, có ác dị thục trong tương lai. Làm thế nào để sau khi thân hoại mệnh chung, ta không sanh tại cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?" Người ấy vì sợ hãi ác thú, đoạn tận thân làm ác, tu tập thân làm lành; đoạn tận lời nói ác, tu tập lời nói lành; đoạn tận ý nghĩ ác, tu tập ý nghĩ lành; sống với tự ngã trong sạch. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sợ hãi ác thú.

Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi này.

II. KINH SỢ HÃI SÓNG NƯỚC (*Ūmibhayasutta*)[157] (*A*. II. 123)

122. Có bốn sự sợ hãi, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi với người đi xuống nước. Thế nào là bốn? Sợ hãi về sóng, sợ hãi về cá sấu, sợ hãi về nước xoáy, sợ hãi về cá dữ. Có bốn sự sợ hãi này, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi với người đi xuống nước.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, đối với một số thiện nam tử đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, có bốn sự sợ hãi được chờ đợi. Thế nào là bốn? Sợ hãi về sóng, sợ hãi về cá sấu, sợ hãi về nước xoáy, sợ hãi về cá dữ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về sóng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta nay bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức; bị khổ áp bức; bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này." Khi được xuất gia như vậy, vị này được các vị đồng Phạm hạnh giảng dạy, khuyên giáo: "Ông cần phải đi ra như vậy, ông cần phải đi về như vậy, ông cần phải ngó tới như vậy, ông cần phải ngó quanh như vậy, ông cần phải co tay như vậy, ông cần phải duỗi tay như vậy, ông cần phải mang y *Saṅghāṭi* như vậy, ông cần phải mang y bát như vậy." Vị ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia, khi ta chưa xuất gia, chính ta giảng dạy, khuyên giáo người khác. Những người này giống như con ta, giống như cháu ta, lại nghĩ rằng cần phải giảng dạy ta, cần phải khuyên giáo ta." Vị ấy phẫn nộ, không hoan hỷ, từ bỏ học tập và trở về hoàn tục. Như vậy, này các Tỷ-kheo, người này được gọi là vị Tỷ-kheo sợ hãi về sóng. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về sóng là đồng nghĩa với phẫn não. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sợ hãi về sóng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về cá sấu?

---

[157] Xem *M*. I. 460; *Pss. Sis*. 174.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta nay bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức; bị khổ áp bức; bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này." Khi được xuất gia như vậy, vị này được các vị đồng Phạm hạnh giảng dạy, khuyên giáo: "Ông nên nhai cái này, ông không nên nhai cái này; ông nên ăn cái này, ông không nên ăn cái này; ông nên nếm cái này, ông không nên nếm cái này; ông nên uống cái này, ông không nên uống cái này. Cái gì được phép, ông nên nhai; cái gì không được phép, ông không nên nhai. Cái gì được phép, ông nên ăn; cái gì không được phép, ông không nên ăn. Cái gì được phép, ông nên nếm; cái gì không được phép, ông không nên nếm. Cái gì được phép, ông nên uống; cái gì không được phép, ông không nên uống. Đúng thời, ông nên nhai; không đúng thời, ông không nên nhai. Đúng thời, ông nên ăn; không đúng thời, ông không nên ăn. Đúng thời, ông nên nếm; không đúng thời, ông không nên nếm. Đúng thời, ông nên uống; không đúng thời, ông không nên uống." Vị ấy suy nghĩ như sau: "Trước kia, khi ta chưa xuất gia, cái gì ta muốn, ta nhai; cái gì ta không muốn, ta không nhai. Cái gì ta muốn, ta ăn; cái gì ta không muốn, ta không ăn. Cái gì ta muốn, ta nếm; cái gì ta không muốn, ta không nếm. Cái gì ta muốn, ta uống; cái gì ta không muốn, ta không uống. Cái gì được phép, ta nhai; cái gì không được phép, ta cũng nhai. Cái gì được phép, ta ăn; cái gì không được phép, ta cũng ăn. Cái gì được phép, ta nếm; cái gì không được phép, ta cũng nếm. Cái gì được phép, ta uống; cái gì không được phép, ta cũng uống. Cái gì đúng thời, ta nhai; cái gì không đúng thời, ta cũng nhai. Cái gì đúng thời, ta ăn; cái gì không đúng thời, ta cũng ăn. Cái gì đúng thời, ta nếm; cái gì không đúng thời, ta cũng nếm. Cái gì đúng thời, ta uống; cái gì không đúng thời, ta cũng uống. Khi các gia đình có tín tâm cúng dường ta ban ngày, phi thời, những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, hình như những món này, ta bị chặn đứng lại trên miệng." Như vậy, vị ấy từ bỏ học tập và trở về hoàn tục. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là vị Tỷ-kheo sợ hãi bởi sự sợ hãi về cá sấu, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với tham ăn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sự sợ hãi về cá sấu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về nước xoáy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta nay bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức; bị khổ áp bức; bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này." Khi được xuất gia như vậy, vị này buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khất thực, không phòng hộ thân, không phòng hộ lời, không phòng hộ tâm, niệm không an trú, các căn không phòng hộ. Tại đây, vị ấy thấy gia chủ hay con người gia chủ hưởng thụ, được cung cấp đầy đủ, được thực hiện năm dục trưởng dưỡng và cảm thấy hoan hỷ trong ấy. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta xưa kia chưa xuất gia đã hưởng thụ, được cung cấp đầy đủ, được thực hiện năm dục trưởng dưỡng và cảm thấy hoan

hỷ trong đó. Vì nhà ta có tài sản, ta có thể vừa hưởng thụ tài sản vừa làm các công đức." Vị ấy từ bỏ học tập và trở về hoàn tục. Này các Tỷ-kheo, đây được gọi là vị Tỷ-kheo sợ hãi bởi sự sợ hãi về nước xoáy, từ bỏ học tập, trở về hoàn tục. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về nước xoáy là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sợ hãi về nước xoáy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sợ hãi về cá dữ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có thiện nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não áp bức; bị khổ áp bức; bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này." Khi được xuất gia như vậy, vị này buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào làng hay thị trấn để khất thực, không phòng hộ thân, không phòng hộ lời, không phòng hộ tâm, niệm không an trú, các căn không chế ngự. Vị này thấy ở đây những phụ nữ mặc y phục không đoan chánh hay đắp y phục không đoan chánh. Khi thấy những phụ nữ mặc y phục không đoan chánh hay đắp y phục không đoan chánh, ái dục phá hoại tâm của vị ấy. Vị này, tâm bị ái dục phá hoại, từ bỏ học tập, trở về hoàn tục. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Tỷ-kheo sợ hãi bởi sự sợ hãi về cá dữ, từ bỏ học tập và trở về hoàn tục. Này các Tỷ-kheo, sợ hãi về cá dữ là đồng nghĩa với phụ nữ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sợ hãi về cá dữ.

Này các Tỷ-kheo, ở đây, có bốn sự sợ hãi này, được chờ đợi đối với một số thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp, Luật này.

III. KINH CÁC HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC THỨ NHẤT (*Paṭhamanānākaraṇasutta*)[158] (*A*. II. 126)

123. Có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ấy nếm được vị ngọt của thiền ấy, ái luyến thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Phạm Chúng thiên. Một kiếp, này các Tỷ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư thiên ở Phạm Chúng thiên. Tại đấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đấy, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tầm và tứ,

---

[158] Tham chiếu: *Ý hành kinh* 意行經 (*T*.01. 0026.168. 0700b24).

chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy nếm được vị ngọt của thiền ấy, ái luyến thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Quang Âm thiên. Hai kiếp, này các Tỷ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư thiên ở Quang Âm thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân[159] cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, vị ấy nếm được vị ngọt của thiền ấy, ái luyến thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Biến Tịnh thiên. Bốn kiếp, này các Tỷ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư thiên ở Biến Tịnh thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy nếm được vị ngọt của thiền ấy, ái luyến thiền ấy, do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Quảng Quả thiên.[160] Năm kiếp, này các Tỷ-kheo, là tuổi thọ vô lượng các chư thiên ở Quảng Quả thiên. Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

---

[159] Xem *A*. I. 113; *KS*. V. 190.

[160] Xem *M*. I. 329; III. 103; *JA*. III. 358.

IV. KINH CÁC HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC THỨ HAI (*Dutiyanānākaraṇasutta*)[161] (*A*. II. 128)

124. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Ở đây, về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức,[162] vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Tịnh Cư thiên.[163] Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, không có chung cùng với các hàng phàm phu.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tầm và tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư và an trú. Ở đây, về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụn nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Tịnh Cư thiên. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, không có chung cùng các hàng phàm phu.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

V. KINH TỪ TÂM THỨ NHẤT (*Paṭhamamettāsutta*) (*A*. II. 128)

125. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người với tâm cùng khởi với từ, biến mãn một phương rồi an trú, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm cùng khởi với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy nếm được vị ngọt của thiền ấy, ái luyến thiền ấy, do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Phạm Chúng thiên. Một kiếp, này các Tỷ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư thiên ở cõi Phạm Chúng thiên. Tại đấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đấy, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

---

[161] Tham chiếu: *Ý hành kinh* 意行經 (*T*.01. 0026.168. 0700b24).

[162] Năm thủ uẩn. *KS*. III. 103, 155; IV. 50, 135.

[163] Suddhāvasā: Tịnh Cư thiên. Xem *GS*. I. 213; *S*. I. 26; *KS*. V. 58, 180.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người với tâm cùng khởi với bi... với tâm cùng khởi với hỷ... với tâm cùng khởi với xả, biến mãn một phương rồi an trú, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm cùng khởi với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Vị ấy nếm được vị ngọt của thiền ấy, ái luyến thiền ấy, do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Quang Âm thiên. Hai kiếp, này các Tỷ-kheo, là thọ mạng của các chư thiên ở Quang Âm thiên... được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Biến Tịnh thiên. Bốn kiếp, này các Tỷ-kheo, là thọ mạng của chư thiên ở cõi Biến Tịnh thiên... được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Quảng Quả thiên. Năm kiếp, này các Tỷ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư thiên ở cõi Quảng Quả thiên. Tại đấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ của chư thiên ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đấy, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

VI. KINH TỪ TÂM THỨ HAI (*Dutiyamettāsutta*) (*A*. II. 130)

126. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người với tâm cùng khởi với từ... (như kinh 125)... không hận, không sân. Vị ấy, ở đây, về các pháp thuộc sắc... (như kinh 124)... là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Tịnh Cư thiên. Này các Tỷ-kheo, sự sanh khởi này, không có chung cùng các hàng phàm phu. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người có mặt hiện hữu ở đời.

VII. KINH SỰ VI DIỆU CỦA NHƯ LAI THỨ NHẤT (*Paṭhamatathāgataacchariyasutta*)[164] (*A*. II. 130)

127. Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có bốn pháp vi diệu chưa từng có xuất hiện. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, khi Bồ-tát từ bỏ thân ở cõi trời Tusita (Đâu-suất), chánh niệm tỉnh giác, nhập vào mẫu thai; khi ấy, một hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có thế giới chư Thiên, thế giới Ma vương và Phạm thiên, quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn,

---

[164] Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (128, 129, 130) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Marvels*, nghĩa là *Những điều vi diệu hy hữu*. Tham chiếu: *Vị tằng hữu pháp kinh* 未曾有法經 (*T*.01. 0026.32. 0469c20).

chư thiên và loài người; cho đến những thế giới ở chặng giữa bất hạnh, không có nền tảng, tối tăm, u ám, tại đấy mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu ánh sáng. Trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thâm diệu thắng xa uy lực chư thiên hiện ra. Và các chúng sanh, sanh tại đấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây." Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ nhất xuất hiện.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi Bồ-tát chánh niệm tỉnh giác, từ bụng mẹ sanh ra, khi ấy, một hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có thế giới chư Thiên, thế giới Ma vương và Phạm thiên, quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người; cho đến những thế giới ở chặng giữa, bất hạnh, không có nền tảng, tối tăm, u ám, tại đấy mặt trăng, mặt trời với đại thần lực, đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu ánh sáng. Trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng thần diệu thắng xa uy lực của chư thiên hiện ra. Và các chúng sanh, sanh tại đấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây." Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ hai xuất hiện.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi Như Lai chứng ngộ được Vô thượng Chánh đẳng giác, khi ấy trong thế giới chư Thiên... (như trên)… "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây." Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba xuất hiện.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi Như Lai chuyển bánh xe pháp vô thượng, khi ấy trong thế giới chư Thiên... (như trên)… "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây." Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư xuất hiện.

Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này xuất hiện.

VIII. KINH SỰ VI DIỆU CỦA NHƯ LAI THỨ HAI
(*Dutiyatathāgataacchariyasutta*)[165] (*A*. II. 131)

128. Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này xuất hiện. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, quần chúng ưa thích chấp giữ, thích thú chấp giữ, hoan hỷ chấp giữ; khi pháp không chấp giữ được Như Lai thuyết giảng, họ khéo nghe, lắng tai, chánh trí an trú tâm. Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ nhất xuất hiện.

Này các Tỷ-kheo, quần chúng ưa thích kiêu mạn, thích thú kiêu mạn, hoan hỷ kiêu mạn; khi pháp không kiêu mạn được Như Lai thuyết giảng, họ khéo

---

[165] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.25.3. 0631b19).

nghe, lắng tai, chánh trí an trú tâm. Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ hai xuất hiện.

Này các Tỷ-kheo, quần chúng ưa thích không an tịnh, thích thú không an tịnh, hoan hỷ không an tịnh; khi pháp an tịnh được Như Lai thuyết giảng, họ khéo nghe, lắng tai, chánh trí an trú tâm. Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba xuất hiện.

Này các Tỷ-kheo, quần chúng đi đến vô minh, trở thành mù quáng, bị trói buộc che đậy; khi Như Lai thuyết pháp nhiếp phục vô minh, họ khéo nghe, lắng tai, chánh trí an trú tâm. Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư xuất hiện.

Này các Tỷ-kheo, khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này xuất hiện.

IX. KINH SỰ VI DIỆU CỦA ĀNANDA (*Ānandaacchariyasutta*) (*A*. II. 132)

129. Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Ānanda. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tỷ-kheo đi đến yết kiến Ānanda, hội chúng ấy hoan hỷ được yết kiến Ānanda. Tại đấy, nếu Ānanda thuyết pháp, hội chúng ấy hoan hỷ với lời thuyết giảng. Chúng Tỷ-kheo không được vui vẻ, này các Tỷ-kheo, nếu Ānanda giữ im lặng.

Này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tỷ-kheo-ni... nếu chúng nam cư sĩ... nếu chúng nữ cư sĩ đi đến yết kiến Ānanda, hội chúng ấy hoan hỷ được yết kiến Ānanda. Tại đấy, nếu Ānanda thuyết pháp, hội chúng ấy được hoan hỷ với lời thuyết giảng. Chúng nữ cư sĩ sẽ không được vui vẻ, này các Tỷ-kheo, nếu Ānanda giữ im lặng.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Ānanda.

X. KINH SỰ VI DIỆU CỦA VUA CHUYỂN LUÂN (*Cakkavattiacchariyasutta*) (*A*. II 133)

130. Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Vua Chuyển Luân. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Sát-đế-lỵ đến yết kiến Vua Chuyển Luân, hội chúng ấy được hoan hỷ vì được yết kiến Vua Chuyển Luân. Tại đấy, nếu vị Vua Chuyển Luân nói chuyện, hội chúng được hoan hỷ với bài nói chuyện. Và nếu Vua Chuyển Luân im lặng, chúng Sát-đế-lỵ bị thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, nếu có chúng Bà-la-môn... nếu có chúng gia chủ... nếu có chúng Sa-môn đến yết kiến Vua Chuyển Luân, hội chúng ấy được hoan hỷ vì được yết kiến Vua Chuyển Luân. Tại đấy, nếu vị Vua Chuyển Luân nói chuyện, hội chúng được hoan hỷ với bài nói chuyện. Và nếu Vua Chuyển Luân im lặng, chúng Sa-môn bị thất vọng.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Vua Chuyển Luân.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Ānanda. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tỷ-kheo đi đến yết kiến Ānanda, hội chúng ấy hoan hỷ được yết kiến Ānanda. Tại đấy, nếu Ānanda thuyết pháp, hội chúng ấy hoan hỷ với lời thuyết giảng. Chúng Tỷ-kheo không được vui vẻ, này các Tỷ-kheo, nếu Ānanda giữ im lặng.

Này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tỷ-kheo-ni...

Này các Tỷ-kheo, nếu chúng nam cư sĩ...

Này các Tỷ-kheo, nếu chúng nữ cư sĩ...

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp vi diệu chưa từng có này về Ānanda.



XIV. PHẨM LOÀI NGƯỜI
(*PUGGALAVAGGA*)

I. KINH KIẾT SỬ (*Saṃyojanasutta*) (*A*. II. 133)

131. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử không được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với một hạng người, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu được đoạn tận.

Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử không được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận?

Đối với vị Nhất Lai, đối với hạng người này, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử không được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.

Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận?

Đối với hạng người Thượng lưu đi đến Sắc Cứu Cánh thiên. Đối với hạng người này, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được sanh không được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.

Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận?

Đối với hạng người Trung gian Bát-niết-bàn, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, nhưng các kiết sử khiến được hữu không được đoạn tận.

Đối với hạng người nào, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu được đoạn tận?

Đối với bậc A-la-hán, này các Tỷ-kheo, các hạ phần kiết sử được đoạn tận, các kiết sử khiến được sanh được đoạn tận, các kiết sử khiến được hữu được đoạn tận.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

II. KINH TRẢ LỜI (*Paṭibhānasutta*)[166] (*A*. II. 135)

132. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Trả lời tương ứng, trả lời không tự tại; trả lời tự tại, trả lời không tương ứng; trả lời tương ứng và trả lời tự tại; trả lời không tương ứng và trả lời không tự tại.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

III. KINH LANH TRÍ (*Ugghaṭitaññūsutta*)[167] (*A*. II. 135)

133. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Biết một cách tổng quát,[168] biết một cách rộng rãi với các chi tiết,[169] biết cần phải hướng dẫn, chỉ giỏi về chữ nghĩa.[170]

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

IV. KINH KẾT QUẢ CỦA SỰ NỖ LỰC (*Uṭṭhānaphalasutta*)[171] (*A*. II. 135)

134. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Sống nhờ kết quả của nỗ lực, sống không nhờ kết quả của hành động; sống nhờ kết quả của hành động, sống không nhờ kết quả của nỗ lực; sống nhờ kết quả của nỗ lực và sống nhờ kết quả của hành động; sống không nhờ kết quả của nỗ lực và sống không nhờ kết quả của hành động.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

---

[166] Xem *Pug*. 42. *AA*. III. 131: *Yuttappaṭibhāno no muttappaṭibhānoti pañhaṃ kathento yuttameva katheti, sīghaṃ pana na katheti, saṇikameva kathetīti attho* ("Trả lời tương ứng, trả lời không tự tại" nghĩa là khi được hỏi thế nào, thì trả lời đúng đắn, có liên hệ ý nghĩa, không trả lời hấp tấp, trả lời chậm rãi).

[167] Xem *Pug*. 41; *Netti*. 211.

[168] *Ugghaṭitaññū*: *Saṅkhepaññū* (học vắn tắt).

[169] *Vipañcitaññū*: *Vitthāritaññuū* (học chi tiết).

[170] *Padaparamo*: Học thuộc lòng nhưng không hiểu.

[171] Bản tiếng Anh của PTS: *Effort*, nghĩa là *Nỗ lực*. Xem *Pug*. 51. Trong *AA*. III. 132, cả hai thuật ngữ *vāyāmaphala* và *puññaphala* được sử dụng khác nhau, và cho ví dụ: Vua cõi trời Bốn Thiên Vương và chư thiên sống không nỗ lực, sống nhờ kết quả của hành động. Vua và các vị đại thần sống nhờ cả hai. Các chúng sanh ở đọa xứ thuộc loại thứ tư.

V. KINH CÓ TỘI (*Sāvajjasutta*) (*A*. II. 135)

135. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Có tội, nhiều tội, ít tội, không có tội.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người có tội?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thành tựu với thân nghiệp có tội, thành tựu với khẩu nghiệp có tội, thành tựu với ý nghiệp có tội. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người có tội.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người nhiều tội?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thành tựu với thân nghiệp có tội nhiều, không tội ít; thành tựu với khẩu nghiệp có tội nhiều, không tội ít; thành tựu với ý nghiệp có tội nhiều, không tội ít. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người nhiều tội.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người ít tội?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thành tựu với thân nghiệp không tội nhiều, có tội ít; thành tựu với khẩu nghiệp không tội nhiều, có tội ít; thành tựu với ý nghiệp không tội nhiều, có tội ít. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người ít tội.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không có tội?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thành tựu với thân nghiệp không có tội, thành tựu với khẩu nghiệp không có tội, thành tựu với ý nghiệp không có tội. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không có tội.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

VI. KINH CÓ GIỚI THỨ NHẤT (*Paṭhamasīlasutta*) (*A*. II. 136)

136. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không đầy đủ về giới, không đầy đủ về định, không đầy đủ về tuệ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đầy đủ về giới, không đầy đủ về định, không đầy đủ về tuệ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đầy đủ về giới, đầy đủ về định, không đầy đủ về tuệ. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người đầy đủ về giới, đầy đủ về định, đầy đủ về tuệ.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

VII. KINH CÓ GIỚI THỨ HAI (*Dutiyasīlasutta*)[172] (*A*. II. 136)

137. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

[172] Kinh này không nói đến hạng người đầu. Trong *Pug*. 37 có nói đến hạng người này. Hạng thứ hai chỉ cho Dự Lưu và Nhất Lai; hạng thứ ba là Bất Lai; hạng thứ tư là A-la-hán. *Chú giải* lại giải thích hạng thứ nhất là vô minh phàm phu; hạng thứ hai là phàm phu có giới; hạng thứ ba là Dự Lưu, Nhất Lai, Bất Lai; hạng thứ tư là A-la-hán.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không kính trọng giới, không xem giới là tối thượng;[173] không kính trọng định, không xem định là tối thượng; không kính trọng tuệ, không xem tuệ là tối thượng.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người kính trọng giới, xem giới là tối thượng, không kính trọng định, không xem định là tối thượng, không kính trọng tuệ, không xem tuệ là tối thượng.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người kính trọng giới, xem giới là tối thượng; kính trọng định, xem định là tối thượng; không kính trọng tuệ, không xem tuệ là tối thượng.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người kính trọng giới, xem giới là tối thượng; kính trọng định, xem định là tối thượng; kính trọng tuệ, xem tuệ là tối thượng.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

VIII. KINH VIỄN LY (*Nikaṭṭhasutta*) (*A*. II. 137)

138. Có bốn hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn? Thân viễn ly, tâm không viễn ly; thân không viễn ly, tâm viễn ly; thân không viễn ly, tâm không viễn ly; thân viễn ly và tâm viễn ly.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thân viễn ly, tâm không viễn ly?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; tại đấy, vị ấy nghĩ đến dục tầm, nghĩ đến sân tầm, nghĩ đến hại tầm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân viễn ly, nhưng tâm không viễn ly.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là thân không viễn ly, tâm viễn ly?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; tại đấy, vị ấy nghĩ đến tầm xuất ly, nghĩ đến tầm vô sân, nghĩ đến tầm bất hại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân không viễn ly, nhưng tâm viễn ly.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thân không viễn ly và tâm không viễn ly?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; tại đấy, vị ấy nghĩ đến dục tầm, nghĩ đến sân tầm, nghĩ đến hại tầm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân không viễn ly và tâm không viễn ly.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thân viễn ly và tâm viễn ly?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tại các núi non, khóm rừng, các trú xứ xa vắng; tại đấy, vị ấy nghĩ đến tầm xuất ly, nghĩ đến tầm không sân, nghĩ đến tầm không hại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thân viễn ly và tâm viễn ly.

---

[173] *Ādhipateyya*: Kính trọng hay xem là tối thượng, quan trọng. Trong *A*. I. 147, *jeṭṭhākakārana*, đặt vào vị trí thứ nhất.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

IX. KINH VỊ THUYẾT PHÁP (*Dhammakathikasutta*)[174] (*A*. II. 138)

139. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người thuyết pháp này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thuyết pháp, nói ít và không liên hệ đến vấn đề; và hội chúng không thiện xảo về liên hệ hay không liên hệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thuyết pháp và vị ấy được xem là hạng người thuyết pháp cho một hội chúng tương tự.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thuyết pháp, nói ít và liên hệ đến vấn đề; và hội chúng thiện xảo về liên hệ hay không liên hệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thuyết pháp và vị ấy được xem là hạng người thuyết pháp cho một hội chúng tương tự.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thuyết pháp, nói nhiều và không liên hệ đến vấn đề; và hội chúng không thiện xảo về liên hệ hay không liên hệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thuyết pháp và vị ấy được xem là hạng người thuyết pháp cho một hội chúng tương tự.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người thuyết pháp, nói nhiều và liên hệ đến vấn đề; và hội chúng thiện xảo về liên hệ hay không liên hệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người thuyết pháp và vị ấy được xem là hạng người thuyết pháp cho một hội chúng tương tự.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người thuyết pháp này.

X. KINH HẠNG THUYẾT TRÌNH (*Vādīsutta*) (*A*. II. 138)

140. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người thuyết trình này. Thế nào là bốn?

Có hạng người thuyết trình, này các Tỷ-kheo, đi đến ngõ bí về nghĩa,[175] không về văn; có hạng người thuyết trình, này các Tỷ-kheo, đi đến ngõ bí về văn, nhưng không về nghĩa; có hạng người thuyết trình, này các Tỷ-kheo, đi đến ngõ bí về văn cũng như về nghĩa; có hạng người thuyết trình, này các Tỷ-kheo, không đi đến ngõ bí về văn cũng như về nghĩa.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người thuyết trình này.

Không có trường hợp này, không có cơ hội này, này các Tỷ-kheo, là một người thành tựu Bốn vô ngại giải,[176] lại đi đến ngõ bí về văn cũng như về nghĩa.

---

[174] Xem *Pug*. 42.

[175] *Pariyādānaṃ gacchati*: Khi bảo thuyết trình, vị ấy đứng im.

[176] Bốn *Paṭisambhidā*: Nghĩa vô ngại giải (*attha*), Pháp vô ngại giải (*dhamma*), Từ vô ngại giải (*nirutti*) và Biện tài vô ngại giải (*paṭibhāna*).

XV. PHẨM HÀO QUANG
(*ĀBHĀVAGGA*)

I. KINH HÀO QUANG (*Ābhāsutta*) (*A*. II. 139)

141. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại hào quang này. Thế nào là bốn? Hào quang mặt trăng, hào quang mặt trời, hào quang ngọn lửa, hào quang trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại hào quang này. Và này các Tỷ-kheo, loại tối thượng trong bốn loại này là hào quang trí tuệ.

II. KINH ÁNH SÁNG (*Pabhāsutta*) (*A*. II. 139)

142. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh sáng này. Thế nào là bốn? Ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trời, ánh sáng ngọn lửa, ánh sáng trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh sáng này. Và này các Tỷ-kheo, loại tối thượng trong bốn loại này là ánh sáng trí tuệ.

III. KINH ÁNH LỬA (*Ālokasutta*) (*A*. II. 139)

143. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh lửa này. Thế nào là bốn? Ánh lửa mặt trăng, ánh lửa mặt trời, ánh lửa ngọn lửa, ánh lửa trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh lửa này. Và này các Tỷ-kheo, loại tối thượng trong bốn loại này là ánh lửa trí tuệ.

IV. KINH ÁNH CHIẾU (*Obhāsasutta*) (*A*. II. 139)

144. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh chiếu này. Thế nào là bốn? Ánh chiếu mặt trăng, ánh chiếu mặt trời, ánh chiếu ngọn lửa, ánh chiếu trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh chiếu này. Và này các Tỷ-kheo, loại tối thượng trong bốn loại này là ánh chiếu trí tuệ.

V. KINH ÁNH ĐÈN (*Pajjotasutta*) (*A*. II. 140)

145. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh đèn này. Thế nào là bốn? Ánh đèn mặt trăng, ánh đèn mặt trời, ánh đèn ngọn lửa, ánh đèn trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh đèn này. Và này các Tỷ-kheo, loại tối thượng trong bốn loại này là ánh đèn trí tuệ.

VI. KINH THỜI GIAN THỨ NHẤT (*Paṭhamakālasutta*) (*A*. II. 140)

146. Có bốn loại thời gian này. Thế nào là bốn? Nghe pháp đúng thời, đàm luận về pháp đúng thời, chỉ đúng thời, quán đúng thời.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại thời gian này.

VII. KINH THỜI GIAN THỨ HAI (*Dutiyakālasutta*) (*A*. II. 140)

147. Có bốn loại thời gian, này các Tỷ-kheo, nếu khéo tu tập, nếu khéo vận chuyển, tuần tự đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là bốn? Nghe pháp đúng thời, đàm luận về pháp đúng thời, chỉ đúng thời, quán đúng thời.

Bốn loại thời gian này, này các Tỷ-kheo, nếu khéo tu tập, khéo vận chuyển, tuần tự đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên đỉnh núi[177] trời mưa nặng hạt và nước chảy theo triền thấp, tràn đầy hang núi, khe núi, thung lũng. Khi các hang núi, khe núi, thung lũng được tràn đầy, thời ao nhỏ được tràn đầy; ao nhỏ được tràn đầy, thời ao lớn được tràn đầy; ao lớn được tràn đầy, thời sông nhỏ được tràn đầy; sông nhỏ được tràn đầy, thời sông lớn được tràn đầy; sông lớn được tràn đầy, thời biển lớn đại dương được tràn đầy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bốn loại thời gian này, nếu khéo tu tập, nếu khéo vận chuyển, tuần tự đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc.

VIII. KINH HẠNH ÁC VỀ LỜI NÓI (*Duccaritasutta*) (*A*. II. 141)

148. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạnh ác về lời nói này. Thế nào là bốn? Nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm.

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạnh ác về lời nói này.

IX. KINH HẠNH THIỆN VỀ LỜI NÓI (*Sucaritasutta*) (*A*. II. 141)

149. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạnh thiện về lời nói này. Thế nào là bốn? Nói thật, không nói hai lưỡi, nói lời nhu hòa, nói lời thông minh.[178]

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạnh thiện về lời nói này.

X. KINH LÕI (TINH TÚY) (*Sārasutta*) (*A*. II. 141)

150. Này các Tỷ-kheo, có bốn lõi này. Thế nào là bốn? Lõi về giới, lõi về định, lõi về tuệ, lõi về giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại lõi này.

---

[177] Xem *S*. II. 32.

[178] Xem *A*. II. 226; *GS*. II. 235 (kinh 221 ở sau). *Mantabhāsā*. *D*. II. 246 viết *mantāya boddhabbaṃ*.

XVI. PHẨM CÁC CĂN
(*INDRIYAVAGGA*)[179]

I. KINH CÁC CĂN (*Indriyasutta*)[180] (*A*. II. 141)

151. Này các Tỷ-kheo, có bốn căn này. Thế nào là bốn? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn.

Này các Tỷ-kheo, có bốn căn này.

II. KINH TÍN LỰC (*Saddhābalasutta*)[181] (*A*. II. 141)

152. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này. Thế nào là bốn? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực.

Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này.

III. KINH TUỆ LỰC (*Paññābalasutta*)[182] (*A*. II. 142)

153. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này. Thế nào là bốn? Tuệ lực, tấn lực, vô tội lực, năng nhiếp lực.[183]

Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này.

IV. KINH NIỆM LỰC (*Satibalasutta*) (*A*. II. 142)

154. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này. Thế nào là bốn? Niệm lực, định lực, vô tội lực, năng nhiếp lực.

Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này.

V. KINH GIẢN TRẠCH LỰC (*Paṭisaṅkhānabalasutta*) (*A*. II. 142)

155. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này. Thế nào là bốn? Giản trạch lực,[184] tu tập lực, vô tội lực, năng nhiếp lực.

Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này.

---

[179] Tên phẩm và tên 2 kinh (151, 152) trong bản tiếng Anh của PTS: (*Controlling*) *Powers*, nghĩa là *Các Lực* (*Nhiếp phục*).

[180] Xem *KS*. V. 168, 179.

[181] Tham chiếu: *KS*. V. 223; *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.667. 0184c18); *Tạp A-hàm kinh* 雜阿含經 (*T*.02. 0101.18. 0497b11).

[182] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Powers*, nghĩa là *Lực*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.670-672. 0185b01-18).

[183] *AA*. III. 135: *Saṅgahabalanti saṅgaṇhitabbayuttakānaṃ saṅgaṇhanabalaṃ* ("Năng nhiếp lực" nghĩa là năng lực nhiếp những gì nên nhiếp).

[184] Hai lực đầu, xem *GS*. I. 47.

VI. KINH KIẾP (*Kappasutta*)[185] (*A*. II. 142)

156. Này các Tỷ-kheo, có bốn vô lượng của kiếp này. Thế nào là bốn? Khi kiếp chuyển thành, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì để ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy, có nhiều trăm ngàn năm như vậy.

Khi kiếp đã chuyển thành và dừng lại, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì để ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy, có nhiều trăm ngàn năm như vậy.

Khi kiếp chuyển hoại, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì để ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy, có nhiều trăm ngàn năm như vậy.

Khi kiếp đã chuyển hoại và dừng lại, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì để ước tính có bao nhiêu năm như vậy, có nhiều trăm năm như vậy, có nhiều ngàn năm như vậy, có nhiều trăm ngàn năm như vậy.

Này các Tỷ-kheo, có bốn vô lượng của kiếp này.

VII. KINH BỆNH (*Rogasutta*) (*A*. II. 143)

157. Này các Tỷ-kheo, có hai loại bệnh này. Thế nào là hai? Bệnh về thân và bệnh về tâm.

Này các Tỷ-kheo, chúng ta thấy có chúng sanh tự nhận mình là không thân bệnh được một năm, tự nhận mình là không thân bệnh được hai năm, được ba... được bốn... được năm... được mười... được hai mươi... được ba mươi... được bốn mươi năm, tự nhận mình là không thân bệnh được năm mươi năm, tự nhận mình là không thân bệnh được một trăm năm. Các chúng sanh ấy, này các Tỷ-kheo, rất khó tìm được ở đời là những chúng sanh tự nhận mình là không tâm bệnh dầu chỉ trong một khoảnh khắc,[186] trừ những vị đã đoạn trừ các lậu hoặc.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại bệnh này cho người xuất gia. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có dục lớn, bực bội tức tối, không tự bằng lòng với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Vị ấy vì nhiều dục lớn, bực bội tức tối, không tự bằng lòng với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; khởi lên thèm khát, ác dục, muốn được các điều không đáng được tán thán, muốn được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Vị ấy nỗ lực, cố gắng, tinh tấn, để được các điều không đáng được tán thán, muốn được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Vị ấy sau khi tính toán, đi đến các gia đình; sau khi tính toán, ngồi xuống; sau khi tính toán, thuyết pháp; sau khi tính toán, ngưng nín tiểu tiện, đại tiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bốn chứng bệnh của người xuất gia.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau: "Ta sẽ không có dục

---

[185] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.9. 0813b23).

[186] Xem *KS*. III. 2.

lớn, bực bội tức tối, tự bằng lòng với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Ta sẽ không khởi lên thèm khát, ác dục, muốn được các điều không đáng được tán thán, muốn được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Ta sẽ không nỗ lực, không cố gắng, không tinh tấn, để được các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Ta sẽ kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm với ruồi và muỗi, với gió, mưa và các vật bò sát; [kham nhẫn] các hình thức nói thô lỗ khó chịu, khó chấp nhận; ta sẽ chịu đựng các khổ thọ về thân, khởi lên khổ đau, nhói đau, mãnh liệt, kịch liệt, không khả hỷ, không khả ý, đứt mạng sống." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VIII. KINH THỐI ĐỌA (*Parihānisutta*) (*A*. II. 143)

158. Tại đây, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thấy tự thân có bốn pháp này, cần phải đi đến kết luận rằng: "Tôi thối đọa khỏi các thiện pháp." Đây được Thế Tôn gọi là thối đọa. Thế nào là bốn? Tham ái tăng thịnh; sân tăng thịnh; si tăng thịnh; đối với các vấn đề có mặt, không có mặt, không có tuệ nhãn soi thấu.

Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thấy tự thân có bốn pháp này, cần phải đi đến kết luận rằng: "Tôi thối đọa khỏi các thiện pháp." Đây được Thế Tôn gọi là thối đọa.

Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào thấy tự thân có bốn pháp này, cần phải đi đến kết luận rằng: "Tôi không thối đọa khỏi các thiện pháp." Đây được Thế Tôn gọi là không thối đọa. Thế nào là bốn? Tham ái giảm thiểu; sân giảm thiểu; si giảm thiểu; đối với các vấn đề có mặt, không có mặt, có tuệ nhãn soi thấu.

Thưa các Hiền giả, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, thấy tự thân có bốn pháp này, cần phải đi đến kết luận rằng: "Tôi không thối đọa khỏi các thiện pháp." Đây được Thế Tôn gọi là không thối đọa.

IX. KINH TỶ-KHEO-NI (*Bhikkhunīsutta*)[187] (*A*. II. 144)

159. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Rồi một Tỷ-kheo-ni[188] gọi một người và nói:

– Hãy đến đây, thưa ông. Hãy đi đến Tôn giả Ānanda, nhân danh tôi, với đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda và nói: "Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo-ni tên là... bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Tỷ-kheo-ni ấy với đầu đảnh lễ Tôn giả Ānanda và nói như sau: 'Lành thay! Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ānanda đi đến trú xứ của Tỷ-kheo-ni, đi đến Tỷ-kheo-ni ấy vì lòng từ mẫn.'"

[187] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.564. 0148a13).

[188] *Chú giải* nói rằng vị Tỷ-kheo-ni này yêu kính Tôn giả Ānanda.

– Thưa vâng, nữ Tôn giả.

Người ấy vâng đáp Tỷ-kheo-ni ấy, đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy nói với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo-ni tên… này bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, với đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda, và nói như sau: "Lành thay! Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả đi đến trú xứ của Tỷ-kheo-ni, đi đến Tỷ-kheo-ni ấy, vì lòng từ mẫn."

Tôn giả Ānanda im lặng nhận lời.

Rồi Tôn giả Ānanda đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ Tỷ-kheo-ni. Tỷ-kheo-ni ấy thấy Tôn giả Ānanda từ xa đi đến; sau khi thấy, liền trùm đầu và nằm trên giường. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Tỷ-kheo-ni ấy; sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Tôn giả Ānanda nói với Tỷ-kheo-ni ấy:

– Này chị, thân này do đồ ăn được tác thành, y cứ vào đồ ăn; đồ ăn cần phải đoạn tận. Này chị, thân này do ái được tác thành, y cứ vào ái; ái cần phải đoạn tận. Này chị, thân này do kiêu mạn được tác thành, y cứ vào kiêu mạn; kiêu mạn cần phải đoạn tận. Này chị, thân này do dâm dục tác thành, y cứ vào dâm dục; dâm dục, sự phá đổ cây cầu được Thế Tôn nói đến.

Này chị, thân này do đồ ăn được tác thành, y cứ vào đồ ăn; đồ ăn cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, y cứ vào gì được nói đến như vậy? Này chị, ở đây, Tỷ-kheo như lý quán sát,[189] thọ dụng món ăn không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ cảm thọ cũ và không cho khởi lên cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn." Vị ấy sau một thời gian, dầu cho y cứ vào đồ ăn, vẫn không đắm trước đồ ăn.

Này chị, thân này do đồ ăn được tác thành, y cứ vào đồ ăn; đồ ăn cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, do duyên này được nói đến.

Này chị, thân này do ái được tác thành, y cứ vào ái; ái cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, y cứ vào gì được nói đến như vậy? Ở đây, này chị, Tỷ-kheo nghe: "Tỷ-kheo tên này do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Vị ấy suy nghĩ: "Thật vậy, ta cũng do đoạn tận các lậu hoặc... ta sẽ chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Vị ấy, sau một thời gian, dầu y cứ vào ái, đoạn tận ái.

Này chị, thân này do ái tác thành, y cứ vào ái; ái cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, do duyên này được nói đến.

Này chị, thân này do kiêu mạn tác thành, y cứ vào kiêu mạn; kiêu mạn cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, y cứ vào gì được nói đến như vậy? Ở đây,

[189] Xem *S*. II. 98, *Puttamaṃsūpamasutta*; *S*. IV. 104.

này chị, Tỷ-kheo nghe: "Tỷ-kheo tên này, do đoạn diệt các lậu hoặc... Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Vị ấy suy nghĩ: "Vậy sao ta không như vậy?" Vị ấy, sau một thời gian, dầu y cứ vào kiêu mạn, đoạn tận kiêu mạn.

Này chị, thân này do kiêu mạn tác thành, y cứ vào kiêu mạn; kiêu mạn cần phải đoạn tận. Như vậy, được nói đến, do duyên này được nói đến.

Này chị, thân này do dâm dục tác thành; dâm dục, sự phá đổ cây cầu được Thế Tôn nói đến.

Rồi Tỷ-kheo-ni ấy, từ giường đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, với đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda, và thưa với Tôn giả Ānanda:

– Một lỗi con đã vi phạm,[190] thưa Tôn giả, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện. Thưa Tôn giả, mong Tôn giả Ānanda chấp nhận cho con tội lỗi này là một tội lỗi để con ngăn ngừa trong tương lai!

– Thật vậy, này chị, thật sự chị đã phạm tội, vì ngu đần, vì si mê, vì bất thiện chị đã làm như vậy. Này chị, vì chị thấy phạm tội là phạm tội, và như pháp phát lộ, nên chúng tôi chấp nhận tội ấy cho chị. Này chị, như vậy, Luật của bậc Thánh được tăng trưởng khi thấy được phạm tội là phạm tội, và như pháp phát lộ để ngăn giữ trong tương lai.

X. KINH LUẬT CỦA BẬC THIỆN THỆ (*Sugatavinayasutta*) (*A*. II. 147)

160. Này các Tỷ-kheo, khi bậc Thiện Thệ hay Luật của bậc Thiện Thệ an trú ở đời là vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thiện Thệ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai có mặt ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Này các Tỷ-kheo, đây là bậc Thiện Thệ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Luật của bậc Thiện Thệ?

Vị ấy thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn cú, có nghĩa, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Này các Tỷ-kheo, đây là Luật của bậc Thiện Thệ.

Này các Tỷ-kheo, khi bậc Thiện Thệ hay Luật của Thiện Thệ an trú ở đời, là vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người.

Có bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo học thuộc lòng kinh,[191] được lãnh thọ sai lầm, với văn cú bị sắp đặt đảo lộn. Do văn cú bị sắp đặt đảo lộn, này các

[190] Hình thức phát lộ sám hối. Xem *A*. I. 59, 103; *S*. II. 127; *Vin*. I. 315.

[191] Xem *A*. I. 59; *M*. I. 133.

Tỷ-kheo, nên nghĩa lý bị hướng dẫn sai lạc. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ nhất đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những người khó nói, thành tựu với những pháp khiến cho trở thành khó nói, khó kham nhẫn. Họ không kính trọng[192] lời giáo giới. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ hai đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, thông hiểu các tập A-hàm,[193] bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, các vị ấy không nói lại kinh cho người khác một cách cẩn thận; khi họ mệnh chung, kinh bị cắt đứt tại gốc rễ, không có chỗ y cứ. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ ba đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trưởng lão là những vị sống đầy đủ,[194] lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn, để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và những thế hệ sau tiếp nối theo tà kiến của họ. Thế hệ ấy cũng sống đầy đủ, lười biếng, dẫn đầu về đọa lạc, bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, không cố gắng tinh tấn, để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ tư đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo học thuộc lòng kinh được khéo lãnh thọ, với văn cú sắp đặt đúng đắn. Do văn cú được sắp đặt đúng đắn, này các Tỷ-kheo, nên nghĩa lý được hướng dẫn đúng đắn. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ nhất đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những người dễ nói, thành tựu với những pháp khiến cho trở thành dễ nói, kham nhẫn. Họ kính trọng những lời giáo giới. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ hai đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, thông hiểu các tập A-hàm, bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, các vị ấy nói lại kinh cho người khác một cách cẩn thận; khi họ mệnh chung, kinh không bị cắt đứt tận gốc rễ, có chỗ y cứ. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ ba đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất.

---

[192] *Appadakkhiṇaggāhī*: Cầm tay trái, còn có nghĩa là vụng về. Ở đây dịch là không kính trọng. Xem *S*. II. 204.

[193] Xem *A*. I. 117; II. 169; III. 360. *Āgatāgamā*. *Āgama* chỉ cho kinh điển; ở Tích Lan, ngày nay dùng thuật ngữ này để chỉ cho đạo Phật.

[194] Xem *GS*. I. 66; *M*. I. 14, 32.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trưởng lão không là những vị sống đầy đủ, không lười biếng, không dẫn đầu về đọa lạc, không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, cố gắng tinh tấn, để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và những thế hệ về sau tiếp nối theo chánh kiến của họ; thế hệ ấy không sống đầy đủ, không lười biếng, không dẫn đầu về đọa lạc, không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly, cố gắng, tinh tấn, để đạt được những gì chưa đạt được, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ tư đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn và không biến mất.

Này các Tỷ-kheo, bốn pháp này đưa đến Diệu pháp được an trú, không hỗn loạn và không biến mất.



XVII. PHẨM ĐẠO HÀNH
(*PAṬIPADĀVAGGA*)

I. KINH TÓM TẮT (*Saṃkhittasutta*) (*A*. II. 149)

161. Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành[195] này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ thắng trí[196] chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh.

Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

II. KINH CHI TIẾT (*Vitthārasutta*)[197] (*A*. II. 149)

162. Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ thắng trí chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành khổ thắng trí chậm?

Ở đây, có người bản tánh tham dục rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do tham dục (*rāga*) sanh; bản tánh sân rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do sân hận sanh; bản tánh si rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do si sanh. Với người ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này mềm yếu, người ấy đạt được vô gián định[198] một cách chậm chạp để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ thắng trí chậm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành khổ thắng trí nhanh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bản tánh tham dục rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do tham dục sanh; bản tánh sân rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do sân hận sanh; bản tánh si rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do si sanh. Với người ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này dồi dào, người ấy đạt được vô gián định một cách nhanh chóng để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ thắng trí nhanh.

---

[195] *Paṭipadā*. Xem *DB*. III. 101.

[196] *Abhiññā*: Thắng trí, có liên hệ đến thần thông.

[197] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.31.3. 0668a12).

[198] *Ānantariyaṃ samādhiṃ*: Vô gián định. Xem *Vism*. II. 675.
Sn. 40: *Yaṃ buddhaseṭṭho parivaṇṇayī suciṃ, samādhimānantarikaññamāhu* (Điều mà đức Phật tối thắng đã ca ngợi là trong sạch, Ngài đã nói điều ấy là định cho quả không bị gián đoạn). *Expos*. I. 244 viết sự thất bại, không chứng được là do các triền cái. Nghĩa là thật khó cho vị ấy đoạn trừ 5 hạ phần kiết sử mà không có sự cố gắng.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành lạc thắng trí chậm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bản tánh tham dục không có cường thịnh, luôn luôn không có cảm thọ khổ ưu do tham dục sanh; bản tánh sân không có cường thịnh, luôn luôn không có cảm thọ khổ ưu do sân hận sanh; bản tánh si không có cường thịnh, luôn luôn không có cảm thọ khổ ưu do si sanh. Với người ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này mềm yếu, người ấy đạt được vô gián định một cách chậm chạp để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc thắng trí chậm.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành lạc thắng trí nhanh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người bản tánh tham dục không có cường thịnh, luôn luôn không có cảm thọ khổ ưu do tham dục sanh; bản tánh sân không có cường thịnh, luôn luôn không có cảm thọ khổ ưu do sân sanh; bản tánh si không có cường thịnh, luôn luôn không có cảm thọ khổ ưu do si sanh. Với người ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này dồi dào, người ấy đạt được vô gián định một cách nhanh chóng để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc thắng trí nhanh.

Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

III. KINH BẤT TỊNH (*Asubhasutta*) (*A*. II. 150)

163. Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ thắng trí chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành khổ thắng trí chậm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo[199] sống quán bất tịnh trên thân, với tưởng nhàm chán đối với các món ăn, với tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành; với tưởng chết, vị ấy khéo an trú nội tâm. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực, tức là tín lực, tàm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này mềm yếu, đạt được vô gián định một cách chậm chạp để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ thắng trí chậm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành khổ, thắng trí nhanh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân, với tưởng nhàm chán đối với các món ăn, với tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành; với tưởng chết, vị ấy khéo an trú nội tâm. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực, tức là tín lực, tàm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn, tấn căn, niệm

---

[199] Các kinh trước nói bất cứ người nào, kinh này chỉ rõ là vị Tỷ-kheo. Xem *Dh*. v. 80; *It*. 80.

căn, định căn, tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này dồi dào, chứng được vô gián định một cách nhanh chóng để đoạn trừ các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành khổ thắng trí nhanh.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành lạc thắng trí chậm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất... chứng và trú Thiền thứ hai... chứng và trú Thiền thứ ba... xả lạc xả khổ, chấm dứt khổ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực, tức là tín lực, tàm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này mềm yếu, đạt được vô gián định một cách chậm chạp để đoạn diệt các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc thắng trí chậm.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành lạc thắng trí nhanh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất... chứng và trú Thiền thứ hai... chứng và trú Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư... Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực này, tức là tín lực, tàm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này dồi dào, vị ấy chứng được vô gián định một cách nhanh chóng để đoạn tận các lậu hoặc. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành lạc thắng trí nhanh.

Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

IV. KINH KHAM NHẪN THỨ NHẤT (*Paṭhamakhamasutta*) (*A*. II. 152)

164. Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành không kham nhẫn, đạo hành kham nhẫn, đạo hành nhiếp phục, đạo hành an tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành không kham nhẫn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chửi mắng lại kẻ đã chửi mắng, sân hận lại với kẻ đã sân hận, gây lộn lại với kẻ đã gây lộn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành không kham nhẫn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành kham nhẫn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không nhiếc mắng lại kẻ đã nhiếc mắng, không sân hận lại kẻ đã sân hận, không gây lộn lại với kẻ đã gây lộn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành kham nhẫn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành nhiếp phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; phàm do nhân duyên gì nhãn căn này không được chế ngự, khiến cho tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, sống với sự chế ngự nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý biết pháp, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; phàm do nhân

duyên gì ý căn này không được chế ngự, khiến cho tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, thọ trì ý căn, sống với sự chế ngự ý căn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành nhiếp phục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là đạo hành an tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chấp nhận dục tầm khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, làm cho an tịnh, chấm dứt, khiến đi đến không sanh hữu, không có chấp nhận sân tầm khởi lên... không có chấp nhận hại tầm khởi lên... không có chấp nhận các ác, bất thiện khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, làm cho an tịnh, chấm dứt, đưa đến không sanh hữu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành an tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

V. KINH KHAM NHẪN THỨ HAI (*Dutiyakhamasutta*) (*A.* II. 153)

165. Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành không kham nhẫn, đạo hành kham nhẫn, đạo hành nhiếp phục, đạo hành an tịnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành không kham nhẫn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; không kham nhẫn những hình thức chửi mắng, phỉ báng; không thể chịu đựng các cảm thọ về thân khởi lên, khổ đau, nhói đau, mãnh liệt, kịch liệt, không khả hỷ, không khả ý, chết điếng người. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành không kham nhẫn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành kham nhẫn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; kham nhẫn những hình thức chửi mắng, phỉ báng; có thể chịu đựng các cảm thọ về thân khởi lên, khổ đau, nhói đau, mãnh liệt, kịch liệt, không khả hỷ, không khả ý, chết điếng người. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành kham nhẫn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào gọi là đạo hành nhiếp phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người khi mắt thấy sắc không nắm giữ tướng chung... (như kinh 164). Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành nhiếp phục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đạo hành an tịnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chấp nhận dục tầm khởi lên... (như kinh 164). Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đạo hành an tịnh.

Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

VI. KINH CẢ HAI (*Ubhayasutta*)[200] (*A.* II. 154)

166. Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ thắng trí chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh.

---

[200] Bản tiếng Anh của PTS: *In Further Detail*, nghĩa là *Với các chi tiết*.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đạo hành này là khổ thắng trí chậm. Này các Tỷ-kheo, đạo hành này về cả hai phương diện gọi là hạ liệt; vì đạo hành này là khổ, do duyên này, đạo hành được gọi là hạ liệt; vì đạo hành này thắng trí chậm, do duyên này, đạo hành được gọi là hạ liệt. Này các Tỷ-kheo, đạo hành này về cả hai phương diện gọi là hạ liệt.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đạo hành này là khổ thắng trí nhanh. Này các Tỷ-kheo, đạo hành này do khổ nên gọi là hạ liệt.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đạo hành này là lạc thắng trí chậm. Này các Tỷ-kheo, đạo hành này do thắng trí chậm nên gọi là hạ liệt.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đạo hành này là lạc thắng trí nhanh. Này các Tỷ-kheo, đạo hành này cả hai phương diện được gọi là thù thắng; vì đạo hành này lạc, do duyên này, đạo hành được gọi là thù thắng; vì đạo hành này thắng trí nhanh chóng, do duyên này, đạo hành được gọi là thù thắng. Này các Tỷ-kheo, đạo hành này về cả hai phương diện được gọi là thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, có bốn đạo hành này.

VII. KINH MAHĀMOGGALLĀNA (*Mahāmoggallānasutta*)[201] (*A*. II. 154)

167. Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Tôn giả Moggallāna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Moggallāna những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Moggallāna:

– Này Hiền giả Moggallāna, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ thắng trí chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh. Này Hiền giả, có bốn đạo hành này.

Trong bốn đạo hành này, này Hiền giả, đạo hành nào, do đi đến đạo hành này, tâm của Hiền giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?

– Này Hiền giả Sāriputta, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ thắng trí chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh.

Này Hiền giả, có bốn đạo hành này. Trong bốn đạo hành này, này Hiền giả, đạo hành khổ thắng trí nhanh, do đi đến đạo hành này, tâm của tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

VIII. KINH SĀRIPUTTA (*Sāriputtasutta*) (*A*. II. 155)

168. Tôn giả Moggallāna đi đến Tôn giả Sāriputta... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Moggallāna nói với Tôn giả Sāriputta:

– Này Hiền giả Sāriputta, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn?... Này Hiền giả, có bốn đạo hành này.

---

[201] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Sāriputta and Moggallāna*, nghĩa là Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Moggallāna.

Trong bốn đạo hành này, này Hiền giả, đạo hành nào, do đi đến đạo hành này, tâm của Hiền giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ?

– Này Hiền giả Moggallāna, có bốn đạo hành này. Thế nào là bốn? Đạo hành khổ thắng trí chậm; đạo hành khổ thắng trí nhanh; đạo hành lạc thắng trí chậm; đạo hành lạc thắng trí nhanh.

Này Hiền giả, có bốn đạo hành này. Này Hiền giả, trong bốn đạo hành này, đạo hành lạc thắng trí nhanh, do đi đến đạo hành này, tâm của tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

IX. KINH VỚI MỘT VÀI NỖ LỰC (*Sasaṅkhārasutta*) (*A*. II. 155)

169. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ngay trong hiện tại, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.[202] Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người khi thân hoại mệnh chung, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ngay trong hiện tại, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người khi thân hoại mệnh chung, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người ngay trong hiện tại, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân, với tưởng nhàm chán đối với các đồ ăn, với tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành; với tưởng chết, vị ấy khéo an trú nội tâm. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực, tức là tín lực, tàm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Vị ấy, do năm căn này dồi dào, ngay trong hiện tại, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người ngay trong hiện tại chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi thân hoại mệnh chung, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân... với tưởng chết, vị ấy khéo an trú nội tâm. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực, tức là tín lực, tàm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này mềm yếu, khi thân hoại mệnh chung, vị ấy chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi thân hoại mệnh chung chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.

---

[202] Xem *DB*. III. 227.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người ngay trong hiện tại, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực, tức là tín lực, tàm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất dồi dào, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này dồi dào, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người ngay trong hiện tại, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người khi thân hoại mệnh chung, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy sống y cứ trên năm Hữu học lực, tức là tín lực, tàm lực, quý lực, tấn lực, tuệ lực. Với vị ấy, năm căn này hiện ra rất mềm yếu, tức là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Do năm căn này mềm yếu, vị ấy khi thân hoại mệnh chung, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, có hạng người khi thân hoại mệnh chung chứng được Vô hành Bát-niết-bàn

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

X. KINH GẮN LIỀN CỘT CHẶT (*Yuganaddhasutta*)[203] (*A*. II. 156)

170. Một thời, Tôn giả Ānanda sống ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Tại đấy, Tôn giả Ānanda gọi các Tỷ-kheo:

– Thưa các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda nói như sau:

– Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào tuyên bố trước mặt ta rằng, đã chứng được quả A-la-hán, tất cả vị ấy được đầy đủ bốn chi phần này, hoặc là một trong bốn chi phần này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập thiền quán, có thiền chỉ đi trước. Do vị ấy tu tập thiền quán có thiền chỉ đi trước, con đường (*maggo*)[204] được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành, tu tập, làm cho sung mãn con đường ấy, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên[205] được chấm dứt.

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo tu tập thiền chỉ, có thiền quán đi trước.

---

[203] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.560. 0146c20). *Yuganaddha*: Một cặp liên kết nhau. Xem *AA*. III. 144.

[204] Đó là con đường siêu thế thứ nhất (Dự lưu).

[205] *Anusayā*: Tùy miên. Bảy tùy miên được đề cập trong *A*. IV. 9. Tham khảo *A*. I. 44; GS. I. 46; *KS*. II. 167.

Do vị ấy tu tập thiền chỉ có thiền quán đi trước, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành, tu tập, làm cho sung mãn con đường ấy, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo tu tập cả hai thiền chỉ, thiền quán gắn liền với nhau.[206] Do vị ấy tu tập cả hai thiền chỉ, thiền quán gắn liền với nhau, con đường được sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành, tu tập, làm cho sung mãn con đường ấy, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo với các dao động đối với các pháp được hoàn toàn dứt sạch. Này các Hiền giả, đây là thời khi tâm của vị ấy an trú, an tọa, nhất tâm, định tĩnh. Với vị ấy, con đường sanh khởi. Vị ấy thực hành con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy thực hành, tu tập, làm cho sung mãn con đường ấy, các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào tuyên bố trước mặt ta rằng đã chứng được quả A-la-hán, tất cả vị ấy được đầy đủ bốn chi phần này, hoặc là một trong bốn chi phần này.



[206] Đây có nghĩa là *samasīsa*, đồng một lượt. *Chú giải* giải thích khi chứng đạt, vị ấy làm an tịnh các hành. Khi các hành an tịnh, vị ấy chứng đắc.

XVIII. PHẨM TƯ TÂM SỞ (*SAÑCETANIYAVAGGA*)

I. KINH VỚI TƯ TÂM SỞ (*Cetanāsutta*)[207] (*A*. II. 157)

171. Này các Tỷ-kheo, khi nào có hành động về thân,[208] do nhân tư tâm sở về thân,[209] khởi lên lạc khổ nội tâm. Khi nào có hành động về lời, do nhân tư tâm sở về lời, khởi lên lạc khổ nội tâm. Khi nào có hành động về ý, do nhân tư tâm sở về ý, khởi lên lạc khổ nội tâm. Hay là do vô minh.[210]

Hoặc này các Tỷ-kheo, do tự mình làm thân hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, do người khác làm thân hành đối với người ấy, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, tự mình tỉnh giác làm thân hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, không có tỉnh giác làm thân hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.

Hoặc này các Tỷ-kheo, do tự mình làm khẩu hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, do người khác làm khẩu hành đối với người ấy, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, tự mình tỉnh giác làm khẩu hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, không có tỉnh giác làm khẩu hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.

Hoặc này các Tỷ-kheo, do tự mình làm ý hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, do duyên người khác làm ý hành đối với người ấy, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, tự mình tỉnh giác làm ý hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, không có tỉnh giác làm ý hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.

Này các Tỷ-kheo, trong những pháp này, có vô minh tháp tùng. Do sự đoạn diệt, ly tham, không có dư tàn của vô minh, thân hành ấy không có, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy; khẩu hành ấy không có, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy; ý hành ấy không có, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Thửa ruộng không có, căn cứ không có,

[207] *Sañcetanā*. Xem *M*. III. 207.

[208] *AA*. III. 144 viết *kāye* là *kāyadvāre*, *kāyaviññattiyā*, với cử chỉ chân tay.

[209] *Kāyasañcetanāhetu*: Do nhân tư tâm sở, có khả năng làm cho hành động được hình thành.

[210] *Avijjāpaccayāvā*. *AA*. III. 144: *Avijjāpaccayāvāti avijjākāraṇeneva* ("Hay là do vô minh" nghĩa là "hay là bởi nhân vô minh").

xứ không có, duyên sự không có, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.

–[211] Này các Tỷ-kheo, có bốn cách này để được ngã tánh. Thế nào là bốn?

Có cách được ngã tánh, này các Tỷ-kheo, trong cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở hoạt động, không phải do tư tâm sở của người khác. Có cách được ngã tánh, này các Tỷ-kheo, trong cách được ngã tánh ấy, tư tâm sở của người khác hoạt động, không phải ngã tư tâm sở. Có cách được ngã tánh, này các Tỷ-kheo, trong cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng hoạt động. Có cách được ngã tánh, này các Tỷ-kheo, trong cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng không có hoạt động.

Này các Tỷ-kheo, có bốn cách này để được ngã tánh.

Khi được nói vậy, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời dạy tóm tắt này của Thế Tôn con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

Tại đấy, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở hoạt động, không phải do tư tâm sở của người khác; do nhân ngã tư tâm sở, có sự mệnh chung từ bỏ thân ấy[212] của các chúng sanh ấy.

Tại đấy, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, tư tâm sở của người khác hoạt động, không phải ngã tư tâm sở;[213] do nhân tư tâm sở của người khác, có sự mệnh chung, từ bỏ thân ấy của các chúng sanh ấy.

Tại đấy, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng hoạt động; do nhân ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác, có sự mệnh chung, từ bỏ thân ấy[214] của các chúng sanh ấy.

Tại đấy, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng không có hoạt động.

Trong trường hợp ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng không có hoạt động, thời hạng chư thiên nào cần được xem là trong trường hợp này?

– Này Sāriputta, hạng chư thiên đi đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ cần được xem là trong trường hợp ấy.

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi mệnh chung từ bỏ thân ấy, đã trở lui lại, đã trở lui lại trong trạng thái này? Do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung, từ bỏ thân ấy, đã không trở lui lại, không trở lui lại trong trạng thái này?

---

[211] Trong bản tiếng Anh của PTS, đây là kinh 172, *Getting Personality*, nghĩa là *Được ngã tánh*.

[212] *Chú giải* giải thích đây là trường hợp chư thiên được gọi là Khiḍḍāpadosikā, tức chỉ cho chư thiên bị nhiễm lậu hoặc bởi dục lạc. Xem *DB*. I. 32.

[213] Đây là những chư thiên bị nhiễm hoặc bởi tâm trí (Manopadosikā), chỉ cho chư thiên thuộc Bốn Thiên Vương.

[214] *Chú giải* giải thích trường hợp này chỉ cho những người tự tử và bị giết.

– Ở đây, này Sāriputta, đối với hạng người năm hạ phần kiết sử chưa đoạn tận, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị ấy hưởng thọ vị ngọt ấy, có tâm ái luyến, tìm được hạnh phúc trong ấy. An trú ở đây hướng mạnh về đấy, sống nhiều với trạng thái ấy, không có thối đọa, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Vị ấy mệnh chung, từ bỏ [thân ái],[215] đã trở lui lại,[216] trở lui lại trạng thái này.

Ở đây, này Sāriputta, đối với hạng người năm hạ phần kiết sử đã được đoạn tận, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Vị ấy hưởng thọ vị ngọt ấy, có tâm ái luyến, tìm được hạnh phúc trong ấy. An trú ở đây hướng mạnh về đấy, sống nhiều với trạng thái ấy, không có thối đọa, khi thân hoại mệnh chung được sanh cộng trú với chư thiên ở Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Vị ấy mệnh chung, từ bỏ [thân ái] ấy, nhưng không trở lui lại, không trở lui lại trạng thái này.

Này Sāriputta, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi mệnh chung, từ bỏ thân ấy... đã không trở lui lại, không trở lui lại trạng thái này.

II. KINH PHÂN TÍCH (*Vibhattisutta*)[217] (*A*. II. 160)

172. Tại đây, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Thưa các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Thưa các Hiền giả, sau khi tôi thọ Đại giới nửa tháng, Nghĩa vô ngại giải[218] được chứng ngộ, vừa đặc biệt, vừa theo văn cú.[219] Vấn đề ấy, với nhiều pháp môn, tôi nói lên, tôi thuyết giảng, tôi nêu rõ, tôi trình bày, tôi an lập, tôi mở rộng, tôi phân tích, tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy,[220] khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.[221]

[215] Chữ *kāya* ở đây có nghĩa là nhóm.

[216] Xem *GS*. I. 58: Vì rằng vị ấy bị trói buộc bởi tự ngã, còn các vị Bất Lai chỉ bị trói buộc bên ngoài.

[217] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.29.5. 0656c).

[218] Bốn pháp của Vô ngại giải (*Atthapaṭisambhidā*): Nghĩa (*attha*), Pháp (*Dhammā*), Từ (*Nirutti*: Định nghĩa) và Biện tài (*Paṭibhāna*).

[219] *Odhiso byañjanaso*. *AA*. III. 149: *Odhisoti kāraṇaso. Byañjanasoti akkharaso* ("Vừa đặc trưng" nghĩa là theo bản chất, theo cách thực hiện. "Vừa theo văn cú" nghĩa là theo câu chữ).

[220] *AA*. III. 149: *So maṃ pañhenāti so maṃ pañhena upagacchatu. Ahaṃ veyyākaraṇenāti ahamassa pañhakathanena cittaṃ ārādhessāmi* ("Người ấy hỏi tôi" nghĩa là người ấy lại gần hỏi tôi. "Tôi trả lời người ấy" nghĩa là tôi sẽ làm thỏa mãn câu hỏi từ tâm ý của người ấy). *S*. III. 110: *Ahamovādena ahamanuggahena ahamanusāsaniyā* (Ta giáo giới [cho ông], Ta giúp đỡ [cho ông], Ta giảng dạy [cho ông]).

[221] *Dhammānaṃ sukusalo*. Giống như nghĩa *bhagavaṃmūlakā no, bhante, dhammā...pe....* Xem *S*. II. 24, 80, 198; III. 181. Trong *AA*. III. 150: *Yo no dhammānaṃ sukusaloti yo amhākaṃ adhigatadhammānaṃ sukusalo satthā, so esa sammukhībhūto* ("Một bậc rất thiện xảo trong các pháp của chúng ta" nghĩa là bậc Đạo sư của chúng ta thiện xảo trong các pháp đã đạt được, người ấy có mặt trước bậc Đạo sư).

Thưa các Hiền giả, sau khi tôi thọ Đại giới nửa tháng, Pháp vô ngại giải được chứng ngộ, vừa đặc biệt... tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.

Thưa các Hiền giả, sau khi tôi thọ Đại giới trong nửa tháng, Từ vô ngại giải được chứng ngộ, vừa đặc biệt... tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.

Thưa các Hiền giả, sau khi tôi thọ Đại giới nửa tháng, Biện tài vô ngại giải được chứng ngộ, vừa đặc biệt, vừa theo văn cú. Vấn đề ấy, với nhiều pháp môn, tôi nói lên, tôi thuyết giảng, tôi nêu rõ, tôi trình bày, tôi an lập, tôi mở rộng, tôi phân tích, tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.

III. KINH MAHĀKOṬṬHITA (*Mahākoṭṭhikasutta*)[222] (*A*. II. 161)

173. Rồi Tôn giả Mahākoṭṭhita[223] đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhita thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa?

– Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có một cái gì khác nữa?

– Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có và không còn có một cái gì khác nữa?

– Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có và không không còn có một cái gì khác nữa?

– Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả, khi được hỏi: "Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa?" Hiền giả nói: "Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả."

Khi được hỏi: "Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có một cái gì khác nữa?" Hiền giả nói: "Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả."

Khi được hỏi: "Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không

---

[222] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.249. 0059c27).

[223] Xem *A*. I. 24, được xem là vị Phân tích đệ nhất.

có dư tàn, còn có và không còn có một cái gì khác nữa?" Hiền giả nói: "Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả."

Sau khi được hỏi: "Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có và không không còn có một cái gì khác nữa?" Hiền giả nói: "Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả."

Thưa Hiền giả, như thế nào cần phải hiểu ý nghĩa lời nói này?

– "Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa?" Nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận. "Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt... không có dư tàn, không còn có cái gì khác nữa?" Nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận. "Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt... không có dư tàn, còn có và không còn cái gì khác nữa?" Nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận. "Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt... không có dư tàn, không còn có và không không còn có một cái gì khác nữa?" Nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận.

Thưa Hiền giả, cho đến khi nào có sự đi đến sáu xúc xứ, cho đến khi ấy, có sự đi đến hý luận. Cho đến khi ấy, có sự đi đến hý luận, cho đến khi ấy, có sự đi đến sáu xúc xứ. Thưa Hiền giả, do sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, hý luận được đoạn diệt, hý luận được tịnh chỉ.

IV. KINH ĀNANDA (*Ānandasutta*)[224] (*A*. II. 162)

174. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Tôn giả Mahākoṭṭhita; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahākoṭṭhita những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda thưa với Tôn giả Mahākoṭṭhita:

– Thưa Hiền giả, do sự đoạn diệt ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, có phải còn có vật gì khác?

– Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

(Như đoạn trên, khi Tôn giả Sāriputta trả lời cho Tôn giả Mahākoṭṭhita cho đến... "hý luận được tịnh chỉ").

V. KINH UPAVĀṆA (*Upavāṇasutta*)[225] (*A*. II. 163)

175. Rồi Tôn giả Upavāṇa đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sāriputta... ngồi xuống một bên...

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ][226] nhờ minh hay không?

---

[224] Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh 173 và 174, trình bày liên tục trong mục IV (174), *Koṭṭhita*, nghĩa là *Tôn giả Koṭṭhita*.

[225] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.251. 0060b22); *Đại Câu-hy-la kinh* 大拘絺羅經 (*T*.01. 0026.211. 0790b08). Trong *S*. I. 174, vị này hầu đức Phật và chữa lành bệnh. Trong *S*. II. 41, vị này được dạy về khổ, v.v...

[226] Theo *Chú giải*, đây chỉ cho người chấm dứt đau khổ.

– Thưa không, này Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ hạnh hay không?

– Thưa không, này Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ minh và hạnh hay không?

– Thưa không, này Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] ngoài minh và hạnh hay không?

– Thưa không, này Hiền giả.

– Khi được hỏi: "Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ minh hay không?" Tôn giả nói: "Thưa không, này Hiền giả." Khi được hỏi: "Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ hạnh hay không?" Tôn giả nói: "Thưa không, này Hiền giả." Khi được hỏi: "Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ minh và hạnh hay không?" Tôn giả nói: "Thưa không, này Hiền giả." Khi được hỏi: "Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] ngoài minh và hạnh hay không?" Tôn giả nói: "Thưa không, này Hiền giả."

Như thế nào, thưa Hiền giả, [cần phải hiểu] có người chấm dứt [đau khổ]?

– Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt [đau khổ] nhờ minh, thời người ấy vẫn là người chấm dứt [đau khổ] với chấp thủ. Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt [đau khổ] nhờ hạnh, thời người ấy vẫn là người chấm dứt [đau khổ] với chấp thủ. Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt [đau khổ] nhờ minh và hạnh, thời người ấy vẫn là người chấm dứt [đau khổ] với chấp thủ. Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt [đau khổ] ngoài minh và hạnh, thời một người phàm phu có thể là người chấm dứt [đau khổ]. Vì, thưa Hiền giả, người phàm phu không có minh và hạnh. Này Hiền giả, người không có hạnh thì không như thật thấy và biết, người có hạnh đầy đủ thì như thật thấy và biết. Khi như thật thấy và biết thì người đó là người chấm dứt [đau khổ].

VI. KINH MONG CẦU (*Āyācanasutta*) (*A*. II. 164)

176. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "Mong ta sẽ được như Tôn giả Sāriputta, Tôn giả Moggallāna."

Này các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, tức là Sāriputta, Moggallāna.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni có lòng tin, nếu có chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "Mong ta sẽ được như Tỷ-kheo-ni Khemā và Tỷ-kheo-ni Uppalavaṇṇā."

Này các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ dùng để đo lường các đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, tức là Khemā và Uppalavaṇṇā.

Này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "Mong ta sẽ được như gia chủ Citta, và Hatthaka người Āḷavī."

Này các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử nam cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka người Āḷavī.

Này các Tỷ-kheo, nữ cư sĩ có lòng tin, nếu có chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: "Mong ta sẽ được như nữ cư sĩ Khujjuttarā và Veḷukaṇḍakī mẹ của Nandā."

Này các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarā và Veḷukaṇḍakī mẹ của Nandā.

VII. KINH RĀHULA (*Rāhulasutta*)[227] (*A.* II. 164)

177. Rồi Tôn giả Rāhula đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rāhula đang ngồi một bên:

– Này Rāhula, phàm có nội địa giới gì, phàm có ngoại địa giới gì, đều là địa giới này. Cần phải như thật thấy địa giới ấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Do thấy như thật [địa giới] này với chánh trí tuệ, vị ấy nhàm chán địa giới. Với trí tuệ, vị ấy tẩy sạch tâm.

Này Rāhula, phàm có nội thủy giới gì, phàm có ngoại thủy giới gì, đều là thủy giới này... phàm có nội hỏa giới gì, phàm có ngoại hỏa giới gì, đều là hỏa giới này... phàm có nội phong giới gì, phàm có ngoại phong giới gì, đều là phong giới này. Cần phải như thật thấy phong giới ấy với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Do thấy như thật [phong giới] này với chánh trí tuệ, vị ấy nhàm chán phong giới. Với trí tuệ, vị ấy tẩy sạch tâm.

Khi nào, này Rāhula, Tỷ-kheo đối với bốn giới này, không có tùy quán là tự ngã hay thuộc ngã sở, này Rāhula, vị này được gọi là Tỷ-kheo đã cắt đứt ái, đã giải tỏa các kiết sử, đã chơn chánh minh quán kiêu mạn, đã chấm dứt khổ đau.

VIII. KINH HỒ NƯỚC Ở LÀNG (*Jambālīsutta*)[228] (*A.* II. 165)

178. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được[229] và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý có thân diệt. Do vị ấy tác ý có thân diệt, tâm không phấn chấn, không có tịnh tín, không an trú, không giải thoát đối với có thân diệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là không có chờ đợi được có thân diệt. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người lấy tay có dính nhựa cầm một cành cây, tay của vị

---

[227] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.465. 0118c24).

[228] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.492. 0128b01).

[229] Một trong tám thành tựu tức Bốn thiền và Bốn không.

ấy sẽ dính vào, nắm lấy, cột vào cành cây ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý có thân diệt. Do vị ấy tác ý có thân diệt, tâm không có phấn chấn, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát đối với có thân diệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là không có chờ đợi được có thân diệt.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chứng đạt và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý có thân diệt. Do vị ấy tác ý có thân diệt, tâm vị ấy phấn chấn, tịnh tín, an trú và giải thoát đối với có thân diệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là có chờ đợi được có thân diệt. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người lấy tay sạch cầm một cành cây, tay của vị ấy không dính vào, không nắm lấy, không cột vào cành cây ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý có thân diệt. Do vị ấy tác ý có thân diệt, tâm vị ấy phấn chấn, tịnh tín, an trú và giải thoát đối với có thân diệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là có chờ đợi được có thân diệt.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý phá hoại vô minh, tâm không có phấn chấn, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát đối với phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là không có chờ đợi được phá hoại vô minh. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước đã được nhiều năm, có người đến bịt tất cả các lỗ nước chảy vào, mở ra tất cả các lỗ nước chảy ra, và trời lại không mưa đều đặn. Hồ nước như vậy, này các Tỷ-kheo, không có chờ đợi tức nước vỡ bờ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý phá hoại vô minh. Do vị ấy tác ý phá hoại vô minh, tâm không có phấn chấn, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát đối với phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là không có chờ đợi được phá hoại vô minh.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý phá hoại vô minh. Do vị ấy tác ý phá hoại vô minh, tâm có phấn chấn, có tịnh tín, có an trú, có giải thoát đối với phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là có chờ đợi được phá hoại vô minh. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước đã được nhiều năm, có người đến mở tất cả các lỗ nước chảy vào và bịt tất cả các lỗ nước chảy ra, và trời lại mưa đều đặn. Hồ nước như vậy, này các Tỷ-kheo, có chờ đợi tức nước vỡ bờ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý phá hoại vô minh. Do vị ấy tác ý phá hoại vô minh, tâm có phấn chấn, có tịnh tín, có an trú, có giải thoát đối với phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là có chờ đợi được phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

IX. KINH NIẾT-BÀN (*Nibbānasutta*) (*A.* II. 167)

179. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Sāriputta:

– Do nhân gì, thưa Hiền giả Sāriputta, do duyên gì, ở đây, lại có một số chúng sanh ngay trong hiện tại không có chứng nhập Niết-bàn?[230]

– Ở đây, này Hiền giả Ānanda, chúng sanh không như thật quán tri: "Các tưởng này[231] dự phần vào thối đọa"; không như thật quán tri: "Các tưởng này dự phần vào an trú"; không như thật quán tri: "Các tưởng này dự phần vào thù thắng"; không như thật quán tri: "Các tưởng này dự phần vào thể nhập." Này Hiền giả Ānanda, đây là nhân, đây là duyên; do vậy, ở đây, có hạng chúng sanh ngay trong hiện tại không chứng nhập Niết-bàn.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có hạng chúng sanh ngay trong hiện tại chứng nhập Niết-bàn?

– Ở đây, này Hiền giả Ānanda, chúng sanh như thật quán tri: "Các tưởng này dự phần vào thối đọa"; như thật quán tri: "Các tưởng này dự phần vào an trú"; như thật quán tri: "Các tưởng này dự phần vào thù thắng"; như thật quán tri: "Các tưởng này dự phần vào thể nhập." Này Hiền giả Ānanda, do nhân này, do duyên này, ở đây, có các chúng sanh ngay trong hiện tại chứng nhập Niết-bàn.

X. KINH ĐẠI CĂN CỨ ĐỊA (*Mahāpadesasutta*)[232] (*A*. II. 167)

180. Một thời, Thế Tôn trú ở Bhoganagara, tại điện Ānanda. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về bốn đại căn cứ địa này. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bốn đại căn cứ địa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói như sau: "Này Hiền giả, đối diện Thế Tôn, tôi nghe như vậy; đối diện với Thế Tôn, tôi lãnh thọ như vậy: 'Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.'" Này các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Nếu chúng không phù hợp với Kinh,

---

[230] *Parinibbāyantī*. Xem *S*. IV. 102, Sakka hỏi đức Phật một câu tương tự, và đức Phật trả lời vì thọ hưởng dục lạc.

[231] *Saññā*. Xem *D*. III. 277; *Vism*. I. 88. Trong các loại định này, các tưởng dự phần vào thối đọa (*hānabhāgiyā*) là do các pháp chống đối thường sanh khởi; các tưởng dự phần vào an trú (*thiti*) vì do sự có mặt thường xuyên của niệm xứ hợp với định. Các tưởng dự phần vào thù thắng (*visesa*) vì sự chứng đạt các pháp thù thắng. Các tưởng dự phần vào thể nhập là do sự tấn công của tưởng và niệm tương ưng với nhàm chán. Xem *Ps*. I. 35.

[232] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.28.5. 0652b13); *Du hành kinh* 遊行經 (*T*.01. 0026.2. 0011a07).

không tương ứng với Luật,[233] thời các ông có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm." Này các Tỷ-kheo, các ông hãy từ bỏ chúng.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói như sau: "Này Hiền giả, đối diện Thế Tôn, tôi nghe như vậy; đối diện với Thế Tôn, tôi lãnh thọ như vậy: 'Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.'" Này các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo tốt đẹp." Này các Tỷ-kheo, đây là đại căn cứ địa thứ nhất, các ông cần phải thọ trì.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói như sau: "Tại trú xứ kia có Tăng chúng ở với vị Thượng tọa, với vị Thủ chúng. Đối diện Tăng chúng ấy, tôi nghe như vậy; đối diện với Tăng chúng ấy, tôi lãnh thọ như vậy: 'Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.'" Này các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm." Này các Tỷ-kheo, các ông hãy từ bỏ chúng.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: "Tại trú xứ kia có Tăng chúng ở với vị Thượng tọa, với vị Thủ chúng. Đối diện với Tăng chúng ấy, tôi nghe như vậy; đối diện với Tăng chúng ấy, tôi lãnh thọ như vậy: 'Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.'" Này các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh." Này các Tỷ-kheo, như vậy là đại căn cứ địa thứ hai, các ông cần phải thọ trì.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: "Tại trú xứ kia có nhiều Trưởng lão Tỷ-kheo ở, những vị này là bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu. Đối diện với các Trưởng lão ấy, tôi nghe như vậy; đối diện với các Trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: 'Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.'" Này các Tỷ-kheo, các ông

[233] Ở đây chỉ nói Pháp và Luật, và như vậy chỉ có hai tạng: Kinh và Luật. *Chú giải DA*. II. 566 cố gắng chứng minh Pháp là chỉ cho Kinh tạng và Luận tạng.

không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm." Này các Tỷ-kheo, các ông hãy từ bỏ chúng.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: "Tại trú xứ kia có nhiều Trưởng lão Tỷ-kheo ở, những vị này là những bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu. Đối diện với các Trưởng lão ấy, tôi nghe như vậy; đối diện với các Trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: 'Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.'" Này các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: "Chắc chắn những lời ấy là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh." Này các Tỷ-kheo, như vậy là đại căn cứ địa thứ ba, các ông cần phải thọ trì.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: "Tại trú xứ kia có vị Trưởng lão, vị này là bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu. Đối diện với vị Trưởng lão ấy, tôi nghe như vậy; đối diện với vị Trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: 'Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.'" Này các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm." Và này các Tỷ-kheo, các ông hãy từ bỏ chúng.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: "Tại trú xứ kia có vị Trưởng lão, vị này... không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: "Chắc chắn những lời này là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Trưởng lão ấy đã thọ giáo chơn chánh." Này các Tỷ-kheo, như vậy là đại căn cứ địa thứ tư, các ông cần phải thọ trì.

Này các Tỷ-kheo, có bốn đại căn cứ địa này.

XIX. PHẨM BÀ-LA-MÔN
(*BRĀHMAṆAVAGGA*)

I. KINH NGƯỜI CHIẾN SĨ (*Yodhājīvasutta*) (*A*. II. 170)

181. Thành tựu bốn chi phần, này các Tỷ-kheo, một chiến sĩ xứng đáng để cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ thiện xảo về xạ trình, là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng, và đâm thủng được vật lớn.

Thành tựu bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, một chiến sĩ xứng đáng để cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu bốn pháp này, Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiện xảo về xạ trình, là người bắn xa, bắn như chớp nhoáng, và đâm thủng được vật lớn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo về xạ trình?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là người có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), có uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ, chấp nhận và học tập các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thiện xảo về xạ trình.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn xa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phàm sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả sắc, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm có cảm thọ gì thuộc về quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả cảm thọ, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm có tưởng gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả tưởng, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm có các hành gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các hành, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi."

Phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, tất cả các thức, vị ấy thấy như thật với chánh trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bắn xa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri: "Đây là khổ"; như thật quán tri: "Đây là khổ tập"; như thật quán tri: "Đây là khổ diệt"; như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bắn như chớp nhoáng.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đâm thủng vô minh uẩn to lớn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đâm thủng vật to lớn.

Đầy đủ bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

II. KINH AN TOÀN (*Pāṭibhogasutta*) (*A.* II. 172)

182. Này các Tỷ-kheo, không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Māra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với bốn pháp. Thế nào là bốn?

Bản tánh bị già, mong rằng không già, không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Māra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với pháp này.

Bản tánh bị bệnh, mong rằng không bệnh, không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Māra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với pháp này.

Bản tánh bị chết, mong rằng không bị chết, không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Māra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với pháp này.

Khổ quả của những ác nghiệp ấy [những nghiệp] tạp nhiễm, đưa đến tái sanh, đem lại phiền muộn, đem lại khổ, quả dị thục sanh, già, chết trong tương lai, kết quả của những nghiệp ấy mong rằng không có hiện hữu. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Māra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với pháp này.

Này các Tỷ-kheo, không một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Māra, Phạm thiên hay một ai ở đời có được sự an toàn đối với bốn pháp này.

III. KINH ĐIỀU ĐƯỢC NGHE (*Sutasutta*) (*A.* II. 172)

183. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Bà-la-môn Vassakāra, vị đại thần nước

Magadha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, Bà-la-môn Vassakāra, vị đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi nói như sau, thấy như sau: "Khi người nào nói lên điều mình thấy: 'Tôi thấy như vậy'; do vậy, người ấy không có lỗi gì. Khi người nào nói lên điều mình nghe: 'Tôi nghe như vậy'; do vậy, người ấy không có lỗi gì. Khi người nào nói lên điều mình cảm giác: 'Tôi cảm giác như vậy'; do vậy, người ấy không có lỗi gì. Khi người nào nói lên điều mình thức tri: 'Tôi thức tri như vậy'; do vậy, người ấy không có lỗi gì."

– Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng: "Tất cả điều được thấy nên nói ra". Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng: "Tất cả điều được thấy không nên nói ra." Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng: "Tất cả điều được nghe nên nói ra." Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng: "Tất cả điều được nghe không nên nói ra." Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng: "Tất cả điều được cảm giác nên nói ra." Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng: "Tất cả điều được cảm giác không nên nói ra." Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng: "Tất cả điều được thức tri nên nói ra." Này Bà-la-môn, Ta không nói rằng: "Tất cả điều được thức tri không nên nói ra."

Này Bà-la-môn, phàm nói ra điều gì được thấy, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, Ta nói rằng điều được thấy như vậy không nên nói ra. Và này Bà-la-môn, phàm nói ra điều gì được thấy, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, Ta nói rằng điều thấy như vậy nên nói ra. Này Bà-la-môn, phàm nói ra điều gì được nghe... phàm nói ra điều gì được cảm giác... phàm nói ra điều gì được thức tri, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, Ta nói rằng điều thức tri như vậy không nên nói ra. Và này Bà-la-môn, phàm nói ra điều gì được thức tri, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, Ta nói rằng điều thức tri như vậy nên nói ra.

Rồi Bà-la-môn Vassakāra, vị đại thần xứ Magadha hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn nói, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

IV. KINH KHÔNG SỢ HÃI (*Abhayasutta*) (*A*. II. 173)

184. Rồi Bà-la-môn Jāṇussoṇi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi thấy như sau, tôi nói như sau: "Không có một ai bản tánh bị chết mà không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết."

– Này Bà-la-môn, có người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết. Nhưng này Bà-la-môn, có người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Và này Bà-la-môn, thế nào là người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết?

Ở đây, này Bà-la-môn, có người không ly tham đối với các dục, không ly

ham muốn, không ly luyến ái, không ly khát ái, không ly nhiệt não, không ly tham ái. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự các dục khả ái sẽ bỏ ta", hay "ta sẽ từ bỏ những dục khả ái." Người ấy sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có người không ly tham đối với thân... Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự thân khả ái sẽ bỏ ta", hay "ta sẽ từ bỏ thân khả ái." Người ấy sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có hạng người không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở kẻ sợ hãi, làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều phạm pháp. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở kẻ sợ hãi, làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều phạm pháp. Tại sanh thú nào mà những người không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở kẻ sợ hãi, làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều phạm pháp, sau khi chết, ta đi đến sanh thú ấy." Người ấy sầu muộn, than vãn, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có hạng người nghi ngờ do dự, không đi đến kết luận đối với Diệu pháp. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự ta có nghi ngờ, do dự, không đi đến kết luận đối với Diệu pháp." Người ấy sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là bốn hạng người bản tánh bị chết, sợ hãi, rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Và này Bà-la-môn, thế nào là người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết?

Ở đây, này Bà-la-môn, có hạng người ly tham đối với các dục, ly ham muốn, ly luyến ái... Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự các dục khả ái sẽ bỏ ta", hay "ta sẽ từ bỏ các dục khả ái." Người ấy không sầu muộn, không than vãn, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có người ly tham đối với thân, ly ham muốn, ly luyến ái... Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự thân khả ái sẽ từ bỏ ta", hay "ta sẽ từ bỏ thân khả ái này." Người ấy không sầu muộn,

không than van, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là hạng người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có hạng người không làm ác, không làm điều hung bạo, không làm điều phạm pháp, làm điều lành, làm điều thiện, có che chở kẻ sợ hãi. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không làm ác, không làm điều hung bạo, không làm điều phạm pháp, làm điều lành, làm điều thiện, có che chở kẻ sợ hãi. Tại sanh thú nào mà những người không làm điều ác, không làm điều hung bạo, không làm điều phạm pháp, làm điều lành, làm điều thiện, có che chở kẻ sợ hãi, sau khi chết, ta đi đến sanh thú ấy." Người ấy không sầu muộn, không than van, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là hạng người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có hạng người không có nghi ngờ, không có do dự, đi đến kết luận đối với Diệu pháp. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không có nghi ngờ, không có do dự, đi đến kết luận đối với Diệu pháp." Người ấy không có sầu muộn, không có than van, không có khóc lóc, không có đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là hạng người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

Này Bà-la-môn, có bốn hạng người bản tánh bị chết, không có sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama chấp nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

V. KINH CÁC SỰ THẬT BÀ-LA-MÔN (*Brāhmaṇasaccasutta*)[234] (*A*. II. 176)

185. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, nhiều vị du sĩ có danh tiếng, có thời danh sống ở khu vườn của các du sĩ trên bờ sông Sappinī như Annabhāra, Varadhara, Sakuludāyī, và những vị du sĩ có danh tiếng, có thời danh khác.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến khu vườn của các du sĩ trên bờ sông Sappinī. Lúc bấy giờ, giữa các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi họp, câu chuyện này được khởi lên: "Đây là những sự thật Bà-la-môn, đây là những sự thật Bà-la-môn."

Rồi Thế Tôn đi đến các du sĩ ấy; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xong, Thế Tôn nói với các du sĩ ấy:

---

[234] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.26.8. 0639a01); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.972. 0251a20); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.206. 0450c05).

– Nay câu chuyện gì được khởi lên, này các du sĩ, khi các ông đang ngồi họp ở đây? Câu chuyện gì chưa được nói xong giữa các ông?

– Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi đang ngồi họp, câu chuyện này khởi lên giữa chúng tôi: "Đây là những sự thật Bà-la-môn, đây là những sự thật Bà-la-môn."

– Bốn sự thật Bà-la-môn này,[235] này các du sĩ, sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí, đã được Ta tuyên bố lên. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các du sĩ, Bà-la-môn[236] nói như sau: "Tất cả loài hữu tình không được làm hại." Người Bà-la-môn nói như vậy là nói sự thật, không nói láo. Do vậy, vị ấy không nghĩ đến: "Sa-môn"; không nghĩ đến: "Bà-la-môn"; không nghĩ đến: "Ta hơn [các người khác]"; không nghĩ đến: "Ta bằng [các người khác]"; không nghĩ đến: "Ta là hạ liệt." Lại nữa, do thắng tri sự thật hàm chứa ở đấy, người ấy thực hành lòng thương tưởng, lòng từ mẫn đối với các loài hữu tình.

Lại nữa, này các du sĩ, Bà-la-môn nói như sau: "Mọi dục (*kāma*) là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại." Người Bà-la-môn nói như vậy là nói sự thật, không nói láo. Do vậy, vị ấy không nghĩ đến: "Sa-môn"; không nghĩ đến: "Bà-la-môn"; không nghĩ đến: "Ta hơn [các người khác]"; không nghĩ đến: "Ta bằng [các người khác]"; không nghĩ đến: "Ta là hạ liệt." Lại nữa, do thắng tri sự thật hàm chứa ở đấy, [trong lời nói ấy] người ấy thực hành nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với các dục.

Lại nữa, này các du sĩ, Bà-la-môn nói như sau: "Tất cả hữu (*bhāva*) là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại." Người Bà-la-môn nói như vậy là nói sự thật, không nói láo. Do vậy, vị ấy không nghĩ đến: "Sa-môn"; không nghĩ đến: "Bà-la-môn"; không nghĩ đến: "Ta hơn [các người khác]"; không nghĩ đến: "Ta bằng [các người khác]"; không nghĩ đến: "Ta là hạ liệt." Lại nữa, do thắng tri sự thật hàm chứa ở đấy, người ấy thực hành nhàm chán, ly tham, đoạn diệt đối với các hữu.

Lại nữa, này các du sĩ, người Bà-la-môn nói như sau: "Ta không là bất cứ ai, thuộc bất cứ ai, bất cứ là gì. Trong ấy, không có cái gì được gọi là của ta, bất cứ ở đâu, bất cứ là gì." Người Bà-la-môn nói như vậy là nói sự thật, không nói láo. Do vậy, vị ấy không nghĩ đến: "Sa-môn"; không nghĩ đến: "Bà-la-môn"; không nghĩ đến: "Ta hơn [các người khác]"; không nghĩ đến: "Ta bằng [các người khác]"; không nghĩ đến: "Ta là hạ liệt." Lại nữa, do thắng tri sự thật hàm chứa ở đấy, [trong lời nói ấy] người ấy thực hành con đường không có sự vật gì.

Này các du sĩ, có bốn sự thật Bà-la-môn này, Ta đã tự mình chứng ngộ với thắng trí và tuyên bố lên.

---

[235] Năm pháp được nói đến trong *M.* II. 199 tức là sự thật, khổ hạnh, sống tốt, nghe nhiều và bố thí.

[236] *Chú giải*: *Khīṇāsava* là vị đã đoạn tận các lậu hoặc.

VI. KINH CON ĐƯỜNG SAI LẠC (*Ummaggasutta*)[237] (*A*. II. 177)

186. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thế giới do cái gì hướng dẫn, thế giới do cái gì được diễn tiến,[238] đi đến sự thuần phục của cái gì được khởi lên?

– Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo, hiền thiện là con đường (*ummaggo*) ông đặt vấn đề, hiền thiện là sự biện tài, hiền thiện là câu hỏi! Này Tỷ-kheo, có phải ông hỏi như sau: "Bạch Thế Tôn, thế giới do cái gì hướng dẫn, thế giới do cái gì được diễn tiến, đi đến sự thuần phục của cái gì được khởi lên?"

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, thế giới do tâm hướng dẫn, thế giới do tâm được diễn tiến, đi đến sự thuần phục của tâm được khởi lên.

– Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, lại hỏi Thế Tôn một câu khác:

– Bậc nghe nhiều, trì pháp. Bậc nghe nhiều, trì pháp, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là một bậc nghe nhiều, trì pháp?

– Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo, hiền thiện là con đường ông đặt vấn đề, hiền thiện là sự biện tài, hiền thiện là câu hỏi! Này Tỷ-kheo, có phải ông hỏi như sau: "Bậc nghe nhiều, trì pháp. Bậc nghe nhiều, trì pháp, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là một bậc nghe nhiều, trì pháp?"

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Nhiều, này Tỷ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng: Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Này Tỷ-kheo, nếu ai hiểu nghĩa một bài kệ có bốn câu, hiểu pháp và thực hành pháp tùy pháp, người ấy được gọi là vị nghe nhiều, trì pháp.

– Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo sau khi hoan hỷ... lại hỏi thêm câu nữa:

– Bậc có nghe với trí tuệ thể nhập (*nibbedhikapañño*). Bậc có nghe với trí tuệ thể nhập, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là bậc có nghe với trí tuệ thể nhập?

---

[237] *Ummagga*. *Vin*. V. 144 viết *ummaṅgo*. Tham chiếu: *Tâm kinh* 心經 (*T*.01. 0026.172. 0709a12); *Ý kinh* 意經 (*T*.02. 0099.1009. 0264a19); *Ý kinh* 意經 (*T*.02. 0100.326. 0459b07); *Ý kinh* 意經 (*T*.02. 82. 0901b23).

[238] *AA*. III. 164: *Parikassatī* = *Ākaḍḍhiyati*. Trong *S*. I. 39, câu hỏi này được viết theo thể kệ thơ:
Kenassu nīyati loko, kenassu parikassatī?
Kissassu ekadhammassa, sabbeva vasamanvagū?
(Vật gì dắt dẫn đời? Vật gì tự não hại?
Và có một pháp nào, mọi vật đều tùy thuộc?)

– Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo, hiền thiện là con đường ông đặt vấn đề, hiền thiện là sự biện tài, hiền thiện là câu hỏi! Này Tỷ-kheo, có phải ông hỏi như sau: "Bậc có nghe với trí tuệ thể nhập. Bậc có nghe với trí tuệ thể nhập, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là bậc có nghe với trí tuệ thể nhập?"

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được nghe: "Đây là khổ", thể nhập và thấy ý nghĩa ấy với trí tuệ; được nghe: "Đây là khổ tập", thể nhập và thấy ý nghĩa ấy với trí tuệ; được nghe: "Đây là khổ diệt", thể nhập và thấy ý nghĩa ấy với trí tuệ; được nghe: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", thể nhập và thấy ý nghĩa ấy với trí tuệ. Như vậy, này Tỷ-kheo, là vị có nghe với trí tuệ thể nhập.

– Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, lại hỏi thêm một câu khác:

– Bậc Hiền trí, Đại tuệ. Bậc Hiền trí, Đại tuệ, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là bậc Hiền trí, Đại tuệ?

– Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo, hiền thiện là con đường ông đặt vấn đề, hiền thiện là sự biện tài, hiền thiện là câu hỏi! Này Tỷ-kheo, có phải ông hỏi như sau: "Bậc Hiền trí, Đại tuệ. Bậc Hiền trí, Đại tuệ, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được gọi là bậc Hiền trí, Đại tuệ?"

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này Tỷ-kheo, bậc Hiền trí, Đại tuệ, không có nghĩ tự làm hại mình, không có nghĩ tự làm hại người, không có nghĩ tự mình làm hại cả hai; có suy nghĩ điều gì thời suy nghĩ lợi mình, lợi người, lợi cả hai, lợi toàn thể thế giới. Như vậy, này Tỷ-kheo, là bậc Hiền trí, Đại tuệ.

VII. KINH VASSAKĀRA (*Vassakārasutta*) (*A.* II. 179)

187. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Bà-la-môn Vassakāra, một đại thần nước Magadha, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakāra, bậc đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, người không phải chân nhân có thể biết một người không phải chân nhân: "Vị này không phải là bậc chân nhân" không?

– Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải chân nhân có thể biết một người không phải chân nhân: "Vị này không phải là bậc chân nhân."

– Thưa Tôn giả Gotama, người không phải chân nhân có thể biết bậc chân nhân: "Vị này là bậc chân nhân" không?

– Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: "Vị này là bậc chân nhân."

– Thưa Tôn giả Gotama, bậc chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: "Vị này là bậc chân nhân" không?

– Có trường hợp, này Bà-la-môn, có cơ hội để một bậc chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: "Vị này là bậc chân nhân."

– Nhưng thưa Tôn giả Gotama, có trường hợp một bậc chân nhân biết một người không phải là chân nhân: "Vị này không phải là bậc chân nhân" không?

– Có trường hợp, này Bà-la-môn, một bậc chân nhân có thể biết một người không phải là chân nhân: "Vị này không phải là bậc chân nhân."

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật là khéo nói, là lời nói này của Tôn giả Gotama: "Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải chân nhân có thể biết một người không phải chân nhân: 'Vị này không phải là bậc chân nhân.' Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: 'Vị này là bậc chân nhân.' Có trường hợp này, này Bà-la-môn, một bậc chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: 'Vị này là bậc chân nhân.' Có trường hợp này, này Bà-la-môn, một bậc chân nhân có thể biết một người không phải là chân nhân: 'Vị này không phải là bậc chân nhân.'"

Một thời, thưa Tôn giả Gotama, hội chúng của Bà-la-môn Todeyya đang nói lên những lời nhiếc mắng người khác như sau: "Ngu si là Vua Eḷeyya, đã quá hoan hỷ với Sa-môn Rāmaputta, đã làm những cử chỉ hết sức hạ mình như sau đối với Sa-môn Rāmaputta, tức là đảnh lễ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, đối xử thân thiện. Lại nữa, những tập đoàn này của Vua Eḷeyya là ngu si, như Yamaka, Moggalla, Ugga, Nāvindakī, Gandhabba, Aggivessa. Những người này đã quá hoan hỷ với Sa-môn Rāmaputta, đã làm những cử chỉ hết sức hạ mình như sau đối với Sa-môn Rāmaputta, tức là đảnh lễ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, đối xử thân thiện."

– Này Bà-la-môn, ông có thấy[239] như thế nào Bà-la-môn Todeyya dẫn dắt chúng bằng cách dắt dẫn này: "Các vị nghĩ thế nào, hiền trí là Vua Eḷeyya? Giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề cần được giải thích, có phải Vua Eḷeyya được xem là vị có minh kiến thù thắng?"

– Thưa vâng, Tôn giả! Hiền trí là Vua Eḷeyya. Giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải thích những vấn đề cần được giải thích, Vua Eḷeyya được xem là vị có minh kiến thù thắng. Vì rằng Sa-môn Rāmaputta còn hiền trí hơn sự hiền trí, còn có minh kiến thù thắng hơn sự minh kiến thù thắng của Vua Eḷeyya, giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải thích những vấn đề cần được giải thích; do vậy, Vua Eḷeyya đã

---

[239] *AA*. III. 165: *Tyāssudanti ettha assudanti nipātamattaṃ* ("Như vậy chúng", *assudaṃ* chỉ là bất biến từ). Xem *S*. I. 195; *SA*. I. 285.

quá hoan hỷ với Sa-môn Rāmaputta, đã làm những cử chỉ hết sức hạ mình như sau đối với Sa-môn Rāmaputta, tức là đảnh lễ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, đối xử thân thiện.

– Các Tôn giả nghĩ thế nào? Có phải hiền trí là tập đoàn của Vua Eḷeyya, như Yamaka, Moggalla, Ugga, Nāvindakī, Gandhabba, Aggivessa không? Giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải thích những vấn đề cần được giải thích, có phải tập đoàn của Vua Eḷeyya là những bậc có minh kiến thù thắng?

– Thưa vâng, Tôn giả! Hiền trí là tập đoàn của Vua Eḷeyya, như Yamaka, Moggalla, Ugga, Nāvindakī, Gandhabba, Aggivessa. Giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải thích những vấn đề cần được giải thích, tập đoàn Vua Eḷeyya được xem là những bậc có minh kiến thù thắng. Vì rằng Sa-môn Rāmaputta được xem là còn hiền trí hơn, còn có minh kiến thù thắng hơn sự minh kiến thù thắng của tập đoàn Vua Eḷeyya, giữa những người có minh kiến giải quyết những vấn đề tranh chấp, giữa những người có minh kiến giải thích những vấn đề cần được giải thích; do vậy, tập đoàn của Vua Eḷeyya đã quá hoan hỷ với Sa-môn Rāmaputta, đã làm những cử chỉ hết sức hạ mình như sau đối với Sa-môn Rāmaputta, tức là đảnh lễ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, đối xử thân thiện.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật là khéo nói, lời nói này của Tôn giả Gotama: "Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải chân nhân có thể biết một người không phải chân nhân: 'Vị này không phải là bậc chân nhân.' Không có trường hợp này, này Bà-la-môn, không có cơ hội để một người không phải chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: 'Vị này là bậc chân nhân.' Có trường hợp này, này Bà-la-môn, để một bậc chân nhân có thể biết một bậc chân nhân: 'Vị này là bậc chân nhân.' Có trường hợp này, này Bà-la-môn, để một bậc chân nhân có thể biết một người không phải là chân nhân: 'Vị này không phải là bậc chân nhân.'"

Thưa Tôn giả Gotama, nay chúng tôi phải đi, chúng tôi có nhiều công việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Này Bà-la-môn, ông hãy làm những gì mà ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Vassakāra, bậc đại thần xứ Magadha, hoan hỷ với lời Thế Tôn dạy, tâm tư tùy hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi ra đi.

VIII. KINH UPAKA (*Upakasutta*) (*A.* II. 181)

188. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Rồi Upaka Maṇḍikāputta[240] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ

[240] Xem *Vin.* I. 8; *M.* I. 170. *Chú giải* giải thích tên của vị ấy là Upaka, con trai của Maṇḍikā, người ủng hộ Devadatta. Upaka đến gặp đức Phật vì muốn biết đức Phật có chỉ trích hay tán thán mình. Có chỗ viết Upaka đến để mắng nhiếc Phật vì đức Phật đã làm cho Devadatta rơi vào địa ngục.

Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Upaka Maṇḍikāputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con thấy như sau, con nói như sau: "Ai bắt đầu mắng nhiếc người khác và tiếp tục như vậy, người ấy về mọi phương diện không thể bênh vực lập trường của mình; do không thể bênh vực lập trường của mình, người ấy đáng bị quở trách, đáng bị phạm tội."

– Này Upaka, ai bắt đầu mắng nhiếc người khác và tiếp tục như vậy, người ấy về mọi phương diện không thể bênh vực lập trường của mình; do không thể bênh vực lập trường của mình, người ấy đáng bị quở trách, đáng bị phạm tội. Này Upaka, ông bắt đầu mắng nhiếc người khác và tiếp tục như vậy, ông về mọi phương diện không thể bênh vực lập trường của mình; do không thể bênh vực lập trường của mình, ông đáng bị quở trách, đáng bị phạm tội.

– Ví như, bạch Thế Tôn, một người bắt con vật của mình săn với một bẫy sập lớn khi con vật thò đầu ra. Cũng vậy, con bị Thế Tôn bắt với cái bẫy sập lớn bằng chữ khi con vừa mới mở miệng [khi con vừa mới thò đầu ra].

– Này Upaka, "đây là bất thiện", Ta nêu rõ như vậy với vô lượng câu, với vô lượng chữ, với vô lượng thuyết pháp của Như Lai: "Đây là pháp bất thiện."

Này Upaka, "bất thiện này cần phải đoạn tận", Ta nêu rõ như vậy với vô lượng câu, với vô lượng chữ, với vô lượng thuyết pháp của Như Lai: "Đây, pháp bất thiện này cần phải đoạn tận."

Này Upaka, "đây là thiện", Ta nêu rõ như vậy với vô lượng câu, với vô lượng chữ, với vô lượng thuyết pháp của Như Lai: "Đây là pháp thiện."

Này Upaka, "thiện này cần phải tu tập", Ta nêu rõ như vậy với vô lượng câu, với vô lượng chữ, với vô lượng thuyết pháp của Như Lai: "Đây, pháp thiện này cần phải tu tập."

Rồi Upaka Maṇḍikāputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi đi đến Ajātasattu Vedehiputta,[241] vua nước Magadha. Sau khi đến, Upaka tường thuật lại cho Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, nghe tất cả cuộc đàm luận với Thế Tôn.

Được nghe nói như vậy, Ajātasattu Vedehiputta, vua nước Magadha, phẫn nộ, không hoan hỷ nói với Upaka Maṇḍikāputta:

– Thật là độc hại,[242] đứa trẻ làm muối này! Thật là lắm mồm, thật là kẻ liều mạng, nghĩ rằng nó có thể nhiếc mắng Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Hãy đi đi, này Upaka! Chớ để ta thấy ngươi nữa![243]

---

[241] Vedehiputto là con của một công chúa nước Kosaka. Xem *DB*. II. 78; *DA*. I. 139. Vedehi còn là tên gọi cho một người sáng suốt.

[242] *Yāva dhaṃsī*. Xem *M*. I. 326. Nhìn vẻ ngoài, người ấy thuộc giai cấp hạ tiện.

[243] *Chú giải* thêm ý "người ấy bị túm cổ kéo ra ngoài".

IX. KINH CHỨNG NGỘ (*Sacchikaraṇīyasutta*) (*A*. II. 182)

189. Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này cần phải chứng ngộ. Thế nào là bốn?

Có pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải chứng ngộ bằng thân; có pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải chứng ngộ bằng niệm; có pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải chứng ngộ bằng mắt; có pháp, này các Tỷ-kheo, cần phải chứng ngộ bằng trí tuệ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải chứng ngộ bằng thân? Tám giải thoát, này các Tỷ-kheo, cần phải chứng ngộ bằng thân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải chứng ngộ bằng niệm? Đời sống trước, này các Tỷ-kheo, cần phải chứng ngộ bằng niệm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải chứng ngộ bằng con mắt? Sanh tử của chúng sanh, này các Tỷ-kheo, cần phải chứng ngộ bằng con mắt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải chứng ngộ bằng trí tuệ? Sự đoạn diệt các lậu hoặc, này các Tỷ-kheo, cần phải chứng ngộ bằng trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này cần phải chứng ngộ.

X. KINH NGÀY TRAI GIỚI (*Uposathasutta*) (*A*. II. 183)

190. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Pubbārāma, trong lâu đài của mẹ Migāra.[244] Lúc bấy giờ, Thế Tôn nhân ngày Lễ Trai giới, đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Sau khi nhìn quanh chúng Tỷ-kheo đang im lặng; im lặng, rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, không nói lời phù phiếm, là hội chúng này; không nói lời vô ích, là hội chúng này; thanh tịnh, an lập trên căn bản. Chúng Tỷ-kheo này như vậy, này các Tỷ-kheo; hội chúng này như vậy, này các Tỷ-kheo. Hội chúng như vậy khó tìm được ở đời!

Chúng Tỷ-kheo này như vậy, này các Tỷ-kheo; hội chúng này như vậy, này các Tỷ-kheo. Hội chúng như vậy đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời!

Chúng Tỷ-kheo này như vậy, này các Tỷ-kheo; hội chúng này như vậy, này các Tỷ-kheo. Hội chúng như vậy, dầu cho ít, được lợi nhiều; còn cho nhiều, lại được lợi nhiều hơn nữa.

Chúng Tỷ-kheo này như vậy, này các Tỷ-kheo; hội chúng này như vậy, này các Tỷ-kheo. Hội chúng như vậy, nếu phải đi một do-tuần để được yết kiến cũng nên đi, dầu có phải mang theo trên vai túi đựng đồ ăn.[245] Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chúng Tỷ-kheo này.

---

[244] Tín nữ Visākhā được cha chồng là Migāra tôn xưng là "mẹ" (*mātā*), nên Visākhā còn được là Mẹ của Migāra (Migāramātā).

[245] *Puṭaṃsenātipi*. Xem *A*. II. 239; *GS*. II. 245 (kinh 242 ở sau); *D*. I. 117; *DA*. I. 288. Trong *AA*. III. 168: *Tassattho – puṭo aṃse assāti puṭaṃso*, *tena puṭaṃsena*, *aṃsena pātheyyapuṭaṃ vahantenāpīti vuttaṃ hoti* (Theo nghĩa này, *puṭaṃso* là cái túi trên vai, cái túi này đựng vật thực mang trên vai khi đi đường). Bản Tích Lan và Campuchia viết *assapuṭaṃ*.

Có những Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được địa vị chư thiên. Có những Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được địa vị Phạm thiên. Có những Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được địa vị Bất động. Có những Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, sống đạt được Thánh vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị chư thiên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư... và an trú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị chư thiên.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị Phạm thiên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm cùng khởi với từ, biến mãn một phương và an trú... với tâm cùng khởi với bi... với tâm cùng khởi với hỷ... với tâm cùng khởi với xả, biến mãn một phương và an trú. Cũng vậy, phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên thế giới, vị ấy biến mãn với tâm cùng khởi với xả, quảng đại, đại hành, vô biên, không hận, không sân. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị Phạm thiên.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo sống đạt được địa vị Bất động?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sau khi vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi chấm dứt các tưởng chướng ngại, sau khi không tác ý các tưởng sai biệt, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Sau khi vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Sau khi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo chứng đạt Bất động.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo chứng đạt địa vị bậc Thánh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri: "Đây là khổ"; như thật quán tri: "Đây là khổ tập"; như thật quán tri: "Đây là khổ diệt"; như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đạt được địa vị bậc Thánh.

XX. PHẨM LỚN
(*MAHĀVAGGA*)

I. KINH NGHE VỚI TAI (*Sotānugatasutta*) (*A*. II. 185)

191. Này các Tỷ-kheo, các pháp do được nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập, có bốn lợi ích được chờ đợi. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, được vị ấy nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập. Vị ấy khi mệnh chung bị thất niệm, được sanh cộng trú với một loại chư thiên. Tại đấy, các vị sống an lạc đọc các pháp cú cho vị ấy. Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên; rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập, đây là lợi ích thứ nhất được chờ đợi.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, được vị ấy nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập. Vị ấy, khi mệnh chung bị thất niệm, được sanh cộng trú với một loại chư thiên. Tại đấy, các vị sống an lạc không đọc các pháp cú cho vị ấy. Nhưng có Tỷ-kheo có thần thông, đã đạt được tâm tự tại,[246] thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Đây chính là Pháp, Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh." Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên; rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thiện xảo về tiếng trống. Người ấy trong khi đi giữa đường có thể nghe được tiếng trống. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự đó là tiếng trống hay không phải tiếng trống. Người ấy đi đến kết luận: "Đây là tiếng trống." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, vị ấy được nghe bằng tai... chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập, đây là lợi ích thứ hai được chờ đợi.

---

[246] *Cetovasippatto*. Xem *A*. II. 35; *GS*. II. 43 (kinh 36 ở trước).

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, được vị ấy nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập... Nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại, thuyết pháp cho hội chúng chư thiên; và một thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Đây chính là Pháp, Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh." Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên; rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thiện xảo về tiếng tù và. Người ấy trong khi đi giữa đường có thể nghe tiếng tù và. Người ấy không có nghi ngờ, không có do dự đó là tiếng tù và hay không phải tiếng tù và. Người ấy đi đến kết luận: "Đây là tiếng tù và." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy được vị ấy nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập... Nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại, thuyết pháp cho hội chúng chư thiên; và một thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Đây chính là Pháp, Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh." Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên; rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập, đây là lợi ích thứ ba được chờ đợi.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, được vị ấy nghe bằng tai, được đọc tụng bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập... Nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại, thuyết pháp cho hội chúng chư thiên; và không có thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Nhưng có thể có người được hóa sanh, nhắc nhở khiến cho nhớ lại sự hóa sanh: "Này bạn, bạn có nhớ không? Này bạn, bạn có nhớ không, tại chỗ ấy, chúng ta trước đã sống Phạm hạnh?" Vị ấy trả lời: "Này bạn, tôi nhớ! Này bạn, tôi nhớ!" Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên; rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, hai người bạn cùng chơi trò chơi đất bùn, hai người vào một thời nào, một chỗ nào được gặp nhau. Người bạn này có thể nói với người bạn kia: "Này bạn, bạn có nhớ cái này không? Này bạn, bạn có nhớ cái này không?" Người ấy có thể trả lời: "Này bạn, tôi có nhớ! Này bạn, tôi có nhớ!" Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp như: Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Các pháp ấy, do được vị ấy nghe bằng tai, được tụng đọc bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập. Nhưng không có Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại, thuyết pháp cho hội chúng chư thiên; và không có

thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên. Nhưng có thể có người được hóa sanh, nhắc nhở khiến cho nhớ lại sự hóa sanh: "Này bạn, bạn có nhớ không? Này bạn, bạn có nhớ không, tại chỗ ấy chúng ta trước đã sống Phạm hạnh?" Vị ấy trả lời: "Này bạn, tôi nhớ! Này bạn, tôi nhớ!" Này các Tỷ-kheo, chậm chạp niệm được khởi lên; rồi mau chóng, chúng sanh ấy đi đến thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập, đây là lợi ích thứ tư được chờ đợi.

Này các Tỷ-kheo, do được nghe các pháp bằng tai, do tụng đọc bằng lời, do ý quán sát, do kiến khéo thể nhập, có bốn lợi ích này được chờ đợi.

II. KINH CÁC TRƯỜNG HỢP (*Ṭhānasutta*) (*A*. II. 187)

192. Này các Tỷ-kheo, có bốn trường hợp này, cần phải được hiểu với bốn trường hợp. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, với cộng trú, giới cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ.

Này các Tỷ-kheo, với cùng chung làm một nghề, thanh tịnh liêm khiết cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ.

Này các Tỷ-kheo, trong những hoạn nạn, sức kiên trì cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ.

Này các Tỷ-kheo, với đàm luận, trí tuệ cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ.

Này các Tỷ-kheo, với cộng trú, giới cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người do cộng trú với một người khác, biết được như sau: "Trong một thời gian dài, vị Tôn giả này làm giới bị bể vụn, làm giới bị cắt xén, làm giới bị vết nhơ, làm giới bị chấm đen, việc làm không có liên tục, hạnh kiểm không có liên tục trong các giới. Ác giới là Tôn giả này, Tôn giả này không giữ giới."

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, người này do cộng trú với người kia, biết như sau: "Trong một thời gian dài, vị Tôn giả này không làm giới bị bể vụn, không làm giới bị cắt xén, không làm giới bị vết nhơ, không làm giới bị chấm đen, việc làm có liên tục, hạnh kiểm có liên tục trong các giới. Giữ giới là Tôn giả này, Tôn giả này không phải ác giới."

Này các Tỷ-kheo, với cộng trú, giới cần phải được hiểu biết, như vậy trong

một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, với cùng chung làm một nghề, thanh tịnh liêm khiết cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một người do cùng làm một nghề với một người khác, biết được như sau: "Khác thay, vị Tôn giả này khi làm việc với một người; khác thay với hai người; khác thay với ba người; khác thay với nhiều người; làm trái ngược là vị Tôn giả này, các sở hành trước khác với sở hành sau. Không thanh tịnh là sở hành của vị Tôn giả này. Vị Tôn giả này có sở hành không thanh tịnh." Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, một người do cùng làm một nghề với một người khác, biết được như sau: "Như thế nào, Tôn giả này khi làm việc với một người; như thế ấy với hai người; như thế ấy với ba người; như thế ấy với nhiều người; không làm trái ngược là vị Tôn giả này, các sở hành trước giống với sở hành sau. Thanh tịnh là sở hành của vị Tôn giả này. Tôn giả này có sở hành thanh tịnh."

Này các Tỷ-kheo, với cùng chung làm một nghề, thanh tịnh liêm khiết cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài... với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, trong các hoạn nạn, sức kiên trì cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, suy nghĩ như sau: "Bản chất như vậy là sự an trú thế giới này; bản chất như vậy là bản tánh tự ngã có được này; bản chất như vậy là sự an trú thế giới; bản chất như vậy là có được bản tánh tự ngã. Tám thế giới pháp này vận chuyển thế giới, và thế giới vận chuyển tám pháp, tức là lợi và bất lợi, không danh tiếng và danh tiếng, chê và khen, lạc và khổ." Người ấy cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có người cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, suy nghĩ như sau: "Bản chất như vậy là sự an trú thế giới; bản chất như vậy là bản tánh tự ngã có được này; bản chất như vậy là sự an trú thế giới; bản chất như vậy là có được bản tánh tự ngã. Tám thế giới pháp này vận chuyển thế giới, và thế giới vận chuyển tám pháp, tức là lợi và bất lợi, không danh tiếng và danh tiếng, chê và khen, lạc và khổ." Người ấy cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, không có sầu muộn, không có than van, không có khóc lóc, không có đập ngực, không có rơi vào bất tỉnh.

Này các Tỷ-kheo, trong các hoạn nạn, sức mạnh kiên trì cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài... với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, trong đàm luận, trí tuệ cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý, không có không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người do đàm luận với một người khác, biết như vầy: "Vị Tôn giả này, đối ứng với một câu hỏi như vậy,[247] phản ứng là như vậy, giải đáp câu hỏi là như vậy, thời liệt tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không có trí tuệ. Vì sao? Vì rằng Tôn giả này không nói lên câu nghĩa sâu sắc an tịnh, thù thắng, vượt ngoài lý luận suông, tế nhị, được người hiền trí cảm thọ. Còn về pháp vị này thuyết giảng, vị ấy không có khả năng hoặc tóm tắt, hoặc rộng rãi, nói lên ý nghĩa, thuyết giảng, trình bày, an lập, mở rộng, phân tích, phát lộ. Liệt tuệ là vị Tôn giả này, vị Tôn giả này không có trí tuệ." Ví như, này các Tỷ-kheo, một người có mắt đứng trên bờ một hồ nước, thấy một con cá nhỏ nổi lên, người ấy suy nghĩ như sau: "Như vậy con cá này nổi lên, như vậy làm cho gợn sóng, như vậy là độ nhanh của nó. Nhỏ bé là con cá này, con cá này không lớn." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có người do đàm luận với một người khác, biết như vầy: "Vị Tôn giả này, đối ứng với một câu hỏi như vậy, phản ứng là như vậy, giải đáp câu hỏi là như vậy, thời liệt tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không có trí tuệ. Vì sao? Vì Tôn giả này không nói lên câu nghĩa sâu sắc an tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người hiền trí cảm thọ. Còn về pháp, vị này thuyết giảng, vị này không có khả năng, hoặc tóm tắt, hoặc rộng rãi, nói lên ý nghĩa, thuyết giảng, trình bày, an lập, mở rộng, phân tích, phát lộ. Liệt tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không có trí tuệ."

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người do đàm luận với một người khác, biết như sau: "Vị Tôn giả này, đối ứng với một câu hỏi như vậy, phản ứng như vậy, giải đáp câu hỏi như vậy, thời có trí tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không phải là liệt tuệ. Vì sao? Vì rằng Tôn giả này nói lên câu nghĩa sâu sắc, an tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người hiền trí cảm thọ. Còn về pháp vị này thuyết giảng, vị này có khả năng hoặc tóm tắt, hoặc rộng rãi nói lên ý nghĩa, thuyết giảng, trình bày, an lập, mở rộng, phân tích, phát lộ. Có trí tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không phải là liệt tuệ." Ví như, này các Tỷ-kheo, một người có mắt đứng trên bờ một hồ nước, thấy một con cá lớn này nổi lên. Người ấy nghĩ như sau: "Như vậy con cá này nổi lên, như vậy con cá này làm cho gợn sóng, như vậy là độ nhanh của nó. To lớn là con cá này, con cá này không nhỏ." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có người do đàm luận với một người khác, biết như sau: "Vị Tôn giả này đối ứng một câu hỏi như vậy, phản ứng như vậy, giải đáp

[247] *Ummaggo*. Xem *A*. II. 177; *GS*. II. 184 (kinh 186 ở trước). Chữ này có hai nghĩa: Cách ứng đối một câu hỏi và đặt vấn đề một câu hỏi; ví dụ sự nổi lên của một con cá. *SnA*. I. 50: *Ussāho ummaṅgo avatthānaṃ hitacariyā.* (Sự nỗ lực, trí tuệ, thái độ, đời sống hữu ích mang lại hạnh phúc).

câu hỏi như vậy, thời có trí tuệ là vị Tôn giả này, vị Tôn giả này không phải là liệt tuệ. Vì sao? Vì rằng vị Tôn giả này nói lên câu nghĩa sâu sắc, an tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người hiền trí cảm thọ. Còn về pháp vị này thuyết giảng, vị này có khả năng hoặc tóm tắt, hoặc rộng rãi, nói lên ý nghĩa, thuyết giảng, trình bày, an lập, mở rộng, phân tích, phát lộ. Có trí tuệ là vị Tôn giả này, vị Tôn giả này không phải là liệt tuệ."

Này các Tỷ-kheo, trong đàm luận, trí tuệ cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được; có tác ý, không phải không tác ý; với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Có bốn trường hợp này, này các Tỷ-kheo, cần phải được hiểu với bốn trường hợp này.

III. KINH BHADDIYA (*Bhaddiyasutta*) (*A.* II. 190)

193. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Mahāvana, trong ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Licchavi Bhaddiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Licchavi Bhaddiya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghe như sau: "Là một nhà huyễn thuật, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại đạo."[248] Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Sa-môn Gotama là một huyễn thuật sư, biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại đạo, những người ấy, bạch Thế Tôn, có phải nói đúng ý kiến của Thế Tôn, không có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật? Có phải họ trả lời về pháp hợp với Chánh pháp? Và ai là vị đồng pháp, theo đồng một quan điểm, không có lý do để chỉ trích? Bạch Thế Tôn, chúng con không muốn xuyên tạc Thế Tôn."[249]

– Này Bhaddiya, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền;[250] chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này Bhaddiya, khi nào ông tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị người có trí quở trách; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến bất hạnh và khổ đau"; thời này Bhaddiya, ông hãy từ bỏ chúng!

Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya, lòng tham khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

– Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

– Người này có tham, này Bhaddiya, bị tham chinh phục, tâm mất tự chủ,

---

[248] Đức Phật cũng bị buộc tội tương tự. Xem *M.* 56, *Upāli Sutta* (*Kinh Upāli*), *M.* I. 375.

[249] Xem *S.* II. 33, 41, v.v...

[250] *Bhabbarūpatāya*: Không phải vì ngươi nghĩ rằng nó hợp với lý thuyết của Ta về tái sanh.

giết loài hữu tình, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cùng làm như vậy, như vậy có làm cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya, lòng sân... lòng si... lòng hung bạo khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

– Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

– Người này có lòng hung bạo, này Bhaddiya, bị hung bạo chinh phục, tâm mất tự chủ, giết loài hữu tình, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cùng làm như vậy, như vậy có làm cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya, các pháp này là thiện hay bất thiện?

– Là bất thiện, bạch Thế Tôn.

– Có tội hay không có tội?

– Có tội, bạch Thế Tôn.

– Bị người có trí quở trách hay không bị người có trí quở trách?

– Bị người có trí quở trách, bạch Thế Tôn.

– Nếu được thực hiện, được chấp nhận, chúng có đưa đến bất hạnh, đau khổ không? Hay ở đây là như thế nào?

– Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh, đau khổ. Ở đây đối với chúng con là vậy.

– Như vậy, này Bhaddiya, điều ta vừa nói với các ông: "Chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này Bhaddiya, khi nào ông tự mình biết rõ như sau: 'Các pháp này là bất thiện; các pháp này là có tội; các pháp này bị người có trí quở trách; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến bất hạnh và đau khổ'; thời này Bhaddiya, ông hãy từ bỏ chúng!" Như vậy đã được nói lên, chính do duyên này được nói lên như vậy.

Này Bhaddiya, chớ có tin vì nghe truyền thuyết... chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này Bhaddiya, khi nào ông tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này không bị người có trí quở trách; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc, an lạc"; thời này Bhaddiya, ông hãy chứng đạt và an trú.

Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya, không tham khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

– Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

– Người này không tham, này Bhaddiya, không bị tham chinh phục, tâm không mất tự chủ, không giết loài hữu tình, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, không khích lệ người khác làm như vậy, như vậy có làm cho người ấy hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya, không sân... không si... không hung bạo khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

– Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

– Người này không có lòng hung bạo, này Bhaddiya, không bị hung bạo chinh phục, tâm không mất tự chủ, không giết loài hữu tình, không nói láo, không khích lệ người khác làm như vậy, như vậy có làm cho người ấy hạnh phúc, an lạc lâu dài hay không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ như thế nào, này Bhaddiya, các pháp này là thiện hay bất thiện?

– Là thiện, bạch Thế Tôn.

– Có tội hay không có tội?

– Không có tội, bạch Thế Tôn.

– Bị người có trí quở trách hay không bị người có trí quở trách?

– Được người có trí tán thán, bạch Thế Tôn.

– Nếu được thực hiện, được chấp nhận, chúng có đưa đến hạnh phúc, an lạc không? Hay ở đây là như thế nào?

– Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây đối với chúng con là vậy.

– Như vậy, này Bhaddiya, điều Ta vừa nói với các ông: "Chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì nghe người ta nói; chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình. Nhưng này Bhaddiya, khi nào ông tự mình biết rõ như sau: 'Các pháp này là thiện; các pháp này là không có tội; các pháp này được người có trí tán thán; các pháp này nếu được thực hiện và chấp nhận, đưa đến hạnh phúc và an lạc'; thời này Bhaddiya, ông hãy chứng đạt và an trú." Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên này được nói lên như vậy.

Này Bhaddiya, tất cả những bậc chân nhân tịch tịnh ở đời, khích lệ đệ tử như sau: "Hãy đến, này ngươi! Hãy nhiếp phục tham, hãy sống nhiếp phục tham! Do sống nhiếp phục tham, ngươi sẽ không làm nghiệp do tham sanh về thân, về lời,

về ý. Hãy nhiếp phục sân, hãy sống nhiếp phục sân! Do sống nhiếp phục sân, ngươi sẽ không làm nghiệp do sân sanh về thân, về lời, về ý. Hãy nhiếp phục si, hãy sống nhiếp phục si! Do sống nhiếp phục si, ngươi sẽ không làm nghiệp do si sanh về thân, về lời, về ý. Hãy nhiếp phục hung bạo (*sārambho*), hãy sống nhiếp phục hung bạo! Do sống nhiếp phục hung bạo, ngươi sẽ không làm nghiệp do hung bạo sanh về thân, về lời, về ý."

Khi được nói như vậy, Bhaddiya người Licchavi bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Này Bhaddiya, Ta có nói với ông như sau: "Hãy đến này Bhaddiya! Hãy làm đệ tử của Ta, này Bhaddiya! Ta sẽ là Đạo sư [của ông]" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Như vậy, này Bhaddiya, những Sa-môn, Bà-la-môn nói như sau, tuyên bố như sau, những vị ấy là không thiện, trống không, nói láo, xuyên tạc với điều không thật: "Là một huyễn thuật sư, Sa-môn Gotama biết được huyễn thuật lôi cuốn những đệ tử ngoại đạo!"

– Bạch Thế Tôn, hiền thiện là huyễn thuật dụ dỗ này. Bạch Thế Tôn, hiền lành là huyễn thuật dụ dỗ này. Con mong rằng, bạch Thế Tôn, các bà con huyết thống thân ái của con được huyễn thuật dụ dỗ này cám dỗ. Như vậy, những bà con huyết thống của con tất cả được hạnh phúc, an lạc lâu dài! Bạch Thế Tôn, nếu tất cả những người Sát-đế-lỵ được huyễn thuật dụ dỗ này cám dỗ, tất cả các Sát-đế-lỵ được hạnh phúc, an lạc trong một thời gian dài! Bạch Thế Tôn, nếu tất cả người Bà-la-môn... tất cả người Phệ-xá... tất cả người Thủ-đà được huyễn thuật dụ dỗ này cám dỗ, tất cả các người Thủ-đà ấy được hạnh phúc, an lạc trong một thời gian dài!

– Như vậy là phải, này Bhaddiya! Như vậy là phải, này Bhaddiya! Này Bhadiya, nếu tất cả những người Sát-đế-lỵ được cám dỗ [với sự dụ dỗ này] để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, như vậy tất cả các hàng Sát-đế-lỵ được hạnh phúc, an lạc trong một thời gian dài! Này Bhaddiya, nếu tất cả người Bà-la-môn... tất cả người Phệ-xá... tất cả người Thủ-đà được cám dỗ [với sự dụ dỗ này] để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, như vậy tất cả các Thủ-đà được hạnh phúc an lạc trong một thời gian dài!

Này Bhaddiya, nếu thế giới cùng với chư Thiên, Māra, Phạm thiên, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người được huyễn thuật dụ dỗ này cám dỗ để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, như vậy họ được hạnh phúc, an lạc trong một thời gian dài!

Này Bhaddiya, nếu các cây Sāla to lớn này được huyễn thuật dụ dỗ này cám dỗ để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, như vậy tất cả cây Sāla to lớn này được hạnh phúc, an lạc trong một thời gian dài nếu chúng có thể suy nghĩ được, còn nói gì với con người.

IV. KINH CÁC VỊ SĀMŪGIYĀ (*Sāmugiyasutta*)[251] (*A*. II. 194)

194. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở giữa các dân chúng Koliya, tại một thị trấn các Koliya tên là Sāpūga.[252] Rồi rất nhiều Koliya tử ở Sāpūga đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Ānanda nói với các Koliya tử ở Sāpūga ấy:

– Này các Byagghapajjā, có bốn thanh tịnh tinh cần chi phần này được Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, chơn chánh nói lên để chúng sanh được thanh tịnh, để vượt qua sầu bi, để chấm dứt khổ ưu, để đạt đến chánh lý, để chứng ngộ Niết-bàn. Thế nào là bốn?

Giới thanh tịnh tinh cần chi phần, Tâm thanh tịnh tinh cần chi phần, Kiến thanh tịnh tinh cần chi phần, Giải thoát thanh tịnh tinh cần chi phần.

Và này các Byagghapajjā, thế nào là Giới thanh tịnh tinh cần chi phần?

Ở đây, này các Byagghapajjā, Tỷ-kheo có giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp. Này các Byagghapajjā, đây gọi là Giới thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu Giới thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu Giới thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ."[253] Ở đây, ước muốn tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn, không có thối thất, chánh niệm tỉnh giác, này các Byagghapajjā, đều được gọi là Giới thanh tịnh tinh cần chi phần.

Và này các Byagghapajjā, thế nào là Tâm thanh tịnh tinh cần chi phần?

Ở đây, này các Byagghapajjā, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này các Byagghapajjā, đây gọi là Tâm thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu Tâm thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu Tâm thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ." Ở đây, ước muốn tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn, không có thối thất, chánh niệm tỉnh giác, này các Byagghapajjā, đều được gọi là Tâm thanh tịnh tinh cần chi phần.

Và này các Byagghapajjā, thế nào là Kiến thanh tịnh tinh cần chi phần?

Ở đây, này các Byagghapajjā, Tỷ-kheo như thật quán tri: "Đây là khổ"; như thật quán tri: "Đây là khổ tập"; như thật quán tri: "Đây là khổ diệt"; như thật quán tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Này các Byagghapajjā, đây gọi là Kiến thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu Kiến thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu Kiến thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ." Ở đây, ước muốn tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn,

---

[251] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.565. 0148c11).

[252] Sāpūga là tên một ngôi làng của người Koliya. Người dân địa phương còn được gọi là Sāpūgiyā.

[253] *A*. I. 125 viết *tattha tattha paññāya anuggahessāmīti*. Xem *A*. II. 243; *GS*. II. 248 (kinh 243 ở sau).

không có thối thất, chánh niệm tỉnh giác, này các Byagghapajjā, đều được gọi là Kiến thanh tịnh tinh cần chi phần.

Và này các Byagghapajjā, thế nào là Giải thoát thanh tịnh tinh cần chi phần?

Vị Thánh đệ tử nào, này các Byagghapajjā, thành tựu với Giới thanh tịnh tinh cần chi phần này, thành tựu với Tâm thanh tịnh tinh cần chi phần này, và thành tựu với Kiến thanh tịnh tinh cần chi phần này, tâm được ly tham đối với các pháp hấp dẫn, tâm được giải thoát đối với các pháp cần được giải thoát. Vị ấy, sau khi tâm được ly tham đối với các pháp hấp dẫn, tâm được giải thoát đối với các pháp cần được giải thoát, cảm xúc chánh giải thoát. Này các Byagghapajjā, đây gọi là Giải thoát thanh tịnh; với lời nguyện: "Nếu Giải thoát thanh tịnh như vậy chưa đầy đủ, tôi sẽ làm cho đầy đủ. Nếu Giải thoát thanh tịnh như vậy được đầy đủ, tôi sẽ học thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ." Ở đây, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, phấn chấn, không có thối thất, chánh niệm tỉnh giác, này các Byagghapajjā, đều được gọi là Giải thoát thanh tịnh tinh cần chi phần.

Bốn thanh tịnh tinh cần chi phần này, này các Byagghapajjā, đã được Thế Tôn, bậc Đã Biết Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, chơn chánh nói lên để chúng sanh được thanh tịnh, để vượt qua sầu bi, để chấm dứt khổ ưu, để chứng đắc chánh lý, để chứng ngộ Niết-bàn.

V. KINH VAPPA (*Vappasutta*)[254] (*A*. II. 196)

195. Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Rồi Thích tử Vappa, đệ tử của Nigaṇṭhā, đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahāmoggallāna rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Nigaṇṭhā, đang ngồi một bên:

– Ở đây, này Vappa, có thể có người với thân chế ngự, với lời chế ngự, với ý chế ngự, vô minh được viễn ly, minh được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?

– Thưa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây, thưa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thục, do nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai.

Và câu chuyện này giữa Tôn giả Mahāmoggallāna và Thích tử Vappa, đệ tử của Nigaṇṭhā, bị bỏ dở.

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy đi đến hội trường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Này Mahāmoggallāna, câu chuyện gì được nói đến, khi các ông ngồi tụ họp ở đây? Và câu chuyện gì giữa các ông chưa được nói xong?

---

[254] Tham chiếu: *Hòa phá kinh* 和破經 (*T*.01. 0026.12. 0434a12).

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Nigaṇṭhā: "Ở đây, này Vappa, có thể có người với thân chế ngự, với lời chế ngự, với ý chế ngự, vô minh được viễn ly, minh được sanh khởi. Ông có thấy người ấy, do một nhân duyên nào, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?" Bạch Thế Tôn, khi được nói như vậy, Thích tử Vappa, đệ tử của Nigaṇṭhā, nói với con như sau: "Thưa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây, thưa Tôn giả, do ác nghiệp tạo ra về trước chưa đưa đến quả dị thục, do nhân duyên ấy, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai!" Bạch Thế Tôn, đây là câu chuyện giữa Thích tử Vappa, đệ tử của Nigaṇṭhā và chúng con, câu chuyện bị bỏ dở khi Thế Tôn đến.

Rồi Thế Tôn nói với Thích tử Vappa, đệ tử của Nigaṇṭhā:

– Này Vappa, nếu ông có thể chấp nhận điều ông có thể chấp nhận, có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ, và trong trường hợp ông không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Ta, ông hãy hỏi Ta thêm về vấn đề ấy: "Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?", thời có thể có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

– Bạch Thế Tôn, con có thể chấp nhận điều con có thể chấp nhận, có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ, và trong trường hợp con không có thể biết được ý nghĩa lời nói của Thế Tôn, con sẽ hỏi Thế Tôn thêm về vấn đề ấy: "Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?" Mong rằng ở đây có cuộc nói chuyện giữa chúng ta.

– Ý ông nghĩ thế nào, này Vappa? Nếu do nhân duyên thân khởi động, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được thân khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có nơi người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới, còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên, được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Ý ông nghĩ thế nào, này Vappa? Nếu do nhân duyên lời nói khởi động, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được lời khởi động, như vậy, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có với người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới. Còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên, được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Ý ông nghĩ thế nào, này Vappa? Nếu do nhân duyên ý khởi động, các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não khởi lên; với người chế ngự được ý khởi động, như vậy các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có với người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới. Còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên, được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, ông có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Ý ông nghĩ thế nào, này Vappa? Đối với các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy do duyên vô minh khởi lên, vô minh được ly tham, minh được khởi lên, như vậy các lậu hoặc tàn hại, nhiệt não ấy không có với người ấy nữa. Người ấy không làm nghiệp mới. Còn hành động trước của người ấy, do cảm xúc thường xuyên được chấm dứt; con đường đưa đến sự héo mòn các phiền não là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Này Vappa, ông có thấy do lý do nào, các lậu hoặc khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn!

– Như vậy, này Vappa, với vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có đẹp ý, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý thức tri pháp, không có đẹp ý, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân,[255] vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân." Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy quán tri: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng." Vị ấy quán tri: "Sau khi thân hoại mệnh chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn có hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lặng."

Ví như, này Vappa, duyên một thân cây,[256] bóng cây hiện ra. Rồi có người đến cầm cái cuốc và cái giỏ, chặt thân cây ấy ở nơi rễ. Sau khi chặt ở nơi rễ, người ấy đào cái mương. Sau khi đào cái mương, người ấy nhổ lên các rễ lớn cho đến các rễ con và rễ phụ. Rồi người ấy chặt cây ấy thành từng khúc, sau khi chặt từng khúc, người ấy bửa. Sau khi bửa, người ấy chẻ thành từng miếng nhỏ. Sau khi chẻ thành từng miếng nhỏ, người ấy phơi giữa gió và nắng, người ấy

---

[255] *Kāyapariyantikaṃ vedanaṃ. AA.* III. 176: *Kāyapariyantikanti kāyantikaṃ kāyaparicchinnaṃ, yāva pañcadvārakāyo pavattati, tāva pavattaṃ pañcadvārikavedananti attho* ("Tận cùng của thân" nghĩa là toàn thân, đến giới hạn của thân, cho đến toàn bộ ngũ môn đang diễn tiến thế nào, thì cảm thọ từ ngũ môn đang diễn ra như vậy).

[256] Xem *S.* II. 88, 90, 91, 93. *Thūṇa* có thể có nghĩa là thân cây, cây cột không có rễ.

lấy lửa đốt. Sau khi lấy lửa đốt, người ấy vun thành đống tro. Sau khi người ấy vun thành đống tro, người ấy sàng tro ấy giữa gió lớn, hay để tro ấy vào dòng nước mạnh cho nước cuốn đi. Như vậy, này Vappa, do duyên thân cây nên có bóng cây. Bóng cây ấy, rễ bị chấm dứt, làm thành như thân cây Sāla, làm cho không thể tái sanh trong tương lai, không thể sống lại được. Cũng vậy, này Vappa, vị Tỷ-kheo có tâm được chơn chánh giải thoát, sáu an trú thường hằng được chứng đắc. Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không có đẹp ý, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý thức tri pháp, không có đẹp ý, không có phật ý, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của thân." Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng, vị ấy biết: "Ta cảm giác một cảm thọ tận cùng của sinh mạng." Vị ấy biết: "Sau khi thân hoại mệnh chung, ở đây tất cả các cảm thọ không còn hỷ lạc, sẽ trở thành vắng lặng."

Khi được nói như vậy, Thích tử Vappa, đệ tử của Nigaṇṭhā, bạch Thế Tôn:

– Ví như, bạch Thế Tôn, một người mong ước được tài sản, lo nuôi dưỡng tài sản của mình,[257] nhưng không được tăng trưởng gì; trái lại, chỉ được thêm mệt nhọc và dự phần vào phiền muộn. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con cầu mong được lợi ích khi con hầu hạ kẻ ngu Nigaṇṭhā này, nhưng con đã không được lợi ích gì; trái lại, con chỉ được thêm mệt nhọc và dự phần vào phiền muộn. Bắt đầu từ hôm nay, bạch Thế Tôn, với lòng tin gì con đã có với kẻ ngu Nigaṇṭhā, con sẽ đặt lòng tin ấy giữa gió lớn, hay để lòng tin ấy vào dòng nước lạnh cho nước cuốn đi.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VI. KINH SĀḶHA (*Sāḷhasutta*) (*A*. II. 200)

196. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli (Tỳ-xá-ly), tại Đại Lâm, trong ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Licchavi Sāḷha và Licchavi Abhaya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Licchavi Sāḷha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có những Sa-môn, Bà-la-môn trình bày sự vượt qua dòng nước mạnh với hai pháp môn: Nhân giới thanh tịnh và nhân khổ hạnh nhàm chán. Ở đây, bạch Thế Tôn, Thế Tôn có nói gì?

– Này Sāḷha, Ta nói rằng Giới thanh tịnh là một chi phần của Sa-môn hạnh.

[257] *Assapaṇiyaṃ*: Hàng hóa của người ấy. *AA*. III. 180 giải thích với nghĩa ngựa là tài sản.

Các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, này Sāḷha, sống chủ trương nhân khổ hạnh nhàm chán, xem khổ hạnh nhàm chán là lõi cây, chấp chặt vào khổ hạnh nhàm chán, những vị ấy không thể nào vượt qua dòng nước mạnh. Các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, này Sāḷha, thân hành không thanh tịnh, lời nói không thanh tịnh, ý hành không thanh tịnh, sanh sống không thanh tịnh, những vị ấy không thể đạt được Tri kiến Vô thượng Bồ-đề.

Ví như, này Sāḷha, một người muốn vượt qua sông, cầm một cây búa sắc bén đi vào rừng. Tại đấy, người ấy thấy một cây Sāla lớn, cao thẳng, tươi tốt, không có lồi lõm.[258] Người ấy chặt cây ấy tại gốc. Sau khi chặt ở gốc, người ấy đốn ngọn. Sau khi đốn ngọn, người ấy tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru. Sau khi tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru, người ấy gọt đẽo với cái búa. Sau khi gọt đẽo với cái búa, người ấy gọt đẽo với con dao. Sau khi gọt đẽo với con dao, người ấy bào sạch với cái bào. Sau khi bào sạch với cái bào, người ấy bào sạch với hòn đá mài. Sau khi bào sạch với hòn đá mài, người ấy đem cây ấy xuống sông. Ý ông nghĩ thế nào, này Sāḷha, người ấy có thể vượt qua sông được không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì cây Sāla ấy, tuy bề ngoài rất khéo làm, nhưng bề trong không được làm sạch. Do vậy, sự việc chờ đợi rằng: "Cây Sāla ấy chìm xuống và người ấy rơi vào ách nạn."

– Cũng vậy, này Sāḷha, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sống khổ hạnh nhàm chán, xem khổ hạnh nhàm chán là lõi cây, chấp chặt lấy khổ hạnh nhàm chán, những vị ấy không thể vượt qua dòng nước mạnh. Này Sāḷha, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, thân hành không thanh tịnh, lời nói không thanh tịnh, ý hành không thanh tịnh, sinh sống không thanh tịnh, không thể chứng được Tri kiến Vô thượng Bồ-đề.

Này Sāḷha, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không chủ trương sống khổ hạnh nhàm chán, không xem khổ hạnh nhàm chán là lõi cây, không chấp chặt lấy khổ hạnh nhàm chán, những vị ấy có thể vượt qua dòng nước mạnh. Này Sāḷha, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, thân hành thanh tịnh, lời nói thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sinh sống thanh tịnh, những vị ấy có thể chứng được Tri kiến Vô thượng Bồ-đề.

Ví như, này Sāḷha, một người muốn vượt qua sông, cầm một cây búa sắc bén đi vào rừng. Tại đấy, người ấy thấy một cây Sāla lớn, cao thẳng, tươi tốt, không có lồi lõm. Người ấy chặt cây ấy tại gốc. Sau khi chặt ở gốc, người ấy đốn ngọn. Sau khi đốn ngọn, người ấy tỉa cành lá và làm cho thân cây trơn tru. Sau khi tỉa

[258] Chữ này có nhiều giải thích khác nhau. *AA*. III. 181: *Akukkuccakajātanti* "*bhaveyya nu kho, na bhaveyyā*"*ti ajanetabbakukkuccam* ("Không sanh đắn đo" nghĩa là không sanh chút đắn đo rằng "phải hay không phải?"). Bản Tích Lan viết *Akukkukka*, nghĩa là không thể đo lường bằng *kukka*, một đơn vị đo lường. Và như vậy có thể dịch là cao vút, như trong *S*. III. 119; IV. 104. Cũng có thể dịch là không có hư hỏng. Có chỗ lại dịch từ chữ *uju* (thẳng), *akujjaka* nghĩa là thẳng, không có lồi lõm.

cành lá và làm cho thân cây trơn tru, người ấy gọt đẽo với cái búa. Sau khi gọt đẽo với cái búa, người ấy gọt đẽo với con dao.[259] Sau khi gọt đẽo với con dao, người ấy lấy cái đục, khéo đục sạch nội phần. Sau khi khéo đục sạch nội phần, người ấy bào sạch với cái bào. Sau khi bào sạch với cái bào, người ấy bào sạch với hòn đá mài (*pāsāṇagulena*). Sau khi bào sạch với hòn đá mài, người ấy làm thành chiếc thuyền, cột với cái chèo và bánh lái (*phiyārittaṃ*), rồi cuối cùng người ấy thả xuống sông. Ý ông nghĩ thế nào, này Sāḷha, người ấy có thể vượt qua sông được không?

– Thưa được, bạch Thế Tôn.

Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì cây Sāla ấy, bề ngoài rất khéo làm, bề trong được làm sạch, được cột với cái chèo và bánh lái. Do vậy, sự việc chờ đợi rằng: "Chiếc thuyền ấy không chìm và người ấy sẽ đến bờ bên kia an toàn."[260]

– Cũng vậy, này Sāḷha, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không chủ trương khổ hạnh nhàm chán, những vị ấy có thể vượt qua dòng nước mạnh. Này Sāḷha, những Sa-môn, Bà-la-môn nào thân hành thanh tịnh, lời nói thanh tịnh, ý hành thanh tịnh, sinh sống thanh tịnh, những vị ấy có thể chứng được Tri kiến Vô thượng Bồ-đề.

Ví như, này Sāḷha, một chiến sĩ dầu người đó biết được nhiều cung thuật,[261] nhưng về ba phương diện người đó xứng đáng là của vua, thuộc sở hữu của vua, đi đến làm biểu tượng của vua.[262] Thế nào là ba?

Bắn xa, bắn nhanh như chớp nhoáng và bắn thủng được vật lớn.

Ví như, này Sāḷha, người chiến sĩ bắn xa, cũng vậy, này Sāḷha, là Thánh đệ tử có chánh định. Phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, cần phải như thật thấy với trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi." Phàm có thọ gì... Phàm có tưởng gì... Phàm có hành gì... Phàm có thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần, cần phải như thật thấy với trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi."

---

[259] *Lekhaṇiya. AA.* III. 181: *Lekhaṇiyā likheyyāti avalekhanamattakena avalikheyya* ("Đục bằng cây đục" nghĩa là nạo ra bằng đồ nạo).

[260] *Chú giải* giải thích ví dụ như sau: (a) Cây gỗ là tự tánh con người; con sông là sông sanh tử; người muốn vượt qua là người có tà kiến; bề ngoài của cái cây là khổ hạnh; cái cây trước khi được làm cho trống không bên trong là thời gian người ấy sống không đạo đức; cái cây ấy bị chìm là người ấy tái sinh sang đời khác. (b) Người muốn vượt qua sông là người tu hành (*yogācara*). Phần ngoài của cái cây là khi tu người ấy tự chế ngự, làm cho thân cây trống không là khi người ấy sống đạo đức; chèo và bánh lái là sự nỗ lực tinh tấn của thân và tâm; vượt qua là Niết-bàn.

[261] *Kaṇḍacittakāni*: Nhiều màu sắc, hình thái khác nhau. *Gittaka* hay *citraka* là hình thức đánh nhau đặc biệt. *A.* III. 182 viết một danh sách có sáu điểm: *Saralaṭṭhi; sararajju; sarapāsāda; sarasāṇi; pokkharaṇī*; *padumāni citrāni*, tạm dịch là: *Sara* có nghĩa là dàn trận; dàn trận với côn gậy; với một cái thòng lọng; từ nơi một sân thượng; từ nơi tấm bình phong; từ nơi hầm hố; hay từ nơi dàn trận theo hình hoa sen. Từ cuối này cũng được dùng ở *JA.* II. 406, v.v…

[262] Bốn đặc tánh được đề cập trong *A.* II. 170; *GS.* II. 177 (kinh 181 ở trước).

Ví như, này Sāḷha, người chiến sĩ bắn như chớp nhoáng; cũng vậy, này Sāḷha, là vị Thánh đệ tử có chánh tri kiến. Vị Thánh đệ tử, này Sāḷha, có chánh tri kiến như thật quán tri: "Đây là khổ... Đây là khổ tập... Đây là khổ diệt... Đây là con đường đưa đến khổ diệt."

Ví như, này Sāḷha, người chiến sĩ đâm thủng được thân hình lớn; cũng vậy, này Sāḷha, là vị Thánh đệ tử có chánh giải thoát. Vị Thánh đệ tử, này Sāḷha, có chánh giải thoát đâm thủng được vô minh uẩn to lớn.

VII. KINH HOÀNG HẬU MALLIKĀ (*Mallikādevīsutta*) (*A.* II. 202)

197. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Hoàng hậu Mallikā[263] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Hoàng hậu Mallikā bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, ở đây một số nữ nhân dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nghèo khổ, tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít?

Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, ở đây một số nữ nhân dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nhưng giàu sang, tài sản lớn, sở hữu lớn, uy tín ảnh hưởng lớn?

Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, ở đây một số nữ nhân dung sắc đẹp, được ưa nhìn, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, tuy vậy nghèo khổ, tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít?

Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, ở đây một số nữ nhân, dung sắc đẹp, được ưa nhìn, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, giàu sang, tài sản lớn, sở hữu lớn, uy tín ảnh hưởng lớn?

– Ở đây, này Mallikā, có hạng nữ nhân phẫn nộ, nhiều não hại, tuy bị nói ít, liền nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sừng sộ, gây hấn, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Người này không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình keo kiết; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ, cúng dường thì ganh tỵ, tức tối, bị trói buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đấy, tái sanh hạ liệt, dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nghèo khổ, tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít.

Ở đây, này Mallikā, có nữ nhân phẫn nộ, nhiều não hại, dầu bị nói ít, liền nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sừng sộ, gây hấn, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Người này bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình không keo kiết; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ,

[263] Theo *Ud.* V. 1. Theo truyền thuyết, Hoàng hậu chỉ là cô gái bán hoa, cúng dường cho đức Phật một cái bánh. Đức Phật thọ ký rằng nhờ quả lành cúng dường này, cô sẽ thành hoàng hậu của Vua Pasenadi tuy cô không đẹp.

cúng dường thì không ganh tỵ, tức tối, không bị trói buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đấy, tái sanh dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nhưng giàu sang, tài sản lớn, sở hữu lớn, uy tín ảnh hưởng lớn.

Ở đây, này Mallikā, có nữ nhân không phẫn nộ, não hại không nhiều, tuy bị nói nhiều, không có nổi giận, nổi nóng, nổi sân, sừng sộ, gây hấn, không biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Người này không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn món ăn, vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình keo kiết; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ, cúng dường thì người ấy ganh tỵ, tức tối, bị trói buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đấy, tái sanh dung sắc đẹp, sắc đẹp tốt, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, nhưng nghèo khổ, tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít.

Ở đây, này Mallikā, có hạng nữ nhân không phẫn nộ, não hại không nhiều, tuy bị nói nhiều, không có nổi giận, nổi nóng, nổi sân, sừng sộ, gây hấn, không có biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Người này bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình không keo kiết; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ, cúng dường thì không ganh tỵ, tức tối, không bị trói buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đấy, tái sanh dung sắc đẹp, sắc đẹp tốt, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, giàu sang, tài sản lớn, sở hữu lớn, uy tín ảnh hưởng lớn.

Này Mallikā, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng nữ nhân dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nghèo khổ, tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít.

Này Mallikā, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng nữ nhân dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nhưng giàu sang, tài sản lớn, sở hữu lớn, ảnh hưởng uy tín lớn.

Này Mallikā, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng nữ nhân dung sắc đẹp, được ưa nhìn, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, tuy vậy nghèo khổ, tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít.

Này Mallikā, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng nữ nhân dung sắc đẹp, được ưa nhìn, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, giàu sang, tài sản lớn, sở hữu lớn, ảnh hưởng uy tín lớn.

Khi được nói như vậy, Hoàng hậu Mallikā bạch Thế Tôn:

– Giả sử như con, bạch Thế Tôn, trong một đời sống khác, con phẫn nộ, não hại nhiều, tuy bị nói ít, nhưng nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sừng sộ, gây hấn, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn; và bạch Thế Tôn, nay con dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt. Giả sử như con, bạch Thế Tôn, trong một đời sống khác, con có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; và bạch Thế Tôn,

nay con được giàu sang, có tài sản lớn, có sở hữu lớn. Giả sử như con, bạch Thế Tôn, trong một đời sống khác, tánh tình không keo kiết; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ, cúng dường, con không ganh tỵ, tức tối, không bị trói buộc bởi ganh tỵ; và bạch Thế Tôn, con nay được có ảnh hưởng uy tín lớn.

Bạch Thế Tôn, trong nội cung này, có những thiếu nữ hoàng tộc, có những thiếu nữ Bà-la-môn, có những thiếu nữ gia chủ, con có chủ quyền thủ lãnh. Và bạch Thế Tôn, bắt đầu từ nay, con sẽ không phẫn nộ, không có nhiều não hại, dầu cho bị nói nhiều, con sẽ không nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sừng sộ, gây hấn. Con sẽ không biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Con sẽ bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; con sẽ không keo kiết; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đảnh lễ, cúng dường, con sẽ không ganh tỵ, tức tối, không bị trói buộc bởi ganh tỵ.

Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử nữ cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VIII. KINH TỰ HÀNH KHỔ MÌNH (*Attantapasutta*) (*A*. II. 205)

198. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hành khổ mình, chuyên tâm hành khổ mình; và hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình; không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; hạng người ấy không hành khổ mình, không hành khổ người, hiện tại sống không tham ái, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sống lõa thể, sống phóng túng không theo lễ nghi, liếm tay cho sạch, đi khất thực không chịu bước tới, đi khất thực không chịu đứng một chỗ, không nhận đồ ăn mang đến, không nhận đồ ăn dành riêng, không nhận mời đi ăn, không nhận từ nơi miệng nồi, không nhận từ nơi miệng chảo, không nhận tại ngưỡng cửa, không nhận giữa những cây gậy, không nhận giữa những cối giã gạo, không nhận từ hai người đang ăn,

không nhận từ người đàn bà có thai, không nhận từ người đàn bà đang cho con bú, không nhận từ người đàn bà đang đi đến giữa người đàn ông, không nhận đồ ăn đi quyên, không nhận tại chỗ có chó đứng, không nhận tại chỗ có ruồi bu, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu men rượu nấu, không uống nước cháo. Vị ấy chỉ nhận ăn tại một nhà hay chỉ nhận ăn một miếng, hay vị ấy chỉ nhận ăn tại hai nhà hay chỉ nhận ăn hai miếng... hay vị ấy chỉ nhận ăn tại bảy nhà hay chỉ nhận ăn bảy miếng. Vị ấy nuôi sống chỉ với một bát, nuôi sống chỉ với hai bát... nuôi sống chỉ với bảy bát. Vị ấy chỉ ăn một ngày một bữa, hai ngày một bữa... bảy ngày một bữa. Như vậy, vị ấy sống theo hạnh tiết chế ăn uống, cho đến nửa tháng mới ăn một lần. Vị ấy chỉ ăn cỏ hoang, ăn lúa tắc, ăn lúa hoang, ăn da vụn, ăn rong nước, ăn bọt tấm, ăn váng gạo, ăn bột vừng, ăn cỏ hay ăn phân bò. Vị ấy ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Vị ấy mặc vải gai thô, vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tẫn liệm, rồi quăng đi, mặc vải phấn tảo y, mặc vải vỏ cây tirīṭa làm áo, mặc áo da con sơn dương đen, mặc áo bện từ từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo bằng cỏ cát tường, mặc áo bằng vỏ cây, mặc áo bằng tấm gỗ nhỏ, mặc áo bằng tóc bện lại thành mền, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Vị ấy là người sống nhổ râu tóc, là người chuyên sống theo hạnh nhổ râu tóc, là người theo hạnh thường đứng, từ bỏ chỗ ngồi, là người ngồi chò hỏ, chuyên sống theo hạnh ngồi chò hỏ một cách tinh tấn, là người dùng gai làm giường, thường nằm ngủ trên giường gai, sống một đêm tắm ba lần, theo hạnh xuống nước tắm [để gột sạch tội lỗi]. Như vậy, dưới nhiều hình thức, vị ấy sống tự hành khổ mình. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người là người giết trâu bò, là người giết heo, là người giết vịt, săn thú, là thợ săn, người đánh cá, ăn trộm, người xử tử các người ăn trộm, cai ngục và những người làm các nghề ác độc khác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người vừa hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm vua, thuộc giai cấp Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, hay một vị Bà-la-môn triệu phú. Vị này cho xây một giảng đường mới về phía Đông thành phố, cạo bỏ râu tóc, đắp áo da khô, toàn thân bôi thục tô và dầu, gãi lưng với một sừng nai, đi vào giảng đường với người vợ chính và một Bà-la-môn tế tự. Rồi vị ấy nằm xuống dưới đất trống trơn chỉ có lá cỏ. Vị vua sống với sữa từ vú một con bò cái, có con bò con cùng một màu sắc, bà vợ chính sống với sữa từ vú thứ hai, và Bà-la-môn tế tự sống với sữa từ vú thứ ba, sữa từ vú thứ tư thường dùng để tế lửa, còn con bê con sống với phần còn lại. Vua nói như sau: "Hãy giết một số bò đực để tế lễ, hãy giết một số bê đực để tế lễ, hãy giết một số bê cái để tế lễ, hãy giết một số dê để tế lễ, hãy giết một số cừu

để tế lễ, hãy giết một số ngựa để tế lễ, hãy chặt một số thân cây để làm cột tế lễ, hãy thâu lượm một số cỏ dabbha để làm chỗ tế lễ. Và những người nô tỳ, những người phục vụ, những người làm công, những người này vì sợ đòn gậy, vì sợ nguy hiểm, với mặt tràn đầy nước mắt, khóc lóc làm các công việc. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây gọi là hạng người vừa tự hành khổ mình, chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người? Hạng người này không tự hành khổ mình, không hành khổ người, hiện tại sống không tham ái, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Ngài sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, thiên, nhân, lại tuyên bố bốn điều đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn, đầy đủ nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh. Người gia trưởng hay con của người gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp hạ tiện nghe pháp ấy; sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tin ở Như Lai.

Khi có được lòng tin ấy, người ấy suy nghĩ: “Gò bó là đời sống gia đình, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật không dễ gì cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.” Một thời gian sau, người ấy từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Vị ấy xuất gia như vậy, hành trì các học giới và hạnh sống của các vị Tỷ-kheo, đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Vị ấy đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Vị ấy đoạn tận đời sống không Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, tránh xa dâm dục hạ liệt. Vị ấy đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, liên hệ đến sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Vị ấy đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, vị này sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thích thú trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa

đến hòa hợp. Vị ấy đoạn tận lời nói độc ác, từ bỏ lời nói độc ác, nói những lời nói dịu hiền, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vị ấy nói những lời nói như vậy. Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói liên hệ đến nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng giữ gìn, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

Vị ấy từ bỏ không làm hại đến các loại hạt giống và các loài cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ các món ăn phi thời; từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn; từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ không nhận vàng và bạc; từ bỏ không nhận các hạt sống; từ bỏ không nhận thịt sống; từ bỏ không nhận đàn bà con gái; từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ không nhận cừu và dê; từ bỏ không nhận gia cầm và heo; từ bỏ không nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ không nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ không dùng người làm môi giới, hoặc tự mình làm người đưa tin; từ bỏ không buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo, gạt lường; từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, cướp đường, cướp giật, cưỡng đoạt.

Vị ấy sống biết đủ, bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo [y và bình bát], như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo. Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, nội tâm hưởng lạc không có lỗi lầm.

Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Do nguyên nhân gì khiến nhãn căn này không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Do nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, nội tâm hưởng vô uế lạc.

Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nếm đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này, thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này [thành tựu Thánh biết đủ này], lựa một trú xứ thanh vắng như khu rừng, gốc cây, đồi, núi, khe nước, hang đá, bãi tha ma, rừng rậm, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực, ăn xong và trở về, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy đoạn tận tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Đoạn tận sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn

thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Đoạn tận hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Đoạn tận trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa hết tâm trạo cử hối quá. Đoạn tận nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái này, các pháp làm tâm cấu uế, làm trí tuệ trở thành yếu ớt, vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ. Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba. Vị ấy xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bất động như vậy, vị ấy hướng tâm đến Lậu tận trí. Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ"; biết như thật: "Đây là khổ tập"; biết như thật: "Đây là khổ diệt"; biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; biết như thật: "Đây là những lậu hoặc"; biết như thật: "Đây là nguyên nhân của các lậu hoặc"; biết như thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc"; biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc." Nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, vị ấy khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát"; vị ấy quán tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không có trở lại đời này nữa."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người vừa không tự hành khổ mình, không chuyên tâm tự hành khổ mình; vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người; vị ấy không tự hành khổ mình, không hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham ái, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể.[264]

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

IX. KINH ÁI (*Taṇhāsutta*)[265] (*A*. II. 211)

199. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về ái, lưới triền,[266] khiến cho lưu chuyển, được trải rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, bị trói buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quyện lại như cỏ muñja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

---

[264] Về đời sống của người xuất gia, xem cách diễn đạt như các đoạn trước trong *M*. I. 344f, II. 159; III. 33f.

[265] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.984. 0256a17).

[266] *Jāliniṃ yassa jālinī visattikā taṇhā natthi* (*S*. I. 107). Bốn danh từ được dùng để diễn tả người đánh cá quăng lưới. Xem *Dh*. v. 180.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ái, thế nào là lưới triền, khiến cho lưu chuyển, được trải rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, bị trói buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quyện lại như cỏ muñja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử?

Này các Tỷ-kheo, có mười tám ái hành này[267] liên hệ với nội tâm, có mười tám ái hành này liên hệ với ngoại cảnh.

Thế nào là mười tám ái hành liên hệ đến nội tâm?

Này các Tỷ-kheo, khi nào có ý nghĩ: "Ta có mặt", thời có những ý nghĩ: "Ta có mặt trong đời này", "ta có mặt như vậy", "ta có mặt khác như vậy", "ta không phải thường hằng", "ta là thường hằng", "ta phải có mặt hay không", "ta phải có mặt trong đời này", "ta phải có mặt như vậy", "ta phải có mặt khác như vậy", "mong rằng ta có mặt", "mong rằng ta có mặt trong đời này", "mong rằng ta có mặt như vậy", "mong rằng ta có mặt khác như vậy", "ta sẽ có mặt", "ta sẽ có mặt trong đời này", "ta sẽ có mặt như vậy", "ta sẽ có mặt khác như vậy." Có mười tám ái hành này liên hệ với nội tâm.

Và thế nào là mười tám ái hành liên hệ đến ngoại cảnh?

Khi nào có ý nghĩ: "Với cái này,[268] ta có mặt"; thời có những ý nghĩ như sau: "Với cái này, ta có mặt trong đời này", "với cái này, ta có mặt như vậy", "với cái này, ta có mặt khác như vậy", "với cái này, ta không phải thường hằng", "với cái này, ta là thường hằng", "với cái này, ta phải có mặt hay không", "với cái này, ta phải có mặt trong đời này", "với cái này, ta phải có mặt như vậy", "với cái này, ta có mặt khác như vậy", "với cái này, mong rằng ta có mặt", "với cái này, mong rằng ta có mặt trong đời này", "với cái này, mong rằng ta có mặt như vậy", "với cái này, mong rằng ta có mặt khác như vậy", "với cái này, ta sẽ có mặt", "với cái này, ta sẽ có mặt trong đời này", "với cái này, ta sẽ có mặt như vậy", "với cái này, ta sẽ có mặt khác như vậy." Có mười tám ái hành này liên hệ với ngoại cảnh.[269]

Mười tám ái hành này liên hệ đến nội tâm, và mười tám ái hành này liên hệ đến ngoại cảnh; này các Tỷ-kheo, đây gọi là ba mươi sáu ái hành. Ba mươi sáu ái hành quá khứ như vậy, ba mươi sáu ái hành vị lai như vậy, ba mươi sáu ái hành hiện tại như vậy; như vậy là một trăm lẻ tám ái hành.[270]

Này các Tỷ-kheo, đây là ái này, lưới triền, khiến cho lưu chuyển, được trải

---

[267] *Vicaritāni*: Được giải thích rõ trong *Chú giải* và *Vbh*. 392ff.

[268] *Chú giải*: *Iminā = Rūpena, viññāṇena*, v.v...

[269] Hai loại ái này, *Chú giải* xem *ajjhattika* là tự ngã, *bāhira* là thân và các tâm sở. *Vibhaṅga* viết *bāhira* để chỉ cho người khác, người ngoài, như nói: "Tôi là như vậy, nhưng người này lại khác. Vị ấy là một Bà-la-môn, ta không phải vậy, v.v...".

[270] *Evaṃ aṭṭhasataṃ taṇhāvicaritaṃ honti. AA*. III. 209: *Aṭṭhasataṃ taṇhāvicaritaṃ hontīti ettha pana aṭṭhasatasaṅkhātaṃ taṇhāvicaritaṃ hotīti evamattho daṭṭhabbo* ("Là một trăm lẻ tám ái hành" được hiểu theo nghĩa rằng ở đây ái hành được tính là một trăm lẻ tám).

rộng ra, bám dính vào; chính do ái ấy, thế giới này bị hoại vong, trói buộc, rối loạn như một cuộn chỉ, rối ren như một ổ kén, quyện lại như cỏ muñja và lau sậy babbaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ, sanh tử.

X. KINH LUYẾN ÁI (*Pemasutta*)[271] (*A*. II. 213)

200. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự được sanh khởi này. Thế nào là bốn? Luyến ái sanh từ luyến ái, sân sanh từ luyến ái, luyến ái sanh từ sân, sân sanh từ sân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là luyến ái sanh từ luyến ái?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có một người là khả lạc, khả hỷ, khả ý đối với một người. Rồi các người khác đối xử với người ấy khả lạc, khả hỷ, khả ý. Rồi người kia suy nghĩ như sau: "Người này là khả lạc, khả hỷ, khả ý đối với ta; lại được các người khác đối xử khả lạc, khả hỷ, khả ý." Do đó, người ấy khởi lên luyến ái đối với những người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là luyến ái sanh khởi từ luyến ái.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sân được sanh khởi từ luyến ái?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người là khả lạc, khả hỷ, khả ý đối với một người. Rồi các người khác đối xử với người ấy không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý. Người ấy suy nghĩ như sau: "Người này là khả lạc, khả hỷ, khả ý đối với ta; nhưng không được các người khác đối xử khả lạc, khả hỷ, khả ý." Do đó, người ấy khởi lên lòng sân đối với những người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sân được sanh khởi từ luyến ái.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là luyến ái được sanh khởi từ sân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý đối với một người. Rồi các người khác đối xử với người ấy không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý. Người kia suy nghĩ như sau: "Người này không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý đối với ta; và các người khác đối xử với người ấy không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý." Do đó, người ấy khởi lên luyến ái đối với các người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là luyến ái được sanh khởi từ sân.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là lòng sân được sanh khởi từ lòng sân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý đối với một người. Rồi các người khác đối xử với người ấy khả lạc, khả hỷ, khả ý. Người kia suy nghĩ như sau: "Người này không khả lạc, không khả hỷ, không khả ý đối với ta; và các người khác đối xử với người này khả lạc, khả hỷ, khả ý." Do đó, người ấy khởi lên lòng sân đối với những người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sân được sanh khởi từ lòng sân.

Này các Tỷ-kheo, có bốn luyến ái này sanh ra.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo ly dục, ly các pháp bất thiện, chứng

[271] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.985.16. 0256b08).

đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Luyến ái sanh ra từ luyến ái, luyến ái ấy trong thời gian ấy không có mặt. Sân sanh ra từ luyến ái, sân ấy trong thời gian ấy không có mặt. Luyến ái sanh ra từ sân, luyến ái ấy trong thời gian ấy không có mặt. Sân sanh ra từ sân, sân ấy trong thời gian ấy không có mặt.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ các tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư. Luyến ái sanh ra từ luyến ái, luyến ái ấy trong thời gian ấy không có mặt. Sân sanh ra từ luyến ái, sân ấy trong thời gian ấy không có mặt. Luyến ái sanh ra từ sân, luyến ái ấy trong thời gian ấy không có mặt. Sân sanh ra từ sân, sân ấy trong thời gian ấy không có mặt.

Này các Tỷ-kheo, trong thời gian Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Luyến ái sanh ra từ luyến ái, luyến ái ấy đã được đoạn tận, đã được cắt đứt từ gốc rễ, đã được làm như thân cây Sāla, đã được làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Sân sanh ra từ luyến ái, sân ấy đã được đoạn tận, đã được cắt đứt từ gốc rễ, đã được làm như thân cây Sāla, đã được làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Luyến ái sanh ra từ sân, luyến ái ấy đã được đoạn tận, đã được cắt đứt từ gốc rễ, đã được làm như thân cây Sāla, đã được làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Sân sanh ra từ sân, sân ấy đã được đoạn tận, đã được cắt đứt từ gốc rễ, đã được làm như thân cây Sāla, đã được làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo không lôi cuốn, không phản ứng, không un khói, không bốc cháy, không sững sờ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo lôi cuốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sắc từ tự ngã, hay quán tự ngã có sắc, hay quán sắc trong tự ngã, hay quán tự ngã trong sắc; quán thọ từ tự ngã, hay quán tự ngã có thọ, hay quán thọ trong tự ngã, hay quán tự ngã trong thọ; quán tưởng từ tự ngã, hay quán tự ngã có tưởng, hay quán tưởng trong tự ngã, hay quán tự ngã trong tưởng; quán các hành từ tự ngã, hay quán tự ngã có các hành, hay quán các hành trong tự ngã, hay quán tự ngã trong các hành; quán thức từ tự ngã, hay quán tự ngã có thức, hay quán thức trong tự ngã, hay quán tự ngã trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo lôi cuốn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không lôi cuốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không quán sắc từ tự ngã, hay không quán tự ngã có sắc, hay không quán sắc trong tự ngã, hay không quán tự ngã trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức từ tự ngã, hay không quán tự ngã có thức, hay không quán thức trong tự ngã, hay không quán tự ngã trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không lôi cuốn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo phản ứng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo mắng chửi lại những ai mắng chửi, nổi sân lại những ai nổi sân, gây hấn lại những ai gây hấn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo phản ứng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không phản ứng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không mắng chửi lại những ai mắng chửi, không nổi sân lại những ai nổi sân, không gây hấn lại những ai gây hấn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không phản ứng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo un khói?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi nào có ý nghĩ: "Ta có mặt", thời có những ý nghĩ: "Ta có mặt trong đời này", "ta có mặt như vậy", "ta có mặt khác như vậy", "ta không phải thường hằng", "ta là thường hằng", "ta phải có mặt hay không", "ta phải có mặt trong đời này", "ta phải có mặt như vậy", "ta phải có mặt khác như vậy", "mong rằng ta có mặt", "mong rằng ta có mặt trong đời này", "mong rằng ta có mặt như vậy", "mong rằng ta có mặt khác như vậy", "ta sẽ có mặt", "ta sẽ có mặt trong đời này", "ta sẽ có mặt như vậy", "ta sẽ có mặt khác như vậy." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo un khói.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không un khói?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi nào không có ý nghĩ: "Ta có mặt", thời cũng không có những ý nghĩ: "Ta có mặt trong đời này", "ta có mặt như vậy", "ta có mặt khác như vậy", "ta không phải thường hằng", "ta là thường hằng", "ta phải có mặt hay không", "ta phải có mặt trong đời này", "ta phải có mặt như vậy", "ta phải có mặt khác như vậy", "mong rằng ta có mặt", "mong rằng ta có mặt trong đời này", "mong rằng ta có mặt như vậy", "mong rằng ta có mặt khác như vậy", "ta sẽ có mặt", "ta sẽ có mặt trong đời này", "ta sẽ có mặt như vậy", "ta sẽ có mặt khác như vậy." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không un khói.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo bốc cháy?

Khi nào có ý nghĩ: "Với cái này, ta có mặt", thời có những ý nghĩ như sau: "Với cái này, ta có mặt trong đời này", "với cái này, ta có mặt như vậy", "với cái này, ta có mặt khác như vậy", "với cái này, ta không phải thường hằng", "với cái này, ta là thường hằng", "với cái này, ta phải có mặt hay không", "với cái này, ta phải có mặt trong đời này", "với cái này, ta phải có mặt như vậy", "với cái này, ta có mặt khác như vậy", "với cái này, mong rằng ta có mặt", "với cái này, mong rằng ta có mặt trong đời này", "với cái này, mong rằng ta có mặt như vậy", "với cái này, mong rằng ta có mặt khác như vậy", "với cái này, ta sẽ có mặt", "với cái này, ta sẽ có mặt trong đời này", "với cái này, ta sẽ có mặt như vậy", "với cái này, ta sẽ có mặt khác như vậy." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo bốc cháy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không bốc cháy?

Khi nào không có ý nghĩ: "Với cái này, ta có mặt", thời có những tư tưởng

như sau: "Với cái này, ta không có mặt trong đời này", "với cái này, ta không có mặt như vậy", "với cái này, ta không có mặt khác như vậy", "với cái này, ta không phải không thường hằng", "với cái này, ta không phải thường hằng", "với cái này, ta không phải có mặt", "với cái này, ta không phải có mặt trong đời này", "với cái này, ta không phải có mặt như vậy", "với cái này, ta không phải có mặt khác đi", "với cái này, mong rằng ta không có mặt", "với cái này, mong rằng ta không có mặt trong đời này", "với cái này, mong rằng ta không có mặt như vậy", "với cái này, ta sẽ không có mặt khác đi", "với cái này, ta sẽ không có mặt", "với cái này ta sẽ không có mặt trong đời này", "với cái này, ta sẽ không có mặt như vậy", "với cái này, ta sẽ không có mặt khác như vậy." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không bốc cháy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không sững sờ?

Ở đây, sự kiêu mạn "tôi là" của vị Tỷ-kheo được đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không sững sờ.



XXI. PHẨM BẬC CHÂN NHÂN (*SAPPURISAVAGGA*)

I. KINH CÁC HỌC PHÁP (*Sikkhāpadasutta*)[272] (*A*. II. 217)

201. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về người không chân nhân và người còn tệ hơn người không chân nhân; về bậc chân nhân và bậc còn tốt hơn bậc chân nhân. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là người không chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người không chân nhân.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là người còn tệ hơn người không chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình sát sanh và còn khích lệ người khác sát sanh; tự mình lấy của không cho và còn khích lệ người khác lấy của không cho; tự mình sống tà hạnh trong các dục và còn khích lệ người khác sống tà hạnh trong các dục; tự mình nói láo và còn khích lệ người khác nói láo; tự mình đắm say rượu men rượu nấu và còn khích lệ người khác đắm say rượu men rượu nấu. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người còn tệ hơn người không chân nhân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là bậc chân nhân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc còn tốt hơn bậc chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình từ bỏ sát sanh và còn khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho và còn khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục và còn khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình từ bỏ nói láo và còn khích lệ người khác từ bỏ nói láo; tự mình từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu và còn khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là bậc còn tốt hơn bậc chân nhân.

---

[272] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1055. 0275a14).

II. KINH NGƯỜI CÓ LÒNG TIN (*Assaddhasutta*) (*A*. II. 218)

202. – Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về người không chân nhân và người còn tệ hơn người không chân nhân; về bậc chân nhân và bậc còn tốt hơn bậc chân nhân. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là người không chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không có lòng tin, không có xấu hổ, không có sợ hãi tội lỗi, nghe ít, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người không chân nhân.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là người còn tệ hơn người không chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình không tin và còn khích lệ người khác không tin, tự mình không xấu hổ và còn khích lệ người khác không xấu hổ, tự mình không sợ hãi tội lỗi và còn khích lệ người khác không sợ hãi tội lỗi, tự mình nghe ít và còn khích lệ người khác nghe ít, tự mình biếng nhác và còn khích lệ người khác biếng khác, tự mình thất niệm và còn khích lệ người khác thất niệm, tự mình liệt tuệ và còn khích lệ người khác liệt tuệ. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người còn tệ hơn người không chân nhân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có lòng tin, có xấu hổ, có sợ hãi tội lỗi, nghe nhiều, siêng năng tinh cần, có niệm, có trí tuệ. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là bậc chân nhân.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc còn tốt hơn bậc chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình đầy đủ lòng tin và còn khích lệ người khác có đầy đủ lòng tin, tự mình có xấu hổ và còn khích lệ người khác có xấu hổ, tự mình có sợ hãi tội lỗi và còn khích lệ người khác có sợ hãi tội lỗi, tự mình nghe nhiều và còn khích lệ người khác nghe nhiều, tự mình siêng năng tinh cần và còn khích lệ người khác siêng năng tinh cần, tự mình chánh niệm và còn khích lệ người khác chánh niệm, tự mình có trí tuệ và còn khích lệ người khác có trí tuệ. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là bậc còn tốt hơn bậc chân nhân.

III. KINH BẢY NGHIỆP (*Sattakammasutta*)[273] (*A*. II. 218)

203. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về người không chân nhân và người còn tệ hơn người không chân nhân; về bậc chân nhân và bậc còn tốt hơn bậc chân nhân. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là người không chân nhân?

[273] Bản tiếng Anh của PTS: *Destroyer of Beings*, nghĩa là *Kẻ tàn hại chúng sanh*.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người không chân nhân.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là người còn tệ hơn người không chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình sát sanh và còn khích lệ người khác sát sanh, tự mình lấy của không cho và còn khích lệ người khác lấy của không cho, tự mình tà hạnh trong các dục và còn khích lệ người khác tà hạnh trong các dục, tự mình nói láo và còn khích lệ người khác nói láo, tự mình nói hai lưỡi và còn khích lệ người khác nói hai lưỡi, tự mình nói lời thô ác và còn khích lệ người khác nói lời thô ác, tự mình nói lời phù phiếm và còn khích lệ người khác nói lời phù phiếm. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người còn tệ hơn người không chân nhân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là bậc chân nhân.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc còn tốt hơn bậc chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình từ bỏ sát sanh và còn khích lệ người khác từ bỏ sát sanh, tự mình từ bỏ lấy của không cho và còn khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho, tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục và còn khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục, tự mình từ bỏ nói láo và còn khích lệ người khác từ bỏ nói láo, tự mình từ bỏ nói hai lưỡi và còn khích lệ người khác từ bỏ nói hai lưỡi, tự mình từ bỏ nói lời thô ác và còn khích lệ người khác từ bỏ nói lời thô ác, tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm và còn khích lệ người khác từ bỏ nói lời phù phiếm. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là bậc còn tốt hơn bậc chân nhân.

IV. KINH MƯỜI HẠNH (*Dasakammasutta*) (*A*. II. 219)

204. (Như kinh 203, chỉ thêm vào ba pháp sau là "có tham, có sân và tà kiến").

V. KINH CON ĐƯỜNG TÁM NGÀNH (*Aṭṭhaṅgikasutta*) (*A*. II. 220)

205. (Như kinh 203).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người không chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có tà kiến, có tà tư duy, có tà ngữ, có tà nghiệp, có tà mạng, có tà tinh tấn, có tà niệm, có tà định. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người không chân nhân.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là người còn tệ hơn người không chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình có tà kiến và còn khích lệ người khác có tà kiến, có tà tư duy... có tà ngữ... có tà nghiệp... có tà mạng... có tà tinh

tấn... có tà niệm... có tà định và còn khích lệ người khác có tà định. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người còn tệ hơn người không chân nhân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có chánh tri kiến, có chánh tư duy, có chánh ngữ, có chánh nghiệp, có chánh mạng, có chánh tinh tấn, có chánh niệm, có chánh định. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là bậc chân nhân.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là bậc còn tốt hơn bậc chân nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình có chánh tri kiến và còn khích lệ người khác có chánh tri kiến, có chánh tư duy... có chánh ngữ... có chánh nghiệp... có chánh mạng... có chánh tinh tấn... có chánh niệm... có chánh định và còn khích lệ người khác có chánh định. Người này, này các Tỷ-kheo, đây gọi là bậc còn tốt hơn bậc chân nhân.

VI. KINH CON ĐƯỜNG MƯỜI NGÀNH (*Dasamaggasutta*) (*A*. II. 221)

206. (Như kinh 205, chỉ thêm hai pháp "tà trí, tà giải thoát" cho "người không chân nhân" và "chánh trí, chánh giải thoát" cho "bậc chân nhân").

VII. KINH TÁNH ÁC ĐỘC THỨ NHẤT (*Paṭhamapāpadhammasutta*)[274] (*A*. II. 222)

207. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về người ác độc và người ác độc hơn cả người ác độc, về người hiền thiện và người hiền thiện hơn cả người hiền thiện. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là người ác độc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh... (như kinh 204)… có tà kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người ác độc.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là người ác độc còn hơn cả người ác độc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình sát sanh và còn khích lệ người khác sát sanh... có người tự mình có tà kiến và còn khích lệ người khác có tà kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người ác độc còn hơn cả người ác độc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người hiền thiện?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người hiền thiện.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người hiền thiện còn hơn cả người hiền thiện?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình từ bỏ sát sanh và còn khích lệ người khác từ bỏ sát sanh... tự mình có chánh kiến và còn khích lệ người khác

---

[274] Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (208-210) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Wicked*, nghĩa là *Người ác độc*; và tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1053. 0274c26).

có chánh kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người hiền thiện còn hơn cả người hiền thiện.

VIII. KINH TÁNH ÁC ĐỘC THỨ HAI (*Dutiyapāpadhammasutta*) (*A*. II. 223)

208. (Như kinh 206 với mười đức tánh, ở đây chỉ khác "có người ác độc" và "người hiền thiện", kinh trên nói đến "người không chân nhân" và "bậc chân nhân").

IX. KINH TÁNH ÁC ĐỘC THỨ BA (*Tatiyapāpadhammasutta*) (*A*. II. 223)

209. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về người có ác tánh và người có ác tánh hơn cả người có ác tánh, về người có tánh hiền thiện và người có tánh hiền thiện hơn cả người có tánh hiền thiện. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là người ác tánh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh... có tà kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có ác tánh.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là người có ác tánh còn hơn cả người có ác tánh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình sát sanh và còn khích lệ người khác sát sanh... có người tự mình có tà kiến và còn khích lệ người khác có tà kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có ác tánh còn hơn cả người có ác tánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có tánh hiền thiện?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh... có chánh tri kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có tánh hiền thiện.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người có tánh hiền thiện còn hơn cả người có tánh hiền thiện?

Ở đây, có người tự mình từ bỏ sát sanh và còn khích lệ người khác từ bỏ sát sanh... tự mình có chánh tri kiến và còn khích lệ người khác có chánh tri kiến. Người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người có tánh hiền thiện còn hơn cả người có tánh hiền thiện.

X. KINH TÁNH ÁC ĐỘC THỨ TƯ (*Catutthapāpadhammasutta*) (*A*. II. 224)

210. (Như kinh 208).

XXII. PHẨM HỘI CHÚNG (*PARISĀVAGGA*)[275]

I. KINH HỘI CHÚNG (*Parisāsutta*) (*A*. II. 225)

211. Này các Tỷ-kheo, có bốn ô uế hội chúng này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo có ác giới, theo ác pháp, làm ô uế hội chúng; này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo-ni có ác giới, theo ác pháp, làm ô uế hội chúng; này các Tỷ-kheo, có nam cư sĩ có ác giới, theo ác pháp, làm ô uế hội chúng; này các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ có ác giới, theo ác pháp, làm ô uế hội chúng.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ô uế hội chúng này.

Này các Tỷ-kheo, có bốn thanh tịnh hội chúng này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo có giới, theo thiện pháp, làm thanh tịnh hội chúng; này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo-ni có giới, theo thiện pháp, làm thanh tịnh hội chúng; này các Tỷ-kheo, có nam cư sĩ có giới, theo thiện pháp, làm thanh tịnh hội chúng; này các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ có giới, theo thiện pháp, làm thanh tịnh hội chúng.

Này các Tỷ-kheo, có bốn thanh tịnh hội chúng này.

II. KINH KIẾN (*Diṭṭhisutta*) (*A*. II. 226)

212. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn? Với thân làm ác, với nói lời ác, với ý nghĩ ác, với tà kiến.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Thành tựu với thân làm thiện, với nói lời thiện, với ý nghĩ thiện, với chánh tri kiến.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

III. KINH KHÔNG BIẾT ƠN (*Akataññutāsutta*) (*A*. II. 226)

213. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi

---

[275] Bản tiếng Anh của PTS: *Corrupting*, nghĩa là *Ô uế*.

vào địa ngục. Thế nào là bốn? Thành tựu với thân làm ác, với nói lời ác, với ý nghĩ ác, với không biết ơn và không biết trả ơn.[276]

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Thành tựu với thân làm thiện, với nói lời thiện, với ý nghĩ thiện, biết ơn và biết trả ơn.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

IV. KINH SÁT SANH (*Pāṇātipātīsutta*) (*A*. II. 226)

214. (Như kinh 213, chỉ khác là bốn pháp khác: "Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo; từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo").

V. KINH CON ĐƯỜNG THỨ NHẤT (*Paṭhamamaggasutta*) (*A*. II. 226)

215. (Như kinh 213, các pháp được đề cập đến là "tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp" và "chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp").

VI. KINH CON ĐƯỜNG THỨ HAI (*Dutiyamaggasutta*) (*A*. II. 226)

216. (Như kinh trên, các pháp được đề cập đến là "tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định" và "chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định").

VII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ NHẤT (*Paṭhamavohārapathasutta*) (*A*. II. 227)

217. (Các pháp được đề cập là "không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không cảm giác nói có cảm giác, không thức tri nói có thức tri" và "không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không có cảm giác, không thức tri nói không có thức tri").

VIII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ HAI (*Dutiyavohārapathasutta*) (*A*. II. 227)

218. (Các pháp được đề cập là "thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, có cảm giác nói không có cảm giác, có thức tri nói không thức tri" và "có thấy nói có thấy, có nghe nói có nghe, có cảm giác nói có cảm giác, có thức tri nói có thức tri").

IX. KINH KHÔNG XẤU HỔ (*Ahirikasutta*) (*A*. II. 227)

219. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn? Thành tựu với không có lòng tin, với có ác giới, với không xấu hổ, với không sợ hãi tội lỗi.

---

[276] *AA*. III. 210: *Akataññutā akataveditā = Akataññutāya akataveditāya* (không biết ơn, không biết nghĩ đến ơn).

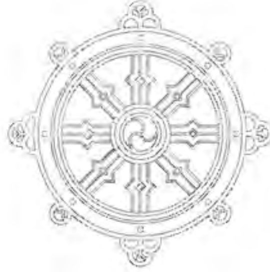
Thành tựu với bốn phá [illegible] Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu với bốn phá [illegible] heo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn [illegible]

Thành tựu với lòng tin, [illegible] xấu hổ, với sợ hãi tội lỗi. Thành tựu với bốn pháp này, này các T [illegible] y tương xứng được sanh lên cõi trời.

X. KINH ÁC GIỚI (*Duss* [illegible] I. 227)

220. (Như kinh trên, cá [illegible] cập như sau: "Không có lòng tin, có ác giới, biếng nhác, liệt tuệ [illegible] giới, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ").



[277] Bản tiếng Anh của PTS: *Of Weak Wisdom*, nghĩa là *Về liệt tuệ*.

XXIII. PHẨM ÁC HẠNH (*DUCCARITAVAGGA*)[278]

I. KINH ÁC HẠNH (*Duccaritasutta*) (*A*. II. 228)

221. Này các Tỷ-kheo, có bốn lời ác hành này. Thế nào là bốn? Nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm.

Này các Tỷ-kheo, có bốn lời ác hành này.

Này các Tỷ-kheo, có bốn lời thiện hành này. Thế nào là bốn? Nói thật, không nói hai lưỡi, nói lời nhu nhuyến, nói lời thông tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn lời thiện hành này.

II. KINH KIẾN (*Diṭṭhisutta*) (*A*. II. 228)

222. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không phải chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, không có sinh khí, có tội, bị người trí quở trách, và tạo nhiều vô phước. Thế nào là bốn?

Với thân làm ác, với lời nói ác, với ý nghĩ ác, với tà kiến, thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không phải chân nhân, tự mình xử sự như một kẻ mất gốc, không có sinh khí, có tội, bị các người trí quở trách, và tạo nhiều vô phước.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, một kẻ có sinh khí, không có tội, không bị các người có trí quở trách, và tạo nhiều phước đức. Thế nào là bốn?

Với thân làm thiện, với lời nói thiện, với ý nghĩ thiện, với chánh tri kiến, thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như một kẻ mất gốc, một kẻ có sinh khí, không có tội, không bị các người có trí quở trách, và tạo nhiều phước đức.

III. KINH VÔ ƠN (*Akataññutāsutta*) (*A*. II. 229)

223. (Như kinh trên, các pháp được đề cập là "thân làm ác, lời nói ác, ý nghĩ ác, không biết ơn, không trả ơn; và thân làm thiện, lời nói thiện, ý nghĩ thiện, biết ơn, trả ơn").

IV. KINH SÁT SANH (*Pāṇātipātīsutta*) (*A*. II. 229)

224. (Như kinh trên, các pháp được đề cập là "sát sanh, lấy của không cho,

[278] Tên phẩm và tên kinh 221 trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Good Conduct*, nghĩa là *Diệu hạnh*.

tà hạnh trong các dục, nói láo; và từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo").

V. KINH CON ĐƯỜNG THỨ NHẤT (*Paṭhamamaggasutta*) (*A*. II. 229)

225. ... có tà kiến, có tà tư duy, có tà ngữ, có tà nghiệp... có chánh kiến, có chánh tư duy, có chánh ngữ, có chánh nghiệp...

VI. KINH CON ĐƯỜNG THỨ HAI (*Dutiyamaggasutta*)[279] (*A*. II. 229)

226. ... có tà mạng, có tà tinh tấn, có tà niệm, có tà định... có chánh mạng, có chánh tinh tấn, có chánh niệm, có chánh định...

VII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ NHẤT (*Paṭhamavohārapathasutta*) (*A*. II. 229)

227. ... không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không cảm giác nói có cảm giác, không thức tri nói có thức tri… không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không có cảm giác, không thức tri nói không có thức tri...

VIII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ HAI (*Dutiyavohārapathasutta*) (*A*. II. 229)

228. ... có thấy nói không thấy, có nghe nói không nghe, có cảm giác nói không cảm giác, có thức tri nói không thức tri… có thấy nói có thấy, có nghe nói có nghe, có cảm giác nói có cảm giác, có thức tri nói có thức tri...

IX. KINH KHÔNG XẤU HỔ (*Ahirikasutta*) (*A*. II. 229)

229. ... không có lòng tin, có ác giới, không xấu hổ, không sợ hãi tội lỗi... có lòng tin, có giới, có xấu hổ, có sợ hãi tội lỗi...

X. KINH LIỆT TUỆ (*Duppaññasutta*) (*A*. II. 230)

230. ... không có lòng tin, có ác giới, biếng nhác, liệt tuệ… có lòng tin, có giới, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí thông minh, bậc chân nhân, tự xử sự không như kẻ mất gốc, không như không có sinh lực, không có tội, không bị những người trí quở trách, và làm nhiều phước đức.

XI. KINH CÁC THI SĨ (*Kavisutta*)[280] (*A*. II. 230)

231. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng thi sĩ này. Thế nào là bốn? Thi nhân có tưởng tượng, thi nhân theo truyền thống, thi nhân có lý luận, thi nhân có biện tài. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng thi sĩ này.

---

[279] Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh 225 và 226 được trình bày liên tục.

[280] Xem *DB*. I. 22; *DA*. I. 95; *SA*. I. 286; *UdA*. 205; *BI*. 184. Trong *AA*. III. 211 giải thích có khác: *Cintākavi*, thi sĩ làm thơ sau khi suy nghĩ; *sutakavi*, thi sĩ chép lại những gì đã được nghe; *atthakavi*, thi sĩ chép lại ý nghĩa của sự vật; *paṭibhānakavi*, thi sĩ viết theo sáng tạo, như Tôn giả Vaṅgīsa.

XXIV. PHẨM NGHIỆP
(*KAMMAVAGGA*)

I. KINH NGHIỆP TÓM TẮT (*Saṃkhittasutta*) (*A*. II. 230)

232. Có bốn nghiệp, này các Tỷ-kheo, đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen, quả đen; này các Tỷ-kheo, có nghiệp trắng, quả trắng; này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen trắng, quả đen trắng; này các Tỷ-kheo, có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt.

Có bốn nghiệp này, này các Tỷ-kheo, đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng.

II. KINH NGHIỆP CHI TIẾT (*Vitthārasutta*) (*A*. II. 230)

233. Có bốn nghiệp, này các Tỷ-kheo, đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen, quả đen; có nghiệp trắng, quả trắng; có nghiệp đen trắng, quả đen trắng; có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen, quả đen?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành có tổn hại, làm khẩu hành có tổn hại, làm ý hành có tổn hại. Người ấy, do làm thân hành có tổn hại, do làm khẩu hành có tổn hại, do làm ý hành có tổn hại, sanh ra ở thế giới có tổn hại. Do người ấy sanh ra ở thế giới có tổn hại, các cảm xúc có tổn hại được cảm xúc. Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc có tổn hại, nên cảm thọ những cảm thọ có tổn hại, thuần nhất khổ, như những chúng sanh trong địa ngục. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen, quả đen.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp trắng, quả trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành không có tổn hại, làm khẩu hành không có tổn hại, làm ý hành không có tổn hại. Người ấy do làm thân hành không có tổn hại, do làm khẩu hành không có tổn hại, do làm ý hành không có tổn hại, sanh ra ở thế giới không có tổn hại. Do người ấy sanh ra ở thế giới không có tổn hại, các cảm xúc không có tổn hại được cảm xúc. Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc không có tổn hại, nên cảm thọ những cảm thọ không có tổn hại, thuần nhất lạc, như chư thiên ở Biến Tịnh thiên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp trắng, quả trắng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen trắng, quả đen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân hành có tổn hại và không tổn hại, làm khẩu hành có tổn hại và không tổn hại, làm ý hành có tổn hại và không tổn hại. Người ấy, do làm thân hành có tổn hại và không tổn hại, do làm khẩu hành có tổn hại và không tổn hại, do làm ý hành có tổn hại và không tổn hại, nên sanh vào thế giới có tổn hại và không tổn hại. Do người ấy sanh ra trong thế giới có tổn hại và không tổn hại, các cảm xúc có tổn hại và không tổn hại được cảm xúc. Người ấy được cảm xúc với những cảm xúc có tổn hại và không tổn hại, nên cảm thọ những cảm thọ có tổn hại và không tổn hại, xen lẫn, pha trộn lạc và khổ. Ví như một số người và chư thiên, một số chúng sanh ở các đọa xứ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen trắng, quả đen trắng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt?

Tại đấy, này các Tỷ-kheo, phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp đen, quả đen này; phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp trắng, quả trắng này; phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp đen trắng, quả đen trắng này; này các Tỷ-kheo, đây được gọi là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, có bốn nghiệp này đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng.

III. KINH SOṆAKĀYANA (*Soṇakāyanasutta*) (*A*. II. 232)

234. Rồi Bà-la-môn Sikhā Moggallāna đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Sikhā Moggallāna thưa với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, những ngày trước đây, trước đây nữa, thanh niên Soṇakāyana có đến con, và sau khi đến, nói với con như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương tất cả nghiệp đều không có kết quả. Chủ trương tất cả nghiệp đều không có kết quả, vị ấy nói đến sự đoạn diệt của thế giới; nhưng thế giới này thiệt là do nghiệp tác thành thế giới, và được tồn tại là do tác động của nghiệp."

– Này Bà-la-môn, Ta chưa từng thấy thanh niên Soṇakāyana. Từ đâu lại có câu chuyện như vậy?

Này Bà-la-môn, có bốn nghiệp này đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và tuyên bố. Thế nào là bốn?

(Như kinh 233).

IV. KINH CÁC HỌC PHÁP THỨ NHẤT (*Paṭhamasikkhāpadasutta*) (*A*. II. 233)

235. Này các Tỷ-kheo, có bốn nghiệp này, đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và tuyên bố. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen, quả đen; này các Tỷ-kheo, có nghiệp

trắng, quả trắng; này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen trắng, quả đen trắng; này các Tỷ-kheo, có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen, quả đen?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh, lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu. Này các Tỷ-kheo, đây là nghiệp đen, quả đen.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp trắng, quả trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Này các Tỷ-kheo, đây là nghiệp trắng, quả trắng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen trắng, quả đen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân nghiệp có tổn hại và không tổn hại... (như kinh 233). Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen trắng, quả đen trắng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt?

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp đen, quả đen này; phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp trắng, quả trắng này; phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp đen trắng, quả đen trắng này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, bốn nghiệp này đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và tuyên bố.

V. KINH CÁC HỌC PHÁP THỨ HAI (*Dutiyasikkhāpadasutta*)[281] (*A*. II. 234)

236. Có bốn nghiệp, này các Tỷ-kheo, được Ta chứng ngộ với thắng trí và tuyên bố. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen, quả đen; có nghiệp trắng, quả trắng; có nghiệp đen trắng, quả đen trắng; có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen, quả đen?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đoạt mạng sống của mẹ, đoạt mạng sống của cha, đoạt mạng sống của vị A-la-hán, với ác tâm làm thân Như Lai chảy máu, phá hòa hợp Tăng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen, quả đen.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp trắng, quả trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham, từ bỏ sân, có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp trắng, quả trắng.

---

[281] Trong bản tiếng Anh của PTS, 2 kinh (235, 236) được trình bày liên tục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen trắng, quả đen trắng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm thân nghiệp có tổn hại và không tổn hại... (như kinh 233). Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp đen trắng, quả đen trắng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt?

Tại đấy, này các Tỷ-kheo, phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp đen, quả đen này; phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp trắng, quả trắng này; phàm có tư tâm sở nào để đoạn tận nghiệp đen trắng, quả đen trắng này. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt.

Có bốn loại nghiệp này, này các Tỷ-kheo, đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và tuyên thuyết.

VI. KINH THÁNH ĐẠO (*Ariyamaggasutta*) (*A*. II. 235)

237. Này các Tỷ-kheo, có bốn nghiệp này được Ta chứng ngộ với thắng trí và tuyên thuyết. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đen, quả đen... (như kinh 233).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt?

Đây là chánh tri kiến... chánh định. Này các Tỷ-kheo, đây là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt.

Có bốn loại nghiệp này, này các Tỷ-kheo, đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và tuyên thuyết.

VII. KINH GIÁC CHI (*Bojjhaṅgasutta*) (*A*. II. 236)

238. Có bốn nghiệp này... (như kinh 233).

Này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen, quả đen?... (như kinh 233).

Này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp trắng, quả trắng?... (như kinh 233).

Này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đen trắng, quả đen trắng?... (như kinh 233).

Này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt?

Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Này các Tỷ-kheo, đây là nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại nghiệp này, đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và tuyên thuyết.

VIII. KINH ĐÁNG QUỞ TRÁCH (*Sāvajjasutta*) (*A*. II. 237)

239. Này các Tỷ-kheo, thành tựu với bốn pháp này, như vậy tương xứng bị

rơi vào địa ngục. Thế nào là với bốn? Với thân nghiệp có tội, với ngữ nghiệp có tội, với ý nghiệp có tội, với kiến có tội.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là với bốn? Với thân nghiệp không có tội, với khẩu nghiệp không có tội, với ý nghiệp không có tội, với kiến không có tội.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

IX. KINH KHÔNG TỔN HẠI (*Abyābajjhasutta*)[282] (*A*. II. 237)

240. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn? Thân nghiệp có tổn hại, khẩu nghiệp có tổn hại, ý nghiệp có tổn hại, kiến có tổn hại.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn? Với thân nghiệp không tổn hại, với khẩu nghiệp không tổn hại, với ý nghiệp không tổn hại, với kiến không tổn hại.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

X. KINH SA-MÔN (*Samaṇasutta*) (*A*. II. 238)

241. Chỉ ở đây, này các Tỷ-kheo, có Sa-môn thứ nhất, có Sa-môn thứ hai, có Sa-môn thứ ba, có Sa-môn thứ tư, còn các ngoại đạo khác không có Sa-môn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông chơn chánh rống tiếng rống con sư tử.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ nhất?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự Lưu, không bị rơi vào đọa xứ, chắc chắn hướng đến giác ngộ. Này các Tỷ-kheo, vị này là Sa-môn thứ nhất.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ hai?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo do đoạn diệt ba kiết sử, do làm cho nhẹ bớt tham và sân, là bậc Nhất Lai, còn đi lại thế giới này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây là Sa-môn thứ hai.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy chứng Niết-bàn, không phải trở lui từ thế giới ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là Sa-môn thứ ba.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Sa-môn thứ tư?

[282] Bản tiếng Anh của PTS: *Harmful*, nghĩa là *Có hại*.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, tự mình với thắng trí ngay trong hiện tại, chứng ngộ, chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây là Sa-môn thứ tư.

Này các Tỷ-kheo, chỉ ở đây có Sa-môn thứ nhất, ở đây có Sa-môn thứ hai, ở đây có Sa-môn thứ ba, ở đây có Sa-môn thứ tư, còn các ngoại đạo khác không có Sa-môn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông chơn chánh rống tiếng rống con sư tử này.

XI. KINH CÁC LỢI ÍCH NHỜ BẬC CHÂN NHÂN
(*Sappurisānisaṃsasutta*) (*A*. II. 239)

242. Nhờ y tựa bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo, chờ đợi là bốn lợi ích. Thế nào là bốn? Lớn mạnh nhờ Thánh giới, lớn mạnh nhờ Thánh định, lớn mạnh nhờ Thánh trí tuệ, lớn mạnh nhờ Thánh giải thoát.

Nhờ y tựa bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo, chờ đợi là bốn lợi ích này.



XXV. PHẨM SỢ HÃI PHẠM TỘI (*ĀPATTIBHAYAVAGGA*)

I. KINH PHÁ HÒA HỢP TĂNG (*Saṅghabhedakasutta*)[283] (*A*. II. 239)

243. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

– Này Ānanda, sự tranh chấp ấy đã được chấm dứt chưa?

– Từ đâu, bạch Thế Tôn, sự tranh chấp ấy sẽ chấm dứt được? Bāhiya, vị đồng trú với Tôn giả Anuruddha hoàn toàn đứng về phía phá hòa hợp Tăng. Do vậy, Tôn giả Anuruddha nghĩ rằng không nên nói một lời nào.

– Này Ānanda, có khi nào Anuruddha lại can thiệp[284] vào những vấn đề tranh chấp giữa chúng Tăng? Phải chăng, này Ānanda, khi nào có vấn đề tranh chấp gì khởi lên, chính hai vị Sāriputta và Moggallāna làm chấm dứt tất cả tranh chấp ấy?

Này Ānanda, do thấy bốn lợi ích này, kẻ ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Ānanda, kẻ ác Tỷ-kheo, do theo ác giới, theo ác pháp không trong sạch, sở hành đáng nghi ngờ, có hành động che giấu,[285] không phải Sa-môn nhưng tự xưng là Sa-môn, không hành Phạm hạnh nhưng tự xưng là hành Phạm hạnh, nội tâm mục nát, đầy ứ dục vọng, một đống rác nhơ bẩn. Vị ấy nghĩ như sau: "Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta là ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, không phải Sa-môn nhưng tự xưng là Sa-môn, không hành Phạm hạnh nhưng tự xưng là hành Phạm hạnh, nội tâm mục nát, đầy ứ dục vọng, một đống rác nhơ bẩn; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ,[286] họ sẽ không làm hại được ta." Này Ānanda, do thấy lợi ích thứ nhất này, ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng.

Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo có tà kiến, thành tựu với chấp thủ biên kiến.[287] Vị ấy nghĩ như sau: "Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta có ác tri kiến, chấp thủ biên kiến; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm

---

[283] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Offence*, nghĩa là *Phạm tội*.

[284] *Yuñjati*: Can thiệp, giải hòa. *AA*. III. 215: *Voyuñjatīti anuyuñjati anuyogaṃ āpajjati* ("Can thiệp vào" có nghĩa là dự vào, tham dự một cách nhiệt tình).

[285] Xem *S*. IV. 181; *Ud*. 52.

[286] *Vaggā* trái với *samaggā*.

[287] *Antaggāhikāya diṭṭhiyā*. Xem *A*. I. 154.

hại được ta." Này Ānanda, do thấy lợi ích thứ hai này, ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng.

Lại nữa, này Ānanda, ác Tỷ-kheo có tà mạng, nuôi sống mình với tà mạng. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta có tà mạng, nuôi sống mình với tà mạng; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta." Này Ānanda, do thấy lợi ích thứ ba này, ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng.

Lại nữa, này Ānanda, ác Tỷ-kheo tham muốn lợi dưỡng, tham muốn cung kính, tham muốn không bị khinh miệt. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Nếu các Tỷ-kheo sẽ biết ta có tham muốn lợi dưỡng, tham muốn cung kính, tham muốn không bị khinh miệt; nếu họ hòa hợp, họ sẽ làm hại ta; nếu họ chia rẽ, họ sẽ không làm hại được ta." Này Ānanda, do thấy lợi ích thứ tư này, ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng.

Do thấy bốn lợi ích này, này Ānanda, kẻ ác Tỷ-kheo thích thú với phá hòa hợp Tăng.

II. KINH SỢ HÃI PHẠM TỘI (*Āpattibhayasutta*) (*A*. II. 240)

244. Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi phạm tội này. Thế nào là bốn?

Ví như, này các Tỷ-kheo, người ta bắt được một người ăn trộm, một người phạm tội, dắt đến cho nhà vua và thưa: "Thưa Đại vương, đây là người ăn trộm, người phạm tội. Đại vương hãy gia phạt người ấy theo hình phạt nào như Đại vương muốn." Vua ấy nói như sau: "Các ông hãy đem người này, lấy dây thật chắc trói cánh tay người này thật chặt về phía sau, cạo đầu người ấy đi, dắt người ấy đi xung quanh với một cái trống có tiếng chát tai, đi từ đường này đến đường khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cổng thành phía Nam, và hãy chặt đầu người ấy tại thành phía Nam." Những người của vua lấy dây thật chắc trói cánh tay người ấy thật chặt về phía sau, cạo trọc đầu, dắt người ấy đi xung quanh với một cái trống có tiếng chát tai, đi từ đường này tới đường khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cổng thành phía Nam, và chặt đầu người ấy tại thành phía Nam. Tại đấy, có một người đứng một bên[288] suy nghĩ như sau: "Thật sự người này đã làm một điều ác đáng bị quở trách, đáng bị chém đầu. Vì rằng những người của vua lấy dây thật chắc trói cánh tay người ấy thật chặt về phía sau, cạo trọc đầu, dắt người ấy đi xung quanh với một cái trống có tiếng chát tai, đi từ đường này tới đường khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác, dắt người ấy ra khỏi cổng thành phía Nam, và chặt đầu người ấy tại thành phía Nam. Chắc chắn ta chớ có làm nghiệp ác như vậy, đáng bị quở trách, đáng bị chém đầu."[289] Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các tưởng sợ hãi sắc bén như vậy được an trú, thời trong những pháp, tội Ba-la-di (*Pārājikā*) được chờ đợi như sau về vị ấy:

---

[288] *AA*. III. 216: *Thalaṭṭhassāti ekamante ṭhitassa* ("Đứng trên đất bằng" nghĩa là đứng một bên).

[289] Ví dụ này được nói đến ở *S*. II. 100, 128; IV. 343.

Nếu không phạm tội thời không rơi vào tội Ba-la-di; nếu đã phạm tội thời sẽ như pháp sám hối pháp Ba-la-di.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, mang trên vai một cái hèo và đi đến trước đại chúng và nói như sau: "Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị đánh hèo (*assāhaṃ*). Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị." Rồi một người đứng một bên suy nghĩ như sau: "Thật sự, người này đã làm một điều ác đáng bị quở trách, đáng bị đánh hèo. Vì rằng, người ấy đã mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, mang trên vai một cái hèo và đi đến trước đại chúng và nói như sau: 'Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị đánh hèo. Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị.' Vậy chắc chắn ta chớ có làm nghiệp ác như vậy, đáng bị quở trách, đáng bị đánh hèo." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các tưởng sợ hãi sắc bén như vậy được an trú, thời trong những pháp Tăng tàn (*Saṅghādisesa*), được chờ đợi như sau về vị ấy: Nếu không phạm tội thời sẽ không rơi vào phạm tội Tăng tàn; nếu đã phạm tội thời sẽ như pháp phát lộ tội Tăng tàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, mang theo trên vai một túi đồ ăn[290] đi đến trước đại chúng và nói như sau: "Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt. Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị." Rồi một người đứng một bên suy nghĩ như sau: "Thật sự, người này đã làm một điều ác đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt. Vì rằng người này đã mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, mang theo trên vai một túi đồ ăn, đi đến trước đại chúng và nói như sau: 'Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt. Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị.' Vậy chắc chắn ta chớ có làm nghiệp như vậy, đáng bị quở trách, đáng bị hình phạt." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các tưởng sợ hãi sắc bén như vậy được an trú, thời trong những pháp Ba-dật-đề (*Pācittiya*) được chờ đợi như sau: Nếu không phạm tội thời sẽ không rơi vào tội Ba-dật-đề; nếu phạm tội thời sẽ như pháp phát lộ tội Ba-dật-đề.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, đi đến trước đại chúng và nói như sau: "Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị phê bình. Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị." Tại đấy, một người đứng một bên suy nghĩ như sau: "Thật sự người này đã làm một điều ác đáng bị quở trách, đáng bị phê bình. Vì rằng người này mang áo vải đen, xả búi tóc xuống, đi đến trước đại chúng và nói như sau: 'Thưa quý vị, tôi đã làm một nghiệp ác đáng bị quở trách, đáng bị phê bình.

---

[290] *Bhasmaputaṃ* = *Assaputaṃ*. Xem *D*. I. 98 viết *bhassaputena vadhitvā*, nghĩa là giết người ấy với cái bị tro. Thật sự, *assuputaṃ* nghĩa là phạt người ấy bằng cách tẩn xuất, do vậy người ấy cần phải mang đồ ăn mà đi. *Chú giải* cũng giải thích là cái bị tro. Có thể chữ *assa* từ chữ *assu* như đã giải thích và nên dịch như vậy. Hay dịch chữ *assaputaṃ* là miếng vải của người ấy, chữ *putaṃ* có nghĩa là miếng vải. Đặt miếng vải trên vai để tỏ sự khiêm nhường. Xem *GS*. II. 247.

Do vậy, tôi xin đặt mình theo ý muốn của quý vị.' Vậy chắc chắn ta chớ có làm nghiệp như vậy, đáng bị quở trách, đáng bị phê bình." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, các tưởng sợ hãi sắc bén như vậy, được an trú, thời trong những pháp Cần phải phát lộ (*Pāṭidesanīya*) được chờ đợi như sau: Nếu không phạm tội thời sẽ không rơi vào phạm tội Cần phải phát lộ; nếu phạm tội thời sẽ như pháp sám hối pháp Cần phải phát lộ.

Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sợ hãi phạm tội này.

III. KINH LỢI ÍCH HỌC TẬP (*Sikkhānisaṃsasutta*) (*A*. II. 243)

245. Phạm hạnh này được sống, được lợi ích trong học tập, được trí tuệ vô thượng, được giải thoát kiên cố, được niệm tăng thượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lợi ích học tập?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các học pháp thắng hạnh được Ta chế đặt cho các đệ tử để những ai ít lòng tin phát khởi lòng tin. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các học pháp thắng hạnh được Ta chế đặt cho các đệ tử để những ai ít lòng tin phát khởi lòng tin, để những ai có lòng tin được tăng trưởng lòng tin; do vậy, một đệ tử sau khi chấp nhận và học tập trong các học pháp, đối với học pháp ấy, là người sở hành không bị bể vụn, sở hành không bị cắt xén, sở hành không bị vết nhơ, sở hành không bị chấm đen.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các học pháp sở hành Phạm hạnh được Ta chế đặt cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các học pháp sở hành Phạm hạnh được Ta chế đặt cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn; do vậy, một đệ tử sau khi chấp nhận và học tập trong các học pháp, đối với học pháp ấy là người sở hành không có bể vụn, sở hành không có cắt xén, sở hành không bị vết nhơ, sở hành không bị chấm đen. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là lợi ích của học tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là trí tuệ vô thượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các pháp Ta thuyết giảng cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt khổ đau một cách hoàn toàn. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các pháp Ta thuyết giảng cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt khổ đau một cách hoàn toàn; do vậy, các pháp ấy được trí tuệ quán sát một cách đồng đẳng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là trí tuệ vô thượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giải thoát kiên cố?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các pháp được Ta thuyết giảng cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các pháp được Ta thuyết giảng cho các đệ tử để chơn chánh đoạn diệt đau khổ một cách hoàn toàn; do vậy, các pháp ấy được khéo cảm xúc với giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là giải thoát kiên cố.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm tăng thượng?

Với tư tưởng: "Ta sẽ làm viên mãn học pháp thắng hạnh chưa được đầy đủ; hay nếu học pháp thắng hạnh chưa được đầy đủ, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ

kia với trí tuệ"; do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú. Với tư tưởng: "Ta sẽ làm viên mãn học pháp sở hành Phạm hạnh chưa được đầy đủ; hay nếu học pháp sở hành Phạm hạnh được đầy đủ, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ"; do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú. Với tư tưởng: "Ta sẽ quán sát đồng đẳng với trí tuệ pháp chưa được đồng đẳng quán sát; hay nếu pháp đã được đồng đẳng quán sát, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ"; do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú. Với tư tưởng: "Ta sẽ cảm xúc với giải thoát, pháp chưa được cảm xúc; hay nếu pháp đã được cảm xúc, ta sẽ bổ sung thêm chỗ này chỗ kia với trí tuệ"; do vậy, niệm nội tâm được khéo an trú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là niệm tăng thượng.

Phạm hạnh này được sống, này các Tỷ-kheo, để được lợi ích trong học tập, được trí tuệ vô thượng, được giải thoát kiên cố, được niệm tăng thượng. Như vậy được nói đến, do duyên này được nói đến như vậy.

IV. KINH CÁCH NẰM (*Seyyāsutta*) (*A*. II. 244)

246. Này các Tỷ-kheo, có bốn cách nằm này. Thế nào là bốn? Cách nằm của ngạ quỷ, cách nằm của kẻ hưởng thọ dục vọng, cách nằm con sư tử, cách nằm của Như Lai.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm của ngạ quỷ?

Này các Tỷ-kheo, phần lớn các ngạ quỷ nằm ngửa. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là cách nằm của ngạ quỷ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm của người hưởng thọ các dục vọng?

Và này các Tỷ-kheo, phần lớn người hưởng thọ các dục vọng nằm phía bên trái. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là cách nằm của kẻ hưởng thọ các dục vọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm con sư tử?

Này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, nằm về phía hông bên mặt, hai chân gác lên nhau và cuộn cái đuôi vào giữa hai bắp vế; khi thức dậy, nó duỗi ra phía thân trước, rồi nó ngó lui ra phía thân sau. Này các Tỷ-kheo, nếu con sư tử, vua các loài thú, thấy thân phần nào đặt sai chỗ hay lộn xộn, thời này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, không được hoan hỷ. Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu con sư tử, vua các loài thú, thấy thân phần nào không đặt sai chỗ hay không lộn xộn, thời này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, được hoan hỷ. Này các Tỷ-kheo, đây là cách nằm con sư tử.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cách nằm của Như Lai?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này các Tỷ-kheo, đây là cách nằm của Như Lai. Này các Tỷ-kheo, có bốn cách nằm này.

V. KINH XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC DỰNG THÁP (*Thūpārahasutta*) (*A*. II. 245)

247. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này xứng đáng được dựng tháp. Thế nào là bốn? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xứng đáng được

dựng tháp; vị Độc Giác Phật xứng đáng được dựng tháp; đệ tử của Như Lai xứng đáng được dựng tháp; Chuyển Luân Vương xứng đáng được dựng tháp.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, xứng đáng được dựng tháp.

VI. KINH TRÍ TUỆ TĂNG TRƯỞNG (*Paññāvuddhisutta*) (*A*. II. 245)

248. Bốn pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến trí tuệ tăng trưởng. Thế nào là bốn? Thân cận bậc Chân nhân, lắng nghe Diệu pháp, như lý tác ý, thực hành pháp tùy pháp.

Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến trí tuệ tăng trưởng.

VII. KINH GIÚP ÍCH NHIỀU (*Bahukārasutta*) (*A*. II. 245)

249. Bốn pháp, này các Tỷ-kheo, giúp ích nhiều cho vị sanh ra làm người. Thế nào là bốn? Thân cận bậc Chân nhân, nghe Diệu pháp, như lý tác ý, thực hành pháp tùy pháp.

Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, giúp ích nhiều cho vị sanh ra làm người.

VIII. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ NHẤT (*Paṭhamavohārasutta*) (*A*. II. 246)

250. Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này. Thế nào là bốn? Không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không cảm giác nói cảm giác, không thức tri nói thức tri.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này.

IX. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ HAI (*Dutiyavohārasutta*) (*A*. II. 246)

251. Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết bậc Thánh này. Thế nào là bốn? Không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không cảm giác nói không cảm giác, không thức tri nói không thức tri.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết bậc Thánh này.

X. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ BA (*Tatiyavohārasutta*) (*A*. II. 246)

252. Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này. Thế nào là bốn? Thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, cảm giác nói không cảm giác, tưởng tri nói không tưởng tri.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết phi Thánh này.

XI. KINH CÁCH THỨC NÓI THỨ TƯ (*Catutthavohārasutta*) (*A*. II. 246)

253. Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết bậc Thánh này. Thế nào là bốn? Thấy nói thấy, nghe nói nghe, cảm giác nói cảm giác, thức tri nói thức tri.

Này các Tỷ-kheo, có bốn ngôn thuyết bậc Thánh này.

XXVI. PHẨM THẮNG TRÍ
(*ABHIÑÑĀVAGGA*)

I. KINH THẮNG TRÍ (*Abhiññāsutta*) (*A*. II. 246)

254. Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải liễu tri với thắng trí; này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải đoạn tận với thắng trí; này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải tu tập với thắng trí; này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải chứng ngộ với thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải liễu tri với thắng trí? Năm thủ uẩn, này các Tỷ-kheo, những pháp này được gọi là những pháp cần phải liễu tri với thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải đoạn tận với thắng trí? Vô minh và hữu ái, này các Tỷ-kheo, những pháp này được gọi là những pháp cần phải đoạn tận với thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải tu tập với thắng trí? Chỉ và quán, này các Tỷ-kheo, những pháp này được gọi là những pháp cần phải tu tập với thắng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải chứng ngộ với thắng trí? Minh và giải thoát, này các Tỷ-kheo, những pháp này được gọi là những pháp cần phải chứng ngộ với thắng trí.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp này.

II. KINH TẦM CẦU (*Pariyesanāsutta*)[291] (*A*. II. 247)

255. Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp phi Thánh cầu này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị già, tầm cầu cái bị già; tự mình bị bệnh, tầm cầu cái bị bệnh; tự mình bị chết, tầm cầu cái bị chết; tự mình bị uế nhiễm, tầm cầu cái bị uế nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp phi Thánh cầu này.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp Thánh cầu này. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị già, sau khi biết sự nguy hại của bị già, tầm cầu cái không bị già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh, sau khi biết sự nguy hại của bị bệnh, tầm cầu cái

[291] Xem *M*. I. 163.

không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị chết, sau khi biết sự nguy hại của bị chết, tầm cầu cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị uế nhiễm, sau khi biết sự nguy hại của uế nhiễm, tầm cầu cái không bị uế nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, có bốn pháp Thánh cầu này.

III. KINH NỀN TẢNG CỦA LÒNG TỪ (*Saṅgahavatthusutta*)[292] (*A*. II. 248)

256. Này các Tỷ-kheo, có bốn nhiếp pháp này. Thế nào là bốn?

Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Này các Tỷ-kheo, có bốn nhiếp pháp này.

IV. KINH CON CỦA MĀLUṄKYA (*Mālukyaputtasutta*) (*A*. II. 248)

257. Rồi Tôn giả Māluṅkyaputta[293] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Māluṅkyaputta bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp vắn tắt cho con; sau khi nghe thuyết pháp con sẽ sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Nay ở đây, này Māluṅkyaputta, Ta nói gì cho các Tỷ-kheo trẻ, trong khi ông đã già yếu, tuổi thọ cao, là bậc trưởng thượng, lại cầu Như Lai giáo giới một cách vắn tắt?

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, chắc chắn con sẽ hiểu được ý nghĩa lời nói của Thế Tôn, chắc chắn con sẽ trở thành người thừa tự lời của Thế Tôn!

– Này Māluṅkyaputta, có bốn ái sanh này, ở đây, ái được sanh cho Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Hoặc do nhân y, này Māluṅkyaputta, có ái sanh, do ở đây, ái được sanh cho Tỷ-kheo; hoặc do nhân đồ ăn khất thực... hoặc do nhân sàng tọa... hoặc do nhân sanh hữu này hay sanh hữu khác, này Māluṅkyaputta, có ái sanh, do ở đây, ái được sanh cho vị Tỷ-kheo.

Này Māluṅkyaputta, có bốn ái sanh này, ở đây, ái được sanh cho Tỷ-kheo.

Khi nào, này Māluṅkyaputta, ái được đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai,[294] vị ấy, này Māluṅkyaputta, được gọi là vị Tỷ-kheo đã đoạn diệt khát ái, đã thoát ly kiết sử, chơn chánh minh kiến kiêu mạn, đã diệt tận khổ đau.

Rồi Tôn giả Māluṅkyaputta, sau khi nghe Thế Tôn giáo giới với lời giáo

---

[292] Bản tiếng Anh của PTS: *Sympathy*, nghĩa là *Cảm thông*.

[293] Bản Tích Lan, Thái Lan, Campuchia và PTS viết Māluṅkyaputta.

[294] Xem *M*. I. 12; *S*. IV. 205.

giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về phía Ngài rồi ra đi.

Rồi Tôn giả Māluṅkyaputta, sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, do mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Rồi Tôn giả Māluṅkyaputta trở thành một vị A-la-hán nữa.

V. KINH GIA ĐÌNH (*Kulasutta*)[295] (*A*. II. 249)

258. Phàm những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, đạt đến sự lớn mạnh trong các tài sản, không được tồn tại lâu dài; tất cả đều do bốn sự kiện ấy hay là một trong những sự kiện này. Thế nào là bốn?

Không tìm những gì đã mất; không sửa lại cái gì đã già yếu; ăn và uống quá độ; đặt ác giới nữ nhân, nam nhân trong địa vị tối thắng. Phàm những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, đạt đến sự lớn mạnh trong các tài sản, không được tồn tại lâu dài; tất cả đều do bốn sự kiện này hay là một trong những sự kiện này.

Phàm những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, đạt đến sự lớn mạnh trong các tài sản, được tồn tại lâu dài; tất cả đều do bốn sự kiện này hay là một trong những sự kiện này. Thế nào là bốn?

Tìm những gì đã mất; sửa lại cái gì đã già yếu; ăn và uống không quá độ; đặt nữ nhân, nam nhân có giới trong địa vị tối thắng. Phàm những gia đình nào, này các Tỷ-kheo, đạt đến sự lớn mạnh trong các tài sản, được tồn tại lâu dài; tất cả đều do bốn sự kiện này hay là một trong những sự kiện này.

VI. KINH THUẦN CHỦNG THỨ NHẤT (*Paṭhamaājānīyasutta*)[296] (*A*. II. 250)

259. Đầy đủ với bốn đức tánh,[297] này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiền thiện, thuần chủng, xứng đáng để vua dùng, thuộc quyền sở hữu của vua, được xem như một biểu tượng của vua. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiền thiện, thuần chủng, đầy đủ với sắc đẹp, đầy đủ với sức mạnh, đầy đủ với tốc lực, đầy đủ với cân đối.[298] Đầy đủ với bốn đức tánh này, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiền thiện, thuần chủng, xứng đáng để vua dùng, thuộc quyền sở hữu của vua, và được xem như một biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đầy đủ bốn pháp, một Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bốn?

---

[295] Bản tiếng Anh của PTS: *Profit of the Family*, nghĩa là *Lợi ích cho gia đình*.

[296] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.921. 0234a08); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.147. 0429b08).

[297] Xem *A*. I. 95.

[298] *Ārohapariṇāha*. Bề dài và vòng tròn của thân. Xem *A*. I. 288.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp, đầy đủ sức mạnh, đầy đủ tốc lực, đầy đủ cân đối.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống có giới luật, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ sắc đẹp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ sức mạnh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoạn tận các pháp bất thiện, thành tựu đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, dõng mãnh, không từ bỏ trách nhiệm đối với các pháp thiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ sức mạnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Đây là khổ"; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ sự cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được thâu nhận các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ sự cân đối. Này các Tỷ-kheo, thành tựu với bốn pháp này, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

VII. KINH THUẦN CHỦNG THỨ HAI (*Dutiyaājānīyasutta*)[299] (*A*. II. 251)

260. (Như kinh trên, chỉ khác định nghĩa về tốc độ của Tỷ-kheo, có thể giải thích khác như sau...)

... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tốc độ vị Tỷ-kheo?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ tốc lực.

(Các đức tánh khác như kinh trên).

VIII. KINH LỰC (*Balasutta*) (*A*. II. 252)

261. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này. Thế nào là bốn? Tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này.

[299] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.921. 0234a08); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.147. 0429b08).

IX. KINH SỐNG Ở RỪNG (*Araññasutta*) (*A*. II. 252)

262. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đủ điều kiện để sống trong rừng, các khu rừng rậm rạp, các trú xứ xa vắng.[300] Thế nào là bốn?

Với dục tầm; sân tầm; hại tầm; liệt tuệ, đần độn, câm ngọng.[301]

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đủ điều kiện để sống trong rừng, các khu rừng rậm rạp, các trú xứ xa vắng.

Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ điều kiện để sống trong rừng, các khu rừng rậm rạp, các trú xứ xa vắng. Thế nào là bốn?

Với xuất ly tầm; vô sân tầm; bất hại tầm; không liệt tuệ, không đần độn, không câm ngọng.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ điều kiện để sống trong rừng, các khu rừng rậm rạp, các trú xứ xa vắng.

X. KINH HÀNH ĐỘNG (*Kammasutta*)[302] (*A*. II. 252)

263. Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không là bậc chân nhân, tự mình xử sự như kẻ bị mất gốc, không sinh lực, có tội, bị người trí quở trách, tạo nhiều vô phước. Thế nào là bốn?

Với thân nghiệp có tội, với khẩu nghiệp có tội, với ý nghiệp có tội, với tri kiến có tội.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si, không thông minh, không là bậc chân nhân, tự mình xử sự như kẻ bị mất gốc, không sinh lực, có tội, bị người trí quở trách, tạo nhiều vô phước.

Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như người mất gốc, có sinh lực, không có tội, không bị người trí quở trách, tạo nhiều phước đức. Thế nào là bốn?

Với thân nghiệp không có tội, với ngữ nghiệp không có tội, với ý nghiệp không có tội, với tri kiến không có tội.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, bậc hiền trí thông minh, là bậc chân nhân, tự mình xử sự không như người mất gốc, có sinh lực, không có tội, không bị người trí quở trách, tạo nhiều phước đức.

---

[300] Xem *A*. I. 60.

[301] *Jāḷo elamūgo*. *Eḷamūga*. *Ela*: *Lāla* (nước miếng); *mūga, mūkha, mukha*. *S*. V. 99: Nói cà lăm (*asampanna vacano*). *A*. III. 436 giải thích rằng điếc, câm hay ngu như con vật (*eḷa*).

[302] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.26.30. 0184c22).

XXVII. PHẨM NGHIỆP ĐẠO
(*KAMMAPATHAVAGGA*)

I. KINH SÁT SANH (*Pāṇātipātīsutta*)[303] (*A*. II. 253)

264. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn pháp?

Tự mình sát sanh, khích lệ người khác sát sanh, chấp nhận sát sanh và tán thán sát sanh.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn pháp?

Tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh, chấp nhận từ bỏ sát sanh và tán thán từ bỏ sát sanh.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

II. KINH TRỘM CẮP (*Adinnādāyīsutta*) (*A*. II. 253)

265. (Như trên, pháp ở đây là "tự mình lấy của không cho" và "tự mình từ bỏ lấy của không cho").

III. KINH TÀ HẠNH (*Micchācārīsutta*) (*A*. II. 254)

266. (Như trên, pháp ở đây là "tự mình tà hạnh trong các dục" và "tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục").

IV. KINH NÓI DỐI (*Musāvādīsutta*) (*A*. II. 254)

267. (Như trên, pháp ở đây là "tự mình nói láo" và "tự mình từ bỏ nói láo").

V. KINH NÓI HAI LƯỠI (*Pisuṇavācāsutta*) (*A*. II. 254)

268. (Như trên, pháp ở đây là "tự mình nói hai lưỡi" và "từ bỏ nói hai lưỡi").

VI. KINH NÓI LỜI THÔ ÁC (*Pharusavācāsutta*) (*A*. II. 254)

269. (Như trên, pháp ở đây là "tự mình nói lời thô ác" và "từ bỏ nói lời thô ác").

---

[303] Trong bản tiếng Anh của PTS, 10 kinh (từ 264-273) có cùng tên: *Approving*, nghĩa là *Chấp nhận*.

VII. KINH NÓI LỜI VÔ ÍCH (*Samphappalāpasutta*) (*A*. II. 255)

270. (Như trên, pháp ở đây là “tự mình nói lời phù phiếm” và “từ bỏ nói lời phù phiếm”).

VIII. KINH THAM (*Abhijjhālusutta*) (*A*. II. 255)

271. (Như trên, pháp ở đây là “tự mình tham dục” và “tự mình không tham dục”).

IX. KINH TÂM SÂN (*Byāpannacittasutta*) (*A*. II. 255)

272. (Như trên, pháp ở đây là “tự mình có tâm sân hận” và “tự mình không có tâm sân hận”).

X. KINH TÀ KIẾN (*Micchādiṭṭhisutta*) (*A*. II. 255)

273. Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn pháp?

Tự mình có tà kiến, khích lệ người khác có tà kiến, chấp nhận tà kiến và tán thán tà kiến.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu với bốn pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là bốn pháp?

Tự mình có chánh kiến, khích lệ người khác có chánh kiến, chấp nhận chánh kiến và tán thán chánh kiến.

Thành tựu với bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.



XXVIII. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (*RĀGAPEYYĀLA*)

I. KINH NIỆM XỨ (*Satipaṭṭhānasutta*) (*A*. II. 256)

274. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, bốn pháp cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tùy quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời; tùy quán thọ trên các cảm thọ... tùy quán tâm trên tâm... tùy quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.

Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, bốn pháp này cần phải tu tập.

II. KINH CHÁNH CẦN (*Sammappadhānasutta*) (*A*. II. 256)

275. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, bốn pháp cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các pháp bất thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm không cho sanh khởi; đối với các pháp bất thiện đã sanh, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm khiến chúng đoạn tận; đối với các pháp thiện chưa sanh, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm khiến cho sanh khởi; đối với các pháp thiện đã sanh, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm khiến chúng được duy trì, không có lu mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được thỏa mãn.

Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, bốn pháp này cần phải tu tập.

III. KINH NHƯ Ý TÚC (*Iddhipādasutta*) (*A*. II. 256)

276. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, bốn pháp cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc, thành tựu với dục định tinh cần hành; tu tập như ý túc, thành tựu với tinh tấn định tinh cần hành; tu tập như ý túc, thành tựu với tâm định tinh cần hành; tu tập như ý túc, thành tựu với tư duy định tinh cần hành.

Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, bốn pháp này cần phải tu tập.

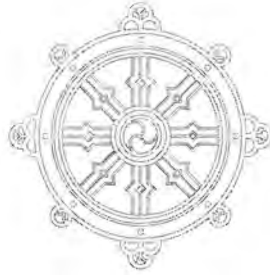
IV-XXX. KINH LIỄU TRI, V.V... (*Pariññādisuttāni*) (*A*. II. 257)

277-303. Để liễu tri, này các Tỷ-kheo, để đoạn trừ... đoạn tận... trừ diệt...

tiêu diệt... ly tham... đoạn diệt... từ bỏ... xả bỏ tham, bốn pháp này cần phải tu tập.

XXXI-DX. KINH THẮNG TRI SÂN, V.V...
(*Dosaabhiññādisuttāni*) (*A*. II. 257)

304-783. Để thắng tri… liễu tri… đoạn trừ… đoạn tận… trừ diệt… tiêu diệt… ly tham… đoạn diệt… từ bỏ… xả bỏ sân... si... phẫn nộ... hiềm hận... gièm pha... nhiệt não... tật đố... xan tham... man trá... xảo trá... ngoan cố... bồng bột... mạn... quá mạn... say mê... phóng dật, bốn pháp này cần phải tu tập.



CHƯƠNG V
NĂM PHÁP (*PAÑCAKANIPĀTA*)

I. PHẨM SỨC MẠNH HỮU HỌC (*SEKHABALAVAGGA*)

I. KINH TÓM TẮT (*Saṃkhittasutta*)[1] (*A.* III. 1)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của bậc Hữu học. Thế nào là năm? Tín lực, tàm lực, quý lực, tinh tấn lực, tuệ lực. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của bậc Hữu học.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

"Tôi sẽ thành tựu tín lực, được gọi là Hữu học lực. Tôi sẽ thành tựu tàm lực, được gọi là Hữu học lực. Tôi sẽ thành tựu quý lực, được gọi là Hữu học lực. Tôi sẽ thành tựu tinh tấn lực, được gọi là Hữu học lực. Tôi sẽ thành tựu tuệ lực, được gọi là Hữu học lực."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy Thế Tôn.

II. KINH QUẢNG THUYẾT (*Vitthatasutta*)[2] (*A.* III. 2)

2. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của bậc Hữu học. Thế nào là năm? Tín lực, tàm lực, quý lực, tinh tấn lực, tuệ lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh

---

[1] Xem *A.* II. 150; III. 248; *D.* III. 253; *M.* II. 12. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.677-678. 0185c20-25).

[2] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.32.1. 0673c20).

Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tín lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tàm lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng hổ thẹn; hổ thẹn đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; hổ thẹn đối với các pháp ác, bất thiện được thực hiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tàm lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là quý lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng sợ hãi tội lỗi; sợ hãi tội lỗi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; sợ hãi tội lỗi đối với các pháp ác, bất thiện được thực hiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là quý lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tinh tấn lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các pháp thiện; nỗ lực kiên trì, tinh tấn, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tinh tấn lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với sự thể nhập bậc Thánh vào con đường đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ lực.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm sức mạnh của bậc Hữu học. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

"Ta sẽ thành tựu tín lực, được gọi là Hữu học lực... tàm lực... quý lực... tinh tấn lực... Ta sẽ thành tựu tuệ lực, được gọi là Hữu học lực." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

III. KINH KHỔ (*Dukkhasutta*) (*A*. III. 3)

3. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống đau khổ, với tổn não, với ưu não, với nhiệt não, sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có lòng tin, không có lòng hổ thẹn, không có lòng sợ hãi tội lỗi, biếng nhác, ác tuệ. Thành tựu với năm pháp này, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại sống đau khổ, với tổn não, với ưu não, với nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là ác thú.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là cõi lành. Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có lòng hổ thẹn, có lòng sợ hãi tội lỗi, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không có tổn não, không có ưu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, được chờ đợi là cõi lành.

IV. KINH TƯƠNG XỨNG (*Yathābhatasutta*) (*A*. III. 3)

4. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có lòng tin, không có lòng hổ thẹn, không có lòng sợ hãi tội lỗi, biếng nhác, ác tuệ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy tương xứng được sanh vào cõi trời. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có lòng hổ thẹn, có lòng sợ hãi tội lỗi, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy tương xứng được sanh vào cõi trời.

V. KINH HỌC PHÁP (*Sikkhāsutta*)[3] (*A*. III. 4)

5. Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, từ bỏ học pháp, trở lui đời sống thế tục, năm vấn đề hợp pháp để tự trách và chỉ trích đến với vị ấy ngay trong hiện tại. Thế nào là năm?

"Trong ta [vị ấy nghĩ] không có lòng tin đối với các thiện pháp, trong ta không có lòng hổ thẹn đối với các thiện pháp, trong ta không có lòng sợ hãi tội lỗi đối với các thiện pháp, trong ta không có tinh tấn đối với các thiện pháp, trong ta không có trí tuệ đối với các thiện pháp." Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, từ bỏ học pháp, trở lui đời sống thế tục, năm vấn đề hợp pháp này để tự trách và chỉ trích đến với vị ấy ngay trong hiện tại.

Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, dầu với đau khổ, với ưu tư, với mặt đầy nước mắt, than khóc, vẫn sống đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, năm vấn đề hợp pháp để tự tán thán đến với vị ấy ngay trong hiện tại. Thế nào là năm?

"Trong ta [vị ấy nghĩ] có lòng tin đối với các thiện pháp, trong ta có lòng hổ thẹn đối với các thiện pháp, trong ta có lòng sợ hãi tội lỗi đối với các thiện pháp, trong ta có lòng tinh tấn đối với các thiện pháp, trong ta có trí tuệ đối với các thiện pháp." Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, dầu với đau khổ, với ưu tư, với mặt đầy nước mắt, than khóc, vẫn sống đời sống Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh, năm vấn đề hợp pháp để tự tán thán này đến với vị ấy ngay trong hiện tại.

VI. KINH BƯỚC VÀO (*Samāpattisutta*) (*A*. III. 5)

6. Không có sự bước vào bất thiện, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào có lòng tin an trú vào các thiện pháp. Khi nào lòng tin biến mất, này các Tỷ-kheo, lòng không tin khởi lên và tồn tại, thời có sự bước vào bất thiện.

Không có sự bước vào bất thiện, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào có lòng

---

[3] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.681-682. 0186a23-b07).

hổ thẹn vào các thiện pháp. Khi nào lòng hổ thẹn biến mất, này các Tỷ-kheo, lòng không hổ thẹn khởi lên và tồn tại, thời có sự bước vào bất thiện.

Không có sự bước vào bất thiện, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào có lòng sợ hãi tội lỗi vào các thiện pháp. Khi nào lòng sợ hãi tội lỗi biến mất, này các Tỷ-kheo, lòng không sợ hãi tội lỗi khởi lên và tồn tại, thời có sự bước vào bất thiện.

Không có sự bước vào bất thiện, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào có lòng tinh tấn vào các thiện pháp. Khi nào lòng tinh tấn biến mất, này các Tỷ-kheo, lòng biếng nhác khởi lên và tồn tại, thời có sự bước vào bất thiện.

Không có sự bước vào bất thiện, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào có trí tuệ an trú vào các thiện pháp. Khi nào trí tuệ biến mất, này các Tỷ-kheo, ác tuệ khởi lên và tồn tại, thời có sự bước vào bất thiện.

VII. KINH DỤC (*Kāmasutta*) (*A*. III. 5)

7. Phần lớn, này các Tỷ-kheo, các loại hữu tình tìm được lạc thú trong các dục. Với thiện nam tử, này các Tỷ-kheo, đã bỏ một bên lưỡi liềm và đòn gánh, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy vừa đủ để được gọi: "Vị thiện nam tử vì lòng tin xuất gia", vì cớ sao?

Các dục (*kāma*), này các Tỷ-kheo, được tìm thấy nơi tuổi trẻ, các dục này hay các dục khác. Và này các Tỷ-kheo, các dục hạ liệt, các dục trung đẳng, và các dục tối thắng, tất cả dục đều được chấp nhận là các dục.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có đứa con nít, trẻ nhỏ, ngây thơ đang nằm ngửa, do người vú vô ý, đứa nhỏ cầm một cây que hay hòn sạn cho vào miệng. Người vú hầu ấy phải mau chóng tác ý. Sau khi mau chóng tác ý, phải mau chóng móc cho ra. Nếu không thể mau chóng móc ra được thời với tay trái nắm đầu nó lại, với tay mặt, lấy ngón tay làm như cái móc, móc cho vật ấy ra, dầu có phải chảy máu. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, làm như vậy, có hại cho đứa trẻ, Ta nói rằng không phải không có hại. Tuy vậy, này các Tỷ-kheo, người vú hầu phải làm như vậy vì muốn lợi ích, vì tìm hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn [đứa trẻ]. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi đứa trẻ ấy đã lớn lên, và có đủ trí khôn, người vú hầu ấy không săn sóc nó nữa, nghĩ rằng: "Nay đứa trẻ đã biết tự bảo vệ mình, không phóng dật nữa."

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào vị Tỷ-kheo chưa gây được lòng tin đối với các thiện pháp, chưa gây được lòng hổ thẹn đối với các thiện pháp, chưa gây được lòng sợ hãi tội lỗi đối với các thiện pháp, chưa gây được tinh tấn đối với các thiện pháp, chưa gây được trí tuệ đối với các thiện pháp, cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta cần phải phòng hộ Tỷ-kheo ấy.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gây được lòng tin đối với các thiện pháp, gây được lòng hổ thẹn đối với các thiện pháp, gây được lòng sợ hãi tội lỗi đối với các thiện pháp, gây được lòng tinh tấn đối với các thiện pháp, gây được trí tuệ đối với các thiện pháp, thời khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta không còn

săn sóc Tỷ-kheo ấy, nghĩ rằng: "Nay Tỷ-kheo ấy đã biết tự bảo vệ mình, không còn phóng dật nữa."

VIII. KINH TỪ BỎ (*Cavanasutta*) (*A*. III. 6)

8. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp. Thế nào là năm?

Không có lòng tin, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp; không có lòng hổ thẹn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp; không có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp; biếng nhác, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp; không có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Thế nào là năm?

Có lòng tin, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Có lòng hổ thẹn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Có tinh tấn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp.

IX. KINH KHÔNG TÔN KÍNH THỨ NHẤT (*Paṭhamaagāravasutta*) (*A*. III. 7)

9. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp. Thế nào là năm?

Không có lòng tin, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp. Không có lòng hổ thẹn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp. Không có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp. Biếng nhác, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp. Không có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng,[4] từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, từ bỏ, không an trú trong Diệu pháp.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Thế nào là năm?

---

[4] *Appatisso*. *AA*. III. 225: *Nāssa patissoti appatisso, ajeṭṭhako anīcavutti* ("Bất tuân" nghĩa là vị ấy không vâng lời, chưa phải là thâm niên nhưng không khiêm nhường).

Có lòng tin, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Có lòng hổ thẹn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Có tinh tấn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, không từ bỏ, an trú trong Diệu pháp.

X. KINH KHÔNG TÔN KÍNH THỨ HAI (*Dutiyaagāravasutta*) (*A*. III. 9)

10. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Thế nào là năm?

Không có lòng tin, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Không có lòng hổ thẹn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Không có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Biếng nhác, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Có ác tuệ, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không cung kính, không tôn trọng, không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Thế nào là năm?

Có lòng tin, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Có lòng hổ thẹn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Tinh cần tinh tấn, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có cung kính, có tôn trọng, có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh trong Pháp và Luật này.

II. PHẨM SỨC MẠNH
(*BALAVAGGA*)

I. KINH CHƯA ĐƯỢC NGHE (*Ananussutasutta*) (*A*. III. 9)

11. Này các Tỷ-kheo, Ta tự cho là đã đạt được sự cứu cánh với thắng trí đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của Như Lai. Này các Tỷ-kheo,[5] thành tựu các sức mạnh ấy, Như Lai tự xem đã đạt được vị trí Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng, làm vận chuyển bánh xe Phạm thiên. Thế nào là năm? Tín lực, tàm lực, quý lực, tinh tấn lực, tuệ lực.

Có năm Như Lai lực này của Như Lai. Này các Tỷ-kheo, thành tựu các sức mạnh ấy, Như Lai tự xem đã đạt được vị trí Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng, làm vận chuyển bánh xe Phạm thiên.

II. KINH NÓC NHỌN (*Kūṭasutta*) (*A*. III. 10)

12. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của bậc Hữu học. Thế nào là năm? Tín lực, tàm lực, quý lực, tinh tấn lực, tuệ lực.

Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này của bậc Hữu học. Trong năm sức mạnh của bậc Hữu học này, này các Tỷ-kheo, cái này là tối thượng, cái này là tổng nhiếp, cái này là tổng thâu tóm, tức là tuệ lực.

Ví như, này các Tỷ-kheo, với ngôi nhà có nóc nhọn, cái này là tối thượng, cái này là tổng nhiếp, cái này là tổng thâu tóm, tức là cái nóc. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong năm sức mạnh này của bậc Hữu học, cái này là tối thượng, cái này là tổng nhiếp, cái này là tổng thâu tóm, tức là tuệ lực. Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải học tập như sau:

"Tôi sẽ thành tựu tín lực, được gọi là Hữu học lực. Tôi sẽ thành tựu tàm lực, được gọi là Hữu học lực. Tôi sẽ thành tựu quý lực... tinh tấn lực... tuệ lực, được gọi là Hữu học lực." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

III. KINH TÓM LƯỢC (*Saṃkhittasutta*)[6] (*A*. III. 10)

13. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

---

[5] Đoạn kinh này được nhắc lại trong *A*. II. 9; V. 33; *M*. I. 69; *S*. II. 27. Trong đó, 10 lực này hoàn toàn khác với 5 lực. Nhóm 5 lực dường như chỉ có trong phần này và trong chương Bảy pháp. Xem *A*. IV. 3; *D*. III. 253.

[6] Bản tiếng Anh của PTS: *The Powers in Brief*, nghĩa là *Các sức mạnh tóm lược*.

Này các Tỷ-kheo, có năm lực này.

IV. KINH QUẢNG THUYẾT (*Vitthatasutta*)[7] (*A*. III. 10)

14. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là tín lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tín lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực kiên trì, tinh tấn, không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là tấn lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có chánh niệm, thành tựu tối thắng niệm và tuệ. Vị ấy nhớ và gợi lại trong trí nhớ những điều đã nói và đã làm lâu ngày về trước. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là niệm lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ly dục, ly các bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ được các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là định lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với sự thể nhập bậc Thánh vào con đường đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ lực.

Này các Tỷ-kheo, các pháp này là năm lực.[8]

V. KINH CẦN PHẢI THẤY (*Daṭṭhabbasutta*) (*A*. III. 11)

15. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

---

[7] Bản tiếng Anh của PTS: *The Powers in Detail*, nghĩa là *Các sức mạnh giảng chi tiết*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.646. 0182b16); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.675. 0185c09).

[8] Xem *D*. II. 120; *M*. II. 12; *S*. V. 219.

Và này các Tỷ-kheo, tín lực cần phải thấy ở đâu? Trong bốn Dự lưu chi phần,[9] ở đấy, tín lực cần phải thấy.

Và này các Tỷ-kheo, tấn lực cần phải thấy ở đâu? Trong bốn chánh cần, ở đấy, tấn lực cần phải thấy.

Và này các Tỷ-kheo, niệm lực cần phải thấy ở đâu? Trong bốn niệm xứ, ở đấy, niệm lực cần phải thấy.

Và này các Tỷ-kheo, định lực cần phải thấy ở đâu? Ở trong bốn thiền, ở đấy, định lực cần phải thấy.

Và này các Tỷ-kheo, tuệ lực cần phải thấy ở đâu? Ở trong bốn Thánh đế, ở đấy, tuệ lực cần phải thấy.

Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này.

VI. KINH LẠI NÓC NHỌN (*Punakūṭasutta*) (*A*. III. 12)

16. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Này các Tỷ-kheo, có năm lực này.

Trong năm sức mạnh này, này các Tỷ-kheo, cái này là tối thượng, cái này là tổng nhiếp, cái này là tổng thâu tóm, tức là tuệ lực.

Ví như, này các Tỷ-kheo, với ngôi nhà có nóc nhọn, cái này là tối thượng, cái này là tổng nhiếp, cái này là tổng thâu tóm, tức là cái nóc. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong năm sức mạnh này, cái này là tối thượng, cái này là tổng nhiếp, cái này là tổng thâu tóm, tức là tuệ lực.

VII. KINH HẠNH PHÚC THỨ NHẤT (*Paṭhamahitasutta*)[10] (*A*. III. 12)

17. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho mình, không đem lại hạnh phúc cho người khác. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình đầy đủ giới hạnh, không có khuyến khích người khác đầy đủ giới hạnh; tự mình đầy đủ thiền định, không có khuyến khích người khác đầy đủ thiền định; tự mình đầy đủ trí tuệ, không có khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ; tự mình đầy đủ giải thoát, không có khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát; tự mình đầy đủ giải thoát tri kiến, không có khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát tri kiến.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho mình, không đem lại hạnh phúc cho người khác.

VIII. KINH HẠNH PHÚC THỨ HAI (*Dutiyahitasutta*) (*A*. III. 13)

18. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho người khác, không đem lại hạnh phúc cho mình. Thế nào là năm?

---

[9] Xem *A*. V. 179; *KS*. II. 49; *D*. III. 227 (có lòng tin tuyệt đối với Phật, Pháp, Tăng và có giới hạnh viên mãn); *DB*. II. 99 (Gương Chánh pháp).

[10] Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (18-20) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *For Whose Good*? nghĩa là *Đem lại điều tốt đẹp cho ai*?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tự mình đầy đủ giới hạnh, khuyến khích người khác đầy đủ giới hạnh; không tự mình đầy đủ thiền định, khuyến khích người khác đầy đủ thiền định; không tự mình đầy đủ trí tuệ, khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ; không tự mình đầy đủ giải thoát, khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát; không tự mình đầy đủ giải thoát tri kiến, khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát tri kiến.

Đầy đủ năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho người khác, không đem lại hạnh phúc cho mình.

IX. KINH HẠNH PHÚC THỨ BA (*Tatiyahitasutta*) (*A*. III. 13)

19. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đem lại hạnh phúc cho mình, không đem lại hạnh phúc cho người. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tự mình đầy đủ giới hạnh, không khuyến khích người khác đầy đủ giới hạnh; không tự mình đầy đủ thiền định, không khuyến khích người khác đầy đủ thiền định; không tự mình đầy đủ trí tuệ, không khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ; không tự mình đầy đủ giải thoát, không khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát; không tự mình đầy đủ giải thoát tri kiến, không khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát tri kiến.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không đem lại hạnh phúc cho mình, không đem lại hạnh phúc cho người.

X. KINH HẠNH PHÚC THỨ TƯ (*Catutthahitasutta*) (*A*. III. 14)

20. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho mình và đem lại hạnh phúc cho người. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình đầy đủ giới hạnh và khuyến khích người khác đầy đủ giới hạnh; tự mình đầy đủ thiền định và khuyến khích người khác đầy đủ thiền định; tự mình đầy đủ trí tuệ và khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ; tự mình đầy đủ giải thoát và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát; tự mình đầy đủ giải thoát tri kiến và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát tri kiến.

Đầy đủ năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho mình và đem lại hạnh phúc cho người.

III. PHẨM NĂM PHẦN
(*PAÑCAṄGIKAVAGGA*)

I. KINH KHÔNG CÓ CUNG KÍNH THỨ NHẤT
(*Paṭhamaagāravasutta*)[11] (*A*. III. 14)

21. Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, không cung kính, không thận trọng, không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp,[12] sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn Hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn Hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn các giới luật, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh tri kiến, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn chánh tri kiến, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này không xảy ra.

Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, có cung kính, có thận trọng, sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn Hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn Hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn các giới luật, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh tri kiến, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn chánh tri kiến, vị ấy sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này có xảy ra.

II. KINH KHÔNG CÓ CUNG KÍNH THỨ HAI
(*Dutiyaagāravasutta*) (*A*. III. 15)

22. Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, không cung kính, không thận trọng, không sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, sẽ làm viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm viên mãn Hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn Hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn giới uẩn, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn giới uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn định uẩn, sự kiện này không xảy ra. Sau khi không làm cho viên mãn định uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn tuệ uẩn, sự kiện này không xảy ra.

---

[11] Kinh này và kinh kế tiếp, tham chiếu: *Niệm kinh* 念經 (*T*.01. 0026.44. 0485c22); *Tàm quý kinh* 慚愧經 (*T*.01. 0026.45-46. 0486a05-21); *Giới kinh* 戒經 (*T*.01. 0026.47-48. 0486b23-c03); *Cung kính kinh* 恭敬經 (*T*.01. 0026.49-50. 0486c21-0487a15); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.495. 0129a09).

[12] *Ābhisamācārikaṃ dhammaṃ*: Thắng hạnh pháp. Xem *The Path of Purity*, 11.

Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, có cung kính, có thận trọng, sống tương hòa với các vị đồng Phạm hạnh, vị ấy sẽ làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn thắng hạnh pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn Hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn Hữu học pháp, vị ấy sẽ làm cho viên mãn giới uẩn, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn giới uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn định uẩn, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn định uẩn, vị ấy sẽ làm cho viên mãn tuệ uẩn, sự kiện này có xảy ra.

III. KINH CÁC UẾ NHIỄM (*Upakkilesasutta*)[13] (*A*. III. 16)

23. Có năm uế nhiễm này của vàng, này các Tỷ-kheo, do các uế nhiễm ấy, vàng bị uế nhiễm không được nhu nhuyến, không được dễ sử dụng, không sáng chói, bị bể vụn và không chơn chánh chịu sự tác thành. Thế nào là năm? Sắt, đồng, thiếc, chì và bạc.

Có năm uế nhiễm này của vàng, này các Tỷ-kheo, do các uế nhiễm ấy, vàng bị uế nhiễm không được nhu nhuyến, không được dễ sử dụng, không sáng chói, bị bể vụn và không chơn chánh chịu sự tác thành.

Và khi nào, này các Tỷ-kheo, vàng được giải thoát khỏi năm uế nhiễm này, khi ấy vàng ấy được nhu nhuyến, dễ sử dụng, sáng chói, không bị bể vụn và chơn chánh chịu sự tác thành. Và các đồ trang sức nào người ta muốn như nhẫn, như bông tai, như vòng cổ, như dây chuyền vàng,[14] vàng ấy có thể dùng tùy theo ước muốn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm uế nhiễm này của tâm, do các uế nhiễm ấy, tâm bị uế nhiễm, không nhu nhuyến, không dễ sử dụng, không sáng chói, bị bể vụn, không chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm? Tham dục, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi.

Có năm uế nhiễm này của tâm, này các Tỷ-kheo, do năm uế nhiễm ấy, tâm bị uế nhiễm không được nhu nhuyến, không dễ sử dụng, không sáng chói, bị bể vụn, không chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc.

Và khi nào, này các Tỷ-kheo, tâm được giải thoát khỏi năm uế nhiễm ấy, khi ấy tâm ấy được nhu nhuyến, dễ sử dụng, sáng chói, không bể vụn, chơn chánh định tĩnh để đoạn diệt các lậu hoặc. Tùy thuộc theo pháp gì cần phải được giác ngộ với thắng trí, tâm vị ấy hướng đến để được giác ngộ với thắng trí. Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: "Ta sẽ chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi qua hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay, chạm sờ mặt trăng và mặt

---

[13] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1246. 0341b25).

[14] *Paṭṭikāya* = *Muddikāya*. Xem *A*. I. 254.

trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên." Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy muốn: "Với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, ta có thể nghe hai loại tiếng chư thiên và loài người, xa và gần." Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: "Mong rằng với tâm của mình, ta có thể biết được tâm của các loại chúng sanh khác, tâm của loài người khác nhau như sau: 'Tâm có tham, biết là tâm có tham; tâm không tham, biết là tâm không tham. Tâm có sân, biết là tâm có sân; tâm không sân, biết là tâm không sân. Tâm có si, biết là tâm có si; tâm không si, biết là tâm không si. Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú; tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn. Đại hành tâm, biết là đại hành tâm; không phải đại hành tâm, biết là không phải đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng. Tâm thiền định, biết là tâm thiền định; tâm không thiền định, biết là tâm không thiền định. Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát.'" Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: "Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp." Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, đồ ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sinh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, đồ ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ở đây." Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: "Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, ta thấy sự từ bỏ và sanh khởi của chúng sanh. Ta rõ biết chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh ấy làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những vị này sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên các cõi lành, cõi trời, cõi đời này. Như vậy, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, ta có thể thấy sự sống, chết của chúng sanh. Ta có thể rõ biết rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may

mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ." Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: "Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, với thắng trí ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

IV. KINH ÁC GIỚI (*Dussīlasutta*)[15] (*A*. III. 19)

24. Với người ác giới, này các Tỷ-kheo, với người phá giới, chánh định do vậy bị phá hoại. Khi chánh định không có mặt, với người chánh định bị phá hoại, như thật tri kiến[16] do vậy bị phá hoại. Khi như thật tri kiến không có mặt, với người như thật tri kiến bị phá hoại, nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại. Khi nhàm chán, ly tham không có mặt, với người nhàm chán, ly tham bị phá hoại, giải thoát tri kiến do vậy bị phá hoại.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây với cành và lá bị phá hoại, thời đọt cây ấy không đi đến viên mãn, vỏ cây không đi đến viên mãn, giác cây không đi đến viên mãn, lõi cây không đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với người ác giới, với người phá giới, chánh định do vậy bị phá hoại. Khi chánh định không có mặt, với người chánh định bị phá hoại, như thật tri kiến do vậy bị phá hoại. Khi như thật tri kiến không có mặt, với người như thật tri kiến bị phá hoại, nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại. Khi nhàm chán, ly tham không có mặt, với người nhàm chán, ly tham bị phá hoại, giải thoát tri kiến do vậy bị phá hoại.

Với người có giới, này các Tỷ-kheo, với người gìn giữ giới, chánh định do vậy được đầy đủ. Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu. Do như thật tri kiến có mặt, với người như thật tri kiến có mặt, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu. Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người nhàm chán, ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây với cành và lá được đầy đủ, thời đọt cây ấy đi đến viên mãn, vỏ cây đi đến viên mãn, giác cây đi đến viên mãn, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với người có giới, với người giữ gìn giới, chánh định do vậy được đầy đủ. Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu. Do như thật tri kiến có mặt, với người như thật tri kiến được thành tựu, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu. Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người nhàm chán, ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu.

---

[15] Tham chiếu: *Niệm kinh* 念經 (*T*.01. 0026.44. 0485c22); *Tàm quý kinh* 慚愧經 (*T*.01. 0026.45-46. 0486a05-21); *Giới kinh* 戒經 (*T*.01. 0026.47-48. 0486b23-c03); *Cung kính kinh* 恭敬經 (*T*.01. 0026.49-50. 0486c21-0487a15); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.495. 0129a09).

[16] *Chú giải* viết *taruṇa* nghĩa là tuổi trẻ.

V. KINH NHIẾP THỌ (*Anuggahitasutta*) (*A*. III. 20)

25. Do nhiếp thọ năm chi phần, này các Tỷ-kheo, chánh tri kiến được thành thục với Tâm giải thoát quả và các lợi ích của Tâm giải thoát quả, với Tuệ giải thoát quả và các lợi ích của Tuệ giải thoát quả.

Với năm pháp gì? Ở đây, này các Tỷ-kheo, chánh tri kiến được giới nhiếp thọ, được văn nhiếp thọ, được luận nghị nhiếp thọ, được chỉ nhiếp thọ, được quán nhiếp thọ.[17]

Do được năm chi phần nhiếp thọ này, này các Tỷ-kheo, chánh tri kiến được thành tựu với Tâm giải thoát quả và các lợi ích của Tâm giải thoát quả, với Tuệ giải thoát quả và các lợi ích của Tuệ giải thoát quả.

VI. KINH GIẢI THOÁT XỨ (*Vimuttāyatanasutta*) (*A*. III. 21)

26. Có năm giải thoát xứ,[18] này các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát được giải thoát; hay các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn đi đến đoạn diệt hoàn toàn; hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến.

Thế nào là năm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo sư, thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Tùy theo bậc Đạo sư, hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo sư thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy vị Tỷ-kheo tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan sanh. Do hân hoan nên hỷ sanh. Do ý hoan hỷ, thân được khinh an. Do thân được khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Do lạc thọ, tâm được định tĩnh.[19] Đây là giải thoát xứ thứ nhất. Ở đấy, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát được giải thoát; hay các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn đi đến đoạn diệt hoàn toàn; hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được đạt đến.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo sư không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Và vị Tỷ-kheo ấy thuyết pháp rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị Tỷ-kheo ấy thuyết pháp rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy vị ấy tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan sanh. Do hân hoan sanh nên hỷ sanh. Do ý hoan hỷ thân được khinh an. Do thân được khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ hai. Ở đấy, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát, được giải thoát; hay

[17] Xem *A*. II. 140.
[18] *Vimutti*. *D*. 33, *Saṅgīti Sutta* (*Kinh Phúng tụng*), *D*. III. 241.
[19] Xem *D*. I. 73; *M*. I. 37; *Vin*. I. 294.

các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn đi đến đoạn diệt hoàn toàn; hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo sư, không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, đọc tụng pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng, một cách rộng rãi như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy vị Tỷ-kheo ấy tín thọ về nghĩa và tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan sanh. Do hân hoan nên hỷ sanh. Do ý hoan hỷ, thân được khinh an. Do thân được khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ ba. Ở đây, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát, được giải thoát; hay các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn đi đến đoạn diệt hoàn toàn; hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo sư, không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng một cách rộng rãi cho người khác. Vị ấy không đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã nghe, như đã được học thuộc lòng. Nhưng vị ấy với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý quán sát pháp như đã được nghe, như đã được đọc tụng. Vị Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, do với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý quán sát pháp như đã được nghe, như đã được đọc tụng như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy vị Tỷ-kheo ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan sanh. Do hân hoan nên hỷ sanh. Do ý hoan hỷ, thân được khinh an. Do thân được khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ tư. Ở đây, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát, được giải thoát; hay các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn đi đến đoạn diệt hoàn toàn; hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò vị Đạo sư không thuyết pháp cho vị Tỷ-kheo. Vị Tỷ-kheo ấy không thuyết pháp một cách rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy không đọc tụng pháp ấy một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy không với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý quán sát pháp như đã được nghe, như đã học thuộc lòng. Nhưng vị ấy khéo nắm giữ một định tướng,[20] khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thông đạt với trí tuệ như thế nào, như thế nào, tùy theo như vậy, như vậy vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp trong pháp ấy. Do vị ấy tín thọ về nghĩa, tín thọ về pháp nên hân hoan

---

[20] *Chú giải*: Một trong 38 *ārammana-kasiṇa* (đề mục tham thiền).

sanh. Do hân hoan nên hỷ sanh. Do ý hoan hỷ, thân được khinh an. Do thân được khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Do lạc thọ, tâm được định tĩnh. Đây là giải thoát xứ thứ năm, ở đây, vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát, được giải thoát; hay các lậu hoặc chưa được đoạn diệt hoàn toàn đi đến đoạn diệt hoàn toàn; hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến.

Có năm giải thoát xứ này, này các Tỷ-kheo, ở đây vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, thời tâm chưa giải thoát, được giải thoát; hay các lậu hoặc chưa đoạn diệt hoàn toàn đi đến đoạn diệt hoàn toàn; hay vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt, được đạt đến.

VII. KINH ĐỊNH (*Samādhisutta*) (*A*. III. 24)

27. Này các Tỷ-kheo, thông minh, thường niệm, hãy tu tập vô lượng định. Với ai thông minh, thường niệm, tu tập vô lượng định, tự mỗi người ấy khởi lên năm trí.[21] Thế nào là năm?

"Định này hiện tại lạc và tương lai có quả dị thục lạc", trong mỗi người, trí [như vậy] khởi lên. "Định này thuộc bậc Thánh,[22] không thuộc vật chất", trong mỗi người, trí [như vậy] khởi lên. "Định này không do người ác thực hiện", trong mỗi người, trí [như vậy] khởi lên. "Định này an tịnh, thù diệu,[23] đem đến khinh an, đạt được nhất tâm, không phải là sự chế ngự gò ép thường xuyên", trong mỗi người, trí [như vậy] khởi lên. "An tịnh, ta nhập định này. An tịnh, ta xuất khỏi định này", trong mỗi người, trí [như vậy] khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, thông minh, thường niệm, hãy tu tập vô lượng định. Với ai thông minh, thường niệm, hãy tu tập vô lượng định, tự mỗi người ấy, khởi lên năm trí này.

VIII. KINH NĂM CHI PHẦN (*Pañcaṅgikasutta*) (*A*. III. 25)

28. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng sự tu tập Thánh chánh định gồm có năm chi phần. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, như thế nào là sự tu tập Thánh chánh định gồm có năm chi phần?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo[24] ly dục... chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất với tầm với tứ. Vị ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

---

[21] Xem *D*. III. 278.

[22] *AA*. III. 231: *Kilesehi ārakattā ariyo*. ("Tránh xa các nhiễm ô" nghĩa là bậc Thánh không còn phiền não ô nhiễm). Xem *A*. IV. 145.

[23] *Chú giải* viết *atappaniyaṭṭhena*, nghĩa là không đưa đến nhàm chán.

[24] Xem *D*. I. 74; *M*. I. 276, II. 15; III. 92.

Ví như, này các Tỷ-kheo, như một người hầu tắm hay đệ tử hầu tắm, sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước. Cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Đây là sự tu tập thứ nhất về Thánh chánh định gồm có năm chi phần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ tầm và tứ... chứng đạt và an trú Thiền thứ hai. Vị ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước, nước tự trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra, thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy hồ nước ấy với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân này với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Đây là sự tu tập thứ hai về Thánh chánh định gồm có năm chi phần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Vị Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong hồ sen xanh, hồ sen hồng hay sen trắng, những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, được nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tẩm ướt, tràn đầy thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tẩm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân này với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự tu tập thứ ba về Thánh chánh định gồm có năm chi phần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng,

không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người ngồi dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che phủ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần toàn thân này với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự tu tập thứ tư về Thánh chánh định gồm có năm chi phần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, quán sát tướng[25] được vị Tỷ-kheo khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập với trí tuệ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người quán sát một người khác, người đứng quán sát người ngồi, hay người ngồi quán sát người nằm. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, quán sát tướng được Tỷ-kheo khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập với trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự tu tập thứ năm về Thánh chánh định gồm có năm chi phần.

Tu tập như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với Thánh chánh định gồm có năm chi phần được làm cho sung mãn như vậy, tùy thuộc theo pháp gì cần phải được giác ngộ với thắng trí, tâm vị ấy hướng đến để được giác ngộ với thắng trí. Tại đây, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái ghè nước[26] đặt trên một cái giá, ghè ấy đựng đầy nước, tràn đầy đến nỗi con quạ có thể uống được. Và một người có sức mạnh đến lắc qua lắc lại cái ghè ấy, như vậy nước có đổ ra chăng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập như vậy, Thánh chánh định gồm có năm chi phần được làm cho sung mãn như vậy, tùy thuộc theo pháp gì cần phải được giác ngộ với thắng trí, tâm vị ấy hướng đến để được giác ngộ với thắng trí. Tại đây, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước trên một khoảnh đất bằng, bốn góc có bờ đê đắp cao đầy tràn nước đến nỗi con quạ có thể uống được. Rồi một người có sức mạnh đến tháo bờ đê chỗ này chỗ kia, như vậy nước có đổ ra chăng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập như vậy, Thánh chánh định gồm có năm chi phần được làm cho sung mãn như vậy, tùy thuộc theo pháp gì

[25] *AA*. III. 235: *Paccavekkhaṇanimitta* (quan sát tướng) = *Paccavekkhaṇañāṇameva* (tuệ quan sát lại). Xem *D*. III. 278; *UdA*. 336.

[26] Xem *M*. III. 96.

cần phải được giác ngộ với thắng trí, tâm vị ấy hướng đến để được giác ngộ với thắng trí. Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên đất bằng, tại chỗ ngã tư, có một chiếc xe đang đậu, thắng với ngựa thuần chủng, có gậy thúc ngựa đặt ngang sẵn sàng. Có người huấn luyện ngựa thiện xảo, người đánh xe điều ngự các con ngựa đáng được điều ngự, leo lên xe ấy, tay trái nắm lấy dây cương, tay mặt cầm lấy gậy thúc ngựa, có thể đánh xe ngựa ấy đi tới đi lui tại chỗ nào và như thế nào theo ý mình muốn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như vậy, Thánh chánh định gồm có năm chi phần được làm cho sung mãn như vậy, tùy thuộc theo pháp gì cần phải được giác ngộ với thắng trí, tâm vị ấy hướng đến để được giác ngộ với thắng trí. Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến pháp ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: "Ta sẽ chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân..." (như kinh 23)… dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy ước muốn: "Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân..." (như kinh 23).

Nếu vị ấy ước muốn: "Mong rằng với tâm của mình có thể hiểu biết được tâm của các loại chúng sanh khác..." (như kinh 23).

Nếu vị ấy ước muốn: "Ta sẽ nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, như một đời..." (như kinh 23).

Nếu vị ấy ước muốn: "Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, ta thấy sự sống chết của chúng sanh..." (như kinh 23).

Nếu vị ấy ước muốn: "Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Tại đấy, vị ấy có khả năng, có năng lực đạt đến trạng thái ấy, dầu thuộc loại xứ nào.

IX. KINH KINH HÀNH (*Caṅkamasutta*)[27] (*A*. III. 29)

29. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này của kinh hành.[28] Thế nào là năm? Kham nhẫn được đường trường; kham nhẫn được tinh cần; ít bệnh tật; đưa đến tiêu hóa tốt đẹp các đồ được ăn, được uống, được nhai, được nếm; định chứng được trong khi kinh hành được tồn tại lâu dài.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo là năm lợi ích của kinh hành.

X. KINH TÔN GIẢ NĀGITA (*Nāgitasutta*)[29] (*A*. III. 30)

30. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn bộ hành giữa các người Kosala, cùng với đại chúng

[27] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.20. 0879a05).

[28] *Caṅkama*. Xem *Vin*. II. 190; III. 103f; *Buddhist Birth Stories*, 89.

[29] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1250. 0343b07).

Tỷ-kheo đi đến một làng Bà-la-môn tên là Icchānaṅgala. Tại đấy, Thế Tôn trú ở Icchānaṅgala, trong khóm rừng Icchānaṅgala.

Các Bà-la-môn gia chủ ở Icchānaṅgala được nghe: "Sa-môn Tôn giả Gotama là Thích tử xuất gia từ gia đình họ Thích, đã đến Icchānaṅgala, trú ở Icchānaṅgala, trong khóm rừng Icchānaṅgala. Về Tôn giả Gotama ấy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi: 'Đây là đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và loài người. Sau khi đã chứng ngộ, Ngài tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa. Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch.' Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!"

Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Icchānaṅgala, sau khi đêm ấy đã mãn, cầm theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm, đi đến khóm rừng Icchānaṅgala; sau khi đến, đứng ở ngoài cổng vào và lớn tiếng làm huyên náo.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Nāgita là thị giả của Thế Tôn. Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Nāgita:[30]

– Này Nāgita, những ai đã đến và làm ồn ào như những người hàng cá với đống cá lớn?

– Các người ấy, bạch Thế Tôn, là các Bà-la-môn gia chủ ở Icchānaṅgala, đang đứng ở ngoài cổng vào, đem theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm cúng dường cho Thế Tôn và chúng Tăng.

– Này Nāgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nāgita, những ai không tìm được không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức; tìm được an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức; hãy để họ thọ hưởng lạc như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc.

– Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy chấp nhận! Thiện Thệ hãy chấp nhận! Nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy, các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quốc độ, cũng sẽ đi đến với tâm hướng về cúng dường. Ví như trời mưa nặng hạt và nước mưa được chảy tùy theo chiều dốc. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy, các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quốc độ, cũng sẽ đi đến với tâm hướng về cúng dường. Vì cớ sao? Bạch Thế Tôn, do vì giới hạnh và trí tuệ của Thế Tôn.

– Này Nāgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng, và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nāgita, những ai không tìm được không có khó khăn,

[30] Xem *D.* I. 87.

không có mệt nhọc, không có phí sức; tìm được an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức; hãy để họ thọ hưởng lạc[31] như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc.

Này Nāgita, với ai ăn, uống, nhai, nếm, thời đại tiện, tiểu tiện là kết quả tất nhiên cho người ấy. Ai nặng nề về ái lạc, này Nāgita, sự biến hoại, đổi khác, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên; đấy là kết quả tất nhiên cho người ấy. Ai chuyên chú tâm về tướng bất tịnh, này Nāgita, thời sự nhàm chán đối với tịnh tướng được an trú; đấy là kết quả tất nhiên cho người ấy. Ai sống tùy quán vô thường trong sáu xúc xứ, này Nāgita, thời sự nhàm chán đối với xúc được an trú; đấy là kết quả tất nhiên cho người ấy. Ai sống tùy quán sanh diệt đối với năm thủ uẩn, này Nāgita, thời sự nhàm chán đối với chấp thủ được an trú; đấy là kết quả tất nhiên cho người ấy.



[31] Xem *A*. IV. 341. Liên quan đến Tôn giả Nāgita, xem *DB*. I. 198; *Thag*. v. 86.

IV. PHẨM SUMANĀ (*SUMANAVAGGA*)

I. KINH SUMANĀ (*Sumanasutta*)[32] (*A*. III. 32)

31. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại khu vườn của Anāthapiṇḍika. Rồi Sumanā,[33] con gái vua, với năm trăm thiếu nữ hộ tống trên năm trăm cỗ xe, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Sumanā, con gái vua, bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có hai đệ tử của Thế Tôn đồng đẳng về tín, đồng đẳng về giới, đồng đẳng về tuệ, một có bố thí, một không bố thí. Sau khi thân hoại mệnh chung, cả hai được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này. Giữa hai vị thiên ấy, có sự đặc thù gì, có sự sai khác gì?

Thế Tôn đáp:

– Có sự sai biệt, này Sumanā.

Người có bố thí, khi được làm vị thiên, vượt qua vị thiên không có bố thí trên năm phương diện:[34] Về thiên thọ mạng, về thiên sắc, về thiên lạc, về thiên danh xưng, về thiên tăng thượng. Người có bố thí, này Sumanā, khi được làm vị thiên, vượt qua vị thiên không bố thí trên năm phương diện này.

– Bạch Thế Tôn, nếu họ sau khi từ đây mệnh chung, trở lại trạng thái này, khi họ trở lại làm người, bạch Thế Tôn, có sự đặc thù gì, có sự sai khác gì?

Thế Tôn đáp:

– Có sự sai biệt, này Sumanā.

Người có bố thí, khi được làm người, vượt qua vị làm người không bố thí trên năm phương diện: Về nhân thọ mạng, về nhân sắc, về nhân lạc, về nhân danh xưng, về nhân tăng thượng. Người có bố thí, này Sumanā, khi được làm người, vượt qua vị làm người không bố thí trên năm phương diện này.

– Bạch Thế Tôn, nếu cả hai đều xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Giữa hai người xuất gia ấy, bạch Thế Tôn, có thể có những đặc thù gì, những sai khác gì?

Thế Tôn đáp:

---

[32] Bản tiếng Anh của PTS: *Sumanā, the Rajah's Daughter*, nghĩa là *Sumanā, con gái của vua*. Tham chiếu: *Hà khổ kinh* 何苦經 (*T*.01. 0026.148. 0659b15); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17.8. 0584c11); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.94. 0025c02); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.260. 0465b06).

[33] Sumanā là chị của Vua Pasenadi, xứ Kosala, xuất gia và chứng quả A-la-hán khi đã lớn tuổi.

[34] Xem *A*. I. 115; *D*. III. 145; *S*. IV. 275.

– Có sự sai biệt, này Sumanā.

Người có bố thí, khi được xuất gia, vượt qua vị xuất gia không có bố thí trên năm phương diện:[35] Thường hay được yêu cầu nhận y, ít khi không được yêu cầu; thường hay được yêu cầu nhận đồ ăn khất thực, ít khi không được yêu cầu; thường hay được yêu cầu nhận sàng tọa, ít khi không được yêu cầu; thường hay được yêu cầu nhận dược phẩm trị bệnh, ít khi không được yêu cầu. Vị ấy sống với những vị đồng Phạm hạnh nào, các vị này đối với vị ấy, xử sự với nhiều thân nghiệp khả ái, với ít thân nghiệp không khả ái; với nhiều khẩu nghiệp khả ái, với ít khẩu nghiệp không khả ái; với nhiều ý nghiệp khả ái, với ít ý nghiệp không khả ái; giúp đỡ với nhiều sự giúp đỡ khả ái, với ít sự giúp đỡ không khả ái. Này Sumanā, người có bố thí khi được xuất gia vượt qua người không có bố thí trên năm phương diện này.

– Nhưng bạch Thế Tôn, nếu cả hai đều chứng quả A-la-hán, với hai vị chứng đạt A-la-hán ấy, bạch Thế Tôn có sự đặc thù nào, có sự sai khác nào?

– Ở đây, này Sumanā, Ta nói không có sự sai khác nào, tức là so sánh giải thoát với giải thoát.

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Xa cho đến như vậy là vừa đủ để bố thí, là vừa đủ để làm các công đức. Vì rằng, chúng là những sự giúp đỡ, những công đức cho chư thiên; chúng là những sự giúp đỡ, những công đức cho loài người; chúng là những sự giúp đỡ, những công đức cho những người xuất gia.

– Sự việc là như vậy, này Sumanā, là vừa đủ để bố thí, là vừa đủ để làm các công đức. Chúng là những giúp ích, những công đức cho chư thiên; chúng là những giúp ích, những công đức cho loài người; chúng là những giúp ích, những công đức cho những người xuất gia.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Như mặt trăng không uế,
Đi giữa hư không giới,
Với ánh sáng bừng chói,
Giữa quần sao ở đời.
Cũng vậy người đủ giới,
Hạng người có lòng tin,
Với bố thí bừng chói,
Giữa xan tham ở đời.
Như mây mưa sấm sét,[36]
Vòng hoa chóp trăm đầu,

[35] Xem *A.* II. 87; V. 104.

[36] Xem *S.* I. 100; *It.* 66. Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.21.1. 0601c27); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.902-904. 0225c21-0226a02).

Tràn đầy cả thung lũng,
Lan tràn cả đất bằng.
Cũng vậy đầy tri kiến,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Bậc Trí vượt xan tham,
Trên cả năm phương diện,
Thọ mạng và danh xưng,
Dung sắc và an lạc,
Với tài sản sung mãn,
Chết hưởng hỷ lạc thiên.

II. KINH CUNDĪ (*Cundīsutta*)[37] (*A*. III. 35)

32. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Cundī, con gái vua, với năm trăm thiếu nữ hộ tống trên năm trăm cỗ xe đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Cundī, con gái vua, bạch Thế Tôn:

– Anh của chúng con, bạch Thế Tôn, Hoàng tử Cunda nói như sau: "Nếu có người đàn bà hay người đàn ông quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu; người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, nhất định sanh lên cõi lành, không vào cõi dữ." Nhưng bạch Thế Tôn, con xin hỏi Thế Tôn, với lòng tin bậc Đạo sư như thế nào, bạch Thế Tôn, sau khi thân hoại mệnh chung, nhất định được sanh lên cõi lành, không vào cõi dữ? Với lòng tin Pháp như thế nào, sau khi thân hoại mệnh chung, nhất định được sanh lên cõi lành, không vào cõi dữ? Với lòng tin chúng Tăng như thế nào, sau khi thân hoại mệnh chung, nhất định được sanh lên cõi lành, không vào cõi dữ? Làm cho đầy đủ các giới như thế nào, sau khi thân hoại mệnh chung, nhất định được sanh lên cõi lành, không vào cõi dữ?

– Dầu cho các loại hữu tình nào, này Cundī, không chân hay hai chân, bốn chân hay nhiều chân, có sắc hay không sắc, có tưởng hay không tưởng, hay phi tưởng phi phi tưởng, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được xem là tối thượng. Những ai đặt lòng tin vào đức Phật, họ đặt lòng tin vào tối thượng. Với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng.

Dầu cho loại pháp nào, này Cundī, hữu vi hay vô vi, ly tham được xem là tối thượng trong tất cả pháp, [tức là] sự nhiếp phục kiêu mạn, sự nhiếp phục khao khát, sự nhổ lên dục ái, sự chặt đứt tái sanh, sự đoạn diệt tham ái, sự ly tham, sự đoạn diệt, Niết-bàn. Những ai đặt lòng tin vào pháp ly tham, này Cundī, họ đặt lòng tin vào tối thượng. Với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng.[38]

---

[37] Xem *A*. IV. 34. Bản tiếng Anh của PTS: *Cundī, the Rajah's Daughter*, nghĩa là *Cundī, con gái của vua*.
[38] Xem *D*. II. 94; III. 227; *S*. IV. 272; *The Path of Purity*, 252.

Dầu cho chúng Tăng hay hội chúng nào, này Cundī, chúng Tăng đệ tử của Như Lai, được xem là tối thượng trong tất cả hội chúng ấy, tức là bốn đôi tám vị. Chúng Tăng đệ tử của Như Lai đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Những ai đặt lòng tin vào chúng Tăng, này Cundī, họ đặt lòng tin vào tối thượng. Với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng.

Dầu cho loại giới nào, này Cundī, các giới được bậc Thánh ái kính được gọi là tối thượng trong các giới ấy, tức là giới không bị bể vụn, không bị sứt mẻ, không bị vết chấm, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được bậc trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến chánh định. Với những ai làm cho đầy đủ trong các giới luật được các bậc Thánh ái kính, họ làm cho đầy đủ những gì tối thượng. Với những ai đặt lòng tin vào tối thượng, họ được quả dị thục tối thượng.

Tin tưởng vào tối thượng,
Biết được Pháp tối thượng.
Tin tưởng Phật tối thượng,
Đáng tôn trọng vô thượng.
Tin tưởng Pháp tối thượng,
Ly tham, an tịnh lạc.
Tin tưởng Tăng tối thượng,
Là ruộng phước vô thượng.
Bố thí bậc tối thượng,
Phước tối thượng tăng trưởng,
Tối thượng về thọ mạng,
Dung sắc và danh văn,
Tối thượng về an lạc,
Tối thượng về sức mạnh.
Bậc trí thí tối thượng,
Pháp tối thượng chánh định,
Chư thiên hay loài người,
Đạt được hỷ tối thượng.

III. KINH UGGAHA (*Uggahasutta*)[39] (*A*. III. 36)

33. Một thời, Thế Tôn trú ở Bhaddiya, trong rừng Jātiyā. Rồi Uggaha, cháu trai của Meṇḍaka, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Uggaha, cháu trai của Meṇḍaka, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nhận lời mời của con, ngày mai đến dùng bữa ăn. Đi cùng với Thế Tôn nữa là bốn người.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Uggaha, cháu trai của Meṇḍaka, biết được Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

---

[39] Bản tiếng Anh của PTS: *Uggha*, *a Householder*, nghĩa là *Uggha*, *người gia chủ*.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Uggaha, cháu trai của Meṇḍaka; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Uggaha, cháu trai của Meṇḍaka, với tay của mình thân mời và làm cho thỏa mãn Thế Tôn với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm.

Rồi Uggaha, cháu trai của Meṇḍaka, sau khi Thế Tôn dùng bữa ăn xong, tay rời khỏi bát, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Uggaha, cháu trai của Meṇḍaka, bạch Thế Tôn:

– Những đứa con gái này của con, bạch Thế Tôn, sẽ đi về nhà chồng. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giáo giới chúng! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy khuyên dạy chúng, để chúng được hạnh phúc, an lạc lâu dài!

Rồi Thế Tôn nói với các người con gái ấy:

– Này các thiếu nữ, các con hãy học tập như sau: "Đối với những người chồng nào mẹ cha cho chúng ta, vì muốn lợi ích, vì tìm hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn khởi lên, đối với vị ấy, chúng ta sẽ thức dậy trước, chúng ta sẽ đi ngủ sau cùng, vui lòng nhận làm mọi công việc, xử sự đẹp lòng, lời nói dễ thương." Như vậy, này các thiếu nữ, các con cần phải học tập.

Do vậy, này các thiếu nữ, các con cần phải học tập như sau: "Những ai mà chồng chúng ta kính trọng như mẹ, cha, Sa-môn, Bà-la-môn, chúng ta sẽ tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường; và khi họ đến, chúng ta sẽ dâng lên họ chỗ ngồi và nước." Như vậy, này các thiếu nữ, các con cần phải học tập.

Do vậy, này các thiếu nữ, các con cần phải học tập như sau: "Phàm có những công nghiệp trong nhà, hoặc thuộc về len vải hay vải bông, ở đây, chúng ta sẽ phải thông thạo, không được biếng nhác, tự tìm hiểu phương pháp làm, vừa đủ để tự mình làm, vừa đủ để sắp đặt người làm." Như vậy, này các thiếu nữ, các con cần phải học tập.

Do vậy, này các thiếu nữ, các con cần phải học tập như sau: "Trong nhà người chồng, phàm có nô tỳ nào, hay người đưa tin, hay người công thợ, chúng ta sẽ phải biết công việc của họ với công việc đã làm; chúng ta sẽ phải biết sự thiếu sót của họ với công việc không làm; chúng ta sẽ biết sức mạnh hay sức không mạnh của những người đau bệnh; chúng ta sẽ chia các đồ ăn, loại cứng và loại mềm, mỗi người tùy theo phần của mình." Như vậy, này các thiếu nữ, các con cần phải học tập.

Do vậy, này các thiếu nữ, các con cần phải học tập như sau: "Phàm có tiền bạc, lúa gạo, bạc và vàng người chồng đem về, chúng ta cần phải phòng hộ, bảo vệ chúng, và sẽ gìn giữ để khỏi bị kẻ ăn trộm, kẻ ăn cắp, kẻ uống rượu, kẻ phá hoại làm tổn hại." Như vậy, này các thiếu nữ, các con cần phải học tập. Thành tựu năm pháp này, này các thiếu nữ, người đàn bà, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên có thân khả ái.

Hãy thường thương yêu chồng,
Luôn nỗ lực cố gắng,

Người đem lại lạc thú.
Chớ khinh thường người chồng,
Chớ làm chồng không vui,
Chớ làm chồng tức tối,
Với những lời ganh tị.
Chồng cung kính những ai,
Hãy đảnh lễ tất cả.
Vì nàng, người có trí,
Hoạt động thật nhanh nhẹn,
Giữa các người làm việc,
Xử sự thật khả ái,
Biết giữ tài sản chồng.
Người vợ xử như vậy,
Làm thỏa mãn ước vọng,
Ưa thích của người chồng,
Sẽ được sanh tại chỗ,
Các chư thiên khả ái.

IV. KINH ĐẠI TƯỚNG SĪHA (*Sīhasenāpatisutta*)[40] (*A*. III. 38)

34. Một thời, Thế Tôn ở Vesāli, tại Đại Lâm, ở giảng đường có nóc nhọn. Rồi Tướng quân Sīha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tướng quân Sīha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể trình bày cho con về quả thiết thực hiện tại của bố thí?

Thế Tôn đáp:

– Có thể được, này Sīha! Người bố thí, này Sīha, người thí chủ được quần chúng ái mộ và ưa thích. Này Sīha, người bố thí, người thí chủ được quần chúng ái mộ và ưa thích. Này Sīha, đây là quả bố thí thiết thực hiện tại.

Lại nữa, này Sīha! Bậc thiện, bậc chân nhân thân cận người bố thí, người thí chủ. Này Sīha, bậc thiện, bậc chân nhân thân cận người bố thí, người thí chủ. Này Sīha, đây là quả bố thí thiết thực hiện tại.

Lại nữa, này Sīha! Người bố thí, người thí chủ được tiếng đồn tốt đẹp truyền đi. Này Sīha, người bố thí, người thí chủ được tiếng đồn tốt đẹp truyền đi. Này Sīha, đây là quả bố thí thiết thực hiện tại.

Lại nữa, này Sīha! Người bố thí, người thí chủ đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn; vị ấy đi đến với lòng tự tin, không có do dự hoang mang. Này Sīha, người bố thí, người thí chủ đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng

[40] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.10. 0680c18); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.52.6. 0826a01).

Sa-môn; vị ấy đi đến với lòng tự tin, không có do dự hoang mang. Này Sīha, đây là quả bố thí thiết thực hiện tại.

Lại nữa, này Sīha! Người bố thí, người thí chủ, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này. Người bố thí, người thí chủ, này Sīha, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này. Này Sīha, đây là quả bố thí thiết thực hiện tại.

Được nghe nói vậy, Tướng quân Sīha bạch Thế Tôn:

– Bốn quả bố thí thiết thực hiện tại này, bạch Thế Tôn, được Thế Tôn nói đến, con không nhờ chúng đi đến lòng tin Thế Tôn, con biết được chúng. Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là thí chủ được quần chúng ái mộ, ưa thích. Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là thí chủ được bậc thiện, bậc chân nhân thân cận với con. Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là thí chủ, tiếng đồn tốt đẹp được truyền đi về con: "Tướng quân Sīha là người bố thí, là người làm việc, là người hộ trì chúng Tăng." Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là thí chủ, con đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn; con đi đến với lòng tự tin, không do dự, hoang mang. Bốn quả bố thí hiện tại này, bạch Thế Tôn, được Thế Tôn nói đến, con không nhờ chúng đi đến lòng tin Thế Tôn, con biết được chúng. Nhưng bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn nói với con: "Người bố thí, này Sīha, người thí chủ sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này." Điều này con không được biết, ở đây con đi đến lòng tin Thế Tôn.

– Sự kiện là vậy, này Sīha! Sự kiện là vậy, này Sīha! Người bố thí, người thí chủ, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Người cho, được ái mộ,
Được nhiều người thân cận,
Được tiếng đồn tốt đẹp,
Danh xưng được tăng trưởng,
Không hoang mang, do dự,
Đi vào giữa hội chúng,
Với tâm đầy tự tín,
Là người không xan tham.
Do vậy người có trí,
Thường thường làm bố thí,
Nhiếp phục uế, xan tham,
Tìm cầu chơn an lạc.
Được an trú lâu ngày,
Trên cõi trời Thập Tam,
Họ sống vui hoan hỷ,
Đồng bạn với chư thiên.
Sanh duyên đã làm xong,

Thiện hạnh đã làm xong,
Mệnh chung sanh chư thiên,
Được sống và thọ hưởng.
Tại rừng Nandana,
Tại đấy họ hoan hỷ,
Họ vui thích, thoải mái,
Thọ hưởng năm dục lạc,
Đối với lời thuyết giảng,
Bậc Vô Trước Thế Tôn,[41]
Các đệ tử Thiện Thệ,
Sống hoan hỷ thiên giới.

V. KINH LỢI ÍCH CỦA BỐ THÍ (*Dānānisaṃsasutta*) (*A*. III. 41)

35. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này của bố thí. Thế nào là năm? Được nhiều người ái mộ, ưa thích; được bậc thiện nhân, chân nhân thân cận; tiếng đồn tốt đẹp được truyền đi; không có sai lệch pháp của người gia chủ; khi thân hoại mệnh chung được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là lợi ích của bố thí.

Người cho được ái kính,
Sở hành là hiền thiện,
Bậc hiền thường thân cận,
Sống Phạm hạnh chế ngự.
Thuyết pháp người bố thí,
Đưa đến khổ đoạn diệt,
Vị ấy biết được pháp,[42]
Lậu hoặc được tịch tịnh.

VI. KINH CHO ĐÚNG THỜI (*Kāladānasutta*)[43] (*A*. III. 41)

36. Này các Tỷ-kheo, có năm bố thí đúng thời này. Thế nào là năm? Bố thí cho người đến, bố thí cho người đi, bố thí cho người đau bệnh, bố thí trong thời đói, phàm có những hoa quả gì mới gặt hái được, dành chúng đầu tiên để cúng dường các bậc giữ giới.

Này các Tỷ-kheo, năm pháp này là năm bố thí đúng thời.

Có trí, thí đúng thời,
Lời từ ái, không tham,
Đúng thời, thí bậc Thánh,
Bậc Chánh Trực, Thế Tôn.

---

[41] *Tādino*. *Tādi* là một tên tôn kính chỉ cho bậc Đạo sư và các vị A-la-hán.

[42] Xem *A*. III. 42 (kinh 38 ở sau); *Vin*. II.148, 164; *J*. I. 94.

[43] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.12. 0681b16); *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.15. 0878a23).

Cúng dường vậy to lớn,
Đưa đến lòng tịnh tín,
Ở đây người tùy hỷ,
Cùng người làm nghiệp vụ,
Không ai thiếu cúng dường,
Họ san sẻ công đức,
Do vậy hãy bố thí,
Với tâm không hạn chế.
Chỗ nào với bố thí,
Đưa đến kết quả lớn,
Đối với các hữu tình,
Công đức được an lập,
Cho đến trong đời sau.

VII. KINH VẬT THỰC (*Bhojanasutta*)[44] (*A*. III. 42)

37. Người bố thí bữa ăn, này các Tỷ-kheo, người thí chủ đem lại cho người thọ lãnh năm điều. Thế nào là năm? Cho thọ mạng, cho dung sắc, cho an lạc, cho sức mạnh, cho biện tài.

Cho thọ mạng, vị ấy được chia thọ mạng chư thiên hay loài người. Cho dung sắc, vị ấy được chia dung sắc chư thiên hay loài người. Cho an lạc, vị ấy được chia an lạc chư thiên hay loài người. Cho sức mạnh, vị ấy được chia sức mạnh chư thiên hay loài người. Cho biện tài, vị ấy được chia biện tài chư thiên hay loài người.

Người bố thí bữa ăn, này các Tỷ-kheo, người thí chủ đem lại cho người thọ lãnh năm điều này.

Bậc hiền cho thọ mạng,
Sức mạnh, sắc, biện tài.
Bậc trí cho an lạc,
Được chia phần an lạc,
Cho thọ mạng, sức mạnh,
Sắc, an lạc, biện tài,
Được sống lâu, danh xưng,
Tại chỗ được tái sanh.

VIII. KINH NIỀM TIN (*Saddhasutta*)[45] (*A*. III. 42)

38. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho thiện nam tử có lòng tin. Thế nào là năm?

Các thiện nhân, các chân nhân, trước hết có lòng thương tưởng đến vị có lòng

[44] Bản tiếng Anh của PTS: *The Gift of a Meal*, nghĩa là *Bố thí bữa ăn*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.11. 0681a29).

[45] Bản tiếng Anh của PTS: *The Advantage of believing*, nghĩa là *Lợi ích của niềm tin*.

tin, không như vậy đối với vị không có lòng tin; khi đến thăm, trước hết họ đến thăm vị có lòng tin, không như vậy đối với vị không có lòng tin; khi chấp nhận, họ chấp nhận [các món ăn] trước hết từ những người có lòng tin, không như vậy đối với những người không có lòng tin; họ thuyết pháp trước hết cho những người có lòng tin, không như vậy đối với những người không có lòng tin. Người có lòng tin, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, cõi trời, cõi đời này. Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm lợi ích cho thiện nam tử có lòng tin.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên khoảnh đất tốt, tại ngã tư đường, có cây bàng to lớn là chỗ nương tựa cho các loài chim chung quanh. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử có lòng tin là chỗ nương tựa cho quần chúng, cho các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, cho nam cư sĩ và cho nữ cư sĩ.

Như cây bàng to lớn,
Với cành, lá, trái cây,
Với thân, rễ, đầy trái,
Làm chỗ trú loài chim.
Tại trú xứ thoải mái,
Các con chim làm tổ,
Cần bóng mát, hứng mát,
Cần trái cây, ăn trái.
Cũng vậy, vị trì giới,
Người có lòng tịnh tín,
Khiêm nhường và nhu thuận,
Hiền hòa, lời từ tốn,
Tánh tình thật dịu hiền,
Vị đoạn tham, đoạn sân,
Đoạn si, không lậu hoặc,
Là ruộng phước ở đời.
Họ đến người như vậy,
Họ thuyết pháp người ấy,
Đoạn trừ mọi khổ đau,
Vị ấy ở tại đây,
Hiểu biết Chánh pháp ấy,
Viên mãn nhập Niết-bàn,
Hoàn toàn không lậu hoặc.

IX. KINH CON TRAI (*Puttasutta*)[46] (*A*. III. 43)

39. Thấy năm điều, này các Tỷ-kheo, mẹ cha muốn con trai sanh trong gia đình. Thế nào là năm? Được giúp đỡ, sẽ giúp đỡ mẹ cha; hay sẽ làm công việc cho mẹ cha; sẽ duy trì lâu dài truyền thống gia đình; sẽ tiếp tục di sản thừa hưởng; sẽ cúng dường hiến vật cho những người đã mất (*petā*).

[46] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.7. 0812b14).

Do thấy năm điểm này, này các Tỷ-kheo, mẹ cha muốn con trai sanh trong gia đình.

Do thấy năm sự việc,
Bậc trí muốn con trai,
Được giúp, giúp mẹ cha,
Sẽ làm cho mẹ cha,
Sẽ duy trì lâu dài,
Truyền thống của gia đình,
Sẽ tiếp tục gìn giữ,
Gia sản được thừa hưởng,
Hay đối với hương linh,
Hiến dâng các vật cúng.
Do thấy sự việc ấy,
Bậc trí muốn con trai,
Bậc hiền thiện, chân nhân,
Nhớ ơn, biết trả ơn,
Nhớ đến việc làm xưa,
Họ hiếu dưỡng mẹ cha,
Họ làm mọi công việc,
Như trước làm cho họ.
Thực hiện lời giảng dạy,
Được giúp, hiếu dưỡng lại,
Với truyền thống gia đình,
Duy trì được lâu dài,
Đầy đủ tín và giới,
Con trai được tán thán.

X. KINH CÂY SĀLA LỚN (*Mahāsālaputtasutta*)[47] (*A*. III. 44)

40. Dựa trên vua Tuyết Sơn, này các Tỷ-kheo, các cây Sāla lớn[48] được lớn lên trên năm phương diện. Thế nào là năm? Chúng lớn lên về cành cây, về lá, về toàn bộ lá cây; chúng lớn lên về đọt cây; chúng lớn lên về vỏ cây; chúng lớn lên về giác cây; chúng lớn lên về lõi cây.

Dựa trên vua Tuyết Sơn, này các Tỷ-kheo, các cây Sāla lớn, được lớn lên trên năm phương diện này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, dựa trên thiện nam tử có lòng tin, các người trong gia đình lớn lên về năm phương diện. Thế nào là năm? Lớn lên về lòng tin, lớn lên về giới, lớn lên về học hỏi, lớn lên về bố thí, lớn lên về trí tuệ.

Dựa trên thiện nam tử có lòng tin, các người trong gia đình lớn lên về năm sự lớn lên này.

---

[47] Tham chiếu: *A*. III. 48, *Pabbatarāja Sutta*; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.50.7. 0812b14).

[48] Xem *A*. I. 152.

Như hòn đá trên núi,
Trong rừng, trong núi lớn,
Các cây dựa vào đấy,
Các rừng cây lớn lên.
Cũng vậy, người đủ giới,
Nam tử có lòng tin,
Dựa vị này họ lớn,
Vợ, con và bà con,
Thân hữu và quyến thuộc,
Cùng các người tùy tùng.
Những ai sở hành tốt,
Với mắt đã được thấy,
Bắt chước giới vị này,
Bắt chước tâm bố thí,
Sau khi hành pháp này,
Tìm con đường cõi lành,
Trong thiên giới hoan hỷ,
Họ được niềm hoan hỷ,
Hưởng thọ các dục lạc.



V. PHẨM VUA MUṆḌA
(*MUṆḌARĀJAVAGGA*)

I. KINH TRỞ THÀNH GIÀU (*Ādiyasutta*)[49] (*A*. III. 45)

41. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, có năm lý do này để gây dựng tài sản. Thế nào là năm?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản[50] nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra, thâu được một cách hợp pháp; tự làm mình an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc; làm cho mẹ cha an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc; làm cho vợ con, người phục vụ, các người làm công được an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc. Đây là lý do thứ nhất để gây dựng tài sản.

Lại nữa, này gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra, thâu được một cách hợp pháp; vị ấy làm cho bạn bè thân hữu an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc. Đây là lý do thứ hai để gây dựng tài sản.

Lại nữa, này gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra, thâu được một cách hợp pháp. Các tai họa từ lửa, từ nước, từ vua, từ ăn trộm, từ kẻ thù hay từ các người thừa tự[51] được chặn đứng, và vị ấy giữ tài sản được an toàn cho vị ấy. Đây là lý do thứ ba để gây dựng tài sản.

Lại nữa, này gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra, thâu được một cách hợp pháp, có thể làm năm hiến cúng: Hiến cúng cho bà con, hiến cúng cho khách, hiến cúng cho hương linh đã chết, hiến cúng cho vua, hiến cúng cho chư thiên. Đây là lý do thứ tư để gây dựng tài sản.

Lại nữa, này gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra, thâu được một cách hợp pháp; đối với các Sa-môn, Bà-la-môn nào ly kiêu mạn, ly phóng dật, an trú

[49] Tham chiếu: *A*. IV. 61, *Pattakamma Sutta*. *Hành dục kinh* 行欲經 (*T*.01. 0026.126. 0615a08).
[50] Xem *A*. II. 67; III. 259 (kinh 227 ở sau); *S*. I. 90.
[51] Xem *A*. IV. 7; *M*. I. 86.

nhẫn nhục, nhu hòa, nhiếp phục tự mình, an tịnh tự mình, làm lắng dịu tự mình; đối với những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy, vị ấy tổ chức sự cúng dường[52] tối thượng, đưa đến cảnh giới chư thiên, được quả dị thục, đưa đến cõi trời. Đây là lý do thứ năm để gây dựng tài sản.

Này gia chủ, có năm lý do này để gây dựng tài sản.

Này gia chủ, đối với vị Thánh đệ tử gây dựng tài sản với năm lý do này, khi tài sản đi đến hoại diệt, vị ấy suy nghĩ như sau: "Các tài sản do những lý do này để gây dựng, ta đã gây dựng chúng. Nay các tài sản ấy của ta đi đến hoại diệt", vị ấy không có hối hận. Này gia chủ, đối với vị Thánh đệ tử gây dựng tài sản với năm lý do này, nếu tài sản ấy đi đến tăng trưởng, vị ấy suy nghĩ như sau: "Các tài sản do những lý do này gây dựng, ta đã gây dựng chúng. Nay các tài sản ấy của ta đi đến tăng trưởng." Như vậy, cả hai phương diện, vị ấy không có hối hận.

Tài sản được thọ hưởng,[53]
Gia nhân được nuôi dưỡng,
Chính nhờ các tài sản,
Do ta tránh tai họa.
Là cúng dường tối thượng,
Làm năm loại hiến vật,
Dành cho bậc trì giới,
Bậc tự điều, Phạm hạnh.
Mục đích gì bậc trí,
Trú nhà, cầu tài sản,
Mục đích ấy ta đạt,
Được làm không hối hận.
Người nào nhớ nghĩ vậy,
An trú trên Thánh pháp,
Đời này được tán thán,
Đời sau được hoan hỷ,
Trên cảnh giới chư thiên.

II. KINH BẬC CHÂN NHÂN (*Sappurisasutta*)[54] (*A*. III. 46)

42. Bậc chân nhân, này các Tỳ-kheo, sinh ra trong gia đình, đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho nhiều người; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho mẹ cha; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho vợ con; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các người hầu hạ, làm công; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các bạn bè, thân hữu; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các Sa-môn, Bà-la-môn.

---

[52] *Dakkhiṇā*. Xem *A*. IV. 45; *D*. III. 61.

[53] Bài kệ này được tìm thấy trong *A*. II. 67.

[54] Tham chiếu: *A*. IV. 244; *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.13. 0877c25).

Này các Tỷ-kheo, ví như trận mưa lớn đem lại các mùa gặt được nhiều chín muồi, đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho nhiều người. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân sanh ra trong gia đình, đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho nhiều người; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho mẹ cha; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho vợ con; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các người hầu hạ, làm công; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho bạn bè, thân hữu; đưa lại lợi ích, hạnh phúc và an lạc cho các Sa-môn, Bà-la-môn.

Vì hạnh phúc nhiều người,
Hãy gây dựng tài sản,
Chư thiên bảo vệ người,
Biết bảo vệ đúng pháp,
Tiếng tốt không từ bỏ,
Người được học, nghe nhiều,
Đầy đủ các cấm giới,
An trú trên Chánh pháp.
Ai có thể chỉ trích,
Bậc trú pháp, trì giới,
Bậc nói thật, tàm quý,
Như trang sức vàng ròng.
Chư thiên khen người ấy,
Phạm thiên cũng tán thán.[55]

III. KINH KHẢ LẠC (*Iṭṭhasutta*) (*A*. III. 47)

43. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Có năm pháp này, này gia chủ, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời. Thế nào là năm?

Tuổi thọ khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời; dung sắc khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời; an lạc khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời; tiếng đồn tốt đẹp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời; cõi trời khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời.

Này gia chủ, năm pháp này, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời. Này gia chủ, năm pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời này, Ta tuyên bố không phải do nhân cầu xin, không phải do nhân ước vọng mà có được.

Này gia chủ, nếu năm pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời này, do nhân cầu xin, do nhân ước vọng mà có được, thời ai ở đời này lại héo mòn vì một lẽ gì? Này gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có thọ mạng, không thể do cầu xin thọ mạng hay tán thán để làm nhân đem lại thọ mạng. Vị Thánh đệ tử muốn

[55] Xem *Dh*. v. 230.

có thọ mạng cần phải thực hành con đường dẫn đến thọ mạng. Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến thọ mạng, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được thọ mạng, vị ấy nhận lãnh được thọ mạng của chư thiên hoặc loài người.

Này gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có dung sắc, không thể do cầu xin dung sắc hay tán thán để làm nhân đem lại dung sắc. Vị Thánh đệ tử muốn có dung sắc cần phải thực hành con đường dẫn đến dung sắc. Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến dung sắc, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được dung sắc, vị ấy nhận lãnh được dung sắc của chư thiên hoặc loài người.

Này gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có an lạc, không thể do cầu xin an lạc hay tán thán để làm nhân đem đến an lạc. Vị Thánh đệ tử muốn có an lạc cần phải thực hành con đường dẫn đến an lạc. Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến an lạc, sự thực hành ấy đưa đến vị ấy nhận lãnh được an lạc, vị ấy nhận lãnh được an lạc của chư thiên hoặc loài người.

Này gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có tiếng tốt, không thể do cầu xin tiếng tốt hay tán thán để làm nhân đem đến tiếng tốt. Vị Thánh đệ tử muốn có tiếng tốt cần phải thực hành con đường dẫn đến tiếng tốt. Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến tiếng tốt, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được tiếng tốt, vị ấy nhận lãnh được tiếng tốt của chư thiên hoặc loài người

Này gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn được sanh thiên giới, không thể do cầu xin thiên giới hay tán thán để làm nhân được sanh thiên giới. Vị Thánh đệ tử muốn được sanh thiên giới cần phải thực hành con đường dẫn đến thiên giới. Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến thiên giới, sự thực hành ấy đưa vị ấy nhận lãnh được sanh thiên giới, vị ấy nhận lãnh được sanh thiên giới.

Thọ mạng[56] và dung sắc,
Tiếng tốt và danh vọng,
Thiên giới và quý tộc,
Được người đời ngày đêm,
Luôn luôn và rộng mở,
Cầu xin và cầu nguyện.
Còn bậc hiền tán thán,
Không phóng dật, phước hành.
Bậc hiền không phóng dật,
Chứng được hai lợi ích.
Lợi ích ngay hiện tại,
Và lợi ích đời sau,
Vị nào thực hiện được,
Lợi ích và mục đích,
Vị ấy đáng được gọi,
Bậc Trí giả, Hiền giả.

[56] Trừ hàng đầu, xem *S.* I. 87, 89.

IV. KINH CHO VẬT KHẢ Ý (*Manāpadāyīsutta*) (*A*. III. 49)

44. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, Đại Lâm, tại giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của gia chủ Ugga,[57] người Vesāli; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi gia chủ Ugga, người Vesāli, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Ugga, người Vesāli, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý." Bạch Thế Tôn, con có cháo nấu từ hoa cây Sāla thật là khả ý, có thể ăn được. Mong Thế Tôn nhận lấy cháo ấy, vì lòng từ ái!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

– Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý." Bạch Thế Tôn, con có thịt heo[58] nấu chung với trái táo thật là khả ý. Mong Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái [chúng con]!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

– Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý." Bạch Thế Tôn, con có loại rau ống dài có dầu thật là khả ý. Mong Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

– Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý." Bạch Thế Tôn, con có cháo gạo,[59] các hạt đen được loại bỏ, dùng với các món canh, các món đồ ăn nhiều loại thật là khả ý. Mong Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

– Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý." Bạch Thế Tôn, con có các loại vải dệt từ Kāsi thật là khả ý. Mong Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

– Bạch Thế Tôn, con nghe như sau từ miệng Thế Tôn, con có nhận lãnh như sau từ miệng Thế Tôn: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý." Bạch Thế Tôn, con có ghế dài[60] với nệm trải giường bằng lông cừu, chăn len thêu bông, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm thảm có lọng che phía trên, ghế

---

[57] Xem *A*. IV. 208.

[58] *Sūkaramaṃsa*. Xem *D*. II. 127.

[59] Xem *A*. IV. 231; *D*. I. 105; *M*. I. 31; v.v...

[60] Xem *D*. I. 7; *Vin*. I. 192; v.v...

dài có hai đầu gối chân màu đỏ. Bạch Thế Tôn, dầu rằng chúng con được biết những vật ấy không phù hợp với Thế Tôn, nhưng bạch Thế Tôn, tấm phản nằm bằng gỗ Chiên-đàn này đáng giá hơn một trăm ngàn, mong Thế Tôn hãy nhận lấy, vì lòng từ ái!

Và Thế Tôn nhận lấy, vì lòng từ ái.

Rồi Thế Tôn làm cho gia chủ Ugga, người xứ Vesāli tùy hỷ với bài kệ tùy hỷ này:

Ai cho vật khả ý,
Nhận được điều khả ý.
Đối với bậc chánh trực,
Vui lòng đem bố thí,
Vải mặc và giường nằm,
Ăn uống các vật dụng.
Biết được bậc La-hán,
Được ví là phước điền,
Nên các bậc chân nhân,
Thí những vật khó thí.
Được từ bỏ, giải thoát,
Không làm tâm đắm trước,
Người thí vật khả ý,
Nhận được điều khả ý.

Rồi Thế Tôn sau khi làm cho gia chủ Ugga tùy hỷ với bài kệ tùy hỷ này, liền đứng dậy và ra đi. Rồi gia chủ Ugga, người Vesāli, sau một thời gian bị mệnh chung. Bị mệnh chung, gia chủ Ugga, người Vesāli, được sanh với một thân rất khả ý.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi thiên tử Ugga, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với thiên tử Ugga đang đứng một bên:

– Này Ugga, sự việc có như ý muốn không?

– Bạch Thế Tôn, sự việc có được như ý con muốn.

Rồi Thế Tôn nói với thiên tử Ugga với bài kệ:

Ai cho vật khả ý,
Nhận được điều khả ý.
Bố thí vật tối thượng,
Sẽ được quả tối thượng.
Người cho vật thù diệu,
Nhận được điều thù diệu.
Người cho vật tối thắng,
Nhận được điều tối thắng.

Người nào đem bố thí,
Vật tối thượng thù diệu,
Và các vật tối thượng,
Người ấy thọ mạng dài,
Và được cả danh xưng,
Tại chỗ vị ấy sanh.

V. KINH PHƯỚC ĐIỀN (*Puññābhisandasutta*) (*A.* III. 51)

45. Này các Tỷ-kheo, có năm nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, là món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc. Thế nào là năm?

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ y của ai, đạt đến và an trú Vô lượng tâm định, như vậy là nguồn sanh phước vô lượng cho người ấy, là nguồn sanh thiện, là món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi hưởng thọ đồ ăn khất thực của ai... hưởng thọ tinh xá của ai... hưởng thọ giường ghế của ai... hưởng thọ dược phẩm trị bệnh của ai, đạt đến và an trú Vô lượng tâm định, như vậy là nguồn sanh phước vô lượng cho người ấy, là nguồn sanh thiện, là món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỷ-kheo, năm nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này là món ăn an lạc, thuộc thiên giới, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Và này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu năm nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, thời không dễ gì để nắm lấy một số lượng phước thiện và nói rằng: "Có chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc." Vì rằng cả khối phước thiện lớn được xem là vô số, vô lượng.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong biển lớn, thật không dễ gì để nắm lấy một số lượng nước và nói rằng: "Có chừng ấy thùng nước, hay có chừng ấy trăm thùng nước, hay có chừng ấy ngàn thùng nước, hay có chừng ấy trăm ngàn thùng nước." Vì rằng cả khối lượng lớn nước được xem là vô số, vô lượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu năm nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, thời không dễ gì để nắm lấy một số lượng phước thiện và nói rằng: "Có chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, đưa đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc." Vì rằng cả khối thiện lớn được xem là vô số, vô lượng.

Biển lớn không hạn lượng,
Hồ lớn nhiều sợ hãi,

Là kho tàng cất giữ,
Vô số lượng châu báu,
Cũng là chỗ trú ẩn,
Vô số các loại cá,[61]
Là chỗ các sông lớn,
Quy tụ chảy ra biển.
Cũng vậy, người bố thí,
Đồ ăn và đồ uống,
Vải mặc và giường nằm,
Chỗ ngồi và thảm nệm,
Bậc hiền thí như vậy,
Phước đức ùa chạy đến,
Như sông dẫn dòng nước,
Ùa chảy vào biển cả.

VI. KINH CỤ TÚC (*Sampadāsutta*) (*A*. III. 53)

46. Này các Tỷ-kheo, có năm cụ túc này. Thế nào là năm? Tín cụ túc, giới cụ túc, văn cụ túc, thí cụ túc, tuệ cụ túc.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm cụ túc.

VII. KINH TÀI VẬT (*Dhanasutta*) (*A*. III. 53)

47. Này các Tỷ-kheo, có năm tài sản này. Thế nào là năm? Tín tài, giới tài, văn tài, thí tài, tuệ tài.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng vào sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tín tài.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh... từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới tài.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là văn tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử được nghe nhiều... khéo thể nhập với tri kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là văn tài.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thí tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống xa gia đình, tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi với bàn tay rộng mở, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thí tài.

---

[61] Bản Tích Lan và Campuchia viết *maccha*.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ tài.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo là năm tài sản.

Ai tin tưởng Như Lai,[62]
Bất động, khéo an trú,
Ai gìn giữ thiện giới,
Thánh ái mộ tán thán.
Ai tịnh tín chúng Tăng,
Được thấy bậc Chánh trực,
Người ấy gọi không nghèo,
Mạng sống không trống không.
Do vậy tín và giới,
Tịnh tín thấy Chánh pháp,
Bậc trí tâm chuyên chú,
Nhớ đến lời Phật dạy.

VIII. KINH SỰ KIỆN KHÔNG THỂ CÓ ĐƯỢC
(*Alabbhanīyaṭhānasutta*)[63] (*A*. III. 54)

48. Này các Tỷ-kheo, có năm sự kiện này không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Thế nào là năm?

Phải bị già, muốn khỏi già là một sự kiện không thể có được bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Phải bị bệnh, muốn không bệnh là một sự kiện không thể có được bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Phải bị chết, muốn không chết là một sự kiện không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Phải hoại diệt, muốn không hoại diệt là một sự kiện không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Phải bị tiêu diệt, muốn không bị tiêu diệt là một sự kiện không thể có được bởi một Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.

Với kẻ phàm phu không học, này các Tỷ-kheo, phải bị già và già đến. Khi già đến, kẻ ấy không suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến, mà đối với loài hữu tình có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình đều phải bị già và già đến. Và nếu phải bị già, và khi già đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh; thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn." Kẻ ấy phải bị già, khi già đến, sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh.

---

[62] Xem *A*. II. 57; *S*. I. 232; V. 284; *Thag*. v. 506-09.

[63] Tham chiếu: *A*. III. 57 (kinh 50 ở sau); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.34.6. 0697a12).

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, với kẻ phàm phu không học phải bị bệnh và bệnh đến... phải bị chết và chết đến... phải bị hoại diệt và hoại diệt đến... phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Khi tiêu diệt đến, kẻ ấy không suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến, mà đối với các loài hữu tình có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và nếu phải bị tiêu diệt, và khi tiêu diệt đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh; thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn." Kẻ ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến, sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não.

Với vị Thánh đệ tử có học, này các Tỷ-kheo, phải bị già và già đến. Khi già đến, vị ấy suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến, mà đối với các loài hữu tình có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình đều phải bị già và già đến. Và nếu phải bị già và già đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh; thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn." Vị ấy phải bị già, khi già đến, không sầu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Thánh đệ tử có học được nhổ lên[64] mũi tên sầu muộn có tẩm thuốc độc mà kẻ phàm phu không học bị bắn trúng, tự làm mình ưu não. Không sầu muộn, không bị tên bắn, vị Thánh đệ tử làm cho chính mình được hoàn toàn tịch tịnh (*parinibbāpeti*).

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử có học phải bị bệnh và bệnh đến... phải bị chết và chết đến... phải bị hoại diệt và hoại diệt đến... phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Khi tiêu diệt đến, vị ấy suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến, mà đối với các loài hữu tình có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và nếu phải bị tiêu diệt, và khi tiêu diệt đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh; thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn." Vị ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến không sầu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Thánh đệ tử có học được nhổ lên mũi tên sầu muộn có tẩm thuốc độc mà kẻ phàm phu không học bị bắn trúng, tự mình làm ưu não. Không sầu muộn, không bị bắn tên, vị Thánh đệ tử làm cho chính mình hoàn toàn tịch tịnh.

---

[64] Xem ví dụ này trong *M.* II. 256; *Sn.* 182; *Thag.* v. 404.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm sự kiện không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.

Chớ sầu,[65] chớ than khóc,
Lợi ích được thật ít,
Biết nó sầu, nó khổ,
Kẻ địch tự vui sướng.
Do vậy, bậc hiền trí,
Giữa các sự bất hạnh,
Không hoảng hốt, run sợ,
Biết phân tích, lợi ích.
Kẻ địch bị khổ não,
Thấy sắc diện không đổi,
Với tụng niệm văn chú,
Với lời thật khéo nói,
Với bố thí chơn chánh,
Với truyền thống khéo giữ,
Chỗ nào được lợi ích,
Chỗ ấy gắng tinh cần.
Nếu biết lợi không được,
Cả ta và người khác,
Không sầu, biết chịu đựng,
Mong vị ấy nghĩ rằng:
Nay ta phải làm gì?
Phải kiên trì thế nào?

IX. KINH NGƯỜI KOSALA (*Kosalasutta*) (*A*. III. 57)

49. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ, Hoàng hậu Mallikā mệnh chung. Rồi một người đi đến Vua Pasenadi nước Kosala; sau khi đến, báo tin kề bên tai Vua Pasenadi nước Kosala: "Tâu Đại vương, Hoàng hậu Mallikā đã mệnh chung." Được nghe nói vậy, Vua Pasenadi nước Kosala đau khổ, ưu tư, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói nên lời. Rồi Thế Tôn biết được Vua Pasenadi nước Kosala đang đau khổ, ưu tư, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói nên lời, liền nói với Vua Pasenadi nước Kosala:

– Thưa Đại vương, có năm sự kiện này không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Thế nào là năm?

... (Hoàn toàn như kinh trên cho đến câu: "Phải kiên trì thế nào", với những thay đổi cần thiết).

---

[65] Xem *J*. III. 204.

X. KINH TÔN GIẢ NĀRADA (*Nāradasutta*)[66] (*A*. III. 57)

50. Một thời, Tôn giả Nārada trú ở Pāṭaliputta, tại khu vườn Kukkuṭa (Kê Viên). Lúc bấy giờ, Hoàng hậu Bhaddā được ái luyến thương yêu của Vua Muṇḍa mệnh chung. Vì quá thương yêu Hoàng hậu Bhaddā, vua không tắm rửa, không thoa dầu, không ăn uống, không lo các công việc, ngày đêm sầu muộn, ôm ấp[67] thân của Hoàng hậu Bhaddā. Rồi Vua Muṇḍa bảo Piyaka, người giữ kho bạc:

– Này Piyaka, hãy đặt thân Hoàng hậu Bhaddā vào trong một hòm sắt đựng đầy dầu và đậy lại với một hòm bằng sắt khác; nhờ vậy, chúng ta có thể thấy thân Hoàng hậu Bhaddā lâu hơn.

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Piyaka, người giữ kho bạc, vâng đáp Vua Muṇḍa, đặt thân Hoàng hậu Bhaddā vào trong một hòm sắt đựng đầy dầu và đậy lại với một hòm bằng sắt khác. Rồi Piyaka, vị giữ kho bạc cho vua, nghĩ như sau: "Hoàng hậu Bhaddā được ái luyến thương yêu của Vua Muṇḍa này đã mệnh chung. Vì quá thương yêu Hoàng hậu Bhaddā, vua không tắm rửa, không thoa dầu, không ăn uống, không lo các công việc, ngày đêm sầu muộn, ôm ấp thân của Hoàng hậu Bhaddā. Hãy để Vua Muṇḍa đến yết kiến một vị Sa-môn hay Bà-la-môn, sau khi nghe pháp từ vị ấy, có thể bỏ được mũi tên sầu muộn." Rồi Piyaka, người giữ kho bạc nghĩ như sau: "Có Tôn giả Nārada nay đang trú ở Pāṭaliputta, tại khu vườn Kukkuṭa. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Nārada: 'Bậc Hiền trí thông minh, bậc Trí giả, được nghe nhiều, khéo nói, thiện biện tài, bậc Trưởng lão, bậc A-la-hán.'[68] Hãy để Vua Muṇḍa đến yết kiến Tôn giả Nārada. Sau khi nghe pháp từ vị ấy, vua có thể gạt bỏ mũi tên sầu muộn." Rồi Piyaka, người giữ kho bạc, đi đến Vua Muṇḍa; sau khi đến, nói với Vua Muṇḍa:

– Tâu Đại vương, có Tôn giả Nārada nay đang trú ở Pāṭaliputta, tại khu vườn Kukkuṭa. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Nārada: "Bậc Hiền trí thông minh; bậc Trí giả, được nghe nhiều, khéo nói, thiện biện tài; bậc Trưởng lão, bậc A-la-hán." Nếu Đại vương yết kiến Tôn giả Nārada, rất có thể sau khi nghe pháp từ Tôn giả Nārada, Đại vương có thể gạt bỏ mũi tên sầu muộn.

– Vậy này Piyaka, hãy tin cho Tôn giả Nārada được biết.

Rồi vua nghĩ: "Làm sao ta tự nghĩ, một người như ta phải đến thăm như thế nào một Sa-môn hay Bà-la-môn sống ở trong quốc độ, từ trước chưa được ai biết?"

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

---

[66] Tham chiếu: *A*. III. 55 (kinh 48 ở trước); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.7. 0679a08).

[67] *AA*. III. 256: *Ajjhomucchitoti adhiomucchito gilitvā pariniṭṭhapetvā gahanasabhāvāya atirekamucchāya taṇhāya samannāgato* ("Ôm ấp" nghĩa là bám lấy, nhìn chằm chằm, cố giành lấy, đầy tham ái, dính mắc, bản chất chấp giữ).

[68] *Vuddho ceva arahā*. Xem *S*. IV. 375.

Piyaka, người giữ kho bạc, vâng đáp Vua Muṇḍa, đi đến Tôn giả Nārada; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Nārada rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Piyaka, vị giữ kho bạc, bạch Tôn giả Nārada:

– Thưa Tôn giả, Hoàng hậu Bhaddā được ái luyến thương yêu của Vua Muṇḍa đã mệnh chung. Vì quá thương yêu Hoàng hậu Bhaddā nên vua không tắm, không thoa dầu, không ăn uống, không lo các công việc, ngày đêm sầu muộn, ôm ấp thân Hoàng hậu Bhaddā. Lành thay, nếu Tôn giả Nārada thuyết pháp cho Vua Muṇḍa như thế nào để Vua Muṇḍa sau khi nghe pháp từ Tôn giả Nārada, có thể gạt bỏ mũi tên sầu muộn!

– Này Piyaka, nay là thời để Vua Muṇḍa làm những gì vua nghĩ là phải thời.

Rồi Piyaka, người giữ kho bạc, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tôn giả Nārada, thân bên hữu hướng về ngài rồi ra đi, và đi đến Vua Muṇḍa; sau khi đến, thưa với Vua Muṇḍa:

– Tâu Đại vương, cơ hội đã được sắp đặt với Tôn giả Nārada. Nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là phải thời.

– Vậy này Piyaka, hãy cho thắng các cỗ xe tốt đẹp.

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Piyaka, người giữ kho bạc, vâng đáp Vua Muṇḍa, cho thắng các cỗ xe tốt đẹp, rồi thưa với Vua Muṇḍa:

– Tâu Đại vương, các cỗ xe tốt đẹp đã thắng xong. Nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là phải thời.

Rồi Vua Muṇḍa leo lên cỗ xe tốt đẹp, cùng với các cỗ xe tốt đẹp khác đi đến khu vườn Kukkuṭa với uy nghi, oai lực của nhà vua để yết kiến Tôn giả Nārada. Vua đi xe xa cho đến đường đất mà xe có thể đi được, rồi xuống xe, đi bộ vào khu vườn. Rồi Vua Muṇḍa đi đến Tôn giả Nārada; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Nārada rồi ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Nārada nói với vua đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, có năm sự kiện này không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Thế nào là năm?

Bị già và muốn không già, là một sự kiện không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Bị bệnh và muốn không bệnh... bị chết và muốn không chết... bị hoại diệt và muốn không hoại diệt... bị tiêu diệt và muốn không tiêu diệt, là một sự kiện không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.

Với kẻ phàm phu không học, thưa Đại vương, phải bị già và già đến. Khi già đến, kẻ ấy không suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến, mà đối với loài hữu tình có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình đều phải bị già và già đến. Và nếu phải bị già và khi già đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh; thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu

xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn." Kẻ ấy phải bị già, khi già đến, sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh.

Thưa Đại vương, đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não.

Lại nữa, thưa Đại vương, với kẻ phàm phu không học phải bị bệnh và bệnh đến... phải bị chết và chết đến... phải bị hoại diệt và hoại diệt đến... phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Khi tiêu diệt đến, kẻ ấy không suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến, mà đối với các loài hữu tình có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và nếu phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh; thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn." Kẻ ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến, sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh.

Thưa Đại vương, đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não.

Với vị Thánh đệ tử có học, thưa Đại vương, bị già và già đến. Khi già đến, vị ấy có suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến, mà đối với các loài hữu tình có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình đều phải bị già và già đến. Và nếu phải bị già và khi già đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh; thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn." Vị ấy phải bị già, khi già đến, không sầu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh.

Thưa Đại vương, đây gọi là vị Thánh đệ tử có học được nhổ lên mũi tên sầu muộn có tẩm thuốc độc, mà kẻ phàm phu không học bị bắn trúng, tự làm mình ưu não. Không sầu muộn, không bị tên bắn trúng, vị Thánh đệ tử tự làm mình được hoàn toàn tịch tịnh.

Lại nữa, thưa Đại vương, với vị Thánh đệ tử có học phải bị bệnh và bệnh đến... phải bị chết và chết đến... phải bị hoại diệt và hoại diệt đến... phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Khi tiêu diệt đến, vị ấy có suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến, mà đối với các loài hữu tình có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và nếu phải bị tiêu diệt và khi tiêu diệt đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh; thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí, các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỷ, bạn bè sẽ lo buồn." Vị ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến, không sầu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh.

Thưa Đại vương, đây gọi là vị Thánh đệ tử có học được nhổ lên mũi tên sầu muộn có tẩm thuốc độc mà kẻ phàm phu không học bị bắn trúng, tự làm mình ưu não. Không sầu muộn, không bị tên bắn, vị Thánh đệ tử tự làm mình được hoàn toàn tịch tịnh.

Các pháp này, thưa Đại vương, là năm sự kiện không thể có được bởi Sa-môn hay Bà-la-môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.

Không sầu, không than khóc,
Lợi ích được thật ít,
Biết nó sầu, nó khổ,
Kẻ địch tự vui sướng.
Do vậy, bậc hiền trí,
Giữa các sự bất hạnh,
Không hoảng hốt run sợ,
Biết phân tích lợi ích.
Kẻ địch bị khổ não,
Thấy sắc diện không đổi,
Với tụng niệm văn chú,
Với lời thật khéo nói,
Với bố thí chơn chánh,
Với truyền thống khéo giữ,
Chỗ nào được lợi ích,
Chỗ ấy gắng tinh cần.
Nếu biết lợi không được,
Cả ta và người khác,
Không sầu, biết chịu đựng,
Mong vị ấy nghĩ rằng:
Nay ta phải làm gì?
Phải kiên trì thế nào?

Sau khi được nghe như vậy, Vua Muṇḍa thưa với Tôn giả Nārada:

– Thưa Tôn giả, pháp thoại này tên gì?

– Thưa Đại vương, pháp thoại này tên là: "Nhổ lên mũi tên sầu muộn."

– Thật vậy, thưa Tôn giả, được nhổ lên là mũi tên sầu muộn! Được nhổ lên là mũi tên sầu muộn! Khi con nghe pháp thoại này, mũi tên sầu muộn đã được đoạn tận.

Rồi Vua Muṇḍa bảo Piyaka, vị gìn giữ kho bạc:

– Này Piyaka, hãy cho thiêu đốt thân của Hoàng hậu Bhaddā, rồi xây tháp cho hoàng hậu. Bắt đầu từ hôm sau, ta sẽ tắm rửa, sẽ thoa dầu, sẽ ăn cơm, sẽ lo làm các công việc.

VI. PHẨM TRIỀN CÁI
(*NĪVARAṆAVAGGA*)

I. KINH CHƯỚNG NGẠI (*Āvaraṇasutta*) (*A*. III. 63)

51. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Có năm chướng ngại, triền cái, này các Tỷ-kheo, bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Thế nào là năm?

Dục tham, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Sân, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Hôn trầm thụy miên, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Trạo hối, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ. Nghi, này các Tỷ-kheo, là chướng ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.[69]

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm chướng ngại, triền cái bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận năm chướng ngại, triền cái này bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ, vị Tỷ-kheo ấy không có sức mạnh và trí tuệ yếu kém, sẽ biết lợi ích của mình, hay sẽ biết lợi ích của người, hay có thể biết lợi ích của cả hai, hay sẽ chứng ngộ được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng[70] xứng đáng bậc Thánh, sự kiện này không xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một con sông[71] chảy từ núi xuống, chảy thật xa, dòng nước chảy nhanh, cuốn trôi mọi vật. Rồi có người lấy cày mở hai bên bờ sông. Như vậy, này các Tỷ-kheo, dòng sông ấy ở chặng giữa bị trở ngại, tràn rộng, bị chuyển hướng, không còn chảy ra xa, không còn chảy nhanh, không cuốn trôi mọi vật.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, không đoạn tận năm chướng ngại, triền cái này

---

[69] Xem *A*. IV. 457; *D*. I. 246; *S*. V. 96.

[70] Xem *GS*. I. 7; *S*. IV. 300.

[71] Xem *A*. IV. 137; *Vism*. 231.

bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ, vị Tỷ-kheo ấy không có sức mạnh và trí tuệ yếu kém, sẽ biết được lợi ích của mình, hay sẽ biết lợi ích của người, hay có thể biết lợi ích của cả hai, sẽ chứng ngộ được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, sự kiện này không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, sau khi đoạn tận năm chướng ngại, triền cái này bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ, vị Tỷ-kheo ấy có sức mạnh và có trí tuệ, sẽ biết được lợi ích của mình, hay sẽ biết lợi ích của người, hay sẽ biết được lợi ích của cả hai, sẽ chứng ngộ được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, sự kiện này có xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một con sông chảy từ núi xuống, chảy thật xa, dòng nước chảy nhanh, cuốn trôi mọi vật. Có người chặn đóng lại các cửa hai bên bờ sông. Như vậy, này các Tỷ-kheo, dòng sông ấy ở chặng giữa không bị trở ngại, không có chảy tràn, không bị chuyển hướng, chảy được thật xa, dòng nước chảy nhanh, cuốn trôi mọi vật.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, sau khi đoạn tận năm chướng ngại, triền cái này bao phủ tâm, làm yếu ớt trí tuệ, vị Tỷ-kheo ấy có sức mạnh, có trí tuệ, sẽ biết được lợi ích của mình, hay sẽ biết được lợi ích của người, hay có thể biết được lợi ích của cả hai, sẽ chứng ngộ được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh, sự kiện này có xảy ra.

II. KINH ĐỐNG BẤT THIỆN (*Akusalarāsisutta*)[72] (*A*. III. 65)

52. Nói đến một đống bất thiện, này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói đến năm triền cái. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, toàn bộ đống bất thiện tức là năm triền cái. Thế nào là năm? Dục tham triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi triền cái.

Nói đến một đống bất thiện, này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh là nói đến năm triền cái. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, toàn bộ đống bất thiện này, này các Tỷ-kheo, tức là năm triền cái.

III. KINH CÁC CHI PHẦN TINH CẦN (*Padhāniyaṅgasutta*)[73] (*A*. III. 65)

53. Này các Tỷ-kheo, có năm chi phần tinh cần[74] này. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn."

Vị ấy ít bệnh, ít não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn.

---

[72] Bản tiếng Anh của PTS: *The Heap*, nghĩa là *Đống*. Tham chiếu: *A*. III. 65; *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.2. 0674a11); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.725. 0195b01); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 100.767. 0200b23).

[73] Bản tiếng Anh của PTS: *The Limbs*, nghĩa là *Các chi phần*.

[74] *Padhāniyaṅgāni*. Xem *A*. III. 152; V. 15; *GS*. III. 117 (kinh 135 ở sau); *D*. III. 237; *M*. II. 95, 128.

Vị ấy không lừa đảo, dối gạt, nêu rõ mình như chân đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các vị đồng Phạm hạnh.

Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các pháp thiện, kiên trì nỗ lực, không tránh né đối với các pháp thiện.

Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sanh diệt [của các pháp], thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm chi phần tinh cần.

IV. KINH THỜI GIAN ĐỂ TINH CẦN (*Samayasutta*) (*A*. III. 65)

54. Có năm phi thời để tinh cần, này các Tỷ-kheo. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo già yếu, bị già chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ nhất để tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo bệnh hoạn, bị bệnh hoạn chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ hai để tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi có nạn đói, mất mùa, đồ ăn khất thực khó được, không dễ gì để nuôi sống bằng nỗ lực khất thực. Này các Tỷ-kheo, đây là thời gian phi thời thứ ba để tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có sự sợ hãi về giặc cướp rừng, dân chúng trong nước leo lên xe đi trốn. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ tư để tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, chúng Tăng bị chia rẽ. Khi chúng Tăng bị chia rẽ, này các Tỷ-kheo, có sự mắng nhiếc lẫn nhau, có sự đấu khẩu lẫn nhau, có sự kết tội lẫn nhau, có sự tẩn xuất lẫn nhau. Ai không có tịnh tín, không tìm được tịnh tín; và những ai có tịnh tín có thể đổi khác. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời thứ năm để tinh cần.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm phi thời để tinh cần.

Này các Tỷ-kheo, có năm đúng thời này để tinh cần. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo còn trẻ, niên thiếu, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong sơ kỳ tuổi đời. Này các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ nhất để tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ít bệnh, ít não, sự tiêu hóa được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng, trung bình, hợp với tinh tấn. Này các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ hai để tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi ăn uống được đầy đủ, được mùa, đồ ăn khất thực kiếm được thật dễ dàng để nuôi sống bằng nỗ lực khất thực. Này các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ ba để tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các ông sống với nhau thuận hòa, thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Này các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ tư để tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, chúng Tăng hòa hợp, cùng nhau hòa hợp, không

tranh luận nhau, sống thoải mái cùng chung một lời dạy. Này các Tỷ-kheo, giữa chúng Tăng hòa hợp, không có mắng nhiếc lẫn nhau, không có đấu khẩu lẫn nhau, không có kết tội lẫn nhau, không có sự tẩn xuất lẫn nhau. Ở đây, những ai không có tịnh tín, tìm được tịnh tín; những ai có tịnh tín, được tăng trưởng nhiều hơn. Này các Tỷ-kheo, đây là đúng thời thứ năm để tinh cần.

Những pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm đúng thời để tinh cần.

V. KINH MẸ VÀ CON (*Mātāputtasutta*) (*A*. III. 67)

55. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, tại Sāvatthi, cả hai mẹ và con đều an cư vào mùa mưa. Nhân danh Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni, họ thường xuyên muốn thấy mặt nhau. Mẹ thường xuyên muốn thấy mặt con và con cũng thường xuyên muốn thấy mặt mẹ. Vì họ luôn luôn thấy nhau nên có sự liên hệ. Do có sự liên hệ nên có sự thân mật. Do có sự thân mật nên có sự sa ngã. Với tâm sa ngã, buông bỏ sự học tập, làm lộ liễu sự yếu đuối, họ rơi vào thông dâm với nhau.

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, tại Sāvatthi, cả hai mẹ con cùng an cư vào mùa mưa. Nhân danh Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni, họ thường xuyên muốn thấy mặt nhau. Mẹ thường xuyên muốn thấy mặt con và con cũng thường xuyên muốn thấy mặt mẹ. Vì họ thường xuyên thấy nhau nên có sự liên hệ. Do có sự liên hệ nên có sự thân mật. Do có sự thân mật nên có sự sa ngã. Với tâm sa ngã, buông bỏ sự học tập, làm lộ liễu sự yếu đuối, họ rơi vào thông dâm với nhau.

– Tại sao, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu si này lại nghĩ rằng: "Mẹ không tham đắm con hay con không tham đắm mẹ"? Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một sắc nào khác lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, trói buộc như vậy, say sưa[75] như vậy, chướng ngại như vậy cho sự đạt đến an ổn khỏi các khổ ách, tức là, này các Tỷ-kheo, sắc đẹp của nữ nhân. Và này các Tỷ-kheo, loài hữu tình nào ái nhiễm, tham luyến, tham đắm, say đắm, say mê sắc đẹp của nữ nhân, chúng sẽ sầu ưu lâu dài vì bị rơi vào uy lực nữ sắc.

Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một tiếng nào khác... một hương nào khác... một vị nào khác... một xúc nào khác lại khả ái như vậy, đẹp đẽ như vậy, mê ly như vậy, trói buộc như vậy, say sưa như vậy, chướng ngại như vậy cho sự đạt đến an ổn khỏi các khổ ách, tức là, này các Tỷ-kheo, cảm xúc của nữ nhân. Và này các Tỷ-kheo, loài hữu tình nào ái nhiễm, tham luyến, tham đắm, say đắm, say mê cảm xúc nữ nhân, chúng sẽ bị sầu ưu lâu dài vì bị rơi vào uy lực của nữ sắc. Nữ nhân, khi đang đi cũng sẽ chinh phục tâm người đàn ông; khi đứng… khi ngồi… khi nằm… khi cười… khi nói… khi hát… khi khóc… khi bất tỉnh… khi chết cũng sẽ chinh phục tâm người đàn ông.

Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói rằng: "Là bẫy mồi toàn diện của Māra", thời

[75] *Mucchanīya*. Xem *D*. II. 337.

người ấy đã nói một cách chơn chánh về nữ nhân, thật là "một bẫy mồi toàn diện của Māra."

Hãy nói chuyện với người,
Có kiếm ở trong tay,
Nói chuyện với ác quỷ,
Hay ngồi thật gần kề,
Con rắn có nọc độc,
Bị cắn liền mệnh chung,
Nhưng chớ có một mình,
Nói chuyện với nữ nhân.
Thất niệm, họ trói lại,
Với nhìn, với nụ cười,
Với xiêm áo hở hang,
Với lời nói ngọt lịm,
Người ấy vẫn không thỏa,
Bất tỉnh bị mệnh chung.
Năm dục công đức ấy,
Được thấy trong nữ sắc,
Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Hấp dẫn và đẹp ý,
Bị thác nước dục vọng,
Tràn ngập và cuốn trôi.
Kẻ ngu si vô trí,
Không liễu tri các dục,
Loài người khi mệnh chung,
Sanh thú hữu, phi hữu,
Họ phải bị dẫn đầu,
Trong nhiều kiếp luân hồi.
Ai liễu tri các dục,
Sở hành không sợ hãi,
Họ đến bờ bên kia,
Đạt được lậu hoặc tận.

VI. KINH GIÁO THỌ SƯ (*Upajjhāyasutta*) (*A*. III. 69)

56. Rồi một Tỷ-kheo đi đến vị Giáo thọ sư của mình; sau khi đến, thưa với vị Giáo thọ sư của mình như sau:

– Bạch Thượng tọa, nay thân con cảm thấy như bị say ngọt,[76] con không thấy rõ phương hướng, pháp không được con nhớ đến. Hôn trầm thụy miên chinh phục tâm con và an trú. Không có hoan hỷ, con sống Phạm hạnh. Con có những nghi ngờ đối với Chánh pháp.

[76] Xem *D*. II. 99; *S*. III. 106; V. 153.

Rồi Tỷ-kheo ấy dẫn theo vị Tỷ-kheo cộng trú, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này nói như sau: "Bạch Thượng tọa, thân con cảm thấy như bị say ngọt, mắt con không thấy rõ phương hướng, pháp không được con nhớ đến. Hôn trầm thụy miên chinh phục tâm con và an trú. Không có hoan hỷ, con sống Phạm hạnh. Con có những nghi ngờ đối với Chánh pháp."

– Sự việc là vậy, này Tỷ-kheo, khi một người sống với các căn không được bảo vệ, với ăn uống không có tiết độ, không có chú tâm cảnh giác, không có quán nhìn các thiện pháp, không có trước đêm và sau đêm chuyên chú tu tập các pháp giác chi, do vậy thân vị ấy cảm thấy như bị say ngọt, mắt không thấy rõ phương hướng, pháp không được nhớ đến. Hôn trầm thụy miên chinh phục tâm vị ấy và an trú. Không có hoan hỷ, vị ấy sống Phạm hạnh. Vị ấy có những nghi ngờ đối với Chánh pháp. Do vậy, này Tỷ-kheo, ông phải học tập như sau: "Ta sẽ bảo vệ các căn, có tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, quán nhìn các thiện pháp, trước đêm và sau đêm ta sẽ sống chuyên chú tu tập các pháp giác chi."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

Rồi Tỷ-kheo ấy được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Tỷ-kheo ấy sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy hoàn toàn liễu tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán.

Rồi Tỷ-kheo đã chứng đắc A-la-hán ấy, đi đến vị Giáo thọ sư của mình; sau khi đến, thưa với vị Giáo thọ sư của mình:

– Bạch Thượng tọa, nay thân con không cảm thấy như bị say ngọt, mắt con thấy rõ các phương hướng, pháp được con nhớ rõ. Hôn trầm thụy miên không còn chinh phục tâm con và an trú. Với tâm hoan hỷ, con sống Phạm hạnh. Con không còn nghi ngờ đối với Chánh pháp.

Rồi Tỷ-kheo ấy dẫn theo vị Tỷ-kheo cộng trú đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo này nói như sau: "Bạch Thượng tọa, nay thân con không cảm thấy như bị say ngọt, mắt con thấy rõ các phương hướng, pháp được con nhớ rõ. Hôn trầm thụy miên không còn chinh phục tâm con và an trú. Với tâm hoan hỷ, con sống Phạm hạnh. Con không còn nghi ngờ đối với Chánh pháp."

– Như vậy là phải, này Tỷ-kheo, khi một người sống với các căn được bảo vệ, với ăn uống có tiết độ, có chú tâm cảnh giác, có quán nhìn các thiện pháp,

trước đêm và sau đêm sống chuyên chú tu tập các pháp giác chi, do vậy, thân vị ấy không cảm thấy như bị say ngọt, các phương hướng được hiện rõ, và pháp được vị ấy nhớ rõ. Hôn trầm thụy miên không còn chinh phục tâm của vị ấy. Với tâm hoan hỷ, vị ấy sống Phạm hạnh. Vị ấy không còn nghi ngờ đối với Chánh pháp. Vậy này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Ta sẽ bảo vệ các căn, có tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, quán nhìn các thiện pháp, trước đêm và sau đêm, ta sẽ sống chuyên chú tu tập các pháp giác chi."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VII. KINH SỰ KIỆN CẦN PHẢI THƯỜNG XUYÊN QUÁN SÁT (*Abhiṇhapaccavekkhitabbaṭhānasutta*) (*A*. III. 71)

57. Có năm sự kiện, này các Tỷ-kheo, cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. Thế nào là năm?

"Ta phải bị già, không thoát khỏi già" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta phải bị chết, không thoát khỏi chết" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Tất cả pháp khả ái, khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia. "Ta là chủ nhân của nghiệp,[77] là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

Và do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "ta phải bị già, không thoát khỏi già" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, đang còn trẻ, kiêu mạn trong tuổi trẻ; do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn tuổi trẻ trong tuổi trẻ được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, "ta phải bị già, không thoát khỏi già" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, "ta phải bị bệnh, ta không thoát khỏi bệnh" là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình khỏe mạnh, này các Tỷ-kheo, kiêu mạn trong khỏe mạnh; do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn trong khỏe mạnh được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các

[77] Xem *A*. V. 161; *M*. III. 203.

Tỷ-kheo, “ta phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh” là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, “ta phải bị chết, ta không thoát khỏi chết” là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình đang sống, này các Tỷ-kheo, kiêu mạn trong sự sống; do say đắm trong kiêu mạn ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện này, sự kiêu mạn sự sống trong sự sống được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, “ta phải bị chết, không thoát khỏi chết” là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát như vậy bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

Do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, “tất cả pháp khả ái, khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt” là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, có lòng tham dục đối với các vật khả ái, khả ý; do say đắm với lòng tham dục ấy, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, nên tham dục đối với các vật khả ái, khả ý được đoạn tận hoàn toàn hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, “tất cả pháp khả ái, khả ý đối với ta sẽ phải đổi khác, phải biến diệt” là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

Và do duyên lợi ích như thế nào, này các Tỷ-kheo, “ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy” là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia?

Có những loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do vị ấy thường xuyên quán sát như vậy, ác hạnh được hoàn toàn đoạn tận hay được giảm thiểu. Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, “ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy” là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia.

Nếu vị Thánh đệ tử, này các Tỷ-kheo, suy tư như sau: “Không phải chỉ một mình ta già, không thoát khỏi già, mà phàm có những loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị già, không thoát khỏi già.” Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ một mình ta bị bệnh, không thoát khỏi bệnh, mà phàm có những loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả loài hữu tình ấy phải bị bệnh, không thoát khỏi bệnh." Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ một mình ta bị chết, không thoát khỏi chết, mà phàm có những loài hữu tình nào, có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy phải bị chết, không thoát khỏi chết." Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ có các pháp khả ái, khả ý của riêng một mình ta sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt. Phàm có các loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, các pháp khả ái, khả ý của tất cả loài hữu tình ấy sẽ phải đổi khác, sẽ phải biến diệt." Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

"Không phải chỉ có một mình ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác ta sẽ thừa tự nghiệp ấy." Phàm có các loài hữu tình nào có đến, có đi, có diệt, có sanh, tất cả các loài hữu tình ấy là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào họ sẽ làm thiện hay ác, họ sẽ thừa tự nghiệp ấy. Do vị ấy thường xuyên quán sát sự kiện ấy, nên con đường được sanh khởi. Vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn. Do vị ấy sử dụng con đường ấy, tu tập, làm cho sung mãn, nên các kiết sử được đoạn tận, các tùy miên được chấm dứt.

Bị bệnh[78] và bị già,
Lại thêm phải bị chết,
Pháp yếu là như vậy,
Hữu tình là như vậy.
Phàm phu sanh nhàm chán,
Thật không hợp cho ta,
Nếu ta cũng nhàm chán,
Đối với các chúng sanh,
Cùng chung một số phận.
Trong khi đời sống ta,
Không khác gì đời họ,

[78] Bài kệ này được đề cập trong *A*. I. 147 với một vài thay đổi.

Ta được sống như vậy,
Biết pháp không sanh y,
Kiêu mạn trong không bệnh,
Trong tuổi trẻ sinh mạng,
Tất cả ta nhiếp phục,
Phát xuất từ an ổn,
Ta thấy hạnh viễn ly,
Ta phát tâm dõng mãnh,
Thấy được cảnh Niết-bàn.
Nay ta không có thể,
Hưởng thọ các dục vọng,
Ta sẽ không thối đọa,
Chứng Cứu cánh Phạm hạnh.

VIII. KINH THANH NIÊN LICCHAVI (*Licchavikumārakasutta*) (*A*. III. 75)

58. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Vesāli để khất thực. Sau khi khất thực ở Vesāli xong, sau bữa ăn, trên con đường khất thực trở về, Ngài đi sâu vào Đại Lâm và ngồi xuống một gốc cây để nghỉ ban ngày.

Lúc bấy giờ, một số đông thanh niên Licchavi cầm các cung được chuẩn bị sẵn sàng với đàn chó bao vây xung quanh, đang đi qua đi lại ở Đại Lâm, thấy Thế Tôn đang ngồi dưới một gốc cây. Thấy vậy, họ liền bỏ các cung được chuẩn bị sẵn sàng xuống, kéo đàn chó về một phía và đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi yên lặng, yên lặng chắp tay đứng hầu Thế Tôn. Lúc bấy giờ, Mahānāma, người Licchavi bộ hành đi qua đi lại trong Đại Lâm, thấy các thanh niên Licchavi đang yên lặng, yên lặng chắp tay đứng hầu Thế Tôn. Thấy vậy, ông đi đến gần Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahānāma, người Licchavi nói lên lời cảm hứng ngữ:

– Họ sẽ trở thành người Vajjī! Họ sẽ trở thành người Vajjī!

– Này Mahānāma, sao ông lại nói như vậy: "Họ sẽ trở thành người Vajjī! Họ sẽ trở thành người Vajjī!"?

– Bạch Thế Tôn, những thanh niên Licchavi này là hung bạo, thô ác, ngạo mạn. Các đồ vật được các gia đình gửi đi như mía, trái táo, bánh ngọt, kẹo ngọt, kẹo đường, họ cướp giật và ăn; họ đánh sau hông các nữ nhân, thiếu nữ các gia đình. Nhưng nay họ đứng yên lặng, yên lặng chắp tay hầu hạ Thế Tôn.

– Đối với thiện nam tử nào, này Mahānāma, năm pháp này được tìm thấy, dầu là vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, hay là người thôn quê sống trên đất trại của người cha, hay là vị tướng trong quân đội, hay là vị thôn trưởng ở làng, hay là vị tổ trưởng các tổ hợp, hay là những vị có quyền thế trong gia tộc, thời được chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu. Thế nào là năm?

Ở đây, này Mahānāma, thiện nam tử với những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường cha mẹ. Cha mẹ được người ấy cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường với thiện ý, khởi lên lòng thương mến người ấy: "Mong rằng [con ta] được sống lâu! Mong rằng thọ mạng được che chở lâu dài!" Và này Mahānāma, với một thiện nam tử được cha mẹ thương tưởng, chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu.

Lại nữa, này Mahānāma, thiện nam tử với những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn... đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường vợ con, người phục vụ, người làm công và vợ con của người phục vụ, người làm công. Vợ con, người phục vụ, người làm công và vợ con của người phục vụ, người làm công được người ấy cung kính, tôn trọng đảnh lễ, cúng dường với thiện ý, khởi lên lòng thương tưởng người ấy: "Mong rằng được sống lâu! Mong rằng thọ mạng được che chở lâu dài!" Và này Mahānāma, một thiện nam tử được vợ con, người phục vụ, người làm công và vợ con của người phục vụ, người làm công thương tưởng, chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu.

Lại nữa, này Mahānāma, vị thiện nam tử với những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn... đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường các người làm ruộng, các chức sắc ở biên cương. Những người làm ruộng, những chức sắc ở biên cương được người ấy cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường... chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu.

Lại nữa, này Mahānāma, thiện nam tử với những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn... đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường chư thiên nhận lãnh các vật cúng tế. Chư thiên nhận lãnh các vật cúng tế được người ấy cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường... chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu.

Lại nữa, này Mahānāma, thiện nam tử với những tài sản thâu hoạch được do nỗ lực tinh tấn, tích lũy được do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch đúng pháp, tôn trọng, cung kính, đảnh lễ, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn. Các Sa-môn, Bà-la-môn được người ấy cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường với thiện ý, khởi lên trong lòng thương tưởng người ấy: "Mong rằng được sống lâu! Mong rằng thọ mạng được che chở lâu dài!" Và này Mahānāma, với một thiện nam tử được các Sa-môn, Bà-la-môn thương tưởng, được chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu.

Đối với vị thiện nam tử nào, này Mahānāma, năm pháp này được tìm thấy, dầu là Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, hay là người thôn quê sống trên đất trại của người cha, hay là vị tướng trong quân đội, hay là vị thôn trưởng ở làng, hay là vị tổ trưởng các tổ hợp, hay là những vị có quyền thế trong gia tộc, thời được chờ đợi là sự tăng trưởng, không phải là giảm thiểu.

Mẹ cha lo phục vụ,
Vợ con thường thương tưởng,
Vì hạnh phúc nội nhân,
Cùng với kẻ tùng sự,
Vì hạnh phúc cả hai,
Lời hòa nhã, giữ giới,
Vì hạnh phúc bà con,
Vì hương linh đi trước,
Vì mạng sống hiện tại,
Vì Sa-môn, Phạm chí,
Vì chư thiên, bậc trí
Thành người ban hạnh phúc.
Sống gia đình đúng pháp,
Vị ấy làm thiện sự,
Được cúng dường tán thán,
Đời này họ được khen,
Đời sau sống hoan hỷ,
Trong cảnh giới chư thiên.

IX. KINH XUẤT GIA LỚN TUỔI THỨ NHẤT
(*Paṭhamavuḍḍhapabbajitasutta*)[79] (*A*. III. 78)

59. Này các Tỷ-kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm pháp này. Thế nào là năm?

Thật khó tìm được, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia lớn tuổi lại tế nhị, thật khó tìm được một người có uy nghi tốt đẹp, thật khó tìm được một người nghe nhiều, thật khó tìm được một người thuyết pháp, thật khó tìm được một người trì luật.

Này các Tỷ-kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm pháp này.

X. KINH XUẤT GIA LỚN TUỔI THỨ HAI
(*Dutiyavuḍḍhapabbajitasutta*) (*A*. III. 78)

60. Này các Tỷ-kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm pháp này. Thế nào là năm?

Thật khó tìm được, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia lớn tuổi lại khéo nói, thật khó tìm được một người có khả năng nắm giữ cái gì khéo nắm giữ, thật khó tìm được một người có cử chỉ tốt đẹp, thật khó tìm được một người thuyết pháp, thật khó tìm được một người trì luật.

Này các Tỷ-kheo, thật khó tìm được một người xuất gia lớn tuổi lại thành tựu năm pháp này.

---

[79] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Hard to Find*, nghĩa là *Khó tìm được*.

VII. PHẨM TƯỞNG
(*SAÑÑĀVAGGA*)

I. KINH CÁC TƯỞNG THỨ NHẤT (*Paṭhamasaññāsutta*)[80] (*A*. III. 79)

61. Có năm tưởng,[81] này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, đưa đến Cứu cánh bất tử. Thế nào là năm? Tưởng bất tịnh, tưởng chết, tưởng nguy hại, tưởng ghê tởm các món ăn, tưởng không có hân hoan đối với tất cả thế giới.

Năm tưởng này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, đưa đến Cứu cánh bất tử.

II. KINH CÁC TƯỞNG THỨ HAI (*Dutiyasaññāsutta*) (*A*. III. 79)

62. Có năm tưởng, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, đưa đến Cứu cánh bất tử. Thế nào là năm? Tưởng vô thường, tưởng vô ngã, tưởng chết, tưởng ghê tởm các món ăn, tưởng không có hân hoan đối với tất cả thế giới.

Những pháp này là năm tưởng, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, đưa đến Cứu cánh bất tử.

III. KINH TĂNG TRƯỞNG THỨ NHẤT
(*Paṭhamavaḍḍhisutta*) (*A*. III. 80)

63. Này các Tỷ-kheo, tăng trưởng với năm tăng trưởng,[82] vị Thánh đệ tử tăng trưởng với Thánh tăng trưởng, đem lại kiên cố, đem lại thù thắng cho tự thân. Thế nào là năm? Tăng trưởng với lòng tin, tăng trưởng với giới, tăng trưởng với học hỏi, tăng trưởng với bố thí, tăng trưởng với trí tuệ.

Tăng trưởng với năm tăng trưởng này, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tăng trưởng với Thánh tăng trưởng, đem lại kiên cố, đem lại thù thắng cho tự thân.

Tăng trưởng với tín, giới,
Với tuệ, thí, nghe nhiều,
Vị chân nhân quán sát,
Tự thân được kiên cố.

---

[80] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.9. 0780a16).

[81] *Saññā*. Xem *A*. I. 41; *D*. III. 289; *S*. V. 132.

[82] Xem *A*. III. 40; *S*. IV. 250.

IV. KINH TĂNG TRƯỞNG THỨ HAI (*Dutiyavaḍḍhisutta*) (*A*. III. 80)

64. Này các Tỷ-kheo, tăng trưởng với năm tăng trưởng, vị nữ Thánh đệ tử tăng trưởng với Thánh tăng trưởng, đem lại kiên cố, đem lại thù thắng cho tự thân. Thế nào là năm? Tăng trưởng với lòng tin, tăng trưởng với giới, tăng trưởng với học hỏi, tăng trưởng với bố thí, tăng trưởng với trí tuệ.

Tăng trưởng với năm tăng trưởng này, này các Tỷ-kheo, vị nữ Thánh đệ tử tăng trưởng với Thánh tăng trưởng, đem lại kiên cố, đem lại thù thắng cho tự thân.

Tăng trưởng với tín, giới,
Với tuệ, thí, nghe nhiều,
Vị trì giới như vậy,
Vị nữ Thánh đệ tử,
Tự thân được kiên cố,
Ngay liền trong đời này.

V. KINH NÓI CHUYỆN (*Sākacchasutta*) (*A*. III. 81)

65. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ khả năng nói chuyện với các vị đồng Phạm hạnh. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tự mình đầy đủ Giới, trả lời câu hỏi đề cập đến từ câu chuyện về Giới cụ túc; tự mình đầy đủ Định, trả lời câu hỏi được đề cập đến từ câu chuyện về Định cụ túc; tự mình đầy đủ Tuệ, trả lời câu hỏi được đề cập đến từ câu chuyện về Tuệ cụ túc; tự mình đầy đủ Giải thoát, trả lời câu hỏi được đề cập đến từ câu chuyện về Giải thoát cụ túc; tự mình đầy đủ Giải thoát tri kiến, trả lời câu hỏi được đề cập đến từ câu chuyện về Giải thoát tri kiến cụ túc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ khả năng nói chuyện với các vị đồng Phạm hạnh.

VI. KINH ĐỜI SỐNG (*Sājīvasutta*) (*A*. III. 81)

66. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo với đời sống (của mình) làm gương cho các vị đồng Phạm hạnh. Thế nào là năm?

Ở đây, Tỷ-kheo tự mình đầy đủ Giới, trả lời câu hỏi được nói đến từ câu chuyện về Giới cụ túc... từ câu chuyện về Giải thoát tri kiến cụ túc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ khả năng, với đời sống của mình, làm gương cho các vị đồng Phạm hạnh.

VII. KINH THẦN THÔNG THỨ NHẤT (*Paṭhamaiddhipādasutta*) (*A*. III. 81)

67. Tỷ-kheo[83] hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, tu tập năm pháp, làm cho sung mãn năm pháp này, được chờ đợi là vị ấy được một trong hai quả:

[83] Xem *A*. V. 108, 122; *D*. II. 314; *M*. I. 63; *S*. V. 129; *It*. 39; *Sn*. 140.

Ngay trong hiện tại được chánh trí; hay nếu có dư y, chứng được Bất lai. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo[84] tu tập thần túc câu hữu với dục định tinh cần hành, tu tập thần túc câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành, tu tập thần túc câu hữu với tâm định tinh cần hành, tu tập thần túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành, và thứ năm là tăng thượng tinh tấn.

Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, tu tập năm pháp, làm cho sung mãn năm pháp, được chờ đợi là vị ấy được một trong hai quả: Ngay trong hiện tại được chánh trí; hay nếu có dư y, chứng được Bất lai.

VIII. KINH THẦN THÔNG THỨ HAI (*Dutiyaiddhipādasutta*) (*A*. III. 82)

68. Trước khi Ta giác ngộ, này các Tỷ-kheo, khi Ta chưa đạt Chánh đẳng Chánh giác, còn là Bồ-tát, Ta đã tu tập năm pháp, làm cho sung mãn năm pháp. Thế nào là năm?

Ta đã tu tập thần túc câu hữu với dục định tinh cần hành, đã tu tập thần túc câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành, đã tu tập thần túc câu hữu với tâm định tinh cần hành, đã tu tập thần túc câu hữu với tư duy định tinh cần hành, và thứ năm là tăng thượng tinh tấn.[85] Này các Tỷ-kheo, do Ta tu tập và làm cho sung mãn các pháp với tăng thượng tinh tấn là thứ năm, tùy theo Ta hướng tâm đến pháp nào cần được chứng ngộ với thắng trí, để có thể chứng ngộ với thắng trí, Ta có thể đạt đến pháp ấy, dầu thuộc hành xứ nào.[86] Nếu Ta muốn, Ta có thể chứng được nhiều loại thần thông... tự thân có thể đạt được Phạm thiên giới, ở đây, Ta có thể đạt đến pháp ấy, dầu thuộc hành xứ nào. Nếu Ta muốn... do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí, Ta tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, tại đấy, Ta có thể đạt đến pháp ấy, dầu thuộc hành xứ nào.

IX. KINH NHÀM CHÁN (*Nibbidāsutta*) (*A*. III. 83)

69. Có năm pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo an trú quán bất tịnh trên thân, với tưởng ghê tởm với các món ăn, với tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành, và tưởng về chết, nội tâm khéo an trú.

Này các Tỷ-kheo, năm pháp này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

---

[84] Xem *D*. III. 221.

[85] *Ussoḷhi*. *AA*. III. 263: *Ussoḷhīti adhimattavīriyaṃ* ("Tăng thượng tinh tấn" nghĩa là nỗ lực tinh tấn hết sức mình).

[86] Xem *A*. III. 23.

X. KINH ĐOẠN TẬN LẬU HOẶC (*Āsavakkhayasutta*) (*A*. III. 83)

70. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú quán bất tịnh trên thân, với tưởng ghê tởm đối với các món ăn, với tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành, với tưởng về chết, nội tâm khéo an trú.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn diệt các lậu hoặc.



VIII. PHẨM NGƯỜI CHIẾN SĨ
(*YODHĀJĪVAVAGGA*)

I. KINH TÂM GIẢI THOÁT QUẢ THỨ NHẤT
(*Paṭhamacetovimuttiphalasutta*) (*A*. III. 84)

71. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát lợi ích, Tuệ giải thoát quả, Tuệ giải thoát lợi ích. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tùy quán bất tịnh trên thân, với tưởng ghê tởm trong các món ăn, với tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tùy quán vô thường đối với tất cả hành, với tưởng về chết, vị ấy nội tâm khéo an trú.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát lợi ích, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát lợi ích.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có Tâm giải thoát và có Tuệ giải thoát, này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là Tỷ-kheo đã cất đi các vật chướng ngại, đã lấp các thông hào, đã nhổ lên cột trụ, đã mở tung các ổ khóa, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Và thế nào là Tỷ-kheo đã cất đi các chướng ngại?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ vô minh, đã cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã cất đi các vật chướng ngại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã lấp các thông hào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ tái sanh và sự luân chuyển sanh tử, đã cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã lấp các thông hào.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ tham ái, đã cắt đứt tận gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sāla, đã làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo đã mở tung các ổ khóa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, đã cắt đứt tận gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sāla, đã làm cho không thể hiện hữu,

không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã mở tung các ổ khóa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào gọi Tỷ-kheo là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ ngã mạn, đã cắt đứt tận gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sāla, đã làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi Tỷ-kheo là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

II. KINH TÂM GIẢI THOÁT QUẢ THỨ HAI
(*Dutiyacetovimuttiphalasutta*) (*A*. III. 85)

72. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát lợi ích, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát lợi ích. Thế nào là năm? Tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ, tưởng đoạn tận, tưởng ly tham.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến Tâm giải thoát quả, Tâm giải thoát lợi ích, Tuệ giải thoát quả và Tuệ giải thoát lợi ích.

Khi nào vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, có Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát, này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là Tỷ-kheo đã cất đi các vật chướng ngại, đã lấp các thông hào, đã nhổ lên cột trụ, đã mở tung các ổ khóa, là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

Và thế nào là Tỷ-kheo đã cất đi các vật chướng ngại?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ vô minh, đã cắt đứt tận gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sāla, đã làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã cất đi các vật chướng ngại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã lấp các thông hào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ tái sanh và sự luân chuyển sanh tử, đã cắt đứt tận gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sāla, đã làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã lấp các thông hào.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ tham ái, đã cắt đứt tận gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã nhổ lên cột trụ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã mở tung các ổ khóa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, đã cắt đứt tận gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sāla, đã làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo đã mở tung các ổ khóa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào gọi Tỷ-kheo là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn trừ ngã mạn, đã cắt đứt tận gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sāla, đã làm cho không thể hiện hữu, không thể sanh khởi trong tương lai. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi Tỷ-kheo là bậc Thánh đã hạ cây cờ xuống, đã đặt gánh nặng xuống, không có gì hệ lụy.

III. KINH SỐNG THEO PHÁP THỨ NHẤT
(*Paṭhamadhammavihārīsutta*) (*A*. III. 86)

73. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Sống theo pháp, sống theo pháp", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là vị sống theo pháp?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thông suốt pháp, tức là: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải). Vị ấy dùng trọn cả ngày để học thuộc lòng pháp, bỏ phế đời sống độc cư an tịnh, không nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo thông đạt nhiều kinh điển, nhưng không sống theo pháp.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy dùng trọn cả ngày để trình bày pháp cho các người khác, bỏ phế đời sống độc cư an tịnh, không nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo thuyết trình nhiều, nhưng không sống theo pháp.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy dùng trọn cả ngày để tụng đọc, bỏ phế đời sống độc cư an tịnh, không nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đọc tụng nhiều, nhưng không sống theo pháp.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với tâm tùy tầm tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Vị ấy dùng trọn cả ngày suy tầm về pháp, bỏ phế đời sống độc cư an tịnh, không nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo suy tầm nhiều, nhưng không sống theo pháp.

Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, tức là: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải). Vị ấy không dùng trọn cả ngày để học thuộc lòng pháp, không bỏ phế đời sống độc cư an tịnh, nỗ lực chuyên chú vào nội tâm an chỉ. Này Tỷ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống theo pháp.

Này Tỷ-kheo, như vậy Ta đã thuyết về học thuộc lòng nhiều, đã thuyết về thuyết trình nhiều, đã thuyết về đọc tụng nhiều, đã thuyết về suy tầm nhiều, đã thuyết về sống theo pháp. Này Tỷ-kheo, điều gì bậc Đạo sư cần phải làm cho

các đệ tử[87] vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ khởi lên, các điều ấy, Ta đã làm cho các ông. Này Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống; này Tỷ-kheo, hãy tu thiền, chớ có phóng dật, chớ có để về sau sẽ phải hối tiếc. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

IV. KINH SỐNG THEO PHÁP THỨ HAI
(*Dutiyadhammavihārīsutta*) (*A*. III. 88)

74. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– "Sống theo pháp, sống theo pháp", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là vị Tỷ-kheo sống theo pháp?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, tức là: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải); nhưng không rõ biết mục đích tối thượng với trí tuệ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo học thuộc lòng nhiều, nhưng không sống theo pháp.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã học thuộc lòng, nhưng không rõ biết mục đích tối thượng với trí tuệ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo thuyết trình nhiều, nhưng không sống theo pháp.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng, nhưng không rõ biết mục đích tối thượng với trí tuệ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đọc tụng nhiều, nhưng không sống theo pháp.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với tâm tùy tầm tùy tứ, với ý tùy quán pháp như được nghe, như đã được học thuộc lòng, nhưng không rõ biết mục đích tối thượng với trí tuệ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo suy tầm nhiều, nhưng không sống theo pháp.

Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp, tức là: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải); và biết mục đích tối thượng với trí tuệ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống theo pháp.

Này Tỷ-kheo, như vậy Ta đã thuyết về học thuộc lòng nhiều, đã thuyết về thuyết trình nhiều, đã thuyết về đọc tụng nhiều, đã thuyết về suy tầm nhiều, đã thuyết về sống theo pháp. Này Tỷ-kheo, điều gì bậc Đạo sư cần phải làm cho các đệ tử vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ khởi lên, các điều ấy, Ta đã làm cho các ông. Này Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống; này Tỷ-kheo, hãy tu thiền, chớ có phóng dật, chớ có để về sau phải hối tiếc. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.

---

[87] Xem *M*. I. 46; *S*. V. 157.

V. KINH NGƯỜI CHIẾN SĨ THỨ NHẤT
(*Paṭhamayodhājīvasutta*)[88] (*A*. III. 89)

75. Này các Tỷ-kheo, có năm hạng chiến sĩ này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người chiến sĩ chỉ thấy bụi mù dấy lên đã chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tham gia chiến trận. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo, đây là người chiến sĩ thứ nhất có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, nhưng khi thấy cờ xí dựng lên, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tham gia chiến trận. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chiến sĩ thứ hai có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên, nhưng khi nghe tiếng la hét, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tham gia chiến trận. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chiến sĩ thứ ba có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên, chịu đựng tiếng la hét, nhưng khi bị thương trong chiến trận, liền thất kinh thất đảm. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chiến sĩ thứ tư có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên, chịu đựng tiếng la hét, chịu đựng cuộc xáp chiến. Vị ấy, sau khi thắng trận, dự phần vào chiến thắng, cầm đầu trong chiến thắng. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người chiến sĩ. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chiến sĩ thứ năm có mặt hiện hữu ở đời.

Năm hạng người chiến sĩ này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với năm hạng người chiến sĩ này, có năm hạng người có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo khi thấy bụi mù dấy lên, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Thế nào là bụi mù dấy lên đối với vị ấy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được nghe: "Tại một làng hay một thị trấn kia, có người phụ nữ hay thiếu nữ đẹp đẽ, khả ái, làm đẹp lòng người với sắc mặt đẹp thù thắng như hoa sen." Khi được nghe vậy, vị ấy liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không

---
[88] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.3. 0686c20).

có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Đây là nghĩa bụi mù dấy lên đối với vị ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, hạng người chiến sĩ ấy, khi mới thấy bụi mù dấy lên, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tham dự chiến trận. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Đây là người, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với hạng người chiến sĩ thứ nhất có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, nhưng khi thấy cờ xí dựng lên, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Thế nào là cờ xí dựng lên đối với vị ấy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có nghe: "Tại một làng hay thị trấn kia, có người phụ nữ hay thiếu nữ đẹp đẽ, khả ái, làm đẹp lòng người với sắc mặt đẹp thù thắng như hoa sen", nhưng vị ấy tự mình thấy một phụ nữ hay một thiếu nữ đẹp đẽ, khả ái, làm đẹp lòng người với sắc mặt đẹp thù thắng như hoa sen. Vị ấy, sau khi thấy người phụ nữ hay người thiếu nữ ấy, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Đây là nghĩa cờ xí dựng lên đối với vị ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, hạng người chiến sĩ ấy chịu đựng được bụi mù dấy lên, nhưng khi thấy cờ xí dựng lên, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể ra trận xáp chiến. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Đây là người, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với hạng người chiến sĩ thứ hai có mặt hiện hữu giữa các vị Tỷ-kheo.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, nhưng khi nghe tiếng la hét, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Thế nào là tiếng la hét đối với vị ấy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, một nữ nhân đi đến vị Tỷ-kheo tại khu rừng, dưới một gốc cây hay tại ngôi nhà trống, cười nhạo Tỷ-kheo, nói mơn trớn, nói cười lớn tiếng, cợt nhã. Tỷ-kheo bị nữ nhân cười nhạo, nói mơn trớn, nói cười lớn tiếng, cợt nhã, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự hèn kém trong học tập, liền bỏ học pháp, trở lui lại đời sống thế tục. Đây là nghĩa của tiếng la hét đối với vị ấy.

Ví như người chiến sĩ ấy, này các Tỷ-kheo, chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, nhưng khi nghe tiếng la hét, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không có thể ra trận xáp chiến. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một

hạng người. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ ba có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, chịu đựng được tiếng la hét, nhưng bị thương trong khi xáp chiến lâm trận liền thất kinh thất đảm. Thế nào là xáp chiến lâm trận đối với vị ấy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, một nữ nhân đi đến Tỷ-kheo ấy, ngồi sát một bên, nằm sát một bên, vuốt ve mơn trớn. Tỷ-kheo ấy được nữ nhân ngồi sát một bên, nằm sát một bên, được vuốt ve mơn trớn, không từ bỏ học tập, không biểu lộ sự yếu kém trong học tập, nhưng hành dâm [với nữ nhân ấy]. Đây là nghĩa xáp chiến lâm trận đối với vị ấy.

Ví như người chiến sĩ ấy, này các Tỷ-kheo, chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, chịu đựng được tiếng la hét, nhưng khi lâm trận xáp chiến, bị thương, thất kinh thất đảm. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ tư có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, chịu đựng được tiếng la hét, chịu đựng được xáp chiến lâm trận. Vị ấy sau khi chiến thắng chiến trận ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng hàng đầu trong trận chiến ấy. Thế nào là sự chiến thắng trong chiến trận đối với vị ấy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, có nữ nhân đi đến vị ấy, ngồi sát một bên, nằm sát một bên, vuốt ve mơn trớn. Vị ấy, khi được nữ nhân ngồi sát một bên, nằm sát một bên, vuốt ve mơn trớn, liền gỡ mình ra, gỡ thoát ra và ra đi chỗ nào mình muốn. Và vị ấy đi đến một chỗ trống trải,[89] khu rừng, gốc cây, ngọn núi, khe đá, hang núi, nghĩa địa, cao nguyên, ngoài trời, đống rơm. Rồi vị ấy đi đến khu rừng, đi đến gốc cây hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng và để niệm trước mặt. Vị ấy, sau khi đoạn tận tham, an trú với tâm ly tham, gột sạch tâm khỏi tham; sau khi đoạn tận sân, an trú với tâm ly sân, có lòng thương tưởng đến tất cả loài hữu tình và chúng sanh, gột sạch tâm khỏi sân hận; sau khi đoạn tận hôn trầm thụy miên, an trú với tâm ly thụy miên hôn trầm, với tưởng ánh sáng, chánh niệm, tỉnh giác, gột sạch tâm khỏi hôn trầm thụy miên; sau khi đoạn tận trạo cử hối quá, an trú không trạo cử hối quá, nội tâm tịch tịnh, gột sạch tâm khỏi trạo cử hối quá; sau khi đoạn tận nghi, an trú với tâm vượt khỏi nghi ngờ, không còn nghi hoặc, gột sạch tâm khỏi nghi ngờ đối với các thiện pháp. Vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái này, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, ly dục, ly các pháp bất thiện... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu uế, ly các tùy phiền não, nhu nhuyến, kham nhẫn, kiên trì, bất động, hướng

[89] Xem *A.* I. 241; *D.* I. 71; *M.* I. 269.

tâm về trí đoạn tận các lậu hoặc. Vị ấy như thật rõ biết: "Đây là khổ"; như thật rõ biết: "Đây là khổ tập"; như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; như thật rõ biết: "Những pháp này là những lậu hoặc"; như thật rõ biết: "Đây là lậu hoặc tập khởi"; như thật rõ biết: "Đây là lậu hoặc đoạn diệt"; như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc đoạn diệt." Do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát." Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, nay không còn trở lại đời này nữa." Đây là sự chiến thắng trong trận chiến đối với vị ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ chịu đựng được bụi mù dấy lên, chịu đựng được cờ xí dựng lên, chịu đựng được các tiếng la hét, chịu đựng được sự xáp chiến. Vị ấy, sau khi chiến thắng chiến trận ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng hàng đầu trong trận chiến ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là một hạng người. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ năm có mặt hiện hữu ở đời.

Những người này, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với năm chiến sĩ có mặt hiện hữu ở giữa các vị Tỷ-kheo.

VI. KINH NGƯỜI CHIẾN SĨ THỨ HAI
(*Dutiyayodhājīvasutta*)[90] (*A*. III. 93)

76. Có năm người chiến sĩ, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên,[91] tham gia vào trận chiến ác liệt. Người ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác, trong khi người ấy nỗ lực và hăng hái như vậy, đánh người ấy và áp đảo người ấy. Như vậy ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chiến sĩ như vậy. Đây là hạng chiến sĩ thứ nhất có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác làm cho người ấy bị thương, và [các chiến hữu] khiêng người ấy đi, chở người ấy đến các người bà con. Khi chở người ấy đi và chưa đến các bà con, người ấy mệnh chung ở giữa đường. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có một hạng chiến sĩ như vậy. Đây là hạng chiến sĩ thứ hai có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác làm cho người ấy bị thương, và [các chiến

---

[90] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.4. 0687b27).

[91] Xem *M*. I. 68; II. 99; *Vin*. II. 192.

hữu] khiêng người ấy đi, chở người ấy và đưa người ấy đến các người bà con. Và những người bà con săn sóc và nuôi dưỡng người ấy. Người ấy, trong khi được các người bà con săn sóc và nuôi dưỡng, bị mệnh chung vì vết thương ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có một hạng người chiến sĩ như vậy. Đây gọi là hạng chiến sĩ thứ ba có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có người chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác làm cho người ấy bị thương, và [các chiến hữu] khiêng người ấy đi, chở người ấy và đưa người ấy đến các người bà con. Và những người bà con nuôi dưỡng và săn sóc người ấy. Người ấy, trong khi được các người bà con săn sóc và nuôi dưỡng, được chữa lành các vết thương ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chiến sĩ như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng chiến sĩ thứ tư có mặt hiện hữu ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào chiến trận ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng hàng đầu trong chiến trận ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng chiến sĩ như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng chiến sĩ thứ năm có mặt hiện hữu ở đời.

Năm hạng chiến sĩ này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có những hạng người được ví dụ với năm hạng chiến sĩ này có mặt hiện hữu giữa các vị Tỷ-kheo. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo sống dựa vào ngôi làng hay thị trấn.[92] Vị ấy, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn để khất thực, không phòng hộ thân, không phòng hộ lời nói, không phòng hộ tâm, niệm không an trú, các căn không được bảo vệ. Vị ấy ở đây thấy một nữ nhân ăn mặc không tề chỉnh, ăn mặc không kín đáo. Được thấy nữ nhân ăn mặc không tề chỉnh, ăn mặc không kín đáo, tham dục tấn công tâm vị ấy. Tâm bị tham dục tấn công, không từ bỏ học tập, không biểu lộ sự yếu kém trong học pháp, nhưng vị ấy rơi vào hành dâm.

Ví như người chiến sĩ ấy, này các Tỷ-kheo, cầm gươm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác, trong khi người ấy nỗ lực, hăng hái như vậy, đánh người ấy và áp đảo người ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có một hạng người như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với hạng chiến sĩ thứ nhất có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay thị trấn. Vị ấy, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn ấy để khất thực, với thân không phòng hộ, với lời nói không phòng hộ, với tâm không phòng hộ, với niệm không an trú, với các căn không được bảo vệ. Ở đây, vị ấy thấy một nữ

---

[92] Xem *A*. III. 392; *S*. II. 231-71; IV. 122.

nhân ăn mặc không chỉnh tề, ăn mặc không kín đáo. Được thấy nữ nhân ăn mặc không chỉnh tề, ăn mặc không kín đáo, tham dục tấn công tâm vị ấy. Vị ấy, với tâm bị tham dục tấn công nên thân bị thiêu cháy, tâm bị thiêu cháy. Vị ấy nghĩ: "Ta hãy đi về khu vườn [chỗ Tăng ở] báo tin cho các Tỷ-kheo: 'Này các Hiền giả, tôi bị tham dục tràn ngập, bị tham dục ám ảnh, tôi không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, tôi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, tôi trở về với đời sống thế tục.'" Vị ấy, trên con đường đi đến khu vườn, còn ở giữa đường, biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, trở về đời sống thế tục.

Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác, trong khi người ấy nỗ lực, hăng hái như vậy, làm cho người ấy bị thương, và [các chiến hữu] khiêng người ấy đi, chở người ấy và đưa người ấy đến các người bà con, nhưng người ấy mệnh chung giữa đường. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống với ví dụ ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có một hạng người như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ hai có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn. Vị ấy vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn ấy để khất thực, thân không phòng hộ, lời nói không phòng hộ, tâm không phòng hộ, niệm không an trú, các căn không được bảo vệ. Vị ấy ở đấy thấy nữ nhân ăn mặc không tề chỉnh, ăn mặc không kín đáo. Sau khi thấy nữ nhân ăn mặc không tề chỉnh, ăn mặc không kín đáo, tham dục tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham dục tấn công nên thân bị thiêu cháy, tâm bị thiêu đốt. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến khu vườn báo tin cho các Tỷ-kheo: 'Này các Hiền giả, tôi bị tham dục tràn ngập, bị tham dục ám ảnh. Tôi không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh, tôi tuyên bố sự yếu kém trong học tập, tôi từ bỏ học pháp, sẽ trở về với đời sống thế tục.'" Các vị đồng Phạm hạnh giáo giới, khuyên bảo như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói: 'Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như một khúc xương,[93] khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như miếng thịt, khổ nhiều, não nhiều, nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như bó đuốc bằng cỏ, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như một hố than hừng, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như một cơn mộng, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như vật dụng mượn dùng, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như quả của cây, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như lò thịt, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như cây gậy nhọn, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại

[93] Mười ví dụ này được nói đến trong *M.* I. 130; *Vin.* II. 25. Bảy ví dụ được giảng rộng trong *M.* I. 364ff.

nhiều hơn. Các dục được Thế Tôn ví dụ như đầu rắn, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn.' Tôn giả hãy tìm sự thoải mái trong Phạm hạnh! Tôn giả chớ biểu hiện sự yếu kém trong học tập, chớ từ bỏ học pháp và trở lui đời sống thế tục."

Vị ấy được các đồng Phạm hạnh giáo giới như vậy, khuyên bảo như vậy, liền nói như sau: "Này các Hiền giả, dầu cho Thế Tôn có nói các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn, nhưng tôi không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, tôi sẽ trở về đời sống thế tục." Sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, sau khi từ bỏ học pháp, vị ấy trở lui đời sống thế tục.

Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ ấy, sau khi cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến khốc liệt. Vị ấy, trong chiến trận ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác, trong khi người ấy nỗ lực, hăng hái như vậy, làm người ấy bị thương, và [các chiến hữu] khiêng người ấy đi, chở người ấy và đưa người ấy đến các người bà con. Các người bà con săn sóc nuôi dưỡng người ấy. Người ấy, tuy được các người bà con săn sóc nuôi dưỡng nhưng bị mệnh chung vì vết thương ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này được ví như ví dụ ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người như vậy. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người được ví dụ với người chiến sĩ thứ ba có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống dựa vào làng hay thị trấn. Vị ấy vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào ngôi làng hay thị trấn ấy để khất thực với thân không phòng hộ, với lời không phòng hộ, với tâm không phòng hộ, với niệm không an trú, với các căn không được bảo vệ. Vị ấy ở đấy thấy nữ nhân ăn mặc không chỉnh tề, ăn mặc không kín đáo. Sau khi thấy nữ nhân ăn mặc không chỉnh tề, ăn mặc không kín đáo, tham dục tấn công vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham dục tấn công nên thân bị thiêu cháy, tâm bị thiêu đốt. Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi đến khu vườn, báo tin cho các Tỷ-kheo: 'Này các Hiền giả, tôi bị tham dục tràn ngập, bị tham dục ám ảnh. Tôi không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh. Tôi tuyên bố sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, trở về với đời sống thế tục.'" Vị ấy đi đến khu vườn, báo tin cho các Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả, tôi bị tham dục tràn ngập, bị tham dục ám ảnh. Tôi không có thể tiếp tục đời sống Phạm hạnh; sau khi biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp, tôi trở về với đời sống thế tục." Các vị đồng Phạm hạnh giáo giới khuyên bảo như sau: "Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói: 'Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn... Các dục được Thế Tôn ví như đầu rắn, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hại ở đây lại nhiều hơn.' Tôn giả hãy tìm sự thoải mái trong Phạm hạnh. Tôn giả chớ biểu lộ sự yếu kém trong học tập, từ bỏ học pháp và trở lui đời sống thế tục."

Được các đồng Phạm hạnh giáo giới như vậy, khuyên bảo như vậy, vị ấy nói như sau: "Thưa các Hiền giả, tôi sẽ nỗ lực. Thưa các Hiền giả, tôi sẽ cố gắng.

Thưa các Hiền giả, tôi sẽ sống thoải mái. Nay tôi không biểu lộ sự yếu kém trong học tập, không từ bỏ học pháp, không trở lui về đời sống thế tục.”

Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ ấy cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Vị ấy, trong trận chiến ấy, nỗ lực, hăng hái. Nhưng các người khác, trong khi người ấy nỗ lực, hăng hái như vậy, làm cho người ấy bị thương, và [các chiến hữu] khiêng người ấy đi, chở người ấy và đưa người ấy đến các người bà con. Các người bà con săn sóc người ấy, nuôi dưỡng người ấy. Người ấy, nhờ các bà con săn sóc nuôi dưỡng, được chữa lành khỏi vết thương. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người như vậy. Người này, này các Tỷ-kheo, được ví dụ với chiến sĩ thứ tư có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống dựa vào một làng hay một thị trấn. Vị ấy vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào làng hay thị trấn ấy để khất thực với thân được phòng hộ, với lời nói được phòng hộ, với tâm được phòng hộ, với niệm được an trú, với các căn được bảo vệ. Vị ấy khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn.

Vị ấy, sau khi đi khất thực và ăn xong, trên con đường trở về, đi đến một chỗ trống trải, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, khe núi, hang núi, bãi tha ma, cao nguyên, ngoài trời, đống rơm. Vị ấy đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Vị ấy đoạn tận tham ở đời, an trú với tâm ly tham... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy với tâm định tĩnh, thanh tịnh, trong sáng, không cấu uế, các phiền não được đoạn trừ, nhu nhuyến, kham nhẫn, kiên trì, bất động, hướng tâm về trí đoạn tận các lậu hoặc. Vị ấy như thật rõ biết: “Đây là khổ”; như thật rõ biết: “Đây là khổ tập”; như thật rõ biết: “Đây là khổ diệt”; như thật rõ biết: “Đây là con đường đi đến khổ diệt”;... không còn trở lại đời này nữa.

Ví như, này các Tỷ-kheo, người chiến sĩ ấy cầm kiếm và mâu, đeo cung và tên, tham gia vào trận chiến ác liệt. Người ấy, sau khi chiến thắng trận ấy, chiến thắng trong chiến trận, vị ấy vẫn đứng đầu trong chiến trận ấy. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố người này giống như ví dụ ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có một hạng người như vậy. Đây là hạng người được ví dụ với chiến sĩ thứ năm có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, có những hạng người được ví dụ với năm người chiến sĩ này, có mặt hiện hữu giữa các Tỷ-kheo.

VII. KINH SỰ SỢ HÃI TRONG TƯƠNG LAI THỨ NHẤT
(*Paṭhamaanāgatabhayasutta*) (*A*. III. 100)

77. Này các Tỷ-kheo, do quán thấy năm sự sợ hãi trong tương lai này, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng, quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Khi ta sống một mình trong rừng, con rắn có thể cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta, con rít có thể cắn ta, do vậy ta có thể mệnh chung. Như vậy là chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ."

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ nhất này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống trong rừng, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống trong rừng, quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Khi ta sống một mình trong rừng, ta có thể vấp ngã và té xuống, cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể làm ta khuấy động, hay niêm dịch (đàm) có thể làm ta khuấy động, cơn gió như kiếm có thể làm ta khuấy động, do vậy ta có thể mệnh chung. Như vậy là chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ."

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ hai này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng, quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Sống một mình trong rừng, ta chung sống với các loài thú nguy hiểm như sư tử, cọp, báo, gấu, dã can. Chúng có thể đoạt mạng sống của ta, có thể làm ta mệnh chung. Như vậy là một sự chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ."

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ ba này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng, quán sát như sau: "Nay ta sống một mình trong rừng. Khi ta sống một mình trong rừng, ta chung sống với các loài ăn trộm, ăn cắp đã hành nghề. Chúng có thể đoạt mạng sống của

ta, chúng có thể làm ta mệnh chung. Như vậy là một chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ."

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ tư này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống ở rừng, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống ở rừng, quán sát như sau: "Nay ta sống một mình ở rừng. Ở rừng có những loài phi nhân nguy hiểm, chúng có thể đoạt mạng sống của ta, làm ta mệnh chung. Như vậy là một chướng ngại cho ta. Vậy ta hãy hăng hái tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ."

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ năm này về tương lai, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo sống ở rừng, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy năm sự sợ hãi về tương lai này, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo sống ở rừng, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

VIII. KINH SỰ SỢ HÃI TRONG TƯƠNG LAI THỨ HAI
(*Dutiyaanāgatabhayasutta*) (*A*. III. 103)

78. Này các Tỷ-kheo, do quán thấy năm sự sợ hãi về tương lai này, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát như sau: "Nay ta còn trẻ, niên thiếu, còn thanh niên, tóc đen nhánh, trong tuổi thanh xuân, trong sơ kỳ tuổi đời, nhưng rồi đến thời già sẽ xúc chạm thân này. Khi đã già yếu và bị già chinh phục, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, dầu có bị già, ta sẽ sống được thoải mái."

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ nhất này về tương lai, như vậy là vừa đủ để Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát như sau: "Nay ta ít bệnh, ít

não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn, nhưng rồi đến thời bệnh sẽ xúc chạm thân này. Khi đã bị bệnh và bị bệnh chinh phục, thật không dễ gì tác ý đến giáo pháp của các đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, dầu có bị bệnh, ta sẽ sống được thoải mái.”

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ hai này về tương lai, như vậy là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát như sau: “Nay không có đói kém, được mùa, đồ ăn khất thực dễ kiếm được, thật dễ dàng để nuôi sống bằng nỗ lực khất thực. Nhưng rồi đến thời có nạn đói, mất mùa, đồ ăn khất thực khó được, không dễ gì nuôi sống bằng nỗ lực khất thực. Và những người bị nạn đói sẽ dời đến chỗ nào được nhiều đồ ăn; tại đấy, phải sống với quần chúng, phải sống với sự hỗn tạp. Khi phải sống với quần chúng, phải sống với sự hỗn tạp, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, dầu có bị đói kém, ta sẽ sống được thoải mái.”

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ ba này về tương lai, như vậy là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát như sau: “Nay loài người sống với nhau thuận hòa, hoan hỷ với nhau, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Nhưng rồi đến thời có sự sợ hãi về nạn cướp rừng, dân chúng trong nước leo lên xe để đi trốn nơi nào có sự sợ hãi, dân chúng di cư đến chỗ có sự an ổn. Tại đấy, phải sống với quần chúng, phải sống với sự hỗn tạp, thật không dễ sống với quần chúng, sống với sự hỗn tạp. Trong khi sống với quần chúng, sống với sự hỗn tạp, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các đức Phật, thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta phải hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, dầu có gặp sự sợ hãi, ta sẽ sống được thoải mái.”

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ tư này về tương lai, như vậy là vừa đủ để Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát như sau: "Nay chúng Tăng hòa hợp, cùng nhau hoan hỷ, không tranh luận nhau, sống thoải mái cùng chung một lời dạy. Nhưng rồi đến thời chúng Tăng chia rẽ. Khi chúng Tăng chia rẽ, thật không dễ gì để tác ý đến giáo pháp của các đức Phật. Thật không dễ gì để sống tại các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa vắng. Trước khi trạng thái ấy đến với ta, không đáng ưa, không đáng thích, không khả ý, ta hãy hăng hái tinh cần trước khi thời ấy đến, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt... để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và nếu thành tựu trạng thái ấy, dầu chúng Tăng có chia rẽ, ta vẫn sẽ sống được thoải mái."

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy sự sợ hãi thứ năm này về tương lai, như vậy là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần… để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

Này các Tỷ-kheo, do quán thấy năm sự sợ hãi này về tương lai, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.

IX. KINH SỰ SỢ HÃI TRONG TƯƠNG LAI THỨ BA
(*Tatiyaanāgatabhayasutta*) (*A*. III. 105)

79. Có năm sự sợ hãi về tương lai, này các Tỷ-kheo, nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai. Các ông cần phải hoàn toàn rõ biết chúng; sau khi rõ biết, cần phải tinh tấn đoạn trừ chúng. Thế nào là năm?

Này các Tỷ-kheo, sẽ có những vị Tỷ-kheo trong tương lai, thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, nếu họ truyền Đại giới cho các người khác, họ sẽ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ truyền Đại giới cho các người khác, họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Các người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm nên Luật bị ô nhiễm, do Luật ô nhiễm nên Pháp bị ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ nhất về tương lai, nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn trừ sự sợ hãi ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Với thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, họ làm Y chỉ sư cho các người khác. Họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Những người ấy sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Các người ấy, do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, lại làm Y chỉ sư cho những người khác, họ không có thể huấn luyện trong tăng thượng giới, trong tăng thượng tâm, trong tăng thượng tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm nên Luật ô nhiễm, do Luật ô nhiễm nên Pháp ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ hai về tương lai, nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn trừ sự sợ hãi ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ trở thành những người thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, khi họ thuyết về Thắng pháp hay về Quảng thuyết (*Vedalla*), họ rơi vào hắc pháp, không có thể giác ngộ rõ ràng. Này các Tỷ-kheo, đây là do Pháp ô nhiễm nên Luật ô nhiễm, do Luật ô nhiễm nên Pháp ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ ba về tương lai, nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, đối với các kinh tạng do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến tánh không; khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ không có nghe, họ không có lắng tai, họ không an trú tâm liễu giải; họ không nghĩ rằng các kinh ấy cần phải học tập, cần phải học thuộc lòng. Còn những kinh điển do các thi sĩ làm, những bài thơ với những chữ văn hoa, với những câu văn hoa, thuộc ngoại điển do các đệ tử thuyết; khi các kinh ấy được thuyết giảng, họ sẽ lắng nghe, họ sẽ lóng tai, họ an trú tâm liễu giải. Các pháp ấy, họ sẽ nghĩ cần phải học tập, cần phải học thuộc lòng. Này các Tỷ-kheo, đây là do Pháp ô nhiễm nên Luật ô nhiễm, do Luật ô nhiễm nên Pháp ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ tư về tương lai, nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập. Do thân không tu tập, giới không tu tập, tâm không tu tập, tuệ không tu tập, nên các trưởng lão

Tỷ-kheo ấy sẽ sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thối đọa, từ bỏ gánh nặng viễn ly, không có hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và quần chúng về sau sẽ đi theo tà kiến của họ. Họ sẽ trở thành những người sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thối đọa, từ bỏ gánh nặng viễn ly, sẽ không hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, do Pháp ô nhiễm nên Luật ô nhiễm, do Luật ô nhiễm nên Pháp ô nhiễm.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy.

Này các Tỷ-kheo, năm sự sợ hãi về tương lai này, nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn tận những sự sợ hãi ấy.

X. KINH SỰ SỢ HÃI TRONG TƯƠNG LAI THỨ TƯ
(*Catutthaanāgatabhayasutta*) (*A*. III. 108)

80. Có năm sự sợ hãi về tương lai này, hiện chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn tận những sợ hãi ấy.

Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các y tốt đẹp. Do họ tham muốn các y tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ các y nhặt nơi đống rác; họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng; họ sẽ đi đến các làng, thị trấn, kinh đô vua chúa và sống tại các chỗ ấy. Vì nhân y áo, họ sẽ rơi vào những hành vi tầm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ nhất về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn trừ sự sợ hãi ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các đồ ăn khất thực ngon lành. Do họ tham muốn các đồ ăn khất thực ngon lành, họ sẽ từ bỏ nếp sống khất thực, từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đấy, tìm cầu các món ăn thượng vị hợp với đầu lưỡi. Do nhân đồ ăn khất thực, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tầm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ hai về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn trừ sự sợ hãi ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ tham muốn các sàng tọa tốt đẹp. Do họ tham muốn các sàng tọa tốt đẹp, họ sẽ từ bỏ nếp sống dưới gốc cây, họ sẽ từ bỏ các khu rừng, các vùng cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ đi vào các làng, thị trấn, kinh đô của vua và sinh sống tại đấy. Vì nhân sàng tọa, họ sẽ rơi vào nhiều hành động tầm cầu không thích hợp.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ ba về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn trừ sự sợ hãi ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai sẽ sống liên hệ với Tỷ-kheo-ni, các Chánh học nữ, các Sa-di-ni. Khi sống liên hệ với Tỷ-kheo-ni, Chánh học nữ, Sa-di-ni, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là: Họ sẽ không thích thú sống Phạm hạnh, hay họ sẽ rơi vào một trong những tội lỗi ô nhiễm, sẽ từ bỏ học pháp và trở lui lại đời sống thế tục.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ tư về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn trừ sự sợ hãi ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, sẽ có những Tỷ-kheo trong tương lai sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn, với các Sa-di. Khi sống liên hệ với các người có hệ lụy đến khu vườn và với các Sa-di, này các Tỷ-kheo, được chờ đợi là: Họ sẽ sống và tận hưởng các vật liệu cất chứa, và họ sẽ làm các thô tướng đối với đất đai và đối với các sản phẩm trồng trọt.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự sợ hãi thứ năm về tương lai, hiện nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết sự sợ hãi ấy. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn tận sự sợ hãi ấy.

Năm sự sợ hãi về tương lai này, này các Tỷ-kheo, hiện nay chưa sanh khởi nhưng sẽ sanh khởi trong tương lai, các ông cần phải hoàn toàn rõ biết chúng. Sau khi hoàn toàn rõ biết, các ông cần phải tinh tấn để đoạn tận những sợ hãi ấy.

IX. PHẨM TRƯỞNG LÃO
(*THERAVAGGA*)

I. KINH KHẢ ÁI (*Rajanīyasutta*) (*A*. III. 110)

81. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ, không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Bị tham ái bởi những gì khả ái, bị hiềm hận bởi những gì đáng hiềm hận, bị si mê bởi những gì đáng si mê, bị phẫn nộ bởi những gì đáng phẫn nộ, bị say đắm bởi những gì đáng say đắm.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ, không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương để tu tập.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Không bị tham ái bởi những gì khả ái, không bị hiềm hận bởi những gì đáng hiềm hận, không bị si mê bởi những gì đáng si mê, không bị phẫn nộ bởi những gì đáng phẫn nộ, không bị say đắm bởi những gì đáng say đắm.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập.

II. KINH LY THAM (*Vītarāgasutta*) (*A*. III. 111)

82. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ, không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Không ly tham, không ly sân, không ly si, hư ngụy và não hại.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ, không được ưa thích, không được kính trọng, không được làm gương để tu tập.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Ly tham, ly sân, ly si, không hư ngụy và không não hại.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với

các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập.

III. KINH LỪA ĐẢO (*Kuhakasutta*) (*A*. III. 111)

83. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ, không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Lừa đảo (*kuhaka*),[94] siểm nịnh (*lapako*), hiện tướng (*nemittika*), gièm pha, lấy lợi cầu lợi.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ, không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương để tu tập.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Không lừa đảo, không siểm nịnh, không hiện tướng, không gièm pha, không lấy lợi cầu lợi.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập.

IV. KINH KHÔNG CÓ LÒNG TIN (*Assaddhasutta*)[95] (*A*. III. 112)

84. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ, không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Không tín, không hổ thẹn, không biết sợ tội lỗi, biếng nhác và ác tuệ.[96]

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh không được ái mộ, không được ưa thích, không được tôn trọng, không được làm gương để tu tập.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Có lòng tin, có hổ thẹn, có biết sợ tội lỗi, tinh cần tinh tấn và có tuệ.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập.

V. KINH KHÔNG KHAM NHẪN (*Akkhamasutta*) (*A*. III. 112)

85. (Như kinh trên, chỉ khác về năm pháp: "Không kham nhẫn đối với các sắc, không kham nhẫn đối với các tiếng, không kham nhẫn đối với các hương, không kham nhẫn đối với các vị, không kham nhẫn đối với các xúc." Còn về

---

[94] Xem *D*. I. 8; *Vism*. 23.

[95] Bản tiếng Anh của PTS: *Faith*, nghĩa là *Lòng tin*.

[96] Xem *A*. V. 101; *D*. III. 252; *M*. I. 43; *S*. II. 159.

năm thiện pháp là: "Kham nhẫn đối với các sắc... các tiếng... các hương... các vị… các xúc").

VI. KINH VÔ NGẠI GIẢI (*Paṭisambhidāpattasutta*) (*A*. III. 113)

86. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Đạt được Nghĩa vô ngại giải; đạt được Pháp vô ngại giải; đạt được Từ vô ngại giải; đạt được Biện tài vô ngại giải; đối với các sự việc, các vị đồng Phạm hạnh cần phải làm, hoặc lớn hay nhỏ, vị ấy thiện xảo, không có biếng nhác, thành tựu trí phương tiện, ở đây vừa đủ để làm, vừa đủ để khiến người làm.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được khả ý, được tôn trọng, được làm gương để tu tập.

VII. KINH BẬC GIỚI HẠNH (*Sīlavantasutta*)[97] (*A*. III. 113)

87. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập. Thế nào là năm?

Vị trưởng lão có giới, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự sợ hãi trong các tội nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học pháp.[98] Vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe; các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Vị ấy thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, không phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác.[99] Vị ấy chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, đem đến hiện tại lạc trú. Do đoạn tận các lậu hoặc, vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các vị đồng Phạm hạnh được ái mộ, được ưa thích, được tôn trọng, được làm gương để tu tập.

VIII. KINH VỊ TRƯỞNG LÃO (*Therasutta*) (*A*. III. 114)

88. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Thế nào là năm?

---

[97] Bản tiếng Anh của PTS: *Virtue*, nghĩa là *Giới đức*.

[98] Xem *A*. IV. 140; *D*. III. 78; *It*. 96.

[99] Xem *A*. IV. 279; *D*. III. 115; *M*. II. 166.

Vị trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày.

Vị ấy được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia đoanh vây.

Vị ấy nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

Vị ấy là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe; các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến.

Vị ấy có tà kiến, có tri kiến điên đảo; vị ấy làm cho nhiều người từ bỏ Diệu pháp, chấp nhận phi Diệu pháp.

Vì vị Tỷ-kheo trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy. Vì vị ấy được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia đoanh vây, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy. Vì rằng vị ấy nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy. Vì rằng vị ấy là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đem lại bất hạnh cho đa số, đem lại không an lạc cho đa số, đem lại không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đem lại hạnh phúc cho đa số, đem lại an lạc cho đa số, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Thế nào là năm?

Vị trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày.

Vị ấy được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia đoanh vây.

Vị ấy nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

Vị ấy là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe; các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến.

Vị ấy có chánh kiến, không có tri kiến điên đảo; vị ấy làm cho nhiều người từ bỏ phi Diệu pháp, chấp nhận Diệu pháp.

Vì vị Tỷ-kheo trưởng lão là bậc kỳ cựu xuất gia đã lâu ngày, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy. Vì vị Tỷ-kheo trưởng lão đã được nhiều người biết đến, có danh vọng, được số đông người tại gia, xuất gia đoanh vây, nhiều người làm

theo tri kiến vị ấy. Vì rằng vị Tỷ-kheo trưởng lão nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy. Vì rằng vị Tỷ-kheo trưởng lão là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, nhiều người làm theo tri kiến vị ấy.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trưởng lão đem lại hạnh phúc cho đa số, đem lại an lạc cho đa số, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

IX. KINH VỊ HỮU HỌC THỨ NHẤT (*Paṭhamasekhasutta*) (*A*. III. 116)

89. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Thế nào là năm? Ưa sự nghiệp, ưa đàm luận, ưa ngủ, ưa có quần chúng, không quán sát tâm như đã được giải thoát.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Thế nào là năm? Không ưa sự nghiệp, không ưa đàm luận, không ưa ngủ, không ưa có quần chúng, quán sát tâm như đã được giải thoát.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

X. KINH VỊ HỮU HỌC THỨ HAI (*Dutiyasekhasutta*) (*A*. III. 116)

90. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Hữu học có nhiều công việc, có nhiều việc phải làm, khéo léo trong công việc phải làm, từ bỏ độc cư thiền tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ nhất khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học suốt ngày làm những công việc nhỏ nhặt, từ bỏ độc cư thiền tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ hai khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Hữu học sống liên hệ nhiều với các vị tại gia và xuất gia, hệ lụy với các sự việc tại gia không thích đáng, từ bỏ độc cư thiền tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ ba khiến Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Hữu học đi vào làng quá sớm, từ giã làng quá muộn, từ bỏ độc cư thiền tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ tư khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Hữu học đối với các câu chuyện nghiêm trang, khai tâm, như các câu chuyện về ít dục, câu chuyện về tri túc, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không hội họp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về Giới, câu chuyện về Định, câu chuyện về Tuệ, câu chuyện về Giải thoát, câu chuyện về Giải thoát tri kiến; các câu chuyện ấy, vị ấy có được có khó khăn, có được có mệt nhọc, có được có phí sức. Vị ấy từ

bỏ độc cư thiền tịnh, không chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ năm khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Hữu học không có nhiều công việc, không có nhiều việc phải làm, không khéo léo trong công việc phải làm, không từ bỏ độc cư thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ nhất không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Hữu học không suốt ngày làm những công việc nhỏ nhặt, không từ bỏ độc cư thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ hai không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Hữu học không sống liên hệ nhiều với các vị tại gia và xuất gia, không hệ lụy với các việc tại gia không thích đáng, không từ bỏ độc cư thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ ba không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Hữu học không đi vào làng quá sớm, không từ giã làng quá muộn, không từ bỏ độc cư thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ tư không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo Hữu học đối với các câu chuyện nghiêm trang, khai tâm, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về tri túc, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không hội họp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; các câu chuyện ấy, vị ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, không từ bỏ độc cư thiền tịnh, chuyên chú vào nội tâm tịnh chỉ. Đây là pháp thứ năm không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không khiến vị Tỷ-kheo Hữu học thối chuyển.



X. PHẨM KAKUDHA
(*KAKUDHAVAGGA*)

I. KINH ĐẦY ĐỦ THỨ NHẤT (*Paṭhamasampadāsutta*) (*A*. III. 118)

91. Này các Tỷ-kheo, có năm đầy đủ này. Thế nào là năm? Tín đầy đủ, giới đầy đủ, nghe đầy đủ, thí đầy đủ, tuệ đầy đủ.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm đầy đủ.

II. KINH ĐẦY ĐỦ THỨ HAI (*Dutiyasampadāsutta*) (*A*. III. 119)

92. Này các Tỷ-kheo, có năm đầy đủ này. Thế nào là năm? Giới đầy đủ, định đầy đủ, tuệ đầy đủ, giải thoát đầy đủ, giải thoát tri kiến đầy đủ.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm đầy đủ.

III. KINH TRẢ LỜI (*Byākaraṇasutta*) (*A*. III. 119)

93. Này các Tỷ-kheo, có năm cách trả lời về chánh trí này. Thế nào là năm? Vì đần độn, vì ngu si trả lời về chánh trí; vì ác dục, vì bị dục chi phối trả lời về chánh trí; vì kiêu mạn, vì tâm tán loạn trả lời về chánh trí; vì tăng thượng mạn trả lời về chánh trí; vì hoàn toàn chơn chánh trả lời về chánh trí.

Này các Tỷ-kheo, có năm cách trả lời về chánh trí này.

IV. KINH LẠC TRÚ (*Phāsuvihārasutta*) (*A*. III. 119)

94. Này các Tỷ-kheo, có năm lạc trú này. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo: Vị Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... Do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, những pháp này là năm lạc trú.

V. KINH BẤT ĐỘNG (*Akuppasutta*) (*A*. III. 119)

95. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu thể nhập vào bất động.[100] Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được Nghĩa vô ngại giải, đạt được Pháp vô ngại giải, đạt được Từ vô ngại giải, đạt được Biện tài vô ngại giải, quán sát tâm như đã được giải thoát.

[100] *Akuppa. AA.* III. 277: *Akuppanti arahattaṃ* ("Bất động" tức chỉ cho trạng thái không dao động của bậc A-la-hán).

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu thể nhập vào bất động.

VI. KINH THỌ TRÌ PHÁP ĐÃ NGHE (*Sutadharasutta*) (*A*. III. 120)

96. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thực hành niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo: Tỷ-kheo muốn không có nhiều, công việc không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời; ăn uống ít, không chuyên lo về bao tử; ít thụy miên, chuyên chú trong giác tỉnh; nghe nhiều, thọ trì nhiều, tích lũy điều đã nghe, các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, các pháp ấy, Tỷ-kheo đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến; quán sát tâm như đã được giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thực hành niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

VII. KINH NÓI CHUYỆN (*Kathāsutta*) (*A*. III. 120)

97. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo: Tỷ-kheo muốn không có nhiều, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời; ăn uống ít, không chuyên lo về bao tử; ít thụy miên, chuyên chú vào giác tỉnh; đối với các câu chuyện nghiêm trang, khai tâm, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về tri túc, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không hội họp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến, các câu chuyện ấy, vị ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; Vị ấy quán sát tâm như đã được giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

VIII. KINH SỐNG Ở RỪNG (*Āraññakasutta*) (*A*. III. 121)

98. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm cho sung mãn niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn không có nhiều, việc làm không có nhiều, nuôi sống dễ dàng, khéo tri túc với những nhu yếu ở đời; ăn uống ít, không chuyên lo về bao tử; ít thụy miên, chuyên chú vào giác tỉnh; sống ở trong rừng, sống tại các trú xứ xa vắng; quán sát tâm như đã được giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm cho sung mãn niệm hơi thở vô hơi thở ra, không bao lâu thể nhập vào bất động.

IX. KINH CON SƯ TỬ (*Sīhasutta*) (*A*. III. 121)

99. Con sư tử, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, từ hang đi ra; sau khi từ hang đi ra, nó duỗi chân; sau khi nó duỗi chân, nó ngó xung quanh cả bốn phương; sau khi nó ngó xung quanh cả bốn phương, ba lần nó rống tiếng rống con sư tử; sau khi ba lần rống tiếng rống con sư tử, nó ra đi tìm mồi. Nếu nó vồ bắt con voi, nó vồ bắt rất cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo. Nếu nó vồ bắt con thủy ngưu (*mahisa*), nó vồ bắt rất cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo. Nếu nó vồ bắt con báo, nó vồ bắt rất cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo. Nếu nó vồ bắt các con vật nhỏ khác như thỏ hay mèo, nó vồ bắt rất cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo. Vì cớ sao? "Mong rằng uy lực của ta không có thất bại."

Con sư tử, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Khi Như Lai thuyết pháp cho hội chúng, tức là rống tiếng rống con sư tử. Này các Tỷ-kheo, nếu Như Lai thuyết pháp cho các vị Tỷ-kheo, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo. Nếu Như Lai thuyết pháp cho các vị Tỷ-kheo-ni, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo. Nếu Như Lai thuyết pháp cho các hàng nam cư sĩ, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo. Nếu Như Lai thuyết pháp cho các hàng nữ cư sĩ, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo. Nếu Như Lai thuyết pháp cho các hàng phàm phu, cho đến các người bắt chim hay xin ăn, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo. Vì cớ sao? Vì Như Lai là bậc tôn trọng Pháp, này các Tỷ-kheo, là bậc tôn kính Pháp.

X. KINH TÔN GIẢ KAKUDHA (*Kakudhatherasutta*) (*A*. III. 122)

100. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, Kakudha, người xứ Koliya, là thị giả của Tôn giả Mahāmoggallāna, vừa mệnh chung và sanh ra với một thân do ý tạo, thân ấy với tự thể có được [to rộng] ví như hai hay ba thửa ruộng làng ở Magadha.[101] Vị ấy, với tự thể như vậy, không làm cho tự mình hay làm cho người khác bị bệnh. Rồi thiên tử Kakudha đi đến Tôn giả Mahāmoggallāna; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Mahāmoggallāna rồi đứng một bên. Thiên tử Kakudha thưa với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Thưa Tôn giả, Devadatta có khởi lên ý muốn như sau: "Ta sẽ lãnh đạo chúng Tăng." Với tâm khởi lên như vậy, thưa Tôn giả, thần thông của Devadatta bị thối thất.

Thiên tử Kakudha nói lên như vậy, nói như vậy xong, đảnh lễ Tôn giả Mahāmoggallāna, thân phía hữu hướng về ngài rồi biến mất tại chỗ. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahāmoggallāna bạch Thế Tôn:

[101] *Chú giải*: *Tigāvuta* tức khoảng 6 dặm.

– Bạch Thế Tôn, Kakudha, người xứ Koliya, là thị giả của con, vừa mệnh chung và sanh ra[102] với thân do ý tạo thành, thân ấy với tự thể có được [to rộng] ví như hai hay ba thửa ruộng làng ở Magadha. Vị ấy với tự thể như vậy, không làm cho tự mình hay làm cho người khác bị bệnh. Rồi thiên tử Kakudha đi đến con; sau khi đến, đảnh lễ con rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, bạch Thế Tôn, thiên tử Kakudha thưa với con: "Thưa Tôn giả, Devadatta có khởi lên ý muốn như sau: 'Ta sẽ lãnh đạo chúng Tăng. Với tâm khởi lên như vậy, thưa Tôn giả, thần thông của Devadatta bị thối thất." Thiên tử Kakudha, bạch Thế Tôn, nói lên như vậy. Nói như vậy xong, thiên tử Kakudha đảnh lễ con rồi thân phía hữu hướng về con rồi biến mất.

– Này Moggallāna, có phải ông với tâm của mình biết được tâm của thiên tử Kakudha rằng: "Điều gì thiên tử Kakudha nói lên, tất cả đều là như vậy, không thể khác được"?

– Bạch Thế Tôn, với tâm của con, con biết được tâm của thiên tử Kakudha rằng: "Điều gì thiên tử Kakudha nói lên, tất cả đều là như vậy, không thể khác được."

– Này Moggallāna, hãy phòng hộ lời nói này! Này Moggallāna, hãy phòng hộ lời nói này! Nay kẻ ngu si ấy sẽ tự mình thấy rõ mình. Này Moggallāna, có năm bậc Đạo sư này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là năm?

Ở đây, này Moggallāna, có vị Đạo sư giới không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta có giới thanh tịnh. Giới của ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm." Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: "Tôn giả Đạo sư này có giới không thanh tịnh, lại tự nghĩ rằng: 'Ta có giới thanh tịnh. Giới của ta thanh tịnh, trong sáng, không uế nhiễm.' Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy thời vị Đạo sư sẽ không bằng lòng. Và nếu vị ấy không bằng lòng thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được." Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này Moggallāna, các đệ tử che chở giới cho bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở về giới cho mình.

Lại nữa, này Moggallāna, ở đây có bậc Đạo sư mạng sống không thanh tịnh lại tự cho rằng: "Ta có mạng sống thanh tịnh. Mạng sống của ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm." Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: "Vị Tôn giả Đạo sư này có mạng sống không thanh tịnh lại tự nghĩ rằng: 'Ta có mạng sống thanh tịnh. Mạng sống của ta thanh tịnh, trong sáng, không uế nhiễm.' Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy thời vị Đạo sư ấy không bằng lòng. Và nếu vị ấy không bằng lòng thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được." Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy,

[102] *Upapanna*. Xem *A*. IV. 225. Chữ này dùng tương phản với *paccājāta* đối với hữu tình phải tái sanh vào một chỗ khác, không phải ở đây.

này Moggallāna, các đệ tử che chở mạng sống cho bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở mạng sống cho mình.

Lại nữa, này Moggallāna, ở đây có bậc Đạo sư thuyết pháp không thanh tịnh lại tự cho rằng: “Ta thuyết pháp thanh tịnh. Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm.” Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: “Vị Tôn giả Đạo sư này thuyết pháp không thanh tịnh lại tự nghĩ rằng: ‘Ta thuyết pháp thanh tịnh. Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sáng, không uế nhiễm.’ Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy thời vị Đạo sư ấy sẽ không bằng lòng. Và nếu vị ấy không bằng lòng thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được.” Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này Moggallāna, các đệ tử phòng hộ cho sự thuyết pháp của bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở cho sự thuyết pháp của mình.

Lại nữa, này Moggallāna, ở đây có bậc Đạo sư trả lời không thanh tịnh lại tự cho rằng: “Ta trả lời thanh tịnh. Sự trả lời của ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm.” Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: “Vị Tôn giả Đạo sư này trả lời không thanh tịnh lại nghĩ rằng: ‘Ta trả lời thanh tịnh. Sự trả lời của ta thanh tịnh, trong sáng, không uế nhiễm.’ Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy thời vị Đạo sư ấy sẽ không bằng lòng. Và nếu vị ấy không bằng lòng thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được.” Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này Moggallāna, các đệ tử che chở cho sự trả lời của bậc Đạo sư, và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở cho sự trả lời của mình.

Lại nữa, này Moggallāna, ở đây có bậc Đạo sư tri kiến không thanh tịnh lại tự cho rằng: “Ta có tri kiến thanh tịnh. Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm.” Nhưng các đệ tử biết về vị ấy như sau: “Vị Tôn giả Đạo sư này tri kiến không thanh tịnh lại tự nghĩ rằng: ‘Ta có tri kiến thanh tịnh. Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm.’ Nếu chúng ta tin cho các cư sĩ biết như vậy thời vị Đạo sư sẽ không bằng lòng. Và nếu vị ấy không bằng lòng thời chúng ta sẽ xử sự như thế nào mới được.” Và vị ấy nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Những gì tự ngã sẽ làm, tự ngã sẽ được biết do việc làm ấy. Như vậy, này Moggallāna, các đệ tử che chở cho tri kiến của bậc Đạo sư và bậc Đạo sư như vậy chờ đợi các đệ tử che chở cho tri kiến của mình.

Này Moggallāna, Ta có giới thanh tịnh, và Ta tự rõ biết: “Giới của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm.” Các đệ tử không có che chở cho Ta về giới, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về giới. Mạng sống của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: “Mạng sống của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm.” Các đệ tử không có che chở Ta về mạng sống, và Ta không có chờ đợi

các đệ tử che chở cho Ta về mạng sống. Sự thuyết pháp của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: "Sự thuyết pháp của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm." Các đệ tử không có che chở Ta về thuyết pháp, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về thuyết pháp. Các câu trả lời của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: "Các câu trả lời của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm." Các đệ tử không có che chở Ta về các câu trả lời, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về các câu trả lời. Tri kiến của Ta thanh tịnh, Ta tự rõ biết: "Tri kiến của Ta thanh tịnh, trong sáng, không có uế nhiễm." Các đệ tử không có che chở Ta về tri kiến, và Ta không có chờ đợi các đệ tử che chở Ta về tri kiến.



XI. PHẨM AN ỔN TRÚ (*PHĀSUVIHĀRAVAGGA*)

I. KINH ĐÁNG SỢ HÃI (*Sārajjasutta*) (*A*. III. 127)

101. Này các Tỷ-kheo, có năm pháp này làm cho bậc Hữu học không sợ hãi. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, có tinh cần tinh tấn, có trí tuệ. Điều gì làm cho kẻ không có lòng tin sợ hãi, này các Tỷ-kheo, điều ấy không làm cho người có lòng tin sợ hãi; do vậy, pháp này là pháp làm cho bậc Hữu học không sợ hãi. Điều gì làm cho kẻ có ác giới sợ hãi, này các Tỷ-kheo, điều ấy không làm cho người có giới sợ hãi; do vậy, pháp này là pháp làm cho bậc Hữu học không sợ hãi. Điều gì làm cho kẻ ít nghe sợ hãi, này các Tỷ-kheo, điều ấy không làm cho người nghe nhiều sợ hãi; do vậy, pháp này là pháp làm cho bậc Hữu học không sợ hãi. Điều gì làm cho kẻ biếng nhác sợ hãi, này các Tỷ-kheo, điều ấy không làm cho người tinh cần tinh tấn sợ hãi; do vậy, pháp này là pháp làm cho bậc Hữu học không sợ hãi. Điều gì làm cho kẻ có ác tuệ sợ hãi, này các Tỷ-kheo, điều ấy không làm cho người có trí tuệ sợ hãi; do vậy, pháp này là pháp làm cho bậc Hữu học không sợ hãi.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, là các pháp làm cho bậc Hữu học không sợ hãi.

II. KINH ĐÁNG NGHI NGỜ (*Ussaṅkitasutta*) (*A*. III. 128)

102. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo bị mất sự tin tưởng và bị nghi ngờ là ác Tỷ-kheo, dầu cho vị ấy đã đạt được bất động.[103] Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến chỗ dâm nữ,[104] đi đến nhà đàn bà góa, đi đến nhà có con gái lớn tuổi, hay đi đến nhà các hoạn quan, hay đi đến chỗ các Tỷ-kheo-ni.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo bị mất sự tin tưởng và bị nghi ngờ là ác Tỷ-kheo, dầu cho vị ấy đã đạt được bất động.

---

[103] Nguyên bản là *api akuppadhama*. *Akuppa* tức là vị đã đoạn tận các lậu hoặc. *AA*. III. 278: *Api akuppadhammopīti api akuppadhammo khīṇāsavo samānopi parehi pāpabhikkhūhi ussaṅkitaparisaṅkito hotīti attho* ("Dầu cho vị ấy đã đạt được bất động" có nghĩa là dầu cho vị ấy không dao động, đang là bậc đoạn tận lậu hoặc, mà bị mất tin tưởng và bị nghi ngờ là bởi các ác Tỷ-kheo khác).

[104] Xem *Vin*. I. 70; *Vbh*. 246.

III. KINH KẺ ĂN TRỘM LỚN (*Mahācorasutta*) (*A*. III. 128)

103. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, một kẻ ăn trộm lớn[105] xâm nhập vào nhà cửa, mang đồ ăn trộm ra đi, thành người ăn trộm riêng rẽ, thành kẻ cướp chặn đường. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ ăn trộm lớn dựa vào sự hiểm trở [của con đường], dựa vào sự rậm rạp [của núi rừng], dựa vào quyền thế, là kẻ hối lộ, là kẻ ăn trộm một mình.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ ăn trộm lớn dựa vào sự hiểm trở?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ ăn trộm lớn dựa vào các con sông khó lội qua hay núi non hiểm trở. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là kẻ ăn trộm lớn dựa vào sự hiểm trở.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ ăn trộm lớn dựa vào sự rậm rạp?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ ăn trộm lớn dựa vào sự rậm rạp của cỏ cây, bụi cây và rừng rậm hoang vu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là kẻ ăn trộm lớn dựa vào sự rậm rạp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ ăn trộm lớn dựa vào uy lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ ăn trộm lớn dựa vào vua hay các vị đại thần của vua. Người ấy suy nghĩ như sau: "Nếu có ai nói điều gì về ta, các vị vua này hay các vị đại thần của vua sẽ nói những lời che chở cho ta." Nếu có ai nói điều gì về người ấy, các vua và các vị đại thần sẽ nói những lời che chở cho người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là kẻ ăn trộm lớn dựa vào uy lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ ăn trộm lớn dựa vào hối lộ tài sản?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ ăn trộm lớn giàu có, có tiền của nhiều, có tài sản lớn. Người ấy nghĩ như sau: "Nếu có ai nói gì đến ta, từ nay ta sẽ hối lộ người ấy với tài sản." Nếu có người nói gì đến người ấy, người ấy liền hối lộ với tài sản. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là kẻ ăn trộm lớn hối lộ với tài sản.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là kẻ ăn trộm lớn, là kẻ ăn trộm riêng rẽ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ ăn trộm lớn đoạt các tài vật một mình. Vì cớ sao? Người ấy suy nghĩ: "Mong rằng không ai bàn bạc chỗ trốn với ta rồi làm ta rối loạn." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là kẻ ăn trộm lớn, là kẻ ăn trộm riêng rẽ.

Thành tựu năm chi phần này, kẻ ăn trộm lớn xâm nhập vào nhà cửa, mang đồ ăn trộm ra đi, thành người ăn trộm riêng rẽ, thành người cướp chặn đường.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, kẻ ác Tỷ-kheo tự mình xử sự như kẻ mất gốc, bị tổn thương, có tội lỗi, bị những bậc trí quở trách, và làm nhiều điều vô phước. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo dựa vào hiểm trở, dựa vào rậm rạp, dựa vào uy lực, hối lộ tài sản và hành động một mình.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào hiểm trở?

---

[105] Xem *A*. I. 153; *Vin*. II. 89.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo thành tựu thân nghiệp hiểm nạn, thành tựu ngữ nghiệp hiểm nạn, thành tựu ý nghiệp hiểm nạn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào hiểm trở.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo dựa vào rừng rậm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo có tà kiến và thành tựu tri kiến cực đoan.[106] Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào rừng rậm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo dựa vào uy lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo dựa vào vua và các vị đại thần của vua. Người ấy suy nghĩ: "Nếu có ai nói gì về ta, các vua ấy và các đại thần ấy sẽ nói lời với mục đích che chở cho ta." Nếu có ai nói gì về người ấy, các vua chúa hay các vị đại thần của vua, nói lời với mục đích che chở người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo dựa vào uy lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo hối lộ tài sản?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo nhận được các vật dụng nhu yếu như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Người ấy suy nghĩ như sau: "Nếu có ai nói gì về ta, ta sẽ hối lộ người ấy với vật dụng thâu được." Và nếu có người nói gì về người ấy, người ấy hối lộ với vật dụng thâu được. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo hối lộ với tài sản.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác Tỷ-kheo hành động một mình?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo sống một mình tức là ở các địa phương biên địa. Tại đấy, vị ấy đến các gia đình và nhận được các lợi dưỡng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ác Tỷ-kheo hành động một mình.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, ác Tỷ-kheo tự mình xử sự như người bị mất gốc, bị tổn thương, có phạm tội, bị các người trí quở trách và làm nhiều điều vô phước.

IV. KINH SA-MÔN TINH TẾ (*Samaṇasukhumālasutta*)[107] (*A*. III. 130)

104. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo,[108] Tỷ-kheo là người đem lại an lạc của Sa-môn cho các Sa-môn. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được yêu cầu hưởng thụ nhiều y áo, không phải ít yêu cầu; được yêu cầu hưởng thụ nhiều đồ ăn khất thực, không phải ít yêu cầu; được yêu cầu hưởng thụ nhiều sàng tọa, không phải ít yêu cầu; được yêu cầu hưởng thụ nhiều dược phẩm trị bệnh, không phải ít yêu cầu.

Vị này sống với các vị đồng Phạm hạnh, và các vị này xử sự đối với vị ấy với thân hành nhiều khả ý, không phải ít khả ý; xử sự với khẩu hành nhiều

---

[106] *Antaggāhikāya*. *AA*. III. 279: *Antaggāhikāyāti sassataṃ vā ucchedaṃ vā gahetvā ṭhitāya* ("Tri kiến cực đoan" nghĩa là quan điểm chấp vào sự thường còn hoặc sự đoạn diệt). Xem *D*. 1, *Brahmajāla Sutta* (*Kinh Phạm võng*), *D*. I. 1.

[107] Bản tiếng Anh của PTS: *He Who Graces*, nghĩa là *Vị ấy là người đem lại an lạc*.

[108] Xem *A*. II. 87; *GS*. II. 97 (kinh 87 ở trước) đoạn nói về 4 pháp; *S*. IV. 230.

khả ý, không phải ít khả ý; xử sự với ý hành nhiều khả ý, không phải ít khả ý. Những vị này giúp đỡ vị ấy với sự giúp đỡ nhiều khả ý, không phải ít khả ý.

Và những cảm thọ nào do mật khởi lên, do đàm khởi lên, do gió khởi lên, hay do sự phối hợp [của ba sự kiện trên], hay do sự thay đổi thời tiết, hay do sự săn sóc bất cẩn, hay do sự xâm nhập của một vài sự kiện,[109] hay do kết quả của nghiệp, những sự kiện ấy khởi lên không có nhiều; vị ấy ít bệnh hoạn.

Và đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, [vị ấy] chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức.

Do đoạn diệt các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người đem lại sự an lạc của Sa-môn cho các hàng Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói một cách chơn chánh về vị đem lại an lạc của Sa-môn cho các Sa-môn, thời này các Tỷ-kheo, vị ấy sẽ nói một cách chơn chánh về Ta là người đã đem lại an lạc của Sa-môn cho các Sa-môn.

Này các Tỷ-kheo, Ta là người được yêu cầu hưởng thọ nhiều y áo, không phải ít yêu cầu; được yêu cầu hưởng thọ nhiều đồ ăn khất thực, không phải ít yêu cầu; được yêu cầu hưởng thọ nhiều sàng tọa, không phải ít yêu cầu; được yêu cầu hưởng thọ nhiều dược phẩm trị bệnh, không phải ít yêu cầu.

Ta sống với các vị đồng Phạm hạnh và các vị này xử sự đối với Ta với thân hành nhiều khả ý, không phải ít khả ý; xử sự với khẩu hành nhiều khả ý, không phải ít khả ý; xử sự với ý hành nhiều khả ý, không phải ít khả ý. Những vị này giúp đỡ Ta với sự giúp đỡ nhiều khả ý, không phải ít khả ý.

Và những cảm thọ do mật khởi lên, do đàm khởi lên, do gió khởi lên hay do sự phối hợp của ba sự kiện trên, hay do sự thay đổi thời tiết, hay do sự săn sóc bất cẩn, hay do sự xâm nhập của một vài sự kiện, hay do kết quả của nghiệp, những sự kiện ấy khởi lên nơi Ta không có nhiều; Ta có ít bệnh hoạn.

Và đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, Ta chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức.

Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, Ta tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói một cách chơn chánh về vị đem lại an lạc của Sa-môn cho các Sa-môn, thời này các Tỷ-kheo, vị ấy sẽ nói một cách chơn chánh về Ta là người đã đem lại an lạc của vị Sa-môn cho các vị Sa-môn.

V. KINH AN ỔN TRÚ (*Phāsuvihārasutta*) (*A*. III. 132)

105. Này các Tỷ-kheo, có năm an ổn trú[110] này, thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo: Tỷ-kheo an trú từ thân nghiệp đối với các vị đồng

[109] *Opakkamikāni*: Như một vài chứng bệnh.

[110] Về điều kiện thứ 4, xem *A*. III. 32; V. 179. Về điều kiện thứ 5, xem *D*. I. 235; II. 88; *M*. I. 69.

Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng; An trú từ khẩu nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng; An trú từ ý nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng; Đối với các giới không bị bể vụn, không bị sứt mẻ, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định, vị ấy sống thành tựu các giới như vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng; Và đối với tri kiến thuộc bậc Thánh, đưa đến xuất ly, được người thực hành chơn chánh đoạn diệt khổ đau, vị ấy sống thành tựu tri kiến như vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt và sau lưng.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm an ổn trú.

VI. KINH TÔN GIẢ ĀNANDA (*Ānandasutta*) (*A*. III. 132)

106. Một thời, Thế Tôn ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú?

– Này Ānanda, khi nào vị Tỷ-kheo tự mình đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới. Cho đến như vậy, này Ānanda, chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú.

– Bạch Thế Tôn, có pháp môn nào khác, nhờ vậy chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú?

Thế Tôn nói:

– Có thể có, này Ānanda, khi nào Tỷ-kheo đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới, tự quán sát mình, không quán sát người khác. Cho đến như vậy, này Ānanda, chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú.

– Bạch Thế Tôn, có pháp môn nào khác, nhờ vậy chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú?

Thế Tôn nói:

– Có thể có, này Ānanda, khi nào vị Tỷ-kheo đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới, tự quán sát mình, không quán sát người khác, chưa trở thành có danh tiếng, và không cảm thấy bực phiền vì không được có danh tiếng. Cho đến như vậy, này Ānanda, chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú.

– Bạch Thế Tôn, có pháp môn nào khác, nhờ vậy chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú?

Thế Tôn nói:

– Có thể có, này Ānanda, khi nào Tỷ-kheo đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới, tự quán sát mình, không quán sát người khác, chưa trở thành có danh tiếng, và không cảm thấy bực phiền vì không được có danh tiếng; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng

được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức. Cho đến như vậy, này Ānanda, chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú.

– Bạch Thế Tôn, có pháp môn nào khác, nhờ vậy chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú?

Thế Tôn nói:

– Có thể có, này Ānanda, khi nào Tỷ-kheo đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới, tự quán sát mình, không quán sát người khác, chưa trở thành có danh tiếng, và không cảm thấy bực phiền vì không được có danh tiếng; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức; do đoạn tận các lậu hoặc, vị ấy tự mình với thắng trí, ngay trong hiện tại chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Cho đến như vậy, này Ānanda, chúng Tỷ-kheo sống an ổn trú.

Ngoài các an ổn trú này, này Ānanda, Ta tuyên bố không có một an ổn trú nào khác cao thượng hơn, thù diệu hơn.

VII. KINH CÓ GIỚI (*Sīlasutta*) (*A*. III. 134)

107. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

VIII. KINH VÔ HỌC (*Asekhasutta*) (*A*. III. 134)

108. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính... là vô thượng phước điền ở đời.

IX. KINH NGƯỜI BỐN PHƯƠNG (*Cātuddisasutta*) (*A*. III. 135)

109. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người bốn phương. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

Vị ấy là bậc nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe, tích tập điều đã được nghe; đối với các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; các pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì nhiều, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến.[111]

Vị ấy biết đủ[112] với các vật dụng nhu yếu như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

Đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, vị ấy chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức.

Do đoạn diệt các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người bốn phương.

X. KINH SỐNG Ở RỪNG (*Araññasutta*)[113] (*A*. III. 135)

110. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sử dụng sàng tọa [trú xứ] thuộc rừng núi cao nguyên xa vắng. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới... (xem kinh 109)… chấp nhận và học tập trong các học pháp; là bậc nghe nhiều... chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến; sống tinh cần tinh tấn... nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo là vừa đủ để sử dụng các sàng tọa thuộc rừng núi cao nguyên xa vắng.



[111] Về hai điều kiện đầu này, xem *A*. II. 87; *GS*. II. 97 (kinh 87 ở trước).

[112] Xem *A*. IV. 233; V. 25, 127; *M*. II. 6; *S*. II. 194.

[113] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.21. 0879a10).

XII. PHẨM ANDHAKAVINDA
(*ANDHAKAVINDAVAGGA*)

I. KINH THÂN CẬN CÁC GIA ĐÌNH (*Kulūpakasutta*) (*A*. III. 136)

111. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thân cận các gia đình, không được các gia đình ái mộ, không thích ý, không kính trọng, không noi gương để tu tập. Thế nào là năm?

Vị ấy thân mật với người không thân tín,[114] can thiệp vào việc không có thẩm quyền,[115] ra vào với các phần tử chống đối (*vissaṭṭhupasevī*), nói riêng một bên tai (*upakaṇṇakajappī*), xin quá nhiều (*atiyācanako*).

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thân cận các gia đình, không được các gia đình ái mộ, không thích ý, không kính trọng, không noi gương để tu tập.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thân cận các gia đình, được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng, noi gương để tu tập. Thế nào là năm?

Vị ấy không thân mật với người không thân tín, không can thiệp vào việc không có thẩm quyền, không ra vào với các phần tử chống đối, không nói riêng một bên tai, không xin quá nhiều.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thân cận các gia đình, được các gia đình ái mộ, thích ý, kính trọng, noi gương để tu tập.

II. KINH SA-MÔN TÙY TÙNG (*Pacchāsamaṇasutta*) (*A*. III. 137)

112. Này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, một Tỷ-kheo không đáng được nhận làm Sa-môn tùy tùng.[116] Thế nào là năm? Đi quá xa hay quá gần; không cầm lấy bình bát đã được chứa đầy; không ngăn chặn lời nói đưa đến phạm tội; ngắt lời nói của người khác; ác tuệ, đần độn, câm điếc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo không đáng được nhận làm Sa-môn tùy tùng.

---

[114] *Asanthavavissāsī*. *AA*. III. 280: *Asanthavavissāsīti attanā saddhiṃ santhavaṃ akarontesu vissāsaṃ anāpajjantesuyeva vissāsaṃ karoti* ("Thân mật với người không thân tín" nghĩa là tạo sự thân mật nơi người không chấp nhận kết thân, không muốn kết thân với mình).

[115] *Anissaravikappī*. *AA*. III. 280: *Anissaravikappīti anissarova samāno "imaṃ detha, imaṃ gaṇhathā" ti issaro viya vikappeti* ("Can thiệp vào việc không có thẩm quyền" nghĩa là hiện không có thẩm quyền mà sắp xếp như người đứng đầu rằng "Hãy đưa cái này, hãy lấy cái kia").

[116] Một vị ít hạ lạp. Bốn điều kiện đầu, xem *Vin*. I. 46 (thứ tự có khác). Điều kiện thứ tư, xem *A*. III. 392; *M*. II. 122; *Sn*. 107.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo đáng được nhận làm Sa-môn tùy tùng. Thế nào là năm? Không đi quá xa hay không đi quá gần; cầm lấy bình bát đã được chứa đầy; ngăn chặn lời nói đưa đến phạm tội; không ngắt lời nói của người khác; có trí tuệ, không đần độn, không câm điếc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo đáng được nhận làm Sa-môn tùy tùng.

III. KINH CHÁNH ĐỊNH (*Sammāsamādhisutta*) (*A*. III. 137)

113. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt đến và an trú chánh định. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhẫn các sắc, không kham nhẫn các tiếng, không kham nhẫn các hương, không kham nhẫn các vị, không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt đến và an trú chánh định.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt đến và an trú chánh định. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc, kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương, kham nhẫn các vị, kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt đến và an trú chánh định.

IV. KINH TẠI ANDHAKAVINDA (*Andhakavindasutta*) (*A*. III. 138)

114. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại Andhakavinda. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

– Những Tỷ-kheo nào, này Ānanda, là tân học xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này, các Tỷ-kheo ấy, này Ānanda, thật sự cần phải khích lệ, cần phải được hỗ trợ, cần làm cho an trú trong năm pháp. Thế nào là trong năm pháp?

"Hãy đến, này các Hiền giả, các ông cần phải giữ giới, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp." Như vậy, họ cần được khích lệ, cần phải được hỗ trợ, cần làm cho an trú trong sự bảo vệ của Giới bổn.

"Hãy đến, này các Hiền giả, các ông cần phải sống với các căn môn phải được chế ngự, thành tựu với niệm được phòng hộ, với niệm thận trọng sáng suốt, với ý được khéo phòng hộ, với tâm được chánh niệm bảo vệ." Như vậy, họ cần được khích lệ, cần được hỗ trợ, cần làm cho an trú trong sự bảo vệ các căn.

"Hãy đến, này các Hiền giả, hãy nói ít lại, hãy hạn chế lời nói." Như vậy,

họ cần được khích lệ, cần phải được hỗ trợ, cần làm cho an trú trong sự hạn chế lời nói.

"Hãy đến, này các Hiền giả, hãy là những người sống trong rừng, hãy sử dụng các trú xứ núi rừng cao nguyên xa vắng." Như vậy, họ cần phải được khích lệ, cần phải được hỗ trợ, cần làm cho an trú trong nếp sống thân viễn ly.

"Hãy đến, này các Hiền giả, hãy có chánh tri kiến, thành tựu chánh kiến." Như vậy, họ cần phải được khích lệ, cần phải được hỗ trợ, cần làm cho an trú trong chánh kiến.

Này Ānanda, các Tỷ-kheo nào tân học, xuất gia không bao lâu, mới đến trong Pháp và Luật này, này Ānanda, các Tỷ-kheo ấy cần phải được các ông khích lệ, cần phải được hỗ trợ, cần làm cho an trú trong năm pháp này.

V. KINH XAN LẪN (*Maccharinīsutta*) (*A*. III. 139)

115. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Xan tham về chỗ ở, xan tham về sự giúp đỡ của các gia đình, xan tham về các vật dụng được cúng dường, xan tham về sự tán thán, xan tham về pháp.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Không xan tham về chỗ ở, không xan tham về sự giúp đỡ của các gia đình, không xan tham về các vật dụng được cúng dường, không xan tham về sự tán thán, không xan tham về pháp.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

VI. KINH TÁN THÁN (*Vaṇṇanāsutta*) (*A*. III. 139)

116. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát, đặt lòng tin vào những chỗ không đáng được tịnh tín; không suy xét, không thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín; bác bỏ các vật dụng tín thí.

Do thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán; có suy xét, có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán; có suy xét, có thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ không đáng được tịnh tín; có suy xét, có thẩm sát, đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín; không bác bỏ các vật dụng tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

VII. KINH GANH TỴ (*Issukinīsutta*) (*A*. III. 140)

117. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán; ganh tỵ; xan tham; bác bỏ các vật dụng tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là năm?

Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán; có suy xét, có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán; không có ganh tỵ; không có xan tham; không bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

VIII. KINH TÀ KIẾN (*Micchādiṭṭhikasutta*)[117] (*A*. III. 140)

118. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán; có tà kiến; có tà tư duy; bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là năm?

Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán; có suy xét, có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán; có chánh tri kiến; có chánh tư duy; không bác bỏ các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo-ni như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

IX. KINH TÀ NGỮ (*Micchāvācāsutta*)[118] (*A*. III. 141)

119. (Như kinh 118 ở trên, chỉ có khác trong kinh này: "Tà ngữ, tà nghiệp" thay thế cho "tà kiến, tà tư duy" và "chánh ngữ, chánh nghiệp" thay thế cho "chánh tri kiến, chánh tư duy").

---

[117] Bản tiếng Anh của PTS: *View*, nghĩa là *Kiến*.

[118] Bản tiếng Anh của PTS: *Speech*, nghĩa là *Lời nói*.

X. KINH TÀ TINH TẤN (*Micchāvāyāmasutta*)[119] (*A*. III. 141)

120. (Như kinh 118 ở trên, chỉ khác trong kinh này: "Tà tinh tấn, tà niệm" thay thế cho "tà kiến, tà tư duy" và "chánh tinh tấn, chánh niệm" thay thế cho "chánh tri kiến, chánh tư duy").



[119] Bản tiếng Anh của PTS: *Effort*, nghĩa là *Tinh tấn*.

XIII. PHẨM BỆNH
(*GILĀNAVAGGA*)

I. KINH BỆNH (*Gilānasutta*) (*A.* III. 142)

121. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến hành lang người bệnh. Thế Tôn thấy một Tỷ-kheo ốm yếu bệnh hoạn, thấy vậy, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nếu năm pháp này không rời bỏ một kẻ ốm yếu bệnh hoạn thời người ấy được chờ đợi như sau: Không bao lâu, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí sẽ chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống quán bất tịnh trên thân, với tưởng ghê tởm đối với các món ăn, với tưởng không thích thú đối với tất cả thế giới, quán vô thường trong tất cả hành và nội tâm khéo an trú trong tưởng về chết.[120]

Này các Tỷ-kheo, nếu năm pháp này không rời bỏ một kẻ ốm yếu bệnh hoạn thời người ấy được chờ đợi như sau: Không bao lâu, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí sẽ chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

II. KINH KHÉO AN TRÚ NIỆM (*Satisūpaṭṭhitasutta*) (*A.* III. 143)

122. Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, tu tập, làm cho sung mãn năm pháp này, một trong hai quả sau đây được chờ đợi cho vị ấy: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y chứng quả Bất hoàn. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nội tâm được khéo an trú với trí tuệ về sự sanh diệt của các pháp, sống quán bất tịnh trên thân, với tưởng ghê tởm đối với các món ăn, với tưởng không thích thú đối với tất cả thế giới, quán vô thường đối với tất cả hành.

Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, tu tập năm pháp này, làm cho sung mãn năm pháp này, một trong hai quả sau đây được chờ đợi cho vị ấy: Ngay trong hiện tại được Chánh trí, hay nếu có dư y chứng quả Bất hoàn.

---

[120] Xem *A.* III. 83; *GS.* III. 69 (kinh 71 ở trước).

III. KINH SĂN SÓC BỆNH THỨ NHẤT
(*Paṭhamaupaṭṭhākasutta*)[121] (*A*. III. 143)

123. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người bị bệnh là người tự săn sóc bệnh mình không được tốt đẹp. Thế nào là năm?

Làm điều không thích đáng; không biết vừa phải trong khi chữa trị; không sử dụng thuốc; với người săn sóc bệnh muốn lợi ích [cho mình, cho người bệnh], không có như thật nói rõ bệnh hoạn: Khi tăng tiến là tăng tiến như vậy, khi giảm thiểu là giảm thiểu như vậy, khi đứng lại là đứng lại như vậy; đối với các khổ thọ thuộc về thân khởi lên khốc liệt, cường liệt, mãnh liệt, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng, khó lòng nhẫn thọ.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người bị bệnh là người tự săn sóc bệnh mình không được tốt đẹp.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người bị bệnh là người tự săn sóc bệnh mình được tốt đẹp. Thế nào là năm?

Làm điều thích đáng; biết vừa phải trong khi chữa trị; có sử dụng thuốc; với người săn sóc bệnh muốn lợi ích [cho mình], như thật nói rõ bệnh hoạn: Khi tăng tiến là tăng tiến như vậy, khi giảm thiểu là giảm thiểu như vậy, khi đứng lại là đứng lại như vậy; đối với các khổ thọ thuộc về thân khởi lên khốc liệt, cường liệt, mãnh liệt, không thích thú, không thích ý, đoạt mạng, có thể nhẫn chịu.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người bị bệnh là người tự săn sóc bệnh mình được tốt đẹp.

IV. KINH SĂN SÓC BỆNH THỨ HAI
(*Dutiyaupaṭṭhākasutta*)[122] (*A*. III. 144)

124. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người săn sóc bệnh không đủ khả năng để săn sóc người bệnh. Thế nào là năm?

Không có năng lực pha thuốc; không biết cái gì thích đáng và cái gì không thích đáng, đưa cái gì không thích đáng và không đưa cái gì thích đáng; vì muốn lợi ích vật chất, săn sóc người bệnh, không phải vì lòng từ; cảm thấy ghê tởm khi phải dọn phân, nước tiểu, đồ mửa ra, hay đờm; không có năng lực thỉnh thoảng với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho người bệnh hoan hỷ.

Thành tựu năm pháp này, một người săn sóc bệnh không đủ khả năng để săn sóc người bệnh.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người săn sóc bệnh có đủ khả năng để săn sóc người bệnh. Thế nào là năm?

Có năng lực pha thuốc; biết cái gì thích đáng và cái gì không thích đáng, đưa cái gì thích đáng và không đưa cái gì không thích đáng; vì lòng từ săn sóc người bệnh, không vì lợi ích vật chất; không cảm thấy ghê tởm khi phải dọn

---

[121] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.8. 0680b19).

[122] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.32.9. 0680c03).

phân, nước tiểu, đồ mửa ra, hay đờm; có năng lực thỉnh thoảng với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho người bệnh hoan hỷ.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người săn sóc bệnh có đủ khả năng để săn sóc người bệnh.

V. KINH TỔN THỌ THỨ NHẤT (*Paṭhamaanāyussāsutta*) (*A*. III. 145)

125. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, không gia tăng tuổi thọ. Thế nào là năm? Làm việc không thích đáng, không biết vừa phải trong việc thích đáng, ăn các đồ không tiêu hóa, du hành phi thời, và sống không Phạm hạnh.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không gia tăng tuổi thọ.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, gia tăng tuổi thọ. Thế nào là năm? Làm việc thích đáng, biết vừa phải trong việc thích đáng, ăn các đồ ăn tiêu hóa, du hành phải thời, và sống Phạm hạnh.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, gia tăng tuổi thọ.

VI. KINH TỔN THỌ THỨ HAI (*Dutiyaanāyussāsutta*) (*A*. III. 145)

126. (Như kinh trên, chỉ khác hai pháp sau cùng "du hành phi thời và sống không Phạm hạnh" được thế vào "với ác giới và bạn bè ác." Và hai thiện pháp "du hành phải thời và sống Phạm hạnh" được thế vào "với có giới và bạn bè thiện").

VII. KINH SỐNG BIỆT LẬP (*Vapakāsasutta*) (*A*. III. 145)

127. Thành tựu năm pháp này, vị Tỷ-kheo không đủ điều kiện để sống biệt lập với chúng Tăng. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tự vừa đủ với y nhận được chỗ này chỗ kia, không tự vừa đủ với đồ ăn khất thực nhận được chỗ này chỗ kia, không tự vừa đủ với sàng tọa nhận được chỗ này chỗ kia, không tự vừa đủ với dược phẩm trị bệnh nhận được chỗ này chỗ kia, sống với nhiều tư duy về dục.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo không đủ điều kiện để sống biệt lập với chúng Tăng.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo đủ điều kiện để sống biệt lập với chúng Tăng. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự vừa đủ với y nhận được chỗ này chỗ kia, tự vừa đủ với đồ ăn khất thực nhận được chỗ này chỗ kia, tự vừa đủ với sàng tọa nhận được chỗ này chỗ kia, tự vừa đủ với dược phẩm nhận được chỗ này chỗ kia, sống với nhiều tư duy về viễn ly.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ điều kiện để sống biệt lập với chúng Tăng.

VIII. KINH AN LẠC CHO SA-MÔN (*Samaṇasukhasutta*)[123] (*A*. III. 146)

128. Có năm điều khổ này cho Sa-môn. Thế nào là năm?

---

[123] Bản tiếng Anh của PTS: *The Ills of a Recluse*, nghĩa là *Các điều khổ của một Sa-môn*.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tự vừa đủ với y nhận được chỗ này chỗ kia, không tự vừa đủ với đồ ăn khất thực nhận được chỗ này chỗ kia, không tự vừa đủ với sàng tọa nhận được chỗ này chỗ kia, không tự vừa đủ với dược phẩm trị bệnh nhận được chỗ này chỗ kia, sống không vui thích trong Phạm hạnh.

Này các Tỷ-kheo, có năm điều khổ này cho Sa-môn.

Có năm an lạc này cho Sa-môn. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự vừa đủ với y nhận được chỗ này chỗ kia, tự vừa đủ với đồ ăn khất thực nhận được chỗ này chỗ kia, tự vừa đủ với sàng tọa nhận được chỗ này chỗ kia, tự vừa đủ với dược phẩm trị bệnh nhận được chỗ này chỗ kia, sống vui thích trong Phạm hạnh.

Này các Tỷ-kheo, có năm an lạc này cho Sa-môn.

IX. KINH NGŨ NGHỊCH (*Parikuppasutta*)[124] (*A*. III. 146)

129. Có năm nghịch tội, này các Tỷ-kheo, đưa đến đọa xứ, đưa đến địa ngục, không có thể chữa trị. Thế nào là năm? Đoạt mạng mẹ, đoạt mạng cha, đoạt mạng vị A-la-hán, với ác tâm làm thân Như Lai chảy máu, phá hòa hợp Tăng.

Này các Tỷ-kheo, năm pháp ngũ nghịch này, đưa đến đọa xứ, đưa đến địa ngục, không có thể chữa trị.

X. KINH TỔN THẤT (*Byasanasutta*)[125] (*A*. III. 147)

130. Này các Tỷ-kheo, có năm điều tổn thất này. Thế nào là năm? Tổn thất bà con, tổn thất tài sản, tổn thất tật bệnh, tổn thất giới, tổn thất tri kiến.

Này các Tỷ-kheo, không do nhân tổn thất bà con, hay không do nhân tổn thất tài sản, hay không do nhân tổn thất bệnh hoạn mà các loài hữu tình sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, chính do nhân tổn thất giới, hay do nhân tổn thất tri kiến mà các loài hữu tình sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, có năm tổn thất này.

Này các Tỷ-kheo, có năm thành tựu này. Thế nào là năm? Thành tựu bà con, thành tựu tài sản, thành tựu vô bệnh, thành tựu giới, thành tựu tri kiến.

Này các Tỷ-kheo, không do nhân thành tựu bà con, hay không do nhân thành tựu tài sản, hay không do nhân thành tựu vô bệnh, mà các loài hữu tình sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, chính do nhân thành tựu giới hay do nhân thành tựu tri kiến, mà các loài hữu tình sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ-kheo, có năm thành tựu này.

---

[124] *Parikuppa*. *AA*. III. 283: *Parikuppāti parikuppanasabhāvā purāṇavaṇasadisā* ("Đối nghịch" nghĩa là bản chất chống đối như gây ra thương tích đau đớn, hao tổn).

[125] *Sampadā*. Xem *D*. 33, *Saṅgīti Sutta* (*Kinh Phúng tụng*); *DB*. III. 225, 235. Bản tiếng Anh của PTS: *Profit*, nghĩa là *Lợi ích*.

XIV. PHẨM VUA
(*RĀJAVAGGA*)

I. KINH CHUYỂN LUÂN THUẬN PHÁP THỨ NHẤT
(*Paṭhamacakkānuvattanasutta*) (*A*. III. 147)

131. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân chuyển bánh xe với pháp;[126] bánh xe ấy, không một bàn tay ai có thể chuyển ngược lại, dầu là con của người thù địch. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân biết nghĩa, biết pháp, biết vừa phải,[127] biết thời[128] và biết hội chúng.[129]

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân chuyển bánh xe với pháp; bánh xe ấy, không một bàn tay ai có thể chuyển ngược lại, dầu là con của người thù địch.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chuyển pháp luân vô thượng với pháp; bánh xe ấy, không do một ai có thể chuyển ngược lại, dầu là Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác biết nghĩa, biết pháp, biết vừa phải, biết thời và biết hội chúng.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác chuyển pháp luân vô thượng với pháp; bánh xe ấy, không do một ai có thể chuyển ngược lại, dầu là Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời.

II. KINH CHUYỂN LUÂN THUẬN PHÁP THỨ HAI
(*Dutiyacakkānuvattanasutta*) (*A*. III. 148)

132. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con trưởng Vua Chuyển Luân tiếp tục chuyển vận bánh xe pháp do phụ vương đã chuyển vận; bánh xe ấy, không một bàn tay ai có thể chuyển ngược lại, dầu là con của người thù địch. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con trưởng Vua Chuyển Luân biết nghĩa, biết pháp, biết vừa phải, biết thời và biết hội chúng.

---

[126] *Dasakusaladhamma. Chú giải* chỉ cho mười thiện pháp.

[127] *Chú giải* giải thích trong các hình phạt, luật lệ.

[128] *Chú giải* giải thích thời gian vui chơi, thời gian làm việc ở triều đình, thời gian đi thăm trong nước.

[129] *Chú giải* cho là hội chúng hoàng tộc hay Bà-la-môn, v.v...

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con trưởng Vua Chuyển Luân tiếp tục chuyển vận bánh xe pháp do phụ vương đã chuyển vận; bánh xe ấy, không một bàn tay ai có thể chuyển ngược lại, dầu là con của người thù địch.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Sāriputta thành tựu năm pháp chơn chánh tiếp tục chuyển vận pháp luân vô thượng do Như Lai đã chuyển vận; bánh xe ấy, không do một ai có thể chuyển ngược lại, dầu là Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sāriputta biết nghĩa, biết pháp, biết vừa đủ, biết thời và biết hội chúng.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Sāriputta chơn chánh tiếp tục chuyển vận pháp luân vô thượng do Như Lai đã chuyển vận; bánh xe ấy, không do một ai có thể chuyển ngược lại, dầu là Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời.

III. KINH PHÁP VƯƠNG (*Dhammarājāsutta*)[130] (*A*. III. 149)

133. Này các Tỷ-kheo, ai là Vua Chuyển Luân, vị đúng pháp, Pháp vương; vị ấy chuyển vận bánh xe pháp không phải không thuộc của vua.

Khi nghe nói vậy, một vị Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ai là Vua Chuyển Luân, vị đúng pháp, Pháp vương?

– Chính là pháp, này Tỷ-kheo.

Thế Tôn nói vậy.

– Ở đây, này Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân, vị đúng pháp, Pháp vương ấy, y cứ pháp, tôn kính pháp, kính trọng pháp, tôn trọng pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm ngọn cờ, lấy pháp làm tăng thượng. Vị này sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chế ngự đúng pháp cho dân chúng trong nước.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân, vị đúng pháp, Pháp vương ấy, y cứ pháp, tôn kính pháp, kính trọng pháp, tôn trọng pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm ngọn cờ, lấy pháp làm tăng thượng. Vị này sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chế ngự đúng pháp cho các Sát-đế-ly, tùy tùng, cho quân đội, cho các Bà-la-môn gia chủ, cho dân chúng thị trấn và quốc độ, cho các Sa-môn, Bà-la-môn, cho các loài thú và loài chim.

Như vậy, này Tỷ-kheo, Vua Chuyển Luân, vị đúng pháp, Pháp vương ấy, y cứ pháp, tôn kính pháp, kính trọng pháp, tôn trọng pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm ngọn cờ, lấy pháp làm tăng thượng; sau khi sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chế ngự đúng pháp cho dân chúng trong nước; sau khi sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chế ngự đúng pháp cho các Sát-đế-ly, tùy tùng, cho quân đội, cho các Bà-la-môn gia chủ, cho dân chúng thị trấn và quốc độ, cho các Sa-môn, Bà-la-môn, cho các loài thú và loài chim; vị ấy chuyển vận bánh xe pháp; bánh xe ấy, không một bàn tay ai có thể chuyển ngược lại, dầu là con của người thù địch.

---

[130] Bản tiếng Anh của PTS: *The Onward Roll of the Wheel* (a), nghĩa là *Chuyển luân thuận pháp* (a).

Cũng vậy, này Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vị đúng pháp, Pháp vương, y cứ pháp, tôn kính pháp, kính trọng pháp, tôn trọng pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm ngọn cờ, lấy pháp làm tăng thượng; sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chế ngự đúng pháp giữa các Tỷ-kheo: Thân nghiệp như vậy cần phải thực hành, thân nghiệp như vậy không nên thực hành; khẩu nghiệp như vậy cần phải thực hành, khẩu nghiệp như vậy không nên thực hành; ý nghiệp như vậy cần phải thực hành, ý nghiệp như vậy không nên thực hành; mạng sống như vậy cần phải thực hành, mạng sống như vậy không nên thực hành; làng, thị trấn như vậy cần phải đi đến, và làng, thị trấn như vậy không nên đi đến.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vị đúng pháp, Pháp vương, y cứ pháp, tôn kính pháp, kính trọng pháp, tôn trọng pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm ngọn cờ, lấy pháp làm tăng thượng; sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chế ngự đúng pháp giữa các Tỷ-kheo-ni… giữa các nam cư sĩ… giữa các nữ cư sĩ: Thân nghiệp như vậy cần phải thực hành, thân nghiệp như vậy không nên thực hành; khẩu nghiệp như vậy cần phải thực hành, khẩu nghiệp như vậy không nên thực hành; ý nghiệp như vậy cần phải thực hành, ý nghiệp như vậy không nên thực hành; mạng sống như vậy cần phải thực hành, mạng sống như vậy không nên thực hành; làng, thị trấn như vậy cần phải đi đến, và làng, thị trấn như vậy không nên đi đến.

Như vậy, này Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vị đúng pháp, Pháp vương, y cứ pháp, tôn kính pháp, kính trọng pháp, tôn trọng pháp, lấy pháp làm tràng phan, lấy pháp làm ngọn cờ, lấy pháp làm tăng thượng; sau khi sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chế ngự đúng pháp giữa các Tỷ-kheo; sau khi sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chế ngự đúng pháp giữa các Tỷ-kheo-ni; sau khi sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chế ngự đúng pháp giữa các nam cư sĩ; sau khi sắp đặt một sự phòng hộ, bảo vệ, chế ngự đúng pháp giữa các nữ cư sĩ; Như Lai làm cho chuyển vận vô thượng pháp luân với pháp; bánh xe ấy, không một Sa-môn hay Bà-la-môn, Thiên, Ma hay Phạm thiên, hay bất cứ ai ở đời có thể chuyển ngược lại.

IV. KINH TẠI MỖI PHƯƠNG HƯỚNG (*Yassaṃdisaṃsutta*) (*A*. III. 151)

134. Thành tựu năm chi phần này,[131] này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh sống tại phương hướng nào, vị ấy sống trong lĩnh vực mình chiếm đoạt được. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh;[132] là nhà giàu có, đại phú, sung túc tài sản, ngân khố, kho lúa sung mãn;[133] có uy lực,

---

[131] Về tám pháp, xem *D*. I. 137.

[132] Xem *A*. I. 163; III. 221; *GS*. III. 163 (kinh 192 ở sau); *D*. I. 113; *Sn*. 115; *J*. I. 2.

[133] Xem *D*. I. 134; *Vin*. I. 342.

đầy đủ bốn loại binh chủng trung thành và sẵn sàng tuân lệnh; vị tư lệnh, là bậc hiền trí tinh luyện, sáng suốt và có suy tư về những vấn đề quá khứ, vị lai, hiện tại;[134] và bốn pháp này khiến danh xưng vị ấy được chín muồi. Thành tựu với pháp danh xưng thứ năm này, tại phương hướng nào vị ấy trú ở, vị ấy sống trong lãnh vực mình chiếm đoạt được. Vì sao? Vì như vậy là địa hạt của những người thắng trận.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo sống tại phương hướng nào, vị ấy sống với tâm giải thoát. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp; như vậy, giống như vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đầy đủ về thọ sanh.

Vị ấy là bậc nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe; đối với các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; đối với các pháp như vậy được nghe nhiều, được thọ trì, được ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thể nhập nhờ chánh kiến; như vậy, giống như vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, giàu có, đại phú, sung túc tài sản, ngân khố, kho lúa sung mãn.

Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, thành tựu các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các pháp thiện; như vậy, giống như vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đầy đủ uy lực.

Vị ấy có trí tuệ, thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau; như vậy, giống như vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, đầy đủ với vị tư lệnh.

Bốn pháp này khiến sự giải thoát của vị ấy được chín muồi. Thành tựu với pháp giải thoát thứ năm này, vị ấy trú tại phương hướng nào, vị ấy trú với tâm giải thoát. Vì sao? Vì như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là [địa hạt] của những tâm giải thoát.[135]

V. KINH HY VỌNG THỨ NHẤT (*Paṭhamapatthanāsutta*)[136] (*A*. III. 152)

135. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh có hy vọng về quốc độ. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một giềm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; Đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen;[137] Được cha mẹ thương yêu, ưa thích; Được dân chúng quốc độ, thị trấn thương

[134] Trong *D*. I. 137, đây là một đặc tánh của vị vua.

[135] *Vimuttacitta*. *AA*. III. 286: *Vimuttacittānanti pañcahi vimuttīhi vimuttamānasānaṃ* ("Tâm giải thoát" nghĩa là sự giải thoát của tâm ý, là sự giải thoát thứ năm).

[136] *Patthanā*, *pa* + √*arth*, hướng đến thiện, hướng đến mục đích.

[137] Xem *A*. III. 87; *GS*. III. 72 (kinh 75 ở trước).

yêu, ưa thích; Đối với các nghề nghiệp thuộc vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh như nghề voi, ngựa, xe, cung và chuôi gươm, vị ấy hoàn toàn được huấn luyện.

Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta được thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ? Ta đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ? Ta được cha mẹ thương yêu, ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ? Ta được dân chúng quốc độ, thị trấn thương yêu, ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ? Đối với các nghề nghiệp thuộc vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh như nghề voi, ngựa, xe, cung và chuôi gươm, ta hoàn toàn được huấn luyện, tại sao ta lại không đặt hy vọng về quốc độ?"

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh đặt hy vọng vào quốc độ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy ít bệnh, ít não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn.

Tỷ-kheo ấy không lừa đảo, dối gạt; nêu rõ tự mình như chân đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt, hay đối với các vị đồng Phạm hạnh.

Tỷ-kheo ấy sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu với các pháp thiện.

Tỷ-kheo ấy có trí tuệ, thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: 'Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn', tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta ít bệnh, ít não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta không lừa đảo, dối gạt, nêu rõ tự mình như chân đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt, hay đối với các vị đồng Phạm hạnh, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không có từ bỏ gánh nặng đối với các pháp thiện, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta có trí tuệ, thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh,

thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?"

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc.

VI. KINH HY VỌNG THỨ HAI (*Dutiyapatthanāsutta*) (*A*. III. 154)

136. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh đặt hy vọng vào địa vị Phó vương. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; Đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen; Được cha mẹ thương yêu, ưa thích; Được quân đội thương yêu, ưa thích; Có trí tuệ, thiện xảo, thông minh; có khả năng suy nghĩ những vấn đề quá khứ, tương lai, hiện tại.

Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta được thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị Phó vương? Ta đẹp trai, khả ái, làm đẹp lòng mọi người với dung sắc thù thắng như hoa sen, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị Phó vương? Ta được cha mẹ thương yêu, ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị Phó vương? Ta được quân đội thương yêu, ưa thích, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị Phó vương? Ta là bậc có trí tuệ, thiện xảo, thông minh; có khả năng suy nghĩ những vấn đề quá khứ, tương lai, hiện tại, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào địa vị Phó vương?"

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con trưởng của vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh đặt hy vọng vào địa vị Phó vương.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu năm pháp, đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Vị Tỷ-kheo có giới, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ oai nghi, chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp; Là bậc nghe nhiều, giữ gìn điều được nghe, tích tập điều được nghe; đối với các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; đối với các pháp như vậy, được nghe nhiều, được thọ trì, được ghi nhớ nhờ đọc tụng, chuyên ý quán sát, khéo thể nhập nhờ chánh kiến; Đối với bốn niệm xứ, tâm khéo an trú;[138] Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho thành tựu các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các pháp thiện; Có trí tuệ, thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

---

[138] Xem *A*. III. 14 (kinh 15 ở trước).

Vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta có giới, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, ta chấp nhận và học tập các thiện pháp, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta là người nghe nhiều, gìn giữ điều được nghe, tích tập điều được nghe; đối với các pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; đối với các pháp như vậy, ta được nghe nhiều, được thọ trì, được ghi nhớ nhờ đọc tụng, chuyên ý quán sát, khéo thể nhập nhờ chánh kiến, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta khéo an trú tâm vào bốn niệm xứ, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho thành tựu các thiện pháp, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc? Ta là bậc có trí tuệ, thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau, tại sao ta lại không đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc?"

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đặt hy vọng vào sự đoạn diệt các lậu hoặc.

VII. KINH NGỦ RẤT ÍT (*Appaṃsupatisutta*) (*A*. III. 156)

137. Năm hạng người, này các Tỷ-kheo, ban đêm ngủ ít, thức nhiều. Thế nào là năm?

Người đàn bà, này các Tỷ-kheo, thao thức đến đàn ông, ban đêm ngủ ít, thức nhiều. Người đàn ông, này các Tỷ-kheo, thao thức đến đàn bà, ban đêm ngủ ít, thức nhiều. Người ăn trộm, này các Tỷ-kheo, thao thức đến đồ ăn trộm, ban đêm ngủ ít, thức nhiều. Vị vua, này các Tỷ-kheo, lo lắng các công việc của vua, ban đêm ngủ ít, thức nhiều. Vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, thao thức đến ly hệ phược, ban đêm ngủ ít, thức nhiều.

Năm hạng người này, này các Tỷ-kheo, ban đêm ngủ ít, thức nhiều.

VIII. KINH ĂN CÁC VẬT THỰC (*Bhattādakasutta*)[139] (*A*. III. 156)

138. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, một con voi của vua, ăn đồ ăn nhiều, choán chiếm nhiều chỗ (*okāsapharaṇa*), vung vãi đại tiện, nắm giữ thẻ đồ ăn; chỉ được gọi là con voi của vua. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không kham nhẫn các sắc, không kham nhẫn các tiếng, không kham nhẫn các hương, không kham nhẫn các vị, không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, một con voi của vua, ăn đồ ăn nhiều, choán chiếm nhiều chỗ, vung vãi đại tiện, nắm giữ thẻ đồ ăn; chỉ được gọi là con voi của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo ăn đồ ăn

[139] Bản tiếng Anh của PTS: *The Eater of Eatables*, nghĩa là *Ăn các đồ vật thực*.

nhiều, choán chiếm nhiều chỗ, làm đổ giường nằm và nắm giữ thẻ đồ ăn; vị ấy chỉ được xem là một Tỷ-kheo. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhẫn các sắc, không kham nhẫn các tiếng, không kham nhẫn các hương, không kham nhẫn các vị, không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo ăn đồ ăn nhiều, choán chiếm nhiều chỗ, làm đổ giường nằm và nắm giữ thẻ đồ ăn; vị ấy chỉ được xem là một Tỷ-kheo.

IX. KINH KHÔNG THỂ KHAM NHẪN (*Akkhamasutta*) (*A*. III. 157)

139. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không xứng đáng cho vua, không là tài sản của vua, không được xem là một biểu tượng của vua. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không kham nhẫn các sắc, không kham nhẫn các tiếng, không kham nhẫn các hương, không kham nhẫn các vị, không kham nhẫn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các sắc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khi đi đến chiến trận, thấy đoàn voi, hay thấy đoàn ngựa, hay thấy đoàn xe, hay thấy đoàn bộ binh, đã chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không kham nhẫn đối với các sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các tiếng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, đi đến chiến trận, khi nghe tiếng voi, nghe tiếng ngựa, nghe tiếng xe, nghe tiếng bộ binh, hay nghe tiếng trống lớn, thanh la, tiếng tù và, tiếng trống nhỏ, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua không kham nhẫn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các hương?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi nó ngửi mùi phân và nước tiểu các con voi của vua thuộc loại quý chủng đã quen chiến trận, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các vị?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua khi đi đến chiến trận, chán ngấy một máng cỏ và nước, hay chán ngấy hai, ba, bốn hay năm máng cỏ và nước, liền chùn chân, rủn chí, không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua không kham nhẫn các xúc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi bị trúng một mũi tên, hay hai, hay ba, hay bốn, hay năm mũi tên, liền chùn chân, rủn chí,

không còn can đảm, không thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, một con voi của vua không xứng đáng của vua, không là tài sản của vua, không được xem là một biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một vị Tỷ-kheo thành tựu năm pháp này, không đáng cung kính, không đáng tôn trọng, không đáng cúng dường, không đáng chắp tay, không còn là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhẫn các sắc, không kham nhẫn các tiếng, không kham nhẫn các hương, không kham nhẫn các vị, không kham nhẫn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo không kham nhẫn các sắc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc liền tham đắm các sắc khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhẫn các sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhẫn các tiếng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng liền tham đắm các tiếng khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không kham nhẫn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhẫn các hương?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mũi ngửi hương liền tham đắm các hương khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không kham nhẫn các vị?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi lưỡi nếm vị liền tham đắm các vị khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhẫn các vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo không kham nhẫn các xúc?

Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi thân cảm xúc liền tham đắm các xúc khả ái, tâm không thể định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đáng được cung kính, không đáng được tôn trọng, không đáng được cúng dường, không đáng được chắp tay, không còn là vô thượng phước điền ở đời.

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua dùng, là tài sản của vua, và được xem là một biểu tượng của vua. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các sắc, kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương, kham nhẫn các vị, kham nhẫn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhẫn các sắc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi thấy đoàn voi hay khi thấy đoàn ngựa, hay khi thấy đoàn xe, hay khi thấy đoàn bộ binh, liền không chùn chân, rủn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các sắc.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các tiếng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi nghe tiếng voi, hay khi nghe tiếng ngựa, hay khi nghe tiếng xe, hay khi nghe tiếng bộ binh, hay khi nghe tiếng trống lớn, thanh la, tù và, trống nhỏ, không chùn chân, không rủn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua kham nhẫn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhẫn các hương?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, đối với các con voi của vua thuộc quý chủng, quen thuộc chiến trận, khi nó ngửi mùi phân và nước tiểu của những con voi ấy, nó không chùn chân, không rủn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhẫn các vị?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khinh miệt một máng cỏ và nước, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn hoặc năm máng cỏ và nước, không chùn chân, không rủn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua kham nhẫn các vị.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua kham nhẫn các xúc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, khi bị một mũi tên bắn trúng, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, không chùn chân, không rủn chí, có đủ can đảm, có thể tham gia chiến trận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua, là tài sản của vua, và được gọi là biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc, kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương, kham nhẫn các vị, kham nhẫn các xúc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không tham đắm các sắc khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các tiếng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi tai nghe tiếng, không tham đắm các tiếng khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn các tiếng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các hương?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mũi ngửi các hương, không tham đắm các hương khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn các hương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo kham nhẫn các vị?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi lưỡi nếm các vị, không tham đắm các vị khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn các vị.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn các xúc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi thân cảm các xúc, không tham đắm các xúc khả ái, có thể giữ tâm định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo kham nhẫn các xúc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

X. KINH BIẾT NGHE (*Sotasutta*)[140] (*A*. III. 161)

140. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng cho vua, là tài sản của vua, và được xem là một biểu tượng của vua. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua biết nghe, biết sát hại, biết phòng hộ, biết kham nhẫn, biết đi đến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết nghe?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khi người nài sai làm một công tác hoặc đã làm từ trước, hoặc chưa làm từ trước, nhiệt tâm tác ý, hoàn toàn chú tâm, lóng tai và nghe. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua biết nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết sát hại?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua đi đến chiến trận, giết voi, giết kẻ cưỡi voi, giết ngựa, giết kẻ cưỡi ngựa, phá xe, giết kẻ cưỡi xe, giết các bộ binh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con voi của vua biết sát hại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết phòng hộ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đi đến chiến trận, con voi của vua phòng hộ phần thân trước, phòng hộ phần thân sau, phòng hộ đầu, phòng hộ tai, phòng hộ ngà, phòng hộ vòi, phòng hộ đuôi, phòng hộ người cưỡi voi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua biết phòng hộ.

---

[140] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.26. 0879c01).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết kham nhẫn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua khi lâm trận, kham nhẫn bị thương đâm, kham nhẫn bị kiếm đâm, kham nhẫn bị trúng tên, kham nhẫn các thứ tiếng như tiếng trống lớn, tiếng thanh la, tiếng tù và, tiếng trống nhỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua biết kham nhẫn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con voi của vua biết đi đến?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con voi của vua, khi người nài (huấn luyện voi) sai đi về hướng nào, hoặc trước kia đã có đi, hay trước kia chưa có đi, liền mau mắn đi về chỗ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, con voi của vua biết đi đến.

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, con voi của vua xứng đáng là của vua, là tài sản của vua, và được gọi là một biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, vị Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính, xứng đáng được tôn trọng, xứng đáng được cúng dường, xứng đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người biết nghe, biết sát hại, biết phòng hộ, biết kham nhẫn, biết đi đến. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết nghe?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, Tỷ-kheo nhiệt tâm, tác ý, hoàn toàn chú tâm lắng tai nghe pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết sát hại?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các dục tầm đã sanh, không có gìn giữ, từ bỏ, gột sạch, làm cho hoại diệt, làm cho đi đến không hiện hữu; đối với sân tầm đã sanh... đối với các hại tầm đã sanh... đối với các pháp ác, bất thiện đã sanh hay chưa sanh, không có gìn giữ, từ bỏ, gột sạch, làm cho hoại diệt, làm cho đi đến không hiện hữu. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết sát hại.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết phòng hộ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; những nguyên nhân gì vì nhãn căn không được bảo vệ, khiến cho tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng; những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến cho tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết phòng hộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết kham nhẫn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát; sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; những cách nói mạ

ly, phỉ báng; các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, nhói đau, đau đớn, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người.[141] Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết kham nhẫn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vị Tỷ-kheo biết đi đến?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, phương hướng nào trước kia chưa từng đi, tại đây mọi hành được tịnh chỉ, mọi sanh y được từ bỏ, ái được đoạn diệt, ly tham, hoại diệt, Niết-bàn, vị ấy đi đến chỗ ấy một cách mau chóng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo biết đi đến.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.



[141] Xem *A.* III. 75; *GS.* III. 62 (kinh 58 ở trước); *A.* III. 143; *GS.* III. 110 (kinh 123 ở trước); *A.* V. 132; *M.* I. 10; *Vin.* I. 78.

XV. PHẨM TIKAṆḌAKĪ
(*TIKAṆḌAKĪVAGGA*)

I. KINH KHINH RẺ (*Avajānātisutta*) (*A*. III. 164)

141. Năm hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là năm? Sau khi cho, khinh rẻ; sau khi cùng sống, khinh rẻ; miệng nuốt tất cả;[142] người không vững chắc; người ám độn ngu si.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người sau khi cho, khinh rẻ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người cho người khác các đồ nhu yếu như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Vị ấy suy nghĩ: "Ta là người cho, người này là người nhận." Sau khi cho, vị ấy khinh rẻ [người nhận]. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi cho, khinh rẻ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi sống chung, khinh rẻ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người cùng sống với người, hai hay ba năm. Do sống với người ấy, vị ấy khinh rẻ người ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi sống chung, khinh rẻ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người miệng nuốt tất cả?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người khi nghe người ta tán thán hay chỉ trích người khác, liền mau mắn thích thú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người miệng nuốt tất cả.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người không vững chắc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có lòng tin nhỏ bé,[143] có lòng tín ngưỡng (*bhatti*) nhỏ bé, có lòng ái mộ nhỏ bé, có lòng tịnh tín nhỏ bé. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người không vững chắc.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người ám độn ngu si?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không biết các pháp thiện, bất thiện; không biết các pháp tội, không tội; không biết các pháp hạ liệt, thù thắng; không biết các pháp dự phần đen trắng.[144] Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người ám độn ngu si.

Năm hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời.

---

[142] *Ādiyanamukha*. *AA*. III. 288: *Ādeyyamukhoti ādiyanamukho*, *gahaṇamukhoti attho* ("Người có miệng nuốt tất cả" nghĩa là người miệng lưỡi, người dễ tin lời).

[143] *Ittara*. *AA*. III. 288: *Ittarasaddho* = *Parittakasaddho* (người ít có lòng tin).

[144] Xem *Miln*. 379.

II. KINH LÀM SAI LẠC (*Ārabhatisutta*)[145] (*A*. III. 165)

142. Có năm hạng người, này các Tỷ-kheo, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm điều vi phạm và hối hận, không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây, các pháp ác, bất thiện ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm điều vi phạm, nhưng không hối hận, không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây, các pháp ác, bất thiện ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không làm điều vi phạm, có hối hận, không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây, các pháp ác, bất thiện ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không làm điều vi phạm, không có hối hận, không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây, các pháp ác, bất thiện ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người không làm điều vi phạm, không có hối hận, và như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây, các pháp ác, bất thiện ấy khởi lên được đoạn diệt không có dư tàn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng người này làm điều vi phạm và hối hận, không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây, các pháp ác, bất thiện ấy khởi lên được đoạn diệt, không có dư tàn. Hạng người này cần phải được nói như sau: "Các lậu hoặc được sanh do làm điều vi phạm đã có mặt nơi Tôn giả. Các lậu hoặc được sanh do hối hận được tăng trưởng. Lành thay, nếu Tôn giả sau khi đoạn tận các lậu hoặc được sanh do làm điều vi phạm, sau khi loại bỏ các lậu hoặc được sanh do hối hận, hãy tu tập Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát! Như vậy, Tôn giả sẽ trở thành đồng đẳng với hạng người thứ năm ấy."

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng người làm điều vi phạm nhưng không hối hận, không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây, các pháp ác, bất thiện ấy đã sanh được đoạn diệt không có dư tàn. Người này cần phải được nói như sau: "Các lậu hoặc được sanh do làm điều vi phạm đã có mặt nơi Tôn giả. Các lậu hoặc được sanh do hối hận không có tăng trưởng. Lành thay, nếu Tôn giả sau khi đoạn tận các lậu hoặc được sanh do làm điều vi phạm, hãy tu tập Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát! Như vậy, Tôn giả sẽ trở thành đồng đẳng với hạng người thứ năm ấy."

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng người này không làm điều vi phạm, có hối hận, không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây, các pháp ác, bất thiện ấy đã sanh được đoạn diệt không có dư tàn. Người này cần phải được nói như sau: "Các lậu hoặc được sanh do làm điều vi phạm không có mặt nơi Tôn giả. Các lậu hoặc được sanh do hối hận có tăng trưởng. Lành thay, nếu

[145] Bản tiếng Anh của PTS: *He Does Amiss*, nghĩa là *Vị ấy làm sai lạc*.

Tôn giả sau khi loại bỏ các lậu hoặc được sanh do hối hận, hãy tu tập Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát! Như vậy, Tôn giả sẽ trở thành đồng đẳng với hạng người thứ năm ấy."

Ở đây, này các Tỷ-kheo, hạng người này không làm điều vi phạm, không hối hận, không như thật biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; chính ở đây, các pháp ác, bất thiện ấy đã sanh được đoạn diệt không có dư tàn. Người này cần phải được nói như sau: "Các lậu hoặc được sanh do làm điều vi phạm không có mặt nơi Tôn giả. Các lậu hoặc được sanh do hối hận không có tăng trưởng. Lành thay, Tôn giả hãy tu tập Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát! Như vậy, Tôn giả sẽ trở thành đồng đẳng với hạng người thứ năm ấy."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, bốn hạng người này, với hạng người thứ năm được giáo giới như vậy, được khuyên dạy như vậy, dần dần đạt đến sự đoạn diệt các lậu hoặc.

III. KINH TẠI ĐỀN SĀRANDADA (*Sārandadasutta*) (*A*. III. 167)

143. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, chỗ giảng đường có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Vesāli để khất thực.

Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm người Licchavi đang ngồi tụ họp tại đền Sārandada, và câu chuyện sau đây được khởi lên:

"Sự hiện hữu của năm châu báu khó tìm được ở đời. Thế nào là năm? Sự hiện hữu của voi báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của ngựa báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của ngọc báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của nữ báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của cư sĩ báu khó tìm được ở đời. Sự hiện hữu của năm châu báu này khó tìm được ở đời."

Rồi các người Licchavi ấy sắp đặt một người ở trên đường và nói:

– Này bạn, khi nào bạn thấy Thế Tôn đi đến, hãy báo cho chúng tôi biết.

Người ấy thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy, liền đi đến các người Licchavi và nói:

– Thưa quý vị, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy đã đến. Nay quý vị hãy làm những gì quý vị nghĩ là hợp thời.

Rồi các người Licchavi ấy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, các người Licchavi ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi đến đền Sārandada vì lòng thương tưởng chúng con!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến đền Sārandada; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với các người Licchavi ấy:

– Này các Licchavi, hôm nay các ông ngồi tụ họp, nói đến vấn đề gì? Và vấn đề gì giữa các ông đang bị gián đoạn?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con đang ngồi tụ họp, vấn đề này được khởi

lên: "Sự hiện hữu của năm châu báu khó tìm được ở đời. Và thế nào là năm? Sự hiện hữu của voi báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của ngựa báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của ngọc báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của nữ báu khó tìm được ở đời, sự hiện hữu của cư sĩ báu khó tìm được ở đời. Sự hiện hữu của năm châu báu này khó tìm được ở đời."

– Đối với các ông, người Licchavi đang thiên nặng về dục,[146] cuộc nói chuyện y cứ trên dục được khởi lên. Này các Licchavi, sự hiện hữu của năm châu báu khó tìm được ở đời. Và thế nào là năm?

Sự hiện hữu của Như Lai,[147] bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khó tìm được ở đời. Hạng người có thể thuyết giảng Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời. Người hiểu được lời thuyết giảng về Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời. Người thực hành các pháp và tùy pháp được hiểu từ lời thuyết giảng về Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời. Người biết ơn và nhớ ơn khó tìm được ở đời.[148]

Sự hiện hữu của năm châu báu này, này các Licchavi, khó tìm được ở đời.

IV. KINH TẠI RỪNG TIKAṆḌAKĪ (*Tikaṇḍakīsutta*) (*A*. III. 169)

144. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāketa, tại rừng Tikaṇḍakī. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Lành thay, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo thỉnh thoảng sống với tưởng ghê tởm đối với các vật không ghê tởm![149] Lành thay, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo thỉnh thoảng sống với tưởng không ghê tởm đối với các vật ghê tởm! Lành thay, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo thỉnh thoảng sống với tưởng ghê tởm đối với các vật không ghê tởm và ghê tởm! Lành thay, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo thỉnh thoảng sống với tưởng không ghê tởm đối với các vật ghê tởm và không ghê tởm! Lành thay, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sau khi từ bỏ cả hai vật không ghê tởm và ghê tởm, trú xả, chánh niệm tỉnh giác!

Và này các Tỷ-kheo, do duyên lợi ích thế nào, Tỷ-kheo có thể trú với tưởng ghê tởm đối với vật không ghê tởm?

"Mong rằng đối với các pháp khả ái, lòng tham chớ có khởi lên nơi ta." Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nên sống với tưởng ghê tởm đối với vật không ghê tởm.

---

[146] *Kāmādhimuttānaṃ*. *AA*. III. 290: *Kāmādhimuttānanti vatthukāmakilesakāmesu adhimuttānaṃ* ("Thiên nặng về dục" nghĩa là thiên về những mong muốn dục trần, những mong muốn do tâm ô nhiễm).

[147] Xem *A*. III. 118; *GS*. III. 93 (kinh 96 ở trước); *A*. III. 239; *GS*. III. 174 (kinh 195 ở sau).

[148] Xem *GS*. I. 72; *KS*. II. 183.

[149] *Appaṭikkūle*. Xem *DB*. III. 107; *KS*. V. 100.

Và này các Tỷ-kheo, do duyên lợi ích thế nào, Tỷ-kheo nên sống với tưởng không ghê tởm đối với vật ghê tởm?

"Mong rằng đối với các pháp đáng sân hận, lòng sân chớ có khởi lên nơi ta." Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nên sống với tưởng không ghê tởm đối với vật ghê tởm.

Và này các Tỷ-kheo, do duyên lợi ích thế nào, Tỷ-kheo nên sống với tưởng ghê tởm đối với vật không ghê tởm và ghê tởm?

"Mong rằng đối với các pháp khả ái, lòng tham chớ có khởi lên nơi ta. Mong rằng đối với các pháp đáng sân hận, lòng sân chớ có khởi lên nơi ta." Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nên sống với tưởng ghê tởm đối với vật không ghê tởm và ghê tởm.

Và này các Tỷ-kheo, do duyên lợi ích thế nào, Tỷ-kheo nên sống với tưởng không ghê tởm đối với vật ghê tởm và không ghê tởm?

"Mong rằng đối với các pháp khả ái, lòng tham chớ có khởi lên nơi ta. Mong rằng đối với các pháp đáng sân hận, lòng sân chớ khởi lên nơi ta." Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nên sống với tưởng không ghê tởm đối với vật ghê tởm và không ghê tởm.

Và này các Tỷ-kheo, do duyên lợi ích thế nào, Tỷ-kheo sau khi từ bỏ cả hai vật không ghê tởm và ghê tởm, trú xả, chánh niệm tỉnh giác?

"Mong rằng dầu là vật gì, tại chỗ nào và như thế nào, đối với các pháp khả ái, lòng tham chớ có khởi lên nơi ta. Mong rằng dầu là vật gì, tại chỗ nào và như thế nào, đối với các pháp đáng được sân hận, lòng sân chớ có khởi lên nơi ta. Mong rằng dầu là vật gì, tại chỗ nào và như thế nào, đối với các pháp có thể làm cho si mê, lòng si không khởi lên nơi ta." Do duyên lợi ích này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi từ bỏ cả hai vật không ghê tởm và ghê tởm, trú xả, chánh niệm tỉnh giác.

V. KINH ĐỊA NGỤC (*Nirayasutta*)[150] (*A*. III. 170)

145. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say trong rượu men rượu nấu. Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là năm? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

VI. KINH NGƯỜI BẠN (*Mittasutta*) (*A*. III. 171)

146. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đáng được làm

[150] Bản tiếng Anh của PTS: *The Way to Hell*, nghĩa là *Con đường đến địa ngục*.

bạn. Thế nào là năm? Bảo làm việc đồng áng; ưa thích kiện tụng; chống đối các Tỷ-kheo lãnh đạo; sống đời sống không có mục đích, kéo dài đời sống như vậy; không có khả năng thỉnh thoảng trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với một bài thuyết pháp.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không đáng được làm bạn.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được làm một người bạn. Thế nào là năm? Không bảo làm việc đồng áng; không ưa thích kiện tụng; không chống đối các Tỷ-kheo lãnh đạo; không sống đời sống không có mục đích, không kéo dài đời sống như vậy; có khả năng thỉnh thoảng trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với một bài thuyết pháp.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được làm bạn.

VII. KINH BỐ THÍ KHÔNG XỨNG BẬC CHÂN NHÂN (*Asappurisadānasutta*) (*A*. III. 171)

147. Có năm loại bố thí, này các Tỷ-kheo, không xứng bậc chân nhân. Thế nào là năm? Bố thí không cung kính, bố thí không suy nghĩ, bố thí không tự tay mình, bố thí đồ quăng bỏ, bố thí không nghĩ đến tương lai.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm loại bố thí không xứng bậc chân nhân.

Năm loại bố thí này, này các Tỷ-kheo, là loại bố thí xứng bậc chân nhân. Thế nào là năm? Bố thí có cung kính, bố thí có suy nghĩ, bố thí tự tay mình, bố thí đồ không quăng bỏ, bố thí có nghĩ đến tương lai.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là năm loại bố thí xứng bậc chân nhân.

VIII. KINH BỐ THÍ XỨNG BẬC CHÂN NHÂN (*Sappurisadānasutta*)[151] (*A*. III. 172)

148. Này các Tỷ-kheo, có năm loại bố thí này xứng bậc chân nhân. Thế nào là năm? Bố thí có lòng tin, bố thí có kính trọng, bố thí đúng thời, bố thí với tâm không gượng ép (*anuggahitacitto*), bố thí không làm thương tổn mình và người.

Này các Tỷ-kheo, sau khi bố thí với lòng tin, chỗ nào, chỗ nào, quả dị thục của sự bố thí ấy đem lại kết quả: Người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, đẹp trai, dễ nhìn, có thành tín và thành tựu dung sắc thù thắng như hoa sen.[152]

Và này các Tỷ-kheo, sau khi bố thí có cung kính, chỗ nào, chỗ nào, quả dị thục của sự bố thí ấy đem lại kết quả: Người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, và các con trai,[153] các bà vợ, các người nô tỳ, các người đưa tin,

---

[151] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.16. 0878b02).

[152] Xem *A*. III. 87; *GS*. III. 72 (kinh 75 ở trước).

[153] Xem *A*. III. 105; *GS*. III. 84 (kinh 79 ở trước); *A*. IV. 393; *D*. I. 230; *Vin*. I. 10.

các người làm công, những người ấy đều sẵn sàng vâng theo người ấy, họ lóng tai và phục vụ với tâm hiểu biết.

Và này các Tỷ-kheo, sau khi bố thí đúng thời, chỗ nào, chỗ nào, quả dị thục của sự bố thí ấy đem lại kết quả: Người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, và các vật dụng đến với người ấy đúng thời và sung túc.

Và này các Tỷ-kheo, sau khi bố thí với tâm không gượng ép, chỗ nào, chỗ nào, quả dị thục của sự bố thí ấy đem lại kết quả: Người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, và hướng tâm thụ hưởng đầy đủ năm dục công đức.

Và này các Tỷ-kheo, sau khi bố thí không làm thương tổn mình và người, chỗ nào, chỗ nào, quả dị thục của sự bố thí ấy đem lại kết quả: Người ấy được giàu sang, đại phú, tài sản sung mãn, và không một tai nạn nào từ đâu đến, đến với tài sản của người ấy, hoặc từ lửa, từ nước, từ vua, từ ăn trộm, từ các người thù địch hay từ các người thừa tự.[154]

Này các Tỷ-kheo, có năm loại bố thí xứng bậc chân nhân này.

IX. KINH THỜI GIẢI THOÁT THỨ NHẤT
(*Paṭhamasamayavimuttasutta*) (*A*. III. 173)

149. Có năm pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát.[155] Thế nào là năm? Ưa thích làm việc [về thân], ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ, ưa thích hội chúng, không quan sát tâm như đã được giải thoát.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự thối đọa cho vị Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát. Thế nào là năm? Không ưa thích làm việc [về thân], không ưa thích nói chuyện, không ưa thích ngủ, không ưa thích hội chúng, có quan sát tâm như đã được giải thoát.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát.

X. KINH THỜI GIẢI THOÁT THỨ HAI
(*Dutiyasamayavimuttasutta*) (*A*. III. 173)

150. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát. Thế nào là năm? Ưa thích làm việc [về thân], ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ, không chế ngự các căn, không biết tiết độ trong ăn uống.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát.

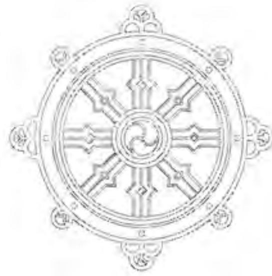
---

[154] Xem *A*. III. 259; *GS*. III. 190 (kinh 227 ở sau).

[155] *Samayavimutta*. Xem *KS*. I. 150.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát. Thế nào là năm? Không ưa thích làm việc [về thân], không ưa thích nói chuyện, không ưa thích ngủ, chế ngự các căn, biết tiết độ trong ăn uống.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến sự thối đọa cho Tỷ-kheo đã chứng được thời giải thoát.



XVI. PHẨM DIỆU PHÁP
(*SADDHAMMAVAGGA*)

I. KINH QUYẾT ĐỊNH TÁNH, CHÁNH TÁNH THỨ NHẤT
(*Paṭhamasammattaniyāmasutta*) (*A*. III. 174)

151. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm? Khinh lời thuyết giảng, khinh người thuyết giảng, khinh tự mình, nghe pháp với tâm tán loạn, không nhất tâm và không như lý tác ý.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe Diệu pháp không thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm? Không khinh lời thuyết giảng, không khinh người thuyết giảng, không khinh tự mình, nghe pháp với tâm không tán loạn, nhất tâm và như lý tác ý.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe Diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

II. KINH QUYẾT ĐỊNH TÁNH, CHÁNH TÁNH THỨ HAI
(*Dutiyasammattaniyāmasutta*) (*A*. III. 175)

152. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm? Khinh lời thuyết giảng; khinh người thuyết giảng; khinh tự mình; ác tuệ, đần độn, câm điếc; không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm? Không khinh lời thuyết giảng; không khinh người thuyết giảng; không khinh tự mình; có trí tuệ, không đần độn, không câm điếc; tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

III. KINH QUYẾT ĐỊNH TÁNH, CHÁNH TÁNH THỨ BA (*Tatiyasammattaniyāmasutta*)[156] (*A*. III. 175)

153. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm? Nghe pháp với tâm chê bai, với tâm bị chê bai ám ảnh; nghe pháp với tâm cật nạn, tìm tòi khuyết điểm; trong khi pháp được giảng, tâm bị choáng váng, bị chai sạn; ác tuệ, đần độn, câm điếc; không tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp không có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một người nghe Diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp. Thế nào là năm? Nghe pháp với tâm không chê bai, không bị chê bai ám ảnh; nghe pháp với tâm không cật nạn, không tìm tòi khuyết điểm; trong khi pháp được giảng, tâm không bị choáng váng, không bị chai sạn; có trí tuệ, không đần độn, không câm điếc; tác ý hiểu biết đối với những vấn đề không hiểu biết.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nghe Diệu pháp có thể nhập vào quyết định tánh, chánh tánh trong các thiện pháp.

IV. KINH DIỆU PHÁP HỖN LOẠN THỨ NHẤT (*Paṭhamasaddhammasammosasutta*) (*A*. III. 176)

154. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không cẩn trọng nghe pháp; không cẩn trọng học thuộc lòng pháp; không cẩn trọng thọ trì pháp; không cẩn trọng quan sát ý nghĩa các pháp được thọ trì; không cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp sau khi hiểu ý nghĩa và hiểu pháp.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo cẩn trọng nghe pháp; cẩn trọng học thuộc lòng pháp; cẩn trọng thọ trì pháp; cẩn trọng quan sát ý nghĩa các pháp được thọ trì; cẩn trọng thực hành pháp và tùy pháp sau khi hiểu ý nghĩa và hiểu pháp.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

V. KINH DIỆU PHÁP HỖN LOẠN THỨ HAI (*Dutiyasaddhammasammosasutta*) (*A*. III. 177)

155. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất. Thế nào là năm?

---

[156] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0150.17. 0878b26).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không học thuộc lòng pháp: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải). Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không thuyết pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không để cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo không có đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo với tâm không tùy tầm, không tùy tứ, với ý không tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo học thuộc lòng pháp: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải). Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo thuyết pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo để cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

VI. KINH DIỆU PHÁP HỖN LOẠN THỨ BA

(***Tatiyasaddhammasammosasutta***) (*A*. III. 178)

156. Năm pháp, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo học thuộc lòng kinh điển bị nắm giữ sai lạc với những văn cú đặt sai lầm; này các Tỷ-kheo, với văn cú đặt sai lầm, ý nghĩa bị hướng dẫn sai lạc. Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những người khó nói, đầy đủ những tánh khiến họ trở thành khó nói, khó kham nhẫn, không cung kính đón nhận khi được giảng dạy. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, Thánh giáo được trao truyền, là bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, các vị ấy không cẩn trọng để cho các người khác nói pháp; do duyên này của họ, Khế kinh như bị đứt gốc, không còn là chỗ nương tựa. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trưởng lão là những vị sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thối đọa, từ bỏ gánh nặng viễn ly, không có hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và quần chúng về sau sẽ đi theo tri kiến của họ; họ cũng sẽ trở thành những người sống đầy đủ, biếng nhác, dẫn đầu trong thối đọa, từ bỏ gánh nặng viễn ly, sẽ không hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, chúng Tăng bị chia rẽ. Khi chúng Tăng bị chia rẽ, này các Tỷ-kheo, có sự mắng nhiếc lẫn nhau, có sự đấu khẩu lẫn nhau, có sự thanh trừng lẫn nhau, có sự tẩn xuất lẫn nhau. Ai không có tịnh tín không tìm được tịnh tín, và những ai có tịnh tín có thể đổi khác. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp hỗn loạn, biến mất.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo học thuộc lòng kinh điển được nắm giữ tốt đẹp với những văn cú được phối trí chơn chánh và ý nghĩa được hướng dẫn chơn chánh. Đây là pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo là những người dễ nói, dễ kham nhẫn, cung kính đón nhận khi được giảng dạy. Đây là pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều Thánh giáo được trao truyền, là bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, các vị ấy cẩn trọng để cho các người khác nói pháp; do duyên này của họ, kinh điển không bị đứt gốc, là chỗ nương tựa. Đây là pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo trưởng lão không sống đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Và quần chúng về sau sẽ đi theo tri kiến của họ; họ cũng trở thành những người không sống đầy đủ, không biếng nhác, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, dẫn đầu trong đời sống viễn ly, hăng hái tinh tấn để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, chứng đắc những gì chưa chứng đắc, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Đây là pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, chúng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh luận, cùng một giáo lý, sống an ổn. Khi chúng Tăng hòa hợp, này các Tỷ-kheo, không có sự mắng nhiếc lẫn nhau, không có sự đấu khẩu lẫn nhau, không có sự thanh trừng lẫn nhau, không có sự tẩn xuất lẫn nhau. Ai không có tịnh tín tìm được tịnh tín, và những ai có tịnh tín không có đổi khác. Đây là pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

Năm pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến Diệu pháp an trú, không hỗn loạn, không biến mất.

VII. KINH ÁC THUYẾT (*Dukkathāsutta*) (*A*. III. 181)

157. Lời nói của năm hạng người, này các Tỷ-kheo, là ác thuyết, khi có sự đối chứng giữa người và người. Thế nào là năm?

Nói về tín với người không tin, này các Tỷ-kheo, là ác thuyết; nói về giới với người có ác giới là ác thuyết; nói về nghe nhiều với người nghe ít là ác thuyết; nói về bố thí với người xan tham là ác thuyết; nói về trí tuệ với người ác tuệ là ác thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về tín với người không tin là ác thuyết?

Người không tin, này các Tỷ-kheo, khi được nói về lòng tin liền tức tối,[157] phẫn nộ, hiềm khích, mất bình tĩnh, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ lòng tin, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về tín với người không có lòng tin là ác thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về giới với người có ác giới là ác thuyết?

Người có ác giới, này các Tỷ-kheo, khi được nói về giới liền tức tối, phẫn nộ, hiềm khích, mất bình tĩnh, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, phiền muộn. Vì sao? Vì

[157] Xem *A*. I. 124; *D*. III. 159; *J*. IV. 22.

rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ giới, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về giới với người có ác giới là ác thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về nghe nhiều với người nghe ít là ác thuyết?

Người nghe ít, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến nghe nhiều liền tức tối, phẫn nộ, hiềm khích, mất bình tĩnh, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ nghe nhiều, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về nghe nhiều với người nghe ít là ác thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về bố thí với người xan tham là ác thuyết?

Người xan tham, này các Tỷ-kheo, khi được nói về bố thí liền tức tối, phẫn nộ, hiềm khích, mất bình tĩnh, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ bố thí, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về bố thí với người xan tham là ác thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về trí tuệ với người ác tuệ là ác thuyết?

Người ác tuệ, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến trí tuệ liền tức tối, phẫn nộ, hiềm khích, mất bình tĩnh, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy không thấy tự mình có đầy đủ trí tuệ, do nhân duyên ấy, không có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về trí tuệ với người ác tuệ là ác thuyết.

Lời nói của năm hạng người này là ác thuyết, khi có sự đối chứng giữa người và người.

Lời nói của năm hạng người này là thiện thuyết, khi có sự đối chứng giữa người và người. Thế nào là năm?

Thuyết về tín cho người có lòng tin, này các Tỷ-kheo, là thiện thuyết, thuyết về giới cho người giữ giới là thiện thuyết, thuyết về nghe nhiều cho người nghe nhiều là thiện thuyết, thuyết về bố thí cho người bố thí là thiện thuyết, thuyết về trí tuệ cho người trí tuệ là thiện thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao thuyết về tín cho người có lòng tin là thiện thuyết?

Người có lòng tin, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến tín thì không tức tối, không phẫn nộ, không hiềm khích, không mất bình tĩnh, không biểu lộ phẫn nộ, không sân hận, không phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có đầy đủ lòng tin, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về tín với người có lòng tin là thiện thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về giới cho người giữ giới là thiện thuyết?

Người giữ giới, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến giới thì không tức tối, không phẫn nộ, không hiềm khích, không mất bình tĩnh, không biểu lộ phẫn nộ, không sân hận, không phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có đầy đủ giới, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về giới với người có giữ giới là thiện thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về nghe nhiều cho người nghe nhiều là thiện thuyết?

Người nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến nghe nhiều thì không tức tối, không phẫn nộ, không hiềm khích, không mất bình tĩnh, không biểu lộ phẫn nộ, không sân hận, không phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có nghe nhiều, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về nghe nhiều với người có nghe nhiều là thiện thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về bố thí cho người bố thí là thiện thuyết?

Người bố thí, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến bố thí thì không tức tối, không phẫn nộ, không hiềm khích, không mất bình tĩnh, không biểu lộ phẫn nộ, không sân hận, không phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có bố thí, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về bố thí với người có bố thí là thiện thuyết.

Và này các Tỷ-kheo, tại sao nói về trí tuệ cho người có trí tuệ là thiện thuyết?

Người trí tuệ, này các Tỷ-kheo, khi được nói đến trí tuệ thì không tức tối, không mất bình tĩnh, không biểu lộ phẫn nộ, không sân hận, không phiền muộn. Vì sao? Vì rằng vị ấy thấy tự mình có trí tuệ, do nhân duyên ấy, có hỷ và hân hoan. Do vậy, nói về trí tuệ với người có trí tuệ là thiện thuyết.

Lời thuyết của năm hạng người này, này các Tỷ-kheo, là thiện thuyết khi có sự đối chứng giữa người và người.

VIII. KINH SỢ HÃI (*Sārajjasutta*) (*A*. III. 183)

158. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo rơi vào trong sự sợ hãi. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có lòng tin, giữ ác giới, nghe ít, biếng nhác và ác tuệ.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo rơi vào trong sự sợ hãi.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có sợ hãi. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có sợ hãi.

IX. KINH TÔN GIẢ UDĀYĪ (*Udāyīsutta*) (*A*. III. 184)

159. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, Tôn giả Udāyī có hội chúng cư sĩ đông đảo đoanh vây, đang ngồi thuyết pháp. Tôn giả Ānanda thấy Tôn giả Udāyī có hội chúng đông đảo đoanh vây, đang ngồi thuyết pháp; sau khi thấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Udāyī có hội chúng cư sĩ đông đảo đoanh vây, đang ngồi thuyết pháp.

– Này Ānanda, thật không dễ gì để thuyết pháp cho các người khác. Để

thuyết pháp cho các người khác, này Ānanda, sau khi nội tâm an trú được năm pháp, mới nên thuyết pháp cho các người khác. Thế nào là năm?

"Ta sẽ thuyết pháp tuần tự", thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy. "Ta sẽ thuyết với mắt nhìn vào pháp môn", thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy. "Ta sẽ thuyết vì lòng từ mẫn", thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy. "Ta sẽ thuyết pháp không phải vì tài vật", thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy. "Ta sẽ thuyết pháp không làm thương tổn cho mình và cho người", thuyết pháp cho người khác cần phải suy nghĩ như vậy.

Này Ānanda, thật không dễ gì để thuyết pháp cho các người khác. Để thuyết pháp cho các người khác, này Ānanda, sau khi nội tâm an trú được năm pháp, mới nên thuyết pháp cho các người khác.

X. KINH KHÓ TRỪ KHỬ (*Duppaṭivinodayasutta*) (*A*. III. 184)

160. Năm pháp này khởi lên, này các Tỷ-kheo, thật khó trừ khử. Thế nào là năm? Tham khởi lên, thật khó trừ khử; sân khởi lên, thật khó trừ khử; si khởi lên, thật khó trừ khử; ham nói khởi lên, thật khó trừ khử; tâm lang thang, thật khó trừ khử.

Năm pháp này đã khởi lên, này các Tỷ-kheo, thật khó trừ khử.



XVII. PHẨM HIỀM HẬN
(*ĀGHĀTAVAGGA*)

I. KINH TRỪ KHỬ HIỀM HẬN THỨ NHẤT
(*Paṭhamaāghātapaṭivinayasutta*) (*A*. III. 185)

161. Có năm pháp trừ khử hiềm hận,[158] này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo có hiềm hận khởi lên cần phải được trừ khử một cách hoàn toàn. Thế nào là năm?

Trong người nào, này các Tỷ-kheo, hiềm hận được sanh, trong người ấy, từ cần phải tu tập. Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử.

Trong người nào, này các Tỷ-kheo, hiềm hận được sanh, trong người ấy, bi cần phải tu tập. Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử.

Trong người nào, này các Tỷ-kheo, hiềm hận được sanh, trong người ấy, xả cần phải tu tập. Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử.

Trong người nào, này các Tỷ-kheo, hiềm hận được sanh, trong người ấy, vô niệm, vô tác ý cần được thực hiện. Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử.

Trong người nào, này các Tỷ-kheo, hiềm hận được sanh, trong người ấy, sự kiện nghiệp do mình tạo[159] cần phải được an lập là: "Tôn giả là chủ của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, là khởi nguyên của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nghiệp. Phàm nghiệp thiện hay ác được làm, Tôn giả sẽ là người thừa tự nghiệp ấy." Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải được trừ khử.

Này các Tỷ-kheo, có năm pháp trừ khử hiềm hận này, ở đây, hiềm hận khởi lên cho Tỷ-kheo cần phải được trừ khử một cách hoàn toàn.

II. KINH TRỪ KHỬ HIỀM HẬN THỨ HAI
(*Dutiyaāghātapaṭivinayasutta*)[160] (*A*. III. 186)

162. Ở đây, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

---

[158] Xem *A*. IV. 408; V. 151; *D*. III. 262.

[159] Xem *A*. III. 71; *GS*. III. 50 (kinh 57 ở trước).

[160] Tham chiếu: *Thủy dụ kinh* 水喻經 (*T*.01. 0026.25. 0454a03).

– Này các Hiền giả, có năm pháp trừ khử hiềm hận này, ở đây, hiềm hận khởi lên cho Tỷ-kheo cần phải được trừ khử một cách hoàn toàn. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Hiền giả, có người thân hành không thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, trong người như vậy, này các Hiền giả, hiềm hận cần phải trừ khử.

Ở đây, này các Hiền giả, có người khẩu hành không thanh tịnh, thân hành thanh tịnh, trong người như vậy, này các Hiền giả, hiềm hận cần phải trừ khử.

Ở đây, này các Hiền giả, có người thân hành không thanh tịnh, khẩu hành không thanh tịnh, nhưng thỉnh thoảng tâm được mở rộng, tâm được tịnh tín, trong người như vậy, này các Hiền giả, hiềm hận cần phải trừ khử.

Ở đây, này các Hiền giả, có người thân hành không thanh tịnh, khẩu hành không thanh tịnh, và thỉnh thoảng tâm không được rộng mở, tâm không được tịnh tín, trong người như vậy, này các Hiền giả, hiềm hận cần phải trừ khử.

Ở đây, này các Hiền giả, có người thân hành thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, và thỉnh thoảng tâm được rộng mở, tâm được tịnh tín, trong người như vậy, này các Hiền giả, hiềm hận cần phải trừ khử.

Ở đây, này các Hiền giả, người này thân hành không thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh. Như thế nào, trong người ấy, hiềm hận cần được trừ khử?

Ví như, này các Hiền giả, Tỷ-kheo mặc áo lượm từ đống rác, thấy một tấm vải [liệng ở đống rác] trên con đường xe đi, liền lấy chân trái chặn lại,[161] lấy chân mặt kéo tấm vải cho rộng ra, đoạn nào là đoạn chánh, làm cho có thể sử dụng được[162] rồi cầm lấy mang đi. Cũng vậy, này các Hiền giả, người này, với thân hành không thanh tịnh, với khẩu hành thanh tịnh; những cái gì thuộc về thân hành không thanh tịnh, lúc bấy giờ, vị ấy không nên tác ý; còn những gì thuộc khẩu hành thanh tịnh, lúc bấy giờ, vị ấy nên tác ý. Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử.

Ở đây, này các Hiền giả, người này với khẩu hành không thanh tịnh, với thân hành thanh tịnh. Như thế nào, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử?

Ví như, này các Hiền giả, một hồ nước đầy bùn và cây lau. Rồi một người đi đến, bị nóng nhiệt não, bị nóng bức bách, mệt mỏi, thèm uống nước, khát nước. Người ấy ngụp lặn trong hồ nước ấy, lấy hai tay gạt ra ngoài bùn và lá cây, lấy bàn tay bụm nước lại, uống rồi ra đi. Cũng vậy, này các Hiền giả, người này với khẩu hành không thanh tịnh, với thân hành thanh tịnh; những cái gì thuộc về khẩu hành không thanh tịnh, lúc bấy giờ, vị ấy không nên tác ý; còn những gì thuộc thân hành thanh tịnh, lúc bấy giờ, vị ấy nên tác ý. Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử.

Ở đây, này các Hiền giả, người này với thân hành không thanh tịnh, với

[161] *Nigganhitvā*. *AA*. III. 295: *Niggahetvāti akkamitvā* ("Chặn lại" nghĩa là [bằng cách] giẫm lên).

[162] *Paripātetvā*. Xé ra. Trong kinh dịch thoát ý là "làm cho có thể sử dụng được". *AA*. III. 295: *Taṃ paripātetvāti taṃ luñcitvā* ("Xé nó" nghĩa là "xé toạc nó ra").

khẩu hành không thanh tịnh, thỉnh thoảng tâm được rộng mở, tâm được tịnh tín. Như thế nào, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử?

Ví như, này các Hiền giả, ít nước trong dấu chân của con bò. Rồi một người đi đến, bị nóng nhiệt não, bị nóng bức bách, mệt mỏi, thèm uống nước, khát nước. Người ấy suy nghĩ như sau: "Một ít nước này trong dấu chân con bò, nếu ta uống với bụm tay hay với cái chén, ta sẽ làm nước ấy dao động và di động, khiến nước không thể uống được. Vậy ta hãy gieo mình xuống với cả bốn phần thân, uống nước rồi ra đi." Rồi người ấy gieo mình xuống với cả bốn phần thân, uống nước rồi ra đi. Cũng vậy, này các Hiền giả, người này với thân hành không thanh tịnh, với khẩu hành không thanh tịnh, với tâm thỉnh thoảng được rộng mở và tịnh tín; những cái gì thuộc thân hành không thanh tịnh, lúc bấy giờ, vị ấy không nên tác ý; những cái gì thuộc khẩu hành không thanh tịnh, lúc bấy giờ, vị ấy không nên tác ý; những cái gì thuộc tâm thỉnh thoảng được rộng mở và sáng suốt, lúc bấy giờ, vị ấy nên tác ý. Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử.

Ở đây, này các Hiền giả, người này với thân hành không thanh tịnh, với khẩu hành không thanh tịnh, thỉnh thoảng tâm không được rộng mở và tịnh tín. Như thế nào, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử?

Ví như, này các Hiền giả, có người đau bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, đang đi giữa đường, có làng xa trước mặt, có làng xa sau lưng, người ấy không có được các đồ ăn thích đáng, không có được các dược phẩm trị bệnh thích đáng, không có được sự giúp đỡ thích đáng, không có người hướng dẫn đưa đến tận cuối làng.

Một người khác cũng đang đi trên đường, thấy người ấy. Người này đối với người ấy khởi lên lòng từ, khởi lên lòng thương tưởng, khởi lên lòng từ mẫn: "Ôi, mong rằng người này được các đồ ăn thích đáng, được các dược phẩm trị bệnh thích đáng, được các sự giúp đỡ thích đáng, được người hướng dẫn đi đến cuối làng!" Vì sao? Vì mong rằng người này ở đây không bị suy tổn, tử vong. Cũng vậy, này các Hiền giả, người này với thân hành không thanh tịnh, với khẩu hành không thanh tịnh, lại thỉnh thoảng tâm không được rộng mở và tịnh tín, người như vậy cần phải khởi lên lòng từ, cần phải khởi lên lòng thương tưởng, cần phải khởi lên lòng từ mẫn: "Ôi, mong rằng Tôn giả này, sau khi đoạn tận thân ác hành cần phải tu tập thân thiện hành, sau khi đoạn tận khẩu ác hành cần phải tu tập khẩu thiện hành, sau khi đoạn tận ý ác hành cần phải tu tập ý thiện hành!" Vì sao? Vì mong rằng Tôn giả ấy sau khi thân hoại mệnh chung, không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử.

Ở đây, này các Hiền giả, người này với thân hành thanh tịnh, khẩu hành thanh tịnh, lại thỉnh thoảng tâm được rộng mở và tịnh tín. Như thế nào, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử?

Ví như, này các Hiền giả, một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, có nước trong suốt, có bờ hồ khéo sắp đặt đẹp đẽ và được nhiều loại cây

che bóng. Rồi một người đi đến, bị nóng nhiệt não, bị nóng bức bách, mệt mỏi, thèm uống nước, khát nước. Người ấy sau khi lặn xuống trong hồ sen ấy, tắm rửa, uống nước, người ấy ra khỏi hồ, liền qua ngồi hay nằm dưới bóng cây. Cũng vậy, này các Hiền giả, người này với thân hành thanh tịnh, với khẩu hành thanh tịnh, lại thỉnh thoảng tâm được rộng mở và tịnh tín; những gì thuộc thân hành thanh tịnh, lúc bấy giờ cần phải tác ý; những gì thuộc khẩu hành thanh tịnh, lúc bấy giờ cần phải tác ý và điều gì thỉnh thoảng tâm được rộng mở và tịnh tín, lúc bấy giờ, cần phải được tác ý. Như vậy, trong người ấy, hiềm hận cần phải trừ khử.

Này các Hiền giả, có năm trừ khử hiềm hận này, ở đây, Tỷ-kheo có hiềm hận khởi lên cần phải trừ khử một cách hoàn toàn.

III. KINH NÓI CHUYỆN (*Sākacchasutta*) (*A*. III. 190)

163. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:[163]

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ khả năng nói chuyện với các vị đồng Phạm hạnh. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tự mình đầy đủ Giới, trả lời câu hỏi đề cập đến từ câu chuyện về Giới cụ túc; tự mình đầy đủ Định, trả lời câu hỏi được đề cập đến từ câu chuyện về Định cụ túc; tự mình đầy đủ Tuệ, trả lời câu hỏi được đề cập đến từ câu chuyện về Tuệ cụ túc; tự mình đầy đủ Giải thoát, trả lời câu hỏi được đề cập đến từ câu chuyện về Giải thoát cụ túc; tự mình đầy đủ Giải thoát tri kiến, trả lời câu hỏi được đề cập đến từ câu chuyện về Giải thoát tri kiến cụ túc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ khả năng nói chuyện với các vị đồng Phạm hạnh.

IV. KINH CÁCH SỐNG (*Sājīvasutta*)[164] (*A*. III. 191)

164. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:[165]

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo với đời sống [của mình] làm gương cho các vị đồng Phạm hạnh. Thế nào là năm?

---

[163] Xem *A*. III. 79; *GS*. III. 66 (kinh 65 ở trước).

[164] Xem *A*. III. 81, 190. Bản tiếng Anh của PTS: *An Example*, nghĩa là *Một ví dụ*.

[165] Xem *A*. III. 80; *GS*. III. 67 (kinh 66 ở trước).

Ở đây, Tỷ-kheo tự mình đầy đủ Giới, trả lời câu hỏi được nói đến từ câu chuyện về Giới cụ túc... từ câu chuyện về Giải thoát tri kiến cụ túc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đủ khả năng với đời sống của mình, làm gương cho các vị đồng Phạm hạnh.

V. KINH NHỮNG CÂU HỎI (*Pañhapucchāsutta*) (*A*. III. 191)

165. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo... (như trên).

Này các Hiền giả, ai hỏi một người khác câu hỏi gì, tất cả đều nằm trong năm trường hợp này, hay một trong năm trường hợp này. Thế nào là năm? Do đần độn ngu si, hỏi người khác câu hỏi; do ác dục, tham dục, hỏi người khác câu hỏi; do khinh thường, hỏi người khác câu hỏi; với tâm muốn hiểu biết, hỏi người khác câu hỏi; với tâm phân vân, hỏi người khác câu hỏi, nghĩ rằng nếu do ta hỏi, vị ấy trả lời đúng đắn, thời như vậy tốt đẹp; nhưng nếu do ta hỏi, vị ấy trả lời không chơn chánh thời ta sẽ trả lời chơn chánh cho vị ấy.

Này các Hiền giả, ai hỏi một người khác câu hỏi gì đều nằm trong năm trường hợp này, hay một trong năm trường hợp này. Này các Hiền giả, ta với tâm như vậy, hỏi người khác câu hỏi; nếu ta hỏi, người ấy trả lời một cách chơn chánh, thời như vậy thật tốt đẹp; nếu ta hỏi, người ấy trả lời không chơn chánh thời ta sẽ trả lời chơn chánh.

VI. KINH DIỆT THỌ TƯỞNG ĐỊNH (*Nirodhasutta*)[166] (*A*. III. 192)

166. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta bảo các Tỷ-kheo... (như trên).

Ở đây, này các Hiền giả, Tỷ-kheo đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, có thể nhập vào một cách hoàn toàn và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, sự kiện này có xảy ra. Nếu ngay trong hiện tại, vị ấy không đạt được chánh trí thời vị ấy chắc chắn vượt khỏi cộng trú với chư thiên, ăn các món ăn đoàn thực, được sanh với thân do ý làm ra, [với điều kiện] vị ấy có thể nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, sự kiện này có xảy ra.

Khi được nói vậy, Tôn giả Udāyī nói với Tôn giả Sāriputta:

– Không có sự kiện này, thưa Hiền giả Sāriputta, không có trường hợp rằng: "Vị Tỷ-kheo chắc chắn vượt khỏi cộng trú với chư thiên, ăn các món ăn đoàn thực, được sanh với thân do ý làm ra, vị ấy có thể nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định", sự kiện này không xảy ra.

Lần thứ hai... Lần thứ ba, Tôn giả Sāriputta bảo các Tỷ-kheo:

– Ở đây, này các Hiền giả, Tỷ-kheo đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ có thể nhập vào một cách hoàn toàn và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, sự kiện này có xảy ra. Nếu ngay trong hiện tại, vị ấy không đạt được chánh trí thời vị ấy chắc chắn vượt khỏi cộng trú với chư thiên, ăn các món ăn đoàn thực, được sanh với thân do ý làm ra, [với điều kiện] vị ấy có thể nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, sự kiện này có xảy ra.

---

[166] Tham chiếu: *Thành tựu giới kinh* 成就戒經 (*T*.01. 0026.22. 0449c07).

Lần thứ ba, Tôn giả Udāyī nói với Tôn giả Sāriputta:

– Không có sự kiện này, thưa Hiền giả Sāriputta, không có trường hợp rằng: "Vị Tỷ-kheo chắc chắn vượt khỏi cộng trú với chư thiên, ăn các món ăn đoàn thực và được sanh với thân do ý làm ra, [với điều kiện] vị ấy có thể nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định", sự kiện này không xảy ra.

Rồi Tôn giả Sāriputta suy nghĩ như sau: "Cho đến lần thứ ba, Tôn giả Udāyī phản kháng ta và không một Tỷ-kheo nào tùy hỷ ta, vậy ta hãy đi đến Thế Tôn." Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bảo các Tỷ-kheo:

– Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ... [với điều kiện] vị ấy có thể nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, sự kiện này có xảy ra...

Lần thứ ba, Tôn giả Udāyī nói với Tôn giả Sāriputta:

– Không có sự kiện này, thưa Hiền giả Sāriputta, không có trường hợp rằng: "Tỷ-kheo chắc chắn vượt khỏi cộng trú với chư thiên, ăn các món ăn đoàn thực và được sanh với thân do ý làm ra, [với điều kiện] vị ấy có thể nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định", sự kiện này không xảy ra.

Rồi Tôn giả Sāriputta suy nghĩ như sau: "Trước mặt Thế Tôn, Tôn giả Udāyī cho đến ba lần phản kháng ta và không một Tỷ-kheo nào tùy hỷ ta, vậy ta hãy im lặng." Rồi Tôn giả Sāriputta giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Udāyī:

– Này Udāyī, ông đi đến kết luận, ai có thân do ý làm ra?

– Bạch Thế Tôn, có chư thiên vô sắc, do tưởng làm ra.

– Này Udāyī, ông nghĩ thế nào mà nói lên câu nói của kẻ ngu không thông minh sáng suốt?

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, các ông có thể nhìn một cách thản nhiên khi một Tỷ-kheo trưởng lão bị làm phiền não như vậy. Này Ānanda, lòng từ bi không thể khởi lên khi một Tỷ-kheo trưởng lão bị làm phiền não [mà các ông không có phản ứng].

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ có thể nhập vào một cách hoàn toàn và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, sự kiện này có thể xảy ra. Nếu ngay trong hiện tại, không thể đạt được chánh trí, vị ấy chắc chắn vượt khỏi cộng trú với chư thiên, ăn các món ăn đoàn thực, được sanh với thân do ý làm ra, [với điều kiện] vị ấy có thể nhập vào và xuất khỏi Diệt thọ tưởng định, sự kiện này có xảy ra.

Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tinh xá.

Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, đi đến Tôn giả Upavāṇa; sau khi đến, nói với Tôn giả Upavāṇa:

– Ở đây, này Hiền giả Upavāṇa, một số người làm phiền não Tỷ-kheo trưởng lão và chúng ta không ai đặt câu hỏi. Do vậy, thật không có gì kỳ lạ, thưa Hiền giả, rằng Thế Tôn vào buổi chiều, sau khi từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, nêu lên vấn đề này và sự việc như thế nào, kể lại cho Tôn giả Upavāṇa nghe tất cả. Nay chúng ta cảm thấy sợ hãi.

Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến ngôi giảng đường; sau khi đến, liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Upavāṇa:

– Này Upavāṇa, thành tựu bao nhiêu pháp, vị Tỷ-kheo trưởng lão được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, tôn trọng và noi gương tu tập?

– Bạch Thế Tôn, thành tựu năm pháp, vị Tỷ-kheo trưởng lão được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, tôn trọng và được noi gương tu tập. Thế nào là năm?

Ở đây, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo trưởng lão giữ giới, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn,[167] đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học pháp. Vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe; các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Vị ấy thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, không phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác.[168] Vị ấy chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, đem đến hiện tại lạc trú. Do đoạn tận các lậu hoặc, vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo trưởng lão được các đồng Phạm hạnh ái mộ, ưa thích, tôn trọng và được noi gương tu tập.

– Lành thay, lành thay, này Upavāṇa! Thành tựu năm pháp này, vị Tỷ-kheo trưởng lão đối với các đồng Phạm hạnh được ái mộ, ưa thích, tôn trọng và được noi gương tu tập. Nếu vị Tỷ-kheo trưởng lão không có được năm pháp này, thời có phải các đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường vị ấy vì răng rụng, tóc bạc và da nhăn chăng? Do vậy, này Upavāṇa, do năm pháp này có hiện hữu trong vị Tỷ-kheo trưởng lão, cho nên các đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường vị ấy.

VII. KINH BUỘC TỘI (*Codanāsutta*)[169] (*A*. III. 196)

167. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta bảo các Tỷ-kheo:

---

[167] Xem *A*. III. 111; *GS*. III. 89 (kinh 87 ở trước).

[168] Xem *A*. IV. 279; *D*. III. 115; *M*. II. 166.

[169] Bản tiếng Anh của PTS: *Exhortation*, nghĩa là *Sự khuyến khích*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.497. 0129b25).

– Này các Hiền giả, khi Tỷ-kheo buộc tội, muốn buộc tội người khác, hãy an trú nội tâm năm pháp rồi hãy buộc tội. Thế nào là năm?

"Tôi sẽ nói đúng thời,[170] không phải phi thời"; "Tôi sẽ nói chơn thật, không phải phi chơn thật"; "Tôi sẽ nói nhu hòa, không phải thô bạo"; "Tôi sẽ nói lời liên hệ đến lợi ích, không phải lời không liên hệ đến lợi ích"; "Tôi sẽ nói với từ tâm, không phải với sân tâm."

Này các Hiền giả, khi vị Tỷ-kheo buộc tội, muốn buộc tội người khác, hãy an trú nội tâm năm pháp rồi hãy buộc tội người khác.

Ở đây, này các Hiền giả, tôi thấy có người bị buộc tội phi thời, và có phản ứng không đúng thời; có người bị buộc tội phi chơn, và có phản ứng không chơn thật; bị buộc tội thô bạo, và có phản ứng không nhu hòa; bị buộc tội không liên hệ đến lợi ích, và có phản ứng không liên hệ đến lợi ích; bị buộc tội với sân tâm, và có phản ứng không có từ tâm.

Tỷ-kheo, này các Hiền giả, bị buộc tội phi pháp, có năm lý do không cần sắp đặt[171] sám hối: "Tôn giả bị buộc tội phi thời, không đúng thời, như vậy là vừa đủ để Tôn giả không sám hối"; "Tôn giả bị buộc tội phi chơn, không phải chơn thật, như vậy là vừa đủ để Tôn giả không sám hối"; "Tôn giả bị buộc tội thô bạo, không có nhu hòa, như vậy là vừa đủ để Tôn giả không sám hối"; "Tôn giả bị buộc tội không liên hệ đến lợi ích, không phải liên hệ đến lợi ích, như vậy là vừa đủ để Tôn giả không sám hối"; "Tôn giả bị buộc tội với sân tâm, không với từ tâm, như vậy là vừa đủ để Tôn giả không sám hối."

Tỷ-kheo, này các Hiền giả, bị buộc tội một cách phi pháp, có năm lý do này không cần phải sắp đặt sám hối.

Tỷ-kheo, này các Hiền giả, bị buộc tội phi pháp, có năm lý do cần sắp đặt sám hối: "Hiền giả đã buộc tội phi thời, không phải đúng thời, như vậy là vừa đủ để Hiền giả sám hối"; "Hiền giả đã buộc tội phi chơn, không phải chơn thật, như vậy là vừa đủ để Hiền giả sám hối"; "Hiền giả đã buộc tội một cách thô bạo, không có nhu hòa, như vậy là vừa đủ để Hiền giả sám hối"; "Hiền giả đã buộc tội liên hệ đến phi lợi ích, không phải liên hệ đến lợi ích, như vậy là vừa đủ để Hiền giả sám hối"; "Hiền giả đã buộc tội với sân tâm, không với từ tâm, như vậy là vừa đủ để Hiền giả sám hối."

Tỷ-kheo bị buộc tội phi pháp, này các Hiền giả, có năm lý do này cần phải sắp đặt sám hối. Vì sao? Vì rằng, nhờ vậy không một Tỷ-kheo nào khác nghĩ rằng có thể buộc tội phi chơn.

Ở đây, này các Hiền giả, tôi thấy có người bị buộc tội đúng thời, không phản ứng phi thời; bị buộc tội chơn thật, không phản ứng phi chơn; bị buộc tội nhu hòa, không phản ứng thô bạo; bị buộc tội liên hệ đến lợi ích, không phản ứng không liên hệ đến lợi ích; bị buộc tội với từ tâm, không phản ứng với sân tâm.

---

[170] Xem *A*. III. 243; *GS*. III. 178 (kinh 198 ở sau); *A*. V. 81; *D*. III. 236; *M*. I. 126; *Vin*. II. 249ff.

[171] *Upadahātabbo*. *AA*. III. 300: *Avippatisāro upadahātabboti amaṅkubhāvo upanetabbo* ("Không cần phải sắp đặt sám hối" nghĩa là không cần phải sắp xếp lên bày tỏ lỗi lầm đáng thẹn).

Tỷ-kheo, này các Hiền giả, bị buộc tội đúng pháp có năm lý do cần phải sắp đặt sám hối: "Tôn giả bị buộc tội đúng thời, không phải phi thời, như vậy là vừa đủ để Tôn giả sám hối"; "Tôn giả bị buộc tội chơn thật, không phải phi chơn, như vậy là vừa đủ để Tôn giả sám hối"; "Tôn giả bị buộc tội nhu hòa, không thô bạo, như vậy là vừa đủ để Tôn giả sám hối"; "Tôn giả bị buộc tội liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, như vậy là vừa đủ để Tôn giả sám hối"; "Tôn giả bị buộc tội với từ tâm, không phải với sân tâm, như vậy là vừa đủ để Tôn giả sám hối."

Tỷ-kheo, này các Hiền giả, bị buộc tội đúng pháp có năm lý do này, cần phải sắp đặt sám hối.

Tỷ-kheo, này các Hiền giả, buộc tội đúng pháp có năm lý do để không phải sắp đặt sám hối: "Hiền giả buộc tội đúng thời, không phải phi thời, như vậy là vừa đủ để Hiền giả không sám hối"; "Hiền giả buộc tội chơn thật, không phải phi chơn, như vậy là vừa đủ để Hiền giả không sám hối"; "Hiền giả buộc tội nhu hòa, không phải thô bạo, như vậy là vừa đủ để Hiền giả không sám hối"; "Hiền giả buộc tội không liên hệ đến lợi ích, không phải liên hệ đến lợi ích, như vậy là vừa đủ để Hiền giả không sám hối"; "Hiền giả buộc tội với từ tâm, không với sân tâm, như vậy là vừa đủ để Hiền giả không sám hối."

Này các Hiền giả, Tỷ-kheo buộc tội đúng pháp, do năm lý do này không cần phải sắp đặt sám hối. Vì sao? Vì rằng, nhờ vậy các Tỷ-kheo khác nghĩ rằng buộc tội cần phải đúng pháp.

Người bị buộc tội, thưa các Hiền giả, cần phải an trú trong hai pháp: Chơn thật và bất động. Này các Hiền giả, nếu các người khác buộc tội tôi, đúng thời hay phi thời, chơn thật hay phi chơn, nhu hòa hay thô bạo, liên hệ đến lợi ích hay không liên hệ đến lợi ích, với từ tâm hay với sân tâm, thì cần phải an trú trong hai pháp: Chơn thật và bất động. Nếu tôi biết: "Pháp này có trong tôi", nếu tôi nghĩ là: "Có", tôi sẽ nói: "Pháp này có trong tôi." Nếu tôi biết: "Pháp này không có trong tôi", nếu tôi nghĩ là: "Không có", tôi sẽ nói: "Pháp này không có trong tôi."

Thế Tôn nói:

– Như vậy, này Sāriputta, khi ông nói như vậy, ở đây có một số người ngu nào không có khả năng nắm giữ được vấn đề?

– Bạch Thế Tôn, những người nào không có lòng tin,[172] với mục đích mưu sống,[173] không vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, những người xảo trá, lường gạt, hư ngụy, mất thăng bằng, cao mạn, dao động, lắm lời, nói thô lỗ tạp nhạp, không hộ trì các căn, ăn uống không tiết độ, không chú tâm cảnh giác, thờ ơ với Sa-môn hạnh, không tôn kính học tập, sống quá đầy đủ, uể oải, đi đầu trong thối thất, từ bỏ gánh nặng viễn ly, biếng nhác, tinh cần thấp

---

[172] Xem *M.* III. 6.

[173] *Jīvikatthā*. Xem *UdA*. 205.

kém, thất niệm, không tỉnh giác, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, câm ngọng; khi con nói như vậy, họ không có khả năng nắm giữ được vấn đề.

Nhưng các thiện nam tử, bạch Thế Tôn, vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không xảo trá, không lường gạt, không hư ngụy, không mất thăng bằng, không cao mạn, không dao động, không lắm lời, không nói thô lỗ tạp nhạp, hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, chú tâm cảnh giác, không thờ ơ với Sa-môn hạnh, tôn kính học tập, không sống quá đầy đủ, không uể oải, từ bỏ gánh nặng đọa lạc, đi đầu trong đời sống viễn ly, tinh cần tinh tấn, siêng năng, an trú chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, có trí tuệ, không câm ngọng; khi con nói như vậy, các vị này có khả năng nắm giữ vấn đề.

– Này Sāriputta, các người không vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình... liệt tuệ, câm ngọng, hãy để họ một bên.

Nhưng này Sāriputta, những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình... không câm ngọng, hãy nói chuyện với họ, hãy giáo giới các vị đồng Phạm hạnh, hãy giảng dạy họ. Này Sāriputta, các vị đồng Phạm hạnh nghĩ rằng: "Sau khi được giúp ra khỏi phi Diệu pháp, tôi an trú cùng các vị đồng Phạm hạnh trong Diệu pháp."

Này Sāriputta hãy như vậy học tập.

VIII. KINH CÓ GIỚI (*Sīlasutta*)[174] (*A*. III. 200)

168. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta bảo các Tỷ-kheo:

– Với người ác giới, này các Hiền giả, với người phá giới, chánh định do vậy bị phá hoại. Khi chánh định không có mặt, với người chánh định bị phá hoại, như thật tri kiến[175] do vậy bị phá hoại. Khi như thật tri kiến không có mặt, với người như thật tri kiến bị phá hoại, nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại. Khi nhàm chán, ly tham không có mặt, với người nhàm chán, ly tham bị phá hoại, giải thoát tri kiến do vậy bị phá hoại.

Ví như, này các Hiền giả, một cây, với cành và lá bị phá hoại, thời đọt cây ấy không đi đến viên mãn, vỏ cây không đi đến viên mãn, giác cây không đi đến viên mãn, lõi cây không đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Hiền giả, với người ác giới, với người phá giới, chánh định do vậy bị phá hoại. Khi chánh định không có mặt, với người chánh định bị phá hoại, như thật tri kiến do vậy bị phá hoại. Khi như thật tri kiến không có mặt, với người như thật tri kiến bị phá hoại, nhàm chán, ly tham do vậy bị phá hoại. Khi nhàm chán, ly tham không có mặt, với người nhàm chán, ly tham bị phá hoại, giải thoát tri kiến do vậy bị phá hoại.

Với người có giới, này các Hiền giả, với người gìn giữ giới, chánh định do vậy được đầy đủ. Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu. Do như thật tri kiến có mặt, với người

[174] Tham chiếu: *A*. III. 19; *GS*. III. 14 (kinh 24 ở trước). *Giới kinh* 戒經 (*T*.01. 0026.47-48. 0486b23-0486c03); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099. 495. 0129a09).

[175] *Chú giải* viết *taruṇa* nghĩa là tuổi trẻ.

như thật tri kiến có mặt, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu. Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người nhàm chán, ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu.

Ví như, này các Hiền giả, một cây, với cành và lá được đầy đủ, thời đọt cây ấy đi đến viên mãn, vỏ cây đi đến viên mãn, giác cây đi đến viên mãn, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Hiền giả, với người có giới, với người giữ gìn giới, chánh định do vậy được đầy đủ. Do chánh định có mặt, với người chánh định được thành tựu, như thật tri kiến do vậy được thành tựu. Do như thật tri kiến có mặt, với người như thật tri kiến được thành tựu, nhàm chán, ly tham do vậy được thành tựu. Do nhàm chán, ly tham có mặt, với người nhàm chán, ly tham được thành tựu, giải thoát tri kiến do vậy được thành tựu.

IX. KINH CHÚ TÂM MAU CHÓNG (*Khippanisantisutta*)[176] (*A*. III. 201)

169. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo mau chóng đi đến hiểu biết đối với thiện pháp, sự nắm giữ của vị ấy là khéo nắm giữ, nắm giữ nhiều và không quên điều đã nắm giữ.

– Hiền giả Ānanda là vị nghe nhiều, mong Hiền giả Ānanda hãy nói lên.

– Vậy thưa Hiền giả Sāriputta, hãy khéo tác ý, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Sāriputta vâng đáp Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda nói như sau:

– Ở đây, thưa Hiền giả Sāriputta, có Tỷ-kheo thiện xảo về ý nghĩa, thiện xảo về pháp, thiện xảo về văn cú, thiện xảo về địa phương ngữ, thiện xảo về liên hệ trước sau. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo mau chóng đi đến hiểu biết đối với các thiện pháp, sự nắm giữ của vị ấy là khéo nắm giữ, nắm giữ nhiều và không quên điều đã nắm giữ.

– Thật vi diệu thay, thưa Hiền giả! Thật hy hữu thay, thưa Hiền giả! Khó nói thay, điều này được Hiền giả Ānanda nói lên. Chúng tôi tin rằng Hiền giả Ānanda thành tựu năm pháp này. Hiền giả Ānanda thiện xảo về nghĩa, thiện xảo về pháp, thiện xảo về văn cú, thiện xảo về địa phương ngữ, thiện xảo về liên hệ trước sau.

X. KINH BHADDAJI (*Bhaddajisutta*)[177] (*A*. III. 202)

170. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Bhaddaji đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đi đến, nói với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi

[176] Bản tiếng Anh của PTS: *Come to Know*, nghĩa là *Đến để biết*.
[177] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.484. 0123b20).

thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Bhaddaji đang ngồi một bên:

– Thưa Hiền giả Bhaddaji, điều gì là tối thượng trong những điều được thấy? Điều gì là tối thượng trong những điều được nghe? Điều gì là tối thượng trong các lạc? Điều gì là tối thượng trong những điều được tưởng? Điều gì là tối thượng trong các hữu?

– Thưa Hiền giả, có Phạm thiên là bậc Tối thắng (Abhibhū), là bậc Vô địch, bậc Biến nhãn, tự tại đối với tất cả loại hữu tình; thấy Phạm thiên là tối thượng trong những điều được thấy.

Thưa Hiền giả, có chư thiên Quang Âm (Ābhassara) tràn đầy và biến mãn an lạc; khi nào và chỗ nào họ thốt lên lời cảm hứng ngữ: "Ôi, sung sướng thay! Ôi, sung sướng thay!" Ai nghe tiếng ấy, đó là sự nghe tối thượng.

Thưa Hiền giả, có chư thiên Biến Tịnh (Subhakiṇha) họ sống thoải mái trong tịch tịnh, họ cảm giác lạc thọ, đây là lạc tối thượng.

Thưa Hiền giả, có chư thiên đạt được Vô sở hữu xứ, đây là tưởng vô thượng.

Thưa Hiền giả, có chư thiên đạt được Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đây là hữu tối thượng.

– Lời nói của Tôn giả Bhaddaji, đây là lời của quần chúng.

– Tôn giả Ānanda là vị nghe nhiều. Tôn giả Ānanda hãy nói lên.

– Vậy này Hiền giả Bhaddaji, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Bhaddaji vâng đáp Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda nói như sau:

– Khi người ta nhìn, này Hiền giả, không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là sự thấy tối thượng. Khi người ta nghe không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là sự nghe tối thượng. Khi người ta cảm giác lạc thọ không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là an lạc tối thượng. Khi người ta cảm tưởng không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là tưởng tối thượng. Khi người ta hiện hữu không có gián đoạn, các lậu hoặc được đoạn trừ, như vậy là hữu tối thượng.

XVIII. PHẨM NAM CƯ SĨ
(*UPĀSAKAVAGGA*)

I. KINH SỢ HÃI (*Sārajjasutta*) (*A*. III. 203)

171. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ rơi vào sự sợ hãi. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ rơi vào sự sợ hãi.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ không có sợ hãi. Thế nào là năm? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ không có sợ hãi.

II. KINH KHÔNG SỢ HÃI (*Visāradasutta*) (*A*. III. 203)

172. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ sống ở gia đình có sợ hãi. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ sống ở gia đình có sợ hãi.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ sống ở gia đình không có sợ hãi. Thế nào là năm? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ sống ở gia đình không có sợ hãi.

III. KINH ĐỊA NGỤC (*Nirayasutta*) (*A*. III. 204)

173. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

IV. KINH HẬN THÙ (*Verasutta*) (*A*. III. 204)

174. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, ai không đoạn tận năm sự sợ hãi hận thù, được gọi là ác giới và sanh vào địa ngục. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu.

Này gia chủ, ai không đoạn tận năm sự sợ hãi hận thù này, được gọi là ác giới và sanh vào địa ngục.

Này gia chủ, ai đoạn tận năm sự sợ hãi hận thù, được gọi là có giới và sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho... đắm say rượu men rượu nấu.

Này gia chủ, ai đoạn tận năm sự sợ hãi hận thù này, được gọi là có giới và sanh lên cõi trời.

Này gia chủ, người sát sanh, do duyên sát sanh, hiện tại sanh khởi sự sợ hãi hận thù, đời sau sanh khởi sự sợ hãi hận thù, tâm cảm thọ khổ ưu. Từ bỏ sát sanh, hiện tại không sanh khởi sự sợ hãi hận thù, đời sau không sanh khởi sự sợ hãi hận thù, tâm không cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ sát sanh, như vậy, sự sợ hãi hận thù ấy được tịnh chỉ.

Này gia chủ, người lấy của không cho... Này gia chủ, người có tà hạnh trong các dục... Này gia chủ, người nói láo... Này gia chủ, người đắm say rượu men rượu nấu, do duyên đắm say rượu men rượu nấu, hiện tại sanh khởi sợ hãi hận thù, đời sau sanh khởi sự sợ hãi hận thù, tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, hiện tại không sanh khởi sự sợ hãi hận thù, đời sau không sanh khởi sự sợ hãi hận thù, tâm không cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, như vậy, sự sợ hãi hận thù ấy được tịnh chỉ.

Ai sát hại sanh linh,
Và nói láo ở đời,
Lấy của cải không cho,
Đi đến vợ người khác,
Và người mãi đắm say,
Uống rượu men rượu nấu,
Không đoạn năm hận thù,

Được gọi là ác giới,
Mệnh chung sanh ác tuệ,
Bị rơi vào địa ngục.
Ai không hại sanh linh,
Không nói láo ở đời,
Không lấy của không cho,
Không đi đến vợ người,
Người nào không đắm say,
Rượu men và rượu nấu,
Đoạn tận năm hận thù,
Được gọi là có giới,
Mệnh chung sanh trí tuệ,
Được sanh lên cõi lành.

V. KINH KẺ BỊ VẤT BỎ (*Caṇḍālasutta*) (*A*. III. 206)

175. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, một nam cư sĩ là kẻ bị vất bỏ khỏi giới nam cư sĩ, là cấu uế cho nam cư sĩ, là tối hạ liệt cho nam cư sĩ. Thế nào là năm? Không có lòng tin; ác giới; đoán tương lai với những nghi lễ đặc biệt; tin tưởng điềm lành, không tin hành động; tìm kiếm ngoài [Tăng chúng] người xứng đáng tôn trọng và tại đấy phục vụ trước.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một nam cư sĩ là kẻ bị vất bỏ khỏi giới nam cư sĩ, là cấu uế cho nam cư sĩ, là tối hạ liệt cho nam cư sĩ.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, một nam cư sĩ là hòn ngọc trong giới nam cư sĩ, là hoa sen hồng trong giới nam cư sĩ, là hoa sen trắng trong giới nam cư sĩ. Thế nào là năm? Có lòng tin; có giới; không đoán tương lai với những nghi lễ đặc biệt; không tin tưởng điềm lành, tin tưởng ở hành động; không tìm kiếm ngoài [Tăng chúng] người xứng đáng tôn trọng và tại đấy phục vụ trước.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người nam cư sĩ là hòn ngọc trong giới nam cư sĩ, là hoa sen hồng trong giới nam cư sĩ, là hoa sen trắng trong giới nam cư sĩ.

VI. KINH HOAN HỶ (*Pītisutta*)[178] (*A*. III. 206)

176. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika với khoảng năm trăm nam cư sĩ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, ông đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng ông chớ có bằng lòng với ý nghĩ: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh." Do vậy, này gia chủ,

[178] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.482. 0122c24).

ông cần phải học tập như sau: "Với phương tiện nào chúng ta thỉnh thoảng đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh." Như vậy, này gia chủ, ông cần phải học tập.

Được nghe nói như vậy, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Khéo nói thay là lời nói này của Thế Tôn: "Này gia chủ, ông đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng ông chớ có bằng lòng với ý nghĩ: 'Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.' Do vậy, ông cần phải học tập như sau: 'Với phương tiện nào, chúng ta thỉnh thoảng đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh.' Như vậy, này gia chủ, ông cần phải học tập." Bạch Thế Tôn, khi nào vị Thánh đệ tử đạt đến và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy, năm sự việc không xảy ra:

Khổ và ưu liên hệ đến dục, trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy; lạc và hỷ liên hệ đến dục, trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy; khổ và ưu liên hệ đến bất thiện, trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy; lạc và hỷ liên hệ đến bất thiện, trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy; khổ và ưu liên hệ đến thiện, trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy.

Bạch Thế Tôn, khi nào vị Thánh đệ tử đạt đến và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy, năm sự việc này không xảy ra.

– Lành thay! Lành thay! Này Sāriputta, trong khi vị Thánh đệ tử đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy, năm sự kiện không xảy ra cho người ấy: Khổ và ưu liên hệ đến dục trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy; lạc và hỷ liên hệ đến dục trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy; khổ và ưu liên hệ đến bất thiện trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy; lạc và hỷ liên hệ đến bất thiện trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy; khổ và ưu liên hệ đến thiện, trong thời gian ấy không xảy ra cho người ấy.

Này Sāriputta, trong khi vị Thánh đệ tử đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy, năm sự kiện này không xảy ra cho người ấy.

VII. KINH NGƯỜI BUÔN BÁN (*Vaṇijjāsutta*) (*A*. III. 208)

177. Có năm nghề buôn bán, này các Tỷ-kheo, một nam cư sĩ không nên làm. Thế nào là năm? Buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu, buôn bán thuốc độc.

Có năm nghề buôn bán này, này các Tỷ-kheo, một nam cư sĩ không nên làm.

VIII. KINH CÁC VUA (*Rājāsutta*) (*A*. III. 208)

178. Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các ông có thấy hay có nghe như sau không: "Người này đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh. Rồi các vua chúa bắt người ấy do nhân từ bỏ sát sanh, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau: "Người này đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh. Rồi do nhân từ bỏ sát sanh, các vua bắt người ấy sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn." Nhưng nếu có người nói về ác nghiệp của người ấy như sau: "Người này sát hại sinh mạng của nữ nhân hay nam nhân." Rồi các vua bắt người ấy, do nhân sát hại sinh mạng, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn. Các ông có thấy như vậy, hay nghe như vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy, có nghe như vậy, và sẽ được nghe như vậy nữa.

– Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào, các ông có thấy hay có nghe như sau không: "Người này đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho. Rồi các vua bắt người ấy, do nhân từ bỏ lấy của không cho, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau: "Người này đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho. Rồi các vua bắt người ấy, do nhân từ bỏ lấy của không cho, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn." Nhưng nếu có người nói về ác nghiệp của người ấy như sau: "Người này lấy của không cho gọi là ăn trộm, từ làng hay từ khu rừng." Rồi các vua bắt người ấy, do nhân lấy của không cho, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn. Các ông có thấy như vậy, hay nghe như vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy, có nghe như vậy, và sẽ được nghe như vậy nữa.

– Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào, các ông có thấy hay có nghe như sau không: "Người này đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục. Rồi các vua bắt người ấy, do nhân từ bỏ tà hạnh trong các dục, sát hại, hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau: "Người này đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục. Rồi các vua bắt người ấy, do nhân từ bỏ tà hạnh trong các dục, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn." Nhưng nếu có người nói về ác nghiệp của người ấy như sau: "Người này có tà hạnh với những người đàn bà của người khác, với những thiếu nữ của người khác." Rồi các vua bắt người ấy, do nhân tà hạnh trong các dục, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn. Các ông có thấy như vậy, hay có nghe như vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy, có nghe như vậy, và sẽ được nghe như vậy nữa.

– Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào, các ông có thấy và có nghe như sau không: "Người này đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo. Rồi các vua bắt người ấy, do nhân từ bỏ nói láo, sát hại, hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau: "Người này đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo. Rồi các vua chúa bắt người ấy, do nhân từ bỏ nói láo, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn." Nhưng nếu có người nói về ác nghiệp của người ấy như sau: "Người này do nói láo, phá hoại hạnh phúc của người gia chủ hay con người gia chủ." Rồi các vua bắt người ấy, và do nhân nói láo, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn. Các ông có thấy như vậy, hay có nghe như vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy, có nghe như vậy, và sẽ được nghe như vậy nữa.

– Này các Tỷ-kheo, các ông nghĩ thế nào, các ông có thấy hay có nghe như sau không: "Người này đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu. Rồi các vua bắt người ấy, do nhân từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, sát hại, bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn"?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau: "Người này đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu. Rồi các vua chúa bắt người ấy, do nhân từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, sát hại, hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn." Nhưng nếu có người nói về ác nghiệp của người ấy như sau: "Người này do nhân đắm say rượu men rượu nấu, lấy của không cho, gọi là ăn trộm từ làng hay từ khu rừng; người này do nhân đắm say rượu men rượu nấu, có tà hạnh đối với những nữ nhân của các người khác, đối với các thiếu nữ của những người khác; người này do nhân đắm say rượu men rượu nấu, nói láo, phá hoại hạnh phúc người gia chủ hay con người gia chủ." Rồi các vua bắt người ấy, do nhân đắm say rượu men rượu nấu, sát hại hay bắt trói, hay tẩn xuất, hay làm gì người ấy tùy theo ý muốn. Các ông có thấy như vậy, có nghe như vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, chúng con có thấy, có nghe như vậy và sẽ được nghe như vậy nữa.

IX. KINH GIA CHỦ (*Gihisutta*)[179] (*A.* III. 211)

179. Gia chủ Anāthapiṇḍika với khoảng năm trăm nam cư sĩ đoanh vây, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn bảo Tôn giả Sāriputta:

[179] Tham chiếu: *Ưu-bà-tắc kinh* 優婆塞經 (*T.*01. 0026.128. 0616a27).

– Này Sāriputta, ông có biết người gia chủ mặc áo trắng mà sở hành được bảo vệ trong năm học giới, và có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức bốn tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú,[180] nếu vị ấy muốn, có thể tự đáp về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận loài ngạ quỷ, đoạn tận cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, không còn phải thối đọa, quyết chắc đạt được Chánh giác." Vậy sở hành được bảo vệ trong năm học giới nào?

Ở đây, này Sāriputta, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Sở hành được bảo vệ trong năm học giới này.

Vị ấy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức bốn tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú nào?

Ở đây, này Sāriputta, vị Thánh đệ tử có lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Thế Tôn là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Đây là tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú thứ nhất, vị ấy đã chứng được nhờ làm cho thanh tịnh tâm chưa được thanh tịnh, làm cho trong sáng tâm chưa được trong sáng.

Lại nữa, này Sāriputta, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu." Đây là tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú thứ hai, vị ấy đã chứng được nhờ làm cho thanh tịnh tâm chưa được thanh tịnh, làm cho trong sáng tâm chưa được trong sáng.

Lại nữa, này Sāriputta, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời." Đây là tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú thứ ba, vị ấy đã chứng được nhờ làm cho thanh tịnh tâm chưa được thanh tịnh, làm cho trong sáng tâm chưa được trong sáng.

Lại nữa, này Sāriputta, vị Thánh đệ tử thành tựu giới được bậc Thánh ái kính, không có bể vụn, không bị sứt mẻ, không tỳ vết, không ô nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, làm cho an lạc, hướng đến thiền định. Đây là tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú thứ tư, vị ấy đã chứng được nhờ làm cho thanh tịnh tâm chưa được thanh tịnh, làm cho trong sáng tâm chưa được trong sáng.

Bốn tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú này được vị Thánh đệ tử chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức.

---

[180] Xem *A*. IV. 405; *D*. II. 93; *S*. V. 357. Bốn pháp này được gọi là Pháp kính.

Này Sāriputta, ông có biết người gia chủ mặc áo trắng mà sở hành được bảo vệ trong năm học giới, và có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức bốn tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú; nếu vị ấy muốn, có thể tự đáp về mình như sau: "Ta đã đoạn tận địa ngục, đoạn tận khỏi sanh vào loài bàng sanh, đoạn tận loài ngạ quỷ, đoạn tận cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Ta là bậc Dự Lưu, không còn phải thối đọa, quyết chắc đạt được Chánh giác."

Thấy sợ hãi địa ngục,
Hãy tránh xa điều ác,
Khéo chấp nhận Chánh pháp,
Bậc hiền trí tránh xa,
Không hại các chúng sanh,
Những vật có nỗ lực.
Biết không có nói láo,
Không lấy của không cho,
Tự bằng lòng vợ mình,
Tránh xa vợ người khác.
Người biết không uống rượu,
Khiến tâm trí mê loạn,
Hãy tùy niệm đến Phật,
Hãy tùy niệm đến Pháp,
Hãy tu tâm không sân,
Hãy tu tâm nhiêu ích,
Để xứng đáng được sanh,
Cảnh giới các chư thiên,
Cầu công đức lợi ích,
Hãy cung cấp vật thí,
Trước thí bậc Chí thiện,
Mới mong có quả lớn.
Này Sāriputta,
Ta sẽ nói cho ông,
Các bậc Chí thiện ấy,
Ông hãy lắng nghe Ta.
Như trong một đàn bò,
Có con đen, trắng, đỏ,
Màu hung hay có đốm,
Có con màu bồ câu,
Dầu con bò màu gì,
Kiếm được con bò thuần,
Con vật kéo sức mạnh,
Đẹp, lanh và hăng hái,
Mặc kệ nó màu gì,

Liền mắc vào gánh nặng.
Cũng vậy, giữa loài người,
Dầu có sinh chỗ nào,
Hoàng tộc, Bà-la-môn,
Thương gia hay nô bộc,
Kẻ không có giai cấp,
Hay hạ cấp đổ phân,
Giữa những người như vậy,
Ai điều phục, thuần thục,
Ngay thẳng, đủ giới đức,
Nói thực, biết tàm quý,
Sanh tử đã đoạn tận,
Phạm hạnh được vẹn toàn,
Gánh nặng đã hạ xuống,
Không còn bị trói buộc,
Việc cần làm đã làm,
Không còn bị lậu hoặc,
Đã đến bờ bên kia,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Phước điền ấy vô cấu,
Quả lớn đáng cúng dường.
Những kẻ ngu không biết,
Thiếu trí, ít nghe nhiều,
Chỉ bố thí bên ngoài,
Không đến gần người thiện.
Những ai gần người thiện,
Có tuệ, tôn bậc hiền,
Họ tin bậc Thiện Thệ,
An trú tận gốc rễ,
Sanh thiên hay ở đây,
Được sanh gia đình tốt,
Bậc trí tuần tự tiến,
Chứng được cảnh Niết-bàn.

X. KINH CƯ SĨ GAVESĪ (*Gavesīsutta*)[181] (*A*. III. 214)

180. Một thời, Thế Tôn đang đi du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Trong khi đang đi trên đường, Thế Tôn thấy một chỗ có khóm rừng cây Sāla to lớn. Thấy vậy, Ngài bước xuống đường, đi đến khóm rừng cây Sāla, đi sâu vào rừng Sāla ấy, và tại một địa điểm, Ngài mỉm cười. Rồi Tôn giả Ānanda suy nghĩ: "Do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn tỏ lộ mỉm

[181] Bản tiếng Anh của PTS: *Gavesin, the Seeker*, nghĩa là *Gavesī, người tầm cầu.*

cười? Không phải không có duyên cớ, các Như Lai tỏ lộ mỉm cười.” Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn tỏ lộ mỉm cười? Không phải không có duyên cớ, các Như Lai tỏ lộ mỉm cười.

– Thuở xưa, này Ānanda, tại địa điểm này, có một thành phố phồn thịnh, giàu có và dân cư đông đúc. Tại thành phố ấy, này Ānanda, Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở gần đây. Này Ānanda, Gavesī là một nam cư sĩ của Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, nhưng giữ giới không được viên mãn. Rồi này Ānanda, có khoảng năm trăm nam cư sĩ được cư sĩ Gavesī thuyết pháp và khích lệ, các người này giữ giới luật không được viên mãn. Rồi này Ānanda, nam cư sĩ Gavesī suy nghĩ như sau: “Ta giúp đỡ rất nhiều năm trăm vị nam cư sĩ này, ta đi trước, ta khích lệ họ, nhưng ta giữ giới luật không được viên mãn. Như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm điều gì trội hơn, nhiều hơn.” Rồi này Ānanda, nam cư sĩ Gavesī đi đến năm trăm nam cư sĩ; sau khi đến, nói với năm trăm nam cư sĩ ấy như sau: “Này các Tôn giả, bắt đầu từ hôm nay, ta sẽ thọ trì viên mãn trong các giới luật.”

Rồi này Ānanda, năm trăm nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: “Tôn giả Gavesī đã giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước, đã khích lệ chúng ta. Tôn giả Gavesī sẽ thọ trì viên mãn trong các giới luật. Tại sao chúng ta lại không như vậy!” Rồi này Ānanda, năm trăm nam cư sĩ ấy đi đến nam cư sĩ Gavesī; sau khi đến, nói với nam cư sĩ Gavesī: “Bắt đầu từ hôm nay, thưa Tôn giả Gavesī, chúng tôi sẽ thọ trì viên mãn trong các giới luật.”

Rồi này Ānanda, nam cư sĩ Gavesī suy nghĩ như sau: “Ta giúp đỡ rất nhiều cho năm trăm nam cư sĩ này, ta đi trước, ta khích lệ họ. Ta thọ trì viên mãn trong các giới luật và năm trăm nam cư sĩ này cũng thọ trì viên mãn trong các giới luật. Như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm điều gì trội hơn, nhiều hơn.” Rồi này Ānanda, nam cư sĩ Gavesī đi đến năm trăm nam cư sĩ; sau khi đến, nói với năm trăm vị nam cư sĩ ấy như sau: “Bắt đầu từ ngày hôm nay, này các Tôn giả, ta sẽ hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt.”

Rồi này Ānanda, năm trăm nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: “Tôn giả Gavesī giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước và khích lệ chúng ta. Và Tôn giả Gavesī sẽ hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt. Tại sao chúng ta lại không như vậy!” Rồi này Ānanda, năm trăm nam cư sĩ ấy đi đến nam cư sĩ Gavesī; sau khi đến, nói với nam cư sĩ Gavesī: “Bắt đầu từ hôm nay, thưa Tôn giả Gavesī, chúng tôi sẽ hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt.”

Rồi nam cư sĩ Gavesī suy nghĩ như sau: “Ta giúp đỡ rất nhiều cho năm trăm nam cư sĩ này, ta đi trước, ta khích lệ họ. Ta thọ trì viên mãn trong các giới luật, năm trăm nam cư sĩ này cũng thọ trì viên mãn trong các giới luật; ta hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt và năm trăm nam cư

sĩ này cũng hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt. Như vậy là đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm điều gì trội hơn, nhiều hơn." Rồi này Ānanda, nam cư sĩ Gavesī đi đến năm trăm nam cư sĩ; sau khi đến, nói với năm trăm vị nam cư sĩ ấy như sau: "Bắt đầu từ ngày hôm nay, này các Tôn giả, ta sẽ ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời."

Rồi này Ānanda, năm trăm nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Gavesī giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước và khích lệ chúng ta. Tôn giả Gavesī sẽ ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Tại sao chúng ta lại không như vậy!" Rồi này Ānanda, năm trăm nam cư sĩ ấy đi đến nam cư sĩ Gavesī; sau khi đến, nói với nam cư sĩ Gavesī: "Bắt đầu từ hôm nay, thưa Tôn giả Gavesī, chúng tôi sẽ thọ trì ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời."

Rồi này Ānanda, nam cư sĩ Gavesī suy nghĩ như sau: "Ta giúp đỡ cho năm trăm nam cư sĩ này rất nhiều, ta đã đi trước và khích lệ họ. Nay ta thọ trì viên mãn trong các giới luật và năm trăm nam cư sĩ này cũng thọ trì viên mãn trong các giới luật; ta hành Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hạ liệt và năm trăm nam cư sĩ này cũng hành Phạm hạnh, sống viễn ly,[182] từ bỏ dâm dục hạ liệt; ta ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời và năm trăm nam cư sĩ này cũng ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Như vậy là có sự đồng đẳng giống nhau, không có gì trội hơn, nhiều hơn. Vậy ta hãy làm điều gì trội hơn, nhiều hơn." Rồi này Ānanda, Tôn giả Gavesī đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác; sau khi đến, bạch với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác:

– Bạch Thế Tôn, hãy cho con xuất gia với Thế Tôn, hãy cho con thọ Đại giới!

Rồi này Ānanda, nam cư sĩ Gavesī được xuất gia với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, được thọ Đại giới. Được thọ Đại giới không bao lâu, này Ānanda, Tỷ-kheo Gavesī sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần; và không bao lâu, vị này chứng được mục đích tối thượng mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Và vị ấy xác chứng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Và này Ānanda, năm trăm nam cư sĩ ấy suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo Gavesī giúp đỡ chúng ta rất nhiều, đã đi trước và khích lệ chúng ta. Nay Tôn giả Gavesī đã cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Tại sao chúng ta lại không như vậy!" Rồi này Ānanda, năm trăm nam cư sĩ ấy đi đến Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác; sau khi đến, bạch Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác:

---

[182] *Brahmacārino ārācārino*. Xem *A.* IV. 249; *D.* I. 4; *M.* III. 33.

– Bạch Thế Tôn, hãy cho chúng con xuất gia với Thế Tôn, hãy cho chúng con thọ Đại giới!

Và này Ānanda, năm trăm nam cư sĩ ấy được xuất gia với Thế Tôn Kassapa, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, được thọ Đại giới. Rồi này Ānanda, Tỷ-kheo Gavesī suy nghĩ như sau: "Ta đã chứng được Vô thượng giải thoát này không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức. Mong rằng năm trăm vị Tỷ-kheo ấy có thể chứng được Vô thượng giải thoát này không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức." Rồi này Ānanda, năm trăm vị Tỷ-kheo ấy sống an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, các vị ấy chứng được mục đích tối cao mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Và các vị ấy xác chứng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Như vậy, này Ānanda, năm trăm vị Tỷ-kheo ấy, do Gavesī dẫn đầu, trong khi tinh tấn đạt đến những gì cao hơn nữa, những gì tối thắng hơn nữa, đã chứng ngộ Vô thượng giải thoát. Do vậy, này Ānanda, cần phải học tập như sau:

"Hãy tinh tấn để đạt đến những gì cao hơn nữa, tối thắng hơn nữa, chúng ta sẽ chứng ngộ Vô thượng giải thoát."

Như vậy, này Ānanda, các ông cần phải học tập.



XIX. PHẨM SỐNG Ở RỪNG
(*ĀRAÑÑAVAGGA*)

I. KINH HẠNH SỐNG Ở RỪNG (*Āraññikasutta*)[183] (*A*. III. 219)

181. Có năm hạng người này sống ở rừng. Thế nào là năm? Hạng đần độn ngu si sống ở rừng; hạng ác dục, ác tánh sống ở rừng; hạng kiêu mạn loạn tâm[184] sống ở rừng; hạng ở rừng vì được nghe Phật và các đệ tử Phật tán thán; hạng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm,[185] vì viễn ly, vì cầu thiện hành[186] này sống ở rừng.

Này các Tỷ-kheo, có năm hạng người này sống ở rừng.

Trong năm hạng người này sống ở rừng, này các Tỷ-kheo, hạng sống ở rừng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này sống ở rừng, hạng người này trong năm hạng người ấy là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ, là tối thượng, là tối diệu.

Ví như này các Tỷ-kheo, từ con bò có sữa,[187] từ sữa có lạc (*dadhi*), từ lạc có sanh tô (*navanītaṃ*), từ sanh tô có thục tô (*sappi*), từ thục tô có đề-hồ (*sappimaṇḍo*). Đây được gọi là đệ nhất. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong năm hạng người sống ở rừng, hạng sống ở rừng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này sống ở rừng, hạng người này trong năm hạng người ấy là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ, là tối thượng, là tối diệu.

II. KINH HẠNH MẶC Y (*Cīvarasutta*) (*A*. III. 219)

182. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người mặc y nhặt từ đống rác này...

III. KINH HẠNH SỐNG DƯỚI GỐC CÂY (*Rukkhamūlikasutta*) (*A*. III. 219)

183. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người sống dưới gốc cây này...

IV. KINH HẠNH SỐNG Ở NGHĨA ĐỊA (*Sosānikasutta*) (*A*. III. 220)

184. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người sống ở nghĩa địa này...

---

[183] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 150A.21. 0879a10).

[184] Xem *A*. III. 117; *GS*. III. 92 (kinh 93 ở trước).

[185] *Sallekha*: Đoạn giảm ác, sám hối, ăn năn.

[186] *Idamatthitanti*. *AA*. III. 307: *Idamatthitanti imāya kalyāṇāya paṭipattiyā attho etassāti idamatthī, idamatthino bhāvo idamatthitā* ("Vì cầu thiện hành này"; *idamatthī* = *idamatthitā*, có nghĩa là "mong muốn từ hành động tốt này").

[187] Ví dụ này được tìm thấy trong *A*. II. 95 và V. 182; *S*. III. 264; *J*. VI. 206.

V. KINH HẠNH SỐNG NGOÀI TRỜI (*Abbhokāsikasutta*) (*A*. III. 220)

185. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người sống ở ngoài trời này...

VI. KINH HẠNH NGỒI KHÔNG NẰM (*Nesajjikasutta*) (*A*. III. 220)

186. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người ngồi không chịu nằm này...

VII. KINH HẠNH CƯ NGỤ TÙY THEO CHỈ ĐỊNH (*Yathāsanthatikasutta*) (*A*. III. 220)

187. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người nằm bất cứ chỗ nào được mời này...

VIII. KINH HẠNH NGỒI ĂN MỘT CHỖ (*Ekāsanikasutta*) (*A*. III. 220)

188. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người chỉ ngồi ăn một lần này...

IX. KINH HẠNH ĂN MỘT BỮA (*Khalupacchābhattikasutta*) (*A*. III. 220)

189. Này các Tỷ-kheo, năm hạng người theo hạnh ăn xong, sau không ăn nữa này...

X. KINH HẠNH ĂN TỪ BÌNH BÁT (*Pattapiṇḍikasutta*) (*A*. III. 220)

190. Này các Tỷ-kheo, có năm hạng người ăn từ bình bát này. Thế nào là năm? Hạng đần độn ngu si ăn từ bình bát; hạng ác dục, ác tánh ăn từ bình bát; hạng kiêu mạn loạn tâm ăn từ bình bát; hạng ăn từ bình bát vì được nghe Phật và các đệ tử Phật tán thán; hạng vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này ăn từ bình bát.

Này các Tỷ-kheo, có năm hạng người ăn từ bình bát này.

Trong năm hạng người ăn từ bình bát này, này các Tỷ-kheo, hạng ăn từ bình bát vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này ăn từ bình bát, hạng người này trong năm hạng người ấy là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ, là tối thượng, là tối diệu.

Ví như này các Tỷ-kheo, từ con bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có đề-hồ. Đây được gọi là đệ nhất. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong năm hạng người ăn từ bình bát này, hạng ăn từ bình bát vì ít dục, vì biết đủ, vì đoạn giảm, vì viễn ly, vì cầu thiện hành này ăn từ bình bát. Hạng người này trong năm hạng người ấy là đệ nhất, là tối thắng, là thượng thủ, là tối thượng, là tối diệu.

XX. PHẨM BÀ-LA-MÔN
(*BRĀHMAṆAVAGGA*)

I. KINH CON CHÓ (*Soṇasutta*) (*A*. III. 221)

191. Có năm cựu Bà-la-môn pháp này,[188] này các Tỷ-kheo, nay được thấy giữa các con chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn. Thế nào là năm?

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn chỉ đi đến nữ Bà-la-môn, không đến phi nữ Bà-la-môn. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn đi đến nữ Bà-la-môn, cũng đi đến phi nữ Bà-la-môn. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó đực chỉ đi đến con chó cái, không đi đến loại không phải con chó cái. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ nhất, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn chỉ đi đến nữ Bà-la-môn trong thời kỳ có thể thụ thai, không có đi đến trong thời kỳ không thể thụ thai. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn đi đến nữ Bà-la-môn trong thời kỳ có thể thụ thai và cũng đi đến trong thời kỳ không thể thụ thai. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó đực chỉ đi đến con chó cái trong thời kỳ có thể thụ thai, không đi đến trong thời kỳ không thể thụ thai. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ hai, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn không mua, không bán nữ Bà-la-môn, cộng trú trong tình tương ái, tiếp tục trong sự thuận hòa.[189] Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các nam Bà-la-môn mua và bán nữ Bà-la-môn, cộng trú trong tình tương ái, tiếp tục trong sự thuận hòa. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó đực không mua, không bán con chó cái, cộng trú trong tình tương ái, tiếp tục trong sự thuận hòa. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ ba, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn không cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các loài chó không cất chứa tài sản, ngũ cốc, bạc và vàng. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ tư, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

---

[188] Xem *Sn*. 52 về các pháp Bà-la-môn.

[189] *Sampiyeneva saṃvāsaṃ saṃbandhāya saṃpavattenti.*

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn vào buổi chiều tìm đồ ăn buổi chiều, vào buổi sáng tìm đồ ăn buổi sáng. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn ăn cho đến no nê thỏa bụng, rồi lấy các đồ ăn còn lại và mang đi. Ngày nay, này các Tỷ-kheo, các con chó vào buổi chiều tìm đồ ăn buổi chiều, vào buổi sáng tìm đồ ăn buổi sáng. Đây là cựu Bà-la-môn pháp thứ năm, này các Tỷ-kheo, nay chỉ được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

Năm cựu Bà-la-môn pháp này, này các Tỷ-kheo, nay được thấy giữa các loài chó, không được thấy giữa các Bà-la-môn.

II. KINH BÀ-LA-MÔN DOṆA (*Doṇabrāhmaṇasutta*)[190] (*A*. III. 223)

192. Rồi Bà-la-môn Doṇa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Doṇa bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi có nghe như sau: "Sa-môn Gotama không đảnh lễ, hay không đứng dậy, hay không mời ngồi ghế các vị Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn, trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời." Thưa Tôn giả Gotama, sự thể là như vậy. Tôn giả Gotama không đảnh lễ, hay không đứng dậy, hay không mời ngồi ghế các vị Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn, trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời; như vậy, thưa Tôn giả Gotama, thật là không tốt đẹp.

– Này Doṇa, ông có tự cho mình là Bà-la-môn không?

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có ai nói một cách chơn chánh, vị ấy phải nói rằng: "Vị Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biện tài về Thuận thế luận (Tự nhiên học) và tướng của vị Đại nhân."[191] Thưa Tôn giả Gotama, nói về tôi, nói một cách chơn chánh là nói như vầy, thưa Tôn giả Gotama, tôi là Bà-la-môn, thiện sanh cả từ mẫu hệ đến phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh; là nhà phúng tụng, nhà trì chú; thông hiểu ba tập Vệ-đà với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm; thông hiểu ngữ pháp và văn phạm; biện tài về Thuận thế luận và tướng của vị Đại nhân.

– Này Doṇa, có phải các vị Bà-la-môn thời xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát,

[190] Tham chiếu: *Đầu-na kinh* 頭那經 (*T*.01. 0026.158. 0680b20).

[191] Xem *GS*. I. 146; *D*. I. 120; *M*. II. 147; *Sn*. 105; *Miln*. 10.

đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, nói lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm? Những vị ẩn sĩ ấy tên là Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamadaggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu.[192] Những vị ấy tuyên bố có năm hạng Bà-la-môn này: "Đồng đẳng với Phạm thiên, đồng đẳng với chư thiên, các vị biết giới hạn, các vị vượt lên giới hạn và thứ năm là Bà-la-môn bị vứt bỏ." Này Doṇa, ông là ai giữa các vị ấy?

– Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi không biết năm hạng Bà-la-môn này. Nhưng chúng tôi biết chúng tôi là Bà-la-môn. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho tôi để tôi biết được năm hạng Bà-la-môn này!

– Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Doṇa vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thế nào, này Doṇa, là Bà-la-môn đồng đẳng với Phạm thiên?

Ở đây, này Doṇa, vị Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ đến phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy trong bốn mươi tám năm sống Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn (chú thuật). Sau khi sống bốn mươi tám năm Phạm hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Ở đây, này Doṇa, pháp là gì? Không phải nhờ cày bừa,[193] không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò, không phải do cung tên, không phải do làm người của vua, không phải do một nghề gì khác, hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ,[194] cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. ... với tâm câu hữu với bi... với hỷ... với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy, sau khi tu tập bốn Phạm trú này, khi thân hoại mệnh chung, được sanh thiện thú, Phạm thiên giới. Như vậy, này Doṇa, là vị Bà-la-môn đồng đẳng với Phạm thiên.

Và này Doṇa, thế nào là Bà-la-môn đồng đẳng với chư thiên?

---

[192] Xem *A*. IV. 61; *D*. I. 104; *M*. II. 170; *Vin*. I. 245.

[193] Xem *A*. IV. 281; *M*. I. 85.

[194] Xem *A*. IV. 390; *D*. III. 223; *M*. II. 76; *S*. V. 115.

Ở đây, này Doṇa, Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một giėm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy trong bốn mươi tám năm sống Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn. Sau khi sống bốn mươi tám năm Phạm hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho vị Đạo sư một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Ở đây, này Doṇa, pháp là gì? Không phải nhờ cày bừa, không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò, không phải do cung tên, không phải do làm người của vua, không phải do một nghề gì khác, hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư, vị ấy đi tìm vợ một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Và này Doṇa, ở đây, pháp là gì? Không phải do mua, không phải do bán, nhưng chỉ với một nữ Bà-la-môn đã được nước tưới lên,[195] vị ấy đi đến nữ Bà-la-môn; không đi đến nữ Sát-đế-ly, nữ Tỳ-xá, nữ Thủ-đà, nữ Chiên-đà-la, nữ săn bắn, nữ đan tre, nữ làm xe, nữ thổ dân; không đi đến người đàn bà có mang; không đi đến người đàn bà cho con bú; không đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai.

Và này Doṇa, vì sao người Bà-la-môn không đi đến người đàn bà có mang? Này Doṇa, nếu người Bà-la-môn đi đến người đàn bà có mang, thời đồng nam hay đồng nữ được sanh hoàn toàn bị ô uế; do vậy, này Doṇa, vị Bà-la-môn không đi đến người đàn bà có mang. Và vì sao, này Doṇa, Bà-la-môn không đi đến người đàn bà cho con bú? Này Doṇa, nếu Bà-la-môn đi đến người đàn bà cho con bú, thời này Doṇa, đồng nam hay đồng nữ bú sữa không được thanh tịnh; do vậy, này Doṇa, vị Bà-la-môn không đi đến người đàn bà cho con bú. Và vì sao, này Doṇa, Bà-la-môn không đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai? Này Doṇa, nếu vị Bà-la-môn đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai, thời nữ Bà-la-môn ấy trở thành một phương tiện để thỏa lòng dục, để vui đùa, để thỏa thích. Nữ Bà-la-môn đối với nam Bà-la-môn chỉ có mục đích đẻ con. Vị ấy từ dâm dục [đúng pháp] sinh con rồi, liền cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy, ly dục, ly pháp bất thiện... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy, sau khi tu tập bốn thiền, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này Doṇa, là Bà-la-môn đồng đẳng với chư thiên.

Và thế nào, này Doṇa, là một Bà-la-môn có giới hạn?

Ở đây, này Doṇa, Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một giėm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy trong bốn mươi tám năm sống Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn. Sau khi sống bốn mươi tám năm Phạm

[195] *Udakūpassaṭṭha. AA*. III. 309: *Udakūpassaṭṭhanti udakena upassaṭṭhaṃ pariccattaṃ* ("Được tưới nước lên" nghĩa là được tưới, được ban rải nước lên). Sau khi rưới nước lên tay cô ấy, họ trao cô ấy cho người chồng. *Upa* xuất phát từ *srj*, có nghĩa là làm cho nước chảy ra. Xem *A*. IV. 210. Tục lệ này ngày nay vẫn còn duy trì ở Ấn Độ và Tích Lan.

hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho vị Đạo sư một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Ở đây, này Doṇa, pháp là gì? Không phải nhờ cày bừa, không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò, không phải nhờ cung tên, không phải do làm người của vua, không phải do một nghề gì khác, hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư, vị ấy đi tìm vợ một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Và này Doṇa, ở đây, pháp là gì? Không phải do mua, không phải do bán, nhưng chỉ với một nữ Bà-la-môn đã được nước tưới lên, vị ấy đi đến nữ Bà-la-môn; không đi đến nữ Sát-đế-ly, nữ Tỳ-xá, nữ Thủ-đà, nữ Chiên-đà-la, nữ săn bắn, nữ đan tre, nữ làm xe, nữ thổ dân; không đi đến người đàn bà có mang; không đi đến người đàn bà cho con bú; không đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai.

Và này Doṇa, vì sao người Bà-la-môn không đi đến người đàn bà có mang? Này Doṇa, nếu vị Bà-la-môn đi đến người đàn bà có mang... Nữ Bà-la-môn đối với nam Bà-la-môn chỉ có mục đích đẻ con. Vị ấy từ dâm dục [đúng pháp] sinh con rồi, do ưa thích con nít, sống trong gia đình, không xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Cho đến sự giới hạn của các Bà-la-môn thời xưa, vị ấy đứng tại đấy, không vượt qua giới hạn ấy. Này Doṇa, do vậy Bà-la-môn được gọi là có giới hạn. Như vậy, này Doṇa, là Bà-la-môn có giới hạn.

Và này Doṇa, thế nào là một Bà-la-môn vượt qua giới hạn?

Ở đây, này Doṇa, Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ... về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy trong bốn mươi tám năm sống Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn. Sau khi sống bốn mươi tám năm Phạm hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho vị Đạo sư một cách đúng pháp, không phải phi pháp. Ở đây, này Doṇa, pháp là gì? Không phải nhờ cày bừa, không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò, không phải nhờ cung tên, không phải do làm người của vua, không phải do một nghề gì khác, hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư, vị ấy đi tìm vợ một cách đúng pháp và phi pháp. Do mua, do bán với nữ Bà-la-môn được nước tưới lên, vị ấy đi đến nữ Bà-la-môn, cũng đi đến nữ Sát-đế-ly, cũng đi đến nữ Tỳ-xá, cũng đi đến nữ Thủ-đà, cũng đi đến nữ Chiên-đà-la, cũng đi đến nữ săn bắn, cũng đi đến nữ đan tre, cũng đi đến nữ làm xe, cũng đi đến nữ thổ dân, cũng đi đến người đàn bà có mang, cũng đi đến người đàn bà đang cho con bú, cũng đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai. Nữ Bà-la-môn đối với vị ấy là phương tiện để thỏa lòng dục, để vui đùa, để thỏa thích. Nữ Bà-la-môn đối với nam Bà-la-môn có mục đích đẻ con. Cho đến sự giới hạn của các Bà-la-môn thời xưa, vị ấy không đứng tại đấy, vị ấy vượt qua giới hạn ấy. Này Doṇa, do vậy Bà-la-môn được gọi vị đã vượt qua giới hạn. Như vậy, này Doṇa, là Bà-la-môn vượt qua giới hạn.

Và này Doṇa, thế nào là Bà-la-môn Chiên-đà-la?

Ở đây, này Doṇa, Bà-la-môn thiện sanh cả từ mẫu hệ và phụ hệ, huyết thống thanh tịnh cho đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ nào, một gièm pha nào về vấn đề huyết thống thọ sanh. Vị ấy trong bốn mươi tám năm sống Phạm hạnh đồng trinh, học tập chân ngôn. Sau khi sống bốn mươi tám năm Phạm hạnh đồng trinh, sau khi học tập chân ngôn, vị ấy tìm kiếm tài sản Đạo sư cho vị Đạo sư một cách đúng pháp và phi pháp. Ở đây, này Doṇa, pháp là gì? Nhờ cày bừa, nhờ buôn bán, nhờ chăn bò, nhờ cung tên, nhờ làm người của vua, nhờ một nghề gì khác, không hoàn toàn chỉ do khất thực, không khinh thường bình bát của người khất sĩ. Sau khi giao lại tài sản Đạo sư cho bậc Đạo sư, vị ấy đi tìm vợ đúng pháp và phi pháp, do mua, do bán với nữ Bà-la-môn được nước tưới lên. Vị ấy đi đến nữ Bà-la-môn, cũng đi đến nữ Sát-đế-lỵ, cũng đi đến nữ Tỳ-xá, cũng đi đến nữ Thủ-đà, cũng đi đến nữ Chiên-đà-la, cũng đi đến nữ săn bắn, cũng đi đến nữ đan tre, cũng đi đến nữ làm xe, cũng đi đến nữ thổ dân, cũng đi đến người đàn bà có mang, cũng đi đến người đàn bà đang cho con bú, cũng đi đến người đàn bà trong thời kỳ không thể thụ thai. Nữ Bà-la-môn đối với vị ấy là phương tiện để thỏa lòng dục, để vui đùa, để thỏa thích. Nữ Bà-la-môn đối với nam Bà-la-môn có mục đích đẻ con. Vị ấy, để nuôi mạng sống, làm tất cả nghề. Rồi các Bà-la-môn nói với vị ấy như sau: "Sao Tôn giả tự cho mình là Bà-la-môn, lại làm tất cả nghề để nuôi mạng sống?" Vị ấy trả lời như sau: "Như lửa đốt vật sạch, cũng đốt vật nhớp, nhưng không phải vì vậy mà ngọn lửa bị uế nhiễm." Cũng vậy, này các Tôn giả, nếu Bà-la-môn làm tất cả nghề để nuôi mạng sống, nhưng không phải vì vậy mà Bà-la-môn bị uế nhiễm. Vì làm tất cả nghề để nuôi mạng sống, này Doṇa, nên Bà-la-môn được gọi là Bà-la-môn Chiên-đà-la. Như vậy, này Doṇa, là Bà-la-môn Chiên-đà-la.

Này Doṇa, có phải các Bà-la-môn thời xưa, những vị ẩn sĩ giữa các Bà-la-môn, những tác giả các chú thuật, những nhà tụng tán các chú thuật đã hát, đã nói lên, đã sưu tầm những Thánh cú mà nay những Bà-la-môn hiện tại cũng hát lên, đọc lên giống như các vị trước đã làm. Những vị ấy tên là Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamadaggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu. Những vị ấy tuyên bố có năm hạng Bà-la-môn này: "Vị đồng đẳng với Phạm thiên, vị đồng đẳng với chư thiên, vị có giới hạn, vị vượt lên giới hạn và thứ năm là Bà-la-môn Chiên-đà-la." Này Doṇa, ông là ai giữa các vị ấy?

– Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, chúng con chưa thành tựu đầy đủ Bà-la-môn Chiên-đà-la. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Tôn giả Gotama, con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

III. KINH BÀ-LA-MÔN SAṄGĀRAVA (*Saṅgāravasutta*) (*A*. III. 230)

193. Rồi Bà-la-môn Saṅgārava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Saṅgārava thưa với Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật (*mantā*) học thuộc lòng lâu ngày (*sajjhāyakatā*) lại không thể nhớ lên được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng? Do nhân gì, do duyên gì, thưa Tôn giả Gotama, có khi các chú thuật không học thuộc lòng lâu ngày lại nhớ được, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng!

– Này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham chi phối, và không như thật biết rõ sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích cả hai; cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước trộn lẫn với thuốc nhuộm, màu đỏ tía, hay màu xanh hay màu vàng và ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, không có thể như thật biết được, thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị dục tham xâm chiếm, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai; cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị sân xâm chiếm, bị sân chi phối, không như thật biết sự xuất ly khỏi sân đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước được lửa đun sôi, sôi lên sùng sục, sôi lên cuồn cuộn. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị sân xâm chiếm... cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, bị hôn trầm thụy miên chi phối, không như thật biết sự xuất ly [ra khỏi] hôn trầm thụy miên đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các

chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị rong rêu che phủ. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm, bị trạo hối chi phối, không như thật biết sự xuất ly [ra khỏi] trạo hối đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị gió thổi, dao động, chấn động, nổi sóng. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm bị trạo hối xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật biết sự xuất ly [ra khỏi] nghi hoặc đã khởi lên; trong khi ấy, người ấy không như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, không như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, không như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các chú thuật được học thuộc lòng lâu ngày lại không thể nhớ được, còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước bị khuấy động, khuấy đục, khuấy bùn, đặt trong bóng tối. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm khuôn mặt của mình, không thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm bị nghi hoặc xâm chiếm, bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiếm, không bị dục tham chi phối, lại như thật rõ biết sự xuất ly của các dục tham đã khởi lên; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, như thật biết và thấy được lợi ích của cả hai, cho nên các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ lại, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước không trộn lẫn với thuốc nhuộm màu đỏ tía, hay màu xanh, hay màu vàng, và ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị dục tham xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiếm... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước không bị lửa đun sôi, không sôi lên sùng sục, không sôi lên cuồn cuộn. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị sân xâm chiếm, không bị sân chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, không bị hôn trầm thụy miên chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước không bị rong rêu che phủ. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên xâm chiếm, không bị hôn trầm thụy miên chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, khi trú với tâm không bị trạo hối xâm chiếm, không bị trạo hối chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước không bị gió thổi, không bị dao động, không bị chấn động, không bị nổi sóng. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết được và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị trạo hối xâm chiếm, không bị trạo hối chi phối... còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Lại nữa, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phối... còn nói gì các chú thuật không được học thuộc lòng.

Ví như, này Bà-la-môn, một bát nước thuần tịnh, trong sáng, không bị khuấy động, đặt giữa ánh sáng. Ở đây, một người có mắt muốn ngắm bóng khuôn mặt của mình, có thể như thật biết và thấy được. Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi trú với tâm không bị nghi hoặc xâm chiếm, không bị nghi hoặc chi phối và như thật biết sự xuất ly [ra khỏi] nghi hoặc đã khởi lên; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của mình; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích của người; trong khi ấy, như thật biết và thấy lợi ích cả hai. Cho nên các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày được nhớ lại, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Đây là nhân, đây là duyên, này Bà-la-môn, có khi các chú thuật không được học thuộc lòng lâu ngày có thể nhớ lại được, còn nói gì các chú thuật đã được học thuộc lòng.

Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Saṅgārava bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IV. KINH BÀ-LA-MÔN KĀRAṆAPĀLĪ (*Kāraṇapālīsutta*) (*A.* III. 236)

194. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Mahāvana, chỗ giảng đường có

nóc nhọn. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kāraṇapālī đang xây dựng nhà cho người Licchavi. Bà-la-môn Kāraṇapālī thấy Bà-la-môn Piṅgiyānī[196] từ đường xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Bà-la-môn Piṅgiyānī:

– Tôn giả Piṅgiyānī đi từ đâu đến sớm như vậy?[197]

– Thưa Tôn giả, tôi đi từ chỗ Sa-môn Gotama về.

– Tôn giả Piṅgiyānī nghĩ thế nào về trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama? Ngài có nghĩ vị ấy là một bậc Hiền trí chăng?

– Tôi là ai, thưa Tôn giả, lại có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama. Chỉ có ai như vị ấy, mới có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama.

Thật là cao thượng lời Tôn giả Piṅgiyānī tán thán Sa-môn Gotama: "Tôi là ai, thưa Tôn giả, lại có thể nói lời tán thán Sa-môn Gotama." Được tán thán bởi những bậc được tán thán là Tôn giả Gotama, bậc Tối Thắng giữa chư thiên và loài người. Tôn giả Piṅgiyānī thấy những lợi ích gì lại hết lòng tin tưởng Sa-môn Gotama như vậy?

– Thưa Tôn giả, ví như một người đã thỏa mãn với vị ngọt tối thượng sẽ không còn thèm muốn các vị ngọt hạ liệt khác. Cũng vậy, thưa Tôn giả, khi đã nghe pháp của Tôn giả Gotama như Khế kinh, Phúng tụng, Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... thời không còn thèm muốn các lý thuyết của những người khác, của các Sa-môn, Bà-la-môn thấp kém. Ví như,[198] thưa Tôn giả, một người bị đói lả và mệt mỏi, tìm được một bánh mật, cứ mỗi miếng vị ấy được nếm, cứ mỗi miếng vị ấy được thưởng thức vị ngọt thuần nhất. Cũng vậy, thưa Tôn giả, khi đã được nghe pháp của Tôn giả Gotama như Khế kinh, Phúng tụng, Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... vị ấy được hoan hỷ (*attamanataṃ*), tâm được tịnh tín. Ví như, thưa Tôn giả, một người tìm được một cành cây Chiên-đàn (*Candanaghaṭikaṃ*), Chiên-đàn vàng hay Chiên-đàn đỏ, chỗ nào người ấy ngửi hoặc từ nơi rễ, hoặc từ nơi chặng giữa, hoặc từ nơi ngọn, người ấy được hương thơm thuần diệu (*surabhigandhaṃ*). Cũng vậy, thưa Tôn giả, khi đã được nghe pháp của Tôn giả Gotama như Khế kinh, Phúng tụng, Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... thời vị ấy được thưởng thức hân hoan, được thưởng thức hoan hỷ. Ví như,[199] thưa Tôn giả, một người bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, rồi có vị lương y lập tức chữa cho khỏi bệnh. Cũng vậy, thưa Tôn giả, khi đã được nghe pháp của Tôn giả Gotama, như Khế kinh, Phúng tụng, Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... khi ấy, sầu, bi, khổ, ưu, não đi đến tiêu diệt. Ví như, thưa Tôn giả, một hồ sen có nước trong, có nước ngọt, có nước mát, sạch sẽ có bờ hồ khéo

[196] Trong *AA*. II. 636, Buddhaghosa giải thích Tôn giả Piṅgiyānī vốn là một vị Bà-la-môn ở Vesāli nhưng là đệ tử của đức Phật, đã chứng quả Bất lai. Mỗi ngày Tôn giả mang hoa và nước thơm đến đảnh lễ cúng dường đức Phật.

[197] Xem *M*. I. 175; II. 208.

[198] Xem *M*. I. 114.

[199] Xem *A*. III. 185; *GS*. III. 137 (kinh 162 ở trước).

sắp đặt, đẹp đẽ, rồi một người đi đến, bị nóng nhiệt não, bị nóng bức bách, mệt mỏi, thèm uống nước, khát nước. Người ấy, sau khi lặn xuống trong hồ sen ấy, sau khi tắm rửa, uống nước, tất cả khổ cực, mệt mỏi, nhiệt não đều được lắng dịu. Cũng vậy, thưa Tôn giả, khi đã được nghe pháp của Tôn giả Gotama như Khế kinh, Phúng tụng, Ký thuyết, Vị tằng hữu pháp... khi ấy tất cả khổ cực, mệt mỏi, nhiệt não đều được lặng dịu.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Kāraṇapālī từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y qua một bên vai, đầu gối bên phải quỳ trên mặt đất, chắp tay hướng đến Thế Tôn, và ba lần thốt lên lời cảm hứng sau đây:[200]

– Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác!

Thật vi diệu thay, Tôn giả Piṅgiyānī! Thật hy hữu thay, Tôn giả Piṅgiyānī! Thưa Tôn giả Piṅgiyānī, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Piṅgiyānī dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Thưa Tôn giả Piṅgiyānī, con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Piṅgiyānī hãy chấp nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

V. KINH BÀ-LA-MÔN PIṄGIYĀNĪ (*Piṅgiyānīsutta*) (*A*. III. 239)

195. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Mahāvana, chỗ giảng đường có nóc nhọn, có khoảng năm trăm người Licchavi đang thăm viếng Thế Tôn. Một số người Licchavi[201] toàn màu xanh, màu sắc xanh, mặc vải màu xanh, mang đồ trang sức màu xanh. Một số người Licchavi toàn màu vàng, màu sắc vàng, mặc vải màu vàng, mang đồ trang sức màu vàng. Một số người Licchavi toàn màu đỏ, màu sắc đỏ, mặc vải màu đỏ, mang đồ trang sức màu đỏ. Một số người Licchavi toàn màu trắng, màu sắc trắng, mặc vải màu trắng, mang đồ trang sức màu trắng. Nhưng thật sự Thế Tôn đã chói sáng với dung sắc và sự huy hoàng.[202] Rồi Bà-la-môn Piṅgiyānī từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Điều này được nói lên cho con, bạch Thế Tôn. Điều này được nói lên cho con, bạch Thế Tôn.

– Hãy nói lên, này Piṅgiyānī.

Thế Tôn nói như vậy. Rồi Bà-la-môn Piṅgiyānī trước mặt Thế Tôn, nói lên bài kệ thích đáng:[203]

---

[200] Xem *D*. II. 288; *M*. II. 209.

[201] Xem *A*. IV. 263; *D*. II. 96.

[202] *Vaṇṇena ceva yasasā ca.*

[203] Xem *S*. I. 81; *J*. I. 116; *Vism*. 388.

Như loại hoa sen hồng,
Buổi sáng hương ngào ngạt,
Khi đóa hoa càng nở,
Hương thơm càng ngát hương.
Xem Aṅgīrasa,
Chiếu hào quang sáng chói,[204]
Chói sáng thật rực rỡ,
Như mặt trời trên không.

Rồi các người Licchavi ấy đem năm trăm thượng y dâng cho Bà-la-môn Piṅgiyānī. Và Bà-la-môn Piṅgiyānī đem năm trăm thượng y ấy dâng lên Thế Tôn. Thế Tôn nói với các vị ấy:

– Này các Licchavi, sự xuất hiện của năm châu báu[205] khó tìm được ở đời. Thế nào là năm?

Sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khó tìm được ở đời. Người thuyết được Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời. Người hiểu được Pháp và Luật do Như Lai tuyên bố khó tìm được ở đời. Người thực hành pháp và tùy pháp, sau khi đã hiểu rõ lời thuyết giảng về Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, khó tìm được ở đời. Người biết ơn, nhớ ơn khó tìm được ở đời.

Này các Licchavi, sự xuất hiện của năm loại châu báu này khó tìm được ở đời.

VI. KINH MỘNG LỚN (*Mahāsupinasutta*) (*A*. III. 240)

196. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, này các Tỷ-kheo, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, có năm mộng lớn hiện ra.[206] Thế nào là năm?

Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy đất lớn này là giường lớn, Tuyết Sơn, vua các loài núi là gối, tay trái đặt nằm trên biển phía Đông, tay mặt nằm trên biển phía Tây, hai chân nằm trên biển phía Nam. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ nhất này được hiện ra.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy từ nơi lỗ rún, cỏ Tiriyā[207] mọc ra, cao cho đến khi chạm đến trời rồi mới dừng lại. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ hai này được hiện ra.

---

[204] Xem *Thag*. v. 426.

[205] Xem *A*. III. 167; *GS*. III. 126 (kinh 143 ở trước).

[206] Xem *J*. I. 69.

[207] *AA*. III. 319: "*Tiriyā nāma tiṇajātīti vuccati*."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy các con sâu trắng đầu đen, bò ra từ chân cho đến đầu gối và che đậy chúng. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ ba này được hiện ra.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy bốn con chim màu sắc khác nhau, từ bốn phương bay đến, rơi xuống chân Ngài và trở thành trắng toát. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ tư này được hiện ra.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy Ngài đi kinh hành qua lại trên hòn núi đầy phân nhưng không bị nhớp vì phân. Trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng lớn thứ năm này được hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy quả đất lớn này làm giường lớn, Tuyết Sơn, vua các loài núi làm gối, tay trái đặt nằm trên biển phía Đông, tay mặt nằm trên biển phía Tây, hai chân đặt nằm trên biển phía Nam. Này các Tỷ-kheo, đối với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Ngài chứng được Vô thượng Chánh giác ngộ, Chánh đẳng giác. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ, mộng lớn thứ nhất này được hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy từ nơi lỗ rún, cỏ Tiriyā mọc ra, mọc cho đến khi chạm đến trời rồi mới dừng lại. Này các Tỷ-kheo, đối với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, Thánh đạo tám ngành được hoàn toàn giác ngộ và khéo tuyên bố cho chư thiên và loài người. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ, mộng lớn thứ hai này được hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy các con sâu trắng đầu đen, bò ra từ chân cho đến đầu gối và che đậy chúng. Này các Tỷ-kheo, nhiều gia chủ mặc áo trắng quy y Như Lai cho đến trọn đời. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ, mộng lớn thứ ba này được hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy bốn con chim màu sắc khác nhau, từ bốn phương bay đến, rơi xuống chân Ngài và trở thành trắng toát. Bốn giai cấp này, này các Tỷ-kheo, Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, các vị ấy chứng ngộ Vô thượng giải thoát. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ, mộng lớn thứ tư này được hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, khi chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, mộng thấy Ngài đi kinh hành qua lại trên hòn núi đầy phân nhưng không bị nhớp vì phân. Này các Tỷ-kheo, Thế Tôn được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Và ở đây, Như Lai thọ hưởng không bị trói buộc,[208] không bị tham đắm, không bị mê say, thấy sự nguy hại, có trí tuệ và xuất ly. Trong khi Như Lai chánh giác ngộ, mộng lớn thứ năm này được hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, trước khi Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác được giác ngộ, trước khi thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, năm mộng lớn này được hiện ra.

VII. KINH MƯA (*Vassasutta*) (*A*. III. 243)

197. Có năm chướng ngại cho mưa này, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn. Thế nào là năm?

Trên hư không, này các Tỷ-kheo, hỏa giới phẫn nộ, do vậy các mây đã khởi lên bị tán loạn. Này các Tỷ-kheo, đây là chướng ngại thứ nhất cho mưa, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trên hư không, phong giới phẫn nộ, do vậy các mây đã khởi lên bị tán loạn. Này các Tỷ-kheo, đây là chướng ngại thứ hai cho mưa, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Rāhu, vua các loài a-tu-la dùng tay thâu lấy nước (*sampaṭicchitvā*) rồi đổ xuống biển lớn. Này các Tỷ-kheo, đây là chướng ngại thứ ba cho mưa, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, chư thiên của các loại mây đem mưa trở thành biếng nhác. Này các Tỷ-kheo, đây là chướng ngại thứ tư cho mưa, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi loài người trở thành phi pháp, này các Tỷ-kheo, đây là chướng ngại thứ năm cho mưa, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn.

Này các Tỷ-kheo, có năm chướng ngại cho mưa này, các người đoán tướng không biết được, ở đây mắt của những người đoán tướng không thể kham nhẫn.

VIII. KINH LỜI NÓI (*Vācāsutta*) (*A*. III. 243)

198. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những người có trí chỉ

[208] Xem *D*. I. 245; *M*. I. 173; *S*. II. 270.

trích. Thế nào là năm? Nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa, nói lời liên hệ đến lợi ích, nói với lời từ tâm.

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những người có trí chỉ trích.

IX. KINH GIA ĐÌNH (*Kulasutta*) (*A*. III. 244)

199. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình; tại đấy, các người do năm trường hợp này, được nhiều công đức. Thế nào là năm?

Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người sau khi thấy họ, tâm được tịnh tín. Này các Tỷ-kheo, như vậy là đưa đến cõi trời và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người đứng dậy, đảnh lễ họ, mời họ ngồi. Này các Tỷ-kheo, như vậy đưa đến được sanh vào các gia đình cao sang, và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người từ bỏ cấu uế của xan tham. Này các Tỷ-kheo, như vậy đưa đến đại uy lực, và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người tùy theo khả năng, tùy theo năng lực, san sẻ vật bố thí. Này các Tỷ-kheo, như vậy đưa đến tài sản lớn, và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình, các người hỏi những câu hỏi, đặt những câu hỏi, nghe pháp. Này các Tỷ-kheo, như vậy đưa đến đại trí tuệ, và gia đình ấy trong lúc ấy đã bước được trên con đường ấy.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người xuất gia giữ giới đi đến với gia đình; tại đấy, các người do năm trường hợp này, được nhiều công đức.

X. KINH XUẤT LY (*Nissāraṇīyasutta*)[209] (*A*. III. 245)

200. Này các Tỷ-kheo, có năm giới đưa đến xuất ly này. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo[210] tác ý về dục, tâm không phấn chấn trong các dục, không tịnh tín, không an trú, không quyết định.[211] Nhưng khi tác ý đến viễn ly, tâm liền phấn chấn trong viễn ly, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tu tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến dục. Và do duyên với dục, khởi lên các lậu

---

[209] *D*. 33, *Saṅgīti Sutta* (*Kinh Phúng tụng*).

[210] Xem *A*. III. 288; *GS*. III. 209; *D*. III. 239

[211] *AA*. III. 321: *Na vimuccati = Na adhimuccati* (Không quyết định hay không bị thiên về [các dục]).

hoặc, não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] các dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý về sân, tâm không phấn chấn trong sân, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý đến vô sân, tâm liền phấn chấn trong vô sân, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tu tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến sân. Và do duyên với sân, khởi lên các lậu hoặc, não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] sân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý về hại, tâm không phấn chấn trong hại, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý đến vô hại, tâm liền phấn chấn trong vô hại, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tu tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến hại. Và do duyên với hại, khởi lên các lậu hoặc, não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] hại.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý về sắc, tâm không phấn chấn trong sắc, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý đến vô sắc, tâm liền phấn chấn trong vô sắc, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tu tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến sắc. Và do duyên với sắc, khởi lên các lậu hoặc, não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] sắc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý về có thân, tâm không phấn chấn trong có thân, không tịnh tín, không an trú, không quyết định. Nhưng khi tác ý đến đoạn diệt có thân, tâm liền phấn chấn trong đoạn diệt có thân, được tịnh tín, được an trú, được quyết định. Tâm ấy của vị ấy là khéo làm, khéo tu tập, khéo tăng trưởng, khéo giải thoát, khéo không liên hệ đến có thân. Và do duyên với có thân, khởi lên các lậu hoặc, não hại, nhiệt não, vị ấy giải thoát khỏi chúng, không cảm giác thọ ấy. Đây gọi là xuất ly [ra khỏi] có thân.

Đối với vị ấy, dục hỷ không có tùy miên, sân hỷ không có tùy miên, hại hỷ không có tùy miên, sắc hỷ không có tùy miên, hữu thân hỷ không có tùy miên. Vị ấy không có tùy miên đối với dục hỷ, không có tùy miên đối với sân hỷ, không có tùy miên đối với hại hỷ, không có tùy miên đối với sắc hỷ, không có tùy miên đối với hữu thân hỷ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo được giải thoát khỏi tùy miên, đã chặt đứt khát ái, giải tỏa kiết sử, do Chánh pháp nhiếp phục kiêu mạn,[212] đoạn tận khổ đau.

Này các Tỷ-kheo, có năm giới đưa đến xuất ly này.

---

[212] Xem *A*. IV. 8; *M*. I. 122; *It*. 47.

XXI. PHẨM KIMBILA
(*KIMILAVAGGA*)

I. KINH KIMBILA (*Kimilasutta*) (*A*. III. 247)

201. Một thời,[213] Thế Tôn trú ở Kimbilā, tại Veḷuvana. Rồi Tôn giả Kimbila[214] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai nhập diệt, Chánh pháp không được an trú lâu ngày?

– Ở đây, này Kimbila, sau khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không tôn trọng, không vâng lời (*appatissā*) bậc Đạo sư; sống không tôn trọng, không vâng lời Pháp; sống không tôn trọng, không vâng lời chúng Tăng; sống không tôn trọng, không vâng lời học pháp; sống không tôn trọng, không vâng lời lẫn nhau. Do nhân này, do duyên này, này Kimbila, sau khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không được an trú lâu ngày.

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai nhập diệt, Chánh pháp được an trú lâu ngày?

– Ở đây, này Kimbila, sau khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống tôn trọng và vâng lời bậc Đạo sư, sống tôn trọng và vâng lời Pháp, sống tôn trọng và vâng lời chúng Tăng, sống tôn trọng và vâng lời học pháp, sống tôn trọng và vâng lời lẫn nhau. Đây là nhân, đây là duyên, này Kimbila, sau khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài.

II. KINH NGHE PHÁP (*Dhammassavanasutta*)[215] (*A*. III. 248)

202. Này các Tỷ-kheo, nghe pháp có năm lợi ích này. Thế nào là năm? Được nghe điều chưa nghe, làm cho trong sạch điều được nghe, đoạn trừ nghi, làm cho tri kiến chánh trực, làm cho tâm tịnh tín.

Này các Tỷ-kheo, nghe pháp có năm lợi ích này.

III. KINH CON NGỰA THUẦN CHỦNG (*Assājānīyasutta*) (*A*. III. 248)

203. Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ-kheo, một con ngựa hiền thiện thuần chủng của vua, xứng đáng là của vua, là tài sản của vua và được gọi là

---

[213] Xem *A*. IV. 84; *KS*. II. 152; V. 151.

[214] Bản Tích Lan và PTS viết Kimbila.

[215] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.36.1. 0702c23).

biểu tượng của vua. Thế nào là năm? Trực hành, chạy nhanh, nhu nhuyến,[216] nhẫn nhục, hiền lành.

Thành tựu năm chi phần này, này các Tỷ-kheo, một con ngựa hiền thiện thuần chủng của vua, xứng đáng là của vua, là tài sản của vua và được gọi là biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là năm? Trực hành, chạy nhanh, nhu nhuyến, nhẫn nhục, hiền lành.

Thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo[217] đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

IV. KINH CÁC SỨC MẠNH (*Balasutta*)[218] (*A*. III. 248)

204. Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này. Thế nào là năm? Tín lực, tàm lực, quý lực, tinh tấn lực, tuệ lực.

Này các Tỷ-kheo, có năm sức mạnh này.

V. KINH TÂM HOANG VU (*Cetokhilasutta*)[219] (*A*. III. 248)

205. Này các Tỷ-kheo, có năm tâm hoang vu này. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghi ngờ bậc Đạo sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ bậc Đạo sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín, thời tâm của vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Như vậy là tâm hoang vu thứ nhất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghi ngờ Pháp... nghi ngờ Tăng... nghi ngờ học pháp... phẫn nộ đối với các vị đồng Phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối cứng rắn. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào phẫn nộ đối với các vị đồng Phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối cứng rắn, thời tâm của vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ năm.

Này các Tỷ-kheo, có năm tâm hoang vu này.

VI. KINH TÂM TRIỀN PHƯỢC (*Vinibandhasutta*)[220] (*A*. III. 249)

206. Này các Tỷ-kheo, có năm tâm triền phược này. Thế nào là năm?

---

[216] *Maddavena. AA*. III. 324: *Maddavenāti sarīramudutāya.* ("Nhu nhuyến" nghĩa là thân thể nhẹ nhàng, khéo léo, nhanh nhẹn).

[217] Xem *D*. III. 213; *J*. III. 274; *Sn*. 52.

[218] Xem *A*. III. 1; *GS*. III. 1 (kinh 1 ở trước).

[219] Tham chiếu: *Thập thượng kinh* 十上經 (*T*.01. 0001.10. 0052c17). *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T*.01. 0026.206. 0780b15).

[220] Xem *A*. III. 248; *GS*. III. 182 (kinh 205 ở trước). Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.4. 0817a16); *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T*.01. 0026.206. 0780b15).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các dục, không phải không tham ái, không phải không dục cầu, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt não, không phải không khát ái. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với các dục, không phải không tham ái... không phải không khát ái, tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ nhất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với thân không phải không tham ái... đối với sắc[221]... Tỷ-kheo nào ăn cho đến thỏa thuê, cho đến bụng chứa đầy, sống thiên nặng về khoái lạc sàng tọa, về khoái lạc ngủ nghỉ, về khoái lạc thụy miên. Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh với mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, với Phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh... như vậy là tâm triền phược thứ năm.

Này các Tỷ-kheo, có năm tâm triền phược này.

VII. KINH CHÁO (*Yāgusutta*) (*A*. III. 250)

207. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này của cháo. Thế nào là năm? Trị đói, trừ khát, điều hòa phong, làm sạch bọng đái (hay huyết quản)[222] và tiêu hóa các đồ ăn sống còn lại.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này của cháo.

VIII. KINH TĂM XỈA RĂNG (*Dantakaṭṭhasutta*)[223] (*A*. III. 250)

208. Này các Tỷ-kheo, có năm điều nguy hại do không dùng tăm xỉa răng. Thế nào là năm? Con mắt bị ảnh hưởng, miệng hôi thúi, thần kinh vị không trong sạch, nước mật và đàm dính vào đồ ăn, ăn không thấy ngon.

Này các Tỷ-kheo, có năm điều nguy hại do không dùng tăm xỉa răng.

Này các Tỷ-kheo, có năm điều lợi ích nhờ dùng tăm xỉa răng. Thế nào là năm? Con mắt không bị ảnh hưởng, miệng không hôi thúi, thần kinh vị được trong sạch, nước mật và đàm không dính vào đồ ăn, ăn thấy ngon.

Này các Tỷ-kheo, có năm điều lợi ích nhờ dùng tăm xỉa răng.

IX. KINH THUYẾT PHÁP VỚI GIỌNG CA (*Gītassarasutta*)[224] (*A*. III. 251)

209. Này các Tỷ-kheo, có năm điều nguy hại này với người thuyết pháp với giọng ca kéo dài.[225] Thế nào là năm?

---

[221] *Chú giải* giải thích thân của mình, nhưng ngoại sắc.

[222] *Vatthiṃ sodheti. AA*. III. 326: *Vatthiṃ sodhetīti dhamaniyo suddhā karoti* ("Làm sạch bọng túi" nghĩa là làm sạch huyết quản).

[223] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.36.3. 0703a10).

[224] *Gīta*. Xem *Vin*. II. 108.

[225] *Āyatakena. AA*. III. 326: *Āyatakenāti dīghena, paripuṇṇapadabyañjanakaṃ gāthāvattañca vināsetvā pavattena* ("Giọng kéo dài" nghĩa là ngân nga giọng dài ra khiến ý nghĩa câu văn, từ ngữ vốn đúng đắn có thể bị hiểu sai).

Tự mình say đắm trong âm giọng ấy; người khác say đắm trong âm giọng ấy; các người gia chủ phê bình: "Như chúng ta hát, cũng vậy, các Sa-môn Thích tử này ca hát"; vì vị ấy cố gắng rèn luyện cho âm thanh điêu luyện nên định bị gián đoạn; các thế hệ sau bắt chước."[226]

Này các Tỷ-kheo, có năm điều nguy hại này đối với người thuyết pháp với giọng ca kéo dài.

X. KINH THẤT NIỆM (*Muṭṭhassatisutta*) (*A*. III. 251)

210. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này đối với người thất niệm, không tỉnh giác rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Ngủ một cách khổ sở, thức dậy một cách khổ sở, thấy ác mộng, chư thiên không phòng hộ, bất tịnh chảy ra (*asuci na muccati*).

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này đối với người thất niệm, không tỉnh giác rơi vào giấc ngủ.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này đối với người trú niệm, tỉnh giác rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Ngủ một cách ngon lành, thức dậy một cách ngon lành, không thấy ác mộng, chư thiên phòng hộ, bất tịnh không chảy ra.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này đối với người trú niệm, tỉnh giác rơi vào giấc ngủ.



[226] Xem *A*. III. 105; *GS*. III. 84 (kinh 79 ở trước); *A*. III. 254; *GS*. III. 187 (kinh 218 ở sau).

XXII. PHẨM MẮNG NHIẾC (*AKKOSAKAVAGGA*)

I. KINH MẮNG NHIẾC (*Akkosakasutta*)[227] (*A*. III. 252)

211. Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, mắng nhiếc, mạ lỵ các vị tu Phạm hạnh, phỉ báng bậc Thánh, vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại. Thế nào là năm? Phạm tội bị tẩn xuất, chặt đứt con đường hướng thượng; hay phạm một tội nhiễm ô; hay cảm xúc bệnh hoạn trầm trọng; khi mệnh chung tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, mắng nhiếc, mạ lỵ các vị tu Phạm hạnh, phỉ báng bậc Thánh, vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại này.

II. KINH NGƯỜI GÂY CÃI CỌ (*Bhaṇḍanakārakasutta*) (*A*. III. 252)

212. Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, là người gây ra cãi cọ, là người gây ra tranh luận, là người gây ra đấu tranh, là người gây ra các cuộc đấu khẩu, là người gây ra kiện tụng trong Tăng chúng,[228] vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại. Thế nào là năm? Không chứng[229] điều chưa chứng được; thối thất điều đã chứng được; tiếng ác đồn khắp; khi mệnh chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, là người gây ra cãi cọ, gây ra tranh luận, gây ra đấu tranh, gây ra các cuộc đấu khẩu, gây ra kiện tụng trong Tăng chúng, vị ấy được chờ đợi năm sự nguy hại này.

III. KINH CÓ GIỚI (*Sīlasutta*)[230] (*A*. III. 252)

213. Này các Tỷ-kheo, có năm sự nguy hại này cho kẻ ác giới, phá giới. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, kẻ ác giới, phá giới, do nhân phóng dật bị tổn thất tài sản lớn, này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ nhất cho kẻ ác giới, phá giới.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đối với kẻ ác giới, phá giới, tiếng ác đồn xa, này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ hai cho kẻ ác giới, phá giới.

---

[227] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.25. 0879b25).

[228] Xem *Vin*. I. 328; II. 1.

[229] Xem *A*. V. 169, 317.

[230] Tham khảo: *D*. 16, *Mahāparinibbāna Sutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*), *D*. II. 73; *D*. 33, *Saṅgīti Sutta* (*Kinh Phúng tụng*), *D*. III. 207.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, kẻ ác giới, phá giới, khi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn, vị ấy đi đến hội chúng ấy, có sợ hãi, có hoang mang, này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ ba cho kẻ ác giới, phá giới.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, kẻ ác giới, phá giới, khi mệnh chung, tâm bị mê loạn, này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ tư cho kẻ ác giới, phá giới.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, kẻ ác giới, phá giới, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ năm cho kẻ ác giới, phá giới.

Này các Tỷ-kheo, có năm sự nguy hại này cho kẻ ác giới, phá giới.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho vị có giới, đầy đủ giới. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, do nhân không phóng dật thâu được tài sản lớn, này các Tỷ-kheo, đây là lợi ích thứ nhất cho vị giữ giới, đầy đủ giới.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, với người giữ giới, đầy đủ giới, tiếng lành đồn xa, này các Tỷ-kheo, đây là lợi ích thứ hai cho vị giữ giới, đầy đủ giới.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, có đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn, vị ấy đi đến hội chúng ấy, không sợ hãi, không hoang mang, này các Tỷ-kheo, đây là sự lợi ích thứ ba cho người giữ giới, đầy đủ giới.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, khi mệnh chung, tâm không bị mê loạn, này các Tỷ-kheo, đây là sự lợi ích thứ tư cho người giữ giới, đầy đủ giới.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên cõi lành, thiên giới, cõi đời này, này các Tỷ-kheo, đây là sự lợi ích thứ năm cho người giữ giới, đầy đủ giới.

Này các Tỷ-kheo, có năm sự lợi ích này cho vị giữ giới, đầy đủ giới.

IV. KINH NGƯỜI NÓI NHIỀU (*Bahubhāṇisutta*) (*A*. III. 254)

214. Có năm nguy hại này cho người nói nhiều. Thế nào là năm? Nói láo; nói lời hai lưỡi; nói lời độc ác; nói lời phù phiếm; sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người nói nhiều.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người nói vừa phải. Thế nào là năm? Không nói láo; không nói hai lưỡi; không nói lời độc ác; không nói lời phù phiếm; sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người nói vừa phải.

V. KINH KHÔNG KHAM NHẪN THỨ NHẤT
(*Paṭhamaakkhantisutta*)[231] (*A*. III. 254)

215. Có năm nguy hại này cho người không kham nhẫn. Thế nào là năm? Quần chúng không ái mộ, không ưa thích; nhiều người hận thù; nhiều người tránh né; khi mệnh chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người không kham nhẫn.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có kham nhẫn. Thế nào là năm? Quần chúng ái mộ, ưa thích; không có nhiều người hận thù; không có nhiều người tránh né; khi mệnh chung, tâm không bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có kham nhẫn.

VI. KINH KHÔNG KHAM NHẪN THỨ HAI
(*Dutiyaakkhantisutta*)[232] (*A*. III. 255)

216. Có năm nguy hại này cho người không kham nhẫn. Thế nào là năm? Quần chúng không ái mộ, không ưa thích; người hung bạo; người hối quá; khi mệnh chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người không kham nhẫn.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có kham nhẫn. Thế nào là năm? Quần chúng ái mộ, ưa thích; người không hung bạo; người không hối quá; khi mệnh chung, tâm không bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có kham nhẫn.

VII. KINH KHÔNG TỊNH TÍN THỨ NHẤT
(*Paṭhamaapāsādikasutta*) (*A*. III. 255)

217. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, cho người không tịnh tín. Thế nào là năm? Tự mình chỉ trích mình; bậc có trí sau khi suy xét, quở trách; tiếng ác đồn xa; khi mệnh chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người không có tịnh tín.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có tịnh tín. Thế nào là năm? Tự mình không chỉ trích mình; bậc có trí sau khi suy xét, tán thán; tiếng lành đồn xa; khi mệnh chung, tâm không mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có tịnh tín.

---

[231] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.24. 0879b18).

[232] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.25. 0879b25).

VIII. KINH KHÔNG TỊNH TÍN THỨ HAI
(*Dutiyaapāsādikasutta*) (*A*. III. 255)

218. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho kẻ không tịnh tín. Thế nào là năm? Những tư tưởng bất tín không được tịnh tín, một số tư tưởng đã tịnh tín có thể đổi khác, không làm theo lời dạy của bậc Đạo sư, thế hệ sau bắt chước tà kiến, tâm không được tịnh tín.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người không có tịnh tín.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có tịnh tín. Thế nào là năm? Những tư tưởng bất tín được tịnh tín, những tư tưởng tịnh tín được tăng trưởng, lời dạy của bậc Đạo sư được làm theo, thế hệ sau bắt chước theo tri kiến, tâm được tịnh tín.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người có tịnh tín.

IX. KINH LỬA (*Aggisutta*) (*A*. III. 256)

219. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong lửa. Thế nào là năm? Có hại cho mắt (*acakkhusso*), tổn hại dung sắc (*dubbaṇṇakaraṇo*), tổn hại sức mạnh, quần chúng tụ họp tăng trưởng (*saṅgaṇikāpavaḍḍhano*), các câu chuyện về bàng sanh được nói lên (*tiracchānakathāpavattaniko*).

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong lửa.

X. KINH TẠI MADHURĀ (*Madhurāsutta*) (*A*. III. 256)

220. Có năm nguy hại này ở Madhurā. Thế nào là năm? Không bằng phẳng, nhiều bụi bặm, có chó dữ, có các loại dạ-xoa bạo ngược (*vāḷayakkhā*), đồ ăn khất thực khó kiếm.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này ở Madhurā.



XXIII. PHẨM DU HÀNH DÀI
(*DĪGHACĀRIKAVAGGA*)

I. KINH DU HÀNH DÀI THỨ NHẤT
(*Paṭhamadīghacārikasutta*)[233] (*A*. III. 257)

221. Có năm điều nguy hại, này các Tỷ-kheo, cho người sống du hành dài, du hành không có mục đích. Thế nào là năm? Không nghe[234] điều chưa được nghe, không làm cho thanh tịnh điều đã được nghe, có sợ hãi một phần điều đã được nghe, cảm xúc bệnh hoạn trầm trọng, không có bạn bè.

Có năm điều nguy hại này, này các Tỷ-kheo, cho người sống du hành dài, du hành không có mục đích.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người sống du hành dài có mục đích (*samavatthacāre*). Thế nào là năm? Nghe điều chưa được nghe, làm cho thanh tịnh điều đã được nghe, không có sợ hãi một phần điều đã được nghe, không cảm xúc bệnh hoạn trầm trọng, có bạn bè.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người sống du hành dài có mục đích.

II. KINH DU HÀNH DÀI THỨ HAI (*Dutiyadīghacārikasutta*) (*A*. III. 257)

222. Có năm điều nguy hại, này các Tỷ-kheo, cho người sống du hành dài, du hành không có mục đích. Thế nào là năm? Không chứng đắc điều chưa được chứng đắc, không làm cho thanh tịnh điều đã được chứng đắc, có sợ hãi một phần điều đã được chứng đắc, cảm xúc bệnh hoạn trầm trọng, không có bạn bè.

Có năm điều nguy hại này, này các Tỷ-kheo, cho người sống du hành dài, du hành không có mục đích.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người sống du hành có mục đích. Thế nào là năm? Chứng đắc điều chưa được chứng đắc, làm cho thanh tịnh điều đã được chứng đắc, không có sợ hãi một phần điều đã được chứng đắc, không cảm xúc bệnh hoạn trầm trọng, có bạn bè.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người sống du hành có mục đích.

III. KINH SỐNG QUÁ LÂU (*Atinivāsasutta*)[235] (*A*. III. 258)

223. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, nếu sống quá lâu tại một chỗ. Thế nào là năm? Đồ dùng nhiều, cất chứa nhiều đồ dùng; nhiều dược phẩm,

---

[233] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.7. 0688c04).

[234] Xem *A*. III. 247; *GS*. III. 181 (kinh 202 ở trước).

[235] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.8-9. 0688c16-25).

cất chứa nhiều dược phẩm; nhiều việc làm,[236] nhiều công việc phải làm, không khéo léo trong những công việc gì phải làm; sống lẫn lộn với gia chủ và xuất gia, tùy thuận trong sự liên hệ với gia chủ; và khi ra đi bỏ trú xứ ấy, ra đi với sự luyến tiếc.

Này các Tỷ-kheo, đó là năm nguy hại nếu sống quá lâu tại một chỗ.

Có năm lợi ích này, này các Tỷ-kheo, nếu sống đồng đều tại mỗi chỗ. Thế nào là năm? Đồ dùng không nhiều, không cất chứa nhiều đồ dùng; dược phẩm không nhiều, không cất chứa nhiều dược phẩm; không có nhiều việc làm, không nhiều công việc phải làm, khéo léo trong những công việc phải làm; không sống lẫn lộn với gia chủ và xuất gia, không tùy thuận trong sự liên hệ với gia chủ; và khi ra đi bỏ trú xứ ấy, ra đi với sự không luyến tiếc.

Này các Tỷ-kheo, đó là năm lợi ích nếu sống đồng đều tại mỗi chỗ.

IV. KINH BỎN XẺN (*Maccharīsutta*)[237] (*A*. III. 258)

224. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, nếu sống quá lâu tại một chỗ. Thế nào là năm? Xan tham đối với trú xứ,[238] xan tham đối với gia đình, xan tham đối với đồ vật cúng dường, xan tham đối với công đức,[239] xan tham đối với pháp.

Có năm nguy hại này, này các Tỷ-kheo, nếu sống quá lâu tại một chỗ.

Có năm lợi ích này, này các Tỷ-kheo, nếu sống đồng đều tại mỗi chỗ. Thế nào là năm? Không xan tham đối với trú xứ, không xan tham đối với gia đình, không xan tham đối với đồ vật cúng dường, không xan tham đối với công đức, không xan tham đối với pháp.

Có năm lợi ích này, này các Tỷ-kheo, nếu sống đồng đều tại mỗi chỗ.

V. KINH VIẾNG THĂM GIA ĐÌNH THỨ NHẤT (*Paṭhamakulūpakasutta*) (*A*. III. 258)

225. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, cho người viếng thăm gia đình. Thế nào là năm? Phạm lỗi không mời mà đến; phạm lỗi ngồi một mình; phạm lỗi ngồi chỗ kín đáo; phạm lỗi thuyết pháp cho nữ nhân hơn năm, sáu chữ; sống với nhiều suy tư về dục (*kāma*).

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người viếng thăm gia đình.

VI. KINH VIẾNG THĂM GIA ĐÌNH THỨ HAI (*Dutiyakulūpakasutta*) (*A*. III. 259)

226. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, đối với vị Tỷ-kheo sống liên hệ quá nhiều với các gia đình. Thế nào là năm?

---

[236] Xem *A*. III. 115; *GS*. III. 91 (kinh 90 ở trước).

[237] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Staying Too Long*, nghĩa là *Sống quá lâu*.

[238] Xem *A*. IV. 459; *D*. III. 234.

[239] *Vaṇṇa*. *Chú giải* viết *guṇa*, nghĩa là công đức.

Luôn luôn thấy nữ nhân;[240] Do thấy, nên có liên hệ; Do có liên hệ nên có sự thân mật; Do có sự thân mật nên có cơ hội (*otāro*) [để tư thông]; Khi tâm đã có tư thông, thời được chờ đợi như sau: Sẽ không có hoan hỷ sống Phạm hạnh, hay sẽ rơi vào trong một tội nhiễm ô, hay từ bỏ học giới, trở lui lại đời sống thế tục.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm nguy hại đối với vị Tỷ-kheo sống liên hệ quá nhiều với các gia đình.

VII. KINH TÀI SẢN (*Bhogasutta*) (*A*. III. 259)

227. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong các tài sản. Thế nào là năm? Tài sản bị nguy hiểm về lửa, bị nguy hiểm về nước, bị nguy hiểm về vua, bị nguy hiểm về trộm cướp, bị nguy hiểm về các người thừa tự không khả ái.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong các tài sản.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này trong các tài sản. Thế nào là năm?

Nhờ tài sản, tự làm cho mình được an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc ấy; làm cho mẹ cha được an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc ấy; làm cho vợ con, các người phục vụ, các người làm công được an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc ấy; làm cho bạn bè thân hữu được an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc ấy; đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn, cung cấp các sự cúng dường hướng thượng, đưa đến an lạc dị thục liên hệ đến cõi trời và dẫn lên thiên giới.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này trong các tài sản.

VIII. KINH BỮA ĂN SAU GIỜ NGỌ (*Ussūrabhattasutta*)[241] (*A*. III. 260)

228. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, trong gia đình ăn cơm phi thời, sau giờ ngọ. Thế nào là năm?

Đối với các khách đến thăm, không cúng dường đúng thời; đối với chư thiên lãnh thọ các vật cúng, không cúng dường đúng thời; đối với các Sa-môn, Bà-la-môn, chỉ ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời, không cúng dường đúng thời; các người phục vụ, người làm công, làm công việc không được thoải mái; lại nữa, khi còn ăn phi thời, thời các món ăn thiếu chất bổ dưỡng.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm nguy hại trong gia đình ăn cơm phi thời, sau giờ ngọ.

Có năm lợi ích này, này các Tỷ-kheo, trong gia đình ăn cơm đúng thời. Thế nào là năm?

Đối với các khách đến thăm, cúng dường đúng thời; đối với chư thiên lãnh thọ các vật cúng, cúng dường đúng thời; đối với các Sa-môn, Bà-la-môn, chỉ ăn mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời, cúng dường đúng thời;

---

[240] Xem *A*. III. 66; *GS*. III. 55 (kinh 55 ở trước).

[241] Bản tiếng Anh của PTS: *The Meal*, nghĩa là *Bữa ăn*.

các người phục vụ, người làm công, làm công việc được thoải mái; lại nữa, khi ăn đúng thời, thời các món ăn đầy đủ chất bổ dưỡng.

Có năm lợi ích này, này các Tỷ-kheo, trong gia đình ăn cơm đúng thời.

IX. KINH RẮN ĐEN THỨ NHẤT (*Paṭhamakaṇhasappasutta*) (*A*. III. 260)

229. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen. Thế nào là năm? Không thanh tịnh, hôi thúi, sợ hãi rụt rè, đáng sợ hãi, làm hại bạn.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân. Thế nào là năm? Không thanh tịnh, hôi thúi, sợ hãi rụt rè, đáng sợ hãi, làm hại bạn.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân.

X. KINH RẮN ĐEN THỨ HAI (*Dutiyakaṇhasappasutta*) (*A*. III. 260)

230. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen. Thế nào là năm? Phẫn nộ, hiềm hận, có nọc độc, lưỡi chia hai, làm hại bạn.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân. Thế nào là năm? Phẫn nộ, hiềm hận, có nọc độc, lưỡi chia hai, làm hại bạn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, nọc độc của nữ nhân là như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn hay tham đắm. Ở đây, này các Tỷ-kheo, lưỡi chia hai của nữ nhân là như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn nói hai lưỡi. Ở đây, này các Tỷ-kheo, nữ nhân làm hại bạn như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn ngoại tình.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân.



XXIV. PHẨM TRÚ TẠI CHỖ
(*ĀVĀSIKAVAGGA*)

I. KINH TRÚ TẠI CHỖ (*Āvāsikasutta*) (*A*. III. 261)

231. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú tại chỗ, trở thành không đáng được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Không đầy đủ về uy nghi, không đầy đủ về trách nhiệm; không nghe nhiều, không thọ trì điều được nghe; không biết sống đoạn giảm,[242] không ưa thích sống thiền tịnh; lời nói không hiền thiện, không là người nói lời hiền thiện; ác tuệ, đần độn, câm điếc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ, trở thành không đáng được làm gương để tu tập.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ, trở thành đáng được làm gương để tu tập. Thế nào là năm? Đầy đủ về uy nghi, đầy đủ về trách nhiệm; nghe nhiều, thọ trì điều được nghe; biết sống đoạn giảm, ưa thích thiền tịnh; lời nói hiền thiện, là người nói lời hiền thiện; có trí tuệ, không đần độn, không câm điếc.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú tại chỗ, trở thành đáng được làm gương để tu tập.

II. KINH ĐƯỢC ÁI MỘ (*Piyasutta*) (*A*. III. 262)

232. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú tại chỗ được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, ưa thích, kính trọng và đáng được làm gương để bắt chước. Thế nào là năm?

Có giới,[243] sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học pháp; nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, tích tập điều được nghe, các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ nhờ đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến; thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn, nói lời tao nhã, ý nghĩa minh bạch, giọng nói không bập bẹ, không phều phào, giải thích nghĩa lý minh xác; chứng được không có khó khăn, chứng được không có mệt nhọc, chứng được không có phí sức bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, đem đến hiện tại lạc trú; do đoạn tận các

---

[242] *Paṭisallekhitā*. Xem *A*. III. 219; *GS*. III. 161 (kinh 181 ở trước).

[243] Xem *A*. III. 111; *GS*. III. 89 (kinh 87 ở trước).

lậu hoặc, vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, ưa thích, kính trọng và đáng được làm gương để tu tập.

III. KINH LÀM CHO CHÓI SÁNG (*Sobhanasutta*) (*A*. III. 262)

233. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ làm chói sáng chỗ ấy. Thế nào là năm?

Có giới, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn... và học tập trong các học pháp; nghe nhiều... khéo thành tựu nhờ chánh kiến; thiện ngôn, dùng lời thiện ngôn... giải thích nghĩa lý minh xác; có năng lực với pháp thoại nêu rõ, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ những người đến yết kiến; chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ làm chói sáng chỗ ấy.

IV. KINH GIÚP ĐỠ NHIỀU (*Bahūpakārasutta*) (*A*. III. 263)

234. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú tại chỗ giúp đỡ rất nhiều cho trú xứ ấy. Thế nào là năm?

Có giới... và học tập trong các học pháp; nghe nhiều... khéo thành tựu nhờ chánh kiến; vị ấy sửa chữa những gì bị gãy, bị hủy hoại; khi đại chúng Tỷ-kheo đi đến từ nhiều địa phương khác nhau, vị ấy nói với các gia chủ đi đến như sau: "Nay đại chúng Tỷ-kheo đã đến từ nhiều địa phương khác nhau, các vị hãy làm các phước đức, nay là thời làm các phước đức"; chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ giúp đỡ rất nhiều cho trú xứ ấy.

V. KINH CÓ LÒNG TỪ MẪN (*Anukampasutta*) (*A*. III. 263)

235. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ có lòng từ mẫn đối với các gia chủ. Thế nào là năm?

Khích lệ tăng thượng giới;[244] khiến họ sống theo gương pháp;[245] khi đến thăm người bệnh, an trú niệm cho người bệnh như sau: "Các vị hãy an trú niệm vào hướng đến quả A-la-hán"; khi đại chúng Tỷ-kheo đi đến từ nhiều địa phương khác nhau, vị ấy nói với các gia chủ đi đến như sau: "Nay đại chúng

---

[244] *Adhisīla. AA*. IV. 24: *Adhisīleti pañcasīladasasīlasaṅkhāteuttamasīle* ("Tăng thượng giới" tức là năm giới, mười giới được xem là giới cao thượng [đối với cư sĩ]).

[245] Xem *A*. III. 206; *GS*. III. 152 (kinh 179 ở trước).

Tỷ-kheo đã đến từ nhiều địa phương khác nhau, các vị hãy làm các phước đức, nay là thời làm các phước đức"; họ có cúng dường các món ăn gì, hoặc thô hoặc tế, tự mình thọ dụng, không làm cho của tín thí rơi rớt.[246]

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ có lòng từ mẫn đối với các gia chủ.

VI. KINH KHÔNG ĐÁNG ĐƯỢC TÁN THÁN THỨ NHẤT (*Paṭhamaavaṇṇārahasutta*) (*A*. III. 264)

236. Thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Không có suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát, đặt lòng tin (*upadaṃseti*) vào những chỗ không đáng được tịnh tín; không suy xét, không thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín; làm rơi rớt các vật tín thí.

Do thành tựu năm pháp này, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán; có suy xét, có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán; có suy xét, có thẩm sát, không đặt lòng tin vào những chỗ không đáng được tịnh tín; có suy xét, có thẩm sát, đặt lòng tin vào những chỗ đáng được tịnh tín; không làm rơi rớt các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời.

VII. KINH KHÔNG ĐÁNG ĐƯỢC TÁN THÁN THỨ HAI (*Dutiyaavaṇṇārahasutta*)[247] (*A*. III. 265)

237. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán; xan tham trú xứ, tham đắm trú xứ; xan tham gia đình, tham đắm gia đình; làm cho rơi rớt các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán; có suy xét, có thẩm sát, tán thán

[246] Xem *A*. III. 139; *GS*. III. 108 (kinh 116 ở trước); *Vin*. I. 298.

[247] Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (238-240) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Stinginess*, nghĩa là *Xan tham*.

người đáng được tán thán; không xan tham trú xứ, không tham đắm trú xứ; không xan tham gia đình, không tham đắm gia đình; không làm cho rơi rớt các vật tín thí.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

VIII. KINH KHÔNG ĐÁNG ĐƯỢC TÁN THÁN THỨ BA (*Tatiyaavaṇṇārahasutta*) (*A*. III. 265)

238. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Không suy xét, không thẩm sát, tán thán người không đáng được tán thán; không suy xét, không thẩm sát, không tán thán người đáng được tán thán; xan tham trú xứ; xan tham gia đình; làm cho rơi rớt các vật tín thí bằng xan tham lợi dưỡng.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Có suy xét, có thẩm sát, không tán thán người không đáng được tán thán; có suy xét, có thẩm sát, tán thán người đáng được tán thán; không xan tham trú xứ; không xan tham gia đình; không làm cho rơi rớt các vật tín thí bằng xan tham lợi dưỡng.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

IX. KINH XAN THAM THỨ NHẤT (*Paṭhamamacchariyasutta*) (*A*. III. 266)

239. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Xan tham chỗ ở, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, làm cho các vật tín thí rơi rớt.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Không xan tham chỗ ở, không xan tham gia đình, không xan tham lợi dưỡng, không xan tham tán thán, không làm cho các vật tín thí rơi rớt.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.

X. KINH XAN THAM THỨ HAI (*Dutiyamacchariyasutta*) (*A*. III. 266)

240. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Xan tham chỗ ở, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời. Thế nào là năm? Không xan tham chỗ ở, không xan tham gia đình, không xan tham lợi dưỡng, không xan tham tán thán, không xan tham pháp.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tại chỗ như vậy tương xứng sanh lên cõi trời.



XXV. PHẨM ÁC HÀNH
(*DUCCARITAVAGGA*)

I. KINH NGƯỜI ÁC HÀNH THỨ NHẤT
(*Paṭhamaduccaritasutta*)[248] (*A*. III. 267)

241. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người ác hành. Thế nào là năm? Tự mình chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí quở trách; tiếng ác đồn khắp; khi mệnh chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm nguy hại cho người ác hành.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người thiện hành. Thế nào là năm? Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí tán thán; tiếng tốt đồn khắp; khi mệnh chung, tâm không bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người thiện hành.

II. KINH NGƯỜI THÂN ÁC HÀNH THỨ NHẤT
(*Paṭhamakāyaduccaritasutta*)[249] (*A*. III. 267)

242. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người thân ác hành...

III. KINH NGƯỜI KHẨU ÁC HÀNH THỨ NHẤT
(*Paṭhamavacīduccaritasutta*) (*A*. III. 267)

243. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người khẩu ác hành...

IV. KINH NGƯỜI Ý ÁC HÀNH THỨ NHẤT
(*Paṭhamamanoduccaritasutta*) (*A*. III. 267)

244. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người ý ác hành. Thế nào là năm? Tự mình chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí quở trách; tiếng ác đồn khắp; khi mệnh chung, tâm bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm nguy hại cho người ác ý hành.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người thiện ý hành. Thế nào là năm? Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí tán thán; tiếng

---

[248] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0150.22. 0879a18).

[249] Tên kinh này và 5 kinh tiếp sau (243-248) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *One Who Has Walked in Evil*, nghĩa là *Người đang đi trên con đường ác*.

tốt đồn khắp; khi mệnh chung, tâm không bị mê loạn; sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người thiện ý hành.

V. KINH NGƯỜI ÁC HÀNH THỨ HAI (*Dutiyaduccaritasutta*) (*A*. III. 268)

245. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này cho người ác hành. Thế nào là năm? Tự mình chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí quở trách; tiếng ác đồn khắp; từ bỏ Diệu pháp[250] và an trú phi Diệu pháp.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm nguy hại cho người ác hành.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người thiện hành. Thế nào là năm? Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí tán thán; tiếng tốt đồn khắp; từ bỏ phi Diệu pháp và an trú Diệu pháp.

Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này cho người thiện hành.

VI. KINH NGƯỜI THÂN ÁC HÀNH THỨ HAI (*Dutiyakāyaduccaritasutta*) (*A*. III. 268)

246. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, cho người thân ác hành... cho người thân thiện hành...

Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí tán thán; tiếng tốt đồn khắp; từ bỏ phi Diệu pháp; an trú Diệu pháp.

Có năm lợi ích này, này các Tỷ-kheo, cho người thân thiện hành.

VII. KINH NGƯỜI KHẨU ÁC HÀNH THỨ HAI (*Dutiyavacīduccaritasutta*) (*A*. III. 268)

247. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, cho người khẩu ác hành... cho người khẩu thiện hành...

Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí tán thán; tiếng tốt đồn khắp; từ bỏ phi Diệu pháp; an trú Diệu pháp.

Có năm lợi ích này, này các Tỷ-kheo, cho người khẩu thiện hành.

VIII. KINH NGƯỜI Ý ÁC HÀNH THỨ HAI (*Dutiyamanoduccaritasutta*) (*A*. III. 268)

248. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, cho người ý ác hành... cho người ý thiện hành...

Tự mình không chỉ trích mình; sau khi suy xét, các bậc trí tán thán; tiếng tốt đồn khắp; từ bỏ phi Diệu pháp; an trú Diệu pháp.

Có năm lợi ích này, này các Tỷ-kheo, cho người ý thiện hành.

IX. KINH NGHĨA ĐỊA (*Sivathikasutta*) (*A*. III. 268)

249. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nghĩa địa. Thế nào là

[250] Xem *A*. III. 114; *GS*. III. 90 (kinh 88 ở trước).

năm? Bất tịnh, hôi thúi, đáng sợ hãi, trú xứ các phi nhân hung bạo,[251] làm cho quần chúng than khóc.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nghĩa địa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này đối với người được ví như nghĩa địa. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người thành tựu thân nghiệp bất tịnh, thành tựu khẩu nghiệp bất tịnh, thành tựu ý nghiệp bất tịnh, Ta nói rằng đây là sự bất tịnh của người ấy; ví như, này các Tỷ-kheo, sự bất tịnh ấy của nghĩa địa, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Ai thành tựu thân nghiệp bất tịnh, thành tựu khẩu nghiệp bất tịnh, thành tựu ý nghiệp bất tịnh, tiếng ác được đồn khắp, Ta nói rằng đây là mùi hôi thúi của người ấy; ví như, này các Tỷ-kheo, mùi hôi thúi ấy của nghĩa địa, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Với vị thành tựu thân nghiệp bất tịnh, thành tựu khẩu nghiệp bất tịnh, thành tựu ý nghiệp bất tịnh, các vị thuần tịnh đồng Phạm hạnh tránh né, đứng xa, Ta nói rằng đây là sự đáng sợ hãi của người ấy; ví như, này các Tỷ-kheo, sự đáng sợ hãi của nghĩa địa, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Ai thành tựu thân nghiệp bất tịnh, thành tựu khẩu nghiệp bất tịnh, thành tựu ý nghiệp bất tịnh, sống chung với những hạng người cũng đồng chung với nếp sống ấy (*sabhāgehi puggalehi*), Ta nói rằng đây là trú xứ hung bạo của người ấy; ví như, này các Tỷ-kheo, trú xứ các phi nhân hung bạo trong nghĩa địa, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Với vị thành tựu thân nghiệp bất tịnh, thành tựu khẩu nghiệp bất tịnh, thành tựu ý nghiệp bất tịnh này, các vị thuần tịnh đồng Phạm hạnh thấy vậy trở thành bất mãn (*khīyadhammaṃ āpajjanti*) và nói: "Ôi, thật là khổ cho chúng tôi, chúng tôi phải chung sống với những người như vậy!" Ta nói rằng đây là làm cho quần chúng than khóc của người ấy; ví như, này các Tỷ-kheo, nghĩa địa là chỗ làm cho nhiều người than khóc, Ta nói rằng, này các Tỷ-kheo, người này giống như ví dụ ấy.

Đây là năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, đối với người được ví như nghĩa địa.

X. KINH TỊNH TÍN ĐỐI VỚI MỘT NGƯỜI
(*Puggalappasādasutta*)[252] (*A*. III. 270)

250. Có năm nguy hại, này các Tỷ-kheo, về lòng tịnh tín đối với một người. Thế nào là năm?

Này các Tỷ-kheo, khi một người có lòng tịnh tín [ái mộ] với một người mà người ấy rơi vào một tội phạm, và tùy theo tội phạm ấy, chúng Tăng ngưng chức vị ấy (*Saṅgho ukkhipati*). Người này suy nghĩ: "Người mà ta ái mộ, ưa

[251] Xem *A*. III. 100; *GS*. III. 81 (kinh 77 ở trước).

[252] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0150.23. 0879b02).

thích, vị ấy bị chúng Tăng ngưng chức", và người này không còn nhiều tịnh tín đối với các Tỷ-kheo. Do không còn nhiều tịnh tín đối với các Tỷ-kheo, người này không có liên hệ với các Tỷ-kheo khác. Do không liên hệ với các Tỷ-kheo khác, người này không nghe Diệu pháp. Do không nghe Diệu pháp, người này thối đọa khỏi Chánh pháp. Đây là nguy hại thứ nhất, này các Tỷ-kheo, về sự tịnh tín đối với một người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi một người có lòng tịnh tín với một người mà người ấy rơi vào một tội phạm, và tùy theo tội phạm ấy, chúng Tăng bắt vị ấy ngồi ở phía cuối. Người này suy nghĩ: "Người mà ta ái mộ ưa thích, vị ấy bị chúng Tăng bắt ra ngồi ở phía cuối", và người này không còn nhiều tịnh tín đối với các Tỷ-kheo. Do không còn nhiều tịnh tín đối với các Tỷ-kheo, người này không có liên hệ với các Tỷ-kheo khác. Do không liên hệ với các Tỷ-kheo khác, người này không nghe Diệu pháp. Do không nghe Diệu pháp, người này thối đọa khỏi Chánh pháp. Đây là nguy hại thứ hai, này các Tỷ-kheo, về sự tịnh tín đối với một người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi một người có lòng tịnh tín với một người mà người ấy đi vào một địa phương khác... người ấy bị loạn tâm... người ấy mệnh chung. Người này suy nghĩ: "Người mà ta ái mộ ưa thích, vị ấy đã mệnh chung", và người này không liên hệ với các Tỷ-kheo khác. Do không liên hệ với các Tỷ-kheo khác, người này không nghe Diệu pháp. Do không nghe Diệu pháp, người này thối đọa khỏi Chánh pháp. Đây là nguy hại thứ năm, này các Tỷ-kheo, về sự tịnh tín đối với một người.



XXVI. PHẨM CỤ TÚC GIỚI (*UPASAMPADĀVAGGA*)

I. KINH CỤ TÚC GIỚI (*Upasampādetabbasutta*) (*A*. III. 271)

251. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần được trao Cụ túc giới. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần được trao Cụ túc giới.

II. KINH Y CHỈ (*Nissayasutta*)[253] (*A*. III. 271)

252. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải cho y chỉ. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải cho y chỉ.

III. KINH SA-DI (*Sāmaṇerasutta*) (*A*. III. 271)

253. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải được một Sa-di làm thị giả. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải được một Sa-di làm thị giả.

IV. KINH NĂM LOẠI XAN THAM (*Pañcamacchariyasutta*) (*A*. III. 272)

254. Này các Tỷ-kheo, có năm xan tham này. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp.

Này các Tỷ-kheo, có năm xan tham này. Trong năm xan tham này, này các Tỷ-kheo, cái này là tối hạ liệt, tức là xan tham pháp.

[253] Trong bản tiếng Anh của PTS, 2 kinh (252, 253) được trình bày chung với tên: *Protection and Service*, nghĩa là *Che chở và giúp ích*.

V. KINH ĐOẠN TẬN XAN THAM
(*Macchariyappahānasutta*)[254] (*A*. III. 272)

255. Do đoạn tận, cắt đứt năm xan tham, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được thực hiện. Thế nào là năm?

Do đoạn tận, cắt đứt xan tham trú xứ, Phạm hạnh được thực hiện. Do đoạn tận, cắt đứt xan tham gia đình... xan tham lợi dưỡng... xan tham tán thán... xan tham pháp, Phạm hạnh được thực hiện.

Do đoạn tận, cắt đứt năm xan tham này, này các Tỷ-kheo, Phạm hạnh được thực hiện.

VI. KINH THIỀN THỨ NHẤT (*Paṭhamajhānasutta*)[255] (*A*. III. 272)

256. Do không đoạn tận năm pháp, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp.

Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất.

Do đoạn tận năm pháp, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp.

Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất.

VII-XIII. NHÓM 7 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH THIỀN THỨ HAI
(*Dutiyajhānasuttādisattaka*) (*A*. III. 273)

257-263. Do không đoạn tận năm pháp, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không thể chứng đạt và an trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... không thể có giác ngộ Dự lưu quả... Nhất lai quả... Bất lai quả... A-la-hán quả. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp.

Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không thể chứng ngộ A-la-hán quả.

Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... có thể chứng ngộ Dự lưu quả... Nhất lai quả... Bất lai quả... A-la-hán quả. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp.

Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] có thể chứng ngộ A-la-hán quả.

---

[254] Bản tiếng Anh của PTS: *The Godly life*, nghĩa là *Phạm hạnh*.

[255] Trong bản tiếng Anh của PTS, 16 kinh (từ 256-271) có cùng tên: *Musing*, nghĩa là *Thiền định*.

XIV. KINH KHÁC VỀ THIỀN THỨ NHẤT
(*Aparapaṭhamajhānasutta*) (*A*. III. 273)

264. Do không đoạn tận năm pháp, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ; xan tham gia đình; xan tham lợi dưỡng; xan tham tán thán; không biết ơn, không nhớ ơn.

Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất.

Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ; xan tham gia đình; xan tham lợi dưỡng; xan tham tán thán; không biết ơn, không nhớ ơn.

Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất.

XV-XXI. NHÓM 7 KINH KHÁC BẮT ĐẦU BẰNG KINH THIỀN THỨ HAI
(*Aparadutiyajhānasuttādisattaka*) (*A*. III. 273)

265-271. Do không đoạn tận năm pháp, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không thể chứng đạt và an trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... không thể có giác ngộ Dự lưu quả... Nhất lai quả... Bất lai quả... A-la-hán quả. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ; xan tham gia đình; xan tham lợi dưỡng; xan tham tán thán; không biết ơn, không nhớ ơn.

Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không thể chứng ngộ A-la-hán quả.

Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] có thể chứng đạt và an trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... Tỷ-kheo có thể chứng ngộ Dự lưu quả... Nhất lai quả... Bất lai quả... A-la-hán quả. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ; xan tham gia đình; xan tham lợi dưỡng; xan tham tán thán; không biết ơn, không nhớ ơn.

Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] có thể chứng ngộ A-la-hán quả.

XXVII. PHẨM LỰA CHỌN LƯỢC THUYẾT (*SAMMUTIPEYYĀLA*)

I. KINH NGƯỜI TRI PHẠN (*Bhattuddesakasutta*)[256] (*A*. III. 274)

272. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không được lựa chọn là người tri phạn. Thế nào là năm? Đi đến dục, đi đến sân, đi đến si, đi đến sự sợ hãi, không biết chỉ định và không chỉ định.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] không được lựa chọn là người tri phạn.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] được lựa chọn là người tri phạn. Thế nào là năm? Không đi đến dục, không đi đến sân, không đi đến si, không đi đến sự sợ hãi, biết chỉ định và không chỉ định.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, [Tỷ-kheo] được lựa chọn là người tri phạn.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đã được lựa chọn là tri phạn thời không nên gửi đi... được lựa chọn, nên gửi đi... cần phải biết là một người ngu... cần phải biết là một người trí... tự mình xử sự như kẻ bị mất gốc, bị thương tích... tự mình xử sự như người không bị mất gốc, không bị thương tích... như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục... như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới... Thế nào là năm? Không đi đến dục, không đi đến sân, không đi đến si, không đi đến sự sợ hãi, biết chỉ định và không chỉ định.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người tri phạn như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

II-XIV. NHÓM 13 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH NGƯỜI CHỈ ĐỊNH PHÂN PHỐI SÀNG TỌA (*Senāsanapaññāpakasuttāditerasaka*) (*A*. III. 275)

273-285. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nên lựa chọn là người chỉ định phân phối sàng tọa... nên lựa chọn là người phân phối sàng tọa... không biết phân phối và không phân phối... biết phân phối và không phân phối... không nên lựa chọn là người giữ kho... nên lựa chọn là người giữ kho... không biết bảo vệ và không bảo vệ... biết bảo vệ và không bảo vệ... không nên lựa chọn là người nhận y... nên lựa chọn là người nhận y... không biết lấy và không lấy... biết lấy và không lấy... không nên lựa chọn là người chia y... nên lựa chọn là người chia y... không nên lựa chọn là người chia cháo... nên

[256] Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh từ 272- 342 có cùng tên: *Of Others*, nghĩa là *Các người khác*.

lựa chọn là người chia cháo... không nên lựa chọn là người chia trái... nên lựa chọn là người chia trái... không nên lựa chọn là người chia bánh... nên lựa chọn là người chia bánh... không biết chia và không chia... biết chia và không chia... không nên lựa chọn là người phân phát các vật dụng nhỏ nhặt... nên lựa chọn là người phân phát các vật dụng nhỏ nhặt... không biết phân phát và không phân phát... biết phân phát và không phân phát... không nên lựa chọn là người lãnh thọ nội y... nên lựa chọn là người lãnh thọ nội y (*sāṭiyaggāhāpako*)... không nên lựa chọn là người nhận lấy bình bát... nên lựa chọn là người nhận lấy bình bát... không biết nhận lấy và không nhận lấy... biết nhận lấy và không nhận lấy... không nên lựa chọn là người quản đốc người làm vườn... nên lựa chọn là người quản đốc người làm vườn... không nên lựa chọn là người giám sát Sa-di... nên lựa chọn là người giám sát Sa-di... được lựa chọn không nên gửi đi... được lựa chọn nên gửi đi... cần phải biết là một người ngu... cần phải biết là một người hiền trí... tự xử sự như kẻ bị mất gốc, bị thương tích... tự xử sự như người không bị mất gốc, không bị thương tích... như vậy tương xứng bị quăng vào địa ngục... như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là năm?

Không đi đến dục, không đi đến sân, không đi đến si, không đi đến sợ hãi, biết gửi đi và không gửi đi.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người giám sát Sa-di như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.



XXVIII. PHẨM HỌC GIỚI LƯỢC THUYẾT (*SIKKHĀPADAPEYYĀLA*)

I. KINH TỶ-KHEO (*Bhikkhusutta*)[257] (*A*. III. 275)

286. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, sống không Phạm hạnh, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu.[258]

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là năm?

Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ không Phạm hạnh, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

II-VII. NHÓM 6 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH TỶ-KHEO-NI (*Bhikkhunīsuttādichakka*) (*A*. III. 276)

287-292. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo-ni... vị Chánh học nữ... vị Sa-di... vị Sa-di-ni, vị nam cư sĩ, vị nữ cư sĩ như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm?

Tỷ-kheo-ni... (như kinh 286, với những thay đổi cần thiết).

VIII. KINH NGOẠI ĐẠO ĀJĪVAKA (*Ājīvakasutta*) (*A*. III. 276)

293. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị tà mạng ngoại đạo lõa thể như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, sống không Phạm hạnh, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu.[259]

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, vị tà mạng ngoại đạo lõa thể như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

---

[257] Bản tiếng Anh của PTS: *The Fivefold*, nghĩa là *Năm pháp*.

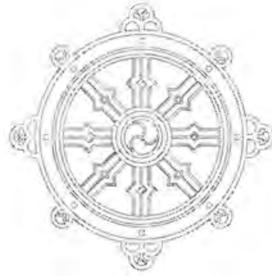
[258] Xem *A*. III. 170; *GS*. III. 129 (kinh 145 ở trước).

[259] Như chú thích trên.

IX-XVII. NHÓM 9 KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH NIGAṆṬHA (*Nigaṇṭhasuttādinavaka*) (*A*. III. 277)

294-302. Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, vị tà mạng ngoại đạo[260] Nigaṇṭha (Ly Hệ)... đệ tử trọc đầu... bện tóc... các du sĩ... các đệ tử của Magaṇḍa... kẻ theo phái cầm chĩa ba... người theo phái không phản đối... người theo phái Gotama... người theo pháp như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, không có Phạm hạnh, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, người theo pháp như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.



[260] *AA*. III. 334: *Ājīvakoti naggapabbājato* (*Ājīvaka* là tu sĩ lõa thể).

XXIX. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (*RĀGAPEYYĀLA*) (*A*. III. 277)

303. Muốn thắng tri tham (*rāga*), này các Tỷ-kheo, năm pháp cần phải tu tập. Thế nào là năm? Bất tịnh tưởng, tử tưởng, nguy hại tưởng, tưởng yếm ly đối với đồ ăn, tưởng không có gì đáng ái lạc ở đời.[261] Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp này cần phải tu tập.

304. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp cần phải tu tập. Thế nào là năm? Vô thường tưởng, vô ngã tưởng, tử tưởng, tưởng yếm ly đối với đồ ăn, tưởng không có gì đáng ái lạc ở đời. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp này cần phải tu tập.

305. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp cần phải tu tập. Thế nào là năm? Vô thường tưởng, khổ tưởng trong vô thường, vô ngã tưởng trong khổ, tưởng từ bỏ, tưởng ly tham. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp này cần phải tu tập.

306. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp này cần phải tu tập. Thế nào là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp này cần phải tu tập.

307. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp này cần phải tu tập. Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Muốn thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, năm pháp này cần phải tu tập.

308-1151. Này các Tỷ-kheo, muốn biến tri tham... muốn đoạn diệt... muốn đoạn tận... muốn hủy diệt... muốn hoại diệt... muốn ly tham... muốn diệt tận... muốn xả bỏ... muốn từ bỏ tham, năm pháp này cần phải tu tập.

Này các Tỷ-kheo, muốn thắng tri, muốn biến tri tham... muốn đoạn diệt... muốn đoạn tận... muốn hủy diệt... muốn hoại diệt... muốn ly tham... muốn diệt tận... muốn xả bỏ... muốn từ bỏ sân... si... phẫn nộ[262]... hiềm hận... giả dối... não hại... tật đố... xan tham... man trá... phản trắc... cứng đầu... cuồng nhiệt... mạn... quá mạn... say mê... phóng dật... năm pháp này cần phải tu tập.

Thế nào là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Này các Tỷ-kheo, muốn từ bỏ phóng dật, năm pháp này cần phải tu tập.

---

[261] *Sabbaloke anabhiratasaññā.*

[262] Xem *A*. I. 100; II. 257; III. 278, 452; IV. 148, 349, 456; V. 310, 361.

CHƯƠNG VI
SÁU PHÁP (*CHAKKANIPĀTA*)

NĂM MƯƠI KINH THỨ NHẤT

I. PHẨM ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG (*ĀHUNEYYAVAGGA*)

I. KINH ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG THỨ NHẤT (*Paṭhamaāhuneyyasutta*)[1] (*A*. III. 279)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc,[2] không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết pháp, không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

Thế Tôn thuyết như vậy, các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[1] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125. 37.1. 0708c11); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.15. 0428c22).

[2] Xem *A*. II. 198; V. 30; *D*. III. 281; *M*. III. 240.

II. KINH ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG THỨ HAI (*Dutiyaāhuneyyasutta*)[3] (*A*. III. 280)

2. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chứng được các loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trồi lên ngang qua đất liền; ngồi kiết-già ngang qua hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, nghe được hai loại tiếng, chư thiên và loài người, ở xa và gần.

Sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy rõ biết như sau: "Tâm có tham, rõ biết là tâm có tham; hay tâm ly tham, rõ biết là tâm ly tham; hay tâm có sân, rõ biết là tâm có sân; hay tâm ly sân, rõ biết là tâm ly sân; hay tâm có si, rõ biết là tâm có si; hay tâm ly si, rõ biết là tâm ly si; hay tâm chuyên chú, rõ biết là tâm chuyên chú; hay tâm tán loạn, rõ biết là tâm tán loạn; hay đại hành tâm, rõ biết là đại hành tâm; hay không phải đại hành tâm, rõ biết là không phải đại hành tâm; hay tâm chưa vô thượng, rõ biết là tâm chưa vô thượng; hay tâm vô thượng, rõ biết là tâm vô thượng; hay tâm thiền định, rõ biết là tâm thiền định; hay tâm không thiền định, rõ biết là tâm không thiền định; hay tâm giải thoát, rõ biết là tâm giải thoát; hay tâm không giải thoát, rõ biết là tâm không giải thoát."

Nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời; nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp; vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Vị ấy với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng[4]... Như vậy, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, vị ấy thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh

---

[3] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.5. 0712a09).

[4] Xem *A*. III. 16; *D*. I. 83.

nghiệp của họ. Do đoạn tận các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

III. KINH CÁC CĂN (*Indriyasutta*) (*A*. III. 381)

3. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là sáu?

Với tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

IV. KINH CÁC LỰC (*Balasutta*) (*A*. III. 282)

4. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là sáu?

Với tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

V. KINH CON NGỰA THUẦN CHỦNG THỨ NHẤT (*Paṭhamaājānīyasutta*) (*A*. III. 282)

5. Thành tựu sáu chi phần, này các Tỷ-kheo, một con ngựa hiền thiện, thuần chủng của vua, xứng đáng cho vua dùng, là tài sản của vua, và được xem là một biểu tượng của vua. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, con ngựa hiền thiện, thuần chủng của vua, kham nhẫn các sắc, kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương, kham nhẫn các vị, kham nhẫn các xúc và đầy đủ dung sắc.

Thành tựu sáu chi phần này, này các Tỷ-kheo, một con ngựa hiền thiện, thuần chủng của vua, xứng đáng cho vua dùng, là tài sản của vua, và được xem là một biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu sáu pháp này, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo kham nhẫn các sắc, kham nhẫn các tiếng, kham nhẫn các hương, kham nhẫn các vị, kham nhẫn các xúc, kham nhẫn các pháp.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

VI. KINH CON NGỰA THUẦN CHỦNG THỨ HAI (*Dutiyaājānīyasutta*) (*A*. III. 283)

6. (Như kinh 5, chỉ thay đổi "đầy đủ dung sắc" với "đầy đủ sức mạnh").

VII. KINH CON NGỰA THUẦN CHỦNG THỨ BA (*Tatiyaājānīyasutta*) (*A*. III. 283)

7. (Như kinh 5, chỉ thay đổi "đầy đủ dung sắc" với "đầy đủ tốc lực").

VIII. KINH VÔ THƯỢNG (*Anuttariyasutta*) (*A*. III. 284)

8. Có sáu vô thượng này,[5] này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu? Kiến vô thượng, văn vô thượng, lợi đắc vô thượng, học vô thượng, hành vô thượng, tùy niệm vô thượng.

Này các Tỷ-kheo, có sáu vô thượng này.

IX. KINH TÙY NIỆM XỨ (*Anussatiṭṭhānasutta*) (*A*. III. 284)

9. Này các Tỷ-kheo, có sáu tùy niệm xứ này. Thế nào là sáu? Tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm thí, tùy niệm thiên.

Này các Tỷ-kheo, có sáu tùy niệm xứ này.

X. KINH MAHĀNĀMA (*Mahānāmasutta*)[6] (*A*. III. 284)

10. Một thời, Thế Tôn trú giữa các vị Thích-ca, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Rồi Mahānāma dòng họ Thích, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahānāma dòng họ Thích, bạch Thế Tôn:

– Vị Thánh đệ tử này, bạch Thế Tôn, đã đi đến quả, đã liễu giải giáo pháp, đời sống gì vị ấy sống một cách sung mãn?

– Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử nào đã đi đến quả, đã liễu giải giáo pháp, với nếp sống này, sống một cách sung mãn.

Ở đây, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Khi nào, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị

---

[5] *Anuttariya*. Xem *A*. III. 324; *GS*. III. 229 (kinh 30 ở sau); *A*. III. 448; *GS*. III. 313 (kinh 121 ở sau); *D*. III. 219, 250, 281; *M*. I. 235.

[6] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.931. 0237c09); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.156. 0432b28).

tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực nhờ dựa vào Như Lai. Và này Mahānāma, một vị Thánh đệ tử với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Vị ấy có hân hoan, nên hỷ sanh. Vị ấy có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Vị ấy có lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Này Mahānāma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Với quần chúng không bình thản, vị ấy sống bình thản. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Phật."

Lại nữa, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những bậc trí tự mình giác hiểu." Này Mahānāma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực nhờ dựa vào pháp. Và này Mahānāma, vị Thánh đệ tử với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Vị ấy có hân hoan, nên hỷ sanh. Vị ấy có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Vị ấy có lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Này Mahānāma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Với quần chúng không bình thản, vị ấy sống bình thản. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Pháp."

Lại nữa, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử tùy niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử Thế Tôn này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời." Này Mahānāma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm chúng Tăng, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối... tâm được định tĩnh.

Này Mahānāma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Với quần chúng không bình thản, vị ấy sống bình thản. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Tăng."

Lại nữa, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử tùy niệm các giới của mình: "Giới không bị bể vụn, không bị sứt mẻ, không tỳ vết, không có uế nhiễm, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định." Này Mahānāma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm giới, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối... tâm được định tĩnh.

Này Mahānāma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Với quần chúng không bình thản, vị ấy sống bình thản. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm giới."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tự mình tùy niệm thí của mình: "Thật là được lợi cho ta! Thật là khéo được lợi cho ta! Vì rằng với quần chúng

bị cấu uế xan tham chi phối, ta sống trong gia đình với tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí." Này Mahānāma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm bố thí, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối... tâm được định tĩnh.

Này Mahānāma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Với quần chúng không bình thản, vị ấy sống bình thản. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm thí."

Lại nữa, này Mahānāma, vị Thánh đệ tử tu tập tùy niệm thiên: "Có chư thiên Bốn Thiên Vương, có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, có chư thiên Dạ-ma, có chư thiên Đâu-suất, có chư thiên Hóa Lạc, có chư thiên Tha Hóa Tự Tại, có chư thiên Phạm Chúng, có chư thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với tín như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; tín như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với giới như vậy, chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy, chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy, chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; thí như vậy cũng có đầy đủ ở nơi ta. Đầy đủ với tuệ như vậy, chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; tuệ như vậy cũng đầy đủ nơi ta." Khi vị ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư thiên ấy; trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực nhờ dựa vào chư thiên. Và này Mahānāma, vị Thánh đệ tử với tâm chánh trực được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Vị ấy có hân hoan, nên hỷ sanh. Vị ấy có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Vị ấy có lạc thọ, tâm được định tĩnh.

Này Mahānāma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: "Với quần chúng không bình thản, vị ấy sống bình thản. Với quần chúng có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm thiên."

Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử nào đã đi đến quả, đã liễu giải giáo pháp, vị ấy sống một cách sung mãn với nếp sống này.

II. PHẨM CẦN PHẢI NHỚ
(*SĀRAṆĪYAVAGGA*)

I. KINH CẦN PHẢI NHỚ THỨ NHẤT (*Paṭhamasāraṇīyasutta*)[7] (*A*. III. 288)

11. Này các Tỷ-kheo, có sáu pháp cần phải ghi nhớ này. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú thân làm từ đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú lời nói từ đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú ý nghĩ từ đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các lợi dưỡng đúng pháp, nhận được đúng pháp, cho đến những đồ vật nhận được chỉ trong bình bát, vị ấy không phải là người không san sẻ các đồ vật nhận được như vậy, phải là người san sẻ dùng chung với các đồng Phạm hạnh có giới đức. Đây là pháp cần phải ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các giới luật không bị bể vụn, không bị sứt mẻ, không tỳ vết, không bị uế nhiễm, giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đi đến thiền định, Tỷ-kheo sống thành tựu giới luật trong các giới luật ấy đối với các đồng Phạm hạnh, trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, đối với các tri kiến thuộc bậc Thánh, có khả năng hướng thượng, khiến người thực hành chơn chánh diệt tận khổ đau, Tỷ-kheo sống thành tựu tri kiến với các tri kiến như vậy đối với các đồng Phạm hạnh, cả trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ.

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu pháp cần phải ghi nhớ.

II. KINH CẦN PHẢI NHỚ THỨ HAI (*Dutiyasāraṇīyasutta*)[8] (*A*. III. 289)

12. Có sáu pháp cần phải ghi nhớ, này các Tỷ-kheo, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, không tranh luận, hòa hợp, nhất trí. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú thân làm từ đối với các vị đồng Phạm hạnh, trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành

---

[7] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.1. 0708c11).

[8] Như chú thích trên.

tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú lời nói từ... ý nghĩ từ đối với các vị đồng Phạm hạnh cả trước mặt lẫn sau lưng. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với các lợi dưỡng đúng pháp, nhận được đúng pháp, cho đến những đồ vật nhận được chỉ trong bình bát, vị ấy không phải là người không san sẻ các đồ vật nhận được như vậy, phải là người san sẻ dùng chung với các vị đồng Phạm hạnh có giới đức. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đối với các giới luật không bị bể vụn, không bị sứt mẻ, không bị tỳ vết, không bị uế nhiễm, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đi đến thiền định, Tỷ-kheo sống thành tựu giới luật trong các giới luật ấy đối với các vị đồng Phạm hạnh, cả trước mặt lẫn sau lưng...

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các tri kiến thuộc bậc Thánh, có khả năng hướng thượng, khiến người thực hành chơn chánh diệt tận khổ đau, Tỷ-kheo sống thành tựu tri kiến với các tri kiến như vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh, cả trước mặt lẫn sau lưng...

Đây là sáu pháp cần phải ghi nhớ, này các Tỷ-kheo, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.

III. KINH XUẤT LY GIỚI (*Nissāraṇīyasutta*) (*A*. III. 290)

13. Này các Tỷ-kheo, có sáu pháp xuất ly giới[9] này. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập Từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, sân tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy không tốt.[10] Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập Từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, sân tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện như vậy không xảy ra, này Hiền giả, pháp có khả năng giải thoát sân tâm, tức là Từ tâm giải thoát."

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập Bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần phải được nói

[9] Xem *D*. III. 247.

[10] Xem *M*. I. 130; III. 207.

như sau: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Ai tu tập Bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện như vậy không xảy ra, này Hiền giả, pháp có khả năng giải thoát hại tâm, tức là Bi tâm giải thoát."

Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập Hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, bất lạc tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập Hỷ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, bất lạc tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy, này Hiền giả, pháp có khả năng giải thoát bất lạc tâm, tức là Hỷ tâm giải thoát."

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập Xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, tham tâm vẫn ngự trị tâm ta." Vị ấy cần được nói: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập Xả tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, tham tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy, này Hiền giả, pháp có khả năng giải thoát tham tâm, tức là Xả tâm giải thoát."

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nói như sau: "Ta đã tu tập Vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, tuy vậy, thức của ta vẫn tùy niệm tướng." Vị ấy cần phải được nói như sau: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Nếu tu tập Vô tướng tâm giải thoát, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng, thức vẫn sẽ tùy niệm tướng, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy, này Hiền giả, pháp có khả năng giải thoát tất cả tướng, tức là Vô tướng tâm giải thoát."

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nói như sau: "Tôi đã từ bỏ tư tưởng: 'Tôi là', tôi không có tùy quán: 'Cái này là tôi', tuy vậy, mũi tên nghi ngờ, do dự xâm chiếm tâm tôi và an trú." Vị ấy cần được nói như sau: "Chớ có như vậy, Hiền giả chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn như vậy thật không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả, sự kiện không phải như vậy, trường hợp không phải như vậy. Với ai đã từ bỏ tư tưởng: 'Tôi là', với ai

không có tùy quán: 'Cái này là tôi', tuy vậy, mũi tên nghi ngờ, do dự xâm chiếm tâm người ấy và an trú; sự kiện không xảy ra như vậy, này Hiền giả, pháp có khả năng giải thoát mũi tên nghi hoặc, do dự, tức là sự nhổ lên kiêu mạn: 'Tôi là.'"

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu pháp xuất ly giới.

IV. KINH HIỀN THIỆN (*Bhaddakasutta*) (*A*. III. 292)

14. Tại đây, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này các Hiền giả, vị Tỷ-kheo nếu sống nếp sống như vậy, như vậy; do sống nếp sống như vậy, như vậy, khi lâm chung không được hiền thiện, khi mệnh chung không được hiền thiện.

Và như thế nào, này các Hiền giả, Tỷ-kheo nếu sống nếp sống như vậy, như vậy, khi lâm chung không được hiền thiện, khi mệnh chung không được hiền thiện?

Ở đây, này các Hiền giả, Tỷ-kheo ưa công việc, thích thú công việc, chuyên tâm ưa thích công việc; ưa nói chuyện, thích thú nói chuyện, chuyên tâm ưa thích nói chuyện; ưa ngủ, thích thú ngủ, chuyên tâm ưa thích ngủ; ưa hội chúng, thích thú hội chúng, chuyên tâm ưa thích hội chúng; ưa liên lạc giao thiệp, thích thú liên lạc giao thiệp, chuyên tâm ưa thích liên lạc giao thiệp; ưa hý luận, thích thú hý luận, chuyên tâm ưa thích hý luận. Như vậy, này các Hiền giả, Tỷ-kheo sống nếp sống như vậy, như vậy, khi lâm chung không được hiền thiện, khi mệnh chung không được hiền thiện. Này các Hiền giả, đây được gọi là Tỷ-kheo ái lạc có thân, không từ bỏ có thân để chơn chánh chấm dứt khổ đau.

Này các Hiền giả, Tỷ-kheo nếu sống nếp sống như vậy, như vậy; do sống nếp sống như vậy, như vậy, khi lâm chung được hiền thiện, khi mệnh chung được hiền thiện.

Và như thế nào, này các Hiền giả, Tỷ-kheo nếu sống nếp sống như vậy, như vậy, khi lâm chung được hiền thiện, khi mệnh chung được hiền thiện?

Ở đây, này các Hiền giả, Tỷ-kheo không ưa công việc, không thích thú công việc, không chuyên tâm ưa thích công việc; không ưa nói chuyện, không thích thú nói chuyện, không chuyên tâm ưa thích nói chuyện; không ưa ngủ, không thích thú ngủ, không chuyên tâm ưa thích ngủ; không ưa hội chúng, không thích thú hội chúng, không chuyên tâm ưa thích hội chúng; không ưa liên lạc giao thiệp, không thích thú liên lạc giao thiệp, không chuyên tâm ưa thích liên lạc giao thiệp; không ưa hý luận, không thích thú hý luận, không chuyên tâm ưa thích hý luận. Như vậy, này các Hiền giả, Tỷ-kheo sống nếp sống như vậy, như vậy, khi lâm chung được hiền thiện, khi mệnh chung được hiền thiện. Này các Hiền giả, đây được gọi là Tỷ-kheo ái lạc Niết-bàn, từ bỏ có thân để chơn chánh chấm dứt khổ đau.

Ai chuyên ưa hý luận,
Như thích thú hý luận,
Đi ngược lại Niết-bàn,
Nơi an ổn vô thượng.
Ai từ bỏ hý luận,
Ưa thích không hý luận,
Thuận hướng đến Niết-bàn,
Nơi an ổn vô thượng.

V. KINH HỐI HẬN (*Anutappiyasutta*)[11] (*A*. III. 294)

15. Ở đây, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền, Tỷ-kheo nếu sống nếp sống như vậy, như vậy; do nếp sống như vậy, khi lâm chung có hối hận, khi mệnh chung có hối hận. Và như thế nào, này các Hiền giả, Tỷ-kheo nếu sống nếp sống như vậy, như vậy, khi lâm chung có hối hận, khi mệnh chung có hối hận?

(Như kinh 14, chỉ thay thế "có hối hận" và "không hối hận").

VI. KINH CHA MẸ CỦA NAKULA (*Nakulapitusutta*) (*A*. III. 295)

16. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Cá Sấu (Suṃsumāragiri), rừng Bhesakaḷā, Lộc Uyển. Lúc bấy giờ, gia chủ, cha của Nakula bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi nữ gia chủ, mẹ của Nakula nói với cha của Nakula như sau:

– Thưa gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến. Thưa gia chủ, đau khổ là người khi mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thưa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ: "Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, không thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa (*santharituṃ*)." Thưa gia chủ, chớ có nghĩ như vậy! Thưa gia chủ, tôi khéo léo dệt vải và chải lông cừu.[12] Thưa gia chủ, sau khi gia chủ mệnh chung, tôi có thể nuôi dưỡng các con và duy trì nhà cửa. Do vậy, thưa gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, này gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

Thưa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ như sau: "Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ đi đến một gia đình khác." Thưa gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa gia chủ, gia chủ cũng đã biết, trong mười sáu năm chúng ta sống làm người gia chủ, tôi đã sống thực hành Phạm hạnh như thế nào. Do vậy, thưa gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ,

---

[11] Bản tiếng Anh của PTS: *Without Remorse*, nghĩa là *Không hối hận*.

[12] *Veṇiṃ olikhituṃ*. *Veṇī*: Bện tóc, bện lông. *Olikhati*: Chải, cạo. *AA*. III. 349: *Veṇiṃ olikhitunti eḷakalomāni kappetvā vijaṭetvā veṇiṃ kātuṃ* ("Chải lông cừu" nghĩa là chải lông cừu, chuẩn bị cho việc bện lông làm tấm lông cừu).

thưa gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

Thưa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ như sau: "Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ không còn muốn yết kiến Thế Tôn, sẽ không còn muốn yết kiến chúng Tăng." Thưa gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Sau khi gia chủ mệnh chung, tôi sẽ muốn yết kiến Thế Tôn nhiều hơn, sẽ muốn yết kiến chúng Tăng nhiều hơn. Do vậy, thưa gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, này gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

Thưa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ như sau: "Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, sau khi ta mệnh chung, sẽ không giữ giới một cách đầy đủ." Thưa gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa gia chủ, cho đến khi nào, các nữ đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Thế Tôn còn giữ giới luật một cách đầy đủ, tôi là một trong những người ấy. Nếu ai có nghi ngờ hay phân vân, hiện nay, Thế Tôn đang ở giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Cá Sấu, rừng Bhesakaḷā, Lộc Uyển, người ấy hãy đi đến Thế Tôn và hỏi. Do vậy, thưa gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, thưa gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

Thưa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ như sau: "Nữ gia chủ, mẹ của Nakula không có chứng được nội tâm tịnh chỉ." Thưa gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa gia chủ, cho đến khi nào, các nữ đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Thế Tôn còn chứng được nội tâm tịnh chỉ, tôi sẽ là một trong những vị ấy. Nếu ai có nghi ngờ hay phân vân, hiện nay Thế Tôn đang ở giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Cá Sấu, rừng Bhesakaḷā, Lộc Uyển, người ấy hãy đi đến Thế Tôn và hỏi. Do vậy, thưa gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, thưa gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

Thưa gia chủ, gia chủ có thể suy nghĩ như sau: "Nữ gia chủ, mẹ của Nakula, trong Pháp và Luật này không đạt được thể nhập,[13] không đạt được an trú,[14] không đạt được thoải mái, không vượt khỏi nghi hoặc, không rời khỏi do dự, không đạt được vô úy, còn phải nhờ người khác,[15] sống trong lời dạy đức Bổn sư." Thưa gia chủ, chớ có suy nghĩ như vậy! Thưa gia chủ, cho đến khi nào, các nữ đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Thế Tôn, trong Pháp và Luật này đạt được thể nhập, đạt được an trú, đạt được thoải mái, vượt khỏi nghi hoặc, rời khỏi do dự, đạt được vô úy, không phải nhờ người khác, sống trong lời dạy đức

[13] *Ogādhappatta*. *AA*. III. 349: *Ogādhappattāti ogādhaṃ anuppavesaṃ pattā* ("Đạt được thể nhập" nghĩa là đã có phương pháp để thể nhập). Xem *UdA*. 345.

[14] *Patigādhappattā*. *AA*. III. 349: *Patigādhappattāti patigādhaṃ patiṭṭhaṃ pattā* ("Đạt được an trú" nghĩa là đã đến được chỗ nghỉ, nơi vị trí chắc chắn).

[15] Xem *D*. I. 110; *Ud*. 49; *Vin*. I. 12.

Bổn sư, tôi sẽ là một trong những người ấy. Nếu có ai có nghi ngờ hay phân vân, hiện nay Thế Tôn đang ở giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Cá Sấu, rừng Bhesakaḷā, Lộc Uyển, người ấy hãy đi đến Thế Tôn và hỏi. Do vậy, thưa gia chủ, chớ có mệnh chung với tâm còn mong cầu ái luyến! Đau khổ, thưa gia chủ, là người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến. Thế Tôn quở trách người khi mệnh chung tâm còn mong cầu ái luyến.

Rồi cha của Nakula được nữ gia chủ, mẹ của Nakula giáo giới với lời giáo giới này, bệnh hoạn liền khi ấy được khinh an và gia chủ, cha của Nakula thoát khỏi bệnh ấy. Được đoạn tận như vậy là bệnh ấy của gia chủ, cha của Nakula. Rồi gia chủ, cha của Nakula được lành bệnh, sau khi lành bệnh không bao lâu, chống gậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ, cha của Nakula đang ngồi xuống một bên:

"Thật lợi ích thay cho ông, này gia chủ! Thật khéo lợi ích thay cho ông, này gia chủ! Được nữ gia chủ, mẹ của Nakula với lòng từ mẫn, vì muốn hạnh phúc, đã giáo giới, đã khuyên dạy ông. Cho đến khi nào, này gia chủ, Ta còn có những đệ tử gia chủ mặc áo trắng gìn giữ giới luật viên mãn, nữ gia chủ, mẹ của Nakula là một trong những vị ấy. Cho đến khi nào, này gia chủ, Ta còn có những đệ tử gia chủ mặc áo trắng chứng được nội tâm tịnh chỉ, nữ gia chủ, mẹ của Nakula là một trong những vị ấy. Cho đến khi nào, này gia chủ, Ta còn có những đệ tử gia chủ mặc áo trắng, trong Pháp và Luật này đạt được thể nhập, đạt được an trú, đạt được thoải mái, vượt khỏi nghi hoặc, rời được do dự, đạt được vô úy, không còn phải nhờ người khác, sống trong lời dạy đức Bổn sư, nữ gia chủ, mẹ của Nakula là một trong những vị ấy. Thật lợi ích thay cho ông, này gia chủ! Thật khéo lợi ích thay cho ông, này gia chủ, được nữ gia chủ, mẹ của Nakula với lòng từ mẫn, vì muốn hạnh phúc, đã giáo giới, đã khuyên dạy ông!"

VII. KINH NGỦ NGHỈ (*Soppasutta*)[16] (*A.* III. 297)

17. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapiṇḍika. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến giảng đường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi Tôn giả Sāriputta vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến giảng đường; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahāmoggallāna, Tôn giả Mahākassapa, Tôn giả Mahākaccāna, Tôn giả Mahākoṭṭhika, Tôn giả Mahācunda, Tôn giả Mahākappina, Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Revata, Tôn giả Ānanda[17] vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy đi đến giảng đường; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Rồi Thế Tôn, sau khi ngồi như vậy đến quá phần lớn của đêm, từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá. Các Tôn giả ấy, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi về tinh xá của mình.

---

[16] Bản tiếng Anh của PTS: *Right Things*, nghĩa là *Các thiện pháp*.

[17] Xem *A.* III. 355; *GS.* III. 252 (kinh 46 ở sau); *GS.* I. 16.

Nhưng tại đấy, các Tỷ-kheo tân học xuất gia không bao lâu, đi đến Pháp và Luật này chưa nhiều thời gian, ngáy và ngủ tại chỗ cho đến sáng. Rồi Thế Tôn với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân thấy các Tỷ-kheo ấy ngáy và ngủ tại chỗ cho đến sáng, thấy vậy liền đi đến giảng đường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo ấy:

Này các Tỷ-kheo, Sāriputta ở đâu? Mahāmoggallāna ở đâu? Mahākassapa ở đâu? Mahākaccāna ở đâu? Mahākoṭṭhika ở đâu? Mahācunda ở đâu? Mahākappina ở đâu? Anuruddha ở đâu? Revata ở đâu? Ānanda ở đâu? Này các Tỷ-kheo, các đệ tử Trưởng lão ấy đã đi đâu?

– Bạch Thế Tôn, các Tôn giả ấy, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi về tinh xá của mình.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, không có các Tỷ-kheo Trưởng lão, các Tỷ-kheo tân học ngáy và ngủ cho đến trời sáng.

Các ông nghĩ thế nào? Này các Tỷ-kheo! Các ông có thấy và có nghe như sau: "Một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, sống chuyên tâm hưởng thọ cho đến thỏa thích lạc về giường nằm, lạc về nằm dài, lạc về ngủ nghỉ, có thể cai trị cả nước cho đến trọn đời, được quốc dân ái mộ và ưa thích" không?

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau, này các Tỷ-kheo: "Một vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, sống chuyên tâm hưởng thọ cho đến thỏa thích lạc về giường nằm, lạc về nằm dài, lạc về ngủ nghỉ, có thể cai trị cả nước cho đến trọn đời, được quốc dân ái mộ và ưa thích."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các ông có thấy hay có nghe như sau: "Người thôn quê sống trên đất trại của người cha… vị tướng quân trong quân đội… vị thôn trưởng ở làng… vị tổ trưởng các tổ hợp sống chuyên tâm hưởng thọ cho đến thỏa thích lạc về giường nằm, lạc về nằm dài, lạc về ngủ nghỉ, có thể trọn đời làm tổ trưởng các tổ hợp và được các tổ viên ái mộ, ưa thích" không?

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau, này các Tỷ-kheo: "Một người thôn quê sống trên đất trại của người cha… vị tướng quân sống trong quân đội… vị thôn trưởng ở làng… vị tổ trưởng các tổ hợp sống chuyên tâm hưởng thọ cho đến thỏa thích lạc về giường nằm, lạc về nằm dài, lạc về ngủ nghỉ, có thể trọn đời làm tổ trưởng các tổ hợp và được các tổ viên ái mộ và ưa thích."

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các ông có thấy hay có nghe như sau: "Vị Sa-môn hay Bà-la-môn sống chuyên tâm hưởng thọ cho đến thỏa thích lạc về giường nằm, lạc về nằm dài, lạc về ngủ nghỉ, không phòng hộ các căn môn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm cảnh giác, không quán các thiện pháp, đầu đêm, cuối đêm không sống chuyên tâm tu tập các pháp giác chi,

để đoạn tận các lậu hoặc, có thể tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát” không?[18]

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau, này các Tỷ-kheo: “Một vị Sa-môn hay Bà-la-môn sống chuyên tâm hưởng thọ cho đến thỏa thích lạc về giường nằm, lạc về nằm dài, lạc về ngủ nghỉ, không phòng hộ các căn môn, không tiết độ trong ăn uống, không chú tâm cảnh giác, không quán các thiện pháp, đầu đêm, cuối đêm không sống chuyên tâm tu tập các pháp giác chi, để đoạn tận các lậu hoặc, có thể tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.” Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: “Với các căn môn được phòng hộ, ăn uống có tiết độ, chuyên tâm cảnh giác, quán các thiện pháp, đầu đêm, cuối đêm sống chuyên tâm tu tập các pháp giác chi, để đoạn tận các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VIII. KINH NGƯỜI ĐÁNH CÁ (*Macchabandhasutta*)[19] (*A*. III. 301)

18. Một thời, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Trong khi đi giữa đường, Thế Tôn thấy tại một chỗ nọ, một người đánh cá, sau khi bắt cá, giết cá và bán cá. Thấy vậy, Ngài bước xuống đường và ngồi xuống trên chỗ đã sửa soạn dưới một gốc cây. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy người đánh cá kia, sau khi bắt cá, giết cá và bán cá không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các ông có thấy hay có nghe như sau: “Một người đánh cá, sau khi bắt cá, giết cá và bán cá; do nghiệp ấy, do mạng sống ấy, được cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi xe, cưỡi cỗ xe, được thọ hưởng các tài sản, hay được sống giữa tài sản lớn hay tài sản chất đống” không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau, này các Tỷ-kheo: “Một người đánh cá, sau khi bắt cá, giết cá và bán cá; do nghiệp ấy, do mạng sống ấy, được cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi xe, hay cưỡi cỗ xe, hay được thọ hưởng các tài sản, hay được sống giữa tài sản lớn hay tài sản chất đống.” Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người đánh cá ấy với ác ý nhìn các con cá bị giết, bị đem đi giết hại, vì vậy, người ấy không được cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi xe, hay cưỡi cỗ xe, không được thọ hưởng các tài sản, hay không được sống giữa tài sản lớn và tài sản chất đống.

[18] Xem *A*. III. 68; *GS*. III. 57 (kinh 56 ở sau).

[19] Bản tiếng Anh của PTS: *The Fish*, nghĩa là *Con cá*.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các ông có thấy hay có nghe như sau: "Một người đồ tể, sau khi giết các con bò, giết các con bò rồi đi bán; do nghiệp ấy, do mạng sống ấy, được cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi xe, hay cưỡi cỗ xe, được thọ hưởng các tài sản, hay được sống giữa các tài sản lớn hay tài sản chất đống" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe như sau, này các Tỷ-kheo: "Một người đồ tể, sau khi giết bò, giết bò rồi đem bán; do nghiệp ấy, do mạng sống ấy, được cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi xe, hay cưỡi cỗ xe, hay được thọ hưởng các tài sản, hay được sống giữa tài sản lớn hay tài sản chất đống." Vì sao? Người đồ tể giết bò ấy với ác ý nhìn các con bò bị giết, bị đem đi giết hại, vì vậy, người ấy không được cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi xe, hay cưỡi cỗ xe, không được thọ hưởng các tài sản, hay không được sống giữa các tài sản lớn và tài sản chất đống.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, các ông có thấy hay có nghe như sau: "Một người giết dê... một người giết heo... một người giết chim... hay một người giết các loài thú rừng, sau khi giết các thú rừng, giết các thú rừng rồi đem bán; do nghiệp ấy, do mạng sống ấy, được cưỡi voi... hay được sống giữa các tài sản lớn và tài sản chất đống" không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Ta cũng không thấy, cũng không nghe... Vì sao? Người giết các loài thú rừng ấy, với ác ý nhìn các con thú rừng bị giết, bị đem đi giết hại, vì vậy, người ấy không được cưỡi voi, không được cưỡi ngựa, không được cưỡi xe, không được cưỡi cỗ xe, không được thọ hưởng các tài sản, hay không được sống giữa các tài sản lớn hay tài sản chất đống.

Thật vậy, này các Tỷ-kheo, ai với ác ý nhìn các loài bàng sanh bị giết, bị đem đi giết hại, vì vậy, người ấy không được cưỡi voi, không được cưỡi ngựa, không được cưỡi xe, không được cưỡi cỗ xe, không được thọ hưởng các tài sản, hay không được sống giữa các tài sản lớn hay tài sản chất đống. Còn nói gì về người với ác ý nhìn loài người bị giết, bị đem đi giết hại! Thật vậy, này các Tỷ-kheo, như vậy là bất hạnh, đau khổ lâu dài cho người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

IX. KINH NIỆM CHẾT THỨ NHẤT (*Paṭhamamaraṇassatisutta*)[20] (*A*. III. 303)

19. Một thời, Thế Tôn trú ở Nādika, tại Giñjakāvasatha (nhà làm bằng gạch). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

[20] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.40.8. 0741c27).

– Niệm chết, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn, nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử. Này các Tỷ-kheo, các ông hãy tu tập niệm chết.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng ta sống ngày và đêm tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng ta sống trọn ngày, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn đồ ăn khất thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt bốn, năm miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn một miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Cho đến khi nào, sau khi thở vào, ta thở ra, hay sau khi thở ra, ta thở vào, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với các vị Tỷ-kheo ấy:

– Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng ta sống ngày và đêm, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng ta sống trọn ngày, tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn đồ ăn khất thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt bốn, năm miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn một miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào sau khi thở vào, ta thở ra, hay sau khi thở ra, ta thở vào, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy." Này các Tỷ-kheo, những Tỷ-kheo ấy được gọi là những vị sống không phóng dật, tu tập rất sắc sảo niệm chết để đoạn diệt các lậu hoặc. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải tu học như sau:

"Hãy sống không phóng dật! Ta sẽ tu tập một cách sắc sảo niệm chết để đoạn diệt các lậu hoặc."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

X. KINH NIỆM CHẾT THỨ HAI (*Dutiyamaraṇassatisutta*) (*A*. III. 306)

20. Một thời, Thế Tôn trú ở Nādika, tại Giñjakāvasatha (nhà làm bằng gạch). Tại đấy, Thế Tôn dạy các Tỷ-kheo:

– Niệm chết, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, thời có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử. Tu tập niệm chết như thế nào, làm cho sung mãn niệm chết như thế nào, thời đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi ngày vừa tàn và đêm vừa an trú, suy tư như sau: "Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều: Con rắn có thể cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta, hay con rít có thể cắn ta. Do vậy, ta có thể mệnh chung. Như vậy sẽ trở ngại cho ta. Ta có thể vấp ngã và té xuống. Cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể khuấy động ta, đàm có thể khuấy động ta. Các gió như kiếm có thể khuấy động ta. Và như vậy có thể làm ta mệnh chung. Như vậy sẽ là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy xét như sau: "Nếu ta còn có các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn tận,

nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta.” Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi suy xét như vậy, biết được như sau: “Ta có các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta”, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Ví như, này các Tỷ-kheo, áo bị cháy hay đầu bị cháy, thời để dập tắt áo ấy hay đầu ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác.

Nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi suy xét, biết được như sau: “Ta có các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta.” Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải sống hoan hỷ, hân hoan, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đêm vừa tàn và ngày vừa an trú, suy tư như sau: “Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều: Con rắn có thể cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta, hay con rít có thể cắn ta. Do vậy, ta có thể mệnh chung. Như vậy sẽ là chướng ngại cho ta. Ta có thể vấp ngã và té xuống. Cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể khuấy động ta, hay đàm có thể khuấy động ta. Các gió như kiếm có thể khuấy động ta. Và như vậy có thể làm ta mệnh chung. Như vậy sẽ là chướng ngại cho ta.” Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy xét như sau: “Nếu ta còn có các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung trong ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta.” Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi suy xét như vậy, biết được như sau: “Ta có các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta”, thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Ví như, này các Tỷ-kheo, áo bị cháy hay đầu bị cháy, thời để dập tắt áo ấy hay đầu ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác.

Nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi suy xét, biết được như sau: “Ta không có các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta.” Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải sống hoan hỷ, hân hoan, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp.

Này các Tỷ-kheo, niệm chết, tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy thời được quả lớn, được lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử.

III. PHẨM TRÊN TẤT CẢ
(*ANUTTARIYAVAGGA*)

I. KINH TẠI LÀNG SĀMA (*Sāmakasutta*) (*A*. III. 309)

21. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại làng Sāma (Xá-di), gần hồ sen. Rồi một thiên nhân, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng hồ sen, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên nhân ấy bạch Thế Tôn:

– Có ba pháp này, bạch Thế Tôn, đưa đến Tỷ-kheo bị thối đọa. Thế nào là ba? Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ. Ba pháp này, bạch Thế Tôn, đưa đến Tỷ-kheo bị thối đọa.

Vị thiên nhân ấy nói như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Vị thiên nhân ấy, với ý nghĩ: "Bậc Đạo sư đã chấp nhận ta", đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, đêm nay, một thiên nhân, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng hồ sen, đi đến Ta; sau khi đến, vị ấy đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên nhân ấy nói với Ta: "Có ba pháp này, bạch Thế Tôn, đưa đến Tỷ-kheo bị thối đọa. Thế nào là ba? Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ. Ba pháp này, bạch Thế Tôn, đưa đến Tỷ-kheo bị thối đọa." Này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy nói như vậy. Nói như vậy xong, vị ấy đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ. Này các Tỷ-kheo, thật không được gì cho các ông, thật không khéo được gì cho các ông, vì rằng các thiên nhân ấy biết được các pháp dắt dẫn các ông thối đọa trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng ba pháp khác đưa đến thối đọa, hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là ba pháp đưa đến thối đọa? Ưa hội chúng, ác ngôn, ác bạn hữu. Ba pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến thối đọa.

Này các Tỷ-kheo, những ai trong quá khứ đã thối đọa trong các thiện pháp, tất cả đều vì sáu pháp này, sẽ bị thối đọa trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, những ai trong tương lai sẽ bị thối đọa trong các thiện pháp, tất cả đều vì sáu pháp này, sẽ bị thối đọa trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, những ai trong hiện tại bị thối đọa trong các thiện pháp, tất cả đều vì sáu pháp này, bị thối đọa trong các thiện pháp.

II. KINH KHÔNG THỐI ĐỌA (*Aparihāniyasutta*) (*A*. III. 310)

22. Này các Tỷ-kheo, có sáu pháp không thối đọa này, Ta sẽ thuyết, hãy lắng nghe.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sáu pháp không thối đọa? Không ưa công việc, không ưa nói chuyện, không ưa ngủ nghỉ, không ưa hội chúng, thiện ngôn, thiện bạn hữu.

Này các Tỷ-kheo, có sáu pháp không thối đọa này.

Này các Tỷ-kheo, những ai trong thời quá khứ không bị thối đọa trong các thiện pháp, tất cả đều nhờ sáu pháp này không bị thối đọa trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, những ai trong thời vị lai sẽ không bị thối đọa trong các thiện pháp, tất cả đều nhờ sáu pháp này sẽ không bị thối đọa trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, những ai trong thời hiện tại không bị thối đọa trong các thiện pháp, tất cả đều nhờ sáu pháp này không bị thối đọa trong các thiện pháp.

III. KINH SỢ HÃI (*Bhayasutta*)[21] (*A*. III. 310)

23. Sợ hãi, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Khổ, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Bệnh, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Cục bướu, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Tham dính, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Bùn lầy, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục.

Và này các Tỷ-kheo, vì sao sợ hãi là đồng nghĩa với các dục?

Này các Tỷ-kheo, say đắm bởi tham dục, bị trói buộc bởi các tham ước muốn, ngay trong hiện tại không thoát khỏi sợ hãi, đời sau cũng không thoát khỏi sợ hãi. Do vậy, sợ hãi là đồng nghĩa với các dục.

Và này các Tỷ-kheo, vì sao khổ... bệnh... cục bướu... tham dính... bùn lầy là đồng nghĩa với các dục?

Này các Tỷ-kheo, say đắm bởi tham dục, bị trói buộc bởi tham dục, ngay trong hiện tại không thoát khỏi bùn lầy, đời sau cũng không thoát khỏi bùn lầy. Do vậy bùn lầy là đồng nghĩa với các dục.

Sợ hãi và khổ đau,
Bệnh hoạn và cục bướu,
Cả hai tham dính bùn,
Được gọi là các dục.
Tại đấy kẻ phàm phu,
Tham đắm và chấp trước,
Thấy sợ trong chấp thủ,
Nguồn gốc của tử sanh.
Không chấp thủ, giải thoát,
Đoạn tận được sanh tử,

---

[21] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.28. 0879c22).

Chúng đạt được an ổn,
Được hiện tại tịnh lạc,
Vượt sợ hãi oán thù,
Mọi đau khổ vượt qua.

IV. KINH NÚI TUYẾT (*Himavantasutta*) (*A*. III. 311)

24. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể phá vỡ vua Núi Tuyết, còn nói gì vô minh hạ liệt. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiện xảo nhập được thiền định, thiện xảo trú được thiền định, thiện xảo xuất khỏi thiền định, thiện xảo trong sự an lạc thiền định, thiện xảo trong cảnh giới thiền định, thiện xảo trong sự dẫn khởi đến thiền định.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể phá vỡ vua Núi Tuyết, còn nói gì vô minh hạ liệt.

V. KINH TÙY NIỆM XỨ (*Anussatiṭṭhānasutta*)[22] (*A*. III. 312)

25. Này các Tỷ-kheo, có sáu tùy niệm xứ này. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm được chánh trực, ra khỏi, giải thoát, xuất khỏi tham. Tham, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng. Do lấy cái này làm đối tượng, này các Tỷ-kheo, ở đây một số các loài hữu tình được thanh tịnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu." Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm được chánh trực... các loài hữu tình được thanh tịnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử Thế Tôn này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời." Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm Tăng... các loài hữu tình được thanh tịnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm giới: "Giới không bị bể vụn, không bị sứt mẻ, không tỳ vết, không có uế nhiễm, đưa đến giải thoát,

---

[22] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.931. 0237c09); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.156. 0432b28).

được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiền định." Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm giới, trong khi ấy tâm không bị tham chi phối... các loài hữu tình được thanh tịnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tự mình tùy niệm thí: "Thật là được lợi cho ta! Thật là khéo được lợi cho ta! Vì rằng với quần chúng bị cấu uế xan tham chi phối, ta sống trong gia đình với tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí." Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm bố thí, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối... các loài hữu tình được thanh tịnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử tùy niệm thiên: "Có Bốn Thiên Vương, có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, có chư thiên Dạ-ma, có chư thiên Đâu-suất, có chư thiên Hóa Lạc, có chư thiên Tha Hóa Tự Tại, có chư thiên Phạm Chúng, có chư thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Lòng tin như vậy cũng có đầy đủ ở nơi ta. Đầy đủ với giới, với nghe pháp, với thí, với tuệ như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia. Tuệ như vậy cũng có đầy đủ ở nơi ta." Khi vị ấy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư thiên ấy, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực, ra khỏi, giải thoát, xuất khỏi tham. Tham, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục lạc. Do lấy cái này làm đối tượng, này các Tỷ-kheo, ở đây, một số các loài hữu tình được thanh tịnh.

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu tùy niệm xứ.

VI. KINH MAHĀKACCĀNA (*Mahākaccānasutta*)[23] (*A*. III. 314)

26. Tại đấy, Tôn giả Mahākaccāna gọi các Tỷ-kheo:

– Chư Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahākaccāna. Tôn giả Mahākaccāna nói như sau:

– Thật vi diệu thay, chư Hiền giả! Thật hy hữu thay, chư Hiền giả! Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã chứng ngộ và đạt được sự mở rộng khỏi bị trói buộc; nhờ vậy, các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt khỏi sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là sáu tùy niệm xứ. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Hiền giả, vị Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn."

---

[23] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.550. 0143b18).

Này chư Hiền, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân hận chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm được chánh trực, ra khỏi, giải thoát, xuất khỏi tham. Tham, này chư Hiền, là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng. Vị Thánh đệ tử ấy, này chư Hiền, trong tất cả thời, sống với tâm đồng đẳng với hư không, rộng lớn quảng đại, vô lượng, không hận, không sân. Này chư Hiền, lấy cái này làm đối tượng, ở đây một số các loài hữu tình được thanh tịnh.

Lại nữa, này chư Hiền, vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được các người có trí tự mình giác hiểu." Này chư Hiền, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm được chánh trực, ra khỏi, giải thoát, xuất khỏi tham. Tham, này chư Hiền, là đồng nghĩa với năm dục trưởng dưỡng. Vị Thánh đệ tử ấy, trong tất cả thời, sống với tâm đồng đẳng với hư không, rộng lớn, quảng đại, vô lượng, không hận, không sân. Này chư Hiền, lấy cái này làm đối tượng, ở đây một số các loài hữu tình được thanh tịnh.

Lại nữa, này chư Hiền, vị Thánh đệ tử tùy niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn... là vô thượng phước điền ở đời... tùy niệm các giới... tùy niệm thí... tùy niệm chư thiên..." Vị Thánh đệ tử, này chư Hiền, trong khi tùy niệm chư thiên, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm được chánh trực, ra khỏi, giải thoát, xuất khỏi tham. Tham, này chư Hiền, là đồng nghĩa với các dục trưởng dưỡng. Vị Thánh đệ tử ấy, trong tất cả thời, sống với tâm đồng đẳng với hư không, rộng lớn, quảng đại, vô lượng, không hận, không sân. Này chư Hiền, lấy tư tưởng này làm đối tượng, ở đây một số các loài hữu tình được thanh tịnh.

Thật vi diệu thay, này chư Hiền! Thật hy hữu thay, này chư Hiền! Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã chứng ngộ và đạt được sự mở rộng khỏi bị trói buộc; nhờ vậy, các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt khỏi sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là sáu tùy niệm xứ.

VII. KINH CÁC THỜI THỨ NHẤT (*Paṭhamasamayasutta*) (*A*. III. 317)

27. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Có bao nhiêu thời, bạch Thế Tôn, để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý?

– Có sáu thời, này Tỷ-kheo, để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Thế nào là sáu?

Ở đây, này Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sống với tâm bị dục tham chi phối, bị dục tham ám ảnh, vị ấy không như thật rõ biết dục tham đang khởi lên; trong

khi ấy, sau khi đến, Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, vị ấy cần được nói như sau: "Thưa Hiền giả, tôi sống với tâm bị dục tham chi phối, bị dục tham ám ảnh, tôi không như thật rõ biết xuất ly khỏi dục tham. Lành thay, nếu Tôn giả thuyết pháp cho tôi để đoạn tận dục tham!" Và Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, thuyết pháp để đoạn tận dục tham. Này Tỷ-kheo, đây là thời thứ nhất để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sống với tâm bị sân chi phối, bị sân ám ảnh, không như thật rõ biết xuất ly khỏi sân được khởi lên; trong khi ấy, sau khi đến, Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, vị ấy cần được nói như sau: "Thưa Hiền giả, tôi sống với tâm bị sân chi phối, bị sân ám ảnh, tôi không như thật rõ biết xuất ly khỏi sân. Lành thay, nếu Tôn giả thuyết pháp cho tôi để đoạn tận sân!" Và Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, thuyết pháp để đoạn tận sân. Này Tỷ-kheo, đây là thời thứ hai để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sống với tâm bị hôn trầm thụy miên chi phối, bị hôn trầm thụy miên ám ảnh... bị trạo hối chi phối, bị trạo hối ám ảnh... bị nghi chi phối, bị nghi ám ảnh, không như thật rõ biết xuất ly khỏi nghi được khởi lên; trong khi ấy, sau khi đến, Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, vị ấy cần được nói như sau: "Thưa Hiền giả, tôi sống với tâm bị nghi chi phối, tâm bị nghi ám ảnh. Tôi không như thật rõ biết xuất ly khỏi nghi. Lành thay, nếu Tôn giả thuyết pháp cho tôi để đoạn tận nghi!" Và Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, thuyết pháp để đoạn tận nghi. Này Tỷ-kheo, đây là thời thứ năm để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

Lại nữa, này Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo y cứ nơi tướng nào, do tác ý tướng ấy, các lậu hoặc được đoạn diệt, không có gián đoạn, vị ấy không biết, không thấy tướng ấy; trong khi ấy, sau khi đi đến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, vị ấy cần được nói như sau: "Thưa Hiền giả, y cứ nơi tướng nào, do tác ý tướng ấy, các lậu hoặc được đoạn diệt, không có gián đoạn, tôi không biết, không thấy tướng ấy. Lành thay, nếu Tôn giả thuyết pháp cho tôi để đoạn diệt các lậu hoặc!" Và Tỷ-kheo đã được tu tập về ý thuyết pháp để đoạn diệt các lậu hoặc. Này Tỷ-kheo, đây là thời thứ sáu để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

Đây là sáu thời, này Tỷ-kheo, để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

VIII. KINH CÁC THỜI THỨ HAI (*Dutiyasamayasutta*) (*A*. III. 320)

28. Một thời, rất nhiều Tỷ-kheo trú tại Bārāṇasī, chỗ chư thiên đọa xứ, Lộc Uyển. Sau khi đi khất thực và ăn xong, trên con đường trở về, các vị Tỷ-kheo ngồi tụ họp lại trong căn nhà hình tròn và câu chuyện sau đây được khởi lên:

– Này chư Hiền, thời giờ nào để đi đến yết kiến vị Tỷ-kheo đã được tu tập về ý?

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Thưa chư Hiền, khi nào vị Tỷ-kheo đã được tu tập về ý, sau khi đi khất thực và ăn xong, trên con đường trở về, sau khi rửa chân, đã ngồi xuống, kiết-già, lưng

thẳng, an trú niệm trước mặt, đấy là thời để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác nói với Tỷ-kheo ấy:

– Thưa Hiền giả, đây không phải thời để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Này Hiền giả, trong khi Tỷ-kheo được tu tập về ý, sau khi đi khất thực và ăn xong, trên con đường trở về, sau khi rửa chân, ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt, bị mệt mỏi vì đi bộ; trong khi ấy, không cảm thấy khinh an, bị mệt mỏi vì ăn uống; trong khi ấy, không cảm thấy khinh an. Do vậy, không phải thời để đi đến yết kiến Tỷ-kheo được tu tập về ý. Này Hiền giả, trong khi Tỷ-kheo được tu tập về ý, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, dưới bóng ngôi tinh xá, ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt, thời ấy chính là thời để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác nói với vị Tỷ-kheo ấy:

– Thời ấy không phải thời để đi yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Thưa Hiền giả, trong khi Tỷ-kheo được tu tập về ý, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, dưới bóng ngôi tinh xá, ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt, định tướng gì vị ấy tác ý ban ngày, định tướng ấy trong khi ấy được hiện hành (*samudācarati*). Do vậy, đây không phải là thời để đi yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Này Hiền giả, Tỷ-kheo được tu tập về ý, sau khi đêm vừa mãn, mới thức dậy, ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt, khi ấy là thời để đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác nói với Tỷ-kheo ấy:

– Khi ấy không phải thời để đi đến yết kiến Tỷ-kheo được tu tập về ý. Này Hiền giả, trong khi Tỷ-kheo được tu tập về ý, sau khi đêm đã mãn, thức dậy, ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt; trong khi ấy, thân thể đầy nhựa sống, vị ấy cảm giác thoải mái, tác ý đến lời dạy của các đức Phật. Do vậy, khi ấy không phải là thời để yết kiến Tỷ-kheo được tu tập về ý.

Được nói vậy, Tôn giả Mahākaccāna nói với các Tỷ-kheo trưởng lão ấy:

– Thưa các Hiền giả, tôi tự thân nghe từ Thế Tôn, tự thân lãnh thọ như sau: Có sáu thời này, Tỷ-kheo nên đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý. Thế nào là sáu?

(Tôn giả Mahākaccāna lặp lại như kinh 27).

Thưa chư Hiền, chính tôi tự thân nghe từ Thế Tôn, tự thân lãnh thọ như sau: Có sáu thời này, Tỷ-kheo cần đi đến yết kiến Tỷ-kheo đã được tu tập về ý.

IX. KINH UDĀYĪ (*Udāyīsutta*) (*A*. III. 322)

29. Rồi Thế Tôn gọi Tôn giả Udāyī:

– Này Udāyī, có bao nhiêu chỗ để tùy niệm?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Udāyī giữ im lặng. Lần thứ hai, Thế Tôn bảo Tôn giả Udāyī:

– Này Udāyī, có bao nhiêu chỗ để tùy niệm?

Lần thứ hai, Tôn giả Udāyī giữ im lặng. Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tôn giả Udāyī:

– Này Udāyī, có bao nhiêu chỗ để tùy niệm?

Lần thứ ba, Tôn giả Udāyī giữ im lặng. Rồi Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Udāyī:

– Này Hiền giả Udāyī, Thế Tôn gọi Hiền giả!

– Thưa Hiền giả Ānanda, tôi có nghe Thế Tôn gọi. Bạch Thế Tôn, khi Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời trước ở quá khứ như một đời, hai đời... vị ấy nhớ nhiều đời trước với các nét đại cương và các chi tiết. Bạch Thế Tôn, đây là chỗ để tùy niệm.

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ānanda:

– Ta đã biết, này Ānanda, kẻ ngu Udāyī này không sống chuyên tâm vào tăng thượng tâm.[24] Này Ānanda, có bao nhiêu chỗ để tùy niệm?

– Bạch Thế Tôn, có năm chỗ để tùy niệm. Thế nào là năm?

Ở đây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện... chứng đạt và an trú Thiền thứ ba.[25] Bạch Thế Tôn, đây là chỗ để tùy niệm, như vậy tu tập, như vậy làm cho sung mãn, đưa đến hiện tại lạc trú.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo tác ý với tưởng ánh sáng, trú vào tưởng ban ngày. Ngày như thế nào thời đêm như vậy. Đêm như thế nào thời ngày như vậy. Như vậy với tâm rộng mở, không có hạn chế, vị ấy tu tập tâm với ánh sáng chiếu sáng. Bạch Thế Tôn, đây là chỗ để tùy niệm, như vậy tu tập, như vậy làm cho sung mãn, đưa đến chứng đắc tri kiến.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo quán sát thân này[26] từ bàn chân trở lên trên, từ đảnh tóc trở xuống, được bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu. Bạch Thế Tôn, đây là chỗ để tùy niệm, như vậy tu tập, như vậy làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận tham dục.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, ví như vị Tỷ-kheo thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, một ngày hay hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh ứ lại, thối ra mủ chảy,[27] Tỷ-kheo ấy đem so sánh với thân này như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy." Ví như vị ấy thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa, bị các loại quạ ăn, hay bị

[24] *Adhicitta*: Tăng thượng tâm, tâm cao thượng (tâm an trụ trong thiền định). *AA*. III. 357: *Adhicittanti samādhivipassanācittaṃ* ("Tăng thượng tâm" tức chỉ cho tâm an trụ trong thiền chỉ và thiền quán).

[25] Thiền thứ tư không được đề cập vì vượt khỏi lạc (*sukha*).

[26] Xem *A*. V. 109; *D*. II. 293; *M*. I. 57; S. V. 278; *Vism*. 285-303.

[27] Xem *M*. III. 91.

các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài dã can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn, Tỷ-kheo ấy đem so sánh với thân này như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy." Ví như vị ấy thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa với các xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại; với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại; với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn thịt và máu, còn được các đường gân cột lại; chỉ còn xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia, ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu, Tỷ-kheo ấy đem so sánh với thân này như sau: "Thân này bản chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy." Hay ví như vị ấy thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc, chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm, chỉ còn là xương thối trở thành bột, Tỷ-kheo ấy đem so sánh với thân này như sau: "Thân này bản chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy." Đây là chỗ để tùy niệm, bạch Thế Tôn, như vậy tu tập, như vậy làm cho sung mãn, đưa đến nhổ tận gốc kiêu mạn: "Tôi là."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo bỏ lạc bỏ khổ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Đây là chỗ để tùy niệm, bạch Thế Tôn, như vậy tu tập, như vậy làm cho sung mãn, đưa đến sự thể nhập hoàn toàn các giới sai khác nhau.

Bạch Thế Tôn, đây là năm chỗ để tùy niệm.

– Lành thay! Lành thay! Này Ānanda, đây là chỗ tùy niệm thứ sáu, hãy thọ trì ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo chánh niệm đi ra, chánh niệm đi vào, chánh niệm ngồi, chánh niệm nằm, chánh niệm trong khi làm việc. Này Ānanda, đây là chỗ để tùy niệm, như vậy tu tập, như vậy làm cho sung mãn, đưa đến chánh niệm tỉnh giác.

X. KINH VÔ THƯỢNG (*Anuttariyasutta*)[28] (*A*. III. 325)

30. Này các Tỷ-kheo, có sáu pháp vô thượng này. Thế nào là sáu? Thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học tập vô thượng, phục vụ vô thượng, tùy niệm vô thượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thấy vô thượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đi xem voi báu, đi xem ngựa báu, đi xem châu báu, hay đi xem các vật lớn nhỏ, hay đi xem Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, có tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây có phải là thấy không? Ta nói rằng: "Đây là không thấy." Sự thấy ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai đi yết kiến Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an

[28] Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.16. 0432c10).

trú, nhất hướng thuần tín, thời này các Tỷ-kheo, đây là thấy vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là đi yết kiến Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thấy vô thượng. Đây là thấy vô thượng.

Còn nghe vô thượng là gì?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đi nghe tiếng trống, đi nghe tiếng sáo, đi nghe tiếng ca, hay đi nghe tiếng cao thấp khác nhau, hay đi nghe pháp các Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây có phải là nghe không? Ta nói rằng: "Đây là không nghe." Sự nghe ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai đi đến để nghe pháp của Như Lai hay của đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín, thời này các Tỷ-kheo, đây là sự nghe vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là đi nghe pháp của Như Lai hay của đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nghe vô thượng. Đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng.

Còn lợi đắc vô thượng là thế nào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người được con, được vợ, được tài sản, được các vật cao thấp khác nhau, được lòng tin vào các Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây có lợi đắc hay không? Ta nói rằng: "Đây là không lợi đắc." Lợi đắc ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai được lòng tin vào Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín, thời này các Tỷ-kheo, đây là lợi đắc vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là được lòng tin vào Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lợi đắc vô thượng. Đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng.

Còn học tập vô thượng là thế nào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người học tập về voi, học tập về ngựa, học tập về xe, học tập về cung pháp, học tập về kiếm pháp, học tập về các nghề cao thấp sai biệt hay học tập theo các Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây là có học tập hay không? Ta nói rằng: "Đây là không học tập." Học tập ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai học tập

tăng thượng giới, học tập tăng thượng định, học tập tăng thượng tuệ trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín, này các Tỷ-kheo, đây là học tập vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là học tập tăng thượng giới, học tập tăng thượng định, học tập tăng thượng tuệ trong Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là học tập vô thượng. Đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học tập vô thượng.

Còn phục vụ vô thượng là như thế nào?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phục vụ Sát-đế-ly, phục vụ Bà-la-môn, phục vụ gia chủ, phục vụ các người cao thấp sai biệt, hay phục vụ Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây là có phục vụ hay không? Ta nói rằng: "Đây là không phục vụ." Phục vụ ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai phục vụ Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín, này các Tỷ-kheo, đây là phục vụ vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là phục vụ Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phục vụ vô thượng. Đây là thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học tập vô thượng, phục vụ vô thượng.

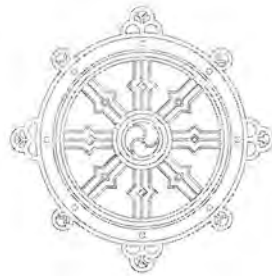
Và thế nào là tùy niệm vô thượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người tùy niệm được con, tùy niệm được vợ, tùy niệm được tài sản, tùy niệm được cao thấp sai biệt, tùy niệm Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây là có tùy niệm hay không? Ta nói rằng: "Đây là không tùy niệm." Tùy niệm ấy, này các Tỷ-kheo, là hạ liệt, là hèn hạ, là phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, ai tùy niệm Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, tùy niệm ấy là vô thượng, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết-bàn, tức là tùy niệm Như Lai hay đệ tử Như Lai với lòng tin được an trú, với lòng ái mộ được an trú, nhất hướng thuần tín. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tùy niệm vô thượng.

Này các Tỷ-kheo, có sáu tùy niệm này.

Ai được thấy tối thắng,
Và được nghe vô thượng,

Được lợi đắc vô thượng,
Vui học tập vô thượng,
An trú trong phục vụ,
Tu tập chuyên tùy niệm,
Liên hệ đến viễn ly,
Đạt an ổn, bất tử,
Hoan hỷ, không phóng dật,
Thận trọng, hộ trì giới,
Khi thời đã chín muồi,
Đau khổ được đoạn tận.



IV. PHẨM CHƯ THIÊN (*DEVATĀVAGGA*)

I. KINH HỮU HỌC (*Sekhasutta*)[29] (*A*. III. 329)

31. Sáu pháp, này các Tỷ-kheo, đưa Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa. Thế nào là sáu? Ưa công việc, ưa nói chuyện, ưa ngủ, ưa hội chúng, các căn không phòng hộ, ăn uống không tiết độ.

Sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa.

Sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa. Thế nào là sáu? Không ưa công việc, không ưa nói chuyện, không ưa ngủ nghỉ, không ưa hội chúng, các căn có phòng hộ, ăn uống có tiết độ.

Sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không đưa Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa.

II. KINH KHÔNG THỐI ĐỌA THỨ NHẤT (*Paṭhamaaparihānasutta*)[30] (*A*. III. 330)

32. Rồi một thiên nhân, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên nhân ấy bạch Thế Tôn:

– Có sáu pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến thối đọa. Thế nào là sáu? Kính trọng Đạo sư, kính trọng Pháp, kính trọng chúng Tăng, kính trọng học pháp, kính trọng không phóng dật, kính trọng tiếp đón.[31] Sáu pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến thối đọa.

Thiên nhân ấy nói như vậy. Bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi thiên nhân ấy nghĩ rằng: "Bậc Đạo sư đã chấp nhận ta", đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, gọi các Tỷ-kheo:

– Đêm nay, này các Tỷ-kheo, có một thiên nhân, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy nói với Ta: "Có sáu pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến thối đọa. Thế nào

---

[29] Xem *A*. III. 308; *D*. 16, *Mahāparinibbāna Sutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*).

[30] Xem *A*. IV. 26. Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.15. 0428c22).

[31] *Paṭisanthāragāravatā*. Xem *A*. III. 14; *GS*. III. 10 (kinh 21 ở trước); *A*. III. 94; *GS*. III. 77 (kinh 79 ở sau); *A*. IV. 28.

là sáu? Kính trọng Đạo sư, kính trọng Pháp, kính trọng chúng Tăng, kính trọng học pháp, kính trọng không phóng dật, kính trọng tiếp đón. Sáu pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến thối đọa." Này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy nói như vậy. Nói như vậy xong, vị ấy đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Tỷ-kheo kính Đạo sư,
Cung kính Pháp và Tăng,
Học pháp, không phóng dật,
Cung kính nghênh tiếp đón,
Không thể bị thối đọa,
Nhất định gần Niết-bàn.

III. KINH KHÔNG THỐI ĐỌA THỨ HAI
(*Dutiyaaparihānasutta*)[32] (*A*. III. 331)

33. Đêm nay, này các Tỷ-kheo, một thiên nhân, sau khi đêm đã gần tàn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy thưa với Ta: "Có sáu pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến thối đọa. Thế nào là sáu? Kính trọng Đạo sư, kính trọng Pháp, kính trọng chúng Tăng, kính trọng học pháp, kính trọng hổ thẹn, kính trọng sợ hãi tội lỗi. Sáu pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến thối đọa." Này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy nói như vậy. Nói như vậy xong, vị ấy đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Cung kính bậc Đạo sư,
Cung kính lớn Pháp, Tăng,
Đầy đủ tàm và quý,
Kính nhường và cung kính,
Không thể bị thối đọa,
Nhất định gần Niết-bàn.

IV. KINH MAHĀMOGGALLĀNA (*Mahāmoggallānasutta*) (*A*. III. 331)

34. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên) trong khi độc cư thiền tịnh, những suy nghĩ như sau được khởi lên: "Có bao nhiêu chư thiên có trí như sau: 'Ta là bậc Dự Lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc đạt được giác ngộ'?"

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo Tissa mệnh chung không bao lâu, được sanh lên Phạm thiên giới. Tại đấy, họ biết vị ấy là: "Phạm thiên Tissa[33] có đại thần lực, có đại uy lực."

---

[32] Xem *A*. IV. 28. Tham chiếu: *Pháp tập yếu tụng kinh, Phóng dật phẩm* 法集要頌經放逸品 (*T*.04. 213.4. 0779a01).

[33] *Chú giải* cho rằng Tissa là đệ tử của Tôn giả Mahāmoggallāna.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, biến mất ở Jetavana và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Phạm thiên Tissa thấy Tôn giả Mahāmoggallāna từ xa đi đến; sau khi thấy, nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Hãy đến, bạn Moggallāna! Thiện lai, bạn Moggallāna! Đã lâu, bạn Moggallāna mới tạo cơ hội này, tức là đến đây. Này bạn Moggallāna, hãy ngồi trên chỗ đã soạn này!

Tôn giả Mahāmoggallāna ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Phạm thiên Tissa đảnh lễ Tôn giả Mahāmoggallāna, rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Phạm thiên đang ngồi một bên:

– Có bao nhiêu thiên nhân, này Tissa, có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ngộ"?

– Này bạn Moggallāna, chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ngộ."

– Này Tissa, có phải tất cả chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương đều có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ngộ"?

– Này bạn Moggallāna, không phải tất cả chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương đều có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc đạt đến giác ngộ." Này bạn Moggallāna, chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương nào không thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, không thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, không thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, không thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với các giới được các bậc Thánh ái kính, chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương ấy không có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ngộ." Và này bạn Moggallāna, chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương nào thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật, thành tựu lòng tịnh tín đối với Pháp, thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với các giới được các bậc Thánh ái kính, chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương ấy có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ngộ."

– Này Tissa, có phải chỉ có chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương mới có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ngộ", hay các chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba... hay các chư thiên ở cõi trời Dạ-ma (Yāmā)... hay các chư thiên ở cõi trời Đâu-suất (Tusita)... hay chư thiên ở cõi trời Hóa Lạc hay chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại... cũng có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ngộ"?

– Này bạn Moggallāna, chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ngộ."

– Này Tissa, có phải tất cả chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại đều có trí

như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc đạt đến giác ngộ"?

– Này bạn Moggallāna, không phải tất cả chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại đều có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ngộ." Này bạn Moggallāna, chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại nào không thành tựu lòng tịnh tín bất động với đức Phật, không thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, không thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, không thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với các giới được các bậc Thánh ái kính, các chư thiên ấy không có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ngộ." Và này bạn Moggallāna, chư thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại nào thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với các giới được các bậc Thánh ái kính, chỉ những chư thiên ấy mới có trí như sau: "Chúng ta là bậc Dự Lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc đạt đến giác ngộ."

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna sau khi hoan hỷ tín thọ lời nói của Phạm thiên Tissa, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, biến mất ở Phạm thiên giới và hiện ra tại Jetavana.

V. KINH MINH PHẦN (*Vijjābhāgiyasutta*) (*A*. III. 334)

35. Có sáu pháp, này các Tỷ-kheo, thuộc về minh phần.[34] Thế nào là sáu? Tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ, tưởng đoạn tận, tưởng ly tham, tưởng đoạn diệt.

Sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, là thuộc về minh phần.

VI. KINH GỐC RỄ CỦA ĐẤU TRANH (*Vivādamūlasutta*) (*A*. III. 334)

36. Có sáu gốc rễ đấu tranh,[35] này các Tỷ-kheo. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo phẫn nộ và hiềm hận.

Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo phẫn nộ và hiềm hận, vị ấy sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tùy thuận Pháp; sống không cung kính, không tùy thuận Tăng; không thành tựu đầy đủ các học pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; không cung kính, không tùy thuận Pháp; không cung kính, không tùy thuận Tăng; không thành tựu đầy đủ các học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến nhiều người không hạnh phúc, khiến nhiều người không an lạc, khiến nhiều người không lợi ích, khiến chư thiên và loài người không hạnh phúc và đau khổ. Này các Tỷ-kheo, nếu các ông thấy ác tránh căn ấy giữa các ông hay ngoài các ông, này các Tỷ-kheo, các ông phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy. Này các Tỷ-kheo, nếu các ông

[34] Xem *A*. IV. 24; *D*. III. 283.
[35] Xem *D*. III. 246; *M*. II. 245; *Vin*. II. 89.

không thấy ác tránh căn ấy giữa các ông hay ngoài các ông, này các Tỷ-kheo, các ông hãy tác động đừng cho ác tránh căn ấy có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là đoạn tận ác tránh căn ấy. Như vậy là ngăn chặn nguy hại của ác tránh căn ấy trong tương lai.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa, vị Tỷ-kheo giả dối và não hại... tật đố và xan tham... lừa đảo và man trá... ác dục và tà kiến... chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ, rất khó rời bỏ.[36] Này các Hiền giả, Tỷ-kheo chấp trước sở kiến, kiên trì gìn giữ, rất khó rời bỏ, vị ấy sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tùy thuận Pháp; sống không cung kính, không tùy thuận Tăng; không thành tựu đầy đủ các học pháp. Này các Hiền giả, Tỷ-kheo không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư... Pháp... Tăng... không thành tựu đầy đủ các học pháp, vị ấy khởi lên tranh luận giữa chư Tăng. Tranh luận như vậy khiến nhiều người không hạnh phúc, khiến nhiều người không an lạc, khiến nhiều người không ích lợi, khiến chư thiên và loài người không hạnh phúc và đau khổ. Này các Tỷ-kheo, nếu các ông thấy được ác tránh căn ấy giữa các ông hay ngoài các ông, các ông phải cố gắng đoạn trừ ác tránh căn ấy. Này các Tỷ-kheo, nếu các ông không thấy ác tránh căn ấy giữa các ông hay ngoài các ông, các ông hãy gìn giữ đừng cho ác tránh căn ấy có cơ hội làm hại trong tương lai. Như vậy là sự đoạn tận ác tránh căn ấy. Như vậy là ngăn chặn nguy hại của ác tránh căn ấy trong tương lai.

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu tránh căn.

VII. KINH BỐ THÍ GỒM SÁU PHẦN (*Chaḷaṅgadānasutta*)[37] (*A*. III. 336)

37. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavata, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, mẹ của Nanda, nữ gia chủ người Veḷukaṇḍakī, làm một thí vật gồm có sáu phần cho chúng Tỷ-kheo, dẫn đầu là Sāriputta và Moggallāna. Thế Tôn với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy mẹ của Nanda, nữ gia chủ người Veḷukaṇḍakī, làm một thí vật gồm có sáu phần cho chúng Tỷ-kheo, dẫn đầu là Sāriputta và Moggallāna. Sau khi thấy vậy, Thế Tôn liền bảo các Tỷ-kheo:

– Có mẹ của Nanda, nữ gia chủ người Veḷukaṇḍakī làm một thí vật gồm có sáu phần cho chúng Tỷ-kheo, dẫn đầu là Sāriputta và Moggallāna. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thí vật gồm có sáu phần cho chúng Tỷ-kheo?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có ba phần của người bố thí và có ba phần của người nhận đồ bố thí. Thế nào là ba phần của người bố thí? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bố thí, trước khi bố thí, ý được vui lòng; trong khi bố thí, tâm được tịnh tín; sau khi bố thí, cảm thấy hoan hỷ. Đây là ba phần của người bố thí. Thế nào là ba phần của người nhận bố thí? Ở đây, này các Tỷ-kheo, những người nhận vật bố thí, đã được ly tham hay đang thực hành hạnh ly tham; đã được ly

[36] Xem *A*. V. 150; *D*. III. 46; *M*. I. 42.

[37] Bản tiếng Anh của PTS: *Alms*, nghĩa là *Bố thí*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37. 0711c03).

sân hay đang thực hành hạnh ly sân; đã được ly si hay đang thực hành hạnh ly si. Đây là ba phần của những người nhận vật bố thí. Như vậy là ba phần của người bố thí và ba phần của những người nhận được vật bố thí. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là thí vật gồm có sáu phần.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, thật không dễ gì nắm được số lượng về công đức một thí vật gồm có sáu phần như vậy: "Có chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn an lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc"; vì rằng cả khối công đức lớn được xem là vô số, vô lượng. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong biển lớn,[38] thật không dễ gì nắm lấy một số lượng nước và nói rằng: "Có chừng ấy thùng nước, hay có chừng ấy trăm thùng nước, hay có chừng ấy ngàn thùng nước, hay có chừng ấy trăm ngàn thùng nước"; vì rằng, cả khối lượng lớn nước được xem là vô số, vô lượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thí vật thành tựu với sáu thành phần như vậy, thật không dễ gì để nắm được số lượng về công đức của một thí vật gồm sáu phần như vậy: "Có chừng ấy nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện, món ăn lạc, thuộc thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc"; vì rằng cả khối công đức lớn được xem là vô số, vô lượng.

Trước bố thí, ý vui,
Khi bố thí, tâm tín,
Sau bố thí, hoan hỷ,
Đây lễ thí đầy đủ.
Ly tham và ly sân,
Ly si, không lậu hoặc,
Vị Phạm hạnh chế ngự,
Là ruộng phước lễ thí.
Nếu tự thanh tịnh mình,
Tự tay mình bố thí,
Tự mình đến đời sau,
Lễ thí vậy quả lớn.
Lễ thí vậy, bậc trí,
Với tín, tâm giải thoát,
Không hận thù, an lạc,
Bậc hiền sanh ở đời.

VIII. KINH TỰ LÀM (*Attakārīsutta*)[39] (*A*. III. 337)

38. Rồi một vị Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

---

[38] Xem *A*. III. 50; *GS*. III. 42 (kinh 45 ở sau); *A*. III. 45.

[39] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.459. 0117c02).

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi nói như sau, có tri kiến như sau: "Không có tự mình làm, không có người khác làm."[40]

– Này Bà-la-môn, Ta không bao giờ thấy, không bao giờ nghe lời nói như vậy, tri kiến như vậy. Sao người ta có thể tự mình bước tới,[41] hay tự mình bước lui, lại có thể nói rằng: "Không có tự mình làm, không có người khác làm." Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, có phát khởi giới[42] hay không? [Có vấn đề khởi sự bắt đầu không?]

– Thưa có, thưa Tôn giả.

– Nếu đã có sự khởi sự, thời các loài hữu tình có được nêu rõ là có khởi sự không?

– Thưa có, thưa Tôn giả.

– Này Bà-la-môn, đã có khởi sự, các loài hữu tình có được nêu rõ là có khởi sự, thời đây là tự mình làm, đây là người khác làm của các loài hữu tình. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, có sự khởi xuất giới... có sự khởi nhập giới... có sự nỗ lực giới... có sự kiên trì giới[43]... có sự dõng tiến giới hay không?

– Thưa có, thưa Tôn giả.

– Này Bà-la-môn, nếu đã có sự dõng tiến giới, thời các loài hữu tình có được nêu rõ có sự dõng tiến giới không?

– Thưa có, thưa Tôn giả.

– Này Bà-la-môn, đã có sự dõng tiến giới, các loài hữu tình có được nêu rõ là có sự dõng tiến giới, thời đây là tự mình làm, đây là người khác làm của các loài hữu tình. Này Bà-la-môn, Ta không bao giờ thấy, không bao giờ nghe nói như vậy, tri kiến như vậy. Sao người ta lại có thể tự mình bước tới, tự mình bước lui lại có thể nói rằng: "Không có tự mình làm, không có người khác làm."

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

IX. KINH NHÂN DUYÊN (*Nidānasutta*)[44] (*A*. III. 338)

39. Có ba nhân duyên[45] này, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp khởi lên. Thế nào là ba? Tham là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên. Sân là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên. Si là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, không phải từ tham, không tham khởi lên; này các Tỷ-kheo, chính từ tham, chỉ có tham khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải từ sân,

---

[40] Đây là tà kiến của Makkhali Gosala.

[41] √*Kama*: Bước đi; đi chung với các tiếp đầu ngữ *abhi* (*abhikkama*), *paṭi* (*paṭikkama*), *ni* (*nikkama*), *parā* (*parākkama*) và *upa* (*upakkama*).

[42] *Ārabbhadhātu*. *Ārabbha* là động danh từ của *ārādheti*: Bước chân đi. *Dhātu*: Giới, đặc tánh, điều kiện. *AA*. III. 366 viết *sabhāva*, nghĩa là cốt lõi.

[43] *Thāma* và *ṭhiti*, cả hai từ ngữ căn √*sthā*.

[44] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.17. 0117a).

[45] *Nidāna*: Trói cột lại; từ ngữ căn √*dā*, nghĩa là nguyên nhân.

không sân khởi lên;[46] này các Tỷ-kheo, chính từ sân, chỉ có sân khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải từ si, không si khởi lên; này các Tỷ-kheo, chính từ si, chỉ có si khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải do nghiệp từ tham sanh, không phải do nghiệp từ sân sanh, không phải do nghiệp từ si sanh, chư thiên được nêu rõ, loài người được nêu rõ, hay những loài khác đang ở trong thiện thú. Này các Tỷ-kheo, chính do nghiệp từ tham sanh, chính do nghiệp từ sân sanh, chính do nghiệp từ si sanh, địa ngục được nêu rõ, các loài bàng sanh được nêu rõ, các loài ngạ quỷ được nêu rõ, và các loài khác đang ở trong ác thú.

Đây là ba nhân duyên, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp khởi lên.

Có ba nhân duyên này, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp khởi lên. Thế nào là ba? Không tham là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên, không sân là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên, không si là nhân duyên khiến các nghiệp khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, không phải từ không tham, tham khởi lên; này các Tỷ-kheo, chính từ không tham, chỉ có không tham khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải từ không sân, sân khởi lên; này các Tỷ-kheo, chính từ không sân, chỉ có không sân khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải từ không si, si khởi lên; này các Tỷ-kheo, chính từ không si, chỉ có không si khởi lên. Này các Tỷ-kheo, không phải do nghiệp từ không tham sanh, không phải do nghiệp từ không sân sanh, không phải do nghiệp từ không si sanh, địa ngục được nêu rõ, loài bàng sanh được nêu rõ, cõi ngạ quỷ được nêu rõ, và các loài khác đang ở trong ác thú. Nhưng này các Tỷ-kheo, chính do nghiệp từ không tham sanh, chính do nghiệp từ không sân sanh, chính do nghiệp từ không si sanh, chư thiên được nêu rõ, loài người được nêu rõ, và các loài khác đang ở trong thiện thú.

Đây là ba nhân duyên, này các Tỷ-kheo, khiến các nghiệp khởi lên.

X. KINH TÔN GIẢ KIMBILA (*Kimilasutta*) (*A*. III. 339)

40. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilā, tại rừng Trúc.[47] Rồi Tôn giả Kimbila[48] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, sau khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không còn tồn tại lâu dài?

– Ở đây, này Kimbila, sau khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tùy thuận Pháp; sống không cung kính, không tùy thuận chúng Tăng; sống không cung kính, không tùy thuận học pháp; sống không cung

[46] *Samudaya*. *AA*. III. 366: *Samudayāyāti piṇḍakaraṇatthāya* (“Khởi lên” nghĩa làm cho kết thành).

[47] Xem *S*. V. 322.

[48] Bản Tích Lan và PTS viết Kimbila. Tôn giả cũng thuộc dòng họ Thích, đi xuất gia cùng lúc với Tôn giả Ānanda. Xem *Vin*. II. 182.

kính, không tùy thuận không phóng dật; sống không cung kính, không tùy thuận tiếp đón. Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên khiến cho sau khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không tồn tại lâu dài.

– Do nhân gì, do duyên gì, sau khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

– Ở đây, này Kimbila, sau khi Thế Tôn nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống cung kính, tùy thuận bậc Đạo sư; sống cung kính, tùy thuận Pháp; sống cung kính, tùy thuận chúng Tăng; sống cung kính, tùy thuận học pháp; sống cung kính, tùy thuận không phóng dật; sống cung kính, tùy thuận tiếp đón. Đây là nhân, đây là duyên, sau khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài.

XI. KINH ĐỐNG GỖ (*Dārukkhandhasutta*)[49] (*A*. III. 340)

41. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Sāriputta trú ở Rājagaha, tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát cùng với số đông Tỷ-kheo, từ Gijjhakūṭa đi xuống. Tôn giả thấy tại một chỗ nọ, một đống gỗ to lớn; thấy vậy, liền nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả, các Hiền giả có thấy đống gỗ to lớn ấy không?

– Thưa Hiền giả, có thấy.

Nếu muốn, này các Hiền giả, một Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại, có thể quán[50] đống gỗ ấy thành địa đại. Vì cớ sao? Vì rằng có địa giới trong đống gỗ lớn ấy, y tựa theo đó, Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại, có thể quán đống gỗ ấy thành địa đại.

Nếu muốn, này các Hiền giả, Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại, có thể quán đống gỗ lớn ấy thành nước... thành lửa... thành gió... thành tịnh... thành bất tịnh. Vì cớ sao? Vì rằng có bất tịnh trong đống gỗ lớn ấy, y tựa theo đó, Tỷ-kheo có thần thông, đạt được tâm tự tại, có thể quán đống gỗ ấy thành bất tịnh.

XII. KINH TÔN GIẢ NĀGITA (*Nāgitasutta*)[51] (*A*. III. 341)

42. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa các người Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến một làng Bà-la-môn tên là Icchānaṅgala. Tại đây, Thế Tôn trú ở Icchānaṅgala, trong khóm rừng Icchānaṅgala. Các Bà-la-môn gia chủ ở Icchānaṅgala được nghe: "Tôn giả Gotama là Thích tử, xuất gia từ gia đình họ Thích, đã đến Icchānaṅgala, trú ở Icchānaṅgala trong khóm rừng Icchānaṅgala.

---

[49] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.494. 0128c19).

[50] *AA*. III. 366: *Pathavītveva adhimucceyyāti thaddhākāraṃ pathavīdhātūti sallakkheyya* ("Có thể quyết định thành địa đại" có nghĩa là có thể quán yếu tố đất với tính chất cứng).

[51] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1250-1251. 0343b07-0344a08).

Về Tôn giả Gotama ấy, tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài trời và người. Sau khi đã chứng ngộ, Ngài tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ; Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa; Ngài truyền dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Tốt đẹp thay, sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!" Rồi các Bà-la-môn gia chủ ở Icchānaṅgala, sau khi đêm ấy đã mãn, mang theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm, đi đến khóm rừng Icchānaṅgala; sau khi đến, đứng ở ngoài cổng vào, cao tiếng và lớn tiếng.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Nāgita là thị giả của Thế Tôn. Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Nāgita:

– Này Nāgita, những ai đã cao tiếng và lớn tiếng như những người đánh cá đang giết hại cá?

– Các người ấy, bạch Thế Tôn, là các Bà-la-môn gia chủ trú ở Icchānaṅgala đang đứng ở cổng ngoài khu vườn, mang theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm cúng dường cho Thế Tôn và chúng Tăng.

– Này Nāgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nāgita, những ai tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không khó khăn, tìm được không mệt nhọc, tìm được không phí sức, hãy để họ thọ hưởng lạc như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc.

– Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy chấp nhận! Thiện Thệ hãy chấp nhận! Nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quốc độ ấy cũng sẽ đi đến với tâm hướng về cúng dường. Ví như trời mưa nặng hạt, và nước được chảy tùy theo chiều dốc; cũng vậy, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và ở quốc độ cũng sẽ đi đến với tâm hướng về cúng dường. Vì cớ sao? Bạch Thế Tôn, do vì giới hạnh và trí tuệ của Thế Tôn!

– Này Nāgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nāgita, những ai tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không khó khăn, tìm được không mệt nhọc, tìm được không phí sức, hãy để họ thọ hưởng lạc như phân ấy, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc.

Ở đây, này Nāgita, Ta thấy một Tỷ-kheo ngồi thiền định tại trú xứ ở cuối làng. Này Nāgita, về vị ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nay có người coi khu vườn hay người Sa-di phá phách vị Tỷ-kheo này, làm cho vị này xuất khỏi thiền định." Do vậy, này Nāgita, Ta không có hoan hỷ với trú xứ của vị ấy.

Ở đây, này Nāgita, Ta thấy một Tỷ-kheo đang ngồi ngủ gục ở trong rừng. Này Nāgita, Ta suy nghĩ về vị ấy như sau: "Nay vị Tỷ-kheo này, sau khi đoạn trừ ngủ nghỉ và mệt nhọc, sẽ tác ý về rừng, đạt được nhất tâm." Do vậy, này Nāgita, Ta hoan hỷ với trú xứ tại rừng của Tỷ-kheo ấy.

Ở đây, này Nāgita, Ta thấy Tỷ-kheo sống ở rừng, ngồi không thiền định trong rừng. Này Nāgita, đối với vị ấy, Ta suy nghĩ: "Nay Tỷ-kheo này sẽ thiền định được tâm không thiền định, hay sẽ bảo vệ tâm đã được thiền định." Do vậy, này Nāgita. Ta hoan hỷ về trú xứ tại rừng của Tỷ-kheo ấy.

Ở đây, này Nāgita, Ta thấy Tỷ-kheo sống ở rừng, ngồi với tâm thiền định ở rừng. Này Nāgita, đối với vị ấy, Ta suy nghĩ: "Nay Tỷ-kheo này sẽ giải thoát tâm chưa được giải thoát, hay sẽ bảo vệ tâm đã được giải thoát." Do vậy, này Nāgita, Ta hoan hỷ về trú xứ tại rừng của Tỷ-kheo ấy.

Ở đây, này Nāgita, Ta thấy Tỷ-kheo sống ở cuối làng, nhận được vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; thích thú với các lợi dưỡng, cung kính, danh văn ấy, bỏ phế thiền tịnh, bỏ phế các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa vắng, đi xuống làng, thị trấn, kinh đô để lo nuôi sống. Do vậy, này Nāgita, Ta không có hoan hỷ về trú xứ cuối làng của Tỷ-kheo ấy.

Ở đây, này Nāgita, Ta thấy Tỷ-kheo sống ở rừng, nhận được các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; nhưng chặn đứng các lợi dưỡng, cung kính, danh văn ấy, không bỏ phế thiền tịnh, không bỏ phế các trú xứ rừng núi, cao nguyên xa vắng. Do vậy, này Nāgita, Ta hoan hỷ về trú xứ tại rừng của Tỷ-kheo ấy.

Nhưng khi Ta đang bước đi trên con đường; trước mặt, Ta không thấy ai; sau lưng, Ta không thấy ai; trong khi ấy, Ta cảm thấy an ổn, này Nāgita, cho đến vấn đề đi đại, tiểu tiện.



V. PHẨM DHAMMIKA
(*DHAMMIKAVAGGA*)

I. KINH CON VOI (*Nāgasutta*)[52] (*A*. III. 344)

43. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Sau khi đi khất thực ở Sāvatthi, ăn xong, trên con đường trở về, Ngài gọi Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Đông Viên, giảng đường của mẹ Migāra để nghỉ trưa.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ānanda đi đến Đông Viên, giảng đường của mẹ Migāra. Rồi Thế Tôn, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, gọi Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, chúng ta hãy đi đến Pubbakoṭṭhakā để rửa tay, rửa chân.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với Tôn giả Ānanda đi đến Pubbakoṭṭhakā để rửa tay, rửa chân. Sau khi rửa tay, rửa chân ở Pubbakoṭṭhakā xong, Thế Tôn lên đứng trên bờ, đắp một tấm y, phơi tay chân cho khô.

Lúc bấy giờ, Seta, con voi của Vua Pasenadi nước Kosala, từ Pubbakoṭṭhakā đi ra, với nhiều tiếng các loại trống và nhạc lớn tiếng, dân chúng thấy vậy liền nói: "Ôi đẹp đẽ thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Đáng nhìn thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Thoải mái thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Thân thể đầy đủ thay, thưa các ngài, là con voi của vua! Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!"

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Udāyī bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, quần chúng do thấy con voi to lớn, đồ sộ, thân thể đẫy đà nên nói như sau: "Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!" Hay là thấy một cái gì khác to lớn, đồ sộ, thân thể đẫy đà nên họ nói như vậy: "Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!"

– Này Udāyī, quần chúng do thấy con voi to lớn, đồ sộ, thân thể đẫy đà nên nói như sau: "Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!"

[52] Tham chiếu: *Long tượng kinh* 龍象經 (*T*.02. 0026.118. 0608b02).

Này Udāyī, quần chúng do thấy con ngựa... Này Udāyī, quần chúng do thấy con bò... Này Udāyī, quần chúng do thấy con rắn... Này Udāyī, quần chúng do thấy cây... Này Udāyī, quần chúng do thấy con voi to lớn, đồ sộ, với thân thể đẫy đà nên nói như sau: "Con voi, thưa các ngài, thật xứng đáng là con voi!" Nhưng Ta tuyên bố rằng, này Udāyī, trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, và thế giới này với các Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, ai không phạm một tội về thân, về lời, về ý nghĩ, người ấy, Ta nói rằng: "Người ấy là con voi."

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã khéo nói như sau: "Này Udāyī, trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, và thế giới này với các Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, ai không phạm một tội về thân, về lời, về ý, người ấy, Thế Tôn nói rằng: 'Người ấy là con voi.'"

Bạch Thế Tôn, lời nói tốt đẹp này của Thế Tôn, con xin tùy hỷ với những câu kệ như sau:

Là con người tự giác,
Tự nhiếp phục, được định,
Đang đi đường Phạm thiên,
Tâm tịnh tín, hoan hỷ,
Cùng tận tất cả pháp.
Vị ấy, loài người kính,
Vị ấy, chư thiên trọng,
Vị ấy, con được nghe,
Là bậc A-la-hán.
Mọi kiết sử vượt qua,
Thoát rừng, đến Niết-bàn,
Hoan hỷ sống an ổn,
Rời khỏi các dục vọng,
Như vàng thoát đá sỏi.
Voi ấy rực chói sáng,
Chiếu sáng khắp tất cả,
Như ngọn núi Tuyết Sơn,
Cao hơn mọi núi đá,
Vị đạt chân, vô thượng,
Vượt tất cả loài voi.
Ta sẽ khen vị voi,
Không làm các tội phạm.
Nhu hòa và bất hại,
Là hai bàn chân trước.
Khổ hạnh và Phạm hạnh,
Là hai bàn chân sau.

Lòng tin là vòi voi,
Trú xả đôi ngà trắng,
Niệm là cổ của voi.
Nếu có suy tư gì,
Là suy tư Chánh pháp.
Bụng là chỗ chứa pháp,[53]
Đuôi là sống viễn ly.
Vị ấy tu thiền định,
Hoan hỷ trong hơi thở,
Với nội tâm định tĩnh,
Khéo định tâm thiền định.
Voi đi là hành thiền,
Voi đứng là hành thiền,
Voi nằm là hành thiền,
Voi ngồi là hành thiền.
Voi hộ trì tất cả,
Đây viên mãn của voi.
Voi ăn, không phạm lỗi,
Có phạm lỗi không ăn,
Nhận được cơm và áo,
Quyết từ bỏ chất chứa,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Cắt đứt mọi trói buộc.
Chỗ nào vị ấy đi,
Vị ấy đi không cầu,
Giống như bông hoa sen,
Sanh và lớn trong nước,
Không bị nước uế nhiễm,
Hương thơm đẹp ý người.[54]
Cũng vậy là đức Phật,
Khéo sanh, vượt khỏi đời,
Không bị đời uế nhiễm,
Như sen không dính nước,
Như lửa lớn cháy đỏ,
Không nhiên liệu, tự tắt.
Ai lắng dịu các hành,
Được gọi bậc Tịch tịnh,
Ví dụ này nhiều nghĩa,[55]

---

[53] *Samātapo*. *Chú giải* viết *samāvāpo*. *M.* I. 451 viết *samāvātapako*, có nghĩa phòng chứa đựng. *Thag*. viết *samāsavo*.

[54] Xem *A.* II. 39; *Sn.* 101. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.990-991. 0257b26-0258a27).

[55] Xem *D.* I. 114; *M.* II. 260.

Do bậc Trí thuyết giảng,
Bậc voi lớn được biết,
Lấy voi dạy cho voi.
Bậc ly tham, ly sân,
Ly si, không lậu hoặc,
Voi này từ bỏ thân,
Nhập diệt, không lậu hoặc.

II. KINH MIGASĀLĀ (*Migasālāsutta*)[56] (*A*. III. 347)

44. Rồi Tôn giả Ānanda vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasālā; sau khi đến, ngồi trên ghế đã soạn sẵn. Ngồi xuống một bên, nữ cư sĩ Migasālā thưa với Tôn giả Ānanda:

– Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: "Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai"? Purāṇa, thân phụ của con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Dự Lưu sanh với thân ở Tusita (Đâu-suất)." Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: "Là bậc Dự Lưu, sanh với thân ở Tusita." Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: "Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai"?

– Này chị, như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda sau khi nhận đồ ăn khất thực tại nhà của nữ cư sĩ Migasālā, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. Rồi Tôn giả Ānanda, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasālā; sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Nữ cư sĩ Migasālā đi đến con; sau khi đến, đảnh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Migasālā thưa với con:

"Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: 'Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai'? Purāṇa, thân phụ của con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống biệt lập, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: 'Là bậc Dự Lưu sanh với thân ở Tusita.' Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: 'Là bậc Dự Lưu, sanh với thân ở Tusita.' Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do

---

[56] Xem *A*. V. 137ff.

Thế Tôn tuyên thuyết: ‘Cả hai sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai’?

Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con nói với nữ cư sĩ Migasālā: ‘Này chị, như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.’”

– Nhưng này Ānanda, ai là nữ cư sĩ Migasālā lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các hạng người? Này Ānanda, có sáu hạng người có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là sáu?

Ở đây, này Ānanda, có người khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị ấy nghe pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập vào tri kiến, không chứng đắc thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi về thù thắng.

Ở đây, này Ānanda, có người khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị ấy nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập vào tri kiến, có chứng đắc thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi về thối đọa.

Ở đây, này Ānanda, những kẻ đo lường, đo lường như sau: “Những pháp ấy của vị này là như vậy, những pháp ấy của vị kia là như vậy, làm sao trong những hạng người này, có người hạ liệt, có người là thắng diệu?” Và do sự đo lường ấy, này Ānanda, đối với những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khổ lâu dài. Ở đây, này Ānanda, hạng người này, khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, thể nhập được vào tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, này Ānanda, so sánh với hạng người trước là tiến bộ hơn, là thắng diệu hơn. Vì cớ sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy, này Ānanda, chớ có làm người đo lường các hạng người, chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ānanda, tự đào hố cho mình là người đi lấy sự đo lường của các hạng người. Chỉ có Ta, này Ānanda, mới có thể lấy sự đo lường của các hạng người, hay là người như Ta.

Ở đây, này Ānanda có hạng người đã chinh phục được phẫn nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi về thù thắng.

Ở đây, này Ānanda, có hạng người đã chinh phục được phẫn nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng các tham pháp khởi lên; với người này, nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập tri kiến, có chứng được thời

giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa.

Nhưng ở đây, này Ānanda, có hạng người đã chinh phục được phẫn nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên; với người này, nghe pháp không có tác động, học nhiều không có tác động, không thể nhập tri kiến, không chứng được thời giải thoát. Hạng người này sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi đến thù thắng.

Ở đây, này Ānanda, có hạng người đã chinh phục được phẫn nộ và kiêu mạn, nhưng thỉnh thoảng khẩu hành khởi lên; với người này, nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, có thể nhập tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa.

Ở đây, này Ānanda, những kẻ đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy của vị này là như vậy, những pháp ấy của vị kia là như vậy, làm sao trong những hạng người này, có người là hạ liệt, có người là thắng diệu?" Và sự đo lường ấy, này Ānanda, đối với những người đo lường là không hạnh phúc, là đau khổ lâu dài. Ở đây, này Ānanda, hạng người này khéo tự chế ngự, dễ chung sống, các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ sống chung. Vị này nghe pháp có tác động, học nhiều có tác động, thể nhập được vào tri kiến, chứng được thời giải thoát. Hạng người này, này Ānanda, so sánh với hạng người trước là tiến bộ hơn, là thắng diệu hơn. Vì cớ sao? Vì dòng pháp đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy, này Ānanda, chớ có làm người đo lường các hạng người, chớ có lấy sự đo lường của các hạng người. Này Ānanda, tự đào hố cho mình là người đi lấy sự đo lường của các hạng người. Chỉ có Ta, này Ānanda, mới có thể lấy sự đo lường của các hạng người này, hay là người như Ta.

Và này Ānanda, ai là nữ cư sĩ Migasālā lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể biết sự thắng liệt giữa các người?

Này Ānanda, có sáu hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Giới như thế nào, này Ānanda, Purāṇa được thành tựu, giới ấy Isidatta chưa thành tựu; do vậy ở đây, Purāṇa có sanh thú khác với sanh thú của Isidatta. Tuệ như thế nào, này Ānanda, Isidatta được thành tựu, tuệ ấy Purāṇa chưa thành tựu; do vậy, ở đây, Isidatta có sanh thú khác với sanh thú của Purāṇa. Như vậy, này Ānanda, cả hai người này đều có thiếu sót một chi phần.

III. KINH MẮC NỢ (*Iṇasutta*)[57] (*A*. III. 351)

45. – Sự nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

[57] Bản tiếng Anh của PTS: *The Debt*, nghĩa là *Mắc nợ*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.01. 0125.125. 0614a13).

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, phải mắc nợ; mắc nợ ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, sau khi mắc nợ, phải chấp nhận tiền lời; tiền lời ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, phải chấp nhận tiền lời, và khi thời hạn đến, không trả được tiền lời, người ta hối thúc, đốc thúc người ấy; sự hối thúc, đốc thúc ấy, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị hối thúc, không trả được, người ta theo sát gót truy tìm người ấy; bị theo sát gót, bị truy tìm, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Khi một người nghèo khổ, này các Tỷ-kheo, không có sở hữu, sống túng thiếu, bị theo sát gót, bị truy tìm, không trả nợ được, người ta bắt trói người ấy; sự bắt trói, này các Tỷ-kheo, có phải là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, như vậy, nghèo khổ là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; mắc nợ cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; tiền lời cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị hối thúc, đốc thúc cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị theo sát gót, bị truy tìm cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời; bị bắt trói cũng là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp, không có tinh tấn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp; người này, này các Tỷ-kheo, được gọi là người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu trong Luật của bậc Thánh.

Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp, không có tinh tấn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp, làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời, làm ác hạnh về ý nghĩ. Ta gọi người ấy là người mắc nợ.

Người ấy do nhân che giấu ác hạnh về thân, khởi lên ác dục, muốn rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", suy nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", nói rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm." Người ấy, do nhân che giấu ác hạnh về lời... ác hạnh về ý, khởi lên ác dục, muốn rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", suy nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", nói rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm", cố gắng với tác động về thân, nghĩ rằng: "Mong rằng không ai biết ta làm." Đây, Ta gọi là tiền lời gia tăng.

Và các vị đồng Phạm hạnh thuần thành nói về người ấy như sau: "Tôn giả này có làm như vậy, có sở hành như vậy." Đây, Ta nói rằng, người ấy bị hối thúc, đốc thúc, rồi đi đến rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống.

Các ác, bất thiện tầm, câu hữu với hối lỗi hiện hành. Đây, Ta gọi là bị theo sát gót, bị truy tìm.

Nay chính người ấy, này các Tỷ-kheo, nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, sau khi làm ác hạnh về thân, sau khi làm ác hạnh về lời, sau khi làm ác hạnh về ý, khi thân hoại mệnh chung, bị trói buộc trong sự trói buộc của địa ngục, bị trói buộc trong sự trói buộc của loài bàng sanh. Và này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một sự trói buộc nào khác lại khắc nghiệt như vậy, lại ác liệt như vậy, lại làm chướng ngại như vậy cho sự chứng đắc vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, này các Tỷ-kheo, giống như sự trói buộc địa ngục hay sự trói buộc các loài bàng sanh.

Nghèo khổ và mắc nợ,
Được gọi khổ ở đời.
Kẻ bần cùng mắc nợ,
Thọ dụng bị tổn hại.
Rồi bị người truy lùng,
Cho đến bị trói buộc,
Trói buộc vậy là khổ,
Cho người cầu được dục.
Như vậy trong Luật Thánh,
Ai sống không lòng tin,
Không xấu hổ, sợ hãi,
Quyết định chọn ác nghiệp,
Sau khi làm ác hạnh,
Về thân, lời và ý,
Lại mong muốn được rằng:
"Chớ ai biết ta làm."
Người ấy khéo che giấu,[58]
Với thân, lời và ý,

---

[58] *Saṃsappati. AA.* III. 377: *Saṃsappatīti paripphandati* ("Khéo che dấu" nghĩa là có ý lo sợ, trườn bò che giấu).

Làm tăng trưởng ác nghiệp,
Tại đây đó làm nữa.
Người ác tuệ, ác nghiệp,
Biết việc ác mình làm,
Như kẻ nghèo mắc nợ,
Thọ dụng bị tổn hại.
Những tư tưởng khổ đau,
Sanh ra từ hối hận,
Vẫn truy tìm người ấy,
Ở làng hoặc ở rừng.
Người ác nghiệp, ác tuệ,
Biết việc ác mình làm,
Hoặc rơi vào bàng sanh,
Hoặc bị trói địa ngục.
Trói buộc này là khổ,
Bậc trí được giải thoát,
Ai tâm tịnh bố thí,
Với vật dụng đúng pháp,
Gieo cầu may hai đường.[59]
Tín tại gia tìm cầu,
Hiện tại được hạnh phúc,
Đời sau được an lạc.
Như vậy tại gia thí,
Tăng trưởng các công đức.
Như vậy trong luật Thánh,
Tín tâm được an trú,
Có xấu hổ, sợ hãi,
Có trí bảo hộ giới,
Bậc ấy trong luật Thánh,
Được gọi: "Sống an lạc."
Được lạc không vật chất,
An trú trên tánh xả.[60]
Từ bỏ năm triền cái,
Thường siêng năng, tinh cần,
Chứng thiền định, nhất tâm,
Thận trọng giữ chánh niệm.
Biết như thật là vậy,
Đoạn diệt mọi kiết sử,

---

[59] *Ubhayattha kaṭaggāha*. Xem *S*. IV. 352; *Thag*. v. 462.
[60] *Chú giải*: Nói đến Thiền thứ ba và thứ tư.

Hoàn toàn không chấp thủ,
Chơn chánh tâm giải thoát,
Với chánh giải thoát ấy,
Nếu trí như vậy khởi:
"Bất động ta giải thoát,
Đoạn diệt hữu kiết sử."
Trí này, trí tối thượng,
Lạc này, lạc vô thượng,
Không sầu, không trần cấu,
Được an ổn, (giải thoát),
Trạng thái không nợ này,
Được xem là tối thượng.

IV. KINH MAHĀCUNDA (*Mahācundasutta*) (*A*. III. 355)

46. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Mahācunda trú ở Ceti, tại Sahajāti. Tại đấy, Tôn giả Mahācunda gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahācunda. Tôn giả Mahācunda nói như sau:

– Ở đây, này chư Hiền, một số Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không ưa thích các Tỷ-kheo tu thiền, nói như sau: "Các người này nói: 'Chúng tôi tu thiền, chúng tôi tu thiền.' Họ tu thiền, họ hành thiền. Những người này thiền cái gì? Những người này thiền có lợi ích gì? Những người này thiền như thế nào?" Ở đây, các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không có hoan hỷ và các Tỷ-kheo tu thiền cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

Ở đây, này chư Hiền, một số Tỷ-kheo tu thiền không ưa thích các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp, nói như sau: "Các người này nói: 'Chúng tôi chuyên tâm về pháp, chúng tôi chuyên tâm về pháp.' Họ tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng. Những người này chuyên tâm về pháp cái gì? Những người này chuyên tâm về pháp có lợi ích gì? Những người này chuyên tâm về pháp như thế nào?" Ở đây, các Tỷ-kheo tu thiền không có hoan hỷ và các Tỷ-kheo chuyên tu về pháp cũng không hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

Nhưng ở đây, này chư Hiền, có những Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp chỉ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp, không tán thán các Tỷ-kheo tu thiền. Ở

đây, các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không được hoan hỷ và các Tỷ-kheo tu thiền không được hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

Nhưng ở đây, này chư Hiền, có những Tỷ-kheo tu thiền chỉ tán thán các Tỷ-kheo tu thiền, không tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp. Ở đây, các Tỷ-kheo tu thiền không được hoan hỷ và các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp không được hoan hỷ; hành động như vậy không đưa lại hạnh phúc cho nhiều người, an lạc cho nhiều người, không đưa lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

Do vậy, này chư Hiền, cần phải học tập như sau: "Chúng ta là những người chuyên tâm về pháp, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo tu thiền."

Này chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì cớ sao? Thật vậy, này chư Hiền, những người vi diệu ấy khó tìm được ở đời, những người cảm giác bất tử giới với thân và an trú.

Do vậy, này chư Hiền, cần phải học tập như sau: "Chúng ta là những người tu thiền, chúng ta sẽ tán thán các Tỷ-kheo chuyên tâm về pháp."

Này chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập như vậy. Vì cớ sao? Thật vậy, này chư Hiền, những người vi diệu ấy khó tìm được ở đời, những người với trí tuệ thể nhập và thấy con đường thâm sâu hướng dẫn đến đích.

V. KINH CHO ĐỜI NÀY THỨ NHẤT
(*Paṭhamasandiṭṭhikasutta*) (*A*. III. 356)

47. Rồi du sĩ ngoại đạo Moḷiyasīvaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ ngoại đạo Moḷiyasīvaka bạch Thế Tôn:

– Pháp là thiết thực hiện tại, pháp là thiết thực hiện tại, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

– Vậy này Sīvaka, ở đây Ta sẽ hỏi ông, nếu ông có thể kham nhẫn thời hãy trả lời. Ông nghĩ thế nào, này Sīvaka? Nội tâm có tham, ông có biết: "Nội tâm ta có tham"; nội tâm không có tham, ông có biết: "Nội tâm ta không có tham" không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này Sīvaka, nội tâm có tham, ông có biết: "Nội tâm ta có tham"; nội tâm không có tham, ông có biết: "Nội tâm ta không có tham." Như vậy, này Sīvaka, pháp là thiết thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào, này Sīvaka? Nội tâm có sân... Ông nghĩ thế nào, này Sīvaka? Nội tâm có si, ông có biết: "Nội tâm ta có si"; nội tâm không si, ông có biết: "Nội tâm ta không si" không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này Sīvaka, nội tâm có si, ông có biết: "Nội tâm ta có si"; nội tâm không có si, ông có biết: "Nội tâm ta không si." Như vậy, này Sīvaka, pháp là thiết thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào, này Sīvaka? Nội tâm có tham pháp[61]... hay nội tâm có sân pháp... hay nội tâm có si pháp, ông có biết: "Nội tâm ta có si pháp" không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Hay nội tâm không có si pháp, ông có biết: "Nội tâm ta không có si pháp" không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này Sīvaka, nội tâm có si pháp, ông có biết: "Nội tâm ta có si pháp"; hay nội tâm không có si pháp, ông có biết: "Nội tâm ta không có si pháp." Như vậy, này Sīvaka, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu.

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn... Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VI. KINH CHO ĐỜI NÀY THỨ HAI (*Dutiyasandiṭṭhikasutta*) (*A*. III. 357)

48. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Pháp là thiết thực hiện tại, pháp là thiết thực hiện tại, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu?

– Vậy này Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi ông, nếu ông có thể kham nhẫn thời hãy trả lời. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn, nội tâm có tham ái, ông có biết: "Nội tâm ta có tham ái"; nội tâm không có tham ái, ông có biết: "Nội tâm ta không có tham ái" không?

– Thưa có, thưa Tôn giả.

– Này Bà-la-môn, nội tâm có tham ái, ông có biết: "Nội tâm ta có tham ái"; nội tâm không có tham ái, ông có biết: "Nội tâm ta không có tham ái." Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại... Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn? Nội tâm có sân... hay nội tâm có si... hay nội tâm có thân uế... hay nội tâm có khẩu uế... hay nội tâm có ý uế, ông có biết: "Nội tâm ta có ý uế"? Hay nội tâm không có ý uế, ông có biết: "Nội tâm ta không có ý uế"?

– Thưa có, thưa Tôn giả.

– Này Bà-la-môn, nội tâm có ý uế, ông có biết: "Nội tâm ta có ý uế"; nội

[61] *Lobhadhamma*: Tham pháp. Đây có nghĩa là có khả năng bị tham chi phối.

tâm không có ý uế, ông có biết: "Nội tâm ta không có ý uế." Như vậy, này Bà-la-môn, pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VII. KINH KHEMA (*Khemasutta*) (*A*. III. 358)

49. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Khema, Tôn giả Sumana trú ở Sāvatthi, tại rừng Andha. Rồi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Khema bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. Vị ấy không nghĩ rằng: "Có người tốt hơn ta", hay: "Có người giống như ta", hay: "Có người hạ liệt hơn ta."

Tôn giả Khema nói như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi Tôn giả Khema nghĩ rằng: "Thế Tôn đã chấp nhận ta." Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tôn giả Sumana, khi Tôn giả Khema ra đi không bao lâu, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc phải làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã đoạn tận, chánh trí giải thoát. Vị ấy không nghĩ rằng: "Có người tốt hơn ta", hay: "Có người giống như ta", hay: "Có người hạ liệt hơn ta."

Tôn giả Sumana nói như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi Tôn giả Sumana nghĩ rằng: "Thế Tôn đã chấp nhận ta." Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả Khema và Tôn giả Sumana ra đi không bao lâu, liền bảo các Tỳ-kheo:

– Như vậy, này các Tỳ-kheo, các thiện nam tử nói lên chánh trí, có nói đến mục đích, nhưng không đề cập đến tự ngã.[62] Tuy vậy, ở đây, một số kẻ ngu nói lên chánh trí một cách ngạo mạn đắc chí (*hasamānakā*). Họ về sau rơi vào nguy hại.[63]

Không thắng, không hạ liệt,
Không ai đồng đẳng ta,[64]

---

[62] *Attho ca vutto attā ca anupanīto.* Xem trang 201 trong bộ *Kinh Tăng chi* này.

[63] *Vighātaṃ āpajjantīti.*

[64] Xem *Sn*. 184.

Những tư tưởng như vậy,
Không chi phối các vị.
Sanh khởi đã chấm dứt,
Phạm hạnh được viên thành,
Họ lìa bỏ kiết sử,
Hoàn toàn được giải thoát.

VIII. KINH PHÒNG HỘ CÁC CĂN (*Indriyasaṃvarasutta*)[65] (*A*. III. 360)

50. Với căn không phòng hộ,[66] này các Tỷ-kheo, với ai khiếm khuyết phòng hộ các căn, giới đi đến hủy hoại.[67] Với giới không có, với ai khiếm khuyết về giới,[68] chánh định đi đến hủy hoại. Với chánh định không có, với ai khiếm khuyết chánh định, tri kiến như thật đi đến hủy hoại. Với tri kiến như thật không có, với ai khiếm khuyết tri kiến như thật, nhàm chán, ly tham đi đến hủy hoại. Với nhàm chán, ly tham không có, với ai khiếm khuyết nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến hủy hoại.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây với cành và lá khiếm khuyết, thời các chồi non không đi đến viên mãn, vỏ cây không đi đến viên mãn, giác cây không đi đến viên mãn, lõi cây không đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với căn không phòng hộ, với người khiếm khuyết phòng hộ các căn, giới đi đến hủy hoại... giải thoát tri kiến đi đến hủy hoại.

Với các căn được phòng hộ, này các Tỷ-kheo, với người đầy đủ các căn được phòng hộ, giới đi đến đầy đủ. Với giới có mặt, với người đầy đủ giới, chánh định đi đến đầy đủ. Với chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định, tri kiến như thật đi đến đầy đủ. Với tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như thật, nhàm chán, ly tham đi đến đầy đủ. Với nhàm chán, ly tham có mặt, với người đầy đủ nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây với cành và lá đầy đủ, thời chồi non đi đến viên mãn, vỏ cây đi đến viên mãn, giác cây đi đến viên mãn, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với căn được phòng hộ, với người đầy đủ phòng hộ các căn, giới đi đến đầy đủ... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

IX. KINH TÔN GIẢ ĀNANDA (*Ānandasutta*) (*A*. III. 361)

51. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào

---

[65] Bản tiếng Anh của PTS: *The Senses*, nghĩa là *Các căn*. Tham chiếu: *Niệm kinh* 念經 (*T*.01. 0026.44. 0485c22); *Tàm quý kinh* 慚愧經 (*T*.01. 0026.45-46. 0486a05-21); *Giới kinh* 戒經 (*T*.01. 0026.47-48. 0486b23-c03); *Cung kính kinh* 恭敬經 (*T*.01. 0026.49-50. 0486c21-0487a15); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.495. 0129a09).

[66] Xem *A*. III. 312.

[67] *Hatūpanisaṃ*. *AA*. III. 381: *Hatūpanisaṃ hotīti hatūpanissayaṃ hoti* ("Đi đến hủy hoại" nghĩa là do có nguyên nhân khiến hủy hoại).

[68] *Vipanna*, từ ngữ căn √*pad*, nghĩa là rơi xuống.

đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Cho đến như thế nào, thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo nghe pháp trước kia chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rối loạn;[69] còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết?

– Tôn giả Ānanda là vị nghe nhiều, Tôn giả hãy nói lên![70]

– Vậy thưa Hiền giả Sāriputta, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Sāriputta vâng đáp Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda nói như sau:

– Ở đây, thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo học thông suốt pháp, tức là: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng (hay Trí giải). Vị ấy thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy khiến cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy tụng đọc pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Vị ấy với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở, các vị nghe nhiều được trao truyền các tập A-hàm (*Āgama*), bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, tại các chỗ ấy, vị ấy an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đi đến các Tôn giả ấy; sau khi đến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: "Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì?" Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các Tôn giả ấy giải thích các sự nghi ngờ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả Sāriputta, Tỷ-kheo nghe pháp chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rối loạn; còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành, và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết.

– Thật vi diệu thay, thưa Hiền giả! Thật hy hữu thay, thưa Hiền giả! Khéo nói cho đến như vậy, chính là điều đã được Tôn giả Ānanda nói lên. Và chúng tôi thọ trì rằng Tôn giả Ānanda đã được thành tựu sáu pháp:

Tôn giả Ānanda học thông suốt pháp, tức là: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Tôn giả Ānanda thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã nghe, như đã được học thông suốt. Tôn giả Ānanda khiến cho các người khác nói lên pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt. Tôn giả Ānanda đọc tụng pháp một cách rộng rãi, như đã được nghe, như đã được học một cách thông suốt. Tôn giả Ānanda với tâm tùy tầm,

[69] *Na sammosaṃ gacchanti.*

[70] *Paṭibhātu āyasmataṃyena ānanda.*

tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Tôn giả Ānanda, tại trú xứ nào các Tỷ-kheo trưởng lão trú ở, các vị nghe nhiều được trao truyền các tập *Āgama*, bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, tại các chỗ ấy, Tôn giả Ānanda an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đến các vị ấy, sau khi đến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: "Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì?" Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các vị ấy giải thích các sự nghi ngờ.

X. KINH VỊ SÁT-ĐẾ-LỴ (*Khattiyasutta*)[71] (*A.* III. 362)

52. Rồi Bà-la-môn Jāṇussoṇi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Đối với Sát-đế-lỵ, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh[72] cái gì?

– Đối với Sát-đế-lỵ, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, sức mạnh là điểm tựa, xu hướng là trái đất, cứu cánh là tự tại.

– Nhưng đối với Bà-la-môn, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với Bà-la-môn, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, chú thuật là điểm tựa, tế tự là xu hướng, cứu cánh là Phạm thiên giới.

– Nhưng đối với gia chủ, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với gia chủ, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, nghề nghiệp là điểm tựa, công việc là xu hướng, thành tựu công việc là cứu cánh.

– Nhưng đối với nữ nhân, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành tận cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với nữ nhân, này Bà-la-môn, đàn ông là mong muốn, trang điểm là cận hành, điểm tựa là con cái, không có địch thủ (*asapatī*) là xu hướng, tự tại là cứu cánh.

– Nhưng đối với người ăn trộm, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với người ăn trộm, này Bà-la-môn, đồ lấy được là mong muốn, rừng rậm là cận hành, đao trượng là điểm tựa, tối tăm là xu hướng, không bị thấy là cứu cánh.

---

[71] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.37.8. 0714b13); *Hà dục kinh* 何欲經 (*T.*02. 0026.149. 0660c01).

[72] *Adhippāyā, upavicārā, adhiṭṭhānā, abhinivesā, pariyosānā*: Mong muốn, cận hành (tư niệm), điểm tựa, xu hướng, cứu cánh.

– Nhưng đối với Sa-môn, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với Sa-môn, này Bà-la-môn, nhẫn nhục, nhu hòa là mong muốn, trí tuệ là cận hành, giới hạnh là điểm tựa, không có sở hữu là xu hướng, Niết-bàn là cứu cánh.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng và cứu cánh của các Sát-đế-ly. Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng, cứu cánh của các Bà-la-môn... của các gia chủ... của các nữ nhân... của các người ăn trộm... của các Sa-môn. Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung con xin trọn đời quy ngưỡng.

XI. KINH KHÔNG PHÓNG DẬT (*Appamādasutta*)[73] (*A*. III. 364)

53. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Có một pháp nào, thưa Tôn giả Gotama, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm (*samadhiggayha*) và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai?

– Có một pháp, này Bà-la-môn, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai.

– Một pháp ấy là gì, thưa Tôn giả Gotama, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai?

– Không phóng dật, này Bà-la-môn là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Ví như, này Bà-la-môn, phàm có những dấu chân của các loài bộ hành nào, tất cả dấu chân ấy đều được thâu nhiếp (*samodhānaṃ*) trong dấu chân voi; dấu chân voi được gọi là tối thắng trong các dấu chân ấy; cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Ví như này Bà-la-môn, trong một ngôi nhà có nóc nhọn,[74] tất cả rui kèo đều hướng về nóc nhọn, thiên về nóc nhọn, quy tụ về nóc nhọn, nóc nhọn được gọi là tối thắng trong các vật ấy; cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật... Ví như, này Bà-la-môn, người cắt cỏ, trong khi cắt cỏ, sau khi túm lấy đầu các ngọn cỏ, liền lùa cỏ qua lại, giũ cỏ lên xuống và đập cỏ; cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật... Ví như, này Bà-la-môn, nhánh cây có chùm xoài[75] bị chặt đứt, tất cả

[73] Tham chiếu: *Giáo Đàm-di kinh* 教曇彌經 (*T*.01. 0026.130. 0618b18).

[74] Xem *A*. III. 9; V. 21; *S*. III. 156; V. 43.

[75] Xem *D*. I. 46; *S*. III. 156; *Vism*. 356.

trái xoài dính với nhánh ấy đều bị chung một số phận với nhánh kia; cũng vậy, này Bà-la-môn... Ví như, này Bà-la-môn, phàm có các tiểu vương nào,[76] tất cả đều tùy thuộc Vua Chuyển Luân; Vua Chuyển Luân được gọi là tối thắng trong các vị vua ấy; cũng vậy, này Bà-la-môn... Ví như, này Bà-la-môn, ánh sáng của các vì sao,[77] tất cả ánh sáng các ngôi sao không bằng giá trị một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng; ánh sáng của mặt trăng được gọi là tối thắng trong tất cả ánh sáng; cũng vậy, này Bà-la-môn, không phóng dật là một pháp được tu tập, được làm cho sung mãn, bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai. Đây là một pháp, này Bà-la-môn, được tu tập, được làm cho sung mãn, pháp ấy bao trùm và an trú hai lợi ích: Lợi ích hiện tại và lợi ích trong tương lai.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

XII. KINH DHAMMIKA (*Dhammikasutta*)[78] (*A*. III. 366)

54. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Lúc bấy giờ, Tôn giả Dhammika trú tại chỗ sanh trưởng của mình và có tất cả bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng ấy. Tại đấy, Tôn giả Dhammika đối với các khách Tỷ-kheo, mắng nhiếc (*akkosati*), quở trách (*paribhāsati*), não hại (*vihiṃsati*), châm biếm (*vitudati*), khiến họ tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, khiến họ tức giận với những lời nói, liền bỏ đi, không có an trú và từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gì, các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ?"

Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: "Có Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika đi chỗ khác."

Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, thưa với Tôn giả Dhammika: "Thưa Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy từ bỏ trú xứ này, Tôn giả trú ở đây đã vừa đủ rồi."

---

[76] Xem *A*. V. 22; *M*. III. 173; *S*. V. 44.

[77] Xem *A*. IV. 151; *It*. 19; *J*. V. 63.

[78] Tham chiếu: *A-lan-na kinh* 阿蘭那經 (*T*.01. 0026.160. 0682b10).

Rồi Tôn giả Dhammika từ bỏ trú xứ ấy, đi đến một trú xứ khác. Tại đấy, Tôn giả Dhammika mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói, liền bỏ đi, không an trú, từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gì, các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ?"

Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: "Có Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika đi đến chỗ khác."

Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, thưa với Tôn giả Dhammika: "Thưa Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy từ bỏ trú xứ này, Tôn giả trú ở đây đã vừa đủ rồi."

Rồi Tôn giả Dhammika từ bỏ trú xứ ấy, đi đến một xứ khác. Tại đấy, Tôn giả Dhammika mắng nhiếc các khách Tỷ-kheo, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Và các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm cho tức giận với những lời nói, liền bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ như sau: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nhưng các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Do nhân gì, do duyên gì, các khách Tỷ-kheo lại bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ?"

Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng suy nghĩ: "Có Tôn giả Dhammika này mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói. Các khách Tỷ-kheo ấy bị Tôn giả Dhammika mắng nhiếc, quở trách, não hại, châm biếm, làm họ tức giận với những lời nói, nên bỏ đi, không có an trú, từ bỏ trú xứ. Vậy chúng ta hãy mời Tôn giả Dhammika rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng." Rồi các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng đi đến Tôn giả Dhammika; sau khi đến, nói với Tôn giả Dhammika: "Thưa Tôn giả, Tôn giả Dhammika hãy rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng."

Rồi Tôn giả Dhammika suy nghĩ: "Ta đã bị các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng. Nay ta sẽ đi đến chỗ nào? Ta hãy đi đến Thế Tôn." Rồi Tôn giả Dhammika cầm y bát ra đi, hướng đến Rājagaha, dần dần đi đến Gijjhakūṭa tại Rājagaha; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Dhammika đang ngồi một bên:

– Này Bà-la-môn Dhammika, ông đi từ đâu đến?

– Bạch Thế Tôn, con bị các cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời rời bỏ hoàn toàn bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng.

– Thôi vừa rồi, này Bà-la-môn Dhammika. Sự việc này, đối với ông có hề hấn gì. Dầu họ có mời ông từ bỏ tại chỗ nào, chỗ nào, sau khi đã từ bỏ chỗ ấy, chỗ ấy, ông đã đi đến gần Ta.

Trong quá khứ, này Bà-la-môn Dhammika, các nhà buôn đường biển đem theo một con chim để tìm bờ, khi họ đi tàu ra biển. Khi chiếc tàu ra xa, không thấy bờ, họ thả con chim đi tìm bờ. Con chim bay về hướng Đông, bay về hướng Tây, bay về hướng Bắc, bay về hướng Nam, bay về hướng trên, bay về hướng gió. Nếu nó thấy bờ xung quanh, nó liền bay luôn; nếu nó không thấy bờ xung quanh, nó bay trở lại tàu. Cũng vậy, này Bà-la-môn Dhammika, dầu họ có mời ông từ bỏ tại chỗ nào, chỗ nào, sau khi đã từ bỏ chỗ ấy, chỗ ấy, ông đã đi đến gần Ta.

Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, Vua Koravya có một cây bàng chúa tên là Suppatiṭṭha, cây này có năm cành, có bóng mát dịu, rất là khả ý. Này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatiṭṭha tỏa rộng ra đến mười hai do-tuần, các rễ mọc lan rộng đến năm do-tuần. Này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatiṭṭha có những trái cây to lớn, lớn như những cái nồi con, những trái cây ngọt lịm như vậy trong sáng và ngọt như mật ong. Này Bà-la-môn Dhammika, vua với các cung nữ hưởng thụ một cành cây của cây bàng chúa Suppatiṭṭha; quân đội hưởng thụ một cành; các dân chúng và quốc độ hưởng thụ một cành; các Sa-môn, Bà-la-môn hưởng thụ một cành; các loài thú, loài chim hưởng thụ một cành. Này Bà-la-môn Dhammika, không có ai phòng hộ các trái của cây bàng chúa Suppatiṭṭha, và không có ai hại nhau vì trái cây. Rồi này Bà-la-môn Dhammika, một người sau khi đã ăn hết cho đến thỏa thích những trái của cây bàng chúa Suppatiṭṭha, liền bẻ gãy một cành rồi bỏ đi.

Rồi này Bà-la-môn Dhammika, vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatiṭṭha suy nghĩ như sau: "Thật kỳ lạ thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Con người lại ác cho đến như vậy. Sau khi ăn cho đến thỏa thích các trái của cây bàng chúa Suppatiṭṭha, lại bẻ một cành rồi bỏ đi. Vậy cây bàng chúa Suppatiṭṭha hãy đừng sanh trái nữa trong tương lai." Rồi này Bà-la-môn Dhammika, cây bàng chúa Suppatiṭṭha không sanh trái nữa trong tương lai.

Rồi này Bà-la-môn Dhammika, Vua Koravya đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến, thưa với Thiên chủ Sakka: "Tôn giả có biết không, cây bàng chúa Suppatiṭṭha không sanh trái nữa!" Rồi này Bà-la-môn Dhammika, Thiên chủ Sakka thực hiện thần thông khiến cho mưa to gió lớn khởi lên, làm cây bàng chúa Suppatiṭṭha ngã xuống và bật gốc rễ. Này Bà-la-môn Dhammika, vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatiṭṭha khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc lóc, đứng một bên.

Này Bà-la-môn Dhammika, rồi Thiên chủ Sakka đi đến vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatiṭṭha; sau khi đến, nói với vị thiên trú ở cây bàng chúa Suppatiṭṭha như sau:

"Vì sao, này vị thiên kia, ông lại khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc lóc, đứng một bên?"

"Thưa Tôn giả, có cơn mưa to, gió lớn khởi lên, làm cho chỗ trú xứ của con bị ngã xuống và bật gốc rễ lên."

"Này vị thiên kia, có phải ông đang gìn giữ cây pháp (*rukkhadhamma*), nhưng cơn mưa to lớn ấy nổi lên làm trú xứ của ông bị ngã xuống và bật gốc rễ lên?"

"Làm thế nào, thưa Tôn giả, một cây được gìn giữ như một cây pháp?"

"Ở đây, này vị thiên kia, những người cần rễ đến lấy rễ cây đi, những người cần vỏ đến lấy vỏ cây đi, những người cần lá đến lấy lá đi, những người cần bông đến lấy bông đi, những người cần trái đến lấy trái đi; như vậy, không có gì để khiến cho một vị thiên phải không hoan hỷ, không vui vẻ. Như vậy là một cây được gìn giữ như một cây pháp."

"Thưa Tôn giả, con không gìn giữ một cây pháp, khi cơn mưa to lớn ấy nổi lên, làm chỗ trú xứ của con ngã xuống và bật gốc rễ lên."

"Này vị thiên kia, nếu ông gìn giữ cây pháp, thời trú xứ của ông sẽ trở lại như xưa."

"Thưa Tôn giả, con sẽ gìn giữ cây pháp, mong rằng trú xứ của con trở lại như xưa."

Rồi Thiên chủ Sakka thực hiện thần thông khiến cho mưa to, gió lớn đến dựng đứng lại cây bàng chúa và chữa lành những rễ cây.

Cũng vậy, này Bà-la-môn Dhammika, ông có gìn giữ Sa-môn pháp khi các người cư sĩ tại chỗ sanh trưởng mời ông đi khỏi bảy trú xứ tại chỗ sanh trưởng không?

– Như thế nào, thưa Tôn giả, là một Sa-môn gìn giữ Sa-môn pháp?

– Như thế này, này Bà-la-môn Dhammika, ở đây, một Sa-môn không có mắng nhiếc lại người đã mắng nhiếc mình, không có tức giận người đã tức giận mình, không có quở trách[79] người đã quở trách mình. Như vậy, này Bà-la-môn Dhammika, là vị Sa-môn gìn giữ Sa-môn pháp.

– Thưa Tôn giả, con không gìn giữ Sa-môn pháp khi những người cư sĩ ở tại chỗ sanh trưởng mời con đi khỏi hoàn toàn bảy trú xứ trong chỗ được sanh trưởng.

– Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, có một ngoại đạo sư tên là Sunetta (Diệu Nhãn) đã viễn ly các dục. Này Bà-la-môn Dhammika, ngoại đạo sư Sunetta có hàng trăm đệ tử. Ngoại đạo sư Sunetta thuyết pháp về cộng trú tại Phạm thiên giới cho các đệ tử. Những ai nghe ngoại đạo sư Sunetta thuyết giảng về cộng trú tại Phạm thiên giới, này Bà-la-môn Dhammika, tâm không được hoan hỷ, các người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ,

---

[79] *Paṭibhaṇḍati*. Xem *A*. II. 215.

địa ngục. Còn những ai, này Bà-la-môn Dhammika, nghe ngoại đạo sư Sunetta thuyết giảng về cộng trú tại Phạm thiên giới, tâm được hoan hỷ, các người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Thuở xưa, này Bà-la-môn Dhammika, có ngoại đạo sư tên là Mūgapakkha... có ngoại đạo sư tên là Aranemi... có ngoại đạo sư tên là Kuddālaka... có ngoại đạo sư tên là Hatthipāla... có ngoại đạo sư tên là Jotipāla đã viễn ly các dục... được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Ông nghĩ thế nào, này Bà-la-môn Dhammika, đối với sáu ngoại đạo sư này đã viễn ly các dục, hay đối với chúng đệ tử hàng trăm hội chúng của những vị ấy, ai với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, như vậy có sanh khởi ra nhiều vô phước không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Thật vậy, này Bà-la-môn Dhammika, đối với sáu ngoại đạo sư này đã viễn ly các dục, hay đối với chúng đệ tử hàng trăm hội chúng của những vị ấy, ai với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, có sanh khởi ra nhiều vô phước. Còn ai, đối với vị đầy đủ chánh kiến, với tâm uế nhiễm, mắng nhiếc, quở trách, như vậy sanh khởi ra nhiều vô phước hơn nữa. Vì cớ sao? Ta tuyên bố rằng, này Bà-la-môn Dhammika, sự tổn hại đối với các ngoại đạo sư như vậy không bằng sự tổn hại nếu đối xử với các vị đồng Phạm hạnh. Do vậy, này Bà-la-môn Dhammika, cần phải học tập như sau:

"Chúng tôi sẽ không có tâm uế nhiễm đối với vị đồng Phạm hạnh." Này Bà-la-môn Dhammika, các ông cần phải học tập như vậy.

Các vị Bà-la-môn,
Như Sư Sunetta,
Sư Mūgapakkha,
Và Aranemi,
Sư Kuddālaka,
Và Hatthipāla,
Sư Jotipāla,
Và Sư Govinda,
Là Quốc sư thứ bảy.
Sáu sư bạn vị này,
Là những vị danh tiếng,
Quá khứ không hại ai,
Thoát hôi hám, từ bi,
Giải thoát dục kiết sử,
Thoát ly tham ái dục,
Đạt được Phạm thiên giới.
Và các hàng đệ tử,
Con số lên hàng trăm,
Thoát hôi hám, từ bi,
Giải thoát dục kiết sử,

Thoát ly tham ái dục,
Đạt được Phạm thiên giới.
Ẩn sĩ ngoại đạo ấy,
Ly tham, tâm thiền định,
Nếu với tâm uế nhiễm,
Có ai mắng nhiếc họ,
Người như vậy tạo ra,
Rất nhiều sự vô phước.
Đối một đệ tử Phật,
Tỷ-kheo có chánh kiến,
Nếu với tâm uế nhiễm,
Có ai mắng vị ấy,
Người như vậy tạo ra,
Nhiều vô phước hơn nữa.
Chớ phật lòng bậc thiện,
Hãy từ bỏ kiến xứ,[80]
Tối thượng trong Thánh chúng,
Vị ấy được gọi vậy.
Ai chưa ly các dục,[81]
Năm căn còn mềm dịu,[82]
Tín, niệm và tinh tấn,
Với chỉ và với quán,
Nếu phật ý vị ấy,
Trước hết tự hại mình,
Sau khi tự hại mình,
Lại hại đến người khác.
Ai tự bảo vệ mình,
Bề ngoài cũng bảo vệ,[83]
Do vậy bảo vệ mình,
Bậc trí không tổn hại.

---

[80] Chỉ cho bậc A-la-hán.

[81] Chỉ cho bậc Bất Lai.

[82] *A*. II. 151, chỉ cho bậc Nhất Lai.

[83] *A*. III. 373: *Akkhato*. *AA*. III. 388: *Akkhatoti guṇakhaṇanena akkhato anupahato hutvā* ("Không tổn hại" nghĩa là không bị phá hoại, không bị chỉ trích do sự soi mói về đức hạnh).

NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI

VI. PHẨM LỚN
(*MAHĀVAGGA*)

I. KINH SOṆA (*Soṇasutta*)[84] (*A*. III. 374)

55. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Rājagaha (Vương Xá), Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, Tôn giả Soṇa trú ở Rājagaha, tại rừng Sīta. Rồi Tôn giả Soṇa,[85] trong khi độc cư thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Những ai là đệ tử Thế Tôn, sống tinh cần tinh tấn, ta là một trong những vị ấy. Nhưng ta còn chấp thủ, tâm chưa giải thoát khỏi các lậu hoặc. Gia đình ta có tài sản, ta có thể hưởng thọ tài sản ấy và làm các công đức. Vậy ta hãy từ bỏ học pháp, hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức."

Rồi Thế Tôn, với tâm của mình biết được tâm của Tôn giả Soṇa, như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất từ Gijjhakūṭa, hiện ra trước mặt Tôn giả Soṇa, ở rừng Sīta. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Soṇa đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Soṇa đang ngồi một bên:

– Này Soṇa, có phải trong khi ông độc cư thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Những ai là đệ tử Thế Tôn, sống tinh cần tinh tấn, ta là một trong những vị ấy. Nhưng ta còn chấp thủ, tâm chưa giải thoát các lậu hoặc. Gia đình ta có tài sản, ta có thể hưởng thọ tài sản ấy và làm các công đức. Vậy ta hãy từ bỏ học pháp, hoàn tục, thọ hưởng tài sản và làm các công đức"?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ thế nào, này Soṇa? Có phải thuở trước, khi còn là gia chủ, ông giỏi đánh đàn tỳ-bà (*vīṇā*) có dây?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ông nghĩ thế nào, này Soṇa, khi những sợi dây đàn tỳ-bà của ông quá căng, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của ông có phát âm hay sử dụng được không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

---

[84] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.23.3. 0612a17); *Sa-môn nhị thập ức kinh* 沙門二十億經 (*T.*01. 0026.123. 0611c26); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.254. 0062b22).

[85] Đây là Soṇa Koḷivisa. Xem *Pss. Breth.* 275ff. Kinh này cũng được tìm thấy ở *Vin.* I. 179, 185.

– Ông nghĩ thế nào, này Soṇa, khi những sợi dây đàn tỳ-bà của ông quá chùng, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của ông có phát âm hay sử dụng được không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Nhưng này Soṇa, khi những sợi dây đàn tỳ-bà của ông không quá căng thẳng, không quá chùng xuống, nhưng vặn đúng mức trung bình, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của ông có phát âm hay sử dụng được không?

– Thưa được, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Soṇa, khi tinh cần tinh tấn quá căng thẳng, thời đưa đến dao động; khi tinh cần tinh tấn quá thụ động, thời đưa đến biếng nhác. Do vậy, này Soṇa, ông phải an trú tinh tấn một cách bình đẳng, thể nhập các căn một cách bình đẳng, rồi tại đấy nắm giữ tướng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Soṇa vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn, sau khi giáo giới Tôn giả Soṇa với lời giáo giới, như một nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, Thế Tôn biến mất tại rừng Sīta và hiện ra ở Gijjhakūṭa.

Rồi Tôn giả Soṇa, sau một thời gian an trú định hợp với tinh tấn, thể nhập các căn một cách bình đẳng và tại đấy nắm giữ tướng; rồi Tôn giả Soṇa sống độc cư, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, do mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc gì nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Tôn giả Soṇa trở thành một vị A-la-hán. Sau khi chứng được A-la-hán, Tôn giả Soṇa suy nghĩ như sau: “Ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, ta sẽ nói lên ý nghĩa này với Thế Tôn.” Rồi Tôn giả Soṇa đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Soṇa bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, Phạm hạnh đã thành, đã làm những việc cần làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích, hữu kiết sử đã trừ diệt, đã được giải thoát nhờ chánh trí, vị ấy có sáu chỗ để xu hướng: Xu hướng xuất ly, xu hướng viễn ly, xu hướng vô sân, xu hướng ái diệt, xu hướng thủ diệt, xu hướng vô si.

Bạch Thế Tôn, có thể ở đây, một số Tôn giả suy nghĩ như sau: “Có Tôn giả này hoàn toàn chỉ y cứ trên tín, có xu hướng xuất ly.” Vị Tôn giả ấy chớ có quan niệm như vậy. Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bạch Thế Tôn, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn thấy trong mình còn gì cần làm hay còn gì cần phải làm thêm; do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng xuất ly; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng xuất ly; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng xuất ly.

Bạch Thế Tôn, có thể ở đây, một số Tôn giả suy nghĩ như sau: "Tôn giả này do tham muốn lợi dưỡng, cung kính, danh tiếng nên hướng tâm về xu hướng viễn ly." Tôn giả ấy chớ có quan niệm như vậy. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, không còn thấy trong mình còn gì cần làm hay còn gì cần phải làm thêm; do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng viễn ly; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng viễn ly; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng viễn ly.

Bạch Thế Tôn, có thể ở đây, một số Tôn giả suy nghĩ như sau: "Do đi ngược trở lại tối thắng giới cấm thủ, Tôn giả này hướng tâm đến xu hướng vô sân." Tôn giả ấy chớ có quan niệm như vậy. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu Phạm hạnh, đã làm những việc phải làm, không còn thấy trong mình còn gì cần phải làm hay còn gì cần phải làm thêm; do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô sân; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô sân; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô sân... do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng ái diệt; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng ái diệt; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng ái diệt... do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng thủ diệt; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng thủ diệt; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng thủ diệt... do đoạn diệt tham ái, do viễn ly tham ái, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si; do đoạn diệt sân, do viễn ly sân, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si; do đoạn diệt si, do viễn ly si, vị ấy hướng tâm đến xu hướng vô si.

Như vậy, với Tỷ-kheo có tâm chơn chánh giải thoát, bạch Thế Tôn, nếu nhiều sắc do mắt nhận thức đi vào trong giới vức của mắt, chúng không chinh phục tâm vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng; nếu nhiều tiếng do tai nhận thức... nếu nhiều hương do mũi nhận thức... nếu nhiều vị do lưỡi nhận thức... nếu nhiều xúc do thân nhận thức... nếu nhiều pháp do ý nhận thức đi vào trong giới vức của ý, chúng không chinh phục tâm của vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng.

Ví như, bạch Thế Tôn, một hòn núi đá không có rạn nứt, không có trống bọng, một tảng đá lớn, nếu từ phương Đông mưa to gió lớn đến, không có làm rung động, rung chuyển, chuyển động mạnh núi đá ấy; nếu từ phương Tây mưa to gió lớn đến... nếu từ phương Bắc mưa to gió lớn đến... nếu từ phương Nam mưa to gió lớn đến không có làm rung động, rung chuyển, chuyển động mạnh núi đá ấy.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, với Tỷ-kheo có tâm chơn chánh giải thoát, nếu nhiều sắc do mắt nhận thức đi vào trong giới vức của mắt, chúng không chinh phục tâm vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng; nếu nhiều tiếng do tai nhận thức... nếu nhiều

hương do mũi nhận thức... nếu nhiều vị do lưỡi nhận thức... nếu nhiều xúc do thân nhận thức… nếu nhiều pháp do ý nhận thức đi vào trong giới vức của ý, chúng không chinh phục tâm vị ấy, và tâm vị ấy không lộn xộn, an trú, đạt được không dao động, quán thấy tánh diệt của chúng.

Với ai hướng xuất ly,
Tâm xu hướng viễn ly,
Với ai hướng vô sân,
Tâm xu hướng thủ diệt,
Với ai hướng ái diệt,
Tâm xu hướng vô si,
Có thấy xứ sanh khởi,
Tâm được chánh giải thoát.
Với vị chánh giải thoát,
Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,
Không cần làm thêm gì,
Không có gì phải làm.
Như hòn núi đá tảng,
Gió không thể dao động.
Cũng vậy, toàn thể sắc,
Vị, tiếng, hương và xúc,
Cho đến tất cả pháp,
Khả ái, không khả ái,
Cũng không thể dao động.
Một vị được như vậy,
Tâm kiên trú, giải thoát,
Thấy tánh diệt của chúng.

II. KINH PHAGGUNA (*Phaggunasutta*)[86] (*A.* III. 379)

56. Lúc bấy giờ, Tôn giả Phagguna bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phagguna bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn đi đến Tôn giả Phagguna, vì lòng từ mẫn!

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Phagguna. Tôn giả Phagguna thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy, muốn rời khỏi giường. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Phagguna:

– Thôi được rồi, Phagguna! Ông chớ có rời khỏi giường. Đã có những chỗ ngồi đã soạn từ trước, Ta sẽ ngồi tại các chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Phagguna:

---

[86] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1023. 0266c09).

– Này Phagguna, mong rằng ông có thể kham nhẫn! Mong rằng ông có thể chịu đựng! Mong rằng các khổ thọ được giảm thiểu, không tăng trưởng! Mong rằng triệu chứng giảm thiểu được thấy rõ, không tăng trưởng!

– Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng! Khổ thọ của con tăng trưởng, không có giảm thiểu. Triệu chứng tăng trưởng được thấy rõ, không có giảm thiểu. Bạch Thế Tôn, ví như một người lực sĩ chém đầu [một người khác] với một thanh kiếm sắc bén; cũng vậy, bạch Thế Tôn, những ngọn gió kinh khủng thổi lên, đau nhói trong đầu con.

Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng! Khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu. Triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu. Bạch Thế Tôn, như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi siết chặt; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con cảm thấy bị đau đầu một cách kinh khủng.

Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Khổ thọ của con gia tăng, không thể giảm thiểu. Triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu. Bạch Thế Tôn, như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy, bạch Thế Tôn, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng của con.

Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu. Triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu. Bạch Thế Tôn, ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hừng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân của con. Bạch Thế Tôn, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thọ của con gia tăng, không có giảm thiểu. Triệu chứng gia tăng được thấy rõ, không có giảm thiểu.

Rồi Thế Tôn với pháp thoại, nói lên cho Tôn giả Phagguna biết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Tôn giả Phagguna, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, liền mệnh chung. Trong khi Tôn giả mệnh chung, các căn được sáng chói. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Phagguna, sau khi Thế Tôn ra đi không bao lâu, đã mệnh chung. Trong khi Tôn giả mệnh chung, các căn được sáng chói.

– Này Ānanda, tại sao các căn của Tôn giả Phagguna lại không sáng chói? Này Ānanda, với Tỷ-kheo Phagguna, tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Sau khi nghe pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Có sáu lợi ích này, này Ānanda, nếu nghe pháp đúng thời và thẩm sát ý nghĩa đúng thời. Thế nào là sáu?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, được thấy Như Lai. Như Lai thuyết

pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Đây là lợi ích thứ nhất, này Ānanda, khi được nghe pháp đúng thời.

Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Như Lai, nhưng chỉ được thấy đệ tử Như Lai. Đệ tử Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Này Ānanda, đây là lợi ích thứ hai khi được nghe pháp đúng thời.

Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm chưa được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, vị ấy trong khi mệnh chung, không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử của Như Lai; nhưng với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thông suốt, do vị ấy, với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thông suốt, nên tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử. Này Ānanda, đây là lợi ích thứ ba khi thẩm sát ý nghĩa đúng thời.

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung được thấy Như Lai. Và Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện... đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Này Ānanda, đây là lợi ích thứ tư khi được nghe pháp đúng thời.

Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm đã được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung không được thấy Như Lai, chỉ được thấy đệ tử của Như Lai. Đệ tử của Như Lai thuyết pháp cho vị ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện... đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Sau khi được nghe thuyết pháp, tâm vị ấy được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y. Này Ānanda, đây là lợi ích thứ năm khi được nghe pháp đúng thời.

Lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo với tâm được giải thoát khỏi năm hạ phần kiết sử, nhưng tâm chưa được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y, vị ấy trong khi mệnh chung không được thấy Như Lai, cũng không được thấy đệ tử của Như Lai; nhưng với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được học thông suốt; do vị ấy với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thông suốt, nên tâm được giải thoát đối với vô thượng đoạn diệt sanh y này. Này Ānanda, đây là lợi ích thứ sáu khi được thẩm sát ý nghĩa đúng thời.

Có sáu lợi ích này, này Ānanda, khi được nghe pháp đúng thời và khi được thẩm sát ý nghĩa đúng thời.

III. KINH SÁU SANH LOẠI (*Chaḷabhijātisutta*)[87] (*A*. III. 383)

57. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Pūraṇa Kassapa trình bày sáu sanh loại:[88] Sanh loại đen, sanh loại xanh, sanh loại đỏ, sanh loại vàng, sanh loại trắng, sanh loại hết sức trắng. Ở đây, bạch Thế Tôn, đây là sanh loại đen do Pūraṇa Kassapa trình bày: "Kẻ giết cừu, kẻ giết heo, kẻ giết chim, kẻ săn thú, kẻ hung bạo,[89] người đánh cá, kẻ ăn trộm, kẻ giết người ăn trộm, kẻ ngục tốt và những người khác theo nghề tàn ác." Ở đây, bạch Thế Tôn, đây là các sanh loại xanh do Pūraṇa Kassapa trình bày: "Các Tỷ-kheo sống như cỏ gai đâm bên hông, và tất cả những ai khác chủ trương Nghiệp nhân luận, Nghiệp quả luận." Ở đây, bạch Thế Tôn, đây là các sanh loại đỏ do Pūraṇa Kassapa trình bày: "Các Ni-kiền-đà và những kẻ mặc một tấm vải." Ở đây, bạch Thế Tôn, đây là các sanh loại vàng do Pūraṇa Kassapa trình bày: "Các gia chủ và đệ tử những người ở trần truồng." Ở đây, bạch Thế Tôn, đây là các sanh loại trắng do Pūraṇa Kassapa trình bày: "Các tà mạng ngoại đạo và đệ tử của họ." Ở đây, bạch Thế Tôn, đây là các sanh loại hết sức trắng do Pūraṇa Kassapa trình bày: "Nanda Vaccha, Kisa Saṅkicca và Makkhali Gosāla." Bạch Thế Tôn, sáu sanh loại này do Pūraṇa Kassapa trình bày.

– Này Ānanda, có phải toàn thế giới[90] đều đồng ý chấp nhận sự trình bày thành sáu sanh loại này của Pūraṇa Kassapa không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Ví như, này Ānanda, một người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu, dầu miễn cưỡng không muốn, người ta quăng cho người ấy một miếng thịt và nói: "Hãy ăn miếng thịt này, này người kia và trả tiền luôn." Cũng vậy, này Ānanda, là lời tuyên bố của Pūraṇa Kassapa về sáu sanh loại này cho những Sa-môn, Bà-la-môn ấy, không được họ đồng ý, như bởi một kẻ ngu si, không thông minh, không biết thích ứng,[91] bất thiện. Này Ānanda, Ta tuyên bố có sáu sanh loại, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này Ānanda, thế nào là sáu sanh loại?

Ở đây, này Ānanda, có một số sanh loại đen sanh ra các pháp đen. Ở đây, này Ānanda, có một số sanh loại đen sanh ra pháp trắng. Ở đây, này Ānanda, có một số sanh loại đen sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng. Ở đây, này Ānanda, có một số sanh loại trắng sanh ra pháp đen. Ở đây, này Ānanda, có một

---

[87] Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.15. 0432c10).

[88] *Chaḷabhijātiyo*. Xem *D*. III. 250; *DA*. I. 162; *DB*. I. 72; *KS*. III. 170.

[89] *Luddā*. *AA*. III. 394 viết *dāruṇā*, nghĩa là kẻ hung bạo. Xem *M*. I. 343.

[90] Xem *M*. I. 450 và II. 178.

[91] *Akhettaññunā*: Không hiểu biết về đồng ruộng. Trong *A*. IV. 418, chỉ con bò.

số sanh loại trắng sanh ra pháp trắng. Ở đây, này Ānanda, có một số sanh loại trắng sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng.

Và này Ānanda, thế nào là hạng sanh loại đen sanh ra pháp đen?

Ở đây, này Ānanda, có một số người[92] sanh ra trong gia đình thấp kém như gia đình người đổ phân, hay gia đình người thợ săn, hay gia đình người đan tre, hay gia đình người đóng xe, hay gia đình người quét rác, hay trong gia đình một người nghèo khổ khó tìm được đồ ăn uống để sống, khó tìm cho được đồ ăn, đồ mặc. Và người ấy xấu xí, khó nhìn, lùn thấp, nhiều bệnh hoạn, đui một mắt, tàn tật, què, hay đi khập khiễng, không có được đồ ăn, đồ uống, đồ mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ ở, đèn đuốc. Người ấy làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời, làm ác hạnh về ý. Người ấy do làm ác hạnh về thân, về lời, về ý, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, này Ānanda, là hạng sanh loại đen sanh ra pháp đen.

Và này Ānanda, thế nào là hạng sanh loại đen sanh ra pháp trắng?

Ở đây, này Ānanda, có hạng người sanh ra trong gia đình thấp kém... chỗ nằm, chỗ ở và đèn đuốc. Người ấy làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời, làm thiện hạnh về ý. Người ấy do làm thiện hạnh về thân, về lời, về ý, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào cõi lành, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này Ānanda, là hạng sanh loại đen sanh ra pháp trắng.

Và này Ānanda, thế nào là hạng sanh loại đen sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng?

Ở đây, này Ānanda, có hạng người sanh ra trong gia đình thấp kém... chỗ nằm, chỗ ở và đèn đuốc. Người ấy, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy, sau khi đoạn tận năm triền cái, làm cho muội lược các kiết sử về tâm với trí tuệ, trú tâm trên bốn niệm xứ, như thật tu tập bảy giác chi, sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng. Như vậy, này Ānanda là hạng sanh loại đen sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng.

Và này Ānanda, thế nào là sanh loại trắng sanh ra pháp đen?

Ở đây, này Ānanda, có hạng người sanh ra trong gia đình cao quý như trong gia đình Sát-đế-lỵ đại phú, hay trong gia đình Bà-la-môn đại phú, hay trong gia đình gia chủ đại phú, phú hào, có tiền của lớn, tài sản lớn, có nhiều vàng bạc, có nhiều tài sản, vật dụng, nhiều tiền của, ngũ cốc. Người ấy lại đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, mỹ miều. Người ấy lại được ăn đồ ăn, đồ uống, áo mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về lời, làm ác hạnh về ý. Người ấy do làm ác hạnh về thân, do làm ác hạnh về lời, do làm ác hạnh về ý, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Như vậy, này Ānanda, là hạng sanh loại trắng sanh ra pháp đen.

[92] Xem *A*. I. 107; II. 85; *S*. I. 93.

Và này Ānanda, thế nào là hạng sanh loại trắng sanh ra pháp trắng?

Ở đây, này Ānanda, có hạng người sanh ra trong gia đình cao quý như trong gia đình Sát-đế-ly đại phú... chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy làm thiện hạnh về thân, làm thiện hạnh về lời, làm thiện hạnh về ý. Người ấy do làm thiện hạnh về thân, do làm thiện hạnh về lời, do làm thiện hạnh về ý, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, này Ānanda, là hạng sanh loại trắng sanh ra pháp trắng.

Và này Ānanda, thế nào là hạng sanh loại trắng sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng?

Ở đây, này Ānanda, có hạng người sanh ra trong gia đình cao quý như trong gia đình Sát-đế-ly đại phú... chỗ trú, đèn đuốc. Vị ấy, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy, sau khi đoạn tận năm triền cái, làm cho muội lược các kiết sử về tâm với trí tuệ, trú tâm trên bốn niệm xứ, như thật tu tập bảy giác chi, sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng. Như vậy, này Ānanda, là hạng sanh loại trắng sanh ra Niết-bàn, không đen không trắng.

Này Ānanda, đây là sáu sanh loại.

IV. KINH CÁC LẬU HOẶC (*Āsavasutta*)[93] (*A.* III. 387)

58. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các lậu hoặc phải do phòng hộ mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do phòng hộ; đối với các lậu hoặc phải do thọ dụng mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do thọ dụng; đối với các lậu hoặc phải do kham nhẫn mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do kham nhẫn; đối với các lậu hoặc phải do tránh né mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do tránh né; đối với các lậu hoặc phải do trừ diệt mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do trừ diệt; đối với các lậu hoặc phải do tu tập mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do tu tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do phòng hộ mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ do phòng hộ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh giác sát sống phòng hộ với sự phòng hộ nhãn căn. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ nhãn căn, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên; nếu vị ấy sống phòng hộ với sự phòng hộ nhãn căn, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Vị ấy chơn chánh giác sát sống phòng hộ với sự phòng hộ nhĩ căn... sống phòng hộ với sự phòng hộ tỷ căn... sống phòng hộ với sự phòng

---

[93] Xem toàn kinh trong *M.* I. 9ff. Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.40.6. 0740a25); *Lậu tận kinh* 漏盡經 (*T.*01. 0026.10. 0431c13); *Phật thuyết Nhất thiết lưu nhiếp thủ nhân kinh* 佛說一切流攝守因經 (*T.*01. 0031. 0813a05).

hộ thiệt căn... sống phòng hộ với sự phòng hộ thân căn... sống phòng hộ với sự phòng hộ ý căn. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ ý căn, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên; nếu vị ấy sống phòng hộ với sự phòng hộ ý căn, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ các căn, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên; nếu sống phòng hộ với sự phòng hộ các căn, như vậy các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không có thể khởi lên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc phải do phòng hộ mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ phòng hộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do thọ dụng mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ thọ dụng?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo chơn chánh giác sát thọ dụng y phục chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ với mục đích che đậy sự hổ thẹn. Vị ấy chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn khất thực, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn." Vị ấy chơn chánh giác sát thọ dụng sàng tọa chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ để giải trừ nguy hiểm của thời tiết, chỉ với mục đích sống độc cư an tịnh. Vị ấy chơn chánh giác sát thọ dụng những dược phẩm trị bệnh, chỉ để ngăn chặn các cảm giác thống khổ đã sanh để được ly khổ hoàn toàn. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không chơn chánh giác sát khi thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên; nếu vị ấy có chơn chánh giác sát khi thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc phải do thọ dụng mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ thọ dụng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do kham nhẫn mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ kham nhẫn?

Này các Tỷ-kheo, ở đây có Tỷ-kheo chơn chánh giác sát kham nhẫn lạnh nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; kham nhẫn những cách nói mạ lỵ phỉ báng. Vị ấy có tánh kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên; nếu vị ấy kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc phải do kham nhẫn mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ kham nhẫn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tránh né mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ tránh né?

Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo chơn chánh giác sát tránh né voi dữ, tránh né ngựa dữ, tránh né bò dữ, tránh né chó dữ, rắn, khúc cây, gai góc, hố sâu, vực núi, ao nước nhớp, vũng nước. Những chỗ ngồi không xứng đáng nếu ngồi, những trú xứ không nên lai vãng nếu đến, những bạn bè ác độc, nếu giao du bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghi ngờ, khinh thường; vị ấy chơn chánh giác sát tránh né chỗ ngồi không xứng đáng ấy, trú xứ không nên lai vãng ấy và các bạn bè độc ác ấy. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên; nếu vị ấy tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc phải do tránh né mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ tránh né.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do trừ diệt mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ trừ diệt?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo chơn chánh giác sát không chấp nhận dục niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ khử, diệt tận, không cho tồn tại dục niệm ấy; không chấp nhận sân niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ khử, diệt tận, không cho tồn tại sân niệm ấy; không chấp nhận hại niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ khử, diệt tận, không cho tồn tại hại niệm ấy; không chấp nhận các ác, bất thiện pháp đã khởi lên, từ bỏ, trừ khử, diệt tận, không cho tồn tại các ác, bất thiện pháp ấy. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không trừ khử như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên; nếu vị ấy trừ khử như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc phải do trừ diệt mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ trừ diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tu tập mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ tu tập?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo chơn chánh giác sát tu tập niệm giác chi; niệm giác chi này y xuất ly, y ly tham, y diệt tận, đưa đến từ bỏ, chơn chánh giác sát tu tập trạch pháp giác chi... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi; xả giác chi này y xuất ly, y ly tham, y diệt tận, đưa đến từ bỏ. Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên; nếu vị ấy tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc phải do tu tập mà được đoạn trừ, chúng đã được đoạn trừ nhờ tu tập.

Này các Tỷ-kheo, thành tựu sáu pháp này, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

V. KINH NGƯỜI BÁN CỦI (*Dārukammikasutta*) (*A.* III. 391)

59. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Nātika, tại giảng đường bằng gạch. Bấy giờ, có gia chủ bán củi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ bán củi đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, trong gia đình ông có bố thí không?

– Bạch Thế Tôn, trong gia đình con có bố thí. Những Tỷ-kheo là vị sống ở rừng, theo hạnh khất thực, mặc áo lấy vải lượm từ đống rác, bậc A-la-hán hay bậc thực hành A-la-hán đạo, những Tỷ-kheo như vậy, bạch Thế Tôn, đều được bố thí.

– Nhưng chắc chắn, này gia chủ, đây thực là một sự khó khăn cho ông, một người tại gia thọ dụng các dục, bị con cháu trói buộc, được dùng hương Chiên-đàn từ Kāsi; được đeo và thoa với vòng hoa, hương, hương liệu; được tiêu dùng vàng và bạc[94] để có thể nói ai là bậc A-la-hán, ai là bậc thực hành A-la-hán đạo.

Tỷ-kheo trú tại rừng núi, này gia chủ, nếu tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng, thời vị ấy về phương diện này đáng bị chỉ trích; này gia chủ, nếu Tỷ-kheo trú ở rừng núi, không tháo động, không kiêu căng, không dao động, không lắm mồm lắm miệng, không phát ngôn bừa bãi, chánh niệm, tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, với các căn được phòng hộ, thời vị ấy về phương diện này đáng được tán thán.

Nếu Tỷ-kheo sống ở cuối làng, này gia chủ, tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng, thời vị ấy về phương diện này đáng bị chỉ trích; nếu Tỷ-kheo sống ở cuối làng, này gia chủ, không tháo động, không kiêu căng, không dao động, không lắm mồm lắm miệng, không phát ngôn bừa bãi, chánh niệm, tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, với các căn được phòng hộ, thời vị ấy về phương diện này đáng được tán thán.

Nếu vị Tỷ-kheo theo hạnh khất thực, này gia chủ, nhưng còn tháo động, kiêu căng, dao động, lắm mồm lắm miệng, phát ngôn bừa bãi, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, các căn thả lỏng, thời vị ấy về phương diện này đáng bị chỉ trích; nếu Tỷ-kheo theo hạnh khất thực, này gia chủ, nhưng không tháo động, không kiêu căng, không dao động, không lắm mồm lắm miệng, không phát ngôn bừa bãi, chánh niệm, tỉnh giác, định tĩnh, nhất tâm, với các căn được phòng hộ, thời vị ấy về phương diện này đáng được tán thán.

Nếu Tỷ-kheo nào nhận lời mời, này gia chủ, nhưng còn tháo động... đáng bị chỉ trích; nếu Tỷ-kheo nào nhận lời mời, này gia chủ, nhưng không tháo động... đáng được tán thán. Nếu Tỷ-kheo nào mặc áo bằng vải lượm từ đống rác, này gia chủ, nhưng còn tháo động... đáng bị chỉ trích; nếu Tỷ-kheo nào mặc áo bằng vải lượm từ đống rác, này gia chủ, nhưng không tháo động... đáng được tán thán. Nếu Tỷ-kheo nào mang y từ người gia chủ cúng, này gia chủ, nhưng còn tháo động... đáng bị chỉ trích; nếu Tỷ-kheo nào mang y từ người gia chủ cúng, này gia chủ, nhưng không tháo động... đáng được tán thán. Tuy vậy, này gia chủ, hãy cúng dường chúng Tăng. Nếu ông cúng dường chúng Tăng, tâm sẽ

[94] Xem *A*. IV. 281; *Ud*. 65.

được tịnh tín. Nếu ông có tâm tịnh tín, lúc thân hoại mệnh chung sẽ được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

– Bạch Thế Tôn, bắt đầu từ hôm nay, con sẽ bố thí cúng dường chúng Tăng.

VI. KINH HATTHISĀRIPUTTA (*Hatthisāriputtasutta*)[95] (*A*. III. 392)

60. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại), tại Isipatana, Lộc Uyển. Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi đi khất thực và ăn xong, trên con đường trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà hình tròn và thuyết về Thắng pháp luận. Tại đây, Tôn giả Hatthisāriputta (Citta Hatthisāriputta), trong khi các Tỷ-kheo trưởng lão đang thuyết về Thắng pháp luận, lại nói xen vào chặng giữa. Rồi Tôn giả Mahākoṭṭhika nói với Tôn giả Hatthisāriputta:

– Tôn giả Citta Hatthisāriputta, trong khi các Tỷ-kheo trưởng lão đang thuyết về Thắng pháp luận, chớ có nói xen vào chặng giữa. Tôn giả Citta hãy chờ cho đến cuối câu chuyện.

Được nghe nói vậy, các Tỷ-kheo bạn bè của Tôn giả Citta Hatthisāriputta nói với Tôn giả Mahākoṭṭhika:

– Tôn giả Koṭṭhita chớ có bất mãn với Tôn giả Citta Hatthisāriputta! Tôn giả Citta Hatthisāriputta là bậc Hiền trí. Tôn giả Citta Hatthisāriputta có thể nói chuyện về Thắng pháp luận với các Tỷ-kheo trưởng lão và thật rất khó lòng cho các Hiền giả để biết được tâm tư của người khác.

– Ở đây, thưa các Hiền giả, có hạng người, khi còn sống gần vị Bổn sư hay sống gần một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ sư, trong khi ấy, là người nhu hòa nhất trong những người nhu hòa, là người khiêm tốn nhất trong những người khiêm tốn, là người an tịnh nhất trong những người an tịnh. Khi người ấy rời khỏi bậc Đạo sư, rời khỏi các vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ sư, vị ấy sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, này các Hiền giả, một con bò ăn lúa (*kiṭṭhādo*), bị dây cột lại hay bị nhốt trong chuồng. Này Hiền giả, nếu có ai nói như sau: "Con bò ăn lúa này sẽ không bao giờ đi xuống ruộng lúa nữa", nói như vậy, thưa các Hiền giả, là nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, thưa Hiền giả. Sự kiện này, thưa Hiền giả, có xảy ra: Con bò ăn lúa ấy, sau khi bứt đứt dây, hay phá sập chuồng, có thể xuống ruộng lúa nữa.

– Cũng vậy, này các Hiền giả, ở đây, một số người khi còn sống gần vị Bổn sư, hay sống gần một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ sư, trong khi ấy, là người nhu hòa nhất trong những người nhu hòa, là người khiêm tốn nhất trong

[95] Tham chiếu: *Chi-ly-di-lê kinh* 支離彌梨經 (*T*.02. 0026.82. 0557c17).

những người khiêm tốn, là người an tịnh nhất trong những người an tịnh. Khi người ấy rời khỏi bậc Đạo sư, rời khỏi vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ sư, vị ấy sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục.

Ví như, có hạng người ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Với tư tưởng: "Ta đã được Thiền thứ nhất", vị ấy sống giao thiệp với các Tỷ-kheo... từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, này các Hiền giả, một cơn mưa to lớn xảy ra tại ngã tư đường, khiến cho bụi bặm biến mất và bùn hiện ra. Này các Hiền giả, nếu có ai nói như sau: "Nay tại ngã tư đường này, bụi sẽ không hiện ra nữa", người ấy nói như vậy có nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, thưa Hiền giả. Sự kiện này có xảy ra, thưa Hiền giả: Tại ngã tư đường này, có người đi qua hay có trâu bò đi qua, hay gió và nóng có thể làm cho khô khí ẩm ướt[96] và bụi sẽ hiện ra trở lại.

– Cũng như vậy, thưa các Hiền giả, ở đây có hạng người ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Vị ấy, với ý nghĩ: "Ta đã chứng Thiền thứ nhất", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục.

Ở đây, này các Hiền giả, có hạng người làm cho tịnh chỉ tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Vị ấy, với ý nghĩa: "Ta đã chứng được Thiền thứ hai", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, thưa các Hiền giả, một hồ nước lớn gần một làng hay thị trấn; tại đây, một cơn mưa to xảy đến, khiến cho các loài sò ốc,[97] các đá sỏi biến mất. Này các Hiền giả, nếu có ai nói như sau: "Nay tại hồ nước này, các loại sò ốc, các đá sỏi sẽ không xuất hiện nữa", người ấy nói như vậy có nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, thưa Hiền giả. Sự kiện này có xảy ra, thưa Hiền giả: Tại hồ nước này, loài người có thể uống, hay loài trâu bò có thể uống, hay gió và sức nóng có thể làm cho khô khí ẩm ướt, và các loài sò ốc, các đá sỏi có thể xuất hiện lại.

– Cũng vậy, thưa các Hiền giả, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Vị ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền

---

[96] *Snehagataṃ pariyādiyeyya.* Xem *A.* III. 394.

[97] *Sippisambukā.* Xem *A.* III. 395.

thứ hai", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục.

Ở đây, thưa các Hiền giả, có hạng người từ bỏ hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Vị ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền thứ ba", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, thưa các Hiền giả, có người đã ăn đồ ăn thượng vị, không ưa thích các đồ ăn hôm qua để lại. Này các Hiền giả, nếu có ai nói như sau: "Nay người này không còn ưa thích đồ ăn nữa", thưa các Hiền giả, người ấy nói như vậy có nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, thưa Hiền giả. Sự kiện này có xảy ra, thưa Hiền giả: Người này, khi ăn đồ ăn thượng vị, cho đến khi nào chất dinh dưỡng còn tồn tại trong thân, cho đến khi ấy, không có một món ăn nào khác sẽ làm vị ấy ưa thích. Cho đến khi chất dinh dưỡng tiêu mất, khi ấy món ăn có thể làm cho vị ấy ưa thích.

– Cũng vậy, này các Hiền giả, ở đây có hạng người từ bỏ hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba, vị ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền thứ ba", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục.

Ví như, này các Hiền giả, có hạng người từ bỏ lạc từ bỏ khổ... chứng và trú Thiền thứ tư. Vị ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền thứ tư", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, này các Hiền giả, một hồ nước trong khe núi, không có gió, không có sóng. Rồi thưa các Hiền giả, nếu có ai nói như sau: "Nay trong hồ nước này sẽ không hiện ra sóng nữa", người ấy, thưa các Hiền giả, có nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, thưa Hiền giả. Sự kiện này có thể xảy ra, thưa Hiền giả: Nếu từ phương Đông, mưa to gió lớn đến; mưa to gió lớn ấy làm cho hồ nước ấy nổi sóng; nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam, mưa to gió lớn đến; mưa to gió lớn ấy làm cho hồ nước ấy nổi sóng.

– Cũng vậy, này các Hiền giả, ở đây có hạng người từ bỏ lạc từ bỏ khổ... chứng và trú Thiền thứ tư. Vị ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng được Thiền thứ tư",

sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục.

Ở đây, này các Hiền giả, có hạng người không tác ý tất cả các tướng, chứng đạt và an trú vô tướng tâm định. Vị ấy với ý nghĩ: "Ta đã chứng đạt được vô tướng tâm định", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, đại thần các vua chúa, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, nên tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục. Ví như, thưa các Hiền giả, một vị vua hay đại thần của vua, đang đi giữa đường cùng với bốn loại binh chủng, đến trú ở một đêm tại một khóm rừng. Ở đấy, do tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng bộ binh, tiếng trống lớn, trống nhỏ, tiếng tù và, nên tiếng của con dế biến mất. Rồi này các Hiền giả, có người nói như sau: "Nay trong khóm rừng này, tiếng kêu của con dế không hiện ra nữa", người ấy nói như vậy, thưa các Hiền giả, có nói một cách chơn chánh không?

– Thưa không, thưa Hiền giả. Sự kiện này có xảy ra, thưa Hiền giả: Khi nào vị vua hay vị đại thần của vua ra đi khỏi khóm rừng này, khi ấy tiếng con dế kêu sẽ hiện hữu.

– Cũng vậy, thưa các Hiền giả, ở đây, có hạng người do không tác ý tất cả các tướng, chứng đạt và an trú vô tướng tâm định. Vị ấy với ý nghĩ: "Ta đạt được vô tướng tâm định", sống giao thiệp với các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, với các nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với các vua chúa, các đại thần của vua, với các ngoại đạo, các đệ tử ngoại đạo. Do vị ấy sống giao thiệp, phóng túng, thô lỗ, đam mê nói chuyện, nên tham ái tấn công tâm vị ấy. Vị ấy với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục.

Rồi Tôn giả Citta Hatthisāriputta, sau một thời gian, từ bỏ học pháp và hoàn tục. Rồi các Tỷ-kheo, bạn của Tôn giả Citta Hatthisāriputta đi đến Tôn giả Mahākoṭṭhika; sau khi đến, nói với Tôn giả Mahākoṭṭhika:

– Có phải Tôn giả Mahākoṭṭhika biết được tâm của Citta Hatthisāriputta với tâm của mình: "Citta Hatthisāriputta đã chứng quả chứng này, quả chứng này, hay là chư thiên báo cho biết về vấn đề này; tuy vậy, vị ấy sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục"?

– Thưa chư Hiền, tôi biết được tâm của Citta Hatthisāriputta với tâm của tôi, rằng Citta đã chứng được quả chứng này, quả chứng này, và chư thiên cũng báo cho biết về vấn đề này: "Thưa Tôn giả, Citta Hatthisāriputta đã chứng được quả chứng này, quả chứng này, nhưng vị ấy sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục."

Rồi các bạn bè của Citta Hatthisāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Citta Hatthisāriputta đã chứng được quả chứng này, quả chứng này, nhưng đã từ bỏ học pháp và hoàn tục.

– Này các Tỷ-kheo, Citta không bao lâu sẽ nghĩ đến xuất ly.

Rồi Citta Hatthisāriputta không bao lâu cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Rồi Tôn giả Citta Hatthisāriputta sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng được mục đích mà các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến, đó là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, vị ấy ngay trong hiện tại đã tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

Và Tôn giả Citta Hatthisāriputta trở thành một vị A-la-hán nữa.

VII. KINH TRUNG ĐẠO (*Majjhesutta*)[98] (*A*. III. 399)

61. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, Lộc Uyển. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo trưởng lão, sau khi đi khất thực và ăn xong, trên con đường trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà hình tròn, và câu chuyện sau đây được khởi lên:

– Này chư Hiền, Thế Tôn đã nói như sau về: "Con đường đi đến bờ bên kia" trong câu hỏi của Metteyya:[99]

Ai biết hai cực đoan,
Giữa bậc Trí không nhiễm,
Ta gọi bậc Đại nhân,
Đây vượt người dệt vải.

Thưa Hiền giả, thế nào là một cực đoan? Thế nào là cực đoan thứ hai? Thế nào là chặng giữa? Thế nào là người dệt vải?

Được hỏi vậy, một Tỷ-kheo thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Thưa chư Hiền, xúc là một cực đoan. Xúc tập khởi là cực đoan thứ hai. Xúc diệt là chặng giữa. Ái là người dệt vải; vì rằng ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thể thắng tri, do liễu tri được điều có thể liễu tri, ngay trong hiện tại, vị ấy có thể chấm dứt khổ đau.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Quá khứ, thưa chư Hiền, là một cực đoan. Tương lai là cực đoan thứ hai. Hiện tại là chặng giữa. Ái là người dệt vải; do ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều

---

[98] Bản tiếng Anh của PTS: *The Way to the Beyond*, nghĩa là *Con đường đi đến bờ bên kia*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1164. 0310b20).

[99] Xem *Sn*. 198.

có thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thể thắng tri, do liễu tri được điều có thể liễu tri, ngay trong hiện tại, vị ấy có thể chấm dứt khổ đau.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Lạc,[100] thưa chư Hiền, là một cực đoan. Khổ là cực đoan thứ hai. Không khổ không lạc là chặng giữa. Ái là người dệt vải; do ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thể thắng tri, do liễu tri được điều có thể liễu tri, ngay trong hiện tại, vị ấy có thể chấm dứt khổ đau.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Danh, thưa chư Hiền, là một cực đoan. Sắc là cực đoan thứ hai. Thức là chặng giữa. Ái là người dệt vải; do ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thể thắng tri, do liễu tri được điều có thể liễu tri, ngay trong hiện tại, vị ấy có thể chấm dứt khổ đau.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Sáu nội xứ, thưa chư Hiền, là một cực đoan. Sáu ngoại xứ là cực đoan thứ hai. Thức là chặng giữa. Ái là người dệt vải; do ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thể thắng tri, do liễu tri được điều có thể liễu tri, ngay trong hiện tại, vị ấy có thể chấm dứt khổ đau.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Thân,[101] thưa chư Hiền, là một cực đoan. Thân tập khởi là cực đoan thứ hai. Thân kiến diệt là chặng giữa. Ái là người dệt vải; do ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thể thắng tri, do liễu tri được điều có thể liễu tri, ngay trong hiện tại, vị ấy có thể chấm dứt khổ đau.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo khác thưa với các Tỷ-kheo trưởng lão:

– Thưa chư Hiền, tất cả chúng tôi đã trả lời tùy theo sự hiểu biết của chúng tôi (*yathāsakaṃ*). Thưa chư Hiền, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, chúng ta sẽ hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ thọ trì như vậy.

– Thưa vâng, thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo trưởng lão vâng đáp Tỷ-kheo ấy. Rồi các Tỷ-kheo trưởng lão

---

[100] Xem *D*. III. 216.

[101] *Sakkāya*. Xem *A*. III. 292. *GS*. III. 210.

đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo trưởng lão thuật lại với Thế Tôn tất cả câu chuyện đã xảy ra và thưa:

– Bạch Thế Tôn, ai là người đã khéo nói?

– Tất cả các ông, này các Tỷ-kheo, đều khéo nói theo phương pháp của mình. Nhưng, đây là vấn đề Ta nói về: "Con đường đi đến bờ bên kia" trong các câu hỏi của Metteyya:

Ai biết hai cực đoan,
Giữa bậc Trí không nhiễm,
Ta gọi bậc Đại nhân,
Đây vượt người dệt vải.

Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo trưởng lão vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Xúc, này các Tỷ-kheo, là cực đoan. Xúc tập khởi là cực đoan thứ hai. Xúc diệt là chặng giữa. Ái là người dệt vải; vì rằng ái dệt, nên khiến cho vị ấy phải sanh ở hữu này. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thắng tri được điều có thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri. Do thắng tri được điều có thể thắng tri, liễu tri được điều có thể liễu tri, ngay trong hiện tại, vị ấy có thể chấm dứt khổ đau.

VIII. KINH LỜI CẢM HỨNG (*Purisindriyañāṇasutta*)[102] (*A*. III. 402)

62. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang du hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến một thị trấn của dân chúng Kosala tên là Daṇḍakappaka. Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, ngồi xuống trên chỗ đã được sửa soạn dưới một gốc cây; còn các Tỷ-kheo ấy đi vào Daṇḍakappaka để tìm chỗ ở. Bấy giờ, Tôn giả Ānanda cùng với một số đông Tỷ-kheo, đi đến sông Aciravatī để rửa tay chân; sau khi rửa tay chân ở sông Aciravatī xong, ra khỏi sông, đứng trên bờ, đắp một y để phơi tay chân cho khô.

Rồi một Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, thưa với Tôn giả Ānanda:

– Có phải Thế Tôn tập trung tất cả tâm, thưa Tôn giả Ānanda, để tuyên bố về Devadatta như sau: "Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu độ được", hay có phải nhờ một thiên nhân?

– Thật đúng như Thế Tôn đã tuyên bố.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

[102] Tham chiếu: *A-nô-ba kinh* 阿奴波經 (*T*.01. 0026.112. 0600b28); *Phật thuyết A-nậu-phong kinh* 佛說阿耨風經 (*T*.01. 0058. 0853c20).

– Ở đây, bạch Thế Tôn, với một số đông Tỷ-kheo, con đi đến sông Aciravatī để rửa tay chân; sau khi rửa tay chân ở sông Aciravatī xong, ra khỏi sông, đứng trên bờ đắp một tấm y để phơi tay chân cho khô. Rồi bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo đi đến con; sau khi đến, thưa với con: "Có phải Thế Tôn tập trung tất cả tâm, thưa Tôn giả Ānanda, để tuyên bố về Devadatta như sau: 'Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu độ được', hay có phải nhờ một thiên nhân?"

Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời Tỷ-kheo ấy: "Thưa Hiền giả, thật đúng như Thế Tôn đã tuyên bố."

– Này Ānanda, hoặc Tỷ-kheo ấy là vị tân nhập, xuất gia chưa được bao lâu, hay vị ấy là Tỷ-kheo trưởng lão ngu si, không thông minh. Làm sao khi Ta đã tuyên bố một chiều, ở đây lại có thể có trường hợp thứ hai được? Ta không thể thấy về một người nào khác, này Ānanda, sau khi tập trung tất cả tâm, Ta đã tuyên bố như vậy, trừ với Devadatta! Cho đến khi nào, này Ānanda, Ta thấy một pháp trắng nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa ở Devadatta, thời Ta đã không tuyên bố về Devadatta như sau: "Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu độ được." Cho đến khi nào, này Ānanda, Ta không thấy một pháp trắng nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa ở Devadatta, cho nên Ta đã tuyên bố về Devadatta như sau: "Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu độ được." Ví như, này Ānanda, một hố phân cao hơn đầu người, đầy cả phân, và một người rơi vào hố phân cho đến cả đầu. Rồi một người khác đi đến, muốn lợi ích, muốn hạnh phúc, muốn người ấy an ổn khỏi các khổ ách, muốn kéo người ấy ra khỏi hố phân ấy. Người này đi vòng quanh hố phân và không thấy cho đến một điểm nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa ở người ấy mà không bị dính phân, để có thể nắm lấy chỗ ấy và kéo lên. Cũng vậy, này Ānanda, cho đến khi nào, Ta thấy một pháp trắng nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa ở Devadatta, thời Ta đã không tuyên bố về Devadatta như sau: "Devadatta phải sanh vào đọa xứ, phải sanh vào địa ngục cho đến một kiếp, không thể cứu độ được." Nếu ông muốn nghe, này Ānanda, Như Lai sẽ phân tích về các căn trí của con người.

– Nay đã đến thời, bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời, bạch Thiện Thệ, để Thế Tôn phân tích các căn trí của con người, sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này Ānanda, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này Ānanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người khác: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện." Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp thiện đã biến mất, các pháp bất thiện đang hiện hữu, nhưng còn có cội gốc thiện chưa bị cắt đứt, và pháp thiện sẽ khởi lên từ cội gốc thiện ấy.

Như vậy, người này sẽ không bị thối đọa trong tương lai." Ví như, này Ānanda, các hạt giống[103] chưa bị bể vụn, chưa bị hư thối, chưa bị gió và sức nóng phá hoại, còn giữ được sức sống bám sâu trong cánh đồng, được gieo trên mảnh đất khéo sửa soạn. Này Ānanda, ông có thể biết những hạt giống này sẽ được lớn lên, được tăng trưởng, được lớn mạnh không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Ānanda, ở đây, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người khác: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện." Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp thiện đã biến mất, các pháp bất thiện đang hiện hữu, nhưng còn có cội gốc thiện chưa bị cắt đứt, và pháp thiện sẽ khởi lên từ cội gốc thiện ấy. Như vậy, người này sẽ không bị thối đọa trong tương lai." Như vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình biết được tâm của loài người. Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của con người. Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình biết được pháp sanh khởi trong tương lai.

Ở đây, này Ānanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người khác: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện." Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp bất thiện đã biến mất, các pháp thiện đang hiện hữu, nhưng còn có cội gốc bất thiện chưa bị cắt đứt, và các pháp bất thiện sẽ khởi lên từ cội gốc bất thiện ấy. Như vậy, người này sẽ bị thối đọa trong tương lai." Ví như, này Ānanda, các hạt giống chưa bị bể vụn, chưa bị hư thối, chưa bị gió và sức nóng phá hoại, còn giữ được sức sống, được bám sâu trong cánh đồng, được gieo trên mảnh đất đầy sỏi đá. Này Ānanda, ông có thể rõ biết những hạt giống này sẽ không có thể được lớn lên, được tăng trưởng, được lớn mạnh không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Ānanda, ở đây, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác: "Trong người này có những pháp thiện, có những pháp bất thiện." Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp bất thiện đã biến mất, các pháp thiện đang hiện hữu, nhưng cội gốc của pháp bất thiện chưa được cắt đứt, và các pháp bất thiện sẽ khởi lên từ cội gốc bất thiện ấy. Như vậy, người này sẽ bị thối đọa trong tương lai." Như vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình, đã biết được tâm của loài người. Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của con người. Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình biết được pháp sanh khởi trong tương lai.

Ở đây, này Ānanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác: "Trong người này có những pháp thiện, có những pháp bất thiện." Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Người này không có

[103] Xem *A.* I. 135; *D.* II. 354; *S.* III. 54; V. 380.

pháp trắng cho đến nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa. Người này thành tựu với những pháp bất thiện, chỉ một mặt màu đen, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục." Ví như, này Ānanda, các hạt giống bị bể vụn, bị hư thối, bị gió và sức nóng phá hoại, được bám sâu trong cánh đồng, được gieo trên mảnh đất khéo sửa soạn. Này Ānanda, ông có thể rõ biết những hạt giống này không thể được lớn lên, được tăng trưởng, được lớn mạnh không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Ānanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác: "Trong người này có những pháp thiện, và những pháp bất thiện." Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Người này không có pháp trắng cho đến nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa. Người này thành tựu với những pháp bất thiện, chỉ một mặt màu đen, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục." Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình biết được tâm của loài người. Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của con người. Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình biết được pháp sanh khởi trong tương lai.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có thể tuyên bố ba hạng người khác đồng loại với ba người này hay không?

– Có thể được, này Ānanda.

Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này Ānanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này có những pháp thiện, có những pháp bất thiện." Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp thiện đã biến mất, các pháp bất thiện đang hiện khởi, cội gốc thiện chưa bị cắt đứt nhưng đi đến hoàn toàn bị nhổ lên bởi người ấy. Như vậy, người này sẽ đi đến thối đọa trong tương lai." Ví như, này Ānanda, các cục than cháy đỏ, rực cháy, cháy lửa ngọn, được quăng trên đất sỏi. Này Ānanda, ông có biết không, đống than này không có thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Ví như, này Ānanda, vào buổi chiều, mặt trời đang lặn, ông có thể biết được, này Ānanda, biết rằng: "Ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện" chăng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Ví như, này Ānanda, khi đêm đã qua một phần, trong thời gian ăn cơm, ông có biết được, này Ānanda, biết rằng: "Ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện" chăng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Ānanda, ở đây với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này, có những pháp thiện, có những pháp bất thiện." Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người

ấy, biết rằng: "Trong người này các pháp thiện đã biến mất, các pháp bất thiện đã hiện khởi, cội gốc thiện chưa bị cắt đứt nhưng đi đến hoàn toàn bị nhổ lên bởi người ấy. Như vậy, người này sẽ đi đến thối đọa trong tương lai." Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai biết được tâm của loài người với tâm của mình. Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của con người. Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình, biết được pháp sanh khởi trong tương lai.

Ở đây, này Ānanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này có những pháp thiện, có những pháp bất thiện." Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này, các pháp bất thiện đã biến mất, các pháp thiện hiện khởi, cội gốc bất thiện chưa bị cắt đứt nhưng đi đến hoàn toàn bị nhổ lên bởi người ấy. Như vậy, người này sẽ không phải bị thối đọa trong tương lai." Ví như, này Ānanda, đống than cháy đỏ, rực cháy, cháy lửa ngọn, quăng trên một đống cỏ khô, hay trên đống củi khô. Này Ānanda, ông có biết chăng, đống than này sẽ được lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Ví như, này Ānanda, đêm đã gần mãn, mặt trời đang mọc, này Ānanda, ông có biết rằng: "Bóng tối sắp sửa biến mất, ánh sáng sẽ hiện ra" chăng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Ví như, này Ānanda, một thời gian sau, vào giữa trưa, vào giờ ăn cơm, này Ānanda, ông có biết rằng: "Bóng tối đã biến mất, ánh sáng đã hiện ra" chăng?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Ānanda, ở đây, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này có những pháp thiện, có những pháp bất thiện." Sau một thời gian khác, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này pháp bất thiện đã biến mất, các pháp thiện được hiện khởi, cội gốc bất thiện chưa bị cắt đứt nhưng đi đến hoàn toàn bị nhổ lên bởi người ấy. Như vậy, người này sẽ không phải bị thối đọa trong tương lai." Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai biết được tâm của loài người với tâm của mình. Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình đã biết được các căn trí của con người. Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình biết được pháp sanh khởi trong tương lai.

Ở đây, này Ānanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này có những pháp thiện, cũng có những pháp bất thiện." Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này không có pháp bất thiện cho đến nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa. Người này thành tựu với những pháp thuần túy trắng, những pháp không có lỗi lầm, ngay trong hiện tại, sẽ được nhập Niết-bàn." Ví như, này Ānanda, những cục than nguội lạnh, đã bị dập tắt, bị quăng trên đống cỏ hay trên đống củi khô.

Này Ānanda, ông có biết chăng, đống than này không thể lớn lên, tăng trưởng, lớn mạnh?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Ānanda, ở đây với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người khác như sau: "Trong người này có những pháp thiện, cũng có những pháp bất thiện." Sau một thời gian, cũng vậy, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của người ấy: "Trong người này không có pháp bất thiện cho đến nhỏ như đầu sợi lông đuôi ngựa. Người này thành tựu với những pháp thuần túy trắng, những pháp không có lỗi lầm, ngay trong hiện tại, sẽ được nhập Niết-bàn." Như vậy, này Ānanda, Như Lai biết được tâm của loài người với tâm của mình. Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình đã biết được căn trí của con người. Cũng vậy, này Ānanda, Như Lai với tâm của mình biết được pháp sanh khởi trong tương lai.

Ở đây, này Ānanda, ba hạng người trước, một trong ba người ấy không phải bị thối đọa, một phải bị thối đọa, một bị rơi vào đọa xứ, địa ngục. Ở đây, này Ānanda, trong ba hạng người sau, một trong ba hạng người này không phải bị thối đọa, một phải bị thối đọa, một được nhập Niết-bàn.

IX. KINH QUYẾT TRẠCH (*Nibbedhikasutta*)[104] (*A*. III. 410)

63. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông pháp môn thể nhập, pháp môn pháp. Hãy nghe và tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn thể nhập [quyết trạch], pháp môn pháp?

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các dục, cần phải biết duyên khởi các dục, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thục, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết cảm thọ, cần phải biết các cảm thọ duyên khởi, cần phải biết các cảm thọ sai biệt, cần phải biết các cảm thọ dị thục, cần phải biết các cảm thọ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các tưởng, cần phải biết các tưởng duyên khởi, cần phải biết các tưởng sai biệt, cần phải biết các tưởng dị thục, cần phải biết các tưởng đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các tưởng đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc, cần phải biết các lậu hoặc duyên khởi, cần phải biết các lậu hoặc sai biệt, cần phải biết các lậu hoặc dị thục, cần phải biết các lậu hoặc đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt.

[104] Tham chiếu: *Đạt Phạm hạnh kinh* 達梵行經 (*T*.01. 0026.111. 0599b08); *Phật thuyết Lậu phân bố kinh* 佛說漏分布經 (*T*.01. 0057. 0851b27).

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết nghiệp, cần phải biết duyên khởi các nghiệp, cần phải biết các nghiệp sai biệt, cần phải biết các nghiệp dị thục, cần phải biết các nghiệp đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ duyên khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thục, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các dục, cần phải biết các dục duyên khởi, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thục, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt, đã được nói như vậy. Và do duyên gì đã được nói như vậy?

Này các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, dầu chúng không phải dục, chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh.

Các tư duy tham ái,
Là dục của con người,
Các hoa mỹ ở đời,
Chúng không phải là dục.
Các tư duy tham ái,
Là dục của con người,
Các hoa mỹ an trú,
Như vậy ở trên đời.
Ở đây những bậc trí,
Nhiếp phục được lòng dục.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là các dục duyên khởi? Xúc, này các Tỷ-kheo, là các dục duyên khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các dục sai biệt? Này các Tỷ-kheo, dục trên các sắc là khác, dục trên các tiếng là khác, dục trên các hương là khác, dục trên các vị là khác, dục trên các xúc là khác. Này các Tỷ-kheo, đây là các dục sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các dục dị thục? Này các Tỷ-kheo, khi muốn một vật gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các dục dị thục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các dục đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỷ-kheo là dục đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các dục đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các dục như vậy, rõ biết các dục sanh khởi như vậy,

rõ biết các dục sai biệt như vậy, rõ biết các dục dị thục như vậy, rõ biết các dục đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các dục đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các dục... cần phải biết con đường đưa đến dục đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các cảm thọ... cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Này các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này: Lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm thọ sanh khởi? Xúc, này các Tỷ-kheo, là các cảm thọ sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm thọ sai biệt? Này các Tỷ-kheo, có các lạc thọ liên hệ đến vật chất, có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất; có các khổ thọ liên hệ đến vật chất, có các khổ thọ không liên hệ đến vật chất; có các cảm thọ không khổ không lạc liên hệ đến vật chất, có các cảm thọ không khổ không lạc không liên hệ đến vật chất. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các cảm thọ sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm thọ dị thục? Này các Tỷ-kheo, khi nào cảm thọ cái gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các cảm thọ dị thục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các cảm thọ đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, là các cảm thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Và khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đã biết các cảm thọ như vậy, rõ biết các cảm thọ sanh khởi như vậy, rõ biết các cảm thọ sai biệt như vậy, rõ biết các cảm thọ dị thục như vậy, rõ biết các cảm thọ đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các cảm thọ đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các cảm thọ... cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các tưởng... cần phải biết con đường đưa đến các tưởng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Này các Tỷ-kheo, có sáu tưởng này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tưởng sanh khởi? Này các Tỷ-kheo, xúc là các tưởng sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các tưởng sai biệt? Này các Tỷ-kheo, các tưởng trong các sắc là khác, các tưởng trong các thanh là khác, các tưởng trong

các hương là khác, các tưởng trong các vị là khác, các tưởng trong các xúc là khác, các tưởng trong các pháp là khác. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các tưởng sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các tưởng dị thục? Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng các tưởng là kết quả của thói quen, khi nào người ta biết sự vật như thế nào, như thế nào, người ta nói sự vật ấy như sau: "Như vậy tôi tưởng." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các tưởng dị thục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các tưởng đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, là tưởng đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến các tưởng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các tưởng như vậy, rõ biết các tưởng sanh khởi như vậy, rõ biết các tưởng sai biệt như vậy, rõ biết các tưởng dị thục như vậy, rõ biết các tưởng đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các tưởng đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các tưởng đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các tưởng... cần phải biết con đường đưa đến các tưởng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy? Này các Tỷ-kheo, có ba lậu hoặc này: Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sanh khởi? Vô minh, này các Tỷ-kheo, là các lậu hoặc sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sai biệt? Này các Tỷ-kheo, có các lậu hoặc đưa đến địa ngục, có các lậu hoặc đưa đến bàng sanh, có các lậu hoặc đưa đến ngạ quỷ, có các lậu hoặc đưa đến thế giới loài người, có các lậu hoặc đưa đến thế giới chư thiên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc dị thục? Này các Tỷ-kheo, khi nào vì vô minh cái gì sanh khởi, một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc dị thục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các lậu hoặc đoạn diệt? Vô minh đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, là các lậu hoặc đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các lậu hoặc là như vậy, rõ biết các lậu hoặc sanh khởi như vậy, rõ biết các lậu hoặc sai biệt như vậy, rõ biết các lậu hoặc dị thục như vậy, rõ biết các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường

đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các lậu hoặc đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các nghiệp... cần phải biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các nghiệp sanh khởi? Này các Tỷ-kheo, xúc là các nghiệp sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các nghiệp sai biệt? Này các Tỷ-kheo, có nghiệp đưa đến cảm thọ ở địa ngục, có nghiệp đưa đến cảm thọ loài bàng sanh, có nghiệp đưa đến cảm thọ cõi ngạ quỷ, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới loài người, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới chư thiên. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là các nghiệp sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các nghiệp dị thục? Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng có ba loại nghiệp dị thục: Ở ngay đời hiện tại, hay ở đời sau, hay ở một đời sau nữa. Này các Tỷ-kheo, đây là các nghiệp dị thục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nghiệp đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, là nghiệp đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các nghiệp như vậy, rõ biết các nghiệp sanh khởi như vậy, rõ biết các nghiệp sai biệt như vậy, rõ biết các nghiệp dị thục như vậy, rõ biết các nghiệp đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các nghiệp đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết các nghiệp... cần phải rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thục, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ sanh khởi? Ái, này các Tỷ-kheo, là khổ sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ sai biệt? Này các Tỷ-kheo, có khổ lớn,

có khổ nhỏ, có khổ chậm biến, có khổ mau biến. Này các Tỷ-kheo, đây là khổ sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ dị thục? Này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, ưu sầu, bi thảm, than van, đập ngực, khóc lóc, đi đến bất tỉnh; do bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, nên đi tìm phía bên ngoài xem có ai biết được một câu, hai câu thần chú để đoạn diệt khổ này. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng khổ đem lại kết quả mê loạn, đem lại kết quả tìm kiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là khổ dị thục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt? Ái đoạn diệt, này các Tỷ-kheo, là khổ đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến khổ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Thánh đệ tử rõ biết khổ như vậy, rõ biết khổ sanh khởi như vậy, rõ biết khổ sai biệt như vậy, rõ biết khổ dị thục như vậy, rõ biết khổ đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là khổ đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thục, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn thể nhập, pháp môn pháp.

X. KINH TIẾNG RỐNG SƯ TỬ (*Sīhanādasutta*)[105] (*A.* III. 417)

64. Này các Tỷ-kheo, có sáu Như Lai lực của Như Lai, do thành tựu các lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe pháp. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ, như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết quả báo tùy thuộc sở do, tùy thuộc sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe pháp.

---

[105] Xem *M.* I. 69. Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.46.4. 0776b14); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.686-687. 0187b27-c13); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.684. 0186b26); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.701. 0189a07); *Phật thuyết Thập lực kinh* 佛說十力經 (*T.*17. 0780. 0715c10); *Phật thuyết Phật thập lực kinh* 佛說佛十力經 (*T.*17. 0781. 0718c13); *Phật thuyết Tín giải trí lực kinh* 佛說信解智力經 (*T.*17. 0802. 0747a23).

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của những thành đạt (*samāpattīnaṃ*) về thiền, về giải thoát, về định. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... chuyển bánh xe pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời[106]... Như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... chuyển bánh xe pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân thấy sự sống và chết của chúng sanh[107]... Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... chuyển bánh xe pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe pháp.

Này các Tỷ-kheo, có sáu Như Lai lực này của Như Lai; do thành tựu các lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử trong các hội chúng, chuyển bánh xe pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ; này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại; này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về quả báo tùy thuộc sở do, tùy thuộc sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của những thành đạt về thiền, về giải thoát, về định; này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của thành tựu về thiền, về giải thoát, về định; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của những thành đạt về thiền, về giải thoát, về định.

[106] Xem *M.* I. 70.

[107] Như chú thích trên.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về nhớ đến các đời sống quá khứ; này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai, về nhớ đến các đời sống quá khứ; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về nhớ đến các đời sống quá khứ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự sanh diệt của các chúng sanh; này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về sự sanh diệt của các chúng sanh; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự sanh diệt của các chúng sanh.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác đến hỏi Như Lai các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự đoạn diệt các lậu hoặc; này các Tỷ-kheo, tùy theo, tùy theo như thật trí hiểu biết của Như Lai về sự đoạn diệt các lậu hoặc; tùy theo như vậy, tùy theo như vậy, Như Lai trả lời các câu hỏi liên hệ đến như thật trí về sự đoạn diệt các lậu hoặc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến như thật trí này, về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ, Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có thiền định, không phải với người không có thiền định. Liên hệ đến như thật trí về quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các thọ nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại, Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có thiền định, không phải với người không có thiền định. Liên hệ đến như thật trí về sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của những thành đạt về thiền, về giải thoát, về định, Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có thiền định, không phải với người không có thiền định. Liên hệ đến như thật trí về nhớ đến các đời sống quá khứ, Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có thiền định, không phải với người không thiền định. Liên hệ đến như thật trí về sự sanh diệt của chúng sanh, Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có thiền định, không phải với người không có thiền định. Ở đây, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến như thật trí về sự đoạn diệt các lậu hoặc, Ta tuyên bố rằng trí ấy chỉ có đối với người có thiền định, không phải với người không có thiền định. Như vậy, này các Tỷ-kheo, định là chánh đạo, không định là tà đạo.

VII. PHẨM CHƯ THIÊN
(*DEVATĀVAGGA*)

I. KINH QUẢ BẤT LAI (*Anāgāmiphalasutta*) (*A*. III. 421)

65. Do không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng được quả Bất lai. Thế nào là sáu? Bất tín, không tàm, không quý, biếng nhác, thất niệm, ác tuệ.

Do không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng được quả Bất lai.

Do đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng được quả Bất lai. Thế nào là sáu? Bất tín, không tàm, không quý, biếng nhác, thất niệm, ác tuệ.

Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận sáu pháp này, có thể chứng được quả Bất lai.

II. KINH QUẢ A-LA-HÁN (*Arahattasutta*) (*A*. III. 421)

66. Do không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng được quả A-la-hán. Thế nào là sáu? Hôn trầm, thụy miên, trạo cử, hối quá, bất tín, phóng dật.

Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận sáu pháp này, không có thể chứng được quả A-la-hán.

Do đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng được quả A-la-hán. Thế nào là sáu? Hôn trầm, thụy miên, trạo cử, hối quá, bất tín, phóng dật.

Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận sáu pháp này, có thể chứng quả A-la-hán.

III. KINH NGƯỜI BẠN (*Mittasutta*) (*A*. III. 422)

67. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy là ác thân hữu, ác bằng hữu, ác bạn bè; thân cận, hầu hạ, tôn kính ác thân hữu; chấp nhận tà kiến của họ, sẽ làm cho viên mãn hành trì pháp; sự kiện này không xảy ra. Không viên mãn hành trì pháp, sẽ có thể làm cho viên mãn Hữu học pháp, sự kiện này không xảy ra. Không viên mãn Hữu học pháp, sẽ làm cho viên mãn các giới luật, sự kiện này không xảy ra. Không viên mãn các giới luật, sẽ từ bỏ dục tham, sắc tham, hay vô sắc tham, sự kiện này không xảy ra.

Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy là thiện thân hữu, thiện bằng hữu, thiện bạn bè; thân cận, hầu hạ, tôn kính thiện thân hữu; chấp nhận chánh kiến của họ, sẽ làm cho viên mãn hành trì pháp; sự kiện này có xảy ra. Sau khi viên mãn hành trì pháp, sẽ có thể làm cho viên mãn Hữu học pháp, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn Hữu học pháp, sẽ làm cho viên mãn các giới

luật, sự kiện này có xảy ra. Sau khi làm cho viên mãn các giới luật sẽ từ bỏ dục tham, sắc tham, hay vô sắc tham, sự kiện này có xảy ra.

IV. KINH VUI THÍCH HỘI CHÚNG (*Saṅgaṇikārāmasutta*)[108] (*A*. III. 422)

68. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy ưa thích hội chúng, vui thích hội chúng, chuyên tâm ưa thích hội chúng; ưa thích đồ chúng,[109] vui thích đồ chúng, chuyên tâm ưa thích đồ chúng, sẽ hoan hỷ sống một mình, sống viễn ly, sự kiện này không xảy ra. Không hoan hỷ sống một mình, sống viễn ly, vị ấy sẽ nắm giữ tướng của tâm,[110] sự kiện này không xảy ra. Không nắm giữ tướng của tâm, sẽ làm cho viên mãn chánh kiến, sự kiện này không xảy ra. Không làm cho viên mãn chánh kiến, sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này không xảy ra. Không làm cho viên mãn chánh định, sẽ từ bỏ các kiết sử, sự kiện này không xảy ra. Không từ bỏ các kiết sử, sẽ chứng ngộ Niết-bàn, sự kiện này không xảy ra.

Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không ưa thích hội chúng, không vui thích hội chúng, không chuyên tâm ưa thích hội chúng; không ưa thích đồ chúng, không vui thích đồ chúng, không chuyên tâm ưa thích đồ chúng, sẽ hoan hỷ sống một mình, sống viễn ly, sự kiện này có xảy ra. Hoan hỷ sống một mình, sống viễn ly, vị ấy sẽ nắm giữ tướng của tâm, sự kiện này có xảy ra. Nắm giữ tướng của tâm, sẽ làm cho viên mãn chánh kiến, sự kiện này có xảy ra. Làm cho viên mãn chánh kiến, sẽ làm cho viên mãn chánh định, sự kiện này có xảy ra. Làm cho viên mãn chánh định, sẽ từ bỏ các kiết sử, sự kiện này có xảy ra. Từ bỏ các kiết sử, sẽ chứng ngộ Niết-bàn, sự kiện này có xảy ra.

V. KINH VỊ THIÊN NHÂN (*Devatāsutta*) (*A*. III. 423)

69. Bấy giờ có một thiên nhân,[111] sau đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên nhân ấy bạch Thế Tôn:

– Có sáu pháp này, bạch Thế Tôn, dắt dẫn vị Tỷ-kheo đi đến không thối đọa. Thế nào là sáu? Tôn kính Đạo sư, tôn kính Pháp, tôn kính Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính thiện ngôn, tôn kính thiện bằng hữu. Sáu pháp này, bạch Thế Tôn, dắt dẫn vị Tỷ-kheo đi đến không thối đọa.

Thiên nhân ấy nói như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Thiên nhân ấy, với ý nghĩ: "Bậc Đạo sư đã chấp nhận ta", đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, gọi các Tỷ-kheo và nói:

---

[108] Bản tiếng Anh của PTS: *Company*, nghĩa là *Hội chúng*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.23.7. 0614a).

[109] *Gaṇārāmo*. *AA*. III. 411: *Suttantikagaṇādīsu pana gaṇesu attano vā parisāsaṅkhāte gaṇe ramatīti gaṇārāmo* (Vị ấy ưa thích nhóm người giữa hội chúng học kinh tạng, v.v… giữa nhóm người của mình hoặc với hội chúng lớn, vị ấy được gọi là người ưa thích đồ chúng).

[110] *Cittassa nimittaṃ gahessatī*.

[111] Xem *A*. III. 307; IV. 29; *GS*. III. 220.

– Này các Tỷ-kheo, đêm nay có một thiên nhân, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta, rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên nhân ấy bạch với Ta: "Có sáu pháp này, bạch Thế Tôn, dắt dẫn vị Tỷ-kheo đi đến không thối đọa. Thế nào là sáu? Tôn kính bậc Đạo sư, tôn kính Pháp, tôn kính Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính thiện ngôn, tôn kính thiện bằng hữu. Sáu pháp này, bạch Thế Tôn, dắt dẫn Tỷ-kheo đi đến không thối đọa." Này các Tỷ-kheo, vị thiên nhân ấy nói như vậy, nói như vậy xong, đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Được nghe nói như vậy, Tôn giả Sāriputta đảnh lễ Thế Tôn và thưa rằng:

– Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vầy: Ở đây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo tự mình tôn kính bậc Đạo sư và nói lời tán thán sự tôn kính bậc Đạo sư; đối với các Tỷ-kheo khác không tôn kính bậc Đạo sư, họ được khích lệ trong sự tôn kính bậc Đạo sư; và đối với các Tỷ-kheo khác có tôn kính bậc Đạo sư, vị ấy nói lên lời tán thán với họ như chân, như thật, đúng thời... tự mình tôn kính Pháp... tự mình tôn kính thiện ngôn... tự mình tôn kính thiện bằng hữu và nói lời tán thán sự tôn kính thiện bằng hữu; đối với các Tỷ-kheo khác không tôn kính thiện bằng hữu, họ được khích lệ trong sự tôn kính thiện bằng hữu; và đối với các Tỷ-kheo có tôn kính thiện bằng hữu, vị ấy nói lên lời tán thán với họ như chân, như thật, đúng thời. Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Lành thay, này Sāriputta, ông đã hiểu lời nói vắn tắt này của Ta một cách rộng rãi như vậy! Ở đây, này Sāriputta, Tỷ-kheo tự mình tôn kính bậc Đạo sư và nói lời tán thán sự tôn kính bậc Đạo sư; đối với các vị Tỷ-kheo khác không tôn kính bậc Đạo sư, họ được khích lệ trong sự tôn kính bậc Đạo sư; và đối với các vị Tỷ-kheo khác có tôn kính bậc Đạo sư, vị ấy nói lên lời tán thán với họ như chân, như thật, đúng thời... tự mình tôn kính Pháp... tự mình tôn kính Tăng... tự mình tôn kính học pháp... tự mình tôn kính thiện ngôn... tự mình tôn kính thiện bằng hữu và nói lời tán thán sự tôn kính thiện bằng hữu; đối với các Tỷ-kheo khác không tôn kính thiện bằng hữu, họ được khích lệ trong sự tôn kính thiện bằng hữu; và đối với các Tỷ-kheo khác có tôn kính thiện bằng hữu, vị ấy nói lên lời tán thán với họ như chân, như thật, đúng thời.

Này Sāriputta, lời nói vắn tắt này của Ta cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

VI. KINH THIỀN ĐỊNH (*Samādhisutta*)[112] (*A*. III. 425)

70. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không có thiền định tịch tĩnh, không đạt được khinh an thù diệu, không chứng đắc nội tĩnh nhất tâm, sẽ chứng được nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân... nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên, sự kiện này không xảy ra. Với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân sẽ nghe hai loại tiếng chư thiên và loài người, xa và gần, sự kiện này không xảy ra. Sau khi đi sâu vào tâm của các chúng sanh,

[112] Bản tiếng Anh của PTS: *Psychic Power*, nghĩa là *Thần thông*.

của loài người với tâm của mình, vị ấy sẽ rõ biết được: "Tâm có tham, biết là tâm có tham... tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát", sự kiện này không xảy ra. Sẽ nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... sẽ nhớ đến các đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết, sự kiện này không xảy ra. Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, sẽ thấy được các chúng sanh... vị ấy sẽ rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ, sự kiện này không xảy ra. Do đoạn diệt các lậu hoặc... sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú, sự kiện này không xảy ra.

Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy có thiền định tịch tĩnh, đạt được sự khinh an thù diệu, chứng đắc nội tĩnh nhất tâm, sẽ chứng được nhiều loại thần thông: Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân... có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên, sự kiện này có xảy ra. Với Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, sẽ nghe hai loại tiếng chư thiên và loài người, xa và gần, sự kiện này có xảy ra. Sau khi đi sâu vào tâm của các chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy sẽ rõ biết: "Tâm có tham, biết được là tâm có tham... tâm không giải thoát, biết được là tâm không giải thoát", sự kiện này có xảy ra. Vị ấy sẽ nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... sẽ nhớ đến các đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết, sự kiện này có xảy ra. Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, sẽ thấy được các chúng sanh... vị ấy sẽ rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ", sự kiện này có xảy ra. Do đoạn diệt các lậu hoặc... sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú, sự kiện này có xảy ra.

VII. KINH CHỨNG NHÂN (*Sakkhibhabbasutta*) (*A*. III. 426)

71. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, dầu thuộc loại xứ nào. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không như thật rõ biết: "Những pháp này[113] dự phần vào thối đọa"; không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào an trú"; không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thắng tiến (*visesabhāgiyā*)"; không như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thể nhập", làm việc không chu toàn; làm việc không có lợi ích.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được địa vị một chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, dầu thuộc loại xứ nào.

Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được địa vị một chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, dầu thuộc loại xứ nào. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thối đọa"; như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào an trú"; như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thắng tiến"; như thật rõ biết: "Những pháp này dự phần vào thể nhập"; làm việc có chu toàn; làm việc có lợi ích.

---

[113] Xem *D*. III. 277; *A*. II. 167; *The Path of Purity* II. 103.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được địa vị chứng nhân, quả chứng này hay quả chứng khác, dầu thuộc loại xứ nào.

VIII. KINH SỨC MẠNH (*Balasutta*) (*A*. III. 427)

72. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được sức mạnh trong thiền định. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thiện xảo đạt được thiền định, không thiện xảo an trú được thiền định, không thiện xảo xuất khỏi thiền định, làm việc không chu toàn, làm việc không kiên trì, làm việc không có lợi ích.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể đạt được sức mạnh trong thiền định.

Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được sức mạnh trong thiền định. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiện xảo đạt được thiền định, thiện xảo an trú được thiền định, thiện xảo xuất khỏi thiền định, làm việc có chu toàn, làm việc có kiên trì, làm việc có lợi ích.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể đạt được sức mạnh trong thiền định.

IX. KINH THIỀN THỨ NHẤT (*Paṭhamatajjhānasutta*) (*A*. III. 428)

73. Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được an trú Thiền thứ nhất. Thế nào là sáu? Dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi, không như thật khéo thấy với chánh trí tuệ các nguy hại trong các dục.

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được và an trú Thiền thứ nhất.

Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú Thiền thứ nhất. Thế nào là sáu? Dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi, như thật khéo thấy với chánh trí tuệ các nguy hại trong các dục.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú Thiền thứ nhất.

X. KINH THIỀN THỨ HAI (*Dutiyatajjhānasutta*) (*A*. III. 428)

74. Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được và an trú Thiền thứ nhất. Thế nào là sáu? Dục tầm, sân tầm, hại tầm, dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng.

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được và an trú Thiền thứ nhất.

Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú Thiền thứ nhất. Thế nào là sáu? Dục tầm, sân tầm, hại tầm, dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú Thiền thứ nhất.

VIII. PHẨM A-LA-HÁN (*ARAHATTAVAGGA*)

I. KINH KHỔ (*Dukkhasutta*) (*A*. III. 429)

75. Thành tựu với sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống đau khổ, hiềm hận, có ưu não, có nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là sáu? Với dục tầm, với sân tầm, với hại tầm, với dục tưởng, với sân tưởng, với hại tưởng.

Thành tựu với sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống đau khổ, hiềm hận, có ưu não, có nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là ác thú.

Thành tựu với sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không hiềm hận, không ưu não, không nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là thiện thú. Thế nào là sáu? Với xuất ly tầm, với vô sân tầm, với bất hại tầm, với xuất ly tưởng, với vô sân tưởng, với bất hại tưởng.

Thành tựu với sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống an lạc, không hiềm hận, không ưu não, không nhiệt não; sau khi thân hoại mệnh chung, chờ đợi là thiện thú.

II. KINH QUẢ A-LA-HÁN (*Arahattasutta*) (*A*. III. 430)

76. Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không thể chứng ngộ quả A-la-hán. Thế nào là sáu? Mạn (*māna*), ty mạn (*omānaṃ*), quá mạn (*atimānaṃ*), tăng thượng mạn (*adhimānaṃ*), cố chấp (*thambhaṃ*), ty liệt mạn (*atinipātaṃ*).

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán. Thế nào là sáu? Mạn, ty mạn, quá mạn, tăng thượng mạn, cố chấp, ty liệt mạn.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

III. KINH THƯỢNG NHÂN PHÁP (*Uttarimanussadhammasutta*) (*A*. III. 430)

77. Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Thế nào là sáu? Thất niệm, không tỉnh giác, không phòng hộ các căn, không có thể tiết độ trong ăn uống, ngụy trá, hư đàm.

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh. Thế nào là sáu? Thất niệm, không tỉnh giác, không phòng hộ các căn, tiết độ trong ăn uống, ngụy trá, hư đàm.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ các pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đánh bậc Thánh.

IV. KINH LẠC HỶ (*Sukhasomanassasutta*) (*A*. III. 431)

78. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống với nhiều lạc hỷ, đối với vị ấy, nguyên nhân đã được hình thành để đoạn trừ các lậu hoặc. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích pháp, ưa thích tu tập, ưa thích đoạn trừ, ưa thích viễn ly, ưa thích không sân hận, ưa thích không hý luận.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống với nhiều lạc hỷ, đối với vị ấy, nguyên nhân đã được hình thành để đoạn trừ các lậu hoặc.

V. KINH CHỨNG ĐẮC (*Adhigamasutta*) (*A*. III. 431)

79. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không thể chứng đắc thiện pháp chưa chứng đắc, hay không thể tăng trưởng thiện pháp đã được chứng đắc. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thiện xảo khi đi vào, không thiện xảo khi đi ra, không thiện xảo khi đến gần, không khởi lên ý muốn đạt được những thiện pháp chưa đạt được, không phòng hộ các thiện pháp đã được chứng đắc, không cố gắng để kiên trì tiếp tục.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thể chứng đắc thiện pháp chưa chứng đắc, hay không thể tăng trưởng thiện pháp đã được chứng đắc.

Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng đắc thiện pháp chưa chứng đắc, hay có thể tăng trưởng thiện pháp đã được chứng đắc. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiện xảo khi đi vào, thiện xảo khi đi ra, thiện xảo khi đến gần, khởi lên ý muốn đạt được những thiện pháp chưa đạt được, phòng hộ các thiện pháp đã được chứng đắc, có cố gắng để kiên trì tiếp tục.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng đắc thiện pháp chưa chứng đắc, hay có thể tăng trưởng thiện pháp đã được chứng đắc.

VI. KINH LỚN MẠNH (*Mahantattasutta*) (*A*. III. 432)

80. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu chứng đạt sự lớn mạnh, sự tăng trưởng trong các thiện pháp. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhiều ánh sáng, nhiều quán hạnh, nhiều hoan hỷ, nhiều không tự bằng lòng, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp, đi thẳng đến bờ bên kia.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu chứng đạt sự lớn mạnh, sự tăng trưởng trong các thiện pháp.

VII. KINH ĐỊA NGỤC THỨ NHẤT (*Paṭhamanirayasutta*) (*A*. III. 432)

81. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là sáu? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, ác dục và tà kiến.

Thành tựu sáu pháp này, như vậy là tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là sáu? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, không ác dục và chánh tri kiến.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng được sanh lên cõi trời.

VIII. KINH ĐỊA NGỤC THỨ HAI (*Dutiyanirayasutta*) (*A*. III. 433)

82. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là sáu? Nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác ngữ, nói lời phù phiếm, tham dục và nói lời táo bạo, trắng trợn.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là sáu? Từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham dục và không nói lời táo bạo, trắng trợn.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy là tương xứng được sanh lên cõi trời.

IX. KINH PHÁP TỐI THƯỢNG (*Aggadhammasutta*) (*A*. III. 433)

83. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có lòng tin, không có lòng xấu hổ, không có lòng sợ hãi tội lỗi, biếng nhác, ác tuệ, thân và mạng có nhiều ước vọng.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có lòng xấu hổ, có lòng sợ hãi tội lỗi, tinh cần tinh tấn, có trí tuệ, thân và mạng không có ước vọng.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ pháp tối thượng A-la-hán.

X. KINH NGÀY VÀ ĐÊM (*Rattidivasasutta*) (*A*. III. 434)

84. Nếu Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, thời bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là sự thối đọa trong các thiện pháp, không có tăng trưởng. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có dục lớn, có hiềm hận và không bằng lòng với bất cứ những vật dụng cần thiết nào như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh; không có lòng tin; ác giới; biếng nhác; thất niệm; ác tuệ.

Nếu Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, thời bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là sự thối đọa trong các thiện pháp.

Nếu Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, thời bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không có thối đọa. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có dục lớn, không có hiềm hận và bằng lòng với bất cứ vật dụng cần thiết nào như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, các dược phẩm trị bệnh; có lòng tin; có thiện giới; tinh cần tinh tấn; có niệm; có trí tuệ.

Nếu Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, thời bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là sự tăng trưởng trong các thiện pháp, không có thối đọa.



IX. PHẨM MÁT LẠNH
(*SĪTIVAGGA*)

I. KINH MÁT LẠNH (*Sītibhāvasutta*) (*A*. III. 435)

85. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi nào tâm cần phải hạn chế, khi ấy lại không hạn chế tâm; khi nào tâm cần phải phấn chấn, khi ấy lại không phấn chấn tâm; khi nào tâm cần phải làm cho hoan hỷ, khi ấy lại không làm cho tâm hoan hỷ; khi nào tâm cần phải trú xả, quán sát, khi ấy lại không làm cho tâm trú xả, quán sát; xu hướng về hạ liệt; hoan hỷ thân kiến.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương.

Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi nào tâm cần phải hạn chế, khi ấy hạn chế tâm; khi nào tâm cần phải phấn chấn, khi ấy phấn chấn tâm; khi nào tâm cần phải làm cho hoan hỷ, khi ấy làm cho tâm hoan hỷ; khi nào tâm cần phải trú xả, quán sát, khi ấy làm cho tâm trú xả, quán sát; xu hướng về thù thắng; hoan hỷ Niết-bàn.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có thể chứng ngộ vô thượng thanh lương.

II. KINH CHƯỚNG NGẠI (*Āvaraṇasutta*) (*A*. III. 435)

86. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, dầu có nghe Diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu? Thành tựu nghiệp chướng, thành tựu phiền não chướng, thành tựu dị thục chướng, không có lòng tin, không có ước muốn và ác tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu có nghe Diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu có nghe Diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu? Không thành tựu nghiệp chướng, không thành tựu phiền não chướng, không thành tựu dị thục chướng, có lòng tin, có ước muốn và có trí tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu có nghe Diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

III. KINH ĐOẠT MẠNG (*Voropitasutta*)[114] (*A*. III. 436)

87. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, dầu có nghe Diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu? Đoạn mạng sống của mẹ; đoạn mạng sống của cha; đoạn mạng sống của A-la-hán; với ác tâm làm thân Như Lai chảy máu; phá hòa hiệp Tăng; ác tuệ, si mê, câm ngọng.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu có nghe Diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe Diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu? Không đoạn mạng sống của mẹ; không đoạn mạng sống của cha; không đoạn mạng sống của A-la-hán; không với ác tâm làm thân Như Lai chảy máu; không phá hòa hợp Tăng; có trí tuệ, không si mê, không câm ngọng.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe Diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

IV. KINH KHÔNG ƯA NGHE (*Sussūsatisutta*) (*A*. III. 437)

88. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, dầu được nghe Diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu?

Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, không có ưa nghe, không có lóng tai, không có an trú tâm liễu giải, nắm giữ điều không lợi ích, bỏ qua điều lợi ích, không thành tựu tùy thuận nhẫn nhục.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, dầu được nghe Diệu pháp, cũng không có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe Diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu?

Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, có ưa nghe, có lóng tai, có an trú tâm liễu giải, nắm giữ điều lợi ích, bỏ qua điều không lợi ích, thành tựu tùy thuận nhẫn nhục.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu được nghe Diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

V. KINH CHƯA ĐOẠN TẬN (*Appahāyasutta*)[115] (*A*. III. 438)

89. Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng tri kiến đầy đủ. Thế nào là sáu? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng tri kiến đầy đủ.

---

[114] Bản tiếng Anh của PTS: *The Stop of Action*, nghĩa là *Dừng nghiệp*.

[115] Bản tiếng Anh của PTS: *To Be Given up*, nghĩa là *Cần phải đoạn tận*.

Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể chứng tri kiến đầy đủ. Thế nào là sáu? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng tri kiến đầy đủ.

VI. KINH ĐOẠN TẬN (*Pahīnasutta*) (*A*. III. 438)

90. Sáu pháp, này các Tỷ-kheo, được người đầy đủ tri kiến đoạn tận. Thế nào là sáu? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ.

Sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, được người đầy đủ tri kiến đoạn tận.

VII. KINH KHÔNG THỂ (*Abhabbasutta*)[116] (*A*. III. 438)

91. Một người đầy đủ tri kiến, này các Tỷ-kheo, không có thể làm cho sanh khởi sáu pháp. Thế nào là sáu? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham đưa đến đọa xứ, sân đưa đến đọa xứ, si đưa đến đọa xứ.

Một người đầy đủ tri kiến, này các Tỷ-kheo, không có thể làm cho sanh khởi sáu pháp này.

VIII. KINH TRƯỜNG HỢP KHÔNG THỂ THỨ NHẤT (*Paṭhamaabhabbaṭṭhānasutta*)[117] (*A*. III. 438)

92. Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp không thể xảy ra. Thế nào là sáu?

Người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp; người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng; người đầy đủ tri kiến không thể sống không tôn kính, không tùy thuận học pháp; người đầy đủ tri kiến không thể rơi trở lại vào những vấn đề không nên trở lại;[118] người đầy đủ tri kiến không thể làm cho sanh khởi hữu thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu trường hợp không thể xảy ra.

IX. KINH TRƯỜNG HỢP KHÔNG THỂ THỨ HAI (*Dutiyaabhabbaṭṭhānasutta*)[119] (*A*. III. 439)

93. Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp không thể xảy ra. Thế nào là sáu?

Người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là thường còn; người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là lạc; người đầy đủ tri kiến không thể chấp nhận bất cứ hành nào là ngã; người đầy đủ tri kiến

---

[116] Bản tiếng Anh của PTS: *Cannot be Framed*, nghĩa là *Không thể làm cho sanh khởi.*

[117] Bản tiếng Anh của PTS: *The Teacher*, nghĩa là *Bậc Đạo sư.*

[118] *Anāgamanīyaṃ vatthuṃ paccāgantuṃ. AA*. III. 414: *Anāgamanīyaṃ vatthunti anupagantabbaṃ kāraṇaṃ, pañcannaṃ verānaṃ dvāsaṭṭhiyā ca diṭṭhigatānametaṃ adhivacanaṃ* ("Những vấn đề không nên trở lại" nghĩa là 5 tội ngũ nghịch và 62 tà kiến). Xem *A*. I. 27; III. 170; *GS*. III. 129.

[119] Bản tiếng Anh của PTS: *Any Phenomenon*, nghĩa là *Bất kỳ hiện tượng nào.*

không thể làm hành động vô gián; người đầy đủ tri kiến không thể làm cho thanh tịnh với những lễ nghi đặc biệt; người đầy đủ tri kiến không thể đi tìm các vị đáng được cúng dường ngoài chư Tăng.

Này các Tỷ-kheo, đây là sáu trường hợp không thể xảy ra.

X. KINH TRƯỜNG HỢP KHÔNG THỂ THỨ BA (*Tatiyaabhabbaṭṭhānasutta*)[120] (*A*. III. 439)

94. Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra. Thế nào là sáu?

Người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của mẹ; người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của cha; người đầy đủ tri kiến không thể đoạn mạng sống của vị A-la-hán; người đầy đủ tri kiến không thể với ác tâm làm thân Như Lai chảy máu; người đầy đủ tri kiến không thể phá hòa hợp Tăng; người đầy đủ tri kiến không thể đề cử một vị Đạo sư khác.

Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra.

XI. KINH TRƯỜNG HỢP KHÔNG THỂ THỨ TƯ (*Catutthaabhabbaṭṭhānasutta*)[121] (*A*. III. 440)

95. Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra. Thế nào là sáu?

Người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc và khổ do tự mình làm;[122] người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc và khổ do người khác làm; người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc và khổ do tự mình làm, do người khác làm; người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc và khổ không do tự mình làm, do tự nhiên sanh;[123] người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc và khổ không do người khác làm, do tự nhiên sanh; người đầy đủ tri kiến không thể trở lui lại quan điểm lạc và khổ không do tự mình làm và không do người khác làm, do tự nhiên sanh. Vì cớ sao?

Này các Tỷ-kheo, đối với người có đầy đủ tri kiến, nhân (*hetu*) và các pháp do nhân sanh đã được khéo thấy.

Này các Tỷ-kheo, có sáu trường hợp này không thể xảy ra.

---

[120] Bản tiếng Anh của PTS: *His Mother*, nghĩa là *Mẹ của vị ấy*.

[121] Bản tiếng Anh của PTS: *Self-wrought*, nghĩa là *Tự làm*.

[122] *Sayaṃkataṃ* và *asayaṃkataṃ*. Xem *kammassaka* trong *A*. III. 71; *GS*. III. 59 *và attakāra* trong *A*. III. 336; *GS*. III. 237.

[123] Xem *D*. III. 138; *S*. II. 19; *Ud*. 69.

X. PHẨM LỢI ÍCH
(*ĀNISAṂSAVAGGA*)

I. KINH SỰ XUẤT HIỆN (*Pātubhāvasutta*) (*A*. III. 441)

96. Này các Tỷ-kheo, sự xuất hiện của sáu sự kiện khó tìm được ở đời. Thế nào là sáu?

Sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khó tìm được ở đời; sự xuất hiện của người thuyết giảng Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết khó tìm được ở đời; sự tái sanh trong Thánh xứ[124] khó tìm được ở đời; không khiếm khuyết các căn[125] khó tìm được ở đời; không si mê, không câm ngọng khó tìm được ở đời; ước muốn thiện pháp khó tìm được ở đời.

Này các Tỷ-kheo, sự xuất hiện của sáu sự kiện khó tìm được ở đời.

II. KINH CÁC LỢI ÍCH (*Ānisaṃsasutta*) (*A*. III. 441)

97. Có sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, khi chứng ngộ quả Dự lưu. Thế nào là sáu?

Sự quyết định đối với Diệu pháp (*Saddhammaniyato*) không bị thối đọa, không bị đau khổ; làm các việc bị sanh tử[126] hạn chế; thành tựu trí tuệ; không cùng chia sẻ với các dị sanh;[127] nguyên nhân được khéo thấy, và các pháp do nhân sanh được khéo thấy.

Có sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, khi chứng ngộ quả Dự lưu.

III. KINH VÔ THƯỜNG (*Aniccasutta*) (*A*. III. 441)

98. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là thường còn, sẽ thành tựu được nhẫn nhục tùy thuận,[128] sự kiện này không xảy ra. Không thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định,[129] sự kiện này không xảy ra. Không nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, hay quả Nhất lai, hay quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này không xảy ra.

---

[124] *Ariyāyatane*. *AA*. III. 414: *Ariyāyataneti majjhimadese* ("Trong Thánh xứ" tức chỉ cho vùng Trung Ấn, nơi bắt nguồn của đạo Phật).

[125] *Indriyānaṃ avekallatā*.

[126] *Pariyantakatassa dukkhaṃ na hoti*.

[127] *Asādhāraṇena ñāṇena samannāgato*.

[128] *Anulomikāya khantiyā*.

[129] *Sammattaniyāmaṃ okkamissati*.

Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là vô thường, sẽ thành tựu được nhẫn nhục tùy thuận, sự kiện này có xảy ra. Thành tựu nhẫn nhục tùy thuận, sẽ nhập vào chánh tánh quyết định, sự kiện này có xảy ra. Nhập vào chánh tánh quyết định, sẽ chứng ngộ quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả A-la-hán, sự kiện này có xảy ra.

IV. KINH KHỔ (*Dukkhasutta*) (*A*. III. 442)

99. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là lạc, sẽ thành tựu... (như kinh 98 với những thay đổi cần thiết).

V. KINH VÔ NGÃ (*Anattasutta*) (*A*. III. 442)

100. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy bất cứ hành nào là ngã, sẽ thành tựu... (như kinh 98 với những thay đổi cần thiết).

VI. KINH NIẾT-BÀN (*Nibbānasutta*) (*A*. III. 442)

101. Thật vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào thấy Niết-bàn là khổ, sẽ thành tựu được nhẫn nhục tùy thuận, sự kiện này không xảy ra... (như kinh 98 với những thay đổi cần thiết).

VII. KINH KHÔNG AN TRÚ (*Anavatthitasutta*)[130] (*A*. III. 443)

102. Thấy được sáu lợi ích, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để vị Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô thường, không có hạn chế trong tất cả hành. Thế nào là sáu?

Tất cả hành hiện ra với tôi (*me khāyissanti*), không có an trú; ý của tôi không ưa thích tất cả thế giới; ý của tôi sẽ xuất khỏi tất cả thế giới; ý của tôi sẽ nghiêng về Niết-bàn; các kiết sử của tôi đi đến đoạn diệt; và tôi sẽ thành tựu tối thượng Sa-môn hạnh.

Thấy được sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô thường, không có hạn chế trong tất cả hành.

VIII. KINH ĐÃ RÚT KIẾM RA (*Ukkhittāsikasutta*) (*A*. III. 443)

103. Thấy được sáu lợi ích, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng khổ, không có hạn chế trong tất cả hành. Thế nào là sáu?

Trong tất cả hành, tưởng nhàm chán sẽ được an trú trong tôi, ví như kẻ giết người đang đưa dao lên chém; ý của tôi sẽ xuất khỏi tất cả thế giới; tôi sẽ trở thành một người thấy được tịnh lạc trong Niết-bàn; các tùy miên trong tôi sẽ được nhổ lên; tôi sẽ là người đã làm các việc nên làm; tôi sẽ với từ tâm hầu hạ[131] bậc Đạo sư.

Thấy được sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng khổ, không có hạn chế trong tất cả hành.

---

[130] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (103, 104) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Without Reserve*, nghĩa là *Không duy trì*.

[131] *Paricinno bhavissati mettāvatāya*.

IX. KINH KHÔNG DỰ PHẦN TRONG ẤY (*Atammayasutta*) (*A*. III. 444)

104. Thấy được sáu lợi ích, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô ngã, không có hạn chế trong tất cả hành. Thế nào là sáu?

Trong tất cả thế giới, tôi sẽ không dự phần vào trong ấy; cái gì tạo ra cái "tôi" trong tôi sẽ được chặn đứng; cái gì tạo ra cái "của tôi" trong tôi sẽ được chặn đứng; tôi sẽ thành tựu trí không cùng chia sẻ với người khác;[132] nguyên nhân được tôi khéo thấy; và các pháp do nhân sanh được tôi khéo thấy.

Thấy được sáu lợi ích này, này các Tỷ-kheo, thật là vừa đủ để Tỷ-kheo làm cho an trú tưởng vô ngã, không có hạn chế trong tất cả hành.

X. KINH HỮU (*Bhavasutta*) (*A*. III. 444)

105. Này các Tỷ-kheo, có ba hữu này[133] cần phải đoạn tận, cần phải được học tập trong ba học pháp. Thế nào là ba hữu cần phải đoạn tận? Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Ba hữu này cần phải đoạn tận.

Ba học pháp nào, cần phải học tập? Tăng thượng giới học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Ba học pháp này, cần phải học tập.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đã đoạn tận ba hữu này, đã học tập trong ba học pháp này, Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, được gọi là Tỷ-kheo đã chặt đứt khát ái, đã giải tỏa kiết sử do chơn chánh thực hiện quán kiêu mạn (*mānābhisamayā*), đã đoạn tận khổ đau.

XI. KINH KHÁT ÁI (*Taṇhāsutta*) (*A*. III. 445)

106. Này các Tỷ-kheo, ba khát ái và ba mạn này cần phải đoạn diệt. Thế nào là ba khát ái cần phải đoạn diệt? Dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Ba khát ái này cần phải đoạn diệt.

Thế nào là ba mạn cần phải đoạn diệt? Mạn, tùy mạn, quá mạn. Ba mạn này cần phải đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đã đoạn tận ba khát ái và ba mạn này, vị này, này các Tỷ-kheo, được gọi là Tỷ-kheo đã chặt đứt khát ái, đã giải tỏa kiết sử, do chơn chánh hiện quán kiêu mạn, đã đoạn tận khổ đau.

---

[132] *Asādhāraṇena ca ñāṇena.*

[133] Xem *D*. III. 216, 219.

XI. PHẨM BA PHÁP
(*TIKAVAGGA*)

I. KINH THAM (*Rāgasutta*) (*A*. III. 445)

107. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Tham, sân, si, này các Tỷ-kheo, có ba pháp này.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận tham, quán bất tịnh cần phải tu tập; để đoạn tận sân, quán từ tâm cần phải tu tập; để đoạn tận si, trí tuệ cần phải tu tập.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

II. KINH ÁC HÀNH (*Duccaritasutta*) (*A*. III. 446)

108. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, này các Tỷ-kheo, có ba pháp này.

Để đoạn tận ba pháp này, ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận thân ác hành, thân thiện hành cần phải tu tập; để đoạn tận khẩu ác hành, khẩu thiện hành cần phải tu tập; để đoạn tận ý ác hành, ý thiện hành cần phải tu tập.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải được tu tập.

III. KINH SUY TẦM (*Vitakkasutta*) (*A*. III. 446)

109. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Dục tầm, sân tầm, hại tầm, này các Tỷ-kheo, có ba pháp này.

Để đoạn tận ba pháp này, ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận dục tầm, xuất ly tầm cần phải tu tập; để đoạn tận sân tầm, vô sân tầm cần phải tu tập; để đoạn tận hại tầm, bất hại tầm cần phải tu tập.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

IV. KINH TƯỞNG (*Saññāsutta*) (*A*. III. 446)

110. (Như kinh 109, chỉ thay thế "tưởng").

V. KINH GIỚI (*Dhātusutta*) (*A*. III. 447)

111. (Như kinh 109, chỉ thay thế "giới").

VI. KINH THỎA MÃN (*Assādasutta*) (*A*. III. 447)

112. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Thỏa mãn kiến (*assādadiṭṭhi*), tùy ngã kiến (*attānudiṭṭhi*), tà kiến (*micchādiṭṭhi*), này các Tỷ-kheo, có ba pháp này.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận thỏa mãn kiến, tưởng vô thường cần phải tu tập; để đoạn tận tùy ngã kiến, tưởng vô ngã cần phải tu tập; để đoạn tận tà kiến, chánh kiến cần phải tu tập.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

VII. KINH BẤT LẠC (*Aratisutta*) (*A*. III. 448)

113. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Bất lạc, hại, phi pháp hành, này các Tỷ-kheo, có ba pháp này.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận bất lạc, hỷ cần phải tu tập; để đoạn tận hại, bất hại cần phải tu tập; để đoạn tận phi pháp hành, pháp hành cần phải tu tập.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

VIII. KINH BIẾT ĐỦ (*Santuṭṭhitāsutta*) (*A*. III. 448)

114. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Không biết đủ, không tỉnh giác, có nhiều dục, này các Tỷ-kheo, có ba pháp này.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận không biết đủ, biết đủ cần phải tu tập; để đoạn tận không tỉnh giác, tỉnh giác cần phải tu tập; để đoạn tận có nhiều dục, ít dục cần phải tu tập.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

IX. KINH ÁC NGÔN (*Dovacassatāsutta*) (*A*. III. 448)

115. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Ác ngôn (*dovacassatā*), ác bằng hữu (*pāpamittatā*), tâm dao động (*cetaso vikkhepo*), này các Tỷ-kheo, có ba pháp này.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận ác ngôn, thiện ngôn cần phải tu tập. Để đoạn tận ác bằng hữu, thiện bằng hữu cần phải tu tập. Để đoạn tận tâm dao động, niệm hơi thở vào hơi thở ra cần phải tu tập.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp này cần phải tu tập.

X. KINH TRẠO CỬ (*Uddhaccasutta*) (*A*. III. 449)

116. Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này. Thế nào là ba? Trạo cử, không bảo vệ, phóng dật, này các Tỷ-kheo, có ba pháp này.

Để đoạn tận ba pháp này, ba pháp cần phải tu tập. Thế nào là ba? Để đoạn tận trạo cử, chỉ cần phải tu tập; để đoạn tận không bảo vệ, bảo vệ cần phải tu tập; để đoạn tận phóng dật, không phóng dật cần phải tu tập.

Để đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, ba pháp cần phải tu tập.

XII. PHẨM SA-MÔN (*SĀMAÑÑAVAGGA*)[134]

I. KINH QUÁN THÂN (*Kāyānupassīsutta*)[135] (*A*. III. 449)

117. Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không thể trú quán thân trên thân. Thế nào là sáu? Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích hội chúng, không phòng hộ các căn, không tiết độ trong ăn uống.

Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận sáu pháp này, không thể trú quán thân trên thân.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể trú quán thân trên thân. Thế nào là sáu? Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích hội chúng, không phòng hộ các căn, không tiết độ trong ăn uống.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể trú quán thân trên thân.

II. KINH QUÁN PHÁP (*Dhammānupassīsutta*) (*A*. III. 450)

118. Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể quán thân trên thân... trên nội thân... trên ngoại thân... trên nội ngoại thân... trên các cảm thọ... trên các nội thọ... trên các ngoại thọ... trên các nội ngoại thọ... trên tâm... trên nội tâm... trên ngoại tâm... trên các nội ngoại tâm... trên các pháp... trên các nội pháp... trên các ngoại pháp... trên các nội ngoại pháp. Thế nào là sáu? Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích hội chúng, không phòng hộ các căn, không tiết độ trong ăn uống.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể trú quán pháp trên các nội ngoại pháp.

III. KINH TAPUSSA (*Tapussasutta*)[136] (*A*. III. 450)

119. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, gia chủ Tapussa[137] đi đến cứu cánh nơi Như Lai,[138] sống thấy được bất tử, chứng ngộ bất tử. Thế nào là sáu? Với lòng tịnh tín bất động đối với Phật, với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp,

---

[134] Bản tiếng Anh của PTS: *The Recital*, nghĩa là *Trùng tụng*.

[135] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Contemplation*, nghĩa là *Quán*.

[136] Tên kinh này và nhóm 20 kinh kế tiếp (120-139) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *He Sees the Deathless*, nghĩa là *Thấy được bất tử*.

[137] Ở đây đề cập đến một số cư sĩ đã chứng ngộ được Niết-bàn. Xem *GS*. I. 22.

[138] *Tathāgate niṭṭhaṅgato*.

với lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, với Thánh giới, với Thánh trí, với Thánh giải thoát.

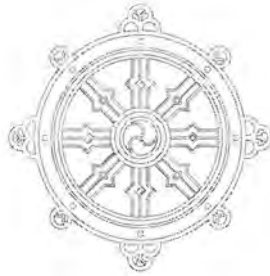
Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, gia chủ Tapussa đi đến cứu cánh nơi Như Lai, sống thấy được bất tử, chứng ngộ bất tử.

IV-XXIII. NHÓM KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH BHALLIKA (*Bhallikādisuttāni*) (*A*. III. 451)

120-139. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, gia chủ Bhallika[139]... gia chủ Sudatta Anāthapiṇḍika... gia chủ Citta Macchikāsaṇḍika... gia chủ Hatthaka Āḷavaka... gia chủ Mahānāma Sakka... gia chủ Ugga người Vesāli... gia chủ Uggata... gia chủ Sūra Ambaṭṭha... gia chủ Jīvaka Komārabhacca... gia chủ Nakulapitā... gia chủ Tavakaṇṇika... gia chủ Pūraṇa... gia chủ Isidatta... gia chủ Sandhāna... gia chủ Vijaya... gia chủ Vajjiyamāhita... gia chủ Meṇḍaka... cư sĩ Vāseṭṭha... cư sĩ Ariṭṭha... cư sĩ Sāragga, đi đến Cứu cánh nơi Như Lai, sống thấy được bất tử, chứng ngộ được bất tử.

Thế nào là sáu? Với lòng tịnh tín bất động đối với Phật, với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, với lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, với Thánh giới, với Thánh trí, với Thánh giải thoát.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, cư sĩ Sāragga, đi đến Cứu cánh nơi Như Lai, sống thấy được bất tử, chứng ngộ được bất tử.



[139] Về Pūraṇa và Isidatta, xem *A*. III. 347, *GS*. III. 246; về Meṇḍaka, xem *A*. III. 36, *GS*. III. 28; về Ariṭṭha, xem *KS*. V. 278; về Vāseṭṭha, xem *D*. III. 80, *M*. II. 169; về Sandhāna, xem *DA*. I. 45; về Bhallika, xem *GS*. III. 313, n.3.

XIII. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (*RĀGAPEYYĀLA*)[140] (*A*. III. 451)

140. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, sáu pháp này cần phải tu tập. Thế nào là sáu? Thấy vô thượng, nghe vô thượng, lợi đắc vô thượng, học pháp vô thượng, phục vụ vô thượng, tùy niệm vô thượng.

Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, sáu pháp này cần phải tu tập.

141. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, sáu pháp này cần phải tu tập. Thế nào là sáu? Tùy niệm Phật,[141] tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm giới, tùy niệm thí, tùy niệm thiên.

Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, sáu pháp này cần phải tu tập.

142. Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, sáu pháp này cần phải tu tập. Thế nào là sáu? Tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ, tưởng đoạn tận, tưởng ly tham, tưởng đoạn diệt.

Để thắng tri tham, này các Tỷ-kheo, sáu pháp này cần phải tu tập.

143-169. Này các Tỷ-kheo, để liễu tri tham… để đoạn diệt… để đoạn tận… để trừ diệt… để làm cho tàn tạ… để ly tham… để trừ bỏ… để từ bỏ… để xả bỏ tham… sáu pháp này cần phải tu tập. Thế nào là sáu?...

(Như kinh 140-142).

170-649. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri sân... si… phẫn nộ… hiềm hận… giả dối… não hại… tật đố… xan lẫn… lừa đảo… man trá… ngoan cố… bồng bột [hung hăng]… mạn… tăng thượng mạn… kiêu… phóng dật... để liễu tri… để đoạn diệt… để trừ diệt… để làm cho tàn tạ… để ly tham… để trừ bỏ… để từ bỏ… xả bỏ... sáu pháp này cần phải tu tập.

Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[140] Xem *A*. III. 276; *GS*. III. 200. Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh này được viết tiếp theo Chapter XII. *The Recital*, nghĩa là *Trùng tụng*.

[141] Xem *A*. III. 282; *GS*. III. 204.

CHƯƠNG VII
BẢY PHÁP (*SATTAKANIPĀTA*)

I. PHẨM TÀI SẢN
(*DHANAVAGGA*)

I. KINH ĐƯỢC ÁI MỘ THỨ NHẤT (*Paṭhamapiyasutta*) (*A*. IV. 1)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, không được khả ý, không được kính trọng, không được bắt chước tu tập theo.[1] Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ưa muốn lợi dưỡng, ưa muốn tôn kính, ưa muốn được tán thán,[2] không có xấu hổ, không có sợ hãi tội lỗi, ác dục và tà kiến.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, không được khả ý, không được kính trọng, không được bắt chước tu tập theo.

Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, được khả ý, được kính trọng, được bắt chước tu tập theo. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không ưa muốn lợi dưỡng, không ưa muốn tôn kính, không ưa muốn được tán thán, có xấu hổ, có sợ hãi tội lỗi, ít dục và chánh kiến.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, được khả ý, được kính trọng, được bắt chước tu tập theo.

---

[1] *Abhāvanīya*. Xem *GS*. III. 87.

[2] *Anavaññattikāma*. Xem *A*. II. 240; *It*. 72.

II. KINH ĐƯỢC ÁI MỘ THỨ HAI (*Dutiyapiyasutta*) (*A*. IV. 2)

2. (Như kinh 1, chỉ thay hai pháp cuối "tật đố và xan tham" với "không tật đố và không xan tham").

III. KINH CÁC SỨC MẠNH TÓM TẮT (*Saṃkhittabalasutta*)[3] (*A*. IV. 3)

3. Này các Tỷ-kheo, có bảy sức mạnh này. Thế nào là bảy? Tín lực, tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.[4] Này các Tỷ-kheo, có bảy sức mạnh này.

Tín lực và tấn lực,
Tàm lực và quý lực,
Niệm lực và định lực,
Tuệ lực là thứ bảy;
Tỷ-kheo với lực này,
Sống hiền trí an lạc,
Như lý suy tư pháp,[5]
Quán rõ đích trí tuệ,
Như ngọn lửa tàn diệt,[6]
Với tâm được giải thoát.

IV. KINH CÁC SỨC MẠNH QUẢNG THUYẾT (*Vitthatabalasutta*)[7] (*A*. IV. 3)

4. Này các Tỷ-kheo, có bảy sức mạnh này. Thế nào là bảy? Tín lực, tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tín lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện, làm sanh khởi các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các pháp thiện. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tàm lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng xấu hổ, xấu hổ với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, xấu hổ vì đã thành tựu các pháp ác, bất thiện. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tàm lực.

---

[3] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.688-690. 0187c27-0188a12).

[4] Xem *A*. II. 141; III. 10; *D*. III. 229, 253; *M*. II. 12; *S*. V. 193.

[5] Xem *S*. I. 34.

[6] Xem *A*. I. 236; *D*. II. 157; *S*. I. 159; *Thag*. v. 906; *Thīg*. v. 116.

[7] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.691. 0188a19).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là quý lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng sợ hãi tội lỗi, sợ hãi tội lỗi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sợ hãi tội lỗi vì thành tựu các pháp ác, bất thiện. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là quý lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là niệm lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đầy đủ niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức nhớ, tùy niệm (*saritā anussaritā*) những điều làm đã lâu, nói đã lâu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là niệm lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ly dục, ly các pháp ác, bất thiện... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư.[8] Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, có trí tuệ về sanh diệt, thành tựu với sự thể nhập thuộc bậc Thánh đưa đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ lực.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là bảy pháp.

Tín lực và tấn lực,
Tàm lực và quý lực,
Niệm lực và định lực,
Tuệ lực là thứ bảy.
Tỷ-kheo với lực này,
Sống hiền trí an lạc,
Như lý suy tư pháp,
Quán rõ đích trí tuệ,
Như ngọn lửa tàn diệt,
Với tâm được giải thoát.

V. KINH CÁC TÀI SẢN TÓM TẮT (*Saṃkhittadhanasutta*) (*A*. IV. 4)

5. Này các Tỷ-kheo, có bảy tài sản[9] này. Thế nào là bảy? Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài, tuệ tài.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy tài sản.

Tín tài và giới tài,
Tàm tài và quý tài,
Văn tài và quý tài,
Tuệ tài là thứ bảy.
Ai có những tài này,
Nữ nhân hay nam nhân,
Được gọi không nghèo khổ,

---

[8] Xem *A*. IV. 409.

[9] Xem *A*. I. 210; IV. 212; *D*. III. 163; *M*. III. 99.

Mạng sống không trống rỗng.
Do vậy, tín và giới,
Tịnh tín và thấy pháp,
Bậc trí chuyên chú tâm,
Ức niệm lời Phật dạy.[10]

VI. KINH CÁC TÀI SẢN QUẢNG THUYẾT (*Vitthatadhanasutta*) (*A*. IV. 5)

6. Này các Tỷ-kheo, có bảy tài sản này. Thế nào là bảy? Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài, tuệ tài.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tín tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tín tài.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh... từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới tài.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tàm tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có xấu hổ, xấu hổ đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; xấu hổ vì đã thành tựu các pháp ác, bất thiện. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tàm tài.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là quý tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng sợ hãi tội lỗi, sợ hãi tội lỗi đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác; sợ hãi tội lỗi vì thành tựu các pháp ác, bất thiện. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là quý tài.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là văn tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều,[11] gìn giữ những gì đã nghe, chất chứa những gì đã nghe; những pháp ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu nhờ chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là văn tài.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thí tài?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử với tâm từ bỏ cấu uế, xan tham, sống tại gia[12] phóng xả, với bàn tay rộng mở, ưa thích xả bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích san sẻ vật bố thí. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thí tài.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tuệ tài?

---

[10] Xem *A*. II. 57; *S*. I. 232; *Thag*. v. 509.

[11] Xem *A*. II. 23; *D*. III. 267; *M*. III. 11; *Vin*. II. 95.

[12] Xem *A*. I. 226, II. 66; V. 331; *S*. V. 351.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, có trí tuệ về sanh diệt, thành tựu với sự thể nhập thuộc bậc Thánh đưa đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ tài.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bảy tài sản.

Tín tài và giới tài,
Tàm tài và quý tài,
Văn tài và thí tài,
Tuệ tài là thứ bảy.
Ai có những tài này,
Nữ nhân hay nam nhân,
Được gọi không nghèo khổ,
Mạng sống không trống rỗng.
Do vậy, tín và giới,
Tịnh tín và thấy pháp,
Bậc trí chuyên chú tâm,
Ức niệm lời Phật dạy.

VII. KINH UGGA (*Uggasutta*) (*A*. IV. 6)

7. Bấy giờ, Ugga, vị đại thần của vua,[13] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Ugga, vị đại thần của vua, bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Giàu có đến như vậy, đại phú đến như vậy, tài sản nhiều đến như vậy, bạch Thế Tôn, là Migāra Rohaṇeyya.

– Này Ugga, Migāra Rohaṇeyya[14] giàu có đến mức nào, đại phú đến mức nào, tài sản nhiều đến mức nào?

– Bạch Thế Tôn, về vàng có đến trăm trăm ngàn, còn nói gì về bạc!

– Này Ugga, đây có thể là tài sản chăng? Không phải Ta đã nói rằng đây không phải là tài sản? Tài sản ấy bị chi phối (*sādhāraṇaṃ*) bởi lửa, nước, vua chúa, ăn trộm, các người thừa tự thù địch.[15]

Bảy tài sản này, này Ugga, không bị lửa, nước, vua chúa, ăn trộm, các người thừa tự thù địch chi phối. Thế nào là bảy? Tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, văn tài, thí tài, tuệ tài. Bảy loại tài sản này, này Ugga, không bị lửa, nước, vua chúa, ăn trộm, các người thừa tự thù địch chi phối.

Tín tài và giới tài,
Tàm tài và quý tài,
Văn tài và thí tài,
Tuệ tài là thứ bảy.

[13] *Chú giải*: Chỉ cho vua nước Kosala.

[14] *Chú giải*: Cháu của Rohaṇa Chetty, mẹ là Visākhā.

[15] Xem *M*. I. 86; *S*. I. 90.

Ai có tài sản này,
Nữ nhân hay nam nhân,
Người ấy là đại phú,
Thiên nhân giới khó thắng.
Do vậy, tín và giới,
Tịnh tín và thấy pháp,
Bậc trí chuyên chú tâm,
Ức niệm lời Phật dạy.

VIII. KINH CÁC KIẾT SỬ (*Saṃyojanasutta*) (*A*. IV. 7)

8. Này các Tỳ-kheo, có bảy kiết sử[16] này. Thế nào là bảy? Tùy tham kiết sử, sân kiết sử, kiến kiết sử, nghi kiết sử, mạn kiết sử, hữu tham kiết sử, vô minh kiết sử.

Này các Tỳ-kheo, có bảy kiết sử này.

IX. KINH ĐOẠN TẬN (*Pahānasutta*) (*A*. IV. 7)

9. Này các Tỳ-kheo, do đoạn tận, do cắt đứt bảy kiết sử, Phạm hạnh được sống. Thế nào là bảy? Do đoạn tận, cắt đứt tùy tham kiết sử, Phạm hạnh được sống... sân kiết sử... kiến kiết sử... nghi kiết sử... mạn kiết sử... hữu tham kiết sử... do đoạn tận, do cắt đứt vô minh kiết sử, Phạm hạnh được sống.

Này các Tỳ-kheo, do đoạn tận, do cắt đứt bảy kiết sử này, Phạm hạnh được sống. Này các Tỳ-kheo, khi nào Tỳ-kheo đã đoạn tận tùy tham kiết sử, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, này các Tỳ-kheo, đây gọi là Tỳ-kheo đã chặt đứt khát ái, đã giải tỏa kiết sử, chơn chánh hiện quán kiêu mạn, đã đoạn tận khổ đau.

X. KINH XAN THAM (*Macchariyasutta*) (*A*. IV. 8)

10. Này các Tỳ-kheo, có bảy kiết sử này. Thế nào là bảy? Tùy tham kiết sử, sân kiết sử, kiến kiết sử, nghi kiết sử, mạn kiết sử, tật đố kiết sử, xan tham kiết sử.

Này các Tỳ-kheo, có bảy kiết sử này.

---

[16] Xem *D*. III. 254.

II. PHẨM TÙY MIÊN
(*ANUSAYAVAGGA*)

I. KINH TÙY MIÊN THỨ NHẤT (*Paṭhamaanusayasutta*)[17] (*A*. IV. 9)

11. Này các Tỷ-kheo, có bảy tùy miên. Thế nào là bảy? Dục tham tùy miên, sân tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên, mạn tùy miên, hữu tham tùy miên, vô minh tùy miên.

Này các Tỷ-kheo, có bảy tùy miên này.

II. KINH TÙY MIÊN THỨ HAI (*Dutiyaanusayasutta*) (*A*. IV. 9)

12. Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận, do cắt đứt bảy tùy miên này, Phạm hạnh được sống. Thế nào là bảy? Do đoạn tận, do cắt đứt dục tham tùy miên, Phạm hạnh được sống... sân tùy miên... kiến tùy miên.. nghi tùy miên... mạn tùy miên... hữu tham tùy miên... do đoạn tận, do cắt đứt vô minh tùy miên, Phạm hạnh được sống.

Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận, do cắt đứt bảy tùy miên này, Phạm hạnh được sống. Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo đoạn tận dục tham tùy miên... vô minh tùy miên, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo đã chặt đứt khát ái, đã giải tỏa tùy miên, chơn chánh hiện quán kiêu mạn, đã đoạn tận khổ đau.

III. KINH GIA ĐÌNH (*Kulasutta*) (*A*. IV. 10)

13. Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu bảy chi phần này, nếu chưa đến thăm thời không xứng đáng để đi đến; nếu đã đến thăm thời không xứng đáng để ngồi xuống. Thế nào là bảy? Không vui vẻ đứng dậy; không vui vẻ chào đón; không vui vẻ mời ngồi; có chỗ ngồi đem giấu đi; từ đồ nhiều, họ cho ít; từ đồ thù thắng, họ cho đồ thô xấu; họ cho không có kính trọng, không có kính lễ.

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu bảy chi phần này, nếu chưa đến thăm thời không xứng đáng để đến; nếu đã đến thời không xứng đáng để ngồi xuống.

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu bảy chi phần này, nếu chưa đến thăm thời xứng đáng để đi đến; nếu đã đến thăm thời xứng đáng để ngồi xuống. Thế nào là bảy? Vui vẻ đứng dậy; vui vẻ chào đón; vui vẻ mời ngồi; không đem

---

[17] Kinh này và kinh kế tiếp, tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.40.3. 0738c20).

giấu chỗ ngồi; từ đồ nhiều, họ cho nhiều; từ đồ thù thắng, họ cho đồ thù thắng; họ cho có kính trọng, có kính lễ.

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu bảy chi phần này, nếu chưa đến thăm thời xứng đáng để đi đến; nếu đã đến thăm thời xứng đáng để ngồi xuống.

IV. KINH CÁC HẠNG NGƯỜI (*Puggalasutta*)[18] (*A*. IV. 10)

14. Này các Tỷ-kheo, có bảy hạng người đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy? Câu phần giải thoát, Tuệ giải thoát, Thân chứng, Kiến chí, Tín giải thoát, Tùy pháp hành, Tùy tín hành.

Bảy hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

V. KINH VÍ DỤ VỚI NƯỚC (*Udakūpamāsutta*)[19] (*A*. IV. 11)

15. Này các Tỷ-kheo, có bảy hạng người được ví dụ với nước, có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người lặn một lần rồi chìm luôn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên lại chìm xuống.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên được đứng lại.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên lại nhìn và thấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên lại bơi tới.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên đạt được chỗ có chân đứng.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên, bơi qua đến bờ bên kia, lên đứng trên đất liền, là một vị Bà-la-môn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người lặn một lần rồi chìm luôn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hoàn toàn thành tựu với các pháp đen, bất thiện. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người lặn một lần rồi chìm luôn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên lại chìm xuống?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ:

"Lành thay! Lòng tin trong các thiện pháp.

Lành thay! Lòng xấu hổ trong các thiện pháp.

Lành thay! Lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp.

Lành thay! Sự tinh tấn trong các thiện pháp.

---

[18] Xem *Pug*. VII. 2.

[19] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.3. 0729c24); *Thủy dụ kinh* 水喻經 (*T*.01. 0026.4. 0424a13); *Hàm thủy dụ kinh* 鹹水喻經 (*T*.01. 0029. 0811a01).

Lành thay! Trí tuệ trong các thiện pháp."

Lòng tin ấy của vị ấy không an trú, không tăng trưởng, bị giảm thiểu. Lòng xấu hổ đó của vị ấy không an trú, không tăng trưởng, bị giảm thiểu. Lòng sợ hãi tội lỗi đó của vị ấy không an trú, không tăng trưởng, bị giảm thiểu. Sự tinh tấn đó của vị ấy không an trú, không tăng trưởng, bị giảm thiểu. Trí tuệ đó của vị ấy không an trú, không tăng trưởng, bị giảm thiểu. Như vậy, này các Tỷ-kheo là hạng người sau khi nổi lên lại chìm xuống.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên được đứng lại?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ như sau:

"Lành thay! Lòng tin trong các thiện pháp.

Lành thay! Lòng hổ thẹn trong các thiện pháp.

Lành thay! Lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp.

Lành thay! Sự tinh tấn trong các thiện pháp.

Lành thay! Trí tuệ trong các thiện pháp."

Lòng tin đó của vị ấy không giảm thiểu, không tăng trưởng, được đứng lại. Lòng hổ thẹn đó của vị ấy không giảm thiểu, không tăng trưởng, được đứng lại. Lòng sợ hãi tội lỗi đó của vị ấy không giảm thiểu, không tăng trưởng, được đứng lại. Sự tinh tấn đó của vị ấy không giảm thiểu, không tăng trưởng, được đứng lại. Trí tuệ đó của vị ấy không giảm thiểu, không tăng trưởng, được đứng lại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi nổi lên được đứng lại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên lại nhìn và thấy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ:

"Lành thay! Lòng tin trong các thiện pháp.

Lành thay! Lòng hổ thẹn trong các thiện pháp.

Lành thay! Lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp.

Lành thay! Sự tinh tấn trong các thiện pháp.

Lành thay! Trí tuệ trong các thiện pháp."

Vị ấy, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự Lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc chứng ngộ Bồ-đề.[20] Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi nổi lên, lại nhìn và thấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên lại bơi tới?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ:

"Lành thay! Lòng tin trong các thiện pháp.

Lành thay! Lòng hổ thẹn trong các thiện pháp.

Lành thay! Lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp.

Lành thay! Sự tinh tấn trong các thiện pháp.

[20] Xem *A.* I. 232; *D.* I. 156; *M.* III. 81; *S.* V. 193.

Lành thay! Trí tuệ trong các thiện pháp."

Vị ấy, sau khi đoạn diệt ba kiết sử, sau khi làm muội lược tham sân si, là bậc Nhất Lai, còn trở lui đời này một lần nữa rồi đoạn tận khổ đau.[21] Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi nổi lên lại bơi tới.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên lại đạt được chân đứng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sau khi nổi lên và suy nghĩ:

"Lành thay! Lòng tin trong các thiện pháp.

Lành thay! Lòng xấu hổ trong các thiện pháp.

Lành thay! Lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp.

Lành thay! Sự tinh tấn trong các thiện pháp.

Lành thay! Trí tuệ trong các thiện pháp."

Vị ấy, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử,[22] được hóa sanh, tại đấy nhập Niết-bàn, không trở lui cõi đời này nữa. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi nổi lên đạt được chỗ có chân đứng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người sau khi nổi lên, bơi qua đến bờ bên kia, lên đứng trên đất liền, là một vị Bà-la-môn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người nổi lên và suy nghĩ:

"Lành thay! Lòng tin trong các thiện pháp.

Lành thay! Lòng xấu hổ trong các thiện pháp.

Lành thay! Lòng sợ hãi tội lỗi trong các thiện pháp.

Lành thay! Sự tinh tấn trong các thiện pháp.

Lành thay! Trí tuệ trong các thiện pháp."

Vị ấy, sau khi đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người sau khi nổi lên, bơi qua đến bờ bên kia, lên đứng trên đất liền, là một vị Bà-la-môn.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy hạng người được ví dụ với nước, có mặt hiện hữu ở đời.

VI. KINH QUÁN VÔ THƯỜNG (*Aniccānupassīsutta*)[23] (*A*. IV. 13)

16. Có bảy hạng người, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy?

Ở đây, có hạng người sống tùy quán vô thường trong tất cả hành, tưởng vô

[21] Xem *A*. II. 89; *D*. II. 200; *M*. I. 34.

[22] Xem *A*. V. 17; *M*. I. 432.

[23] Bản tiếng Anh của PTS: *Not Always*, nghĩa là *Không thường xuyên*.

thường, cảm thọ vô thường trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Vị ấy, với sự đoạn diệt các lậu hoặc... sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người sống tùy quán vô thường... với tuệ thể nhập. Với vị ấy, sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sinh mạng xảy đến một lần, không trước không sau. Đây là hạng người thứ hai, này các Tỷ-kheo... vô thượng phước điền ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người sống tùy quán vô thường... với tuệ thể nhập. Vị ấy, sau khi đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn (*Antarāparinibbāyī*)... chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn (*Upahaccaparinibbāyī*)... chứng được Vô hành Bát-niết-bàn (*Asaṅkhāraparinibbāyī*)... chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn (*Sasaṅkhāraparinibbāyī*)[24]... chứng được Thượng lưu đạt được Sắc Cứu Cánh (Akaniṭṭha) thiên. Đây là hạng người thứ bảy, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

Bảy hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

VII. KINH QUÁN KHỔ (*Dukkhānupassīsutta*)[25] (*A*. IV. 14)

17. Có bảy hạng người, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán khổ trong tất cả các hành...

VIII. KINH QUÁN VÔ NGÃ (*Anattānupassīsutta*) (*A*. IV. 14)

18. Có bảy hạng người, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán vô ngã trong tất cả các pháp...

IX. KINH NIẾT-BÀN (*Nibbānasutta*) (*A*. IV. 14)

19. Có bảy hạng người, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán lạc trong Niết-bàn, tưởng lạc, cảm thọ lạc trong tất cả thời, liên tục, không có gián

---

[24] Đây là các vị Bất Lai: ... *antarāparinibbāyī hoti...pe... upahaccaparinibbāyī hoti...pe... asaṅkhāraparinibbāyī hoti...pe... sasaṅkhāraparinibbāyī hoti...pe...* Xem *A*. IV. 68; *KS*. V. 57; *DB*. III. 227.

[25] Bản tiếng Anh của PTS viết 3 kinh (từ 17-19) chung một nhóm với tên: *Ill*, *No Self*, *the Cool*, nghĩa là *Khổ*, *Vô ngã*, *Tịch tịnh*.

đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Vị ấy với sự đoạn diệt các lậu hoặc... sau khi chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính... là vô thượng phước điền ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người sống tùy quán lạc trong Niết-bàn, tưởng lạc, cảm thọ lạc trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Với vị ấy, sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sinh mạng xảy đến một lần, không trước không sau. Đây là hạng người thứ hai đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, có hạng người sống quán lạc trong Niết-bàn, tưởng lạc, cảm thọ lạc trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Vị ấy đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn... chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn... chứng được Vô hành Bát-niết-bàn... chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn... chứng được Thượng lưu đạt được Sắc Cứu Cánh thiên. Đây là hạng người thứ bảy, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy hạng người ở đời đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

X. KINH BẢY ĐIỀU TÁN THÁN (*Niddasavatthusutta*) (A. IV. 15)

20. Này các Tỷ-kheo, có bảy sự thù diệu này. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo tha thiết hành trì học pháp và trong tương lai khát vọng hành trì học pháp; tha thiết quán pháp và trong tương lai khát vọng quán pháp; tha thiết nhiếp phục lòng dục và trong tương lai khát vọng nhiếp phục lòng dục; tha thiết thiền tịnh và trong tương lai khát vọng thiền tịnh; tha thiết tinh cần tinh tấn và trong tương lai khát vọng tinh cần tinh tấn; tha thiết niệm tuệ và trong tương lai khát vọng niệm tuệ; tha thiết thể nhập tri kiến và trong tương lai khát vọng thể nhập tri kiến.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy căn bản để được tán thán.[26]

[26] Xem *A*. IV. 34; *D*. III. 252.

III. PHẨM VAJJĪ
(*VAJJISATTAKAVAGGA*)

I. KINH TẠI SĀRANDADA (*Sārandadasutta*) (*A.* IV. 16)

21. Như vầy tôi nghe.

Một thời,[27] Thế Tôn trú ở Vesāli, tại điện thờ Sārandada. Bấy giờ, có nhiều người Licchavi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các người Licchavi đang ngồi một bên:

– Này các Licchavi, Ta sẽ giảng cho các ông bảy pháp không làm cho suy giảm. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các người Licchavi ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Licchavi, thế nào là bảy pháp không làm cho suy giảm?

Này các Licchavi, khi nào dân Vajjī (Bạt-kỳ) thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Licchavi, dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Licchavi, khi nào dân Vajjī tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết, này các Licchavi, dân Vajjī được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Licchavi, khi nào dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thuở xưa, thời này các Licchavi, dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Licchavi, khi nào dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc Trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này, thời dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Licchavi, khi nào dân Vajjī không bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ Vajjī phải sống với mình, thời này các Licchavi, dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Licchavi, khi nào dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước đúng với quy pháp, thời này các Licchavi, dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

[27] Xem *D.* II. 72-81. Liên bang Vajjī gồm cả hai dân tộc Licchavi và Videhi với Vesāli là kinh đô, nằm về phía Bắc của nước Magadha.

Này các Licchavi, khi nào dân Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này các Licchavi, dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Và này các Licchavi, cho đến khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được tồn tại giữa dân Vajjī, khi nào dân chúng Vajjī được thấy còn duy trì bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Licchavi, dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

II. KINH VASSAKĀRA (*Vassakārasutta*)[28] (*A*. IV. 17)

22. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, muốn chinh phạt dân chúng Vajjī. Vua nói như sau:

– Ta quyết chinh phạt dân Vajjī này, dầu họ có uy quyền, có hùng mạnh. Ta quyết làm cỏ dân Vajjī. Ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī. Ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong.

Rồi Ajātasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, nói với Bà-la-môn Vassakāra,[29] đại thần nước Magadha:

– Này Bà-la-môn, hãy đi đến Thế Tôn và nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Ngài, vấn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú: "Bạch Thế Tôn, Ajātasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, vấn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, khỏe mạnh, lạc trú." Và khanh bạch tiếp: "Bạch Thế Tôn, Ajātasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, muốn chinh phạt dân Vajjī. Vua tự nói: 'Ta quyết chinh phạt dân Vajjī này, dầu họ có uy quyền, có hùng mạnh. Ta quyết làm cỏ dân Vajjī. Ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī. Ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong.'"[30] Thế Tôn trả lời khanh thế nào, hãy ghi nhớ kỹ và nói lại ta biết. Các bậc Như Lai không bao giờ nói không như thật.

– Tâu Đại vương, xin vâng.

Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha, vâng theo lời của Ajātasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, cho thắng những cỗ xe thù thắng, tự mình cưỡi lên một chiếc, cùng với các cỗ xe ấy đi ra khỏi Vương Xá, đến tại núi Linh Thứu, đi xe đến chỗ còn dùng xe được, rồi xuống xe đi bộ đến chỗ Thế Tôn. Sau khi đến, Bà-la-môn Vassakāra liền nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

---

[28] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.40.2. 0738a11); *Vũ Thế kinh* 雨勢經 (*T*.02. 0026.142. 0648a24).

[29] Xem *D*. II. 72ff; *M*. III. 8; *GS*. II. 40; Vương Xá là kinh đô nước Magadha.

[30] *Chú giải* giải thích có một hải cảng trên sông Hằng, cách đều Magadha và Licchavi. Có một số hương liệu quý được chở tới hải cảng này và người Licchavi đưa binh đến trước cướp lấy các hương liệu, làm cho Vua Ajātasattu rất tức giận.

– Thưa Tôn giả Gotama, Ajātasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Gotama, vấn an Ngài có ít bệnh, ít não, khinh an, lạc trú. Thưa Tôn giả Gotama, Ajātasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, muốn chinh phạt dân xứ Vajjī, vua tự nói: "Ta quyết chinh phạt dân Vajjī này, dù họ có uy quyền, có hùng mạnh. Ta quyết làm cỏ dân Vajjī. Ta sẽ tiêu diệt dân Vajjī. Ta sẽ làm cho dân Vajjī bị hoại vong."

Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda đứng quạt phía sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, ông có nghe dân Vajjī thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau.

– Này Ānanda, khi nào dân Vajjī thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ông có biết dân Vajjī tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân chúng Vajjī tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết.

– Này Ānanda, khi nào dân Vajjī tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc trong niệm đoàn kết, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ông có nghe dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thuở xưa không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thuở xưa.

– Này Ānanda, khi nào dân Vajjī không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống của dân Vajjī như đã ban hành thuở xưa, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ông có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc Trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc Trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này.

– Này Ānanda, khi nào dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc Trưởng lão Vajjī và nghe theo lời dạy của những vị này, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ông có nghe dân Vajjī không bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ, thiếu nữ Vajjī phải sống với mình không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ, thiếu nữ Vajjī phải sống với mình.

– Này Ānanda, khi nào dân Vajjī không có bắt cóc và cưỡng ép những phụ nữ, thiếu nữ Vajjī phải sống với mình, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ông có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước, đúng với quy pháp không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước đúng với quy pháp.

– Này Ānanda, khi nào dân Vajjī tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu của Vajjī ở tỉnh thành và ngoài tỉnh thành, không bỏ phế các cúng lễ đã cúng từ trước đúng với quy pháp, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm. Này Ānanda, ông có nghe dân Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc không?

– Bạch Thế Tôn, con có nghe dân Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc.

– Này Ānanda, khi nào dân Vajjī bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A-la-hán ở tại Vajjī, khiến các vị A-la-hán chưa đến sẽ đến trong xứ và những vị A-la-hán đã đến được sống an lạc, thời này Ānanda, dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha:

– Này Bà-la-môn, một thời, Ta sống ở Vesāli, tại tự miếu Sārandada, Ta dạy cho dân Vajjī bảy pháp không bị suy giảm này. Này Bà-la-môn, khi nào bảy pháp không bị suy giảm được duy trì giữa dân Vajjī, khi nào dân Vajjī được giảng dạy bảy pháp không bị suy giảm này, thời này Bà-la-môn, dân Vajjī sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha, bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu dân Vajjī chỉ hội đủ một pháp không bị suy giảm này, thời dân Vajjī nhất định được lớn mạnh, không bị suy giảm, huống nữa là đủ bảy pháp không bị suy giảm. Thưa Tôn giả Gotama, Ajātasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha, không thể đánh bại dân Vajjī ở chiến trận, trừ phi dùng ngoại giao hay kế ly gián. Thưa Tôn giả Gotama, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều việc và có nhiều bổn phận.

– Này Bà-la-môn, hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Vassakāra, đại thần nước Magadha, hoan hỷ tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

III. KINH NHÓM BẢY [PHÁP] THỨ NHẤT
(*Paṭhamasattakasutta*)[31] (*A*. IV. 21)

23. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp không bị suy giảm. Hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy pháp không bị suy giảm?

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thường hay tụ họp và tụ họp đông đảo với nhau, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc Tăng sự trong niệm đoàn kết, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ban hành những luật lệ không được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với những học giới được ban hành, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tôn sùng, kính trọng, đảnh lễ, cúng dường các bậc Tỷ-kheo Thượng tọa, những vị này là những vị giàu kinh nghiệm, niên cao lạp trưởng, bậc cha của chúng Tăng, bậc thầy của chúng Tăng và nghe theo những lời dạy của những vị này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không bị chi phối bởi tham ái, tham ái này tác thành một đời sống khác, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo thích sống những chỗ nhàn tịnh, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến muốn đến ở và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở được sống an lạc, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được duy trì giữa các vị Tỷ-kheo, khi nào các Tỷ-kheo được dạy bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

[31] Xem *D*. II. 72. Bản tiếng Anh của PTS: *The Monk*, nghĩa là *Vị Tỷ-kheo*.

IV. KINH NHÓM BẢY [PHÁP] THỨ HAI (*Dutiyasattakasutta*)[32] (*A*. IV. 22)

24. Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp không làm suy giảm này... Ta sẽ giảng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy pháp không làm suy giảm?

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích làm thế sự, không hoan hỷ làm thế sự, không đam mê làm thế sự, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê phiếm luận, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích ngủ nghỉ, không hoan hỷ ngủ nghỉ, không đam mê ngủ nghỉ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không ưa thích quần tụ, không hoan hỷ quần tụ, không đam mê quần tụ, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không có ác dục, không bị chi phối bởi ác dục, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không có bè bạn ác dục, không thân tín bạn lữ ác dục, không cộng hành với người ác dục, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo không dừng ở nửa chừng,[33] giữa sự đạt đến những quả vị thấp kém và những quả vị thù thắng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được duy trì giữa các Tỷ-kheo, khi nào các Tỷ-kheo được dạy bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

V. KINH NHÓM BẢY [PHÁP] THỨ BA (*Tatiyasattakasutta*)[34] (*A*. IV. 22)

25. – Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp không bị suy giảm này, hãy lắng nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy pháp không bị suy giảm?

---

[32] Xem. *D*. II. 77. Bản tiếng Anh của PTS: *Action*, nghĩa là *Hành động*.

[33] Xem *A*. V. 157; *It*. 85; *Vin*. II. 203.

[34] Xem *D*. II. 78. Bản tiếng Anh của PTS: *Believing*, nghĩa là *Tin tưởng*.

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo có tín tâm, có tàm, có quý, có nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ,[35] thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được duy trì giữa các Tỷ-kheo, khi nào các Tỷ-kheo được dạy bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

VI. KINH GIÁC CHI (*Bojjhaṅgasutta*) (*A*. IV. 23)

26. – Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp không làm suy giảm này... Ta sẽ giảng... (như trên).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy pháp không làm suy giảm?

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi,[36] thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được duy trì giữa các Tỷ-kheo, khi nào các Tỷ-kheo được dạy bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

VII. KINH TƯỞNG (*Saññāsutta*) (*A*. IV. 24)

27. Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp không làm suy giảm này... Ta sẽ giảng... (như trên).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy pháp không làm suy giảm?

Này các Tỷ-kheo, khi nào chúng Tỷ-kheo tu tập vô thường tưởng, tu tập vô ngã tưởng, tu tập bất tịnh tưởng, tu tập nguy hại tưởng, tu tập đoạn diệt tưởng, tu tập vô tham tưởng, tu tập diệt tưởng, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

Này các Tỷ-kheo, khi nào bảy pháp không làm suy giảm này được duy trì giữa các Tỷ-kheo, khi nào các Tỷ-kheo được dạy bảy pháp không làm suy giảm này, thời này các Tỷ-kheo, chúng Tỷ-kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm.

VIII. KINH SỰ THỐI ĐỌA THỨ NHẤT (*Paṭhamaparihānisutta*)[37] (*A*. IV. 24)

28. Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp này đưa đến sự thối đọa cho vị Tỷ-kheo Hữu học. Thế nào là bảy? Ưa thích công việc; ưa thích nói chuyện; ưa thích

---

[35] Xem *A*. II. 76; *D*. II. 79; *M*. III. 23; *S*. II. 206.

[36] Xem *D*. III. 106; *M*. I. 11; *S*. V. 63.

[37] Bản tiếng Anh của PTS: *Training*, nghĩa là *Tu tập*.

ngủ nghỉ; ưa thích hội chúng; các căn không phòng hộ; ăn uống không tiết độ; khi chúng Tăng có sự việc, tại đấy, Tỷ-kheo Hữu học không có suy tư: "Giữa Tăng chúng có các Trưởng lão có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu năm, gánh vác chức vụ. Họ sẽ được biết đến vì những chức vụ này", và không có tự mình chuyên tâm.

Này các Tỷ-kheo, bảy pháp này đưa vị Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa.

Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp này đưa Tỷ-kheo Hữu học đến không thối đọa. Thế nào là bảy? Không ưa thích công việc; không ưa thích nói chuyện; không ưa thích ngủ nghỉ; không ưa thích hội chúng; các căn được phòng hộ; ăn uống có tiết độ; khi chúng Tăng có sự việc, tại đấy, Tỷ-kheo Hữu học có suy tư: "Giữa Tăng chúng, có các Trưởng lão có nhiều kinh nghiệm, xuất gia đã lâu năm, gánh vác chức vụ. Họ sẽ được biết đến vì những chức vụ này", và có tự mình chuyên tâm.

Này các Tỷ-kheo, có bảy pháp này đưa Tỷ-kheo Hữu học đến không thối đọa.

IX. KINH SỰ THỐI ĐỌA THỨ HAI (*Dutiyaparihānisutta*)[38] (*A*. IV. 25)

29. Bảy pháp, này các Tỷ-kheo, đưa một nam cư sĩ đến thối đọa. Thế nào là bảy? Quên, không đến thăm Tỷ-kheo; phóng túng khi nghe Diệu pháp; không tu tập tăng thượng giới; ít tin tưởng đối với các Tỷ-kheo trưởng lão, trung niên, tân nhập; nghe pháp với tâm cật nạn, tìm tòi các khuyết điểm; tìm người xứng đáng cúng dường ngoài Tăng chúng; tại đấy phục vụ [ngoại đạo] trước.

Bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa một nam cư sĩ đến thối đọa.

Bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa một nam cư sĩ đến không thối đọa. Thế nào là bảy? Không quên đến thăm vị Tỷ-kheo; không phóng túng khi nghe Diệu pháp; tu tập tăng thượng giới; nhiều tin tưởng đối với các Tỷ-kheo trưởng lão, trung niên, tân nhập; nghe pháp với tâm không cật nạn, không tìm tòi các khuyết điểm; không tìm người xứng đáng cúng dường ngoài Tăng chúng; tại đấy phục vụ [Tăng chúng] trước.

Bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa nam cư sĩ đến không đọa lạc.

Thế Tôn thuyết như vậy. Bậc Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Cư sĩ không đến thăm,
Các vị tu tự ngã;
Không đến nghe Thánh pháp;
Không học tập thắng giới;
Ít tin các Tỷ-kheo,
Tin ấy được tăng trưởng;
Với tâm thích cật nạn,

[38] Bản tiếng Anh của PTS: *Decline*, nghĩa là *Thối đọa*.

Muốn nghe Chân diệu pháp;
Tìm ở ngoài Tăng chúng,
Người xứng đáng cúng dường;
Ở đây vị cư sĩ,
Lại lo phục vụ trước;
Bảy pháp làm suy giảm,
Được khéo léo diễn giảng,
Cư sĩ phục vụ chúng,
Diệu pháp bị suy giảm.
Cư sĩ có đến thăm,
Các vị tu tự ngã;
Có đến nghe Thánh pháp;
Có học tập thắng giới;
Có tin các Tỷ-kheo,
Tin ấy được tăng trưởng;
Với tâm không cật nạn,
Muốn nghe Chân diệu pháp;
Không tìm ngoài Tăng chúng,
Người xứng đáng cúng dường.
Ở đây vị cư sĩ,
Lo lắng phục vụ trước.
Bảy pháp không suy giảm,
Được khéo léo diễn giảng,
Cư sĩ phục vụ chúng,
Diệu pháp không suy giảm.

X. KINH BẤT HẠNH (*Vipattisutta*)[39] (*A*. IV. 26)

30. Này các Tỷ-kheo, có bảy bất hạnh này của người cư sĩ... Này các Tỷ-kheo, có bảy điều may mắn của người cư sĩ…

XI. KINH THỐI ĐỌA (*Parābhavasutta*) (*A*. IV. 26)

31. Này các Tỷ-kheo, có bảy thối đọa này của người cư sĩ... Này các Tỷ-kheo, có bảy thắng tiến này của người cư sĩ. Thế nào là bảy?

Không quên đến thăm vị Tỷ-kheo; không phóng túng khi nghe Diệu pháp; tu tập tăng thượng giới; nhiều tin tưởng đối với các vị Tỷ-kheo trưởng lão, trung niên, tân nhập; nghe pháp với tâm không cật nạn, không tìm tòi các khuyết điểm; không tìm người xứng đáng cúng dường ngoài Tăng chúng; tại đây phục vụ [Tăng chúng] trước.

Bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, là thắng tiến của người cư sĩ.

[39] Bản tiếng Anh của PTS trình bày 2 kinh (30, 31) chung một nhóm với tên: *Unprofitable*, *Backsliding*, nghĩa là *Bất lợi*, *Thối đọa*.

Cư sĩ không đến thăm,
Các vị tu tự ngã;
Không đến nghe Thánh pháp;
Không học tập thắng giới;
Ít tin các Tỷ-kheo,
Tin ấy được tăng trưởng;
Với tâm thích cật nạn,
Muốn nghe Chân diệu pháp;
Tìm ở ngoài Tăng chúng,
Người xứng đáng cúng dường;
Ở đây vị cư sĩ,
Lại lo phục vụ trước.
Bảy pháp làm suy giảm,
Được khéo léo diễn giảng,
Cư sĩ phục vụ chúng,
Diệu pháp bị suy giảm.
Cư sĩ có đến thăm,
Các vị tu tự ngã;
Có đến nghe thuyết pháp;
Có học tập thắng giới;
Có tin các Tỷ-kheo,
Tin ấy được tăng trưởng;
Với tâm không cật nạn,
Muốn nghe Chân diệu pháp;
Không tìm ngoài Tăng chúng,
Người xứng đáng cúng dường;
Ở đây vị cư sĩ,
Lo lắng phục vụ trước.
Bảy pháp không suy giảm,
Được khéo léo diễn giảng,
Cư sĩ phục vụ chúng,
Diệu pháp không suy giảm.

IV. PHẨM CHƯ THIÊN
(*DEVATĀVAGGA*)

I. KINH TÔN KÍNH KHÔNG PHÓNG DẬT
(*Appamādagāravasutta*)[40] (*A*. IV. 27)

32. Bấy giờ, có một thiên nhân, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên nhân ấy bạch Thế Tôn:

– Có bảy pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc. Thế nào là bảy? Tôn kính bậc Đạo sư, tôn kính Pháp, tôn kính chúng Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính định, tôn kính không phóng dật, tôn kính nghênh đón (*paṭisanthāragāravatā*). Bảy pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc.

Thiên nhân ấy nói như vậy, bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi thiên nhân ấy với ý nghĩ: "Bậc Đạo sư đã chấp nhận ta", thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền bảo các vị Tỷ-kheo:

– Đêm nay, này các Tỷ-kheo, một thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy thưa với Ta: "Có bảy pháp, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc. Thế nào là bảy? Tôn kính bậc Đạo sư, tôn kính Pháp, tôn kính Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính định, tôn kính không phóng dật, tôn kính nghênh đón. Bảy pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc." Này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy nói như vậy; sau khi nói xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Kính trọng bậc Đạo sư,
Kính trọng Pháp và Tăng,
Kính trọng định, nhiệt tâm,
Chí thành kính học pháp,
Kính trọng không phóng dật,
Chí thành kính nghênh đón,

---

[40] Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.15. 0428c16); *Pháp tập yếu tụng kinh*, *Phóng dật phẩm* 法集要頌經放逸品 (*T*.04. 0312.4. 0779a01).

Không thể bị đọa lạc,
Tỷ-kheo gần Niết-bàn.[41]

II. KINH TÔN KÍNH XẤU HỔ (*Hirīgāravasutta*)[42] (*A*. IV. 28)

33. Đêm nay, này các Tỷ-kheo, một thiên nhân, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên, thiên nhân ấy thưa với Ta: "Có bảy pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc. Thế nào là bảy? Tôn kính bậc Đạo sư, tôn kính Pháp, tôn kính Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính định, tôn kính xấu hổ, tôn kính sợ hãi tội lỗi. Bảy pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc." Này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy nói như vậy, nói như vậy xong, đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Kính trọng bậc Đạo sư,
Kính trọng Pháp và Tăng,
Kính trọng định, nhiệt tâm,
Chí thành kính học pháp,
Đầy đủ tàm và quý,
Tùy thuận và tôn kính,
Không thể bị đọa lạc,
Vị ấy gần Niết-bàn.

III. KINH DỄ NÓI THỨ NHẤT (*Paṭhamasovacassatāsutta*) (*A*. IV. 29)

34. (Như kinh 33, chỉ thay thế hai pháp "thiện ngôn" và "thiện bằng hữu").

IV. KINH DỄ NÓI THỨ HAI (*Dutiyasovacassatāsutta*)[43] (*A*. IV. 30)

35. – Đêm nay, này các Tỷ-kheo, một thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị ấy thưa với Ta: "Bảy pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc. Thế nào là bảy? Tôn kính bậc Đạo sư, tôn kính Pháp, tôn kính Tăng, tôn kính học pháp, tôn kính định, tôn kính thiện ngôn, tôn kính thiện bằng hữu. Bảy pháp này, bạch Thế Tôn, không đưa Tỷ-kheo đến đọa lạc." Này các Tỷ-kheo, thiên nhân ấy nói như vậy; sau khi nói xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, bạch Thế Tôn, con hiểu một cách rộng rãi như sau: Ở đây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo tự mình tôn kính bậc Đạo sư, tán thán sự tôn kính bậc Đạo sư; đối với những Tỷ-kheo khác không tôn kính bậc

---

[41] Xem *A*. III. 330ff; *D*. III. 244.

[42] Tham chiếu: *Pháp tập yếu tụng kinh*, *Phóng dật phẩm* 法集要頌經放逸品 (*T*.04. 0213.4. 0779a01).

[43] Như chú thích trên.

Đạo sư, vị ấy khích lệ họ tôn kính bậc Đạo sư; đối với những Tỷ-kheo khác tôn kính bậc Đạo sư, vị ấy tán thán một cách chơn thật, chơn chánh, đúng thời... tự mình tôn kính Pháp... tự mình tôn kính Tăng... tự mình tôn kính học pháp... tự mình tôn kính thiện ngôn... tự mình tôn kính thiện bằng hữu, tán thán sự tôn kính thiện bằng hữu; đối với những Tỷ-kheo khác không tôn kính thiện bằng hữu, vị ấy khích lệ họ tôn kính thiện bằng hữu; đối với những Tỷ-kheo khác tôn kính thiện bằng hữu, vị ấy tán thán một cách chơn thật, chơn chánh, đúng thời. Lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, bạch Thế Tôn, con hiểu một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Này Sāriputta, lời nói vắn tắt này của Ta đã được ông hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Ở đây, này Sāriputta, Tỷ-kheo tự mình tôn kính bậc Đạo sư... (như trên với những thay đổi cần thiết)... một cách chơn thực, chơn chánh, đúng thời. Lời nói vắn tắt này của Ta, này Sāriputta, cần phải hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

V. KINH NGƯỜI BẠN THỨ NHẤT (*Paṭhamamittasutta*) (*A*. IV. 31)

36. Thành tựu bảy chi phần này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải thân cận như một người bạn. Thế nào là bảy? Cho những gì khó cho;[44] làm những gì khó làm; nhẫn những gì khó nhẫn; nói lên những bí mật [của mình]; che giấu bí mật [của người khác]; không từ bỏ khi gặp bất hạnh (*āpadāsu*); không có khinh rẻ khi [tài sản] khánh tận.

Thành tựu bảy chi phần này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo cần phải thân cận như một người bạn.

Bạn cho điều khó cho,
Làm những điều khó làm,
Kham nhẫn những lời nói
Thật khó lòng kham nhẫn,
Nói lên bí mật mình,
Che giấu bí mật người,
Bất hạnh, không từ bỏ,
Khánh tận, không chê khinh.
Trong những trường hợp trên,
Tìm được người như vậy,
Với ai cần bạn hữu,
Hãy gần bạn như vậy.

VI. KINH NGƯỜI BẠN THỨ HAI (*Dutiyamittasutta*) (*A*. IV. 32)

37. Thành tựu bảy chi phần, này các Tỷ-kheo, là người bạn cần phải thân cận, cần phải giao thiệp, cần phải hầu cận, dầu có bị xua đuổi.[45] Thế nào là bảy?

---

[44] Xem *A*. I. 286; *S*. I. 19; *J*. II. 85; IV. 65.

[45] *Api panujjamānena*. Xem *M*. I. 108.

Khả ái, khả ý; tôn trọng; đáng được bắt chước;[46] nhà thuyết giả; kham nhẫn lời nói; nói lời sâu kín; không có hối thúc những điều không hợp lý.

Thành tựu bảy chi phần này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người bạn, cần phải thân cận, cần phải giao thiệp, cần phải hầu hạ, dầu có bị xua đuổi.

Khả ái và đáng kính,
Đáng bắt chước, thuyết giả,
Kham nhẫn các lời nói,
Nói những lời thâm sâu,
Không hối thúc ép buộc,
Những điều không hợp lý.
Ai có những pháp này,
Ở đời, người như vậy,
Người ấy là bạn hữu,
Với ai cần bạn hữu,
Người mong muốn lợi ích,
Với lòng từ ai mẫn,
Dầu có bị đuổi xua,
Hãy thân cận bạn ấy.

VII. KINH VÔ NGẠI GIẢI THỨ NHẤT
(***Paṭhamapaṭisambhidāsutta***) (*A*. IV. 32)

38. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không bao lâu, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải.[47] Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo: Khi nào tâm thụ động, như thật rõ biết: "Đây là tâm ta thụ động"; Khi nào tâm muội lược,[48] như thật rõ biết: "Nội tâm ta muội lược"; Khi nào tâm tán loạn hướng ngoại, như thật rõ biết: "Tâm ta tán loạn hướng ngoại"; Vị ấy nhận thức được các thọ khởi lên, nhận thức được các thọ an trú, nhận thức được các thọ đi đến tiêu diệt; Nhận thức được các tưởng khởi lên, nhận thức được các tưởng an trú, nhận thức được các tưởng tiêu diệt; Nhận thức được các tầm khởi lên, nhận thức được các tầm an trú, nhận thức được các tầm tiêu diệt; Đối với các pháp thích hợp hay không thích hợp, đối với các pháp hạ liệt hay thù thắng, đối với các pháp dự phần đen hay dự phần trắng, vị ấy khéo nắm giữ tướng, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập với trí tuệ.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không bao lâu, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải.

---

[46] *Bhāvanīyo*. Xem *GS*. III. 87.

[47] *Paṭisambhidā*. Xem *GS*. III. 89, 93.

[48] *AA*. IV. 25: *Ajjhattaṃ saṃkhittaṃ nāma thinamiddhānugataṃ* ("Bên trong muội lược" nghĩa là trạng thái bị ảnh hưởng bởi hôn trầm, thụy miên).

VIII. KINH VÔ NGẠI GIẢI THỨ HAI
(*Dutiyapaṭisambhidāsutta*) (*A*. IV. 33)

39. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Sāriputta với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sāriputta khi nào tâm thụ động, như thật rõ biết: "Đây là tâm ta thụ động"; khi nào tâm muội lược, như thật rõ biết: "Nội tâm ta muội lược"... (như trên)… chứng đạt và an trú bốn vô ngại giải.

IX. KINH ĐIỀU PHỤC THỨ NHẤT (*Paṭhamavasasutta*) (*A*. IV. 34)

40. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo điều phục tâm[49] và không để mình bị tâm điều phục.[50] Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo thiện xảo về định, thiện xảo nhập định, thiện xảo an trú định, thiện xảo xuất khỏi định, thiện xảo trong sự thoải mái của định, thiện xảo trong cảnh giới của định, thiện xảo trong quyết định xuất định.[51]

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo điều phục tâm và không để mình bị tâm điều phục.

X. KINH ĐIỀU PHỤC THỨ HAI (*Dutiyavasasutta*) (*A*. IV. 34)

41. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Sariputta điều phục tâm và Sāriputta không để mình bị tâm điều phục. Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sāriputta thiện xảo về định, thiện xảo nhập định, thiện xảo an trú định, thiện xảo xuất khỏi định, thiện xảo trong sự thoải mái của định, thiện xảo trong cảnh giới của định, thiện xảo trong quyết định xuất định.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Sāriputta điều phục tâm và Sāriputta không để mình bị tâm điều phục.

XI. KINH SỰ THÙ DIỆU THỨ NHẤT (*Paṭhamaniddasasutta*) (*A*. IV. 34)

42. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Bấy giờ, Tôn giả Sāriputta vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Tôn giả Sāriputta suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để đi khất thực ở Sāvatthi, vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo." Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, ai sống mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: 'Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán.'"

Rồi Tôn giả Sāriputta không tùy hỷ, không chỉ trích lời nói của các du sĩ

---

[49] *Cittaṃ vase vatteti.*

[50] Xem *M*. I. 214.

[51] *Abhinīhārakusala*. Xem *A*. III. 311; *S*. III. 264.

ngoại đạo ấy; không tùy hỷ, không chỉ trích, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi với ý nghĩ: "Ta sẽ rõ biết ý nghĩa này từ Thế Tôn."

Rồi Tôn giả Sāriputta, sau khi khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvatthi để khất thực. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để đi khất thực ở Sāvatthi, vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo." Rồi bạch Thế Tôn, con đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi con ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ, bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp và câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, ai sống mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: 'Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán.'" Rồi bạch Thế Tôn, con không tùy hỷ, không chỉ trích lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không tùy hỷ, không chỉ trích, con từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi với ý nghĩ: "Ta sẽ rõ biết ý nghĩa này từ Thế Tôn." Bạch Thế Tôn, trong Pháp và Luật này, có thể nêu rõ một Tỷ-kheo đáng được tán thán, hoàn toàn do đếm số năm chăng?

– Này Sāriputta, trong Pháp và Luật này, không có thể nêu rõ một Tỷ-kheo đáng được tán thán, hoàn toàn do đếm số năm. Bảy sự thù diệu này, này Sāriputta, sau khi với thắng trí Ta tự chứng ngộ, chứng đạt, an trú và tuyên thuyết. Thế nào là bảy?

Ở đây, này Sāriputta, Tỷ-kheo tha thiết hành trì học pháp và trong tương lai khát vọng hành trì học pháp, tha thiết quán pháp và trong tương lai khát vọng quán pháp, tha thiết nhiếp phục lòng dục và trong tương lai khát vọng nhiếp phục lòng dục, tha thiết thiền tịnh và trong tương lai khát vọng thiền tịnh, tha thiết tinh cần tinh tấn và trong tương lai khát vọng tinh cần tinh tấn, tha thiết niệm tuệ và trong tương lai khát vọng niệm tuệ, tha thiết thể nhập tri kiến và trong tương lai khát vọng thể nhập tri kiến.

Này Sāriputta, bảy sự thù diệu này được Ta tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt, an trú và tuyên thuyết.

Thành tựu bảy sự thù diệu này, này Sāriputta, Tỷ-kheo nếu trong mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!" Nếu trong hai mươi bốn năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!" Nếu trong ba mươi sáu năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!" Nếu trong bốn mươi tám năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!"

XII. KINH SỰ THÙ DIỆU THỨ HAI (*Dutiyaniddasasutta*) (*A*. IV. 37)

43. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Ānanda vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Kosambī để khất thực. Tôn giả Ānanda suy nghĩ: "Thật là quá sớm để đi khất thực ở Kosambī, vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo." Rồi Tôn giả Ānanda đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

(Như kinh trên, chỉ thay thế "Tôn giả Ānanda cho Tôn giả Sāriputta")... Thế nào là bảy?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo có lòng tin, có lòng xấu hổ, có lòng sợ hãi tội lỗi, có nghe nhiều, có tinh cần tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ.

Bảy sự thù diệu này, này Ānanda, được Ta tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt, an trú và tuyên thuyết.

Thành tựu bảy sự thù diệu này, này Ānanda, Tỷ-kheo nếu trong mười hai năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!" Nếu trong hai mươi bốn năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!" Nếu trong ba mươi sáu năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!" Nếu trong bốn mươi tám năm hành trì Phạm hạnh viên mãn thanh tịnh, thật là vừa đủ để nói: "Vị Tỷ-kheo đáng được tán thán!"



V. PHẨM ĐẠI TẾ ĐÀN
(*MAHĀYAÑÑAVAGGA*)

I. KINH THỨC TRÚ CỦA CHÚNG HỮU TÌNH
(*Sattaviññāṇaṭṭhitisutta*)[52] (*A*. IV. 39)

44. Này các Tỷ-kheo, có bảy thức trú này.[53] Thế nào là bảy?

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân khác, tưởng khác, như loài người,[54] một số thiên nhân,[55] một số loài ở trong đọa xứ.[56] Đây là thức trú thứ nhất.

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân khác, tưởng là một, như Phạm Chúng thiên được sanh nhờ chứng Sơ thiền.[57] Đây là thức trú thứ hai.

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân là một, tưởng khác, như chư thiên Quang Âm.[58] Đây là thức trú thứ ba.

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, thân là một, tưởng là một, như chư thiên Biến Tịnh.[59] Đây là thức trú thứ tư.

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn các sắc tưởng, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý sai biệt tưởng, đạt đến Không vô biên xứ, biết rằng: "Hư không là vô biên." Đây là thức trú thứ năm.

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn Không vô biên xứ, đạt đến Thức vô biên xứ, biết rằng: "Thức là vô biên." Đây là thức trú thứ sáu.

Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn Thức vô biên xứ, đạt đến Vô sở hữu xứ, biết rằng: "Không có vật gì." Đây là thức trú thứ bảy.

Này các Tỷ-kheo, có bảy thức trú này.

---

[52] Bản tiếng Anh của PTS: *Stations*, dịch thoát là *Thức trú*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.5. 0730c19).

[53] Xem *D*. II. 68; III. 253, 263.

[54] *Chú giải* cho rằng anh em sinh đôi vẫn khác nhau về tiếng nói, về điệu bộ đi đứng.

[55] *Chú giải* viết một số thiên nhân ở dục giới (*kāmaloka*) có thân màu xanh, một số có thân màu vàng…

[56] *Chú giải* nói đến màu sắc của dạ-xoa Uttaramātā, Piyankaramātā, Phussamitā và Dhammaguttā, thân các vị ấy lớn nhỏ, màu sắc khác nhau, tâm các vị ấy như tâm người. Các ngạ quỷ Vemānika thuộc hạng này.

[57] Các vị có hình dáng lớn nhỏ khác nhau, còn tâm thì tùy thuộc trình độ chứng ngộ Sơ thiền của các vị ấy.

[58] *Chú giải* viết các thiên nhân này phát hào quang như ánh chớp. Thân các vị ấy to lớn giống nhau, nhưng tâm sai khác tùy theo trình độ chứng ngộ Thiền thứ hai, thứ ba.

[59] *Subhakiṇhā*. Xem *A*. II. 184; *S*. II. 211.

II. KINH TƯ LƯƠNG CHO ĐỊNH (*Samādhiparikkhārasutta*) (*A*. IV. 40)

45. Này các Tỷ-kheo, có bảy tư lương này của định. Thế nào là bảy? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm.

Nhất tâm, này các Tỷ-kheo, được bảy chi phần này làm tư lương; đây được gọi là Thánh chánh định, này các Tỷ-kheo, với các sở y, với các tư lương.

III. KINH LỬA THỨ NHẤT (*Paṭhamaaggisutta*) (*A*. IV. 41)

46. Này các Tỷ-kheo, có bảy loại lửa[60] này. Thế nào là bảy? Lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa những vị đáng cung kính, lửa gia chủ, lửa các vị đáng cúng dường, lửa củi.

Này các Tỷ-kheo, có bảy loại lửa này.

IV. KINH LỬA THỨ HAI (*Dutiyaaggisutta*)[61] (*A*. IV. 41)

47. Lúc bấy giờ, một tế đàn lớn đang được thiết lập cho Bà-la-môn Uggatasarīra, năm trăm con bò đực được dắt đến trụ tế đàn, năm trăm con bê đực được dắt đến trụ tế đàn, năm trăm con bê cái được dắt đến trụ tế đàn, năm trăm con dê được dắt đến trụ tế đàn và năm trăm con cừu được dắt đến trụ tế đàn.[62] Rồi Bà-la-môn Uggatasarīra đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Uggatasarīra thưa với Thế Tôn:

– Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn."

– Này Bà-la-môn, Ta cũng có nghe: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn."

Lần thứ hai... Lần thứ ba, Bà-la-môn Uggatasarīra thưa với Thế Tôn:

– Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn."

– Này Bà-la-môn, Ta cũng có nghe: "Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn, có lợi ích lớn."

– Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, chúng ta đồng một mục đích, Tôn giả Gotama và chúng tôi; thật vậy, chúng ta hoàn toàn[63] đồng nhau.

Được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Bà-la-môn Uggatasarīra:

– Này Bà-la-môn, không nên hỏi Như Lai rằng: "Tôi được nghe như sau, thưa Tôn giả Gotama: 'Nhen nhúm ngọn lửa và dựng lên trụ tế đàn có quả lớn,

---

[60] Xem *D*. III. 217; *S*. IV. 19; *Dh*. v. 202; *It*. 92.

[61] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.93. 0024b13); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.259. 0464b14).

[62] Xem *A*. II. 207; *D*. I. 127; *S*. I. 75.

[63] *Yadidaṃ sabbena sabbaṃ*.

có lợi ích lớn.'" Này Bà-la-môn, cần hỏi Như Lai như sau: "Bạch Thế Tôn, con muốn nhen nhúm ngọn lửa, con muốn dựng lên trụ tế đàn. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giáo giới cho con! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết dạy cho con, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài!"

Rồi Bà-la-môn Uggatasarīra bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, con muốn nhen nhúm ngọn lửa, con muốn dựng lên trụ tế đàn. Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả Gotama hãy giáo giới cho con! Tôn giả Gotama hãy thuyết dạy cho con, để con được hạnh phúc, an lạc lâu dài!

– Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi tế lễ đàn, dựng lên ba cây kiếm[64] bất thiện đưa đến khổ sanh, khổ dị thục.[65] Thế nào là ba? Thân kiếm, ngữ kiếm, ý kiếm.

Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, khởi lên ý nghĩ: "Chừng ấy con bò đực cần phải giết cho lễ tế đàn, chừng ấy con bê đực cần phải giết cho lễ tế đàn, chừng ấy con bê cái cần phải giết cho lễ tế đàn, chừng ấy con dê cần phải giết cho lễ tế đàn, chừng ấy con cừu cần phải giết cho lễ tế đàn." Vị ấy nghĩ rằng: "Tôi làm công đức", lại làm phi công đức; nghĩ rằng: "Tôi làm thiện", lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành", lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ý kiếm bất thiện thứ nhất, đưa đến khổ sanh, khổ dị thục.

Lại nữa, này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, nói như sau: "Hãy giết chừng ấy con bò đực cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con bê đực cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con bê cái cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con dê cho lễ tế đàn. Hãy giết chừng ấy con cừu cho lễ tế đàn." Vị ấy nghĩ rằng: "Tôi làm công đức", lại làm phi công đức; nghĩ rằng: "Tôi làm thiện", lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành", lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ngữ kiếm bất thiện thứ hai, đưa đến khổ sanh, khổ dị thục.

Lại nữa, này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con bò đực cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con bê đực cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con bê cái cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con dê cho lễ tế đàn"; tự mình bắt đầu khởi sự công việc: "Hãy giết các con cừu cho lễ tế đàn." Vị ấy nghĩ rằng: "Tôi làm công đức", lại làm phi công đức; nghĩ rằng: "Tôi làm thiện", lại làm bất thiện; nghĩ rằng: "Tôi tìm con đường đưa đến cõi lành", lại tìm con đường đưa đến cõi dữ. Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa,

[64] Về ví dụ các lưỡi kiếm, xem *Sn*. 160; *Thag*. v. 1094-95.

[65] *Akusalāni dukkhudrayāni dukkhavipākāni.*

dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên thân kiếm bất thiện thứ ba, đưa đến khổ sanh, khổ dị thục.

Này Bà-la-môn, người nhen nhúm ngọn lửa, dựng lên trụ tế đàn, trước khi lễ tế đàn, dựng lên ba cây kiếm bất thiện này, đưa đến khổ sanh, khổ dị thục.

Này Bà-la-môn, ba ngọn lửa này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa. Thế nào là ba? Lửa tham, lửa sân, lửa si.

Vì sao, này Bà-la-môn, lửa tham cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

Người bị tham làm cho ái nhiễm, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, lửa tham này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Và này Bà-la-môn, vì sao lửa sân cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

Người bị sân làm cho tức giận, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, lửa sân này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Và này Bà-la-môn, vì sao lửa si cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận?

Người bị si làm cho mê mờ, chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này Bà-la-môn, làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý. Người ấy sau khi làm ác hạnh với thân, làm ác hạnh với lời nói, làm ác hạnh với ý, khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, lửa si này cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Ba lửa này, này Bà-la-môn, cần phải đoạn tận, cần phải tránh xa, không nên thân cận.

Ba lửa này, này Bà-la-môn, được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc.[66] Thế nào là ba? Lửa đáng cung kính, lửa gia chủ, lửa đáng cúng dường.

Và này Bà-la-môn, thế nào là lửa đáng cung kính?

Ở đây, này Bà-la-môn, những người mẹ,[67] những người cha của người ấy, này Bà-la-môn, đây gọi là lửa đáng cung kính. Vì sao? Vì từ đó lửa đáng cung kính này khiến cho mang lại, khiến cho sanh ra.[68] Do vậy, này Bà-la-môn, lửa

---

[66] *Sammā sukhaṃ parihātabbo. AA.* IV. 30: *Pahātabbā = Pariharitabbā* (nên được đoạn trừ).

[67] Xem *GS.* II. 79; *DB.* III. 211; *Dh.* v. 332.

[68] *Atohayaṃ āhuto sambhūto.*

đáng cung kính này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc.

Và này Bà-la-môn, thế nào là lửa gia chủ?

Ở đây, này Bà-la-môn, những người con, những người vợ, những người phục dịch, những người đưa tin, hoặc những người làm công[69] cho người ấy, này Bà-la-môn, đây gọi là lửa gia chủ. Do vậy, lửa gia chủ này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc.

Và này Bà-la-môn, thế nào là lửa đáng được cúng dường?

Ở đây, này Bà-la-môn, những Sa-môn, Bà-la-môn nào từ bỏ kiêu mạn, phóng dật, sống kham nhẫn nhu hòa; mỗi người điều phục tự ngã; mỗi người an chỉ[70] tự ngã; mỗi người làm lắng dịu tự ngã. Này Bà-la-môn, đây gọi là ngọn lửa đáng được cúng dường. Do vậy, lửa đáng được cúng dường này được cung kính, được tôn trọng, được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc.

Này Bà-la-môn, ba ngọn lửa này được cung kính, được tôn trọng, đáng được cúng dường, sẽ đem lại chánh lạc.

Còn lửa củi này, này Bà-la-môn, cần phải thường thường nhen đốt nó lên, cần phải thường thường chăm sóc duy trì, cần phải thường thường dập tắt, cần phải thường thường để một bên.

Được nghe như vậy, Bà-la-môn Uggatasarīra bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Tôn giả Gotama hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng! Và thưa Tôn giả Gotama, con sẽ thả năm trăm con bò đực và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con bê đực và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con bê cái và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con dê và cho chúng sống; con sẽ thả năm trăm con cừu và cho chúng sống. Hãy để chúng ăn cỏ xanh! Hãy để chúng uống nước mát! Hãy để gió thổi mát chúng!

V. KINH TƯỞNG THỨ NHẤT (*Paṭhamasaññāsutta*)[71] (*A*. IV. 46)

48. Có bảy tưởng,[72] này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là bảy? Tưởng bất tịnh, tưởng chết, tưởng nhàm chán đối với các món ăn, tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ.

Bảy tưởng này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh.

---

[69] Xem *A*. II. 208; *D*. I. 141; *S*. I. 76.

[70] *Sameti*. Xem *A*. II. 68; III. 46; *D*. III. 61.

[71] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.9. 0780a16).

[72] Xem *A*. I. 41; *D*. III. 289; *S*. V. 132.

VI. KINH TƯỞNG THỨ HAI (*Dutiyasaññāsutta*) (*A*. IV. 46)

49. Có bảy tưởng, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là bảy? Tưởng bất tịnh, tưởng chết, tưởng nhàm chán đối với các món ăn, tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ.

Bảy tưởng này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh.

Tưởng bất tịnh, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng bất tịnh, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng để không đắm vào các dâm dục; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán. Ví như, này các Tỷ-kheo, lông gà hay là dây gân quăng vào lửa thời thối lui, trở lưng, quay lưng, và không căng thẳng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi một Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng bất tịnh, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng để không đắm vào các dâm dục; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng bất tịnh, nhưng tâm lại chạy theo đắm vào dâm dục, không khởi lên nhàm chán, thời Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Tưởng bất tịnh không được ta tu tập; ở nơi ta không có sự sai khác trước và sau; ta không đạt được quả tu tập"; ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng bất tịnh, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng để không đắm vào các dâm dục; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Tưởng bất tịnh được ta tu tập; ở nơi ta có sự sai khác trước và sau; ta đạt được quả tu tập"; ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy. Tưởng bất tịnh, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Tưởng chết, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống nhiều với tưởng chết, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng không thích thú sự sống; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời... (như trên, chỉ khác trước là "tưởng bất tịnh", đây là "tưởng chết" với những thay đổi cần thiết). Do duyên này được nói đến như vậy.

Tưởng nhàm chán đối với món ăn, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng nhàm chán đối với các món ăn, thời tâm thối lui... không tham ái các vị; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời... (như trên, chỉ khác đây là "tưởng nhàm chán đối với các món ăn" với những thay đổi cần thiết). Do duyên này được nói đến như vậy.

Tưởng không hoan hỷ đối với các thế giới, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với tưởng không hoan hỷ đối với các thế giới, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng với các lòe loẹt của thế giới; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời... (như trên, chỉ khác đây là "tưởng không hoan hỷ đối với các thế giới" với những thay đổi cần thiết). Do duyên này được nói đến như vậy.

Tưởng vô thường, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với tưởng vô thường, thời tâm thối lui, tâm trở lưng, quay lưng với các lợi dưỡng, cung kính, danh vọng; do đó, tâm vị ấy không căng thẳng, thanh thản, khởi lên nhàm chán, thời... (như trên, chỉ khác đây là "tưởng vô thường" với những thay đổi cần thiết). Do duyên này được nói đến như vậy.

Tưởng khổ trong vô thường, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng khổ trong vô thường, thời các tưởng sợ hãi sắc bén được an lập trên thụ động, biếng nhác, thả lỏng,[73] phóng dật, không chú tâm, không quán sát, này các Tỷ-kheo, ví như một kẻ giết người giơ đao lên. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng khổ trong vô thường, nhưng các tưởng sợ hãi sắc bén không được an lập trên thụ động, biếng nhác, thả lỏng, phóng dật, không chú tâm, không quán sát; thời không giống như một kẻ giết người giơ đao lên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Tưởng khổ trong vô thường không được ta tu tập; ở nơi ta không có sự sai khác trước và sau; ta không đạt được quả của sự tu tập." Ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy.

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng khổ trong vô thường, thời các tưởng sợ hãi sắc bén an lập trên thụ động, biếng nhác, thả lỏng, phóng dật, không chú tâm, không quán sát, ví như một kẻ giết người giơ đao lên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải hiểu rằng: "Tưởng khổ trên vô thường được ta tu tập; ở nơi ta có sự sai khác trước và sau; ta đạt được quả của sự tu tập." Ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy.

---

[73] *Vissaṭṭhiye. AA.* IV. 31: *Vissaṭṭhiye = Vissaṭṭhabhāve* (thả lỏng, không căng).

Tưởng khổ trên vô thường, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Tưởng vô ngã trên khổ, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng vô ngã trên khổ, này các Tỷ-kheo, ý của vị ấy thoát khỏi các tư tưởng[74] ngã, ngã sở, ngã mạn, đối với cái thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, khéo giải thoát, được an tịnh, vượt qua các thiên kiến.[75] Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng vô ngã trên khổ, này các Tỷ-kheo, ý của vị ấy không thoát khỏi các tư tưởng ngã, ngã sở, ngã mạn, đối với cái thân có thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, không khéo giải thoát, không được an tịnh, không vượt qua các thiên kiến. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Tưởng vô ngã trên khổ không được ta tu tập; ở nơi ta không có sự sai khác trước và sau; ta không đạt được quả của sự tu tập." Ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy.

Nhưng này Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống nhiều với các tưởng vô ngã trên khổ, này các Tỷ-kheo, ý của vị ấy thoát khỏi các tư tưởng ngã, ngã sở, ngã mạn, đối với cái thân có thức và đối với tất cả tướng ở ngoài, khéo giải thoát, được an tịnh, vượt qua các thiên kiến. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải hiểu rằng: "Tưởng vô ngã trên khổ được ta tu tập; ở nơi ta có sự sai khác trước và sau; ta đạt được quả của sự tu tập." Ở đây, vị ấy tỉnh giác như vậy.

Tưởng vô ngã trên khổ, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Bảy tưởng này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh.

VII. KINH DÂM DỤC (*Methunasutta*)[76] (*A*. IV. 54)

50. Bấy giờ, có Bà-la-môn Jāṇussoṇi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, Tôn giả có tự xem mình là sống Phạm hạnh không?

– Này Bà-la-môn, ai nói một cách chơn chánh phải nói như sau: "Vị ấy sống Phạm hạnh, không có bể vụn, không có khuyết phạm, không có nhiễm ô, không bị điểm chấm, viên mãn thanh tịnh." Này Bà-la-môn, nếu nói về Ta một cách chơn chánh, thời phải nói như vậy: "Tôn giả Gotama sống Phạm hạnh, không

---

[74] Xem *A*. I. 32; *M*. III. 18; *KS*. II. 167; III. 145.

[75] *Vidhāsamatikkanta*. Xem *KS*. III. 42.

[76] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.9. 0714c15).

có bể vụn, không có khuyết phạm, không có nhiễm ô, không bị điểm chấm, viên mãn thanh tịnh."

– Thưa Tôn giả Gotama, Phạm hạnh như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là bị bể vụn, bị khuyết phạm, bị ô nhiễm, bị điểm chấm?

– Ở đây, này Bà-la-môn, có Sa-môn hay Bà-la-môn, tự xem mình sống Phạm hạnh một cách chơn chánh, tuy không có hành dâm với nữ nhân, nhưng hưởng thụ được nữ nhân thoa, bóp, tắm, xức dầu. Vị ấy thích thú, ước muốn, bị kích thích bởi nữ nhân. Này Bà-la-môn, đây gọi là Phạm hạnh bị bể vụn, bị khuyết phạm, bị nhiễm ô, bị điểm chấm. Này Bà-la-môn, đây gọi là hành Phạm hạnh không thanh tịnh, bị liên hệ, bị hệ lụy với dâm dục, không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng không thoát khỏi khổ.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có Sa-môn hay Bà-la-môn, tự xem mình sống Phạm hạnh một cách chơn chánh, tuy không có hành dâm với nữ nhân, không có hưởng thụ được nữ nhân thoa, bóp, tắm, xức dầu, nhưng cười giỡn, chơi đùa, vui chơi với nữ nhân... tuy không cười giỡn, chơi đùa, vui chơi với nữ nhân, nhưng lấy mắt nhìn mắt, dõi mắt nhìn theo nữ nhân... tuy không lấy mắt nhìn mắt, không dõi mắt nhìn theo nữ nhân, nhưng nghe tiếng của nữ nhân, tiếng cười, tiếng nói, tiếng hát, tiếng khóc ngang qua vách, ngang qua hàng rào... tuy không nghe tiếng của nữ nhân, tiếng cười, tiếng nói, tiếng hát, tiếng khóc ngang qua vách, ngang qua hàng rào, nhưng nhớ đến tiếng cười, tiếng nói, tiếng đùa giỡn trước kia đã có với nữ nhân... tuy không nhớ đến tiếng cười, tiếng nói, tiếng đùa giỡn trước kia đã có với nữ nhân, nhưng xem gia chủ hay con gia chủ thọ hưởng, thưởng thức thích thú trong năm dục công đức[77]... tuy không xem gia chủ hay con gia chủ thọ hưởng, thưởng thức thích thú trong năm dục công đức, nhưng sống Phạm hạnh với tâm nguyện hướng đến một thân chư thiên, nguyện rằng: "Với giới này hay với giới cấm này, hay với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ thành một thiên nhân này hay một thiên nhân khác."[78] Vị ấy thích thú, ước muốn, bị kích thích bởi nữ nhân. Này Bà-la-môn, đấy gọi là Phạm hạnh bị bể vụn, bị khuyết phạm, bị nhiễm ô, bị điểm chấm. Này Bà-la-môn, đấy gọi là hành Phạm hạnh không thanh tịnh, bị liên hệ, bị hệ lụy với dâm dục, không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng không giải thoát khỏi khổ.

Cho đến khi nào, này Bà-la-môn, Ta còn tiếp tục thấy một hay một trong bảy hệ lụy đến dâm dục này chưa được đoạn tận ở nơi Ta, cho đến khi ấy, này Bà-la-môn, Ta không có xác chứng rằng Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Và cho đến khi nào, này Bà-la-môn, Ta thấy một hay một trong bảy hệ lụy đến dâm dục này đã được

---

[77] Xem A. II. 125; *D*. I. 36; *M*. I. 505; *Vin*. I. 15.

[78] *AA*. IV. 32: *Devoti eko devarājā. Devaññataroti aññataro devaputto* ("Vị thiên" nghĩa là có thể là Thiên chủ hoặc thiên tử). Xem *A*. V. 18; *D*. III. 239; *M*. I. 102; *S*. IV. 180.

đoạn tận ở nơi Ta, cho đến khi ấy, này Bà-la-môn, Ta mới xác chứng rằng Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Tri kiến được khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng. Nay không còn tái sanh nữa."[79]

Được nói như vậy, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

VIII. KINH HỆ LỤY (*Saṃyogasutta*) (*A*. IV. 57)

51. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông pháp môn về hệ lụy và ly hệ lụy, hãy lắng nghe... Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn về hệ lụy và ly hệ lụy?

Một nữ nhân, này các Tỷ-kheo, tác ý nội nữ căn, nữ hành (*itthikuttaṃ*), nữ y phục (*itthākappaṃ*), nữ loại (*itthividhaṃ*),[80] nữ dục (*itthicchandaṃ*), nữ thanh (*itthissaraṃ*), nữ trang sức (*itthālaṅkāraṃ*); thời nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy. Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên tác ý đến nam căn ở ngoài, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức mà nữ nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy. Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên nữ nhân ấy ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nữ nhân ấy ước muốn lạc hỷ ấy. Này các Tỷ-kheo, do thích thú trong nữ tánh của mình, các loài hữu tình đi đến hệ lụy với những người đàn ông. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nữ nhân không có thoát được nữ tánh của mình.

Một nam nhân, này các Tỷ-kheo, tác ý nội nam căn, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức; thời nam nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy. Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên tác ý đến nữ căn ở ngoài, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức mà nam nhân ấy tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy. Do tham đắm trong ấy, thích thú tại đấy nên nam nhân ấy ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nam nhân ấy ước muốn lạc hỷ ấy. Này các Tỷ-kheo, do thích thú trong nam tánh của mình, các loài hữu tình đi đến hệ lụy với những người đàn bà. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nam nhân không thoát khỏi nam tánh của mình. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hệ lụy.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là ly hệ lụy?

Một nữ nhân, này các Tỷ-kheo, không tác ý nội nữ căn, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức; thời nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy. Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại

[79] Xem *A*. I. 259; *S*. II. 171; *Vin*. I. 11.

[80] *Itthividhaṃ*. *Vidhā* còn có nghĩa là kiêu ngạo. *Chú giải* viết *māna*. Ở đây có nghĩa là nữ thiên kiến, nữ thiên chấp.

đấy nên không tác ý đến nam căn ở ngoài, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức; nữ nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy. Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy, nữ nhân ấy không muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nữ nhân ấy không ước muốn lạc hỷ ấy. Này các Tỷ-kheo, do không thích thú trong nữ tánh của mình, các loài hữu tình không đi đến hệ lụy với những người đàn ông. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nữ nhân thoát được nữ tánh của mình.

Một nam nhân, này các Tỷ-kheo, không tác ý đến nội nam căn, nam hành, nam y phục, nam loại, nam dục, nam thanh, nam trang sức; thời nam nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy. Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy nên không tác ý đến nữ căn ở ngoài, nữ hành, nữ y phục, nữ loại, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức; nam nhân ấy không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy. Do không tham đắm trong ấy, không thích thú tại đấy nên nam nhân ấy không ước muốn có sự hệ lụy ở ngoài. Do duyên với hệ lụy ấy, khởi lên lạc hỷ nên nam nhân ấy không ước muốn lạc hỷ ấy. Này các Tỷ-kheo, do không thích thú trong nam tánh của mình, các loài hữu tình không đi đến hệ lụy với những nữ nhân. Như vậy, này các Tỷ-kheo, nam nhân thoát được nam tánh của mình. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ly hệ lụy.

Này các Tỷ-kheo, đây là pháp môn hệ lụy và ly hệ lụy.

IX. KINH QUẢ CỦA BỐ THÍ (*Dānamahapphalasutta*)[81] (*A*. IV. 59)

52. Một thời, Thế Tôn ở Campā,[82] trên bờ hồ Gaggarā. Bấy giờ, có nhiều cư sĩ ở Campā đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Sāriputta rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ ấy thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Tôn giả, đã lâu lắm, chúng con không được nghe pháp thoại từ miệng Thế Tôn. Lành thay, thưa Tôn giả, nếu nay chúng con được nghe pháp thoại từ miệng Thế Tôn!

– Vậy này chư Hiền, hãy đến trong ngày Lễ Trai giới (*Uposatha*), các ông sẽ được nghe pháp thoại từ miệng Thế Tôn.

– Thưa vâng, thưa Tôn giả!

Các nam cư sĩ ở Campā ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tôn giả Sāriputta, thân bên hữu hướng về Tôn giả rồi ra đi. Rồi các nam cư sĩ ở Campā, đến ngày Lễ Trai giới, đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Sāriputta rồi đứng một bên. Rồi Tôn giả Sāriputta cùng với các nam cư sĩ ở Campā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

---

[81] Bản tiếng Anh của PTS: *On Giving*, nghĩa là *Về bố thí*.

[82] Kinh đô của Aṅga, phía Đông nước Magadha.

– Có thể, bạch Thế Tôn, ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Nhưng bạch Thế Tôn, có thể ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

– Này Sāriputta, có thể ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Có thể, này Sāriputta, ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn? Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn?

– Ở đây, này Sāriputta, có người bố thí với tâm mong cầu, bố thí với tâm trói buộc [về kết quả],[83] bố thí với tâm mong cầu được chất chứa, bố thí với ý nghĩ: "Tôi sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau." Vị ấy bố thí như vậy cho các Sa-môn, Bà-la-môn, bố thí đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, hương liệu, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc.[84] Ông nghĩ thế nào, này Sāriputta, ở đây có thể có hạng người bố thí như vậy không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này Sāriputta, có hạng người bố thí với tâm mong cầu, bố thí với tâm trói buộc, bố thí với tâm mong cầu được chất chứa, bố thí với ý nghĩ: "Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau." Vị ấy bố thí như vậy, khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Bốn Thiên Vương. Và vị ấy, khi nghiệp được đoạn tận, thần lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận, vị ấy trở thành "vị trở lui lại", trở lui trạng thái này.

Ở đây, này Sāriputta, có người bố thí với tâm không mong cầu, bố thí với tâm không trói buộc, bố thí với tâm không mong cầu được chất chứa, bố thí không với ý nghĩ: "Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau", nhưng bố thí với ý nghĩ: "Lành thay! Sự bố thí." ...

Bố thí không với ý nghĩ: "Lành thay! Sự bố thí", nhưng bố thí với ý nghĩ: "Cái này đã được cho trong quá khứ, đã được Tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên." ...

Hay là người bố thí không với ý nghĩ: "Cái này đã được cho trong quá khứ, đã được Tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên", nhưng bố thí với ý nghĩ: "Ta nấu ăn, các người này không nấu ăn. Ta không nên là người nấu ăn lại không bố thí cho người không nấu ăn." ...

Bố thí không với ý nghĩ: "Ta nấu ăn, các người này không nấu ăn. Ta không nên là người nấu ăn lại không bố thí cho người không nấu ăn", nhưng bố thí với ý nghĩ: "Như các vị ẩn sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamadaggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta sẽ là người san sẻ các vật bố thí." ...

[83] *Patibaddhacitto. AA.* IV. 33: *Paṭibaddhacittoti vipāke baddhacitto* ("Tâm trói buộc" chỉ cho tâm trói buộc về kết quả).

[84] Xem *A.* I. 107; *M.* III. 205; *S.* I. 94; *It.* 65.

Vị ấy bố thí không với ý nghĩ: "Như các vị ẩn sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamadaggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta sẽ san sẻ các vật bố thí này", nhưng bố thí với ý nghĩ: "Do ta bố thí vật bố thí này, tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khởi lên." ...

Vị ấy bố thí không với ý nghĩ: "Do ta bố thí vật bố thí này, tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khởi lên", nhưng vị ấy bố thí với ý nghĩ để trang nghiêm tâm (*cittālaṅkāraṃ*), để trang bị tâm (*cittaparikkhāraṃ*).[85] Và đối với Sa-môn hay Bà-la-môn, vị ấy bố thí đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương thơm, hương liệu, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Ông nghĩ thế nào, này Sāriputta, ở đây, có hạng người có thể bố thí như vậy không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này Sāriputta, ở đây, ai bố thí không với tâm cầu mong, bố thí không với tâm trói buộc, bố thí không với mong cầu được chất chứa; bố thí không với ý nghĩ: "Ta sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau"; bố thí không với ý nghĩ: "Lành thay! Sự bố thí"; bố thí không với ý nghĩ: "Cái này đã được cho trong đời quá khứ, đã được Tổ tiên làm trong quá khứ, ta không nên để truyền thống gia đình này bị bỏ quên"; bố thí không với ý nghĩ: "Ta nấu ăn, các người này không nấu ăn. Ta không nên là người nấu ăn lại không bố thí cho người không nấu ăn"; bố thí không với ý nghĩ: "Như các vị ẩn sĩ thời xưa có những tế đàn lớn như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamadaggi, Aṅgīrasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, Bhagu; cũng vậy, ta sẽ là người san sẻ các vật bố thí"; bố thí không với ý nghĩ: "Do ta bố thí vật bố thí này, tâm được tịnh tín, hỷ duyệt khởi lên", nhưng vị ấy bố thí với ý nghĩ để trang nghiêm tâm, để trang bị tâm. Do vị ấy bố thí như vậy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Phạm Chúng thiên. Và khi vị ấy, nghiệp được đoạn tận, thần lực ấy, danh tiếng ấy, uy quyền ấy được đoạn tận, vị ấy trở thành vị Bất Lai, không trở lui trạng thái này.

Này Sāriputta, đây là nhân, đây là duyên, khiến cho ở đây, một hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Này Sāriputta, nhưng đây cũng là nhân, là duyên khiến cho ở đây, có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

X. KINH MẸ CỦA NANDA (*Nandamātāsutta*) (*A*. IV. 63)

53. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Mahāmoggallāna đang du hành ở Dakkhiṇāgiri[86] cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, nữ cư sĩ Veḷukaṇḍakī,

---

[85] *AA*. IV. 33: *Cittālaṅkāracittaparikkhāranti samathavipassanācittassa alaṅkārabhūtañceva parivārabhūtañca* ("Để trang nghiêm tâm, để trang bị tâm" nghĩa là trang hoàng và trang bị tâm tu tập thiền chỉ, thiền quán).

[86] Phía Nam thành Vương Xá.

mẹ của Nanda,[87] thức dậy trước khi mặt trời mọc, và đọc lớn tiếng bài *Pārāyana*[88] (Con đường đưa đến bờ bên kia). Lúc bấy giờ, Đại vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn)[89] đang đi từ phương Bắc đến phương Nam vì một vài công việc. Đại vương Vessavaṇa nghe nữ cư sĩ Veḷukaṇḍakī, mẹ của Nanda, lớn tiếng đọc bài *Pārāyana*, liền đứng lại, chờ đợi cho bài được đọc xong. Và nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi lớn tiếng đọc xong bài *Pārāyana*, liền im lặng. Rồi Đại vương Vessavaṇa biết được nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, đã đọc xong bài kệ, liền hết sức hoan hỷ và nói:

– Lành thay, này chị! Lành thay, này chị!

– Ngài là ai, hỡi vị có khuôn mặt hiền?

– Này chị, ta là anh của chị, Đại vương Vessavaṇa!

– Lành thay, hỡi vị có khuôn mặt hiền! Hãy lấy pháp môn được tôi nói đến hôm nay làm quà tặng đón khách cho ngài.

– Lành thay, này chị! Phải, pháp môn này hãy là quà tặng đón khách của tôi! Ngày mai, chúng Tỷ-kheo với Sāriputta và Moggallāna là các vị dẫn đầu sẽ đến Veḷukaṇḍakī nhưng chưa ăn sáng. Sau khi chị mời chúng Tỷ-kheo dùng xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường.

Rồi cư sĩ, mẹ của Nanda, sau khi đêm ấy đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm. Rồi chúng Tăng với Sāriputta và Moggallāna là các vị dẫn đầu đi đến Veḷukaṇḍakī nhưng chưa ăn sáng. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda bảo một người rằng:

– Này bạn, hãy đi đến khu vườn và báo thời giờ cho chúng Tỷ-kheo: "Đã đến giờ, thưa các Tôn giả! Tại nhà của mẹ Nanda, các món ăn đã được sửa soạn."

– Thưa vâng, nữ cư sĩ.

Người ấy vâng đáp nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, đi đến khu vườn và báo thời giờ cho chúng Tỷ-kheo:

– Đã đến giờ, thưa các Tôn giả! Tại nhà của mẹ Nanda, các món ăn đã được sửa soạn.

Rồi chúng Tỷ-kheo với Sāriputta và Moggallāna là các vị dẫn đầu, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ, mẹ của Nanda; sau khi đến, ngồi xuống trên các chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, mời chúng Tỷ-kheo với Sāriputta và Moggallāna là các vị dẫn đầu với những món ăn thượng vị loại cứng, loại mềm và làm chúng Tỷ-kheo được thỏa mãn. Rồi nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, thấy Tôn giả Sāriputta ăn đã xong, tay đã rút khỏi bình bát, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Sāriputta nói với nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, đang ngồi một bên:

---

[87] *AA*. I. 446 cho rằng nữ cư sĩ Veḷukaṇḍakī, mẹ của Nanda còn được gọi là Uttarā Nandamātā , vị được ca ngợi là Tu thiền đệ nhất về phía nữ cư sĩ. Xem *A*. I. 27.

[88] *Pārāyana*. Xem *Sn*. 187.

[89] *Vessavaṇa*. Một trong Tứ Thiên Vương. Còn có một tên khác là Kuvera. Xem *DB*. III. 193.

– Này mẹ của Nanda, ai bảo cho bà biết chúng Tỷ-kheo sẽ đi tới nhà?

– Ở đây, thưa Tôn giả, con thức dậy trước khi trời sáng, đọc lớn tiếng bài kệ *Pārāyana* rồi im lặng. Rồi thưa Tôn giả, Đại vương Vessavaṇa sau khi biết được con đã đọc xong, liền hết sức hoan hỷ và nói:

"Lành thay, này chị! Lành thay, này chị!"

"Ngài là ai, hỡi vị có khuôn mặt hiền?"

"Này chị, ta là anh của chị, Đại vương Vessavaṇa."

"Lành thay, hỡi vị có khuôn mặt hiền! Hãy lấy pháp môn được tôi nói đến hôm nay làm quà tặng đón khách cho ngài."

"Lành thay, này chị! Phải, pháp môn này hãy là quà tặng đón khách của tôi! Ngày mai, chúng Tỷ-kheo với Sāriputta và Moggallāna là các vị dẫn đầu, sẽ đến Veḷukaṇḍakī nhưng chưa ăn sáng. Sau khi chị mời chúng Tỷ-kheo dùng xong, hãy tuyên bố chính ta đã cúng dường."

Thưa Tôn giả, mong rằng mọi công đức của buổi cúng dường này sẽ đem lại an lạc cho Đại vương Vessavaṇa!

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Bà có thể nói chuyện, mặt tận mặt với một thiên tử có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy.

– Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, Nanda, đứa con độc nhất của con, khả ái, khả ý, vì một lý do gì đó, bị các vua dùng sức mạnh bắt giữ và đoạn mạng sống. Thưa Tôn giả, trong khi đứa trẻ bị bắt giữ hay đang bị bắt giữ, khi bị trói hay đang bị trói, khi bị giết hay đang bị giết, con rõ biết tâm của con không có đổi khác.

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Bà đã có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

– Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác! Ở đây, thưa Tôn giả, người chồng của con, khi mệnh chung sanh vào sanh loại dạ-xoa, và vị ấy hiện lên trước mặt con với một tự ngã như lúc trước. Nhưng thưa Tôn giả, con rõ biết không vì nhân duyên ấy, tâm của con có đổi khác.

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Bà đã có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

– Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Thưa Tôn giả, khi còn là thiếu nữ, được đưa đến cho chồng con, con rõ biết con không có một tâm vi phạm (*aticaritā*) đối với chồng con, huống nữa là về thân!

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda! Bà đã có thể làm cho tâm khởi thanh tịnh như vậy.

– Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Thưa Tôn giả, khi con tự chấp nhận là một nữ cư sĩ, con rõ biết con chưa từng vi phạm một học pháp nào.

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda!

– Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Ở đây, thưa Tôn giả, nếu con muốn, con có thể ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ; làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, con chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm; ly hỷ, con trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, con chứng đạt và an trú Thiền thứ ba; đoạn lạc và đoạn khổ, chấm dứt các hỷ ưu đã cảm thọ trước, con chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda!

– Thưa Tôn giả, không phải chỉ có sự vi diệu như vậy, sự hy hữu như vậy đối với con. Con còn có một sự kiện vi diệu, hy hữu khác. Năm hạ phần kiết sử được Thế Tôn thuyết giảng, con thấy rõ không còn pháp nào ở nơi con chưa được đoạn tận.

– Thật vi diệu thay, mẹ của Nanda! Thật hy hữu thay, mẹ của Nanda!

Rồi Tôn giả Sāriputta, sau khi với một pháp thoại nói lên cho nữ cư sĩ, mẹ của Nanda, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.



VI. PHẨM KHÔNG TUYÊN BỐ (*ABYĀKATAVAGGA*)

I. KINH KHÔNG TUYÊN BỐ (*Abyākatasutta*)[90] (*A*. IV. 67)

54. Bấy giờ, một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, đối với vị Thánh đệ tử có nghe nhiều, nghi ngờ không khởi lên đối với những vấn đề không được tuyên bố?[91]

– Này Tỷ-kheo, do kiến diệt (*diṭṭhinirodhā*), với vị Thánh đệ tử có nghe nhiều, nghi ngờ không khởi lên đối với những vấn đề không được tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại", này Tỷ-kheo, là một tà kiến; "sau khi chết, Như Lai không tồn tại", này Tỷ-kheo, là một tà kiến; "sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không tồn tại", này Tỷ-kheo, là một tà kiến; "sau khi chết, Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại", này Tỷ-kheo, là một tà kiến.

Này Tỷ-kheo, kẻ phàm phu không có nghe nhiều, không tuệ tri kiến, không tuệ tri kiến tập khởi, không tuệ tri kiến đoạn diệt, không tuệ tri con đường đưa đến kiến đoạn diệt; kiến của người ấy tăng trưởng; người ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; Ta nói rằng: "Người ấy không thoát khỏi khổ."

Này Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có nghe nhiều, tuệ tri kiến, tuệ tri kiến tập khởi, tuệ tri kiến đoạn diệt, tuệ tri con đường đưa đến kiến đoạn diệt; kiến của người ấy tiêu diệt; người ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; Ta nói rằng: "Người ấy thoát khỏi khổ."

Này Tỷ-kheo, do biết vậy, do thấy vậy, vị Thánh đệ tử có nghe nhiều không có tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại"; không có tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai không có tồn tại"; không có tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không tồn tại"; không có tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại." Do biết vậy, do thấy vậy, này Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có nghe nhiều, có một thái độ không tuyên bố đối với những vấn đề không được tuyên bố.

Do biết vậy, do thấy vậy, này Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử không có sợ hãi, không có rung động, không có chấn động, không rơi vào hoảng sợ đối với các vấn đề không được tuyên bố.

---

[90] Tham chiếu: *Kiến kinh* 見經 (*T*.01. 0026.220. 0803c08); *Phật thuyết Tà kiến kinh* 佛說邪見經 (*T*.01. 0093. 0917a07).

[91] *Abyākata*. Xem *A*. V. 193; *D*. I. 188; *M*. I. 426; *S*. IV. 375.

"Sau khi chết, Như Lai có tồn tại", này Tỷ-kheo, thuộc về khát ái, thuộc về tưởng, thuộc về tư duy, thuộc về lý luận, thuộc về chấp thủ, thuộc về truy hối.

"Sau khi chết, Như Lai không tồn tại", này Tỷ-kheo, thuộc về khát ái, thuộc về tưởng, thuộc về tư duy, thuộc về lý luận, thuộc về chấp thủ, thuộc về truy hối.

"Sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không tồn tại", này Tỷ-kheo, thuộc về khát ái, thuộc về tưởng, thuộc về tư duy, thuộc về lý luận, thuộc về chấp thủ, thuộc về truy hối.

"Sau khi chết, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại", này Tỷ-kheo, thuộc về khát ái, thuộc về tưởng, thuộc về tư duy, thuộc về lý luận, thuộc về chấp thủ, thuộc về truy hối.

Này Tỷ-kheo, kẻ phàm phu nghe ít, không tuệ tri truy hối, không tuệ tri truy hối tập khởi, không tuệ tri truy hối đoạn diệt, không tuệ tri con đường đưa đến truy hối đoạn diệt; truy hối của người ấy tăng trưởng; người ấy không giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; Ta nói rằng: "Người ấy không thoát khỏi khổ."

Và này Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có nghe nhiều, tuệ tri truy hối, tuệ tri truy hối tập khởi, tuệ tri truy hối đoạn diệt, tuệ tri con đường đưa đến truy hối đoạn diệt; truy hối của vị ấy bị tiêu diệt; vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; Ta nói rằng: "Người ấy thoát khỏi khổ."

Do biết vậy, do thấy vậy, này Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều không tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại"; không tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại"; không tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không tồn tại"; không tuyên bố: "Sau khi chết, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại."

Do biết vậy, do thấy vậy, này Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử không có sợ hãi, không có rung động, không có chấn động, không rơi vào hoảng sợ đối với các vấn đề không được tuyên bố.

Này các Tỷ-kheo, đây là nhân, đây là duyên, đối với vị Thánh đệ tử có nghe nhiều, nghi ngờ không khởi lên đối với những vấn đề không được tuyên bố.

II. KINH SANH THÚ CỦA LOÀI NGƯỜI (*Purisagatisutta*)[92] (*A*. IV. 70)

55. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về bảy sanh thú của loài người, và không chấp thủ Bát-niết-bàn.[93] Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là bảy sanh thú của loài người?

---

[92] Tham chiếu: *Thiện nhân vãng kinh* 善人往經 (*T*.01. 0026.6. 0427a13).

[93] *Anupādāparinibbānaṃ AA*. IV. 40: *Anupādāparinibbānanti apaccayanibbānaṃ* ("Không chấp thủ Bát-niết-bàn" nghĩa là Niết-bàn không còn sự tích tập, chấp thủ). Xem *A*. I. 44; *M*. I. 148.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ." Vị ấy có được xả, vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu. Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Bát-niết-bàn. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra và trở thành nguội lạnh.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ." Vị ấy có được xả, vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu. Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Và vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Bát-niết-bàn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ." Vị ấy có được xả, vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu. Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Bát-niết-bàn. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên và có thể trở thành nguội lạnh.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Trung gian Bát-niết-bàn.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, sau khi chưa chạm vào đất, có thể trở thành nguội lạnh.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, sau khi chưa chạm vào đất, có thể trở thành nguội lạnh.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn. Ví như, này các Tỷ-kheo, trên một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đống cỏ nhỏ hay trên một đống củi nhỏ; miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đống cỏ nhỏ ấy hay đống củi nhỏ ấy, rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, chứng được Vô hành Bát-niết-bàn.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy, do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, có thể bay lên, có thể rơi xuống trên một đống cỏ rộng lớn hay trên một đống củi rộng lớn; miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đống cỏ rộng lớn hay đống củi rộng lớn ấy, rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này sẽ không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ

như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ." Vị ấy có được xả, vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu; với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Vị ấy chưa chứng ngộ trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy chứng được Thượng lưu đi đến trời Sắc Cứu Cánh. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày và được đập đánh, một miếng vụn có thể văng ra, và có thể bay lên, có thể rơi xuống trên đống cỏ to lớn hay đống củi to lớn; miếng vụn ấy ở đấy sanh ra ngọn lửa, sanh ra khói. Sau khi sanh ra ngọn lửa, sau khi sanh ra khói, nó đốt cháy tiêu hết đống cỏ to lớn hay đống củi to lớn ấy, thiêu cháy lùm cây, thiêu cháy rừng rậm. Sau khi thiêu cháy thảo nguyên, sau khi thiêu cháy rừng rậm, nó cháy lan đến đám ruộng xanh hay đến đám đất cao, hay đến hòn đá, hay đến dòng nước, hay đến đám đất khả ái, hay đến một phần đất nào rồi trở thành nguội lạnh vì không có nhiên liệu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta..." Vị ấy do diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Thượng lưu Bát-niết-bàn đi đến trời Sắc Cứu Cánh.

Này các Tỷ-kheo, đây là bảy sanh thú của loài người.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không chấp thủ Bát-niết-bàn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo khi thực hành như vậy, suy nghĩ như sau: "Nếu cái này không có, cái này có thể không phải của ta. Nếu cái này sẽ không có, cái này sẽ không phải của ta. Cái gì có, cái gì được thành, ta đều từ bỏ." Vị ấy có được xả, vị ấy không tham đắm sanh hữu, không tham đắm tích tụ của hữu. Với chánh trí tuệ, vị ấy thấy có con đường vô thượng tịch tịnh. Và vị ấy chứng đắc trọn vẹn hoàn toàn con đường ấy. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn mạn tùy miên. Vị ấy chưa đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn hữu tham tùy miên. Vị ấy đoạn tận trọn vẹn hoàn toàn vô minh tùy miên. Do diệt tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy tự mình với thắng trí, ngay trong hiện tại chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là không chấp thủ Bát-niết-bàn. Và này các Tỷ-kheo, đây là bảy sanh thú của loài người và không chấp thủ Bát-niết-bàn.

III. KINH PHẠM THIÊN TISSA (*Tissabrahmāsutta*) (*A*. IV. 74)

56. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Bấy giờ, có hai thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjhakūṭa, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, một thiên nhân bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này được giải thoát.

Thiên nhân khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này khéo giải thoát, không có dư y.[94]

Các thiên nhân ấy nói như vậy. Bậc Đạo sư chấp nhận. Rồi các thiên nhân ấy, sau khi được biết: "Bậc Đạo sư đã chấp nhận", đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ. Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã mãn, bảo các Tỷ-kheo:

– Đêm nay, này các Tỷ-kheo, có hai thiên nhân sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Gijjhakūṭa, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Sau khi đứng một bên, một thiên nhân bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này được giải thoát." Thiên nhân khác bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo-ni này khéo giải thoát, không có dư y." Này các Tỷ-kheo, các thiên nhân ấy nói như vậy. Sau khi nói như vậy, các thiên nhân ấy đảnh lễ Ta, thân bên hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahāmoggallāna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna suy nghĩ như sau: "Những thiên nhân nào có trí như sau: 'Có dư y là có dư y' hay 'không có dư y là không có dư y'?" Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo tên là Tissa mệnh chung không bao lâu và được sanh lên một Phạm thiên giới. Tại đấy, họ được biết vị ấy là Phạm thiên Tissa, có đại thần lực, có đại uy lực. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, như người lực sĩ duỗi cánh đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, biến mất ở Gijjhakūṭa và hiện ra ở Phạm thiên giới ấy. Phạm thiên Tissa thấy Tôn giả Mahāmoggallāna từ xa đi đến; sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Hiền giả Moggallāna, hãy đến đây! Thiện lai Hiền giả Moggallāna! Đã lâu, Hiền giả Moggallāna mới tạo cơ hội này, tức là đến đây. Hãy ngồi, Hiền giả Moggallāna, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn!

Tôn giả Mahāmoggallāna ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Phạm thiên Tissa đảnh lễ Tôn giả Mahāmoggallāna rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Mahāmoggallāna nói với Phạm thiên Tissa đang ngồi xuống một bên:

– Những thiên nhân nào có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y"?

– Thưa Hiền giả Moggallāna, Phạm Chúng thiên có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y."

– Này Tissa, có phải tất cả chư thiên ở Phạm Chúng thiên đều có trí như vậy: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y"?

– Thưa Hiền giả, không phải tất cả chư thiên ở Phạm Chúng thiên đều có trí như vậy: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y." Thưa

[94] *Anupādisesā. AA.* IV. 40: *Anupādisesāti upādānasesaṃ aṭṭhapetvā pañcahi vimuttīhi anavasesāhipi vimuttā* ("Không có dư y" nghĩa là sau khi không còn chấp thủ, vị ấy giải thoát nhờ sự giải thoát khỏi năm thủ, không còn dư sót). Chỉ cho nữ Tôn giả Mahāpajāpati và năm trăm Tỷ-kheo-ni.

Hiền giả Moggallāna, những thiên nhân nào ở Phạm Chúng thiên bằng lòng với tuổi thọ Phạm thiên, bằng lòng với dung sắc Phạm thiên, với an lạc Phạm thiên, với danh tiếng Phạm thiên, với uy quyền Phạm thiên,[95] không như thật rõ biết sự xuất ly cao hơn trạng thái ấy,[96] những vị ấy không có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y." Và thưa Hiền giả Moggallāna, những thiên nhân nào ở Phạm Chúng thiên, không bằng lòng với tuổi thọ Phạm thiên, không bằng lòng với dung sắc Phạm thiên, với an lạc Phạm thiên, với danh tiếng Phạm thiên, với uy quyền Phạm thiên, như thật rõ biết sự xuất ly cao hơn trạng thái ấy, những vị ấy có trí như sau: "Có dư y là có dư y" hay "không có dư y là không có dư y."

Ở đây, thưa Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo được giải thoát cả hai phần.[97] Chư thiên ấy biết về vị ấy như sau: "Tôn giả này được giải thoát cả hai phần." Khi thân còn tồn tại, các thiên nhân và loài người thấy được vị ấy. Khi thân hoại, các thiên nhân và loài người không thấy được vị ấy.[98] Như vậy, thưa Hiền giả Moggallāna, các thiên nhân ấy có trí như sau: "Không có dư y là không có dư y."

Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo được Tuệ giải thoát. Chư thiên ấy biết về vị ấy như sau: "Tôn giả này được Tuệ giải thoát." Khi thân còn tồn tại, các thiên nhân và loài người thấy được vị ấy. Khi thân hoại, các thiên nhân và loài người không thấy được vị ấy. Như vậy, thưa Hiền giả Moggallāna, các thiên nhân ấy có trí như sau: "Không có dư y là không có dư y."

Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo Thân chứng. Chư thiên ấy biết về vị ấy như sau: "Tôn giả này là vị Thân chứng. Rất có thể Tôn giả này, do sử dụng các sàng tọa thích đáng,[99] do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."[100] Như vậy, thưa Hiền giả Moggallāna, các thiên nhân ấy có trí như sau: "Có dư y là có dư y."

Nhưng ở đây, thưa Hiền giả Moggallāna, Tỷ-kheo Kiến chí... Tín giải thoát... Tùy pháp hành. Chư thiên ấy biết về vị ấy như sau: "Tôn giả này là vị Tùy pháp hành. Rất có thể Tôn giả này, do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Như vậy, thưa Hiền giả Moggallāna, các thiên nhân ấy có trí như sau: "Hay trong các vị có dư y, vị ấy là vị có dư y."

---

[95] *Ādhipateyyena*. Xem *D*. III. 146.

[96] *Uttari nissaraṇaṃ yathābhūtaṃ*. Xem *A*. II. 10; V. 188; *D*. II. 69; *M*. I. 326; *S*. I. 142; II. 5.

[97] *Ubhatobhāgavimutto*. Xem *A*. IV. 14.

[98] Xem *D*. I. 46.

[99] *Anulomikāni senāsanāni*. Xem *D*. I. 71.

[100] Xem *M*. I. 477.

Rồi Tôn giả Moggallāna hoan hỷ tín thọ lời nói của Phạm thiên Tissa. Như một người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, Tôn giả biến mất ở Phạm thiên giới, hiện ra tại Gijjhakūṭa. Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahāmoggallāna đem câu chuyện nói với Phạm thiên Tissa như thế nào, tường thuật hết tất cả cho Thế Tôn nghe.

– Nhưng này Moggallāna, Phạm thiên Tissa không nói cho ông về hạng người Trú vô tướng thứ bảy.[101]

– Bạch Thế Tôn, nay là thời; bạch Thiện Thệ, nay là thời để Thế Tôn nói về người Trú vô tướng thứ bảy. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Này Moggallāna, hãy lắng nghe!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Mahāmoggallāna vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này Moggallāna, Tỷ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng đạt vô tướng tâm định và an trú. Các thiên nhân ấy biết về vị ấy như sau: "Tôn giả này, do không tác ý tất cả tướng, chứng đạt và an trú vô tướng tâm định. Rất có thể Tôn giả này do sử dụng các sàng tọa thích đáng, do thân cận các thiện bằng hữu, do chế ngự các căn, vị ấy có thể ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà các thiện nam tử vì mục đích ấy chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình." Như vậy, này Moggallāna, các thiên nhân ấy có trí như sau: "Có dư y là có dư y."

IV. KINH ĐẠI TƯỚNG SĪHA (*Sīhasenāpatisutta*)[102] (*A*. IV. 79)

57. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Tướng quân Sīha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tướng quân Sīha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể nêu rõ kết quả hiện tại của sự bố thí?

– Này Sīha, ở đây Ta sẽ hỏi ông. Ông kham nhẫn như thế nào, hãy trả lời như vậy. Ông nghĩ thế nào, này Sīha, ở đây có hai người: Một người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu; một người có lòng tin là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ; ông nghĩ thế nào, này Sīha, các vị A-la-hán có lòng từ mẫn sẽ có lòng từ mẫn với ai trước: Với người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu hay với người có lòng tin, là người thí chủ, không có chấp thủ?

– Bạch Thế Tôn, hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, làm sao các vị A-la-hán có lòng từ mẫn sẽ có lòng từ mẫn với hạng người này trước được? Và bạch Thế Tôn, người nào có lòng tin, là người thí chủ, không

[101] *Chú giải* giải thích đây chỉ cho vị Tùy tín hành. Xem *A*. IV. 14.
[102] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.52.6. 0826a01).

có chấp thủ, các vị A-la-hán có lòng từ mẫn sẽ có lòng từ mẫn với hạng người này trước.

– Ông nghĩ thế nào, này Sīha, các vị A-la-hán đi đến thăm, có thể đến thăm ai trước: Hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, hay hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ?

– Bạch Thế Tôn, hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, làm sao các vị A-la-hán đi đến thăm có thể đến thăm trước được? Và bạch Thế Tôn, hạng người có lòng tin, là người thí chủ, không có chấp thủ, các vị A-la-hán đi đến thăm sẽ đi đến thăm hạng người này trước.

– Ông nghĩ thế nào, này Sīha, các vị A-la-hán thọ lãnh đồ ăn khất thực, có thể thọ lãnh của ai trước: Hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu hay hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ?

– Bạch Thế Tôn, hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, làm sao các vị A-la-hán thọ lãnh có thể thọ lãnh của hạng người ấy trước được? Và bạch Thế Tôn, hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ, các vị A-la-hán thọ lãnh có thể thọ lãnh của hạng người này trước.

– Ông nghĩ thế nào, này Sīha, các vị A-la-hán thuyết pháp cho ai trước: Hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu hay hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ?

– Bạch Thế Tôn, hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, làm sao các vị A-la-hán thuyết pháp sẽ thuyết pháp cho hạng người ấy trước được? Và bạch Thế Tôn, hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ, các vị A-la-hán thuyết pháp có thể thuyết pháp cho hạng người này trước.

– Ông nghĩ thế nào, này Sīha, danh tiếng tốt đẹp của ai được truyền rộng ra: Hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu hay hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ?

– Bạch Thế Tôn, hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, làm sao danh tiếng tốt đẹp của hạng người ấy được truyền rộng ra được? Bạch Thế Tôn, hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ, danh tiếng tốt đẹp của hạng người này có thể được truyền rộng ra.

– Ông nghĩ thế nào, này Sīha, ai đi đến bất cứ hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn, đi đến không sợ hãi, không rụt rè: Hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu hay hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ?

– Bạch Thế Tôn, hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, làm sao hạng người ấy đi đến bất cứ hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn, đi đến không sợ hãi, không rụt rè được? Bạch Thế Tôn, hạng người có lòng tin, là

người thí chủ, ưa thích không chấp thủ, hạng người ấy đi đến bất cứ hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-lỵ, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn, sẽ đi đến không sợ hãi, không rụt rè.

– Ông nghĩ thế nào, này Sīha, sau khi thân hoại mệnh chung, ai có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này: Hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu hay hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ?

– Bạch Thế Tôn, hạng người không có lòng tin, xan tham, keo kiết, ác khẩu, làm sao hạng người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này được? Bạch Thế Tôn, hạng người có lòng tin, là người thí chủ, ưa thích không chấp thủ, hạng người này, sau khi thân hoại mệnh chung có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Bạch Thế Tôn, các kết quả hiện tại của bố thí này được Thế Tôn tuyên bố, không phải vì chúng, con đi đến lòng tin đối với Thế Tôn. Con biết chúng. Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là người thí chủ; các vị A-la-hán có lòng từ mẫn, có lòng từ mẫn với con trước. Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là người thí chủ; các vị A-la-hán có đi đến thăm, đi đến thăm con trước. Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là người thí chủ; các vị A-la-hán có nhận lãnh đồ ăn khất thực, nhận lãnh của con trước. Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là người thí chủ; các vị A-la-hán có thuyết pháp, thuyết pháp cho con trước. Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là người thí chủ, tiếng đồn tốt đẹp về con được truyền rộng ra: "Tướng quân Sīha là người bố thí, là người hành động, là người ủng hộ chúng Tăng." Bạch Thế Tôn, con là người bố thí, là người thí chủ; con đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-lỵ, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn, con đi đến không sợ hãi, không rụt rè. Bạch Thế Tôn, các kết quả hiện tại của bố thí này được Thế Tôn tuyên bố, không phải vì chúng, con đi đến lòng tin đối với Thế Tôn. Con biết chúng. Nhưng bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói về con như sau: "Sīha là người bố thí, là thí chủ, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này." Con không biết vấn đề này, ở đây, con đi đến lòng tin nơi Thế Tôn.

– Như vậy là phải, này Sīha! Như vậy là phải, này Sīha! Sīha là người bố thí, là người thí chủ, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

V. KINH KHÔNG CÓ CHE ĐẬY (*Arakkheyyasutta*) (*A*. IV. 82)

58. Này các Tỷ-kheo, có bốn điều Như Lai không phải che đậy,[103] và đối với ba điều, Như Lai không có phạm lỗi.

Thế nào là bốn điều Như Lai không phải che đậy?

---

[103] Ba điều, xem *D*. III. 217.

Này các Tỷ-kheo, thân hành của Như Lai là thanh tịnh; Như Lai không có thân ác hành, khiến Như Lai phải che đậy: "Đừng để cho người khác biết việc này của Ta!"

Này các Tỷ-kheo, khẩu hành của Như Lai là thanh tịnh; Như Lai không có khẩu ác hành, khiến Như Lai phải che đậy: "Đừng để cho người khác biết việc này của Ta!"

Này các Tỷ-kheo, ý hành của Như Lai là thanh tịnh; Như Lai không có ý ác hành, khiến Như Lai phải che đậy: "Đừng để cho người khác biết việc này của Ta!"

Này các Tỷ-kheo, mạng sống của Như Lai là thanh tịnh; Như Lai không có tà mạng, khiến Như Lai phải che đậy: "Đừng để cho người khác biết việc này của Ta!" Bốn điều này, Như Lai không phải che đậy.

Thế nào là ba điều Như Lai không có phạm lỗi?

Này các Tỷ-kheo, pháp được Như Lai khéo thuyết. Ở đây, chắc chắn không có một ai, hoặc Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay thiên nhân, hay Ác ma, hay Phạm thiên, hay một ai ở đời sẽ có thể buộc tội một cách đúng pháp: "Ở đây, pháp không được Như Lai khéo thuyết." Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có tướng này. Này các Tỷ-kheo, do không thấy có tướng này, Ta an trú, đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được không hoảng sợ.

Này các Tỷ-kheo, con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử được Ta làm cho khéo rõ biết. Nhờ thực hành con đường như vậy, các đệ tử của Ta do diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Ở đây chắc chắn không có một ai, hoặc Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay thiên nhân, hay Ác ma, hay Phạm thiên, hay một ai ở đời sẽ có thể buộc tội Ta một cách đúng pháp: "Ở đây, con đường đưa đến Niết-bàn cho các đệ tử không được Như Lai làm cho khéo rõ biết. Nhờ thực hành con đường như vậy, các đệ tử của Như Lai do diệt tận các lậu hoặc... và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có tướng này. Này các Tỷ-kheo, do không thấy có tướng này, Ta an trú, đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được không hoảng sợ.

Này các Tỷ-kheo, có đến hàng trăm hội chúng đệ tử của Ta do diệt tận các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Ở đây, chắc chắn không có một ai, hoặc Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay Thiên nhân, hay Ác ma, hay Phạm thiên, hay một ai ở đời sẽ có thể buộc tội Ta một cách đúng pháp: "Như vậy, Như Lai không có hàng trăm hội chúng đệ tử, do diệt tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát." Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy có tướng này. Này các Tỷ-kheo, do không thấy có tướng này, Ta an trú, đạt được an ổn, đạt được không sợ hãi, đạt được không hoảng sợ. Đối với ba điều này, Ta không có phạm lỗi.

Này các Tỷ-kheo, có bốn điều này, Như Lai không phải che đậy, và đối với ba điều này, Như Lai không có phạm lỗi.

VI. KINH KIMBILA (*Kimilasutta*)[104] (*A*. IV. 84)

59. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Kimbilā, tại rừng Trúc. Rồi Tôn giả Kimbila[105] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài?

– Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tùy thuận Pháp; sống không cung kính, không tùy thuận chúng Tăng; sống không cung kính, không tùy thuận học pháp; sống không cung kính, không tùy thuận thiền định; sống không cung kính, không tùy thuận không phóng dật; sống không cung kính, không tùy thuận nghênh đón. Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên, khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp không được tồn tại lâu dài.

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài?

– Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống cung kính, tùy thuận bậc Đạo sư; sống cung kính, tùy thuận Pháp; sống cung kính, tùy thuận chúng Tăng; sống cung kính tùy thuận học pháp; sống cung kính, tùy thuận thiền định; sống cung kính, tùy thuận không phóng dật; sống cung kính, tùy thuận nghênh đón. Này Kimbila, đây là nhân, đây là duyên, khi Như Lai nhập diệt, Diệu pháp được tồn tại lâu dài.

VII. KINH BẢY PHÁP (*Sattadhammasutta*) (*A*. IV. 85)

60. Này các Tỷ-kheo, thành tựu bảy pháp này, Tỷ-kheo không bao lâu diệt tận các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin; có giữ giới; có nghe nhiều; sống thiền tịnh; tinh cần tinh tấn; có chánh niệm; có trí tuệ.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không bao lâu, do diệt tận các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú.

VIII. KINH NGỦ GỤC (*Pacalāyamānasutta*)[106] (*A*. IV. 85)

61. Như vầy tôi nghe.

---

[104] Xem *A*. IV. 40; *D*. III. 244, 280; *Vin*. V. 92.

[105] Bản Tích Lan và PTS viết Kimbila.

[106] Tham chiếu: *Trưởng lão thượng tôn thùy miên kinh* 長老上尊睡眠經 (*T*.01. 0026.83. 0559b27); *Ly thùy kinh* 離睡經 (*T*.01. 0047. 0837a06).

Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Suṃsumāragiri, rừng Bhesakaḷā, ở Vườn Nai. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahāmoggallāna đang ngồi ngủ gục, trong làng Kallavāḷaputta, giữa dân chúng Magadha. Thế Tôn với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy Tôn giả Mahāmoggallāna đang ngồi ngủ gục, trong làng Kallavāḷaputta, giữa dân chúng Magadha. Thấy vậy, như nhà lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy, Thế Tôn biến mất giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Suṃsumāragiri, rừng Bhesakaḷā, ở Vườn Nai, rồi hiện ra trước mặt Tôn giả Mahāmoggallāna, tại làng Kallavāḷaputta, giữa dân chúng Magadha. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Mahāmoggallāna:

– Này Moggallāna, có phải ông ngủ gục? Này Moggallāna, có phải ông ngủ gục?

– Thưa phải, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này Moggallāna, khi nào ông trú có tưởng và thụy miên xâm nhập ông, chớ có tác ý đến nó, chớ có tưởng nhiều đến nó.[107] Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

Nếu ông trú như vậy và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallāna, với tâm của ông, hãy tùy tầm, tùy tứ, với ý hãy tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

Nếu ông trú như vậy và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallāna, ông hãy đọc tụng pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng. Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

Nếu ông trú như vậy và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallāna, ông hãy kéo hai lỗ tai của ông, và lấy tay xoa bóp tay chân. Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

Nếu ông trú như vậy và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallāna, ông hãy từ chỗ ngồi, đứng dậy lấy nước chùi mắt, nhìn về phía chân trời và nhìn lên các sao lấp lánh. Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

Nếu ông trú như vậy và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallāna, ông hãy tác ý đến quang tưởng và an trú vào tưởng ban ngày. Như ban ngày, ban đêm cũng vậy; như ban đêm, ban ngày cũng vậy. Như vậy, với tâm rộng mở, không có hạn chế, ông phải tu tập cho tâm được sáng chói. Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy, thụy miên ấy được đoạn diệt.

Nếu ông trú như vậy và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallāna, ông hãy trú tâm trên chỗ kinh hành với tưởng trước mặt và sau

---

[107] *Taṃ saññaṃ mā manasākāsi, taṃ saññaṃ mā bahulamakāsi.*

lưng,[108] với căn hướng nội, với ý không hướng ngoại. Sự kiện này có xảy ra, do ông trú như vậy thụy miên ấy được đoạn diệt.

Nếu ông trú như vậy và thụy miên ấy không được đoạn diệt, thời này Moggallāna, ông hãy nằm như dáng nằm con sư tử về phía hông bên phải, hai chân gác lên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý với tưởng thức dậy.[109] Và khi thức dậy, này Moggallāna, ông hãy thức dậy thật mau, nghĩ rằng: "Ta sẽ trú, không có chú tâm đến lạc nằm ngủ, lạc nằm xuống một bên, lạc thụy miên." Như vậy, này Moggallāna, ông cần phải học tập.

Do vậy, này Moggallāna, hãy học tập như sau: "Không say sưa trong cao mạn,[110] ta sẽ đi đến thăm các gia đình." Này Moggallāna, như vậy các ông cần phải học tập. Này Moggallāna, nếu Tỷ-kheo say sưa trong cao mạn đi đến thăm các gia đình; trong các gia đình, này Moggallāna, người ta có nhiều công việc phải làm; do vậy, người ta không có tác ý đến Tỷ-kheo đã đi đến. Ở đây, Tỷ-kheo ấy có thể suy nghĩ: "Nay, ai đã chia rẽ ta với gia đình này. Các người này không ưa thích gì ta."[111] Như vậy, do không được gì, vị ấy nản chí,[112] vị ấy dao động; do dao động, vị ấy không phòng hộ; do không phòng hộ, tâm rời xa thiền định.

Do vậy, này Moggallāna, hãy học tập như sau: "Ta sẽ không nói lời khiêu khích."[113] Như vậy, này Moggallāna, ông cần phải học tập. Khi nào có lời khiêu khích, này Moggallāna, thời chờ đợi là nhiều lời qua tiếng lại; khi nào có nhiều lời qua tiếng lại, thời có dao động. Với người có dao động, thời không có phòng hộ; với người không có phòng hộ, tâm rời xa thiền định.

Này Moggallāna, Ta không tán thán tất cả sự liên hệ nhưng không phải Ta không tán thán tất cả sự liên hệ. Thật vậy, này Moggallāna, Ta không tán thán các vị xuất gia có sự liên hệ với các gia chủ. Nhưng với các trú xứ ít tiếng ồn, ít tiếng động, thoát khỏi hơi thở của nhiều người, những chỗ ở cô độc xa vắng loài người, thích hợp cho đời sống thiền tịnh,[114] Ta tán thán sự liên hệ với những trú xứ như vậy.

Được nghe nói như vậy, Tôn giả Mahāmoggallāna bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào, tóm tắt lại,[115] một Tỷ-kheo được giải

---

[108] *Pacchāpuresaññī. AA.* IV. 42: *Pacchāpuresaññīti purato ca pacchato ca abhiharaṇasaññāya saññāvā* ("Với tưởng trước mặt và sau lưng" nghĩa là có tưởng, hướng tưởng lại gần từ phía trước và từ phía sau). Xem *GS.* III. 21 về thiền định trên chỗ kinh hành.

[109] Xem *D.* II. 134; *M.* III. 3.

[110] *Uccāsoṇḍaṃ paggahetvā. AA.* IV. 42: *Soṇḍanti mānasoṇḍaṃ* ("Say sưa" nghĩa là say sưa trong "mạn").

[111] *Virattarūpādānī.* Cần phải viết là *virattarūpā'dān'ime.*

[112] *Maṅkubhāvo. AA.* IV. 42: *Maṅkubhāvoti nittejatā domanassatā* ("Nản chí" là trạng thái ưu phiền, không còn sức lực).

[113] *Viggāhikakathā.* Xem *D.* I. 8; *M.* II. 3; *S.* III. 12; *Sn.* 180.

[114] *Paṭisallānasāruppāni. D.* III. 38; *M.* II. 118 và III. 13; *Vin.* I. 39;

[115] Xem *M.* I. 251.

thoát nhờ sự đoạn diệt khát ái (*taṇhā*), đạt đến mục đích cứu cánh,[116] đạt đến cứu cánh an ổn khỏi ách nạn, đạt đến cứu cánh Phạm hạnh, đạt đến cứu cánh của cứu cánh, trở thành tối thượng giữa chư thiên và loài người?

– Này Moggallāna, ở đây, Tỷ-kheo được nghe như sau: "Không nên thiên chấp tất cả pháp." Này Moggallāna, và Tỷ-kheo được nghe như sau: "Không nên thiên chấp tất cả pháp". Vị ấy thắng tri tất cả pháp; do thắng tri tất cả pháp, vị ấy liễu tri tất cả pháp; do liễu tri tất cả pháp, phàm có cảm thọ gì được cảm giác lạc, khổ hay không khổ không lạc, vị ấy trú tùy quán vô thường đối với các cảm thọ ấy; vị ấy trú tùy quán ly tham; vị ấy trú tùy quán đoạn diệt; vị ấy trú tùy quán từ bỏ. Do vị ấy trú tùy quán vô thường trong các cảm thọ, do vị ấy trú tùy quán ly tham, do vị ấy trú tùy quán đoạn diệt, do vị ấy trú tùy quán từ bỏ, nên không chấp thủ một cái gì ở đời. Do không chấp thủ nên không lo âu. Do không tham đắm nên tự mình nhập Niết-bàn. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Này Moggallāna, cho đến như vậy, tóm tắt lại, một Tỷ-kheo được giải thoát nhờ sự đoạn diệt khát ái, đạt đến mục đích cứu cánh, đạt đến cứu cánh an ổn khỏi các ách nạn, đạt đến cứu cánh Phạm hạnh, đạt đến cứu cánh của cứu cánh, trở thành tối thượng giữa chư thiên và loài người.

IX. KINH TỪ TÂM (*Mettasutta*)[117] (*A*. IV. 88)

62. Này các Tỷ-kheo, chớ có sợ hãi các công đức. Này các Tỷ-kheo, đồng nghĩa với an lạc chính là các công đức. Ta thắng tri rằng, này các Tỷ-kheo, các công đức được làm lâu ngày có quả dị thục, có sự hình thành khả ái, khả hỷ, khả ý lâu ngày. Trong bảy năm Ta tu tập từ tâm, sau khi tu tập từ tâm bảy năm, trong bảy thành kiếp hoại kiếp, Ta không trở lui lại thế giới này. Khi thế giới ở trong thành kiếp, này các Tỷ-kheo, Ta đi đến thế giới Quang Âm thiên (*Ābhassarūpago homi*). Khi thế giới ở trong hoại kiếp, Ta sanh ra trong Phạm cung trống không. Ở đấy, này các Tỷ-kheo, Ta là Phạm thiên, là Đại Phạm thiên, vị Chiến thắng, vị Vô năng thắng, vị Biến tri, vị Tự tại. Ba mươi sáu lần, này các Tỷ-kheo, Ta là Thiên chủ Sakka. Nhiều lần bảy lần, Ta là vị Chuyển Luân Vương theo Chánh pháp, là vị Pháp vương, bậc Chiến thắng bốn phương, đạt được sự thanh bình cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Này các Tỷ-kheo, Ta có bảy loại châu báu này như là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, gia chủ báu, và cư sĩ báu là thứ bảy. Ta có hơn một ngàn người con trai, này các Tỷ-kheo, là những bậc anh hùng, dõng mãnh, đánh tan quân địch. Và khi Ta chiến thắng quả đất này xa cho đến bờ biển, Ta trị vì quả đất này không dùng trượng, không dùng đao, trị vì đúng với Chánh pháp.

Hãy xem quả dị thục,
Của các việc công đức,

---

[116] *Accantaniṭṭho*. Xem *A*. I. 291; *D*. II. 283; *S*. III. 13.

[117] Bản tiếng Anh của PTS: *Amity*, nghĩa là *Tình bạn*. Tham chiếu: *Phước kinh* 福經 (*T*.01. 0026.138. 0645c14).

Của các việc hiền thiện,
Với kẻ tìm an lạc.
Này Tỷ-kheo, Ta tu,
Từ tâm trong bảy năm,
Trong bảy thành hoại kiếp.
Khi thế giới thành kiếp,
Ta đạt Quang Âm thiên.
Khi thế giới hoại kiếp,
Sanh Phạm cung trống rỗng.
Bảy lần, Ta đóng vai,
Đại Phạm thiên, Tự tại,
Trong ba mươi sáu lần,
Làm Thiên chủ thiên giới.
Ta làm Vua Chuyển Luân,
Chủ tể cõi Diêm-phù.
Bậc Sát-ly quán đảnh,
Bậc chủ tể loài người,
Ta chiến thắng đất này,
Với không trượng, không kiếm,
Không bạo lực, đúng pháp,
Đối mọi người bình đẳng,
Ta trị vì đúng pháp,
Trên cõi đất tròn này,
Ta khiến các gia đình,
Giàu lớn, tài sản lớn,
Họ hưởng mọi dục lạc,
Ta đầy đủ bảy báu,
Chư Phật thương tưởng đời,[118]
Khéo dạy điều như vậy.
Đấy là nhân đại sự,
Được gọi là Địa vương.
Ta là vua, huy hoàng,
Bảo vệ nhiều tài sản,
Có thần lực, danh xưng,
Vương chủ rừng Diêm-phù,
Ai nghe không tịnh tín?
Trừ các loại ác sanh,
Do vậy muốn lợi ích,

[118] *Saṅgāhaka. AA.* IV. 46: *Tehi etaṃ sudesitanti tehi saṅgāhakehi mahākāruṇikehi buddhehi etaṃ ettakaṃ ṭhānaṃ sudesitaṃ sukathitaṃ* ("Các Ngài khéo dạy điều như vậy". "Các Ngài" chỉ cho chư Phật đại từ bi; "điều như vậy" nghĩa là nhiều vấn đề như vậy; "khéo dạy" nghĩa là khéo thuyết giảng, hướng dẫn). Xem *D.* II. 268; *M.* II. 80.

Cầu vọng sự lớn mạnh,
Hãy kính trọng Diệu pháp,
Hãy nhớ lời Phật dạy.

X. KINH CÁC NGƯỜI VỢ (*Bhariyāsutta*)[119] (*A*. IV. 91)

63. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của gia chủ Anāthapiṇḍika; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Lúc bấy giờ, trong trú xứ của gia chủ Anāthapiṇḍika có nhiều người nói cao tiếng, nói lớn tiếng. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, vì sao trong nhà của ông lại có nhiều người nói cao tiếng, nói lớn tiếng như những người đánh cá đang giành giựt cá?[120]

– Bạch Thế Tôn, có nàng dâu Sujātā[121] giàu có, đến đây từ một gia đình giàu có. Nàng không vâng lời mẹ chồng, không vâng lời cha chồng, không vâng lời chồng; cũng không cung kính, không tôn trọng, không lễ bái, không cúng dường Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cho gọi nàng dâu Sujātā:

– Hãy đến đây, Sujātā!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Nàng dâu Sujātā vâng đáp Thế Tôn, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nàng dâu Sujātā đang ngồi một bên:

– Này Sujātā, có bảy loại vợ này cho người đàn ông. Thế nào là bảy? Vợ như người sát nhân (*vadhakasamā*), vợ như người ăn trộm (*corīsamā*), vợ như người chủ nhân (*ayyasamā*), vợ như người mẹ (*mātāsamā*), vợ như người chị (*bhaginīsamā*), vợ như người bạn (*sakhīsamā*), vợ như người nữ tỳ (*dāsīsamā*).[122] Này Sujātā, có bảy loại vợ này cho người đàn ông. Và con thuộc loại vợ nào?

– Bạch Thế Tôn, lời dạy tóm tắt này của Thế Tôn, con không hiểu rõ ý nghĩa một cách rộng rãi. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho con để con có thể hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi lời dạy tóm tắt này của Thế Tôn.

– Vậy này Sujātā, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Sujātā vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

---

[119] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.51.9. 0820c03); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.20.11. 0601a10); *Phật thuyết A-tốc-đạt kinh* 佛說阿遬達經 (*T.*02. 0141. 0863a21); *Phật thuyết Ngọc da nữ kinh* 佛說玉耶女經 (*T.*02. 0142a. 0863c15); *Ngọc da nữ kinh* 玉耶女經 (*T.*02. 0142b. 0864c07); *Ngọc da kinh* 玉耶經 (*T.*02. 0143. 0865c20).

[120] *Macchavilope*. Ví dụ này được tìm thấy trong *A*. III. 31, 342; *M*. I. 457; *Ud*. 24.

[121] Sujātā là em gái của Visākhā.

[122] Xem *A*. V. 264; *M*. I. 286; *Vin*. III. 139.

Ai tâm bị uế nhiễm,
Không từ mẫn thương người,
Thích thú những người khác,
Khinh rẻ người chồng mình,
Bị mua chuộc bằng tiền,
Hăng say giết hại người,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ sát nhân.
Còn hạng nữ nhân nào,
Tiêu xài tài sản chồng,
Do công nghiệp đem lại,
Hay thương nghiệp, nông nghiệp,
Do vậy, nếu muốn trộm,
Dầu có ít đi nữa,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ ăn trộm.
Không ưa thích làm việc,
Biếng nhác nhưng ăn nhiều,
Ác khẩu và bạo ác,
Phát ngôn lời khó chịu,
Mọi cố gắng của chồng,
Đàn áp và chỉ huy,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ chủ nhân.
Ai luôn luôn từ mẫn,
Có lòng thương xót người,
Săn sóc giúp đỡ chồng,
Như mẹ chăm sóc con,
Tài sản chồng cất chứa,
Biết hộ trì gìn giữ,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ như mẹ.
Ai như người em gái,
Đối xử với anh lớn,
Biết cung kính tôn trọng,
Đối với người chồng mình,
Với tâm biết tàm quý,
Tùy thuận phục vụ chồng,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ như em.
Ai ở đời thấy chồng,

Tâm hoan hỷ vui vẻ,
Như người bạn tốt lành,
Đã lâu từ xa về,
Sanh gia đình hiền đức,
Giữ giới, dạ trung thành,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ như bạn.
Không tức giận, an tịnh,
Không sợ hình phạt, trượng,
Tâm tư không hiềm hận,
Nhẫn nhục đối với chồng,
Không phẫn nộ, tức giận,
Tùy thuận lời chồng dạy,
Hạng người vợ như vậy,
Được gọi vợ nữ tỳ.
Ở đời các hạng vợ,
Được gọi vợ sát nhân,
Kể cả vợ ăn trộm,
Và cả vợ chủ nhân,
Vợ ấy không giữ giới,
Ác khẩu và vô lễ,
Khi thân hoại mệnh chung,
Bị sanh vào địa ngục.
Ở đời các hạng vợ,
Mẹ, em gái và bạn,
Và người vợ được gọi,
Là vợ như nữ tỳ,
An trú trên giới đức,
Khéo phòng hộ lâu ngày,
Khi thân hoại mệnh chung,
Được sanh lên thiện thú.

Này Sujātā, có bảy loại vợ này đối với người đàn ông. Con thuộc hạng người nào?

– Bạch Thế Tôn, bắt đầu từ hôm nay, Thế Tôn hãy xem con là người vợ đối với chồng như nữ tỳ.

XI. KINH PHẪN NỘ (*Kodhanasutta*)[123] (*A*. IV. 94)

64. Này các Tỳ-kheo, có bảy pháp này được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ. Thế nào là bảy?

[123] Tham chiếu: *Oán gia kinh* 怨家經 (*T*.01. 0026.129. 0617b19).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này trở thành xấu xí!" Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có dung sắc. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, dầu cho người ấy khéo tắm rửa, khéo chải chuốt, tóc râu khéo sửa soạn, mặc toàn đồ trắng,[124] rồi người ấy cũng trở thành xấu xí vì bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ nhất được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này ngủ một cách khổ sở!" Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình ngủ một cách an lành. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, dầu có nằm trên ghế dài, nệm trải bằng len, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm thảm có lọng che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ,[125] tuy vậy, họ vẫn ngủ một cách khổ sở vì bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ hai được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có lợi ích!" Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được lợi ích. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, thâu hoạch điều bất lợi lại nghĩ rằng: "Ta được lợi ích", thâu hoạch điều lợi ích lại nghĩ rằng: "Ta không được lợi ích." Những pháp này được nắm giữ khiến người khác trở thành thù địch, đưa đến không hạnh phúc, đau khổ lâu dài vì bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ ba được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có tài sản!" Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được tài sản! Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, những tài sản nào của họ thâu hoạch do sự phấn chấn tinh cần, cất chứa do sức mạnh của cánh tay, chồng chất do những giọt mồ hôi, đúng pháp, thâu hoạch hợp pháp,[126] các tài sản ấy được nhà vua cho chở về ngân khố nhà vua vì bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ tư được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ.

---

[124] Xem *D*. I. 104; II. 325; *S*. I. 79; IV. 343.

[125] Xem *A*. I. 137; III. 50; *D*. I. 7; *Vin*. I. 192; II. 163.

[126] Xem *A*. II. 67; III. 45, 76; IV. 281.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có danh tiếng!" Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được danh tiếng. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, nếu có được danh tiếng gì nhờ không phóng dật thâu hoạch được, danh tiếng ấy lánh xa họ vì bị phẫn nộ chinh phục. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp thứ năm được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này không có bạn bè!" Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình có được bạn bè. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, nếu người đó có những bạn bè thân hữu, bà con huyết thống gì, họ sẽ xa lánh, từ bỏ người đó vì người đó bị phẫn nộ chinh phục. Đây là pháp thứ sáu được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người thù địch mong muốn kẻ thù địch của mình như sau: "Mong rằng kẻ này sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục!" Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, người thù địch không hoan hỷ kẻ thù địch của mình sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, hạng người nào phẫn nộ, bị phẫn nộ chinh phục, bị phẫn nộ chi phối, người đó làm ác hạnh với thân, người đó nói lời ác hạnh với khẩu, người đó nghĩ đến điều ác hạnh với ý; do người đó làm ác hạnh với thân, người đó nói lời ác hạnh với khẩu, người đó nghĩ đến điều ác hạnh với ý, khi thân hoại mệnh chung, người đó sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đây là pháp thứ bảy được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ.

Bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, được người thù địch ưa thích, tác thành kẻ thù địch, đưa đến người đàn bà hoặc người đàn ông phẫn nộ.

Kẻ phẫn nộ xấu xí,
Đau khổ khi nằm ngủ,
Được các điều lợi ích,
Lại cảm thấy bất lợi.
Phẫn nộ, nó đả thương,
Với thân, với lời nói,
Người phẫn nộ chinh phục,
Tài sản bị tiêu vong.
Bị phẫn nộ, điên loạn,
Danh dự bị hủy diệt,
Bà con cùng bạn bè,
Lánh xa người phẫn nộ.

Phẫn nộ sanh bất lợi,
Phẫn nộ dao động tâm,
Sợ hãi sanh từ trong,
Người ấy không rõ biết.
Phẫn nộ không biết lợi,
Phẫn nộ không thấy pháp,
Phẫn nộ chinh phục ai,
Người ấy bị mê ám.
Người phẫn nộ thích thú,
Làm ác như làm thiện,
Về sau phẫn nộ dứt,
Bị khổ như lửa đốt,
Như ngọn lửa đầu khói,
Được thấy sẽ bừng cháy.
Khi phẫn nộ lan tràn,
Khi tuổi trẻ nổi nóng,
Không biết tàm và quý,
Lời nói không cung kính,
Bị phẫn nộ chinh phục,
Không hòn đảo tựa nương.
Việc làm đem hối hận,
Rất xa với Chánh pháp,
Ta sẽ tuyên bố chúng,
Hãy nghe, như tuyên bố:
Phẫn nộ giết cả cha,
Phẫn nộ giết cả mẹ,
Phẫn nộ giết Phạm chí,
Phẫn nộ giết phàm phu.
Chính nhờ mẹ dưỡng dục,
Người thấy được đời này,
Nhưng phàm phu phẫn nộ,
Giết người cho sự sống.
Chúng sanh tự ví dụ,
Thương tự ngã tối thượng,
Phàm phu giết tự ngã,
Điên loạn nhiều hình thức,
Lấy gươm giết tự ngã,
Điên loạn uống thuốc độc,
Dây tự trói họ chết,
Trong hang động núi rừng,
Những hành động sát sanh,

Khiến tự ngã phải chết.
Họ làm nhưng không biết,
Kẻ phẫn nộ hại người,
Với hình thức phẫn nộ,
Bẫy ma ẩn trong tâm.
Hãy nhiếp phục, cắt đứt,
Với tuệ, tấn, chánh kiến,
Bậc trí tuệ cắt đoạn,
Mỗi mỗi bất thiện pháp.
Như vậy học tập pháp,
Không để tâm nản chí,
Ly sân, không áo não,
Ly tham, tật đố không,
Nhiếp phục, đoạn phẫn nộ,
Vô lậu, nhập Niết-bàn.



VII. PHẨM LỚN
(*MAHĀVAGGA*)

I. KINH TÀM QUÝ (*Hirīottappasutta*)[127] (*A*. IV. 99)

65. Khi tàm không có,[128] này các Tỷ-kheo, với người thiếu tàm, chế ngự các căn đi đến hủy diệt. Khi chế ngự các căn không có, với người thiếu chế ngự các căn, giới đi đến hủy diệt. Khi giới không có, với người thiếu giới, chánh định đi đến hủy diệt. Khi chánh định không có, với người không có chánh định, tri kiến như thật[129] đi đến hủy diệt. Khi tri kiến như thật không có, với người thiếu tri kiến như thật, nhàm chán ly tham[130] đi đến hủy diệt. Khi nhàm chán ly tham không có, với người thiếu nhàm chán ly tham, giải thoát tri kiến[131] đi đến hủy diệt. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây không có cành và lá, các mầm non của cây ấy không đi đến thành mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây không đi đến thành mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi tàm không có, với người không có tàm, chế ngự các căn đi đến hủy diệt... giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt.

Khi tàm có mặt, này các Tỷ-kheo, với người đầy đủ tàm, chế ngự các căn đi đến đầy đủ. Khi chế ngự các căn có mặt, với người đầy đủ chế ngự các căn, giới đi đến đầy đủ. Khi giới có mặt, với người đầy đủ giới, chánh định đi đến đầy đủ. Khi chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định, tri kiến như thật đi đến đầy đủ. Khi tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như thật, nhàm chán ly tham đi đến đầy đủ. Khi nhàm chán ly tham có mặt, với người đầy đủ nhàm chán ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây có cành và lá,[132] các mầm non của cây ấy đi đến thành mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây đi đến thành mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi tàm có mặt, với người đầy đủ tàm... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

---

[127] Tham chiếu: *Niệm kinh* 念經 (*T*.01. 0026.44. 0485c22); *Tàm quý kinh* 慚愧經 (*T*.01. 0026.45-46. 0486a05-c22); *Giới kinh* 戒經 (*T*.01. 0026.47-48. 0486a23-c03); *Cung kính kinh* 恭敬經 (*T*.01. 0026.49-50. 0486c21-0487a15); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.495. 0129a09).

[128] Xem *A*. IV. 335; *GS*. IV. 219 (kinh 81 ở sau); *A*. III. 19, 200, 360; V. 4, 313.

[129] Tri kiến mới bắt đầu chứng được.

[130] Tri kiến mạnh mẽ và con đường không có tham.

[131] A-la-hán quả.

[132] Ví dụ này xem *M*. I. 488.

II. KINH BẢY MẶT TRỜI (*Sattasūriyasutta*)[133] (*A*. IV. 100)

66. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Vesāli, tại vườn Ambapālī. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường. Này các Tỷ-kheo, các hành là không kiên cố. Này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Núi chúa Sineru, này các Tỷ-kheo, dài tám mươi bốn ngàn do-tuần (*yojana*), rộng tám mươi bốn ngàn do-tuần, chìm xuống biển lớn tám mươi bốn ngàn do-tuần, nổi lên trên biển lớn tám mươi bốn ngàn do-tuần. Này các Tỷ-kheo, rồi có thời, nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm, trời không mưa. Khi không có mưa, các loài chủng tử, các loài thực vật, các rừng rậm thảo dược đều khô héo cằn cỗi, không có tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là không có kiên cố. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo, rồi có thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ hai hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ hai có mặt, thời tất cả sông nhỏ, ao nhỏ khô cạn, khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ ba hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ ba có mặt, thời các sông lớn như sông Hằng, sông Yamunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī, các con sông ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ tư hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ tư hiện ra, thời các biển hồ lớn, từ đấy các sông lớn chảy ra, ví như Anotatta, Sīhapapāta, Rathakāra, Kaṇṇamuṇḍa, Kuṇāla, Chaddanta, Mandākinī, các biển hồ ấy bị khô cạn, bị khô kiệt, không có tồn tại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ năm hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm hiện ra, thời nước các biển lớn rút

---

[133] Xem *D*. II. 72. Bản tiếng Anh của PTS: *The Sun*, nghĩa là *Mặt trời*. Tham chiếu: *Tăng*. 增(*T*.02. 0125.40.1. 0735b20); *Thất nhật kinh* 七日經 (*T*.01. 0026.8. 0428c07); *A-lan-na kinh* 阿蘭那經 (*T*.01. 0026.160. 0682b10).

lui một trăm do-tuần, nước các biển lớn rút lui hai trăm do-tuần, nước các biển lớn rút lui ba trăm do-tuần... nước các biển lớn rút lui bảy trăm do-tuần; nước các biển lớn dừng lại sâu đến bảy cây Sāla, sáu cây Sāla, năm cây Sāla, bốn cây Sāla, ba cây Sāla, hai cây Sāla, chỉ một cây Sāla. Nước các biển lớn dừng lại, sâu đến bảy đầu người, sâu đến sáu đầu người, năm đầu người, bốn đầu người, ba đầu người, hai đầu người, một đầu người, nửa đầu người. Nước các biển lớn dừng lại, sâu chỉ đến eo lưng của người, chỉ đến đầu gối của người, chỉ đến mắt cá của người. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào mùa thu khi trời mưa hạt lớn, chỗ này chỗ khác, trong các dấu chân của các con bò cái có những vũng nước nhỏ đọng lại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, chỉ còn những vũng nước nhỏ trong dấu chân các con bò cái là nước của biển lớn còn lại chỗ này chỗ kia. Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ năm hiện ra, nước biển lớn chỉ bằng độ ngón tay. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ sáu hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru sanh khói lên, thổi khói lên, phun khói lên. Ví như, này các Tỷ-kheo, các lò của người thợ gốm mới đốt lửa lên, sanh khói lên, phun khói lên. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ sáu hiện ra, thời đất lớn này và núi chúa Sineru sanh khói lên, thổi khói lên, phun khói lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường... là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời, sau một thời gian rất dài, mặt trời thứ bảy hiện ra.

Này các Tỷ-kheo, khi mặt trời thứ bảy hiện ra, trái đất lớn này và núi chúa Sineru bốc cháy, rực cháy, trở thành một màn lửa.[134] Và khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru cháy đỏ lên, cháy rực lên ngọn lửa do gió thổi bốc cao đến Phạm thiên giới. Các chóp ngọn của núi Sineru cao đến một, hai, ba, bốn, năm trăm do-tuần, khi bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, bị cả khối lửa to lớn phá hoại và chinh phục, liền sụp đổ xuống. Sau khi quả đất lớn và núi chúa Sineru bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen. Ví như, này các Tỷ-kheo, khi bơ và dầu được cháy đỏ, được cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi quả đất lớn này và núi chúa Sineru bị cháy đỏ lên, cháy rực lên, không tìm thấy tro và lọ đen. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là vô thường. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là không kiên cố. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các hành là không an ổn. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là vừa đủ để nhàm chán, là vừa đủ để ly tham, là vừa đủ để giải thoát đối với tất cả các hành. Ở đây, này các Tỷ-kheo, ai là người có thể nghĩ rằng, ai là người có thể tin rằng: "Quả đất này và núi chúa Sineru sẽ bị đốt cháy, sẽ bị hủy hoại, sẽ không còn tồn tại nữa", trừ những người đã được chứng kiến.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có Đạo sư Sunetta thuộc ngoại đạo, đã ly tham trong các dục. Này các Tỷ-kheo, Đạo sư Sunetta có hàng trăm người đệ tử. Đạo

---

[134] *Ādippanti pajjalanti ekajālā bhavanti.*

sư Sunetta thuyết pháp cho các đệ tử về cộng trú với chư thiên ở Phạm thiên giới. Và tất cả những ai nắm hiểu một cách hoàn toàn trọn vẹn lời thuyết dạy của Sunetta về cộng trú với chư thiên ở Phạm thiên giới, khi thân hoại mệnh chung, họ được sanh lên thiện thú, Phạm thiên giới. Những ai không nắm hiểu một cách hoàn toàn trọn vẹn lời dạy của Sunetta, sau khi thân hoại mệnh chung, một số được sanh cộng trú với chư thiên ở Tha Hóa Tự Tại thiên, một số được sanh cộng trú với chư thiên ở Hóa Lạc thiên, một số được sanh cộng trú với chư thiên ở Đâu-suất thiên, một số được sanh cộng trú với chư thiên ở Dạ-ma thiên, một số được sanh cộng trú với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, một số được sanh cộng trú với chư thiên ở Tứ Thiên Vương thiên, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình Sát-đế-ly, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình Bà-la-môn, một số được sanh cộng trú với các đại gia đình gia chủ.

Rồi này các Tỷ-kheo, Đạo sư Sunetta suy nghĩ như sau: "Thật không xứng đáng cho ta trong đời sau lại có một sanh thú giống như sanh thú của các đệ tử. Vậy ta hãy tu tập tối thượng từ bi." Rồi này các Tỷ-kheo, Đạo sư Sunetta trong bảy năm tu tập từ tâm. Sau khi tu tập từ tâm bảy năm, trong bảy thành kiếp hoại kiếp, vị ấy không trở lui lại thế giới này. Trong kiếp thành của thế giới, này các Tỷ-kheo, vị ấy đi đến thế giới của Quang Âm thiên. Trong kiếp hoại của thế giới, vị ấy được sanh trong Phạm cung trống không. Tại đấy, này các Tỷ-kheo, vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, bậc Chiến thắng, bậc Vô năng thắng, bậc Biến tri, bậc Tự tại. Ba mươi sáu lần, này các Tỷ-kheo, vị ấy là Thiên chủ Sakka. Nhiều lần bảy lần, vị ấy là vị Chuyển Luân Thánh Vương theo Chánh pháp, là vị Pháp vương, bậc Chiến thắng bốn phương, đạt được sự thanh bình cho quốc độ, đầy đủ bảy món báu. Vị ấy có hơn một ngàn người con trai, là những bậc anh hùng, dũng mãnh, đánh tan địch quân. Và vị ấy chiến thắng quả đất này xa cho đến hải biên, trị vì quả đất này không dùng trượng, không dùng đao, đúng với Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Đạo sư Sunetta ấy, dầu cho thọ mạng lâu dài như vậy, sống lâu dài như vậy, nhưng không được thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng vị ấy chưa giải thoát khỏi khổ. Vì cớ sao? Vì rằng vị ấy chưa giác ngộ, chưa thể nhập bốn pháp. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo, vì không giác ngộ, không thể nhập Thánh giới; vì không giác ngộ, không thể nhập Thánh định; vì không giác ngộ, không thể chấp Thánh trí tuệ; vì không giác ngộ, không thể nhập Thánh giải thoát. Này các Tỷ-kheo, sự kiện là như sau: Khi Thánh giới được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh định được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh trí tuệ được giác ngộ, được thể nhập; khi Thánh giải thoát được giác ngộ, được thể nhập, được cắt đứt là hữu ái, sợi dây đưa đến sanh hữu được đoạn tận, nay không có tái sanh.

Thế Tôn nói như vậy. Bậc Thiện Thệ nói xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Vô thượng giới và định,[135]
Trí tuệ và giải thoát,

[135] Bài kệ này và đoạn trước bài kệ được tìm thấy trong *A*. II. 2; *D*. II. 123.

Gotama danh tiếng,
Giác ngộ những pháp này.
Đức Phật với thắng trí,
Thuyết pháp cho Tỷ-kheo,
Bậc Đạo Sư đoạn khổ,
Bậc Pháp Nhãn tịch tịnh.

III. KINH THÀNH TRÌ (*Nagaropamasutta*)[136] (*A*. IV. 106)

67. Này các Tỷ-kheo, khi nào một thành trì biên địa của vua được khéo trang bị với bảy trang bị của một thành trì và bốn loại đồ ăn có được không khó khăn,[137] có được không mệt nhọc, có được không phí sức, thời này các Tỷ-kheo, thành trì biên địa ấy được gọi là không bị chinh phục bởi quân địch ở bên ngoài và kẻ đồng minh phản nghịch ở bên trong.

Thế nào là được khéo trang bị với bảy trang bị của một thành trì?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một cột trụ[138] đâm sâu vào đất, khéo đào sâu, không bị dao động, không bị lay chuyển. Với trang bị thành trì thứ nhất này, là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một đường thông hào sâu và rộng. Với trang bị thành trì thứ hai này, là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một đường chạy vòng xung quanh vừa cao và vừa rộng. Với trang bị thành trì thứ ba này, là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều vũ khí được cất chứa như cung tên và cây lao. Với trang bị thành trì thứ tư này, là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều quân đội đồn trú như: Những người cưỡi voi, những người cưỡi ngựa, những người cưỡi xe, những người cầm cung, những người cầm cờ, các quan lo chỗ ở, các lính lo vấn đề lương thực, những người con vua dõng mãnh (*uggā rājaputtā*), những đội xung kích, đội voi lớn, các dũng sĩ, các binh sĩ mặc áo giáp, những người con của các nô tỳ. Với trang bị thành trì thứ năm này, là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

---

[136] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39. 0730b02); *Thành dụ kinh* 城喻經 (*T*.01. 0026.3. 0422c09).

[137] Xem *A*. I. 184; *M*. I. 33; *S*. II. 278; *Ud*. 37.

[138] *Esikā*. Thành phố Kusāvatī có cột trụ như vậy. Xem *D*. I. 14, 56; II. 171; *S*. III. 200.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có người giữ cổng thành là người hiền trí thông minh, có trí, ngăn chặn những người lạ mặt, cho vào những người quen biết. Với sự trang bị thành trì thứ sáu này, là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có bức thành vừa cao vừa rộng, ngoài mặt có trét vôi hồ. Với sự trang bị thành trì thứ bảy này, là thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài.

Với bảy loại trang bị thành trì này, thành trì được xem là khéo trang bị.

Thế nào là bốn loại đồ ăn có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều cỏ, củi, nước được tích trữ để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều lúa và lúa mì để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều mè, đậu, các loại đậu và ngũ cốc[139] để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều dược phẩm như thục tô, sanh tô, dầu, mật, đường bánh, muối[140] để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài.

Bốn loại đồ ăn này, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, một thành trì biên địa của vua, được khéo trang bị với bảy món trang bị này của một thành trì và bốn loại đồ ăn có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, thời này các Tỷ-kheo, thành trì biên địa ấy được gọi là không bị chinh phục bởi quân địch ở bên ngoài và kẻ đồng minh phản nghịch ở bên trong. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào vị Thánh đệ tử thành tựu với bảy Diệu pháp[141] và bốn thiền[142] thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, thời này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử này được gọi là không bị Ma chinh phục, không bị ác chinh phục. Vị ấy thành tựu bảy pháp gì?

---

[139] *Tilamuggamāsāparaṇṇaṃ.*

[140] *Sappi navanītaṃ telaṃ madhu phāṇitaṃ loṇaṃ.*

[141] Xem *D*. III. 252, 282; *M*. I. 23, 356.

[142] Xem *A*. II. 23; *D*. III. 113; *M*. I. 33; *S*. II. 278.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một cột trụ đâm sâu vào đất, khéo đóng, không bị dao động, không bị lay chuyển để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Với lòng tin làm cột trụ, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không có tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh.[143] Với Diệu pháp thứ nhất này, vị ấy được thành tựu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một con đường thông hào vừa sâu và rộng để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng xấu hổ; vị ấy xấu hổ vì thân làm ác, vì miệng nói ác, vì ý nghĩ ác; vị ấy xấu hổ vì bị rơi vào các ác, bất thiện pháp. Lấy xấu hổ làm con đường thông hào, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với Diệu pháp thứ hai này, vị ấy được thành tựu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có một con đường đi vòng chung quanh vừa cao vừa rộng để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử có lòng sợ hãi tội lỗi; vị ấy sợ hãi tội lỗi vì thân làm ác, vì miệng nói ác, vì ý nghĩ ác; vị ấy sợ hãi tội lỗi vì bị rơi vào các ác, bất thiện pháp. Lấy sợ hãi tội lỗi làm con đường đi vòng xung quanh, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với Diệu pháp thứ ba này, vị ấy được thành tựu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều vũ khí được cất chứa như cung tên và cây lao để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là người nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe, cất chứa điều đã được nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn có nghĩa, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; các pháp như vậy được nghe nhiều, được thọ trì, được đọc cho thành thục, được ý khéo tùy quán, được khéo thể nhập với tri kiến.[144] Lấy nghe nhiều làm vũ khí, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với Diệu pháp thứ tư này, vị ấy được thành tựu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều quân đội đồn trú như những người cưỡi voi, những người cưỡi ngựa, những người cưỡi xe, những người cầm cung, những người cầm cờ, những quan lo chỗ ở, các lính lo vấn đề lương thực, những người con vua dõng mãnh, những đội xung kích, đội voi lớn, các dũng sĩ, các binh sĩ mặc áo giáp, những người con của nô tỳ,

[143] *Suddhaṃ attānaṃ pariharati.*

[144] Xem *A.* IV. 5.

để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện, để đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. Lấy tinh tấn làm quân đội, này các Tỷ-kheo, vị thiện nam tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với Diệu pháp thứ năm này, vị ấy được thành tựu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có người giữ cổng thành là người hiền trí thông minh, có trí, ngăn chặn những người lạ mặt, cho vào những người quen biết để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử sống có chánh niệm[145] thành tựu tối thắng niệm tuệ, nhớ đến và tùy niệm việc làm đã lâu ngày, lời nói đã lâu ngày. Với niệm làm người giữ cổng thành, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện pháp, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với Diệu pháp thứ sáu này, vị ấy được thành tựu.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có bức thành vừa cao vừa rộng, ngoài mặt trét vôi hồ để bảo vệ những người ở trong thành và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử là người có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với sự Thánh thể nhập vào con đường đưa đến đoạn tận khổ đau.[146] Với trí tuệ làm lớp vôi hồ trét bên ngoài, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ bất thiện, tu tập thiện, từ bỏ có tội, tu tập không tội, gìn giữ tự thân thanh tịnh. Với Diệu pháp thứ bảy này, vị ấy được thành tựu. Với bảy Diệu pháp này, vị ấy thành tựu.

Thế nào là bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức?

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều cỏ, củi, nước được tích trữ để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ, để tự mình được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều lúa và lúa mì để những người ở trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, do tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, để tự mình được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có cất chứa nhiều mè, đậu, các loại đậu và ngũ cốc để những người trong thành được an vui, khỏi

[145] Xem *A*. IV. 3.
[146] Xem *A*. IV. 2.

sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, do ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, để tự mình được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong thành trì biên địa của vua có nhiều dược phẩm được cất chứa như thục tô, sanh tô, dầu, mật, đường bánh, muối để những người trong thành được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để chống cự những người bên ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, do đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, để tự mình được an vui, khỏi sự lo ngại, được lạc trú và để bước vào Niết-bàn.[147]

Bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.

Này các Tỷ-kheo, khi nào vị Thánh đệ tử thành tựu bảy Diệu pháp này và bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, này các Tỷ-kheo, đây gọi là vị Thánh đệ tử không bị Ma chinh phục, không bị ác chinh phục (*akaraṇīyo pāpimato*).

IV. KINH PHÁP TRÍ (*Dhammaññūsutta*)[148] (*A*. IV. 113)

68. Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng... là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vị biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã, biết ước lượng, biết thời, biết hội chúng, biết người thắng kẻ liệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết pháp?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết pháp: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng.[149] Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết pháp: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng, vị ấy ở đây không được gọi là vị biết pháp. Và này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết pháp: Khế kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng, do vậy, vị ấy được gọi là vị biết pháp. Như vậy là biết pháp.

Thế nào là biết nghĩa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết ý nghĩa của lời thuyết này, của lời

---

[147] Xem *A*. IV. 227; *GS*. IV. 154 (kinh 30 ở sau).

[148] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.1. 0728b26); *Thiện pháp kinh* 善法經 (*T*.01. 0026.1. 0421a12); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.17. 0436c10); *Thất tri kinh* 七知經 (*T*.01. 0027. 0810a03).

[149] Xem *A*. II. 7, 103, 178; III. 86, 177, 361; *M*. I. 133; *Vin*. III. 8.

thuyết kia: "Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói kia." Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết ý nghĩa của lời thuyết này, của lời thuyết kia: "Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói kia", thời ở đây, vị ấy không được gọi là vị biết nghĩa. Và này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết ý nghĩa của lời thuyết này, của lời thuyết kia: "Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói kia", do vậy, vị ấy được gọi là vị biết nghĩa. Đây là biết pháp, biết nghĩa.

Thế nào là biết tự ngã?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo biết tự ngã: "Cho đến như vậy, tôi có lòng tin, giữ giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài."[150] Này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo không biết tự ngã như vầy: "Cho đến như vậy, tôi có lòng tin, giữ giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài", thời ở đây, vị ấy không được gọi là vị biết tự ngã. Nếu vị Tỷ-kheo, này các Tỷ-kheo, biết tự ngã: "Cho đến như vậy, tôi có lòng tin, giữ giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài", do vậy, vị ấy được gọi là vị biết tự ngã. Đây là biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã.

Và thế nào là biết ước lượng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết ước lượng [vừa đủ] trong khi nhận các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết ước lượng [vừa đủ] khi nhận các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, thời vị ấy ở đây không được gọi là vị biết ước lượng [vừa đủ]. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết ước lượng [vừa đủ] khi nhận các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, do vậy, vị ấy được gọi là vị biết ước lượng [vừa đủ]. Đây là biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã, biết ước lượng.

Và thế nào là biết thời?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết thời: "Đây là thời để tuyên thuyết, đây là thời chất vấn, đây là thời tu tập,[151] đây là thời thiền tịnh."[152] Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết thời: "Đây là thời tuyên thuyết, đây là thời chất vấn, đây là thời tu tập, đây là thời thiền tịnh", thời ở đây, vị ấy được gọi là không biết thời. Và này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết thời: "Đây là thời tuyên thuyết, đây là thời chất vấn, đây là thời tu tập, đây là thời thiền tịnh", do vậy, vị ấy được gọi là vị biết thời. Đây là biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã, biết vừa đủ, biết thời.

Và thế nào là biết hội chúng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết hội chúng: "Đây là hội chúng Sát-đế-ly, đây là hội chúng Bà-la-môn, đây là hội chúng gia chủ, đây là hội chúng

---

150 Xem *A.* I. 210; III. 80; *D.* III. 164; *M.* III. 99.

151 *AA.* IV. 57: *Yogassāti yoge kammaṃ pakkhipanassa* ("Tu tập" nghĩa là nỗ lực, tập trung việc thực hành).

152 Bốn pháp khác được nói đến trong *A.* II. 140.

Sa-môn.[153] Ở đây, vị ấy nên đi đến như vậy, nên đứng như vậy, nên ngồi như vậy, nên nói như vậy, nên im lặng như vậy." Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không biết hội chúng: "Đây là hội chúng Sát-đế-ly, đây là hội chúng Bà-la-môn, đây là hội chúng gia chủ, đây là hội chúng Sa-môn. Ở đây, nên đi đến như vậy, nên đứng như vậy, nên ngồi như vậy, nên nói như vậy, nên im lặng như vậy", thời ở đây, vị ấy không được gọi là: "Vị biết hội chúng." Và này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo biết hội chúng: "Đây là hội chúng Sát-đế-ly, đây là hội chúng Bà-la-môn, đây là hội chúng gia chủ, đây là hội chúng Sa-môn. Ở đây, vị ấy nên đi đến như vậy, nên đứng như vậy, nên ngồi như vậy, nên nói như vậy, nên im lặng như vậy", do vậy, được gọi là: "Vị biết hội chúng." Đây là biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã, biết vừa đủ, biết thời, biết hội chúng.

Và thế nào là biết người thắng liệt?[154]

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo, loài người được biết theo hai hạng: Một hạng ưa thấy các bậc Thánh, một hạng không ưa thấy các bậc Thánh. Hạng người không ưa thấy các bậc Thánh, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người ưa thấy các bậc Thánh, do sự việc ấy, đáng được tán thán.

Có hai hạng người ưa thấy các bậc Thánh: Một hạng người ưa nghe Diệu pháp, một hạng người không ưa nghe Diệu pháp. Hạng người không ưa nghe Diệu pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người ưa nghe Diệu pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán.

Có hai hạng người ưa nghe Diệu pháp: Một hạng người lắng tai nghe Diệu pháp; một hạng người không lắng tai nghe Diệu pháp. Hạng người không lắng tai nghe Diệu pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người lắng tai nghe Diệu pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán.

Có hai hạng người lắng tai nghe Diệu pháp: Một hạng người nghe xong thọ trì pháp; một hạng người nghe xong không thọ trì pháp. Hạng người nghe xong không thọ trì pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người nghe xong thọ trì pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán.

Có hai hạng người nghe xong thọ trì pháp: Một hạng người quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì; một hạng người không quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì. Hạng người này không quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người này quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì, do sự việc ấy, đáng được tán thán.

Có hai hạng người quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì: Một hạng người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, đã thực hành pháp, tùy pháp; một hạng

---

[153] Xem *A*. II. 133; *D*. III. 236.

[154] *Puggalaparoparaññū*. *AA*. IV. 57: *Evaṃ kho, bhikkhave, bhikkhu puggalaparoparaññū hotīti evaṃ bhikkhu puggalānaṃ paroparaṃ tikkhamudubhāvaṃ jānanasamattho nāma hoti* ("Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết hạng người thắng liệt", có nghĩa là "như vậy Tỷ-kheo có thể biết tánh người, hình dáng cao thấp, nhanh chậm").

người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, không thực hành pháp, tùy pháp. Hạng người này sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, không thực hành pháp, tùy pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán.

Có hai hạng người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp đã thực hành pháp, tùy pháp: Một hạng người thực hành với mục đích tự lợi, không có lợi tha; một hạng người thực hành với mục đích tự lợi và lợi tha. Hạng người thực hành với mục đích tự lợi, không có lợi tha, do sự việc ấy, đáng bị quở trách; còn hạng người thực hành với mục đích tự lợi và lợi tha, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo, loài người được biết theo hai hạng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết hạng người thắng liệt.

Do thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính... là vô thượng phước điền ở đời.

V. KINH CÂY PĀRICCHATTAKA (*Pāricchattakasutta*)[155] (*A*. IV. 117)

69. Này các Tỷ-kheo, khi nào cây Pāricchattaka Koviḷāra[156] của chư thiên Tāvatiṃsa bắt đầu khô héo lá, thời khi ấy, này các Tỷ-kheo, chư thiên ở cõi Tāvatiṃsa hoan hỷ nghĩ rằng: "Nay lá của cây Pāricchattaka Koviḷāra đã khô héo, không bao lâu lá sẽ rụng." Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Pāricchattaka Koviḷāra của chư thiên Tāvatiṃsa rụng lá, thời khi ấy, này các Tỷ-kheo, chư thiên ở cõi Tāvatiṃsa hoan hỷ nghĩ rằng: "Nay cây Pāricchattaka Koviḷāra đã rụng lá, không bao lâu, mầm non cánh hoa sẽ mọc ra."[157] Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Pāricchattaka Koviḷāra của chư thiên Tāvatiṃsa mọc ra mầm non cánh hoa, thời khi ấy, này các Tỷ-kheo, chư thiên Tāvatiṃsa hoan hỷ nghĩ rằng: "Nay cây Pāricchattaka Koviḷāra mọc ra mầm non cánh hoa, không bao lâu, đọt non cánh hoa sẽ mọc ra."[158] Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Pāricchattaka Koviḷāra mọc ra đọt non cánh hoa, này các Tỷ-kheo, thời khi ấy, chư thiên Tāvatiṃsa hoan hỷ nghĩ rằng: "Nay cây Pāricchattaka Koviḷāra mọc ra đọt non cánh hoa, không bao lâu các nụ hoa sẽ được sanh ra." Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Pāricchattaka Koviḷāra của chư thiên Tāvatiṃsa sanh ra nụ hoa, này các Tỷ-kheo, thời khi ấy, chư thiên Tāvatiṃsa hoan hỷ nghĩ rằng: "Nay cây Pāricchattaka Koviḷāra sanh ra nụ hoa, không bao lâu, các bông hoa sẽ được sanh ra." Này các Tỷ-kheo, trong khi cây Pāricchattaka Koviḷāra sanh ra các bông hoa, này các Tỷ-kheo, thời khi ấy, chư thiên Tāvatiṃsa hoan hỷ nghĩ rằng: "Nay cây Pāricchattaka Koviḷāra sanh ra các bông hoa, không bao lâu, các bông hoa sẽ được nở toàn diện." Này các Tỷ-kheo, trong khi cây

---

155 Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.39.2. 0729b11); *Trú Độ thọ kinh* 晝度樹經 (*T*.01. 0026.2. 0422a18); *Viên Sanh thọ kinh* 園生樹經 (*T*.01. 0028. 0810c03).

156 Chính cây này rơi bông xuống khi đức Phật sắp nhập Niết-bàn, có khi cũng gọi là hoa Táng Lọng.

157 *Jālakajāta*. *Chú giải* giải thích các lá và bông sanh ra một lần.

158 *Khārakajāti*. *Chú giải* giải thích, tim hoa thời khép lại nhưng cành hoa thời nở ra.

Pāricchattaka Koviḷāra có bông hoa được nở toàn diện, này các Tỷ-kheo, chư thiên Tāvatiṃsa hoan hỷ, chơi đùa trong bốn tháng chư thiên,[159] dưới gốc cây Pāricchattaka Koviḷāra, vui chơi thọ hưởng, tận hưởng năm dục công đức. Này các Tỷ-kheo, khi cây Pāricchattaka Koviḷāra nở toàn diện các bông hoa, mùi hương bay tràn xung quanh đến năm mươi do-tuần; thuận gió, mùi hương bay đến một trăm do-tuần. Đây là uy lực của cây Pāricchattaka Koviḷāra.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi vị Thánh đệ tử nghĩ đến xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử như lá héo cây Pāricchattaka Koviḷāra của chư thiên Tāvatiṃsa. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, vị Thánh đệ tử như cây Pāricchattaka Koviḷāra của chư thiên Tāvatiṃsa bị rụng lá. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử ly dục... chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ, này các Tỷ-kheo, thời khi ấy, vị Thánh đệ tử như mầm non cánh hoa được sanh của cây Pāricchattaka Koviḷāra của chư thiên Tāvatiṃsa. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử làm cho tịnh chỉ tầm và tứ... chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, thời khi ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử như đọt non cánh hoa được sanh của cây Pāricchattaka Koviḷāra của chư thiên Tāvatiṃsa. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử ly hỷ trú xả... chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, vị Thánh đệ tử như nụ hoa được sanh của cây Pāricchattaka Koviḷāra của chư thiên Tāvatiṃsa. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử đoạn lạc... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, vị Thánh đệ tử như các bông hoa được sanh của cây Pāricchattaka Koviḷāra của chư thiên Tāvatiṃsa. Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Thánh đệ tử do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, vị Thánh đệ tử như các bông hoa được nở toàn diện của cây Pāricchattaka Koviḷāra của chư thiên Tāvatiṃsa. Này các Tỷ-kheo, trong khi ấy, chư Địa thần tuyên bố lớn tiếng: "Vị Tôn giả với tên họ thế này, đồng trú cùng một lòng tin với Tôn giả với họ tên thế này, đã xuất gia từ làng như vậy, từ thị trấn như vậy, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sau khi đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú..." Sau khi nghe tiếng của chư Địa thần, chư thiên Bốn Thiên Vương... chư thiên Tam Thập Tam... chư thiên Dạ-ma... chư thiên Đâu-suất... chư thiên Hóa Lạc... chư thiên Tha Hóa Tự Tại... chư thiên Phạm Chúng tuyên bố lớn tiếng: "Vị Tôn giả, với tên họ thế này, đồng trú cùng một lòng tin với Tôn giả với họ tên thế này, đã xuất gia từ làng như vậy, từ thị trấn như vậy, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sau khi đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát."

Như vậy trong sát-na ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy truyền đến Phạm thiên giới. Đây là uy lực của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc.

---

[159] *Chú giải* giải thích thời gian này bằng mười hai ngàn năm tuổi thọ loài người.

VI. KINH CUNG KÍNH (*Sakkaccasutta*)[160] (*A*. IV. 120)

70. Rồi Tôn giả Sāriputta, trong khi sống một mình thiền tịnh, tâm tư suy nghĩ như sau khởi lên: "Vị Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa ai để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện?" Rồi Tôn giả Sāriputta suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa Đạo sư để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện. Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa Pháp... chúng Tăng... học pháp... thiền định... không phóng dật... Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa sự tiếp đón thân tình để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện."

Rồi Tôn giả Sāriputta lại suy nghĩ như sau: "Những pháp này trong ta đã được thanh tịnh, trong sáng. Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn rõ những pháp này; như vậy, các pháp này sẽ được thanh tịnh trong ta và được xem là trong sạch hơn nữa. Ví như một người tìm được một đồng tiền vàng lớn, thanh tịnh trong sáng. Người ấy suy nghĩ như sau: 'Ta hãy đi đến người thợ vàng và đưa xem đồng tiền vàng này. Đồng tiền vàng này được ta đưa cho người thợ vàng, như vậy sẽ được thanh tịnh và trong sáng hơn nữa.' Cũng vậy, các pháp này ở nơi ta đã được thanh tịnh, trong sáng. Ta hãy đi đến Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn rõ những pháp này; như vậy, các pháp này sẽ được thanh tịnh trong ta và được xem là trong sạch hơn nữa."

Rồi Tôn giả Sāriputta, vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống một mình thiền tịnh, tâm tư suy nghĩ như sau khởi lên nơi con: "Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa ai để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện?" Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa Đạo sư để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện. Tỷ-kheo cung kính tôn trọng, sống nương tựa Pháp... chúng Tăng... học pháp... thiền định... không phóng dật... sự tiếp đón thân tình để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện." Rồi bạch Thế Tôn, con lại suy nghĩ như sau: "Những pháp này trong ta đã được thanh tịnh trong sáng. Vậy ta hãy đi đến Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn rõ những pháp này; như vậy, các pháp này sẽ được thanh tịnh trong ta và được xem là trong sạch hơn nữa. Ví như một người tìm được một đồng tiền vàng lớn, thanh tịnh trong sáng. Người ấy suy nghĩ như sau: 'Ta hãy đi đến người thợ vàng và đưa xem đồng tiền vàng này. Đồng tiền vàng này được ta đưa cho người thợ vàng như vậy sẽ được thanh tịnh và trong sáng hơn nữa.' Cũng vậy, các pháp này ở nơi ta đã được thanh tịnh, trong sáng. Ta hãy đi đến Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn rõ những pháp này; như vậy, các pháp này sẽ được thanh tịnh trong ta và được xem là trong sạch hơn nữa."

– Lành thay, lành thay, này Sāriputta! Này Sāriputta, Tỷ-kheo cung kính tôn trọng, sống nương tựa Đạo sư, có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện. Này Sāriputta,

[160] Bản tiếng Anh của PTS: *Whom Should a Monk Respect*? nghĩa là *Vị Tỷ-kheo nên kính trọng ai*?

Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa Pháp... chúng Tăng... học pháp... thiền định... không phóng dật... Này Sāriputta, Tỷ-kheo cung kính, tôn trọng, sống nương tựa sự tiếp đón thân tình để có thể từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau: Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, sẽ cung kính Pháp, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, vị ấy cũng không cung kính Pháp.

Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, sẽ cung kính chúng Tăng, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, vị ấy cũng không cung kính chúng Tăng.

Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, sẽ cung kính học pháp, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, vị ấy cũng không cung kính học pháp.

Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính học pháp, sẽ cung kính thiền định, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính học pháp, vị ấy cũng không cung kính thiền định.

Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính học pháp, không cung kính thiền định, sẽ cung kính không phóng dật, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính học pháp, không cung kính thiền định, vị ấy cũng không cung kính không phóng dật.

Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính học pháp, không cung kính thiền định, không cung kính không phóng dật, sẽ cung kính sự tiếp đón thân tình, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính học pháp, không cung kính thiền định, không cung kính không phóng dật, vị ấy cũng không cung kính sự tiếp đón thân tình.

Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, sẽ không cung kính Pháp, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, vị ấy cũng cung kính Pháp.

Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp,

sẽ không cung kính chúng Tăng, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, vị ấy cũng cung kính chúng Tăng.

Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, sẽ không cung kính học pháp, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, vị ấy cũng cung kính học pháp.

Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, sẽ không cung kính thiền định, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, vị ấy cũng cung kính thiền định.

Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, cung kính thiền định, sẽ không cung kính không phóng dật, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, cung kính thiền định, vị ấy cũng cung kính không phóng dật.

Bạch Thế Tôn, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, cung kính thiền định, cung kính không phóng dật, sẽ không cung kính sự tiếp đón thân tình, sự kiện này không xảy ra; bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, cung kính thiền định, cung kính không phóng dật, vị ấy cũng cung kính sự tiếp đón thân tình. Bạch Thế Tôn, với lời vắn tắt này của Thế Tôn, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay! Lành thay! Này Sāriputta. Lành thay! Này Sāriputta, với lời nói vắn tắt này của Ta, ông đã hiểu một cách rộng rãi như vậy. Này Sāriputta, thật vậy, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, sẽ cung kính Pháp, sự kiện này không xảy ra; này Sāriputta, Tỷ-kheo nào không cung kính bậc Đạo sư, vị ấy cũng không cung kính Pháp... Này Sāriputta, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư... không cung kính Pháp... không cung kính chúng Tăng... không cung kính học pháp... không cung kính thiền định... không cung kính không phóng dật, sẽ cung kính sự tiếp đón thân tình, sự kiện này không xảy ra; này Sāriputta, Tỷ-kheo nào không cung kính Đạo sư, không cung kính Pháp, không cung kính chúng Tăng, không cung kính học pháp, không cung kính thiền định, không cung kính không phóng dật, vị ấy cũng không cung kính sự tiếp đón thân tình.

Này Sāriputta, chắc chắn Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, sẽ không cung kính Pháp, sự kiện này không xảy ra; này Sāriputta, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, vị ấy cũng cung kính Pháp... Này Sāriputta, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư... cung kính Pháp... cung kính chúng Tăng... cung kính học pháp... cung kính thiền định... cung kính không phóng dật, sẽ không cung kính sự tiếp đón thân tình, sự kiện này không xảy ra; này Sāriputta, Tỷ-kheo nào cung kính Đạo sư, cung kính Pháp, cung kính chúng Tăng, cung kính học pháp, cung kính

thiền định, cung kính không phóng dật, vị ấy cũng cung kính sự tiếp đón thân tình. Này Sāriputta, lời nói vắn tắt này của Ta, ý nghĩa cần phải được thấy một cách rộng rãi như vậy.

VII. KINH TU TẬP (*Bhāvanāsutta*)[161] (*A*. IV. 125)

71. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chú tâm trong sự tu tập, khởi lên ước muốn như sau: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ!" Tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập bốn niệm xứ, không có tu tập bốn chánh cần, không có tu tập bốn như ý túc, không có tu tập năm căn, không có tu tập năm lực, không có tu tập bảy giác chi, không có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, các trứng ấy không được con gà mái ấp nằm đúng cách, không được ấp nóng đúng cách, không được ấp dưỡng đúng cách. Dầu cho con gà mái ấy khởi lên ý muốn: "Mong rằng những con gà con của ta với chân, móng và đỉnh đầu hay với mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn"; tuy vậy, các con gà con ấy không thể với chân, móng, đỉnh đầu hay với mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng, được sanh ra một cách an toàn. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, các trứng gà ấy không được con gà mái ấp nằm một cách đúng cách, ấp nóng một cách đúng cách, ấp dưỡng một cách đúng cách.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không chú tâm trong sự tu tập, dầu cho có khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy cũng không giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy không có tu tập. Không có tu tập cái gì? Không có tu tập bốn niệm xứ, không có tu tập bốn chánh cần, không có tu tập bốn như ý túc, không có tu tập năm căn, không có tu tập năm lực, không có tu tập bảy giác chi, không có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, dầu cho không khởi lên ước muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Có tu tập cái gì? Có tu tập bốn niệm xứ, có tu tập bốn chánh cần, có tu tập bốn như ý túc, có tu tập năm căn, có tu tập năm lực, có tu tập bảy giác chi, có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có tám, mười hay mười hai trứng gà, các trứng ấy được con gà mái ấp nằm đúng cách, ấp nóng một cách đúng cách, ấp dưỡng

---

[161] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.263. 0067a22).

một cách đúng cách. Dầu cho con gà mái ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng các con gà con của ta với chân, móng và đỉnh đầu hay với mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng được sanh ra một cách an toàn." Tuy vậy, các con gà con ấy có thể với chân, móng và đỉnh đầu hay với mỏ, sau khi làm bể vỏ trứng được sanh ra một cách an toàn. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các trứng gà được con gà mái ấy ấp nằm một cách đúng đắn, ấp nóng một cách đúng đắn, ấp dưỡng một cách đúng cách.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm tu tập, dầu cho vị ấy không khởi lên ý muốn: "Mong rằng tâm ta được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ"; tuy vậy, tâm vị ấy vẫn được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Vì cớ sao? Phải nói rằng vì vị ấy có tu tập. Tu tập cái gì? Có tu tập bốn niệm xứ... có tu tập Thánh đạo tám ngành.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người thợ nề hay đệ tử người thợ nề, khi nhìn vào cán búa, thấy dấu các ngón tay và dấu ngón tay cái. Người ấy không có thể biết được như sau: "Hôm nay, từng ấy cán búa của ta bị hao mòn, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy." Nhưng người ấy biết được cán búa bị hao mòn trên sự hao mòn của cán búa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chú tâm trong sự tu tập không có biết như sau: "Hôm nay, từng ấy lậu hoặc của ta được đoạn tận, hôm qua từng ấy, các ngày khác từng ấy." Nhưng vị ấy biết được các lậu hoặc được đoạn tận trên sự đoạn tận các lậu hoặc.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một chiếc thuyền đi biển có đầy đủ cột buồm và dây buồm, bị mắc cạn sáu tháng do thiếu nước trong mùa đông; các cột buồm và dây buồm bị gió và mặt trời làm hư hỏng; rồi bị nước mưa đổ xuống trong mùa mưa, chúng bị hư dần và mục nát một cách dễ dàng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chú tâm trong sự tu tập, các kiết sử rất dễ bị yếu dần và mục nát.

VIII. KINH VÍ DỤ NHÓM LỬA (*Aggikkhandhopamasutta*)[162] (*A*. IV. 128)

72. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Kosala, cùng với đại chúng Tỷ-kheo. Trong khi đang đi trên con đường, Thế Tôn thấy tại một địa điểm, một nhóm lửa lớn đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn.[163] Thấy vậy, Ngài bước xuống đường và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, dưới một gốc cây. Ngồi xuống, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy nhóm lửa lớn ấy đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn không?

---

[162] Bản tiếng Anh của PTS: *The Fire*, nghĩa là *Lửa*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.33.10. 0689a04); *Mộc tích dụ kinh* 木積喻經 (*T*.01. 0026.5. 0425a15).

[163] *Ādittaṃ sampajjalitaṃ sajotibhūtaṃ*.

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, việc nào là tốt hơn: Ôm ấp, ngồi gần hay nằm gần nhóm lửa lớn ấy đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn; hay ôm ấp, ngồi gần, nằm gần tay chân mềm mại non trẻ của người con gái Sát-đế-ly, hay người con gái Bà-la-môn, hay người con gái gia chủ?

– Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn: Ôm ấp, ngồi gần hay nằm gần tay chân mềm mại non trẻ của người con gái Sát-đế-ly, hay người con gái Bà-la-môn, hay người con gái gia chủ. Khổ đau, bạch Thế Tôn, là ôm ấp, ngồi gần hay nằm gần nhóm lửa lớn ấy đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn!

– Ta tuyên bố cho các ông, này các Tỷ-kheo, Ta nói rõ cho các ông, này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, đáng nghi ngờ[164] những hành vi che đậy, không phải Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận sống Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh; thật là tốt hơn cho người ấy ôm ấp, ngồi gần hay nằm gần nhóm lửa lớn ấy đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo, người ấy có thể đi đến chết, hay đi đến khổ gần như chết nhưng không vì nhân duyên ấy mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi một người có ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, đáng nghi ngờ... tánh tình bất tịnh, ôm ấp, ngồi gần hay nằm gần tay chân mềm mại non trẻ của người con gái Sát-đế-ly, hay người con gái Bà-la-môn, hay người con gái gia chủ; như vậy, này các Tỷ-kheo, khiến cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, việc nào là tốt hơn: Một người lực sĩ với sợi dây đuôi ngựa chắc chắn, cuốn vào hai ống chân rồi siết mạnh, sợi dây ấy cắt đứt da ngoài, sau khi cắt đứt da ngoài lại cắt đứt da trong, sau khi cắt đứt da trong lại cắt đứt thịt, sau khi cắt đứt thịt lại cắt đứt dây gân, sau khi cắt đứt dây gân lại cắt đứt xương, sau khi cắt đứt xương, va chạm tủy và dừng lại; hay là nhận sự đảnh lễ của các Sát-đế-ly đại phú hay các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú?

– Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn: Nhận sự đảnh lễ của các Sát-đế-ly đại phú, hay các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú. Khổ đau, bạch Thế Tôn, là bị người lực sĩ với sợi dây đuôi ngựa chắc chắn... va chạm tủy và dừng lại.

– Ta tuyên bố cho các ông, này các Tỷ-kheo, Ta nói rõ cho các ông, này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh; thật là tốt hơn, bị một người lực sĩ với sợi dây đuôi ngựa chắc chắn... va chạm tủy và dừng lại. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo, người ấy đi đến

---

[164] *Asucisaṅkassarasamācārassa.*

chết hay đi đến khổ gần như chết nhưng không vì nhân duyên ấy mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi một người có ác giới, theo ác pháp…, tánh tình bất tịnh, nhận sự đảnh lễ của các Sát-đế-lỵ đại phú, hay các Bà-la-môn đại phú, hay các đại gia chủ đại phú; như vậy, khiến cho vị ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, việc nào là tốt hơn: Một người lực sĩ với cây kiếm sắc bén, được dầu rửa sạch, đập vào giữa ngực; hay là thọ nhận chắp tay vái chào của các Sát-đế-lỵ đại phú, hay các Bà-la-môn đại phú, hay gia chủ đại phú?

– Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn, [tức là] thọ nhận chắp tay vái chào của các Sát-đế-lỵ đại phú, hay các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú. Khổ đau, bạch Thế Tôn, là bị người lực sĩ với cây kiếm sắc bén, được dầu rửa sạch, đập vào giữa ngực.

– Ta tuyên bố cho các ông, này các Tỷ-kheo, Ta nói rõ cho các ông, này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh; thật là tốt hơn, bị một người lực sĩ với cây kiếm sắc bén, được dầu rửa sạch, đập vào giữa ngực. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo, người ấy đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết nhưng không vì nhân duyên ấy mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh, thọ nhận chắp tay vái chào của các Sát-đế-lỵ đại phú, hay các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú; như vậy khiến cho vị ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, việc nào là tốt hơn: Một người lực sĩ với các tấm sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn áp cuốn vào thân; hay là hưởng thọ y áo do các Sát-đế-lỵ đại phú, hay Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú, vì lòng tin cúng dường?

– Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn [tức là] hưởng thọ y áo do các Sát-đế-lỵ đại phú, hay các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú vì lòng tin cúng dường. Khổ đau, bạch Thế Tôn, là bị người lực sĩ với các tấm sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn áp cuốn vào thân.

– Ta tuyên bố cho các ông, này các Tỷ-kheo, Ta nêu rõ cho các ông, này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh; thật là tốt hơn, bị một người lực sĩ với các tấm sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn áp cuốn vào thân. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo, người ấy đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết nhưng không vì nhân duyên ấy mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh, hưởng thọ các y áo do các Sát-đế-lỵ đại phú, các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú, vì lòng tin cúng dường; như vậy, này các Tỷ-kheo,

khiến cho vị ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, việc nào tốt hơn: Một người lực sĩ với cái kềm sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn, mở miệng và nhét vào miệng một hòn sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn, hòn sắt ấy đốt cháy môi của người ấy, đốt cháy miệng, đốt cháy lưỡi, đốt cháy cổ họng, đốt cháy bụng đem theo ruột non, ruột già và thoát ra ngoài từ phần ở dưới; hay là thọ hưởng đồ ăn khất thực do các Sát-đế-ly đại phú, các Bà-la-môn đại phú, các gia chủ đại phú, vì lòng tin cúng dường?

– Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn: Hưởng thọ các đồ ăn khất thực do các Sát-đế-ly đại phú, các Bà-la-môn đại phú hay các gia chủ đại phú vì lòng tin cúng dường. Khổ đau, bạch Thế Tôn, là bị người lực sĩ với cái kềm sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn, mở miệng và nhét vào miệng một hòn sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn. Hòn sắt ấy đốt cháy môi của người ấy, đốt cháy miệng, đốt cháy lưỡi, đốt cháy cổ họng, đốt cháy bụng đem theo ruột non, ruột già và thoát ra ngoài từ phần ở dưới.

– Ta tuyên bố cho các ông, này các Tỷ-kheo, Ta nói rõ cho các ông, này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh; thật là tốt hơn, bị một người lực sĩ với cái kềm sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn, mở miệng và nhét vào miệng một hòn sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn. Hòn sắt ấy đốt cháy môi của người ấy... và thoát ra ngoài từ phần ở dưới. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo, người ấy đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết nhưng không vì nhân duyên ấy mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh, hưởng thọ các đồ ăn khất thực do các Sát-đế-ly đại phú, các Bà-la-môn đại phú, do các gia chủ đại phú, vì lòng tin cúng dường; như vậy, này các Tỷ-kheo, khiến cho vị ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, việc nào là tốt hơn: Một người lực sĩ nắm lấy đầu hay nắm lấy vai, ép ngồi hay ép nằm trên một giường sắt hay một ghế sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn; hay là hưởng thọ giường và ghế do các Sát-đế-ly đại phú, các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú vì lòng tin cúng dường?

– Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn: Hưởng thọ giường và ghế do các nhà Sát-đế-ly đại phú... do các gia chủ đại phú vì lòng tin cúng dường. Khổ đau, bạch Thế Tôn, là bị người lực sĩ nắm lấy đầu hay nắm lấy vai, ép ngồi hay ép nằm trên một giường sắt hay một ghế nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn.

– Ta tuyên bố cho các ông, này các Tỷ-kheo, Ta nói rõ cho các ông, này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh, thật tốt

hơn, bị một người lực sĩ nắm lấy đầu hay nắm lấy vai, ép ngồi hay ép nằm trên một giường sắt hay một ghế sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo, người ấy đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết nhưng không vì nhân duyên ấy mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh, hưởng thọ các giường, ghế do các Sát-đế-ly đại phú, các Bà-la-môn đại phú, hay do các gia chủ đại phú, vì lòng tin cúng dường; như vậy, này các Tỷ-kheo, khiến cho vị ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, việc nào là tốt hơn: Một người lực sĩ nắm chân phía trên, đầu phía dưới và quăng vào một ghè sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn, tại đấy, người ấy bị nấu sôi lên như bọt nước, tự mình nổi lên, tự mình chìm xuống, tự mình đi ngang; hay là hưởng thọ tinh xá do các Sát-đế-ly đại phú, các Bà-la-môn đại phú, hay do các gia chủ đại phú, vì lòng tin cúng dường?

– Bạch Thế Tôn, việc này là tốt hơn: Hưởng thọ tinh xá do các Sát-đế-ly đại phú, các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú, vì lòng tin cúng dường. Khổ đau, bạch Thế Tôn, là bị người lực sĩ nắm chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào trong một cái ghè sắt nóng đang cháy đỏ, cháy đỏ rực, cháy đỏ lửa ngọn, tại đấy, bị nấu sôi... tự mình đi ngang.

– Ta tuyên bố cho các ông, này các Tỷ-kheo, Ta nói rõ cho các ông, này các Tỷ-kheo, với một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh; thật là tốt hơn, bị người lực sĩ nắm chân phía trên, đầu phía dưới... tự mình đi ngang. Vì cớ sao? Vì do nguyên nhân ấy, này các Tỷ-kheo, người ấy đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết nhưng không vì nhân duyên ấy mà sau khi thân hoại mệnh chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi một người có ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh, hưởng thọ tinh xá do các Sát-đế-ly đại phú... hay các gia chủ đại phú, vì lòng tin cúng dường; như vậy, này các Tỷ-kheo, khiến cho người ấy bất hạnh, đau khổ lâu dài, sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta hưởng thọ các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh của những ai, đối với những người ấy, sở hành như vậy sẽ có quả lớn, có lợi ích hơn. Và sự xuất gia của chúng ta sẽ không có trống không, có kết quả, có thành tích."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

Này các Tỷ-kheo, với ai thấy được lợi ích của mình, thật là vừa đủ để tinh cần, không phóng dật. Này các Tỷ-kheo, với ai thấy được lợi ích của người, thật là vừa đủ để tinh cần, không phóng dật. Này các Tỷ-kheo, với ai thấy được lợi ích cả hai, thật là vừa đủ để tinh cần, không phóng dật.

Thế Tôn thuyết như vậy. Trong khi lời nói này được nói lên, có khoảng sáu

mươi vị Tỷ-kheo hộc máu nóng từ miệng,[165] có khoảng sáu mươi Tỷ-kheo từ bỏ học pháp và hoàn tục, nghĩ rằng: "Khó làm thay, Thế Tôn! Thật khó làm thay, Thế Tôn!" Có khoảng sáu mươi Tỷ-kheo, với tâm được giải thoát, không chấp thủ các lậu hoặc.[166]

IX. KINH SUNETTA (*Sunettasutta*)[167] (*A.* IV. 135)

73. – Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có Đạo sư tên là Sunetta,[168] thuộc ngoại đạo, đã ly tham đối với các dục. Đạo sư Sunetta, này các Tỷ-kheo, có hàng trăm đệ tử. Đạo sư Sunetta thuyết pháp cho các đệ tử để cộng trú với thế giới Phạm thiên. Này các Tỷ-kheo, những ai tâm không hoan hỷ với cuộc thuyết pháp của Đạo sư Sunetta để cộng trú với thế giới Phạm thiên, khi thân hoại mệnh chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, còn những ai tâm hoan hỷ với cuộc thuyết pháp của Đạo sư Sunetta để cộng trú với thế giới Phạm thiên, khi thân hoại mệnh chung, họ được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có Đạo sư tên là Mūgapakkha... có Đạo sư tên là Aranemi... có Đạo sư tên là Kuddāla... có Đạo sư tên là Hatthipāla... có Đạo sư tên là Jotipāla... có Đạo sư tên là Araka. Đạo sư Araka, thuộc ngoại đạo, đã ly tham đối với các dục. Đạo sư Araka, này các Tỷ-kheo, có hàng trăm đệ tử. Đạo sư Araka thuyết pháp cho các đệ tử cộng trú với thế giới Phạm thiên. Này các Tỷ-kheo, những ai tâm không hoan hỷ với cuộc thuyết pháp của Đạo sư Araka để cộng trú với thế giới Phạm thiên, khi thân hoại mệnh chung, họ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỷ-kheo, còn những ai tâm hoan hỷ với cuộc thuyết pháp của Đạo sư Araka để cộng trú với thế giới Phạm thiên, khi thân hoại mệnh chung, họ sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, ai với ác tâm quở trách, phỉ báng bảy bậc Đạo sư này, thuộc ngoại đạo, đã ly tham đối với các dục, được hàng trăm chúng đệ tử đoanh vây, người ấy có tạo ra nhiều điều vô phước không?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, ai với ác tâm quở trách, phỉ báng bảy Đạo sư này, thuộc ngoại đạo, đã ly tham đối với các dục, được hàng trăm chúng đệ tử đoanh vây, người ấy tạo ra nhiều điều vô phước; còn ai với ác tâm quở trách, phỉ báng một bậc đầy đủ chánh kiến, do vậy, người này tạo ra nhiều điều vô phước hơn nữa. Vì cớ sao? Ta tuyên bố không kham nhẫn một người như vậy, từ trong ra ngoài, đối với các vị đồng Phạm hạnh. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta sẽ không có tâm ác độc đối với các vị đồng Phạm hạnh." Này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như vậy.

---

[165] Xem *M.* I. 387; *Miln.* 164.

[166] *AA.* IV. 65 viết kinh này được Thế Tôn giảng, với tên kinh là *Cūḷaccharāsaṅghāta Sutta* (*Kinh Búng ngón tay*). Xem *A.* I. 10.

[167] Kinh này và kinh kế tiếp, tham chiếu: *A-lan-na kinh* 阿蘭那經 (*T.*01. 0026.160. 0682b10).

[168] Xem *A.* IV. 88, 102 ; *GS.* IV. 67 (kinh 62 ở trước).

X. KINH ARAKA (*Arakasutta*)[169] (*A*. IV. 136)

74. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có Đạo sư tên là Araka, thuộc ngoại đạo, đã ly tham đối với các dục. Này các Tỷ-kheo, Đạo sư Araka có đến hàng trăm đệ tử. Đạo sư Araka thuyết pháp cho các đệ tử như sau:

"Này Bà-la-môn, ít oi là đời sống của loài người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. Với bùa chú, hãy giác ngộ![170] Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử. Ví như, này Bà-la-môn, giọt sương[171] trên đầu ngọn cỏ, khi mặt trời mọc, mau chóng biến mất, không tồn tại lâu dài; cũng vậy, này Bà-la-môn, như giọt sương là đời sống loài người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. Với bùa chú, hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử. Ví như, này Bà-la-môn, khi trời mưa nặng hạt, bong bóng nước trên nước[172] mau chóng biến mất, không tồn tại lâu dài; cũng vậy, này Bà-la-môn, như bong bóng nước là đời sống của loài người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. Với bùa chú, hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử. Ví như, này Bà-la-môn, con sông trên núi chảy xa,[173] dòng nước chảy nhanh, lôi cuốn theo vật này vật khác,[174] không có sát-na nào, không có giây phút nào, không có thời khắc nào dừng nghỉ, nó phải chảy tới, cuồn cuộn chảy, thúc đẩy chảy tới; cũng vậy, này Bà-la-môn, ví như con sông ấy là đời sống của loài người, nhỏ bé, không đáng kể... Với người đã sanh, không có bất tử. Ví như, này Bà-la-môn, người lực sĩ tụ lại một cục nước miếng trên đầu lưỡi và nhổ đi[175] không có phí sức. Cũng vậy, này Bà-la-môn, ví dụ với cục nước miếng là đời sống loài người, nhỏ bé, không đáng kể... Với người đã sanh, không có bất tử. Ví như, này Bà-la-môn, một miếng thịt[176] được quăng vào một nồi sắt được hâm nóng cả ngày, mau chóng biến mất, không tồn tại lâu dài; cũng vậy, này Bà-la-môn, ví như miếng thịt là đời sống con người, nhỏ bé, không đáng kể... Với người đã sanh, không có bất tử. Ví như, này Bà-la-môn, con bò cái sắp bị giết, được dắt đến lò thịt, mỗi bước chân giơ lên là bước gần đến bị giết, gần đến chết; cũng vậy, này Bà-la-môn, ví dụ với con bò cái sắp bị giết là đời sống con người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. Với bùa chú, hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử."

---

[169] Tham chiếu: *A-lan-na kinh* 阿蘭那經 (*T*.01. 0026.160. 0682b10).

[170] *Mantāyaṃ boddhabbaṃ*. *AA*. IV. 65: *Mantāyaṃ boddhabbanti mantāya boddhabbaṃ, paññāya jānitabbanti attho* ("Với bùa chú, hãy giác ngộ" nghĩa là "sáng suốt nhận biết bùa chú bằng trí tuệ"). Cả đoạn này được tìm thấy trong *D*. II. 246.

[171] *Ussāvabindū*. Xem *J*. IV. 122; *Vism*. 231, 633.

[172] Xem *S*. III. 141; *Dh*. v. 170; *Vism*. 109, 633.

[173] Xem *A*. III. 64; *J*. V. 445; *Vism*. 231.

[174] *AA*. IV. 65: *Hārahārinīti rukkhanaḷaveḷuādīni haritabbāni harituṃ samatthā* ("Lôi cuốn theo vật này, vật khác" nghĩa là có thể cuốn đi cây cối, lau, tre… những vật gì có thể cuốn đi được).

[175] Xem *M*. III. 300; *J*. I. 34.

[176] Xem *M*. I. 453; III. 300; *S*. IV. 190; *Vism*. 468.

Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, tuổi thọ của loài người lên đến sáu vạn năm.[177] Người con gái năm trăm tuổi có thể đến tuổi lấy chồng. Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, loài người có sáu loại bệnh: Lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện.[178] Này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư Araka ấy, với loài người thọ mạng dài như vậy, sống lâu như vậy, ít bệnh như vậy, lại thuyết pháp cho các đệ tử như vậy: "Ít oi, này Bà-la-môn, là đời sống loài người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. Với bùa chú, hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử." Nay, này các Tỷ-kheo, ai nói một cách chơn chánh, phải nói như sau: "Ít oi, là đời sống loài người, nhỏ bé, không đáng kể, nhiều khổ đau, nhiều ưu não. Với trí tuệ (*mantāya*), hãy giác ngộ! Hãy làm điều lành, sống đời Phạm hạnh! Với người đã sanh, không có bất tử." Nay, này các Tỷ-kheo, ai sống lâu, vị ấy sống một trăm tuổi, ít hơn hay nhiều hơn. Mạng sống một trăm tuổi, này các Tỷ-kheo, được chia thành ba trăm mùa: Một trăm mùa đông, một trăm mùa hạ, một trăm mùa mưa. Này các Tỷ-kheo, dầu cho sống ba trăm mùa, người ấy sống mười hai lần một trăm tháng: Bốn trăm tháng lạnh, bốn trăm tháng nóng, bốn trăm tháng mưa. Này các Tỷ-kheo, dầu cho sống mười hai lần một trăm tháng, người ấy sống hai mươi bốn lần một trăm nửa tháng: Tám trăm nửa tháng lạnh, tám trăm nửa tháng nóng, tám trăm nửa tháng mưa. Này các Tỷ-kheo, dầu cho sống hai mươi bốn lần một trăm nửa tháng, người ấy sống ba mươi sáu lần một ngàn đêm: Mười hai ngàn đêm lạnh, mười hai ngàn đêm nóng, mười hai ngàn đêm mưa. Này các Tỷ-kheo, dầu cho sống ba mươi sáu lần một ngàn đêm, người ấy ăn chỉ có bảy mươi hai ngàn bữa cơm: Hai mươi bốn ngàn bữa cơm vào mùa lạnh, hai mươi bốn ngàn bữa cơm vào mùa nóng, hai mươi bốn ngàn bữa cơm vào mùa mưa. Đây gồm có với sữa mẹ và thời gian không có đồ ăn. Ở đây, có những khi không có bữa ăn này, nghĩa là tức giận không ăn cơm, khổ đau không ăn cơm, bệnh hoạn không ăn cơm, trai giới không ăn cơm, không thâu hoạch được không ăn cơm.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, tuổi thọ một trăm năm của loài người được Ta gọi là tuổi thọ, được gọi là lượng của tuổi thọ, được gọi là thời tiết, được gọi là năm, được gọi là tháng, được gọi là nửa tháng, được gọi là đêm, được gọi là đêm ngày, được gọi là bữa ăn, được gọi là giữa bữa ăn.

Này các Tỷ-kheo, những gì bậc Đạo sư phải làm[179] vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm vì lòng thương tưởng các ông. Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những căn nhà trống. Này các Tỷ-kheo, hãy thiền định, chớ có phóng dật, chớ để hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Ta cho các ông.

---

[177] Đây là thọ mạng thời đức Phật Vessabhū (H. 毗舍婆, Tỳ-xá-phù). Xem *D*. II. 3. Trong *D*. III. 75, có viết thiếu nữ đến tuổi 500 thời lập gia đình, và tuổi thọ của người là 80.000 năm.

[178] Xem *A*. V. 88, 110, số các bệnh được nói nhiều hơn.

[179] Hai đoạn sau được đề cập trong *A*. II. 79; III. 87; *D*. II. 155; *M*. I. 46; II. 266; *S*. V. 157.

VIII. PHẨM VỀ LUẬT
(*VINAYAVAGGA*)

I. KINH TRÌ LUẬT THỨ NHẤT (*Paṭhamavinayadharasutta*) (*A*. IV. 140)

75. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật. Thế nào là bảy?

Biết vi phạm; Biết không vi phạm; Biết vi phạm nhẹ; Biết vi phạm nặng; Có giới luật, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp;[180] Bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; Do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật.

II. KINH TRÌ LUẬT THỨ HAI (*Dutiyavinayadharasutta*) (*A*. IV. 140)

76. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật. Thế nào là bảy?

Biết vi phạm; Biết không vi phạm; Biết vi phạm nhẹ; Biết vi phạm nặng; Cả hai Giới bổn được khéo truyền lại một cách rộng rãi, khéo phân loại, khéo điều chỉnh, khéo quyết định thành sutta và thành chi tiết; Bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; Do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật.

III. KINH TRÌ LUẬT THỨ BA (*Tatiyavinayadharasutta*) (*A*. IV. 141)

77. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật. Thế nào là bảy?

Biết vi phạm; Biết không vi phạm; Biết vi phạm nhẹ; Biết vi phạm nặng; Biết an trú trên Luật không thể bác bỏ được; Bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; Do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

---

[180] Xem *A*. III. 113; *D*. III. 78; *Ud*. 36; *It*. 96; *Vin*. II. 95.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật.

IV. KINH TRÌ LUẬT THỨ TƯ (*Catutthavinayadharasutta*) (*A*. IV. 141)

78. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật. Thế nào là bảy?

Biết vi phạm; Biết không vi phạm; Biết vi phạm nhẹ; Biết vi phạm nặng; Nhớ đến nhiều đời trước[181] như một đời, hai đời... như vậy, nhớ đến nhiều đời trước với những đặc điểm, với những chi tiết; Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... biết rõ chúng sanh; Do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật.

V. KINH BẬC TRÌ LUẬT CHÓI SÁNG THỨ NHẤT (*Paṭhamavinayadharasobhanasutta*)[182] (*A*. IV. 142)

79. (Như kinh 75 chỉ khác thêm chữ "chói sáng").

VI. KINH BẬC TRÌ LUẬT CHÓI SÁNG THỨ HAI (*Dutiyavinayadharasobhanasutta*) (*A*. IV. 142)

80. (Như kinh 76 chỉ khác thêm chữ "chói sáng").

VII. KINH BẬC TRÌ LUẬT CHÓI SÁNG THỨ BA (*Tatiyavinayadharasobhanasutta*) (*A*. IV. 142)

81. (Như kinh 77 chỉ khác thêm chữ "chói sáng").

VIII. KINH BẬC TRÌ LUẬT CHÓI SÁNG THỨ TƯ (*Catutthavinayadharasobhanasutta*) (*A*. IV. 143)

82. Thành tựu bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là bậc Trì luật chói sáng. Thế nào là bảy?

(Như kinh 78 chỉ khác thêm chữ "chói sáng").

IX. KINH GIÁO PHÁP CỦA BẬC ĐẠO SƯ (*Satthusāsanasutta*)[183] (*A*. IV. 143)

83. Rồi Tôn giả Upāli đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upāli bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con một cách vắn tắt, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Này Upāli, những pháp nào ông biết: "Những pháp này không được đưa

---

[181] Xem *A*. I. 164; *D*. I. 13; *M*. I. 22; *S*. II. 221.

[182] Bản tiếng Anh của PTS trình bày 4 kinh (từ 79-82) chung một nhóm với tên: *The Illustrious*, nghĩa là *Chói sáng*.

[183] Bản tiếng Anh của PTS: *The Message*, nghĩa là *Thông điệp*.

đến nhất hướng, nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn",[184] thời này Upāli, ông cần phải nhất hướng thọ trì là: "Đây không phải Pháp, đây không phải Luật, đây không phải lời dạy Thế Tôn."

Và này Upāli, những pháp nào ông biết: "Những pháp này đưa đến nhất hướng, nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn", thời này Upāli, ông cần phải nhất hướng thọ trì là: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy Thế Tôn."

X. KINH DIỆT TRÁNH PHÁP (*Adhikaraṇasamathasutta*) (*A*. IV. 144)

84. Này các Tỷ-kheo, bảy pháp diệt tránh này[185] đưa đến chấm dứt, làm cho an tịnh các tranh luận có thể khởi lên. Thế nào là bảy?

Luật về sự hiện diện cần phải áp dụng, Luật về ức niệm cần phải áp dụng, Luật về không si mê cần phải áp dụng, Luật về tự thú nhận cần phải áp dụng, Luật về đa số cần phải áp dụng, Luật về tìm tội ấy cần phải áp dụng, Luật về trải cỏ ra cần phải áp dụng.

Này các Tỷ-kheo, bảy pháp diệt tránh này đưa đến chấm dứt, làm cho an tịnh các tranh luận có thể khởi lên.



[184] Xem *A*. I. 30; III. 83; V. 216; *D*. I. 189; II. 251.

[185] *Adhikaraṇānaṃ samathāya*. Xem *A*. I. 99; *D*. III. 254; *M*. II. 247-50.

IX. PHẨM SA-MÔN
(*SAMAṆAVAGGA*)[186]

I. KINH VỊ TỶ-KHEO (*Bhikkhusutta*)[187] (*A*. IV. 144)

85. Do phá hoại bảy pháp, này các Tỷ-kheo, thành vị Tỷ-kheo. Thế nào là bảy? Phá hoại thân kiến, phá hoại nghi, phá hoại giới cấm thủ, phá hoại tham, phá hoại sân, phá hoại si, phá hoại mạn.

Do phá hoại bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, thành vị Tỷ-kheo.

II. KINH VỊ SA-MÔN (*Samaṇasutta*)[188] (*A*. IV. 144)

86. Này các Tỷ-kheo, do đoạn diệt bảy pháp, thành vị Sa-môn...

III. KINH VỊ BÀ-LA-MÔN (*Brāhmaṇasutta*) (*A*. IV. 144)

87. Do vất bỏ[189] bảy pháp, thành vị Bà-la-môn...

IV. KINH VỊ AN LÀNH (*Sottiyasutta*) (*A*. IV. 144)

88. Do tiêu diệt bảy pháp, thành vị An lành...

V. KINH VỊ ĐÃ GỘT SẠCH (*Nhātakasutta*) (*A*. IV. 144)

89. Do gột sạch[190] bảy pháp, thành vị Đã gột sạch...

VI. KINH BẬC CÓ TRÍ (*Vedagūsutta*) (*A*. IV. 145)

90. Do biết rõ bảy pháp, thành bậc Có trí...

VII. KINH VỊ THÁNH (*Ariyasutta*) (*A*. IV. 145)

91. Do phá hoại kẻ thù bảy pháp, thành vị Thánh...

VIII. KINH VỊ A-LA-HÁN (*Arahāsutta*) (*A*. IV. 145)

92. Do chặn đứng bảy pháp, thành vị A-la-hán. Thế nào là bảy? Chặn đứng kiến có thân, chặn đứng nghi, chặn đứng giới cấm thủ, chặn đứng tham, chặn đứng sân, chặn đứng si, chặn đứng mạn.

---

[186] Bản tiếng Anh của PTS: *The Recital*, nghĩa là *Trùng tụng*. Bản dịch của Bhikkhu Sujato trong www.suttacentral.net: *An Ascetic*, nghĩa là *Sa-môn*.

[187] Bản tiếng Anh của PTS: *The Breaking up*, nghĩa là *Sự phá hoại*.

[188] Bản tiếng Anh của PTS trình bày 7 kinh (từ 86-92) chung một nhóm với tên: *Other Conditions*, nghĩa là *Các pháp khác*.

[189] *Bāhitattā brāhmaṇo*. Xem *Ud*. 3; *Dh*. v. 388; *Sn*. 95; *Vin*. I. 3.

[190] *Nhātattā nhātako*. Xem *M*. I. 280.

Do chặn đứng bảy pháp này, này các Tỷ-kheo, thành vị A-la-hán.

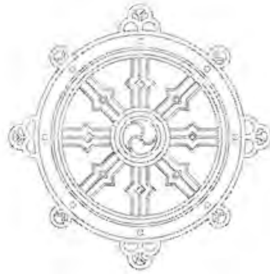
IX. KINH PHI DIỆU PHÁP (*Asaddhammasutta*) (*A*. IV. 145)

93. Này các Tỷ-kheo, có bảy phi Diệu pháp. Thế nào là bảy? Bất tín, không xấu hổ, không sợ hãi tội lỗi, không nghe nhiều, biếng nhác, thất niệm, ác tuệ. Này các Tỷ-kheo, có bảy phi Diệu pháp này.

X. KINH DIỆU PHÁP (*Saddhammasutta*) (*A*. IV. 145)

94. Có bảy Diệu pháp, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bảy? Tín, xấu hổ, sợ hãi tội lỗi, nghe nhiều, tinh tấn, chánh niệm, có trí tuệ.[191]

Này các Tỷ-kheo, có bảy Diệu pháp này.



[191] Xem *A*. IV. 63; *M*. III. 21.

X. PHẨM ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG (*ĀHUNEYYAVAGGA*) (*A*. IV. 147)

95. Này các Tỷ-kheo, có bảy hạng người này, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán vô thường trên con mắt, tưởng vô thường, cảm thọ vô thường trong tất cả thời, liên tục không có gián đoạn với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Vị ấy với sự đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ nhất đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán vô thường trên con mắt, tưởng vô thường, cảm thọ vô thường trong tất cả thời, liên tục không có gián đoạn với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Với vị ấy sự chấm dứt các lậu hoặc và sự chấm dứt sanh mạng xảy đến một lần, không trước không sau. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ hai đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán vô thường trên con mắt, tưởng vô thường, cảm thọ vô thường trong tất cả thời, liên tục không có gián đoạn với tâm thắng giải, với tuệ thể nhập. Vị ấy sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, chứng được Trung gian Bát-niết-bàn... chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn... chứng được Vô hành Bát-niết-bàn... chứng được Hữu hành Bát-niết-bàn... chứng được Thượng lưu đạt được Sắc Cứu Cánh thiên. Này các Tỷ-kheo, đây là hạng người thứ bảy đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

Này các Tỷ-kheo, bảy hạng người này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

96-622. Này các Tỷ-kheo, có bảy hạng người này, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là bảy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người sống tùy quán khổ trên con mắt... tùy quán vô ngã trên con mắt... tùy quán diệt tận trên con mắt... tùy quán hoại

diệt trên con mắt... tùy quán ly tham trên con mắt... tùy quán đoạn diệt trên con mắt... tùy quán từ bỏ trên con mắt... trên tai... trên mũi... trên lưỡi... trên thân... trên ý...

… trên các sắc... trên các thanh... trên các hương... trên các vị... trên các xúc... trên các pháp...

… trên nhãn thức... trên nhĩ thức... trên tỷ thức... trên thiệt thức...trên thân thức... trên ý thức...

… trên nhãn xúc... trên nhĩ xúc... trên tỷ xúc... trên thiệt xúc... trên thân xúc... trên ý xúc...

… trên thọ do nhãn xúc sanh... trên thọ do nhĩ xúc sanh... trên thọ do tỷ xúc sanh... trên thọ do thiệt xúc sanh... trên thọ do thân xúc sanh... trên thọ do ý xúc sanh...

… trên sắc tưởng... trên thanh tưởng... trên hương tưởng... trên vị tưởng... trên xúc tưởng... trên pháp tưởng...

… trên sắc tư... trên thanh tư... trên hương tư... trên vị tư... trên xúc tư... trên pháp tư...

… trên sắc ái... trên thanh ái... trên hương ái... trên vị ái... trên xúc ái... trên pháp ái...

… trên sắc tầm... trên thanh tầm... trên hương tầm... trên vị tầm... trên xúc tầm... trên pháp tầm...

… trên sắc tứ... trên thanh tứ... trên hương tứ... trên vị tứ... trên xúc tứ... trên pháp tứ...

… trên sắc uẩn... trên thọ uẩn... trên tưởng uẩn... trên hành uẩn... sống tùy quán vô thường trên thức uẩn... sống tùy quán khổ... sống tùy quán vô ngã... sống tùy quán diệt tận... sống tùy quán hoại diệt... sống tùy quán ly tham... sống tùy quán đoạn diệt... sống tùy quán từ bỏ.



XI. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (*RĀGAPEYYĀLA*)[192] (*A*. IV. 148)

623. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, bảy pháp này cần phải tu tập. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.[193] Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, bảy pháp này cần phải tu tập.

624. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, bảy pháp cần phải tu tập. Thế nào là bảy? Tưởng vô thường, tưởng vô ngã, tưởng bất tịnh, tưởng nguy hại, tưởng đoạn tận, tưởng ly tham, tưởng đoạn diệt. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, bảy pháp này cần phải tu tập.

625. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, bảy pháp cần phải tu tập. Thế nào là bảy? Tưởng bất tịnh, tưởng chết, tưởng yểm ly trên đồ ăn, tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, bảy pháp này cần phải tu tập.

626-652. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham... để hoàn toàn diệt tận... để đoạn tận... để diệt tận... để hoại diệt... để ly tham... để đoạn diệt... để xả bỏ... để từ bỏ tham, bảy pháp này cần phải tu tập.

653-1132. Để thắng tri sân... si... phẫn nộ... hiềm hận... che đậy... não hại... tật đố... xan tham... man trá... lường gạt... ngoan cố... tháo động... mạn... tăng thượng mạn... kiêu… phóng dật... để liễu tri... để hoàn toàn diệt tận... để đoạn tận... để diệt tận... để hoại diệt... để ly tham... để đoạn diệt... để xả bỏ... để từ bỏ sân, bảy pháp này cần phải tu tập.

Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn thuyết.

---

[192] Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh này có cùng tên là *The Understanding of Passion*, nghĩa là *Thắng tri tham*, và được trình bày theo 4 mục: *Thắng tri tham* (1) – Kinh 623; *Thắng tri tham* (2) – Kinh 624; *Thắng tri tham* (3) – Kinh 625; *Thắng tri tham* (4) – Từ kinh 626-1132.

[193] Xem *A*. IV. 22; *GS*. IV. 14 (kinh 24 ở trước).

CHƯƠNG VIII

TÁM PHÁP (*AṬṬHAKANIPĀTA*)

I. PHẨM TỪ TÂM (*METTĀVAGGA*)

I. KINH TỪ TÂM (*Mettāsutta*)[1] (*A*. IV. 150)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Với từ tâm giải thoát, này các Tỷ-kheo, được sử dụng, được tu tập, được làm cho sung mãn, được thành thạo, được thông suốt, được điêu luyện, được thiện xảo, được vững vàng, thời chờ đợi là có tám lợi ích. Thế nào là tám?

Ngủ được an lạc; dậy được an lạc; không thấy ác mộng; được người ái mộ; được phi nhân ái mộ; chư thiên hộ trì; lửa, thuốc độc hay kiếm không gia hại; nếu không thông đạt thượng vị, đạt được Phạm thiên giới. Với từ tâm giải thoát, này các Tỷ-kheo, được sử dụng, được tu tập, được làm cho sung mãn, được thành thạo, được thông suốt, được điêu luyện, được thiện xảo, được vững vàng, thời chờ đợi là có tám lợi ích này.

Ai tu tập từ tâm,
Vô lượng thường ức niệm,
Các kiết sử yếu dần,
Thấy được sanh y diệt.
Với tâm không ác độc,
Từ mẫn mọi chúng sanh,
Do vậy, vị ấy thành,
Bậc thuần nhất chí thiện.
Với tâm ý từ mẫn,

[1] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.10. 0806a17); *Phật thuyết Thập nhất tưởng tư niệm Như Lai kinh* 佛說十一想思念如來經 (*T*.02. 0138. 0861a11).

Đối với mọi chúng sanh,
Bậc Thánh khéo thực hiện,
Nhiều công đức tốt lành.
Sau khi đã chinh phục,
Rất đông đảo loài người,
Các ẩn sĩ, vua chúa,
Theo nghi lễ tế tự,
Lễ tế ngựa, tế người,
Lễ uống nước thắng trận,
Lễ ném cầu may rủi,
Lễ rút lui khóa cửa.
Không được phần mười sáu,
Bậc khéo tu từ tâm,
Như ánh sáng mặt trăng,
Đối với các quần sao.
Không giết, không bảo giết,
Không thắng, không bảo thắng,
Từ tâm mọi chúng sanh,
Không hận thù với ai.

II. KINH TRÍ TUỆ (*Paññāsutta*) (*A*. IV. 151)

2. Này các Tỷ-kheo, có tám nhân này, có tám duyên này, khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ, nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống dựa trên bậc Đạo sư hay vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ sư, ở đây được an trú tàm quý một cách thiện xảo, được ái mộ, được kính trọng. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ, nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn.

Vị ấy do sống dựa trên bậc Đạo sư hay vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ sư, ở đây được an trú tàm quý một cách thiện xảo, được ái mộ, được kính trọng, thường đi đến họ hỏi đi hỏi lại: "Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì?" Các Tôn giả ấy mở rộng những gì không được mở rộng, phơi bày những gì không được phơi bày, và đối với những pháp còn đang nghi vấn, họ giải tỏa những nghi vấn. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ hai, duyên thứ hai khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ, nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn.

Vị ấy sau khi nghe pháp, cố gắng thành tựu hai sự an tịnh: Thân an tịnh và tâm an tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ ba... được viên mãn.

Vị ấy có giới đức, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các học pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ tư... được viên mãn.

Vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, chất chứa điều đã nghe; những pháp ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú nghĩa lý cụ túc, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quán sát, khéo thành tựu chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ năm... được viên mãn.

Vị ấy tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các pháp thiện. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ sáu... được viên mãn.

Vị ấy đi đến chư Tăng, không là người nói nhiều, không nói chuyện phù phiếm, tự mình nói pháp hay mời người khác nói, không khinh thường sự im lặng của bậc Thánh. Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ bảy... được viên mãn.

Vị ấy sống tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc chấm dứt; đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ chấm dứt; đây là tưởng... đây là hành... đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức chấm dứt." Này các Tỷ-kheo, đây là nhân thứ tám, duyên thứ tám, khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ, nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn.

Các vị đồng Phạm hạnh quý mến vị ấy như sau: "Tôn giả này sống nương tựa vào bậc Đạo sư hay một vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ sư, ở đây được an trú tàm quý một cách thiện xảo, được ái mộ, được kính trọng. Thật vậy, Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy." Đây là pháp đưa đến được ái mộ, được cung kính, được tu tập, đưa đến Sa-môn hạnh, nhất tâm thuần nhất.

Tôn giả này sống nương tựa vào bậc Đạo sư hay vị đồng Phạm hạnh đóng vai trò Y chỉ sư, ở đây được an trú tàm quý một cách thiện xảo, được ái mộ, được kính trọng... họ giải tỏa những nghi vấn ấy. Đây là pháp đưa đến được ái mộ, được cung kính... thuần nhất.

Tôn giả này sau khi nghe pháp... tâm an tịnh. Đây là pháp... thuần nhất.

Tôn giả này có giới đức... học tập trong các học pháp. Đây là pháp... thuần nhất.

Tôn giả này nghe nhiều... khéo thành tựu chánh kiến. Đây là pháp... thuần nhất.

Tôn giả này sống tinh cần tinh tấn... đối với các pháp thiện. Đây là pháp... thuần nhất.

Tôn giả này đi đến Tăng chúng... sự im lặng của bậc Thánh. Đây là pháp... thuần nhất.

Tôn giả này sống tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn... đây là thức chấm dứt. Đây là pháp đưa đến được ái mộ, được cung kính, được tu tập, đưa đến Sa-môn hạnh, nhất tâm thuần nhất.

Này các Tỷ-kheo, tám nhân này, tám duyên này, khiến cho căn bản Phạm hạnh chưa chứng được có thể chứng được với trí tuệ, nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tăng rộng, được tu tập, được viên mãn.

III. KINH KHÔNG ĐƯỢC ÁI MỘ THỨ NHẤT

(*Paṭhamaappiyasutta*)[2] (*A*. IV. 155)

3. Thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, kính trọng và bắt chước. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tán thán những người không được ái mộ, chỉ trích những người được ái mộ, ưa lợi dưỡng, ưa được cung kính, không có lòng xấu hổ, không có sợ hãi tội lỗi, ác dục, có tà kiến.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, kính trọng và bắt chước.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, kính trọng và bắt chước. Này các Tỷ-kheo, thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tán thán những người không được ái mộ, không chỉ trích những người được ái mộ, không ưa lợi dưỡng, không ưa được cung kính, có lòng xấu hổ, có sợ hãi tội lỗi, ít dục, có chánh kiến.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, kính trọng và bắt chước.

IV. KINH KHÔNG ĐƯỢC ÁI MỘ THỨ HAI

(*Dutiyaappiyasutta*) (*A*. IV. 156)

4. Thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, cung kính và bắt chước. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa lợi dưỡng; ưa cung kính; ưa được tán thán; không biết thời; không biết vừa đủ; không trong sạch; nói nhiều; mắng nhiếc, quở trách đối với các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, cung kính và bắt chước.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, cung kính và bắt chước. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không ưa lợi dưỡng; không ưa cung kính; không ưa được tán thán; biết thời; biết vừa đủ; trong sạch; không nói nhiều; không mắng nhiếc, quở trách đối với các vị đồng Phạm hạnh.

---

[2] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Qualities not endearing*, nghĩa là *Các phẩm chất không được ái mộ*.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được các vị đồng Phạm hạnh ái mộ, thích ý, cung kính và bắt chước.

V. KINH PHÁP THẾ GIAN THỨ NHẤT
(*Paṭhamalokadhammasutta*)[3] (*A*. IV. 156)

5. Tám pháp thế gian, này các Tỷ-kheo, tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này. Thế nào là tám? Lợi dưỡng và không lợi dưỡng, danh vọng và không danh vọng, chỉ trích và tán thán, lạc và khổ.

Tám pháp thế gian này, này các Tỷ-kheo, tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này.

Lợi dưỡng, không lợi dưỡng,
Danh vọng, không danh vọng,
Chỉ trích và tán thán,
An lạc và đau khổ,
Những pháp này vô thường,
Không thường hằng, biến diệt;
Biết chúng, giữ chánh niệm,
Bậc trí quán biến diệt.
Pháp khả ái không động,
Không khả ái không sân,
Các pháp thuận hay nghịch,
Được tiêu tan không còn.
Sau khi biết con đường,
Không trần cấu, không sầu,
Chơn chánh biết sanh hữu,
Đi đến bờ bên kia.

VI. KINH PHÁP THẾ GIAN THỨ HAI (*Dutiyalokadhammasutta*) (*A*. IV. 157)

6. Tám pháp thế gian, này các Tỷ-kheo, tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này. Thế nào là tám? Lợi dưỡng và không lợi dưỡng, danh vọng và không danh vọng, chỉ trích và tán thán, an lạc và đau khổ.

Tám pháp thế gian này, này các Tỷ-kheo, tùy chuyển thế giới. Thế giới tùy chuyển theo tám pháp thế gian này.

Với kẻ phàm phu không nghe pháp, này các Tỷ-kheo, sanh ra lợi dưỡng, không lợi dưỡng, danh vọng, không danh vọng, chỉ trích, tán thán, an lạc, đau khổ. Với vị Thánh đệ tử nghe pháp, này các Tỷ-kheo, cũng sanh ra lợi dưỡng, không lợi dưỡng, danh vọng, không danh vọng, chỉ trích, tán thán, an lạc, đau khổ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có đặc thù gì, thù thắng gì, có sai khác gì giữa vị Thánh có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp?

---

[3] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Worldly Failing*, nghĩa là *Sự sụp đổ của thế gian*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.8. 0764b13).

– Bạch Thế Tôn, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm chỉ đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn giảng cho ý nghĩa của lời nói này! Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Với kẻ phàm phu không nghe pháp, này các Tỷ-kheo, khởi lên lợi dưỡng. Người ấy không có suy tư: "Lợi dưỡng này khởi lên nơi ta, lợi dưỡng ấy vô thường, khổ, biến hoại." Người ấy không như thật rõ biết... khởi lên không lợi dưỡng... khởi lên danh vọng... khởi lên không danh vọng... khởi lên chỉ trích... khởi lên tán thán... khởi lên an lạc... khởi lên đau khổ. Người ấy không có suy tư: "Khổ này khởi lên nơi ta, khổ ấy là vô thường, khổ, biến hoại." Người ấy không như thật rõ biết rằng, lợi dưỡng này xâm nhập tâm của người ấy và an trú, không lợi dưỡng xâm nhập tâm của người ấy và an trú, danh vọng xâm nhập tâm của người ấy và an trú, không danh vọng xâm nhập tâm của người ấy và an trú, chỉ trích xâm nhập tâm của người ấy và an trú, tán thán xâm nhập tâm của người ấy và an trú, an lạc xâm nhập tâm của người ấy và an trú, đau khổ xâm nhập tâm của người ấy và an trú. Người ấy thuận ứng với lợi dưỡng được khởi lên và nghịch ứng với không lợi dưỡng; thuận ứng với danh vọng được khởi lên và nghịch ứng với không danh vọng; thuận ứng với tán thán được khởi lên và nghịch ứng với chỉ trích; thuận ứng với an lạc được khởi lên và nghịch ứng với đau khổ. Người ấy đầy đủ thuận ứng, nghịch ứng như vậy, không có giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng người ấy không thoát khỏi đau khổ.

Với vị Thánh đệ tử có nghe pháp, này các Tỷ-kheo, khởi lên lợi dưỡng. Vị ấy có suy tư: "Lợi dưỡng này khởi lên nơi ta, lợi dưỡng ấy vô thường, khổ, biến hoại." Vị ấy như thật rõ biết... khởi lên không lợi dưỡng... khởi lên danh vọng... khởi lên không danh vọng... khởi lên chỉ trích... khởi lên tán thán... khởi lên an lạc... khởi lên đau khổ. Vị ấy suy tư như sau: "Khổ này khởi lên nơi ta, khổ ấy là vô thường, khổ, biến hoại." Vị ấy như thật rõ biết rằng, lợi dưỡng này không xâm nhập tâm của vị ấy và an trú, không lợi dưỡng... danh vọng... không danh vọng... chỉ trích... tán thán... an lạc... đau khổ không xâm nhập tâm của vị ấy và an trú. Vị ấy không thuận ứng với lợi dưỡng được khởi lên và không nghịch ứng với không lợi dưỡng; không thuận ứng với danh vọng được khởi lên và không nghịch ứng với không danh vọng; không thuận ứng với tán thán được khởi lên và không nghịch ứng với chỉ trích; không thuận ứng với an lạc được khởi lên và không nghịch ứng với đau khổ. Vị ấy, do đoạn tận thuận ứng, nghịch ứng như vậy, nên giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng vị ấy thoát khỏi đau khổ.

Đây là đặc thù, này các Tỷ-kheo, đây là thù thắng, đây là sai biệt giữa vị Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp.

Lợi dưỡng, không lợi dưỡng,
Danh vọng, không danh vọng,
Chỉ trích và tán thán,
An lạc và đau khổ,
Những pháp này vô thường,
Không thường hằng, biến diệt,
Biết đúng, giữ chánh niệm,
Bậc trí quán biến diệt.
Pháp khả ái không động,
Không khả ái không sân,
Các pháp thuận hay nghịch,
Được tiêu tan không còn.
Sau khi biết con đường,
Không trần cấu, không sầu,
Chơn chánh biết sanh hữu,
Đi đến bờ bên kia.

VII. KINH SỰ VI PHẠM CỦA DEVADATTA
(*Devadattavipattisutta*)[4] (*A*. IV. 160)

7. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu), sau khi Devadatta bỏ đi không bao lâu. Tại đấy, nhân việc Devadatta, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường quan sát sự vi phạm của mình. Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường quan sát sự vi phạm của người khác. Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường quan sát sự chứng đạt của mình. Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường quan sát sự chứng đạt của người khác.

Do bị tám phi Diệu pháp này chinh phục, tâm bị xâm chiếm, này các Tỷ-kheo, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, địa ngục, sống tại đấy cả một kiếp, không được cứu khỏi. Thế nào là tám?

Này các Tỷ-kheo, bị lợi dưỡng chinh phục, tâm bị xâm chiếm, Devadatta bị sanh vào đọa xứ, địa ngục, sống tại đấy cả một kiếp, không được cứu khỏi. Này các Tỷ-kheo, bị không lợi dưỡng chinh phục... bị danh vọng chinh phục... bị không danh vọng chinh phục... bị cung kính chinh phục... bị không cung kính chinh phục... bị ác dục chinh phục... bị ác bằng hữu chinh phục, tâm bị xâm chiếm, Devadatta bị rơi vào đọa xứ, địa ngục, sống tại đấy cả một kiếp, không thể cứu khỏi.

Này các Tỷ-kheo, bị tám phi Diệu pháp này chinh phục, tâm bị xâm chiếm, Devadatta bị sanh vào đọa xứ, địa ngục, sống tại đấy cả một kiếp, không thể cứu khỏi.

---

[4] Bản tiếng Anh của PTS viết *Devadatta*.

Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống chinh phục lợi dưỡng được sanh khởi... không lợi dưỡng được sanh khởi... danh vọng được sanh khởi... không danh vọng được sanh khởi... cung kính được sanh khởi... không cung kính được sanh khởi... ác dục được sanh khởi... ác bằng hữu được sanh khởi. Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do duyên mục đích gì cần phải sống chinh phục lợi dưỡng được sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do sống không chinh phục lợi dưỡng được khởi lên, các lậu hoặc tổn hại nhiệt não sanh khởi; do sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên, như vậy các lậu hoặc tổn hại nhiệt não ấy không có mặt. Này các Tỷ-kheo, do sống không chinh phục không lợi dưỡng được khởi lên... danh vọng được khởi lên... không danh vọng được khởi lên… cung kính được khởi lên... không cung kính được khởi lên... ác dục được khởi lên... ác bằng hữu được khởi lên, các lậu hoặc tổn hại nhiệt não sanh khởi; do sống chinh phục ác bằng hữu được khởi lên, như vậy các lậu hoặc tổn hại nhiệt não ấy không có mặt. Này các Tỷ-kheo, do duyên mục đích này, Tỷ-kheo sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên... không lợi dưỡng được khởi lên... danh vọng được khởi lên... không danh vọng được khởi lên... cung kính được khởi lên... không cung kính được khởi lên... ác dục được khởi lên... ác bằng hữu được khởi lên.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau: “Ta sẽ sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên... không lợi dưỡng được khởi lên... danh vọng được khởi lên... không danh vọng được khởi lên... cung kính được khởi lên... không cung kính được khởi lên... ác dục được khởi lên... ác bằng hữu được khởi lên.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

VIII. KINH UTTARA THUYẾT VỀ SỰ VI PHẠM
(*Uttaravipattisutta*)[5] (*A*. IV. 162)

8. Một thời, Tôn giả Uttara trú ở Mahisavatthu, trên núi Saṅkheyyaka, tại Dhavajālikā. Lúc bấy giờ, Tôn giả Uttara bảo các Tỷ-kheo:

– Lành thay! Này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát sự vi phạm của mình. Lành thay! Này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát sự vi phạm của người khác. Lành thay! Này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát sự thành đạt của mình. Lành thay! Này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát sự thành đạt của người khác.

Lúc bấy giờ, Đại vương Vessavaṇa đang đi từ phương Bắc đến phương Nam vì một vài công việc, Đại vương Vessavaṇa nghe Tôn giả Uttara trú ở Mahisavatthu, trên núi Saṅkheyyaka, tại Dhavajālikā thuyết pháp như vậy cho các Tỷ-kheo: “Lành thay! Này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát... sự thành đạt của người khác.”

Rồi Đại vương Vessavaṇa như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy biến mất ở Mahisavatthu, trên núi

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *The Venerable Uttara*, nghĩa là *Tôn giả Uttara*.

Saṅkheyyaka, ở Dhavajālikā và hiện ra trước mặt chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Rồi Đại vương Vessavaṇa đi đến Thiên chủ Sakka; sau khi đến, nói với Thiên chủ Sakka:

– Ngài có biết chăng, Tôn giả Uttara tại Mahisavatthu, trên núi Saṅkheyyaka, tại Dhavajālikā thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Lành thay! Này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát... sự thành đạt của người khác."

Rồi Thiên chủ Sakka như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, cũng vậy biến mất trước chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, hiện ra ở Mahisavatthu, trên núi Saṅkheyyaka, ở Dhavajālikā, trước mặt Tôn giả Uttara. Rồi Thiên chủ Sakka đi đến Tôn giả Uttara; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Uttara rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên chủ Sakka nói với Tôn giả Uttara:

– Thưa Tôn giả, có thật chăng, Tôn giả Uttara thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Lành thay! Này chư Hiền, Tỷ-kheo thường thường quán sát... sự thành đạt của người khác"?

– Thưa có vậy, này Thiên chủ.

– Thưa Tôn giả, đây là Tôn giả Uttara tự nói hay là lời của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác?

– Vậy này Thiên chủ, ta sẽ làm một ví dụ cho ngươi. Nhờ ví dụ ở đây, một số người có trí hiểu rõ ý nghĩa của lời nói. Ví như, này Thiên chủ, có một đống lúa lớn không xa làng hay thị trấn, và quần chúng từ nơi đống lúa ấy mang lúa đi, hoặc trên đòn gánh, hoặc trong thúng, hoặc bên hông, hoặc với bàn tay. Này Thiên chủ, nếu có ai đến đám quần chúng ấy và hỏi như sau: "Các người mang lúa này từ đâu?" Này Thiên chủ, đám quần chúng ấy cần phải đáp như thế nào để có thể đáp một cách chơn chánh?

– Thưa Tôn giả, đám quần chúng ấy muốn đáp một cách chơn chánh, cần phải đáp như sau: "Thưa Tôn giả, chúng tôi mang lúa từ nơi đống lúa lớn này."

– Cũng vậy, này Thiên chủ, điều gì khéo nói, tất cả là lời nói của Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Dựa trên lời ấy, dựa lên trên ấy, chúng tôi và các người khác nói lên.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Thật là khéo nói là lời nói này của Tôn giả Uttara: "Tất cả là lời nói của Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Dựa trên lời ấy, dựa lên trên ấy, chúng tôi và các người khác nói lên." Một thời, thưa Tôn giả Uttara, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa, sau khi Devadatta bỏ đi không bao lâu. Tại đấy, Thế Tôn nhân việc Devadatta, bảo các Tỷ-kheo: "Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thường thường quan sát... sự vi phạm của mình... (như kinh 7)… Này các Tỷ-kheo, do bị tám phi Diệu pháp này chinh phục, tâm bị xâm chiếm, Devadatta bị sanh vào đọa xứ, địa ngục, sống tại đây cả một kiếp, không thể cứu khỏi.

Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống có thể chinh phục lợi dưỡng được sanh khởi... không lợi dưỡng được sanh khởi... danh vọng được sanh khởi... không danh vọng được sanh khởi... cung kính được sanh khởi... không cung kính được sanh khởi... ác dục được sanh khởi... ác bằng hữu được sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do duyên mục đích gì phải sống chinh phục lợi dưỡng được sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do sống không chinh phục lợi dưỡng được sanh khởi, các lậu hoặc, các tổn hại, nhiệt não sanh khởi; do sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên, như vậy, các lậu hoặc, các tổn hại, nhiệt não ấy không có mặt. Này các Tỷ-kheo, do sống chinh phục không lợi dưỡng được khởi lên... danh vọng được khởi lên... không danh vọng được khởi lên... cung kính được khởi lên... không cung kính được khởi lên... ác dục được khởi lên... ác bằng hữu được khởi lên, các lậu hoặc, các tổn hại, nhiệt não khởi lên; như vậy các lậu hoặc, tổn hại, nhiệt não ấy không có mặt. Này các Tỷ-kheo, do duyên mục đích này, Tỷ-kheo phải sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên... không lợi dưỡng được khởi lên... danh vọng được khởi lên... không danh vọng được khởi lên... cung kính được khởi lên... không cung kính được khởi lên... ác dục được khởi lên... ác bằng hữu được khởi lên.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông phải học tập như sau: 'Ta sẽ sống chinh phục lợi dưỡng được khởi lên... không lợi dưỡng được khởi lên... danh vọng được khởi lên... không danh vọng được khởi lên... cung kính được khởi lên... không cung kính được khởi lên... ác dục được khởi lên... ác bằng hữu được khởi lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.'"

Cho đến, thưa Tôn giả Uttara, trong bốn hội chúng giữa loài người: Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, pháp môn này không được một ai thiết lập. Thưa Tôn giả, Tôn giả Uttara hãy học pháp môn này. Thưa Tôn giả, Tôn giả Uttara hãy học thuộc lòng pháp môn này. Thưa Tôn giả, Tôn giả Uttara hãy thọ trì pháp môn này. Thưa Tôn giả, pháp môn này liên hệ đến mục đích, là căn bản Phạm hạnh.

IX. KINH TÔN GIẢ NANDA (*Nandasutta*)[6] (*A*. IV. 166)

9. Này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh về Nanda, có thể nói như sau: "Là thiện nam tử." Này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh về Nanda, có thể nói như sau: "Là vị có sức mạnh." Này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh về Nanda, có thể nói như sau: "Là vị có tịnh tín." Này các Tỷ-kheo, nói một cách chơn chánh về Nanda, có thể nói như sau: "Là vị có ái dục sắc bén."

Ai khác ngoài Nanda, này các Tỷ-kheo, thành tựu chế ngự các căn, biết tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, chánh niệm tỉnh giác; nhờ vậy, Nanda có thể hành Phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

---

[6] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.275. 0073a22); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1066. 0277a09); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.6. 0375a19).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đây là sự chế ngự các căn của Nanda.

Này các Tỷ-kheo, nếu Nanda phải nhìn về phương Đông, tập trung tất cả tâm, Nanda nhìn về hướng Đông và suy nghĩ: "Như vậy, khi ta đang nhìn về hướng Đông, thời tham, ưu, các ác, bất thiện pháp sẽ không có xâm nhập"; như vậy, ở đây vị ấy tỉnh giác. Này các Tỷ-kheo, nếu Nanda phải nhìn về phương Tây... về phương Bắc... về phương Nam... ngước nhìn lên trên... cúi nhìn về phương dưới... hay nhìn về hướng giữa các phương chính, tập trung tất cả tâm, Nanda nhìn về hướng giữa các phương chính và suy nghĩ: "Như vậy, khi ta đang nhìn về hướng giữa các phương chính, thời tham, ưu, các ác, bất thiện pháp sẽ không có xâm nhập"; như vậy, ở đây vị ấy tỉnh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Nanda chế ngự các căn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda tiết độ trong ăn uống.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda với chánh tư duy thọ dụng các món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được an trú và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ, không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Nanda tiết độ trong ăn uống.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda chú tâm cảnh giác.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda ban ngày đi kinh hành hay trong khi ngồi, Nanda tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm canh một, đi kinh hành hay trong khi ngồi, Nanda tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Ban đêm canh giữa, Nanda nằm dáng nằm con sư tử, bên hông tay phải, một chân đặt trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, tâm nghĩ đến lúc thức dậy lại. Ban đêm, canh cuối thức dậy, đi kinh hành hay trong lúc ngồi, Nanda tẩy sạch tâm tư khỏi các pháp chướng ngại. Này các Tỷ-kheo, như vậy Nanda chú tâm cảnh giác.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda chánh niệm tỉnh giác.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Nanda rõ biết khi các thọ khởi lên, rõ biết khi các thọ an trú, rõ biết khi các thọ chấm dứt; rõ biết khi các tưởng... rõ biết khi các tầm khởi lên, rõ biết khi các tầm an trú, rõ biết khi các tầm chấm dứt. Này các Tỷ-kheo, đây là Nanda chánh niệm tỉnh giác.

Này các Tỷ-kheo, ai khác ngoài Nanda, thành tựu chế ngự các căn, biết tiết độ trong ăn uống, chú tâm cảnh giác, chánh niệm tỉnh giác; nhờ vậy, Nanda có thể hành Phạm hạnh đầy đủ thanh tịnh.

X. KINH CÁC ĐỒ RÁC (*Kāraṇḍavasutta*)[7] (*A*. IV. 168)

10. Một thời, Thế Tôn trú ở Campā, trên bờ hồ Gaggarā. Lúc bấy giờ, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Vị ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, tránh

[7] Tham chiếu: *Chiêm-bà kinh* 瞻波經 (*T*.01. 0026.122. 0610c22); *Chiêm-bà Tỷ-kheo kinh* 瞻婆比丘經 (*T*.01. 0064. 0862b05).

né vấn đề với một vấn đề khác, hướng câu chuyện ra ngoài, và hiện tướng phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, hãy tẩn xuất người này ra! Này các Tỷ-kheo, hãy tẩn xuất người này ra! Này các Tỷ-kheo, người này đáng bị khai trừ.

Sao để con cháu người khác làm phiền nhiễu các ông? Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y *Saṅghāṭi*, bát và y như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho đến khi các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Nhưng khi các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội, họ biết được: "Người này là Sa-môn ô uế, là Sa-môn rơm rạ, là Sa-môn rác rưởi." Sau khi biết người ấy là như vậy, họ tẩn xuất người ấy ra ngoài. Vì cớ sao? "Chớ để người ấy làm ô uế các Tỷ-kheo hiền thiện khác."

Ví như, này các Tỷ-kheo, khi một ruộng lúa mì đã đầy đủ cây lúa mì ô nhiễm, cây lúa mì rơm rạ, cây lúa mì rác rưởi được mọc lên với rễ như vậy, giống như các cây lúa mì hiền thiện khác. Với cành lá như vậy, giống như các cây lúa mì hiền thiện khác; với lá là như vậy, giống như các cây lúa mì hiền thiện khác, cho đến khi nào đầu ngọn lúa chưa mọc ra. Khi đầu ngọn lúa mì mọc ra, họ biết: "Đây là cây lúa mì hoang, đây là cây lúa mì rơm rạ, cây lúa mì rác rưởi." Sau khi biết như vậy, họ nhổ cây lúa mì ấy lên, nhổ luôn cả rễ, và quăng cây lúa mì ấy ra khỏi ruộng lúa. Vì cớ sao? Họ nói: "Đừng để cho cây lúa mì này làm uế nhiễm các cây lúa mì hiền thiện khác."

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y *Saṅghāṭi*, bát và y như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho đến khi các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Khi nào các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội, họ biết được: "Người này là Sa-môn ô uế, là Sa-môn rơm rạ, là Sa-môn rác rưởi." Sau khi biết người ấy là như vậy, họ tẩn xuất người ấy ra ngoài. Vì cớ sao? "Chớ để cho người ấy làm ô uế các Tỷ-kheo hiền thiện khác."

Ví như, này các Tỷ-kheo, khi một đống lúa lớn đang được sàng quạt, tại đấy, các hạt lúa nào chắc cứng, có hạt, chúng được chất thành đống một bên; còn những hạt lúa nào yếu kém, chỉ là rơm, thời được gió thổi tạt qua một bên, và người chủ với cây chổi quét chúng còn xa hơn nữa. Vì cớ sao? "Chớ để cho lúa ấy làm uế nhiễm các hạt lúa hiền thiện khác."

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y *Saṅghāṭi*, bát và y như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho đến khi nào các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Khi nào các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội, họ biết được: "Người này là Sa-môn ô uế, là Sa-môn rơm rạ, là Sa-môn rác rưởi." Sau khi biết người ấy là như vậy, họ tẩn xuất người ấy ra ngoài. Vì cớ sao? "Chớ để cho người ấy làm uế nhiễm các Tỷ-kheo hiền thiện khác."

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cần một số ống nước, lấy một cây búa sắc bén đi vào rừng, và với cán cây búa, gõ vào cây này hay cây khác. Ở

đây, những cây nào chắc cứng, có lõi, khi được cán búa gõ vào, tiếng vang dội được tròn cứng. Còn những cây nào ở giữa bị mục nát, không có lõi, nhơ bẩn (*avassutāni*), khi được cán búa gõ vào, tiếng vang lép xẹp. Người ấy chặt cây ấy, chặt gốc; sau khi chặt gốc, người ấy chặt ngọn; sau khi chặt ngọn, người ấy rửa phía trong của cây cho thật sạch; khi rửa phía trong cho thật sạch rồi, người ấy nối liền các ống ấy lại.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây, khi nào một người đi ra, đi vào, nhìn lên, nhìn xung quanh, co tay, duỗi tay, mang y *Saṅghāṭi*, bát và y như vậy, như các Tỷ-kheo hiền thiện khác, cho đến khi các Tỷ-kheo không thấy người ấy phạm tội. Khi nào các Tỷ-kheo thấy người ấy phạm tội, họ biết được: "Người này là Sa-môn ô uế, là Sa-môn rơm rạ, là Sa-môn rác rưởi." Sau khi biết người ấy là như vậy, họ tẩn xuất người ấy ra ngoài. Vì sao? "Chớ để cho người ấy làm uế nhiễm các Tỷ-kheo hiền thiện khác."

Ông có thể biết được,
Người này ông chung sống,
Ái dục và phẫn nộ,
Gièm pha và ngoan cố,
Não hại và tật đố,
Xan tham và man trá,
Nói nhu hòa giữa người,
Nói như lời Sa-môn,
Che giấu làm việc ác,
Ác kiến, thiếu kính trọng,
Quanh co và nói láo,
Biết vậy, người làm gì?
Tất cả phải đồng tình,
Cùng tránh né người ấy,
Hãy tẩn xuất rơm rác,
Hãy tống cổ uế trược,
Từ nay hãy tẩn xuất,
Kẻ nói nhiều vô ích,
Không phải là Sa-môn,
Nhưng hiện tướng Sa-môn.
Tẩn xuất kẻ ác dục,
Ác hạnh, ác uy nghi,
Sống với người thanh tịnh,
Sống trong sạch chánh niệm,
Hòa hợp, biết khôn khéo,
Hãy chấm dứt khổ đau.

II. PHẨM LỚN
(*MAHĀVAGGA*)

I. KINH VERAÑJA (*Verañjasutta*)[8] (*A*. IV. 172)

11. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Verañjā, dưới gốc cây Naḷerupucimanda. Rồi Bà-la-môn Verañja đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Verañja bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi có nghe như sau: "Sa-môn Gotama không đảnh lễ, không đứng dậy, hay không mời ghế ngồi các Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn, trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời."[9] Thưa Tôn giả Gotama, sự thể là như vậy: "Tôn giả Gotama không đảnh lễ, không đứng dậy, hay không mời ghế ngồi các Bà-la-môn già yếu, tuổi lớn, trưởng lão, đời đã được trải qua, đã đến đoạn cuối cuộc đời." Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, thật là không đầy đủ.

– Này Bà-la-môn, Ta không thấy một ai trong thế giới chư Thiên, trong thế giới Ác ma, trong thế giới Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người mà Ta có thể đảnh lễ người ấy, đứng dậy hay mời ghế ngồi. Này Bà-la-môn, nếu Như Lai đảnh lễ, hay đứng dậy, hay mời ngồi ai, thời đầu người ấy bị bể tan.

– Tôn giả Gotama, thật thiếu ý vị!

– Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thật thiếu ý vị!" Này Bà-la-môn, các sắc vị, thanh vị, hương vị, vị vị, xúc vị, các vị ấy, Như Lai đã đoạn tận chúng, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu ý vị!" Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này.

"Tôn giả Gotama thiếu tài sản." Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu tài sản." Này Bà-la-môn, các sắc tài sản, thanh tài sản, hương tài sản, vị

---

[8] Tham chiếu: *Hoàng lư viên kinh* 黃蘆園經 (*T*.01. 0026.157. 0679b04); *Phật vị Hoàng Trúc viên lão Bà-la-môn thuyết Học kinh* 佛為黃竹園老婆羅門說學經 (*T*.01. 0075. 0882a20).

[9] Xem *A*. I. 155; *D*. I. 114; II. 100; *M*. II. 66; *Vin*. II. 188.

tài sản, xúc tài sản, các tài sản ấy, Như Lai đã đoạn tận chúng, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama thiếu tài sản." Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này.

"Tôn giả Gotama chủ trương thuyết không hành động." Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết không hành động." Này Bà-la-môn, Ta nói không hành động về thân làm ác, về lời nói ác, về ý nghĩ ác. Ta nói không hành động về các pháp ác, bất thiện. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết không hành động." Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này.

"Tôn giả Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt." Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt." Này Bà-la-môn, Ta tuyên bố đoạn diệt tham, sân, si. Ta tuyên bố đoạn diệt các pháp ác, bất thiện. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương thuyết đoạn diệt." Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này.

"Tôn giả Gotama là người nhàm chán." Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán." Này Bà-la-môn, Ta nhàm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Ta nhàm chán sự thành tựu các pháp ác, bất thiện. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán." Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này.

"Tôn giả Gotama là người chủ trương hư vô" Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô." Này Bà-la-môn, Ta thuyết pháp để hư vô tham, sân, si. Ta thuyết pháp để hư vô các pháp ác, bất thiện. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, do pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô." Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này.

"Tôn giả Gotama là người khổ hạnh." Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh." Này Bà-la-môn, Ta tuyên bố rằng cần phải khổ hạnh các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Này Bà-la-môn, với ai mà các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sāla, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong

tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy là người khổ hạnh. Này Bà-la-môn, với Như Lai, các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác đã được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được cắt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sāla, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, do pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh." Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này.

"Tôn giả Gotama chủ trương không nhập thai." Này Bà-la-môn, có pháp môn này, do pháp môn ấy, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương không nhập thai." Này Bà-la-môn, với ai mà khả năng nhập thai tái sanh trong tương lai đã đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy chủ trương không nhập thai. Này Bà-la-môn, Như Lai đã đoạn tận khả năng nhập thai và tái sanh trong tương lai, đã chặt đứt từ gốc rễ, đã làm cho như thân cây Sāla, đã làm cho không thể tái sanh, đã làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đây là pháp môn, với pháp môn này, ai nói về Ta một cách chơn chánh có thể nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương không nhập thai." Nhưng ông nói không phải với ý nghĩa này.

Ví như, này Bà-la-môn, có tám, mười hay mười hai cái trứng của con gà mái, được con gà mái khéo ấp nằm, ấp nóng, ấp dưỡng, và con gà nào trong những con gà con ấy, đầu tiên hết, lấy chân, móng, đầu hay mỏ phá vỡ vỏ trứng gà ra ngoài một cách an toàn, con ấy được gọi là con trưởng hay con nhỏ nhất?

– Thưa Tôn giả Gotama, con ấy phải được gọi là con trưởng. Thật vậy, thưa Tôn giả Gotama, con ấy là con trưởng trong tất cả các con gà ấy.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, khi Ta vì chúng sanh bị vô minh chi phối, như sanh ra từ trứng, bị bao trùm, đã phá vỡ vỏ trứng vô minh, một mình chứng được Vô thượng Chánh đẳng giác ở đời, này Bà-la-môn, thật sự Ta là vị đệ nhất, tối thắng ở đời.[10] Lại nữa, này Bà-la-môn, Ta tinh cần tinh tấn, không biếng nhác. Ta trú niệm, không có thất niệm, thân được khinh an, không có tháo động, định tĩnh, nhất tâm.

Này Bà-la-môn, ly dục, ly pháp bất thiện, Ta đã chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ Ta trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, Ta chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền

[10] Xem *D.* II. 15; *J.* I. 43.

não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Túc mạng minh. Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ, một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây." Như vậy, Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các nét chi tiết.

Này Bà-la-môn, đây là trong canh một, Ta chứng được Minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, đây là sự xuất sanh thứ nhất của Ta, như con gà con ra khỏi vỏ trứng.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy Ta dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ; những hạng chúng sanh nào thành tựu thân làm ác, thành tựu miệng nói ác, thành tựu ý nghĩ ác; phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những hạng chúng sanh nào, thành tựu thân làm lành, thành tựu miệng nói lành, thành tựu ý nghĩ lành, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên các thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Này Bà-la-môn, đây là trong canh giữa, Ta chứng được Minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, đây là sự xuất sanh thứ hai của Ta, như con gà con ra khỏi vỏ trứng.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, không dao động, như vậy Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Ta biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là khổ tập", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", biết

như thật: "Đây là con đường đưa đến lậu hoặc diệt." Do biết như vậy, thấy như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát." Ta biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa." Này Bà-la-môn, đây là trong canh cuối, Ta chứng được Minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh, bóng tối diệt, ánh sáng sanh do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Này Bà-la-môn, đây là sự xuất sanh thứ ba của Ta, như con gà con ra khỏi vỏ trứng.

Được nghe nói như vậy, Bà-la-môn Verañja bạch Thế Tôn:

– Đệ nhất là Tôn giả Gotama! Tối thắng là Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

II. KINH TƯỚNG QUÂN SĪHA (*Sīhasutta*)[11] (*A*. IV. 179)

12. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli (Tỳ-xá-ly), tại Mahāvana (Đại Lâm), ở Kūṭāgārasālā (ngôi nhà có nóc nhọn). Lúc bấy giờ, rất nhiều vị Licchavi là các bậc có danh tiếng, có thời danh ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán chúng Tăng.

Lúc bấy giờ, Tướng quân Sīha là đệ tử của Nigaṇṭhā ngồi trong hội chúng ấy. Rồi Tướng quân Sīha suy nghĩ như sau: "Không nghi ngờ gì nữa, Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vì rằng nhiều vị Licchavi này có danh tiếng, có thời danh ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán chúng Tăng. Vậy ta hãy đi đến yết kiến vị Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác."

Rồi Tướng quân Sīha đi đến Nigaṇṭha Nātaputta; sau khi đến, thưa với Nigaṇṭha Nātaputta:

– Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến yết kiến Sa-môn Gotama.

– Này Sīha, sao ông, người chủ trương hành động, lại đi đến yết kiến Sa-môn Gotama, người chủ trương không hành động? Này Sīha, Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy.

Rồi Tướng quân Sīha, ý muốn đi đến yết kiến Thế Tôn bị dập tắt.

Lần thứ hai, rất nhiều vị Licchavi có danh tiếng, có thời danh ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán chúng

[11] Tham chiếu: *Sư tử kinh* 師子經 (*T*.01. 0026.18. 0440c22).

Tăng. Lần thứ hai, Tướng quân Sīha suy nghĩ như sau: "Không nghi ngờ gì nữa, Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vì rằng nhiều vị Licchavi này có danh tiếng, có thời danh ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán chúng Tăng. Vậy ta hãy đi đến yết kiến vị Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác."

Rồi Tướng quân Sīha đi đến Nigaṇṭha Nātaputta; sau khi đến, thưa với Nigaṇṭha Nātaputta:

– Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến yết kiến Sa-môn Gotama.

– Này Sīha, sao ông, người chủ trương hành động, lại đi đến yết kiến Sa-môn Gotama, người chủ trương không hành động? Này Sīha, Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy.

Rồi Tướng quân Sīha, lần thứ hai, ý muốn đi đến yết kiến Thế Tôn bị dập tắt.

Lần thứ ba, rất nhiều vị Licchavi có danh tiếng, có thời danh trong khi đang ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán chúng Tăng. Lần thứ ba, Tướng quân Sīha suy nghĩ như sau: "Không nghi ngờ gì nữa, Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, vì rằng nhiều vị Licchavi này có danh tiếng, có thời danh ngồi tụ họp ở hội trường, dùng nhiều phương tiện tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán chúng Tăng. Các Nigaṇṭhā sẽ làm gì được cho ta, nếu họ được hỏi ý kiến hay không hỏi ý kiến. Vậy ta hãy không hỏi ý kiến Nigaṇṭhā, đi đến yết kiến vị Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác."

Rồi Tướng quân Sīha, vào giữa trưa với khoảng năm trăm cỗ xe, đi khỏi Vesāli để yết kiến Thế Tôn. Đi xe cho đến đoạn đường đất còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ và vào trong khu vườn. Rồi Tướng quân Sīha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tướng quân Sīha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có được nghe: "Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy." Bạch Thế Tôn, họ nói như sau: "Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy". Bạch Thế Tôn, họ nói về Thế Tôn như vậy, họ có xuyên tạc Thế Tôn với điều không thật chăng? Và họ trả lời có thuận với pháp không, và những ai như pháp thuyết đúng pháp, không có lý do để chỉ trích? Bạch Thế Tôn, chúng con không muốn xuyên tạc Thế Tôn.

– Này Sīha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Này Sīha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp về hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Này Sīha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp về đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Này Sīha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán, thuyết pháp về nhàm chán và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Này Sīha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô, thuyết pháp về hư vô và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Này Sīha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh, thuyết pháp về khổ hạnh và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Này Sīha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người chủ trương không nhập thai, thuyết pháp về không nhập thai và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Này Sīha, có pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người an ủi, thuyết pháp về an ủi và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Và này Sīha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Sīha, Ta tuyên bố về không hành động đối với thân làm ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác. Ta tuyên bố về không hành động đối với các pháp ác, bất thiện. Này Sīha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương không hành động, thuyết pháp về không hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Này Sīha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp về hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Sīha, Ta tuyên bố về hành động đối với thân làm lành, miệng nói lành và ý nghĩ lành. Ta tuyên bố về hành động đối với các thiện pháp. Này Sīha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương hành động, thuyết pháp về hành động và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Và này Sīha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp về đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Sīha, Ta tuyên bố về đoạn diệt tham, sân, si. Ta tuyên bố về đoạn diệt đối với các pháp ác, bất thiện. Này Sīha, đây là pháp môn, với pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama chủ trương đoạn diệt, thuyết pháp về đoạn diệt và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Và này Sīha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người nhàn chán, thuyết pháp về nhàm chán và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Sīha, Ta nhàm chán đối với thân làm ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác. Ta nhàm chán đối với sự thành tựu các pháp ác, bất thiện. Này Sīha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người nhàm chán, thuyết pháp về nhàm chán và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Và này Sīha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô, thuyết pháp về hư vô và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Sīha, Ta thuyết pháp để hư vô tham, sân, si. Ta thuyết pháp để hư vô các pháp ác, bất thiện. Này Sīha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người chủ trương hư vô, thuyết pháp về hư vô và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Và này Sīha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu có ai nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh, thuyết pháp về khổ hạnh và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Sīha, Ta tuyên bố cần phải khổ hạnh các pháp ác, bất thiện, kể cả thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Này Sīha, với ai mà các pháp ác, bất thiện, thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác được tu khổ hạnh, được đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm cho như thân cây Sāla, được làm cho không thể tái sanh, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai, Ta tuyên bố rằng người ấy là người khổ hạnh. Này Sīha, đối với Như Lai, các pháp ác, bất thiện cần phải khổ hạnh này, đã được đoạn tận, chặt đứt từ gốc rễ, đã được làm như thân cây Sāla, đã được làm không thể tái sanh, đã được làm không thể sanh khởi trong tương lai. Này Sīha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người khổ hạnh, thuyết pháp về khổ hạnh và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Và này Sīha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người chủ trương không nhập thai, thuyết pháp về không nhập thai và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Sīha, với ai đã đoạn tận sự nhập thai trong tương lai, sự tái sanh, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Ta tuyên bố người ấy là người chủ trương không nhập thai. Này Sīha, Như Lai đã đoạn tận sự nhập thai trong tương lai, sự tái sanh, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sāla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Sīha, đây là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người chủ trương không nhập thai, thuyết pháp về không nhập thai và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Và này Sīha, thế nào là pháp môn, do pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người an ủi, thuyết pháp về an ủi và huấn luyện các đệ tử như vậy"?

Này Sīha, Ta là người an ủi với tối thượng an ủi, Ta thuyết pháp về an ủi, Ta huấn luyện các đệ tử như vậy. Này Sīha, đây là pháp môn, với pháp môn ấy, nếu nói một cách chơn chánh về Ta, có thể nói: "Sa-môn Gotama là người an ủi, thuyết pháp về an ủi và huấn luyện các đệ tử như vậy."

Khi được nói như vậy, Tướng quân Sīha bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Vậy nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Này Sīha, hãy chín chắn suy tư, hãy chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như ông.

– Bạch Thế Tôn, con càng bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Sīha, hãy chín chắn suy tư, hãy chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như ông." Bạch Thế Tôn, nếu các ngoại đạo được con làm đệ tử, họ sẽ giương cờ lên và tuyên bố: "Tướng quân Sīha đã trở thành đệ tử của chúng tôi." Nhưng Thế Tôn lại nói với con: "Này Sīha, hãy chín chắn suy tư, hãy chín chắn suy tư là tốt đẹp với những người trứ danh như ông." Bạch Thế Tôn, lần thứ hai con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

– Này Sīha, đã từ lâu gia đình ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Nigaṇṭhā. Hãy cúng dường những món ăn cho những ai đến với ông.

– Bạch Thế Tôn, con lại bội phần hoan hỷ, bội phần thỏa mãn với những lời Thế Tôn nói với con: "Này Sīha, đã từ lâu gia đình ông như là giếng nước mưa nguồn cho các người Nigaṇṭhā. Hãy cúng dường những món ăn cho những ai đến với ông." Bạch Thế Tôn, con nghe: "Sa-môn Gotama nói như sau: 'Chỉ bố thí cho Ta, chớ bố thí cho các người khác. Chỉ bố thí cho các đệ tử Ta, chớ bố thí cho đệ tử các người khác. Chỉ bố thí cho Ta mới có phước lớn, bố thí cho những người khác không có phước lớn. Chỉ bố thí cho đệ tử Ta mới có phước lớn, bố thí cho đệ tử những người khác không có phước lớn.'" Nhưng Thế Tôn lại khuyến khích con bố thí cho các người Nigaṇṭhā.

Bạch Thế Tôn, và chúng con ở đây sẽ biết thời nên làm. Bạch Thế Tôn, lần thứ ba con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Rồi Thế Tôn thuận thứ thuyết pháp[12] cho Tướng quân Sīha, tức là thuyết về bố thí, thuyết về giới, thuyết về các cõi trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của các dục, những lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết Tướng quân Sīha tâm đã sẵn sàng, tâm đã nhu thuận, tâm không triền cái, tâm được phấn khởi, tâm được hoan hỷ, Ngài mới thuyết những pháp được chư Phật tán dương đề cao: "Khổ, tập, diệt, đạo." Cũng như một tấm vải thuần bạch, các chấm đen được gột rửa, rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, chính tại chỗ ngồi ấy, Pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên với Tướng quân Sīha: "Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều bị tiêu diệt."

Rồi Tướng quân Sīha thấy pháp, chứng pháp, biết pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ vượt qua; do sự trừ diệt, đạt được vô sở úy, không y cứ người khác đối với các pháp của bậc Đạo sư. Tướng quân Sīha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nhận lời mời của con, ngày mai tới dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Tướng quân Sīha biết được Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi đi ra. Rồi Tướng quân cho gọi một người: "Này người kia, hãy tìm cho thịt tươi."

Rồi Tướng quân Sīha, sau đêm ấy tại trú xứ của mình, cho soạn các món ăn thượng vị, loại cứng và mềm, rồi cho người tới báo tin với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời. Tại trú xứ của Tướng quân Sīha, món ăn đã sẵn sàng."

Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đến trú xứ của Tướng quân Sīha; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn với chúng Tỷ-kheo. Lúc bấy giờ, nhiều người Nigaṇṭhā ở Vesāli, từ đường lớn này đến đường lớn khác, từ đường hẻm này đến đường hẻm khác, múa tay la lớn: "Hôm nay, Tướng quân Sīha đã giết một con thú lớn, và một bữa cơm được soạn cho Sa-môn Gotama, và Sa-môn tuy biết vậy, vẫn ăn món thịt được sửa soạn, do duyên vì mình được sửa soạn ra."

Rồi một người đi đến Tướng quân Sīha; sau khi đến, nói nhỏ vào tai Tướng quân Sīha:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả có biết chăng? Nhiều Nigaṇṭhā ở Vesāli, từ đường lớn này đến đường lớn khác, từ đường hẻm này đến đường hẻm khác, múa tay la lớn: "Hôm nay, Tướng quân Sīha đã giết một con thú lớn, và một bữa cơm đã được soạn cho Sa-môn Gotama, và Sa-môn Gotama tuy biết vậy, vẫn ăn món thịt được sửa soạn, do duyên vì mình được sửa soạn ra."

– Thôi vừa rồi, này bạn. Đã lâu rồi, các Tôn giả ấy muốn chỉ trích Phật, muốn chỉ trích Pháp, muốn chỉ trích các chúng Tăng. Nhưng các Tôn giả ấy không làm hại gì được Thế Tôn với những lời xuyên tạc không có thật, trống rỗng, láo khoét. Và chúng ta không vì sinh mạng lại cố ý sát hại sinh mạng của loài hữu tình.

[12] Xem *D.* I. 110; II. 41; *M.* II. 145; *Vin.* I. 15; II. 156.

Rồi Tướng quân Sīha tự tay mình hầu hạ và làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật là người dẫn đầu với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm. Rồi Tướng quân Sīha, sau khi biết Thế Tôn ăn đã xong, bàn tay đã rời khỏi bát, liền ngồi xuống một bên, và Thế Tôn với bài pháp thoại thuyết giảng cho Tướng quân Sīha, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

III. KINH NGỰA THUẦN THỤC (*Assājānīyasutta*)[13] (*A*. IV. 188)

13. Đầy đủ với tám đức tánh, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiền thiện, thuần thục, xứng đáng để vua dùng, thuộc quyền sở hữu của vua và được xem như là biểu tượng của vua. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua, hiền thiện, thuần thục, khéo sanh cả hai từ mẫu hệ và phụ hệ, tại phương hướng nào các con ngựa hiền thiện, thuần thục khác sanh trưởng, tại phương hướng ấy, con ngựa ấy được sanh. Họ cho ăn các món ăn gì, ướt hay khô, con ngựa ấy ăn một cách cẩn thận, không có làm rơi rớt. Con ngựa ấy nhàm chán khi phải đứng hay nằm gần phân hay nước tiểu. Con ngựa ấy sống hoan hỷ và dễ dàng sống chung với các con ngựa khác và không làm các con ngựa khác hoảng sợ. Phàm có những gian dối,[14] giả dối, xảo trá, quanh co gì, nó nêu rõ như thật cho người đánh xe biết, và người đánh xe cố gắng nhiếp phục nó. Khi đang kéo xe, nó nghĩ: "Hãy để cho các con ngựa khác muốn hay không muốn kéo, còn ta, ta sẽ kéo." Khi đi, nó đi con đường thẳng. Kiên trì, nó kiên trì cho đến khi mạng sống chấm dứt.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, một con ngựa của vua hiền thiện, thuần thục, xứng đáng để vua dùng, thuộc quyền sở sữu của vua, và được xem như là biểu tượng của vua.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu tám pháp này, Tỷ-kheo xứng đáng được cung kính... là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Phàm nhận các món đồ ăn gì, thô hay tế, vị ấy ăn một cách cẩn thận, không có oán thán gì. Vị ấy có nhàm chán, nhàm chán thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, nhàm chán sự thành tựu các pháp ác, bất thiện. Vị ấy hoan hỷ và dễ dàng sống chung với các Tỷ-kheo khác và không làm các Tỷ-kheo khác hoảng sợ. Phàm có những gian dối, giả dối, xảo trá, quanh co gì, vị ấy như thật nêu rõ cho vị Đạo sư hay các đồng Phạm hạnh có trí cố gắng để nhiếp phục. Trong khi học tập, vị ấy khởi lên ý nghĩ: "Hãy để cho các Tỷ-kheo khác học tập hay không học tập, còn ta, ta sẽ học tập ở đây." Khi đi, vị ấy đi con đường thẳng, tại đây, con đường thẳng này tức là chánh tri kiến, chánh tư

---

[13] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.925. 0235b22); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.150. 0430a28); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.924. 0235a06); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T*.02. 0100.149. 0429c11).

[14] Xem *A*. V. 167; *M*. I. 340.

duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Vị ấy sống tinh cần, nghĩ rằng: "Dầu chỉ có da, gân hay xương còn lại, dầu thịt và máu có khô cạn trong thân, điều mà sự kiên trì của con người, sự tinh tấn của con người, sự nỗ lực của con người có thể đạt được, nếu chưa đạt được thời tinh tấn không có chấm dứt."

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

IV. KINH NGỰA CHƯA ĐIỀU PHỤC (*Assakhaḷuṅkasutta*)[15] (*A*. IV. 190)

14. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về tám loại ngựa chưa được điều phục, tám tánh xấu của con ngựa; tám hạng người chưa được điều phục, tám tánh xấu của con người. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là tám loại ngựa chưa được điều phục? Thế nào là tám tánh xấu của con ngựa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó đi lui, và với lưng, làm chiếc xe chạy vòng lại. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ nhất của con ngựa.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loại ngựa chưa được điều phục, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó nhảy lui, đạp vào thành xe,[16] làm gãy gọng xe.[17] Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ hai của con ngựa.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loại ngựa chưa được điều phục, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó rút bắp vế ra khỏi gọng xe[18] và giẫm nát gọng xe. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ ba của con ngựa.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loại ngựa chưa được điều phục, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó liền đi con đường xấu và làm cho xe bị lạc hướng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ tư của con ngựa.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loại ngựa chưa được điều phục, khi bảo

---

[15] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.924. 0235a06); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.149. 0429c11); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.925. 0235b22). *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.150. 0430a28).

[16] *Kubbaraṃ hanati. AA*. IV. 104: *Pacchā laṅghati, kubbaraṃ hanatīti dve pacchimapāde ukkhipitvā tehi paharitvā rathakubbaraṃ bhindati* ("Nó nhảy lùi, đạp vào gọng xe" nghĩa là nó tung 2 chân sau, đạp vào xe, làm gãy gọng xe).

[17] *Tidaṇḍaṃ bhañjati*: Có ba đòn tay trên xe và nó làm gãy.

[18] Cúi đầu xuống để cái ách rơi xuống đất, nó làm gãy cái gọng xe với chân sau.

đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó trườn đứng phía thân trước và đạp lên không trung với chân trước. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ năm của con ngựa.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loại ngựa chưa được điều phục, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó không để ý đến người đánh xe, không để ý đến cây gậy thúc ngựa, lấy răng nghiến hàm thiết ngựa (*mukhādhānaṃ vidhaṃsitvā*) và đi chỗ nào nó muốn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ sáu của con ngựa.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loại ngựa chưa được điều phục, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, không đi tới, không đi lui, đứng lại tại chỗ như một cột trụ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ bảy của con ngựa.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có loại ngựa chưa được điều phục, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, liền tréo hai chân trước, tréo lại hai chân sau, và quỵ xuống bốn chân tại đấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là loại ngựa chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ tám của con ngựa.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám loại ngựa chưa được điều phục và tám tánh xấu của con ngựa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tám hạng người chưa được điều phục và tám tánh xấu của con người?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ-kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, tránh né [vấn đề] như là không nhớ, nói rằng: "Tôi không nhớ, tôi không nhớ." Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó đi lui và với cái lưng làm cho cái xe chạy vòng lại. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ nhất của con người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ-kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, phát ra lời chất vấn Tỷ-kheo buộc tội: "Ông lấy quyền gì mà nói, này kẻ ngu si không thông minh? Tại sao ông nghĩ rằng ông phải nói?" Ví như, này các Tỷ-kheo, con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó nhảy lui lại, đạp vào thành xe, làm gãy gọng xe. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ hai của con người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ-kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, liền cật nạn Tỷ-kheo buộc tội: "Ông cũng phạm tội tên là như vậy. Vậy ông hãy phát lộ trước." Này các Tỷ-kheo, ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la,

rút bắp vế ra khỏi gọng xe và giẫm nát gọng xe. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ ba của con người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ-kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, liền tránh né vấn đề với một vấn đề khác, hướng dẫn câu chuyện ra ngoài và biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Này các Tỷ-kheo, ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, liền đi vào con đường xấu và làm cho xe bị lạc hướng. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, ở đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, ở đây là tánh xấu thứ tư của con người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ-kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, liền nói ba hoa, giơ tay múa chân (*bāhuvikkhepaṃ karoti*). Này các Tỷ-kheo, ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó liền trườn đứng phía thân trước và đạp lên không trung với chân trước. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ năm của con người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ-kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, không để ý đến chúng Tăng, không để ý đến các Tỷ-kheo buộc tội, với tội phạm và như một người bị xúc phạm, vị ấy đi chỗ nào vị ấy muốn. Này các Tỷ-kheo, ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó không để ý đến người đánh xe, không để ý đến cây roi, lấy răng nghiến hàm thiết ngựa, và đi chỗ nào nó muốn. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ sáu của con người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ-kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, liền nói: "Tôi không phạm tội, tôi không có phạm tội", và vị ấy làm chúng Tăng bực mình với sự im lặng. Này các Tỷ-kheo, ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị gậy thúc hay bị người đánh xe la, nó không đi tới, không đi lui, đứng lại tại chỗ như một cột trụ. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ bảy của con người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo phạm tội. Tỷ-kheo ấy bị các Tỷ-kheo buộc tội, nói như sau: "Tại sao các Tôn giả lại quá lo[19] cho tôi. Bắt đầu từ nay, tôi sẽ từ bỏ học pháp và hoàn tục." Rồi vị ấy sau khi từ bỏ học pháp và hoàn tục, nói như sau: "Nay các Tôn giả ấy được hoan hỷ!" Này

[19] *Byāvaṭa*. Xem *Ud*. 13; *UdA*. 116 viết *ussukka* (nhiệt tâm).

các Tỷ-kheo, ví như con ngựa chưa được điều phục ấy, khi bảo đi, bị đánh hay bị người đánh xe la, liền tréo lại hai chân trước, tréo lại hai chân sau và nằm xuống bốn chân tại đấy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người này giống như ví dụ ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là hạng người chưa được điều phục. Này các Tỷ-kheo, đây là tánh xấu thứ tám của con người.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám hạng người chưa được điều phục và tám tánh xấu của con người.

V. KINH CÁC CẤU UẾ (*Malasutta*)[20] (*A*. IV. 195)

15. Này các Tỷ-kheo, có tám cấu uế này. Thế nào là tám?

Này các Tỷ-kheo, không đọc tụng là cấu uế của Thánh điển; này các Tỷ-kheo, không thức dậy là cấu uế của nhà; này các Tỷ-kheo, biếng nhác là cấu uế của dung sắc; này các Tỷ-kheo, phóng dật là cấu uế của phòng hộ; này các Tỷ-kheo, ác hạnh là cấu uế của đàn bà; này các Tỷ-kheo, xan tham là cấu uế của bố thí; này các Tỷ-kheo, các pháp ác, bất thiện, là cấu uế của đời này và đời sau; nhưng này các Tỷ-kheo, còn có cấu uế lớn hơn các cấu uế, vô minh là cấu uế lớn nhất.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám loại cấu uế.

Không tụng làm nhớp kinh,
Không dậy làm nhớp nhà,
Biếng nhác nhớp dung sắc,
Phóng dật nhớp phòng hộ,
Ác hạnh nhớp mỹ nhân,
Xan tham nhớp bố thí,
Các pháp ác làm nhớp,
Đời này và đời sau.
Nhưng có loại cấu uế,
Hơn tất cả cấu uế,
Đấy chính là vô minh,
Là cấu uế lớn nhất.

VI. KINH SỨ GIẢ (*Dūteyyasutta*) (*A*. IV. 196)

16. Thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo xứng đáng đi làm sứ giả. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người nghe và khiến người khác nghe, học và khiến người khác thọ trì, biết và khiến người khác biết, thiện xảo trong vấn đề thích hợp và không thích hợp [hay vấn đề kinh điển hay không kinh điển], không phải là người ưa cãi nhau.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo xứng đáng đi làm sứ giả.

---

[20] Tham chiếu: *Pháp cú kinh*, *Trần cấu phẩm* 法句經塵垢品 (*T*.04. 0210.26. 0568b15).

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Sāriputta xứng đáng đi làm sứ giả. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sāriputta là người nghe và khiến người khác nghe, học và khiến người khác thọ trì, biết và khiến người khác biết, thiện xảo trong vấn đề thích hợp và không thích hợp, không phải là người ưa cãi nhau.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Sāriputta xứng đáng đi làm sứ giả.

Với ai không run sợ,
Đến hội chúng bạo ngôn,
Không quên lời đã học,
Không che giấu giáo pháp,
Không nói lời nghi hoặc,[21]
Được hỏi không phẫn nộ,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Xứng đáng đi sứ giả.

VII. KINH TRÓI BUỘC THỨ NHẤT (*Paṭhamabandhanasutta*)[22] (*A*. IV. 196)

17. Với tám hình tướng này, này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân. Thế nào là tám?

Này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với nhan sắc; này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với tiếng cười; này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với lời nói; này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với lời ca; này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với nước mắt (*vanabhaṅga*); này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với áo quần; này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với vật tặng; này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với xúc chạm.

Với tám hình tướng này, này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân. Các loài hữu tình bị khéo trói buộc bởi các hình tướng ấy, giống như bị trói buộc bởi bẫy sập.

VIII. KINH TRÓI BUỘC THỨ HAI (*Dutiyabandhanasutta*)[23] (*A*. IV. 197)

18. Với tám hình tướng, này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân. Thế nào là tám?

Này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với nhan sắc; này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với tiếng cười; này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với lời nói; này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với lời ca; này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với nước mắt; này các

[21] *Asandiddhañca*. *AA*. IV. 106: *Asandiddhanti nissandehaṃ vigatasaṃsayaṃ* ("Không nghi hoặc" nghĩa là [lời nói] không đưa đến sự nghi ngờ).

[22] Bản tiếng Anh của PTS: *A Woman's Toils*, nghĩa là *Sự trói buộc của nữ nhân*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.44.5. 0765c24).

[23] Bản tiếng Anh của PTS: *A Man's Hold*, nghĩa là *Sự trói buộc của nam nhân*.

Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với áo quần; này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với vật tặng; này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân với xúc chạm.

Với tám hình tướng này, này các Tỷ-kheo, nam nhân trói buộc nữ nhân. Các loài hữu tình bị khéo trói buộc bởi các hình tướng ấy, giống như bị trói buộc bởi bẫy sập.

IX. KINH A-TU-LA PAHĀRĀDA (*Pahārādasutta*)[24] (*A*. IV. 197)

19. Một thời, Thế Tôn trú ở Verañjā, dưới gốc cây Naḷerupucimanda. Rồi Vua a-tu-la Pahārāda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với Vua a-tu-la Pahārāda đang đứng một bên:

– Này Pahārāda, có phải các a-tu-la thích thú biển lớn?

– Bạch Thế Tôn, các a-tu-la thích thú biển lớn.

– Này Pahārāda, có bao nhiêu sự vi diệu chưa từng có trong biển lớn mà do thấy vậy, thấy vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn?

– Bạch Thế Tôn, có tám sự vi diệu chưa từng có trong biển lớn mà do thấy vậy, thấy vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn. Thế nào là tám?

Bạch Thế Tôn, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ nhất, do thấy vậy, thấy vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ hai, do thấy vậy, thấy vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn không có chấp chứa xác chết; nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vất lên đất liền. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn không có chấp chứa xác chết; nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vất lên đất liền, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ ba, do thấy vậy, thấy vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên cũ trở thành biển lớn. Vì rằng, bạch Thế Tôn, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng... trở thành biển lớn, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ tư... thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy. Vì rằng, bạch Thế Tôn, phàm có những dòng nước gì

---

[24] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.42.4. 0752c24); *A-tu-la kinh* 阿修羅經 (*T*.01. 0026.35. 0475c16).

ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ năm... thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn chỉ có một vị là vị mặn, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ sáu... thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu ly, xa cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu ly, xa cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ bảy... thích thú biển lớn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ của các loại chúng sanh lớn, tại đấy, có những chúng sanh như các con timi, timiṅgala, timiramiṅgala,[25] những loại asura (a-tu-la), các loại nāga, các loại gandhabba; trong biển có những loài hữu tình có tự ngã dài một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, bốn trăm do-tuần, năm trăm do-tuần. Vì rằng, bạch Thế Tôn, biển lớn là trú xứ của các loài chúng sanh lớn... năm trăm do-tuần, nên bạch Thế Tôn, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ tám, do thấy vậy, thấy vậy, các a-tu-la thích thú biển lớn. Nhưng bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này?

– Này Pahārāda, các Tỷ-kheo có thích thú trong Pháp và Luật này.

– Bạch Thế Tôn, trong Pháp và Luật này có bao nhiêu pháp vi diệu chưa từng có mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này?

– Này Pahārāda, có tám pháp vi diệu này chưa từng có trong Pháp và Luật mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. Thế nào là tám?

Ví như, này Pahārāda, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm. Cũng vậy, này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thục là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí (*aññāpaṭivedha*) thình lình. Này Pahārāda, vì rằng, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thục (*kiriyā*) là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thình lình, nên này Pahārāda, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ nhất, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này Pahārāda, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Cũng vậy, này Pahārāda, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này Pahārāda, vì rằng, các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì

[25] Xem *Vin*. II. 238; *Ud*. 55, Ngài Dhammapāla giải thích có ba loại cá, loại giữa ăn loại trước, và loại thứ ba ăn cả loại đầu và loại giữa.

nhân sinh mạng, cũng không vượt qua, nên này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ hai, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này Pahārāda, biển lớn không có chấp chứa xác chết; nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vất lên đất liền. Cũng vậy, này Pahārāda, người nào hành ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh, chúng Tăng không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và tẩn xuất người ấy ra khỏi; dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Này Pahārāda, vì rằng, người ấy hành ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất tịnh... và chúng Tăng sống xa người ấy, nên này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này Pahārāda, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, các con sông ấy khi chảy đến biển, liền bỏ tên cũ trở thành biển lớn. Cũng vậy, này Pahārāda, có bốn giai cấp: Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố này, họ từ bỏ tên và họ của họ từ trước, và họ trở thành những Sa-môn Thích tử. Này Pahārāda, vì rằng, có bốn giai cấp... trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này Pahārāda, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống nhưng không vì vậy biển lớn được thấy có vơi có đầy. Cũng vậy, này Pahārāda, nếu có nhiều Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đầy. Này Pahārāda, vì rằng, nếu có nhiều Tỷ-kheo nhập vào Niết-bàn giới không có dư y, Niết-bàn giới cũng không vì vậy được thấy có vơi có đầy, nên này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ năm, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này Pahārāda, biển lớn chỉ có một vị mặn. Cũng vậy, này Pahārāda, Pháp và Luật cũng chỉ có một vị là vị giải thoát. Này Pahārāda, vì rằng, Pháp và Luật cũng chỉ có một vị là vị giải thoát, nên này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này Pahārāda, biển lớn có nhiều châu báu, có nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu ly, xa cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Cũng vậy, này Pahārāda, Pháp và Luật này

có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này như bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành. Này Pahārāda, vì rằng, Pháp và Luật này có nhiều châu báu, có nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này như bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành, nên này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Ví như, này Pahārāda, biển lớn là trú xứ của các loại chúng sanh lớn, tại đấy có những chúng sanh như các con timi, timiṅgala, timiramiṅgala, những loại asura, các loại nāga, các loại gandhabba; trong biển có loài hữu tình với tự ngã dài một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, bốn trăm do-tuần, năm trăm do-tuần. Cũng vậy, này Pahārāda, Pháp và Luật là trú xứ của các loài chúng sanh lớn, ở đấy có những loại chúng sanh này: Bậc Dự Lưu, bậc đã hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả, bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Nhất lai quả, bậc Bất Lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Bất lai quả, bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến chứng ngộ A-la-hán quả. Này Pahārāda, vì rằng, Pháp và Luật này là trú xứ của các loại chúng sanh lớn, ở đấy có những chúng sanh này... A-la-hán quả, nên này Pahārāda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này Pahārāda, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và Luật, và do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

X. KINH NGÀY TRAI GIỚI (*Uposathasutta*)[26] (*A*. IV. 204)

20. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Đông Viên, chỗ lâu đài của mẹ Migāra. Lúc bấy giờ, Thế Tôn, nhân ngày trai giới, đang ngồi có chúng Tăng đoanh vây. Rồi Tôn giả Ānanda, khi đêm đã gần mãn và canh một đã qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đọc Giới bổn cho các Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng.

Lần thứ hai, Tôn giả Ānanda, khi đêm đã gần mãn và canh giữa đã qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh hai đã qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đọc Giới bổn cho các Tỷ-kheo.

Khi được nói như vậy, Thế Tôn giữ im lặng.

---

[26] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.48.2. 0786a26); *Thiềm-ba kinh* 譫波經 (*T*.01. 0026.37. 0478b13); *Hằng thủy kinh* 恒水經 (*T*.01. 0033. 0817a03); *Pháp hải kinh* 法海經 (*T*.01. 0034. 0818a08); *Hải bát đức kinh* 海八德經 (*T*.01. 0035. 0819a03).

Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda, khi đêm đã gần mãn và canh cuối đã qua, rạng đông đã khởi, mặt đêm đã sáng tỏ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái chào Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã qua, rạng đông đã khởi, mặt đêm đã sáng tỏ, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy đọc Giới bổn cho các Tỷ-kheo.

– Này Ānanda, hội chúng không được thanh tịnh.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna suy nghĩ như sau: "Đề cập đến người nào, Thế Tôn đã nói: 'Này Ānanda, hội chúng không được thanh tịnh'?" Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna, với tâm của mình chú tâm tác ý đến toàn thể chúng Tỷ-kheo, Tôn giả thấy một người ấy hành ác giới, theo ác pháp, sở hành bất tịnh, đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là sống Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất tịnh đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo; thấy vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến người ấy; sau khi đến, nói với người ấy:

– Này Hiền giả, hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy ông. Đối với Hiền giả, không thể chung sống với các Tỷ-kheo.

Được nói như vậy, người ấy im lặng.

Lần thứ hai, Tôn giả Mahāmoggallāna nói với người ấy:

– Này Hiền giả, hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy ông. Đối với Hiền giả, không thể chung sống với các Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng.

Lần thứ ba, Tôn giả Mahāmoggallāna nói với người ấy:

– Này Hiền giả, hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy ông. Đối với Hiền giả, không thể chung sống với các Tỷ-kheo.

Lần thứ ba, người ấy im lặng.

Rồi Tôn giả Mahāmoggallāna nắm lấy cánh tay người ấy, đẩy ra khỏi cửa, đóng chốt cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, người ấy đã bị con đuổi ra khỏi. Hội chúng đã thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, hãy thuyết Giới bổn cho chúng Tỷ-kheo.

– Thật vi diệu thay, này Mahāmoggallāna! Thật hy hữu thay, này Mahāmoggallāna! Cho đến khi bị nắm tay, kẻ ngu si kia mới đi.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông hãy hành trì Bố-tát (*Uposatha*), hãy đọc Giới bổn. Bắt đầu từ nay, này các Tỷ-kheo, Ta sẽ không đọc Giới bổn. Này các Tỷ-kheo, không có sự kiện, không có cơ hội rằng Như Lai có thể đọc Giới bổn trong một hội chúng không thanh tịnh.

Này các Tỷ-kheo, trong biển lớn có tám pháp vi diệu chưa từng có này mà do thấy vậy, thấy vậy, các asura (a-tu-la) thích thú biển lớn. Thế nào là tám?

Này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự xuôi, tuần tự thuận hướng... (như kinh 19). Này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có thứ tám, mà do thấy vậy, thấy vậy, các asura thích thú biển lớn.

Này các Tỷ-kheo, trong biển lớn có tám sự vi diệu chưa từng có này, mà do thấy vậy, thấy vậy, các asura thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này có tám pháp vi diệu chưa từng có này, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này. Thế nào là tám?

Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng... (như kinh 19 và những thay đổi cần thiết). Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo hoan hỷ trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, có tám pháp vi diệu chưa từng có này, mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo hoan hỷ trong Pháp và Luật này.



III. PHẨM GIA CHỦ
(*GAHAPATIVAGGA*)

I. KINH UGGA THỨ NHẤT (*Paṭhamauggasutta*)[27] (*A*. IV. 208)

21. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, gia chủ Ugga, người Vesāli, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có. Các ông hãy thọ trì như vậy.

Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá.

Rồi một Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của gia chủ Ugga, người Vesāli; sau khi đến, liền ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi gia chủ Ugga, người Vesāli, đi đến Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, đảnh lễ Tỷ-kheo ấy rồi ngồi xuống một bên. Tỷ-kheo ấy nói với gia chủ Ugga, người Vesāli, đang ngồi xuống một bên:

– Này gia chủ, Thế Tôn có nói rằng: "Gia chủ Ugga, người Vesāli này, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có." Này gia chủ, thế nào là tám pháp vi diệu chưa từng có ấy, mà Thế Tôn nói gia chủ là người được thành tựu?

– Thưa Tôn giả, tôi không biết Thế Tôn đã nói tôi thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có là gì. Nhưng thưa Tôn giả, tôi có tám pháp vi diệu chưa từng có này, hãy lắng nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

– Vâng, này gia chủ.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp gia chủ Ugga, người Vesāli. Gia chủ Ugga, người Vesāli, nói như sau:

– Thưa Tôn giả, khi tôi lần đầu tiên chỉ từ xa thấy Thế Tôn, thưa Tôn giả, chỉ thấy Thế Tôn thôi, tâm tôi được tịnh tín. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu thứ nhất, được có ở nơi tôi. Rồi thưa Tôn giả, với tâm tịnh tín ấy, tôi hầu hạ Thế Tôn. Thế Tôn thuyết pháp thuận thứ cho tôi, như thuyết về bố thí, thuyết

---

[27] Bản tiếng Anh của PTS: *Ugga of Vesāli*, nghĩa là *Ugga, người ở Vesāli*. Tham chiếu: *Úc-già Trưởng giả kinh* 郁伽長者經 (*T*.01. 0026.38. 0479c11).

về giới, thuyết về cõi trời; nói đến sự nguy hại, hạ liệt, nhiễm ô của các dục và sự lợi ích của viễn ly.[28]

Khi Thế Tôn biết tôi tâm đã sẵn sàng, tâm đã nhu thuận, tâm không triền cái, tâm được phấn khởi, tâm được hoan hỷ, Thế Tôn mới thuyết những pháp được chư Phật tán dương đề cao: "Khổ, tập, diệt, đạo." Cũng như một tấm vải thuần tịnh, các chấm đen được gột rửa, rất dễ thấm màu nhuộm; cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, Pháp nhãn xuất trần ly cấu khởi lên nơi tôi: "Phàm pháp gì được tập khởi, tất cả pháp ấy đều bị đoạn diệt." Rồi thưa Tôn giả, khi tôi thấy pháp, đạt pháp, biết pháp, thể nhập pháp, nghi ngờ được vượt qua, do dự trừ diệt, đạt được vô sở úy, không y cứ người khác đối với pháp bậc Đạo sư. Tại đấy, tôi quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tăng, tôi thọ lãnh năm học pháp về Phạm hạnh. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ hai được có ở nơi tôi.

Thưa Tôn giả, tôi có bốn người vợ đều còn trẻ tuổi. Rồi tôi đi đến các người vợ ấy; sau khi đến, tôi nói với các người vợ ấy như sau: "Này các vị, tôi đã thọ lãnh năm học pháp về Phạm hạnh. Ai muốn, hãy hưởng thọ tài sản ở chỗ này, hay làm các công đức, hay đi đến gia đình bà con của mình, hay ai có ưng ý người đàn ông nào, tôi sẽ cho các vị." Được nói như vậy, thưa Tôn giả, người vợ lớn của tôi nói với tôi: "Thưa gia chủ Ugga, hãy cho tôi người đàn ông tên này." Rồi thưa Tôn giả, tôi cho mời người ấy lại, với tay trái tôi cầm tay người vợ, với tay phải tôi cầm bình nước, rồi tôi rửa sạch người ấy. Thưa Tôn giả, từ khi bỏ người vợ trẻ, tâm tôi không có một chút đổi khác. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba được có ở nơi tôi.

Thưa Tôn giả, có những tài sản ở trong gia đình tôi, chúng được phân chia (*appaṭivibhattā*) giữa những người có giới và những người tốt lành. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư được có ở nơi tôi.

Khi tôi hầu hạ một Tỷ-kheo, tôi hầu hạ rất cẩn thận, không phải không cẩn thận. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ năm được có ở nơi tôi.

Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả ấy thuyết pháp cho tôi, tôi nghe hết sức cẩn thận, không phải không cẩn thận. Nếu Tôn giả ấy không thuyết pháp cho tôi, thời tôi thuyết pháp cho vị ấy. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu được có ở nơi tôi.

Thật không phải là vi diệu, thưa Tôn giả, chư thiên sau khi đến, bảo tôi: "Này gia chủ, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng!" Khi được nghe vậy, thưa Tôn giả, tôi nói với chư thiên ấy như sau: "Dầu cho chư thiên các người có nói như vậy hay không nói như vậy, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng." Thưa Tôn giả, tuy vậy, tâm tôi không có tự hào về nhân duyên ấy, nghĩa là: "Chư thiên đến với ta. Ta cùng nói chuyện với chư thiên." Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy được có ở nơi tôi.

---

[28] Xem *A*. IV. 185.

Thưa Tôn giả, năm hạ phần kiết sử này được Thế Tôn thuyết giảng, tôi thấy rõ không có một pháp nào không được đoạn tận ở nơi tôi. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám được có ở nơi tôi.

Thưa Tôn giả, tám pháp vi diệu chưa từng có này có mặt. Nhưng tôi không biết Thế Tôn đã nói tôi thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có nào.

Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi nhận đồ ăn khất thực tại trú xứ của gia chủ Ugga, người Vesāli, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi khất thực, ăn xong, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy đem tất cả câu chuyện nói với gia chủ Ugga, người Vesāli, thuật lại với Thế Tôn.

– Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo, gia chủ Ugga, người Vesāli, nếu có trả lời một cách chơn chánh, có thể trả lời như vậy! Này Tỷ-kheo, Ta đã nói gia chủ Ugga, người Vesāli, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này. Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng gia chủ Ugga, người Vesāli, được thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này.

II. KINH UGGA THỨ HAI (*Dutiyauggasutta*)[29] (*A*. IV. 212)

22. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Vajjī, tại làng Hatthi. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... (như kinh 21)... Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, gia chủ Ugga, người làng Hatthi, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có. Các ông hãy thọ trì như vậy.

Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá.

(Như kinh 21, và có một vài thay đổi cần thiết)…

– Thưa Tôn giả, khi tôi còn vui chơi ở rừng Nāga, lần đầu tiên, tôi thấy Thế Tôn từ đằng xa. Chỉ thấy Thế Tôn thôi, thưa Tôn giả, tâm tôi được tịnh tín, và say rượu được đoạn tận. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ nhất được có ở nơi tôi. Rồi thưa Tôn giả, với tâm tịnh tín ấy, tôi hầu hạ Thế Tôn. Rồi Thế Tôn thuyết pháp thuận thứ cho tôi như thuyết pháp về bố thí, thuyết về giới, thuyết về cõi trời; nói lên sự nguy hại, sự hạ liệt, nhiễm ô của các dục và sự lợi ích của viễn ly.

(Pháp vi diệu thứ hai, thứ ba, thứ tư giống như kinh 21, và có một vài thay đổi cần thiết)… chưa từng có thứ tư được có ở nơi tôi.

Thưa Tôn giả, khi tôi hầu hạ một Tỷ-kheo, tôi hầu hạ rất cẩn thận, không phải không cẩn thận. Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả ấy thuyết pháp cho tôi, tôi nghe hết sức cẩn thận, không phải không cẩn thận. Nếu Tôn giả ấy không thuyết pháp cho tôi thời tôi thuyết pháp cho vị ấy. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ năm được có ở nơi tôi.

[29] Bản tiếng Anh của PTS: *Ugga of Hatthigāma*, nghĩa là *Ugga, người ở Hatthigāma*. Tham chiếu: *Úc-già Trưởng giả kinh* 郁伽長者經 (*T*.01. 0026.38. 0479c11).

Thật không phải là vi diệu, thưa Tôn giả, khi tôi mời chúng Tăng, chư thiên đến và bảo tôi: "Này gia chủ, Tỷ-kheo này là vị Câu phần giải thoát; Tỷ-kheo này là vị Tuệ giải thoát; Tỷ-kheo này là vị Thân chứng; Tỷ-kheo này là vị Kiến chí; Tỷ-kheo này là vị Tín giải thoát; Tỷ-kheo này là vị Tùy pháp hành; Tỷ-kheo này là vị Tùy tín hành; vị này giữ giới, theo thiện pháp; vị này phá giới, theo ác pháp." Nhưng khi tôi cúng dường chúng Tăng, tôi không cảm thấy có tâm như vầy khởi lên: "Vị này tôi cúng ít" hay "vị này tôi cúng nhiều." Thưa Tôn giả, tôi cúng với tâm bình đẳng. Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu được có ở nơi tôi.

Thật không phải là vi diệu, thưa Tôn giả, chư thiên sau khi đến, bảo tôi: "Này gia chủ, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng." Khi được nói vậy, thưa Tôn giả, tôi nói với chư thiên ấy như sau: "Dầu cho chư thiên có nói như vậy hay không nói như vậy, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng." Thưa Tôn giả, tuy vậy, tâm tôi không có tự hào nhân duyên ấy, nghĩa là: "Chư thiên đến với ta. Ta cùng nói chuyện với chư thiên ấy." Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy được có ở nơi tôi.

Thưa Tôn giả, nếu tôi mệnh chung trước Thế Tôn, đây không có gì là vi diệu, nhưng nếu Thế Tôn nói về tôi như sau: "Không có một kiết sử nào, do kiết sử ấy, gia chủ Ugga, người làng Hatthi, có thể trở lui lại đời này." Thưa Tôn giả, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám được có ở nơi tôi.

Thưa Tôn giả, tám pháp vi diệu chưa từng có này có mặt ở nơi tôi. Và tôi không biết Thế Tôn đã nói tôi thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có nào.

Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi nhận đồ ăn khất thực tại trú xứ của gia chủ Ugga, người làng Hatthi, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi ăn xong, trên con đường khất thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy đem tất cả câu chuyện nói với gia chủ Ugga, người làng Hatthi, thuật lại với Thế Tôn.

– Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo, gia chủ Ugga, người làng Hatthi, nếu có trả lời một cách chơn chánh, có thể trả lời như vậy. Này Tỷ-kheo, gia chủ Ugga, người làng Hatthi, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này. Như Ta đã nói, này Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng gia chủ Ugga, người làng Hatthi, được thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này.

III. KINH HATTHAKA THỨ NHẤT (*Paṭhamahatthakasutta*)[30] (*A.* IV. 216)

23. Một thời, Thế Tôn trú ở Āḷavī, tại điện Aggāḷava. Tại đấy, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Hatthaka, người xứ Āḷavī thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có. Hãy thọ trì như vậy. Thế nào là bảy?

---

[30] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Hatthaka of Āḷavī*, nghĩa là *Hatthaka, người ở Āḷavī*. Tham chiếu: *Thủ Trưởng giả kinh* 手長者經 (*T.*01. 0026.41. 0484b28).

Có lòng tin, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; có giữ giới, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; có lòng xấu hổ, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; có bố thí, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī.

Thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có này, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī. Hãy thọ trì như vậy. Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, bậc Thiên Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá.

Rồi một Tỷ-kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Hatthaka, người Āḷavī; sau khi đến, liền ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Hatthaka, người Āḷavī, đi đến Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, đảnh lễ Tỷ-kheo ấy rồi ngồi xuống một bên. Tỷ-kheo ấy nói với Hatthaka, người xứ Āḷavī, đang ngồi xuống một bên:

– Thưa Hiền giả, Thế Tôn đã nói Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có. Thế nào là bảy? "Có lòng tin, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī... có giữ giới... có lòng xấu hổ... có lòng sợ hãi tội lỗi... nghe nhiều... có bố thí... có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī." Thưa Hiền giả, Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có này như Thế Tôn đã nói.

– Thưa Tôn giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng?

– Thưa Hiền giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng.

– Lành thay! Ở đây không có người gia chủ bận áo trắng.

Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi nhận đồ ăn khất thực tại trú xứ của Hatthaka, người xứ Āḷavī, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. Rồi Tỷ-kheo ấy, sau khi khất thực, ăn xong, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của Hatthaka, người xứ Āḷavī; sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Bạch Thế Tôn, rồi con nói với Hatthaka, người xứ Āḷavī, đang ngồi một bên: "Thưa Hiền giả, Thế Tôn đã nói Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu chưa từng có này. Thế nào là bảy? Có lòng tin, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī... có giữ giới... có lòng xấu hổ... có lòng sợ hãi tội lỗi... nghe nhiều... có bố thí... có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī." Hiền giả thành tựu bảy pháp vi diệu này, thưa Hiền giả, như Thế Tôn đã nói!" Khi nghe nói như vậy, bạch Thế Tôn, Hatthaka, người xứ Āḷavī, nói với con:

"Thưa Tôn giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng?"

"Thưa Hiền giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng."

"Lành thay! Thưa Hiền giả, ở đây không có người gia chủ bận áo trắng."

– Lành thay! Lành thay! Này Tỷ-kheo, thiện nam tử này là ít dục. Vị ấy không muốn các thiện pháp của mình được người khác biết đến. Do vậy, này

Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng, Hatthaka, người xứ Āḷavī, có thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này, tức là ít dục.

IV. KINH HATTHAKA THỨ HAI (*Dutiyahatthakasutta*)[31] (*A*. IV. 218)

24. Một thời, Thế Tôn trú ở Āḷavī, tại điện Aggāḷava. Rồi Hatthaka, người xứ Āḷavī, cùng với năm trăm nam cư sĩ đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Hatthaka, người xứ Āḷavī, đang ngồi xuống một bên:

– Này Hatthaka, hội chúng này thật lớn. Làm sao, này Hatthaka, ông thâu nhiếp được hội chúng này?

– Bạch Thế Tôn, có bốn nhiếp pháp này được Thế Tôn thuyết giảng; con thâu nhiếp hội chúng này với những nhiếp pháp ấy. Bạch Thế Tôn, khi con biết rằng: "Người này cần phải thâu nhiếp nhờ bố thí", thời con thâu nhiếp người ấy với bố thí. Khi con biết rằng: "Người này cần phải thâu nhiếp nhờ ái ngữ", thời con thâu nhiếp người ấy với ái ngữ. Khi con biết rằng: "Người này cần phải thâu nhiếp do lợi hành", thời con thâu nhiếp người ấy với lợi hành. Khi con biết rằng: "Người này cần phải thâu nhiếp với đồng sự", thời con thâu nhiếp người ấy với đồng sự. Vả lại, bạch Thế Tôn, trong gia đình con có tài sản, họ nghĩ rằng như vậy không thể được nghe như là một người bần cùng.

– Lành thay! Lành thay! Này Hatthaka, đây là nguyên lý để thâu nhiếp đại chúng! Này Hatthaka, những ai trong quá khứ đã thâu nhiếp đại chúng, tất cả đều thâu nhiếp đại chúng với bốn nhiếp pháp này. Này Hatthaka, những ai trong tương lai sẽ thâu nhiếp đại chúng, tất cả sẽ thâu nhiếp đại chúng với bốn nhiếp pháp này. Này Hatthaka, những ai trong hiện tại thâu nhiếp đại chúng, tất cả họ đều thâu nhiếp đại chúng với bốn nhiếp pháp này.

Rồi Hatthaka, người xứ Āḷavī, được Thế Tôn với pháp thoại, giảng dạy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Thế Tôn, sau khi Hatthaka, người xứ Āḷavī, ra đi không bao lâu, bèn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng, Hatthaka, người xứ Āḷavī, thành tựu được tám pháp vi diệu chưa từng có này. Thế nào là tám pháp?

Có lòng tin, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; có giữ giới, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; có lòng xấu hổ, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; có lòng sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; nghe nhiều, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; có bố thí, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; có trí tuệ, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī; ít dục, này các Tỷ-kheo, là Hatthaka, người xứ Āḷavī!

Này các Tỷ-kheo, hãy thọ trì rằng Hatthaka, người xứ Āḷavī, thành tựu tám pháp vi diệu chưa từng có này.

---

[31] Tham chiếu: *Thủ Trưởng giả kinh* 手長者經 (*T*.01. 0026.40. 0482c07).

V. KINH THÍCH TỬ MAHĀNĀMA (*Mahānāmasutta*)[32] (*A*. IV. 220)

25. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, ở khu vườn Nigrodha. Rồi Mahānāma dòng họ Thích, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahānāma dòng họ Thích, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là người nam cư sĩ?

– Này Mahānāma, khi nào quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, cho đến như vậy, này Mahānāma, là người nam cư sĩ.

– Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người nam cư sĩ giữ giới?

– Này Mahānāma, khi nào người nam cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, cho đến như vậy, này Mahānāma, là người nam cư sĩ giữ giới.

– Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người nam cư sĩ thực hành vì tự lợi, chứ không vì lợi tha?

– Này Mahānāma, khi nào nam cư sĩ thành tựu lòng tin cho mình, không khích lệ người khác thành tựu lòng tin; thành tựu giữ giới cho mình, không khích lệ người khác thành tựu giữ giới; thành tựu bố thí cho mình, không khích lệ người khác thành tựu bố thí; muốn tự mình đi đến yết kiến các Tỷ-kheo, không khích lệ người khác đi đến yết kiến các Tỷ-kheo; chỉ tự mình muốn nghe Diệu pháp, không khích lệ người khác nghe Diệu pháp; tự mình thọ trì những pháp đã được nghe, không khích lệ người khác thọ trì những pháp đã được nghe; tự mình suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì, không khích lệ người khác suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì; sau khi tự mình biết nghĩa, biết pháp, thực hiện tùy pháp, đúng Chánh pháp, không khích lệ người khác thực hiện tùy pháp, đúng Chánh pháp; cho đến như vậy, này Mahānāma, là nam cư sĩ thực hành vì tự lợi, không phải vì lợi tha.

– Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là nam cư sĩ thực hành vừa tự lợi vừa lợi tha?

– Này Mahānāma, khi nào nam cư sĩ tự mình thành tựu lòng tin và khích lệ người khác thành tựu lòng tin; khi nào tự mình giữ giới và khích lệ người khác giữ giới; khi nào tự mình bố thí và khích lệ người khác bố thí; khi nào tự mình muốn đi đến yết kiến các Tỷ-kheo và khích lệ người khác đi đến yết kiến các Tỷ-kheo; khi nào tự mình muốn nghe Diệu pháp và khích lệ người khác nghe Diệu pháp; khi nào tự mình thọ trì những pháp đã được nghe và khích lệ người khác thọ trì những pháp đã được nghe; khi nào tự mình suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì và khích lệ người khác suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì; sau khi tự mình biết nghĩa, biết pháp, thực hiện tùy pháp, đúng Chánh pháp và khích lệ người khác sau khi biết nghĩa biết pháp, thực hiện tùy pháp, đúng

[32] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.929. 0236c29); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.154. 0431c12).

Chánh pháp. Cho đến như vậy, này Mahānāma, là nam cư sĩ thực hành vừa tự lợi vừa lợi tha.

VI. KINH JĪVAKA (*Jīvakasutta*) (*A*. IV. 222)

26. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại vườn xoài Jīvaka. Rồi Jīvaka Komārabhacca đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Jīvaka Komārabhacca bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là người nam cư sĩ?

(Như kinh 25, chỉ thay thế "Jīvaka Komārabhacca").

VII. KINH SỨC MẠNH THỨ NHẤT (*Paṭhamabalasutta*)[33] (*A*. IV. 223)

27. Này các Tỷ-kheo, có tám sức mạnh này. Thế nào là tám?

Này các Tỷ-kheo, sức mạnh của con nít là khóc; sức mạnh của đàn bà là phẫn nộ; sức mạnh của người ăn trộm là vũ khí; sức mạnh của các vua chúa là uy quyền; sức mạnh của kẻ ngu là áp đảo; sức mạnh của bậc hiền trí là cảm hóa; sức mạnh của vị nghe nhiều là thẩm sát;[34] sức mạnh của Sa-môn, Bà-la-môn là nhẫn nhục.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám sức mạnh.

VIII. KINH SỨC MẠNH THỨ HAI (*Dutiyabalasutta*)[35] (*A*. IV. 223)

28. Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi một bên:

– Này Sāriputta, có bao nhiêu sức mạnh của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc? Thành tựu với những sức mạnh gì, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận mình đã đoạn diệt các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận"?

– Bạch Thế Tôn, có tám sức mạnh của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc; thành tựu với những sức mạnh ấy, Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, tự nhận mình đã đoạn diệt các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận." Thế nào là tám?

Ở đây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khéo thấy như thật với chánh trí tuệ rằng tất cả các hành là vô thường. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khéo thấy như thật với chánh trí tuệ rằng tất cả các hành là vô thường, bạch Thế Tôn, đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc. Do sức mạnh này, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận mình đã đoạn diệt các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khéo thấy như thật với chánh trí tuệ rằng các dục ví như hố than hừng. Vì rằng, bạch Thế Tôn,

---

[33] Tham chiếu: *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0099.692-693. 0188b02-08); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.38.1. 0717b17).

[34] *Paṭisaṅkhānabalā*. *AA*. IV. 115: *Paṭisaṅkhānabalāti* = *Paccavekkhaṇabalā* (sức mạnh thẩm sát). Xem *BPE*. 354.

[35] Tham chiếu: *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0099.694-698. 0188b18-c08).

Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khéo thấy như thật với chánh trí tuệ rằng các dục ví như hố than hừng, bạch Thế Tôn, đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc... "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, với tâm thuận xuôi về viễn ly, hướng về viễn ly, thiên về viễn ly, trú ở viễn ly, hoan hỷ về xuất ly, đoạn tận hoàn toàn tất cả pháp có thể làm trú xứ cho lậu hoặc. Vì rằng, bạch Thế Tôn... đây là sức mạnh của Tỷ-kheo... "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bốn niệm xứ được tu tập, được khéo tu tập. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bốn niệm xứ được tu tập, được khéo tu tập, bạch Thế Tôn, đây là sức mạnh của vị Tỷ-kheo... "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, bốn như ý túc được tu tập, được khéo tu tập... năm căn được tu tập, được khéo tu tập... năm lực được tu tập, được khéo tu tập... bảy giác chi được tu tập, được khéo tu tập... Thánh đạo tám ngành được tu tập, được khéo tu tập... đây là sức mạnh của Tỷ-kheo... "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận."

Bạch Thế Tôn, đây là tám sức mạnh của Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, thành tựu với tám sức mạnh này, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận mình đã đoạn diệt các lậu hoặc... "Các lậu hoặc đã được ta đoạn tận."

IX. KINH KHÔNG PHẢI THỜI (*Akkhaṇasutta*)[36] (*A*. IV. 225)

29. "Làm việc đúng thời là thế giới, làm việc đúng thời là thế giới", này các Tỷ-kheo, kẻ vô văn phàm phu nói như vậy, nhưng vị ấy không biết đúng thời và phi thời. Này các Tỷ-kheo, có tám phi thời, phi thời tiết cho đời sống Phạm hạnh. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố, và người này lại bị sanh vào địa ngục. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời, phi thời tiết thứ nhất cho đời sống Phạm hạnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố và người này lại bị sanh vào loại bàng sanh...

... người này lại bị sanh vào cõi ngạ quỷ...

... người này lại bị sanh vào giữa thiên giới có thọ mạng lâu dài...

... người này lại bị sanh vào các biên địa, giữa những kẻ vô trí mọi rợ, tại

[36] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.42.1. 0747a07); *Bát nạn kinh* 八難經 (*T*.01. 0026.124. 0613a27).

đây, không có hướng đi cho các Tỷ-kheo, cho các Tỷ-kheo-ni, cho nam cư sĩ, nữ cư sĩ...

… người này được sanh vào chánh địa, nhưng lại có tà kiến, có tri kiến đảo ngược: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự; không có quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác; không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; ở đời không có những Sa-môn, những Bà-la-môn chánh hướng chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ ở đời này, đời khác và truyền dạy lại."[37]…

… người này được sanh vào chánh địa, nhưng người ấy lại bị ác tuệ, si mê, câm điếc, không có thể hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo, nói hay, nói dở…

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai không xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Người này được sanh vào chánh địa, người ấy lại có trí tuệ, sáng suốt, thông minh, có thể hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo, nói hay, nói dở. Này các Tỷ-kheo, đây là phi thời, phi thời tiết thứ tám cho đời sống Phạm hạnh.

Này các Tỷ-kheo, có tám phi thời, phi thời tiết này cho đời sống Phạm hạnh.

Này các Tỷ-kheo, chỉ có một chánh thời, một chánh thời tiết này cho đời sống Phạm hạnh. Thế nào là một?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Thế Tôn xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Và pháp được giảng đưa đến an tịnh, đưa đến tịch tịnh, đưa đến giác ngộ, được bậc Thiện Thệ tuyên bố. Và người này được sanh vào chánh địa, vị ấy có trí tuệ, không si mê, không câm điếc, có thể hiểu rõ ý nghĩa của một lời nói khéo, nói hay, nói dở. Này các Tỷ-kheo, đây là chánh thời, chánh thời tiết độc nhất cho đời sống Phạm hạnh.

Ai được sanh làm người,
Khi Diệu pháp được giảng,
Lại không nắm được thời,
Họ vượt qua khỏi thời.
Nhiều phi thời được nói,
Làm chướng ngại con người,
Chỉ năm khi mười họa,
Như Lai hiện ở đời,
Được giáp mặt với Ngài,
Rất khó được ở đời.
Được sanh ra làm người,
Và Diệu pháp được giảng,
Vừa đủ để tinh tấn,
Với ai muốn lợi ích.

---

[37] Xem *A*. I. 268; V. 265; *D*. I. 55; *M*. I. 401; *S*. IV. 348.

Sao biết rõ Diệu pháp,
Lại để thời vượt qua,
Kẻ để thời gian qua,
Sầu muộn tại địa ngục.
Ở đây ai bỏ rơi,
Quyết định tánh Diệu pháp,
Như kẻ buôn mất của,
Sẽ sầu não lâu ngày.
Người vô minh bao phủ,
Vi phạm đến Diệu pháp,
Phải chịu đựng lâu ngày,
Lưu chuyển trong sanh tử.
Ai được sanh làm người,
Trong thời pháp khéo giảng,
Quá khứ, hiện, vị lai,
Làm theo lời Đạo sư,
Nắm được thời ở đời,
Cho vô thượng Phạm hạnh.
Ai đã bước con đường,
Do Như Lai thuyết giảng,
Những ai sống chế ngự,
Do bậc Pháp Nhãn dạy,
Như đã được thuyết giảng,
Bậc Bà Con Mặt Trời,
Hãy sống thường chánh niệm,
Hộ trì không tham dục,
Chặt đứt mọi tùy miên,
Không chạy theo Ma giới,
Các vị ấy ở đời,
Đến được bờ bên kia,
Và họ cũng đạt được,
Các lậu hoặc đoạn tận.

X. KINH ĐẠI TƯ NIỆM CỦA TÔN GIẢ ANURUDDHA (*Anuruddhamahāvitakkasutta*)[38] (*A*. IV. 228)

30. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Suṃsumāragiri, rừng Bhesakaḷā, Lộc Uyển. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha (A-nậu-lâu-đà) sống giữa dân chúng Ceti, tại Pācīnavaṃsadāya. Rồi Tôn giả Anuruddha, trong

[38] Bản tiếng Anh của PTS: *The Venerable Anuruddha*, nghĩa là *Tôn giả Anuruddha*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.42.6. 0754a12); *Bát niệm kinh* 八念經 (*T*.01. 0026.74. 0540c18); *A-na-luật bát niệm kinh* 阿那律八念經 (*T*.01. 0046. 0835c12).

khi sống độc cư thiền tịnh, tâm tư khởi lên như sau: “Pháp này để cho người ít dục, pháp này không phải để cho người nhiều dục; pháp này để cho người biết đủ, pháp này không phải để cho người không biết đủ; pháp này để cho người sống thanh vắng, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng; pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác; pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người thất niệm; pháp này để cho người thiền định, pháp này không phải để cho người không thiền định; pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người ác tuệ.”

Rồi Thế Tôn với tâm của mình rõ biết tâm tư của Tôn giả Anuruddha, ví như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra; cũng vậy, Thế Tôn biến mất ở giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Suṃsumāragiri, rừng Bhesakaḷā, Lộc Uyển, và hiện ra giữa dân chúng Ceti, tại Pācīnavaṃsadāya, trước mặt Tôn giả Anuruddha. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi một bên:

– Lành thay, lành thay, này Anuruddha! Lành thay, này Anuruddha! Ông đã suy nghĩ đến bảy niệm của bậc Đại nhân: “Pháp này để cho người ít dục, pháp này không phải để cho người nhiều dục; pháp này để cho người biết đủ, pháp này không phải để cho người không biết đủ; pháp này để cho người sống thanh vắng, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng; pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác; pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người thất niệm; pháp này để cho người thiền định, pháp này không phải để cho người không thiền định; pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người ác tuệ.”

Do vậy, này Anuruddha, hãy suy nghĩ đến niệm thứ tám này của bậc Đại nhân: “Pháp này để cho người không ưa hý luận, không thích hý luận; pháp này không phải để cho người ưa hý luận, thích hý luận.”

Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu ông muốn, ông sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ.

Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu ông muốn, diệt tầm diệt tứ, ông sẽ chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu ông muốn, ông sẽ ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba.

Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu ông muốn, ông sẽ xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng

được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức, thời này Anuruddha, tấm y lượm từ đống rác lên của ông sẽ giống như tủ áo đầy những vải có nhiều màu sắc[39] của người gia chủ hay con của người gia chủ, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, thời nếu khi nào bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức, thời này Anuruddha, các món ăn từng miếng ông khất thực được sẽ giống như món cơm bằng gạo trắng,[40] các hạt đen đã được lượm sạch, với nhiều loại súp, với nhiều loại đồ ăn của người gia chủ hay con của người gia chủ, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức, thời này Anuruddha, chỗ nằm dưới gốc cây của ông sẽ giống như nhà có nóc nhọn,[41] có trét hồ trong ngoài, cửa được cài then, cửa sổ được đóng lại ngăn chặn gió của người gia chủ hay con của người gia chủ, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức, thời này Anuruddha, giường nằm và chỗ ngồi trải với đệm cỏ của ông sẽ giống như ghế dài, nệm trải giường nằm bằng len, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm thảm có lọng che phía trên, ghế dài có đầu gối chân màu đỏ của người gia chủ hay con của người gia chủ, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

Khi nào, này Anuruddha, ông sẽ suy nghĩ đến tám tư niệm này của bậc Đại nhân, khi nào bốn thiền này thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức, thời này Anuruddha, dược phẩm nước tiểu hôi của ông sẽ giống như các loại dược phẩm của người gia chủ hay con của người gia chủ như thục tô, sanh tô, dầu, mật, đường bánh, để được sống biết đủ, ưa thích, không có lo âu, được lạc trú, được bước vào Niết-bàn.

Vậy này Anuruddha, nhân kỳ an cư mùa mưa sắp đến, hãy trú giữa dân chúng Ceti ở Pācīnavaṃsadāya.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

---

[39] Xem *M.* I. 215, 218; *S.* V. 71.

[40] Xem *A.* III. 49; *D.* I. 105; *M.* I. 31; II. 7.

[41] Xem *A.* I. 101, 137; *M.* I. 76; II. 8.

Tôn giả Anuruddha vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn sau khi khuyến giáo Tôn giả Anuruddha với lời khuyến giáo này, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra; cũng vậy, Ngài biến mất giữa dân chúng Ceti ở Pācīnavaṃsadāya và hiện ra giữa dân chúng Bhaggā, trên núi Suṃsumāragiri, trong rừng Bhesakaḷā, Lộc Uyển. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, sau khi ngồi xuống, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết tám tư niệm của bậc Đại nhân cho các ông. Hãy lắng nghe và khéo tư niệm, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là tám tư niệm của bậc Đại nhân?

Này các Tỷ-kheo, pháp này để cho người ít dục, pháp này không phải để cho người nhiều dục; này các Tỷ-kheo, pháp này để cho người biết đủ, pháp này không phải để cho người không biết đủ; này các Tỷ-kheo, pháp này để cho người sống thanh vắng, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng; này các Tỷ-kheo, pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác; này các Tỷ-kheo, pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người thất niệm; này các Tỷ-kheo, pháp này để cho người thiền định, pháp này không phải để cho người không thiền định; này các Tỷ-kheo, pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người ác tuệ; này các Tỷ-kheo, pháp này để cho người không ưa hý luận, không thích hý luận, pháp này không phải để cho người ưa hý luận, thích hý luận.

Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người ít dục, pháp này không để cho người có nhiều dục", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo ít dục, không muốn: "Mong người ta biết tôi là ít dục"; biết đủ, không muốn: "Mong người ta biết tôi là biết đủ"; sống viễn ly, không muốn: "Mong người ta biết tôi sống viễn ly"; tinh cần tinh tấn, không muốn: "Mong người ta biết tôi sống tinh cần tinh tấn"; trú niệm, không muốn: "Mong người ta biết tôi trú niệm"; có định, không muốn: "Mong người ta biết tôi có định"; có tuệ, không muốn: "Mong người ta biết tôi là người có trí tuệ"; không thích hý luận, không muốn: "Mong người ta biết tôi không thích hý luận." Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người ít dục, pháp này không để cho người có nhiều dục", như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người biết đủ, pháp này không để cho người không biết đủ", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết đủ với bất cứ vật dụng gì như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người biết đủ, pháp này không phải để cho người không biết đủ", như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người sống viễn ly, pháp này không phải để cho người ưa thích hội chúng", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo sống viễn ly, có nhiều người đến thăm như Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, vua chúa, đại thần, các ngoại đạo sư, đệ tử của các ngoại đạo sư. Ở đây, Tỷ-kheo với tâm thuận về viễn ly, hướng về viễn ly, nhập vào viễn ly, trú vào viễn ly, thích thú xuất ly, nói lời hoàn toàn liên hệ đến lánh xa. Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người viễn ly, pháp này không phải để cho người ưa thích hội chúng", như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoạn tận các pháp bất thiện, thành tựu các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, "pháp này là để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác", như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người thất niệm", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức nhớ tùy niệm những điều làm đã lâu, nói đã lâu. Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người thất niệm", như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người thiền định, pháp này không phải để cho người không thiền định", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người có thiền định, pháp này không phải để cho người không thiền định", như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người không trí tuệ", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí tuệ, có trí tuệ về sanh diệt, thành tựu với sự thể nhập thuộc bậc Thánh, và đưa đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người không trí tuệ", như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người không ưa hý luận, không thích hý luận; pháp này không phải để cho người ưa hý luận, thích hý luận", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo đối với đoạn diệt hý luận, tâm được phấn chấn, tịnh tín, an trú, giải thoát. Này các Tỷ-kheo, "pháp này để cho người không ưa hý luận, không thích hý luận; pháp này không phải để cho người ưa hý luận, thích hý luận", như vậy đã được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Rồi Tôn giả Anuruddha, mùa mưa an cư đến, đến trú ở giữa dân chúng Ceti, tại Pācīnavaṃsadāya. Rồi Tôn giả Anuruddha sống một mình,[42] an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu, do mục đích gì các thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, tức là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng nhập và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa". Và Tôn giả Anuruddha trở thành một vị A-la-hán nữa. Rồi Tôn giả Anuruddha chứng được A-la-hán, ngay trong thời gian ấy nói lên những bài kệ này:

Thế Gian Vô Thượng Sư,
Rõ biết tư tưởng ta,
Với thân do ý tạo,
Thần thông đến với ta.
Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật không ưa hý luận,
Ngài thuyết không hý luận,
Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh đã đạt được,
Giáo pháp Phật làm xong.

[42] Xem *A*. I. 282; II. 249; *D*. I. 177; II. 153; *S*. I. 140; II. 17; *Sn*. 16.

IV. PHẨM BỐ THÍ
(*DĀNAVAGGA*)

I. KINH BỐ THÍ THỨ NHẤT (*Paṭhamadānasutta*) (*A*. IV. 236)

31. Này các Tỷ-kheo, có tám bố thí này. Thế nào là tám?

Vì có người đến nên bố thí; vì sợ hãi nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Người ấy đã cho ta" nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Người ấy sẽ cho ta" nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Bố thí là tốt" nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Ta nấu, những người này không nấu, thật ta không xứng đáng là người nấu lại không cho người không nấu" nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Do ta cho bố thí này nên tiếng tốt được truyền đi" nên bố thí; vì trang nghiêm tâm, trang bị tâm nên bố thí.

Này các Tỷ-kheo, có tám bố thí này.

II. KINH BỐ THÍ THỨ HAI (*Dutiyadānasutta*) (*A*. IV. 236)

32. Tín, tàm và thiện thí,
Những pháp thiện sĩ cầu,
Đường này gọi thiện đạo,
Đường này đi thiên giới.

III. KINH CĂN BẢN ĐỂ BỐ THÍ (*Dānavatthusutta*) (*A*. IV. 236)

33. Này các Tỷ-kheo, có tám căn bản để bố thí. Thế nào là tám?

Vì lòng dục nên bố thí; vì sân hận nên bố thí; vì ngu si nên bố thí; vì sợ hãi nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Trước Tổ tiên đã bố thí, trước đã làm, ta không xứng đáng là người để truyền thống này bị bỏ phế" nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Sau khi cho bố thí này, khi thân hoại mệnh chung, sẽ được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này" nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Khi ta bố thí, tâm được tịnh tín, do hân hoan, hỷ được sanh" nên bố thí; vì trang nghiêm tâm, trang bị tâm nên bố thí.

Này các Tỷ-kheo, có tám căn bản để bố thí này.

IV. KINH THỬA RUỘNG (*Khettasutta*) (*A*. IV. 237)

34. Này các Tỷ-kheo, hạt giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần này được xem là không có quả lớn, không có vị ngọt lớn, không phải là địa điểm tăng thịnh. Thế nào là thành tựu tám chi phần?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, thửa ruộng lồi lên lõm xuống, đầy đá và sạn, đất mặn, không có bề sâu, không có chỗ nước chảy ra, không có chỗ nước chảy vào, không có nước chảy, không có bờ đê; như vậy, này các Tỷ-kheo, hạt giống

được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần này được xem là không có quả lớn, không có vị ngọt lớn, không phải là địa điểm tăng thịnh.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần này, không có quả lớn, không có lợi ích lớn, không có rực rỡ lớn, không có rung cảm lớn (*mahāvipphāraṃ*). Thế nào là thành tựu tám chi phần?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Sa-môn, các Bà-la-môn có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định; như vậy, này các Tỷ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần này, không có quả lớn, không lợi ích lớn, không có rực rỡ lớn, không có rung cảm lớn.

Này các Tỷ-kheo, hạt giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần này được xem là có quả lớn, có vị ngọt lớn, là địa điểm tăng thịnh. Thế nào là thành tựu tám chi phần?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thửa ruộng không lồi lên lõm xuống, không có đầy đá và sạn, không có đất mặn, có bề sâu, có chỗ nước chảy ra, có chỗ nước chảy vào, có nước chảy, có bờ đê; như vậy, này các Tỷ-kheo, hạt giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần này, được xem là có quả lớn, có vị ngọt lớn, là địa điểm tăng thịnh.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần này, có quả lớn, lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có rung cảm lớn. Thế nào là thành tựu tám chi phần?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Sa-môn, các Bà-la-môn có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; như vậy, này các Tỷ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần này, có quả lớn, lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có rung cảm lớn.

Khi ruộng được đầy đủ,
Hạt giống gieo đầy đủ,
Khi mưa xuống đầy đủ,
Lúa gặt được đầy đủ,
Tai họa không có mặt,[43]
Tăng trưởng được đầy đủ,
Rộng lớn được đầy đủ,
Kết quả được đầy đủ.
Cũng vậy sự bố thí,
Giữa những người đủ giới,
Và vật liệu bố thí,
Cũng được sắm đầy đủ,
Đưa đến sự đầy đủ,
Vì sở hành đầy đủ.

---

[43] *Anītisampadā. AA*. IV. 124: *Anītisampadā hotīti kīṭakimiādipāṇakaītiyā abhāvo ekā sampadā hoti* ("Tai họa không có mặt" nghĩa là không có mọt, sâu… các côn trùng).

Vậy ai muốn đầy đủ,
Phải tự mình đầy đủ,
Phục vụ người đủ tuệ,
Như vậy thành công đủ.
Đầy đủ trí và đức,[44]
Với tâm được đầy đủ,
Làm nghiệp được đầy đủ,
Lợi ích được đầy đủ.
Như thật biết cuộc đời,
Đạt được kiến đầy đủ,
Đường đầy đủ[45] đi đến,
Tiến đến ý đầy đủ,
Vất bỏ mọi cấu uế,
Đạt Niết-bàn cụ túc,
Giải thoát mọi khổ đau,
Tức đầy đủ vẹn toàn.

V. KINH THỌ SANH DO BỐ THÍ (*Dānūpapattisutta*) (*A*. IV. 239)

35. Này các Tỷ-kheo, có tám thọ sanh do bố thí. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn với đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu thoa, đồ nằm, trú xứ, đèn đuốc. Người ấy bố thí và mong hưởng quả. Thấy các Sát-đế-lỵ đại phú hay các Bà-la-môn đại phú, hay các gia chủ đại phú, sung túc, đầy đủ, thọ hưởng năm dục trưởng dưỡng, người ấy suy nghĩ như sau: "Mong rằng, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với Sát-đế-lỵ đại phú, hay với Bà-la-môn đại phú, hay với gia chủ đại phú." Người ấy móng tâm như vậy,[46] trú tâm như vậy, tu tâm như vậy, tâm người ấy hướng đến hạ liệt, không tu tập hướng thượng, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với Sát-đế-lỵ đại phú, hay với Bà-la-môn đại phú, hay với gia chủ đại phú. Ta nói rằng: "Người ấy là người giữ giới, không phải là người hành ác giới." Này các Tỷ-kheo, người giữ giới thành công, vì tâm hướng đến thanh tịnh.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn với đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu thoa, đồ nằm, trú xứ, đèn đuốc. Người ấy bố thí và mong hưởng quả. Nghe rằng: "Bốn Thiên Vương thiên sống lâu, có dung sắc, được nhiều an lạc", người ấy suy nghĩ như sau: "Mong rằng khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi trời Bốn Thiên Vương." Người ấy móng tâm như vậy, trú tâm như vậy, tu tâm như vậy, tâm người ấy hướng đến hạ liệt, không tu tập hướng thượng, sau

---

[44] Ba minh và 15 đức hạnh.

[45] Con đường Dự lưu đưa đến A-la-hán quả.

[46] *So taṃ cittaṃ dahati, taṃ cittaṃ adhiṭṭhāti, taṃ cittaṃ bhāveti.*

khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Bốn Thiên Vương. Ta nói rằng: "Người ấy là người giữ giới, không phải là người ác giới." Này các Tỷ-kheo, người giữ giới thành công, vì tâm hướng đến thanh tịnh. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn với đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, dầu thoa, đồ nằm, trú xứ, đèn đuốc. Người ấy bố thí và mong hưởng quả. Nghe rằng: "Chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba... chư thiên ở cõi Dạ-ma thiên... chư thiên ở cõi Đâu-suất thiên... chư thiên ở cõi Hóa Lạc thiên... chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại thiên sống lâu, có dung sắc, được nhiều an lạc", người ấy suy nghĩ như sau: "Mong rằng khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại thiên." Người ấy móng tâm như vậy, trú tâm như vậy, tu tâm như vậy, tâm người ấy hướng đến hạ liệt, không tu tập hướng thượng, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở cõi Tha Hóa Tự Tại thiên. Ta nói rằng: "Người ấy là người giữ giới, không phải là người hành ác giới." Này các Tỷ-kheo, người giữ giới thành công, vì tâm hướng đến thanh tịnh.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn với đồ ăn, đồ uống... Nghe rằng: "Chư thiên ở Phạm Chúng thiên sống lâu, có dung sắc, được nhiều an lạc", người ấy suy nghĩ như sau... Ta nói rằng: "Người ấy là người giữ giới, không phải là người hành ác giới, là người ly tham, không phải là người có tham." Này các Tỷ-kheo, người giữ giới thành công, vì tâm hướng đến ly tham. Này các Tỷ-kheo, tám pháp này là tám pháp thọ sanh do bố thí.

VI. KINH PHƯỚC NGHIỆP SỰ (*Puññakiriyavatthusutta*) (*A*. IV. 241)

36. Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản làm phước. Thế nào là ba? Căn bản làm phước do bố thí, căn bản làm phước do giới đức, căn bản làm phước do tu tập.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô nhỏ, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô nhỏ, không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, sanh làm người không may mắn (*manussadobhagyaṃ*).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô vừa, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô vừa, không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh làm người có may mắn (*manussasobhagyaṃ*).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô to lớn, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô to lớn, không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với Bốn Thiên Vương thiên. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Bốn Thiên Vương sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư thiên ở Bốn Thiên Vương trên mười điểm: Tuổi thọ chư thiên, dung sắc chư thiên, an lạc chư thiên, danh tiếng chư thiên, tăng thượng lực chư thiên, thiên sắc, thiên thanh, thiên hương, thiên vị, thiên xúc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô to lớn, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô to lớn, nhưng không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Tam Thập Tam thiên. Tại đây, này các Tỷ-kheo, Thiên chủ Sakka sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư thiên ở Tāvatiṃsa trên mười điểm: Tuổi thọ chư thiên... thiên vị, thiên xúc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô to lớn, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô to lớn, nhưng không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Yāmā thiên. Tại đây, này các Tỷ-kheo, thiên tử Suyāma sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư thiên ở Yāmā trên mười điểm: Tuổi thọ chư thiên... thiên vị, thiên xúc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô to lớn, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô to lớn, nhưng không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Tusita. Tại đây, này các Tỷ-kheo, thiên tử Santusita, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư thiên ở Tusita trên mười điểm: Tuổi thọ chư thiên... thiên vị, thiên xúc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô to lớn, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô to lớn, nhưng không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Nimmānaratī (Hóa Lạc). Tại đây, này các Tỷ-kheo, thiên tử Sunimmita, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư thiên ở Nimmānaratī trên mười điểm: Tuổi thọ chư thiên... thiên vị, thiên xúc.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người căn bản làm phước do bố thí trên một quy mô to lớn, căn bản làm phước do giới đức trên một quy mô to lớn, nhưng không đạt được căn bản làm phước do tu tập. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Paranimmitavasavattī (Tha Hóa Tự Tại). Tại đây, này các Tỷ-kheo, thiên tử Vasavattī, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do bố thí, sau khi làm thật nhiều căn bản phước nghiệp do giới đức, vượt qua chư thiên ở Paranimmitavasavattī trên mười điểm: Tuổi thọ chư thiên, dung sắc chư thiên, an lạc chư thiên, danh tiếng chư thiên, tăng thượng lực chư thiên, thiên sắc, thiên thanh, thiên hương, thiên vị, thiên xúc.

Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản phước nghiệp này.

VII. KINH CÚNG DƯỜNG BẬC CHÂN NHÂN (*Sappurisadānasutta*)[47] (*A*. IV. 243)

37. Này các Tỷ-kheo, có tám bố thí này của bậc chân nhân. Thế nào là tám? Cho vật trong sạch; cho vật thù diệu; cho đúng thời; cho vật thích ứng; cho với sự cẩn thận; cho liên tục; tâm cho được tịnh tín; sau khi cho được hoan hỷ.

Này các Tỷ-kheo, có tám bố thí này của bậc chân nhân.

Trong sạch và thù diệu,
Đúng thời và thích ứng,
Đồ uống và đồ ăn,
Luôn luôn làm bố thí,
Trong các ruộng tốt lành,
Sống theo đời Phạm hạnh.
Không có gì hối tiếc,
Bố thí nhiều tài vật,
Những bố thí như vậy,
Được bậc trí tán thán,
Bậc trí thí như vậy,
Với tâm tín, giải thoát,
Không hại, tâm an lạc,
Bậc trí sanh ở đời.

VIII. KINH BẬC CHÂN NHÂN (*Sappurisasutta*)[48] (*A*. IV. 244)

38. Này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân sinh ra trong gia đình nào, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho nhiều người: Đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho cha mẹ; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho vợ con; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho người phục vụ, người làm công; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho bạn bè thân hữu; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho các hương linh đã mất; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho vua chúa; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho Sa-môn, Bà-la-môn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cơn mưa lớn làm cho các loại mùa màng đều thành tựu đầy đủ, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho nhiều người. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, bậc chân nhân sinh ra trong gia đình nào, đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho nhiều người: Đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho cha mẹ; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho vợ con; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho người phục vụ, người làm công; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho bạn bè thân hữu; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho các hương linh đã mất; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho vua chúa; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên; đem lại lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho Sa-môn, Bà-la-môn.

---

[47] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Worthy Man*, nghĩa là *Bậc Chân nhân*. Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.42.9. 0755b18).

[48] Tham chiếu: *Thất xứ tam quán kinh* 七處三觀經 (*T*.02. 0150A.13. 0877c25).

Vì lợi ích nhiều người,
Bậc trí sống gia đình,
Không mệt mỏi ngày đêm,
Cúng dường thật đúng pháp,
Mẹ cha và Tổ tiên,
Nhớ ngày trước đã làm,
Đối xuất gia, không nhà,
Kính lễ bậc Phạm hạnh.
Tin vững trú, cúng dường,
Biến pháp, khéo xử sự,
Là người đem lợi ích,
Cho vua, cho chư thiên,
Là người đem lợi ích,
Cho bà con, bè bạn,
Là người đem lợi ích,
Cho tất cả mọi người,
Khéo an trú Diệu pháp,
Nhiếp xan tham, cấu uế,
Hưởng cuộc đời hạnh phúc.

IX. KINH NGUỒN NƯỚC CÔNG ĐỨC (*Abhisandasutta*) (*A*. IV. 245)

39. Này các Tỷ-kheo, có tám nguồn nước công đức này, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc, làm nhân sanh thiên, quả dị thục an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử quy y Phật. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ nhất, là nguồn nước thiện... hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử quy y Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ hai, là nguồn nước thiện... hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử quy y Tăng. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ ba, là nguồn nước thiện... hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỷ-kheo, có năm bố thí này, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày, được biết là truyền thống cổ xưa, trước không tạp loạn, hiện tại không tạp loạn, tương lai không tạp loạn, không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh. Này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sanh, đem cho sự không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho sự không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho sự không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh sự không sợ hãi, sự không hận thù, sự không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng sự không sợ hãi, sự không hận thù, sự không hại. Này các Tỷ-kheo, đây là bố thí thứ nhất, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày... không bị

những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ tư, là nguồn nước thiện... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho... đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục... đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo... đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, đem cho sự không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho sự không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho sự không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh sự không sợ hãi, sự không hận thù, sự không hại, vị ấy được san sẻ vô lượng sự không sợ hãi, sự không hận thù, sự không hại. Này các Tỷ-kheo, đây là bố thí thứ năm, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày... không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Này các Tỷ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ tám, là nguồn nước thiện... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỷ-kheo, có tám nguồn nước công đức này, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc, làm nhân sanh thiên, quả dị thục an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

X. KINH QUẢ DỊ THỤC CỦA HÀNH ĐỘNG ÁC
(*Duccaritavipākasutta*)[49] (*A.* IV. 247)

40. Này các Tỷ-kheo, sát sanh được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục (*sabbalahuso*) hết sức nhẹ của sát sanh là bị làm người với tuổi thọ ngắn.

Này các Tỷ-kheo, lấy của không cho được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hết sức nhẹ của lấy của không cho là bị làm người với sự tổn hại tài sản.

Này các Tỷ-kheo, tà hạnh trong các dục được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hết sức nhẹ của tà hạnh trong các dục là bị làm người với sự oán thù của kẻ địch.

Này các Tỷ-kheo, nói láo được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hết sức nhẹ của nói láo là làm người bị vu cáo không đúng sự thật.

Này các Tỷ-kheo, nói hai lưỡi được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hết sức nhẹ của nói hai lưỡi là bị làm người với bạn bè bị đổ vỡ.

Này các Tỷ-kheo, nói ác khẩu được thực hiện, được tu tập, được làm cho

[49] Bản tiếng Anh của PTS: *Very Trifling*, nghĩa là *Hết sức nhẹ*.

sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hết sức nhẹ của nói ác khẩu là được làm người và bị nghe những tiếng không khả ý.

Này các Tỷ-kheo, nói lời phù phiếm được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hết sức nhẹ của nói lời phù phiếm là được làm người và bị nghe những lời khó chấp nhận.

Này các Tỷ-kheo, uống rượu men rượu nấu được thực hiện, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến địa ngục, đưa đến loài bàng sanh, đưa đến cõi ngạ quỷ. Quả dị thục hết sức nhẹ của uống rượu men rượu nấu là bị làm người với tâm điên loạn.



V. PHẨM NGÀY TRAI GIỚI
(*UPOSATHAVAGGA*)

I. KINH NGÀY TRAI GIỚI TÓM TẮT
(***Saṅkhittūposathasutta***)[50] (*A*. IV. 248)

41. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika, ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn. Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ nhất được thành tựu.[51]

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ hai được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ.

---

[50] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.2. 0756c16).

[51] Xem *A*. I. 211; II. 208; *D*. I. 4, 63; *M*. II. 278; III. 47.

Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ ba được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ tư được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ năm được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm; từ bỏ, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ sáu được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ, không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng từ bỏ, không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ bảy được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn; từ bỏ, không dùng các giường cao, giường lớn. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn; từ bỏ, không dùng các giường cao, giường lớn. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ tám được thành tựu.

Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành như vậy, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn.

II. KINH NGÀY TRAI GIỚI CHI TIẾT (*Vitthatūposathasutta*)[52] (*A*. IV. 251)

42. Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn. Được thực hành như thế nào, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn?

(Như kinh 41)… Đây là chi phần thứ tám được thành tựu.

---

[52] Xem *A*. III. 70. Tham chiếu: *Trì Trai kinh* 持齋經 (*T*.01. 0026.202. 0770a16); *Ưu-bi-di-đọa-xá-già kinh* 優陂夷墮舍迦經 (*T*.01. 0088. 0912a15); *Bát quan trai kinh* 八關齋經 (*T*.01. 0089. 0913a17).

Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành như vậy thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn. Đến như thế nào là quả lớn? Đến như thế nào là lợi ích lớn? Đến như thế nào là rực rỡ lớn? Đến như thế nào là biến mãn lớn?

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người áp đặt chủ quyền cai trị trên mười sáu quốc độ lớn này,[53] tràn đầy bảy báu như Aṅga, Magadha, Kāsi, Kosala, Vajjī, Mallā, Ceti, Vaṃsā, Kuru, Pañcāla, Macchā, Sūrasena, Assaka, Avanti, Gandhāra, Kamboja. Nhưng chủ quyền ấy không bằng một phần mười sáu[54] của một ngày trai giới thành tựu tám chi phần. Vì cớ sao? Nhỏ nhoi, này các Tỷ-kheo, là chủ quyền của loài người so sánh với hạnh phúc của chư thiên.

Năm mươi năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên Bốn Thiên Vương. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Năm mươi năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên Bốn Thiên Vương. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên Bốn Thiên Vương." Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là chủ quyền của loài người so sánh với hạnh phúc của chư thiên."

Một trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Một ngàn năm chư thiên của năm ấy[55] làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba." Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là chủ quyền của loài người so sánh với hạnh phúc của chư thiên."

Hai trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Dạ-ma (Yāmā). Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Dạ-ma. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên cõi trời Dạ-ma." Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là chủ quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc của chư thiên."

---

[53] Danh sách này được tìm thấy trong *A*. I. 213; *D*. II. 200.

[54] Xem sự so sánh *A*. I. 116; *Ud*. 11; *It*. 19.

[55] Xem *D*. II. 327.

Bốn trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Đâu-suất (Tusita). Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Đâu-suất. Sự kiện này có xảy ra... với hạnh phúc chư thiên."

Tám trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Hóa Lạc. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Tám ngàn năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Hóa Lạc. Sự kiện này có xảy ra... với hạnh phúc của chư thiên."

Mười sáu trăm năm của một đời người, này các Tỷ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư thiên cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng. Mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư thiên cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên cõi trời Tha Hóa Tự Tại." Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỷ-kheo, là chủ quyền của loài người so sánh với hạnh phúc của chư thiên."

Chớ giết hại sanh loại,[56]
Chớ lấy của không cho,
Chớ nói lời nói láo,
Chớ uống thứ rượu say,
Từ bỏ phi Phạm hạnh,
Từ bỏ, không dâm dục,
Không ăn vào ban đêm,
Tránh, không ăn phi thời,
Không mang các vòng hoa,
Không dùng các hương liệu,
Hãy nằm trên tấm thảm,
Trải dài đất làm giường.
Chính hạnh trai giới này,
Được gọi có tám phần,
Do đức Phật nói lên,
Đưa đến đoạn tận khổ.[57]
Mặt trăng và mặt trời,
Cả hai thấy lành tốt,
Chỗ nào chúng đi tới,

---

[56] Các bài kệ này được tìm thấy trong *A*. I. 214.

[57] *Dukkhantagunā. SnA*. I. 378: *Dukkhassāti vaṭṭadukkhassa* ("Đau khổ" tức nói sự đau khổ trong vòng luân hồi).

Chúng chói sáng hào quang,
Chúng làm mây sáng chói,
Giữa hư không chúng đi,
Trên trời chúng chói sáng,
Sáng rực mọi phương hướng,
Trong khoảng không gian ấy,
Tài sản được tìm thấy,
Trân châu và ngọc báu,
Lưu ly đá cầu may,
Vàng cục trong lòng đất,
Hay loại Kañcana,
Cùng loại vàng sáng chói,
Được gọi Hāṭaka,
Tuy vậy chúng trị giá,
Chỉ một phần mười sáu,
Với hạnh giữ trai giới,
Đầy đủ cả tám giới,
Kể cả ánh sáng trăng,
Với cả vòm trời sao.
Vậy người nữ, người nam,
Giữ gìn theo tịnh giới,
Hành Bố-tát trai giới,
Đầy đủ cả tám giới,
Làm các thiện công đức,
Đem lại nhiều an lạc,
Được sanh lên cõi trời,
Không bị người cười chê.

III. KINH VISĀKHĀ (*Visākhāsutta*)[58] (*A*. IV. 255)

43. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migāra. Rồi Visākhā, mẹ của Migāra, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngồi một bên:

– Này Visākhā, ngày trai giới đầy đủ tám chi phần được thực hành, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn... (như kinh 42 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

IV. KINH VĀSEṬṬHA (*Vāseṭṭhasutta*) (*A*. IV. 258)

44. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi

---

[58] Tham chiếu: *Trì Trai kinh* 持齋經 (*T*.01. 0026.202. 0770a16); *Trai kinh* 齋經 (*T*.01. 0087. 0910c26); *Ưu-bi-di-đọa-xá-già kinh* 優陂夷墮舍迦經 (*T*.01. 0088. 0912a15); *Bát quan trai kinh* 八關齋經 (*T*.01. 0089. 0913a17); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.861-863. 0219b04-0219b18).

nam cư sĩ Vāseṭṭha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nam cư sĩ Vāseṭṭha đang ngồi một bên... (Như kinh 42 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

Khi được nghe nói như vậy, nam cư sĩ Vāseṭṭha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nếu người bà con huyết thống thân mến của con thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, như vậy các bà con huyết thống thân mến của con được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các người Sát-đế-lỵ thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, tất cả các người Sát-đế-lỵ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Bạch Thế Tôn, nếu tất cả người Bà-la-môn... các người Phệ-xá... các người Thủ-đà thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, tất cả các người Thủ-đà được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

– Như vậy là phải, này Vāseṭṭha! Này Vāseṭṭha, nếu tất cả các người Sát-đế-lỵ thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, tất cả các người Sát-đế-lỵ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Này Vāseṭṭha, nếu tất cả các người Bà-la-môn... các người Phệ-xá... các người Thủ-đà thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, tất cả các người Thủ-đà sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Này Vāseṭṭha, nếu thế giới chư Thiên, với các Ác ma, các Phạm thiên, hay quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, như vậy thế giới chư Thiên, các Ác ma, các Phạm thiên, hay quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài. Này Vāseṭṭha, nếu các cây Sāla lớn này có thể thực hành ngày trai giới với đầy đủ tám chi phần này, chúng sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài, nếu chúng có tư duy, nói gì đến loài người.

V. KINH BOJJHĀ (*Bojjhasutta*)[59] (*A*. IV. 259)

45. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi nữ cư sĩ Bojjhā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với nữ cư sĩ Bojjhā đang ngồi một bên:

(Như kinh 42 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

VI. KINH TÔN GIẢ ANURUDDHA (*Anuruddhasutta*)[60] (*A*. IV. 261)

46. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anuruddha đang nghỉ ban ngày, ngồi thiền tịnh. Rồi rất nhiều thiên nữ với thân khả ái đi đến Tôn giả Anuruddha; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Anuruddha rồi đứng một bên. Đứng một bên, các thiên nữ ấy thưa với Tôn giả:

– Chúng tôi là những thiên nữ với thân khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi có quyền lực và có tự tại. Thưa Tôn giả, chúng tôi muốn có hình sắc như thế nào, chúng tôi liền được hình sắc ấy ngay lập tức. Chúng tôi muốn được tiếng

---

[59] Xem *A*. IV. 346.

[60] Xem *A*. V. 33.

như thế nào, chúng tôi liền được tiếng như thế ấy ngay lập tức. Chúng tôi muốn được lạc thọ như thế nào, chúng tôi liền được lạc thọ ấy ngay lập tức. Thưa Tôn giả Anurudha, chúng tôi là những thiên nữ với thân khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi có quyền lực và có tự tại.

Rồi Tôn giả Anuruddha suy nghĩ: "Mong rằng các thiên nữ này tất cả trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang sức xanh." Rồi các thiên nữ ấy, biết được tâm của Tôn giả Anuruddha, tất cả đều trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang sức xanh. Rồi Tôn giả Anuruddha suy nghĩ như sau: "Mong rằng các thiên nữ này tất cả trở thành vàng... tất cả trở thành đỏ... tất cả trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng." Rồi các thiên nữ ấy, biết được tâm của Tôn giả Anuruddha, tất cả đều trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng. Rồi các thiên nữ ấy, một người hát, một người múa, một người vỗ tay. Ví như năm loại nhạc khí khéo hòa điệu, khéo chơi, khéo đánh bởi người thiện xảo, thời tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục, khả ái, mê ly. Cũng vậy, là nhạc của các thiên nữ khéo trang điểm ấy, tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục, khả ái, mê ly. Nhưng Tôn giả Anuruddha giữ các căn được nhiếp phục. Các thiên nữ ấy nghĩ rằng: "Tôn giả Anuruddha không có thưởng thức", liền biến mất tại chỗ.

Rồi Tôn giả Anuruddha, vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, con đang nghỉ ban ngày, ngồi thiền tịnh. Rồi rất nhiều thiên nữ với thân khả ái đi đến con; sau khi đến, đảnh lễ con rồi đứng một bên. Đứng một bên, các thiên nữ ấy thưa với con: "Chúng tôi là những thiên nữ với thân khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi có quyền lực và có tự tại. Thưa Tôn giả, chúng tôi muốn có hình sắc như thế nào, chúng tôi liền được hình sắc ấy ngay lập tức. Chúng tôi muốn có tiếng như thế nào, chúng tôi liền được tiếng như thế ấy ngay lập tức. Chúng tôi muốn được lạc thọ như thế nào, chúng tôi liền được lạc thọ ấy ngay lập tức. Thưa Tôn giả Anurudha, chúng tôi là những thiên nữ với thân hình khả ái. Trên ba địa hạt, chúng tôi có quyền lực và có tự tại."

Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ: "Mong rằng các thiên nữ này tất cả trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang sức xanh." Rồi các thiên nữ ấy, biết được tâm của con, tất cả đều trở thành xanh, dung sắc xanh, y áo xanh, trang sức xanh. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng các thiên nữ này tất cả trở thành vàng... tất cả trở thành đỏ... tất cả trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng." Rồi bạch Thế Tôn, các thiên nữ ấy, biết được tâm của con, tất cả đều trở thành trắng, dung sắc trắng, y áo trắng, trang sức trắng. Rồi bạch Thế Tôn, các thiên nữ ấy, một người hát, một người múa, một người vỗ tay. Ví như năm loại nhạc khí, khéo hòa điệu, khéo chơi, khéo đánh bởi người thiện xảo, thời tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục,

khả ái, mê ly. Cũng vậy, là nhạc của các thiên nữ khéo trang điểm ấy, tiếng phát ra được đáng ưa, khả lạc, khả dục, khả ái, mê ly. Nhưng bạch Thế Tôn, con giữ các căn được nhiếp phục. Các thiên nữ ấy nghĩ rằng: "Tôn giả Anuruddha không có thưởng thức", liền biến mất tại chỗ.

Bạch Thế Tôn, thành tựu bao nhiêu pháp, nữ nhân sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với các thiên nữ ấy với thân khả ái?

– Này Anuruddha, đầy đủ tám pháp, nữ nhân sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với các thiên nữ ấy với thân khả ái. Thế nào là tám?

Ở đây, này Anuruddha, nữ nhân đối với người chồng nào mà mẹ cha gả cho, vì muốn lợi ích, vì tìm hạnh phúc, vì lòng thương tưởng, vì lòng từ mẫn khởi lên đối với người ấy, nữ nhân dậy trước, đi ngủ sau cùng, vui lòng nhận mọi công việc, xử sự đẹp lòng, lời nói dễ thương.

Những ai có người chồng kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn như cha mẹ, nữ nhân ấy cung kính tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, và khi họ đến, sẽ dâng hiến chỗ ngồi và nước.

Phàm có những việc trong nhà, thuộc về len hay vải bông, ở đây, nữ nhân ấy thông thạo, không biếng nhác, tự tìm phương pháp làm, vừa đủ để tự mình làm, vừa đủ để sắp đặt người làm.

Trong nhà người chồng, phàm có nô tỳ nào, hay người đưa tin, hay người công thợ, nữ nhân biết công việc của họ với công việc đã làm, biết sự thiếu sót của họ với công việc không làm; biết sức mạnh hay sức không mạnh của những người đau bệnh; biết chia các đồ ăn, loại cứng và loại mềm, mỗi người tùy theo từng phần của mình.

Phàm có tiền bạc, lúa gạo, bạc và vàng người chồng đem về, nữ nhân ấy phòng hộ, bảo vệ chúng, giữ gìn khỏi ăn trộm, ăn cắp, kẻ uống rượu, kẻ phá hoại.

Nữ cư sĩ quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Nữ cư sĩ giữ giới, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu.

Nữ cư sĩ bố thí, sống ở gia đình với tâm tư từ bỏ cấu uế, xan tham, bố thí rộng rãi với bàn tay rộng mở, vui thích từ bỏ, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu, vui thích chia sẻ các vật dụng bố thí.

Thành tựu tám pháp này, nữ nhân sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với các thiên nữ ấy với thân khả ái.

Hãy thường yêu thương chồng,
Luôn nỗ lực cố gắng,
Người đem lại lạc thú,
Chớ khinh thường người chồng,
Chớ làm chồng không vui,
Chớ làm chồng tức tối,

Với những người ganh tị;
Chồng cung kính những ai,
Hãy đảnh lễ tất cả.
Vì nàng người có trí,
Hoạt động thật nhanh nhẹn,
Giữa các người làm việc,
Xử sự thật khả ái,
Biết giữ tài sản chồng.
Người vợ xử như vậy,
Làm thỏa mãn ước vọng,
Ưa thích của người chồng,
Sẽ được sanh tại chỗ,
Các thiên nữ khả ái.

VII. KINH VISĀKHĀ THỨ HAI (*Dutiyavisākhāsutta*) (*A*. IV. 267)

47. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migāra. Rồi Visākhā, mẹ của Migāra, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngồi một bên:

(Thế Tôn thuyết như kinh 46 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

VIII. KINH NAKULAMĀTĀ (*Nakulamātāsutta*) (*A*. IV. 268)

48. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Bhaggā, tại núi Suṃsumāragiri, rừng Bhesakaḷā, tại Lộc Uyển. Rồi nữ gia chủ Nakulamātā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với nữ gia chủ Nakulamātā, đang ngồi một bên:

(Thế Tôn thuyết như kinh 46 với cả bài kệ và có một vài thay đổi cần thiết).

IX. KINH CHIẾN THẮNG Ở ĐỜI NÀY THỨ NHẤT (*Paṭhamaidhalokikasutta*)[61] (*A*. IV. 269)

49. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Đông Viên, lâu đài của mẹ Migāra. Rồi Visākhā, mẹ của Migāra, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visākhā, mẹ của Migāra, đang ngồi một bên:

– Này Visākhā, đầy đủ bốn pháp, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời này. Đời này rơi vào tầm tay của nàng. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân có khả năng khéo làm các công việc, biết thâu nhiếp các người phục vụ, sở hành vừa ý chồng, biết giữ gìn tài sản cất chứa.

Này Visākhā, thế nào là nữ nhân có khả năng khéo làm các công việc?

---

[61] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Of This World Here*, nghĩa là *Ở đời này*.

Ở đây, này Visākhā, phàm có những công nghiệp trong nhà, thuộc về len hay vải bông, nữ nhân khéo thông thạo, không biếng nhác, tự tìm hiểu phương pháp làm, vừa đủ để tự mình làm, vừa đủ để sắp đặt người làm. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân có khả năng khéo làm những công việc.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân biết thâu nhiếp các người phục vụ?

Ở đây, này Visākhā, trong nhà người chồng, phàm có nữ tỳ nào, hay người đưa tin, hay người công thợ, nữ nhân biết công việc của họ với công việc đã làm, biết sự thiếu sót của họ với công việc không làm; biết sức mạnh hay sức không mạnh của những người đau bệnh; biết chia các đồ ăn loại cứng và loại mềm, mỗi người tùy theo từng phần của mình. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân biết thâu nhiếp những người phục vụ.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân sở hành vừa ý chồng?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân, những gì người chồng không vừa ý, dầu cho có vì sanh mạng, nàng cũng không làm. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân sở hành vừa ý chồng.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân biết giữ gìn tài sản thâu hoạch được?

Ở đây, này Visākhā, phàm có tiền bạc, lúa gạo, bạc và vàng người chồng đem về, nữ nhân phòng hộ, bảo vệ chúng và giữ gìn khỏi bị ăn trộm, ăn cắp, kẻ uống rượu, kẻ phá hoại. Như vậy, này Visākhā là nữ nhân biết giữ gìn tài sản thâu hoạch được.

Thành tựu bốn pháp này, này Visākhā, nữ nhân thành tựu với sự chiến thắng ở đời. Đời này rơi vào trong tầm tay của nàng.

Này Visākhā, đầy đủ bốn pháp, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời sau. Đời sau rơi vào tầm tay của nàng. Thế nào là bốn?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân đầy đủ lòng tin?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân đầy đủ lòng tin.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân đầy đủ giới đức?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân đầy đủ giới đức.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân đầy đủ bố thí?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân sống ở gia đình với tâm từ bỏ cấu uế, xan tham, bố thí rộng rãi với bàn tay rộng mở, vui thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích chia sẻ các vật dụng bố thí. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân đầy đủ bố thí.

Và này Visākhā, thế nào là nữ nhân đầy đủ trí tuệ?

Ở đây, này Visākhā, nữ nhân có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt với sự thể nhập thuộc bậc Thánh, và đưa đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau. Như vậy, này Visākhā, là nữ nhân đầy đủ trí tuệ.

Thành tựu bốn pháp này, này Visākhā, nữ nhân thành tựu sự chiến thắng ở đời sau. Đời sau rơi vào trong tầm tay của nàng.

Khéo làm các công việc,
Thâu nhiếp người phục vụ,
Sở hành vừa ý chồng,
Giữ gìn của cất chứa,
Đầy đủ tín và giới,
Bố thí không xan tham,
Rửa sạch đường thượng đạo,[62]
Đến đời sau an lành.
Như vậy là tám pháp,
Nữ nhân có đầy đủ,
Được gọi bậc có giới,
Trú pháp nói chân thật.
Đủ mười sáu hành tướng,[63]
Thành tựu tám chi phần,
Nữ cư sĩ như vậy,
Với giới hạnh đầy đủ,
Sanh làm vị thiên nữ,
Với thân thật khả ái.

X. KINH CHIẾN THẮNG Ở ĐỜI NÀY THỨ HAI
(*Dutiyaidhalokikasutta*) (*A*. IV. 271)

50. (Thế Tôn nói lại kinh 49 và cả bài kệ cho các Tỷ-kheo).

---

[62] *Niccaṃ maggaṃ*: Con đường nội tâm.

[63] *Chú giải* giải thích tám cho đời này, tám cho đời sau.

VI. PHẨM GOTAMĪ
(*GOTAMĪVAGGA*)

I. KINH MAHĀPAJĀPATĪ GOTAMĪ (*Gotamīsutta*)[64] (*A*. IV. 274)

51. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Rồi Mahāpajāpatī Gotamī đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

– Thôi vừa rồi, này Gotamī, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Lần thứ hai, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

– Thôi vừa rồi, này Gotamī, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Lần thứ ba, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

– Thôi vừa rồi, này Gotamī, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Rồi Mahāpajāpatī Gotamī biết được: “Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng”, liền khổ đau, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, sau khi ở tại Kapilavatthu cho đến khi vừa ý, ra đi đến Vesāli, tiếp tục bộ hành rồi đến Vesāli.

Ở đấy, Thế Tôn ở Vesāli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahāpajāpatī Gotamī, với tóc cạo sạch, đắp áo cà-sa, cùng với nhiều nữ nhân Sākya ra đi đến Vesāli, tiếp tục bộ hành và đến Vesāli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahāpajāpatī Gotamī, với chân bị sưng, tay chân lấm bụi, đau khổ, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đứng ngoài cổng chính. Tôn giả

[64] Tham chiếu: *Cù-đàm-di kinh* 瞿曇彌經 (*T*.01. 0026.116. 0605a08); *Cù-đàm-di ký quả kinh* 瞿曇彌記果經 (*T*.01. 0060. 0856a04).

Ānanda thấy Mahāpajāpatī Gotamī với chân bị sưng, tay chân lấm bụi, đau khổ, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than, đứng ngoài cổng chính, thấy vậy liền nói với Mahāpajāpatī Gotamī:

– Thưa Gotamī, vì sao lại đứng ở ngoài cổng, với chân bị sưng, tay chân lấm bụi, đau khổ, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than như vậy?

– Thưa Tôn giả Ānanda, vì rằng Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

– Vậy thưa Gotamī, hãy đứng chờ ở đây, chờ cho đến khi tôi xin phép Thế Tôn để nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có Mahāpajāpatī Gotamī với chân bị sưng, tay chân lấm bụi, đau khổ, sầu muộn, nước mắt đầy mặt, khóc than đứng ở ngoài cổng nói rằng: "Thế Tôn không cho phép nữ nhân xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng." Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

– Thôi vừa rồi, này Ānanda, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Thế Tôn thuyết giảng.

Lần thứ hai... Lần thứ ba, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Thế Tôn thuyết giảng.

– Thôi vừa rồi, này Ānanda, chớ có ưa thích nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Thế Tôn thuyết giảng.

Rồi Tôn giả suy nghĩ như sau: "Thế Tôn không chấp nhận cho nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng. Vậy ta hãy dùng phương pháp khác để xin Thế Tôn cho phép nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."

Rồi Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, không biết nữ nhân sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả không?

– Này Ānanda, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả.

– Bạch Thế Tôn, sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, nữ nhân có thể chứng được Dự

lưu quả, Nhất lai quả, Bất lai quả hay A-la-hán quả. Lại nữa, bạch Thế Tôn, Mahāpajāpatī đã giúp đỡ Thế Tôn rất nhiều trong vai trò người dì,[65] người vú, người kế mẫu, khi mẹ của Thế Tôn mệnh chung, lại cho Thế Tôn bú sữa. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

– Này Ānanda, nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận Tám kính pháp, thời Gotamī có thể được thọ Cụ túc giới:

Dầu cho thọ Đại giới một trăm năm, một Tỷ-kheo-ni đối với một Tỷ-kheo mới thọ Đại giới trong một ngày cũng phải đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay, xử sự đúng pháp; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Tỷ-kheo-ni không có thể an cư mùa mưa tại chỗ không có Tỷ-kheo; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Nửa tháng một lần, Tỷ-kheo-ni cần phải thỉnh chúng Tỷ-kheo hỏi ngày trai giới và đến để thuyết giới; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Sau khi an cư mùa mưa xong, Tỷ-kheo-ni cần phải làm lễ Tự tứ trước hai Tăng chúng về ba vấn đề được thấy, được nghe và nghi; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Tỷ-kheo-ni phạm trọng tội phải hành pháp Ma-na-đỏa (*Pakkhamānattaṃ*) cho đến nửa tháng; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Sau khi học tập sáu pháp trong hai năm, phải đến xin thọ Cụ túc giới trước hai Tăng chúng; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Không vì duyên cớ gì, một Tỷ-kheo-ni có thể mắng nhiếc, chỉ trích một Tỷ-kheo; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.

Này Ānanda, bắt đầu từ hôm nay, có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo về Tỷ-kheo-ni, không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua. Này Ānanda, nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận Tám kính pháp này thời cho phép Mahāpajāpatī Gotamī được thọ Cụ túc giới.

Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi học từ Thế Tôn tám trọng pháp này, rồi đi đến Mahāpajāpatī Gotamī; sau khi đến, nói với Mahāpajāpatī Gotamī:

– Nếu Mahāpajāpatī Gotamī chấp nhận Tám kính pháp này, thời Gotamī sẽ được thọ Cụ túc giới: "Dầu cho thọ Đại giới một trăm năm, một Tỷ-kheo-ni...

[65] *Mātucchā*. Xem *J*. I. 49.

không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ-kheo-ni về các Tỷ-kheo; pháp này, sau khi cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua." Nếu Gotamī chấp nhận tám trọng pháp này, thời Gotamī sẽ được thọ Cụ túc giới.

– Thưa Tôn giả Ānanda, ví như một người đàn bà hay một người đàn ông,[66] còn đang tuổi trẻ, tánh ưa trang sức, sau khi gội đầu xong, sau khi được một vòng hoa sen xanh hay một vòng vũ quý hoa, hay một vòng thiên tư hoa,[67] dùng hai tay cầm lấy vòng hoa ấy và đặt lên đỉnh đầu. Cũng vậy, thưa Tôn giả, tôi xin chấp nhận Tám kính pháp này, cho đến trọn đời không có vượt qua.

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Mahāpajāpatī Gotamī đã chấp nhận Tám kính pháp này, cho đến trọn đời không có vượt qua.

– Này Ānanda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ānanda, Phạm hạnh được an trú lâu dài và Diệu pháp được tồn tại đến một ngàn năm. Vì rằng, này Ānanda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nên này Ānanda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, và này Ānanda, Diệu pháp được tồn tại năm trăm năm. Ví như, này Ānanda, những gia đình nào có nhiều phụ nữ, ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị các đạo tặc, trộm cắp[68] não hại; cũng vậy, này Ānanda, vì rằng nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nên Phạm hạnh không được an trú lâu dài. Ví như, này Ānanda, khi nào một chứng bệnh có tên là "trắng như xương" rơi vào một ruộng lúa đã chín, thời ruộng lúa ấy không có an trú lâu dài; cũng vậy, này Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không có an trú lâu dài. Ví như, này Ānanda, khi nào một chứng bệnh có tên là "đỏ sét" rơi vào một ruộng mía đã chín, thời ruộng mía ấy không có an trú lâu dài; cũng vậy, này Ānanda, khi nào nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, thời Phạm hạnh này không được an trú lâu dài. Ví như, này Ānanda, một người vì nghĩ đến tương lai xây dựng bờ đê cho một hồ nước lớn để nước không thể chảy qua; cũng vậy, này Ānanda, vì nghĩ đến tương lai, Ta mới ban hành Tám kính pháp này cho các Tỷ-kheo-ni, cho đến trọn đời không vượt qua.

II. KINH GIÁO GIỚI (*Ovādasutta*)[69] (*A*. IV. 279)

52. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn.

[66] Ví dụ này được tìm thấy trong *M*. I. 32.

[67] *Adhimuttakamālaṃ.* Cũng còn gọi là Cự Thắng hoa.

[68] Xem *S*. II. 264.

[69] Bản tiếng Anh của PTS: *He Who May Advise*, nghĩa là *Vị Tỷ-kheo có thể giáo giới.*

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Thành tựu bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo nên được chấp nhận (*sammannitabbo*) là vị giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni?

– Này Ānanda, thành tựu tám pháp này, Tỷ-kheo nên được chấp nhận là vị giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni. Thế nào là tám?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo có giới đức, sống được chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

Vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe, chất chứa điều đã được nghe; những pháp ấy, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn cú nghĩa lý cụ túc, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã được nghe nhiều, đã nắm giữ, đã ghi nhớ tụng đọc nhiều lần, chuyên ý quan sát, khéo thể nhập chánh kiến.

Đối với vị ấy, hai Giới bổn (*Pātimokkha*) được khéo trao truyền lại một cách rộng rãi, khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định thành sutta và thành chi tiết.[70]

Vị ấy có một giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác.[71]

Vị ấy có khả năng thuyết giảng pháp thoại cho chúng Tỷ-kheo-ni.

Vị ấy khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, được phần lớn các Tỷ-kheo-ni ái mộ, thích ý.

Trước khi y chỉ Thế Tôn, xuất gia, đắp áo cà-sa, vị ấy không có phạm trọng tội nào.

Vị ấy được hai mươi tuổi an cư hay hơn hai mươi tuổi an cư.

Thành tựu tám pháp này, này Ānanda, vị Tỷ-kheo được chấp nhận là vị giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni.

III. KINH PHÁP TÓM TẮT (*Saṃkhittasutta*)[72] (*A*. IV. 280)

53. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahāpajāpatī Gotamī đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahāpajāpatī Gotamī bạch Thế Tôn:

– Lành thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Này Gotamī, những pháp nào bà biết: "Những pháp này đưa đến tham

---

[70] *Anubyañjanaso*. Xem *A*. IV. 139, 140.

[71] Xem *A*. II. 97; III. 114; V. 155; *D*. I. 155.

[72] *A*. IV. 143; *GS*. IV. 97 (kinh 79 ở trước).

dục, không phải ly tham; đưa đến hệ phược, không đưa đến ly hệ phược; đưa đến tích tập, không đưa đến không tích tập; đưa đến dục lớn, không đưa đến ít dục; đưa đến không biết đủ, không đưa đến biết đủ; đưa đến tụ hội, không đưa đến nhàn tịnh; đưa đến biếng nhác, không đưa đến tinh tấn; đưa đến khó nuôi dưỡng, không đưa đến dễ nuôi dưỡng"; này Gotamī, hãy thọ trì nhất hướng rằng: "Đó là không phải Pháp, đó là không phải Luật, đó là không phải lời dạy của bậc Đạo sư."

Và này Gotamī, những pháp nào bà biết: "Những pháp này đưa đến ly tham, không đưa đến tham dục; đưa đến ly hệ phược, không đưa đến hệ phược; đưa đến không tích tập, không đưa đến tích tập; đưa đến ít dục, không đưa đến dục lớn; đưa đến biết đủ, không đưa đến không biết đủ; đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội; đưa đến tinh tấn, không đưa đến biếng nhác; đưa đến dễ nuôi dưỡng, không đưa đến khó nuôi dưỡng"; này Gotamī, hãy thọ trì nhất hướng rằng: "Đó là Pháp, đó là Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo sư."

IV. KINH DĪGHAJĀṆU (*Dīghajāṇusutta*)[73] (*A*. IV. 281)

54. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Koliya,[74] tại một thị trấn của dân chúng Koliya tên là Kakkarapatta. Rồi Dīghajāṇu (đầu gối dài),[75] dòng họ Koliya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Dīghajāṇu, dòng họ Koliya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con là những người gia chủ hưởng thọ các dục vọng, sống hệ phược với vợ con, dùng các hương Chiên-đàn ở Kāsi, đeo và dùng các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, thọ lãnh vàng và bạc; bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho những người như chúng con, thuyết như thế nào để những pháp ấy đem đến cho chúng con hạnh phúc, an lạc ngay trong hiện tại, và hạnh phúc, an lạc trong tương lai.

– Này Byagghapajja, có bốn pháp này đưa đến hạnh phúc hiện tại, an lạc hiện tại cho thiện nam tử. Thế nào là bốn? Đầy đủ sự tháo vát, đầy đủ sự phòng hộ, làm bạn với thiện hữu, sống thăng bằng điều hòa.

Này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ sự tháo vát?

Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử phàm làm nghề gì để sống, hoặc nghề nông, hoặc đi buôn, hoặc nuôi bò, hoặc làm người bắn cung, hoặc làm việc cho vua, hoặc bất cứ nghề gì,[76] trong nghề ấy người ấy thiện xảo, không biết mệt, biết suy tư hiểu phương tiện vừa đủ để tự làm và điều khiển người khác làm.[77] Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ sự tháo vát.

Và này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ sự phòng hộ?

---

[73] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.91. 0023a22); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.91. 0404c19).

[74] Xem *A*. II. 588; *D*. II. 167; *DA*. I. 260f; *S*. IV. 341; *SnA*. I. 356f; *J*. III. 22; *ThagA*. I. 546; *Ap*. I. 94.

[75] Đức Phật gọi ông là Byagghapajja (chân cọp). Xem *DA*. I. 262.

[76] Xem *M*. I. 85.

[77] Xem *A*. IV. 266; *GS*. IV. 178 (kinh 49 ở trước).

Ở đây, này Byagghapajja, những tài sản của thiện nam tử do tháo vát, tinh tấn thâu hoạch được, do sức mạnh bàn tay cất chứa được, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch được đúng pháp, vị ấy giữ gìn chúng, phòng hộ và bảo vệ: "Làm thế nào các tài sản này của ta không bị vua mang đi, không bị trộm cướp mang đi, không bị lửa đốt, không bị nước cuốn trôi, không bị các người con thừa tự không khả ái cướp đoạt." Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ sự phòng hộ.

Và này Byagghapajja, thế nào là làm bạn với thiện hữu?

Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử sống tại làng hay tại thị trấn. Tại đấy, có gia chủ hay con người gia chủ, những người trẻ được nuôi lớn trong giới đức, hay những người lớn tuổi được lớn lên trong giới đức, đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ, vị ấy làm quen, nói chuyện, thảo luận. Với những người đầy đủ lòng tin, vị ấy học tập đầy đủ lòng tin. Với những người đầy đủ giới đức, vị ấy học tập đầy đủ giới đức. Với những người đầy đủ bố thí, vị ấy học tập đầy đủ bố thí. Với những người đầy đủ trí tuệ, vị ấy học tập đầy đủ trí tuệ. Này Byagghapajja, đây gọi là làm bạn với thiện hữu.

Và này Byagghapajja, thế nào là sống thăng bằng điều hòa?

Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử sau khi biết tài sản nhập, và sau khi biết tài sản xuất, sinh sống một cách điều hòa, không quá phung phí, không quá bỏn xẻn. Vị ấy suy nghĩ: "Đây là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải đây là tiền xuất của ta, sau khi trừ đi tiền nhập, còn lại như vậy." Ví như, này Byagghapajja, người cầm cân hay đệ tử người cầm cân, sau khi cầm cân biết rằng: "Với chừng ấy, cân nặng xuống, hay với chừng ấy, cân nhẹ bổng lên." Cũng vậy, này Byagghapajja, thiện nam tử sau khi biết tài sản nhập, và sau khi biết tài sản xuất, sinh sống một cách điều hòa, không quá phung phí, không quá bỏn xẻn, nghĩ rằng: "Đây là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải đây là tiền xuất của ta, sau khi trừ đi tiền nhập, còn lại như vậy." Này Byagghapajja, nếu thiện nam tử này tiền nhập vào ít, nhưng sống nếp sống rộng rãi, hoang phí, thời người ta nói về người ấy như sau: "Thiện nam tử này ăn tài sản của vị ấy như ăn trái cây sung."[78] Này Byagghapajja, nếu thiện nam tử này có tiền nhập lớn, nhưng sống nếp sống cơ cực, thời người ta sẽ nói về vị ấy như sau: "Thiện nam tử này sẽ chết như người chết đói." Khi nào, này Byagghapajja, thiện nam tử này, sau khi biết tài sản nhập, và sau khi biết tài sản xuất, sống nếp sống thăng bằng điều hòa, không quá phung phí, không quá bỏn xẻn, nghĩ rằng: "Như vậy, tiền nhập của ta, sau khi trừ tiền xuất, còn lại như vậy; không phải là tiền xuất, sau khi trừ tiền nhập, còn lại như vậy." Này Byagghapajja, đây gọi là nếp sống thăng bằng điều hòa.

Như vậy, này Byagghapajja, có bốn cửa xuất để tiêu phí tài sản thâu nhập:[79]

---

[78] *Udumbarakhādika*. *Chú giải* giải thích rằng người ta muốn ăn trái cây này, liền đến rung cây khiến trái rơi xuống, rất uổng phí.

[79] Xem *A*. II. 166; *D*. I. 101; III. 182. Có sáu pháp; *Sn*. 106; *J*. IV. 255.

"Đam mê đàn bà; đam mê rượu chè; đam mê cờ bạc; bạn bè kẻ ác, thân hữu kẻ ác, giao du kẻ ác." Ví như, này Byagghapajja, một hồ nước lớn, có bốn cửa nước chảy vào, có bốn cửa nước chảy ra, có người đóng lại các cửa nước chảy vào, mở ra các cửa nước chảy ra, trời lại không mưa đúng lúc; như vậy, này Byagghapajja, chờ đợi là hồ nước ấy bị giảm thiểu, không có tăng trưởng. Cũng vậy, này Byagghapajja, như vậy có bốn cửa xuất để tiêu phí tài sản được thâu nhập: "Đam mê đàn bà; đam mê rượu chè; đam mê cờ bạc; bạn bè kẻ ác, thân hữu kẻ ác, giao du kẻ ác."

Như vậy, này Byagghapajja, có bốn cửa vào để tài sản được hưng khởi: "Không say đắm đàn bà; không say đắm rượu; không say đắm cờ bạc; bạn bè với thiện hữu, thân hữu với thiện hữu, giao du với thiện hữu." Ví như, này Byagghapajja, một hồ nước lớn, có bốn cửa nước chảy vào, có bốn cửa nước chảy ra, có người mở ra các cửa nước chảy vào, đóng lại các cửa nước chảy ra, và trời lại mưa đúng lúc; như vậy, này Byagghapajja, chờ đợi là hồ nước ấy được tăng trưởng, không có giảm thiểu. Cũng vậy, này Byagghapajja, có bốn cửa vào để tài sản được hưng khởi: "Không đắm say đàn bà; không đắm say rượu chè; không đắm say cờ bạc; bạn bè với thiện hữu, thân hữu với thiện hữu, giao du với thiện hữu."

Bốn pháp này, này Byagghapajja, đưa đến hạnh phúc hiện tại, an lạc hiện tại cho thiện nam tử.

Có bốn pháp này, này Byagghapajja, đưa đến hạnh phúc tương lai, an lạc tương lai cho thiện nam tử. Thế nào là bốn? Đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ.

Và này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ lòng tin?

Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ lòng tin.

Và này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ giới đức?

Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu. Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ giới đức.

Và này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ bố thí?

Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử sống ở gia đình với tâm không bị cấu uế, xan tham chi phối, bố thí rộng rãi với bàn tay rộng mở, vui thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, vui thích chia sẻ vật dụng bố thí. Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ bố thí.

Và này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ trí tuệ?

Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với sự thể nhập thuộc bậc Thánh, và đưa đến con đường chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ trí tuệ.

Tháo vát trong công việc,
Không phóng dật, nhanh nhẹn,
Sống đời sống thăng bằng,
Giữ tài sản thâu được,
Có tín đầy đủ giới,
Bố thí, không xan tham,
Rửa sạch đường thượng đạo,
An toàn trong tương lai.
Đây chính là tám pháp,
Bậc tín chủ tìm cầu,
Bậc chân thật tuyên bố,
Đưa đến lạc hai đời,
Hạnh phúc cho hiện tại,
Và an lạc tương lai.
Đây trú xứ gia chủ,
Bố thí tăng công đức.

V. KINH BÀ-LA-MÔN UJJAYA (*Ujjayasutta*)[80] (*A*. IV. 285)

55. Rồi Bà-la-môn Ujjaya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ujjaya bạch Thế Tôn:

– Chúng con muốn đi nước ngoài, Tôn giả Gotama hãy thuyết pháp cho những người như chúng con, thuyết pháp như thế nào để những pháp ấy đem lại cho chúng con hạnh phúc hiện tại, an lạc hiện tại; hạnh phúc tương lai, an lạc tương lai.

(Như kinh 54 với cả bài kệ, và có một vài thay đổi cần thiết).

VI. KINH SỢ HÃI (*Bhayasutta*)[81] (*A*. IV. 289)

56. Sợ hãi, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Đau khổ, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Bệnh tật, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Cục bướu, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Mũi tên, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Trói buộc, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Bùn, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục. Thai tạng, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với các dục.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, sợ hãi là đồng nghĩa với các dục?

Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những ai bị dục tham ái nhiễm, những ai bị dục tham trói buộc, không được giải thoát khỏi sợ hãi hiện tại, không được giải thoát khỏi sợ hãi trong tương lai; do vậy, sợ hãi là đồng nghĩa với các dục.

---

[80] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.91. 0023a22); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.91. 0404c19).
[81] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.28. 0879c22).

… Vì rằng, này các Tỷ-kheo, đau khổ... bệnh... cục bướu... mũi tên... trói buộc... bùn lầy...

Như thế nào thai tạng là đồng nghĩa với các dục?

Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những ai bị dục tham ái nhiễm, những ai bị dục tham trói buộc, không được giải thoát khỏi thai tạng hiện tại, không được giải thoát khỏi thai tạng trong tương lai; do vậy, thai tạng là đồng nghĩa với các dục.

Sợ hãi, khổ và bệnh,
Cục bướu và mũi tên,
Trói buộc và bùn lầy,
Cả hai cùng thai tạng,
Chúng được gọi tình dục,
Chỗ phàm phu ái nhiễm,
Chìm đắm trong sắc đẹp,
Chúng lại vào thai tạng.
Khi Tỷ-kheo nhiệt tình,
Không thả lỏng tỉnh giác,
Vượt đường hiểm nạn này,
Con đường khó vượt qua;
Vị ấy nhìn chúng sanh,
Đang sống trong sợ hãi,
Vì bị sanh và già,
Ám ảnh và chinh phục.

VII. KINH XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG THỨ NHẤT
(*Paṭhamaāhuneyyasutta*) (*A*. IV. 290)

57. Thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp; nghe nhiều... khéo thể nhập với chánh tri kiến; làm bạn với thiện hữu, thân hữu với thiện hữu, giao du với thiện hữu; có chánh tri kiến, thành tựu chánh kiến; chứng được bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức; nhớ được nhiều đời trước, như một đời, hai đời... nhớ được nhiều đời trước với các tướng trạng, với các chi tiết; với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... rõ biết các chúng sanh, tùy theo hạnh nghiệp của chúng; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính... là vô thượng phước điền ở đời.

VIII. KINH XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG THỨ HAI (*Dutiyaāhuneyyasutta*) (*A*. IV. 291)

58. Thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính... là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo giữ giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp; nghe nhiều... khéo thể nhập với chánh tri kiến; sống tinh cần tinh tấn, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng trong các thiện pháp; sống tại rừng núi, tại các trú xứ xa vắng; chịu đựng lạc và bất lạc,[82] luôn luôn nhiếp phục bất lạc nổi lên; chịu đựng sợ hãi và khiếp đảm, luôn luôn nhiếp phục sợ hãi và khiếp đảm nổi lên; chứng được bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính... là vô thượng phước điền ở đời.

IX. KINH HẠNG NGƯỜI THỨ NHẤT (*Paṭhamapuggalasutta*)[83] (*A*. IV. 292)

59. Có tám hạng người,[84] này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là tám?

Bậc Dự Lưu, bậc đã hướng đến sự chứng ngộ quả Dự lưu; bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến sự chứng ngộ quả Nhất lai; bậc Bất Lai, bậc đã hướng đến sự chứng ngộ quả Bất lai; bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến sự chứng ngộ quả A-la-hán.

Tám hạng người này, này các Tỷ-kheo, đáng được cung kính... là vô thượng phước điền ở đời.

Bốn vị đã hướng đến,
Bốn vị đã trú quả,
Tăng chúng này chánh trực,
Trí tuệ, giới, thiền định,
Loài người cúng thí vật,
Chúng sanh cầu phước đức,
Làm công đức tái sanh,
Tăng chúng tăng quả lớn.

X. KINH HẠNG NGƯỜI THỨ HAI (*Dutiyapuggalasutta*) (*A*. IV. 292)

60. (Như kinh 59, chỉ bài kệ hơi khác).

---

[82] Xem *A*. V. 132; *M*. I. 33.

[83] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Eight Persons*, nghĩa là *Tám hạng người*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.10. 0764c02).

[84] Xem *D*. III. 255.

Bốn vị đã hướng đến,
Bốn vị đã trú quả,
Tăng chúng này tối thắng,
Tám người giữa chúng sanh.
Loài người cúng thí vật,
Chúng sanh cầu phước đức,
Làm công đức tái sanh,
Tăng chúng tăng quả lớn.



VII. PHẨM ĐẤT RÚNG ĐỘNG
(*BHŪMICĀLAVAGGA*)

I. KINH ƯỚC MUỐN (*Icchāsutta*) (*A*. IV. 293)

61. Này các Tỷ-kheo, có tám hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Dầu cho hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng, nhưng lợi dưỡng không khởi lên. Do không được lợi dưỡng ấy, vị ấy sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh.[85] Này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là Tỷ-kheo sống muốn lợi dưỡng, hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Do không được lợi dưỡng ấy, vị ấy sầu muộn, than van, khóc lóc và bỏ rơi Diệu pháp.[86]

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Do hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Với lợi dưỡng ấy, vị ấy đắm say, phóng dật, rơi vào trạng thái đắm say, phóng dật. Đây gọi là Tỷ-kheo sống muốn lợi dưỡng, hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, trở thành đắm say, phóng dật và bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng. Do vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng không khởi lên. Vị ấy do không được lợi dưỡng, nên sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Đây gọi là Tỷ-kheo sống ham muốn lợi dưỡng, không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; không được lợi dưỡng, vị ấy sầu muộn, than van, khóc lóc và bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng. Dầu vị ấy không hăng hái, không phấn chấn,

---

[85] Xem *A*. II. 188; III. 416; *M*. I. 86.

[86] *AA*. IV. 140: *Cuto ca saddhammāti taṃkhaṇaṃyeva vipassanāsaddhammā cuto* ("Bỏ rơi diệu pháp" nghĩa là khi ấy không hành trì Diệu pháp minh sát tuệ nữa).

không tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Với lợi dưỡng ấy, vị ấy đắm say, phóng dật, rơi vào trạng thái đắm say, phóng dật. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống muốn lợi dưỡng, không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, bị đắm say, bị phóng dật và bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Dầu cho vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng không khởi lên. Vị ấy, dù không được lợi dưỡng, cũng không có sầu muộn, không có than van, không có khóc lóc, không có đập ngực, không có rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống muốn lợi dưỡng, hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng; nhưng không được lợi dưỡng, cũng không có sầu muộn, không có than van và không bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Do vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Với lợi dưỡng ấy, vị ấy không đắm say, không phóng dật, không có rơi vào trạng thái đắm say. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống muốn lợi dưỡng, hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, không đắm say, không phóng dật và không bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng. Do vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng không khởi lên. Vị ấy dù không được lợi dưỡng, không có sầu muộn, không có than van, không có khóc lóc, không có đập ngực, không có rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống muốn lợi dưỡng, không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; dù không được lợi dưỡng, vị ấy không sầu muộn, không than van và không bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng. Dầu cho vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Vị ấy, với lợi dưỡng ấy, không đắm say, không phóng dật, không rơi vào trạng thái đắm say. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống muốn lợi dưỡng, không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, không đắm say, không phóng dật và không bỏ rơi Diệu pháp.

Này các Tỷ-kheo, có tám hạng người này sống có mặt hiện hữu ở đời.

II. KINH VỪA ĐỦ (*Alaṃsutta*) (*A*. IV. 296)

62. Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhanh nhẹn[87] nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, vừa đủ cho các người khác.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho kẻ khác. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt, lời nói không tao nhã, không phân minh, phát ngôn bập bẹ, giải thích nghĩa lý không minh xác; không có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho kẻ khác.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho các kẻ khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; không là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; không có sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý xác minh; có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình.

---

[87] *Khippanisanti. Chú giải* viết vị ấy mau chóng hiểu được giáo lý về uẩn, xứ, giới. Xem *A.* II. 97; V. 155.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các kẻ khác. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi biết nghĩa, sau khi biết pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt, lời nói không tao nhã, không phân minh, phát ngôn bập bẹ, giải thích nghĩa lý không minh xác; không có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho các kẻ khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; không là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; không là người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho các kẻ khác, không vừa đủ cho tự mình.

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thế nào là hai?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người không thọ trì những pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; là người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói không có dễ nghe, phát âm không tốt, lời nói không tao nhã, không phân minh, phát ngôn bập bẹ, giải thích nghĩa lý không minh xác; không có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác.

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho kẻ khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là hai?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người không thọ trì những pháp đã được nghe; không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; không có sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả

năng thuyết giảng pháp thoại, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình.

III. KINH TÓM TẮT (*Saṃkhittasutta*)[88] (*A.* IV. 299)

63. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn... Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, sau khi nghe pháp của Thế Tôn, con sẽ sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Như vậy, ở đây, một số người ngu si[89] thỉnh cầu Ta, sau khi pháp được giảng, họ nghĩ Ta là người cần phải đi theo.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp vắn tắt cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp vắn tắt. Con có thể hiểu được ý nghĩa lời của Thế Tôn thuyết giảng. Con có thể trở thành kẻ thừa tự lời Thế Tôn thuyết giảng.

– Vậy này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập như sau: "Nội tâm ta sẽ an trú, khéo vững trú. Các pháp ác, bất thiện sanh khởi không có xâm chiếm tâm và không có chân đứng."[90] Như vậy, này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập.

Này Tỷ-kheo, khi nào nội tâm của ông được an trú, khéo vững trú, các pháp ác, bất thiện sanh khởi không có xâm chiếm tâm và không có chân đứng, khi ấy, này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập như sau: "Từ tâm giải thoát sẽ được ta tu tập, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng."[91] Như vậy, này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của ông được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, ông cần phải tu tập định này với tầm, với tứ; cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ; cần phải tu tập không tầm, không tứ; cần phải tu tập có hỷ, cần phải tu tập không hỷ; cần phải tu tập câu hữu với lạc, cần phải tu tập câu hữu với xả. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của ông được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập như sau: "Bi tâm giải thoát[92] sẽ được ta tu tập... Hỷ tâm giải thoát sẽ được ta tu tập... Xả tâm giải thoát sẽ được ta tu tập, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng." Như vậy, này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của ông được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, ông cần phải tu tập định này với tầm, với tứ;

---

[88] Tham chiếu: *Úc-già-chi-la kinh* 郁伽支羅經 (*T.*01. 0026.76. 0543c01).

[89] *Chú giải* giải thích rằng vị Tỷ-kheo này tu hành giải đãi, không làm tròn bổn phận của người xuất gia nhưng đức Phật biết chắc sau này vị ấy sẽ chứng quả A-la-hán.

[90] *AA.* IV. 140 viết *mūlasamādhi*. Xem *M.* I. 91; *It.* 19.

[91] Xem *D.* II. 102; *M.* III. 97; *S.* I. 116; *Ud.* 62.

[92] Bốn vô lượng tâm. Xem *A.* III. 290; *D.* III. 248.

cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ; cần phải tu tập không tầm, không tứ; cần phải tu tập có hỷ, cần phải tu tập không hỷ; cần phải tu tập câu hữu với lạc; cần phải tu tập câu hữu với xả. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của ông được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập như sau: "Ta sẽ sống quán thân trên thân,[93] nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời." Như vậy, này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này của ông được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, ông cần phải tu tập định này với tầm, với tứ; cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ; cần phải tu tập không tầm, không tứ; cần phải tu tập có hỷ, cần phải tu tập không hỷ; cần phải tu tập câu hữu với lạc; cần phải tu tập câu hữu với xả. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của ông được tu tập, được làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập như sau: "Ta sẽ sống quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời." Như vậy, này Tỷ-kheo, ông cần phải học tập.

Này Tỷ-kheo, khi nào định này được ông tu tập, làm cho sung mãn như vậy, khi ấy, này Tỷ-kheo, ông cần phải tu tập định này với tầm, với tứ; cần phải tu tập không tầm, chỉ với tứ; cần phải tu tập không tầm, không tứ; cần phải tu tập có hỷ, cần phải tu tập không hỷ; cần phải tu tập câu hữu với lạc; cần phải tu tập câu hữu với xả. Này Tỷ-kheo, khi nào định này của ông được tu tập, làm cho sung mãn như vậy, khi ấy này Tỷ-kheo, chỗ nào, chỗ nào ông đi, chỗ ấy ông sẽ đi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào ông đứng, chỗ ấy ông sẽ đứng được an ổn; chỗ nào, chỗ nào ông ngồi, chỗ ấy ông sẽ ngồi được an ổn; chỗ nào, chỗ nào ông nằm, chỗ ấy ông sẽ nằm được an ổn.

Tỷ-kheo ấy, được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới này, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tỷ-kheo ấy sống một mình, an tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu chứng đạt được mục đích mà các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, chính là Vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa." Tỷ-kheo ấy trở thành một vị A-la-hán nữa.

IV. KINH TẠI GAYĀSĪSA (*Gayāsīsasutta*)[94] (*A.* IV. 302)

64. Một thời, Thế Tôn trú ở Gayāsīsa. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

---

[93] Bốn niệm xứ. Xem *A.* I. 39; *D.* II. 290; *M.* I. 56; *S.* V. 293.

[94] Tham chiếu: *Thiên kinh* 天經 (*T.*01. 0026.73. 0539b19).

– Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa thành Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, Ta tưởng tri ánh sáng,[95] Ta không thấy sắc.

Này các Tỷ-kheo, rồi Ta suy nghĩ: "Nếu Ta có thể tưởng tri ánh sáng và Ta có thể thấy được các sắc, như vậy, tri kiến này[96] của Ta được thanh tịnh hơn lên." Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, Ta tưởng tri ánh sáng và thấy được các sắc, nhưng Ta không giao thiệp với chư thiên ấy, không nói chuyện, không thảo luận.

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu Ta có thể tưởng tri ánh sáng, có thể thấy được các sắc, có thể giao thiệp với chư thiên ấy, có thể nói chuyện, có thể thảo luận, như vậy, tri kiến này của Ta được thanh tịnh hơn lên." Và này các Tỷ-kheo, sau một thời gian Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, Ta tưởng tri ánh sáng và thấy được các sắc, và cùng chư thiên ấy giao thiệp, nói chuyện và thảo luận. Nhưng Ta không biết về các chư thiên ấy: "Chư thiên này thuộc về thiên chúng này, thuộc về thiên chúng này."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu Ta tưởng tri ánh sáng, thấy được các sắc, giao thiệp với chư thiên ấy, nói chuyện, thảo luận với chư thiên ấy và biết được về chư thiên ấy: 'Chư thiên này thuộc về thiên chúng này, thuộc về thiên chúng này', như vậy, tri kiến này của Ta được thanh tịnh hơn lên."

Rồi này các Tỷ-kheo, sau một thời gian, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, Ta tưởng tri ánh sáng và thấy được các sắc, giao thiệp, nói chuyện, thảo luận với chư thiên ấy, biết được: "Chư thiên này thuộc về thiên chúng này, thuộc về thiên chúng này", nhưng Ta không biết được chư thiên ấy: "Chư thiên này do quả dị thục của nghiệp này, chết từ đây sanh ra tại chỗ ấy."

... Ta biết được: "Chư thiên này do quả dị thục của nghiệp này, chết từ đây sanh ra tại chỗ ấy", nhưng Ta không biết được chư thiên ấy: "Chư thiên này, do đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này."

... Ta biết được: "Chư thiên này, do đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này", nhưng Ta không biết được chư thiên ấy: "Chư thiên này, tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này."

... Ta biết được: "Chư thiên này, tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này", nhưng Ta không biết được chư thiên ấy: "Trước đây Ta có cùng ở với chư thiên này, hay trước đây Ta không cùng ở với chư thiên này."

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu Ta nhận thức được ánh sáng; thấy được các sắc; cùng với chư thiên ấy giao thiệp, nói chuyện, thảo luận; Ta có thể biết được chư thiên ấy: 'Chư thiên này thuộc về thiên chúng này, thuộc về thiên chúng này'; Ta có thể biết được chư thiên ấy: 'Chư thiên này, do quả dị thục của nghiệp này, chết tại chỗ này, sanh tại chỗ ấy'; Ta có thể

---

[95] *Obhāsaññeva kho sañjānāmi*. Xem *M*. III. 157. Bốn loại ánh sáng được đề cập trong *A*. II. 139.

[96] *Ñāṇadassana*. *AA*. IV. 143: *Ñāṇadassananti dibbacakkhubhūtaṃ ñāṇasaṅkhātaṃ dassanaṃ* ("Tri kiến" nghĩa là sự thấy biết, chứng tri thiên nhãn đang hiện hữu).

biết được chư thiên ấy: 'Chư thiên này, do ăn đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này'; Ta có thể biết được chư thiên ấy: 'Chư thiên này, tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này'; và Ta có thể biết được chư thiên ấy: 'Chư thiên này, trước đây Ta có cùng ở với chư thiên này, hay trước đây Ta không cùng ở với chư thiên này.' Như vậy, tri kiến này của Ta được thanh tịnh hơn trước."

Này các Tỷ-kheo, sau một thời gian sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần; Ta tưởng tri ánh sáng; Thấy được các sắc; Ta giao thiệp, nói chuyện, thảo luận với các chư thiên ấy; Ta biết được chư thiên ấy: "Chư thiên này thuộc thiên chúng này, thuộc thiên chúng này"; Ta biết được chư thiên ấy: "Chư thiên này, do quả dị thục của nghiệp này, chết tại chỗ này, sanh tại chỗ ấy"; Ta biết được chư thiên ấy: "Chư thiên này, do ăn đồ ăn như thế này, cảm thọ khổ lạc như thế này"; Ta biết được chư thiên ấy: "Chư thiên này, tuổi thọ dài như thế này, tồn tại lâu dài như thế này"; và Ta biết được chư thiên ấy: "Chư thiên này, trước đây Ta có cùng ở với chư thiên này, hay trước đây Ta không có ở cùng với chư thiên này."

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào tri kiến gồm có tám diễn tiến và thuộc thượng giới thiên này không được khéo thanh tịnh nơi Ta, thời Ta không có xác chứng trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người rằng Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác.

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào tri kiến gồm có tám diễn tiến và thuộc thượng giới thiên này được khéo thanh tịnh nơi Ta, thời Ta có xác chứng trong thế giới chư Thiên với Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người rằng Ta đã chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, không còn tái sanh nữa."

V. KINH THẮNG XỨ (*Abhibhāyatanasutta*)[97] (*A*. IV. 305)

65. Này các Tỷ-kheo, có tám thắng xứ[98] này. Thế nào là tám?

Một vị tưởng tri nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ nhất.

Một vị tưởng tri nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, không có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ hai.

Một vị tưởng tri vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ ba.

---

[97] Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.19. 0445b15).
[98] Thắng xứ. Xem *A*. I. 40; IV. 409; V. 61; *GS*. IV. 276 (kinh 32 ở sau); *M*. II. 13.

Một vị tưởng tri vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc, không có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ tư.

Một vị tưởng tri vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ năm.

Một vị tưởng tri vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ sáu.

Một vị tưởng tri vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ bảy.

Một vị tưởng tri vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Vị ấy tưởng tri rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, những pháp này là tám thắng xứ.

VI. KINH GIẢI THOÁT (*Vimokkhasutta*)[99] (*A*. IV. 306)

66. Này các Tỷ-kheo, có Tám giải thoát này. Thế nào là tám?

"Tự mình có sắc, thấy các sắc." Đó là giải thoát thứ nhất.

"Tưởng tri nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc." Đó là giải thoát thứ hai.

"Chú tâm trên suy tưởng [sắc là] tịnh." Đó là giải thoát thứ ba.

"Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, chấm dứt các tưởng đối ngại, không tác ý đến các tưởng khác biệt với suy tư: 'Hư không là vô biên', chứng và trú Không vô biên xứ." Đó là giải thoát thứ tư.

"Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ với suy tư: 'Thức là vô biên', chứng và trú Thức vô biên xứ." Đó là giải thoát thứ năm.

"Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ với suy tư: 'Không có vật gì', chứng và trú Vô sở hữu xứ." Đó là giải thoát thứ sáu.

"Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Đó là giải thoát thứ bảy.

"Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định." Đó là giải thoát thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, có Tám giải thoát này.

VII. KINH PHI THÁNH NGÔN (*Anariyavohārasutta*) (*A*. IV. 307)

67. Này các Tỷ-kheo, có tám phi Thánh ngôn[100] này. Thế nào là tám?

---

[99] Tham chiếu: *D. 16, Mahāparinibāna Sutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*), *D*. II. 72; *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.18. 0440c23).

[100] *Anariyavohārā*. Xem *A*. II. 246; *D*. III. 232; *M*. III. 29; *Vin*. IV. 2.

Không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không nghĩ nói nghĩ, không biết nói biết, thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, nghĩ nói không nghĩ, biết nói không biết.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám phi Thánh ngôn.

VIII. KINH THÁNH NGÔN (*Ariyavohārasutta*) (*A*. IV. 307)

68. Này các Tỷ-kheo, có tám Thánh ngôn này. Thế nào là tám?

Không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không nghĩ nói không nghĩ, không biết nói không biết, thấy nói thấy, nghe nói nghe, nghĩ nói nghĩ, biết nói biết.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám Thánh ngôn.

IX. KINH CÁC HỘI CHÚNG (*Parisāsutta*)[101] (*A*. IV. 307)

69. Này các Tỷ-kheo, có tám hội chúng[102] này. Thế nào là tám? Hội chúng Sát-đế-ly, hội chúng Bà-la-môn, hội chúng gia chủ, hội chúng Sa-môn, hội chúng Bốn Thiên Vương, hội chúng cõi trời Ba Mươi Ba, hội chúng Māra, hội chúng Phạm thiên.

Này các Tỷ-kheo, Ta nhớ rằng Ta đã đi đến hàng trăm hội chúng Sát-đế-ly. Tại đấy, Ta lúc trước có hội họp, lúc trước có nói chuyện, lúc trước có thảo luận. Tại đấy, dung sắc của họ như thế nào, dung sắc của Ta trở thành như của họ; giọng nói của họ như thế nào, giọng nói của Ta trở thành như của họ. Và Ta, với pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Khi Ta nói, họ không biết Ta là ai; họ nói: "Người nói này là ai, thiên nhân hay loài người?" Sau khi thuyết giảng với pháp thoại khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, họ không biết Ta là ai; họ nói: "Người biến mất này là ai, thiên nhân hay loài người?"

Này các Tỷ-kheo, Ta nhớ rằng Ta đã đi đến hàng trăm hội chúng Bà-la-môn... hàng trăm hội chúng gia chủ... hàng trăm hội chúng Sa-môn... hàng trăm hội chúng Bốn Thiên Vương... hàng trăm hội chúng cõi trời Ba Mươi Ba... hàng trăm hội chúng Māra... hàng trăm hội chúng Phạm thiên. Tại đấy, Ta lúc trước có hội họp, lúc trước có nói chuyện, lúc trước có thảo luận. Tại đấy, dung sắc của họ như thế nào, dung sắc của Ta trở thành như của họ; giọng nói của họ như thế nào, giọng nói của Ta trở thành như của họ. Và Ta, với pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Khi Ta nói, họ không biết Ta là ai; họ nói: "Người nói này là ai, thiên nhân hay loài người?" Sau khi thuyết giảng với pháp thoại khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, Ta biến mất. Khi Ta biến mất, họ không biết Ta là ai; họ nói: "Người biến mất này là ai, thiên nhân hay loài người?"

Này các Tỷ-kheo, đây là tám hội chúng.

---

[101] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.42.7. 0754c14).

[102] Xem *D*. II. 109; III. 260; *M*. I. 72.

X. KINH ĐỘNG ĐẤT (*Bhūmicālasutta*)[103] (*A*. IV. 308)

70. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, đem theo y và bát, vào Vesāli để khất thực. Sau khi đi khất thực, ăn xong và trên đường trở về, Ngài nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy lấy tọa cụ, chúng ta sẽ đi đến đền Cāpāla để nghỉ trưa.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn, lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

Thế Tôn đi đến đền Cāpāla; sau khi đến, Ngài ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, khả ái thay Vesāli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattamba! Khả ái thay đền Bahuputtaka! Khả ái thay đền Sārandada! Khả ái thay đền Cāpāla! Này Ānanda, những ai đã tu tập bốn thần túc, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng. Nếu muốn, này Ānanda, người ấy có thể sống một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, nay Như Lai đã tu tập bốn thần túc, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng. Này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Như vậy, Tôn giả Ānanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng của Thế Tôn, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người", vì tâm của Tôn giả bị Ác ma ám ảnh.

Lần thứ hai, Thế Tôn... Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, khả ái thay Vesāli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattamba! Khả ái thay đền Bahuputtaka! Khả ái thay đền Sārandada! Khả ái thay đền Cāpāla! Này Ānanda, những ai đã tu tập bốn thần túc, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng. Nếu muốn, này Ānanda, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ānanda, Như Lai đã tu tập bốn thần túc, làm cho sung mãn, thành thạo, thông suốt, điêu luyện, thiện xảo, vững vàng. Này Ānanda, nếu muốn, Như Lai có thể sống một kiếp hay phần kiếp còn lại.

Như vậy, Tôn giả Ānanda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng của Thế Tôn, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, Tôn giả không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp, Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người", vì tâm của Tôn giả bị Ác ma ám ảnh.

[103] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.42.5. 0753c11); *Địa động kinh* 地動經 (*T*.01. 0026.36. 0477b23).

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hãy đi và làm những gì ông nghĩ là phải thời.

– Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài, thân bên hữu hướng về Thế Tôn rồi ra đi, ngồi xuống một gốc cây, không xa Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda ra đi chưa bao lâu, Ác ma nói với Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ cho đến khi nào những Tỷ-kheo của Ta chưa trở thành những đệ tử tinh thông, có huấn luyện, có tin tưởng, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, thọ trì pháp, thực hành pháp và tùy pháp, sở hành chơn chánh, hành trì theo pháp; sau khi học hỏi như bậc Sư trưởng của mình, chưa có thể tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, chưa có thể bác bỏ, hàng phục với Chánh pháp, chưa có thể thuyết pháp thần diệu."

Bạch Thế Tôn, nay những Tỷ-kheo của Thế Tôn đã trở thành những đệ tử tinh thông, có huấn luyện, có tin tưởng, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, thọ trì pháp, thực hành pháp và tùy pháp, sở hành chơn chánh, hành trì theo pháp; sau khi học hỏi như bậc Sư trưởng của mình, đã có thể tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể bác bỏ, hàng phục với Chánh pháp, có thể thuyết pháp thần diệu.

Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Bạch Thiện Thệ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ cho đến khi nào những Tỷ-kheo-ni của Ta chưa trở thành những đệ tử tinh thông, có huấn luyện, có tin tưởng... khi nào những nam cư sĩ của Ta chưa trở thành... khi nào những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử tinh thông, có huấn luyện, có tin tưởng, đạt được an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, thọ trì pháp, thực hành pháp và tùy pháp, sở hành chơn chánh, hành trì theo pháp; sau khi học hỏi như bậc Sư trưởng của mình, chưa có thể tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, chưa có thể bác bỏ, hàng phục với Chánh pháp, chưa có thể thuyết pháp thần diệu."

Bạch Thế Tôn, nay những nữ cư sĩ của Thế Tôn đã trở thành đệ tử tinh thông, có huấn luyện, có tin tưởng, đạt được an ổn khỏi khổ ách, nghe nhiều, thọ trì pháp, thực hành pháp và tùy pháp, sở hành chơn chánh, hành trì theo pháp; sau khi học hỏi như bậc Sư trưởng của mình, đã có thể tuyên bố, thuyết giảng trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp; khi có tà đạo khởi lên, đã có thể bác bỏ, hàng phục với Chánh pháp, có thể thuyết pháp thần diệu.

Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói: "Này Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa thịnh đạt, phát triển, quảng bá, biến mãn, phổ biến, khéo thuyết giảng cho chư thiên và loài người."

Nay bạch Thế Tôn, Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy được thịnh đạt, phát triển, quảng bá, biến mãn, phổ biến, khéo thuyết giảng cho chư thiên và loài người. Nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ!

– Này Ác ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ!

Và tại đền Cāpāla, Thế Tôn chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ thọ hành [không duy trì mạng sống lâu hơn nữa]. Khi Thế Tôn từ bỏ thọ hành, thời đại địa chấn động ghê rợn, tóc lông dựng ngược, sấm trời vang dậy. Lúc bấy giờ, Thế Tôn hiểu ý nghĩa sự kiện này, liền thốt ra lời cảm hứng như sau:

Mạng sống có hạn hay vô hạn,
Tu sĩ từ bỏ không kéo dài,
Nội tâm an lạc trú thiền định,
Như thoát áo giáp tự ngã mang.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Ānanda suy nghĩ: "Thật là lớn, đất chấn động này! Thật là to lớn, đất chấn động này, đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy! Do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động hiển lộ như vậy?"

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Thật là lớn, đất chấn động này! Thật là to lớn, bạch Thế Tôn, đất chấn động này, đại địa chấn động, ghê rợn, tóc lông dựng ngược và sấm trời vang dậy! Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, đại địa chấn động hiển lộ như vậy?

– Này Ānanda, có tám nhân, có tám duyên, khiến đại địa chấn động. Thế nào là tám?

Này Ānanda, đại địa này thiết lập trên nước, nước ở trên gió và gió ở trên hư không. Này Ānanda, đến thời gió lớn khởi lên, khi gió lớn thổi lên nước rung động, và khi nước rung động thì quả đất rung động. Đó là nhân thứ nhất, duyên thứ nhất, khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, có Sa-môn hay Bà-la-môn có thần thông, tâm được tự tại hay hàng chư thiên có đại thần thông, có đại uy lực; những vị này tu tập địa tưởng có hạn, thủy tưởng vô lượng, vị ấy có thể khiến quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Này Ānanda, đó là nhân thứ hai, duyên thứ hai, khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, khi Bồ-tát từ bỏ thân chư thiên Tusita (Đâu-suất),

chánh niệm, tỉnh giác, nhập vào mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ ba, duyên thứ ba, khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, khi Bồ-tát chánh niệm, tỉnh giác, ra khỏi mẫu thai, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Này Ānanda, đó là nhân thứ tư, duyên thứ tư, khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ năm, duyên thứ năm, khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai chuyển bánh xe pháp, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ sáu, duyên thứ sáu, khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai chánh niệm, tỉnh giác, từ bỏ, không duy trì mạng sống [thọ hành], khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ bảy, duyên thứ bảy, khiến đại địa chấn động.

Lại nữa, này Ānanda, khi Như Lai nhập Vô dư Niết-bàn, khi ấy quả đất này rung động, chuyển động, chấn động mạnh. Đó là nhân thứ tám, duyên thứ tám, khiến đại địa chấn động.

Này Ānanda, do tám nhân này, tám duyên này khiến đại địa chấn động.



VIII. PHẨM SONG ĐÔI
(*YAMAKAVAGGA*)

I. KINH LÒNG TIN THỨ NHẤT (*Paṭhamasaddhāsutta*) (*A*. IV. 314)

71. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin[104] nhưng không có giới; như vậy, vị ấy không đầy đủ chi phần này. Do vậy, cần phải làm đầy đủ chi phần ấy: "Làm thế nào để ta được đầy đủ cả lòng tin và giới." Và này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin và giới; như vậy, chi phần ấy được đầy đủ.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới nhưng không nghe nhiều; như vậy, vị ấy không đầy đủ chi phần này. Do vậy, cần phải làm đầy đủ chi phần ấy: "Làm thế nào để ta được đầy đủ cả lòng tin, giới và nghe nhiều." Và này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin, có giới và có nghe nhiều; như vậy, chi phần ấy được đầy đủ.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, có nghe nhiều nhưng không thuyết pháp...

... có thuyết pháp nhưng không sống với hội chúng...

… sống với hội chúng nhưng không vô úy thuyết pháp cho hội chúng...

... vô úy thuyết pháp cho hội chúng nhưng với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được có khó khăn, chứng được có mệt nhọc, chứng được có phí sức...

... với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức; nhưng không đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy, vị ấy không đầy đủ chi phần này. Do vậy, cần phải làm cho đầy đủ chi phần ấy: "Làm thế nào để ta được đầy đủ lòng tin, có giới, có nghe nhiều, có thuyết pháp, có sống với hội chúng, có vô úy thuyết pháp cho hội chúng, với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát."

Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, có nghe nhiều, có thuyết pháp, có sống với hội chúng, có vô úy thuyết pháp cho hội chúng; với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, chứng được không khó khăn,

[104] Xem *A*. IV. 359; V. 10.

chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức; do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại với thắng trí tự mình chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy, vị ấy được đầy đủ chi phần ấy.

Thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được tịnh tín hoàn toàn và được viên mãn về mọi phương diện.[105]

II. KINH LÒNG TIN THỨ HAI (*Dutiyasaddhāsutta*)[106] (*A*. IV. 315)

72. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin nhưng không có giới; như vậy, vị ấy không đầy đủ chi phần này. Do vậy, cần phải làm cho đầy đủ chi phần ấy: "Làm thế nào để ta có lòng tin và có giới." Và này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin và có giới; như vậy, chi phần ấy đã được đầy đủ.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới nhưng không nghe nhiều...

... có nghe nhiều nhưng không thuyết pháp...

... có thuyết pháp nhưng không sống với hội chúng...

... sống với hội chúng nhưng không vô úy thuyết pháp cho hội chúng...

... vô úy thuyết pháp cho hội chúng; nhưng đối với các tịch tịnh giải thoát vượt qua các sắc thuộc vô sắc ấy, không sống với thân thấm nhuần...

... đối với các tịch tịnh giải thoát vượt qua các sắc thuộc vô sắc ấy, sống với thân thấm nhuần; nhưng không đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy, vị ấy không đầy đủ chi phần này. Do vậy, cần phải làm cho đầy đủ chi phần ấy: "Làm thế nào để ta có được lòng tin, có giới, có nghe nhiều, là vị thuyết pháp sống với hội chúng, vô úy thuyết pháp cho hội chúng; với các tịch tịnh giải thoát vượt qua các sắc thuộc vô sắc ấy, sống với thân thấm nhuần; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú."

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, nghe nhiều, thuyết pháp, sống với hội chúng, vô úy thuyết pháp cho hội chúng; đối với các tịch tịnh giải thoát vượt qua các sắc thuộc vô sắc ấy, sống với thân thấm nhuần; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú; như vậy, vị ấy được đầy đủ chi phần ấy.

Thành tựu tám chi phần này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được tịnh tín hoàn toàn và được viên mãn về mọi phương diện.

III. KINH NIỆM CHẾT THỨ NHẤT (*Paṭhamamaraṇassatisutta*)[107] (*A*. IV. 316)

73. Một thời, Thế Tôn trú ở Nātika, tại Giñjakāvasatha. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

[105] *Samantapāsādiko ca hoti sabbākāraparipūro.*

[106] Xem *A*. V. 11.

[107] Xem *A*. III. 303; IV. 46. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.40.8. 0741c27).

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Niệm chết, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử. Này các Tỷ-kheo, các ông hãy tu tập niệm chết.

Được nghe nói như vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng ta sống ngày và đêm tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng ta sống trọn ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng ta sống trọn nửa ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng, cho đến khi nào ta còn ăn một phần đồ ăn khất thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng, cho đến khi nào ta còn ăn nửa phần đồ ăn khất thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng, cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt bốn, năm miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Mong rằng, cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt một miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con cũng tu tập niệm chết.

– Này Tỷ-kheo, ông tu tập niệm chết như thế nào?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Cho đến khi nào, sau khi thở vào ta thở ra, hay sau khi thở ra ta thở vào, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn." Con đã làm nhiều như vậy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con tu tập niệm chết.

Được nghe nói như vậy, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy:

– Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng ta sống ngày và đêm tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng ta sống trọn ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng ta sống trọn nửa ngày tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn một phần đồ ăn khất thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn nửa phần đồ ăn khất thực, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt bốn, năm miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho đến khi nào ta còn ăn và nuốt một miếng đồ ăn, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này tu tập niệm chết như sau: "Mong rằng cho

đến khi nào khi thở vào ta thở ra, hay sau khi thở ra ta thở vào, cho đến khi ấy, ta tác ý đến lời dạy của Thế Tôn. Ta đã làm nhiều như vậy."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là vị sống không phóng dật, tu tập rất sắc sảo niệm chết để đoạn diệt các lậu hoặc.[108] Do vậy, này các Tỷ-kheo, cần phải tu học như sau: "Hãy sống không phóng dật. Ta sẽ tu tập một cách sắc sảo niệm chết, để đoạn diệt các lậu hoặc."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

IV. KINH NIỆM CHẾT THỨ HAI (*Dutiyamaraṇassatisutta*)[109] (*A*. IV. 320)

74. Một thời, Thế Tôn trú ở Nātika, tại Giñjakāvasatha. Tại đấy, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Niệm chết, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử. Vậy tu tập niệm chết như thế nào, làm cho sung mãn niệm chết như thế nào để đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, nhập vào bất tử, cứu cánh bất tử?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi ngày vừa tàn và đêm vừa an trú, suy tư như sau: "Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều: Con rắn có thể cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta, hay con rít có thể cắn ta; do vậy, ta có thể mệnh chung, như vậy sẽ chướng ngại cho ta. Ta có thể vấp ngã và té xuống, cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể khuấy động ta, đàm có thể khuấy động ta, các gió như kiếm có thể khuấy động ta, người có thể công kích ta, hay phi nhân có thể công kích ta; do vậy, có thể làm ta mệnh chung, như vậy sẽ là chướng ngại cho ta."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy xét như sau: "Nếu ta còn có những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta."

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi suy xét như vậy, biết được như sau: "Ta có những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta". Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các pháp ác, bất thiện ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Ví như, này các Tỷ-kheo, áo bị cháy[110] hay đầu bị cháy, thời để dập tắt áo ấy hay đầu ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác.

---

[108] Xem *The Path of Purity*, 237; 273.

[109] Xem *A*. III. 306, 100.

[110] Ví dụ được tìm thấy trong *A*. II. 93; III. 308; V. 93, 99.

Nếu Tỷ-kheo ấy, trong khi suy xét, biết được như sau: "Ta không có những pháp ác, bất thiện chưa đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung đêm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải sống hoan hỷ, hân hoan, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp.[111]

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đêm vừa tàn và ngày vừa an trú, suy tư như sau: "Các nhân duyên đem đến cái chết cho ta rất nhiều: Con rắn có thể cắn ta, con bò cạp có thể cắn ta, hay con rít có thể cắn ta; do vậy, ta có thể mệnh chung, như vậy sẽ là chướng ngại cho ta. Ta có thể vấp ngã và té xuống, cơm ta ăn có thể làm ta mắc bệnh khi ăn, hay mật có thể khuấy động ta, hay đàm có thể khuấy động ta, các gió như kiếm có thể khuấy động ta, người hay phi nhân có thể công kích ta; và như vậy có thể làm ta mệnh chung, như vậy sẽ là chướng ngại cho ta."

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy xét như sau: "Nếu ta còn có những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung trong ngày, chúng có thể là chướng ngại cho ta."

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi suy xét như vậy, biết được như sau: "Ta có những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy, để đoạn tận các pháp ác, bất thiện ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh cần, tinh tấn, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác. Ví như, này các Tỷ-kheo, áo bị cháy hay đầu bị cháy, thời để dập tắt áo ấy hay đầu ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy để đoạn tận các ác, bất thiện pháp ấy, cần phải tận lực tác động ước muốn, tinh tấn, tinh cần, nỗ lực, không có thối chuyển, chánh niệm và tỉnh giác.

Nếu vị Tỷ-kheo ấy, trong khi suy xét biết được như sau: "Ta không có những pháp ác, bất thiện chưa được đoạn tận, nếu ta lỡ mệnh chung ngày hôm nay, chúng có thể là chướng ngại cho ta." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải sống hoan hỷ, hân hoan, ngày đêm cần phải học tập trong các thiện pháp.

Này các Tỷ-kheo, niệm về chết tu tập như vậy làm cho sung mãn, được quả lớn, được lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, cứu cánh là bất tử.

V. KINH ĐẦY ĐỦ THỨ NHẤT (*Paṭhamasampadāsutta*) (*A*. IV. 322)

75. Này các Tỷ-kheo, có tám đầy đủ này. Thế nào là tám? Đầy đủ sự tháo vát, đầy đủ sự phòng hộ, làm bạn với thiện hữu, sống thăng bằng điều hòa, đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, có tám đầy đủ này.

[111] Xem *M*. I. 100.

Tháo vát trong công việc,
Không phóng dật, nhanh nhẹn,
Sống đời sống thăng bằng,
Giữ tài sản thâu được,
Có tín đầy đủ giới,
Bố thí không xan tham,
Rửa sạch đường thượng đạo,
An toàn trong tương lai.
Đây chính là tám pháp,
Bậc tín chủ tầm cầu,
Bậc chân thật tuyên bố,
Đưa đến lạc hai đời,
Hạnh phúc cho hiện tại,
Và an lạc tương lai.
Đây trú xứ gia chủ,
Bố thí tăng công đức.

VI. KINH ĐẦY ĐỦ THỨ HAI (*Dutiyasampadāsutta*)[112] (*A*. IV. 322)

76. Này các Tỷ-kheo, có tám đầy đủ này. Thế nào là tám?

Đầy đủ sự tháo vát, đầy đủ sự phòng hộ, làm bạn với thiện hữu, sống thăng bằng điều hòa, đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, có tám đầy đủ này.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ sự tháo vát?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử, phàm làm nghề gì để sinh sống, hoặc nghề nông, hoặc đi buôn, hoặc nuôi bò, hoặc làm người bắn cung, hoặc làm việc cho vua, hoặc bất cứ nghề gì, trong nghề ấy, người ấy thiện xảo, không biết mệt, biết suy tư phương tiện, vừa đủ để tự làm và điều khiển người khác làm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ sự tháo vát.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ sự phòng hộ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, những tài sản của thiện nam tử, do tháo vát, tinh tấn thâu hoạch được, do sức mạnh cánh tay chất chứa được, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, thâu hoạch được đúng pháp, vị ấy gìn giữ chúng, phòng hộ và bảo vệ. Làm thế nào các tài sản này của ta không bị vua mang đi, không bị trộm cướp mang đi, không bị lửa đốt, không bị nước cuốn trôi, không bị các người con thừa tự không khả ái cướp đoạt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ sự phòng hộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là làm bạn với thiện hữu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử sống tại làng hay tại thị trấn. Tại đấy có những gia chủ, hay con người gia chủ, những người trẻ được nuôi lớn trong

[112] Xem bài kệ trong *A*. IV. 321; *GS*. IV. 215 (kinh 75 ở trước); *A*. IV. 280; *GS*. IV. 187 (kinh 54 ở trước).

giới đức, hay những người lớn tuổi được lớn lên trong giới đức, đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ, vị ấy giao thiệp, nói chuyện, thảo luận với những người ấy. Với những người đầy đủ lòng tin, vị ấy theo học đầy đủ lòng tin; với những người đầy đủ giới đức, vị ấy theo học đầy đủ giới đức; với những người đầy đủ bố thí, vị ấy theo học đầy đủ bố thí; với những người đầy đủ trí tuệ, vị ấy theo học đầy đủ trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là làm bạn với thiện hữu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sống thăng bằng điều hòa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử sau khi biết tài sản nhập, sau khi biết tài sản xuất, sinh sống một cách thăng bằng điều hòa, không quá phung phí, không quá bỏn xẻn. Người ấy suy nghĩ: "Đây là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải là tiền xuất của ta, sau khi trừ tiền nhập, còn lại như vậy." Ví như, này các Tỷ-kheo, người cầm cân hay đệ tử người cầm cân, sau khi cầm cân, biết rằng: "Với chừng ấy, cân nặng xuống; hay với chừng ấy, cân bổng lên." Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử sau khi biết tài sản nhập, sau khi biết tài sản xuất, sinh sống một cách điều hòa, không quá phung phí, không quá bỏn xẻn, người ấy nghĩ rằng: "Đây là tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải là tiền xuất của ta, sau khi trừ đi tiền nhập, còn lại như vậy." Này các Tỷ-kheo, nếu thiện nam tử này, tiền nhập vào ít nhưng sống nếp sống rộng rãi (hoang phí) thời người ta nói về người ấy như sau: "Thiện nam tử này ăn tài sản của người ấy như người ăn trái cây sung." Này các Tỷ-kheo, nếu thiện nam tử này có tiền nhập lớn nhưng sống nếp sống cơ cực thời người ta sẽ nói về người ấy như sau: "Thiện nam tử này sẽ chết như người chết đói." Khi nào, này các Tỷ-kheo, sau khi biết tài sản nhập, sau khi biết tài sản xuất, sống nếp sống thăng bằng điều hòa, không quá phung phí, không quá bỏn xẻn, nghĩ rằng: "Như vậy, tiền nhập của ta, sau khi trừ đi tiền xuất, còn lại như vậy; không phải là tiền xuất, sau khi trừ đi tiền nhập, còn lại như vậy." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nếp sống thăng bằng điều hòa.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ lòng tin?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ lòng tin.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ giới?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử từ bỏ sát sanh... từ bỏ, không đắm say rượu men rượu nấu. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ giới.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ bố thí?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử sống ở gia đình với tâm không bị cấu uế xan tham chi phối, bố thí rộng rãi với bàn tay rộng mở, vui thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, vui thích chia sẻ vật dụng bố thí. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ bố thí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đầy đủ, trí tuệ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đầy đủ trí tuệ.

Tháo vát trong công việc,
Không phóng dật, nhanh nhẹn,
Sống đời sống thăng bằng,
Giữ tài sản thâu được,
Có tín đầy đủ giới,
Bố thí không xan tham,
Rửa sạch đường thượng đạo,
An toàn trong tương lai.
Đây chính là tám pháp,
Bậc tín chủ tìm cầu,
Bậc chân thật tuyên bố,
Đưa đến lạc hai đời,
Hạnh phúc cho hiện tại,
Và an lạc tương lai.
Đây trú xứ gia chủ,
Bố thí tăng công đức.

VII. KINH ƯỚC MUỐN (*Icchāsutta*)[113] (*A*. IV. 325)

77. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này các Hiền giả, có tám hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Dầu cho vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng nhưng lợi dưỡng không đến. Do không được lợi dưỡng, vị ấy sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là Tỷ-kheo sống ham muốn lợi dưỡng, hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng; do không được lợi dưỡng, vị ấy sầu muộn, than khóc, bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Do hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Với lợi dưỡng ấy, vị ấy đắm say, phóng dật, rơi vào trạng thái đắm

[113] Xem *A*. IV. 292; *GS*. IV. 194 (kinh 61 ở trước).

say, phóng dật. Đây gọi là Tỷ-kheo sống ham muốn lợi dưỡng, hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, trở thành đắm say, phóng dật và bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng. Do vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn, lợi dưỡng không khởi lên. Vị ấy do không được lợi dưỡng nên sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Đây gọi là Tỷ-kheo sống ham muốn lợi dưỡng, không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; do không được lợi dưỡng nên sầu muộn, than van và bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng. Dầu vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Với lợi dưỡng ấy, vị ấy đắm say, phóng dật, rơi vào trạng thái đắm say, phóng dật. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống ham muốn lợi dưỡng, không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, bị đắm say, bị phóng dật và bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Dầu cho vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng không khởi lên. Vị ấy dầu không được lợi dưỡng, không sầu muộn, không than van, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống ham muốn lợi dưỡng, hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng; không được lợi dưỡng, không sầu muộn, không than van và không bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng, vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng. Do vị ấy hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Với lợi dưỡng ấy, vị ấy không đắm say, không phóng dật, không có rơi vào trạng thái đắm say, phóng dật. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống ham muốn lợi dưỡng, hăng hái, phấn chấn, tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, không đắm say, không phóng dật, không bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng không khởi lên. Vị ấy không được lợi dưỡng, không sầu muộn, không than van, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống ước muốn lợi dưỡng, không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; không được lợi dưỡng, không sầu muộn, không than van, không bỏ rơi Diệu pháp.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi sống nhàn tịnh, không có tinh tấn, khởi lên ước muốn có lợi dưỡng. Vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng. Dầu cho vị ấy không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng, lợi dưỡng khởi lên. Vị ấy với lợi dưỡng ấy, không đắm say, không phóng dật, không rơi vào trạng thái đắm say, phóng dật. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo sống ham muốn lợi dưỡng, không hăng hái, không phấn chấn, không tinh tấn để được lợi dưỡng; được lợi dưỡng, không đắm say, không phóng dật, không bỏ rơi Diệu pháp.

Này các Tỷ-kheo, có tám hạng người này sống có mặt hiện hữu ở đời.

VIII. KINH VỪA ĐỦ (*Alaṃsutta*)[114] (*A*. IV. 328)

78. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền, thành tựu sáu pháp, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, là vừa đủ cho các người khác. Thế nào là sáu?

Ở đây, này các Hiền giả, Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiểu ý nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, là vừa đủ cho các người khác.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, là vừa đủ cho các người khác. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì các pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, là vừa đủ cho các người khác.

Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì các pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt, lời nói không tao nhã,

[114] Xem *A*. IV. 295; *GS*. IV. 196 (kinh 62 ở trước). Tám pháp tương ứng với tám cách chia: 1) 6 pháp, 2) 5 pháp, 3) 4 pháp, 4) 4 pháp, 5) 3 pháp, 6) 3 pháp, 7) 2 pháp, 8) 2 pháp.

không phân minh, phát ngôn bập bẹ, giải thích nghĩa lý không minh xác; không có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu bốn pháp này, này các Hiền giả, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác.

Thành tựu bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì các pháp đã được nghe; không là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; không có sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình.

Thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì các pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt, lời nói không tao nhã, không phân minh, phát ngôn bập bẹ, giải thích nghĩa lý không minh xác; không có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác.

Thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; không là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; không là người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình.

Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác. Thế nào là hai?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa

trong các thiện pháp; không là người thọ trì các pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; là người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói không dễ nghe, phát âm không tốt, lời nói không tao nhã, không phân minh, phát ngôn bập bẹ, giải thích nghĩa lý không minh xác; không có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các đồng Phạm hạnh.

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho tự mình, không vừa đủ cho các người khác.

Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình. Thế nào là hai?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; không là người thọ trì các pháp đã được nghe; không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; không là người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp; giọng nói dễ nghe, phát âm tốt, lời nói tao nhã, phân minh, phát ngôn không bập bẹ, giải thích nghĩa lý minh xác; có khả năng thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh.

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vừa đủ cho các người khác, không vừa đủ cho tự mình.

IX. KINH THỐI ĐỌA (*Parihānasutta*) (*A*. IV. 331)

79. Này các Tỷ-kheo, có tám pháp[115] này, đưa Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa. Thế nào là tám? Ưa thích công việc, ưa thích nói chuyện, ưa thích ngủ nghỉ, ưa thích hội chúng, không phòng hộ các căn, không tiết độ trong ăn uống, ưa thích giao thiệp, ưa thích hý luận.

Này các Tỷ-kheo, có tám pháp này, đưa Tỷ-kheo Hữu học đến thối đọa.

Này các Tỷ-kheo, có tám pháp này, đưa Tỷ-kheo Hữu học đến không thối đọa. Thế nào là tám pháp? Không ưa thích công việc, không ưa thích nói chuyện, không ưa thích ngủ nghỉ, không ưa thích hội chúng, các căn được phòng hộ, tiết độ trong ăn uống, không ưa thích giao thiệp, không ưa thích hý luận.

Này các Tỷ-kheo, có tám pháp này, đưa Tỷ-kheo Hữu học đến không thối đọa.

X. KINH TÁM CĂN CỨ ĐỂ BIẾNG NHÁC VÀ TINH TẤN (*Kusītārambhavatthusutta*)[116] (*A*. IV. 332)

80. Này các Tỷ-kheo, có tám căn cứ này để biếng nhác. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có việc phải làm, vị ấy nghĩ: "Có việc ta sẽ phải làm. Nhưng nếu ta làm, thời thân sẽ mệt mỏi, vậy ta hãy nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng

---

[115] Xem *A*. III. 293.

[116] Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.18. 0440c23)

đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ.[117] Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ nhất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có việc phải làm. Vị ấy suy nghĩ: "Có việc ta đã làm, do ta đã làm, thân bị mệt mỏi, vậy ta hãy nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ hai.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có con đường Tỷ-kheo cần phải đi. Vị ấy suy nghĩ: "Có con đường ta sẽ phải đi, nếu ta đi thời thân sẽ mệt mỏi, vậy ta hãy nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ ba.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có con đường Tỷ-kheo đã đi. Vị ấy suy nghĩ: "Ta đã đi con đường, do ta đã đi con đường nên thân bị mệt mỏi, vậy ta hãy nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ tư.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi khất thực trong làng hay trong thị trấn, không nhận được các đồ ăn loại thô hay tế đầy đủ như ý muốn. Vị ấy suy nghĩ: "Ta đi khất thực trong làng hay trong thị trấn, không nhận được các đồ ăn loại thô hay tế đầy đủ như ý muốn; nay thân ta mệt mỏi, không có thể chịu đựng, vậy ta hãy nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ năm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi khất thực trong làng hay trong thị trấn, nhận được các đồ ăn loại thô hay loại tế đầy đủ như ý muốn. Vị ấy suy nghĩ: "Ta đi khất thực trong làng hay trong thị trấn, nhận được các đồ ăn loại thô hay loại tế đầy đủ như ý muốn; nay thân ta nặng nề, không có thể chịu đựng, nặng nề như loại đậu bị ngâm nước, vậy ta hãy nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ sáu.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo bị bệnh nhẹ. Vị ấy suy nghĩ: "Nay bệnh nhẹ này khởi lên nơi ta, có lý do để nằm xuống, vậy ta hãy nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không cố gắng... chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ bảy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đau bệnh mới khỏi, mới khỏi bệnh không bao lâu, vị ấy suy nghĩ: "Ta đau bệnh mới khỏi, mới khỏi bệnh không bao lâu, thân ta do vậy bị yếu, không có thể chịu đựng, vậy ta hãy nằm xuống." Vị ấy nằm xuống, không cố gắng tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ biếng nhác thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám căn cứ để biếng nhác.

---

[117] *Chú giải* chỉ cho pháp thiền chỉ và thiền quán.

Này các Tỷ-kheo, có tám căn cứ này để siêng năng. Thế nào là tám?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có việc phải làm. Vị ấy nghĩ: "Có việc ta sẽ phải làm, nếu ta làm việc, thời không dễ gì để ta tác ý đến lời dạy của các đức Phật. Vậy trước hết, ta bắt đầu tinh tấn, để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ." Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ nhất.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã làm một công việc. Vị ấy suy nghĩ: "Ta đã làm một công việc, do ta làm công việc, ta đã không có thể tác ý đến lời dạy của các đức Phật. Vậy trước hết, ta bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ." Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ hai.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có con đường Tỷ-kheo cần phải đi. Vị ấy suy nghĩ: "Ta sẽ cần phải đi con đường, do ta đi con đường, không dễ gì để ta tác ý đến lời dạy của các đức Phật. Vậy trước hết, ta bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ." Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ ba.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đi con đường. Vị ấy suy nghĩ: "Ta đã đi con đường, do ta đã đi con đường, ta đã không có thể nghĩ đến lời dạy của các đức Phật. Vậy trước hết, ta hãy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ." Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ tư.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi khất thực trong làng hay trong thị trấn, không nhận được các đồ ăn loại thô và loại tế đầy đủ như ý muốn. Vị ấy suy nghĩ: "Ta đi khất thực trong làng hay trong thị trấn, không nhận được các đồ ăn loại thô hay loại tế đầy đủ như ý muốn, do vậy thân ta được nhẹ nhàng, có thể chịu đựng. Vậy trước hết, ta hãy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ." Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ năm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi đi khất thực trong làng hay trong thị trấn, nhận được các đồ ăn loại thô và loại tế đầy đủ như ý muốn. Vị ấy suy nghĩ: "Ta đi khất thực trong làng hay trong thị trấn, nhận được các đồ ăn loại

thô hay loại tế đầy đủ như ý muốn, thân ta có sức mạnh, có thể chịu đựng. Vậy trước hết, ta hãy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ." Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ sáu.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo mới khỏi một bệnh nhẹ. Vị ấy suy nghĩ: "Bệnh nhẹ này khởi lên nơi ta; sự kiện này có xảy ra, bệnh này có thể tăng trưởng nơi ta. Vậy trước hết, ta hãy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ." Vị ấy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ bảy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo mới khỏi bệnh, được khỏi bệnh không bao lâu, vị ấy suy nghĩ: "Ta mới khỏi bệnh, được khỏi bệnh không bao lâu; sự kiện này có xảy ra, bệnh này của ta có thể trở lại. Vậy trước hết, ta hãy bắt đầu tinh tấn để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ." Vị ấy bắt đầu tinh tấn, để đạt được những gì chưa đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Này các Tỷ-kheo, đây là căn cứ siêng năng thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, có tám căn cứ siêng năng này.



IX. PHẨM NIỆM
(*SATIVAGGA*)

I. KINH CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC
(*Satisampajaññasutta*)[118] (*A*. IV. 336)

81. Khi chánh niệm tỉnh giác không có, này các Tỷ-kheo, với người không có chánh niệm tỉnh giác, tàm quý đi đến hủy diệt. Khi tàm quý không có, này các Tỷ-kheo, với người thiếu tàm quý, chế ngự các căn đi đến hủy diệt. Khi chế ngự các căn không có, với người thiếu chế ngự các căn, giới đi đến hủy diệt. Khi giới không có, với người thiếu giới, chánh định đi đến hủy diệt. Khi chánh định không có, với người không có chánh định, tri kiến như thật đi đến hủy diệt. Khi tri kiến như thật không có, với người thiếu tri kiến như thật, nhàm chán, ly tham đi đến hủy diệt. Khi nhàm chán, ly tham không có, với người thiếu nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây không có cành và lá, các mầm non của cây ấy không đi đến thành mãn, vỏ cây, giác cây, lõi cây không đi đến thành mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi chánh niệm tỉnh giác không có, với người không có chánh niệm tỉnh giác, tàm quý đi đến hủy diệt... giải thoát tri kiến đi đến hủy diệt.

Khi chánh niệm tỉnh giác có mặt, với người có chánh niệm tỉnh giác, tàm quý đi đến đầy đủ. Khi tàm quý có mặt, này các Tỷ-kheo, với người đầy đủ tàm quý, chế ngự các căn đi đến đầy đủ. Khi chế ngự các căn có mặt, với người đầy đủ chế ngự các căn, giới đi đến đầy đủ. Khi giới có mặt, với người đầy đủ giới, chánh định đi đến đầy đủ. Khi chánh định có mặt, với người đầy đủ chánh định, tri kiến như thật đi đến đầy đủ. Khi tri kiến như thật có mặt, với người đầy đủ tri kiến như thật, thời nhàm chán, ly tham đi đến đầy đủ. Khi nhàm chán, ly tham có mặt, với người đầy đủ nhàm chán, ly tham, giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây có cành và lá, các mầm non của cây đi đến thành mãn, vỏ cây, giác cây và lõi cây đi đến thành mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi chánh niệm tỉnh giác có mặt, với người đầy đủ chánh niệm tỉnh giác... giải thoát tri kiến đi đến đầy đủ.

---

[118] Tham chiếu: *Niệm kinh* 念經 (*T*.01. 0026.44. 0485c22); *Tàm quý kinh* 慚愧經 (*T*.01. 0026.45-46. 0486a05-a21); *Giới kinh* 戒經 (*T*.01. 0026.47-48. 0486b23-c03); *Cung kính kinh* 恭敬經 (*T*.01. 0026.49-50. 0486c21-0487a15); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.495. 0129a09).

II. KINH TÔN GIẢ PUṆṆIYA (*Puṇṇiyasutta*)[119] (*A*. IV. 337)

82. Rồi Tôn giả Puṇṇiya[120] đi đến Thế Tôn; sau khi đến... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Puṇṇiya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, có khi Như Lai thuyết pháp, có khi Như Lai không thuyết pháp?

– Này Puṇṇiya, Tỷ-kheo có lòng tin, không đi đến yết kiến, Như Lai không có thuyết pháp. Khi nào Tỷ-kheo có lòng tin và đi đến yết kiến, như vậy, Như Lai có thuyết pháp. Này Puṇṇiya, Tỷ-kheo có lòng tin, có đi đến yết kiến nhưng không có cung kính... có cung kính nhưng không hỏi... có hỏi nhưng không lóng tai nghe pháp... có lóng tai nghe pháp nhưng nghe pháp không có thọ trì... nghe pháp có thọ trì nhưng không suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp được thọ trì... có suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp được thọ trì; sau khi biết nghĩa, sau khi biết pháp, không thực hành pháp và tùy pháp. Như Lai không thuyết pháp.

Khi nào, này Puṇṇiya, Tỷ-kheo có lòng tin; có đi đến yết kiến; có cung kính; có hỏi; có lóng tai nghe pháp; có thọ trì pháp; có suy tư đến ý nghĩa các pháp được thọ trì; sau khi biết nghĩa, sau khi biết pháp, thực hành pháp và tùy pháp; như vậy, Như Lai có thuyết pháp.

Thành tựu những pháp này, này Puṇṇiya, nhất định Như Lai thuyết pháp.

III. KINH CỘI RỄ CỦA SỰ VẬT (*Mūlakasutta*)[121] (*A*. IV. 338)

83. Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo đến hỏi: "Thưa Hiền giả, tất cả pháp[122] lấy gì làm căn bản? Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi? Tất cả pháp lấy gì làm tập khởi? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ tụ hội? Tất cả pháp lấy gì làm thượng thủ? Tất cả pháp lấy gì làm tăng thượng? Tất cả pháp lấy gì làm tối thượng? Tất cả pháp lấy gì làm lõi cây?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết ý nghĩa lời nói này! Sau khi nghe Thế Tôn giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo có hỏi như sau: "Thưa Hiền giả, tất cả pháp lấy gì làm căn bản? Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi? Tất cả pháp lấy gì làm tập khởi? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ tụ hội? Tất cả pháp lấy gì

---

[119] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.966. 0248a15).

[120] Xem toàn bộ kinh này trong *A*. V. 154.

[121] Tham chiếu: *Chư pháp bổn kinh* 諸法本經 (*T*.01. 0026.113. 0602b28); *Chư pháp bổn kinh* 諸法本經 (*T*.01. 0059. 0855c06).

[122] Xem toàn bộ kinh này trong *A*. V. 106.

làm thượng thủ? Tất cả pháp lấy gì làm tăng thượng? Tất cả pháp lấy gì làm tối thượng? Tất cả pháp lấy gì làm lõi cây?" Được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông hãy trả lời như sau: "Này chư Hiền, tất cả pháp lấy dục làm căn bản. Tất cả pháp lấy tác ý làm sanh khởi. Tất cả pháp lấy xúc làm tập khởi. Tất cả pháp lấy thọ làm chỗ tụ hội.[123] Tất cả pháp lấy định làm thượng thủ. Tất cả pháp lấy niệm làm tăng thượng. Tất cả pháp lấy tuệ làm tối thượng. Tất cả pháp lấy giải thoát làm lõi cây." Được hỏi như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông hãy trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

IV. KINH ĂN TRỘM (*Corasutta*)[124] (*A*. IV. 339)

84. Thành tựu tám chi phần, này các Tỷ-kheo, người ăn trộm lớn mau chóng đi đến đường cùng, không tồn tại lâu dài. Thế nào là tám? Đập người không đập, lấy trộm không để lại cái gì, giết nữ nhân, hiếp dâm thiếu nữ, xâm phạm người xuất gia, xâm phạm ngân khố của vua, làm việc quá gần nhà và không khéo cất giấu.

Thành tựu tám chi phần này, này các Tỷ-kheo, người ăn trộm lớn mau chóng đi đến đường cùng, không tồn tại lâu dài.

Thành tựu tám chi phần này, này các Tỷ-kheo, người ăn trộm lớn không mau chóng đi đến đường cùng, tồn tại được lâu dài. Thế nào là tám? Không đập người không đập, lấy trộm có để lại cái gì, không giết nữ nhân, không hiếp dâm thiếu nữ, không xâm phạm người xuất gia, không xâm phạm ngân khố của vua, không làm việc quá gần nhà và khéo léo cất giấu.

Thành tựu tám chi phần này, này các Tỷ-kheo, một người ăn trộm lớn không mau chóng đi đến đường cùng, tồn tại được lâu dài.

V. KINH VỊ SA-MÔN (*Samaṇasutta*) (*A*. IV. 340)

85. Sa-môn, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bà-la-môn, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bậc Chánh Trí, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Dược Sư, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bậc Ly Cấu, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bậc Vô Cấu, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bậc Có Trí, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Bậc Giải Thoát, này các Tỷ-kheo, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

Sa-môn đạt được gì,[125]
Phạm chí thành mãn gì,
Bậc Chánh Trí đạt gì,

---

[123] Xem *D*. II. 61.

[124] Xem *A*. I. 15; III. 128.

[125] *Chú giải* viết *guṇa* là đức hạnh, thiện tánh.

Bậc Dược Sư vô thượng,
Bậc Ly Cấu đạt gì,
Bậc Vô Cấu thanh tịnh,
Bậc Trí đạt được gì,
Bậc Giải Thoát vô thượng.
Trong chiến trận Ta thắng,
Giải thoát khỏi triền phược,
Voi tối thượng nhiếp phục,
Ta vô học, tịch tịnh.

VI. KINH DANH VỌNG (*Yasasutta*)[126] (*A*. IV. 340)

86. Một thời, Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Kosala với chúng Tỳ-kheo, đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala tên là Icchānaṅgala.[127] Tại đấy, Thế Tôn trú ở Icchānaṅgala, tại khu rừng Icchānaṅgala.

Các Bà-la-môn gia chủ[128] trú ở Icchānaṅgala được nghe: "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích-ca, nay đã đến Icchānaṅgala, trú ở Icchānaṅgala, tại khu rừng Icchānaṅgala; những tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Sa-môn Gotama: 'Ngài là bậc Thế Tôn, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.'... Lành thay, nếu được yết kiến một bậc A-la-hán như vậy!" Rồi các Bà-la-môn gia chủ, sau khi đêm ấy đã mãn, đem theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm, đi đến Icchānaṅgala; sau khi đến, đứng tại ngoài cổng nói lớn tiếng làm ồn ào.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Nāgita là thị giả của Thế Tôn. Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Nāgita:

– Này Nāgita, những ai lớn tiếng, cao tiếng như những người hàng cá với đống cá lớn?

– Các người ấy, bạch Thế Tôn, là các Bà-la-môn gia chủ ở Icchānaṅgala đang đứng ở ngoài cổng vào, đem theo rất nhiều đồ ăn loại cứng và loại mềm cúng dường Thế Tôn và chúng Tăng.

– Này Nāgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nāgita, những ai tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không khó khăn, tìm được không mệt nhọc, tìm được không phí sức, hãy để họ thọ hưởng lạc như phân, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc ấy.[129]

– Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy chấp nhận! Thiện Thệ hãy chấp nhận!

---

[126] Bản tiếng Anh của PTS: *Homage*, nghĩa là *Đảnh lễ*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1250. 0343b07).

[127] Xem *D*. I. 87; *DA*. I. 244; *M*. II. 196; *S*. V. 325; *Sn*. 116.

[128] Đoạn đầu của kinh này xem *A*. I. 180; *D*. I. 87, 150; *S*. V. 352; *Ud*. 78. Phần sau của kinh, xem *A*. III. 30, 341.

[129] *Lābhasakkārasilokasukhaṃ*.

Bạch Thế Tôn, nay là thời Thế Tôn chấp nhận. Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy, các Bà-la-môn gia chủ ở thị trấn và quốc độ ấy cũng sẽ đi đến với tâm hướng về Ngài. Ví như trời mưa nặng hạt,[130] và nước mưa được chảy tùy theo chiều dốc; cũng vậy, bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn sẽ đi đến chỗ nào, tại chỗ ấy, các Bà-la-môn gia chủ ở tại thị trấn và quốc độ ấy cũng sẽ đi đến với tâm hướng về Ngài. Vì sao? Bạch Thế Tôn, do vì giới hạnh và trí tuệ của Thế Tôn.

– Này Nāgita, Ta không có liên hệ gì với danh vọng và danh vọng không có liên hệ gì với Ta. Này Nāgita, những ai tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không khó khăn, tìm được không mệt nhọc, tìm được không phí sức, hãy để họ thọ hưởng lạc như phân, thụy miên lạc, lợi dưỡng, cung kính, danh văn lạc ấy. Này Nāgita, một số chư thiên tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc mà Ta đã tìm được không có khó khăn, tìm được không có mệt nhọc, tìm được không có phí sức. Này Nāgita, khi nào các ông họp với nhau, tụ hội với nhau, sống an trú chú tâm trong nếp sống hội chúng, thời Ta suy nghĩ như sau: "Thật vậy, các Tôn giả này của Ta tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc này; còn Ta, Ta đã tìm được không có phí sức an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; cho nên các Tôn giả của Ta mới họp với nhau, tụ hội với nhau, sống an trú chú tâm trong nếp sống hội chúng."

Này Nāgita, khi nào Ta thấy các Tỷ-kheo chơi giỡn, lấy ngón tay đâm thọc nhau.[131] Này Nāgita, Ta suy nghĩ như sau: "Thật vậy, các Tôn giả này của Ta tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; còn Ta, Ta đã tìm được... chánh giác lạc; cho nên các Tôn giả của Ta mới chơi giỡn, lấy ngón tay đâm thọc nhau."

Ở đây, này Nāgita, khi Ta thấy các Tỷ-kheo sau khi ăn cho đến thỏa mãn, cho đến bụng có thể chứa được, rồi sống chú tâm vào lạc nằm xuống, lạc về xúc, lạc về ngủ, khi ấy, này Nāgita, Ta suy nghĩ như sau: "Thật sự, các Tôn giả này tìm được có khó khăn, tìm được có mệt nhọc, tìm được có phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; còn Ta, Ta tìm được không khó khăn, tìm được không mệt nhọc, tìm được không phí sức sự an ổn lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; vì rằng các Tôn giả này, sau khi ăn cho đến thỏa mãn, cho đến bụng có thể chứa được, rồi sống chú tâm vào lạc nằm xuống, lạc về xúc, lạc về ngủ."

Ở đây, này Nāgita, Ta thấy một Tỷ-kheo trú ở cuối làng, đang ngồi thiền định, này Nāgita, rồi Ta suy nghĩ: "Nay người giữ khu vườn sẽ đến quấy rầy, hay một Sa-di sẽ làm vị ấy từ bỏ thiền định." Do vậy, này Nāgita, Ta không hoan hỷ Tỷ-kheo ấy trú ở cuối làng.

---

[130] Ví dụ này, xem *A.* I. 243; II. 140; V. 114; *S.* II. 32; *Miln.* 57.

[131] *Aṅgulipatodakena sañjagghante.* Xem *D.* I. 91.

Ở đây, này Nāgita, Ta thấy một Tỷ-kheo trú ở rừng, đang ngồi ngủ gục ở trong rừng,[132] này Nāgita, Ta suy nghĩ như sau: "Nay Tôn giả này khi đoạn trừ được buồn ngủ và mỏi mệt, sẽ tác ý đến tưởng về rừng và sống nhất tâm." Do vậy, này Nāgita, Ta hoan hỷ với Tỷ-kheo ấy sống ở trong rừng.

Ở đây, này Nāgita, Ta thấy một Tỷ-kheo sống ở rừng, đang ngồi không thiền định ở trong rừng, này Nāgita, Ta suy nghĩ như sau: "Nay vị Tôn giả này sẽ định tĩnh tâm chưa được thiền định và sẽ bảo vệ tâm đã được thiền định." Do vậy, này Nāgita, Ta hoan hỷ với Tỷ-kheo ấy sống ở trong rừng.

Ở đây, này Nāgita, Ta thấy một Tỷ-kheo ngồi thiền định ở trong rừng, này Nāgita, Ta suy nghĩ như sau: "Nay Tôn giả này sẽ giải thoát tâm chưa được giải thoát hay sẽ bảo vệ tâm đã được giải thoát." Do vậy, này Nāgita, Ta hoan hỷ với Tỷ-kheo sống ở trong rừng.

Khi nào, này Nāgita, Ta đi trên đường, không thấy một ai ở phía trước hay ở phía sau, này Nāgita, khi ấy, Ta cảm thấy an ổn cho đến vấn đề đại, tiểu tiện.

VII. KINH LẬT ÚP BÌNH BÁT (*Pattanikujjanasutta*)[133] (*A*. IV. 344)

87. Này các Tỷ-kheo, nếu muốn, chúng Tăng có thể lật úp bình bát của một nam cư sĩ thành tựu tám pháp này. Thế nào là tám? Cố gắng đem lại thiệt hại cho các Tỷ-kheo, cố gắng đem lại bất lợi cho các Tỷ-kheo, cố gắng đuổi các Tỷ-kheo không cho trú ở, mắng nhiếc chỉ trích các Tỷ-kheo, làm ly gián giữa các Tỷ-kheo, hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng Tăng.

Này các Tỷ-kheo, nếu muốn, chúng Tăng có thể lật úp bình bát của một nam cư sĩ thành tựu tám pháp này.

Này các Tỷ-kheo, nếu muốn, chúng Tăng có thể lật ngửa bình bát của một nam cư sĩ thành tựu tám pháp này. Thế nào là tám?

Không cố gắng đem lại thiệt hại cho các Tỷ-kheo, không cố gắng đem lại bất lợi cho các Tỷ-kheo, không cố gắng đuổi các Tỷ-kheo không cho trú ở, không mắng nhiếc chỉ trích các Tỷ-kheo, không làm ly gián giữa các Tỷ-kheo, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán chúng Tăng.

Này các Tỷ-kheo, nếu muốn, chúng Tăng có thể lật ngửa bình bát của một nam cư sĩ thành tựu tám pháp này.

VIII. KINH NÓI LỜI PHẢN ĐỐI (*Appasādapavedanīyasutta*)[134] (*A*. IV. 345)

88. Đối với nam cư sĩ thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo muốn, có thể nói lời phản đối. Thế nào là tám? Cố gắng đem lại thiệt hại cho các gia chủ, cố gắng đem lại bất lợi cho các gia chủ, nhiếc mắng chỉ trích các gia chủ, làm ly gián giữa các gia chủ, hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng chúng Tăng, thấy người ấy tại các chỗ không xứng đáng.

---

[132] *Pacalāyamāna*. Xem *A*. IV. 84.

[133] Bản tiếng Anh của PTS: *The Bowl*, nghĩa là *Bình bát*.

[134] Bản tiếng Anh của PTS: *Disapproval*, nghĩa là *Phản đối*.

Đối với nam cư sĩ thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo muốn, có thể nói lời phản đối.

Đối với nam cư sĩ thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo muốn, có thể nói lời tùy thuận. Thế nào là tám? Không cố gắng đem lại thiệt hại cho các gia chủ, không cố gắng đem lại bất lợi cho các gia chủ, không nhiếc mắng chỉ trích các gia chủ, không làm ly gián giữa các gia chủ, tán thán Phật, tán thán Pháp, tán thán chúng Tăng, thấy người ấy tại các chỗ xứng đáng.

Đối với nam cư sĩ thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo muốn, có thể nói lời tùy thuận.

IX. KINH YẾT-MA BUỘC TỘI (*Paṭisāraṇīyasutta*)[135] (*A*. IV. 346)

89. Đối với Tỷ-kheo thành tựu tám pháp, này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tăng muốn, chúng Tăng có thể làm Yết-ma buộc tội.[136] Thế nào là tám?

Cố gắng đem lại thiệt hại cho các gia chủ, cố gắng đem lại bất lợi cho các gia chủ, nhiếc mắng chỉ trích các gia chủ, làm ly gián giữa các gia chủ, hủy báng Phật, hủy báng Pháp, hủy báng chúng Tăng, không thực hiện (*saccāpeti*) lời hứa đúng pháp với các gia chủ.

Đối với Tỷ-kheo thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tăng muốn, chúng Tăng có thể làm Yết-ma buộc tội.

Đối với Tỷ-kheo thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tăng muốn, chúng Tăng có thể giải tỏa Yết-ma buộc tội. Thế nào là tám?

Không cố gắng đem lại thiệt hại cho các gia chủ, không cố gắng đem lại bất lợi cho các gia chủ, không nhiếc mắng chỉ trích các gia chủ, không cố gắng ly gián giữa các gia chủ, không hủy báng Phật, không hủy báng Pháp, không hủy báng chúng Tăng, thực hiện lời hứa đúng pháp với các gia chủ.

Đối với Tỷ-kheo thành tựu tám pháp này, này các Tỷ-kheo, nếu chúng Tăng muốn, chúng Tăng có thể giải tỏa Yết-ma buộc tội.

X. KINH HÀNH XỬ ĐÚNG PHÁP (*Sammāvattanasutta*)[137] (*A*. IV. 347)

90. Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo đã bị hành xử tìm tội Yết-ma, cần phải chơn chánh hành xử với vị ấy theo tám pháp: Không cho phép truyền Đại giới, không cho vị ấy y chỉ, không cho Sa-di hầu hạ, không cho phép được nói gì với Tỷ-kheo dầu đã chấp nhận, không cho phép giáo giới các Tỷ-kheo-ni, không được hưởng các quyết định của Tăng chúng, không được đặt trong một vị trí đặc biệt nào, không được phép trở lại vị trí cũ bởi bất cứ lý do nào.

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo đã bị hành xử tìm tội Yết-ma, cần phải chơn chánh hành xử với vị ấy theo tám pháp này.

---

[135] Bản tiếng Anh của PTS: *Expiation*, nghĩa là *Buộc tội*.

[136] *Paṭisāraṇīyakammaṃ kareyya*.

[137] Xem *M*. II. 249; *Vin*. II. 86.

X. PHẨM TƯƠNG TỰ
(*SĀMAÑÑAVAGGA*)[138] (*A*. IV. 347)

91-116. Rồi nữ cư sĩ Bojjhā..., Sirīmā..., Padumā..., Sutanā..., Manujā..., Uttarā..., Muttā..., Khemā..., Rucī..., Cundī..., Bimbī..., Sumanā..., Mallikā..., Tissā..., mẹ của Tissā..., Soṇā..., mẹ của Soṇā..., Kāṇā..., mẹ của Kāṇā..., Uttarā mẹ của Nanda..., Visākhā mẹ của Migāra..., nữ cư sĩ Khujjuttarā..., nữ cư sĩ Sāmāvatī..., Suppavāsā thiếu nữ Koliya..., nữ cư sĩ Suppiyā..., nữ gia chủ mẹ của Nakula...



[138] Bản tiếng Anh của PTS: *Some Female Lay-disciples*, nghĩa là *Một số nữ cư sĩ*.

XI. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (*RĀGAPEYYĀLA*)[139] (*A*. IV. 348)

117. Này các Tỷ-kheo, muốn thắng tri tham ái, tám pháp cần phải tu tập. Thế nào là tám? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỷ-kheo, muốn thắng tri tham ái, tám pháp này cần phải tu tập.

118. Này các Tỷ-kheo, muốn thắng tri tham ái, tám pháp[140] cần phải tu tập. Thế nào là tám?

Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ nhất.

Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc, không có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ hai.

Một vị quán tưởng nội vô sắc, thấy các loại ngoại sắc, có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ ba.

Một vị quán tưởng nội vô sắc, thấy các loại ngoại sắc, không có hạn lượng, đẹp xấu. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ tư.

Một vị quán tưởng nội vô sắc, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ năm.

Một vị quán tưởng nội vô sắc, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ sáu.

Một vị quán tưởng nội vô sắc, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ bảy.

Một vị quán tưởng nội vô sắc, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng

[139] Trong bản tiếng Anh của PTS, 3 kinh (từ 117-119) có cùng tên là *The Understanding of Passion*, nghĩa là *Thắng tri tham*. Các kinh từ 120-146 có cùng tên: *Of Passion*, nghĩa là *Về tham*.

[140] Xem *A*. IV. 303.

sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Vị ấy nhận thức rằng: "Sau khi nhiếp thắng chúng, ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, muốn thắng tri tham ái, tám pháp này cần phải tu tập.

119. Này các Tỷ-kheo, muốn thắng tri tham ái, tám pháp cần phải tu tập. Thế nào là tám?

Tự mình có sắc, thấy các sắc; Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các loại ngoại sắc; Chú tâm trên suy tưởng [sắc là] tịnh; Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không tác ý đến những khác biệt, với suy tư hư không là vô biên, chứng và trú Không vô biên xứ; Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư "thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ; Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư "không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ; Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định.

Này các Tỷ-kheo, muốn thắng tri tham ái, tám pháp này cần phải tu tập.

120-146. Này các Tỷ-kheo, muốn liễu tri tham ái... muốn tận diệt tham ái... muốn đoạn tận tham ái... muốn trừ diệt tham ái... muốn hủy diệt tham ái... muốn ly tham tham ái... muốn đoạn diệt tham ái... muốn trừ khử tham ái... muốn từ bỏ tham ái… tám pháp này cần phải tu tập.

147-626.[141] Này các Tỷ-kheo, muốn thắng tri sân... si… phẫn nộ… hiềm hận… giả dối… não hại… tật đố… xan lẫn… lừa đảo… man trá… ngoan cố… bồng bột (hung hăng)… mạn… tăng thượng mạn… đắm say… phóng dật... muốn liễu tri... muốn diệt tận... muốn đoạn tận... muốn trừ diệt... muốn hủy diệt... muốn ly tham... muốn đoạn diệt... muốn trừ khử... muốn xóa bỏ phóng dật… tám pháp này cần phải tu tập.



[141] Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh từ 147-626 thuộc mục V. *Of Other Conditions*, nghĩa là *Các pháp khác*.

CHƯƠNG IX
CHÍN PHÁP (*NAVAKANIPĀTA*)

I. PHẨM CHÁNH GIÁC
(*SAMBODHIVAGGA*)

I. KINH CHÁNH GIÁC (*Sambodhisutta*)[1] (*A*. IV. 351)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "Thưa chư Hiền, các pháp chánh giác phần[2] lấy gì làm sở y để tu tập?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông trả lời cho các du sĩ ngoại đạo như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm chỗ nương tựa. Thật lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy nói lên ý nghĩa của lời nói này! Sau khi nghe Thế Tôn giảng, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "Thưa chư Hiền, các pháp chánh giác phần, lấy gì làm sở y để tu tập?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau: "Ở đây, thưa chư Hiền, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu. Này chư Hiền, đây là sở y thứ nhất để tu tập các pháp chánh giác phần."

"Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo có giới, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các

---

[1] Tham chiếu: *Tức vị Tỷ-kheo thuyết kinh* 即為比丘說經 (*T*.01. 0026.57. 0492a13).

[2] *Sambodhapakkhika*: Chánh giác phần.

lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Này chư Hiền, đây là sở y thứ hai để tu tập các pháp chánh giác phần."

"Lại nữa, này chư Hiền, câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, đưa đến tâm được rộng mở như luận về ít dục, luận về biết đủ, luận về viễn ly, luận về không tụ hội, luận về tinh cần tinh tấn, luận về giới, luận về định, luận về tuệ, luận về giải thoát, luận về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Này chư Hiền, đây là sở y thứ ba để tu tập các pháp chánh giác phần."

"Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện, để thành tựu các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. Này chư Hiền, đây là sở y thứ tư để tu tập các pháp chánh giác phần."

"Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh và diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này chư Hiền, đây là sở y thứ năm để tu tập các pháp chánh giác phần."

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, thời được chờ đợi như sau: Sẽ giữ giới, sẽ sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, thời được chờ đợi như sau: Câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, đưa đến tâm rộng mở như luận về ít dục... những câu chuyện như vậy, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, thời được chờ đợi như sau: Sẽ sống tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện... trong các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, thời được chờ đợi như sau: Sẽ có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh và diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau.

Và này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo ấy đã trú trong năm pháp này, bốn pháp nữa cần phải tu tập: Cần phải tu tập tưởng bất tịnh để đoạn tận tham ái, cần phải tu tập từ tâm để đoạn tận sân, cần phải tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra để cắt đứt tầm, cần phải tu tập tưởng vô thường để phá hoại ngã mạn. Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo có tưởng vô thường, tưởng vô ngã được an trú; với Tỷ-kheo có tưởng vô ngã, ngã mạn bị phá hoại, ngay trong hiện tại đạt được Niết-bàn.

II. KINH Y CHỈ (*Nissayasutta*) (*A*. IV. 353)

2. Rồi một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Đầy đủ y chỉ, đầy đủ y chỉ, bạch Thế Tôn, được nói lên như vậy. Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ y chỉ?

– Nếu Tỷ-kheo y chỉ lòng tin, đoạn tận bất thiện, tu tập thiện, như vậy với vị ấy, bất thiện được đoạn tận. Nếu Tỷ-kheo y chỉ tàm (xấu hổ)... Nếu Tỷ-kheo y chỉ sợ hãi tội lỗi... Nếu Tỷ-kheo y chỉ tinh tấn... Nếu Tỷ-kheo y chỉ trí tuệ, đoạn tận bất thiện, tu tập thiện, như vậy với vị ấy, bất thiện được đoạn tận. Như vậy, Tỷ-kheo ấy đã đoạn tận, đã khéo đoạn tận bất thiện, khi bất thiện ấy được thấy với Thánh trí tuệ và được đoạn tận.

Này các Tỷ-kheo, sau khi Tỷ-kheo ấy an trú trong năm pháp này, có bốn pháp nữa vị ấy phải y chỉ.[3] Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi cân nhắc, thực hành một sự; sau khi cân nhắc, kham nhẫn một sự; sau khi cân nhắc, từ bỏ một sự; sau khi cân nhắc, trừ sạch một sự.[4] Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ y chỉ.

III. KINH TÔN GIẢ MEGHIYA (*Meghiyasutta*)[5] (*A*. IV. 354)

3. Một thời, Thế Tôn trú ở Cālikā, tại núi Cālikā. Lúc bấy giờ, Tôn giả Meghiya[6] là thị giả Thế Tôn. Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn;[7] sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con muốn đi vào làng Jantu để khất thực.

– Này Meghiya, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào làng Jantu để khất thực. Sau khi khất thực ở làng Jantu xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến bờ sông Kimikāḷā. Trong khi bộ hành, đi bách bộ qua lại trên bờ sông Kimikāḷā, Tôn giả Meghiya thấy một rừng xoài đẹp đẽ khả ái; thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: "Rừng xoài này thật là đẹp đẽ, khả ái! Vậy thật là vừa đủ để cho thiện nam tử ưa thích tinh cần để tinh cần, và nếu Thế Tôn chấp thuận, ta sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần."

Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát và đi vào làng Jantu để khất thực. Đi khất thực xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, con đi đến bờ sông Kimikāḷā. Bạch Thế Tôn, khi con bộ hành, đi bách bộ qua lại trên bờ sông Kimikāḷā, con thấy một rừng xoài đẹp đẽ khả ái; thấy vậy, con suy nghĩ như sau: "Rừng xoài này thật đẹp đẽ khả ái! Vậy thật là vừa đủ cho thiện nam tử ưa thích tinh cần để tinh cần, và nếu Thế Tôn chấp thuận, ta sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần."

---

[3] *Upanissāya vihātabbā*. Xem *M*. II. 3.

[4] *Cattāri apassenāni*: Bốn y chỉ, chống đỡ. Xem *A*. V. 30; *D*. III. 224.

[5] Tham chiếu: *Di-ê kinh* 彌醯經 (*T*.01. 0026.56. 0491a14).

[6] Về Meghiya, xem *Pss. Breth*. 350, 67.

[7] Kinh này được tìm thấy trong *Ud*. 34.

– Hãy chờ đợi, này Meghiya,[8] cho đến khi một Tỷ-kheo khác có mặt, vì chúng ta chỉ có một mình.

Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì nữa cần phải làm thêm, không có cái gì cần phải làm thêm vào sự việc đã làm. Còn con, bạch Thế Tôn, có sự việc cần phải làm thêm, còn có việc cần phải làm thêm vào sự việc đã làm. Nếu Thế Tôn chấp thuận, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần.

– Hãy chờ đợi, này Meghiya, cho đến khi một Tỷ-kheo khác có mặt, vì chúng ta chỉ có một mình.

Lần thứ ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không có gì nữa cần phải làm thêm, không có cái gì cần phải làm thêm vào sự việc đã làm. Còn con, bạch Thế Tôn, có sự việc cần phải làm thêm, còn có việc cần phải làm thêm vào sự việc đã làm. Nếu Thế Tôn chấp thuận, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần.

– Này Meghiya, khi ông đã nói tinh cần, thời Ta có thể còn nói gì nữa! Vậy này Meghiya, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, ra đi đến rừng xoài ấy; sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài, rồi ngồi nghỉ ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng ấy, phần lớn ba ác, bất thiện tầm hiện hành, tức là dục tầm, sân tầm và hại tầm. Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: "Thật kỳ lạ thay! Thật hy hữu thay! Ta vì lòng tin đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng ba ác, bất thiện tầm này xâm nhập, tức là dục tầm, sân tầm, hại tầm."

Rồi Tôn giả Meghiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, khi con sống tại rừng xoài ấy, ba ác, bất thiện tầm hiện hành, tức là dục tầm, sân tầm, hại tầm. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật kỳ lạ thay! Thật hy hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, nhưng ba ác, bất thiện tầm này xâm nhập, tức là dục tầm, sân tầm, hại tầm."

– Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thục, năm pháp đưa đến thuần thục. Thế nào là năm?

Ở đây, này Meghiya, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thục, đây là pháp thứ nhất đưa đến thuần thục.

Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo có giới, sống được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thục, đây là pháp thứ hai đưa đến thuần thục.

---

[8] *AA*. IV. 358: Thế Tôn ngăn chặn Meghiya vì biết Meghiya chưa đủ sức để đạt đến trí tuệ.

Lại nữa, này Meghiya, câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, đưa đến tâm được rộng mở như luận về ít dục, luận về biết đủ, luận về viễn ly, luận về không tụ hội, luận về tinh cần tinh tấn, luận về giới, luận về định, luận về tuệ, luận về giải thoát, luận về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thục, đây là pháp thứ ba đưa đến thuần thục.

Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn để đoạn tận các pháp bất thiện, để được đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thục, đây là pháp thứ tư đưa đến thuần thục.

Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh và diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này Meghiya, với tâm giải thoát chưa được thuần thục, đây là pháp thứ năm đưa đến thuần thục.

Này Meghiya, với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, được chờ đợi như sau: Sẽ sống có giới, được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

Này Meghiya, với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, được chờ đợi như sau: Câu chuyện này có khả năng đoạn giảm, đưa đến tâm rộng mở như luận về ít dục... những câu chuyện như vậy có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Này Meghiya, với Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, được chờ đợi như sau: Vị ấy sẽ sống tinh cần tinh tấn... không từ bỏ gánh nặng trong các thiện pháp. Này Meghiya, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, được chờ đợi như sau: Vị ấy sẽ có trí tuệ... chơn chánh đoạn tận khổ đau. Và này Meghiya, khi Tỷ-kheo ấy an trú trong năm pháp này, bốn pháp nữa cần phải tu tập: Tu tập tưởng bất tịnh để đoạn tận tham ái, tu tập từ bi để đoạn tận sân, tu tập niệm hơi thở vô hơi thở ra để cắt đứt tầm, tu tập tưởng vô thường để phá hoại ngã mạn. Này Meghiya, với Tỷ-kheo có tưởng vô thường, tưởng vô ngã được tồn tại; có tưởng vô ngã, thời ngã mạn bị phá hoại, ngay trong hiện tại đạt được Niết-bàn.

IV. KINH TÔN GIẢ NANDAKA (*Nandakasutta*)[9] (*A*. IV. 358)

4. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Nandaka đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo trong hội trường, thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến hội trường; sau khi đến, đứng ngoài cửa hội trường, chờ đợi cho cuộc thuyết giảng chấm dứt.

[9] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.11. 0073a02).

Biết được bài giảng đã chấm dứt, Thế Tôn đằng hắng và gõ vào then cửa. Các Tỷ-kheo ấy mở cửa cho Thế Tôn. Rồi Thế Tôn bước vào hội trường và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Ngồi xuống, Thế Tôn bảo Tôn giả Nandaka:

– Dài thay, này Nandaka, là pháp môn này, ông đã giảng cho các Tỷ-kheo! Lưng Ta đã mỏi khi đứng ở ngoài cửa, chờ cho buổi thuyết giảng chấm dứt.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Nandaka lấy làm bối rối bạch Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, chúng con không biết Thế Tôn đứng ở ngoài cửa. Nếu chúng con biết Thế Tôn đứng ở ngoài cửa, thời chúng con đã không nói dài như vậy.

Thế Tôn sau khi biết tâm trạng bối rối của Tôn giả Nandaka, liền nói với Tôn giả Nandaka:

– Lành thay, lành thay, này Nandaka! Thật là xứng đáng cho các thiện nam tử, các ông vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các ông ngồi lại với nhau để nghe pháp. Này Nandaka, khi các ông hội họp với nhau, này Nandaka, có hai việc cần phải làm: Nói pháp hay giữ yên lặng của bậc Thánh. Này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin nhưng không có giới, như vậy vị ấy không đầy đủ về chi phần ấy; do vậy, cần phải làm cho đầy đủ chi phần ấy: "Làm thế nào ta có lòng tin và có giới."

Và khi nào, này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin và có giới, như vậy vị ấy đầy đủ về chi phần ấy. Và này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin và có giới nhưng nội tâm không được tịnh chỉ, như vậy vị ấy không đầy đủ về chi phần ấy; do vậy, cần phải làm cho đầy đủ về chi phần ấy: "Làm thế nào ta có lòng tin, có giới và có được nội tâm tịnh chỉ?"

Và khi nào, này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới và có được nội tâm tịnh chỉ, như vậy vị ấy đầy đủ về chi phần ấy. Và này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới và có được nội tâm tịnh chỉ nhưng không có được tăng thượng tuệ pháp quán, như vậy vị ấy không đầy đủ về chi phần ấy; do vậy, cần phải làm cho đầy đủ về chi phần ấy: "Làm thế nào ta có lòng tin, có giới, có được nội tâm tịnh chỉ, và có được tăng thượng tuệ pháp quán?"

Và khi nào, này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới, có được nội tâm tịnh chỉ và có được tăng thượng tuệ pháp quán, như vậy vị ấy đầy đủ về chi phần ấy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy, bước vào tinh xá.

Rồi Tôn giả Nandaka, khi Thế Tôn đi không bao lâu, gọi các Tỷ-kheo:

– Nay, này chư Hiền, Thế Tôn với bốn câu, sau khi thuyết trình Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Này Nandaka, Tỷ-kheo có lòng tin... như vậy vị ấy được đầy đủ với chi phần ấy."

Này chư Hiền, có năm lợi ích này, do nghe pháp đúng thời và luận đàm về pháp đúng thời. Thế nào là năm?

Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Này chư Hiền, nhiều như thế nào, như thế nào, vị Tỷ-kheo thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện... đầy đủ trong sạch, nhiều như vậy, như vậy, vị ấy ái mộ bậc Đạo sư, thích ý, kính trọng và noi gương theo. Thưa chư Hiền, đây là lợi ích thứ nhất do đúng thời nghe pháp, đúng thời đàm luận về pháp.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa... đầy đủ trong sạch. Này chư Hiền, nhiều như thế nào, như thế nào, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, sơ thiện... đầy đủ trong sạch, nhiều như vậy, như vậy, vị ấy thọ trì về nghĩa, thọ trì về pháp. Thưa chư Hiền, đây là lợi ích thứ hai do đúng thời nghe pháp, đúng thời đàm luận về pháp.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, sơ thiện... đầy đủ trong sạch. Này chư Hiền, nhiều như thế nào, như thế nào, vị ấy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, sơ thiện... đầy đủ trong sạch, nhiều như vậy, như vậy, vị ấy sau khi thể nhập nghĩa cú thâm sâu trong pháp ấy, vị ấy thấy. Này chư Hiền, đây là lợi ích thứ ba do đúng thời nghe pháp, đúng thời đàm luận về pháp.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, sơ thiện... đầy đủ trong sạch. Này chư Hiền, nhiều như thế nào, như thế nào, vị ấy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, sơ thiện... đầy đủ trong sạch, nhiều như vậy, như vậy, các vị đồng Phạm hạnh tôn trọng noi gương thêm nữa, nghĩ rằng: "Vị ấy đã chứng hay sẽ chứng." Này chư Hiền, đây là lợi ích thứ tư do đúng thời nghe pháp, đúng thời đàm luận về pháp.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Này chư Hiền, nhiều như thế nào, như thế nào, Tỷ-kheo thuyết pháp cho các Tỷ-kheo, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trình bày Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ trong sạch. Ở đây, các Tỷ-kheo nào là Hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, họ được nghe pháp ấy, khởi lên tinh tấn để chứng đạt được những gì chưa được chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa được chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa được chứng ngộ. Còn các Tỷ-kheo nào ở đây là các bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã đoạn trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát; những vị ấy sau khi nghe pháp, sống chú tâm vào hiện tại lạc trú. Này chư Hiền, đây là lợi ích thứ năm do đúng thời nghe pháp, đúng thời đàm luận về pháp.

Này chư Hiền, đó là năm lợi ích do nghe pháp đúng thời, và do đàm luận về pháp đúng thời.

V. KINH NHỮNG SỨC MẠNH (*Balasutta*) (*A*. IV. 363)

5. Này các Tỷ-kheo, có bốn sức mạnh[10] này. Thế nào là bốn? Tuệ lực, tấn lực, vô tội lực, năng nhiếp lực.

Và này các Tỷ-kheo thế nào là tuệ lực?

Những pháp nào bất thiện được xem là bất thiện, những pháp nào thiện được xem là thiện; những pháp nào có tội được xem là có tội, những pháp nào vô tội được xem là vô tội; những pháp nào đen được xem là đen, những pháp nào trắng được xem là trắng; những pháp nào không nên thực hiện được xem là không nên thực hiện, những pháp nào nên thực hiện được xem là nên thực hiện; những pháp nào không xứng đáng bậc Thánh được xem là không xứng đáng bậc Thánh, những pháp nào xứng đáng bậc Thánh được xem là xứng đáng bậc Thánh. Những pháp ấy cần phải được khéo quán sát, khéo thẩm sát với trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tuệ lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tấn lực?

Những pháp nào bất thiện được xem là bất thiện, những pháp nào có tội được xem là có tội, những pháp nào đen được xem là đen, những pháp nào không nên thực hiện được xem là không nên thực hiện, những pháp nào không xứng đáng bậc Thánh được xem là không xứng đáng bậc Thánh; đối với các pháp ấy, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm để đoạn tận. Những pháp nào thiện được xem là thiện, những pháp nào không có tội được xem là không có tội, những pháp nào trắng được xem là trắng, những pháp nào nên thực hiện được xem là nên thực hiện, những pháp nào xứng đáng bậc Thánh được xem là xứng đáng bậc Thánh; đối với các pháp ấy, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm để chứng được. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tấn lực.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là vô tội lực?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu thân nghiệp vô tội, thành tựu khẩu nghiệp vô tội, thành tựu ý nghiệp vô tội. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô tội lực.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là năng nhiếp lực?

Này các Tỷ-kheo, có bốn nhiếp pháp này: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Tối thượng trong các loại bố thí, này các Tỷ-kheo, là pháp thí. Tối thượng trong các loại ái ngữ, này các Tỷ-kheo, là tiếp tục thuyết pháp cho những ai hy cầu và lóng tai nghe. Tối thượng trong các lợi hành, này các Tỷ-kheo, là đối với người không có lòng tin, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ lòng tin; đối với người không giữ giới, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ giới; đối với người xan tham, khích lệ, đặt vào, an trú vào bố thí; đối với người ác tuệ, khích lệ, đặt vào, an trú vào đầy đủ trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, tối thượng trong đồng sự là đồng sự giữa bậc Dự Lưu với bậc Dự Lưu, bậc Nhất Lai với bậc Nhất Lai, bậc

[10] Bốn sức mạnh này, xem *A*. II. 142; IV. 2; *D*. III. 152.

Bất Lai với bậc Bất Lai, bậc A-la-hán với bậc A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, đây là sức mạnh năng nhiếp.

Này các Tỷ-kheo, đó là bốn sức mạnh.

Thành tựu bốn sức mạnh ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử vượt qua năm sợ hãi. Thế nào là năm?

Sợ hãi về sinh sống, sợ hãi về tiếng đồn xấu, sợ hãi về xấu hổ trong hội chúng, sợ hãi về chết, sợ hãi về ác thú. Này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử ấy thẩm sát như sau:

"Ta không có sợ hãi, sự sợ hãi về sinh sống. Vì sao ta sẽ không có sợ hãi, sự sợ hãi về sinh sống? Ta có bốn lực này: Tuệ lực, tinh tấn lực, vô tội lực, năng nhiếp lực. Kẻ ác tuệ có thể sợ hãi, sự sợ hãi về sinh sống. Kẻ biếng nhác có thể sợ hãi, sự sợ hãi về sinh sống. Kẻ có thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có tội có thể sợ hãi, sự sợ hãi về sinh sống. Kẻ không năng nhiếp có thể sợ hãi, sự sợ hãi về sinh sống.

Ta không có sợ hãi, sự sợ hãi về tiếng đồn xấu...

Ta không có sợ hãi, sự sợ hãi về xấu hổ trong hội chúng...

Ta không có sợ hãi, sự sợ hãi về chết...

Ta không có sợ hãi, sự sợ hãi về ác thú. Vì sao ta sẽ không có sợ hãi, sự sợ hãi về ác thú? Ta có bốn lực này: Tuệ lực, tinh tấn lực, vô tội lực, năng nhiếp lực. Kẻ ác tuệ có thể sợ hãi, sự sợ hãi về ác thú; kẻ biếng nhác có thể sợ hãi, sự sợ hãi về ác thú; kẻ có thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có tội có thể sợ hãi, sự sợ hãi về ác thú; kẻ không năng nhiếp có thể sợ hãi, sự sợ hãi về ác thú."

Thành tựu bốn lực ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử vượt qua năm sự sợ hãi này.

VI. KINH CẦN PHẢI THÂN CẬN (*Sevanāsutta*)[11] (*A*. IV. 365)

6. Ở đây, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo... Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này chư Hiền, con người cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: Cần phải thân cận hay không cần phải thân cận. Y áo, này chư Hiền, cần phải tìm hiểu trên hai phương diện: Cần được sử dụng hay không cần được sử dụng. Đồ ăn khất thực, này chư Hiền, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: Cần được sử dụng hay không cần sử dụng. Sàng tọa, này chư Hiền, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: Cần được sử dụng hay không cần sử dụng. Làng và thị trấn, này chư Hiền, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: Cần được tìm đến hay không cần tìm đến. Quốc độ, này chư Hiền, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: Cần được tìm đến hay không cần được tìm đến.

Con người, này chư Hiền, cần phải được tìm hiểu trên hai phương diện: Cần phải thân cận hay không cần phải thân cận đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

[11] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.45.3. 0771c17); *Lâm kinh* 林經 (*T*.01. 0026.107. 0596c25).

Ở đây, khi biết được về một người như sau: "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện bị đoạn giảm; các vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách khó khăn. Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; mục đích của Sa-môn hạnh ấy, không đi đến tu tập viên mãn." Đối với một người như vậy, này chư Hiền, bất luận đêm hay ngày, không hỏi gì, cần phải bỏ đi, không được theo người ấy.

Ở đây, khi biết được một người như sau: "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện bị đoạn giảm; nhưng các vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn. Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; mục đích của Sa-môn hạnh ấy, không đi đến tu tập viên mãn." Đối với một người như vậy, này chư Hiền, sau khi tính toán (*saṅkhā*), không hỏi gì, cần phải bỏ đi, không được theo người ấy.

Ở đây, khi biết được một người như sau: "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiện giảm thiểu, các pháp thiện tăng trưởng; những vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách khó khăn. Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; mục đích của Sa-môn hạnh ấy, đi đến tu tập viên mãn." Này chư Hiền, đối với một người như vậy, sau khi tính toán, cần phải theo người ấy, không được bỏ đi.

Ở đây, sau khi biết được một người như sau: "Người này, nếu ta thân cận, thời các pháp bất thiện giảm thiểu, các pháp thiện tăng trưởng; những vật dụng cần thiết cho đời sống xuất gia mà ta phải có như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng ấy có được một cách không khó khăn. Và vì mục đích gì ta xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; mục đích của Sa-môn hạnh ấy, đi đến tu tập viên mãn." Này chư Hiền, đối với một người như vậy, cần phải theo cho đến trọn đời, không được bỏ đi, dầu có bị từ chối.

Này chư Hiền, một người cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được thân cận và không cần được thân cận đã được nói đến như vậy, chính do duyên này được nói đến.

Y áo, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

Ở đây, sau khi biết được về y áo như sau: "Nếu ta sử dụng y áo này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; y áo như vậy không nên sử dụng." Ở đây, sau khi biết được về y áo như sau: "Nếu ta sử dụng y áo này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; y áo như vậy nên sử dụng."

Này chư Hiền, y áo cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy, chính do duyên này được nói đến.

Đồ ăn khất thực, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được sử dụng và không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

Ở đây, sau khi biết được về đồ ăn khất thực như sau: "Nếu ta sử dụng đồ ăn khất thực này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; đồ ăn khất thực như vậy không nên sử dụng." Ở đây, sau khi biết được về đồ ăn khất thực như sau: "Nếu ta sử dụng đồ ăn khất thực này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; đồ ăn khất thực như vậy nên sử dụng."

Này chư Hiền, đồ ăn khất thực cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được sử dụng và không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy, chính do duyên này được nói đến.

Sàng tọa, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được sử dụng và không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

Ở đây, sau khi biết được về sàng tọa như sau: "Nếu ta sử dụng sàng tọa này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; sàng tọa như vậy không nên sử dụng." Ở đây, sau khi biết được về sàng tọa như sau: "Nếu ta sử dụng sàng tọa này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; sàng tọa như vậy nên sử dụng."

Này chư Hiền, sàng tọa cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được sử dụng hay không cần được sử dụng đã được nói đến như vậy, chính do duyên này được nói đến.

Làng, thị trấn, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được tìm đến và không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến?

Ở đây, sau khi biết được về làng, thị trấn như sau: "Nếu ta tìm đến làng, thị trấn này, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; làng, thị trấn như vậy không nên được tìm đến." Ở đây, sau khi biết được về làng, thị trấn như sau: "Nếu ta tìm đến làng, thị trấn này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; làng, thị trấn như vậy cần được tìm đến."

Này chư Hiền, làng, thị trấn cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được tìm đến hay không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy, chính do duyên này được nói đến.

Quốc độ, này chư Hiền, cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được tìm đến và không cần được tìm đến đã được nói như vậy. Do duyên gì được nói đến?

Ở đây, sau khi biết được về quốc độ như sau: "Nếu ta tìm đến quốc độ này,

các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện đoạn giảm; quốc độ như vậy không nên được tìm đến.” Ở đây, sau khi biết được về quốc độ như sau: “Nếu ta tìm đến quốc độ này, các pháp bất thiện đoạn giảm, các pháp thiện tăng trưởng; quốc độ như vậy nên được tìm đến.”

Này chư Hiền, quốc độ cần phải được hiểu biết theo hai phương diện: Cần được tìm đến hay không cần được tìm đến đã được nói đến như vậy, chính do duyên này được nói đến.

VII. KINH DU SĨ SUTAVĀ (*Sutavāsutta*)[12] (*A*. IV. 369)

7. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu). Rồi du sĩ Sutavā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Sutavā bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Giribbaja. Tại đây, bạch Thế Tôn, con có nghe từ miệng Thế Tôn, con có chấp nhận từ miệng Thế Tôn: “Này Sutavā, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể làm năm sự: Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể cố ý đoạt mạng sống của loài hữu tình; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể lấy của không cho, được gọi là ăn trộm; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hành dâm dục; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể biết mà nói láo; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hưởng thọ các dục do các đồ cất chứa đem lại như trước còn làm gia chủ.” Bạch Thế Tôn, như vậy không biết con có khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì lời Thế Tôn dạy hay không?

– Thật vậy, này Sutavā, như vậy ông đã khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì. Xưa kia và cả nay nữa, này Sutavā, Ta đã nói như sau: “Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể vi phạm chín sự: Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể cố ý đoạt mạng sống của loài hữu tình; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể lấy của không cho, được gọi là ăn trộm; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hành dâm dục; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể biết mà nói láo; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hưởng thọ các dục do các đồ ăn cất chứa đem lại như trước còn làm gia chủ; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể đi đến dục; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể đi đến sân; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể đi đến si; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể đi đến sợ hãi.”

---

[12] Kinh này và kinh kế tiếp, tham chiếu: *Thanh tịnh kinh* 清淨經 (*T*.01. 0001.17. 0072c12).

Xưa kia và cả nay nữa, Ta nói như sau: "Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể vi phạm chín sự."

VIII. KINH DU SĨ SAJJHA (*Sajjhasutta*) (*A.* IV. 371)

8. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa. Rồi du sĩ Sajjha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm thân hữu; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Sajjha bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Giribbaja. Tại đây, bạch Thế Tôn, con có nghe từ miệng Thế Tôn, con có chấp nhận từ miệng Thế Tôn: "Này Sajjha, Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể vi phạm năm sự: Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể cố ý đoạt mạng sống của loài hữu tình; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể lấy của không cho, được gọi là ăn trộm; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hành dâm dục; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể biết mà nói láo; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hưởng thọ các dục do các đồ cất chứa đem lại như trước còn làm gia chủ." Bạch Thế Tôn, như vậy không biết con có khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì lời Thế Tôn dạy hay không?

– Thật vậy, này Sajjha, như vậy, ông đã khéo nghe, khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì. Xưa kia và cả nay nữa, này Sajjha, Ta đã nói như sau: "Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể vi phạm chín sự: Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể cố ý đoạt mạng sống của loài hữu tình; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể lấy của không cho, được gọi là ăn trộm; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hành dâm dục; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể biết mà nói láo; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể hưởng thọ các dục do các đồ cất chứa đem lại như trước còn làm gia chủ; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể phủ nhận (*paccakkhātuṃ*) Phật; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể phủ nhận Pháp; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể phủ nhận chúng Tăng; Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc không có thể phủ nhận học pháp."

Xưa kia và cả nay nữa, Ta tuyên bố như sau: "Tỷ-kheo nào là bậc A-la-hán, đã đoạn tận các lậu hoặc, đã thành tựu viên mãn, việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, mục đích đã đạt được, hữu kiết sử đã đoạn tận, chơn chánh giải thoát, vị ấy không có thể vi phạm chín sự."

IX. KINH CÁC HẠNG NGƯỜI (*Puggalasutta*) (*A*. IV. 372)

9. Này các Tỷ-kheo, có chín hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là chín?

Bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến chứng đắc quả A-la-hán; bậc Bất Lai, bậc đã hướng đến chứng đắc quả Bất lai; bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến chứng đắc quả Nhất lai; bậc Dự Lưu, bậc đã hướng đến chứng đắc quả Dự lưu; kẻ phàm phu.

Này các Tỷ-kheo, có chín hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

X. KINH ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG (*Āhuneyyasutta*)[13] (*A*. IV. 373)

10. Này các Tỷ-kheo, có chín hạng người này, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là chín?

Bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến chứng đắc quả A-la-hán; bậc Bất Lai, bậc đã hướng đến chứng đắc quả Bất lai; bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến chứng đắc quả Nhất lai; bậc Dự Lưu, bậc đã hướng đến chứng đắc quả Dự lưu; bậc Chuyển tánh.

Này các Tỷ-kheo, chín hạng người này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.



[13] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.44.8. 0767b27).

II. PHẨM TIẾNG RỐNG SƯ TỬ (*SĪHANĀDAVAGGA*)

I. KINH TIẾNG RỐNG SƯ TỬ (*Sīhanādasutta*)[14] (*A*. IV. 373)

11. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika, rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con đã sống an cư trong mùa mưa tại Sāvatthi. Bạch Thế Tôn, nay con muốn ra đi du hành trong quốc độ.

– Này Sāriputta, nay ông hãy làm những gì ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Sāriputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi một Tỷ-kheo, sau khi Tôn giả Sāriputta ra đi không bao lâu, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta xâm phạm con, đã bỏ đi du hành, không có xin lỗi con.

Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo:

– Này Tỷ-kheo, hãy đến nhân danh Ta, nói với Sāriputta: "Thưa Hiền giả, bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả."

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả Sāriputta, bậc Đạo sư cho gọi Hiền giả.

– Thưa vâng, này Hiền giả.

Tôn giả Sāriputta vâng đáp Tỷ-kheo ấy. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahāmoggallāna và Tôn giả Ānanda cầm chìa khóa, đi từ tinh xá này đến tinh xá khác nói rằng:

– Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Nay Tôn giả Sāriputta sẽ rống tiếng rống con sư tử trước mặt Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi xuống một bên:

[14] Bản tiếng Anh của PTS: *After the Rainy Season*, nghĩa là *Sau mùa an cư*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.37.6. 0712c12); *Sư tử hống kinh* 獅子吼經 (*T*.01. 0026.24. 0452b22).

– Ở đây, này Sāriputta, một vị đồng Phạm hạnh có điều bất mãn[15] với ông: "Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta xâm phạm con, đã bỏ đi du hành, không có xin lỗi con."

– Thật vậy, bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, trên đất,[16] người ta quăng đồ tịnh, quăng đồ bất tịnh, quăng phẩn uế, quăng nước tiểu, nhổ nước miếng, quăng mủ và quăng máu; tuy vậy, đất không lo âu, không xấu hổ, hay không nhàm chán;[17] cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như đất, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, trong nước người ta rửa đồ tịnh, rửa đồ bất tịnh, rửa sạch phẩn uế, rửa sạch nước tiểu, rửa sạch nước miếng, rửa sạch mủ, rửa sạch máu; tuy vậy, nước không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như nước, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, lửa đốt các đồ tịnh, đốt các đồ bất tịnh, đốt phẩn uế, đốt nước tiểu, đốt nước miếng, đốt mủ, đốt máu; tuy vậy, lửa không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như lửa, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, gió thổi các đồ tịnh, thổi các đồ bất tịnh, thổi phẩn uế, thổi nước tiểu, thổi nước miếng, thổi mủ, thổi máu; tuy vậy, gió không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như gió, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, một miếng vải lau chùi lau các đồ tịnh, lau các đồ bất tịnh, lau phẩn uế, lau nước tiểu, lau nước miếng, lau mủ, lau máu; tuy vậy, miếng vải lau chùi không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như miếng vải lau chùi, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên

---

[15] *Khīyanadhammaṃ āpanno*. Xem *A*. III. 269.

[16] Xem *M*. I. 423.

[17] Xem *D*. I. 213; *M*. I. 120; *S*. IV. 62; *Vin*. II. 292.

thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, con trai của một người Caṇḍāla (Chiên-đà-la) hay con gái của một người Caṇḍāla, với tay cầm bát ăn xin, mặc đồ rách rưới, đi vào làng hay đi vào thị trấn, với một tâm trạng hạ liệt; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm giống như người con Chiên-đà-la, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, một con bò đực với sừng bị cưa, hiền lương, khéo điều phục, khéo huấn luyện, đi lang thang từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, không hại một ai với chân hay với sừng; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm giống như một con bò đực với sừng bị cưa, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, một nữ nhân hay một nam nhân còn trẻ tuổi, thanh niên, ưa thích trang điểm, sau khi gội đầu, sẽ lo âu, xấu hổ, nhàm chán nếu xác rắn, hay xác chó, hay xác người được cuốn vào cổ người ấy; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con lo âu, xấu hổ, nhàm chán với cái thân đầy bất tịnh này. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, có người mang một cái bát đầy mỡ, có thủng nhiều lỗ, thủng nhiều đường, bị chảy, bị rỉ; cũng vậy, bạch Thế Tôn, con mang cái thân này, có thủng nhiều lỗ, có thủng nhiều đường, bị chảy, bị rỉ. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Rồi Tỷ-kheo ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã xuyên tạc Tôn giả Sāriputta, không ý thức, trống không, vọng ngôn, không thật. Mong Thế Tôn chấp nhận cho con tội ấy là một tội để con ngăn chặn trong tương lai.[18]

– Này Tỷ-kheo, thật là một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, ông đã xuyên tạc Tôn giả Sāriputta, không ý thức, trống không, vọng ngôn, không thật. Này Tỷ-kheo, vì ông đã thấy tội ấy là một tội, đã phát lộ đúng pháp, Ta chấp nhận tội ấy cho ông. Đây là một sự tiến bộ, này Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật của bậc Thánh, những ai thấy tội là tội, phát lộ đúng pháp và ngăn chặn trong tương lai.

[18] Xem *A*. II. 146; *D*. I. 85; III. 55; *M*. III. 246; *S*. II. 127; *Vin*. I. 315; II. 126.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta:

- Này Sāriputta, hãy tha thứ kẻ ngu si này, trước khi đầu nó bị vỡ tan làm bảy mảnh.[19]

– Bạch Thế Tôn, con tha thứ cho Tôn giả ấy, nếu Tôn giả ấy nói với con: "Hãy tha thứ cho" và cũng mong Tôn giả ấy tha thứ cho con.

II. KINH CÓ DƯ Y (*Saupādisesasutta*) (*A*. IV. 378)

12. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika, rồi Tôn giả Sāriputta vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Sāvatthi để khất thực. Tôn giả Sāriputta suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm để vào Sāvatthi khất thực. Vậy ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo." Rồi Tôn giả Sāriputta đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ, trong khi các du sĩ ngoại đạo ấy đang ngồi tụ họp, câu chuyện này khởi lên: "Thưa chư Hiền, ai chết có dư y, tất cả không được giải thoát khỏi địa ngục, không được giải thoát khỏi loài bàng sanh, không được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, không được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ."

Rồi Tôn giả Sāriputta không hoan hỷ, không chỉ trích lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy; không hoan hỷ, không chỉ trích, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi với ý nghĩ: "Ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn." Rồi Tôn giả Sāriputta khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát đi vào Sāvatthi để khất thực. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Nay còn quá sớm để vào Sāvatthi khất thực. Vậy ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo." Bạch Thế Tôn, con đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, con nói lên với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, con ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ, trong khi các du sĩ ngoại đạo đang ngồi tụ họp, câu chuyện này khởi lên: "Thưa chư Hiền, ai chết có dư y, tất cả người ấy không được giải thoát khỏi địa ngục, không được giải thoát khỏi loài bàng sanh, không được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, không được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ." Rồi bạch Thế Tôn, con không hoan hỷ, không chỉ trích lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy. Không hoan hỷ, không chỉ trích, con từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi với ý nghĩ rằng: "Ta sẽ biết ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn."

– Này Sāriputta, một số du sĩ ngoại đạo là những kẻ ngu si, không thông minh, một số sẽ biết: "Người có dư y là người có dư y", hay một số sẽ biết:

[19] Xem *D*. I. 95; *S*. I. 50; *Sn*. 190.

"Người không có dư y là người không có dư y." Này Sāriputta, có chín hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Thế nào là chín?

Ở đây, này Sāriputta, có hạng người viên mãn trong các giới, viên mãn trong định nhưng không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là vị Trung gian Bát-niết-bàn. Này Sāriputta, đây là hạng người thứ nhất, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Lại nữa, này Sāriputta, ở đây, có hạng người viên mãn trong các giới, viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận năm hạ phần kiết sử, là vị Tổn hại Bát-niết-bàn... là vị Vô hành Bát-niết-bàn... là vị Hữu hành Bát-niết-bàn... là vị Thượng lưu đi đến Sắc Cứu Cánh thiên. Này Sāriputta, đây là hạng người thứ năm, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Lại nữa, này Sāriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, không viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, làm nhẹ bớt tham, sân, si, là vị Nhất Lai, còn đến thế giới này một lần nữa, rồi đoạn tận khổ đau. Này Sāriputta, đây là hạng người thứ sáu, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Lại nữa, này Sāriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, không viên mãn trong định, không viên mãn trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị Nhất Chủng, còn sanh hiện hữu làm người một lần nữa[20] rồi đoạn tận khổ đau. Này Sāriputta, đây là hạng người thứ bảy, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Lại nữa, này Sāriputta, ở đây có hạng người viên mãn trong các giới, thành tựu vừa phải trong định, thành tựu vừa phải trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị Gia Gia, sau khi rong ruổi, sau khi luân chuyển hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau. Này Sāriputta, đây là hạng người thứ tám, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục... được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Lại nữa, này Sāriputta, ở đây, có hạng người viên mãn trong các giới, thành tựu vừa phải trong định, thành tựu vừa phải trong tuệ. Vị ấy, sau khi diệt tận ba kiết sử, là vị trở lui tối đa là bảy lần, sau khi rong ruổi, sau khi luân chuyển tối đa là bảy lần giữa chư thiên và loài người, rồi đoạn tận khổ đau. Này Sāriputta, đây là hạng người thứ chín, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ.

Này Sāriputta, một số du sĩ ngoại đạo là ngu si, không thông minh, một số

[20] *Ekaṃyeva mānusakaṃ bhavaṃ nibbattetvā.*

sẽ biết: "Người có dư y là có dư y", hay một số sẽ biết: "Người không có dư y là không dư y."

Này Sāriputta, chín hạng người này, khi chết có dư y, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi cõi dữ, ác thú, đọa xứ. Nhưng này Sāriputta, cho đến nay, pháp môn này chưa được nói cho các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ. Vì cớ sao? Mong rằng khi nghe pháp môn này, họ không trở nên phóng dật. Lại nữa, này Sāriputta, pháp môn này được Ta nói đến vì Ta được hỏi đến.

III. KINH TÔN GIẢ KOṬṬHITA (*Koṭṭhikasutta*)[21] (*A*. IV. 382)

13. Rồi Tôn giả Mahākoṭṭhita đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, chào đón hỏi thăm Tôn giả Sāriputta; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhita nói với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ hiện tại, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ trong tương lai"?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ tương lai, mong rằng nghiệp ấy, ta được cảm thọ trong hiện tại"?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm giác là lạc thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là khổ thọ"?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm giác là khổ thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là lạc thọ"?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ là thuần thục, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là không thuần thục"?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ là không thuần thục, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là thuần thục"?

---

[21] Tham chiếu: *Đại Câu-hy-la kinh* 大拘絺羅經 (*T*.01. 0026.29. 0461b22); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.344. 0094b02).

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ là nhiều, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là ít"?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ là ít, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là nhiều"?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta không được cảm thọ"?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: "Phàm nghiệp gì không được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ"?

– Không phải vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả Sāriputta, vì sao khi được hỏi: "Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm thọ hiện tại, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ trong tương lai'?" Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả." Thưa Hiền giả Sāriputta, vì sao khi được hỏi: "Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm thọ tương lai, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ hiện tại'?" Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả." Thưa Hiền giả Sāriputta, vì sao khi được hỏi: "Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm giác là lạc thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là khổ thọ'?" Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả." Vì sao khi được hỏi: "Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm giác là khổ thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm giác là lạc thọ'?" Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả." Vì sao khi được hỏi: "Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm thọ là thuần thục, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ là không thuần thục'?" Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả." Vì sao khi được hỏi: "Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm thọ là không thuần thục, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ là thuần thục'?" Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả." Vì sao khi được hỏi: "Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm thọ là nhiều, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là ít'?" Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả." Vì sao khi được hỏi: "Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm thọ là ít, mong rằng nghiệp ấy ta cảm thọ là nhiều'?" Hiền giả trả

lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả." Vì sao khi được hỏi: "Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta không được cảm thọ'?" Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả." Vì sao khi được hỏi: "Có phải sống Phạm hạnh dưới Thế Tôn với hy vọng: 'Phàm nghiệp gì không được cảm thọ, mong rằng nghiệp ấy ta được cảm thọ'?" Hiền giả trả lời: "Không phải vậy, thưa Hiền giả."

Vì mục đích gì mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn?

Thưa Hiền giả, với những gì không biết, không thấy, không đạt, không chứng ngộ, không hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

– Nhưng thưa Hiền giả, do không biết gì, không thấy gì, không đạt gì, không chứng ngộ gì, không hiện quán gì, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn?

– "Đây là khổ", này Hiền giả, là điều không được biết, không được thấy, không được đạt, không được chứng ngộ, không được hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy... mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn. "Đây là khổ tập"... "Đây là khổ diệt"... "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", này Hiền giả, là điều không được biết, không được thấy, không được đạt, không được chứng ngộ, không được hiện quán, với mục đích được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

Thưa Hiền giả, đây là điều không được biết, không được thấy, không được đạt, không được chứng ngộ, không được hiện quán, với mục đích để được biết, được thấy, được đạt, được chứng ngộ, được hiện quán, mà Phạm hạnh được sống dưới Thế Tôn.

IV. KINH TÔN GIẢ SAMIDDHI (*Samiddhisutta*) (*A*. IV. 385)

14. Rồi Tôn giả Samiddhi đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, chào đón hỏi thăm Tôn giả Sāriputta; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Rồi Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Samiddhi đang ngồi xuống một bên:

– Do sở duyên gì, này Samiddhi, một người khởi lên các tư duy tầm?

– Do danh sắc làm sở duyên, thưa Tôn giả.

– Nhưng này Samiddhi, cái gì khiến chúng đi đến sai khác?

– Các giới, thưa Tôn giả.

– Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?

– Lấy xúc làm tập khởi, thưa Tôn giả.

– Này Samiddhi, chúng quy tụ ở đâu?

– Chúng quy tụ ở các cảm thọ, thưa Tôn giả.

– Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ?

– Chúng lấy định làm thượng thủ, thưa Tôn giả.

– Nhưng này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng?

– Chúng lấy niệm làm tăng thượng, thưa Tôn giả.

– Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tối thượng?

– Chúng lấy tuệ làm tối thượng, thưa Tôn giả.

– Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lõi cây?

– Chúng lấy giải thoát làm lõi cây, thưa Tôn giả.

– Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì?

– Chúng thể nhập vào bất tử, thưa Tôn giả.

– Khi được hỏi: "Này Samiddhi, do sở duyên gì một người khởi lên các tư duy tầm?" Hiền giả đáp: "Do danh sắc làm sở duyên, thưa Tôn giả." Khi được hỏi: "Này Samiddhi, cái gì khiến chúng đi đến sai khác?" Hiền giả đáp: "Các giới, thưa Tôn giả." Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tập khởi?" Hiền giả đáp: "Lấy xúc làm tập khởi, thưa Tôn giả." Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chỗ quy tụ của chúng là gì?" Hiền giả đáp: "Chỗ quy tụ của chúng là các cảm thọ, thưa Tôn giả." Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm thượng thủ?" Hiền giả đáp: "Chúng lấy định làm thượng thủ, thưa Tôn giả." Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tăng thượng?" Hiền giả đáp: "Chúng lấy niệm làm tăng thượng, thưa Tôn giả." Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm tối thượng?" Hiền giả đáp: "Chúng lấy tuệ làm tối thượng, thưa Tôn giả." Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng lấy gì làm lõi cây?" Hiền giả đáp: "Chúng lấy giải thoát làm lõi cây, thưa Tôn giả." Khi được hỏi: "Này Samiddhi, chúng thể nhập vào gì?" Hiền giả đáp: "Chúng thể nhập vào bất tử, thưa Tôn giả." Lành thay, lành thay, này Samiddhi! Lành thay, này Samiddhi! Hiền giả đã trả lời các câu hỏi. Nhưng Hiền giả chớ có kiêu mạn về vấn đề này.

V. KINH UNG NHỌT (*Gaṇḍasutta*)[22] (*A*. IV. 386)

15. Ví như, này chư Hiền, một ung nhọt đã trải nhiều năm. Nó có chín miệng vết thương, có chín miệng nứt rạn. Từ đấy có cái gì chảy ra, chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy; có cái gì nứt chảy, chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy.

Ung nhọt, này các Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với thân này[23] do bốn đại tác thành, do cha mẹ sinh ra, do cơm cháo chất chứa nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, tan nát, hủy hoại, hoại diệt, có chín miệng vết thương, có chín miệng nứt

[22] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.29. 0880a30).

[23] Xem *D*. I. 76; *M*. I. 500; II. 17; *S*. IV. 83.

rạn. Từ đấy có cái gì chảy ra, chắc chắn bất tịnh rỉ chảy, chắc chắn hôi thúi rỉ chảy, chắc chắn nhàm chán rỉ chảy; có cái gì nứt chảy, chắc chắn bất tịnh nứt chảy, chắc chắn hôi thúi nứt chảy, chắc chắn nhàm chán nứt chảy.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông hãy nhàm chán thân này.

VI. KINH TƯỞNG (*Saññāsutta*)[24] (*A*. IV. 387)

16. Này các Tỷ-kheo, có chín tưởng[25] này được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là chín? Tưởng bất tịnh, tưởng chết, tưởng ghê tởm đối với các món ăn, tưởng không ưa thích đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trên vô thường, tưởng vô ngã trên khổ, tưởng đoạn tận, tưởng ly tham.

Này các Tỷ-kheo, chín tưởng này được tu tập, được làm sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh.

VII. KINH GIA ĐÌNH (*Kulasutta*) (*A*. IV. 387)

17. Này các Tỷ-kheo, gia đình[26] nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời không nên đến, nếu đã đến thời không nên ngồi xuống. Thế nào là chín? Họ không vui vẻ đứng dậy; họ không vui vẻ đảnh lễ; họ không vui vẻ mời ngồi; có chỗ ngồi đem giấu đi; có nhiều, họ cho ít; có đồ tốt, họ cho đồ xấu; họ cho không cẩn thận, họ cho không có chu đáo; họ không có ngồi xung quanh để nghe pháp; họ không thưởng thức lời nói.

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời không nên đến, nếu đã đến thời không nên ngồi xuống.

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời nên đến, nếu đã đến thời nên ngồi xuống. Thế nào là chín? Họ vui vẻ đứng dậy; họ vui vẻ đảnh lễ; họ vui vẻ mời ngồi; có chỗ ngồi không giấu đi; có nhiều, họ cho nhiều; có đồ tốt, họ cho đồ tốt; họ cho cẩn thận, họ cho một cách chu đáo; họ ngồi xung quanh để nghe pháp; họ thưởng thức lời nói.

Này các Tỷ-kheo, gia đình nào thành tựu chín chi phần này, nếu chưa đến thời nên đến, nếu đã đến thời nên ngồi xuống.

VIII. KINH CHÍN CHI PHẦN TRAI GIỚI (*Navaṅguposathasutta*)[27] (*A*. IV. 388)

18. Này các Tỷ-kheo, ngày trai giới[28] thành tựu chín chi phần được thực hành, có quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn. Được thực hành như thế nào, này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu chín chi phần, có quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn?

---

[24] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.9. 0780a16).

[25] *Sannā*. Xem *A*. IV. 44; *GS*. IV. 27 (kinh 45 ở trước); *A*. IV. 463; *GS*. IV. 305 (kinh 1 ở sau).

[26] Xem *A*. IV. 8; *GS*. IV. 6 (kinh 13 ở trước).

[27] Bản tiếng Anh của PTS: *Amity*, nghĩa là *Từ bi*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.43.2. 0756c16).

[28] Xem *A*. IV. 248; *GS*. IV. 170 (kinh 41 ở trước).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ nhất được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ hai được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lìa, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lìa, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ ba được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ tư được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận đắm say rượu men rượu nấu. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ năm được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán mỗi ngày dùng một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ sáu được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ bảy được thành tựu.

"Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận giường cao, giường lớn, từ bỏ

giường cao, giường lớn; các vị ấy nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ, trên thảm cỏ. Hôm nay, ngày và đêm nay, ta cũng đoạn tận giường cao, giường lớn, từ bỏ giường cao, giường lớn; ta nằm trên giường thấp, trên giường nhỏ, trên thảm cỏ. Với chi phần này, ta theo gương vị A-la-hán, sẽ thực hành ngày trai giới." Đây là chi phần thứ tám được thành tựu.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử với tâm câu hữu với từ, biến mãn một phương và an trú, như vậy phương thứ hai... như vậy phương thứ ba... như vậy phương thứ tư... như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy với tâm câu hữu với từ, biến mãn và an trú, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Đây là chi phần thứ chín được thành tựu.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngày trai giới thành tựu chín chi phần được thực hành, có quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn.

IX. KINH CHƯ THIÊN (*Devatāsutta*) (*A*. IV. 390)

19. Đêm nay, này các Tỷ-kheo, một số đông chư thiên, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến chỗ Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Này các Tỷ-kheo, đứng một bên, chư thiên ấy thưa với Ta: "Bạch Thế Tôn, khi chúng con sống giữa loài người, trong thời quá khứ, các vị xuất gia, không có gia đình đến chúng con. Bạch Thế Tôn, chúng con đã đứng dậy nhưng chúng con không đảnh lễ. Bạch Thế Tôn, do không làm đầy đủ bổn phận, chúng con sanh ra hối hận, phiền não vì bị sanh với thân hạ liệt."

Này các Tỷ-kheo, lại có nhiều chư thiên khác đến chỗ Ta và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, khi chúng con sống giữa loài người, trong thời quá khứ, các vị xuất gia, không có gia đình đến chúng con. Bạch Thế Tôn, chúng con đã đứng dậy, chúng con đã đảnh lễ nhưng chúng con không mời ghế ngồi. Bạch Thế Tôn, do không làm đầy đủ bổn phận, chúng con sanh ra hối hận, phiền não vì bị sanh với thân hạ liệt."

Này các Tỷ-kheo, lại có nhiều chư thiên khác đến chỗ Ta và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, khi chúng con sống giữa loài người, trong thời quá khứ, các vị xuất gia, không có gia đình đến chúng con. Bạch Thế Tôn, chúng con đã đứng dậy, chúng con đã đảnh lễ, chúng con đã mời ghế ngồi nhưng chúng con không chia sẻ [đồ ăn] tùy theo khả năng và sức lực của chúng con... chúng con chia sẻ [đồ ăn] tùy theo khả năng và sức lực của chúng con nhưng chúng con không ngồi xung quanh để nghe pháp... chúng con có ngồi xung quanh để nghe pháp nhưng chúng con không lóng tai nghe pháp... chúng con lóng tai nghe pháp nhưng chúng con sau khi nghe không có thọ trì pháp... chúng con sau khi nghe có thọ trì pháp nhưng không có suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì... chúng con có suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì nhưng chúng con sau khi biết nghĩa, biết pháp, không thực hành pháp và tùy pháp. Bạch Thế Tôn, do không

làm đầy đủ bổn phận, chúng con sanh ra hối hận, phiền não vì bị sanh ra với thân hạ liệt."

Này các Tỷ-kheo, lại có nhiều chư thiên khác đến chỗ Ta và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, khi chúng con sống giữa loài người, trong thời gian quá khứ, các vị xuất gia, không có gia đình đến chúng con. Bạch Thế Tôn, chúng con đã đứng dậy, chúng con đã đảnh lễ, chúng con đã mời ghế ngồi, chúng con đã chia sẻ [đồ ăn] tùy theo khả năng và sức lực của chúng con, chúng con đã ngồi xung quanh để nghe pháp, chúng con lóng tai nghe pháp, chúng con sau khi nghe có thọ trì pháp, chúng con có suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, chúng con sau khi biết nghĩa, biết pháp, thực hành pháp và tùy pháp. Bạch Thế Tôn, do chúng con làm đầy đủ bổn phận, chúng con không sanh hối hận, phiền não vì được sanh với thân thù thắng."

Này các Tỷ-kheo, đây là những gốc cây, đây là những ngôi nhà trống. Này các Tỷ-kheo, hãy thiền định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau như các thiên nhân đã được nói đến trước ấy.

X. KINH VELĀMA (*Velāmasutta*)[29] (*A*. IV. 392)

20. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi xuống một bên:

– Này gia chủ, gia đình của ông có bố thí không?

– Bạch Thế Tôn, gia đình của con có bố thí nhưng chỉ có món ăn thô tệ làm bằng hột gạo bể và cháo chua.

– Này gia chủ, dầu bố thí các món thô hay tế, nếu bố thí không cẩn thận, bố thí không có chú tâm, bố thí không tự tay mình, bố thí những vật quăng đi, bố thí không có nghĩ đến tương lai; chỗ nào, chỗ nào, sự bố thí ấy sanh quả dị thục, thời tâm không thiên về thưởng thức các món ăn thù diệu, tâm không thiên về thưởng thức y áo thù diệu, tâm không thiên về thưởng thức các cỗ xe thù diệu, tâm không thiên về thưởng thức năm dục công đức thù diệu; và các người con, hay vợ, hay những người phục vụ, hay những người đưa tin, hay những người làm công, họ không có khéo nghe, họ không có lóng tai, họ không có an trú tâm hiểu biết. Vì sao? Này gia chủ, như vậy là quả dị thục của việc làm không có cẩn thận.

Này gia chủ, dầu có bố thí các món thô hay tế, nếu bố thí có cẩn thận, bố thí có chú tâm, bố thí tự tay mình, bố thí những vật không quăng bỏ đi, bố thí có nghĩ đến tương lai; chỗ nào, chỗ nào, sự bố thí ấy sanh quả dị thục, thời tâm

[29] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.27.3. 0644b19); *Tu-đạt-đa kinh* 須達哆經 (*T.*01. 0026.155. 0677a08); *Tam quy ngũ giới từ tâm yểm ly công đức kinh* 三歸五戒慈心厭離功德經 (*T.*01. 0072. 0879c07); *Tu-đạt kinh* 須達經 (*T.*01. 0073. 0879a08); *Trưởng giả Thí báo kinh* 長者施報經 (*T.*01. 0074. 0880a09).

thiên về thưởng thức các món ăn thù diệu, tâm thiên về thưởng thức y áo thù diệu, tâm thiên về thưởng thức các cỗ xe thù diệu, tâm thiên về thưởng thức năm dục công đức thù diệu; và các người con, hay vợ, hay những người phục vụ, hay những người đưa tin, hay những người làm công, họ có khéo nghe, họ có lóng tai, họ có an trú tâm hiểu biết. Vì sao? Này gia chủ, như vậy là quả dị thục của việc làm có cẩn thận.

Thuở xưa, này gia chủ, có một vị Bà-la-môn tên là Velāma. Vị ấy bố thí rộng lớn như sau: Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn bát bằng đồng đựng đầy châu báu. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn con voi với đồ trang sức bằng vàng, với các ngọn cờ bằng vàng, bao trùm với những lưới bằng chỉ vàng và tám mươi bốn ngàn cỗ xe được trải với da sư tử, được trải với da cọp, được trải với da báo, được trải với mền màu vàng, với những trang sức bằng vàng, với các ngọn cờ bằng vàng, bao trùm với những lưới bằng chỉ vàng. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn con bò sữa, cột bằng những sợi dây gai mịn với những thùng sữa bằng bạc. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn thiếu nữ, trang sức với những bông tai bằng châu báu. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn giường nằm trải nệm bằng len thêu bông, nệm bằng da con sơn dương gọi là kadali, tấm thảm có lọng che phía trên, có đầu gối chân màu đỏ hai phía. Vị ấy bố thí tám mươi bốn ngàn thước vải bằng vải gai mịn màng nhất, bằng vải lụa mịn màng nhất, bằng vải len mịn màng nhất, bằng vải bông mịn màng nhất. Và ai có thể nói về các đồ ăn, đồ uống, loại cứng, loại mềm, các loại đồ ăn nếm và các loại nước đường, chúng tôi nghĩ chúng chảy như dòng sông.

Có thể, này gia chủ, ông nghĩ: "Có thể Bà-la-môn Velāma là một người nào khác, vị đã bố thí một cách rộng lớn như vậy." Này gia chủ, chớ có nghĩ như vậy. Chính lúc ấy, Ta là Bà-la-môn Velāma, chính Ta đã bố thí rộng lớn ấy. Nhưng này gia chủ, khi bố thí ấy được cho, không có một ai xứng đáng để nhận bố thí. Không có một ai làm cho thanh tịnh bố thí ấy. Này gia chủ, dầu Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn, nếu có ai bố thí cho một người chánh kiến, bố thí này lớn hơn quả lớn kia. Này gia chủ, dầu Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn và có ai bố thí cho một trăm người chánh kiến, và có ai bố thí cho một vị Nhất Lai, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia. Này gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velāma bố thí rộng lớn và có ai bố thí cho một trăm vị Nhất Lai, và có ai bố thí cho một vị Bất Lai, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia. Này gia chủ, dầu Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn và có ai bố thí cho một trăm vị Bất Lai, và có ai bố thí cho một vị A-la-hán, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia. Này gia chủ, dầu Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn và có ai bố thí cho một trăm vị A-la-hán, và có ai bố thí cho một vị Độc Giác Phật, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia. Này gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn và có người bố thí cho một trăm vị Độc Giác Phật, có ai bố thí cho Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia... và có ai bố thí

cho chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ... và có ai xây dựng một tinh xá cho chúng Tăng trong bốn phương... và có ai với tâm tịnh tín quy y Phật, Pháp và Tăng... và có ai với tâm tịnh tín, chấp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ không đắm say rượu men rượu nấu... Này gia chủ, dầu Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn, và có ai với tâm tịnh tín, chấp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ không đắm say rượu men rượu nấu, và có ai tu tập Từ tâm giải thoát cho đến trong một khoảnh khắc vắt sữa bò, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia.

Này gia chủ, dầu cho Bà-la-môn Velāma bố thí có rộng lớn, có ai bố thí một vị đầy đủ chánh kiến... và có ai bố thí một vị Nhất Lai... và có ai bố thí một vị Bất Lai... và có ai bố thí một vị A-la-hán... và có ai bố thí một vị Độc Giác Phật... và có ai bố thí Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... và có ai bố thí chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ... và có ai cho xây dựng một tinh xá cho chúng Tăng trong bốn phương... và có ai với tâm tịnh tín quy y Phật, Pháp và chúng Tăng... và có ai tâm tịnh tín chấp nhận học pháp, từ bỏ sát sanh... và có ai tu tập Từ tâm giải thoát cho đến trong một khoảnh khắc vắt sữa bò, và có ai dầu chỉ trong một khoảnh khắc búng ngón tay tu tập tưởng vô thường, bố thí này quả lớn hơn bố thí kia.



III. PHẨM CHỖ CƯ TRÚ CỦA HỮU TÌNH (*SATTĀVĀSAVAGGA*)

I. KINH TRONG BA PHƯƠNG DIỆN (*Tiṭhānasutta*) (*A*. IV. 396)

21. Này các Tỷ-kheo, trong ba phương diện, người Uttarakurukā[30] thù thắng hơn chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba và loài người ở Jampudīpa. Thế nào là ba? Không có ngã sở, không có chấp trước, tuổi thọ được quy định là những thù thắng.

Này các Tỷ-kheo, trong ba phương diện này, người Uttarakurukā thù thắng hơn chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba và loài người ở Jampudīpa.

Này các Tỷ-kheo, trong ba phương diện, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba thù thắng hơn loài người ở Uttarakurukā và loài người ở Jampudīpa. Thế nào là ba? Về thiên thọ mạng, về thiên dung sắc, về thiên lạc.

Này các Tỷ-kheo, trong ba phương diện này, chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba thù thắng hơn loài người ở Uttarakurukā và loài người ở Jampudīpa.

Này các Tỷ-kheo, trong ba phương diện, loài người ở Jampudīpa thù thắng hơn loài người ở cõi Uttarakurukā và chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Thế nào là ba? Họ là anh hùng, có trú niệm[31] và sống Phạm hạnh ở đời này.[32]

Này các Tỷ-kheo, trong ba phương diện này, loài người ở cõi Jampudīpa thù thắng hơn loài người ở cõi Uttarakurukā và chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba.

II. KINH NGỰA CHƯA ĐƯỢC ĐIỀU PHỤC (*Assakhaḷuṅkasutta*)[33] (*A*. IV. 397)

22. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về ba loại ngựa chưa được điều phục và ba hạng người chưa được điều phục; ba loại ngựa được điều phục và ba hạng người được điều phục; ba loại ngựa hiền thiện thuần lương và ba hạng người hiền thiện thuần lương. Hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

---

[30] Uttarakurukā: Một trong bốn đại châu lớn ở phía Bắc là Uttarakurukā (Bắc Cu-lô châu), phía Nam là Jambudīpa (Nam Thiệm Bộ châu, cũng gọi Nam Diêm-phù-đề), phía Đông là Pubbavideha (Đông Thắng Thần châu), và phía Tây là Aparagoyāna (Tây Ngưu Hóa châu).

[31] *Chú giải* giải thích rằng các thiên nhân quá sung sướng nên không có kiên trì (*thirā*), còn các chúng sanh ở địa ngục quá đau khổ và loài người nửa khổ đau, nửa sung sướng, nên cần đến kiên trì.

[32] *Chú giải* giải thích rằng đức Phật và Độc Giác Phật chỉ ra đời ở cõi Diêm-phù-đề và nói đến Bát chánh đạo và Phạm hạnh.

[33] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.917-919. 0232b24-0233b13); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.143-145. 0428b04-0429a09).

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại ngựa chưa được điều phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối [bề cao, chu vi bề ngoài]. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp và cân đối. Ba loại ngựa này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa chưa được điều phục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người chưa được điều phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực[34] nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người chưa được điều phục.

Thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là khổ", như thật tuệ tri: "Đây là khổ tập", như thật tuệ tri: "Đây là khổ diệt", như thật tuệ tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực.[35] Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật,[36] vị ấy lại ngập ngừng, không có trả lời; đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp. Vị ấy không có nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chưa có điều phục, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là khổ", như thật tuệ tri: "Đây là khổ tập", như thật tuệ tri: "Đây là khổ diệt", như thật tuệ tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngập ngừng; đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Nhưng vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

---

[34] Xem *A*. I. 287.

[35] *Javasampanna*. *AA*. IV. 188: *Purisakhaḷuṅkesu javasampannoti ñāṇajavena sampanno* ("Trí rất nhanh nơi người chưa được điều phục" tức chỉ cho "tuệ tốc hành").

[36] *Abhidhamme kho pana abhivinaye*. Xem *DB*. III. 246; *M*. I. 472; *Vin*. I. 64.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là khổ", như thật tuệ tri: "Đây là khổ tập", như thật tuệ tri: "Đây là khổ diệt", như thật tuệ tri: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngập ngừng; đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Vị ấy nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người chưa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người chưa được điều phục.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại ngựa được điều phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Các loại ngựa này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa được điều phục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người được điều phục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hạng người được điều phục, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui đời này nữa; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy ngập ngừng, không có trả lời; đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời này nữa; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy trả lời, không có ngập ngừng; đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Nhưng vị này không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, tại đấy được nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời này nữa; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngập ngừng; đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Và vị ấy nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người được điều phục, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người được điều phục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba loại ngựa hiền thiện thuần lương?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện thuần lương, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Những loại ngựa này, này các Tỷ-kheo, là ba loại ngựa hiền thiện thuần lương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba hạng người hiền thiện thuần lương?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối. Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối. Những hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người hiền thiện thuần lương.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Nhưng khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy ngập ngừng, không trả lời; đây Ta nói trong nghĩa không có sắc đẹp. Vị ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực nhưng không có sắc đẹp, không có cân đối.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngập ngừng; đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Vị

ấy không nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa không có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp nhưng không có cân đối.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; đây Ta nói trong nghĩa có tốc lực. Khi được hỏi về Thắng pháp, Thắng luật, vị ấy liền trả lời, không có ngập ngừng; đây Ta nói trong nghĩa có sắc đẹp. Vị ấy nhận được các đồ tư dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; đây Ta nói trong nghĩa có cân đối. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạng người hiền thiện thuần lương, có tốc lực, có sắc đẹp, có cân đối.

Ba hạng người này, này các Tỷ-kheo, là ba hạng người hiền thiện thuần lương.

III. KINH ÁI LÀM CỘI GỐC (*Taṇhāmūlakasutta*)[37] (*A*. IV. 400)

23. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về chín pháp[38] lấy ái làm cội gốc. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chín pháp lấy ái làm cội gốc?

Do duyên ái nên tìm cầu; do duyên tìm cầu nên có được; do duyên có được nên có quyết định; do duyên quyết định nên có dục tham; do duyên dục tham nên đắm trước; do duyên đắm trước nên có chấp trước; do duyên chấp trước nên có xan tham; do duyên xan tham nên có thủ hộ; chấp trượng, chấp kiếm, đấu tranh, tránh tranh, luận tranh, kháng tranh, ly gián ngữ, vọng ngữ,[39] rất nhiều các ác, bất thiện pháp khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín pháp lấy ái làm cội gốc.

IV. KINH CÁC LOÀI HỮU TÌNH (*Sattāvāsasutta*)[40] (*A*. IV. 401)

24. Này các Tỷ-kheo, có chín chỗ cư trú của loài hữu tình. Thế nào là chín?

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình, thân sai biệt, tưởng sai biệt như loài người, một số chư thiên, một số ở các đọa xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ nhất.

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình thân sai biệt, tưởng đồng nhất như Phạm Chúng thiên khi mới tái sanh. Đó là hữu tình trú xứ thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình thân đồng nhất, tưởng sai biệt như Quang Âm thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ ba.

---

[37] Bản tiếng Anh của PTS: *Craving*, nghĩa là *Khát ái*.

[38] Xem *D*. II. 58; III. 289.

[39] Xem *M*. I. 110, 410; *Vism*. 326.

[40] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.44.1. 0764c20).

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình thân đồng nhất, tưởng đồng nhất như Tịnh Cư thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ tư.

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình không có tưởng, không có thọ như Vô Tưởng thiên. Đó là hữu tình trú xứ thứ năm.

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi sắc tưởng một cách hoàn toàn, diệt trừ các đối ngại tưởng, không có tác ý sai biệt tưởng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng được Không vô biên xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ sáu.

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng được Thức vô biên xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ bảy.

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, nghĩ rằng: "Không có gì tất cả", chứng được Vô sở hữu xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, có những loài hữu tình vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Đó là hữu tình trú xứ thứ chín.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín chỗ cư trú của các loài hữu tình.

V. KINH TRÍ TUỆ (*Paññāsutta*) (*A*. IV. 402)

25. Này các Tỷ-kheo, khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy nói như sau: "Ta rõ biết: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'"

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập?

"Ly tham là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Ly sân là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Ly si là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Tánh không có tham là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Tánh không có sân là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Tánh không có si là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Tánh không chuyển hướng về dục hữu là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Tánh không chuyển hướng về sắc hữu là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ. "Tánh không chuyển hướng về vô sắc hữu là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy nói như sau: "Ta rõ biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa."

VI. KINH TRỤ ĐÁ (*Silāyūpasutta*)[41] (*A*. IV. 402)

26. Một thời, Tôn giả Sāriputta và Tôn giả Candikāputta trú ở Rājagaha

[41] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.499. 0131a25).

(Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Tại đấy, Tôn giả Candikāputta gọi các Tỷ-kheo, nói rằng:

– Này các Hiền giả, Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: 'Ta rõ biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'"

Được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Candikāputta:

– Này Hiền giả Candikāputta, Devadatta không có thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: 'Ta rõ biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'" Này Hiền giả Candikāputta, Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với tâm ý, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: 'Ta rõ biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'"

Lần thứ hai... Lần thứ ba, Tôn giả Candikāputta gọi các Tỷ-kheo, nói rằng:

– Thưa các Hiền giả, Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho vị Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: 'Ta rõ biết sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'"

Lần thứ ba, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Candikāputta:

– Này Hiền giả Candikāputta, Devadatta không có thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm Tỷ-kheo được khéo tích tập với trí tuệ, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: 'Ta rõ biết sanh đã tận... không còn trở lại đời này nữa.'" Này Hiền giả Candikāputta, Devadatta thuyết pháp cho các Tỷ-kheo như sau: "Thưa các Hiền giả, khi nào tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với tâm ý, thời thật hợp lý cho Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: 'Ta rõ biết sanh đã tận... không còn trở lại đời này nữa.'"

Và như thế nào, này Hiền giả, tâm vị Tỷ-kheo được khéo tích tập với tâm ý?

"Ly tham là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. "Ly sân là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. "Ly si là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. "Tánh không có tham là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. "Tánh không có sân là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. "Tánh không có si là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. "Tánh không chuyển hướng về dục hữu là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. "Tánh không chuyển hướng về sắc hữu là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý. "Tánh không chuyển hướng về vô sắc hữu là tâm của ta", như vậy tâm vị ấy được khéo tích tập với tâm ý.

Như vậy, này Hiền giả, với Tỷ-kheo có tâm chánh giải thoát như vậy, nếu các sắc do mắt nhận thức mạnh mẽ[42] đi vào giới vức của con mắt, các sắc không chinh phục tâm vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm, không bị lay động; vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng[43]... nếu các tiếng do tai nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của lỗ tai... nếu các hương do mũi nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của lỗ mũi... nếu các vị do lưỡi nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của lưỡi... nếu các xúc do thân nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của thân... nếu các pháp do ý nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của ý, các pháp không chinh phục tâm vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm, không bị lay động; vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng. Ví như, này Hiền giả, một trụ đá[44] cao mười sáu khuỷu tay, tám khuỷu tay chôn sâu xuống đất, tám khuỷu tay nổi lên trên, nếu từ phương Đông, mưa to gió lớn đến, không làm rung động, không làm chuyển động, không làm chuyển động mạnh trụ đá ấy; nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam, mưa to gió lớn đến, không làm rung động, không làm chuyển động, không làm chuyển động mạnh trụ đá ấy. Vì sao? Này Hiền giả, vì trụ đá được đào sâu, được chôn sâu. Cũng vậy, này Hiền giả, với Tỷ-kheo có tâm chánh giải thoát như vậy, nếu các sắc do mắt nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của con mắt, các sắc không chinh phục tâm của vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm, không bị lay động; vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng... nếu các tiếng do tai nhận thức... nếu các hương... nếu các vị... nếu các xúc... nếu các pháp do ý nhận thức mạnh mẽ đi vào giới vức của ý, các pháp không chinh phục tâm vị ấy, tâm được an trú, không bị tạp nhiễm, không bị lay động; vị ấy tùy quán sự diệt tận của chúng.

VII. KINH HẬN THÙ THỨ NHẤT (*Paṭhamaverasutta*)[45] (*A*. IV. 405)

27. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, khi nào năm sợ hãi hận thù[46] của vị Thánh đệ tử được chỉ tức, thời vị ấy thành tựu được bốn Dự lưu phần.[47] Nếu vị ấy muốn, có thể tuyên bố về ngã đối với tự ngã: "Địa ngục đối với ta được đoạn tận; loài bàng sanh đối với ta được đoạn tận; cõi ngạ quỷ đối với ta được đoạn tận; cõi dữ, ác thú, đọa xứ đối với ta được đoạn tận. Ta là vị Dự Lưu, không còn thối đọa, chắc chắn đạt đến Chánh giác."

---

[42] *Bhusā*. Xem *A*. III. 377; *Vin*. I. 184.

[43] *Vayaṃ cassānupassati*. *Chú giải* nói về sự sanh khởi và đoạn diệt.

[44] *Silāyūba*. Ví dụ này được thấy trong *A*. IV. 106; *GS*. IV. 70; *S*. V. 445.

[45] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Dread and Hatred*, nghĩa là *Sợ hãi và Hận thù*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.846. 0215a17).

[46] Kinh này được tìm thấy trong *S*. II. 68; *KS*. II. 47. Kinh 27 này nói đến con đường đưa đến quả Dự lưu, kinh 28 kế tiếp nói đến bậc Dự Lưu.

[47] Xem *A*. III. 211; *D*. II. 93; *S*. V. 357. Đoạn này với 4 Dự lưu phần được xem là Pháp kính (*Dhammādāsa*) trong *Kinh Trường bộ* và *Kinh Tương ưng bộ*. Xem *A*. II. 56; *D*. III. 227; *M*. I. 37; *S*. I. 219.

Thế nào là năm sợ hãi hận thù được chỉ tức?

Này gia chủ, sợ hãi hận thù do sát sanh,[48] vì duyên sát sanh đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Từ bỏ sát sanh, sợ hãi hận thù không đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù không đưa đến trong tương lai, kể cả không có tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị từ bỏ sát sanh như vậy, sợ hãi hận thù được nhiếp phục.

Này gia chủ, sợ hãi hận thù do lấy của không cho, vì duyên lấy của không cho đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ... Đối với vị từ bỏ lấy của không cho như vậy, sự sợ hãi hận thù được nhiếp phục.

Này gia chủ, sợ hãi hận thù do sống tà hạnh trong các dục, vì duyên sống tà hạnh trong các dục đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ... Đối với vị từ bỏ sống tà hạnh trong các dục như vậy, sợ hãi hận thù được nhiếp phục.

Này gia chủ, sợ hãi hận thù do nói láo, vì duyên nói láo đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ... Đối với vị từ bỏ nói láo như vậy, sợ hãi hận thù được nhiếp phục.

Này gia chủ, sợ hãi hận thù do đắm say rượu men rượu nấu, vì duyên đắm say rượu men rượu nấu đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ... Đối với vị từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu như vậy, sợ hãi hận thù được nhiếp phục.

Năm sự sợ hãi hận thù này được nhiếp phục.

Thế nào là bốn Dự lưu phần được đầy đủ?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử đầy đủ lòng tin tuyệt đối đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn."

Vị ấy đầy đủ lòng tin tuyệt đối đối với Pháp: "Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu."

Vị ấy đầy đủ lòng tin tuyệt đối đối với chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Trực hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh, tức là bốn đôi tám chúng. Chúng Tăng đệ tử này của Thế Tôn, đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời."

Vị ấy đầy đủ các giới đức,[49] được bậc Thánh quý mến, không bị bể vụn,

---

[48] Xem *A*. III. 205.

[49] Xem *A*. IV. 54; *GS*. IV. 31 (kinh 47 ở trước).

không bị hủy hoại, không có tỳ vết, không có vết nhơ, đưa đến tự do, được người trí tán thán, không bị nhiễm trước, đưa đến thiền định.

Bốn Dự lưu phần này được thành tựu.

Này gia chủ, khi nào năm sợ hãi hận thù này của vị Thánh đệ tử được chỉ tức, thời vị ấy thành tựu được bốn Dự lưu phần này. Nếu vị ấy muốn, có thể tuyên bố về ngã đối với tự ngã: "Địa ngục đối với ta được đoạn tận; loài bàng sanh đối với ta được đoạn tận; cõi ngạ quỷ đối với ta được đoạn tận; cõi dữ, ác thú, đọa xứ đối với ta được đoạn tận. Ta là vị Dự Lưu, không còn thối đọa, chắc chắn đạt đến Chánh giác."

VIII. KINH HẬN THÙ THỨ HAI (*Dutiyaverasutta*)[50] (*A*. IV. 407)

28. (Thế Tôn thuyết lại kinh 27 cho các Tỷ-kheo).

IX. KINH SỰ XUNG ĐỘT (*Āghātavatthusutta*) (*A*. IV. 408)

29. Này các Tỷ-kheo, có chín sự xung đột[51] này. Thế nào là chín?

"Vị ấy đã làm hại tôi", xung đột khởi lên. "Vị ấy đang làm hại tôi", xung đột khởi lên. "Vị ấy sẽ làm hại tôi", xung đột khởi lên. "Vị ấy đã làm hại người tôi thương, tôi mến", xung đột khởi lên. "Vị ấy đang làm hại người tôi thương, tôi mến", xung đột khởi lên. "Vị ấy sẽ làm hại người tôi thương, tôi mến", xung đột khởi lên. "Vị ấy đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến", xung đột khởi lên. "Vị ấy đang làm lợi cho người tôi không thương, không mến", xung đột khởi lên. "Vị ấy sẽ làm lợi cho người tôi không thương, không mến", xung đột khởi lên.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín sự xung đột.

X. KINH ĐIỀU PHỤC SỰ XUNG ĐỘT (*Āghātapaṭivinayasutta*) (*A*. IV. 408)

30. Này các Tỷ-kheo, có chín điều phục sự xung đột này. Thế nào là chín?

"Vị ấy đã làm hại tôi; có ích lợi gì mà nghĩ như vậy", nhờ vậy xung đột được điều phục. "Vị ấy đang làm hại tôi; có ích lợi gì mà nghĩ như vậy", nhờ vậy xung đột được điều phục. "Vị ấy sẽ làm hại tôi; có ích lợi gì mà nghĩ như vậy", nhờ vậy xung đột được điều phục. "Vị ấy đã làm hại người tôi thương, tôi mến; có ích lợi gì mà nghĩ như vậy", nhờ vậy xung đột được điều phục. "Vị ấy đang làm hại người tôi thương, tôi mến; có ích lợi gì mà nghĩ như vậy", nhờ vậy xung đột được điều phục. "Vị ấy sẽ làm hại người tôi thương, tôi mến; có ích lợi gì mà nghĩ như vậy", nhờ vậy xung đột được điều phục. "Vị ấy đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến; có lợi ích gì mà nghĩ như vậy", nhờ vậy xung đột được điều phục. "Vị ấy đang làm lợi cho người tôi không thương, không mến; có lợi ích gì mà nghĩ như vậy", nhờ vậy xung đột được điều phục. "Vị ấy sẽ làm lợi cho người tôi không thương, không mến; có lợi ích gì mà nghĩ như vậy", nhờ vậy xung đột được điều phục.

---

[50] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.845. 0215c24).

[51] *Āghātavatthu.* Xem *A*. V. 150; *D*. III. 262, 289.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín sự xung đột được điều phục.

XI. KINH THỨ ĐỆ DIỆT (*Anupubbanirodhasutta*) (*A*. IV. 409)

31. Này các Tỷ-kheo, có chín thứ đệ diệt này.[52] Thế nào là chín?

Thành tựu Thiền thứ nhất, các dục tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Thiền thứ hai, các tầm tứ bị đoạn diệt. Thành tựu Thiền thứ ba, hỷ bị đoạn diệt. Thành tựu Thiền thứ tư, hơi thở vào, hơi thở ra bị đoạn diệt. Thành tựu Không vô biên xứ, sắc tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Thức vô biên xứ, Không vô biên xứ tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Vô sở hữu xứ, Thức vô biên xứ tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Vô sở hữu xứ tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Diệt thọ tưởng định, các tưởng và các cảm thọ bị đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín thứ đệ diệt.



[52] Xem *D*. III. 266, 290.

IV. PHẨM LỚN (*MAHĀVAGGA*)

I. KINH THỨ ĐỆ TRÚ (*Anupubbavihārasutta*)[53] (*A*. IV. 410)

32. Này các Tỷ-kheo, có chín thứ đệ trú này. Thế nào là chín?

Này Hiền giả, ở đây có Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Diệt tầm và tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Sau khi vượt qua sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Sau khi vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có sự vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Sau khi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín thứ đệ trú.

II. KINH THỨ ĐỆ TRÚ THIỀN CHỨNG (*Anupubbavihārasamāpattisutta*) (*A*. IV. 410)

33. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về chín thứ đệ trú thiền chứng này. Hãy lắng nghe... Này các Tỷ-kheo, thế nào là chín thứ đệ trú thiền chứng?

Chỗ nào các dục đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt các dục, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia[54] với thiền chi ấy."[55]

Chỗ nào các dục được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt các dục, sống an trú? "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly các dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Tại đây, các dục được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt, đoạn diệt các dục, sống an trú." Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

[53] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Abidings*, dịch thoát là *Thứ đệ trú*.

[54] *Pāraṅgatā*. *AA*. IV. 193: *Pāraṃgatāti kāme pāraṃ gatā* ("Đã vượt qua" nghĩa là đã đoạn trừ dục).

[55] *Tadaṅgenā*. *AA*. IV. 193: *Tadaṅgenāti tena jhānaṅgena* ("Bằng chi phần ấy" nghĩa là bằng thiền chi ấy).

Chỗ nào các tầm và tứ được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt tầm và tứ, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào các tầm và tứ được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt tầm và tứ, sống an trú? "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Tại đây, các tầm và tứ được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt, đoạn diệt tầm và tứ, sống an trú." Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

Chỗ nào hỷ được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt hỷ, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào hỷ được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt hỷ, sống an trú? "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chứng và trú Thiền thứ ba. Tại đây, hỷ được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt, đoạn diệt hỷ, sống an trú." Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ, sau khi tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

Chỗ nào xả lạc được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt xả lạc, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn, các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào xả lạc được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt xả lạc, sống an trú? "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo xả lạc xả khổ... chứng và trú Thiền thứ tư. Tại đây, xả lạc được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt, đoạn diệt xả lạc, sống an trú." Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

Chỗ nào sắc tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt sắc tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào sắc tưởng được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt sắc tưởng, sống an trú? "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý các sai biệt tưởng, biết rằng: 'Hư không là vô biên', chứng đạt và an trú Không vô biên xứ." Ở đây, các sắc tưởng được đoạn diệt, các vị ấy sau khi đoạn diệt, đoạn diệt các sắc tưởng, sống an trú. Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

Chỗ nào Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Không vô biên xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Không vô biên xứ tưởng, sống an trú? "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo sau khi vượt qua Không vô biên xứ tưởng một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Thức là vô biên', chứng và trú Thức vô biên xứ." Tại đây, Không vô biên xứ tưởng được đoạn diệt, các vị ấy, sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Không vô biên xứ tưởng, sống an trú. Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

Chỗ nào Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú? "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ tưởng một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Không có vật gì', chứng và trú Vô sở hữu xứ." Tại đây, Thức vô biên xứ tưởng được đoạn diệt, các vị ấy, sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Thức vô biên xứ tưởng, sống an trú. Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

Chỗ nào Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Vô sở hữu xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Vô sở hữu xứ tưởng, sống an trú? "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Tại đây, Vô sở hữu xứ tưởng được đoạn diệt, các vị ấy, sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Vô sở hữu xứ tưởng, sống an trú. Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", người ấy sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

Chỗ nào Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng được đoạn diệt, và những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, sống an trú, Ta nói rằng: "Chắc chắn các Tôn giả ấy không có dục ái, được tịch tịnh, đã vượt qua, đã đến bờ bên kia với thiền chi ấy." Chỗ nào Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng được đoạn diệt? Những ai sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Phi tưởng phi phi tưởng

xứ tưởng, sống an trú? "Ta không biết vậy, ta không thấy vậy", ai nói như vậy, người ấy cần được nói như sau: "Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng một cách hoàn toàn... chứng và trú Diệt thọ tưởng định." Tại đây, Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng được đoạn diệt, các vị ấy, sau khi đoạn diệt, đoạn diệt Phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng, sống an trú. Chắc chắn, này các Tỷ-kheo, người không lường gạt, không man trá, sẽ hoan hỷ, sẽ tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!" Sau khi hoan hỷ, tùy hỷ với lời nói: "Lành thay!", sẽ đảnh lễ, chắp tay và hầu hạ.

Này các Tỷ-kheo, đây là chín thứ đệ trú thiền chứng.

III. KINH NIẾT-BÀN LÀ LẠC (*Nibbānasukhasutta*)[56] (*A*. IV. 414)

34. Một thời, Tôn giả Sāriputta trú ở Rājagaha, tại Veḷuvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả, lạc là Niết-bàn này. Này các Hiền giả, lạc là Niết-bàn này.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udāyī[57] nói với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả Sāriputta, sao đây là lạc, khi ở đây không có cái gì được cảm thọ?

– Này Hiền giả, cái này ở đây là lạc, dầu rằng lạc ấy ở đây không được cảm thọ. Này Hiền giả, có năm dục lạc này. Thế nào là năm?

Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Này Hiền giả, có năm dục trưởng dưỡng này. Này Hiền giả, do duyên năm dục trưởng dưỡng này khởi lên lạc hỷ, này Hiền giả, đây gọi là dục lạc.

Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly các dục, ly ác, bất thiện pháp... chứng và trú Thiền thứ nhất. Này Hiền giả, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy, với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với tầm vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy, với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với tầm

[57] Bản tiếng Anh của PTS: *The Cool*, nghĩa là *Tịch tịnh*.

[57] *Chú giải* giải thích Lāḷudāyī tức chỉ cho Udāyī ngu si. Xem *J*. II. 164; *Vin*. I. 115; *DB*. III. 109; *KS*. V. 72.

vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo ly hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy, với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo đoạn lạc... chứng và trú Thiền thứ tư. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với xả vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy, với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với xả vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo vượt khỏi các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với sắc vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy, với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với sắc vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và an trú Thức vô biên xứ. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy, với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng và an trú Vô sở hữu xứ. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với Thức

vô biên xứ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy, với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với Thức vô biên xứ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc.

Lại nữa, này chư Hiền, Tỷ-kheo vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này chư Hiền, nếu trong khi Tỷ-kheo ấy trú với an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Ví như, này chư Hiền, với một người sung sướng, khổ đau có thể khởi lên như một chứng bệnh. Cũng vậy, với Tỷ-kheo ấy, các tưởng tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành, như vậy, đối với Tỷ-kheo ấy là một chứng bệnh. Này chư Hiền, chứng bệnh này được Thế Tôn gọi là khổ. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc.

Này chư Hiền, Tỷ-kheo vượt khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Vị ấy, sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Với pháp môn này, này chư Hiền, cần phải hiểu Niết-bàn là lạc.

IV. KINH VÍ DỤ CON BÒ CÁI (*Gāvīupamāsutta*)[58] (*A*. IV. 418)

35. Ví như, này các Tỷ-kheo, một con bò cái sống ở rừng núi, ngu si, không thông minh, không biết đồng ruộng, không thiện xảo khi đi đến các núi non hiểm trở. Nó suy nghĩ: "Ta hãy đi đến phương hướng trước kia chưa đi, ta hãy ăn cỏ trước kia chưa được ăn, ta hãy uống nước trước kia chưa được uống" và con bò cái ấy đã giơ chân sau lên, trước khi nó khéo đặt một cách tốt đẹp bàn chân trước, và nó không có thể đi đến phương hướng trước kia chưa đi, không có thể ăn cỏ trước kia chưa được ăn, và không có thể uống nước trước kia chưa được uống. Tại chỗ mà trước kia nó đặt chân, nó nghĩ: "Ta hãy đi đến phương hướng trước kia chưa đi, ta hãy ăn cỏ trước kia chưa ăn, ta hãy uống nước trước kia chưa uống", nó không có thể trở lui chỗ ấy một cách an toàn. Vì sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vì con bò cái ấy sống ở rừng núi, ngu si, không thông minh, không biết chỗ đồng ruộng, không thiện xảo khi đi đến các núi non hiểm trở.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có một số Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không biết chỗ đồng ruộng, không thiện xảo ly dục, ly ác, bất thiện pháp... không thể chứng và trú Thiền thứ nhất. Vị ấy không thực hành, không tu tập tướng ấy, không làm cho sung mãn, không trú một cách khéo trú, vị ấy lại suy nghĩ: "Ta hãy diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai." Vị ấy không có thể diệt các tầm và tứ... không có thể chứng và trú Thiền thứ hai. Dầu cho vị ấy có suy nghĩ: "Ta hãy ly dục... chứng và an trú Thiền thứ nhất", vị ấy cũng không

[58] Bản tiếng Anh của PTS: *The Cow*, nghĩa là *Con bò cái*.

thể ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Tỷ-kheo rơi vào cả hai phía, đọa vào cả hai phía, ví như con bò cái ấy sống ở rừng núi, ngu si, không thông minh, không biết chỗ đồng ruộng, không thiện xảo khi đi đến các núi non hiểm trở.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một con bò cái sống ở rừng núi, hiền trí, thông minh, biết đồng ruộng, biết thiện xảo khi đi đến các núi non hiểm trở. Nó suy nghĩ: "Ta hãy đi đến phương hướng trước kia chưa đi, ta hãy ăn cỏ trước kia chưa được ăn, ta hãy uống nước trước kia chưa được uống", và con bò cái ấy, sau khi khéo đặt một cách tốt đẹp bàn chân trước rồi giơ chân sau lên, và nó có thể đi đến phương hướng trước kia chưa đi, ăn cỏ trước kia chưa được ăn và uống nước trước kia chưa được uống. Tại chỗ mà trước kia nó đặt chân, nó nghĩ: "Ta hãy đi đến phương hướng trước kia chưa đi, ta hãy ăn cỏ trước kia chưa ăn, ta hãy uống nước trước kia chưa uống", nó có thể trở lui chỗ ấy một cách an toàn. Vì sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vì con bò cái ấy sống ở rừng núi, hiền trí, thông minh, biết chỗ đồng ruộng, biết thiện xảo khi đi đến các núi non hiểm trở.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có một số Tỷ-kheo hiền trí, thông minh, biết chỗ đồng ruộng, biết thiện xảo ly dục, ly ác, bất thiện pháp... có thể chứng và trú Thiền thứ nhất; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy lại suy nghĩ: "Ta hãy diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai"; vị ấy không lẫn lộn Thiền thứ hai, diệt các tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy ly hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba"; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy đoạn lạc đoạn khổ... chứng và trú Thiền thứ tư"; vị ấy không lẫn lộn Thiền thứ tư, đoạn lạc đoạn khổ... chứng và trú Thiền thứ tư; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt", biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ; vị ấy không lẫn lộn Không vô biên xứ, vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn... không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Thức là vô biên', chứng và trú Thức vô biên xứ"; vị ấy không lẫn lộn Thức vô biên xứ, vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn", biết rằng: 'Không có vật gì', chứng và trú Vô sở hữu xứ; vị ấy không lẫn lộn Vô sở hữu xứ, vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghĩ: "Ta

hãy vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn", chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; vị ấy không lẫn lộn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; vị ấy thực hành, tu tập tướng ấy, làm cho sung mãn, trú một cách khéo trú. Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định"; vị ấy không lẫn lộn Diệt thọ tưởng định, vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định.

Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo nhập vào và xuất ra khỏi thiền chứng ấy, tâm vị ấy trở thành nhu nhuyến, kham nhậm. Với tâm nhu nhuyến, kham nhậm, định được khéo tu tập, trở thành vô lượng.[59] Vị ấy với định vô lượng khéo tu tập, tùy theo pháp gì, pháp gì cần được chứng ngộ với thắng trí, vị ấy hướng tâm về sự chứng ngộ với thắng trí; tại đấy, tại đấy, vị ấy có được khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu muốn, vị ấy có thể chứng đắc nhiều loại thần thông, một thân có thể trở thành nhiều thân... với thân có thể đạt đến cõi Phạm thiên; tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu muốn, vị ấy có thể chứng đắc Thiên nhĩ thông...; tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu muốn, vị ấy có thể chứng đắc Tha tâm thông, với tâm của mình biết được tâm của các loại chúng sanh và các loại hữu tình: Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham... tâm giải thoát biết là tâm giải thoát; tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu muốn, vị ấy có thể: "Ta sẽ nhớ lại nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời... có thể nhớ được nhiều đời quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết"; tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy muốn, vị ấy với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... "Ta có thể rõ biết các loài hữu tình theo nghiệp lực của chúng"; tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu muốn, vị ấy có thể, do đoạn tận các lậu hoặc..., sau khi chứng ngộ, chứng đạt, vị ấy an trú; tại đấy, tại đấy, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

V. KINH NHẬP THIỀN (*Jhānasutta*) (*A*. IV. 422)

36. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ nơi Thiền thứ nhất, các lậu hoặc được diệt tận."[60] Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Thiền thứ hai, các lậu hoặc được diệt tận." Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Thiền thứ ba, các lậu hoặc được diệt tận." Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Thiền thứ tư, các lậu hoặc được diệt tận." Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào

---

[59] *Appamāṇo*. *AA*. IV. 194: *Appamāṇo samādhīti catubrahmavihārasamādhipi* ("Vô lượng định" cũng nghĩa là định nơi bốn Phạm trú").

[60] Chỉ cho A-la-hán quả.

Không vô biên xứ... Y chỉ vào Thức vô biên xứ... Y chỉ vào Vô sở hữu xứ... Y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ… Ta nói rằng: “Y chỉ vào Diệt thọ tưởng xứ, các lậu hoặc được đoạn tận.”

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: “Y chỉ vào Thiền thứ nhất, các lậu hoặc được đoạn tận”, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Vị ấy, ở đây đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường,[61] là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.

Vị ấy tránh né[62] tâm mình khỏi những pháp ấy; sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: “Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn.”[63] Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ hay trên đống đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn.[64] Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy; sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: “Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn.” Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào Thiền thứ nhất, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng y chỉ Thiền thứ hai... y chỉ Thiền thứ ba... y chỉ Thiền thứ tư, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc đoạn tận khổ, chấm dứt

[61] Xem *A.* II. 128; *M.* I. 435; *Miln.* 418.

[62] *Paṭivāpeti. AA.* IV. 195: *Paṭivāpetīti nibbānavasena nivatteti* (“Né tránh” nghĩa là dừng lại vì quả vị Niết-bàn). Bản tiếng Nhật viết *nhất tâm phóng hạ* nghĩa là *một lòng buông xuống*.

[63] Xem *A.* V. 8; *D.* II. 36; *S.* I. 136.

[64] *Mahato ca kāyassa padāletā.* Xem *A.* I. 284, II. 170, 202; *J.* IV. 494; *Miln.* 353.

hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.

Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy; sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa. Ví như một người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ hay trên đống đất sét; rồi người ấy có thể trở thành người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc đoạn tận khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy; sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Thiền thứ tư, các lậu hoặc được đoạn tận", như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Không vô biên xứ, các lậu hoặc được đoạn tận", được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vượt khỏi các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành... do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, ta nói rằng: "Y chỉ vào Không vô biên xứ, các lậu hoặc được đoạn tận", như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Thức vô biên xứ... y chỉ vào Vô sở hữu xứ... các lậu hoặc được đoạn diệt", được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn

toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành... do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đấy chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Vô sở hữu xứ, các lậu hoặc được đoạn diệt", được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Như vậy, xa cho đến các tưởng thiền chứng, cho đến như vậy, cần phải lấy trí để thể nhập. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các xứ này như Phi tưởng phi phi tưởng thiền chứng và Diệt thọ tưởng thiền chứng là những xứ, các Tỷ-kheo thiền quán, khéo léo chứng nhập, khéo léo khởi xuất thiền chứng. Ta nói rằng: "Sau khi chứng nhập và khởi xuất, các xứ ấy cần phải được chơn chánh làm cho biết rõ."

VI. KINH TÔN GIẢ ĀNANDA (*Ānandasutta*)[65] (*A*. IV. 426)

37. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Tại đấy, Tôn giả Ānanda bảo các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền Tỷ-kheo!

– Vâng, thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda nói như sau:

– Thật vi diệu thay, thưa các Hiền giả! Thật hy hữu thay, thưa các Hiền giả! Như thế nào là con đường thoát ly, thoát khỏi sự trói buộc, được Thế Tôn, bậc Trí Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác tùy giác để các loài hữu tình được thanh tịnh, vượt khỏi sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, giác ngộ Niết-bàn. Đây chỉ có mắt, chớ không có cảm thọ các sắc ấy và các xứ ấy; đây chỉ có tai, chớ không có cảm thọ các tiếng ấy và các xứ ấy; đây chỉ có mũi, chớ không có cảm thọ các hương ấy và các xứ ấy; đây chỉ có lưỡi, chớ không có cảm thọ các vị ấy và các xứ ấy; đây chỉ có thân, chớ không có cảm thọ các xúc ấy và các xứ ấy.

Khi được nói vậy, Tôn giả Udāyī nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Hiền giả Ānanda, người không cảm thọ xứ ấy, người ấy có tưởng hay không có tưởng?

– Này Hiền giả, người không cảm thọ xứ ấy, người ấy có tưởng, không phải không có tưởng.

– Nhưng thưa Hiền giả, người không cảm thọ xứ ấy, người ấy tưởng cái gì?

– Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Này Hiền giả, vị ấy có tưởng như vậy nhưng không cảm thọ xứ ấy.

Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn

[65] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.557. 0146a13).

toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Này Hiền giả, vị ấy có tưởng như vậy nhưng không cảm thọ xứ ấy.

Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Này Hiền giả, vị ấy có tưởng như vậy nhưng không cảm thọ xứ ấy.

Này Hiền giả, một thời tôi sống ở Sāketa,[66] rừng Añjana, tại vườn nai. Rồi này Hiền giả, có một Tỷ-kheo-ni ở Jaṭilagāha đến tôi, đảnh lễ tôi và đứng một bên. Đứng một bên, này các Hiền giả, Tỷ-kheo-ni ở Jaṭilagāha thưa với tôi: "Thưa Tôn giả Ānanda, thiền định này không thiên tà dục, không dưỡng hận tâm; trong ấy, sự chế ngự không phải do hữu hành nhiếp phục, nhờ giải thoát, được vững chắc; nhờ vững chắc, được tri túc; nhờ tri túc, không có âu lo. Thưa Tôn giả Ānanda, thiền định này được Thế Tôn dạy, có quả gì?"

Được nghe nói vậy, này Hiền giả, tôi nói với Tỷ-kheo-ni ở Jaṭilagāha như sau: "Thưa chị, thiền định này không thiên tà dục,[67] không dưỡng hận tâm;[2] trong ấy, sự chế ngự không phải do hữu hành nhiếp phục, nhờ giải thoát, được vững chắc; nhờ vững chắc, được tri túc; nhờ tri túc, không có âu lo. Đức Thế Tôn nói, này chị, thiền định này được chánh trí là quả."

Này Hiền giả, vị ấy có tưởng như vậy nhưng không cảm thọ xứ ấy.

VII. KINH PHÁI THUẬN THẾ (*Lokāyatikasutta*)[68] (*A.* IV. 428)

38. Rồi hai vị Thuận thế Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Bà-la-môn ấy thưa với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, Pūraṇa Kassapa, bậc toàn tri, toàn kiến, tự nhận mình là có tri kiến toàn bộ không dư, nói rằng: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ, ta thức, tri kiến được an trú liên tục thường hằng." Vị ấy nói như sau: "Với trí vô biên, ta sống, biết và thấy thế giới hữu biên."

Thưa Tôn giả Gotama, Nigaṇṭha Nātaputta, bậc toàn tri, toàn kiến, tự nhận mình là có tri kiến toàn bộ không dư, nói rằng: "Khi ta đi, ta đứng, ta ngủ, ta thức, tri kiến được an trú liên tục thường hằng." Vị ấy nói như sau: "Với trí hữu biên,[69] ta sống, biết và thấy thế giới hữu biên."[70]

Thưa Tôn giả Gotama, giữa hai bậc tuyên bố về trí này, giữa hai lời tuyên bố mâu thuẫn này, ai nói đúng sự thật, ai nói láo?

– Thôi vừa rồi, này các Bà-la-môn, hãy dừng lại ở đây: "Giữa hai bậc tuyên

---

[66] Thành phố ở Kosala, khoảng 40 dặm về phía Nam Sāvatthi.

[67] Xem *M.* I. 386; *KS.* I. 39.

[68] Bản tiếng Anh của PTS: *The Brāhmans*, nghĩa là *Các Bà-la-môn*.

[69] *Anantena... anantaṃ*. Nếu cả hai là toàn trí (*sabbaññū sabbadassāvī*), thời sự hiểu biết của chúng là vô biên (*anantaṃ*).

[70] Xem *A.* II. 49; *M.* I. 82; *S.* I. 62.

bố về trí này, giữa hai lời tuyên bố mâu thuẫn này, ai nói đúng sự thật, ai nói láo?" Này các Bà-la-môn, Ta sẽ thuyết pháp cho các ông, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Các Bà-la-môn ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Bà-la-môn, ví như bốn người đàn ông đứng bốn phương, đầy đủ với bước đi, với tốc lực tối thắng, với bước chân dài tối thắng. Họ đầy đủ tốc lực như sau: Ví như một người cầm cung điêu luyện, khéo được huấn luyện với bàn tay thiện xảo, bách phát bách trúng, có thể bắn một cách nhẹ nhàng một mũi tên ngang qua bóng của cây Sāla, như vậy là tốc lực của họ. Còn bước chân dài của họ thời từ biển phía Đông đến biển phía Tây. Rồi người đứng ở phương Đông nói như sau: "Ta sẽ đi và đạt đến tận cùng của thế giới"; dầu cho tuổi thọ của người này là một trăm năm, và người ấy sống một trăm năm, và bước đi trong một trăm năm, trừ khi người ấy ăn, người ấy uống, người ấy nhai, người ấy nếm, trừ khi người ấy đi đại tiện tiểu tiện, trừ khi người ấy ngủ để lấy lại sức,[71] người ấy sẽ chết trước khi người ấy đạt đến tận cùng của thế giới. Rồi người đứng ở phương Tây... Rồi người đứng ở phương Bắc... Rồi người đứng ở phương Nam nói như sau: "Ta sẽ đi và đạt đến tận cùng của thế giới"; dầu cho tuổi thọ... người ấy sẽ chết trước khi người ấy đạt đến tận cùng của thế giới.

Vì cớ sao? Này các Bà-la-môn, Ta nói rằng, không phải với sức chạy như vậy có thể biết được, có thể thấy được, có thể đạt được tận cùng thế giới. Này các Bà-la-môn, Ta nói rằng nếu không đạt được tận cùng thế giới thời không thể chấm dứt đau khổ ở đời.

Này các Bà-la-môn, năm dục trưởng dưởng này được gọi là thế giới trong luật của bậc Thánh. Thế nào là năm? Các sắc do con mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Này Bà-la-môn, năm dục trưởng dưỡng này được gọi là thế giới trong luật của bậc Thánh.

Ở đây, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly các dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo này được gọi là vị đã đến tận cùng thế giới, và sống trong tận cùng thế giới. Nhưng các người khác nói về vị ấy như sau: "Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa thoát ly khỏi thế gian." Này các Bà-la-môn, Ta cũng nói như sau: "Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa thoát ly khỏi thế gian."

Lại nữa, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư. Này các Bà-la-môn, đây gọi là Tỷ-kheo sau khi đến tận cùng thế giới, trú trong tận cùng thế giới. Nhưng các người khác

[71] Xem *D.* I. 70; II. 95; *M.* I. 57; *Mil.* 378.

nói về vị ấy như sau: “Vị này còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian.” Này các Bà-la-môn, Ta cũng nói như sau: “Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian.”

Lại nữa, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt khỏi các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: “Hư không là vô biên”, chứng và trú Không vô biên xứ. Này các Bà-la-môn, đây gọi là Tỷ-kheo sau khi đến tận cùng thế giới, trú trong tận cùng thế giới. Nhưng các người khác nói về vị ấy như sau: “Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian.” Này các Bà-la-môn, Ta cũng nói như sau: “Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian.”

Lại nữa, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: “Thức là vô biên”, chứng và trú Thức vô biên xứ... vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: “Không có vật gì”, chứng và trú Vô sở hữu xứ... vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Này các Bà-la-môn, đây gọi là Tỷ-kheo sau khi đến tận cùng thế giới, trú trong tận cùng thế giới. Nhưng các người khác nói về vị ấy như sau: “Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian.” Này các Bà-la-môn, Ta cũng nói như sau: “Vị này vẫn còn bị hạn chế trong thế giới, vị này chưa xuất ly khỏi thế gian.”

Lại nữa, này các Bà-la-môn, Tỷ-kheo vượt khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định, thời sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Này các Bà-la-môn, đây gọi là Tỷ-kheo sau khi đến tận cùng thế giới, trú trong tận cùng thế giới. Vị này đã vượt khỏi sự triền phược của thế giới.

VIII. KINH TRẬN CHIẾN GIỮA CHƯ THIÊN VÀ A-TU-LA (*Devāsurasaṅgāmasutta*)[72] (*A*. IV. 432)

39. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có trận chiến[73] kịch liệt giữa chư thiên và các a-tu-la (asura). Trong trận chiến này, này các Tỷ-kheo, các a-tu-la thắng, chư thiên bị bại trận. Chư thiên thất trận bỏ chạy, các a-tu-la hướng về phía Bắc đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên suy nghĩ sau: “Các a-tu-la đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh một trận thứ hai với các a-tu-la.”

Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, chư thiên đánh với các a-tu-la. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, các a-tu-la lại thắng trận, chư thiên bại trận. Này các Tỷ-kheo, chư thiên thất trận sợ hãi bỏ chạy, các a-tu-la hướng về phía Bắc đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, chư thiên suy nghĩ như sau: “Các a-tu-la đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh một trận thứ ba với các a-tu-la.”

---

[72] Bản tiếng Anh của PTS: *The Devas*, nghĩa là *Chư thiên*.

[73] *AA*. IV. 201 giải thích rằng trận chiến xảy ra vì các a-tu-la không được hưởng quả của cây Pāricchattaka. Xem *A*. IV. 117; *GS*. IV. 78.

Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, chư thiên đánh với các a-tu-la. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, các a-tu-la lại thắng trận, chư thiên bại trận. Này các Tỷ-kheo, chư thiên thất trận sợ hãi bỏ chạy vào thành phố chư thiên. Và này các Tỷ-kheo, chư thiên đi vào trong thành của chư thiên, suy nghĩ như sau: "Nay ta hãy đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng ta sống với nhau, không có gì phải làm với các a-tu-la."

Này các Tỷ-kheo, các a-tu-la cũng suy nghĩ như sau: "Nay chư thiên đã đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng sống với nhau, không có gì phải làm với chúng ta."

Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có trận chiến kịch liệt xảy ra giữa chư thiên và các loài a-tu-la. Trong trận chiến này, này các Tỷ-kheo, chư thiên thắng, các a-tu-la bị bại trận. Các a-tu-la thất trận bỏ chạy, chư thiên hướng về phía Nam đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, các a-tu-la suy nghĩ như sau: "Chư thiên đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh trận thứ hai với chư thiên."

Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, các a-tu-la đánh trận với chư thiên. Lần thứ hai, này các Tỷ-kheo, chư thiên thắng trận, các a-tu-la bại trận. Này các Tỷ-kheo, các a-tu-la thất trận sợ hãi bỏ chạy, chư thiên hướng về phía Nam đuổi theo. Rồi này các Tỷ-kheo, các a-tu-la suy nghĩ như sau: "Chư thiên đang đuổi theo. Vậy chúng ta hãy đánh một trận thứ ba với chư thiên."

Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, các a-tu-la đánh với chư thiên. Lần thứ ba, này các Tỷ-kheo, chư thiên thắng trận, các a-tu-la bại trận. Này các Tỷ-kheo, các a-tu-la thất trận sợ hãi bỏ chạy vào thành phố a-tu-la. Rồi này các Tỷ-kheo, các a-tu-la đi vào trong thành phố của các a-tu-la, suy nghĩ như sau: "Nay chúng ta đã đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng ta sống với nhau, không có gì phải làm với chư thiên." Này các Tỷ-kheo, chư thiên cũng suy nghĩ như sau: "Nay các a-tu-la đã đi đến chỗ ẩn náu của những người sợ hãi. Hiện nay chúng sống với nhau, không có gì phải làm với chúng ta."

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Với sự đi đến chỗ ẩn náu của sợ hãi, nay ta sống với tự ngã, không có việc gì phải làm với Ác ma." Và này các Tỷ-kheo, chính Ác ma cũng suy nghĩ như sau: "Với sự đi đến chỗ ẩn náu của sợ hãi, Tỷ-kheo sống với tự ngã, không có việc gì phải làm với ta."

Này các Tỷ-kheo, trong khi vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Với sự đi đến chỗ ẩn náu của sợ hãi, nay ta sống với tự ngã, không có việc gì phải làm với Ác ma." Và này các Tỷ-kheo, chính Ác ma cũng suy nghĩ như sau: "Với sự đi đến chỗ ẩn náu của sợ hãi, Tỷ-kheo sống với tự ngã, không có việc gì phải làm với ta."

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo vượt khỏi các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết

rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Tỷ-kheo này làm Ác ma mù mắt, hủy hoại mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo vượt khỏi Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ... vượt khỏi Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ... vượt khỏi Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ… Trong khi Tỷ-kheo vượt Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định; vị ấy thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Này các Tỷ-kheo, như vậy được gọi là Tỷ-kheo này làm Ác ma mù mắt, hủy hoại mắt của Ác ma, không còn dấu tích, khiến Ác ma không thấy đường đi lối về. Vị ấy đã vượt qua triền phược ở đời.

IX. KINH CON VOI (*Nāgasutta*) (*A*. IV. 435)

40. Này các Tỷ-kheo, khi nào các con voi, các con voi cái, các con voi trưởng thành, các con voi con đi đến trước, đến trước chỗ ăn của con voi ở rừng cắt đứt các ngọn cỏ, thời này các Tỷ-kheo, con voi rừng lo âu, xấu hổ, nhàm chán. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các con voi, các con voi cái, các con voi trưởng thành, các con voi con nhai ăn các bó cây gãy, các cành cây tại chỗ ăn của con voi lớn ở rừng, thời này các Tỷ-kheo, con voi rừng lo âu, xấu hổ, nhàm chán. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các con voi, các con voi cái, các con voi trưởng thành, các con voi con đi trước, đi trước xuống trũng nước của con voi rừng, dùng vòi khuấy động, thời này các Tỷ-kheo, con voi rừng lo âu, xấu hổ, nhàm chán. Khi nào, này các Tỷ-kheo, các con voi cái bước xuống trũng nước của con voi rừng, cọ xát thân của con voi rừng, thời này các Tỷ-kheo, con voi rừng lo âu, xấu hổ, nhàm chán.

Trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, con voi rừng suy nghĩ như sau: "Nay ta sống lẫn lộn với các con voi, các con voi cái, các con voi trưởng thành, các con voi con. Ta ăn các loại cỏ đầu ngọn bị cắt đứt, chúng nhai ăn các bó cây gãy và các cành cây của ta, ta uống nước bị vẩn đục; khi ta đi xuống trũng nước, các con voi cái đến cọ xát thân ta. Vậy ta hãy sống một mình, xa rời bầy voi." Rồi sau một thời gian, con voi ấy sống một mình, xa rời bầy voi, ăn các loại cỏ đầu ngọn không bị cắt đứt, nó không ăn các bó cây gãy và các cành cây, nó uống nước không vẩn đục; khi bước xuống trũng nước, các con voi cái không đi đến cọ xát thân. Trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, con voi rừng suy nghĩ như sau: "Trước đây, ta sống lẫn lộn với các con voi, các con voi cái, các con voi trưởng thành, các con voi con. Ta đã ăn các loại cỏ đầu ngọn bị cắt đứt, chúng ăn các bó cây gãy và các cành cây của ta, ta uống nước bị vẩn đục; khi ta bước xuống trũng nước, các con voi cái đến cọ xát thân ta. Nay ta sống một mình, xa rời bầy voi, ta ăn các loại cỏ đầu ngọn không bị cắt đứt, chúng không ăn các bó cây gãy và các cành cây của ta, ta uống nước không vẩn đục; khi ta bước xuống trũng nước, các con voi

cái không đi đến cọ xát thân ta. Con voi rừng ấy với cái vòi bẻ gãy cành cây, lấy cành cây cọ xát thân mình, và hoan hỷ làm cho nhẹ bớt cơn ngứa."

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo sống lẫn lộn với các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, với vua và đại thần của vua, với các ngoại đạo sư và đệ tử của ngoại đạo, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Ta sống lẫn lộn với các Tỷ-kheo và Tỷ-kheo-ni, các nam cư sĩ và nữ cư sĩ, vua và các đại thần của vua, các ngoại đạo sư và các đệ tử của ngoại đạo. Vậy ta hãy sống một mình, xa rời họ." Vị ấy sống tại trú xứ xa vắng, khu rừng, gốc cây, núi non, ghềnh đá, hang núi, bãi tha ma, rừng cao nguyên, ngoài trời, đống rơm. Vị ấy đi đến rừng, đi đến gốc cây, đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng, an trú niệm trước mặt. Vị ấy sau khi đoạn tận tham ở đời, sống với tâm ly tham, gạn lọc tâm khỏi tham. Sau khi đoạn tận sân, vị ấy sống với tâm ly sân, có lòng thương tưởng tất cả chúng sanh và loài hữu tình, gạn lọc tâm khỏi sân. Sau khi đoạn tận hôn trầm thụy miên, vị ấy sống với tâm ly hôn trầm thụy miên, tưởng đến ánh sáng, chánh niệm, tỉnh giác, gạn lọc tâm khỏi hôn trầm thụy miên. Sau khi đoạn tận trạo cử hối quá, vị ấy không có dao động, nội tâm an tịnh, gạn lọc tâm khỏi trạo cử hối quá. Sau khi đoạn tận nghi, vị ấy sống vượt qua nghi ngờ, không có nghi ngờ do dự, gạn lọc tâm khỏi nghi ngờ trong các thiện pháp.

Vị ấy sau khi đoạn tận năm triền cái làm uế nhiễm tâm, làm yếu kém trí tuệ này, ly các dục... chứng và trú Thiền thứ nhất, vị ấy hoan hỷ vì đã đối trị được cơn ngứa. Sau khi diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư, vị ấy hoan hỷ vì đã đối trị được cơn ngứa. Vị ấy sau khi vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, sau khi chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ, vị ấy hoan hỷ vì đã đối trị được cơn ngứa. Sau khi vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, vị ấy biết rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ... Sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, vị ấy biết rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ... Sau khi vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ... Sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, vị ấy chứng và trú Diệt thọ tưởng định, sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận, vị ấy hoan hỷ vì đã đối trị được cơn ngứa.

X. KINH TAPUSSA (*Tapussasutta*) (*A*. IV. 438)

41. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Mallā, tại một thị trấn của dân chúng Mallā tên là Uruvelakappa. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Uruvelakappa để khất thực. Khất thực ở Uruvelakappa xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, Thế Tôn bảo Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, ông hãy ở đây chờ, Ta đi vào trong Đại Lâm để nghỉ ban ngày.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ānanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn đi vào Đại Lâm ngồi nghỉ ban ngày tại một gốc cây.

Rồi gia chủ Tapussa đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Tapussa thưa với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Tôn giả Ānanda, chúng tôi là người gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả, là những gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vực thẳm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các vị Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này.

– Này gia chủ, đây là một vấn đề để nói chuyện. Này gia chủ, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, hãy hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Tapussa vâng đáp Tôn giả Ānanda.

Rồi Tôn giả Ānanda cùng với gia chủ Tapussa đi đến Thế Tôn; sau khi đến... bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, gia chủ Tapussa này nói như sau: "Thưa Tôn giả Ānanda, chúng tôi là người gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả, là những gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vực thẳm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì được thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này."

– Như vậy là phải, này Ānanda! Như vậy là phải, này Ānanda! Này Ānanda, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng được Chánh đẳng giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Lành thay, sự xuất ly! Lành thay, sống viễn ly!" Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi trong sự xuất ly ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "đây là an tịnh." Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi trong sự xuất ly ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 'đây là an tịnh'?"

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong các dục, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích của xuất ly chưa được chứng đắc, Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy, tâm Ta

không hứng khởi trong sự xuất ly ấy, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát.” Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: “Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy”, thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy “đây là an tịnh.”

Rồi này Ananda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ānanda, tâm Ta hứng khởi trong xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy “đây là an tịnh.”

Này Ānanda, sau một thời gian Ta ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ānanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: “Vậy Ta hãy chỉ tức các tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai.” Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không có tầm ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy “đây là an tịnh.” Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không có tầm ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy ‘đây là an tịnh’?”

Rồi Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: “Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong các tầm, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có tầm chưa được chứng đắc, Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy.” Do vậy, tâm Ta không hứng khởi đối với không có tầm, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát. Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: “Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong các tầm, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích không có tầm, Ta thưởng thức lợi ích ấy”, thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không có tầm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy “đây là an tịnh.”

Rồi này Ānanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong các tầm, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích không có tầm, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ānanda, tâm Ta hứng khởi trong không có tầm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy “đây là an tịnh.”

Này Ānanda, sau một thời gian, Ta diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với tầm vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với tầm vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: “Vậy Ta hãy ly hỷ... chứng và trú

Thiền thứ ba.” Nhưng này Ānanda, tâm của Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy “đây là an tịnh.” Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy ‘đây là an tịnh’?”

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: “Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong hỷ, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có hỷ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát.” Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: “Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong hỷ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức được lợi ích trong không có hỷ”, thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy “đây là an tịnh.”

Rồi này Ānanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong hỷ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ānanda, tâm Ta hứng khởi trong không có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy “đây là an tịnh.”

Này Ānanda, sau một thời gian, Ta ly hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ānanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: “Vậy Ta hãy đoạn lạc đoạn khổ... chứng và trú Thiền thứ tư.” Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không khổ không lạc, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy “đây là an tịnh.” Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: “Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không khổ không lạc, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy ‘đây là an tịnh’?”

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: “Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong xả lạc, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không khổ không lạc chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy, tâm Ta không hứng khởi đối với không khổ không lạc ấy, không tịnh tín, không có an trú, không giải thoát.” Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: “Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong xả lạc, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không khổ không lạc, Ta thưởng thức sự lợi ích ấy”, thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không khổ không lạc, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy “đây là an tịnh.”

Rồi này Ānanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong xả lạc,

Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ānanda, tâm Ta hứng khởi trong không khổ không lạc, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy "đây là an tịnh."

Này Ānanda, sau một thời gian, Ta xả lạc xả khổ... chứng và trú Thiền thứ tư. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với xả lạc vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ānanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, chứng và trú Không vô biên xứ." Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "đây là an tịnh." Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 'đây là an tịnh'?"

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong các sắc, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích của Không vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát." Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy "đây là an tịnh."

Rồi này Ānanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ānanda, tâm Ta hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy "đây là an tịnh."

Này Ānanda, sau một thời gian, Ta vượt qua các sắc tưởng... chứng và trú Không vô biên xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với các sắc vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ānanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với sắc vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Thức là vô biên', chứng và trú Thức vô biên xứ." Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "đây là an tịnh." Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tâm

Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 'đây là an tịnh'?"

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Không vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích của Thức vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát." Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy "đây là an tịnh."

Rồi này Ānanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ānanda, tâm Ta hứng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy "đây là an tịnh."

Này Ānanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Không vô biên xứ... chứng và trú Thức vô biên xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ānanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: 'Không có vật gì', chứng và trú Vô sở hữu xứ." Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "đây là an tịnh." Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 'đây là an tịnh'?"

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích của Vô sở hữu xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát." Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Vô sở hữu xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy "đây là an tịnh."

Rồi này Ānanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích

trong Vô sở hữu xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ānanda, tâm Ta hứng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy "đây là an tịnh."

Này Ānanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Thức vô biên xứ... chứng và trú Vô sở hữu xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với các Thức vô biên xứ vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ānanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với Thức vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ." Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "đây là an tịnh." Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 'đây là an tịnh'?"

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích của Phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy, tâm Ta không hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát." Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy "đây là an tịnh."

Rồi này Ānanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ānanda, tâm Ta hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy "đây là an tịnh."

Này Ānanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn... chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ānanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tưởng tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta; như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định." Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "đây là an tịnh." Này

Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy 'đây là an tịnh'?"

Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích của Diệt thọ tưởng định chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát." Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy sự nguy hiểm trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tưởng định, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Diệt thọ tưởng định, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy "đây là an tịnh."

Rồi này Ānanda, sau một thời gian, sau khi thấy sự nguy hiểm trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tưởng định, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ānanda, tâm Ta hứng khởi trong Diệt thọ tưởng định, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy "đây là an tịnh."

Này Ānanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ... chứng và trú Diệt thọ tưởng định, Ta thấy với trí tuệ và các lậu hoặc đi đến đoạn diệt.

Cho đến khi nào, này Ānanda, chín thứ đệ trú thiền chứng này chưa được Ta thuận thứ nghịch thứ chứng đạt và xuất khởi, thời này Ānanda, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Ta chưa xác chứng rằng Ta đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho đến khi nào, này Ānanda, chín thứ đệ trú thiền chứng này đã được Ta thuận thứ nghịch thứ chứng đạt và xuất khởi, thời này Ānanda, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư thiên và loài người, cho đến khi ấy, Ta mới xác chứng rằng Ta đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tri và kiến khởi lên nơi Ta. Ta biết rằng: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa."

V. PHẨM TƯƠNG TỰ (*SĀMAÑÑAVAGGA*)[74]

I. KINH TRIỀN PHƯỢC (*Sambādhasutta*)[75] (*A*. IV. 449)

42. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Kosambī, tại khu vườn Ghosita. Rồi Tôn giả Udāyī đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Udāyī nói với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Hiền giả, lời này được thiên tử[76] Pañcālacaṇḍa nói như sau:

“Bậc thiện trí[77] tìm được,
Giải thoát trong triền phược,
Vị giác tỉnh với thiền,
Bậc Giác Giả Mâu-ni,
Bậc Từ Bỏ, Không Chấp,
Bậc Anh Hùng Ẩn Sĩ.”

Thưa Hiền giả, thế nào là triền phược? Thế nào là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến?

– Này Hiền giả, năm dục trưởng dưỡng này được Thế Tôn gọi là triền phược. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

Này Hiền giả, năm dục trưởng dưỡng này là triền phược, được Thế Tôn nói đến.

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì? Đó là tầm và tứ chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược.

---

[74] Bản tiếng Anh của PTS: *The Pañcāla Chapter*, nghĩa là *Chương Pañcāla*.

[75] Bản tiếng Anh của PTS: *Pañcālacaṇḍa*.

[76] Devaputta: Thiên tử. *D*. III. 205 gọi là yakka. Xem *S*. I. 48; *KS*. I. 69.

[77] *Bhūrimedhaso*: *Bhūri* là quả đất, rộng lớn, phì nhiêu, sinh động, mau chóng, trí sáng. Ở đây chỉ cho bậc thiện trí.

Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì? Đó là hỷ chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược.

Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả... chứng và trú Thiền thứ ba. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì? Đó là xả lạc chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược.

Lại nữa, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đoạn lạc... chứng và trú Thiền thứ tư. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì? Đó là sắc tưởng chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược.

Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến sai biệt tưởng, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì? Đó là Không vô biên xứ chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược.

Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo biết rằng: "Thức là vô biên", vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Thức vô biên xứ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì? Đó là Thức vô biên xứ chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược.

Lại nữa, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì? Đó là Vô sở hữu xứ chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược.

Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Cho đến như vậy, thưa Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với pháp môn. Nhưng ở đây vẫn có triền phược. Và ở đây, triền phược ấy là gì? Đó là Phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa diệt, chính cái ấy ở đây là triền phược.

Lại nữa, thưa Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn diệt. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát khỏi triền phược được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn.

II. KINH VỊ THÂN CHỨNG (*Kāyasakkhīsutta*) (*A*. IV. 451)

43. – "Thân chứng, thân chứng", này Hiền giả, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, là thân chứng được Thế Tôn nói đến?

– Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Như thế nào, như thế nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là thân chứng được Thế Tôn nói đến với pháp môn.

Lại nữa, này các Hiền giả, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... chứng và trú Thiền thứ tư. Như thế nào, như thế nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là thân chứng được Thế Tôn nói đến với pháp môn.

Lại nữa, này các Hiền giả, Tỷ-kheo sau khi vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tưởng, không tác ý đến các tưởng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Như thế nào, như thế nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là thân chứng được Thế Tôn nói đến với pháp môn...

Lại nữa, này các Hiền giả, Tỷ-kheo sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Như thế nào, như thế nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là thân chứng được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn.

III. KINH TUỆ GIẢI THOÁT (*Paññāvimuttasutta*) (*A*. IV. 452)

44. – "Tuệ giải thoát, Tuệ giải thoát", này Hiền giả, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, Tuệ giải thoát được Thế Tôn nói đến?

– Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất... với trí tuệ, vị ấy rõ biết. Cho đến như vậy, này các Hiền giả, Tuệ giải thoát được Thế Tôn nói đến với pháp môn...

Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định; sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận; với trí tuệ, vị ấy rõ biết. Cho đến như vậy, này Hiền giả, Tuệ giải thoát được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn.

IV. KINH GIẢI THOÁT CẢ HAI PHẦN (*Ubhatobhāgavimuttasutta*) (*A*. IV. 453)

45. – "Giải thoát cả hai phần, giải thoát cả hai phần", này Hiền giả, được nói đến. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, giải thoát cả hai phần được Thế Tôn nói đến?

– Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Như thế nào, như thế nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy; với trí tuệ, vị ấy rõ biết. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là giải thoát cả hai phần được Thế Tôn nói đến với pháp môn...

Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thấy với trí tuệ, các

lậu hoặc được diệt trừ. Như thế nào, như thế nào, sau khi cảm xúc với thân, vị ấy như vậy, như vậy an trú xứ ấy; với trí tuệ, vị ấy rõ biết. Cho đến như vậy, này Hiền giả, Tuệ giải thoát cả hai phần được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn.

V. KINH PHÁP LÀ CHÍNH THỰC MÌNH THẤY (*Sandiṭṭhikadhammasutta*)[78] (*A*. IV. 453)

46. "Pháp là chính thực mình thấy, pháp là thiết thực hiện tại", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

VI. KINH NIẾT-BÀN LÀ CHÍNH THỰC MÌNH THẤY (*Sandiṭṭhikanibbānasutta*) (*A*. IV. 453)

47. "Niết-bàn là chính thực mình thấy, Niết-bàn là chính thực mình thấy", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

VII. KINH NIẾT-BÀN (*Nibbānasutta*) (*A*. IV. 454)

48. "Niết-bàn, Niết-bàn", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

VIII. KINH HOÀN MÃN NIẾT-BÀN (*Parinibbānasutta*) (*A*. IV. 454)

49. "Hoàn mãn Niết-bàn, hoàn mãn Niết-bàn", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

IX. KINH CHI PHẦN NIẾT-BÀN (*Tadaṅganibbānasutta*) (*A*. IV. 454)

50. "Chi phần Niết-bàn, chi phần Niết-bàn", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

X. KINH THIẾT THỰC HIỆN TẠI NIẾT-BÀN (*Diṭṭhadhammanibbānasutta*) (*A*. IV. 454)

51. – "Thiết thực hiện tại Niết-bàn, thiết thực hiện tại Niết-bàn", này Hiền giả, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, là thiết thực hiện tại Niết-bàn được Thế Tôn nói đến?

– Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là thiết thực hiện tại Niết-bàn được Thế Tôn nói đến với pháp môn...

Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo sau khi vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là thiết thực hiện tại Niết-bàn được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn.

---

[78] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *To Be Seen for Oneself*, nghĩa là *Chính thực mình thấy*.

VI. PHẨM AN ỔN
(*KHEMAVAGGA*)

I. KINH AN ỔN (*Khemasutta*) (*A*. IV. 455)

52. "An ổn, an ổn", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

II. KINH NGƯỜI ĐẠT AN ỔN (*Khemappattasutta*) (*A*. IV. 455)

53. "Người đạt an ổn, người đạt an ổn", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

III. KINH BẤT TỬ (*Amatasutta*) (*A*. IV. 455)

54. "Bất tử, bất tử", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

IV. KINH NGƯỜI ĐẠT BẤT TỬ (*Amatappattasutta*) (*A*. IV. 455)

55. "Người đạt được bất tử, người đạt được bất tử", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

V. KINH VÔ ÚY (*Abhayasutta*) (*A*. IV. 455)

56. "Vô úy, vô úy", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

VI. KINH NGƯỜI ĐẠT VÔ ÚY (*Abhayappattasutta*) (*A*. IV. 455)

57. "Người đạt vô úy, người đạt vô úy", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

VII. KINH KHINH AN (*Passaddhisutta*) (*A*. IV. 455)

58. "Khinh an, khinh an", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

VIII. KINH THỨ ĐỆ KHINH AN (*Anupubbapassaddhisutta*) (*A*. IV. 456)

59. "Thứ đệ khinh an, thứ đệ khinh an", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

IX. KINH ĐOẠN DIỆT (*Nirodhasutta*) (*A*. IV. 456)

60. "Đoạn diệt, đoạn diệt", này Hiền giả, được nói đến như vậy...

X. KINH THỨ ĐỆ ĐOẠN DIỆT (*Anupubbanirodhasutta*) (*A*. IV. 456)

61. – "Thứ đệ đoạn diệt, thứ đệ đoạn diệt", này Hiền giả, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này Hiền giả, thứ đệ đoạn diệt được Thế Tôn nói đến?

– Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo ly dục... chứng và trú Thiền thứ nhất. Cho đến như vậy, này Hiền giả, thứ đệ đoạn diệt được Thế Tôn nói đến với pháp môn...

Lại nữa, này Hiền giả, Tỷ-kheo vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một

cách hoàn toàn, chứng và trú Diệt thọ tưởng định. Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Cho đến như vậy, này Hiền giả, là thứ đệ đoạn diệt được Thế Tôn nói đến với phi pháp môn.

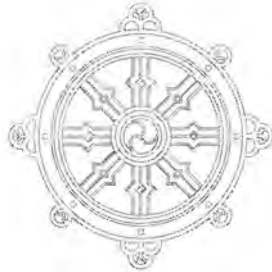
XI. KINH KHÔNG THỂ (*Abhabbasutta*)[79] (*A*. IV. 456)

62. Này các Tỷ-kheo, có chín pháp không đoạn trừ không có thể chứng ngộ quả A-la-hán. Thế nào là chín? Tham, sân, si, phẫn nộ, hiềm hận, giả dối, não hại, tật đố, xan tham.

Chín pháp này, này các Tỷ-kheo, không đoạn trừ không có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

Chín pháp, này các Tỷ-kheo, được đoạn trừ có thể chứng ngộ quả A-la-hán. Thế nào là chín? Tham, sân, si, phẫn nộ, hiềm hận, giả dối, não hại, tật đố, xan tham.

Chín pháp này, này các Tỷ-kheo, được đoạn trừ có thể chứng ngộ quả A-la-hán.



[79] Bản tiếng Anh của PTS: *Possible by Putting Away Things*, nghĩa là *Có khả năng bởi các pháp đoạn trừ*.

VII. PHẨM NIỆM XỨ
(*SATIPAṬṬHĀNAVAGGA*)

I. KINH TU TẬP YẾU KÉM (*Sikkhādubbalyasutta*)[80] (*A*. IV. 457)

63. Này các Tỷ-Kheo, có năm pháp làm suy yếu học tập này. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm pháp làm suy yếu học tập.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu học tập này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tùy quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu ở đời. Vị ấy trú tùy quán thọ trên các cảm thọ... Vị ấy trú tùy quán tâm trên tâm… trú tùy quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu ở đời.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu học tập này, bốn niệm xứ cần phải tu tập.

II. KINH TRIỀN CÁI (*Nīvaraṇasutta*) (*A*. IV. 457)

64. Này các Tỷ-kheo, có năm triền cái[81] này. Thế nào là năm? Dục tham triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi triền cái. Này các Tỷ-kheo, có năm triền cái này.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm triền cái này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú quán thân trên thân... trú quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để nhiếp phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm triền cái, bốn niệm xứ cần phải tu tập.

III. KINH DỤC TRƯỞNG DƯỠNG (*Kāmaguṇasutta*) (*A*. IV. 458)

65. Này các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng[82] này. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... Các xúc do thân nhận thức, khả lạc... hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này.

---

[80] Bản tiếng Anh của PTS: *The Training*, nghĩa là *Tu tập*.

[81] Các triền cái. Xem *A*. V. 16; *D*. I. 246; *M*. I. 60; *S*. V. 60

[82] Xem *A*. IV. 415; *GS*. IV. 280 (kinh 34 ở trước); *D*. III. 234.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm dục trưởng dưỡng này, bốn niệm xứ này phải tu tập.

IV. KINH THỦ UẨN (*Upādānakkhandhasutta*) (*A*. IV. 458)

66. Này các Tỷ-kheo có năm thủ uẩn[83] này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm thủ uẩn này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?... bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

V. KINH HẠ PHẦN KIẾT SỬ (*Orambhāgiyasutta*) (*A*. IV. 459)

67. Này các Tỷ-kheo, có năm hạ phần kiết sử[84] này. Thế nào là năm? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân. Này các Tỷ-kheo, có năm hạ phần kiết sử này.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm hạ phần kiết sử này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?... bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

VI. KINH SANH THÚ (*Gatisutta*) (*A*. IV. 459)

68. Này các Tỷ-kheo, có năm sanh thú[85] này. Thế nào là năm? Địa ngục, loài bàng sanh, cõi ngạ quỷ, loài người, chư thiên. Này các Tỷ-kheo, có năm sanh thú này.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm sanh thú này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?... bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

VII. KINH XAN THAM (*Macchariyasutta*) (*A*. IV. 459)

69. Này các Tỷ-kheo, có năm xan tham này. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham dung sắc, xan tham pháp.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm xan tham này, bốn niệm xứ cần phải tu tập. Thế nào là bốn?... bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

VIII. KINH THƯỢNG PHẦN KIẾT SỬ (*Uddhambhāgiyasutta*) (*A*. IV. 460)

70. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này. Thế nào là năm? Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh. Này các Tỷ-kheo, có năm thượng phần kiết sử này.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm thượng phần kiết sử này, cần phải tu tập bốn niệm xứ. Thế nào là bốn?... bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

IX. KINH TÂM HOANG VU (*Cetokhilasutta*)[86] (*A*. IV. 460)

71. Này các Tỷ-kheo, có năm tâm hoang vu[87] này. Thế nào là năm?

---

[83] Xem *D*. III. 233; *M*. III. 16; *S*. III. 47.

[84] Xem *D*. III. 234.

[85] Xem *M*. I. 73; *S*. V. 474.

[86] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.51.4. 0817a16); *Thập thượng kinh* 十上經 (*T*.01. 0001.10. 0052c17); *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T*.01. 0026.206. 0780b15); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22).

[87] *Cetokhilā*. Xem *A*. III. 248; V. 17; *D*. III. 237; *M*. I. 101.

Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín đối với bậc Đạo sư. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín đối với bậc Đạo sư, Tỷ-kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Khi tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn, như vậy gọi là tâm hoang vu thứ nhất.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa, vị Tỷ-kheo nghi ngờ đối với Pháp... đối với Tăng... đối với học pháp... tức giận đối với các vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu. Này các Tỷ-kheo, khi một vị Tỷ-kheo phẫn nộ đối với vị đồng Phạm hạnh, không hoan hỷ, tâm dao động, trở thành hoang vu, Tỷ-kheo ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Như vậy gọi là tâm hoang vu thứ năm.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm tâm hoang vu này... bốn niệm xứ cần phải tu tập.

X. KINH TÂM TRIỀN PHƯỢC (*Cetasovinibandhasutta*)[88] (*A*. IV. 461)

72. Này các Tỷ-kheo, có năm tâm triền phược[89] này. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có tâm không ly tham, đó là không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt não, không ly ái nhiễm đối với các dục.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có tâm không ly tham, đó là không ly dục, không ly ái, không ly khao khát, không ly nhiệt não, không ly ái nhiễm đối với các dục, tâm của vị ấy không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm của vị nào không hướng về... như vậy là tâm triền phược thứ nhất.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo có tâm không ly tham đối với thân... không ly tham đối với sắc... ăn quá sức bao tử có thể chịu nổi, thọ hưởng sung sướng về giường nằm, sung sướng về thụy miên... Này các Tỷ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo sống đời sống Phạm hạnh với hy vọng mong được thành một loại chư thiên: "Với giới này, với luật này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành loại chư thiên này hay loại chư thiên khác." Này các Tỷ-kheo, khi Tỷ-kheo sống đời sống Phạm hạnh với hy vọng được thành một loại chư thiên: "Với giới này, với luật này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành loại chư thiên này hay loại chư thiên khác", tâm vị này không hướng về nỗ lực, hăng hái, kiên trì và tinh tấn. Tâm vị nào... như vậy là tâm triền phược thứ năm.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm tâm triền phược, muốn đoạn tận năm tâm triền phược này, bốn niệm xứ này cần phải tu tập.

---

[88] Xem chú thích 86 ở trên.

[89] *Vinibandha*. Xem *A*. III. 249; V. 17; *D*. III. 238; *M*. I. 101.

VIII. PHẨM CHÁNH CẦN
(*SAMMAPPADHĀNAVAGGA*)

I-IX. KINH TU TẬP (*Sikkhasutta*)[90] (*A*. IV. 462)

73. Này các Tỷ-kheo, có năm pháp làm suy yếu việc học tập (*sikkhā*) này. Thế nào là năm? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, đắm say rượu men rượu nấu.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm pháp làm suy yếu việc học tập.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu việc học tập này, bốn chánh cần cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh ra được trừ diệt, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu việc học tập này, bốn chánh cần này cần phải tu tập.

74-81. (Như phẩm Niệm xứ, chỉ khác "bốn niệm xứ" được thay thế "bốn chánh cần").

X. KINH TÂM TRIỀN PHƯỢC (*Cetasovinibandhasutta*) (*A*. IV. 463)

82. Này các Tỷ-kheo, có năm tâm triền phược này. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tâm không ly tham… Này các Tỷ-kheo, đây là năm tâm triền phược.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm tâm triền phược, muốn đoạn tận năm tâm triền phược này, bốn chánh cần cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

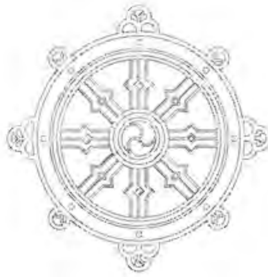
Ở đây, này các Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh ra được trừ

---

[90] Bản tiếng Anh của PTS: *Four Right Efforts*, nghĩa là *Bốn chánh cần*.

diệt, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay cho sanh khởi, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm. Với mục đích khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có mù mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn cố gắng, tinh tấn, sách tâm, trì tâm.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm tâm triền phược này, bốn chánh cần này cần phải tu tập.



IX. PHẨM BỐN NHƯ Ý TÚC
(*IDDHIPĀDAVAGGA*)

I-IX. KINH TU TẬP (*Sikkhasutta*)[91] (*A*. IV. 463)

83. Này các Tỷ-kheo, có năm pháp làm suy yếu việc học tập (*sikkhā*) này. Thế nào là năm? Sát sanh… đắm say rượu men rượu nấu.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm pháp làm suy yếu việc học tập.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu việc học tập này, bốn như ý túc cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành... câu hữu với tâm định tinh cần hành... câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm pháp làm suy yếu việc học tập này, bốn như ý túc này cần phải tu tập.

84-91. (Như phẩm trên, chỉ khác "bốn niệm xứ" được thay thế "bốn như ý túc").

X. KINH TÂM TRIỀN PHƯỢC (*Cetasovinibandhasutta*) (*A*. IV. 464)

92. Này các Tỷ-kheo, có năm tâm triền phược này. Thế nào là năm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tâm không ly tham… Này các Tỷ-kheo, đây là năm tâm triền phược.

Này các Tỷ-kheo, đây là năm tâm triền phược, muốn đoạn tận năm tâm triền phược này, bốn như ý túc này cần phải tu tập. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập như ý túc câu hữu với dục định tinh cần hành... câu hữu với tinh tấn định tinh cần hành... câu hữu với tâm định tinh cần hành... câu hữu với tư duy định tinh cần hành.

Này các Tỷ-kheo, để đoạn tận năm tâm triền phược này, bốn như ý túc này cần phải tu tập.

---

[91] Bản tiếng Anh của PTS: *Four Bases of Psychic Power*, nghĩa là *Bốn như ý túc*.

X. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (*RĀGAPEYYĀLA*)[92] (*A*. IV. 465)

93. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham,[93] chín pháp cần phải tu tập. Thế nào là chín? Tưởng bất tịnh, tưởng chết, tưởng yểm ly đối với các món ăn, tưởng không vui thích đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trên vô thường, tưởng vô ngã trên khổ, tưởng đoạn tận, tưởng ly tham. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, chín pháp này cần phải tu tập.

94. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, chín pháp cần phải tu tập. Thế nào là chín? Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Diệt thọ tưởng định. Này các Tỷ-kheo, để thắng tri tham, chín pháp này cần phải tu tập.

95-112. Này các Tỷ-kheo, để liễu tri tham... để diệt tận... để đoạn tận... để trừ diệt... để hủy diệt… để ly tham... để đoạn diệt... để trừ khử... để từ bỏ… chín pháp này cần phải tu tập.

113-432.[94] Để liễu tri sân... si… phẫn nộ… hiềm hận… giả dối… não hại… tật đố… xan tham… man trá… phản bội… ngoan cố… bồng bột… mạn… tăng thượng mạn… kiêu… phóng dật... để thắng tri... để liễu tri... để diệt tận... để đoạn diệt... để trừ diệt... để ly tham... để đoạn diệt... để trừ khử... để từ bỏ… chín pháp này cần phải tu tập.

Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

---

[92] Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh từ 93-112 thuộc phần *Passion* (*Tham*), và được trình bày theo 3 mục: Kinh 93 – *The Understanding of Passion* (a), nghĩa là *Thắng tri tham* (a); Kinh 94 – *The Understanding of Passion* (b), nghĩa là *Thắng tri tham* (b); Kinh từ 95-112 – *Of Passion*, nghĩa là *Về tham.*

[93] Xem các phẩm cuối, chương Bảy pháp và chương Tám pháp.

[94] Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh này thuộc mục IV. *Of Other Conditions*, nghĩa là *Các pháp khác*.

CHƯƠNG X
MƯỜI PHÁP (*DASAKANIPĀTA*)

I. PHẨM LỢI ÍCH
(*ĀNISAMSAVAGGA*)

I. KINH Ý NGHĨA GÌ (*Kimatthiyasutta*) (*A*. V. 1)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, các thiện giới có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, các thiện giới có ý nghĩa không có hối tiếc,[2] có lợi ích không có hối tiếc.

– Nhưng bạch Thế Tôn, không có hối tiếc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, không có hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan.

– Bạch Thế Tôn, nhưng hân hoan có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ.

– Nhưng bạch Thế Tôn, hoan hỷ có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an.

– Nhưng bạch Thế Tôn, khinh an có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc.

– Nhưng bạch Thế Tôn, an lạc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, an lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định.

– Nhưng bạch Thế Tôn, định có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến.

– Nhưng bạch Thế Tôn, như thật tri kiến có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, ly tham; có lợi ích nhàm chán, ly tham.

---

[1] Tham chiếu: *Hà nghĩa kinh* 何義經 (*T*.01. 0026.42. 0485a13).

[2] *Avippaṭisāra*. Xem *A*. III. 21; *D*. I. 73; *S*. IV. 351.

– Nhưng bạch Thế Tôn, nhàm chán, ly tham có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, nhàm chán, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến; có lợi ích giải thoát tri kiến.

Như vậy, này Ānanda, các thiện giới có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc. Không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan. Hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ. Hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an. Khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc. An lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định. Định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến. Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, ly tham; có lợi ích nhàm chán, ly tham. Nhàm chán, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến; có lợi ích giải thoát tri kiến. Như vậy, này Ānanda, các thiện giới thứ lớp dẫn tới tối thượng.

II. KINH NGHĨ VỚI DỤNG Ý (*Cetanākaraṇīyasutta*)[3] (*A*. V. 2)

2. Này các Tỷ-kheo, với người có giới, có giới đầy đủ, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng không hối tiếc sẽ sanh khởi nơi ta." Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có giới, có giới đầy đủ, không hối tiếc sanh khởi.

Này các Tỷ-kheo, với người không hối tiếc, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng hân hoan sẽ sanh khởi nơi ta." Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người không hối tiếc, hân hoan sanh khởi.

Này các Tỷ-kheo, với người có hân hoan, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng hoan hỷ sẽ sanh khởi nơi ta." Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có hân hoan, hoan hỷ sanh khởi.

Này các Tỷ-kheo, với người có hoan hỷ, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng thân ta được khinh an." Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có hoan hỷ, thân được khinh an.

Này các Tỷ-kheo, với người có thân khinh an, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng ta cảm thọ an lạc." Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có thân khinh an, an lạc được cảm thọ.

Này các Tỷ-kheo, với người có an lạc, không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng tâm ta được thiền định." Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, với người có an lạc, tâm được thiền định.

Này các Tỷ-kheo, với người có thiền định, không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta biết, ta thấy như thật." Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, người có tâm thiền định, biết và thấy như thật.

Này các Tỷ-kheo, người biết và thấy như thật, không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta sẽ nhàm chán, ta sẽ ly tham." Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, người biết và thấy như thật, nhàm chán và ly tham.

---

[3] Tham chiếu: *Bất tư kinh* 不思經 (*T*.01. 0026.43. 0485b19).

Này các Tỷ-kheo, người nhàm chán và ly tham không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta sẽ chứng ngộ giải thoát tri kiến." Pháp nhĩ là vậy, này các Tỷ-kheo, người nhàm chán và ly tham, chứng ngộ giải thoát tri kiến.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, nhàm chán và ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến; như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán và ly tham, có lợi ích nhàm chán và ly tham; định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến; an lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định; khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc; hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an; hân hoan có ý nghĩa hỷ, có lợi ích hỷ; không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan; các thiện giới có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, các pháp khiến cho các pháp [khác] tăng thịnh;[4] các pháp khiến các pháp [khác] viên mãn, đưa từ bờ bên này qua bờ bên kia.

III. KINH SỞ Y THỨ NHẤT (*Paṭhamaupanisasutta*)[5] (*A*. V. 4)

3. Này các Tỷ-kheo, với ác giới, với phá giới, không hối tiếc, sở y bị diệt.[6] Với không có không hối tiếc, với không hối tiếc không đầy đủ, hân hoan sở y bị diệt. Với hân hoan không có, với hân hoan không đầy đủ, hỷ sở y bị diệt. Với hỷ không có, với hỷ không đầy đủ, khinh an sở y bị diệt. Với khinh an không có, với khinh an không đầy đủ, an lạc sở y bị diệt. Với an lạc không có, với an lạc không đầy đủ, chánh định sở y bị diệt. Với chánh định không có, với chánh định không đầy đủ, như thật tri kiến sở y bị diệt. Với như thật tri kiến không có, với như thật tri kiến không đầy đủ, nhàm chán, ly tham sở y bị diệt. Với nhàm chán, ly tham không có; với nhàm chán, ly tham không đầy đủ, giải thoát tri kiến sở y bị diệt. Ví như, cây không đủ cành và lá, các mầm non (cũng có nghĩa là vỏ ngoài) của cây ấy không đi đến viên mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây không đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với ác giới, với phá giới, không hối tiếc sở y bị diệt. Với không hối tiếc không có, với không hối tiếc không đầy đủ... giải thoát tri kiến sở y bị diệt.

Này các Tỷ-kheo, với giới có mặt, với giới có đầy đủ, không hối tiếc có sở y. Với không hối tiếc có mặt, với không hối tiếc có đầy đủ, hân hoan có sở y. Với hân hoan có mặt, với hân hoan có đầy đủ, hoan hỷ có sở y. Với hoan hỷ có mặt, với hoan hỷ có đầy đủ, khinh an có sở y. Với khinh an có mặt, với khinh an có đầy đủ, an lạc có sở y. Với an lạc có mặt, với an lạc có đầy đủ, chánh định có sở y. Với chánh định có mặt, với chánh định có đầy đủ, như thật tri kiến có sở y. Với như thật tri kiến có mặt, với như thật tri kiến có đầy đủ, nhàm chán, ly tham có sở y. Với nhàm chán, ly tham có mặt; với nhàm chán, ly tham có

---

[4] *Dhammā dhamme abhisandenti,... paripūrenti*. Xem *D*. I. 73.

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Basis* (a) (*by a Teacher*), nghĩa là *Sở y* (*do đức Đạo sư thuyết*). Kinh 3, 4, 5 đồng tham chiếu: *Niệm kinh* 念經 (*T*.01. 0026.44. 0485c22); *Tàm quý kinh* 慚愧經 (*T*.01. 0026.45-46. 0486a05-21); *Giới kinh* 戒經 (*T*.01. 0026.47-48. 0486b23-c03); *Cung kính kinh* 恭敬經 (*T*.01. 0026.49-50. 0486c21-0487a15); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.495. 0129a09).

[6] *Hatūpaniso*. *Chú giải* viết *hatakārano*, nghĩa là đưa đến hoại diệt.

đầy đủ, giải thoát tri kiến có sở y. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây có đầy đủ cành và lá, các mầm non của cây ấy đi đến viên mãn; vỏ trong, giác cây, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với giới có mặt, với giới có đầy đủ, không hối tiếc có sở y. Với không hối tiếc có mặt, với không hối tiếc có đầy đủ... giải thoát tri kiến có sở y.

IV. KINH SỞ Y THỨ HAI (*Dutiyaupanisasutta*)[7] (*A*. V. 5)

4. (Như kinh 3, chỉ khác ở đây là "Tôn giả Sāriputta thuyết").

V. KINH SỞ Y THỨ BA (*Tatiyaupanisasutta*)[8] (*A*. V. 6)

5. (Như kinh 3, chỉ khác ở đây là "Tôn giả Ānanda thuyết").

VI. KINH ĐỊNH (*Samādhisutta*)[9] (*A*. V. 7)

6. Bấy giờ, Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất, trong nước không tưởng đến nước, trong lửa không tưởng đến lửa, trong gió không tưởng đến gió, trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ, trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ, trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ, trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại, trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Này Ānanda, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất, trong nước không tưởng đến nước, trong lửa không tưởng đến lửa, trong gió không tưởng đến gió, trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ, trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ, trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ, trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại, trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này Ānanda, Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất, trong nước

---

[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Basis* (b) (*by Sāriputta*), nghĩa là *Sở y* (*do Tôn giả Sāriputta thuyết*).

[8] Bản tiếng Anh của PTS: *Basis* (c) (*by Ānanda*), nghĩa là *Sở y* (*do Tôn giả Ānanda thuyết*).

[9] Bản tiếng Anh của PTS: *Concentration* (a) (*by a Teacher*), nghĩa là *Định* (*do bậc Đạo sư thuyết*).

không tưởng đến nước... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

VII. KINH TÔN GIẢ SĀRIPUTTA (*Sāriputtasutta*)[10] (*A*. V. 8)

7. Bấy giờ, Tôn giả Ānanda đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Này Hiền giả Ānanda, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

– Nhưng thưa Hiền giả Sāriputta, như thế nào một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Này Hiền giả Ānanda, một thời, ở đây, tôi trú ở Sāvatthi, trong rừng Andha. Tại đây, tôi chứng được thiền định như sau: Trong đất, tôi không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau, tôi không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, tôi vẫn có tưởng.

– Nhưng trong lúc ấy, Tôn giả Sāriputta tưởng đến gì?

– Một tưởng khác khởi lên trong tôi: "Hữu diệt là Niết-bàn." Một tưởng khác diệt đi trong tôi: "Hữu diệt[11] là Niết-bàn." Ví như, này Hiền giả, lửa được đốt cháy từ mảnh đá nhỏ, một ngọn lửa khác khởi lên, một ngọn lửa khác diệt đi. Cũng vậy, này Hiền giả, một tưởng khác khởi lên trong tôi, thưa Hiền giả: "Hữu diệt là Niết-bàn." Một tưởng khác diệt đi trong tôi: "Hữu diệt là Niết-bàn"; tuy vậy, trong lúc ấy tôi vẫn có tưởng.

VIII. KINH NHẬP THIỀN (*Jhānasutta*)[12] (*A*. V. 10)

8. Vị Tỷ-kheo có lòng tin, này các Tỷ-kheo, nhưng không có giới. Như vậy, vị ấy về chi phần này không được viên mãn. Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: "Làm thế nào để ta có lòng tin và có giới nữa?" Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin và có giới, như vậy về chi phần ấy, Tỷ-kheo có viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, có giới nhưng không có nghe nhiều;... có nghe nhiều nhưng không có nói pháp;... có nói pháp nhưng không

[10] Bản tiếng Anh của PTS: *Concentration* (b) (*by Sāriputta*), nghĩa là *Định* (*do Tôn giả Sāriputta thuyết*).

[11] Chỉ cho tái sanh.

[12] Bản tiếng Anh của PTS: The *Believer*, nghĩa là *Người có lòng tin*.

thường tham gia với hội chúng;... thường tham gia với hội chúng nhưng không vô úy thuyết pháp cho hội chúng;... vô úy thuyết pháp cho hội chúng nhưng không trì luật;... có trì luật nhưng không phải là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng;... là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng nhưng đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, không có được không khó khăn, không mệt nhọc, không phí sức;... đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức nhưng không do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Như vậy, vị ấy về chi phần này không được viên mãn.

Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: "Làm thế nào, ta có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúng; vô úy thuyết pháp cho hội chúng; trì luật; là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; và do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, ta có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?"

Và này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin; có giới; nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúng; vô úy thuyết pháp cho hội chúng; trì luật; là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng; đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức; và do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy, về chi phần này, vị ấy được viên mãn.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến và viên mãn trong mọi phương diện.

IX. KINH TỊCH TỊNH GIẢI THOÁT (*Santavimokkhasutta*) (*A*. V. 11)

9. (Như kinh 8 ở trên, cho đến "là người ở rừng, ở các trú xứ vắng").

... có trì luật, nhưng không phải là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng;... là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng nhưng đối với các tịch tịnh giải thoát[13] vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, vị ấy không cảm giác với thân và an trú; … đối với các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, vị ấy có cảm giác với thân và an trú; nhưng do không đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy, về chi phần này, vị ấy không viên mãn.

Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: "Làm thế nào, ta có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúng; vô úy thuyết pháp cho hội chúng; trì luật; là người ở rừng, ở các trú xứ xa vắng;

---

[13] Xem *A*. II. 183. Về tám pháp giải thoát này do thân chứng, xem *A*. IV. 306; *D*. II. 111.

đối với các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, ta có cảm giác với thân và an trú; do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?"

Và này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúng; vô úy thuyết pháp cho hội chúng; là vị trì luật; là vị ở rừng, ở các trú xứ xa vắng; đối với các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc, thuộc về vô sắc, vị ấy có cảm giác với thân và an trú; do đoạn diệt các lậu hoặc ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy về chi phần này, vị ấy được viên mãn.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến và viên mãn trong mọi phương diện.

X. KINH VỚI CÁC MINH (*Vijjāsutta*) (*A*. V. 12)

10. (Như kinh trên cho đến "vị ấy trì luật"...)… là người trì luật, nhưng không nhớ đến nhiều đời sống trước như một đời, hai đời... vị ấy nhớ nhiều đời sống trước với các chi tiết và các đặc điểm, nhớ đến nhiều đời sống trước như một đời, hai đời... vị ấy nhớ nhiều đời sống trước với các chi tiết và các đặc điểm nhưng không với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... vị ấy rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ... vị ấy với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... vị ấy rõ biết các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ nhưng không do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy, về chi phần này, vị ấy không được viên mãn.

Vị ấy cần phải làm cho viên mãn chi phần ấy, nghĩ rằng: "Làm thế nào ta có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; có thuyết pháp; thường tham gia với hội chúng; vô úy thuyết pháp cho hội chúng; là vị trì luật; có thể nhớ đến nhiều đời sống trước như một đời, hai đời... có thể nhớ đến nhiều đời sống trước với các chi tiết và các đặc điểm... với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân có thể biết được các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát?" Này các Tỷ-kheo, khi nào Tỷ-kheo có lòng tin; có giới; có nghe nhiều; là vị thuyết pháp; thường tham gia với hội chúng; vô úy thuyết pháp cho hội chúng; là vị trì luật; nhớ đến nhiều đời sống trước như một đời, hai đời... có thể nhớ đến nhiều đời sống trước với các chi tiết và các đặc điểm... với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân có thể biết được các chúng sanh tùy theo hạnh nghiệp của họ; do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú; như vậy về chi phần này, vị ấy được viên mãn.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tịnh tín một cách phổ biến, viên mãn trong mọi phương diện.

II. PHẨM HỘ TRÌ
(*NĀTHAVAGGA*)[14]

I. KINH TRÚ XỨ (*Senāsanasutta*) (*A*. V. 15)

11. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần, thân cận, chia sẻ trú xứ thành tựu năm chi phần, không bao lâu, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn."

Vị ấy ít bệnh, ít não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn.[15]

Vị ấy không lừa đảo, man trá, nêu rõ mình như chân đối với bậc Đạo sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các vị đồng Phạm hạnh.

Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, từ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các pháp thiện, nỗ lực, kiên trì, tinh tấn, không từ bỏ gánh nặng trong các pháp thiện.[16]

Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt [của các pháp], thể nhập Thánh quyết trạch[17] đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần.

Này các Tỷ-kheo, như thế nào là trú xứ thành tựu năm chi phần?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, trú xứ không quá xa, không quá gần, thuận tiện cho việc đi và đến.

Ban ngày không đông đúc, ban đêm không ồn ào, không huyên náo.

Ít xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời và các loại rắn rít.

Tại trú xứ ấy, tìm được không mệt nhọc các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

Tại trú xứ ấy, các Trưởng lão Tỷ-kheo đến ở là những bậc nghe nhiều,

---

[14] *Nātha*. Như tên gọi cư sĩ Anāthapiṇḍika nghĩa là người giúp đỡ cho những ai đang cần sự giúp đỡ.

[15] *Majjhimāya padhānakkhamāya*.

[16] Xem *KS*. V. 173.

[17] Xem *KS*. V. 175.

được trao truyền kinh điển, là những bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, thường thường đến các vị ấy tìm hiểu, hỏi han: "Thưa Tôn giả, cái này là thế nào? Ý nghĩa cái này là gì?" Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa mở rộng, trình bày những gì chưa trình bày, đối với những vấn đề còn khởi lên những nghi vấn, vị ấy giải tỏa các nghi vấn ấy.

Này các Tỷ-kheo, trú xứ như vậy thành tựu năm chi phần.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần, thân cận, chia sẻ trú xứ thành tựu năm chi phần, không bao lâu, do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí có thể chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

II. KINH NĂM CHI PHẦN (*Pañcaṅgasutta*) (*A*. V. 16)

12. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần, thành tựu năm chi phần, được gọi trong Pháp và Luật này là vị toàn hảo, đã thành tựu viên mãn, là bậc tối thượng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận dục tham, đoạn tận sân, đoạn tận hôn trầm thụy miên, đoạn tận trạo hối, đoạn tận nghi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thành tựu năm chi phần.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần, thành tựu năm chi phần, được gọi trong Pháp và Luật này là vị toàn hảo, đã thành tựu viên mãn, là bậc tối thượng.

Không dục tham, không sân,
Không hôn trầm thụy miên,
Không trạo cử, không nghi,
Tỷ-kheo hoàn toàn không.
Với vô học giới uẩn,
Định uẩn và tuệ uẩn,
Đầy đủ với giải thoát,
Với tri kiến như vậy.
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Đầy đủ năm chi phần,
Đoạn tận năm chi phần,
Trong Pháp và Luật này,
Được gọi vị đầy đủ,
Hoàn toàn mọi phương diện.

III. KINH CÁC KIẾT SỬ (*Saṃyojanasutta*) (*A.* V. 17)

13. Này các Tỷ-kheo, có mười kiết sử này. Thế nào là mười? Năm hạ phần kiết sử, năm thượng phần kiết sử.

Thế nào là năm hạ phần kiết sử? Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân. Đây là năm hạ phần kiết sử.

Thế nào là năm thượng phần kiết sử? Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh. Đây là năm thượng phần kiết sử.

Này các Tỷ-kheo, đây là mười kiết sử.

IV. KINH TÂM HOANG VU (*Cetokhilasutta*)[18] (*A.* V. 17)

14. Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào năm tâm hoang vu chưa được đoạn tận, năm tâm triền phược chưa được cắt đứt, với vị ấy, đêm đến hay ngày đến, chờ đợi là sự tổn giảm trong các thiện pháp, không phải là tăng trưởng.

Như thế nào là năm tâm hoang vu chưa được đoạn tận?

Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo nào nghi ngờ bậc Đạo sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ bậc Đạo sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín, thời tâm vị ấy không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ nhất chưa được đoạn tận.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ Pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ Pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín, thời tâm vị ấy không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ hai chưa được đoạn tận.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ Tăng, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ Tăng, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín, thời tâm vị ấy không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ ba chưa được đoạn tận.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ các học pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào nghi ngờ các học pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín, thời tâm vị ấy không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ tư chưa được đoạn tận.

---

[18] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.51.4. 0817a16); *Thập thượng kinh* 十上經 (*T.*01. 0001.10. 0052c17); *Tâm uế kinh* 心穢經 (*T.*01. 0026.206. 0780b15); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T.*26. 1536.12. 0416a22).

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào phẫn nộ đối với các vị đồng Phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối, cứng rắn. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào phẫn nộ đối với các vị đồng Phạm hạnh, không có hoan hỷ, tâm tư chống đối, cứng rắn, thời tâm của vị này không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ năm chưa được đoạn tận.

Như vậy là năm tâm hoang vu chưa được đoạn tận.

Thế nào là năm tâm triền phược chưa được cắt đứt?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, vị Tỷ-kheo đối với những dục, không phải không tham ái, không phải không tham dục, không phải không ái luyến, không phải không khao khát, không phải không nhiệt não, không phải không khát ái. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với những dục, không phải không tham ái... không phải không khát ái, thời tâm của vị ấy không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ nhất chưa được cắt đứt.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với tự thân, không phải không tham ái... như vậy là tâm triền phược thứ hai chưa được cắt đứt.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với các sắc pháp, không phải không tham ái... như vậy là tâm triền phược thứ ba chưa được cắt đứt.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào ăn cho đến thỏa thuê, cho đến bụng chứa đầy, sống thiên về khoái lạc sàng tọa, khoái lạc ngủ nghỉ, khoái lạc thụy miên. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào ăn cho đến thỏa thuê, cho đến bụng chứa đầy... như vậy là tâm triền phược thứ tư chưa được cắt đứt.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh với mong cầu được sanh thiên giới, có ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác." Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh... như vậy là tâm triền phược thứ năm chưa được cắt đứt.

Như vậy là năm tâm triền phược chưa được cắt đứt.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, năm tâm hoang vu này chưa được đoạn tận, năm tâm triền phược này chưa được cắt đứt, với vị ấy, đêm đến hay ngày đến, chờ đợi là sự tổn giảm trong các thiện pháp, không phải là sự tăng trưởng.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào năm tâm hoang vu đã được đoạn tận, năm tâm triền phược đã được cắt đứt, với vị ấy, đêm đến hay ngày đến, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm.

Thế nào là năm tâm hoang vu đã được đoạn tận?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nào không nghi ngờ bậc Đạo sư, không do dự, quyết đoán, tịnh tín. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không nghi ngờ bậc

Đạo sư, không do dự, quyết đoán, tịnh tín, thời tâm vị ấy hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ nhất đã được đoạn tận.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không nghi ngờ Pháp... không nghi ngờ Tăng... không nghi ngờ học pháp, không do dự, quyết đoán, tịnh tín. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không nghi ngờ học pháp, không do dự, quyết đoán, tịnh tín, thời tâm vị ấy hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ tư đã được đoạn tận.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không phẫn nộ đối với các vị đồng Phạm hạnh, hoan hỷ, tâm tư không chống đối, không cứng rắn. Tỷ-kheo nào không phẫn nộ đối với các vị đồng Phạm hạnh, hoan hỷ, tâm tư không chống đối, không cứng rắn, thời tâm vị ấy hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ năm đã được đoạn tận.

Như vậy là năm tâm hoang vu đã được đoạn tận.

Thế nào là năm tâm triền phược đã được cắt đứt?

Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo đối với những dục, không có tham ái, không có tham dục, không có ái luyến, không có khao khát, không có nhiệt não, không có khát ái. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với những dục, không có tham ái, không có tham dục, không có ái luyến, không có khao khát, không có nhiệt não, không có khát ái, thời tâm vị ấy hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ nhất đã được cắt đứt.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với tự thân, không có tham ái... như vậy là tâm triền phược thứ hai đã được cắt đứt.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào đối với các sắc pháp, không có tham ái... như vậy là tâm triền phược thứ ba đã được cắt đứt.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào không ăn cho đến thỏa thuê, cho đến bụng chứa đầy, không thiên nặng về khoái lạc sàng tọa, khoái lạc ngủ nghỉ, khoái lạc thụy miên, không có tham ái... như vậy là tâm triền phược thứ tư đã được cắt đứt.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh, không mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: “Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, sẽ được sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác.” Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào sống Phạm hạnh, không mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: “Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, hay với Phạm hạnh này, sẽ được sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác”, thời tâm vị ấy hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nhiệt tâm, chuyên chú, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ năm đã được cắt đứt.

Như vậy là năm tâm triền phược đã được cắt đứt.

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, năm tâm hoang vu đã được đoạn tận, năm tâm triền phược này đã được cắt đứt, với vị ấy, đêm đến hay ngày đến, chờ đợi là sự lớn mạnh trong thiện pháp, không phải là sự tổn giảm. Ví như, này các Tỷ-kheo, trong độ trăng tròn,[19] đêm đến hay ngày đến, mặt trăng được tăng trưởng về dung sắc, được tăng trưởng về hình tròn, được tăng trưởng về ánh sáng, được tăng trưởng về bề cao, bề rộng của quỹ đạo. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, năm tâm hoang vu đã được đoạn tận, năm tâm triền phược đã được cắt đứt, với vị ấy, đêm đến hay ngày đến, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm.

V. KINH KHÔNG PHÓNG DẬT (*Appamādasutta*) (*A*. V. 21)

15. Này các Tỷ-kheo, cho đến các loài hữu tình không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân, hay có sắc, hay không sắc, hay có tưởng, hay không tưởng, hay phi tưởng phi phi tưởng, Như Lai được gọi là tối thượng giữa họ, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả những pháp ấy đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong các pháp ấy.[20]

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những dấu chân của các loại chúng sanh bộ hành nào,[21] tất cả đều hội tụ trong dấu chân con voi và dấu chân con voi được gọi là tối thượng trong tất cả loại dấu chân, tức là về phần to lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả những pháp ấy đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

Ví như, các đòn tay nào của một ngôi nhà có nóc nhọn, tất cả đều đi đến mái nhọn, hướng đến mái nhọn, quy tụ vào mái nhọn, mái nhọn đối với chúng được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả những pháp ấy đều lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong tất cả thiện pháp.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại rễ hương nào, loại mủ keo đen[22] được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào... trong tất cả các thiện pháp.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại lõi hương nào, loại Chiên-đàn đỏ được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào... trong tất cả thiện pháp.

---

[19] Xem *A*. V. 121; *GS*. V. 83 (kinh 67 ở sau); *S*. II. 106; *KS*. II. 139.

[20] Xem *A*. II. 34; III. 35.

[21] *Jaṅgalā*. Xem *KS*. V. 34ff.

[22] *Kāḷānusāriya*: Một loại mủ keo đen đặc chảy từ một loại cây ở *Sumatra*, không phải là Chiên-đàn đen.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những loại hương nào, vũ quý hoa được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào... trong tất cả thiện pháp.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có những tiểu vương nào, tất cả đều tùy thuộc Chuyển Luân Vương, Chuyển Luân Vương đối với họ được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào... trong tất cả thiện pháp.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm ánh sáng của loại sao nào, tất cả đều không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng, ánh sáng mặt trăng đối với chúng được gọi là tối thượng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào... trong tất cả thiện pháp.

Ví như, này các Tỷ-kheo, vào mùa thu, khi hư không mở rộng, không có mây mù, mặt trời vươn thẳng lên trời không, quét sạch mọi tối tăm trên trời, chói sáng, rực sáng, bừng sáng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào... trong tất cả thiện pháp.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, tất cả con sông ấy đều đi đến biển, hướng đến biển, thuận xuôi về biển, hướng nhập vào biển, biển lớn được gọi là tối thượng với chúng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào, tất cả những pháp ấy lấy không phóng dật làm căn bản, lấy không phóng dật làm chỗ quy tụ, không phóng dật được gọi là tối thượng trong các pháp ấy.

VI. KINH ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG (*Āhuneyyasutta*)[23] (*A*. V. 23)

16. Này các Tỷ-kheo, mười hạng người này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là mười? Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác; bậc Độc Giác; bậc Giải Thoát Cả Hai Phần; bậc Tuệ Giải Thoát; bậc Thân Chứng; bậc Kiến Chí; bậc Tín Giải Thoát; bậc Tùy Pháp Hành; bậc Tùy Tín Hành; bậc Chuyển Tánh.

Này các Tỷ-kheo, mười hạng người này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

VII. KINH VỊ HỘ TRÌ THỨ NHẤT (*Paṭhamanāthasutta*)[24] (*A*. V. 23)

17. Này các Tỷ-kheo, hãy trú với vị hộ trì, chớ trú không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo, đau khổ là người sống không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo, mười pháp này tạo thành vị hộ trì. Thế nào là mười?

---

[23] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.44.8. 0767b27).

[24] Tham chiếu: *Trụ pháp kinh* 住法經 (*T*.01. 0026.95. 0577b02).

Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi, chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi, chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghe nhiều, thọ trì những gì đã nghe, chất chứa những gì đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã thọ trì, đã tụng đọc bằng lời, đã quán sát với ý, đã thể nhập với chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, Tỷ kheo nào nghe nhiều,… thể nhập với chánh kiến, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, phàm có những công việc gì cần phải làm, hoặc lớn, hoặc nhỏ đối với các vị đồng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy khéo léo và tinh cần, thành tựu sự quán sát các phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào, phàm có những công việc gì... vừa đủ để tổ chức, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa pháp, cùng nói chuyện một cách dễ thương,[25] hân hoan trong Thắng pháp, trong Thắng luật. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào ưa pháp, cùng nói chuyện một cách dễ thương, hân hoan trong Thắng pháp, trong Thắng luật, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết đủ đối với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào biết đủ đối với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

---

[25] *Piyasamudāhāra*. *AA*. V. 6 giải thích là sự chú tâm khi nghe người khác nói và cũng ưa bày tỏ quan điểm của mình trước mọi người.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chánh niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức niệm, tùy niệm việc đã làm từ lâu, đã nói từ lâu. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào chánh niệm... đã nói từ lâu, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí tuệ, thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào có trí tuệ... đoạn tận khổ đau, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Này các Tỷ-kheo, hãy trú với vị hộ trì, chớ trú không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo, đau khổ là người trú không có vị hộ trì.

Này các Tỷ-kheo, đây là mười pháp tác thành vị hộ trì.

VIII. KINH VỊ HỘ TRÌ THỨ HAI (*Dutiyanāthasutta*)[26] (*A*. V. 25)

18. Như vầy tôi nghe...

Này các Tỷ-kheo, hãy trú với vị hộ trì, chớ trú không có vị hộ trì. Đau khổ, này các Tỷ-kheo, là người trú không có vị hộ trì. Này các Tỷ-kheo, có mười pháp tác thành vị hộ trì này. Thế nào là mười?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là người có giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp, nghĩ rằng: "Thật sự có giới là Tỷ-kheo này. Vị này trú, được bảo vệ với sự bảo vệ của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp." Các trưởng lão Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng nói đến, đáng được giáo giới. Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy, được các trưởng lão Tỷ-kheo thương tưởng, được các trung niên Tỷ-kheo thương tưởng, được các tân học Tỷ-kheo thương tưởng, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo là vị nghe nhiều... khéo thông đạt nhờ chánh kiến, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này là vị nghe nhiều, thọ trì những gì đã nghe, chất chứa những gì đã nghe; những pháp ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã thọ trì, đã tụng đọc bằng lời, đã quán sát bằng ý, khéo thông đạt nhờ chánh kiến." Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy, được các trưởng lão Tỷ-kheo thương tưởng, được các trung niên Tỷ-kheo thương tưởng, được các tân học Tỷ-kheo thương tưởng, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm, đây là pháp tác thành sự hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này làm bạn với

[26] Tham chiếu: *Trụ pháp kinh* 住法經 (*T*.01. 0026.95. 0577b02).

thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu." Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này, dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới." Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, phàm có những công việc gì cần phải làm, hoặc lớn, hoặc nhỏ đối với các đồng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy khéo léo và tinh cần, thành tựu suy tư đến các phương tiện vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ưa pháp, cùng nói chuyện một cách dễ thương, hân hoan trong Thắng pháp, Thắng luật, nghĩ rằng: "Thật sự vị Tỷ-kheo này ưa pháp, cùng nói chuyện một cách dễ thương, hân hoan trong Thắng pháp, Thắng luật." Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp." Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết đủ với các vật dụng như y, ẩm thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này biết đủ với các vật dụng như y, ẩm thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh." Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chánh niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức niệm, tùy niệm việc đã làm, đã nói từ lâu, nghĩ rằng: "Thật sự Tỷ-kheo này chánh niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng... đã làm, đã nói từ lâu." Các trưởng lão Tỷ-kheo... Các trung niên Tỷ-kheo... Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy... tác thành vị hộ trì.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thể nhập Thánh quyết trạch, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau, nghĩ rằng:

"Thật sự Tỷ-kheo này có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thể nhập Thánh quyết trạch, đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau." Các trưởng lão Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Các trung niên Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Các tân học Tỷ-kheo nghĩ đến Tỷ-kheo ấy đáng được nói đến, đáng được giáo giới. Với vị ấy, được các trưởng lão Tỷ-kheo thương tưởng, được các trung niên Tỷ-kheo thương tưởng, được các tân học Tỷ-kheo thương tưởng, chờ đợi là sự lớn mạnh trong các thiện pháp, không phải là sự tổn giảm, đây là pháp tác thành vị hộ trì.

Này các Tỷ-kheo, hãy trú có vị hộ trì, chớ trú không có vị hộ trì. Đau khổ, này các Tỷ-kheo, là người trú không có vị hộ trì.

Này các Tỷ-kheo, đây là mười pháp tác thành vị hộ trì.

IX. KINH THÁNH CƯ THỨ NHẤT (*Paṭhamaariyāvāsasutta*) (*A*. V. 29)

19. Này các Tỷ-kheo, có mười Thánh cư[27] này, với những Thánh cư này, các bậc Thánh đã sống, đang sống và sẽ sống. Thế nào là mười?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần, thành tựu sáu chi phần, hộ trì một sự, đầy đủ bốn y cứ,[28] trừ khử sự thật cá nhân, đã đoạn tận hoàn toàn các tầm cầu,[29] các tư duy không có uế trược, thân hành được khinh an, tâm được khéo giải thoát, tuệ được khéo giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, đây là mười Thánh cư, với những Thánh cư này, các bậc Thánh đã sống, đang sống và sẽ sống.

X. KINH THÁNH CƯ THỨ HAI (*Dutiyaariyāvāsasutta*)[30] (*A*. V. 29)

20. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru, tại một thị trấn của bộ tộc Kuru, gọi là Kammāsadhamma. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo... Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, có mười Thánh cư này; với những Thánh cư này, các vị Thánh đã sống, đang sống và sẽ sống. Thế nào là mười?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần, thành tựu sáu chi phần, hộ trì một sự, đầy đủ bốn y cứ, trừ khử sự thật cá nhân, đã đoạn tận hoàn toàn các tầm cầu, các tư duy không có uế trược, thân hành được khinh an, tâm được khéo giải thoát, tuệ được khéo giải thoát.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã đoạn tận năm chi phần?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận dục tham, đoạn tận sân, đoạn

---

[27] Thánh cư này được Vua Aśoka khắc vào bia ký Bhabra để các Tỷ-kheo y cứ hành trì. Xem *D*. III. 269; *GS*. V. 21.

[28] *Caturāpasseno*. *Apassaya*: Cái gối, cái nệm. Xem *D*. III. 216.

[29] *AA*. V. 10: *Samavayasatthesanoti ettha avayāti anūnā*, *satthāti vissatthā* ("Đã đoạn tận hoàn toàn các tầm cầu": Trong trường hợp này, avayā là hoàn toàn, *satthā* là gạt bỏ, đoạn tận). Xem *GS*. II. 48.

[30] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.2. 775c19); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.71. 0018b28).

tận hôn trầm thụy miên, đoạn tận trạo hối, đoạn tận nghi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu sáu chi phần?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi tai nghe tiếng, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi mũi ngửi hương, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi lưỡi nếm vị, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi thân cảm xúc, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi ý biết pháp, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thành tựu sáu chi phần.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì một sự?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu với tâm được niệm hộ trì. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo hộ trì một sự.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đầy đủ bốn y cứ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có đắn đo thân cận một sự, có đắn đo kham nhẫn một sự, có đắn đo tránh né một sự, có đắn đo trừ khử một sự. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đầy đủ bốn y cứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo trừ khử sự thật cá nhân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, đối với những sự thật sai biệt phổ thông được các Sa-môn, Bà-la-môn phổ thông chấp nhận như: "Thế giới là thường còn, thế giới là không thường còn; thế giới có giới hạn, thế giới không giới hạn; sinh mạng với thân thể là một, sinh mạng với thân thể là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết, Như Lai không tồn tại sau khi chết; Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết." Tất cả những tin tưởng được trừ diệt, trừ bỏ, xả bỏ, quăng bỏ, giải tỏa, đoạn tận, từ bỏ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trừ khử những sự thật cá nhân.

Và này các Tỷ-kheo, như thế là Tỷ-kheo đã được tận đoạn hoàn toàn các tầm cầu?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận dục tầm cầu, đã đoạn tận hữu tầm cầu, Phạm hạnh tầm cầu được khinh an. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo đã đoạn tận hoàn toàn các tầm cầu.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo có các tư duy không có uế trược?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã đoạn tận dục tư duy, đã đoạn tận sân tư duy, đã đoạn tận hại tư duy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo có các tư duy không có uế trược.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo tâm hành được khinh an?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn lạc đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã

cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tâm hành được khinh an.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo tâm được khéo giải thoát?

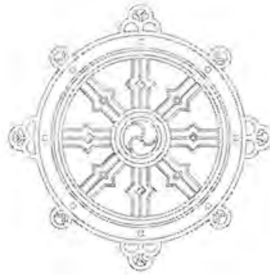
Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tâm được giải thoát khỏi tham, tâm được giải thoát khỏi sân, tâm được giải thoát khỏi si. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo tâm được khéo giải thoát.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo với tuệ khéo giải thoát?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết rằng: "Tham ái đã được đoạn tận nơi ta, được chặt đứt từ gốc rễ, làm thành như thân cây Sāla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai"; rõ biết rằng: "Sân đã được đoạn tận nơi ta... trong tương lai"; rõ biết rằng: "Si đã được đoạn tận nơi ta, được chặt đứt từ gốc rễ, làm thành như thân cây Sāla, làm cho không thể tái sanh, làm cho không thể sanh khởi trong tương lai." Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo với tuệ khéo giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, tất cả những vị Thánh nào trong quá khứ đã sống theo Thánh cư, tất cả những vị ấy đã sống theo mười Thánh cư này. Này các Tỷ-kheo, tất cả những vị Thánh nào trong tương lai sẽ sống theo Thánh cư, tất cả những vị ấy sẽ sống theo mười Thánh cư này. Này các Tỷ-kheo, tất cả những vị Thánh nào trong hiện tại đang sống theo Thánh cư, tất cả những vị ấy đang sống theo mười Thánh cư này.

Này các Tỷ-kheo, đây là mười Thánh cư mà các vị Thánh đã sống, đang sống và sẽ sống.



III. PHẨM LỚN
(*MAHĀVAGGA*)

I. KINH TIẾNG RỐNG SƯ TỬ (*Sīhanādasutta*)[31] (*A*. V. 32)

21. Này các Tỷ-kheo, con sư tử, vua các loài thú, vào buổi chiều, từ hang đi ra; sau khi từ hang đi ra, nó duỗi chân; sau khi duỗi chân, nó nhìn xung quanh bốn phương; sau khi nhìn xung quanh bốn phương, nó rống lên ba lần tiếng rống con sư tử; sau khi rống lên ba lần tiếng rống con sư tử, nó ra đi tìm mồi. Vì sao? Nó rống với ý nghĩ: "Mong rằng ta không làm tàn hại các loài thú nhỏ đi lạc đường." Này các Tỷ-kheo, con sư tử là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác. Này các Tỷ-kheo, Như Lai thuyết pháp trong hội chúng, đây chỉ cho tiếng rống con sư tử. Này các Tỷ-kheo, có mười Như Lai lực này của Như Lai; thành tựu những lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ.[32] Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ; như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết con đường đưa đến tất cả sanh thú. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết thế giới với nhiều giới, nhiều sai biệt. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết chí hướng sai biệt của các loài chúng sanh. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

---

[31] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.4. 0776b14); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.684. 0186b26); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.701. 0189a07); *Phật thuyết Thập lực kinh* 佛說十力經 (*T*.17. 0780-0781. 0715c07-0718c08); *Phật thuyết Tín giải trí lực kinh* 佛說信解智力經 (*T*.17. 0802. 0747a19); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.686-687. 0187b27-c13).

[32] Xem *GS*. II. 9; III. 295.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết những căn thượng hạ của các loại chúng sanh, loài người. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiền chứng về thiền, về giải thoát, về định. Này các Tỷ-kheo, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều thành kiếp và hoại kiếp. Như Lai nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này; sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra chỗ nọ; tại chỗ này, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này; sau khi chết tại chỗ nọ, Ta được sanh ra ở đây"; như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này các Tỷ-kheo, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ… các nét đại cương và chi tiết; như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Các chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời, về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Các chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời, về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mệnh chung được sanh lên các cõi thiện, thiên giới, cõi đời này. Như vậy, Như Lai với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Như Lai biết rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Này các Tỷ-kheo, Như Lai với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh… hạnh nghiệp của họ; như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này các Tỷ-kheo, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu

tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này các Tỷ-kheo, đây là mười Như Lai lực của Như Lai; chính nhờ thành tựu những lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng và chuyển Phạm luân.

II. KINH NHỮNG TUYÊN BỐ VỀ PHÁP (*Adhivuttipadasutta*) (*A*. V. 36)

22. Bấy giờ, Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

– Này Ānanda, phàm những pháp nào đưa đến sự chứng ngộ với thắng trí, các tuyên bố về giáo lý, này Ānanda, ở đây, Ta vô úy tự nhận thuyết pháp về chúng, về chúng như thế ấy, như thế ấy, khiến cho người nào như vậy, như vậy thực hành; nếu là có, sẽ biết là có; nếu là không có, sẽ biết là không có; nếu là hạ liệt, sẽ biết là hạ liệt; nếu là thù thắng, sẽ biết là thù thắng; nếu là có trên, sẽ biết là có trên; nếu là vô thượng, sẽ biết là vô thượng. Vì rằng, cái gì người ấy có thể biết, có thể thấy, có thể chứng ngộ, người đó sẽ biết được, sẽ thấy được, sẽ chứng ngộ, sự kiện này có xảy ra. Này Ānanda, cái này là vô thượng đối với các trí, chính là như thật trí đối với vấn đề này hay vấn đề khác. Và này Ānanda, do vậy, Ta tuyên bố rằng ngoài trí này, không có một trí nào khác cao thượng hơn, thù thắng hơn. Này Ānanda, có mười Như Lai lực này của Như Lai; chính nhờ thành tựu những lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?

Ở đây, này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết xứ là xứ, phi xứ là phi xứ; như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại. Này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết con đường đưa đến tất cả sanh thú. Này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết thế giới với nhiều giới, nhiều sai biệt. Này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết chí hướng sai biệt của các loài chúng sanh. Này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết những căn thượng hạ của các loài chúng sanh, loài người. Này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các thiền chứng về thiền, về giải thoát, về định. Này Ānanda, Như Lai như thật rõ biết... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này Ānanda, Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời... như vậy, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Ānanda, Như Lai nhớ đến nhiều đời sống quá khứ... và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này Ānanda, Như Lai với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai biết rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Này Ānanda, Như Lai với Thiên nhãn… và chuyển Phạm luân.

Lại nữa, này Ānanda, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này Ānanda, Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; như vậy là Như Lai lực của Như Lai. Chính nhờ Như Lai lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử trong các hội chúng và chuyển Phạm luân.

Này Ānanda, đây là mười Như Lai lực của Như Lai; chính nhờ thành tựu những lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu vương, rống lên tiếng rống con sư tử giữa các hội chúng và chuyển Phạm luân.

III. KINH VỚI THÂN (*Kāyasutta*) (*A*. V. 39)

23. Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải đoạn tận với thân, không phải với lời. Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải đoạn tận với lời, không phải với thân. Này các Tỷ-kheo, có những pháp cần phải đoạn tận không phải với thân, không phải với lời, mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải đoạn tận với thân, không phải với lời?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có phạm điều bất thiện về thân, về một vấn đề gì. Sau khi suy xét về vấn đề ấy, các vị đồng Phạm hạnh có trí đã nói với vị ấy: “Tôn giả có phạm điều bất thiện về thân, về một vấn đề này. Thật tốt lành thay, nếu Tôn giả từ bỏ thân làm ác và tu tập thân làm thiện!” Vị ấy được các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi suy xét nói như vậy, đoạn tận thân làm ác, tu tập thân làm thiện.

Này các Tỷ-kheo, những pháp này được gọi là những pháp cần phải đoạn tận với thân, không phải với lời.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải đoạn tận với lời, không phải với thân?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phạm điều bất thiện về lời, về một vấn

đề gì. Sau khi suy xét về vấn đề ấy, các vị đồng Phạm hạnh có trí đã nói vị ấy: "Tôn giả có phạm điều bất thiện về lời, về một vấn đề này. Thật tốt lành thay, nếu Tôn giả từ bỏ lời nói ác, tu tập lời nói thiện!" Vị ấy được các vị đồng Phạm hạnh có trí sau khi suy xét nói như vậy, đoạn tận lời nói ác, tu tập lời nói thiện.

Này các Tỷ-kheo, những pháp này được gọi là những pháp cần phải đoạn tận với lời, không phải với thân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải đoạn tận không phải với thân, cũng không phải với lời, mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận?

Tham, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận không phải với thân, cũng không phải với lời, mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận. Sân, này các Tỷ-kheo... Si, này các Tỷ-kheo... Phẫn nộ, này các Tỷ-kheo... Hiềm hận, này các Tỷ-kheo... Gièm pha, này các Tỷ-kheo... Não hại, này các Tỷ-kheo... Xan tham, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận, không phải với thân, không phải với lời, mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận. Ác tật đố, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận, không phải với thân, không phải với lời, mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác tật đố?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người gia chủ hay con người gia chủ, dồi dào, phong phú về tài sản, về lúa gạo, về bạc hay vàng; ở đây, một người nô tỳ hay người phục vụ khởi lên ý nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng sự dồi dào, phong phú về tài sản, về lúa gạo, về bạc hay vàng thật sự không thuộc về người gia chủ hay con người gia chủ này!" Hay một Sa-môn, Bà-la-môn có được các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; ở đây, một Sa-môn hay Bà-la-môn khác khởi lên ý nghĩ như sau: "Ôi, mong rằng vị Tôn giả này không nhận được các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh!"

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ác tật đố. Ác tật đố, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận không phải với thân, cũng không phải với lời mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận.

Này các Tỷ-kheo, ác dục cần phải đoạn tận, không phải với thân, cũng không phải với lời, mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ác dục?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không có lòng tin lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta có lòng tin"; có ác giới lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người có giới"; nghe ít lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người nghe nhiều"; là người ưa thích hội chúng lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người sống viễn ly"; là người biếng nhác lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người tinh cần tinh tấn"; là người thất niệm lại muốn rằng: "Mong rằng họ biết ta là người niệm được an trú"; là người không có định lại muốn rằng:

“Mong rằng họ biết ta là người có định”; là người ác tuệ lại muốn rằng: “Mong rằng họ biết ta là người có trí tuệ”; là người chưa đoạn tận các lậu hoặc lại muốn rằng: “Mong rằng họ biết ta là người đã đoạn tận các lậu hoặc.”

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là ác dục. Ác dục này, này các Tỷ-kheo, cần phải đoạn tận, không phải với thân, cũng không phải với lời, mà sau khi thấy, sau khi thấy với trí tuệ, cần phải đoạn tận.

Này các Tỷ-kheo, nếu tham chinh phục Tỷ-kheo và phát triển, nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo và phát triển, vị ấy cần phải được hiểu như sau: “Tôn giả này không rõ biết như thế nào để tham không có mặt; như vậy, tham chinh phục vị ấy và phát triển. Tôn giả này không rõ biết như thế nào để sân không có mặt... si không có mặt... phẫn nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... Tôn giả này không rõ biết như thế nào để ác dục không có mặt; như vậy, ác dục chinh phục vị ấy và phát triển.”

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu tham không chinh phục Tỷ-kheo và không phát triển, nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục không chinh phục Tỷ-kheo và không phát triển, vị ấy cần phải được hiểu như sau: “Tôn giả này rõ biết như thế nào để tham không có mặt; như vậy, tham không chinh phục vị ấy và không phát triển. Tôn giả này rõ biết như thế nào để sân không có mặt... si... phẫn nộ... hiềm hận... gièm pha... não hại... xan tham... ác tật đố... ác dục không có mặt; như vậy, ác dục không chinh phục vị ấy và không phát triển.”

IV. KINH MAHĀCUNDA (*Mahācundasutta*)[33] (*A*. V. 41)

24. Một thời, Tôn giả Mahācunda trú giữa dân chúng Ceti, tại Sahajāti. Tại đấy, Tôn giả Mahācunda gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahācunda. Tôn giả Mahācunda nói như sau:

– Thưa các Hiền giả, nếu một Tỷ-kheo thuyết về trí, nói rằng: “Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này.” Này chư Hiền, nếu tham chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được hiểu như sau: “Tôn giả này không rõ biết như thế nào để tham không có mặt, như vậy tham chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại. Tôn giả này không rõ biết như thế nào để sân không có mặt... si không có mặt... phẫn nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não

[33] Tham chiếu: *Tri pháp kinh* 知法經 (*T*.01. 0026.90. 0572c14).

hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... ác dục không có mặt, như vậy các ác dục chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại."

Thưa các Hiền giả, nếu một Tỷ-kheo thuyết về tu tập, nói rằng: "Tôi được tu tập về thân, được tu tập về giới, được tu tập về tâm, được tu tập về tuệ." Thưa chư Hiền, nếu tham chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được hiểu như sau: "Vị Tôn giả này không rõ biết như thế nào để tham không có mặt, vì rằng tham chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại. Vị Tôn giả này không rõ biết như thế nào để sân không có mặt... si không có mặt... phẫn nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... ác dục không có mặt, như vậy các ác dục chinh phục vị ấy và tồn tại."

Và này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết về trí và thuyết về tu tập, nói rằng: "Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này, tôi được tu tập về thân, tôi được tu tập về giới, tôi được tu tập về tâm, tôi được tu tập về tuệ." Này chư Hiền, nếu tham chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được hiểu như sau: "Vị Tôn giả này không rõ biết như thế nào để tham không có mặt... sân không có mặt... si không có mặt... như vậy, ác dục chinh phục vị ấy và tồn tại."

Ví như, này chư Hiền, có người nghèo khổ có thể nói về giàu sang, không có tài sản có thể nói về tài sản, không có sở hữu có thể nói về sở hữu; nhưng khi cơ hội tạo ra tài sản đến, vị ấy không thể tạo thành tài sản, lúa gạo, bạc hay vàng. Người ta có thể biết về người ấy như sau: "Vị này tuy nghèo khổ lại nói về giàu sang, vị này tuy không có tài sản lại nói về tài sản, vị này tuy không có sở hữu lại nói về sở hữu. Vì cớ sao? Vì rằng, vị này khi có cơ hội tạo ra tài sản đến, vị ấy không thể tạo thành tài sản, lúa gạo, bạc hay vàng." Cũng vậy, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo thuyết về trí và thuyết về tu tập, nói rằng: "Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này, tôi được tu tập về thân, tôi được tu tập về giới, tôi được tu tập về tâm, tôi được tu tập về tuệ." Này chư Hiền, nếu tham chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được hiểu như sau: "Vị này không rõ biết như thế nào để tham không có mặt... sân không có mặt... si không có mặt... như vậy ác dục chinh phục vị ấy và tồn tại."

Này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết về trí nói rằng: "Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này." Này chư Hiền, nếu tham không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận...nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được biết như sau: "Vị Tôn giả này rõ biết như thế nào

để tham không có mặt... sân không có mặt... si không có mặt... phẫn nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt...não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... ác dục không có mặt, như vậy ác dục không chinh phục vị này và tồn tại."

Này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết về tu tập, nói rằng: "Tôi có tu tập về thân, tôi có tu tập về giới, tôi có tu tập về tâm, tôi có tu tập về tuệ." Này chư Hiền, nếu tham không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại... nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ… nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được biết như sau: "Vị Tôn giả này rõ biết như thế nào để tham không có mặt... sân không có mặt... si không có mặt... phẫn nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... ác dục không có mặt, như vậy ác dục không chinh phục vị này và tồn tại."

Này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết về trí và thuyết về tu tập, nói rằng: "Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này, tôi có tu tập về thân, tôi có tu tập về giới, tôi có tu tập về tâm, tôi có tu tập về tuệ." Này chư Hiền, nếu tham không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại... nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được biết như sau: "Vị Tôn giả này biết rõ như thế nào để tham không có mặt... sân không có mặt... si không có mặt... phẫn nộ không có mặt... hiềm hận không có mặt... gièm pha không có mặt... não hại không có mặt... xan tham không có mặt... ác tật đố không có mặt... ác dục không có mặt, như vậy ác dục không chinh phục vị ấy và tồn tại."

Này chư Hiền, ví như, một người giàu sang có thể nói về giàu sang, một người có tài sản có thể nói về tài sản, một người có sở hữu có thể nói về sở hữu; khi cơ hội tạo ra tài sản đến, người ấy có thể tạo thành tài sản, lúa gạo, bạc hay vàng. Và người ta có thể biết về người ấy như sau: "Có giàu sang, vị này nói về giàu sang; có tài sản, vị này nói về tài sản; có của cải, vị này nói về của cải. Vì cớ sao? Vì rằng, người này khi có cơ hội tạo ra tài sản đến, người ấy có thể tạo thành tài sản, lúa gạo, bạc hay vàng." Cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo thuyết về trí và thuyết về tu tập, nói rằng: "Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này, tôi có tu tập về thân, tôi có tu tập về giới, tôi có tu tập về tâm, tôi có tu tập về tuệ." Này chư Hiền, nếu tham không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại... nếu sân... nếu si... nếu phẫn nộ... nếu hiềm hận... nếu gièm pha... nếu não hại... nếu xan tham... nếu ác tật đố... nếu ác dục không chinh phục Tỷ-kheo ấy và tồn tại, vị ấy cần phải được biết như sau: "Vị Tôn giả này rõ biết như thế nào để tham không có mặt, như vậy tham không chinh phục vị này và tồn tại. Vị Tôn giả này rõ biết như thế nào để sân không có mặt... si... phẫn nộ... hiềm hận... gièm pha... não hại... xan tham... ác tật đố... ác dục không có mặt, như vậy ác dục không chinh phục vị ấy và tồn tại."

V. KINH THIỀN ÁN XỨ (*Kasiṇasutta*)[34] (*A*. V. 46)

25. Này các Tỷ-kheo, có mười thiền án xứ này. Thế nào là mười?

Một người tưởng tri thiền án đất, phía trên, phía dưới, bề ngang, không hai, vô lượng. Một người tưởng tri thiền án nước... Một người tưởng tri thiền án lửa... Một người tưởng tri thiền án gió... Một người tưởng tri thiền án xanh... Một người tưởng tri thiền án vàng... Một người tưởng tri thiền án đỏ... Một người tưởng tri thiền án trắng... Một người tưởng tri thiền án hư không... Một người tưởng tri thiền án thức, phía trên, phía dưới, bề ngang, không hai, vô lượng.

Này các Tỷ-kheo, có mười thiền án xứ này.

VI. KINH KĀḶĪ (*Kāḷīsutta*)[35] (*A*. V. 46)

26. Một thời, Tôn giả Mahākaccāna trú giữa dân chúng Avantī, ở Kuraraghara, tại một vực núi cao (*pabbate*). Bấy giờ, có nữ cư sĩ Kāḷī, trú ở Kuraraghara, đi đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nữ cư sĩ Kāḷī, trú ở Kuraraghara, thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

– Thưa Tôn giả, Thế Tôn có nói như sau trong các câu hỏi của thiếu nữ:

“Ta đạt được mục đích,
Tâm Ta được an tịnh,
Sau khi đã chiến thắng,
Đội quân sắc khả ái,
Ta thiền định một mình,
Được an lạc Chánh giác.
Do vậy Ta không có,
Làm bạn với quần chúng,
Làm bạn với một ai,
Không phải việc Ta làm.”

Thưa Tôn giả, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn cần phải được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như thế nào?

– Này nữ cư sĩ, có số Sa-môn, Bà-la-môn tối thượng thiện xảo trong sự chứng đạt thiền án đất, có thể thực hiện được mục đích của họ. Này nữ cư sĩ, nhưng Thế Tôn đã thắng tri tối thượng thiện xảo trong sự chứng đạt thiền án đất, sau khi thắng tri như vậy, Thế Tôn đã thấy sự tập khởi, đã thấy sự nguy hại, đã thấy sự xuất ly, đã thấy tri kiến về đạo và phi đạo. Do nhân thấy được sự tập khởi, do nhân thấy được sự nguy hại, do nhân thấy được sự xuất ly, do nhân thấy được tri kiến về đạo và phi đạo, Ngài rõ biết mục đích đã đạt được, tâm đã được an tịnh.

---

[34] Tham chiếu: *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.19. 0445b15).

[35] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.549. 0143a01).

Này nữ cư sĩ, có một số Sa-môn, Bà-la-môn tối thượng thiện xảo trong sự chứng đạt thiền án nước... thiền án lửa... thiền án gió... thiền án xanh... thiền án vàng... thiền án đỏ... thiền án trắng... thiền án hư không... thiền án thức, có thể thực hiện được mục đích của họ. Này nữ cư sĩ, nhưng Thế Tôn đã thắng tri tối thượng thiện xảo trong sự chứng đạt thiền án thức, sau khi thắng tri như vậy, Thế Tôn đã thấy sự tập khởi, đã thấy sự nguy hại, đã thấy sự xuất ly, đã thấy tri kiến về đạo và phi đạo. Do nhân thấy được sự tập khởi, do nhân thấy được sự nguy hại, do nhân thấy được sự xuất ly, do nhân thấy được tri kiến về đạo và phi đạo, Ngài rõ biết mục đích đã đạt được, tâm đã được an tịnh. Do vậy, này nữ cư sĩ, Thế Tôn có nói như sau trong các câu hỏi của thiếu nữ:

"Ta đạt được mục đích,
Tâm Ta được an tịnh,
Sau khi đã chiến thắng,
Đội quân sắc khả ái,
Ta thiền định một mình,
Được an lạc Chánh giác.
Do vậy Ta không có,
Làm bạn với quần chúng,
Làm bạn với một ai,
Không phải việc Ta làm."

Này nữ cư sĩ, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn cần phải được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

VII. KINH NHỮNG CÂU HỎI LỚN THỨ NHẤT
(*Paṭhamamahāpañhāsutta*)[36] (*A*. V. 48)

27. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, ở khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Bấy giờ, có rất nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Sāvatthi để khất thực. Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để đi vào Sāvatthi khất thực. Chúng ta hãy đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo." Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, nói lên với những du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

– Thưa các Hiền giả, Sa-môn Gotama thuyết pháp như sau cho các đệ tử: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy thắng tri tất cả pháp; sau khi thắng tri, thắng tri tất cả pháp, hãy an trú." Thưa các Hiền giả, chúng tôi cũng thuyết pháp như sau cho các đệ tử: "Hãy đến, này chư Hiền, hãy thắng tri tất cả pháp; sau khi thắng tri, thắng tri tất cả pháp, hãy an trú." Ở đây, này chư Hiền, có sự đặc thù gì, có sự thù thắng gì, có sự sai biệt gì giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi về thuyết pháp và thuyết pháp, hay về giáo giới và giáo giới?

---

[36] Xem *Kh*. xlixff; *A*. V. 50, 56. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.8. 0778b17); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.486-489. 0124b18-0124c22). Mười câu hỏi này được đề cập trong ba kinh có sai khác.

Rồi các Tỷ-kheo ấy, không hoan hỷ lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy, cũng không phỉ báng; không hoan hỷ, không phỉ báng, các vị ấy đứng dậy và ra đi, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ hiểu ý nghĩa lời nói này từ Thế Tôn." Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi đi khất thực ở Sāvatthi xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Sāvatthi để khất thực. Rồi chúng con suy nghĩ như sau: "Thật là quá sớm để vào Sāvatthi khất thực, vậy chúng ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo." Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến khu vườn của các du sĩ ngoại đạo; sau khi đến, chúng con nói với các du sĩ ngoại đạo những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, chúng con ngồi xuống một bên. Bạch Thế Tôn, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với chúng con đang ngồi một bên: "Thưa các Hiền giả, Sa-môn Gotama thuyết pháp như sau cho các đệ tử: 'Hãy đến, này các Tỷ-kheo, hãy thắng tri tất cả pháp; sau khi thắng tri, thắng tri tất cả pháp, hãy an trú.' Thưa các Hiền giả, chúng tôi cũng thuyết pháp như sau cho các đệ tử: 'Hãy đến, này chư Hiền, hãy thắng tri tất cả pháp; sau khi thắng tri, thắng tri tất cả pháp, hãy an trú.' Ở đây, này chư Hiền, có sự đặc thù gì, có sự thù thắng gì, có sự sai biệt gì giữa Sa-môn Gotama và chúng tôi về thuyết pháp và thuyết pháp, hay về giáo giới và giáo giới?" Rồi bạch Thế Tôn, chúng con không hoan hỷ lời nói của các du sĩ ngoại đạo ấy, cũng không phỉ báng; không hoan hỷ, không phỉ báng, chúng con đứng dậy và ra đi, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ hiểu ý nghĩa của lời nói này từ Thế Tôn."

– Này các Tỷ-kheo, được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy cần phải được nói như sau: "Này chư Hiền, một câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời; hai câu hỏi, hai câu tuyên bố, hai câu trả lời; ba câu hỏi, ba câu tuyên bố, ba câu trả lời; bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời; năm câu hỏi, năm câu tuyên bố, năm câu trả lời; sáu câu hỏi, sáu câu tuyên bố, sáu câu trả lời; bảy câu hỏi, bảy câu tuyên bố, bảy câu trả lời; tám câu hỏi, tám câu tuyên bố, tám câu trả lời; chín câu hỏi, chín câu tuyên bố, chín câu trả lời; mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời." Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo ấy sẽ không thể trả lời, hơn nữa sẽ rơi vào bối rối. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì vấn đề ấy vượt ngoài địa hạt của họ. Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một ai trong thế giới với chư Thiên, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, với tâm thích thú trả lời những câu hỏi này, trừ Như Lai, đệ tử của Như Lai hay những ai được nghe từ các vị này.

Một câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong một pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau

khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong một pháp?

Tất cả chúng sanh đều tồn tại nhờ đồ ăn.

Trong một pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa,[37] ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau.

Một câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Hai câu hỏi, hai câu tuyên bố, hai câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong hai pháp? Trong danh và trong sắc.

Trong hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau.

Hai câu hỏi, hai câu tuyên bố, hai câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Ba câu hỏi, ba câu tuyên bố, ba câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong ba pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong ba pháp? Trong ba thọ.

Trong ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau.

Ba câu hỏi, ba câu tuyên bố, ba câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong bốn pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong bốn pháp? Trong bốn đồ ăn.

Trong bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau.

Bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Năm câu hỏi, năm câu tuyên bố, năm câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

---

[37] *Sammadatthaṃ abhisamecca.*

Trong năm pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong năm pháp? Trong năm thủ uẩn.

Trong năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau.

Năm câu hỏi, năm câu tuyên bố, năm câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Sáu câu hỏi, sáu câu tuyên bố, sáu câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong sáu pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong sáu pháp? Trong sáu nội xứ.

Trong sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau.

Sáu câu hỏi, sáu câu tuyên bố, sáu câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Bảy câu hỏi, bảy câu tuyên bố, bảy câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong bảy pháp? Trong bảy thức trú.[38]

Trong bảy pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau.

Bảy câu hỏi, bảy câu tuyên bố, bảy câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Tám câu hỏi, tám câu tuyên bố, tám câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong tám pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong tám pháp? Trong tám thế gian pháp.[39]

Trong tám pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau.

Tám câu hỏi, tám câu tuyên bố, tám câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Chín câu hỏi, chín câu tuyên bố, chín câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong chín pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong chín pháp? Chín hữu tình cư.[40]

Trong chín pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán... là người chấm dứt khổ đau.

---

[38] *Viññāṇaṭṭhiti*. Xem *A*. IV. 39. Như 7 pháp đầu của 9 hữu tình cư.

[39] *Lokadhamma*. Xem *A*. IV. 156 viết: Lợi, không lợi; có danh, không danh; khen, chê; khổ, lạc.

[40] *Sattāvāsa*. Bảy của số 7, cộng thêm 2 Phi tưởng xứ.

Chín câu hỏi, chín câu tuyên bố, chín câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong mười pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là mười pháp? Trong mười bất thiện nghiệp đạo.

Trong mười pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chơn chánh nhàm chán, chơn chánh ly tham, chơn chánh giải thoát, chơn chánh thấy được sự cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri ý nghĩa, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau.

Mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời, được nói đến như vậy. Do duyên này, được nói đến như vậy.

VIII. KINH NHỮNG CÂU HỎI LỚN THỨ HAI
(*Dutiyamahāpañhāsutta*) (*A*. V. 54)

28. Một thời, Thế Tôn trú ở Kajaṅgala, tại Trúc Lâm. Bấy giờ, có rất nhiều nam cư sĩ ở Kajaṅgala đi đến Tỷ-kheo-ni trú ở Kajaṅgala; sau khi đến, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các cư sĩ ở Kajaṅgala nói với Tỷ-kheo-ni ở Kajaṅgalā:

– Thưa Đại tỷ, Thế Tôn có tuyên bố trong các câu hỏi lớn: “Một câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời; hai câu hỏi, hai câu tuyên bố, hai câu trả lời; ba câu hỏi, ba câu tuyên bố, ba câu trả lời; bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời; năm câu hỏi, năm câu tuyên bố, năm câu trả lời; sáu câu hỏi, sáu câu tuyên bố, sáu câu trả lời; bảy câu hỏi, bảy câu tuyên bố, bảy câu trả lời; tám câu hỏi, tám câu tuyên bố, tám câu trả lời; chín câu hỏi, chín câu tuyên bố, chín câu trả lời; mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời.” Thưa Đại tỷ, lời nói vắn tắt này của Thế Tôn, ý nghĩa rộng rãi cần phải hiểu như thế nào?

– Này các Hiền giả, tôi không được tận mặt nghe và tận mặt lãnh thọ từ Thế Tôn. Tôi cũng không được tận mặt nghe và tận mặt lãnh thọ từ các Tỷ-kheo có tu tập về ý. Tuy vậy, ở đây, vấn đề được trình bày với tôi như thế nào, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Đại tỷ.

Các nam cư sĩ ở Kajaṅgala vâng đáp Tỷ-kheo-ni ở Kajaṅgala. Tỷ-kheo-ni ở Kajaṅgala nói như sau:

– Một câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời, được Thế Tôn nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy? (Như kinh trên...).

Bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời, được Thế Tôn nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong bốn pháp, này chư Hiền, Tỷ-kheo chơn chánh khéo tu tập tâm, chơn chánh thấy được cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri mục đích, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong bốn pháp? Trong bốn niệm xứ.

Trong bốn pháp này, này chư Hiền, Tỷ-kheo chơn chánh khéo tu tập tâm, chơn chánh... là người chấm dứt khổ đau.

Bốn câu hỏi, bốn câu tuyên bố, bốn câu trả lời, Thế Tôn đã nói như vậy. Do duyên này được nói đến như vậy.

Năm câu hỏi, năm câu tuyên bố, năm câu trả lời, Thế Tôn đã nói như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong năm pháp, này chư Hiền, Tỷ-kheo chơn chánh khéo tu tập tâm... là người chấm dứt khổ đau. Trong năm pháp gì? Trong năm căn...

… Trong sáu pháp gì? Trong sáu xuất ly giới...

… Trong bảy pháp gì? Trong bảy giác chi...

… Trong tám pháp gì? Trong con đường Thánh có tám ngành...

… Trong chín pháp gì? Trong chín hữu tình cư...

Mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời, được Thế Tôn nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Trong mười pháp, này chư Hiền, Tỷ-kheo chơn chánh khéo tu tập tâm, chơn chánh thấy được cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri mục đích, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau. Thế nào là trong mười pháp? Trong mười thiện đạo.

Trong mười pháp này, này chư Hiền, Tỷ-kheo chơn chánh tu tập tâm, chơn chánh thấy được cứu cánh, sau khi chơn chánh thắng tri mục đích, ngay trong hiện tại, là người chấm dứt khổ đau.

Mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời, Thế Tôn đã nói như vậy. Do duyên này được nói như vậy.

Như vậy, này chư Hiền, Thế Tôn đã nói đến trong các câu hỏi lớn: "Một câu hỏi, một câu tuyên bố, một câu trả lời... mười câu hỏi, mười câu tuyên bố, mười câu trả lời." Này chư Hiền, lời Thế Tôn tuyên bố vắn tắt này, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Này chư Hiền, nếu muốn, các vị hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời các Hiền giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

– Thưa vâng, Đại tỷ.

Các nam cư sĩ ở Kajaṅgala sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tỷ-kheo-ni ở Kajaṅgala nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Tỷ-kheo-ni ở Kajaṅgala, thân phía hữu hướng về Tỷ-kheo-ni, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các nam cư sĩ ở Kajaṅgala, đem câu chuyện nói với Tỷ-kheo-ni ở Kajaṅgala như thế nào, tất cả đều thuật lên Thế Tôn rõ.

- Lành thay, lành thay, này các gia chủ! Này các gia chủ, có trí tuệ là Tỷ-kheo-ni ở Kajaṅgala. Này các gia chủ, có đại trí tuệ là Tỷ-kheo-ni ở Kajaṅgala. Này các gia chủ, nếu các ông có đi đến Ta và hỏi ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như Tỷ-kheo-ni ở Kajaṅgala đã trả lời.

Đây là ý nghĩa của lời nói ấy, hãy như vậy thọ trì.

IX. KINH NGƯỜI KOSALA THỨ NHẤT (*Paṭhamakosalasutta*)[41] (*A*. V. 59)

29. Này các Tỷ-kheo, xa rộng như thế nào là nước Kāsi Kosala, xa rộng như thế nào là sự trị vì của Vua Pasenadi nước Kosala, trong phạm vi như vậy, Vua Pasenadi nước Kosala được xem là tối thượng. Tuy vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Vua Pasenadi, nước Kosala có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều nhàm chán trong [vấn đề] ấy; do nhàm chán trong [vấn đề] ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, xa cho đến mặt trăng, mặt trời di chuyển, xoay chuyển (*bhanti*), chói sáng các phương, cho đến như vậy là ngàn thế giới. Trong ngàn thế giới ấy, có một ngàn mặt trăng, có một ngàn mặt trời, có một ngàn vua núi Sineru, có một ngàn cõi Diêm-phù-đề, một ngàn Tây Ngưu Hóa châu, một ngàn Bắc Cu-lô châu, một ngàn Đông Thắng Thần châu, bốn ngàn biển lớn, bốn ngàn Đại vương, một ngàn Tứ Đại Thiên Vương, một ngàn Tam Thập Tam thiên, một ngàn Dạ-ma thiên, một ngàn Đâu-suất thiên, một ngàn Hóa Lạc thiên, một ngàn Tha Hóa Tự Tại thiên, một ngàn Phạm thiên giới. Này các Tỷ-kheo, xa rộng cho đến một ngàn thế giới, Đại Phạm thiên ở đấy được xem là tối thượng. Tuy vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Đại Phạm thiên có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều nhàm chán trong [Đại Phạm thiên] ấy, do nhàm chán trong [Đại Phạm thiên] ấy, từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, có một thời, đến thời ấy, thế giới này chuyển hoại, trong khi thế giới chuyển hoại, này các Tỷ-kheo, các loài hữu tình phần lớn sanh qua cõi Quang Âm (Ābhassara) thiên. Ở tại đấy, chúng sanh này do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy một thời gian khá dài. Này các Tỷ-kheo, trong khi thế giới chuyển hoại, các Quang Âm thiên được xem là tối thượng. Nhưng này các Tỷ-kheo, đối với chư Quang Âm thiên, có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán trong [cõi Quang Âm thiên] ấy; do nhàm chán trong [cõi Quang Âm thiên] ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, có mười thiền án xứ này. Thế nào là mười?

Một người tưởng tri thiền án đất, phía trên, phía dưới, bề ngang, không hai, vô lượng. Một người tưởng tri thiền án nước... Một người tưởng tri thiền án lửa... Một người tưởng tri thiền án gió... Một người tưởng tri thiền án xanh... Một

[41] Tham chiếu: *Đệ nhất đắc kinh* 第一得經 (*T*.01. 0026.215. 0799b27).

người tưởng tri thiền án vàng... Một người tưởng tri thiền án đỏ... Một người tưởng tri thiền án trắng... Một người tưởng tri thiền án hư không... Một người tưởng tri thiền án thức, phía trên, phía dưới, bề ngang, không hai, vô lượng.

Này các Tỷ-kheo, có mười thiền án xứ này.

Cái này là tối thượng, này các Tỷ-kheo, trong mười thiền án xứ này, tức là thiền án thức. Có người tưởng tri phía trên, phía dưới, bề ngang, không hai, vô lượng. Này các Tỷ-kheo, có những chúng sanh có tưởng như vậy. Đối với các chúng sanh có tưởng như vậy, này các Tỷ-kheo, có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều nhàm chán trong ấy; do nhàm chán trong ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, có tám thắng xứ[42] này. Thế nào là tám?

Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp xấu. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ nhất.

Một vị quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp xấu. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ hai.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp xấu. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ ba.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp xấu. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ tư.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh; như bông gai màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh; như lụa Ba-la-nại cả hai mặt láng trơn màu xanh, sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu xanh, tướng sắc xanh, hình sắc xanh, ánh sáng xanh. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta thấy, ta biết." Đó là thắng xứ thứ năm.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng; như bông kaṇikāra màu vàng, sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng; như lụa Ba-la-nại cả hai mặt láng trơn màu vàng, sắc màu vàng, tướng sắc vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu vàng, tướng sắc màu vàng, hình sắc vàng, ánh sáng vàng. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ sáu.

---

[42] *Abhibhāyatana*: Thắng xứ. Xem *D*. II. 110; *M*. II. 13; *Dhs*. 223; *Expos*. I. 252ff. *Abhibhāyatana* là thiền (*jhāna*) với một sức mạnh hùng hậu (*abhibhū*) làm khởi điểm; hay là thiền (*jhāna*) với một xứ (đối tượng) cần phải thắng phục.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ; như bông bandhujīvaka màu đỏ... như lụa Ba-la-nại cả hai mặt láng trơn màu đỏ, sắc màu đỏ, tướng màu đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu đỏ, tướng sắc đỏ, hình sắc đỏ, ánh sáng đỏ. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ bảy.

Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng; như sao mai Osadhi màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng; như lụa Ba-la-nại cả hai mặt láng trơn màu trắng, sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Như vậy, vị này quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy." Đó là thắng xứ thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, có tám thắng xứ này.

Cái này là tối thượng, này các Tỷ-kheo, trong tám thắng xứ này, tức là có người quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc màu trắng, tướng sắc trắng, hình sắc trắng, ánh sáng trắng. Sau khi nhiếp thắng chúng, vị ấy tưởng tri như sau: "Ta biết, ta thấy." Này các Tỷ-kheo, có những chúng sanh có tưởng như vậy. Đối với các chúng sanh có tưởng như vậy, này các Tỷ-kheo, có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán trong ấy. Do nhàm chán trong ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, có bốn con đường này. Thế nào là bốn? Con đường khổ thắng tri chậm; con đường khổ thắng tri mau; con đường lạc thắng tri chậm; con đường lạc thắng tri mau.

Này các Tỷ-kheo, có bốn con đường này.

Cái này là tối thượng, này các Tỷ-kheo, trong bốn con đường này, tức là con đường lạc thắng tri mau. Này các Tỷ-kheo, có những chúng sanh thực hành như vậy. Đối với các chúng sanh thực hành như vậy, này các Tỷ-kheo, có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán trong ấy. Do nhàm chán trong ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, có bốn tưởng này. Thế nào là bốn? Có người tưởng tri có hạn lượng; có người tưởng tri đại hành; có người tưởng tri vô lượng; có người tưởng tri Vô sở hữu xứ, nghĩ rằng: "Không có sự vật gì."

Này các Tỷ-kheo, có bốn tưởng này.

Điều này là tối thượng, này các Tỷ-kheo, trong bốn tưởng này, tức là có người tưởng tri Vô sở hữu xứ, nghĩ rằng: "Không có sự vật gì." Này các Tỷ-kheo, có những chúng sanh có tưởng như vậy. Đối với các chúng sanh có tưởng như vậy,

này các Tỷ-kheo, có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán trong ấy. Do nhàm chán trong ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt.

Điều này là tối thượng, này các Tỷ-kheo, trong các thành kiến của các dị học, tức là: "Nếu ta không có trong lúc ấy, thời nay đã không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta."[43] Với người có tri kiến như vậy, này các Tỷ-kheo, có thể chờ đợi như sau: Sự không nhàm chán này đối với hữu sẽ không có đối với người ấy. Sự nhàm chán này đối với hữu diệt sẽ không có đối với người ấy. Này các Tỷ-kheo, có những chúng sanh có tri kiến như vậy. Đối với chúng sanh có tri kiến như vậy, này các Tỷ-kheo, có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán trong ấy. Do nhàm chán trong ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn... tuyên bố thanh tịnh là mục đích tối thắng.

Điều này là tối thượng, này các Tỷ-kheo, trong các vị tuyên bố thanh tịnh là mục đích tối thắng, tức là sự vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, sự chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Họ thuyết pháp để thắng tri cái ấy, để giác ngộ cái ấy. Này các Tỷ-kheo, có những chúng sanh có nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, đối với các chúng sanh có nói như vậy, có sự đổi khác, có sự biến hoại. Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nghe nhiều, nhàm chán trong ấy. Do nhàm chán trong ấy, vị ấy từ bỏ sự tối thượng, còn nói gì đối với hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn... tuyên bố hiện tại Niết-bàn là mục đích tối thắng.

Điều này là tối thượng, này các Tỷ-kheo, trong các vị tuyên bố hiện tại Niết-bàn là mục đích tối thắng, tức là sau khi như thật biết sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại và sự xuất ly của sáu xúc xứ, được giải thoát không có chấp thủ. Này các Tỷ-kheo, Ta là người đã nói như vậy, đã tuyên bố như vậy. Và một số Sa-môn, Bà-la-môn xuyên tạc Ta với điều không thật là phi hữu, trống không, nói láo, nói rằng: "Sa-môn Gotama không tuyên bố sự liễu tri các dục, không tuyên bố sự liễu tri các sắc, không tuyên bố sự liễu tri các thọ."

Và này các Tỷ-kheo, ta tuyên bố sự liễu tri các dục, Ta tuyên bố sự liễu tri các sắc, Ta tuyên bố sự liễu tri các thọ, Ta tuyên bố ngay trong hiện tại sự vô dục, tịch diệt, thanh lương, không chấp thủ Bát-niết-bàn.

---

[43] *AA*. V. 26: *No cassaṃ no ca me siyāti sace ahaṃ atīte na bhavissaṃ, etarahipi me ayaṃ attabhāvo na siyā. Na bhavissāmi na me bhavissatīti sacepi anāgate na bhavissāmi, na ca me kiñci palibodhajātaṃ bhavissati* ("Nếu ta không có trong lúc ấy" nghĩa là nếu ta không có trong quá khứ, thời nay không thể nào thân này là của ta. Ta sẽ không có, nó không là của ta; nếu trong tương lai ta không có, nó sẽ không là ngăn trở gì của ta).

X. KINH NGƯỜI KOSALA THỨ HAI (*Dutiyakosalasutta*)[44] (*A*. V. 65)

30. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Vua Pasenadi nước Kosala, từ một trận chiến[45] trở về, thắng trận, mục đích đã đạt được. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến khu vườn. Vua đi xe đến chỗ có thể đi xe được, rồi xuống xe đi bộ và vào khu vườn.

Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi đến các Tỷ-kheo ấy; sau khi đến, nói với các Tỷ-kheo:

– Thưa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác trú ở đâu? Thưa các Tôn giả, chúng tôi muốn yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác.

– Tâu Đại vương, kia là ngôi tinh xá có cửa đóng. Ngài hãy đi đến ngôi nhà ấy, đừng có tiếng động, đừng có hấp tấp, bước vào mái hiên, đằng hắng rồi gõ nơi then cửa. Thế Tôn sẽ mở cửa cho Đại vương.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala, đi đến ngôi tinh xá có cửa đóng ấy, đi đến không có tiếng động, không có hấp tấp, bước vào mái hiên, đằng hắng rồi gõ vào then cửa. Thế Tôn mở cửa. Rồi Vua Pasenadi nước Kosala đi vào tinh xá, đầu cúi rạp xuống trước chân Thế Tôn, miệng hôn chân Thế Tôn, lấy tay xoa bóp và nói lên tên mình:

– Bạch Thế Tôn, con là Vua Pasenadi nước Kosala. Bạch Thế Tôn, con là Vua Pasenadi nước Kosala.

– Thưa Đại vương, do Đại vương thấy ý nghĩa lợi ích gì mà Đại vương lại làm những cử chỉ hạ mình quá mức như vậy và tỏ lộ lòng kính mộ đối với cái thân này?

– Bạch Thế Tôn, để nêu rõ lòng biết ơn của con, để nói lên lòng cảm tạ của con đối với Thế Tôn, mà con làm những cử chỉ hạ mình quá mức như vậy và tỏ bày lòng kính mộ đối với Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là vị đã thực hiện hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, là vị đã an lập Thánh chánh lý cho đa số, tức là chánh chơn pháp tánh, thiện pháp tánh. Bạch Thế Tôn, vì Thế Tôn là vị đã thực hiện hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, tức là chánh chơn pháp tánh, thiện pháp tánh; vì con thấy ý nghĩa lợi ích này nên con đã làm những cử chỉ hạ mình quá mức như vậy và tỏ bày lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn có giới, có Phật giới, có Thánh giới, có thiện giới, có đầy đủ thiện giới. Bạch Thế Tôn, vì rằng Thế Tôn có giới, có Phật giới, có Thánh giới, có thiện giới, có đầy đủ thiện giới, bạch Thế Tôn, vì con thấy ý nghĩa lợi ích này mà con đã làm những cử chỉ hạ mình quá mức như vậy và bày tỏ lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã lâu ngày là vị sống ở rừng, sống tại các

---

[44] Tham chiếu: *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự* 根本說一切有部毘柰耶雜事 (*T*.24. 1451.8. 0239b18).

[45] *Uyyodhikā nivatto. AA*. V. 26: *Uyyodhikā nivatto hotī = Yuddhato nivatto hoti* (từ một trận chiến trở về).

trú xứ rừng núi, các vùng cao nguyên hẻo lánh xa vắng. Bạch Thế Tôn, vì rằng Thế Tôn đã lâu ngày là vị sống ở rừng, sống tại các trú xứ rừng núi, các vùng cao nguyên hẻo lánh xa vắng, bạch Thế Tôn, vì con thấy... lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn là vị biết đủ với bất cứ vật dụng nào được cúng dường như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Bạch Thế Tôn, vì rằng Thế Tôn là vị biết đủ với bất cứ vật dụng nào được cúng dường như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, bạch Thế Tôn, vì con thấy... lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn là vị đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn là vị đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời, bạch Thế Tôn, vì con thấy... lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, những câu chuyện nào thuộc hướng thượng, thích ứng khai mở tâm trí, ví như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không tụ hội, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến, các câu chuyện như vậy, Thế Tôn có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Vì rằng, bạch Thế Tôn, những câu chuyện nào thuộc hướng thượng... có được không phí sức, bạch Thế Tôn, vì con thấy... lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn đối với bốn thiền... có được không phí sức, bạch Thế Tôn, vì con thấy... lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn tùy niệm nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời... nhớ lại nhiều đời với các nét đại cương và các chi tiết. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhớ lại nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời... nhớ lại nhiều đời sống với các nét đại cương và các chi tiết, bạch Thế Tôn, vì con thấy... lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... đều do hạnh nghiệp của họ. Bạch Thế Tôn, vì rằng Thế Tôn với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, vì con thấy... lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; vì con thấy ý nghĩa lợi ích này nên con đã làm những cử chỉ hạ mình quá mức như vậy và tỏ lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều công tác, có nhiều công việc phải làm.

– Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Pasenadi nước Kosala từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.



IV. PHẨM UPĀLI
(*UPĀLIVAGGA*)[46]

I. KINH UPĀLI (*Upālisutta*)[47] (*A*. V. 70)

31. Bấy giờ, có Tôn giả Upāli đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upāli bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do duyên bao nhiêu mục đích, các học pháp thiết lập cho các đệ tử Như Lai và Giới bổn (*Pātimokkha*) được tuyên đọc?

– Này Upāli, do duyên mười mục đích, các học pháp được thiết lập cho các đệ tử Như Lai và Giới bổn được tuyên đọc. Thế nào là mười?

Để Tăng chúng được cực thiện, để Tăng chúng được an ổn, để chặn đứng các người cứng đầu, để các thiện Tỷ-kheo được sống an ổn, để chế ngự các lậu hoặc ngay trong hiện tại, để chặn đứng các lậu hoặc trong tương lai, để đem lại tịnh tín cho những người không có lòng tin, để làm tăng trưởng tịnh tín cho những người có lòng tin, để Diệu pháp được tồn tại, để Luật được chấp nhận.

Do duyên mười mục đích này, này Upāli, các học pháp được thiết lập cho các đệ tử Như Lai và Giới bổn được tuyên đọc.

II. KINH NGƯNG TUYÊN ĐỌC GIỚI BỔN (*Pātimokkhaṭṭhapanāsutta*) (*A*. V. 70)

32. – Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu trường hợp Giới bổn bị ngưng tuyên đọc?

– Này Upāli, có mười trường hợp Giới bổn bị ngưng tuyên đọc. Thế nào là mười? Khi có người phạm Ba-la-di tội ngồi trong hội chúng ấy, khi thảo luận về người phạm Ba-la-di tội chưa chấm dứt, khi có người chưa thọ Cụ túc giới ngồi trong hội chúng ấy, khi thảo luận về người chưa thọ Cụ túc giới chưa chấm dứt, khi một người từ bỏ học pháp ngồi xuống trong hội chúng ấy, khi cuộc thảo luận về người từ bỏ học pháp chưa chấm dứt, khi có người thiếu nam căn còn ngồi trong hội chúng ấy, khi cuộc thảo luận về người thiếu nam căn chưa chấm dứt, khi có người ô nhục Tỷ-kheo-ni còn ngồi trong hội chúng ấy, khi cuộc thảo luận về người ô nhục Tỷ-kheo-ni chưa được chấm dứt.

Này Upāli, đây là mười trường hợp Giới bổn bị ngưng tuyên đọc.

---

[46] Bản tiếng Anh của PTS: *Upāli and Ānanda*, nghĩa là *Upāli và Ānanda*.

[47] Bản tiếng Anh của PTS trình bày 2 kinh (31, 32) này chung một kinh với tên: *Upāli and the Obligation*, nghĩa là *Upāli và trách nhiệm*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.1. 0775c07).

III. KINH NGƯỜI ĐOẠN SỰ (*Ubbāhikāsutta*) (*A*. V. 71)

33. – Bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo thành tựu bao nhiêu pháp để được làm người đoạn sự viên?[48]

– Này Upāli, một Tỷ-kheo thành tựu mười pháp để được làm người đoạn sự viên. Thế nào là mười?

Ở đây, này Upāli, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp;

Là người nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, cất chứa điều đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, những pháp như vậy, vị ấy được nghe nhiều, được thọ trì, được đọc tụng bằng lời, được quan sát với ý, được khéo léo thể nhập với chánh kiến;

Cả hai Giới bổn được khéo truyền đạt một cách rộng rãi, được khéo phân tích, khéo thông hiểu (*suppavattīni*), khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết;

Vị ấy được khéo an trú trên Luật, không có dao động;

Có khả năng làm cho cả hai phe chống đối thông hiểu, chinh phục họ, làm cho họ thấy, làm cho họ hòa giải với nhau;

Vị ấy thiện xảo trong sự sanh khởi và chấm dứt các tránh sự;

Biết các tránh sự;

Biết tránh sự sanh khởi;

Biết tránh sự đoạn diệt;

Biết con đường đưa đến tránh sự được đoạn diệt.

Thành tựu mười pháp này, này Upāli, Tỷ-kheo được xem là có khả năng làm vị đoạn sự viên.

IV. KINH CỤ TÚC GIỚI (*Upasampadāsutta*) (*A*. V. 72)

34. – Bạch Thế Tôn, thành tựu bao nhiêu pháp, một Tỷ-kheo có khả năng trao truyền Cụ túc giới?

– Thành tựu mười pháp, này Upāli, vị Tỷ-kheo có khả năng trao truyền Cụ túc giới. Thế nào là mười?

Ở đây, này Upāli, Tỷ-kheo có giới, sống được chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp;

Là người nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe, cất chứa điều đã được nghe...

Cả hai Giới bổn được khéo truyền đạt một cách rộng rãi, được khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết.

---

[48] *Ubbāhikāya*, như là thành viên của một Hội đồng làm pháp tẩn xuất một Tỷ-kheo.

Vị ấy có khả năng nuôi dưỡng bệnh nhân hay khiến người nuôi dưỡng;

Có khả năng làm cho tịnh chỉ bất mãn hay khiến người khác tịnh chỉ bất mãn;

Có khả năng đoạn trừ đúng pháp ác tác khởi lên;

Có khả năng phân tích, chỉ trích tà kiến khởi lên;

Có khả năng khích lệ trong tăng thượng giới;

Có khả năng khích lệ trong tăng thượng tâm;

Có khả năng khích lệ trong tăng thượng tuệ.

Thành tựu mười pháp này, này Upāli, một Tỷ-kheo có khả năng trao truyền Cụ túc giới.

V. KINH Y CHỈ (*Nissayasutta*)[49] (*A*. V. 73)

35. – Thành tựu bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo có thể trao truyền y chỉ?

– Thành tựu mười pháp, này Upāli, một Tỷ-kheo có thể trao truyền y chỉ. Thế nào là mười?

Ở đây, này Upāli, vị Tỷ-kheo có giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp; là vị nghe nhiều... khéo thể nhập với chánh kiến; cả hai Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo truyền đạt một cách rộng rãi, khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết; vị ấy có khả năng nuôi dưỡng bệnh nhân hay khiến người nuôi dưỡng; có khả năng làm cho tịnh chỉ bất mãn hay khiến người khác tịnh chỉ bất mãn; có khả năng đoạn trừ đúng pháp ác tác khởi lên; có khả năng phân tích, chỉ trích tà kiến khởi lên; có khả năng khích lệ trong tăng thượng giới; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tâm; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tuệ. Thành tựu mười pháp, này Upāli, một Tỷ-kheo có thể trao truyền y chỉ.

VI. KINH SA-DI (*Sāmaṇerasutta*) (*A*. V. 73)

36. – Thành tựu bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo có khả năng nuôi dưỡng Sa-di?

– Thành tựu mười pháp này, này Upāli, một Tỷ-kheo có khả năng nuôi dưỡng Sa-di. Thế nào là mười?

Ở đây, này Upāli, vị Tỷ-kheo có giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp; là vị nghe nhiều... khéo thể nhập với chánh kiến; cả hai Giới bổn (*Pātimokkha*) khéo truyền đạt một cách rộng rãi, khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết; vị ấy có khả năng nuôi dưỡng bệnh nhân hay khiến người nuôi dưỡng; có khả năng làm cho tịnh chỉ bất mãn hay khiến người khác tịnh chỉ bất mãn; có khả năng đoạn trừ đúng pháp ác tác khởi lên; có khả năng phân tích, chỉ trích tà kiến khởi lên; có khả năng khích

---

[49] Bản tiếng Anh của PTS trình bày kinh này chung một kinh 34, với tên kinh *Tutelage*, nghĩa là *Thời gian hướng dẫn một vị mới xuất gia.*

lệ trong tăng thượng giới; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tâm; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tuệ. Thành tựu mười pháp này, này Upāli, một Tỷ-kheo có khả năng nuôi dưỡng Sa-di.

VII. KINH PHÁ HÒA HỢP TĂNG (*Saṅghabhedasutta*) (*A*. V. 73)

37. – "Phá hòa hợp Tăng, phá hòa hợp Tăng", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là phá hòa hợp Tăng?

– Ở đây, này Upāli, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật là luật; thuyết luật là phi luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết là điều Như Lai có nói, có thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết là điều Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai không thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết điều Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai có chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt.

Chính do mười sự này, họ phá hoại, họ chia rẽ, họ hành bất cộng Yết-ma, họ tuyên đọc Giới bổn (*Pātimokkha*) khác biệt. Cho đến như vậy, này Upāli, là chúng Tăng bị phá hòa hợp.

VIII. KINH HÒA HỢP TĂNG (*Saṅghasāmaggīsutta*) (*A*. V. 74)

38. – "Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Tăng hòa hợp?

– Ở đây, này Upāli, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là phi pháp; thuyết pháp là pháp; thuyết phi luật là phi luật; thuyết luật là luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết là điều Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết là điều Như Lai có nói, có thuyết; thuyết điều Như Lai không thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai có chế đặt.

Với mười sự này, các Tỷ-kheo không phá hoại, các Tỷ-kheo không chia rẽ, các Tỷ-kheo không hành bất cộng Yết-ma, các Tỷ-kheo không tuyên đọc Giới bổn (*Pātimokkha*) khác biệt. Cho đến như vậy, này Upāli, là Tăng chúng được hòa hợp.

IX. KINH ĀNANDA THỨ NHẤT (*Paṭhamaānandasutta*)[50] (*A*. V. 75)

39. Bấy giờ, có Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, người ta nói: "Phá hòa hợp Tăng, phá hòa hợp Tăng". Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là phá hòa hợp Tăng?

---

[50] Bản tiếng Anh của PTS viết thành 2 kinh (37, 38) riêng biệt – *Schism in the Order* (b) *nghĩa là Phá hòa hợp Tăng* (b), và *Fruits of Causing Schism* nghĩa là *Quả của phá hòa hợp Tăng*.

– Ở đây, này Ānanda, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật là luật… thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt. Chính do mười sự này, họ phá hoại, họ chia rẽ, họ hành bất cộng Yết-ma, họ tuyên đọc Giới bổn (*Pātimokkha*) khác biệt. Cho đến như vậy, này Ānanda, là chúng Tăng bị phá hòa hợp.

– Bạch Thế Tôn, phá hoại Tăng hòa hợp đem lại kết quả gì?

– Này Ānanda, đem lại tội ác kéo dài đến một kiếp.

– Bạch Thế Tôn, tội ác gì kéo dài một kiếp?

– Này Ānanda, bị nấu trong địa ngục một kiếp.

Kẻ phá hòa hợp Tăng,
Bị rơi vào đọa xứ,
Bị rơi vào địa ngục,
Kéo dài đến một kiếp.
Ưa thích sự bất hòa,
An trú trên phi pháp,
Bị xa lìa, từ bỏ.
An ổn các khổ ách,
Ai phá sự hòa hợp,
Của Tăng chúng Tỷ-kheo,
Trong một kiếp, người ấy,
Bị địa ngục nung nấu.

X. KINH ĀNANDA THỨ HAI (*Dutiyaānandasutta*)[51] (*A*. V. 76)

40. – Bạch Thế Tôn, người ta nói: “Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp”. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Tăng hòa hợp?

– Ở đây, này Ānanda, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là phi pháp; thuyết pháp là pháp; thuyết phi luật là phi luật; thuyết luật là luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết là điều Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết là điều Như Lai có nói, có thuyết; thuyết điều Như Lai không thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai có chế đặt. Với mười sự này, các Tỷ-kheo không phá hoại, các Tỷ-kheo không chia rẽ, các Tỷ-kheo không hành bất cộng Yết-ma, các Tỷ-kheo không tuyên đọc Giới bổn (*Pātimokkha*) khác biệt. Cho đến như vậy, này Ānanda, là Tăng chúng được hòa hợp.

– Bạch Thế Tôn, với chúng Tăng bị phá, làm cho hòa hợp lại, đem đến kết quả gì?

---

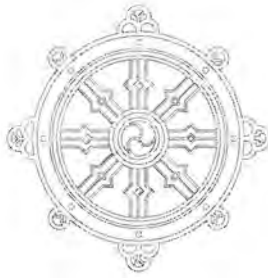
[51] Bản tiếng Anh của PTS viết thành 2 kinh (39, 40) riêng biệt – *Harmony in the Order* (b) nghĩa là *Hòa hợp Tăng* (b), và *Fruits of Causing Harmony in the Order* nghĩa là *Quả của hòa hợp Tăng*.

– Này Ānanda, đem đến Phạm công đức.

– Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm công đức?

– Này Ānanda, trong một kiếp, được sống hoan hỷ ở thiên giới.

Sống an lạc là người,
Làm hòa hợp chúng Tăng.
Sống an lạc là người,
Giúp chúng Tăng hòa hợp,
Ưa thích sự hòa hợp,
An trú trên Chánh pháp.
Không bị tước đoạt mất,
An ổn các khổ ách,
Ai khiến cho chúng Tăng,
Được sống trong hòa hợp,
Trong một kiếp, người ấy,
Sống hoan hỷ thiên giới.



V. PHẨM MẮNG NHIẾC
(*AKKOSAVAGGA*)

I. KINH TRANH LUẬN (*Vivādasutta*) (*A*. V. 77)

41. Bấy giờ, Tôn giả Upāli đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upāli bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, Tăng chúng khởi lên cạnh tranh, tranh luận, xung đột, đấu tranh và Tỷ-kheo sống không an ổn?

– Ở đây, này Upāli, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật là luật; thuyết luật là phi luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết là điều Như Lai có nói, có thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết là điều Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai không thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết điều Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai có chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt. Này Upāli, do nhân này, do duyên này, Tăng chúng khởi lên cạnh tranh, tranh luận, xung đột, đấu tranh và Tỷ-kheo sống không an ổn.

II. KINH CỘI GỐC CỦA TRANH LUẬN THỨ NHẤT (*Paṭhamavivādamūlasutta*) (*A*. V. 78)

42. – Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu cội gốc của tranh luận?

– Này Upāli, có mười cội gốc của tranh luận. Thế nào là mười?

– Ở đây, này Upāli, Tỷ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật là luật; thuyết luật là phi luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết là điều Như Lai có nói, có thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết là điều Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai không thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết điều Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai có chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt. Này Upāli, đây là mười cội gốc của tranh luận.

III. KINH CỘI GỐC CỦA TRANH LUẬN THỨ HAI (*Dutiyavivādamūlasutta*) (*A*. V. 78)

43. – Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu cội gốc của tranh luận?

– Này Upāli, có mười cội gốc của tranh luận. Thế nào là mười?

– Ở đây, này Upāli, Tỷ-kheo thuyết không phạm tội là phạm tội; thuyết phạm tội là không phạm tội; thuyết tội nhẹ là tội trọng; thuyết tội trọng là tội nhẹ;

thuyết tội thô ác (*duṭṭhulla*) là tội phi thô ác; thuyết tội phi thô ác là tội thô ác; thuyết tội có thể sám hối (*sāvasesa*) là tội không thể sám hối; thuyết tội không thể sám hối là tội có thể sám hối; thuyết tội có thể giải trừ (*sappaṭikammaṃ*) là tội không thể giải trừ; thuyết tội không thể giải trừ là tội có thể giải trừ. Này Upāli, đây là mười cội gốc của tranh luận.

IV. KINH TẠI KUSINĀRĀ (*Kusinārasutta*) (*A*. V. 79)

44. Một thời, Thế Tôn trú ở Kusinārā, trong khóm rừng Baliharaṇa. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo buộc tội, muốn buộc tội người khác, sau khi quán sát nội thân năm pháp, sau khi khiến năm pháp an trú nội tâm, rồi hãy buộc tội người khác.

Thế nào là năm pháp cần phải quán sát nội thân?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo buộc tội, trong khi buộc tội người khác, cần quán sát như sau: "Ta có thân hành thanh tịnh hay không? Ta có thành tựu thân hành thanh tịnh, không có khiếm khuyết, không có lỗi lầm hay không? Ta có pháp này hay không có?" Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo thân hành không có thanh tịnh, không thành tựu thân hành thanh tịnh, có khiếm khuyết, có lỗi lầm, có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Tôn giả hãy học tập về thân." Như vậy, các Tỷ-kheo nói với vị ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo buộc tội, muốn buộc tội người khác, cần phải quán sát như sau: "Ta có khẩu hành thanh tịnh hay không? Ta có thành tựu khẩu hành thanh tịnh, không có khiếm khuyết, không có lỗi lầm hay không? Ta có pháp này hay không có?" Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khẩu hành không có thanh tịnh, không có thành tựu khẩu hành thanh tịnh, không có khiếm khuyết, không có lỗi lầm, có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Tôn giả hãy học tập về lời." Như vậy, các Tỷ-kheo nói với vị ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo buộc tội, muốn buộc tội người khác, cần phải quán sát như sau: "Ta có an lập từ tâm, không sân hận đối với các vị đồng Phạm hạnh hay không? Trong ta có pháp ấy hay không có?" Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không an lập từ tâm, sân hận đối với các vị đồng Phạm hạnh, có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Tôn giả hãy an lập từ tâm đối với các vị đồng Phạm hạnh." Như vậy, các Tỷ-kheo nói với vị ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo buộc tội, muốn buộc tội người khác, cần phải quán sát như sau: "Ta có phải là người nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, cất giữ điều đã nghe hay không? Những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh,

những pháp ấy, ta có nghe nhiều, có thọ trì, có tụng đọc bằng lời, có suy tư với ý, được khéo thể nhập với chánh kiến không? Pháp ấy có nơi ta hay không?" Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không phải là vị nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, cất giữ điều đã nghe; những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy không có nghe nhiều, không có thọ trì, không có tụng đọc bằng lời, không có suy tư với ý, không khéo thể nhập với chánh kiến, có người sẽ nói về vị ấy như sau: "Tôn giả hãy học tập về A-hàm (*Āgama*) đi."[52] Như vậy, các Tỷ-kheo nói với vị ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo buộc tội, muốn buộc tội người khác, cần phải quán sát như sau: "Cả hai bộ Giới bổn (*Pātimokkha*), ta có khéo truyền đạt một cách rộng rãi, khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết hay không?" Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không khéo truyền đạt một cách rộng rãi về hai bộ Giới bổn, không khéo phân tích, không khéo thông hiểu, không khéo quyết định, không theo kinh, không theo chi tiết, thì: "Thưa Tôn giả, vấn đề này được Thế Tôn nói tại chỗ nào?" Được hỏi như vậy, vị ấy không có thể trả lời. Người ta sẽ nói về vị ấy như sau: "Mong rằng Tôn giả hãy học tập về Luật." Như vậy, có người sẽ nói với vị ấy.

Năm pháp này, cần phải tự quán sát về nội thân.

Năm pháp nào cần phải an trú nội tâm?

"Ta nói đúng thời, không phải phi thời; ta nói đúng sự thật, không phải không đúng sự thật; ta nói lời nhu hòa, không phải nói lời thô bạo; ta nói lời liên hệ đến mục đích, không phải lời không liên hệ đến mục đích; ta nói với tâm từ bi, không nói với tâm sân hận."

Năm pháp này cần phải an trú nội tâm.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo muốn buộc tội người khác, sau khi quán sát nội thân về năm pháp này, sau khi an trú nội tâm về năm pháp này, hãy buộc tội người khác.

V. KINH ĐI VÀO HẬU CUNG (*Rājantepurappavesanasutta*)[53] (*A*. V. 81)

45. – Này các Tỷ-kheo, vào hậu cung của vua có mười nguy hại này. Thế nào là mười?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vua đang ngồi với hoàng hậu. Khi thấy Tỷ-kheo, hoàng hậu mỉm cười; hay khi thấy hoàng hậu, Tỷ-kheo mỉm cười. Ở đây, vua khởi lên ý nghĩ: "Chắc những người này đã làm hay sẽ làm [tội lỗi] gì?" Này các Tỷ-kheo, đây là nguy hại thứ nhất khi vào hậu cung của vua.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vua bận nhiều công việc, bận nhiều công việc phải làm, đi đến với một cung nữ rồi quên. Cung nữ ấy có thai. Ở đây, vua

---

[52] *Āgama* thường chỉ cho bốn bộ *Nikāya*. Vị nào thông hiểu bốn bộ này được gọi là vị *Āgatāgama*.

[53] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.6. 0777a15).

khởi lên ý nghĩ: "Không có một ai vào đây, trừ vị xuất gia. Có thể vị xuất gia đã làm như vậy." Này các Tỷ-kheo, đây là nguy hại thứ hai khi vào các hậu cung của vua.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong hậu cung của vua có một châu báu bị mất cắp. Ở đây, vua khởi lên ý nghĩ: "Không có một ai vào đây, trừ vị xuất gia. Có thể là vị xuất gia đã làm như vậy." Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ ba khi vào hậu cung của vua.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong hậu cung của vua, có những việc cơ mật bị tiết lộ ra ngoài. Ở đây, vua khởi lên ý nghĩ: "Không có một ai vào đây, trừ vị xuất gia. Có thể là vị xuất gia đã làm như vậy." Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ tư khi vào hậu cung của vua.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong hậu cung của vua, cha muốn giết[54] con, hay con muốn giết cha. Họ khởi lên ý nghĩ: "Không có một ai vào đây, trừ vị xuất gia. Có thể vị xuất gia đã làm như vậy." Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ năm khi vào hậu cung của vua.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vua đặt người có địa vị thấp lên địa vị cao. Việc này không làm vừa ý một số người, các người này khởi lên ý nghĩ: "Vua thân cận với vị xuất gia. Có thể vị xuất gia đã làm như vậy." Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ sáu khi vào hậu cung của vua.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vua đặt người có địa vị cao xuống chỗ địa vị thấp. Việc này không làm vừa lòng một số người, các người này khởi lên ý nghĩ: "Vua thân cận với vị xuất gia. Có thể là vị xuất gia đã làm như vậy." Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ bảy khi vào hậu cung của vua.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vua điều động quân đội không đúng thời. Việc này không làm vừa lòng một số người, các người này khởi lên ý nghĩ: "Vua thân cận với vị xuất gia. Có thể vị xuất gia đã làm như vậy." Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ tám khi vào hậu cung của vua.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vua sau khi điều động quân đội đúng thời, từ giữa đường lại rút lui quân. Việc làm này không làm vừa lòng một số người, các người này khởi lên ý nghĩ: "Vua thân cận với vị xuất gia. Có thể là vị xuất gia đã làm như vậy." Này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ chín khi vào hậu cung của vua.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, trong hậu cung nhà vua, rộn rịp với voi, rộn rịp với ngựa, rộn rịp với xe cộ, có những sắc, thanh, hương, vị, xúc hấp dẫn, không thích hợp với người xuất gia. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đây là sự nguy hại thứ mười khi vào hậu cung của vua.

Này các Tỷ-kheo, đây là mười sự nguy hại khi vào hậu cung của vua.

---

[54] *Pitā vā puttaṃ pattheti putto vā pitaraṃ pattheti. AA*. V. 36: *Patthetīti māretuṃ icchati* (*Pattheti* có nghĩa là muốn giết).

VI. KINH CÁC VỊ THÍCH TỬ (*Sakkasutta*)[55] (*A*. V. 83)

46. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa các Thích tử tại Kapilavatthu, trong khu vườn Nigrodha. Bấy giờ, có rất nhiều nam cư sĩ Thích tử, trong ngày trai giới (*Uposatha*) đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các nam cư sĩ Thích tử đang ngồi một bên:

– Này các Thích tử, các ông có thực hành ngày trai giới đầy đủ tám chi phần không?

– Bạch Thế Tôn, có khi chúng con thực hành ngày trai giới đầy đủ tám chi phần, có khi chúng con không thực hành.

– Này các Thích tử, như vậy không được lợi ích cho các ông! Như vậy khó được lợi ích cho các ông! Vì rằng trong đời sống liên hệ đến sợ hãi về sầu khổ, trong đời sống liên hệ đến sợ hãi về chết, có khi các ông thực hành ngày trai giới đầy đủ tám chi phần, có khi các ông không thực hành. Các ông nghĩ thế nào, này các Thích tử, ở đây, có người trong một vài công việc, không gặp một ngày kém may mắn nào, lãnh được nửa đồng tiền vàng. Như vậy, có vừa đủ để có người nói về người ấy như sau: "Thật là người thông minh, đầy đủ sự tháo vát"?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Thích tử, ở đây, có người trong một vài công việc, không gặp một ngày kém may mắn nào, lãnh được một đồng tiền vàng... lãnh được hai đồng tiền vàng... lãnh được ba đồng tiền vàng... lãnh được bốn đồng tiền vàng... lãnh được năm đồng tiền vàng... lãnh được sáu đồng tiền vàng... lãnh được bảy đồng tiền vàng... lãnh được tám đồng tiền vàng... lãnh được chín đồng tiền vàng... lãnh được mười đồng tiền vàng... lãnh được hai mươi... lãnh được ba mươi... lãnh được bốn mươi... lãnh được năm mươi đồng tiền vàng. Như vậy, có vừa đủ để người ta nói về người ấy như sau: "Người này là người thông minh, đầy đủ sự tháo vát"?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Thích tử, nếu người ấy, mỗi ngày lãnh được một trăm đồng tiền vàng, một ngàn đồng tiền vàng, cất giấu số tiền đã lãnh được đến một trăm tuổi, sống được đến một trăm năm, có phải người ấy thâu được một số tài sản sở hữu lớn?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Các ông nghĩ thế nào, này các Thích tử, người ấy do nhân của cải sở hữu, do duyên của cải sở hữu, do kết quả của cải sở hữu trong một đêm hay trong một ngày, hay chỉ trong nửa đêm, hay chỉ trong nửa ngày, sống hưởng nhất hướng lạc được không?

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

---

[55] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1121. 0297b19).

– Vì sao?

– Dục, bạch Thế Tôn, là vô thường, là trống rỗng, là giả dối, bản chất là giả dối.

– Ở đây, này các Thích tử, đệ tử của Ta, trong mười năm sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như lời Ta giảng dạy; như vậy, vị ấy thực hành, vị ấy có thể sống một trăm năm, mười ngàn năm, một trăm ngàn năm, một triệu năm được cảm thọ nhất hướng lạc; vị ấy có thể chứng được quả Nhất lai, quả Bất lai hay quả Dự lưu không có sai chạy.[56]

Này các Thích tử, đâu phải là mười năm; ở đây, đệ tử của Ta trong chín năm, trong tám năm, trong bảy năm, trong sáu năm, trong năm năm, trong bốn năm, trong ba năm, trong hai năm, trong một năm sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như lời Ta giảng dạy; như vậy, vị ấy thực hành, vị ấy có thể sống một trăm năm, mười ngàn năm, một trăm ngàn năm, một triệu năm được cảm thọ nhất hướng lạc; vị ấy có thể chứng quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả Dự lưu không có sai chạy.

Này các Thích tử, đâu phải là một năm; ở đây, vị đệ tử của Ta trong mười tháng sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như lời Ta giảng dạy; như vậy, vị ấy thực hành, vị ấy có thể sống một trăm năm, mười ngàn năm, một trăm ngàn năm, một triệu năm được cảm thọ nhất hướng lạc; vị ấy có thể chứng quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả Dự lưu không có sai chạy.

Này các Thích tử, đâu phải là mười tháng; ở đây, đệ tử của Ta trong chín tháng, trong tám tháng, trong bảy tháng, trong sáu tháng, trong năm tháng, trong bốn tháng, trong ba tháng, trong hai tháng, trong một tháng, trong nửa tháng sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như lời Ta giảng dạy; như vậy, vị ấy thực hành, vị ấy có thể sống một trăm năm, mười ngàn năm, một trăm ngàn năm, một triệu năm được cảm thọ nhất hướng lạc; vị ấy có thể chứng quả Nhất lai, quả Bất lai, hay quả Dự lưu không có sai chạy.

Này các Thích tử, đâu phải là nửa tháng; ở đây, đệ tử của ta trong mười đêm mười ngày... trong chín đêm chín ngày... trong bảy đêm bảy ngày... trong sáu đêm sáu ngày... trong năm đêm năm ngày... trong bốn đêm bốn ngày... trong ba đêm ba ngày... trong hai đêm hai ngày... trong một đêm một ngày... sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như lời Ta giảng dạy; như vậy, vị ấy thực hành, vị ấy có thể sống một trăm năm, mười ngàn năm, một trăm ngàn năm, một triệu năm được cảm thọ nhất hướng lạc; vị ấy có thể chứng quả Nhất lai, quả Bất lai hay quả Dự lưu không có sai chạy.

Này các Thích tử, như vậy không được lợi ích cho các ông! Như vậy khó được lợi ích cho các ông! Vì rằng trong đời sống liên hệ đến sợ hãi về đau khổ, trong đời sống liên hệ đến sợ hãi về chết, có khi các ông thực hành ngày trai giới đầy đủ tám chi phần, có khi các ông không thực hành.

---

[56] *Apaṇṇakaṃ*. Xem *A*. I. 120; *GS*. I. 97; *AA*. V. 37; *S*. IV. 253.

– Bạch Thế Tôn, vậy bắt đầu từ hôm nay chúng con sẽ hành trì ngày trai giới đầy đủ tám chi phần.

VII. KINH MAHĀLI (*Mahālisutta*) (*A*. V. 86)

47. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, Đại Lâm, tại ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Mahāli, người Licchavi, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahāli, người Licchavi, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm?

– Này Mahāli, do nhân tham, do duyên tham, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm. Này Mahali, do nhân sân, do duyên sân, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm. Do nhân si, do duyên si, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm. Này Mahāli, do nhân phi như lý tác ý, do duyên phi như lý tác ý, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm. Này Mahāli, do nhân tâm tà hướng, do duyên tâm tà hướng, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm. Này Mahāli, đây là nhân, đây là duyên, ác nghiệp được làm, ác nghiệp được tiếp tục làm.

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm?

– Này Mahāli, do nhân vô tham, do duyên vô tham, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm. Này Mahāli, do nhân vô sân, do duyên vô sân... do nhân vô si, do duyên vô si... do nhân như lý tác ý, do duyên như lý tác ý... do nhân tâm chánh hướng, do duyên tâm chánh hướng, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm. Này Mahāli, đây là nhân, đây là duyên, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm.

Và này Mahāli, nếu mười pháp này không hiện hữu ở đời, thời đây không có lời tuyên bố về phi pháp hành, bất bình đẳng hành, hay pháp hành, bình đẳng hành. Vì rằng, này Mahāli, mười pháp này hiện hữu ở đời, thời ở đây có lời tuyên bố về phi pháp hành, bất bình đẳng hành, hay pháp hành, bình đẳng hành.

VIII. KINH NGƯỜI XUẤT GIA LUÔN QUÁN SÁT (*Pabbajitaabhiṇhasutta*)[57] (*A*. V. 87)

48. Này các Tỷ-kheo, có mười pháp này, vị xuất gia phải luôn luôn quán sát. Thế nào là mười?

Vị xuất gia phải luôn luôn quán sát: "Ta nay đi đến tình trạng là người không có giai cấp". Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát: "Đời sống của ta tùy thuộc vào người khác." Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát: "Nay cử chỉ uy nghi của ta cần phải thay đổi." Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán

[57] Bản tiếng Anh của PTS: *Conditions*, nghĩa là *Các pháp*.

sát: "Không biết tự ngã[58] có chỉ trích ta về giới hạnh không?" Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát: "Không biết các vị đồng Phạm hạnh có trí, sau khi tìm hiểu, có chỉ trích ta về giới hạnh không?" Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát: "Mọi sự vật khả ái, khả ý của ta bị đổi khác, bị biến hoại." Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát: "Ta là chủ của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, là thai tạng của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ quy hướng của nghiệp; phàm nghiệp gì ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy." Vị xuất gia cần phải luôn quán sát: "Đêm ngày trôi qua bên ta và nay ta đã thành người như thế nào?" Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát: "Ta có cố gắng hoan hỷ trong ngôi nhà trống hay không?" Vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát: "Ta có chứng được pháp Thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh không, để đến những ngày cuối cùng, các vị đồng Phạm hạnh có hỏi, ta sẽ không có xấu hổ?"

Này các Tỷ-kheo, mười pháp này, vị xuất gia cần phải luôn luôn quán sát.

IX. KINH TRÚ THÂN (*Sarīraṭṭhadhammasutta*) (*A*. V. 88)

49. Này các Tỷ-kheo, mười pháp này liên hệ đến thân. Thế nào là mười? Lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, chế ngự thân, chế ngự lời, chế ngự mạng sống, tái sanh hữu hành.

Này các Tỷ-kheo, có mười pháp này liên hệ đến thân.

X. KINH ĐẤU TRANH (*Bhaṇḍanasutta*) (*A*. V. 88)

50. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn của ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo sau khi đi khất thực, ăn xong và trở về, cùng nhau ngồi hội họp trong hội trường, cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ chỗ thiền tịnh đứng dậy, đi đến hội trường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nay các ông hội họp, bàn đến vấn đề gì? Câu chuyện gì giữa các ông đang bị gián đoạn?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau khi đi khất thực, ăn xong và trở về, chúng con ngồi hội họp trong hội trường, cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi.

– Này các Tỷ-kheo, thật là không xứng đáng cho các ông, các thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với binh khí miệng lưỡi. Này các Tỷ-kheo, có mười pháp này cần phải ghi nhớ,[59] tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí. Thế nào là mười?

---

[58] Xem *GS*. I. 116, 125. Theo *AA*. V. 39, *atta* chỉ cho *cittaṃ*.

[59] *Dhammo sāraṇīyo*. Xem *D*. III. 245.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới,[60] sống được chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Phàm vị Tỷ-kheo nào có giới, sống chế ngự... trong các học pháp. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính... hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo có nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe, cất giữ điều đã nghe; những pháp gì, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, các pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì, đã đọc tụng bằng lời, đã quan sát với ý, đã khéo thông đạt nhờ chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, phàm vị Tỷ-kheo nào có nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe... khéo thông đạt nhờ chánh kiến. Đây là pháp cần phải ghi nhớ tạo thành tương ái, tạo thành tương kính... hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu. Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nào làm bạn với thiện hữu... giao thiệp với thiện hữu. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái... hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói,[61] kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới. Này các Tỷ-kheo, vì rằng, vị Tỷ-kheo nào dễ nói... khéo chấp nhận những lời giáo giới. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái... hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phàm có những công việc cần phải làm, hoặc lớn, hoặc nhỏ đối với các vị đồng Phạm hạnh; ở đây, vị ấy khéo léo và tinh cần, thành tựu sự suy tư đến các phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào, phàm có những công việc gì... vừa đủ để tổ chức. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái... hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa Pháp, cùng nói chuyện một cách dễ thương, vô cùng hân hoan trong Thắng pháp, trong Thắng luật. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào ưa pháp... trong Thắng luật. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái... hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào sống tinh cần tinh tấn... đối với các thiện pháp. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái... hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết đủ đối với các vật dụng như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào biết đủ... dược phẩm trị bệnh. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái... hòa hợp, nhất trí.

[60] Xem *A*. V. 23; *GS*. V. 18 (kinh 17 ở trước).

[61] Xem *A*. II. 148; III. 180.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chánh niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức niệm, tùy niệm việc đã làm từ lâu, đã nói từ lâu. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào chánh niệm... đã nói từ lâu. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái... hòa hợp, nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có trí tuệ, thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Này các Tỷ-kheo, phàm Tỷ-kheo nào có trí tuệ, thành tựu với trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thuộc bậc Thánh, thể nhập và hướng đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Đây là pháp cần phải ghi nhớ, tạo thành tương ái, tạo thành tương kính, đưa đến hòa đồng, đưa đến không tranh luận, hòa hợp, nhất trí.



VI. PHẨM TÂM CỦA MÌNH (*SACITTAVAGGA*)

I. KINH TÂM CỦA MÌNH (*Sacittasutta*)[62] (*A*. V. 92)

51. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thời cần phải nguyện rằng: "Ta sẽ thiện xảo trong hành tướng tâm của ta."[63] Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào, Tỷ-kheo thiện xảo trong hành tướng tâm của mình?

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đàn bà hay một người đàn ông còn trẻ, trong tuổi thanh niên, tánh ưa trang điểm, quán sát hình ảnh mặt mình trong tấm gương thanh tịnh trong sáng, hay trong một bát nước trong. Nếu thấy trên mặt có hạt bụi hay dấu nhớp gì, người ấy cố gắng lau sạch hạt bụi hay dấu nhớp ấy. Nếu không thấy hạt bụi hay dấu nhớp, người ấy hoan hỷ, thỏa mãn: "Thật lợi đắc cho ta! Ta thật là trong sạch!" Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát như vậy được nhiều lợi ích trong các thiện pháp: "Có phải ta sống nhiều với tham, hay ta sống nhiều với không tham? Có phải ta sống nhiều với tâm có sân, hay ta sống nhiều với tâm không có sân? Có phải ta sống nhiều với hôn trầm thụy miên chi phối, hay ta sống nhiều với hôn trầm thụy miên được từ bỏ? Có phải ta sống nhiều với trạo cử,[64] hay ta sống nhiều với không trạo cử? Có phải ta sống nhiều với nghi ngờ, hay ta sống nhiều với vượt qua được nghi ngờ? Có phải ta sống nhiều với phẫn nộ, hay ta sống nhiều với không bị phẫn nộ? Có phải ta sống nhiều với tâm bị nhiễm ô, hay ta sống nhiều với tâm không bị nhiễm ô? Có phải ta sống nhiều với thân nhiệt nóng, hay ta sống nhiều với thân không nhiệt nóng? Có phải ta sống nhiều với biếng nhác, hay ta sống nhiều với

---

[62] Bản tiếng Anh của PTS: *One's Own Heart* (a) (*By the Master*), nghĩa là *Tâm của mình* (a) (*do bậc Đạo sư thuyết*). Tham chiếu: *Tự quán tâm kinh* 自觀心經 (*T*.01. 0026.110. 0598c21).

[63] *AA*. V. 41: *Sacittapariyāyakusaloti attano cittavārakusalo* ("Thiện xảo trong hành tướng tâm của ta" nghĩa là thiện xảo trong sự diễn biến của tâm mình).

[64] Xem *S*. V. 112; *KS*. V. 95, quá thụ động và quá hăng hái cũng là trở ngại cho tâm an tịnh.

tinh tấn tinh cần? Có phải ta sống nhiều với không định tĩnh, hay ta sống nhiều với định tĩnh?"

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo quán sát như vậy, biết rằng: "Ta sống nhiều với tâm tham; ta sống nhiều với tâm sân; ta sống nhiều với tâm bị hôn trầm thụy miên chi phối; ta sống nhiều với trạo cử; ta sống nhiều với nghi ngờ; ta sống nhiều với phẫn nộ; ta sống nhiều với tâm bị nhiễm ô; ta sống nhiều với thân nhiệt nóng; ta sống nhiều với biếng nhác; ta sống nhiều với không định tĩnh", thời Tỷ-kheo ấy cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác[65] để đoạn tận các pháp ác, bất thiện ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, khi khăn bị cháy, hay khi đầu bị cháy, cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để dập tắt khăn hay đầu bị cháy ấy. Cũng vậy, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để đoạn tận các pháp ác, bất thiện ấy.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo quán sát như vậy, biết rằng: "Ta sống nhiều với tâm không tham; ta sống nhiều với tâm không sân; ta sống nhiều với tâm không hôn trầm thụy miên; ta sống nhiều với tâm không trạo cử; ta sống nhiều với tâm nghi ngờ được vượt qua; ta sống nhiều với tâm không phẫn nộ; ta sống nhiều với tâm không nhiễm ô; ta sống nhiều với thân không nhiệt nóng; ta sống nhiều với tâm tinh tấn tinh cần; ta sống nhiều với tâm định tĩnh", thời Tỷ-kheo ấy, sau khi an trú trong các thiện pháp ấy, rồi hơn nữa cần chú tâm đoạn diệt các lậu hoặc.

II. KINH SĀRIPUTTA (*Sāriputtasutta*)[66] (*A*. V. 94)

52. Rồi Tôn giả Sāriputta nói với các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền giả!

– Thưa vâng Tôn giả.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau: ... (Như kinh trên, chỉ khác là "Tôn giả Sāriputta nói với các Tỷ-kheo").

III. KINH ĐỨNG MỘT CHỖ (*Ṭhitisutta*)[67] (*A*. V. 96)

53. Này các Tỷ-kheo, Ta không tán thán đứng một chỗ trong các thiện pháp, còn nói gì tổn giảm (*parihāniṃ*). Này các Tỷ-kheo, Ta tán thán tăng trưởng trong các thiện pháp, không đứng một chỗ, không tổn giảm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tổn giảm trong các thiện pháp, không đứng một chỗ, không tăng trưởng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo đang cố gắng để đạt được lòng tin,

---

[65] Xem *S*. IV. 440; *KS*. V. 372.

[66] Bản tiếng Anh của PTS: *One's Own Heart* (b) (*By Sāriputta*), nghĩa là *Tâm của mình* (b) (*do Tôn giả Sāriputta thuyết*).

[67] Tham chiếu: *Trụ pháp kinh* 住法經 (*T*.01. 0026.95. 0577b01).

giới đức, nghe nhiều, bố thí, biện tài với trí tuệ;[68] các pháp ấy đối với vị này không đứng một chỗ, không tăng trưởng. Này các Tỷ-kheo, Ta gọi như vậy là tổn giảm trong các thiện pháp, không đứng một chỗ, không tăng trưởng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là tổn giảm trong các thiện pháp, không đứng một chỗ, không tăng trưởng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đứng một chỗ trong các thiện pháp, không tổn giảm, không tăng trưởng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cố gắng để đạt được lòng tin, giới đức, nghe nhiều, bố thí và biện tài với trí tuệ; những pháp ấy đối với vị này không tổn giảm, không tăng trưởng. Này các Tỷ-kheo, Ta gọi như vậy là đứng một chỗ trong các thiện pháp, không tổn giảm, không tăng trưởng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là đứng một chỗ trong các thiện pháp, không tổn giảm, không tăng trưởng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tăng trưởng trong các thiện pháp, không đứng một chỗ, không tổn giảm?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cố gắng để đạt được lòng tin, giới đức, nghe nhiều, bố thí và biện tài với trí tuệ; những pháp ấy đối với vị này không đứng một chỗ, không tổn giảm. Này các Tỷ-kheo, Ta gọi như vậy là tăng trưởng trong các thiện pháp, không đứng một chỗ, không tổn giảm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là tăng trưởng trong các thiện pháp, không đứng một chỗ, không tổn giảm.

Này các Tỷ-kheo, dầu Tỷ-kheo không thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thời cần phải nguyện rằng: "Ta sẽ thiện xảo trong hành tướng tâm của ta." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo trong hành tướng tâm của mình? (Như kinh 51).

IV. KINH TỊNH CHỈ (*Samathasutta*)[69] (*A*. V. 98)

54. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo không thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác thời cũng phải nguyện rằng: "Ta sẽ thiện xảo trong hành tướng tâm của ta." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo trong hành tướng tâm của mình?

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đàn bà hay một người đàn ông còn trẻ, trong tuổi thanh niên, ưa muốn trang điểm, quán sát hình ảnh mặt mình trong tấm gương thanh tịnh trong sáng, hay trong một bát nước trong, nếu thấy trên mặt có một hạt bụi hay dấu nhớp gì, người ấy cố gắng lau sạch hạt bụi ấy hay dấu nhớp ấy; nếu không thấy hạt bụi hay dấu nhớp, người ấy hoan hỷ thỏa mãn: "Thật lợi đắc cho ta! Ta thật là trong sạch!" Cũng vậy, này các Tỷ-kheo,

---

[68] *AA*. V. 42: *Paṭibhānenāti vacanasaṇṭhānena* ("Biện tài" nghĩa là có cách nói hay). Xem thêm *A*. III. 80; *S*. IV. 250.

[69] Tham chiếu: *Tự quán tâm kinh* 自觀心經 (*T*.01. 0026.109. 0598c07).

Tỷ-kheo quán sát như vậy được nhiều lợi ích trong các thiện pháp: "Có phải ta được lợi đắc nội tâm tịnh chỉ, hay ta không được lợi đắc nội tâm tịnh chỉ? Có phải ta được tăng thượng tuệ pháp quán, hay không được tăng thượng tuệ pháp quán?"

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, biết như sau: "Ta có được nội tâm tịnh chỉ nhưng ta không được tăng thượng tuệ pháp quán", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi an trú nội tâm tịnh chỉ, cần phải nỗ lực để đạt cho được tăng thượng tuệ pháp quán ấy. Vị ấy, sau một thời gian, đạt được nội tâm tịnh chỉ và được tăng thượng tuệ pháp quán.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, biết như sau: "Ta có được tăng thượng tuệ pháp quán nhưng không có được nội tâm tịnh chỉ", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sau khi an trú tăng thượng tuệ pháp quán, cần phải nỗ lực để đạt cho được nội tâm tịnh chỉ. Vị ấy, sau một thời gian, đạt được tăng thượng tuệ pháp quán và chứng được nội tâm tịnh chỉ.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, biết như sau: "Ta không có được nội tâm tịnh chỉ, ta không có được tăng thượng tuệ pháp quán", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để đạt cho được các thiện pháp. Ví như, này các Tỷ-kheo, khi khăn bị cháy hay khi đầu bị cháy, cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để dập tắt khăn hay đầu bị cháy ấy; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để đạt cho được các thiện pháp ấy. Vị ấy, trong một thời gian khác, đạt được nội tâm tịnh chỉ và đạt được tăng thượng tuệ pháp quán.

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, biết như sau: "Ta có được nội tâm tịnh chỉ, ta có được tăng thượng tuệ pháp quán", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy sau khi an trú trong các thiện pháp ấy, cần phải nỗ lực, chú tâm để đoạn diệt các lậu hoặc nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói, y có hai loại: Nên sử dụng (*sevitabba*) và không nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng nói, đồ ăn khất thực có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng nói, sàng tọa có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng nói, làng, thị trấn có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng nói, quốc độ có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng nói, người có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói, y có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, nếu biết được y áo nào: "Y áo này[70] được ta sử dụng, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm", thời y áo như vậy không nên sử

[70] Đoạn này được tìm thấy trong *A*. IV. 366ff.

dụng. Ở đây, nếu biết được y áo nào: "Y áo này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời y áo như vậy nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, y có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, đồ ăn khất thực có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, nếu biết được đồ ăn khất thực nào: "Đồ ăn khất thực này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm", thời đồ ăn khất thực như vậy không nên sử dụng. Ở đây, nếu biết được đồ ăn khất thực nào: "Đồ ăn khất thực này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời đồ ăn khất thực như vậy nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, đồ ăn khất thực có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỳ-Kheo, Ta nói rằng, sàng tọa có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, nếu biết được sàng tọa nào: "Sàng tọa này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm", thời sàng tọa như vậy không nên sử dụng. Ở đây, nếu biết được sàng tọa nào: "Sàng tọa này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời sàng tọa như vậy nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, sàng tọa có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, làng, thị trấn có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, nếu biết được làng, thị trấn nào: "Làng, thị trấn này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện bị tổn giảm", thời làng, thị trấn như vậy không nên sử dụng. Ở đây, nếu biết được làng, thị trấn nào: "Làng, thị trấn này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời làng, thị trấn như vậy nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, làng, thị trấn có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, quốc độ có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, nếu biết được quốc độ nào: "Quốc độ này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm", thời quốc độ như vậy không nên sử dụng. Ở đây, nếu biết được quốc độ nào: "Quốc độ này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời quốc độ như vậy nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, quốc độ có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, nếu biết được người nào: "Người này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm", thời người như vậy không nên sử dụng. Ở đây, nếu biết được người nào: "Người này được ta sử dụng, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng", thời người như vậy nên sử dụng. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, người có hai loại: Nên sử dụng và không nên sử dụng, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

V. KINH TỔN GIẢM (*Parihānasutta*)[71] (*A*. V. 102)

55. Ở đây, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Có người bản tánh là tổn giảm, có người bản tánh là không tổn giảm, này chư Hiền, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, này chư Hiền, người bản tánh là tổn giảm được Thế Tôn nói đến? Cho đến như thế nào, này chư Hiền, người bản tánh là không tổn giảm được Thế Tôn nói đến?

– Thưa Hiền giả, chúng tôi đi từ xa đến để được hiểu rõ ý nghĩa lời nói này từ Tôn giả Sāriputta. Lành thay, nếu ý nghĩa lời nói này được Tôn giả Sāriputta nói lên! Sau khi nghe Tôn giả Sāriputta nói, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này chư Hiền, hãy nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Cho đến như thế nào, này chư Hiền, người bản tánh là tổn giảm được Thế Tôn nói đến?

Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo không nghe pháp chưa được nghe, và pháp đã được nghe đi đến bị quên; các pháp trước kia tâm đã có cảm xúc, những pháp ấy không được hiện hành, và không thức tri những pháp chưa được thức tri. Cho đến như vậy, này chư Hiền, người bản tánh là tổn giảm được Thế Tôn nói đến.

Nhưng này chư Hiền, cho đến như thế nào, này chư Hiền, người bản tánh là không tổn giảm được Thế Tôn nói đến?

Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo nghe pháp chưa được nghe, và các thiện pháp được nghe không có quên đi. Và những pháp nào trước kia tâm đã có cảm xúc, những pháp ấy được hiện hành, và thức tri những pháp chưa được thức tri. Cho đến như vậy, này chư Hiền, là người bản tánh không bị tổn giảm được Thế Tôn nói đến.

Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo không thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, thời cũng phải nguyện rằng: "Ta sẽ thiện xảo trong hành tướng tâm của ta." Như vậy, này chư Hiền, chư Hiền cần phải học tập.

---

[71] Tham chiếu: *Vô kinh* 無經 (*T*.01. 0026.96. 0577c15).

Và này chư Hiền, thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo trong hành tướng tâm của mình?

Ví như, này chư Hiền, một người đàn bà hay một người đàn ông còn trẻ, trong tuổi thanh niên, tánh ưa trang điểm, quán sát hình ảnh mặt của mình trong tấm gương thanh tịnh trong sáng, hay trong một bát nước trong, nếu thấy trên mặt có hạt bụi hay dấu nhớp gì, người ấy cố gắng lau sạch hạt bụi hay dấu nhớp ấy; nếu không thấy hạt bụi hay dấu nhớp, người ấy hoan hỷ thỏa mãn: "Thật lợi đắc cho ta! Ta thật là trong sạch!" Cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo có quán sát như vậy, được nhiều lợi ích trong các thiện pháp: "Có phải ta sống nhiều với tâm không tham? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta sống nhiều với tâm không sân? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta sống nhiều với hôn trầm thụy miên? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta sống nhiều với không trạo cử? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta sống nhiều với nghi ngờ? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta sống nhiều với không phẫn nộ? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta sống nhiều với tâm không nhiễm ô? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta có được nội tâm pháp hỷ? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta đã được nội tâm an chỉ? Không biết trong ta có pháp này hay không có? Có phải ta đã có được tối thắng tuệ pháp quán? Không biết trong ta có pháp này hay không có?"

Này chư Hiền, nếu vị Tỷ-kheo trong khi quán sát, không thấy có trong tự ngã tất cả thiện pháp này, thời Tỷ-kheo ấy cần phải quyết định ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để có được tất cả thiện pháp này. Ví như, này chư Hiền, khi khăn bị cháy hay khi đầu bị cháy, cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để dập tắt khăn hay đầu bị cháy ấy; cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo ấy cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dũng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để có được tất cả thiện pháp này.

Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, thấy trong tự ngã có một số thiện pháp và không thấy có một số thiện pháp; thời này chư Hiền, đối với các thiện pháp nào vị ấy thấy có trong tự ngã, vị ấy an trú trong các thiện pháp ấy; đối với các thiện pháp nào, vị ấy không thấy có trong tự ngã, vị ấy cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để có được tất cả thiện pháp này. Ví như, này chư Hiền, khi khăn bị cháy hay khi đầu bị cháy, cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để dập tắt khăn hay đầu bị cháy ấy; cũng vậy, này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo, trong khi quán sát, thấy trong tự ngã có một số thiện pháp, thời an trú trong các thiện pháp ấy; còn đối với các thiện pháp vị ấy không thấy trong tự ngã, vị ấy cần phải quyết định, ước muốn, tinh tấn, nỗ lực, dõng mãnh, bất thối, chánh niệm, tỉnh giác để có được các thiện pháp ấy.

Này chư Hiền, nếu Tỷ-kheo trong khi quán sát, thấy tất cả pháp này đều có trong tự ngã, thời này chư Hiền, Tỷ-kheo ấy sau khi an trú trong tất cả thiện pháp này, cần phải nỗ lực chú tâm để đoạn diệt các lậu hoặc.

VI. KINH TƯỞNG THỨ NHẤT (*Paṭhamasaññāsutta*)[72] (*A*. V. 105)

56. Này các Tỷ-kheo, mười tưởng này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là mười? Tưởng bất tịnh, tưởng chết, tưởng nhàm chán trong các món ăn, tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trên vô thường, tưởng vô ngã trên khổ, tưởng đoạn tận, tưởng ly tham, tưởng đoạn diệt.

Này các Tỷ-kheo, mười tưởng này, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh.

VII. KINH TƯỞNG THỨ HAI (*Dutiyasaññāsutta*)[73] (*A*. V. 106)

57. Này các Tỷ-kheo, có mười tưởng này, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh. Thế nào là mười? Tưởng vô thường, tưởng vô ngã, tưởng chết, tưởng nhàm chán trong các món ăn, tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng xương, tưởng trùng ăn, tưởng xanh bầm, tưởng nứt nẻ, tưởng trương phồng.

Này các Tỷ-kheo, mười tưởng này được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn, thể nhập vào bất tử, lấy bất tử làm cứu cánh.

VIII. KINH PHẦN CĂN BẢN (*Mūlakasutta*)[74] (*A*. V. 106)

58. – Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo có hỏi như sau: "Này chư Hiền, tất cả pháp lấy gì làm căn bản? Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi? Tất cả pháp lấy gì làm tập khởi? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ quy tụ? Tất cả pháp lấy gì làm thượng thủ? Tất cả pháp lấy gì làm tăng thượng? Tất cả pháp lấy gì làm tối thượng? Tất cả pháp lấy gì làm lõi cây? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ thể nhập? Tất cả pháp lấy gì làm cứu cánh?" Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp lấy Thế Tôn làm căn bản, lấy Thế Tôn làm lãnh đạo, lấy Thế Tôn làm nương tựa... Thật lành thay, bạch Thế Tôn, nếu nghĩa của lời nói này được Thế Tôn nói lên! Sau khi nghe Thế Tôn nói, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

---

[72] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.9. 0780a16).

[73] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.46.10. 0780a28).

[74] Xem *A*. IV. 338. Bản tiếng Anh của PTS: *Rooted in the Exalted One*, nghĩa là *Lấy căn bản nơi Thế Tôn*. Tham chiếu: *Chư pháp bổn kinh* 諸法本經 (*T*.01. 0026.113. 0602b28); *Chư pháp bổn kinh* 諸法本經 (*T*.01. 0059. 0855c06).

– Này các Tỷ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "Này chư Hiền, tất cả pháp lấy gì làm căn bản? Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi? Tất cả pháp lấy gì làm tập khởi? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ quy tụ? Tất cả pháp lấy gì làm thượng thủ? Tất cả pháp lấy gì làm tăng thượng? Tất cả pháp lấy gì làm tối thượng? Tất cả pháp lấy gì làm lõi cây? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ thể nhập? Tất cả pháp lấy gì làm cứu cánh?"

Được hỏi vậy, này các Tỷ-kheo, các ông có thể trả lời như sau: "Tất cả pháp lấy dục làm căn bản. Tất cả pháp lấy tác ý làm sanh khởi. Tất cả pháp lấy xúc làm tập khởi. Tất cả pháp lấy thọ làm chỗ quy tụ. Tất cả pháp lấy định làm thượng thủ. Tất cả pháp lấy niệm làm tăng thượng. Tất cả pháp lấy tuệ làm tối thượng. Tất cả pháp lấy giải thoát làm lõi cây. Tất cả pháp lấy bất tử làm chỗ thể nhập. Tất cả pháp lấy Niết-bàn làm cứu cánh."

Này các Tỷ-kheo, được hỏi vậy, các ông có thể trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như vậy.

IX. KINH XUẤT GIA (*Pabbajjāsutta*) (*A*. V. 107)

59. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập như sau:

"Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập như khi xuất gia, các pháp bất thiện được sanh không có chinh phục tâm và không tồn tại: Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng vô thường; Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng vô ngã; Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng bất tịnh; Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng nguy hại; Sau khi biết được thế giới thăng bằng và không thăng bằng, tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng ấy; Sau khi biết được thế giới sanh khởi và đoạn diệt, tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng ấy; Sau khi biết được thế giới tập khởi và chấm dứt, tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng ấy; Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng đoạn tận; Tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng ly tham; Và tâm chúng ta sẽ được thực hành tích tập với tưởng đoạn diệt." Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông cần phải học tập.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo được tâm thực hành tích tập như khi xuất gia, các pháp bất thiện sanh khởi không chinh phục tâm và an trú, tâm được thực hành tích tập với tưởng vô thường; tâm được thực hành tích tập với tưởng vô ngã; tâm được thực hành tích tập với tưởng bất tịnh; tâm được thực hành tích tập với tưởng nguy hại; sau khi biết được thế giới thăng bằng và không thăng bằng, tâm được thực hành tích tập với tưởng ấy; sau khi biết được thế giới sanh khởi và đoạn diệt, tâm được thực hành tích tập với tưởng ấy; sau khi biết thế giới tập khởi và chấm dứt, tâm được thực hành tích tập với tưởng ấy; tâm được thực hành tích tập với tưởng đoạn tận; tâm được thực hành tích tập với tưởng ly tham; tâm được thực hành tích tập với tưởng đoạn diệt.

Đối với vị ấy, một trong hai quả này được chờ đợi, Chánh trí ngay trong hiện tại; nếu có dư y, chứng được Bất hoàn.

X. KINH GIRIMĀNANDA (*Girimānandasutta*) (*A*. V. 108)

60. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Girimānanda bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Girimānanda, bạch Thế Tôn, bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Lành thay, nếu Thế Tôn đi đến Tôn giả Girimānanda vì lòng từ mẫn!

– Này Ānanda, nếu ông đi đến Tỷ-kheo Girimānanda và đọc lên mười tưởng, thời sự kiện này có thể xảy ra: Tỷ-kheo Girimānanda sau khi được nghe mười tưởng, bệnh của vị ấy có thể được thuyên giảm[75] ngay lập tức. Thế nào là mười?

Tưởng vô thường,[76] tưởng vô ngã, tưởng bất tịnh, tưởng nguy hại, tưởng đoạn tận, tưởng từ bỏ, tưởng đoạn diệt, tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường trong tất cả hành, tưởng niệm hơi thở vô hơi thở ra.

Và này Ānanda, thế nào là tưởng vô thường?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quán sát như sau: "Sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường." Như vậy, vị ấy trú, tùy quán vô thường trong năm thủ uẩn này. Này Ānanda, đây gọi là tưởng vô thường.

Và này Ānanda, thế nào là tưởng vô ngã?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quán sát như sau: "Mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã; tai là vô ngã, các tiếng là vô ngã; mũi là vô ngã, các hương là vô ngã; lưỡi là vô ngã, các vị là vô ngã; thân là vô ngã, các xúc là vô ngã; ý là vô ngã, các pháp là vô ngã." Này Ānanda, đây gọi là tưởng vô ngã.

Và này Ānanda, thế nào là tưởng bất tịnh?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo quán sát thân này[77] từ bàn chân trở lên, từ đỉnh tóc trở xuống, được da bao bọc, đầy những vật bất tịnh sai biệt như: "Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da, thịt, dây gân, xương, tủy, thận, quả tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu." Như vậy, vị ấy trú quán bất tịnh trong thân này. Này Ānanda, đây gọi là tưởng bất tịnh.

Và này Ānanda, thế nào là tưởng nguy hại?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, quán sát như sau: "Nhiều khổ là thân này, nhiều sự nguy hại.

---

[75] Có vài trường hợp, người bệnh thuyên giảm khi nghe những lời pháp lành này. Xem *Kassapa*, *KS*. V. 66.

[76] Xem 10 tưởng trong *A*. V. 105 (kinh 56 ở trước) và 10 tưởng khác trong *KS*. V. 112.

[77] Xem danh sách tương tự trong *S*. V. 279; *KS*. IV. 69.

Như vậy trong thân này, nhiều loại bệnh khởi lên. Ví như bệnh đau mắt, bệnh đau về tai, bệnh đau mũi, bệnh đau lưỡi, bệnh đau thân, bệnh đau đầu, bệnh đau vành tai, bệnh đau miệng, bệnh đau răng, bệnh đau môi, bệnh ho, bệnh suyễn, bệnh sổ mũi, nóng, bệnh sốt, bệnh đau bụng, bất tỉnh, kiết lỵ, bệnh đau bụng quặn, bệnh thổ tả, bệnh hủi, bệnh ung nhọt, bệnh ghẻ lở, bệnh ho lao, bệnh trúng gió, bệnh da, bệnh ngứa, bệnh da đóng vảy, bệnh hắc lào lang ben, bệnh ghẻ, bệnh huyết đảm (mật trong máu), bệnh đái đường, bệnh trĩ, bệnh mụt nhọt, bệnh ung nhọt lở loét, các bệnh khởi lên do mật,[78] bệnh khởi lên từ đàm, niêm dịch, các bệnh khởi lên từ gió, bệnh do hòa hợp các thể dịch sinh ra, các bệnh do thời tiết sinh ra, các bệnh do làm việc quá độ sinh, các bệnh do sự trùng hợp các sự kiện, các bệnh do nghiệp thuần thục, lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện." Như vậy, vị ấy sống, quán sự nguy hại trong thân này. Này Ānanda, đây gọi là các tưởng nguy hại.

Và này Ānanda, thế nào là tưởng đoạn tận?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo không có chấp nhận dục tầm đã sanh, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không sanh trưởng; không có chấp nhận sân tầm đã sanh, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không sanh trưởng; không có chấp nhận hại tầm đã sanh... không có chấp nhận các ác, bất thiện pháp tiếp tục khởi lên, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không sanh trưởng. Này Ānanda, đây được gọi là tưởng đoạn tận.

Và này Ānanda, thế nào là tưởng từ bỏ?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, suy xét như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, ly tham, Niết-bàn." Này Ānanda, đây được gọi là tưởng từ bỏ.

Và này Ānanda, thế nào là tưởng đoạn diệt?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, suy xét như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, ái diệt, đoạn diệt, Niết-bàn." Này Ānanda, đây được gọi là tưởng đoạn diệt.

Và này Ānanda, thế nào là tưởng không hoan hỷ trong tất cả thế giới?

Ở đây, này Ānanda, phàm ở đời có những chấp thủ phương tiện, tâm quyết định, thiên kiến, tùy miên nào[79] Tỷ-kheo từ bỏ chúng, không ưa thích, không chấp thủ. Này Ānanda, đây gọi là tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tưởng vô thường trong tất cả hành?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo bực phiền, xấu hổ, nhàm chán[80] đối với tất cả hành. Này Ānanda, đây gọi là tưởng vô thường trong tất cả hành.

---

[78] Xem *A*. II. 87; *GS*. II. 97; *S*. IV. 230; *KS*. IV. 155.

[79] Xem *S*. II. 17, đây chỉ cho *pañca kāmaguṇā* với ý là thứ sáu.

[80] *Jigucchati*. Xem *KS*. III. 129.

Và này Ānanda, thế nào là tưởng niệm hơi thở vô hơi thở ra?

Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo đi đến khu rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng, để niệm trước mặt. Chánh niệm, vị ấy thở vô; chánh niệm, vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô dài"; thở ra dài, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra dài." Thở vô ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở vô ngắn"; thở ra ngắn, vị ấy rõ biết: "Tôi thở ra ngắn." "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "an tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "an tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác về tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "cảm giác về tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "với tâm định tĩnh, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán ly tham, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "quán ly tham, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán đoạn diệt, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "quán đoạn diệt, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Này Ānanda, đó là tưởng niệm hơi thở vô hơi thở ra.

Này Ānanda, nếu ông đi đến Tỷ-kheo Girimānanda và đọc lên mười tưởng này, sự kiện này có xảy ra: Tỷ-kheo Girimānanda, sau khi nghe mười tưởng này, bệnh của vị ấy được thuyên giảm ngay lập tức.

Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi học thuộc từ Thế Tôn mười tưởng này, đi đến Tôn giả Girimānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Girimānanda mười tưởng này. Và Tôn giả Girimānanda, sau khi nghe mười tưởng này, bệnh của vị ấy được thuyên giảm ngay lập tức. Tôn giả Girimānanda được thoát khỏi bệnh ấy. Được đoạn tận như vậy là chứng bệnh ấy của Tôn giả Girimānanda.

VII. PHẨM SONG ĐÔI
(*YAMAKAVAGGA*)

I. KINH VÔ MINH (*Avijjāsutta*)[81] (*A*. V. 113)

61. Này các Tỷ-kheo, khởi điểm đầu tiên của vô minh[82] không thể nêu rõ để có thể nói: "Trước điểm này, vô minh không có, rồi sau mới có." Như vậy, này các Tỷ-kheo, lời này được nói đến. Tuy vậy, sự việc này được nêu rõ: "Do duyên này, vô minh [có mặt]." Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, vô minh có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho vô minh? Năm triền cái, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, năm triền cái có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho năm triền cái? Ba ác hành, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, ba ác hành có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho ba ác hành? Các căn không chế ngự, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, các căn không chế ngự có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho các căn không chế ngự? Không chánh niệm tỉnh giác, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, không chánh niệm tỉnh giác có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không chánh niệm tỉnh giác? Phi như lý tác ý,[83] cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, phi như lý tác ý có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho phi như lý tác ý? Không có lòng tin, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, không có lòng tin có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không có lòng tin? Không nghe Diệu pháp, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, không nghe Diệu pháp có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho không nghe Diệu pháp? Không giao thiệp với bậc chân nhân, cần phải trả lời như vậy.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, không giao thiệp với bậc chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn không có nghe Diệu pháp; không có nghe Diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn không có lòng tin; không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn phi như lý tác ý; phi như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn không chánh niệm tỉnh giác; không chánh niệm tỉnh giác

[81] Tham chiếu: *Bổn tế kinh* 本際經 (*T*.01. 0026.51. 0487b03); *Thực kinh* 食經 (*T*.01. 0026.52-53. 0487c24-0489c25); *Bổn tướng y trí kinh* 本相猗致經 (*T*.01. 0036. 0820c19); *Duyên bổn trí kinh* 緣本致經 (*T*.01. 0037. 0820b21).

[82] Nội dung của kinh này và kinh sau được đề cập ở *KS*. II. 118ff.

[83] *Ayoniso manasikāraṃ*.

được viên mãn, thời làm viên mãn các căn không chế ngự; các căn không chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba ác hành; ba ác hành được viên mãn, thời làm viên mãn năm triền cái; năm triền cái được viên mãn, thời làm viên mãn vô minh.

Như vậy, đây là thức ăn cho vô minh này, và như vậy là sự viên mãn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hạt, nước mưa ấy chảy xuống theo sườn dốc, làm đầy các hang núi, các khe núi, các thung lũng; sau khi làm đầy các hang núi, các khe núi, các thung lũng, chúng làm đầy các hồ nhỏ; sau khi làm đầy các hồ nhỏ, chúng làm đầy các hồ lớn; sau khi làm đầy các hồ lớn, chúng làm đầy các sông nhỏ; sau khi làm đầy các sông nhỏ, chúng làm đầy các sông lớn; sau khi làm đầy các sông lớn, chúng làm đầy biển cả. Như vậy là thức ăn của biển lớn, của đại dương, và như vậy là sự viên mãn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, không giao thiệp với bậc chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn không có nghe Diệu pháp; không có nghe Diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn không có lòng tin; không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn phi như lý tác ý; phi như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn không chánh niệm tỉnh giác; không chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn không chế ngự; các căn không chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba ác hành; ba ác hành được viên mãn, thời làm viên mãn năm triền cái; năm triền cái được viên mãn, thời làm viên mãn vô minh.

Như vậy, đây là thức ăn của vô minh, và như vậy là sự viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, minh giải thoát có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho minh giải thoát? Bảy giác chi, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, bảy giác chi có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho bảy giác chi? Bốn niệm xứ, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, bốn niệm xứ có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho bốn niệm xứ? Ba thiện hành, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, ba thiện hành có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho ba thiện hành? Các căn được chế ngự, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, các căn được chế ngự có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho các căn được chế ngự? Chánh niệm tỉnh giác, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, chánh niệm tỉnh giác có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho chánh niệm tỉnh giác? Như lý tác ý, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, như lý tác ý có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho như lý tác ý? Lòng tin, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, lòng tin có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho lòng tin? Nghe Diệu pháp, cần phải trả lời như vậy.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, nghe Diệu pháp có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho nghe Diệu pháp? Giao thiệp với bậc chân nhân, cần phải trả lời như vậy.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, giao thiệp với bậc chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn nghe Diệu pháp; nghe Diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn lòng tin; lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn như lý tác ý; như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn chánh niệm tỉnh giác; chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn được chế ngự; các căn chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba thiện hành; ba thiện hành được viên mãn, thời làm viên mãn bốn niệm xứ; bốn niệm xứ được viên mãn, thời làm viên mãn bảy giác chi; bảy giác chi được viên mãn, thời làm viên mãn minh giải thoát.

Như vậy, đây là thức ăn của minh giải thoát, và như vậy là sự viên mãn.

Ví như, này các Tỷ-kheo, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hạt, nước mưa chảy xuống theo sườn dốc, làm đầy các hang núi, các khe núi, các thung lũng; sau khi làm đầy các hang núi, các khe núi, các thung lũng, chúng làm đầy các hồ nhỏ; sau khi làm đầy các hồ nhỏ, chúng làm đầy các hồ lớn; sau khi làm đầy các hồ lớn, chúng làm đầy các sông nhỏ; sau khi làm đầy các sông nhỏ, chúng làm đầy các sông lớn; sau khi làm đầy các sông lớn, chúng làm đầy biển cả. Như vậy là thức ăn của biển lớn, của đại dương, và như vậy là sự viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, giao thiệp với bậc chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn nghe Diệu pháp; nghe Diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn lòng tin; lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn như lý tác ý; như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn chánh niệm tỉnh giác; chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn được chế ngự; các căn chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba thiện hành; ba thiện hành được viên mãn, thời làm viên mãn bốn niệm xứ; bốn niệm xứ được viên mãn, thời làm viên mãn bảy giác chi; bảy giác chi được viên mãn, thời làm viên mãn minh giải thoát.

Như vậy là thức ăn của minh giải thoát, và như vậy là viên mãn.

II. KINH HỮU ÁI (*Taṇhāsutta*)[84] (*A*. V. 116)

62. Này các Tỷ-kheo, khởi điểm đầu tiên của hữu ái không thể nêu rõ để có thể nói: "Trước điểm này, hữu ái không có, rồi sau mới có." Như vậy, này các Tỷ-kheo, lời này được nói đến. Tuy vậy, sự việc này được nêu rõ: "Do duyên

[84] Tham chiếu: *Thực kinh* 食經 (*T*.01. 0026.52-53. 0487c24-0489c25); *Bổn tướng y trí kinh* 本相猗致經 (*T*.01. 0036. 0820c19); *Duyên bổn trí kinh* 緣本致經 (*T*.01. 0037. 0820b21).

này, hữu ái có mặt." Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, hữu ái có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho hữu ái? Vô minh, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng, vô minh có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho vô minh? Năm triền cái, cần phải trả lời như vậy... (như kinh 61, chỉ thêm vào đoạn sau: "Năm triền cái được viên mãn, thời làm viên mãn vô minh; vô minh được viên mãn, thời làm viên mãn hữu ái.")

Như vậy, đây là thức ăn của hữu ái, và như vậy là sự viên mãn... (như kinh trên).

III. KINH ĐẠT CỨU CÁNH (*Niṭṭhaṅgatasutta*) (*A*. V. 119)

63. Này các Tỷ-kheo, những ai đặt sự cứu cánh ở nơi Ta, tất cả những người ấy đầy đủ chánh kiến. Với những người đầy đủ chánh kiến ấy, năm hạng người đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người, sau khi từ bỏ đời này,[85] đạt được cứu cánh.

Và năm hạng người nào đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây?

Hạng trở lui nhiều nhất là bảy lần, hạng Gia Gia, hạng Nhất Chủng, hạng Nhất Lai, và vị nào là vị A-la-hán ngay trong hiện tại. Năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây.

Và năm hạng người khác nào, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh?

Hạng Trung gian Bát-niết-bàn, hạng Tổn hại Bát-niết-bàn, hạng Vô hành Bát-niết-bàn, hạng Hữu hành Bát-niết-bàn, hạng Thượng lưu đạt được Sắc Cứu Cánh thiên. Với năm hạng người này, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh.

Này các Tỷ-kheo, những ai đặt sự cứu cánh ở nơi Ta, tất cả những người ấy đầy đủ chánh kiến. Trong những người đầy đủ chánh kiến, năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người này, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh.

IV. KINH CÓ LÒNG TỊNH TÍN BẤT ĐỘNG (*Aveccappasannasutta*)[86] (*A*. V. 120)

64. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tịnh tín bất động ở nơi Ta, tất cả những vị ấy là những bậc Dự Lưu. Với những bậc Dự Lưu ấy, có năm hạng người đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh.

Và năm hạng người nào, đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây?

Hạng trở lui nhiều nhất là bảy lần, hạng Gia Gia, hạng Nhất Chủng, hạng Nhất Lai, và vị nào là vị A-la-hán ngay trong hiện tại. Năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây.

Và năm hạng người khác nào, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh?

---

[85] Chứng Niết-bàn ngay hiện tại trong đời này hay ở Phạm thiên giới sau khi chết.

[86] Bản tiếng Anh của PTS: *Unwavering*, nghĩa là *Bất động*.

Hạng Trung gian Bát-niết-bàn, hạng Tổn hại Bát-niết-bàn, hạng Vô hành Bát-niết-bàn, hạng Hữu hành Bát-niết-bàn, hạng Thượng lưu đạt được Sắc Cứu Cánh thiên. Với năm hạng người này, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh.

Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tịnh tín bất động ở nơi Ta, tất cả những vị ấy là những bậc Dự Lưu. Với các hạng Dự Lưu ấy, năm hạng người này đạt được cứu cánh ngay ở nơi đây. Năm hạng người này, sau khi từ bỏ đời này, đạt được cứu cánh.

V. KINH LẠC THỨ NHẤT (*Paṭhamasukhasutta*)[87] (*A*. V. 120)

65. Một thời, Tôn giả Sāriputta trú ở giữa dân chúng Magadha, tại làng Nālaka.[88] Rồi du sĩ Sāmaṇḍakāni đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Sāmaṇḍakāni nói với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả Sāriputta, thế nào là lạc, thế nào là khổ?

– Này Hiền giả, tái sanh là khổ, không tái sanh là lạc. Khi có tái sanh, này Hiền giả, chờ đợi là khổ này: Lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, xúc chạm với lửa, xúc chạm với trượng, xúc chạm với kiếm; cho đến bà con và bạn bè khi gặp nhau, khi hội ngộ với nhau cũng não hại.

Này Hiền giả, tái sanh là khổ, khi có tái sanh, chờ đợi là khổ này.

Khi không có tái sanh, này Hiền giả, chờ đợi là lạc này: Không lạnh, không nóng, không đói, không khát, không đại tiện, không tiểu tiện, không có xúc chạm với lửa, không có xúc chạm với trượng, không có xúc chạm với kiếm; cho đến bà con, bạn bè khi gặp nhau, khi hội ngộ với nhau không có não hại.

Này Hiền giả, khi không có tái sanh, chờ đợi là lạc này.

VI. KINH LẠC THỨ HAI (*Dutiyasukhasutta*) (*A*. V. 121)

66. Một thời, Tôn giả Sāriputta trú ở giữa dân chúng Magadha, tại làng Nālaka. Rồi du sĩ Sāmaṇḍakāni đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Sāmaṇḍakāni nói với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả Sāriputta, trong Pháp và Luật này, thế nào là lạc, thế nào là khổ?

– Không thích ý, này Hiền giả, trong Pháp và Luật này là khổ; thích ý là lạc.

Khi nào không thích ý có mặt, này Hiền giả, chờ đợi là khổ này: Khi đi không được lạc thú, khi đứng... khi ngồi... khi nằm... khi đi đến làng… khi đi đến rừng... khi đi đến gốc cây... khi đi đến ngôi nhà trống... khi đi đến chỗ lộ thiên... khi đi đến giữa các Tỷ-kheo, không được lạc thú.

---

[87] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Weal and Woe*, nghĩa là *Lạc và khổ*.

[88] Đây là ngôi làng, Tôn giả Sāriputta được sanh ra và mệnh chung tại đây.

Khi nào không thích ý có mặt, này Hiền giả, chờ đợi là khổ này.

Khi nào thích ý có mặt, này Hiền giả, chờ đợi là lạc này: Khi đi được lạc thú, khi đứng... khi ngồi... khi nằm... khi đi đến làng... khi đi đến rừng... khi đi đến gốc cây... khi đi đến ngôi nhà trống... khi đi đến chỗ lộ thiên... khi đi đến giữa các Tỷ-kheo, có được lạc thú.

Khi nào thích ý có mặt, này Hiền giả, chờ đợi là lạc thú này.

VII. KINH TẠI NAḶAKAPĀNA THỨ NHẤT
(*Paṭhamanaḷakapānasutta*) (*A*. V. 122)

67. Một thời, Thế Tôn bộ hành giữa dân chúng Kosala, với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến tại một thị trấn của dân chúng Kosala tên là Naḷakapāna. Tại đấy, Thế Tôn trú ở rừng Palāsa, thuộc Naḷakapāna. Lúc bấy giờ, nhân ngày trai giới (*Uposatha*). Thế Tôn đang ngồi, có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn sau phần lớn của đêm, thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị Tỷ-kheo với pháp thoại; sau khi nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, thật yên lặng, Ngài nói với Tôn giả Sāriputta:

– Này Sāriputta, chúng Tỷ-kheo không có hôn trầm thụy miên. Này Sāriputta, hãy thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo. Lưng Ta đau mỏi, Ta sẽ nằm nghỉ lưng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Sāriputta vâng đáp Thế Tôn. Rồi Thế Tôn trải gấp tư y Tăng-già-lê, nằm phía thân hữu bên phải như dáng nằm con sư tử, hai chân đặt lên nhau, chánh niệm tỉnh giác, tác ý đến lúc ngồi dậy.

Ở đây, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này chư Hiền, với ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có xấu hổ... không có sợ hãi tội lỗi... không có tinh tấn... không có trí tuệ trong các thiện pháp, với người ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tổn giảm trong các thiện pháp, không phải tăng trưởng.

Ví như, này chư Hiền, khi trăng đến độ trăng tối, bất luận đêm hay ngày, trăng tổn giảm về sắc, tổn giảm về hình tròn, tổn giảm về ánh sáng, tổn giảm về bề rộng quỹ đạo. Cũng vậy, này chư Hiền, với ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có xấu hổ... không có sợ hãi tội lỗi... không có tinh tấn... không có trí tuệ trong các thiện pháp, với người ấy, bất luận là đêm hay ngày, chờ đợi là tổn giảm trong các thiện pháp, không phải tăng trưởng. Hạng người không có lòng tin, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người không có xấu hổ, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người không có sợ hãi tội lỗi, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người biếng nhác, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng

người ác tuệ, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người phẫn nộ, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người hiềm hận, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người ác dục, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người ác bằng hữu, này chư Hiền, tức là tổn giảm. Hạng người tà kiến, này chư Hiền, tức là tổn giảm.

Này chư Hiền, với ai có lòng tin trong các thiện pháp, có lòng xấu hổ... có lòng sợ hãi tội lỗi... có tinh tấn... có trí tuệ trong các thiện pháp, với người ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải tổn giảm.

Ví như, này chư Hiền, khi trăng đến độ trăng sáng, bất luận đêm hay ngày, trăng tăng trưởng về sắc, tăng trưởng về hình tròn, tăng trưởng về ánh sáng, tăng trưởng về bề rộng quỹ đạo. Cũng vậy, này chư Hiền, với ai có lòng tin trong các thiện pháp, có xấu hổ... có sợ hãi tội lỗi... có tinh tấn... có trí tuệ trong các thiện pháp, với vị ấy bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng trong các thiện pháp, không phải tổn giảm. Hạng người có lòng tin, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người có lòng xấu hổ, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người có lòng sợ hãi tội lỗi, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người tinh cần tinh tấn, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người có trí tuệ, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người không có phẫn nộ, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người không hiềm hận, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người ít dục, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người thiện bằng hữu, này chư Hiền, tức là không tổn giảm. Hạng người chánh tri kiến, này chư Hiền, tức là không tổn giảm.

Rồi Thế Tôn, sau khi ngồi dậy, bảo Tôn giả Sāriputta:

– Lành thay! Lành thay! Này Sāriputta, với ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có xấu hổ... không có sợ hãi tội lỗi... không có tinh tấn... không có trí tuệ trong các thiện pháp, đối với vị ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tổn giảm trong các thiện pháp, không phải tăng trưởng.

Ví như, này Sāriputta, khi trăng đến độ trăng tối, bất luận đêm hay ngày, trăng tổn giảm về sắc, tổn giảm về hình tròn, tổn giảm về ánh sáng, tổn giảm về bề rộng quỹ đạo. Cũng vậy, này Sāriputta, với ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có xấu hổ... không có sợ hãi tội lỗi... không có tinh tấn... không có trí tuệ trong các thiện pháp, với người ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tổn giảm trong các thiện pháp, không phải tăng trưởng. Hạng người không có lòng tin, này Sāriputta, tức là tổn giảm. Hạng người không có xấu hổ, này Sāriputta, tức là tổn giảm. Hạng người không có sợ hãi tội lỗi... Hạng người biếng nhác... Hạng người ác tuệ... Hạng người phẫn nộ... Hạng người hiềm hận... Hạng người ác dục... Hạng người ác bằng hữu... Hạng người tà kiến, này Sāriputta, tức là tổn giảm.

Này Sāriputta, với ai có lòng tin trong các thiện pháp, có lòng xấu hổ... có lòng sợ hãi tội lỗi... có tinh tấn... có trí tuệ trong các thiện pháp, đối với vị ấy, bất luận đêm hay ngày, chờ đợi là tăng trưởng, không phải tổn giảm. Hạng

người có lòng tin, này Sāriputta, tức là không có tổn giảm. Hạng người có xấu hổ... Hạng người có sợ hãi tội lỗi... Hạng người có tinh tấn... Hạng người có trí tuệ... Hạng người không có phẫn nộ... Hạng người không có hiềm hận... Hạng người ít dục... Hạng người thiện bằng hữu... Hạng người chánh tri kiến, này Sāriputta, tức là không tổn giảm.

VIII. KINH TẠI NAḶAKAPĀNA THỨ HAI
(***Dutiyanaḷakapānasutta***) (*A*. V. 125)

68. Một thời, Thế Tôn trú ở Naḷakapāna, tại rừng Palāsa. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong ngày trai giới (*Uposatha*), đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây... (như kinh 67, chỉ khác về các pháp đề cập. Trong kinh trước, các pháp được đề cập là: "Không có lòng tin trong thiện pháp, không có xấu hổ, không có sợ hãi tội lỗi, không có tinh tấn, không có trí tuệ, phẫn nộ, hiềm hận, ác dục, ác bằng hữu, tà kiến." Trong kinh này, các pháp được đề cập là: "Không có lòng tin trong các thiện pháp, không có xấu hổ, không có sợ hãi tội lỗi, không có tinh tấn, không có trí tuệ, không có lắng tai, không có trì pháp, không có suy tư ý nghĩa, không có thực hành đúng pháp, không có phóng dật trong các thiện pháp.")

IX. KINH NHỮNG ĐỀ TÀI CÂU CHUYỆN THỨ NHẤT
(***Paṭhamakathāvatthusutta***)[89] (*A*. V. 128)

69. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn của ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, rất nhiều Tỷ-kheo, sau khi đi khất thực, ăn xong và trở về, ngồi tụ họp tại hội trường. Các vị này đang chú tâm trong nhiều câu chuyện phù phiếm sai khác sau đây: Câu chuyện về vua, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về quân đội, câu chuyện về sợ hãi, câu chuyện về chiến trận, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng, câu chuyện về thị trấn, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ; câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước; câu chuyện về ma quỷ, các câu chuyện về tạp thoại, các câu chuyện sai khác về thế giới, về biển lớn, các câu chuyện về hữu và phi hữu.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến hội trường; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi xuống, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nay ngồi hội họp ở đây, nói chuyện về vấn đề gì? Câu chuyện gì giữa các ông chưa bàn xong?

– Bạch Thế Tôn, ở đây, chúng con sau khi đi khất thực, ăn xong và trở về, chúng con ngồi hội họp tại hội trường, và chúng con chú tâm trong nhiều câu

---

[89] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.47.4. 0781b28).

chuyện phù phiếm sai khác sau đây: Câu chuyện về vua, câu chuyện về ăn trộm... các câu chuyện về hữu và phi hữu.

– Này các Tỷ-kheo, thật không xứng đáng cho các ông, là những thiện nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại có thể sống chú tâm vào nhiều câu chuyện phù phiếm sai khác, như câu chuyện về vua... câu chuyện về hữu và phi hữu.

Này các Tỷ-kheo, có mười đề tài để nói chuyện này. Thế nào là mười? Câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không tụ hội, câu chuyện về tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến.

Này các Tỷ-kheo, có mười đề tài để nói chuyện này.

Này các Tỷ-kheo, nếu các ông tiếp tục nói những câu chuyện liên hệ đến mười đề tài để nói chuyện này, thời các ông có thể với ánh sáng [của mình] đánh bạt ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, những vật có đại thần lực, có uy lực, còn nói gì của các du sĩ ngoại đạo.

X. KINH NHỮNG ĐỀ TÀI CÂU CHUYỆN THỨ HAI
(*Dutiyakathāvatthusutta*) (*A*. V. 129)

70. Này các Tỷ-kheo, có mười sự việc được tán thán này. Thế nào là mười?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình ít dục, và là người khiến cho đề tài ít dục được nói đến giữa các Tỷ-kheo. Tỷ-kheo ít dục, và là người khiến cho đề tài ít dục được nói đến giữa các Tỷ-kheo, là sự việc đáng được tán thán. Tỷ-kheo tự mình biết đủ... tự mình sống viễn ly... tự mình không tụ hội... tự mình tinh tấn... tự mình đầy đủ giới... tự mình đầy đủ định... tự mình đầy đủ tuệ... tự mình đầy đủ giải thoát... tự mình đầy đủ giải thoát tri kiến, và là người khiến cho đề tài giải thoát tri kiến được nói đến giữa các Tỷ-kheo, là sự việc đáng được tán thán.

Này các Tỷ-kheo, có mười sự việc được tán thán này.



VIII. PHẨM ƯỚC NGUYỆN
(ĀKAṄKHAVAGGA)

I. KINH ƯỚC NGUYỆN (*Ākaṅkhasutta*)[90] (*A*. V. 131)

71. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn Anāthapiṇḍika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới, đầy đủ Giới bổn (*Pātimokkha*). Hãy sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta được các vị đồng Phạm hạnh thương mến, yêu quý, cung kính và bắt chước"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta được các vật dụng như y phục, các món ăn khất thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta hưởng thọ các vật dụng như y áo, các món ăn khất thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh; mong rằng hành động của những vị tạo ra các vật dụng ấy được quả báo lớn, được lợi ích lớn"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi mệnh chung nghĩ [đến ta] với tâm hoan hỷ, [và nhờ vậy] được quả báo lớn, được lợi ích lớn"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta biết đủ với bất cứ vật dụng gì như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta kham nhẫn

[90] Tham chiếu: *M*. I. 6; *Nguyện kinh* 願經 (*T*.01. 0026.105. 0595c11).

với lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió, sức nóng mặt trời, của các loài bò sát; kham nhẫn những cách nói mạ lỵ phỉ báng; kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc, chớ không để lạc và bất lạc nhiếp phục ta; mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục lạc và bất lạc được khởi lên"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi, chớ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhiếp phục ta; mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Mong rằng tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn thiền thuộc tăng thượng tâm,[91] hiện tại lạc trú"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: "Với sự đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát"; Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống trong các trú xứ không tịch.

Này các Tỷ-kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ Giới bổn, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp, như vậy được nói đến. Chính do duyên này được nói đến như vậy.

II. KINH CÂY GAI (*Kaṇṭakasutta*)[92] (*A*. V. 133)

72. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesāli, tại Đại Lâm, ở ngôi nhà có nóc nhọn, với rất nhiều các Thượng tọa có danh tiếng như: Tôn giả Cāla, Tôn giả Upacāla, Tôn giả Kakkaṭa, Tôn giả Kaḷimbha, Tôn giả Nikaṭa, Tôn giả Kaṭissaha, cùng nhiều Tôn giả có danh tiếng khác.

Lúc bấy giờ, có nhiều vị Licchavi có thời danh, có danh tiếng lớn đang cưỡi các cỗ xe lộng lẫy, tranh đua[93] cao tiếng, lớn tiếng đi vào Đại Lâm để yết kiến Thế Tôn. Rồi các Trưởng lão ấy suy nghĩ: "Có nhiều vị Licchavi có thời danh, có danh tiếng lớn đang cưỡi các cỗ xe lộng lẫy, tranh đua cao tiếng, lớn tiếng đi vào Đại lâm để yết kiến Thế Tôn. Thế Tôn có dạy: 'Tiếng ồn là cây gai cho

[91] *Ābhicetasikā*. Xem *GS*. II. 24. *Chú giải* giải thích *abhikkanta visuddha cittaṃ*.

[92] Tham chiếu: *Vô thích kinh* 無刺經 (*T*.01. 0026.84. 0560b24); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.760. 0199c27).

[93] *Parapurāya*. *Chú giải* giải thích *para* là phần sau, *pura* là phần trước, nghĩa là cỗ xe nối đuôi nhau hay cỗ xe sau muốn vượt cỗ xe trước. Xem *D*. II. 96 về Licchavi; *Vin*. I. 231.

thiền.' Vậy chúng ta hãy đi đến Gosiṅga, khu rừng cây Sāla. Tại đấy, chúng ta có thể sống an ổn, không ồn ào, không chen chúc."

Rồi các Tôn giả ấy đi đến Gosiṅga, khu rừng cây Sāla. Tại đấy, các Tôn giả ấy sống an ổn, không ồn ào, không chen chúc. Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, Cāla ở đâu? Upacāla ở đâu? Kakkaṭa ở đâu? Kaḷimbha ở đâu? Nikaṭa ở đâu? Kaṭissaha ở đâu? Này các Tỷ-kheo, các Trưởng lão đệ tử ấy đi đâu?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các Tôn giả ấy suy nghĩ như sau: "Có nhiều vị Licchavi có thời danh, có danh tiếng lớn đang cưỡi các cỗ xe lộng lẫy, tranh đua cao tiếng, lớn tiếng, đi vào Đại Lâm để yết kiến Thế Tôn, Thế Tôn có dạy: 'Tiếng ồn là cây gai cho thiền.' Vậy chúng ta hãy đi đến Gosiṅga, khu rừng cây Sāla. Tại đấy, chúng ta có thể sống an ổn, không ồn ào, không chen chúc." Bạch Thế Tôn, các Tôn giả ấy đã đi đến Gosiṅga, rừng cây Sāla. Tại đấy, các Tôn giả ấy sống an ổn, không ồn ào, không chen chúc.

– Lành thay! Lành thay! Này các Tỷ-kheo, trả lời như các đại đệ tử ấy đã trả lời, là trả lời một cách chơn chánh. Này các Tỷ-kheo: "Tiếng ồn là cây gai cho thiền", đã được Ta nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, có mười loại cây gai này. Thế nào là mười?

Với người ưa thích viễn ly, ưa thích hội chúng là cây gai. Với người chuyên chú tu tập tướng bất tịnh, tu tập tịnh tướng là cây gai. Với người phòng hộ các căn, đi xem văn nghệ trình diễn là cây gai. Với người sống Phạm hạnh, thân cận với phụ nữ là cây gai. Với người chứng Thiền thứ nhất, tiếng ồn là cây gai. Với người chứng Thiền thứ hai, tầm tứ là cây gai. Với người chứng Thiền thứ ba, hỷ là cây gai. Với người chứng Thiền thứ tư, hơi thở vô hơi thở ra là cây gai. Với người đã đạt được Diệt thọ tưởng định, tưởng và thọ là cây gai. Tham là cây gai, sân là cây gai, si là cây gai.

Này các Tỷ-kheo, hãy sống không phải là cây gai. Này các Tỷ-kheo, hãy sống rời khỏi cây gai. Này các Tỷ-kheo, hãy sống không phải là cây gai và rời khỏi cây gai. Này các Tỷ-kheo, không có cây gai là bậc A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, rời khỏi cây gai là bậc A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, vị không có cây gai và rời khỏi cây gai là bậc A-la-hán.

III. KINH PHÁP LẠC (*Iṭṭhadhammasutta*)[94] (*A*. V. 135)

73. Có mười pháp, này các Tỷ-kheo, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời. Thế nào là mười? Tài sản khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời; dung sắc... không bệnh... giới đức... Phạm hạnh... bạn bè... nhiều trí... trí tuệ... các pháp... thiên giới khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời.

Này các Tỷ-kheo, mười pháp này, khả lạc, khả hỷ, khả ý khó tìm được ở đời.

Này các Tỷ-kheo, đối với mười pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời này, mười pháp là những chướng ngại.

---

[94] Bản tiếng Anh của PTS: *Desirable*, nghĩa là *Khả lạc*.

Thụ động và không hăng hái là chướng ngại cho tài sản; không trang sức, không tô điểm là chướng ngại cho dung sắc; hành động không thích ứng là chướng ngại cho không bệnh; ác bằng hữu là chướng ngại cho giới đức; không chế ngự các căn là chướng ngại cho Phạm hạnh; lừa dối là chướng ngại cho bạn bè; không học tập là chướng ngại cho nhiều trí; không nghe, không hỏi là chướng ngại cho trí tuệ; không có chú tâm, không có quán sát là chướng ngại cho các pháp; tà hạnh là chướng ngại cho thiên giới.

Này các Tỷ-kheo, đối với mười pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời này, mười pháp này là những chướng ngại.

Này các Tỷ-kheo, đối với mười pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời này, mười pháp này là những thức ăn.

Không thụ động, hăng hái là món ăn cho các tài sản; trang sức, tô điểm là món ăn cho dung sắc; hành động thích ứng là món ăn cho không bệnh; thiện bằng hữu là thức ăn cho giới đức; chế ngự các căn là thức ăn cho Phạm hạnh; không có lừa dối là thức ăn cho bạn bè; học tập là thức ăn cho nhiều trí; khéo nghe, biết hỏi là thức ăn cho trí tuệ; chú tâm quán sát là thức ăn cho các pháp; chánh hạnh là thức ăn cho thiên giới.

Này các Tỷ-kheo, đối với mười pháp khả lạc, khả hỷ, khả ý, khó tìm được ở đời này, mười pháp này là những thức ăn.

IV. KINH TĂNG TRƯỞNG (*Vaḍḍhisutta*)[95] (*A*. V. 137)

74. Này các Tỷ-kheo, do tăng trưởng với mười tăng trưởng này, vị Thánh đệ tử tăng trưởng Thánh tăng trưởng, nắm được tinh hoa và nắm được tối thắng của thân. Thế nào là với mười tăng trưởng? Tăng trưởng ruộng đất; tăng trưởng tài sản lúa gạo; tăng trưởng vợ và con; tăng trưởng những người nô lệ, kẻ làm công; tăng trưởng các loài bốn chân; tăng trưởng lòng tin; tăng trưởng giới; tăng trưởng nghe nhiều; tăng trưởng thí; tăng trưởng trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, do tăng trưởng với mười tăng trưởng này, vị Thánh đệ tử tăng trưởng Thánh tăng trưởng, nắm được tinh hoa và nắm được tối thắng của thân.

Ai đời này tăng trưởng,
Tài sản và lúa gạo,
Tăng trưởng vợ và con,
Cùng các loài bốn chân,
Được danh, được kính trọng,
Như người nhiều tài sản,
Từ bà con, bạn bè,
Và những người quyền thế.
Ai ở đời tăng trưởng,
Lòng tin và giới đức,

[95] Tham chiếu: *A*. V. 63, 64; *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.990-991. 0257b26-0258a27).

Trí tuệ và cả hai,
Bố thí và nghe nhiều,
Người như vậy là người,
Chân nhân và có mắt,
Ngay ở trong đời này,
Tăng trưởng cả hai phần.

V. KINH MIGASĀLĀ (*Migasālāsutta*)[96] (*A*. V. 137)

75. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Ānanda vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasālā; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ Migasālā[97] đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nữ cư sĩ Migasālā bạch Tôn giả Ānanda:

– Thưa Tôn giả Ānanda, như thế nào, thế nào, cần phải hiểu pháp được Thế Tôn thuyết giảng, rằng người sống Phạm hạnh và người sống không Phạm hạnh, cả hai sẽ đồng một chỗ thọ sanh trong đời sau? Thưa Tôn giả, phụ thân con, Purāṇa, sống Phạm hạnh, sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Vị ấy, sau khi mệnh chung được Thế Tôn trả lời: “Là bậc Nhất Lai sanh với thân ở Tusita.” Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả, sống không Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: “Là bậc Nhất Lai, sanh với thân ở Tusita.” Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: “Cả hai, sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai”?

– Này chị, chính như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi nhận đồ khất thực tại nhà của nữ cư sĩ Migasālā, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi khất thực, ăn xong, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, vào buổi sáng, con đắp y, cầm y bát đi đến trú xứ của nữ cư sĩ Migasālā; sau khi đến, con ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi nữ cư sĩ Migasālā đi đến con; sau khi đến, đảnh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn, nữ cư sĩ Migasālā thưa với con: “Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn thuyết: ‘Cả hai, sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai.’ Purāṇa, thân phụ con, thưa Tôn giả, sống Phạm hạnh, sống viễn ly, tránh xa dâm dục hạ liệt, khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: ‘Là bậc Nhất Lai, sanh với thân ở Tusita.’ Còn Isidatta, cậu của con, thưa Tôn giả,

---

[96] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.990-991. 0257b26-0258a27).

[97] Phần đầu của kinh này, xem *A*. III. 347.

không sống trong Phạm hạnh, tự bằng lòng với vợ mình, sau khi mệnh chung, được Thế Tôn trả lời: 'Là bậc Nhất Lai, sanh với thân ở Tusita.' Như thế nào, thế nào, thưa Tôn giả Ānanda, cần phải hiểu pháp này do Thế Tôn tuyên thuyết: 'Cả hai, sống Phạm hạnh và sống không Phạm hạnh đều đồng đẳng về sanh thú trong tương lai'?" Được hỏi vậy, bạch Thế Tôn, con nói với nữ cư sĩ Migasālā:

– Này chị, chính như vậy là câu trả lời của Thế Tôn.

– Nhưng này Ānanda, ai là nữ cư sĩ Migasālā, lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các hạng người.[98]

Này Ānanda, có mười hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là mười?

Ở đây, này Ānanda, có hạng người hành ác giới, không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, ác giới ấy của người ấy được diệt trừ, không có dư tàn. Người ấy không có nghe pháp, không có học nhiều, không có khéo thể nhập với chánh kiến, không chứng được nhất thời giải thoát.[99] Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi đến thù thắng.

Nhưng ở đây, này Ānanda, có hạng người hành ác giới, như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, ác giới ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy có nghe pháp, có học nhiều, có khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa.

Ở đây, này Ānanda, ai là người đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy có mặt trong người này, những pháp ấy cũng có mặt trong người kia. Vì sao giữa hai người ấy, một là hạ liệt, một là thù thắng?" Nhận xét như vậy đem lại đau khổ lâu dài cho họ. Ở đây, này Ānanda, người này có ác giới và như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; ở đây, ác giới ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy có nghe pháp, có học hỏi nhiều, có khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Này Ānanda, hạng người này, so sánh với hạng người trước là vi diệu hơn, là thù thắng hơn. Vì sao? Vì dòng pháp này đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy, này Ānanda, chớ có làm người đo lường các hạng người. Chớ có làm sự đo lường các hạng người. Tự đào hố cho mình là người đi làm sự đo lường các hạng người. Chỉ có Ta, này Ānanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

---

[98] *Ammakā ammakapaññā*. Bản Tích Lan viết *ambakā ambakapaññā*. Bản Thái Lan viết *andhakā andhakapaññā*. *Ke ca purisapuggalaparopariye ñāṇe*. *Purisapuggalā* chỉ cho hạng người thù thắng tức là bậc thiện sĩ hay chân nhân (*sappurisā*), *paropariye ñāṇe* là sự nhận biết sáng suốt về căn tánh của con người.

[99] *Sāmāyika*: Thời giải thoát. Xem *M*. III. 110. *Chú giải* giải thích là vị ấy không chứng được hỷ và hân hoan ngang qua việc nghe giáo pháp.

Nhưng ở đây, này Ānanda, có hạng người có giới nhưng không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, giới ấy của người ấy bị đoạn diệt, không có dư tàn. Người ấy không có nghe pháp, không có học hỏi nhiều, không có khéo thể nhập với chánh kiến, nên không chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi đến thù thắng.

Nhưng ở đây, này Ānanda, có hạng người có giới như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, giới ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy có nghe pháp, có học hỏi nhiều, khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa.

Ở đây, này Ānanda... Chỉ có Ta, này Ānanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

Nhưng ở đây, này Ānanda, có hạng người có tham rất sắc sảo, người ấy không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, lòng tham của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy không có nghe pháp, không có học hỏi nhiều, không có khéo thể nhập với chánh kiến, không có chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi đến thù thắng.

Nhưng ở đây, này Ānanda, có hạng người có tham rất sắc sảo, như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, lòng tham của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy nghe pháp, học hỏi nhiều, khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa.

Ở đây, này Ānanda... Chỉ có Ta, này Ānanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

Nhưng ở đây, này Ānanda, có hạng người phẫn nộ, không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, lòng phẫn nộ ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy không có nghe pháp, không có học hỏi nhiều, không có khéo thể nhập với chánh kiến, không chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi đến thù thắng.

Nhưng ở đây, này Ānanda, có hạng người có phẫn nộ và như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, lòng phẫn nộ ấy của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy có nghe pháp, học hỏi nhiều, khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa.

Ở đây, này Ānanda... Chỉ có Ta, này Ānanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

Nhưng ở đây, này Ānanda, có hạng người có trạo cử, không như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, trạo cử của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy không có nghe nhiều, không có học hỏi nhiều, không có khéo thể nhập với chánh kiến, không chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thối đọa, không hướng về thù thắng, chỉ đi đến thối đọa, không đi đến thù thắng.

Nhưng ở đây, này Ānanda, có hạng người có trạo cử, như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát; ở đây, trạo cử của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy có nghe pháp, có học hỏi nhiều, khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Người ấy sau khi thân hoại mệnh chung, hướng về thù thắng, không hướng về thối đọa, chỉ đi đến thù thắng, không đi đến thối đọa.

Ở đây, này Ānanda, ai là người đo lường, đo lường như sau: "Những pháp ấy có mặt trong người này, những pháp ấy cũng có mặt trong người kia. Vì sao giữa hai người ấy, một là hạ liệt, một là thù diệu?" Nhận xét như vậy đem lại đau khổ lâu dài cho họ. Ở đây, này Ānanda, người này là trạo cử, và như thật rõ biết Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát ấy; ở đây, trạo cử của người ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Người ấy có nghe pháp, có học hỏi nhiều, có khéo thể nhập với chánh kiến, chứng được nhất thời giải thoát. Này Ānanda, hạng người này so sánh với hạng người trước, là vi diệu hơn, là thù thắng hơn. Vì sao? Vì dòng pháp này đưa người này ra phía trước. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác biệt? Do vậy, này Ānanda, chớ có làm người đo lường các hạng người. Chớ có làm sự đo lường các hạng người. Tự đào hố cho mình là người làm sự đo lường các hạng người. Chỉ có Ta, này Ānanda, mới có thể làm sự đo lường các hạng người. Ai có thể được như Ta?

Nhưng này Ānanda, ai là nữ cư sĩ Migasālā, lại ngu si, kém thông minh, với thân như bà mẹ, với trí như bà mẹ, để có thể hiểu biết sự thắng liệt giữa các hạng người.

Này Ānanda, có mười hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

Giới như thế nào, này Ānanda, Purāṇa được thành tựu, giới ấy Isidatta chưa thành tựu; do vậy, ở đây, Purāṇa có sanh thú khác với sanh thú của Isidatta. Tuệ như thế nào, này Ānanda, Isidatta được thành tựu, tuệ ấy Purāṇa chưa thành tựu; do vậy, ở đây, Isidatta có sanh thú khác với sanh thú của Purāṇa. Như vậy, này Ānanda, cả hai người này đều có thiếu sót một chi phần.

VI. KINH BA PHÁP (*Tayodhammasutta*)[100] (*A.* V. 144)

76. Này các Tỷ-kheo, nếu ba pháp này không có mặt ở đời, thời Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không xuất hiện ở đời; và Pháp, Luật được Như Lai thuyết giảng không được nêu rõ ở đời. Thế nào là ba? Sanh, già và chết.

---

[100] Bản tiếng Anh của PTS: *Unable to Grow*, nghĩa là *Không thể tăng trưởng*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.346. 0095c17); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.760. 0199c27).

Này các Tỷ-kheo, nếu ba pháp này không hiện hữu ở đời, thời Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không xuất hiện ở đời; và Pháp, Luật do Như Lai thuyết giảng không được nêu rõ ở đời. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, ba pháp này có mặt ở đời, do vậy Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời; do vậy, Pháp, Luật do Như Lai thuyết giảng được nêu rõ ở đời.

Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận sanh, thời không có thể đoạn tận già, thời không có thể đoạn tận chết. Thế nào là ba? Không đoạn tận tham, không đoạn tận sân, không đoạn tận si.

Do không đoạn tận ba pháp này, không có thể đoạn tận sanh, không có thể đoạn tận già, không có thể đoạn tận chết.

Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận tham, không có thể đoạn tận sân, không có thể đoạn tận si. Thế nào là ba? Không đoạn tận thân kiến, không đoạn tận nghi, không đoạn tận giới cấm thủ.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận tham, không có thể đoạn tận sân, không có thể đoạn tận si.

Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận thân kiến, không có thể đoạn tận nghi, không có thể đoạn tận giới cấm thủ. Thế nào là ba? Không đoạn tận phi như lý tác ý, không đoạn tận tu tập tà đạo, không đoạn tận tánh thụ động.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận thân kiến, không có thể đoạn tận nghi, không có thể đoạn tận giới cấm thủ.

Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận phi như lý tác ý, không có thể đoạn tận tu tập tà đạo, không có thể đoạn tận tánh thụ động. Thế nào là ba? Không đoạn tận vọng niệm, không đoạn tận không tỉnh giác, không đoạn tận tâm loạn động.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, thời không có thể đoạn tận phi như lý tác ý, không có thể đoạn tận tu tập tà đạo, không có thể đoạn tận tánh thụ động.

Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận vọng niệm, không có thể đoạn tận không tỉnh giác, không có thể đoạn tận tâm loạn động. Thế nào là ba? Không đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, không đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, không đoạn tận bới lông tìm vết.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận vọng niệm, không có thể đoạn tận không tỉnh giác, không có thể đoạn tận tâm loạn động.

Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, không có thể đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, không có thể đoạn tận bới lông tìm vết. Thế nào là ba? Không đoạn tận trạo cử, không đoạn tận không chế ngự, không đoạn tận ác giới.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, không có thể đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, không có thể đoạn tận bới lông tìm vết.

Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận trạo cử, không có thể đoạn tận không chế ngự, không có thể đoạn tận ác giới. Thế nào là ba? Không đoạn tận không có lòng tin, không đoạn tận xan tham, không đoạn tận biếng nhác.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận trạo cử, không có thể đoạn tận không chế ngự, không có thể đoạn tận ác giới.

Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận không có lòng tin, không có thể đoạn tận xan tham, không có thể đoạn tận biếng nhác. Thế nào là ba? Không đoạn tận không cung kính, không đoạn tận khó nói, không đoạn tận ác bằng hữu.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận không có lòng tin, không có thể đoạn tận xan tham, không có thể đoạn tận biếng nhác.

Này các Tỷ-kheo, do không đoạn tận ba pháp, thời không có thể đoạn tận không cung kính, không có thể đoạn tận khó nói, không có thể đoạn tận ác bằng hữu. Thế nào là ba? Không đoạn tận không xấu hổ, không đoạn tận không sợ hãi tội lỗi, không đoạn tận phóng dật.

Do không đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đoạn tận không cung kính, không có thể đoạn tận khó nói, không có thể đoạn tận ác bằng hữu.

Người này không có xấu hổ, này các Tỷ-kheo, không có sợ hãi tội lỗi, có phóng dật. Người ấy do phóng dật, không có thể đoạn tận không cung kính, không có thể đoạn tận khó nói, không có thể đoạn tận ác bằng hữu. Người ấy do ác bằng hữu, không có thể đoạn tận không có lòng tin, không có thể đoạn tận xan tham, không có thể đoạn tận biếng nhác. Người ấy do biếng nhác, không có thể đoạn tận trạo cử, không có thể đoạn tận không chế ngự, không có thể đoạn tận ác giới. Người ấy do ác giới, không có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, không có thể đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, không có thể đoạn tận bới lông tìm vết. Người ấy do bới lông tìm vết, không có thể đoạn tận vọng niệm, không có thể đoạn tận không có tỉnh giác, không có thể đoạn tận tâm loạn động. Người ấy do tâm loạn động, không có thể đoạn tận phi như lý tác ý, không có thể đoạn tận tu tập tà đạo, không có thể đoạn tận tánh thụ động. Người ấy do tánh thụ động, không có thể đoạn tận thân kiến, không có thể đoạn tận nghi, không có thể đoạn tận giới cấm thủ. Người ấy do nghi hoặc, không có thể đoạn tận tham, không có thể đoạn tận sân, không có thể đoạn tận si. Người ấy do không đoạn tận tham, không đoạn tận sân, không đoạn tận si, không có thể đoạn tận sanh, không thể đoạn tận già, không thể đoạn tận chết.

Do đoạn tận ba pháp, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận sanh, có thể đoạn tận già, có thể đoạn tận chết. Thế nào là ba? Do đoạn tận tham, do đoạn tận sân, do đoạn tận si.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận sanh, có thể đoạn tận già, có thể đoạn tận chết.

Này các Tỷ-kheo, do ba pháp được đoạn tận, có thể đoạn tận tham, có thể đoạn tận sân, có thể đoạn tận si. Thế nào là ba? Do đoạn tận thân kiến, do đoạn tận nghi, do đoạn tận giới cấm thủ.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận tham, có thể đoạn tận sân, có thể đoạn tận si.

Này các Tỷ-kheo, do ba pháp được đoạn tận, có thể đoạn tận thân kiến, có thể đoạn tận nghi, có thể đoạn tận giới cấm thủ. Thế nào là ba? Do đoạn tận phi như lý tác ý, do đoạn tận thực hành tà đạo, do đoạn tận tánh thụ động.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận thân kiến, có thể đoạn tận nghi, có thể đoạn tận giới cấm thủ.

Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận phi như lý tác ý, có thể đoạn tận tu tập tà đạo, có thể đoạn tận tánh thụ động. Thế nào là ba? Do đoạn tận vọng niệm, do đoạn tận không tỉnh giác, do đoạn tận tâm loạn động.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận phi như lý tác ý, có thể đoạn tận tu tập tà đạo, có thể đoạn tận tánh thụ động.

Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận vọng niệm, có thể đoạn tận không tỉnh giác, có thể đoạn tận tâm loạn động. Thế nào là ba? Do đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, do đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, do đoạn tận bới lông tìm vết.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận vọng niệm, có thể đoạn tận không tỉnh giác, có thể đoạn tận tâm loạn động.

Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, có thể đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, có thể đoạn tận bới lông tìm vết. Thế nào là ba? Do đoạn tận trạo cử, do đoạn tận không chế ngự, do đoạn tận ác giới.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, có thể đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, có thể đoạn tận bới lông tìm vết.

Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận trạo cử, có thể đoạn tận không chế ngự, có thể đoạn tận ác giới. Thế nào là ba? Do đoạn tận không có lòng tin, do đoạn tận xan tham, do đoạn tận biếng nhác.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận trạo cử, có thể đoạn tận không chế ngự, có thể đoạn tận ác giới.

Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận không có lòng tin,

có thể đoạn tận xan tham, có thể đoạn tận biếng nhác. Thế nào là ba? Do đoạn tận không cung kính, do đoạn tận khó nói, do đoạn tận ác bằng hữu.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận không có lòng tin, có thể đoạn tận xan tham, có thể đoạn tận biếng nhác.

Này các Tỷ-kheo, do đoạn tận ba pháp, có thể đoạn tận không cung kính, có thể đoạn tận khó nói, có thể đoạn tận ác bằng hữu. Thế nào là ba? Do đoạn tận không xấu hổ, do đoạn tận không sợ hãi tội lỗi, do đoạn tận phóng dật.

Do đoạn tận ba pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đoạn tận không cung kính, có thể đoạn tận khó nói, có thể đoạn tận ác bằng hữu.

Này các Tỷ-kheo, người này có xấu hổ, có sợ hãi tội lỗi, không có phóng dật. Người ấy do không phóng dật, có thể đoạn tận không cung kính, có thể đoạn tận khó nói, có thể đoạn tận ác bằng hữu. Người ấy do thiện bằng hữu, có thể đoạn tận không có lòng tin, có thể đoạn tận xan tham, có thể đoạn tận biếng nhác. Người ấy do tinh cần tinh tấn, có thể đoạn tận trạo cử, có thể đoạn tận không chế ngự, có thể đoạn tận ác giới. Người ấy do giới đức, có thể đoạn tận không muốn yết kiến các bậc Thánh, có thể đoạn tận không muốn nghe Thánh pháp, có thể đoạn tận bới lông tìm vết. Người ấy do không bới lông tìm vết; có thể đoạn tận vọng niệm, có thể đoạn tận không tỉnh giác, có thể đoạn tận tâm loạn động. Người ấy do tâm không loạn động, có thể đoạn tận phi như lý tác ý, có thể đoạn tận tu tập tà đạo, có thể đoạn tận tánh thụ động. Người ấy do tâm không thụ động, có thể đoạn tận thân kiến, có thể đoạn tận nghi, có thể đoạn tận giới cấm thủ. Người ấy do không có nghi hoặc, có thể đoạn tận tham, có thể đoạn tận sân, có thể đoạn tận si. Người ấy do đoạn tận tham, do đoạn tận sân, do đoạn tận si, có thể đoạn tận sanh, có thể đoạn tận già, có thể đoạn tận chết.

VII. KINH CON QUẠ (*Kākasutta*) (*A*. V. 149)

77. Này các Tỷ-kheo, con quạ thành tựu với mười tà pháp này. Thế nào là mười? Ngạo nghễ,[101] hung hãn, cường dục, ăn nhiều, độc ác, không từ bi, khiếp nhược, giọng chói tai, vọng niệm và cất chứa tài sản.

Này các Tỷ-kheo, con quạ thành tựu với mười tà pháp này.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị ác Tỷ-kheo thành tựu với mười tà pháp. Thế nào là mười? Ngạo nghễ, hung hãn, cường dục, ăn nhiều, độc ác, không từ bi, khiếp nhược, giọng chói tai, vọng niệm và cất chứa tài sản.

Này các Tỷ-kheo, vị ác Tỷ-kheo thành tựu với mười tà pháp này.

VIII. KINH NI-KIỀN TỬ (*Nigaṇṭhasutta*) (*A*. V. 150)

78. Này các Tỷ-kheo, các Nigaṇṭhā thành tựu với mười tà pháp này. Thế nào là mười? Không có lòng tin, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử; ác giới, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử; không có xấu hổ, này các Tỷ-kheo, là các

[101] *Dh*. v. 244. *Sujīvaṃ ahirikena kākasūrena dhaṃsinā, pakkhandinā pagabbhena saṃkiliṭṭhena jīvitaṃ* (Dễ thay, sống không hổ, sống lỗ mãng như quạ, sống công kích huênh hoang, sống liều lĩnh nhiễm ô).

Ni-kiền tử; không có sợ hãi tội lỗi, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử; không làm bạn với các bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử; khen mình chê người, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử; chấp thủ các vấn đề hiện tại, không từ bỏ những gì đã chấp thủ, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử; gian xảo, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử; ác dục, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử; theo tà kiến, này các Tỷ-kheo, là các Ni-kiền tử.

Này các Tỷ-kheo, thành tựu với mười tà pháp này là các Ni-kiền tử.

IX. KINH TRƯỜNG HỢP HIỀM HẬN (*Āghātavatthusutta*) (*A*. V. 150)

79. Này các Tỷ-kheo, có mười trường hợp hiềm hận này. Thế nào là mười? Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rằng: "Nó đã làm hại ta." Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rằng: "Nó đang làm hại ta." Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rằng: "Nó sẽ làm hại ta." Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rằng: "Nó đã làm hại người ta yêu, người ta mến." ... "Nó đang hại người ta yêu, hại người ta mến." ... "Nó sẽ làm hại người ta yêu, người ta mến." Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rằng: "Nó đã làm lợi cho người ta không yêu, người ta không mến." Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rằng: "Nó đang làm lợi cho người ta không yêu, người ta không mến." Hiềm hận được kết thành khi nghĩ rằng: "Nó sẽ làm lợi cho người ta không yêu, người ta không mến." Làm cho vị ấy tức giận không có lý do.

Này các Tỷ-kheo, có mười trường hợp hiềm hận này.

X. KINH NHIẾP PHỤC HIỀM HẬN (*Āghātapaṭivinayasutta*) (*A*. V. 150)

80. Này các Tỷ-kheo, có mười nhiếp phục hiềm hận này. Thế nào là mười? Hiềm hận được nhiếp phục khi nghĩ rằng: "Nó đã làm hại ta, nhưng lợi ích từ đâu đến khi nghĩ như vậy?" Hiềm hận được nhiếp phục khi nghĩ rằng: "Nó đang làm hại ta, nhưng lợi ích từ đâu đến khi nghĩ như vậy?" Hiềm hận được nhiếp phục khi nghĩ rằng: "Nó sẽ làm hại ta, nhưng lợi ích từ đâu đến khi nghĩ như vậy?" Hiềm hận được nhiếp phục khi nghĩ rằng: "Nó đã làm hại người ta yêu, người ta mến... Nó đang làm hại người ta yêu, người ta mến... "Nó sẽ làm hại người ta yêu, người ta mến, nhưng lợi ích từ đâu đến khi nghĩ như vậy?"... Không làm cho vị ấy tức giận không có lý do.

Này các Tỷ-kheo, có mười trường hợp nhiếp phục được hiềm hận này.

IX. PHẨM TRƯỞNG LÃO
(*THERAVAGGA*)

I. KINH BĀHUNA (*Vāhanasutta*) (*A*. V. 151)

81. Một thời, Thế Tôn trú ở Campā,[102] trên bờ hồ Gaggarā. Rồi Tôn giả Bāhuna[103] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bāhuna bạch Thế Tôn:

– Từ bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, Như Lai sống xuất ly, ly hệ, giải thoát với tâm không hạn cuộc?[104]

– Từ mười pháp, này Bāhuna, Như Lai sống xuất ly, ly hệ, giải thoát với tâm không hạn cuộc. Thế nào là mười?

Từ sắc, này Bāhuna, Như Lai sống xuất ly, ly hệ, giải thoát với tâm không hạn cuộc. Từ thọ, này Bāhuna... Từ tưởng, này Bāhuna... Từ các hành, này Bāhuna... Từ thức, này Bāhuna... Từ sanh, này Bāhuna... Từ già, này Bāhuna... Từ chết, này Bāhuna... Từ các khổ, này Bāhuna... Từ các phiền não, này Bāhuna, Như Lai sống xuất ly, ly hệ, giải thoát với tâm không hạn cuộc.

Ví như, này Bāhuna, hoa sen xanh, hay hoa sen hồng, hay hoa sen trắng, sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên mặt nước và đứng, không có dính nước. Cũng vậy, này Bāhuna, từ mười pháp này, Như Lai sống xuất ly, ly hệ, giải thoát với tâm không hạn cuộc.

II. KINH ĀNANDA (*Ānandasutta*) (*A*. V. 152)

82. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Ānanda đang ngồi một bên:

– Này Ānanda, Tỷ-kheo nào không có lòng tin, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra.

Này Ānanda, Tỷ-kheo nào ác giới... không nghe pháp... khó nói... ác hữu với ác... biếng nhác... thất niệm... không biết đủ... ác dục...

Này Ānanda, Tỷ-kheo nào có tà kiến, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra.

Này Ānanda, Tỷ-kheo nào thành tựu mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra.

---

[102] Kinh đô xứ Aṅga, nay là Bhagalpur. Xem *M*. I. 339; *S*. I. 195.

[103] Tôn giả Bāhuna còn được gọi là Vāhana.

[104] *Vimariyādīkatena cetasā*. Xem *A*. I. 259; *S*. II. 173.

Này Ānanda, Tỷ-kheo nào có lòng tin, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

Này Ānanda, Tỷ-kheo nào có giới... nghe pháp… dễ nói... làm bạn với thiện hữu... tinh cần tinh tấn... trú niệm... biết đủ... ít dục...

Này Ānanda, Tỷ-kheo nào có chánh tri kiến, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

Này Ānanda, Tỷ-kheo nào thành tựu mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

III. KINH PUṆṆIYA (*Puṇṇiyasutta*)[105] (*A*. V. 154)

83. Rồi Tôn giả Puṇṇiya[106] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Puṇṇiya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, có khi Như Lai thuyết pháp, có khi Như Lai không thuyết pháp?

– Này Puṇṇiya, Tỷ-kheo có lòng tin, không đi đến yết kiến, Như Lai không có thuyết pháp. Khi nào, này Puṇṇiya, Tỷ-kheo có lòng tin, đi đến yết kiến, như vậy, Như Lai có thuyết pháp.

Và này Puṇṇiya, Tỷ-kheo có lòng tin, có đi đến yết kiến nhưng không có cung kính...

… có cung kính nhưng không hỏi...

… có hỏi nhưng không có lóng tai nghe pháp...

… có lóng tai nghe pháp nhưng sau khi nghe không thọ trì pháp...

… sau khi nghe có thọ trì pháp nhưng không suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã được thọ trì...

… có suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã được thọ trì nhưng không biết ý nghĩa, không biết pháp, không thực hành đúng pháp...

… sau khi biết ý nghĩa, sau khi biết pháp, có thực hành đúng pháp và tùy pháp nhưng không khéo nói, không khéo phát ngôn, không thành tựu các lời tao nhã, không nói lên ý nghĩa phân biệt rõ ràng…

… khéo nói, khéo phát ngôn, thành tựu các lời tao nhã, nói lên ý nghĩa phân biệt rõ ràng nhưng không có thuyết trình, không có khích lệ, không có làm cho phấn chấn, không có làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh, cho đến như vậy, Như Lai không thuyết pháp.

Và này Puṇṇiya, Tỷ-kheo có lòng tin; có đi đến yết kiến; có cung kính; có hỏi; có lóng tai nghe pháp; sau khi nghe, có thọ trì pháp; có suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi biết ý nghĩa, sau khi biết pháp, có thực hành đúng pháp và tùy pháp; khéo nói, khéo phát ngôn, thành tựu các lời nói

[105] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.966. 0248a15).

[106] Câu hỏi tương tự cũng được nhắc đến trong *A*. IV. 337.

tao nhã, nói lên ý nghĩa phân biệt rõ ràng; có thuyết trình, có khích lệ, có làm cho phấn chấn, có làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh, cho đến như vậy, Như Lai có thuyết pháp.

Thành tựu mười pháp này, này Puṇṇiya, Như Lai thế nào cũng thuyết pháp.

IV. KINH NÓI LÊN CHÁNH TRÍ (*Byākaraṇasutta*) (*A*. V. 155)

84. Ở đây, Tôn giả Mahāmoggallāna gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahāmoggallāna. Tôn giả Mahāmoggallāna nói như sau:

– Ở đây, này các Hiền giả, Tỷ-kheo nói lên chánh trí: "Tôi rõ biết: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'" Rồi Như Lai hay đệ tử Như Lai, là vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy bị Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận thì rơi vào trống không [sa mạc],[107] rơi vào trong rối ren [rừng rậm],[108] rơi vào trong bế tắc, rơi vào trong bất hạnh, rơi vào trong bế tắc và bất hạnh. Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm mình tác ý đến tâm của người ấy như sau: "Như thế nào, Tôn giả này nói lên chánh trí: Tôi rõ biết rằng: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa'?" Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm mình biết rõ tâm người ấy như sau: "Có phẫn nộ là Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị phẫn nộ thấm nhuần. Với tâm bị phẫn nộ thấm nhuần, có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Có hiềm hận là Tôn giả này...

Có gièm pha là Tôn giả này...

Có não hại là Tôn giả này...

Có tật đố là Tôn giả này...

Có xan tham là Tôn giả này...

Có lừa đảo là Tôn giả này...

---

[107] *Iriṇaṃ āpajjati*. *S. Iriṇa*: Đất khô cằn; *P. Iriṇa*: Sa mạc. *AA*. V. 56: *Irīṇanti* = *Tucchabhāvaṃ* (vùng sa mạc hoang vắng).

[108] *Apajjati vicinaṃ*. *AA*. V. 56: *Vicinanti guṇavicinataṃ nigguṇabhāvaṃ* ("Tồi tệ, thiếu kém" nghĩa là thiếu năng lực, không có năng lực).

Có man trá là Tôn giả này...

Có ác dục là Tôn giả này...

Có thất niệm là Tôn giả này... dầu cho còn nhiều việc [cao thượng hơn] cần phải làm thêm, tuy có chứng được thù thắng nhưng chỉ là phần nhỏ, lại đứng lại giữa đường; đứng lại giữa đường này[109] nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng."

Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, do không đoạn tận mười pháp này, đi đến được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra. Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, do đoạn tận mười pháp này, đi đến được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

V. KINH KHOE KHOANG (*Katthīsutta*) (*A*. V. 157)

85. Một thời, Tôn giả Mahācunda trú giữa dân chúng Ceti, tại Sahajāti. Tại đây, Tôn giả Mahācunda bảo các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahācunda. Tôn giả Mahācunda nói như sau:

– Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo là hạng khoe khoang,[110] khoa trương những chứng đắc của mình: "Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thiền thứ nhất. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thiền thứ hai. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thiền thứ ba. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thiền thứ tư. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Không vô biên xứ. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thức vô biên xứ. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Vô sở hữu xứ. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Diệt thọ tưởng định."

Như Lai hay đệ tử Như Lai là vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy khi bị Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận thì rơi vào trống không, rơi vào rối ren, rơi vào bế tắc, rơi vào bất hạnh, rơi vào bế tắc và bất hạnh.

Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, với tâm của mình tác ý đến tâm của người ấy như sau: "Như thế nào, Tôn giả này khoe khoang, khoa trương những chứng đắc của mình: 'Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thiền thứ nhất... Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Diệt thọ tưởng định.'"

---

[109] *Antarā vosānaṃ*. Xem *D*. II. 78; *M*. I. 193; *S*. III. 168. Trong *It*. 85, thuật ngữ này còn chỉ cho Devadatta.

[110] *AA*. V. 56: *Katthī hoti vikatthīti katthanasīlo hoti vikatthanasīlo, vivaṭaṃ katvā katheti* ("Là hạng khoe khoang, khoa trương" nghĩa là người khoe khoang về giới, khoa trương về giới, công khai, nói hết ra).

Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình rõ biết tâm người ấy như sau: "Đã lâu rồi, Tôn giả này có những hành động phá nát, có những hành động bể vụn, có những hành động chấm đen, có những hành động uế nhiễm, có những hành động không phù hợp, có những tập quán không phù hợp trong các giới luật:

Phá giới là Tôn giả này, và phá giới có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Không có lòng tin là Tôn giả này, và tánh không có lòng tin có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Nghe ít là Tôn giả này, và theo tà hạnh, học ít nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Khó nói là Tôn giả này, và tánh khó nói...

Bạn bè với bạn ác là Tôn giả này, và tánh bạn bè với bạn ác...

Biếng nhác là Tôn giả này, và tánh biếng nhác...

Thất niệm là Tôn giả này, và tánh thất niệm...

Gian xảo là Tôn giả này, và tánh gian xảo...

Khó nuôi dưỡng là Tôn giả này, và tánh khó nuôi dưỡng...

Ác tuệ là Tôn giả này, và tánh ác tuệ có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng."

Ví như, này chư Hiền, một người nói với người bạn của mình: "Này bạn, khi nào bạn cần đến tài sản, hãy xin tôi tài sản và tôi sẽ cho bạn tài sản." Người bạn kia khi cần đến tài sản liền nói với người bạn ấy như sau: "Này bạn, nay tôi cần đến tài sản, hãy cho tôi tài sản." Vị ấy trả lời như sau: "Vậy này bạn, hãy đào ở đây." Vị kia tại đấy đào lên và không tìm được gì, vị kia nói: "Này bạn, bạn đã nói láo với tôi; này bạn, bạn đã nói những lời trống rỗng với tôi." "Hãy đào ở đây", vị ấy nói, "Này bạn, tôi không nói láo với bạn; tôi không nói những lời trống rỗng với bạn. Vậy này bạn, hãy đào ở đây." Vị kia tại đấy đào lên và không tìm được gì, vị kia nói: "Này bạn, bạn đã nói láo với tôi; này bạn, bạn đã nói những lời trống rỗng với tôi." "Hãy đào ở đây", vị ấy nói, "Này bạn, tôi không nói láo với bạn; tôi không nói những lời trống rỗng với bạn. Vậy này bạn, hãy đào ở đây." Vị kia tại đấy đào lên và không tìm được gì, vị kia nói: "Này bạn, bạn đã nói láo với tôi; bạn đã nói những lời trống rỗng với tôi." "Hãy đào ở đây", vị ấy nói, "Này bạn, tôi không nói láo với bạn; tôi không nói những lời trống rỗng với bạn, nhưng tôi bị điên loạn, tâm tôi bị đảo lộn."[111]

Cũng vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo là hạng khoe khoang, khoa trương những chứng đắc của mình: "Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Thiền thứ nhất... Thiền thứ hai... Thiền thứ ba... Thiền thứ tư... Không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tưởng phi phi tưởng xứ... Tôi chứng nhập, tôi xuất ly Diệt thọ tưởng định."

---

[111] *Ummādaṃ pāpuṇiṃ cetaso vipariyāya*. Xem *S*. I. 126; *GS*. II. 90.

Như Lai hay đệ tử Như Lai là bậc hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy, khi bị Như Lai hay đệ tử Như Lai là những bậc hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận, thì rơi vào trống không, rơi vào rối ren, rơi vào bế tắc, rơi vào bất hạnh, rơi vào bế tắc và bất hạnh.

Như Lai hay đệ tử Như Lai, những bậc hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm của người ấy như sau: "Như thế nào, Tôn giả này khoa trương, khoe khoang những chứng đắc của mình: 'Tôi chứng nhập và xuất ly Thiền thứ nhất... Tôi chứng nhập và xuất ly Diệt thọ tưởng định.'"

Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, rõ biết tâm của người ấy như sau: "Đã lâu rồi, Tôn giả này có những hành động phá nát, có những hành động bể vụn, có những hành động chấm đen, có những hành động uế nhiễm, có những hành động không phù hợp, có những tập quán không phù hợp trong các giới luật: Phá giới là Tôn giả này, và phá giới có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Không có lòng tin là Tôn giả này, và tánh không có lòng tin...

Nghe ít là Tôn giả này, và tánh nghe ít...

Khó nói là Tôn giả này, và tánh khó nói...

Bạn bè với bạn ác là Tôn giả này và tánh làm bạn với bạn ác...

Biếng nhác là Tôn giả này, và tánh biếng nhác...

Thất niệm là Tôn giả này, và tánh thất niệm...

Gian xảo là Tôn giả này, và tánh gian xảo...

Khó nuôi dưỡng là Tôn giả này và tánh khó nuôi dưỡng...

Ác tuệ là Tôn giả này, và tánh ác tuệ có nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng."

Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, không đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra. Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, sau khi đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật này, sự kiện này có xảy ra.

VI. KINH TĂNG THƯỢNG MẠN (*Adhimānasutta*)[112] (*A*. V. 161)

86. Một thời, Tôn giả Mahākassapa ở Rājagaha (Vương Xá), Trúc Lâm, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Tại đấy, Tôn giả Mahākassapa gọi các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, Hiền giả.

[112] Bản tiếng Anh của PTS: *The Question of Gnosis*, nghĩa là *Câu hỏi về chánh trí*.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahākassapa. Tôn giả Mahākassapa nói như sau:

– Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo nói lên chánh trí, nói rằng: "Tôi biết rõ như sau: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'" Như Lai hay đệ tử Như Lai, những vị hành thiền, thiện xảo trong thiền chứng, thiện xảo trong tâm người khác, thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận. Vị ấy khi bị Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, thẩm vấn, gạn hỏi, thảo luận, rơi vào trống không, rơi vào rối ren, rơi vào bế tắc, rơi vào bất hạnh, rơi vào bế tắc và bất hạnh.

Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm người ấy như sau: "Như thế nào, vị Tôn giả này nói lên chánh trí, nói rằng: Tôi rõ biết: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'" Như Lai hay đệ tử Như Lai là những bậc hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, biết được tâm người ấy như sau: "Tăng thượng mạn là Tôn giả này, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt, chưa làm tưởng rằng đã làm, chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng đắc, với tăng thượng mạn đã tuyên bố về chánh trí, nói rằng: Tôi rõ biết: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.'"

Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm của người khác, với tâm của mình, tác ý đến tâm người ấy: "Dựa trên gì, Tôn giả này tăng thượng mạn, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt... chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng đắc, với tăng thượng mạn đã tuyên bố về chánh trí, nói rằng: Tôi rõ biết: 'Sanh đã tận... không còn trở lại đời này nữa.'" Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, biết được tâm của người ấy: "Nghe nhiều là Tôn giả này, thọ trì điều đã nghe, cất chứa điều đã nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, trong sạch, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì điều được nghe, thọ trì đọc tụng bằng lời, với ý khéo quán sát, khéo thể nhập với chánh kiến. Do vậy, Tôn giả này tăng thượng mạn, xem tăng thượng mạn của mình như là sự thật, chưa chứng đạt tưởng rằng đã chứng đạt, chưa làm tưởng rằng đã làm, chưa chứng đắc tưởng rằng đã chứng đắc, với tăng thượng mạn đã tuyên bố về chánh trí, nói rằng: Tôi rõ biết: 'Sanh đã tận... không còn trở lại đời này nữa.'"

Như Lai hay đệ tử Như Lai là những vị hành thiền... thiện xảo trong hành tướng tâm người khác, với tâm của mình, biết rõ tâm của người ấy:

Tham là Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị tham chi phối, và tâm bị tham chi phối nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Sân là Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị sân chi phối, và tâm bị sân chi phối nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Hôn trầm thụy miên là Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị hôn trầm thụy miên chi phối, và tâm bị hôn trầm thụy miên chi phối nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Trạo cử là Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị trạo cử chi phối, và tâm bị trạo cử chi phối nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Nghi là Tôn giả này, sống nhiều với tâm bị nghi hoặc chi phối, và tâm bị nghi hoặc chi phối nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Ưa thích công việc là Tôn giả này, thích thú công việc, chuyên chú trong thích thú công việc, và ưa thích công việc nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Ưa thích nói chuyện là Tôn giả này, thích thú nói chuyện, chuyên chú trong thích thú nói chuyện, và thích thú nói chuyện nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Ưa thích ngủ nghỉ là Tôn giả này, thích thú ngủ nghỉ, chuyên chú trong thích thú ngủ nghỉ, và thích thú ngủ nghỉ nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Ưa thích hội chúng là Tôn giả này, thích thú hội chúng, chuyên chú ưa thích hội chúng, và ưa thích hội chúng nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Thất niệm là Tôn giả này, đối với các pháp cao thượng chỉ được phần nhỏ, dầu cho có chứng được thù thắng nhưng chỉ là phần nhỏ, lại đứng lại giữa đường, và đứng lại giữa đường nghĩa là tổn giảm trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng.

Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, không đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, sự kiện này không xảy ra. Tỷ-kheo ấy, này chư Hiền, đoạn tận mười pháp này, sẽ được tăng trưởng, lớn mạnh, lớn rộng trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, sự kiện này có xảy ra.

VII. KINH KHÔNG ĐƯA ĐẾN THÂN ÁI (*Nappiyasutta*)[113] (*A*. V. 164)

87. Tại đấy, nhân việc của Tỷ-kheo Kāḷaka, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích kiện tụng, không tán thán làm

[113] Tham chiếu: *Hắc Tỷ-kheo kinh* 黑比丘經 (*T*.01. 0026.94. 0576a16).

lắng dịu các cuộc kiện tụng. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích kiện tụng, không tán thán làm lắng dịu các cuộc kiện tụng, pháp này không đưa đến thân ái, không đưa đến kính trọng, không đưa đến bắt chước [được làm quen], không đưa đến hòa đồng, không đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không ưa học tập, không tán thán chấp nhận các học pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không ưa học tập, không tán thán chấp nhận các học pháp, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có ác dục, không tán thán nhiếp phục ác dục. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có ác dục, không tán thán nhiếp phục ác dục, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phẫn nộ, không tán thán nhiếp phục phẫn nộ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phẫn nộ, không tán thán nhiếp phục phẫn nộ, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gièm pha, không tán thán nhiếp phục gièm pha. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gièm pha, không tán thán nhiếp phục gièm pha, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo lừa đảo, không tán thán nhiếp phục lừa đảo. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo lừa đảo, không tán thán nhiếp phục lừa đảo, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo man trá, không tán thán nhiếp phục man trá. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo man trá, không tán thán nhiếp phục man trá, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tánh không vâng theo Chánh pháp, tánh không tán thán vâng theo Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tánh không vâng theo Chánh pháp, tánh không tán thán vâng theo Chánh pháp, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thiền tịnh, không tán thán thiền tịnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thiền tịnh, không tán thán thiền tịnh, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh, không tán thán việc đón tiếp tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh, không tán thán việc tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh, pháp này không đưa đến thân ái... không đưa đến nhất trí.

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo như vậy, nếu có ước muốn nào khởi lên: "Ôi, mong rằng các vị đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường ta", nhưng các vị đồng Phạm hạnh không có cung kính, không có tôn trọng, không có đảnh lễ, cúng dường vị ấy. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng các vị đồng Phạm hạnh có trí, quán thấy các pháp ác, bất thiện không được đoạn tận trong vị ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có loại ngựa không thuần thục, dầu cho có khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng loài người sẽ đặt ta vào vị trí của con ngựa đã được thuần thục, cho ta ăn với các đồ ăn dành cho con ngựa thuần thục, điều phục ta với sự điều phục dành cho con ngựa thuần thục", nhưng loài người không đặt nó vào vị trí của con ngựa thuần thục, không cho nó ăn với các đồ ăn dành cho con ngựa thuần thục, không điều phục nó với sự điều phục dành cho con ngựa thuần thục. Vì sao? Vì những người có trí thấy rõ được những tánh hạ liệt, sự lừa đảo, giả dối, xảo trá, xảo quyệt của nó chưa được đoạn tận.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo như vậy, nếu có ước muốn nào khởi lên: "Ôi, mong rằng các vị đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường ta"; nhưng các vị đồng Phạm hạnh không có cung kính, không có tôn trọng, không có đảnh lễ, không có cúng dường vị ấy. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng các vị đồng Phạm hạnh có trí, quán thấy các pháp ác, bất thiện không được đoạn tận trong vị ấy.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không ưa thích kiện tụng, tán thán làm lắng dịu các cuộc kiện tụng. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không ưa thích kiện tụng, tán thán làm lắng dịu các cuộc kiện tụng, pháp này đưa đến thân ái, đưa đến kính trọng, đưa đến muốn làm quen, đưa đến hòa đồng, đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích học tập, tán thán chấp nhận học pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ưa thích học tập, tán thán chấp nhận học pháp, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ít dục, tán thán nhiếp phục các dục. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ít dục, tán thán nhiếp phục các dục, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phẫn nộ, tán thán nhiếp phục phẫn nộ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không phẫn nộ, tán thán nhiếp phục phẫn nộ, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không gièm pha, tán thán nhiếp phục gièm pha. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không gièm pha, tán thán nhiếp phục gièm pha, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không lừa đảo, tán thán nhiếp phục lừa đảo. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không lừa đảo, tán thán nhiếp phục lừa đảo, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không man trá, tán thán nhiếp phục man trá. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không man trá, tán thán nhiếp phục man trá, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vâng theo Chánh pháp, tán thán vâng theo Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vâng theo Chánh pháp, tán thán vâng theo Chánh pháp, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiền tịnh, tán thán thiền tịnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiền tịnh, tán thán thiền tịnh, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh, tán thán việc tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh, tán thán việc tiếp đón tốt đẹp các vị đồng Phạm hạnh, pháp này đưa đến thân ái... đưa đến nhất trí.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy, dầu không có ước muốn nào khởi lên: "Ôi, mong rằng các vị đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường ta", nhưng các vị đồng Phạm hạnh cũng vẫn cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường vị ấy. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì rằng các vị đồng Phạm hạnh có trí quán thấy các pháp ác, bất thiện đã được đoạn tận nơi vị ấy.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một con ngựa thuần thục, dầu cho không khởi lên ý muốn như sau: "Mong rằng loài người sẽ đặt ta vào vị trí của con ngựa đã thuần thục, cho ta ăn với các đồ ăn dành cho con ngựa thuần thục, điều phục ta với sự điều phục dành cho con ngựa thuần thục", nhưng loài người vẫn đặt nó vào vị trí của con ngựa thuần thục, vẫn cho nó ăn với các đồ ăn dành cho con ngựa thuần thục, vẫn điều phục nó với sự điều phục dành cho con ngựa thuần thục. Vì sao? Vì những người có trí thấy rõ được những tánh hạ liệt, gian dối, giả dối, xảo trá, xảo quyệt của nó đã được đoạn tận.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo như vậy, dầu không có khởi lên ước muốn: "Ôi, mong rằng các vị đồng Phạm hạnh cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường ta", nhưng các vị đồng Phạm hạnh vẫn cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, cúng dường vị ấy. Vì sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, các vị đồng Phạm hạnh có trí thấy rằng các pháp ác, bất thiện ấy đã được đoạn tận nơi vị ấy.

VIII. KINH MẠ LỴ (*Akkosakasutta*)[114] (*A.* V. 169)

88. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo nào mạ lỵ, khiển trách, nhiếc mắng các vị Thánh và những vị đồng Phạm hạnh, thật sự không thể không xảy ra được, không thể không có lúc để vị ấy khỏi phải gặp một trong mười tai nạn này. Thế nào là mười?

Không chứng đắc điều chưa được chứng đắc; điều đã chứng đắc bị thối thất; không được sáng suốt đối với Diệu pháp; tăng thượng mạn trong Diệu pháp; sống Phạm hạnh không được hoan hỷ; vi phạm một uế tội; cảm xúc bệnh nặng; đạt đến điên cuồng loạn tâm; khi chết bị bất tỉnh (hôn mê); sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nào mạ lỵ, khiển trách, nhiếc mắng các vị Thánh và những vị đồng Phạm hạnh, thật sự không thể không xảy ra được, không thể không có lúc để vị ấy khỏi phải gặp một trong mười tai nạn này.

---

[114] Bản tiếng Anh của PTS: *Disaster*, nghĩa là *Tai họa*.

IX. KINH TỶ-KHEO KOKĀLIKA (*Kokālikasutta*)[115] (*A*. V. 170)

89. Bấy giờ, có Tỷ-kheo Kokālika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kokālika bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sāriputta và Moggallāna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

– Này Kokālika, chớ có nói vậy! Này Kokālika, chớ có nói vậy! Này Kokālika, tâm hãy tịnh tín đối với Sāriputta và Moggallāna. Hiền thiện là Sāriputta và Moggallāna!

Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokālika bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tin tưởng, đối với con, Sāriputta và Moggallāna là ác dục, bị ác dục chinh phục.

– Này Kokālika, chớ có nói vậy! Này Kokālika, chớ có nói vậy! Này Kokālika, tâm hãy tịnh tín đối với Sāriputta và Moggallāna. Hiền thiện là Sāriputta và Moggallāna!

Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokālika bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn,... bị ác dục chinh phục.

– Này Kokālika,... Hiền thiện là Sāriputta và Moggallāna!

Rồi Tỷ-kheo Kokālika từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Thế Tôn rồi ra đi. Tỷ-kheo Kokālika ra đi không bao lâu, toàn thân nổi lên những mụt to bằng hạt cải; sau khi lớn bằng hạt cải, chúng lớn lên bằng hạt đậu; sau khi lớn lên bằng hạt đậu, chúng lớn lên bằng hạt đậu lớn; sau khi lớn lên bằng hạt đậu lớn, chúng lớn lên bằng hòn sỏi; sau khi lớn lên bằng hòn sỏi, chúng lớn lên bằng hột táo; sau khi lớn lên bằng hột táo, chúng lớn lên bằng trái Āmala (A-ma-lặc); sau khi lớn lên bằng trái Āmala, chúng lớn lên bằng trái dưa Beḷuva chưa chín; sau khi lớn lên bằng trái dưa Beḷuva chưa chín, chúng lớn lên bằng trái dưa Billa đã chín; sau khi lớn lên bằng trái Billa đã chín, chúng bị phá vỡ, mủ và máu chảy ra. Tại đấy, vị ấy nằm trên lá chuối như con cá ăn phải đồ độc.

Lúc ấy, có Phạm thiên Tudu Pacceka[116] đi đến Tỷ-kheo Kokālika; sau khi đến, đứng trên hư không và nói với Tỷ-kheo Kokālika:

– Này Kokālika, hãy đặt tâm tịnh tín nơi Sāriputta và Moggallāna. Hiền thiện là Sāriputta và Moggallāna!

– Ngài là ai?

– Ta là Phạm thiên Tudu Pacceka.

---

[115] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.21.5. 0603b02); *Thế ký kinh* 世記經 (*T*.01. 0001.30. 0114b07); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1278. 0351b12); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.106. 0411b24); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.276. 0470a14).

[116] Turū Pacceka Brahmā còn được viết Tudu Pacceka Brahmā, Tudi Pacceka Brahmā, Turi Pacceka Brahmā, tức Bích-chi Phạm thiên Đô-đầu (辟支梵天都頭) (*N*.25. 0007.10.89. 0066a01) là Bổn sư của Kokālika. Phạm thiên Tudu khi mệnh chung được Thế Tôn tuyên bố là chứng được quả Bất lai. Xem *A*. V. 171; *AA*. II. 852; *S*. I. 149; *SA*. I. 167f; II. 476; *J*. IV. 245.

– Thưa Hiền giả, có phải Hiền giả là người được Thế Tôn trả lời là đã chứng Bất lai? Sao Hiền giả lại đến đây? Hãy xem như thế nào Hiền giả đã lầm lạc trong vấn đề này.

Rồi Phạm thiên Tudu Pacceka nói lên với Tỷ-kheo Kokālika bài kệ này:

Con người được sanh ra,
Sanh với búa trong miệng,
Người ngu nói điều xấu,
Là tự chém vào mình.
Ai khen người đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Đều chất chứa bất hạnh,
Do từ miệng tạo thành.
Và chính do bất hạnh,
Nên không được an lạc,
Nhỏ thay bất hạnh này,
Chính do cờ bạc sanh,
Khiến tài sản tiêu hao.
Bất hạnh này lớn hơn,
Không những mất tất cả,
Lại mất cả tự mình,
Là người khởi ác ý,
Đối với chư Thiện Thệ.
Ai chỉ trích bậc Thánh,
Với lời, với ác ý,
Trải qua trăm ngàn thời,
Với Nirabbuda,
Còn thêm ba mươi sáu,
Với năm Abbuda,
Phải sanh vào địa ngục,
Chịu khổ đau tại đấy.

Rồi Tỷ-kheo Kokālika, do chứng bệnh ấy mệnh chung. Sau khi chết, Tỷ-kheo Kokālika sanh vào địa ngục Sen Hồng vì tâm khởi ác ý đối với Sāriputta và Moggallāna. Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokālika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokālika đã mệnh chung, phải sanh vào địa ngục Sen Hồng vì tâm khởi ác ý đối với Sāriputta và Moggallāna.

Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Nói như vậy xong, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn rồi biến mất tại chỗ.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm đã qua, bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, đêm nay Phạm thiên Sahampati, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati thưa với Ta: "Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokālika đã mệnh chung. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokālika đã mệnh chung, phải sanh vào địa ngục Sen Hồng vì tâm khởi ác ý đối với Sāriputta và Moggallāna." Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Nói như vậy xong, đảnh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lâu dài bao nhiêu là tuổi thọ ở địa ngục Sen Hồng?

– Này Tỷ-kheo, tuổi thọ ở địa ngục Sen Hồng rất khó mà tính được. Có chừng ấy năm, hay có chừng ấy trăm năm, hay có chừng ấy ngàn năm, hay có chừng ấy trăm ngàn năm.

– Bạch Thế Tôn, có thể cho một ví dụ được chăng?

Thế Tôn nói:

– Có thể được, này Tỷ-kheo.

Ví như, này Tỷ-kheo, một cỗ xe hai mươi cân Kosala chở đầy hạt mè. Rồi một người cứ sau một trăm năm, sau một trăm năm lấy lên một hạt mè. Mau hơn, này Tỷ-kheo, là cỗ xe hai mươi cân Kosala chở đầy hạt mè, do phương pháp này, đi đến tận sạch không còn gì nữa, cũng chưa đủ là một Abbuda địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi Abbuda địa ngục là bằng một Nirabbuda địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi Nirabbuda địa ngục là bằng một Ababa địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi Ababa địa ngục là bằng một Aṭaṭa địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi Aṭaṭa địa ngục là bằng một Ahaha địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi Ahaha địa ngục là bằng một Kumuda địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi Kumuda địa ngục là bằng một Sogandhika địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi Sogandhika địa ngục là bằng một Uppalaka địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi Uppalaka địa ngục là bằng một Puṇḍarīka địa ngục. Ví như, này Tỷ-kheo, hai mươi Puṇḍarīka địa ngục là bằng một Paduma địa ngục. Này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Kokālika phải sanh vào địa ngục Paduma (Sen Hồng) vì khởi lên ác ý đối với Sāriputta và Moggallāna.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Con người được sanh ra,
Sanh với búa trong miệng,
Người ngu nói điều xấu,
Là tự chém vào mình.
Ai khen người đáng chê,
Ai chê người đáng khen,
Đều chất chứa bất hạnh,
Do từ miệng tạo thành.

Và chính do bất hạnh,
Nên không được an lạc,
Nhỏ thay bất hạnh này,
Chính do cờ bạc sanh,
Khiến tài sản tiêu hao.
Bất hạnh này lớn hơn,
Không những mất tất cả,
Lại mất cả tự mình,
Là người khởi ác ý,
Đối với chư Thiện Thệ.
Ai chỉ trích bậc Thánh,
Với lời, với ác ý,
Trải qua trăm ngàn đời,
Với Nirabudda,
Còn thêm ba mươi sáu,
Với năm Abbuda,
Phải sanh vào địa ngục,
Chịu khổ đau tại đấy.

X. KINH SỨC MẠNH ĐOẠN TẬN PHIỀN NÃO (*Khīṇāsavabalasutta*)[117] (*A*. V. 174)

90. Bấy giờ, có Tôn giả Sāriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi xuống một bên:

– Này Sāriputta, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc có bao nhiêu sức mạnh? Thành tựu với những sức mạnh ấy, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận biết sự đoạn tận các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được đoạn tận nơi ta."

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, có mười sức mạnh.[118] Thành tựu với những sức mạnh ấy, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận biết sự đoạn tận các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được đoạn tận nơi ta." Thế nào là mười?

Ở đây, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, đã khéo thấy như thật với chánh trí tuệ, các hành là vô thường. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, đã khéo thấy như thật với chánh trí tuệ, tất cả các hành là vô thường, bạch Thế Tôn, đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc. Dựa trên sức mạnh này, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận biết sự đoạn tận các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được đoạn tận nơi ta."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, đã khéo thấy như

[117] Bản tiếng Anh của PTS: *The Powers*, nghĩa là *Những sức mạnh.* Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.694-698. 0188b18-c08).

[118] Tám sức mạnh này cũng được đề cập ở *A*. IV. 224.

thật với chánh trí tuệ, các dục được ví như hố than hừng.[119] Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, đã khéo thấy như thật với chánh trí tuệ, các dục được ví như hố than hừng, bạch Thế Tôn, đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc. Do sức mạnh này, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận biết sự đoạn tận các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được đoạn tận nơi ta."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, với tâm hướng về viễn ly, thiên về viễn ly, xuôi về viễn ly, trú vào viễn ly, ưa thích xuất ly, chấm dứt hoàn toàn các pháp làm trú xứ cho các lậu hoặc. Bạch Thế Tôn... đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc... được đoạn tận nơi ta."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập bốn niệm xứ. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập bốn niệm xứ, bạch Thế Tôn, đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc... đã được đoạn tận nơi ta."

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập bốn chánh cần...

...Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập bốn như ý túc...

...Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập năm căn...

...Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập năm lực...

...Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập bảy giác chi...

...Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập Thánh đạo tám ngành. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tu tập, khéo tu tập Thánh đạo tám ngành, bạch Thế Tôn, đây là sức mạnh của Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc. Do sức mạnh này, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận biết sự đoạn tận các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được đoạn tận nơi ta."

Bạch Thế Tôn, có mười sức mạnh này của Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc. Thành tựu mười lực này, Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, tự nhận biết sự đoạn tận các lậu hoặc: "Các lậu hoặc đã được đoạn tận nơi ta."

---

[119] Xem một trong những ví dụ về *kāmā* được đề cập trong *M.* I. 130.

X. PHẨM UPĀLI
(*UPĀLIVAGGA*)[120]

I. KINH NGƯỜI HƯỞNG DỤC (*Kāmabhogīsutta*)[121] (*A*. V. 176)

91. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, có mười hạng người hưởng dục này[122] có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là mười?

Ở đây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục, tầm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh, vị ấy không tự mình được an lạc, không hân hoan, không có chia sẻ, không làm các công đức.

Ở đây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục, tầm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh, vị ấy tự mình được an lạc, hân hoan, không có chia sẻ, không làm các công đức.

Ở đây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục, tầm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản phi pháp với sức mạnh, vị ấy tự mình được an lạc, hân hoan, chia sẻ, làm các công đức.

Ở đây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục, tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp với sức mạnh và không với sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp với sức mạnh và không với sức mạnh, vị ấy không tự mình được an lạc, không hân hoan, không có chia sẻ, không làm các công đức.

Ở đây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục, tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp với sức mạnh và không với sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp với sức mạnh và không với sức mạnh, vị ấy tự mình được an lạc, hân hoan, nhưng không chia sẻ, không làm các công đức.

Ở đây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục, tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp với sức mạnh và không với sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp với sức mạnh và không với sức mạnh, vị ấy tự mình được an lạc, hân hoan, có chia sẻ, có làm các công đức.

---

[120] Bản tiếng Anh của PTS: *The Lay-Followers*, nghĩa là *Phẩm Nam cư sĩ*.

[121] Tham chiếu: *Hành dục kinh* 行欲經 (*T*.01. 0026.126. 0615a08); *Phục dâm kinh* 伏婬經 (*T*.01. 0065. 0863b10).

[122] *Kāmābhogī*: Hưởng dục lạc. Ba loại này được trình bày trong *KS*. IV. 235-41, đức Phật thuyết giảng cho trưởng thôn Rāsiya.

Ở đây, này gia chủ, có hạng người hưởng dục, tầm cầu tài sản đúng pháp không với sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp không với sức mạnh, vị ấy không tự mình được an lạc, không hân hoan, không chia sẻ, không làm các công đức.

Ở đây, này gia chủ, có người hưởng dục, tầm cầu tải sản đúng pháp không với sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp không với sức mạnh, vị ấy tự mình được an lạc, hân hoan, không chia sẻ, không làm các công đức.

Ở đây, này gia chủ, có người hưởng dục, tầm cầu tài sản đúng pháp không với sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp không với sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ, làm các công đức. Và vị này hưởng thụ các tài sản ấy với tâm tham trước, đắm say, mê loạn, không thấy sự nguy hại, không với trí tuệ xuất ly.

Ở đây, này gia chủ, có người hưởng dục, tầm cầu tài sản đúng pháp không với sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp không với sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ, làm các công đức. Và vị này hưởng thụ các tài sản ấy, không với tâm tham trước, không đắm say, không mê loạn, thấy sự nguy hại, với trí tuệ xuất ly.

Tại đây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, vị ấy không tự mình an lạc, hân hoan, không chia sẻ, không làm các công đức. Này gia chủ, vị hưởng dục này do ba điều bị quở trách: "Tầm cầu tài sản phi pháp, dùng sức mạnh là điều thứ nhất bị khiển trách; không tự mình an lạc, hân hoan là điều thứ hai bị khiển trách; không chia sẻ, không làm công đức là điều thứ ba bị khiển trách.

Này gia chủ, vị hưởng dục này có ba điều bị quở trách.

Tại đây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản phi pháp, dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, không chia sẻ, không làm các công đức. Này gia chủ, vị hưởng dục này do hai điều bị quở trách, và do một điều được tán thán. Vị ấy tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh do điều thứ nhất này bị quở trách. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do một điều này được tán thán. Vị ấy không chia sẻ, không làm các công đức, do điều thứ hai này bị chỉ trích.

Vị hưởng dục này, này gia chủ, do hai điều này bị chỉ trích, và một điều này được tán thán.

Tại đây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ và làm các công đức. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do một điều bị chỉ trích, do hai điều được tán thán. Vị ấy tầm cầu tài sản một cách phi pháp và dùng sức mạnh, do một điều này bị chỉ trích. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do điều thứ nhất này được tán thán. Vị ấy chia sẻ và làm các công đức, do điều thứ hai này được tán thán.

Vị hưởng dục này, này gia chủ, có một điều này bị chỉ trích, và hai điều này được tán thán.

Tại đây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, vị ấy không tự mình an lạc, hân hoan, không chia sẻ, không làm các công đức. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do một điều được tán thán, do ba điều bị chỉ trích. Vị ấy tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do một điều này được tán thán. Vị ấy tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này bị chỉ trích. Vị ấy không tự mình an lạc, không hân hoan, do điều thứ hai này bị chỉ trích. Vị ấy không chia sẻ, không làm các công đức, do điều thứ ba này bị chỉ trích.

Vị hưởng dục này, này gia chủ, có một điều này được tán thán, và ba điều này bị chỉ trích.

Tại đây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, không chia sẻ và không làm các công đức. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do hai điều được tán thán, và do hai điều bị chỉ trích. Vị ấy tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này được tán thán. Vị ấy tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này bị chỉ trích. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do điều thứ hai này được tán thán. Vị ấy không chia sẻ, không làm các công đức, do điều thứ hai này bị chỉ trích.

Vị hưởng dục này, này gia chủ, do hai điều này được tán thán, và do hai điều này bị chỉ trích.

Tại đây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và phi pháp, dùng sức mạnh và không dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ và làm các công đức. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do ba điều được tán thán, và do một điều bị chỉ trích. Vị ấy tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này được tán thán. Vị ấy tầm cầu tài sản phi pháp và dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này bị chỉ trích. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do điều thứ hai này được tán thán. Vị ấy chia sẻ và làm các công đức, do điều thứ ba này được tán thán.

Vị hưởng dục này, này gia chủ, do ba điều này được tán thán, và do một điều này bị chỉ trích.

Tại đây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, vị ấy không tự mình an lạc, hân hoan, không chia sẻ và không làm các công đức. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do một điều được tán thán, và do hai điều bị chỉ trích. Vị ấy tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do một

điều này được tán thán. Vị ấy không tự mình an lạc, hân hoan, do điều thứ nhất này bị chỉ trích. Vị ấy không chia sẻ, không làm các công đức, do điều thứ hai này bị chỉ trích.

Vị hưởng dục này, này gia chủ, do một điều này được tán thán, và do hai điều này bị chỉ trích.

Tại đây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, không chia sẻ, không làm các công đức. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do hai điều được tán thán, và do một điều bị chỉ trích. Vị ấy tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này được tán thán. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do điều thứ hai này được tán thán. Vị ấy không chia sẻ, không làm các công đức, do một điều này bị chỉ trích.

Vị hưởng dục này, này gia chủ, do hai điều này được tán thán, và do một điều này bị chỉ trích.

Tại đây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ và làm các công đức. Và người ấy thọ hưởng các tài sản ấy tham đắm, đắm say, mê loạn, không thấy sự nguy hại, không có xuất ly với trí tuệ. Người hưởng dục này, này gia chủ, do ba điều được tán thán, và do một điều bị chỉ trích. Vị ấy tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này được tán thán. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do điều thứ hai này được tán thán. Vị ấy chia sẻ và làm các công đức, do điều thứ ba này được tán thán. Vị ấy thọ hưởng các tài sản ấy tham đắm, đắm say, mê loạn, không thấy sự nguy hại, không có xuất ly với trí tuệ, do một điều này bị chỉ trích.

Vị hưởng dục này, này gia chủ, do ba điều này được tán thán, và do một điều này bị chỉ trích.

Tại đây, này gia chủ, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ và làm các công đức. Người ấy hưởng thọ các tài sản ấy, không có tham đắm, không có đắm say, không có mê loạn, thấy được sự nguy hại, có xuất ly với trí tuệ. Vị hưởng dục này, này gia chủ, do bốn điều được tán thán. Vị ấy tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh, do điều thứ nhất này được tán thán. Vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, do điều thứ hai này được tán thán. Vị ấy chia sẻ và làm các công đức, do điều thứ ba này được tán thán. Vị ấy thọ hưởng các tài sản ấy, không tham đắm, không có đắm say, không có mê loạn, thấy được sự nguy hại, có xuất ly với trí tuệ, do điều thứ tư này được tán thán.

Vị hưởng dục này, này gia chủ, do bốn điều này được tán thán.

Này gia chủ, mười hạng người hưởng dục này có mặt hiện hữu ở đời.

Trong mười hạng người hưởng dục này, này gia chủ, người hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp, không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp, không dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ, làm các công đức, hưởng thọ các tài sản ấy không tham đắm, không đắm say, không mê loạn, thấy được sự nguy hại, có xuất ly với trí tuệ. Trong mười hạng người hưởng dục này, hạng người này là tối thượng, là tối thắng, là thượng thủ, là vô thượng, là tối tôn.[123]

Ví như, này gia chủ, từ con bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có tinh túy của thục tô, đề-hồ, tinh túy thục tô được xem như tối thượng ở đây. Cũng vậy, này gia chủ, trong mười hạng người hưởng dục này, vị hưởng dục này, tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng sức mạnh. Sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp và không dùng dùng sức mạnh, vị ấy tự mình an lạc, hân hoan, chia sẻ và làm các công đức, thọ hưởng các tài sản ấy, không tham đắm, không đắm say, không mê loạn, thấy được sự nguy hại, có xuất ly với trí tuệ. Trong mười hạng người hưởng dục này, hạng người này là tối thượng, tối thắng, thượng thủ, vô thượng và tối tôn.

II. KINH SỢ HÃI (*Bhayasutta*)[124] (*A*. V. 182)

92. Bấy giờ, có gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn... Thế Tôn nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi xuống một bên:

– Này gia chủ, khi nào vị Thánh đệ tử làm cho lắng dịu năm sợ hãi hận thù,[125] thành tựu bốn chi phần Dự lưu, khéo thấy, khéo thể nhập Thánh lý với trí tuệ; nếu vị ấy muốn, có thể tự trả lời với mình rằng: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận loài bàng sanh; ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ; ta đã đoạn tận các cõi dữ, ác thú, đọa xứ; ta đã chứng Dự lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc chứng đạt cứu cánh giác ngộ."

Thế nào là năm sợ hãi hận thù được làm cho lắng dịu?

Này gia chủ, sát sanh, do duyên sát sanh tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ sát sanh, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong tương lai, không khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ sát sanh, làm lắng dịu sợ hãi hận thù này.

Này gia chủ, lấy của không cho... tà hạnh trong các dục... nói láo... đắm say rượu men rượu nấu, do duyên đắm say rượu men rượu nấu, tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến cảm thọ khổ ưu về tâm. Người từ bỏ đắm say trong rượu men rượu nấu, không tạo ra sợ hãi

---

[123] Xem *A*. II. 95; *S*. III. 264.

[124] Bản tiếng Anh của PTS: *Guilty Dread*, nghĩa là *Sợ hãi phạm tội*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.846. 0215a17).

[125] Xem *KS*. V. 333.

hận thù ngay trong hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, không khiến cảm thọ khổ ưu về tâm. Với người từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, như vậy sợ hãi hận thù này được lắng dịu.

Năm sợ hãi hận thù này được lắng dịu.

Thế nào là thành tựu bốn Dự lưu phần?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Vị ấy thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu." Vị ấy thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Ưng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được đảnh lễ, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời." Vị ấy thành tựu với những giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hủy, không bị bể vụn, không bị điểm chấm, không bị uế nhiễm, đưa đến giải thoát, được bậc trí tán thán, không bị chấp trước, đưa đến thiền định.

Đây là thành tựu bốn chi phần Dự lưu này.

Thế nào là Thánh lý được khéo thấy, khéo thể nhập với trí tuệ?

Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử quán sát như sau: "Do cái này có, cái kia có. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có, cái kia không có. Do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là do duyên vô minh, có các hành. Do duyên các hành có thức. Do duyên thức có danh sắc. Do duyên danh sắc có sáu nhập. Do duyên sáu nhập có xúc. Do duyên xúc có thọ. Do duyên thọ có ái. Do duyên ái có thủ. Do duyên thủ có hữu. Do duyên hữu có sanh. Do duyên sanh có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Như vậy, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Do vô minh diệt không có dư tàn nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này diệt. Đây là Thánh lý được khéo thấy và khéo thể nhập với trí tuệ."

Này gia chủ, khi nào với vị Thánh đệ tử, năm sợ hãi hận thù này được lắng dịu, bốn Dự lưu phần này được thành tựu, và Thánh lý này được khéo thấy và khéo thể nhập với trí tuệ, thời nếu muốn, vị ấy có thể tự mình trả lời về mình rằng: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận loài bàng sanh; ta đã đoạn tận cõi ngạ quỷ; ta đã đoạn tận cõi dữ, ác thú, đọa xứ; ta đã chứng được Dự lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc chứng đạt cứu cánh giác ngộ."

III. KINH CÓ KIẾN GÌ (*Kiṃdiṭṭhikasutta*)[126] (*A*. V. 185)

93. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Bấy giờ, có gia chủ Anāthapiṇḍika, vào buổi sáng thật sớm đi ra khỏi Sāvatthi để yết kiến Thế Tôn. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn, Thế Tôn đang thiền tịnh. Cũng không phải thời để yến kiến các vị Tỷ-kheo đang tu tập về ý, các Tỷ-kheo tu tập về ý đang thiền tịnh. Vậy ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo." Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo.

Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo đang ngồi hội họp, đang tụ họp ồn ào, cao tiếng, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm. Các du sĩ ngoại đạo ấy thấy gia chủ Anāthapiṇḍika từ xa đi đến, khi thấy vậy liền dặn dò, bảo với nhau: "Hãy bớt ồn ào, các Tôn giả! Chớ có làm ồn, các Tôn giả! Gia chủ Anāthapiṇḍika này đang đến, một đệ tử trong những đệ tử của Sa-môn Gotama có gia đình, mặc áo trắng ở Sāvatthi, gia chủ Anāthapiṇḍika là một trong những vị ấy. Các vị ấy ít ưa ồn ào, được huấn luyện trong ít ồn ào, tán thán ít ồn ào. Nếu vị ấy thấy hội chúng ít ồn ào, vị ấy có thể nghĩ đến thăm ở đây." Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy giữ im lặng.

Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến các du sĩ đạo ấy; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với gia chủ Anāthapiṇḍika đang ngồi một bên:

– Này gia chủ, hãy nói lên Sa-môn Gotama có kiến gì?

– Thưa các Tôn giả, tôi không biết tất cả kiến của Thế Tôn.

– Này gia chủ, gia chủ có thể không biết tất cả kiến của Sa-môn Gotama. Vậy này gia chủ, hãy nói các Tỷ-kheo có kiến gì?

– Thưa các Tôn giả, tôi không biết tất cả kiến của các Tỷ-kheo.

– Này gia chủ, gia chủ có thể không biết tất cả kiến của Sa-môn Gotama, gia chủ có thể không biết tất cả kiến của các Tỷ-kheo. Vậy này gia chủ, hãy nói về kiến của gia chủ.

– Thưa các Tôn giả, thật không khó gì để tôi trả lời về kiến của tôi. Nhưng các Tôn giả hãy trả lời về kiến của các Tôn giả trước; rồi sau đó, thật không khó gì để tôi trả lời về kiến của tôi.

Khi được nghe nói vậy, một du sĩ ngoại đạo nói với gia chủ Anāthapiṇḍika: "Thường còn là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Này gia chủ, như vậy là kiến của tôi."

Một du sĩ ngoại đạo khác nói với gia chủ Anāthapiṇḍika: "Vô thường là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Này gia chủ, như vậy là kiến của tôi."

---

[126] Bản tiếng Anh của PTS: *View*, nghĩa là *Kiến*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.968. 0248c06); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.201. 0448b18).

Rồi một du sĩ ngoại đạo khác nói với gia chủ Anāthapiṇḍika: "Có biên tế là thế giới... Không có biên tế là thế giới... Mạng sống[127] và thân thể là một... Mạng sống và thân thể là khác... Như Lai[128] có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Này gia chủ, như vậy là kiến của tôi."

Khi nghe nói vậy, gia chủ Anāthapiṇḍika nói với các du sĩ ngoại đạo ấy:

– Thưa các Tôn giả, Tôn giả nào nói như sau: "Thường còn là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Này gia chủ, như vậy là kiến của tôi." Kiến này của Tôn giả ấy, hoặc nhân tự mình tác ý không hợp lý, hoặc do duyên nghe tiếng người khác nói.[129] Kiến ấy như vậy được sanh, được tác thành [hữu vi] do tâm suy tư, do duyên khởi lên. Và cái gì được sanh, được tác thành do tâm suy tư, do duyên khởi lên, cái ấy là vô thường; cái gì vô thường, cái ấy là khổ; cái [khổ] ấy, Tôn giả chấp trước [dính vào]; cái [khổ] ấy, Tôn giả chấp nhận.

Thưa các Tôn giả, Tôn giả nào nói như sau: "Vô thường là thế giới này... Có biên tế là thế giới này... Không biên tế là thế giới này... Sinh mạng và thân thể là một... Sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Này gia chủ, như vậy là kiến của tôi." Kiến này của Tôn giả ấy, hoặc nhân tự mình tác ý không hợp lý, hoặc do duyên nghe tiếng người khác nói. Kiến như vậy được sanh, được tác thành do tâm suy tư, do duyên khởi lên. Và cái gì được sanh, được tác thành do tâm suy tư, do duyên khởi lên, cái ấy là vô thường; cái gì vô thường, cái ấy là khổ; cái [khổ] ấy, Tôn giả chấp trước; cái [khổ] ấy, Tôn giả chấp nhận.

Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với gia chủ Anāthapiṇḍika:

– Này gia chủ, tất cả kiến của chúng tôi đã được nói lên. Này gia chủ, hãy nói lên kiến của gia chủ là gì?

– Thưa các Tôn giả, phàm cái gì được sanh, được tác thành do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì là khổ, cái ấy là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Tôi có kiến như vậy, thưa các Tôn giả.

– Này gia chủ, phàm cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì là khổ, cái ấy, này gia chủ, gia chủ lại chấp trước; cái ấy, này gia chủ, gia chủ lại chấp nhận.

---

[127] *Jīva*: Sinh mạng. Về sau, trong *Upanishad*, thuật ngữ này dùng để gọi cho "linh hồn". Chính *jīva* nối liền *atman* với *attabhāva* (ngã tánh).

[128] *Tathāgata*. Như Lai, một danh hiệu của đức Phật. Ở đây chỉ cho bất cứ người nào. *Chú giải* giải thích một cách chung chung "chỉ là một chúng sinh".

[129] *Paraghosa*, phân biệt với *parato ghoso* trong *GS*. I. 79, có nghĩa là tiếng từ thế giới khác.

– Thưa các Tôn giả, phàm cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Như vậy là như thật khéo thấy với chánh trí tuệ. Và từ nơi khổ ấy, tôi như thật rõ biết sự xuất ly hơn thế nữa.

Khi nghe nói như vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy ngồi im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ không nói lên lời.

Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika, sau khi biết các du sĩ ngoại đạo ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ không nói lên lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika, câu chuyện với các du sĩ ngoại đạo ấy như thế nào, đều thuật lại tất cả cho Thế Tôn rõ.

– Lành thay! Lành thay! Này gia chủ, như vậy, những kẻ ngu si ấy thường cần phải được bác bỏ với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp.

Rồi Thế Tôn với một bài pháp thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ gia chủ Anāthapiṇḍika. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika, sau khi được Thế Tôn với bài pháp thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, sau khi gia chủ Anāthapiṇḍika ra đi không bao lâu, bảo các vị Tỷ-kheo:

– Tỷ-kheo nào dầu đã được đầy đủ một trăm năm an cư mùa mưa trong Pháp và Luật này, vị ấy cần phải như vậy, thường bác bỏ các du sĩ ngoại đạo với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp, như gia chủ Anāthapiṇḍika đã khéo bác bỏ.

IV. KINH VAJJIYAMĀHITA (*Vajjiyamāhitasutta*) (*A.* V. 189)

94. Một thời, Thế Tôn trú ở Campā, trên bờ hồ Gaggarā. Rồi gia chủ Vajjiyamāhita, vào buổi sáng sớm đi ra khỏi Campā, đến yết kiến Thế Tôn. Rồi gia chủ Vajjiyamāhita suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn, Thế Tôn đang thiền tịnh. Cũng không phải thời để yết kiến các Tỷ-kheo đang tu tập về ý, các Tỷ-kheo đang tu tập về ý đang thiền tịnh. Vậy ta hãy đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo." Rồi gia chủ Vajjiyamāhita đi đến khu vườn các du sĩ ngoại đạo.

Lúc bấy giờ, các du sĩ ngoại đạo đang ngồi hội họp, đang tụ họp, ồn ào, cao tiếng, lớn tiếng bàn luận những vấn đề phù phiếm. Các du sĩ ngoại đạo ấy thấy gia chủ Vajjiyamāhita từ xa đi đến; khi thấy vậy, liền dặn dò, bảo với nhau: "Hãy bớt ồn ào, các Tôn giả! Chớ làm ồn, các Tôn giả! Gia chủ Vajjiyamāhita này đang đến, một đệ tử của Sa-môn Gotama có gia đình, mặc áo trắng ở Campā. Gia chủ Vajjiyamāhita là một trong những vị ấy. Các vị ấy ưa ít ồn ào, được huấn luyện trong ít ồn ào, tán thán ít ồn ào. Nếu vị ấy thấy hội chúng ít ồn ào, vị ấy có thể nghĩ đến thăm ở đây." Rồi các du sĩ ngoại đạo ấy giữ im lặng.

Rồi gia chủ Vajjiyamāhita đi đến các du sĩ ngoại đạo ấy; sau khi đến, nói lên với các du sĩ ngoại đạo ấy những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với gia chủ Vajjiyamāhita đang ngồi một bên:

– Có đúng sự thật chăng, này gia chủ, Sa-môn Gotama chỉ trích mọi khổ hạnh, nhất hướng bài bác, chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ?

– Thưa các Tôn giả, Thế Tôn không chỉ trích mọi khổ hạnh, không nhất hướng bài bác, chống đối mọi khổ hạnh, mọi nếp sống kham khổ. Thưa các Tôn giả, Thế Tôn chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán. Thưa các Tôn giả, Thế Tôn chỉ trích cái gì đáng chỉ trích, tán thán cái gì đáng tán thán, như vậy Thế Tôn là người phân tích luận, không phải là người nhất hướng luận (nói một chiều).

Được nghe nói vậy, một du sĩ nói với gia chủ Vajjiyamāhita:

– Thôi chờ ở đây, này gia chủ, gia chủ tán thán Sa-môn Gotama và Sa-môn Gotama là người hư vô, một người không bao giờ có định nghĩa rõ ràng.

– Ở đây, thưa các Tôn giả, tôi nói với các Tôn giả đúng pháp: "Đây là thiện", thưa các Tôn giả, Thế Tôn đã định nghĩa. "Đây là bất thiện", thưa các Tôn giả, Thế Tôn đã định nghĩa. "Đây là thiện, đây là bất thiện", Thế Tôn đã định nghĩa. Thế Tôn là người có định nghĩa rõ ràng. Thế Tôn không phải là người chủ trương hư vô, không phải là người không có định nghĩa rõ ràng.

Khi được nghe nói vậy, các du sĩ ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ không nói nên lời.

Rồi gia chủ Vajjiyamāhita, sau khi biết các du sĩ ngoại đạo ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ không nói nên lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Vajjiyamāhita, câu chuyện với các du sĩ ngoại đạo như thế nào, tất cả đều thuật lại cho Thế Tôn rõ.

– Lành thay! Lành thay! Này gia chủ, những kẻ ngu si ấy thường cần phải được bác bỏ với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp. Này gia chủ, Ta không nói rằng tất cả khổ hạnh cần phải hành trì; này gia chủ, Ta cũng không nói rằng tất cả khổ hạnh không cần phải hành trì. Này gia chủ, Ta không nói rằng tất cả sự chấp trì cần phải được chấp trì; này gia chủ, Ta cũng không nói rằng tất cả sự chấp trì không nên chấp trì. Này gia chủ, Ta không nói rằng tất cả sự tinh cần phải tinh cần; này gia chủ, ta cũng không nói rằng tất cả sự tinh cần không nên tinh cần. Này gia chủ, Ta không nói rằng tất cả sự từ bỏ nên từ bỏ; này gia chủ, Ta cũng không nói rằng tất cả sự từ bỏ không nên từ bỏ. Này gia chủ, Ta không nói rằng tất cả sự giải thoát nên giải thoát; này gia chủ, Ta cũng không nói rằng tất cả sự giải thoát không nên giải thoát.

Này gia chủ, phàm hành trì khổ hạnh nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, khổ hạnh ấy, Ta nói không nên hành trì; nhưng này gia

chủ, phàm hành trì khổ hạnh nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, khổ hạnh ấy, Ta nói nên hành trì.

Này gia chủ, phàm chấp hành chấp trì nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời chấp trì ấy, Ta nói không nên chấp hành; phàm chấp hành chấp trì nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các thiện pháp tăng trưởng, thời chấp trì ấy, Ta nói nên chấp hành.

Này gia chủ, phàm tinh cần nào được tinh tấn, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời tinh cần ấy, Ta nói không nên tinh tấn; phàm tinh cần nào được tinh tấn, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời tinh cần ấy, Ta nói nên tinh tấn.

Này gia chủ, phàm từ bỏ từ bỏ nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời từ bỏ ấy, Ta nói không nên từ bỏ; phàm từ bỏ từ bỏ nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời từ bỏ ấy, Ta nói nên từ bỏ.

Này gia chủ, phàm giải thoát giải thoát nào, các pháp bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện tổn giảm, thời giải thoát ấy, Ta nói không nên giải thoát; phàm giải thoát giải thoát nào, các pháp bất thiện tổn giảm, các pháp thiện tăng trưởng, thời giải thoát ấy, Ta nói nên giải thoát.

Rồi gia chủ Vajjiyamāhita, sau khi được Thế Tôn với một pháp thoại thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, sau khi gia chủ Vajjiyamāhita ra đi không bao lâu, bảo các Tỷ-kheo:

– Phàm Tỷ-kheo nào, đã lâu ngày với trần cấu ít trong Pháp và Luật này, vị ấy hãy như vậy bài bác các du sĩ ngoại đạo với sự khéo bài bác nhờ Chánh pháp, như gia chủ Vajjiyamāhita đã làm.

V. KINH UTTIYA (*Uttiyasutta*)[130] (*A*. V. 193)

95. Bấy giờ, có du sĩ ngoại đạo Uttiya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Uttiya nói với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải Tôn giả chủ trương thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

– Này Uttiya, Ta không có nói như sau: "Thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng."

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải Tôn giả chủ trương thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

---

[130] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.965. 0247c14); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.199. 0447b19).

– Này Uttiya, Ta không có nói như sau: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng."

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là có biên tế... thế giới là không biên tế... sinh mạng và thân thể là một... sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng?

– Này Uttiya, Ta không có nói như sau: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng."

– Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là thường còn, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Này Uttiya, Ta không có nói: 'Thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng.'"

Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là vô thường, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Này Uttiya, Ta không có nói: 'Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng.'"

Thưa Tôn giả Gotama, có phải thế giới là có biên tế... có phải thế giới không có biên tế... có phải sinh mạng và thân thể là một... có phải sinh mạng và thân thể là khác... có phải Như Lai có tồn tại sau khi chết... có phải Như Lai không có tồn tại sau khi chết... có phải Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau chết... có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng? Được hỏi vậy, Thế Tôn trả lời: "Này Uttiya, Ta không có nói: 'Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng.'" Vậy cái gì được Tôn giả Gotama nói lên?

– Với thắng trí, này Uttiya, Ta thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh, để sầu bi được vượt qua, để khổ ưu được chấm dứt, để Thánh lý được chứng đạt, để Niết-bàn được chứng ngộ.

– Nếu Tôn giả Gotama "thuyết pháp cho các đệ tử để họ được thanh tịnh... để Niết-bàn được chứng ngộ", thời do vậy, cả thế giới này sẽ đi ra khỏi, hay chỉ có một nửa, hay chỉ có một phần ba?

Được nghe nói vậy, Thế Tôn im lặng.

Rồi Tôn giả Ānanda suy nghĩ như sau: "Chớ có để cho du sĩ Uttiya có ác tà kiến rằng: 'Sa-môn Gotama khi được nghe ta hỏi câu hỏi tối ưu, quan trọng lại tránh né, không có trả lời, không dám trả lời, và như vậy là bất hạnh, là đau khổ lâu dài cho du sĩ Uttiya.'" Rồi Tôn giả Ānanda nói với du sĩ Uttiya:

– Vậy này Hiền giả Uttiya, ta sẽ dùng một ví dụ, chính nhờ ví dụ, ở đây một số người có trí có thể hiểu được ý nghĩa của lời nói. Ví như, này Hiền giả Uttiya, ngôi thành trì biên địa của vua với những nền móng vững chắc, với các thành lũy tháp canh vững chắc và chỉ có một cổng vào. Tại đây, người giữ

công là người sáng suốt, thông minh, có trí, ngăn chặn những người không quen biết, cho vào những người quen biết. Khi đi tuần trên con đường chạy vòng quanh thành trì ấy, người ấy có thể không thấy một kẽ hở trong thành hay lỗ trống lớn cho đến một con mèo có thể chui qua. Người ấy có thể không biết được: "Từng ấy loài hữu tình đã đi vào hay đi ra thành này";[131] nhưng điều này người ấy biết: "Những loài hữu tình thô lớn nào đi vào hay đi ra thành này, tất cả chúng phải đi vào hay đi ra ngang qua cổng thành này." Cũng vậy, này Hiền giả Uttiya, đối với Như Lai, không phải là một vấn đề quan trọng [câu hỏi này của ông] là có phải toàn thế giới do vậy được thoát ra khỏi hay nửa phần thế giới, hay là một phần ba. Nhưng điều Như Lai nói là như sau: "Những ai đã được thoát ra khỏi thế giới, hay đang được thoát ra, hay sẽ thoát ra, tất cả những vị ấy, sau khi đoạn tận năm triền cái, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm yếu ớt trí tuệ, với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ; sau khi như thật tu tập bảy giác chi, như vậy các vị ấy đã thoát khỏi, đang thoát khỏi, sẽ thoát khỏi thế giới." Này Hiền giả Uttiya, về câu hỏi mà ông đã hỏi Thế Tôn đứng trên một lập trường khác, đó là lý do tại sao Thế Tôn không trả lời câu hỏi ấy cho ông.

VI. KINH KOKANUDA (*Kokanudasutta*)[132] (*A*. V. 196)

96. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Rājagaha, tại suối nước nóng Tapodārāma. Rồi Tôn giả Ānanda khi đêm vừa mới sáng, thức dậy đi đến Tapodā để rửa tay chân. Rửa tay chân xong ở Tapodā, sau khi ra khỏi, Tôn giả đứng đắp một y để phơi tay chân cho khô. Bấy giờ, có tu sĩ Kokanuda, khi đêm vừa mới sáng, thức dậy đi đến Tapodā để rửa tay chân. Du sĩ Kokanuda thấy Tôn giả Ānanda từ xa đi đến, sau khi thấy, nói với Tôn giả Ānanda:

– Hiền giả là ai?

– Thưa Hiền giả, tôi là Tỷ-kheo.

– Hiền giả, thuộc về các Tỷ-kheo nào?

– Là Sa-môn Thích tử.

– Này Hiền giả, tôi muốn hỏi Hiền giả một vài vấn đề.

– Nếu Hiền giả cho tôi cơ hội để trả lời câu hỏi thì nay Hiền giả hãy hỏi đi. Sau khi nghe, tôi sẽ được biết.

– Thưa Hiền giả, có phải: "Thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng", kiến là như vậy có phải không Hiền giả?

– Thưa Hiền giả, tôi không có kiến như vậy: "Thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng."

– Vậy có phải: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng", kiến là như vậy có phải không Hiền giả?

---

[131] Câu này không có trong *D*. II. 83; *KS*. V. 139.

[132] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.967. 0248b11); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.210. 0448a22).

– Thưa Hiền giả, tôi không có kiến như vậy: "Thế giới là vô thường, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng."

– Thưa Hiền giả, có phải: "Thế giới là có biên tế... Thế giới là không biên tế... Sinh mạng và thân thể là một... Sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng", kiến là như vậy có phải không Hiền giả?

– Thưa Hiền giả, tôi không có kiến như vậy: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng."

– Vậy thưa Hiền giả, Hiền giả không biết, Hiền giả không thấy.

– Thưa Hiền giả, không phải tôi không biết, không phải tôi không thấy. Thưa Hiền giả, tôi có biết, tôi có thấy.

– Thưa Hiền giả, có phải: "Thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng"? Được hỏi vậy, Hiền giả nói: "Thưa Hiền giả, tôi không có kiến như vậy: 'Thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào là khác là hư vọng.'" Có phải, thưa Hiền giả: "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng... Thế giới là có biên tế... Thế giới là không biên tế... Sinh mạng và thân thể là một... Sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng"? Được hỏi vậy, Hiền giả nói: "Thưa Hiền giả, tôi không có kiến như vậy: 'Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng.'" Vậy thưa Hiền giả: "Hiền giả không biết, Hiền giả không thấy"? Được hỏi vậy, Hiền giả nói: "Thưa Hiền giả, không phải tôi không biết, không phải tôi không thấy. Thưa Hiền giả, tôi có biết, tôi có thấy." Vậy thưa Hiền giả, cần phải hiểu như thế nào ý nghĩa lời nói này?

– "Thế giới là thường còn. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng", thưa Hiền giả, đây là tà kiến. "Thế giới là vô thường. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng", thưa Hiền giả, đây là tà kiến. "Thế giới có biên tế... Thế giới không biên tế... Sinh mạng và thân thể là một... Sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng", thưa Hiền giả, đây là tà kiến. Thưa Hiền giả, xa cho đến như vậy là các tà kiến. Xa cho đến như vậy là kiến xứ, kiến trú, kiến triền phược, kiến khởi, kiến diệt,[133] tôi có biết điều ấy, tôi có thấy điều ấy. Do tôi có biết điều ấy, tôi có thấy điều ấy, làm sao tôi lại trả lời: "Tôi không biết, tôi không thấy!" Thưa Hiền giả: "Tôi có biết, tôi có thấy."

---

[133] *Chú giải:* Đây chỉ là bậc Dự Lưu.

– Hiền giả tên là gì? Và như thế nào các vị đồng Phạm hạnh biết Hiền giả?

– Thưa Hiền giả, Ānanda là tên của tôi. Và các vị đồng Phạm hạnh biết tôi là Ānanda.

– Ôi, tôi đang nói chuyện với Tôn giả Đại sư mà tôi không biết là Tôn giả Ānanda. Nếu tôi biết là Tôn giả Ānanda, tôi đã không nói nhiều như vậy, mong Tôn giả Ānanda tha lỗi cho.

VII. KINH ĐÁNG ĐƯỢC CUNG KÍNH CÚNG DƯỜNG
(*Āhuneyyasutta*) (*A*. V. 198)

97. Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời. Thế nào là mười?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong học pháp.

Là vị nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, cất chứa điều đã nghe. Các pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; các pháp như vậy được vị ấy nghe hiểu, được thọ trì, được tụng đọc bằng lời, được quán sát với ý, được khéo thể nhập với chánh kiến.

Là người làm bạn với thiện hữu, là thân với thiện hữu, thân thiết với thiện hữu.

Có chánh kiến, thành tựu chánh kiến.

Chứng được nhiều loại thần thông:[134] Một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang qua hư không; độn thổ, trồi lên đất liền như ở trong nước; đi trong nước không chìm như đi trên đất liền; ngồi kiết-già du hành trên hư không như con chim; với bàn tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Có Thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng chư thiên và loài người, xa và gần.

Sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người, với tâm của mình, vị ấy được biết như sau: "Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham." "Tâm có sân biết là tâm có sân, tâm không sân biết là tâm không sân." "Tâm có si biết là tâm có si, tâm không si biết là tâm không si." "Tâm chuyên chú biết là tâm chuyên chú, tâm tán loạn biết là tâm tán loạn." "Đại hành tâm biết là đại hành tâm, không phải đại hành tâm biết là không phải đại hành tâm." "Tâm vô thượng biết là tâm vô thượng, tâm chưa vô thượng biết là tâm chưa vô thượng." "Tâm thiền định biết là tâm thiền định, tâm không

[134] Xem *GS*. I. 153, 233.

thiền định biết là tâm không thiền định." "Tâm giải thoát biết là tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết là tâm không giải thoát."

Vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, đồ ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh tại chỗ nọ; tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, đồ ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Vị ấy với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, biết trí tuệ về sanh tử của chúng sanh, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ: "Này các Hiền giả, những vị này làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên các thiện thú, thiên giới, cõi đời này." Như vậy, vị ấy với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Do đoạn tận các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, thành tựu mười pháp này, vị Tỷ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời.

VIII. KINH VỊ TRƯỞNG LÃO (*Therasutta*) (*A*. V. 201)

98. Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo, vị trưởng lão trú tại địa phương nào, vị ấy trú được an ổn. Thế nào là mười?

Vị trưởng lão đã lâu ngày được biết đến, xuất gia đã lâu ngày; Có giới... chấp nhận và học hỏi trong các học pháp; Là vị nghe nhiều... khéo thể nhập với chánh kiến; Cả hai Giới bổn (*Pātimokkha*) được khéo truyền đạt một cách rộng rãi, được khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết; Vị ấy thiện xảo trong sự sanh khởi và chấm dứt các tránh sự; Ưa thích pháp, dùng lời ái ngữ, hết sức hân hoan trong Thắng pháp, Thắng luật; Biết đủ với bất cứ vật dụng nào nhận được như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; Dễ mến, khéo chế ngự trong khi đi tới đi lui, khi ngồi trong nhà;

Chứng được không khó khăn, chứng được không mệt nhọc, chứng được không phí sức bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú; Do đoạn diệt các lậu hoặc, vị ấy ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, vị trưởng lão trú tại địa phương nào, vị ấy trú được an ổn.

IX. KINH UPĀLI (*Upālisutta*) (*A*. V. 201)

99. Bấy giờ, có Tôn giả Upāli đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upāli bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con muốn sống trong rừng núi, cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng.

– Này Upāli, không dễ dàng[135] là sống tại các rừng núi, cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng; khó khăn là đời sống viễn ly, khó ưa thích là đời sống độc cư. Ta nghĩ rằng: "Các khu rừng làm loạn ý[136] Tỷ-kheo chưa được thiền định." Này Upāli, ai nói như sau: "Dầu tôi chưa được thiền định, tôi sẽ sống tại các rừng núi cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng"; thời người ấy được chờ đợi như sau: "Vị ấy sẽ chìm xuống [đáy] hay nổi lên [mặt nước]."[137]

Ví như, này Upāli, một hồ nước lớn, có con voi lớn đi đến, bảy thước hay tám thước cao. Con voi ấy suy nghĩ: "Ta hãy lặn vào hồ nước này, rồi chơi trò chơi rửa tai, rồi chơi trò chơi rửa lưng; sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò chơi rửa lưng, sau khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, ta đi đến chỗ nào ta muốn." Rồi con voi ấy lặn vào hồ nước ấy, có thể chơi trò chơi rửa tai, có thể chơi trò chơi rửa lưng; sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò chơi rửa lưng, sau khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, nó đi đến chỗ nào nó muốn. Vì sao? Vì tự ngã to lớn tìm được chân đứng trong chỗ nước.

Rồi có con thỏ hay con mèo đến, nó suy nghĩ: "Ta là ai, con voi lớn là ai? Vậy ta sau khi lặn xuống hồ nước này, có thể chơi trò chơi rửa tai, có thể chơi trò chơi rửa lưng; sau khi chơi trò chơi rửa tai, sau khi chơi trò chơi rửa lưng, sau khi tắm, sau khi uống nước, sau khi từ hồ bước lên, ta sẽ đi đến chỗ nào ta muốn." Rồi nó nhảy vào hồ nước ấy lập tức, không có tính toán; với nó, được chờ đợi rằng: "Nó sẽ chìm hay nổi trên mặt nước." Vì sao? Này Upāli, vì tự ngã nhỏ bé không tìm được chân đứng trong nước sâu. Cũng vậy, này Upāli, ai nói rằng: "Dầu tôi không được định, tôi sẽ sống trong các rừng núi, cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng"; với vị ấy, được chờ đợi rằng: "Vị ấy sẽ chìm xuống hay nổi trên mặt nước."

---

[135] *Durabhisambhava*. Xem *S*. V. 454; *Sn*. 75, 135. Trong *AA*. V. 67: *Durabhisambhavānīti sambhavituṃ dukkhāni dussahāni, na sakkā appesakkhehi ajjhogāhituntí vuttaṃ hoti* ("Không dễ dàng" nghĩa là có nhiều khó khăn, khó chịu đựng để thực hiện, ý nói không thể tiến hành do năng lực kém).

[136] *Haranti maññe mano*. *Mano* rất ít thấy được sử dụng trong đối cách, tuy nhiên cũng được thấy trong *Sn*.

[137] Những tư tưởng tham ái làm cho vị ấy chìm xuống và những tư tưởng sân hận làm cho vị ấy nổi lên.

Ví như, này Upāli, một đứa trẻ còn nhỏ, còn yếu, nằm ngửa, chơi với phân và nước tiểu của mình. Ông nghĩ thế nào, này Upāli, trò chơi con nít này có thiệt là toàn diện, đầy đủ không?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Upāli, đứa con nít ấy, sau một thời gian, sau khi lớn lên, sau khi các căn được thuần thục, có được các đồ chơi của những con nít như trẻ con chơi khăng,[138] chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đong bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, và nó chơi với những đồ chơi ấy. Ông nghĩ thế nào, này Upāli, trò chơi này so sánh với trò chơi trước, có đi đến thù diệu hơn, thù thắng hơn?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

– Rồi này Upāli, đứa trẻ ấy, sau một thời gian, sau khi lớn lên, sau khi các căn được thuần thục, thọ hưởng đầy đủ năm món dục lạc với các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, kích thúc lòng dục, hấp dẫn; với các tiếng do tai nhận thức... với các hương do mũi nhận thức... với các vị do lưỡi nhận thức... với các xúc do thân cảm giác, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Ông nghĩ thế nào, này Upāli, trò chơi này, so sánh với các trò chơi trước có thù diệu hơn, thù thắng hơn không?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

– Ở đây, này Upāli, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thắng trí, tuyên bố cho biết về thế giới này, các chư Thiên, các Ma, các Phạm thiên, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người. Như Lai thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, nêu rõ Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh.

Người gia chủ, hay con người gia chủ hay một người tái sanh trong một gia đình khác nghe pháp ấy, sau khi nghe pháp, vị ấy sanh lòng tin vào Như Lai. Vị ấy thành tựu với lòng tin ấy, suy xét như sau: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời, đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình."

Một thời gian sau, vị ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy xuất gia như vậy, thọ lãnh đầy đủ sự học tập và nếp sống của các Tỷ-kheo. Sau khi đoạn tận sát sanh, vị ấy sống từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Sau khi đoạn tận lấy của không cho, vị

---

[138] *Ghaṭika*. Một loại trò chơi giống như chơi khăng.

ấy sống từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự mình sống thanh tịnh không có trộm cướp. Sau khi đoạn tận không Phạm hạnh, vị ấy sống Phạm hạnh, sống đời sống viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Sau khi đoạn tận nói láo, vị ấy sống từ bỏ nói láo, nói lời chơn thật, nói lời liên hệ đến chân thật, vững chắc, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Sau khi đoạn tận nói hai lưỡi, vị ấy sống từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến nói ở chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đi đến nói ở chỗ này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, vị ấy sống hòa hợp những kẻ bị chia rẽ, tăng trưởng những kẻ đã hòa hợp, ưa thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, nói những lời tác thành hòa hợp. Sau khi đoạn tận lời nói độc ác, vị ấy sống từ bỏ lời nói độc ác; những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, thích ý nhiều người, vị ấy nói những lời như vậy. Sau khi đoạn tận nói lời phù phiếm, vị ấy sống từ bỏ nói lời phù phiếm, nói lời đúng thời, nói lời chân thật, nói lời có ý nghĩa, nói lời về Chánh pháp, nói lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi. Vị ấy sống từ bỏ làm hại các hạt giống và các loại cây cỏ; dùng mỗi ngày một bữa, từ bỏ ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời; từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang; từ bỏ dùng giường cao và giường lớn; từ bỏ nhận vàng và bạc; từ bỏ nhận các hạt sống; từ bỏ nhận thịt sống; từ bỏ nhận đàn bà, con gái; từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai; từ bỏ nhận cừu và dê; từ bỏ nhận gia cầm và heo; từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái; từ bỏ nhận ruộng nương đất đai; từ bỏ việc phái người làm môi giới hoặc tự mình làm môi giới; từ bỏ buôn bán; từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường; từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo; từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Vị ấy, biết đủ, bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi thân, đi đến chỗ nào cũng mang theo. Cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, vị ấy bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi thân, đi đến chỗ nào cũng mang theo. Vị ấy thành tựu với thành tựu Thánh giới uẩn này, nội tâm cảm thọ sự an lạc không có phạm lỗi.

Vị ấy, khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì ý căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy thành tựu Thánh hộ trì các căn này, nên hưởng lạc thọ nội tâm, không có xen lẫn.

Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát,

thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy thành tựu với Thánh giới uẩn này, thành tựu với Thánh hộ trì các căn này, thành tựu với Thánh chánh niệm tỉnh giác này, chọn một trú xứ thanh vắng như rừng, gốc cây, khe núi, chỗ hoang vu, hang đá, bãi tha ma, khu rừng xa vắng, ngoài trời, đống rơm. Vị ấy đi đến rừng hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy, sau khi đoạn tận tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm khỏi tham ái. Sau khi đoạn tận sân, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Sau khi đoạn tận hôn trầm thụy miên, sống với tâm thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, vị ấy gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Sau khi đoạn tận trạo cử hối tiếc, sống không trạo cử hối tiếc, với nội tâm trầm lặng, vị ấy gột rửa hết tâm trạo cử hối tiếc. Sau khi đoạn tận nghi ngờ, vị ấy sống thoát ly nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Vị ấy sau khi đoạn tận năm triền cái này, những pháp làm uế nhiễm tâm, làm hèn yếu trí tuệ, ly dục, ly các pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vì sao, này Upāli, có phải sự an trú này sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, thù thắng hơn?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Upāli, các đệ tử của Ta, thấy được pháp này trong tự ngã, sống tại các rừng núi, cao nguyên, các trú xứ xa vắng, cho đến khi mục đích của mình chưa đạt, thời họ vẫn trú [tại các chỗ ấy], [hay như mục đích của mình chưa đạt, tức là định chưa đạt; thời không sống trong rừng núi, cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng].

Lại nữa, này Upāli, Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ tầm và tứ... chứng đạt và an trú Thiền thứ hai. Ông nghĩ thế nào, này Upāli, có phải sự an trú này sánh với những an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Upāli, các đệ tử của Ta, khi quán thấy pháp này trên tự ngã, họ mới đến ở các rừng núi, cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

Lại nữa, này Upāli, Tỷ-kheo ly hỷ... chứng và trú Thiền thứ ba. Ông nghĩ thế nào, này Upāli, có phải sự an trú này sánh với những an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Upāli, các đệ tử của Ta, khi quán thấy pháp này trên tự ngã, họ mới đến ở các rừng núi, cao nguyên, các trú xứ xa vắng. Họ sẽ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

Lại nữa, này Upāli, Tỷ-kheo đoạn lạc... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Ông nghĩ thế nào, này Upāli... mục đích của mình chưa đạt được.

Lại nữa, này Upāli, Tỷ-kheo vượt qua các sắc tưởng một cách hoàn toàn, chấm dứt các tưởng đối ngại, không tác ý đến các tưởng sai biệt, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Ông nghĩ thế nào, này Upāli... mục đích của mình chưa đạt được.

Lại nữa, này Upāli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. Ông nghĩ thế nào, này Upāli... mục đích của mình chưa đạt được.

Lại nữa, này Upāli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có sở hữu", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Ông nghĩ thế nào, này Upāli... mục đích của mình chưa đạt được.

Lại nữa, này Upāli, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, nghĩ rằng: "Đây là tịch tịnh, đây là thù diệu", chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ông nghĩ thế nào, này Upāli, có phải sự an trú này, sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn... mục đích của mình chưa đạt được.

– Lại nữa, này Upāli, Tỷ-kheo sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định, vị ấy sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Ông nghĩ thế nào, này Upāli, có phải sự an trú này sánh với các an trú trước, được thù diệu hơn, được thù thắng hơn?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn.

– Này Upāli, các đệ tử của Ta, sau khi quán thấy pháp này trên tự ngã đã đến ở trong các rừng núi, cao nguyên, tại các trú xứ xa vắng, họ không trú nếu mục đích của mình chưa đạt được.

Vậy này Upāli, ông hãy sống giữa chúng Tăng. Sống giữa chúng Tăng, ông sẽ được an ổn.

X. KINH KHÔNG THỂ (*Abhabbasutta*)[139] (*A*. V. 209)

100. Này các Tỷ-kheo, không đoạn tận mười pháp này, không có thể chứng ngộ quả A-la-hán. Thế nào là mười? Tham, sân, si, phẫn nộ, hiềm hận, gièm pha, não hại, tật đố, xan tham, mạn.

Không đoạn tận mười pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

Đoạn tận mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán. Thế nào là mười? Tham, sân, si, phẫn nộ, hiềm hận, gièm pha, não hại, tật đố, xan tham, mạn.

Đoạn tận mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng ngộ quả A-la-hán.

[139] Bản tiếng Anh của PTS: *Unfit to Grow*, nghĩa là *Không thể tăng trưởng*.

XI. PHẨM SA-MÔN TƯỞNG (*SAMAṆASAÑÑĀVAGGA*)

I. KINH SA-MÔN TƯỞNG (*Samaṇasaññāsutta*)[140] (*A*. V. 210)

101. Có ba Sa-môn tưởng này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ bảy pháp. Thế nào là ba?

Ta nay đã đến tình trạng mất bản sắc; đời sống ta bị phụ thuộc vào người khác; hành vi của ta cần phải thay đổi.

Ba Sa-môn tưởng này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ bảy pháp. Thế nào là bảy?

Luôn luôn là người làm liên tục, thực hiện liên tục trong các giới luật; không có tham ái; không có sân; không có quá mạn; ưa thích học tập; đối với các vật dụng cần thiết cho đời sống, vị ấy nghĩ: Đây là mục đích; Sống tinh cần tinh tấn.

Này các Tỷ-kheo, có ba Sa-môn tưởng này được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ bảy pháp.

II. KINH GIÁC CHI (*Bojjhaṅgasutta*) (*A*. V. 211)

102. Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ ba minh. Thế nào là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, hỷ giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, xả giác chi.

Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ ba minh. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời... nhớ đến nhiều đời trước với các nét đại cương và các chi tiết. Với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... rõ biết các chúng sanh, tùy thuộc hạnh nghiệp của họ. Do đoạn diệt các lậu hoặc... sau khi chứng ngộ, chứng đạt, vị ấy an trú.

Bảy giác chi này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, làm cho đầy đủ Ba minh này.

III. KINH TÀ TÁNH (*Micchattasutta*)[141] (*A*. V. 211)

103. Do tà tánh, này các Tỷ-kheo, nên thất bại, không thành công. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là do tà tánh nên thất bại, không thành công?

---

[140] Bản tiếng Anh của PTS: *Ideas*, nghĩa là *Ý tưởng*.

[141] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.786. 0204a16).

Với người tà kiến, này các Tỷ-kheo, có tà tư duy. Với người tà tư duy, có tà ngữ. Với người tà ngữ, có tà nghiệp. Với người có tà nghiệp, tà mạng sanh. Với người có tà mạng, tà tinh tấn sanh. Với người có tà tinh tấn, tà niệm sanh. Với người có tà niệm, tà định sanh. Với người có tà định, tà trí sanh. Với người có tà trí, tà giải thoát sanh.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do tà tánh đưa đến thất bại, không thành công.

Do chánh tánh, này các Tỷ-kheo, nên thành công, không thất bại. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là do chánh tánh nên thành công, không thất bại?

Với người chánh kiến, này các Tỷ-kheo, có chánh tư duy. Với người chánh tư duy, có chánh ngữ. Với người chánh ngữ, có chánh nghiệp. Với người chánh nghiệp, có chánh mạng. Với người chánh mạng, có chánh tinh tấn. Với người chánh tinh tấn, có chánh niệm. Với người chánh niệm, có chánh định. Với người chánh định, có chánh trí. Với người chánh trí, có chánh giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do chánh tánh đưa đến thành công, không đưa đến thất bại.

IV. KINH CHỦNG TỬ (*Bījasutta*)[142] (*A*. V. 212)

104. Này các Tỷ-kheo, với người đàn ông, với người có tà kiến, có tà tư duy, có tà ngữ, có tà nghiệp, có tà mạng, có tà tinh tấn, có tà niệm, có tà định, có tà trí, có tà giải thoát; phàm có thân nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có khẩu nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có ý nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có tư tâm sở nào, phàm có quyết định nào, phàm có ước nguyện nào, và phàm có các hành nào, tất cả các pháp ấy đưa đến bất khả lạc, bất khả hỷ, bất khả ý, bất hạnh, đau khổ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì kiến ấy là ác.

Ví như, này các Tỷ-kheo, hạt giống cây nimba, hay hạt giống cây kosātaki (một loại dây leo), hay hạt giống cây tittakālābu (mướp đắng) được gieo vào đất ướt; phàm vị gì nó lấy lên từ đất, phàm vị gì nó lấy lên từ nước, tất cả vị ấy đều đưa đến tánh đắng, tánh cay, tánh không lạc của nó. Vì sao? Vì nó là tánh ác của hạt giống, này các Tỷ-kheo. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với người đàn ông, với người có tà kiến, có tà tư duy, có tà ngữ, có tà nghiệp, có tà mạng, có tà tinh tấn, có tà niệm, có tà định, có tà trí, có tà giải thoát; phàm có thân nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có khẩu nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có ý nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có tư tâm sở nào, phàm có quyết định nào, phàm có ước nguyện nào, phàm có các hành nào, tất cả các pháp ấy đưa đến bất khả lạc, bất khả hỷ, bất khả ý, bất hạnh, đau khổ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì kiến ấy là ác.

---

[142] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.787-788. 0204a22-b09).

Này các Tỷ-kheo, với người đàn ông, với người có chánh kiến, có chánh tư duy, có chánh ngữ, có chánh nghiệp, có chánh mạng, có chánh tinh tấn, có chánh niệm, có chánh định, có chánh trí, có chánh giải thoát; phàm có thân nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có khẩu nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có ý nghiệp gì được thực hiện đầy đủ và được chấp nhận theo kiến ấy, phàm có tư tâm sở nào, phàm có quyết định nào, phàm có ước nguyện nào, phàm có các hành nào, tất cả các pháp ấy đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì kiến ấy là hiền thiện.

Ví như, này các Tỷ-kheo, hạt giống cây mía, hay hạt giống cây lúa, hay hạt giống cây nho được gieo vào đất ướt; phàm vị gì nó lấy lên từ đất, phàm vị gì nó lấy lên từ nước, tất cả vị ấy đều đưa đến tánh ngon, tánh ngọt, tánh thuần chất của nó. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì hạt giống là hiền thiện. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với người có chánh kiến… chánh giải thoát, phàm mọi thân hành... vì tánh hiền thiện của kiến.

V. KINH MINH (*Vijjāsutta*)[143] (*A*. V. 214)

105. Khi nào vô minh dẫn đầu, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thành tựu các pháp bất thiện, thời vô tàm, vô quý nối tiếp theo. Với kẻ bị vô minh chi phối, vô trí, này các Tỷ-kheo, tà kiến sanh. Với kẻ có tà kiến, tà tư duy sanh. Với kẻ có tà tư duy, tà ngữ sanh. Với kẻ có tà ngữ, tà nghiệp sanh. Với kẻ có tà nghiệp, tà mạng sanh. Với kẻ có tà mạng, tà tinh tấn sanh. Với kẻ có tà tinh tấn, tà niệm sanh. Với kẻ có tà niệm, tà định sanh. Với kẻ có tà định, tà trí sanh. Với kẻ có tà trí, tà giải thoát sanh.

Khi nào minh dẫn đầu, này các Tỷ-kheo, đưa đến sự thành tựu các thiện pháp, thời tàm, quý nối tiếp theo. Với vị được minh chi phối, có trí, này các Tỷ-kheo, chánh kiến sanh. Với vị có chánh kiến, chánh tư duy sanh. Với vị có chánh tư duy, chánh ngữ sanh. Với vị có chánh ngữ, chánh nghiệp sanh. Với vị có chánh nghiệp, chánh mạng sanh. Với vị có chánh mạng, chánh tinh tấn sanh. Với vị có chánh tinh tấn, chánh niệm sanh. Với vị có chánh niệm, chánh định sanh. Với vị có chánh định, chánh trí sanh. Với vị có chánh trí, chánh giải thoát sanh.

VI. KINH TỔN GIẢM (*Nijjarasutta*)[144] (*A*. V. 215)

106. Này các Tỷ-kheo, có mười tổn giảm sự này. Thế nào là mười?

Với người có chánh tri kiến, này các Tỷ-kheo, tà kiến bị tổn giảm, và các pháp ác, bất thiện do duyên tà kiến sanh, các pháp ấy bị tổn giảm; các pháp thiện do duyên chánh kiến sanh, các pháp ấy đi đến viên mãn trong tu tập. Với người có chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, tà tư duy bị tổn giảm, và các pháp ác, bất thiện do duyên tà tư duy sanh, các pháp ấy bị tổn giảm; các pháp thiện do

[143] Xem *KS*. VI. 1, không có hai pháp sau.

[144] Bản tiếng Anh của PTS: *Causes of Wearing out*, nghĩa là *Nguyên nhân khiến cho tổn giảm*.

duyên chánh tư duy sanh, các pháp ấy đi đến viên mãn trong tu tập. Với người có chánh ngữ... có chánh nghiệp... có chánh mạng... có chánh tinh tấn... có chánh niệm... có chánh định... có chánh trí... có chánh giải thoát, này các Tỷ-kheo, tà giải thoát bị tổn giảm, và các ác, bất thiện pháp do duyên tà giải thoát sanh, các pháp ấy bị tổn giảm; các pháp thiện do duyên chánh giải thoát sanh, các pháp ấy đi đến viên mãn trong tu tập.

Này các Tỷ-kheo, có mười tổn giảm sự này.

VII. KINH TẨY TRẦN (*Dhovanasutta*) (*A.* V. 216)

107. – Này các Tỷ-kheo, tại các quốc độ miền Nam có lễ tẩy trần.[145] Tại đấy, có các món ăn, có các thức uống, các đồ ăn loại cứng, các đồ ăn loại mềm, đồ nếm, đồ uống, múa, hát, nhạc. Này các Tỷ-kheo, đây là lễ tẩy trần, Ta tuyên bố rằng không phải là không có. Và này các Tỷ-kheo, lễ tẩy trần ấy là hạ liệt, thô tục, phàm phu, không phải Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về tẩy trần thuộc bậc Thánh, tẩy trần này đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do duyên tẩy trần này, các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh tẩy trần, do Thánh tẩy trần này đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Do duyên Thánh tẩy trần này, các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não.

Với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo, tà kiến bị tẩy sạch, và những pháp ác, bất thiện nào do duyên tà kiến khởi lên, các pháp ấy của người ấy được tẩy sạch; và các pháp thiện do duyên chánh kiến đi đến viên mãn trong tu tập. Với người có chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, tà tư duy bị tẩy sạch... Với người có chánh ngữ, này các Tỷ-kheo, tà ngữ được tẩy sạch... Với người có chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo, tà nghiệp được tẩy sạch... Với người có chánh mạng, này các Tỷ-kheo, tà mạng được tẩy sạch... Với người có chánh tinh tấn, này các Tỷ-kheo, tà tinh tấn được tẩy sạch... Với người có chánh niệm, này các Tỷ-kheo, tà niệm được tẩy sạch... Với người có chánh định, này các Tỷ-kheo, tà định được tẩy sạch... Với người có chánh trí, này các Tỷ-kheo, tà trí được

[145] *Dhovana. Chú giải* giải thích là lễ rửa xương, thân người chết không thiêu nhưng chôn, rồi xương được đào lên và làm lễ rửa xương.

tẩy sạch... Với người có chánh giải thoát, này các Tỷ-kheo, tà giải thoát được tẩy sạch và những pháp ác, bất thiện do duyên tà giải thoát khởi lên, các pháp ấy của người ấy được tẩy sạch; các pháp thiện do duyên chánh giải thoát đi đến viên mãn trong tu tập.

Này các Tỷ-kheo, đây là Thánh tẩy trần ấy, tẩy trần này đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do duyên tẩy trần này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não.

VIII. KINH Y THUẬT (*Tikicchakasutta*)[146] (*A*. V. 218)

108. Các y sư, này các Tỷ-kheo, cho thuốc xổ để chặn đứng các bệnh khởi lên từ mật, để chặn đứng các bệnh khởi lên từ đàm, để chặn đứng các bệnh khởi lên từ gió.[147] Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là thuốc xổ. Ta tuyên bố rằng đây không phải là không có, và này các Tỷ-kheo, thuốc xổ này có thành công và cũng có thất bại. Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về thuốc xổ bậc Thánh, thuốc xổ này thành công, không có thất bại. Do nhân thuốc xổ này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là thuốc xổ bậc Thánh, thuốc xổ này chỉ thành công, không có thất bại. Do nhân này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh... các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não?

Với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo, tà kiến bị xổ ra. Các ác, bất thiện pháp do duyên tà kiến sanh khởi, các pháp ấy được xổ ra; và các pháp thiện do duyên với chánh kiến đi đến viên mãn trong tu tập. Với người có chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, tà tư duy bị xổ ra... Với người có chánh ngữ, này các Tỷ-kheo, tà ngữ bị xổ ra... Với người có chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo, tà nghiệp bị xổ ra... Với người có chánh mạng, này các Tỷ-kheo, tà mạng bị xổ ra... Với người có chánh tinh tấn, này các Tỷ-kheo, tà tinh tấn bị xổ ra... Với người có chánh niệm, này các Tỷ-kheo, tà niệm bị xổ ra... Với người có chánh định, này các Tỷ-kheo, tà định bị xổ ra... Với người có chánh trí, này các Tỷ-kheo, tà trí bị xổ ra... Với người có chánh giải thoát, này các Tỷ-kheo, tà giải thoát bị xổ ra. Các pháp ác,

---

[146] Tham chiếu: *Phật thuyết Tích cốt kinh* 佛說積骨經 (*T*.02. 0150.45. 0882a11); *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.21.7. 0604a28).

[147] Xem *KS*. IV. 155.

bất thiện, do duyên tà giải thoát sanh khởi, các pháp ấy được xổ ra; và các pháp thiện do duyên với chánh giải thoát đi đến viên mãn trong tu tập.

Này các Tỷ-kheo, đây là thuốc xổ bậc Thánh, thuốc xổ này chỉ thành công, không thất bại. Do nhân thuốc xổ này nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não.

IX. KINH MỬA (*Vamanasutta*) (*A*. V. 219)

109. (Như kinh 108, chỉ thay thế chữ "mửa").

X. KINH CẦN PHẢI BÀI TIẾT (*Niddhamanīyasutta*) (*A*. V. 220)

110. Có mười pháp này, này các Tỷ-kheo, cần phải bài tiết. Thế nào là mười?

Với người có chánh kiến, này các Tỷ-kheo, tà kiến bị bài tiết ra...

(Như kinh 107 và kinh 108, chỉ thay thế chữ "bài tiết").

XI. KINH VÔ HỌC THỨ NHẤT (*Paṭhamaasekhasutta*)[148] (*A*. V. 221)

111. Bấy giờ, có một Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Vô học, vô học, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo là bậc Vô học?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thành tựu vô học chánh tri kiến, thành tựu vô học chánh tư duy, thành tựu vô học chánh ngữ, thành tựu vô học chánh nghiệp, thành tựu vô học chánh mạng, thành tựu vô học chánh tinh tấn, thành tựu vô học chánh niệm, thành tựu vô học chánh định, thành tựu vô học chánh trí, thành tựu vô học chánh giải thoát.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo Vô học.

XII. KINH VÔ HỌC THỨ HAI (*Dutiyaasekhasutta*) (*A*. V. 222)

112. Này các Tỷ-kheo, có mười pháp vô học này. Thế nào là mười? Vô học chánh kiến, vô học chánh tư duy, vô học chánh ngữ, vô học chánh nghiệp, vô học chánh mạng, vô học chánh tinh tấn, vô học chánh niệm, vô học chánh định, vô học chánh trí, vô học chánh giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, có mười pháp vô học này.

---

[148] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.748. 0198b05).

XII. PHẨM ĐI XUỐNG
(*PACCOROHAṆIVAGGA*)

I. KINH PHI PHÁP THỨ NHẤT (*Paṭhamaadhammasutta*)[149] (*A*. V. 222)

113. Này các Tỷ-kheo, phi pháp và phi mục đích này cần phải hiểu biết, pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và phi mục đích, sau khi biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp và phi mục đích?

Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phi pháp và phi mục đích.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp và mục đích?

Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp và mục đích.

Và này các Tỷ-kheo, phi pháp và phi mục đích cần phải hiểu biết, pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi hiểu biết phi pháp và phi mục đích, sau khi hiểu biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói đến như vậy là do duyên này được nói đến.

II. KINH PHI PHÁP THỨ HAI (*Dutiyaadhammasutta*)[150] (*A*. V. 223)

114. Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích và thế nào là mục đích?

Tà kiến, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh kiến là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà kiến được sanh, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh kiến đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

Tà tư duy, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh tư duy là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà tư duy được sanh, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh tư duy đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

---

[149] Tên kinh này và kinh 115 trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Not Dhamma*, nghĩa là *Phi pháp*. Xem *GS*. V. 155.

[150] Bản tiếng Anh của PTS: *Not Aim*, nghĩa là *Không phải mục đích*. Xem *GS*. V. 155.

Tà ngữ, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh ngữ là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà ngữ sanh khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh ngữ đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

Tà nghiệp, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh nghiệp là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà nghiệp sanh khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh nghiệp đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

Tà mạng, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh mạng là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà mạng sanh khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh mạng đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

Tà tinh tấn, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh tinh tấn là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà tinh tấn sanh khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh tinh tấn đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

Tà niệm, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh niệm là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà niệm sanh khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh niệm đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

Tà định, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh định là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà định sanh khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh định đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

Tà trí, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh trí là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà trí sanh khởi, đây là phi mục đích. Những pháp thiện do duyên chánh trí đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

Tà giải thoát, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh giải thoát là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên tà giải thoát sanh khởi, đây là phi mục đích. Và những pháp thiện do duyên chánh giải thoát đi đến đầy đủ trong tu tập, đây là mục đích.

Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói như vậy, do duyên này được nói đến như vậy.

III. KINH PHI PHÁP THỨ BA (*Tatiyaadhammasutta*)[151] (*A*. V. 224)

115. Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.

Thế Tôn thuyết như vậy, thuyết như vậy xong, bậc Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và bước vào tinh xá.

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, suy nghĩ như sau:

[151] Tham chiếu: *A-di-na kinh* 阿夷那經 (*T*.01. 0026.188. 0734a27). Xem *GS*. V. 156.

"Này chư Hiền, Thế Tôn đã nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này,[152] không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: 'Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.' Với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai là người có thể phân tích một cách rộng rãi?" Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ānanda được Thế Tôn tán thán,[153] được các vị đồng Phạm hạnh có trí bắt chước. Tôn giả Ānanda, với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Ānanda về ý nghĩa này. Tôn giả Ānanda trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì."

Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ānanda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy nói với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Hiền giả Ānanda, Thế Tôn sau khi nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành." Này Hiền giả, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên một cách vắn tắt lời tuyên bố này, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: 'Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành.' Với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai là người có thể phân tích một cách rộng rãi?" Rồi thưa Hiền giả, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ānanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bắt chước. Tôn giả Ānanda, với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, sẽ hỏi Tôn giả Ānanda về ý nghĩa này. Tôn giả Ānanda trả lời cho chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì." Thưa Tôn giả Ānanda, hãy phân tích cho.

– Chư Hiền, cũng ví như một người cần thiết lõi cây, tìm lõi cây, đi khắp

---

[152] *AA*. V. 72: *Uddesaṃ uddisitvāti mātikaṃ nikkhipitvā* ("Đã nói lên lời tuyên bố này" nghĩa là đã trình bày sơ lược).

[153] *AA*. V. 72 viết rằng trong năm điều được xem là thượng thủ.

mọi nơi tìm lõi cây, đến một cây to lớn, đứng thẳng và có lõi cây. Người này bỏ qua rễ, bỏ qua thân cây, nghĩ rằng: "Phải tìm lõi cây ở nơi cành lá." Cũng vậy, là hành động của chư Tôn giả, đứng trước mặt Thế Tôn, quý vị bỏ qua Thế Tôn, nghĩ rằng cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy. Ngài đã trở thành vị Có Mắt, trở thành vị Có Trí, trở thành Chánh Pháp, trở thành Phạm Thiên, vị Thuyết Giả, vị Diễn Giả, vị Đem Lại Mục Tiêu, vị Trao Cho Bất Tử, vị Pháp Chủ, Như Lai. Thế Tôn giải thích quý vị như thế nào, quý vị hãy như vậy thọ trì.

– Hiền giả Ānanda, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần phải biết, thấy những gì cần phải thấy. Ngài đã trở thành vị Có Mắt, trở thành vị Có Trí, trở thành Chánh Pháp, trở thành Phạm Thiên, vị Thuyết Giả, vị Diễn Giả, vị Đem Lại Mục Tiêu, vị Trao Cho Bất Tử, vị Pháp Chủ, Như Lai. Chúng tôi phải tùy thời hỏi Thế Tôn ý nghĩa này. Những gì Thế Tôn giải thích cho chúng tôi, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Hiền giả Ānanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bắt chước. Hiền giả Ānanda có thể giải thích rộng rãi ý nghĩa lời giảng dạy được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi. Mong Hiền giả Ānanda giải thích, nếu không có sự gì phiền muộn.[154]

– Vậy chư Hiền, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ giảng.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Ānanda. Tôn giả Ānanda giảng như sau:

– Thưa chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, đã từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành." Và này chư Hiền, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích và thế nào là mục đích?

Tà kiến, này chư Hiền, là phi pháp; chánh kiến là pháp. Những pháp ác, bất thiện gì do duyên tà kiến khởi lên, đây là phi mục đích. Và những pháp thiện gì đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Tà tư duy, này chư Hiền, là phi pháp; chánh tư duy là pháp... Tà ngữ, này chư Hiền, là phi pháp; chánh ngữ là pháp... Tà nghiệp, này chư Hiền, là phi pháp; chánh nghiệp là pháp... Tà mạng, này chư Hiền, là phi pháp; chánh mạng là pháp... Tà tinh tấn, này chư Hiền, là phi pháp; chánh tinh tấn là pháp... Tà niệm, này chư Hiền, là phi pháp; chánh niệm là pháp... Tà định, này chư Hiền, là phi pháp; chánh định là pháp... Tà trí, này chư Hiền, là phi pháp; chánh trí là pháp... Tà giải thoát, này chư Hiền, là phi pháp; chánh giải thoát là pháp. Những pháp ác, bất thiện nào do duyên tà giải thoát khởi lên, đây là phi mục đích. Và

[154] *Agaruṃ katvā*, không làm phiền phức cho người hỏi cũng như người đáp. Xem *SA*. II. 389.

những thiện pháp do duyên chánh giải thoát đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích. Thưa các Hiền giả, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố này một cách vắn tắt mà không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đã đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành." Thưa các Hiền giả, lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn mà không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, tôi hiểu ý nghĩa rộng rãi như vậy. Thưa chư Hiền, nếu chư Hiền muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ānanda, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành." Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi nói lên lời tuyên bố một cách vắn tắt mà không có phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá: 'Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp... như thế ấy, cần phải thực hành.' Với lời tuyên bố vắn tắt này của Thế Tôn, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, ai là người có thể phân tích ý nghĩa này một cách rộng rãi?" Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Ānanda được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh có trí bắt chước. Tôn giả Ānanda với lời tuyên bố này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không phân tích ý nghĩa một cách rộng rãi, có thể phân tích một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đi đến Tôn giả Ānanda và hỏi ý nghĩa này." Bạch Thế Tôn, ý nghĩa của chúng được Tôn giả Ānanda khéo phân tích với những lý do như thế này, với những chữ như thế này, với những câu văn như thế này.

– Lành thay! Lành thay! Này các Tỷ-kheo, Hiền trí là Ānanda! Này các Tỷ-kheo, Đại tuệ là Ānanda! Này các Tỷ-kheo, nếu các ông đến hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng trả lời như vậy, như đã được Ānanda trả lời. Đây là ý nghĩa của lời ấy, hãy như vậy thọ trì.

IV. KINH AJITA (*Ajitasutta*)[155] (*A*. V. 229)

116. Bấy giờ, có du sĩ Ajita đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm

[155] Tham chiếu: *A-di-na kinh* 阿夷那經 (*T*.01. 0026.118. 0734a27). Xem *GS*. V. 159.

thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Ajita nói với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi có người đồng Phạm hạnh là vị hiền trí, vị này có nghĩ đến năm trăm tâm xứ. Với những tâm xứ ấy, các người ngoại đạo khi bị cật nạn, biết rằng: "Chúng tôi đang bị cật nạn."

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thọ trì những căn bản địa của bậc hiền trí không?

– Bạch Thế Tôn, nay đến thời, bạch Thiện Thệ, nay đến thời, xin Thế Tôn thuyết pháp. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp, bài xích, công kích lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một vị hiền trí! Vị Tôn giả thật là một vị hiền trí!"

Lại nữa, ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp, bài xích, công kích lời đúng pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một vị hiền trí! Vị Tôn giả thật là một vị hiền trí!"

Lại nữa, ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời phi pháp, bài xích, công kích lời đúng pháp và lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một vị hiền trí! Vị Tôn giả thật là một vị hiền trí!"

Lại nữa, ở đây, này các Tỷ-kheo, có người với lời đúng pháp, bài xích, công kích lời phi pháp. Với lời ấy, vị ấy kích thích một hội chúng phi pháp đến la cao tiếng, lớn tiếng rằng: "Vị Tôn giả thật là một vị hiền trí! Vị Tôn giả thật là một vị hiền trí!"

Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích, thế nào là mục đích?

Tà kiến, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh kiến là pháp. Do duyên tà kiến, các pháp ác, bất thiện nào khởi lên, đây là phi mục đích; do duyên chánh kiến, các pháp thiện đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích. Tà tư duy, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh tư duy là pháp... Tà ngữ, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh ngữ là pháp... Tà nghiệp, này các Tỷ-kheo, là phi pháp;

chánh nghiệp là pháp... Tà mạng, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh mạng là pháp... Tà tinh tấn, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh tinh tấn là pháp... Tà niệm, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh niệm là pháp... Tà định, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh định là pháp... Tà trí, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh trí là pháp... Tà giải thoát, này các Tỷ-kheo, là phi pháp; chánh giải thoát là pháp. Do duyên tà giải thoát, các pháp ác, bất thiện nào khởi lên, đây là phi mục đích; do duyên chánh giải thoát, các pháp thiện đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói đến như vậy, do duyên này được nói đến như vậy.

V. KINH SAṄGĀRAVA (*Saṅgāravasutta*)[156] (*A*. V. 232)

117. Bấy giờ, có Bà-la-môn Saṅgārava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Saṅgārava bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, thế nào là bờ bên này? Thế nào là bờ bên kia?

– Tà kiến, này Bà-la-môn, là bờ bên này, chánh kiến là bờ bên kia. Tà tư duy, này Bà-la-môn, là bờ bên này, chánh tư duy là bờ bên kia. Tà ngữ... chánh ngữ... Tà nghiệp... chánh nghiệp... Tà mạng... chánh mạng... Tà tinh tấn... chánh tinh tấn... Tà niệm... chánh niệm... Tà định... chánh định... Tà trí... chánh trí... Tà giải thoát, này Bà-la-môn, là bờ bên này, chánh giải thoát là bờ bên kia.

Này Bà-la-môn, đây là bờ bên này, đây là bờ bên kia.

Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia,
Còn số người còn lại,
Xuôi ngược chạy bờ này.
Những ai hành trì pháp,
Theo Chánh pháp khéo dạy,
Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt ma giới khó thoát.
Kẻ trí bỏ pháp đen,
Tu tập theo pháp trắng,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Sống viễn ly khổ lạc.
Hãy cầu vui Niết-bàn,
Bỏ dục không chướng ngại,

[156] Xem *S*. I. 183; V. 121; *A*. I. 168; III. 230. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.771. 0210a05); *Xuất diệu kinh*, *Song yếu phẩm* 出曜經雙要品 (*T*.04. 0212.30. 0747c06).

Kẻ trí tự rửa sạch,
Cấu uế từ nội tâm.
Những ai với chánh tâm,
Khéo tu tập giác chi,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ,
Không lậu hoặc sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời.[157]

VI. KINH BỜ BÊN NÀY (*Orimatīrasutta*)[158] (*A*. V. 233)

118. – Và này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng bờ bên này và bờ bên kia. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là bờ bên này và thế nào là bờ bên kia?

Tà kiến, này các Tỷ-kheo, là bờ bên này, chánh kiến là bờ bên kia... Tà giải thoát, này các Tỷ-kheo, là bờ bên này, chánh giải thoát là bờ bên kia.

Này các Tỷ-kheo, đây là bờ bên này, đây là bờ bên kia.

Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia,
...
Không lậu hoặc sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời.

VII. KINH LỄ XUẤT LY THỨ NHẤT (*Paṭhamapaccorohaṇīsutta*)[159] (*A*. V. 233)

119. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Jāṇussoṇi, nhân ngày trai giới (*Uposatha*), sau khi gội đầu và mặc đôi áo lụa mới, tay cầm nắm cỏ kusa ướt, đứng không xa Thế Tôn bao nhiêu. Thế Tôn thấy Bà-la-môn Jāṇussoṇi, nhân ngày trai giới, sau khi gội đầu và mặc đôi áo lụa mới, tay cầm nắm cỏ kusa ướt, đứng một bên không xa bao nhiêu, thấy vậy liền nói với Bà-la-môn Jāṇussoṇi:

– Này Bà-la-môn, nhân ngày trai giới, ông gội đầu, mặc đôi áo lụa mới, tay cầm nắm cỏ kusa ướt, đứng một bên để làm gì? Có phải hôm nay là ngày của gia đình Bà-la-môn?

– Thưa Tôn giả Gotama, hôm nay là ngày xuất ly của gia đình Bà-la-môn.

– Này Bà-la-môn, như thế nào là ngày xuất ly của gia đình Bà-la-môn?

---

[157] Bài kệ này được tìm thấy trong *Dh*. v. 85-89; *KS*. V. 22.

[158] Bản tiếng Anh của PTS: *Hither and Further Shore*, nghĩa là *Bờ bên này và bờ bên kia*. Tham chiếu: *GS*. V. 161; *Xuất diệu kinh*, *Tâm ý phẩm* 出曜經心意品 (*T*.04. 0212.32. 0758c12).

[159] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Ariyan Descent*, nghĩa là *Sự xuất ly của bậc Thánh*. Tham chiếu: *GS*. V. 161; *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1040. 0272a10).

– Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn nhân ngày trai giới gội đầu, mặc đôi áo lụa mới, thoa sàn nhà với phân bò ướt, trải với cỏ kusa xanh, và nằm xuống giữa đống cát[160] và nhà lửa. Đêm ấy, họ dậy ba lần, chắp tay đảnh lễ ngọn lửa và nói: "Chúng tôi đi xuống đến Tôn giả." Rồi họ đốt lửa với nhiều thục tô, và sanh tô, và sau khi đêm ấy đã qua, họ cúng dường các Bà-la-môn với các món ăn thù diệu, loại cứng và loại mềm. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là lễ đi xuống của các Bà-la-môn.

– Sai khác, này Bà-la-môn, là lễ đi xuống của các Bà-la-môn. Sai khác là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh.

– Như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh? Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho chúng tôi thế nào là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh!

– Này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Bà-la-môn Jāṇussoṇi vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này Bà-la-môn, vị Thánh đệ tử suy xét như sau: "Tà kiến đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai." Sau khi suy xét như vậy, vị ấy từ bỏ tà kiến, ra khỏi tà kiến... Tà tư duy đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai... Tà ngữ đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai... Tà nghiệp đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai... Tà mạng đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai... Tà tinh tấn đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai... Tà niệm... Tà định... Tà trí... Tà giải thoát đưa đến ác quả dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai." Sau khi suy xét như vậy, vị ấy từ bỏ tà giải thoát, ra khỏi tà giải thoát. Như vậy, này Bà-la-môn, là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh.

– Sai khác, thưa Tôn giả Gotama, là lễ đi xuống của các Bà-la-môn. Sai khác là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh. Thưa Tôn giả Gotama, sự xuất ly của các Bà-la-môn không bằng giá trị của một phần mười sáu so với sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con xin trọn đời quy ngưỡng.

VIII. KINH LỄ XUẤT LY THỨ HAI
(*Dutiyapaccorohaṇīsutta*)[161] (*A*. V. 236)

120. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về sự xuất ly của bậc Thánh. Hãy nghe... và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự xuất ly của bậc Thánh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy xét như sau: "Tà kiến đưa đến

[160] *Velā*. *AA*. V. 73 viết *vālikārāsissa*, nghĩa là đống cát.
[161] Xem *GS*. V. 163.

ác quả dị thục trong hiện tại và trong tương lai." Sau khi suy xét như vậy, vị ấy từ bỏ tà kiến, ra khỏi tà kiến.

... "Tà tư duy... "Tà ngữ... "Tà nghiệp... "Tà mạng... "Tà tinh tấn... "Tà niệm... "Tà định... "Tà trí... "Tà giải thoát đưa đến ác quả dị thục trong đời này và trong đời sau." Sau khi suy xét như vậy, vị ấy từ bỏ tà giải thoát, ra khỏi tà giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là sự xuất ly của bậc Thánh.

IX. KINH ĐIỀM BÁO TRƯỚC (*Pubbaṅgamasutta*)[162] (*A*. V. 236)

121. Khi mặt trời mọc, này các Tỷ-kheo, cái này là đi trước, cái này là tướng báo trước, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với các thiện pháp, cái này là đi trước, cái này là tướng báo trước, tức là chánh tri kiến.

Từ Chánh tri kiến, này các Tỷ-kheo, có chánh tư duy. Từ chánh tư duy, có chánh ngữ. Từ chánh ngữ, có chánh nghiệp. Từ chánh nghiệp, có chánh mạng. Từ chánh mạng, có chánh tinh tấn. Từ chánh tinh tấn, có chánh niệm. Từ chánh niệm, có chánh định. Từ chánh định, có chánh trí. Từ chánh trí, có chánh giải thoát.

X. KINH ĐOẠN DIỆT LẬU HOẶC (*Āsavakkhayasutta*)[163] (*A*. V. 237)

122. Có mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến các lậu hoặc được đoạn diệt. Thế nào là mười? Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến các lậu hoặc được đoạn diệt.



---

[162] Xem *GS*. V. 164.

[163] Xem *GS*. V. 164. Bản tiếng Anh của PTS: *Cankers*, nghĩa là *Các lậu hoặc*.

XIII. PHẨM THANH TỊNH (*PARISUDDHAVAGGA*)

I. KINH THỨ NHẤT (*Paṭhamasutta*)[164] (*A*. V. 237)

123. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng, chỉ có trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, thanh tịnh, trong sáng, chỉ có trong Luật của bậc Thiện Thệ.

II. KINH THỨ HAI (*Dutiyasutta*)[165] (*A*. V. 237)

124. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, chưa khởi, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, chưa khởi, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thiện Thệ.

III. KINH THỨ BA (*Tatiyasutta*)[166] (*A*. V. 238)

125. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có quả lớn, có lợi ích, chỉ có trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, có quả lớn, có lợi ích lớn, chỉ có trong Luật của bậc Thiện Thệ.

IV. KINH THỨ TƯ (*Catutthasutta*)[167] (*A*. V. 238)

126. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, cứu cánh là nhiếp phục tham, cứu cánh là nhiếp phục sân, cứu cánh là nhiếp phục si, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh

[164] Xem *GS*. V. 165. Bản tiếng Anh của PTS: *States of Perfect Purity*, nghĩa là *Các trạng thái thanh tịnh hoàn toàn*.

[165] Xem *GS*. V. 165. Bản tiếng Anh của PTS: *States Not Yet Arisen*, nghĩa là *Các trạng thái chưa sanh khởi*.

[166] Bản tiếng Anh của PTS: *States of Great Fruit*, nghĩa là *Các trạng thái có quả lớn*.

[167] Bản tiếng Anh của PTS: *Ending in Restraint*, nghĩa là *Cứu cánh trong nhiếp phục*.

nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, cứu cánh là nhiếp phục tham, cứu cánh là nhiếp phục sân, cứu cánh là nhiếp phục si, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ.

V. KINH THỨ NĂM (*Pañcamasutta*)[168] (*A*. V. 238)

127. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, chỉ có mặt trong Luật của bậc Thiện Thệ.

VI. KINH THỨ SÁU (*Chaṭṭhasutta*)[169] (*A*. V. 238)

128. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, chưa khởi lên, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, chưa khởi lên, chỉ khởi lên trong Luật của bậc Thiện Thệ.

VII. KINH THỨ BẢY (*Sattamasutta*) (*A*. V. 239)

129. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ.

VIII. KINH THỨ TÁM (*Aṭṭhamasutta*) (*A*. V. 239)

130. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, cứu cánh là nhiếp phục tham, cứu cánh là nhiếp phục sân, cứu cánh là nhiếp phục si, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

---

[168] Bản tiếng Anh của PTS: *Conducive*, nghĩa là *Đưa đến*.

[169] Tên kinh này và 3 kinh kế tiếp (129-131) trong bản tiếng Anh của PTS: *Made to Grow*, nghĩa là *Được làm cho tăng trưởng*.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có lợi ích lớn, cứu cánh là nhiếp phục tham, cứu cánh là nhiếp phục sân, cứu cánh là nhiếp phục si, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ.

IX. KINH THỨ CHÍN (*Navamasutta*) (*A*. V. 239)

131. Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Mười pháp này, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhất hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, chỉ có được trong Luật của bậc Thiện Thệ.

X. KINH THỨ MƯỜI (*Dasamasutta*)[170] (*A*. V. 240)

132. Có mười tà tánh này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là mười? Tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát.

Này các Tỷ-kheo, có mười tà tánh này.

XI. KINH THỨ MƯỜI MỘT (*Ekādasamasutta*)[171] (*A*. V. 240)

133. Có mười chánh tánh này, này các Tỷ-kheo. Thế nào là mười? Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát.

Có mười chánh tánh này, này các Tỷ-kheo.



[170] Bản tiếng Anh của PTS: *Wrong*, nghĩa là *Tà*.

[171] Bản tiếng Anh của PTS: *Right*, nghĩa là *Chánh*.

XIV. PHẨM TỐT LÀNH
(*SĀDHUVAGGA*)

I. KINH TỐT LÀNH (*Sādhusutta*)[172] (*A*. V. 240)

134. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các ông về tốt lành và không tốt lành. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là không tốt lành?

Tà kiến... tà giải thoát. Này các Tỷ-kheo, như vậy là không tốt lành.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tốt lành?

Chánh kiến... chánh giải thoát. Này các Tỷ-kheo, như vậy là tốt lành.

II. KINH PHÁP BẬC THÁNH (*Ariyadhammasutta*)[173] (*A*. V. 241)

135. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về Thánh pháp và phi Thánh pháp. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Thánh pháp?

Tà kiến... tà giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, gọi là phi Thánh pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh pháp?

Chánh kiến... chánh giải thoát. Này các Tỷ-kheo, gọi là Thánh pháp.

III. KINH BẤT THIỆN (*Akusalasutta*)[174] (*A*. V. 241)

136. (Như kinh 135, chỉ thay thế "bất thiện và thiện").

IV. KINH LỢI ÍCH (*Atthasutta*)[175] (*A*. V. 241)

137. (Như kinh 135, chỉ thay thế "lợi ích và tai hại").

---

[172] Bản tiếng Anh của PTS: *Right and Wrong*, nghĩa là *Chánh và tà*.

[173] Bản tiếng Anh của PTS: *Ariyan and Unariyan*, nghĩa là *Thánh và phàm*.

[174] Bản tiếng Anh của PTS: *Good and Bad*, nghĩa là *Thiện và bất thiện*.

[175] Bản tiếng Anh của PTS: *Aim and Not Aim*, nghĩa là *Mục đích và phi mục đích*.

V. KINH PHÁP (*Dhammasutta*)[176] (*A*. V. 242)

138. (Như kinh 135, chỉ thay thế "pháp và phi pháp").

VI. KINH LẬU HOẶC (*Sāsavasutta*)[177] (*A*. V. 242)

139. (Như kinh 135, chỉ thay thế "hữu lậu và vô lậu").

VII. KINH CÓ TỘI (*Sāvajjasutta*)[178] (*A*. V. 242)

140. (Như kinh 135, chỉ thay thế "có tội và vô tội").

VIII. KINH LÀM CHO TÂM HỐI HẬN (*Tapanīyasutta*)[179] (*A*. V. 243)

141. (Như kinh 135, chỉ thay thế "hối hận và không hối hận").

IX. KINH NHÂN TÍCH TẬP (*Ācayagāmisutta*)[180] (*A*. V. 243)

142. (Như kinh 135, chỉ thay thế "tích tập và không tích tập").

X. KINH ĐƯA ĐẾN KHỔ (*Dukkhudrayasutta*)[181] (*A*. V. 243)

143. (Như kinh 135, chỉ thay thế "đưa đến khổ và lạc").

XI. KINH KHỔ DỊ THỤC (*Dukkhavipākasutta*)[182] (*A*. V. 244)

144. (Như kinh 135, chỉ thay thế "khổ dị thục và lạc dị thục").



---

[176] Bản tiếng Anh của PTS: *Dhamma and Not Dhamma*, nghĩa là *Pháp và phi pháp*.

[177] Bản tiếng Anh của PTS: *With Cankers and Without*, nghĩa là *Hữu lậu và vô lậu*.

[178] Bản tiếng Anh của PTS: *Blameworthy and Blameless*, nghĩa là *Có tội và vô tội*.

[179] Bản tiếng Anh của PTS: *Remorse and Not Remorse*, nghĩa là *Hối hận và không hối hận*.

[180] Bản tiếng Anh của PTS: *Given to heaping and Diminishing*, nghĩa là *Đi đến tích tập và không tích tập*.

[181] Bản tiếng Anh của PTS: *Yielding Pain and Pleasure*, nghĩa là *Đưa đến khổ và lạc*.

[182] Bản tiếng Anh của PTS: *Pain and Pleasure*, nghĩa là *Khổ dị thục và lạc dị thục*.

XV. PHẨM THÁNH ĐẠO (*ARIYAVAGGA*)

I. KINH THÁNH ĐẠO (*Ariyamaggasutta*)[183] (*A*. V. 244)

145. (Như kinh 135, chỉ thay thế "Thánh đạo và phi Thánh đạo").

II. KINH HẮC ĐẠO (*Kaṇhamaggasutta*)[184] (*A*. V. 244)

146. (Như kinh 135, chỉ thay thế "hắc đạo và bạch đạo").

III. KINH DIỆU PHÁP (*Saddhammasutta*)[185] (*A*. V. 245)

147. (Như kinh 135, chỉ thay thế "Diệu pháp và phi Diệu pháp").

IV. KINH PHÁP BẬC CHÂN NHÂN (*Sappurisadhammasutta*)[186] (*A*. V. 245)

148. (Như kinh 135, chỉ thay thế "chân nhân pháp và phi chân nhân pháp").

V. KINH CẦN KHỞI LÊN (*Uppādetabbasutta*) (*A*. V. 245)

149. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần khởi lên và không cần khởi lên").

VI. KINH CẦN THỰC HÀNH (*Āsevitabbasutta*) (*A*. V. 246)

150. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải thực hành và không cần phải thực hành").

VII. KINH CẦN TU TẬP (*Bhāvetabbasutta*) (*A*. V. 246)

151. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải tu tập và không cần phải tu tập").

VIII. KINH CẦN LÀM SUNG MÃN (*Bahulīkātabbasutta*) (*A*. V. 246)

152. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải làm sung mãn và không cần phải làm sung mãn").

IX. KINH CẦN PHẢI NHỚ (*Anussaritabbasutta*) (*A*. V. 247)

153. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải nhớ và không cần phải nhớ").

---

[183] Bản tiếng Anh của PTS: *Ariyan and Unariyan*, nghĩa là *Thánh và phàm*.

[184] Bản tiếng Anh của PTS: *Bright Way and Dark Way*, nghĩa là *Bạch đạo và hắc đạo*.

[185] Bản tiếng Anh của PTS: *True Dhamma and False Dhamma*, nghĩa là *Diệu pháp và phi Diệu pháp*

[186] Bản tiếng Anh của PTS: *Very Man Dhamma and Its Opposite*, nghĩa là *Chân nhân pháp và phi Chân nhân pháp*.

X. KINH CẦN CHỨNG NGỘ (*Sacchikātabbasutta*) (*A*. V. 247)

154. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải chứng ngộ và không cần phải chứng ngộ").

XVI. PHẨM NGƯỜI
(*PUGGALAVAGGA*)

I. KINH NÊN THÂN CẬN (*Sevitabbasutta*)[187] (*A*. V. 247)

155. Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người không nên thân cận. Thế nào là mười? Người có tà kiến, tà tư duy... tà giải thoát.

Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người không nên thân cận.

Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người nên thân cận. Thế nào là mười? Người có Chánh kiến... chánh giải thoát.

Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người nên thân cận.

II-XII. NHÓM KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH NÊN GIAO THIỆP (*Bhajitabbādisuttāni*)[188] (*A*. V. 248)

156-166. Thành tựu với mười pháp này, này các Tỷ-kheo, không nên giao thiệp... nên giao thiệp... không nên hầu hạ... nên hầu hạ... không nên đảnh lễ... nên đảnh lễ... không nên tán thán... nên tán thán... không nên tôn trọng... nên tôn trọng... không nên tỏ sự cung kính... nên tỏ sự cung kính... không thành công... thành công... không thanh tịnh... có thanh tịnh... không chinh phục mạn... có chinh phục mạn... không tăng trưởng với trí tuệ... có tăng trưởng với trí tuệ... tạo nhiều phi công đức... tạo nhiều công đức. Thế nào là mười?

Chánh kiến... chánh giải thoát.

Thành tựu với mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người tạo nhiều công đức.

---

[187] Bản tiếng Anh của PTS: *Not to Be Followed*, nghĩa là *Không nên thân cận*.

[188] Bản tiếng Anh của PTS: *Various Persons*, nghĩa là *Nhiều người khác nhau*.

X. KINH CẦN CHỨNG NGỘ (*Sacchikātabbasutta*) (*A*. V. 247)

154. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải chứng ngộ và không cần phải chứng ngộ").

XVI. PHẨM NGƯỜI
(*PUGGALAVAGGA*)

I. KINH NÊN THÂN CẬN (*Sevitabbasutta*)[187] (*A*. V. 247)

155. Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người không nên thân cận. Thế nào là mười? Người có tà kiến, tà tư duy... tà giải thoát.

Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người không nên thân cận.

Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người nên thân cận. Thế nào là mười? Người có Chánh kiến... chánh giải thoát.

Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người nên thân cận.

II-XII. NHÓM KINH BẮT ĐẦU BẰNG KINH NÊN GIAO THIỆP (*Bhajitabbādisuttāni*)[188] (*A*. V. 248)

156-166. Thành tựu với mười pháp này, này các Tỷ-kheo, không nên giao thiệp... nên giao thiệp... không nên hầu hạ... nên hầu hạ... không nên đảnh lễ... nên đảnh lễ... không nên tán thán... nên tán thán... không nên tôn trọng... nên tôn trọng... không nên tỏ sự cung kính... nên tỏ sự cung kính... không thành công... thành công... không thanh tịnh... có thanh tịnh... không chinh phục mạn... có chinh phục mạn... không tăng trưởng với trí tuệ... có tăng trưởng với trí tuệ... tạo nhiều phi công đức... tạo nhiều công đức. Thế nào là mười?

Chánh kiến... chánh giải thoát.

Thành tựu với mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người tạo nhiều công đức.

---

[187] Bản tiếng Anh của PTS: *Not to Be Followed*, nghĩa là *Không nên thân cận*.

[188] Bản tiếng Anh của PTS: *Various Persons*, nghĩa là *Nhiều người khác nhau*.

XVII. PHẨM JĀṆUSSOṆI
(*JĀṆUSSOṆIVAGGA*)

I. KINH LỄ XUẤT LY CỦA BÀ-LA-MÔN
(***Brāhmaṇapaccorohaṇīsutta***)[189] (*A*. V. 249)

167. (Xem kinh 119, từ câu "Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Jāṇussoṇi"[190]... cho đến "Thế Tôn nói như sau").

– Ở đây, này Bà-la-môn, vị Thánh đệ tử suy xét như sau: "Sát sanh đưa đến ác dị thục trong đời này và trong đời sau." Sau khi suy xét như vậy, vị ấy từ bỏ sát sanh, ra khỏi sát sanh.

... "Lấy của không cho đưa đến ác dị thục... từ bỏ lấy của không cho, ra khỏi lấy của không cho.

… "Tà hạnh trong các dục, đưa đến ác dị thục trong đời này và trong đời sau... từ bỏ tà hạnh trong các dục, ra khỏi tà hạnh trong các dục.

... "Nói láo đưa đến ác dị thục... từ bỏ nói láo, ra khỏi nói láo.

... "Nói hai lưỡi đưa đến ác dị thục... từ bỏ nói hai lưỡi, ra khỏi nói hai lưỡi.

... "Nói ác khẩu đưa đến ác dị thục... từ bỏ nói ác khẩu, ra khỏi nói ác khẩu.

... "Nói lời phù phiếm đưa đến ác dị thục... từ bỏ nói lời phù phiếm, ra khỏi nói lời phù phiếm.

... "Tham dục đưa đến ác dị thục... từ bỏ tham dục, ra khỏi tham dục.

... "Sân đưa đến ác dị thục... từ bỏ sân, ra khỏi sân.

… "Tà kiến đưa đến ác dị thục trong đời này và trong đời sau." Vị ấy sau khi suy xét như vậy, từ bỏ tà kiến, ra khỏi tà kiến.

Như vậy, này Bà-la-môn, là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh.

– Thưa Tôn giả, sai khác là sự xuất ly của các Bà-la-môn, sai khác là sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh. Thưa Tôn giả Gotama, sự xuất ly của các Bà-la-môn không đáng giá một phần mười sáu so với sự xuất ly trong Luật của bậc Thánh. Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

---

[189] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *The Ariyan Descent*, nghĩa là *Sự xuất ly của bậc Thánh*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1049. 0272a10).

[190] Xem *A*. V. 231; *GS*. V. 161 (kinh 119 ở trước).

II. KINH LỄ XUẤT LY CỦA BẬC THÁNH
(*Ariyapaccorohaṇīsutta*) (*A*. V. 251)

168. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng về sự xuất ly của bậc Thánh...

Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự xuất ly của bậc Thánh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy xét như sau: "Sát sanh đưa đến ác dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai." Sau khi suy xét như vậy, vị ấy từ bỏ sát sanh, ra khỏi sát sanh.

... "Tà kiến đưa đến ác dị thục ngay trong hiện tại và trong tương lai." Sau khi suy xét như vậy, vị ấy từ bỏ tà kiến, ra khỏi tà kiến.

Này các Tỷ-kheo, đây là sự xuất ly của bậc Thánh.

III. KINH SAṄGĀRAVA (*Saṅgāravasutta*)[191] (*A*. V. 252)

169. Rồi Bà-la-môn Saṅgārava đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Saṅgārava bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, thế nào là bờ bên này, thế nào là bờ bên kia?

– Này Bà-la-môn, sát sanh là bờ bên này, từ bỏ sát sanh là bờ bên kia. Lấy của không cho, này Bà-la-môn, là bờ bên này, từ bỏ lấy của không cho là bờ bên kia. Tà hạnh trong các dục là bờ bên này, từ bỏ tà hạnh trong các dục là bờ bên kia. Nói láo là bờ bên này, từ bỏ nói láo là bờ bên kia. Nói hai lưỡi là bờ bên này, từ bỏ nói hai lưỡi là bờ bên kia. Nói lời độc ác là bờ bên này, từ bỏ nói lời độc ác là bờ bên kia. Nói lời phù phiếm là bờ bên này, từ bỏ nói lời phù phiếm là bờ bên kia. Tham là bờ bên này, không tham là bờ bên kia. Sân là bờ bên này, không sân là bờ bên kia. Tà kiến là bờ bên này, chánh kiến là bờ bên kia.

Này Bà-la-môn, đây là bờ bên này, đây là bờ bên kia.

Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia,
Còn số người còn lại,
Xuôi ngược chạy bờ này.
Những ai hành trì pháp,
Theo Chánh pháp khéo dạy,
Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt ma giới khó thoát.
Vị từ bỏ pháp đen,
Tu tập theo pháp trắng,
Bỏ nhà, sống không nhà,

---

[191] Xem *A*. V. 230; *GS*. V. 160 (kinh 117 ở trước). Tham chiếu: *Xuất diệu kinh*, *Tâm ý phẩm* 出曜經心意品 (*T*.04. 0212.32. 0758c12); *Pháp tập yếu tụng kinh*, *Hộ tâm phẩm* 法集要頌經護心品 (*T*.04. 0213.31. 0795b06).

Sống viễn ly khổ lạc.
Hãy cầu vui Niết-bàn,
Bỏ dục không chướng ngại,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Cấu uế từ nội tâm.
Những ai với chánh tâm,
Khéo tu tập giác chi,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ,
Không lậu hoặc, sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời.[192]

IV. KINH BỜ BÊN NÀY (*Orimasutta*)[193] (*A*. V. 253)

170. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về bờ bên này và bờ bên kia, hãy nghe... và này các Tỷ-kheo, thế nào là bờ bên này, và thế nào là bờ bên kia?

Sát sanh, này các Tỷ-kheo, là bờ bên này...

(Như kinh 169, kể cả bài kệ).

V. KINH PHI PHÁP THỨ NHẤT (*Paṭhamaadhammasutta*)[194] (*A*. V. 254)

171. Này các Tỷ-kheo, phi pháp và phi mục đích cần phải hiểu biết; pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và phi mục đích, sau khi biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp và phi mục đích?

Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, tham, sân, tà kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là phi pháp và phi mục đích.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp và mục đích?

Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham, không sân, chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây là pháp và mục đích.

Này các Tỷ-kheo, phi pháp và phi mục đích cần phải hiểu biết, pháp và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và phi mục đích, sau khi biết pháp và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói như vậy, do duyên này được nói đến như vậy.

VI. KINH PHI PHÁP THỨ HAI (*Dutiyaadhammasutta*) (*A*. V. 255)

172. (Như kinh 115, có hai sự sai khác: “Một là trong kinh trước nói đến

---

[192] Xem kinh 117 ở trước và *Dh*. v. 85-9.

[193] Bản tiếng Anh của PTS: *Hither and Further Shore*, nghĩa là *Bờ bên này và bờ bên kia*. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1051. 0274c06); *Pháp cú kinh, Minh triết phẩm* 法句經明哲品 (*T*.04. 0210.14. 0563c24).

[194] Tên kinh này và 2 kinh kế tiếp (172, 173) trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Dhamma and Not Dhamma*, nghĩa là *Pháp và phi pháp*.

Tôn giả Ānanda, trong kinh này nói đến Tôn giả Mahākaccāna. Hai là trong kinh trước nói đến phi pháp là chỉ cho tà kiến đến tà giải thoát, nói đến pháp là chỉ cho chánh kiến đến chánh giải thoát. Trong kinh này, nói đến phi pháp là chỉ cho sát sanh cho đến tham, sân và tà kiến; nói đến pháp là chỉ cho từ bỏ sát sanh cho đến không tham, không sân, chánh kiến").

VII. KINH PHI PHÁP THỨ BA (*Tatiyaadhammasutta*) (*A*. V. 260)

173. Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp, thế nào là pháp, thế nào là phi mục đích, thế nào là mục đích?

Sát sanh, này các Tỷ-kheo, là phi pháp, từ bỏ sát sanh là pháp. Những pháp ác, bất thiện do duyên sát sanh khởi lên, đây là phi mục đích; những pháp thiện do duyên từ bỏ sát sanh đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích. Lấy của không cho... Tà hạnh trong các dục... Nói láo... Nói hai lưỡi... Nói lời độc ác... Nói phù phiếm... Tham... Sân... Tà kiến, này các Tỷ-kheo, là phi pháp, từ bỏ tà kiến là pháp. Những pháp ác, bất thiện, do duyên tà kiến khởi lên, đây là phi mục đích; những pháp thiện, do duyên chánh kiến đi đến viên mãn trong tu tập, đây là mục đích.

Này các Tỷ-kheo, phi pháp và pháp cần phải hiểu biết, phi mục đích và mục đích cần phải hiểu biết. Sau khi biết phi pháp và pháp, sau khi biết phi mục đích và mục đích, pháp như thế nào, mục đích như thế nào, như thế ấy, cần phải thực hành. Được nói như vậy, do duyên này được nói đến như vậy.

VIII. KINH NGUỒN GỐC CỦA NGHIỆP (*Kammanidānasutta*)[195] (*A*. V. 261)

174. Này các Tỷ-kheo, Ta nói sát sanh có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói lấy của không cho có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói tà hạnh trong các dục có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói nói láo có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói nói hai lưỡi có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói nói lời độc ác có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói nói lời phù phiếm có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói tham dục có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói sân có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si. Này các Tỷ-kheo, Ta nói tà kiến có ba: Do nhân tham, do nhân sân, do nhân si.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, tham là nhân duyên cho nghiệp sanh khởi, sân là nhân duyên cho nghiệp sanh khởi, si là nhân duyên cho nghiệp sanh khởi;

---

[195] Bản tiếng Anh của PTS: *Due to Lust*, *Malice and Delusion*, nghĩa là *Do tham*, *sân và si*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1049. 0274b23).

do tham đoạn diệt là nhân duyên cho nghiệp đoạn diệt, do sân đoạn diệt là nhân duyên cho nghiệp đoạn diệt, do si đoạn diệt là nhân duyên cho nghiệp đoạn diệt.

IX. KINH THOÁT LY (*Parikkamanasutta*)[196] (*A*. V. 262)

175. Pháp này, này các Tỷ-kheo, có con đường thoát ly,[197] pháp này không phải không có con đường thoát ly. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp này có con đường thoát ly, pháp này không phải không có con đường thoát ly?

Từ bỏ sát sanh, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly sát sanh. Từ bỏ lấy của không cho, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly từ bỏ lấy của không cho. Từ bỏ tà hạnh trong các dục, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly tà hạnh trong các dục. Từ bỏ nói láo, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly nói láo. Từ bỏ nói hai lưỡi, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly nói hai lưỡi. Từ bỏ nói lời độc ác, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly nói lời độc ác. Từ bỏ nói lời phù phiếm, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly nói lời phù phiếm. Không tham dục, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly tham dục. Không sân, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly sân. Chánh kiến, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly tà kiến.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là con đường thoát ly.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, pháp này có con đường thoát ly, pháp này không phải không có con đường thoát ly.

X. KINH CUNDA (*Cundasutta*)[198] (*A*. V. 263)

176. Một thời, Thế Tôn trú ở Pāvā, trong vườn xoài của Cunda, con người thợ rèn. Rồi Cunda, con người thợ rèn, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Cunda, con người thợ rèn, đang ngồi một bên:

– Này Cunda, trong những tịnh hạnh[199] của ai, ông cảm thấy thích thú?

– Bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn ở phương Tây, những người có mang theo bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, những vị này có tổ chức những lễ tịnh hạnh. Con ưa thích những lễ tịnh hạnh của những người ấy.

– Này Cunda, các Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang theo bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, như thế nào những người này có tổ chức những lễ tịnh hạnh?

---

[196] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1050. 0274c01).

[197] *Saparikkamanaṃ vā aparikkamanaṃ* được giải thích là *saupacāraṃ vā anupacāraṃ*, khi một ngôi nhà được dựng lên cho vị Tỷ-kheo, xung quanh nhà phải có đủ chỗ một cái xe có thể chạy xung quanh.

[198] Bản tiếng Anh của PTS: *Cunda, the Silversmith*, nghĩa là *Cunda, người thợ rèn*. Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1039. 0271b01).

[199] *Soceyyāni*. Lễ tịnh hạnh. Xem *S*. IV. 312.

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, những người này khích lệ đệ tử như sau: "Hãy đến, này bạn. Hãy dậy thật sớm và từ nơi giường chạm (*amasati*) xuống đất. Nếu bạn không chạm xuống đất thì chạm phân bò ướt; nếu bạn không chạm phân bò ướt thời bạn chạm cỏ xanh; nếu bạn không chạm cỏ xanh thời bạn hãy cúng dường lửa; nếu bạn không cúng dường lửa thời bạn hãy chắp tay đảnh lễ mặt trời; nếu bạn không chắp tay đảnh lễ mặt trời thời bạn hãy xuống nước lần thứ ba vào buổi chiều." Như vậy, bạch Thế Tôn, các Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang theo bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, những vị ấy tổ chức những lễ tịnh hạnh. Con thích thú lễ tịnh hạnh của những vị ấy.

– Sai khác, này Cunda, là những lễ tịnh hạnh do những Bà-la-môn trú ở phương Tây, những người có mang bình nước, những người có đeo vòng hoa huệ, những người thờ lửa, những người đi xuống nước tắm, tổ chức những lễ tịnh hạnh. Sai khác là lễ tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh.

– Như thế nào, bạch Thế Tôn, là lễ tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh? Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết pháp cho con về lễ tịnh hạnh trong Luật của bậc Thánh!

– Vậy này Cunda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Cunda, con người thợ rèn, vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này Cunda, thân không tịnh hạnh có ba, lời không tịnh hạnh có bốn, ý không tịnh hạnh có ba. Và này Cunda, thế nào là thân không tịnh hạnh có ba?

Ở đây, này Cunda, có người sát sanh, hung bạo, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình. Người ấy lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh trong các dục, tà hạnh với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở,[200] đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa [đám cưới].

Như vậy, này Cunda, bất tịnh hạnh về thân có ba.

Và này Cunda, thế nào là bất tịnh hạnh về lời có bốn?

Ở đây, này Cunda, có người nói láo đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông biết." Dầu cho người ấy không biết, người ấy nói: "Tôi biết"; hay dầu cho người ấy biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay dầu cho người ấy không

---

[200] *Dhammarakkhitā*. *M.* I. 286 bỏ sót thuật ngữ này.

thấy, người ấy nói: "Tôi thấy"; hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; như vậy, lời nói của người ấy trở thành cố ý nói láo, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì. Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đến chỗ này nói để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích chia rẽ, vui thích chia rẽ, thích thú chia rẽ, nói những lời đưa đến chia rẽ. Và người ấy là người nói lời thô ác, bất cứ lời gì thô bạo,[201] thô tục, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phẫn nộ, không đưa đến thiền định, người ấy nói những lời như vậy. Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi Pháp, nói những lời phi Luật, nói những lời không đáng gìn giữ; vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, không có hệ thống, không có lợi ích.

Như vậy, này Cunda, không tịnh hạnh về lời có bốn.

Và này Cunda, thế nào là không tịnh hạnh về ý có ba?

Ở đây, này Cunda, có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!" Có người có sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại!" Lại có người có tà kiến, có tưởng điên đảo như: "Không có bố thí, không có cúng dường, không có tế lễ; các hành vi thiện, ác không có kết quả dị thục; không có đời này, không có đời sau; không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau."

Như vậy, này Cunda, không tịnh hạnh về ý có ba.

Này Cunda, có mười bất thiện nghiệp đạo này. Này Cunda, với ai thành tựu mười bất thiện nghiệp đạo này, có thể dậy sớm và từ giường nếu người ấy chạm đất, người ấy vẫn bất tịnh; dầu cho người ấy không chạm xuống đất, người ấy vẫn bất tịnh. Nếu người ấy chạm phân bò ướt, người ấy vẫn bất tịnh; nếu người ấy không chạm phân bò ướt, người ấy vẫn bất tịnh. Nếu người ấy chạm cỏ xanh, người ấy vẫn bất tịnh; nếu người ấy không chạm cỏ xanh, người ấy vẫn bất tịnh. Nếu người ấy cúng dường lửa, người ấy vẫn bất tịnh; nếu người ấy không cúng dường lửa, người ấy vẫn bất tịnh. Nếu người ấy chắp tay đảnh lễ mặt trời, người ấy vẫn bất tịnh; nếu người ấy không chắp tay đảnh lễ mặt trời, người ấy vẫn bất tịnh. Nếu người ấy vào buổi chiều xuống nước lần thứ ba, người ấy vẫn bất tịnh; nếu người ấy vào buổi chiều không xuống nước lần thứ ba, người ấy vẫn bất tịnh. Vì sao? Này Cunda, mười bất thiện nghiệp đạo này là bất tịnh, không tạo ra tịnh. Này Cunda, do nhân thành tựu mười bất thiện nghiệp đạo này, địa

[201] *Aṇḍakā*: Sự gai góc, cục, hòn, những phần mọc thừa trên cây. *MA*. viết *gaṇḍakā*.

ngục được chờ sẵn, bàng sanh được chờ sẵn, ngạ quỷ được chờ sẵn hay là ác thú khác.

Này Cunda, tịnh hạnh về thân có ba, tịnh hạnh về lời có bốn, tịnh hạnh về ý có ba.

Này Cunda, thế nào là tịnh hạnh về thân có ba?

Ở đây, này Cunda, có người đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho; bất cứ vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, nếu không cho người ấy, người ấy không lấy với ý niệm trộm cắp. Đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục, không hành tà hạnh với hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa [đám cưới]. Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về thân có ba.

Và này Cunda, thế nào là tịnh hạnh về lời có bốn?

Ở đây, này Cunda có người đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đến chỗ tập hội hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì người biết." Nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; hay nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy"; như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì. Đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi đến chỗ này nói để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Đoạn tận lời nói độc ác, từ bỏ lời nói độc ác; những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui ý nhiều người, người ấy nói những lời như vậy. Đoạn tận lời nói phù phiếm, từ bỏ nói lời phù phiếm, nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ; vì nói hợp thời nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, lợi ích. Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về lời nói có bốn.

Và này Cunda, thế nào là tịnh hạnh về ý có ba?

Ở đây, này Cunda, có người không tham ái, không tham lam tài vật kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi! Mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình." Không có sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống lo tự ngã, không thù hận, không sân hận, không nhiễm loạn, được an lạc." Có chánh kiến, không có tư tưởng điên đảo: "Có bố thí, có cúng thí, có tế lễ; các hành vi thiện, ác có kết quả dị thục, có đời

này, có đời sau; có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau." Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về ý có ba.

Này Cunda, có mười thiện nghiệp đạo này. Này Cunda, ai thành tựu mười thiện nghiệp đạo này, nếu có dậy sớm và từ giường chạm đất, người ấy vẫn trong sạch; nếu người ấy không chạm xuống đất, người ấy vẫn trong sạch. Nếu người ấy chạm phân bò ướt, người ấy vẫn trong sạch; nếu người ấy không chạm phân bò ướt, người ấy vẫn trong sạch. Nếu người ấy chạm cỏ xanh, người ấy vẫn trong sạch; nếu người ấy không chạm cỏ xanh, người ấy vẫn trong sạch. Nếu người ấy thờ lửa, người ấy vẫn trong sạch; nếu người ấy không thờ lửa, người ấy vẫn trong sạch. Nếu người ấy chắp tay đảnh lễ mặt trời, người ấy vẫn trong sạch; nếu người ấy không chắp tay đảnh lễ mặt trời, người ấy vẫn trong sạch. Nếu vào buổi chiều, người ấy xuống nước lần thứ ba, người ấy vẫn trong sạch; nếu vào buổi chiều, người ấy không xuống nước lần thứ ba, người ấy vẫn trong sạch. Vì sao? Này Cunda, mười thiện nghiệp đạo này là trong sạch, tác thành trong sạch. Này Cunda, do nhân thành tựu mười thiện nghiệp đạo này, cảnh giới chư thiên được chờ sẵn, loài người được chờ sẵn, hay bất cứ thiện thú nào khác.

Được nghe nói vậy, Cunda, con người thợ rèn, thưa với Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn... Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

XI. KINH JĀṆUSSOṆI (*Jāṇussoṇisutta*)[202] (*A*. V. 269)

177. Rồi Bà-la-môn Jāṇussoṇi đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jāṇussoṇi bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi là Bà-la-môn, cho bố thí, làm các lễ cúng cho người chết. Mong rằng, bố thí này cho bà con huyết thống đã chết được lợi ích. Mong rằng các bà con huyết thống đã chết thọ hưởng bố thí này. Thưa Tôn giả Gotama, bố thí có lợi ích gì cho các bà con huyết thống đã chết không? Các bà con huyết thống đã chết có được thọ hưởng bố thí ấy hay không?

– Này Bà-la-môn, nếu có tương ưng xứ thời có lợi ích, không có lợi ích nếu không có tương ưng xứ.

– Thưa Tôn giả Gotama, thế nào là tương ưng xứ, thế nào là không tương ưng xứ?

– Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân, có tà kiến. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào địa ngục. Món ăn của chúng sanh ở địa ngục ăn, tại đấy, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy;

---

[202] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1041. 0272b08).

tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn, đây là không tương ưng xứ, trú ở đấy, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh... có tà kiến. Sau khi thân hoại mệnh chung, vị ấy sanh vào loại bàng sanh. Món ăn của chúng sanh ở bàng sanh ăn, tại đấy, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn, đây là không tương ưng xứ, trú ở đấy, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham ái, không có tâm sân hận, có chánh kiến. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, sanh cộng trú với loài người. Món ăn của loài người như thế nào, tại đấy, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn, đây là không tương ưng xứ, trú ở đấy, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên. Món ăn của chư thiên như thế nào, tại đấy, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn, đây là không tương ưng xứ, trú ở đấy, vị ấy không được lợi ích của bố thí ấy.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh... có tà kiến. Người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi ngạ quỷ. Món ăn của chúng sanh cõi ngạ quỷ như thế nào, tại đấy, vị ấy nuôi sống với món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Món ăn nào các bạn bè, hoặc thân hữu, hoặc bà con, hoặc người cùng huyết thống từ đây muốn hướng cúng cho vị ấy, tại đấy, vị ấy sống với món ăn ấy; tại đấy, vị ấy tồn tại với món ăn ấy. Này Bà-la-môn, đây là tương ưng xứ, trú ở đấy, vị ấy được lợi ích của bố thí ấy.

Thưa Tôn giả Gotama, nếu bà con huyết thống ấy đã chết, không sanh vào chỗ ấy, thời ai hưởng bố thí ấy?

– Này Bà-la-môn, các bà con huyết thống khác đã chết, được sanh vào chỗ ấy, những người ấy được hưởng bố thí ấy.

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu bà con huyết thống đã chết, không sanh vào chỗ ấy, và các bà con huyết thống khác cũng không sanh vào chỗ ấy, thời ai hưởng bố thí ấy?

– Không có trường hợp ấy, không có cơ hội ấy, này Bà-la-môn, rằng chỗ ấy có thể trống không trong một thời gian dài, không có người bà con huyết thống đã chết. Nhưng này Bà-la-môn, người bố thí không phải không có hưởng quả.

– Có phải Tôn giả Gotama nói một giả thuyết không thể xảy ra?

– Này Bà-la-môn, Ta nói một giả thuyết không thể xảy ra. Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến. Vị

ấy bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, các giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh cộng trú với các loài voi, tại đây, vị ấy được đồ ăn, đồ uống, vòng hoa, các loại trang sức khác. Vì rằng, ở đây, này Bà-la-môn, có sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến, do vậy người ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh cộng trú với các loài voi. Vì rằng, vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc, do vậy, tại đấy vị ấy được các món ăn, các đồ uống, vòng hoa, các đồ trang sức khác.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến. Người ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Sau khi thân hoại mệnh chung, vị ấy sanh cộng trú với các loài ngựa... sanh cộng trú với các loài bò... sanh cộng trú với các loài gia cầm. Vị ấy, tại đấy, được các món ăn, các đồ uống, vòng hoa, các đồ trang sức khác. Vì rằng, này Bà-la-môn, có sát sanh, có lấy của không cho, có tà hạnh trong các dục, có nói láo, có nói hai lưỡi, có nói lời độc ác, có nói lời phù phiếm, có tham ái, có sân tâm, có tà kiến, do vậy, sau khi thân hoại mệnh chung, vị ấy sanh vào cộng trú với các loài gia cầm. Vì rằng, vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn với các đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc, do vậy, tại đấy vị ấy được đồ ăn, đồ uống, vòng hoa, các loại trang sức khác.

Ở đây, này Bà-la-môn, có hạng người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham ái, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến. Người ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Vị ấy sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với loài người, tại đấy, vị ấy được năm dục công đức sai khác, thuộc về loài người. Vì rằng, này Bà-la-môn, vị ấy từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không có tham ái, không có sân tâm, có chánh kiến, sau khi thân hoại mệnh chung, vị ấy được sanh cộng trú với loài người. Vì rằng, vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, các trú xứ, đèn đuốc, do vậy, tại đấy vị ấy được năm dục công đức của loài người.

Ở đây, này Bà-la-môn, có người từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, người ấy bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các món ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc. Người ấy sau khi thân

hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên. Vị ấy, tại đấy được năm dục công đức của chư thiên. Vì rằng, ở đây, này Bà-la-môn, vị ấy có từ bỏ sát sanh... có chánh kiến, cho nên sau khi thân hoại mệnh chung, vị ấy được sanh cộng trú với chư thiên. Vì rằng, vị ấy có bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn các đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc, do vậy, tại đấy vị ấy được năm dục công đức của chư thiên. Như vậy, này Bà-la-môn, người bố thí không phải không có kết quả.

Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, Tôn giả Gotama! Cho đến như thế này, thưa Tôn giả Gotama, là vừa đủ để bố thí, là vừa đủ để tổ chức các tín thí. Vì rằng, ở đây, người bố thí không phải không có kết quả [như đã được nói].

– Như vậy, này Bà-la-môn, người bố thí này không phải không có kết quả.

– Thật kỳ diệu thay, Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama hãy nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.



XVIII. PHẨM TỐT LÀNH (*SĀDHUVAGGA*)

I. KINH TỐT LÀNH (*Sādhusutta*)[203] (*A*. V. 273)

178. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về tốt lành và không tốt lành. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là không tốt lành? Sát sanh, lấy của không cho... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là không tốt lành.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tốt lành? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tốt lành.

II. KINH PHÁP BẬC THÁNH (*Ariyadhammasutta*)[204] (*A*. V. 274)

179. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về Thánh hạnh và phi Thánh hạnh. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Thánh hạnh? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là phi Thánh hạnh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh hạnh? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh hạnh.

III. KINH THIỆN (*Kusalasutta*) (*A*. V. 274)

180. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về thiện và bất thiện. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là bất thiện? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là bất thiện.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thiện? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là thiện.

IV. KINH LỢI ÍCH (*Atthasutta*) (*A*. V. 275)

181. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về lợi ích và tai hại. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là tai hại? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là tai hại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là lợi ích? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là lợi ích.

---

[203] Bản tiếng Anh của PTS: *Right and Wrong*, nghĩa là *Chánh và tà*.

[204] Bản tiếng Anh của PTS chỉ liệt kê tên kinh.

V. KINH PHÁP (*Dhammasuttaṃ*) (*A*. V. 275)

182. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp và phi pháp. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là phi pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp.

VI. KINH LẬU HOẶC (*Āsavasutta*) (*A*. V. 275)

183. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về hữu lậu và vô lậu. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là hữu lậu? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là hữu lậu.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô lậu? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô lậu.

VII. KINH PHẠM TỘI (*Vajjasutta*) (*A*. V. 275)

184. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về phạm tội và vô tội. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là phạm tội? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là phạm tội.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là vô tội? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là vô tội.

VIII. KINH LÀM CHO TÂM HỐI HẬN (*Tapanīyasutta*) (*A*. V. 276)

185. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về khiến hối hận và không khiến hối hận. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là khiến hối hận? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là khiến hối hận.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không khiến hối hận? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là không khiến hối hận.

IX. KINH NHÂN TÍCH TẬP [LUÂN HỒI] (*Ācayagāmisutta*) (*A*. V. 276)

186. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về nhân tích tập [luân hồi] và nhân không tích tập [luân hồi]. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là nhân tích tập? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là nhân tích tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là nhân không tích tập? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là nhân không tích tập.

X. KINH ĐƯA ĐẾN KHỔ (*Dukkhudrayasutta*) (*A*. V. 277)

187. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về đưa đến khổ và đưa đến lạc. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là đưa đến khổ? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là đưa đến khổ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là đưa đến lạc? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là đưa đến lạc.

XI. KINH QUẢ DỊ THỤC (*Vipākasutta*) (*A*. V. 277)

188. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về quả dị thục khổ và quả dị thục lạc. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là quả dị thục khổ? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là quả dị thục khổ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là quả dị thục lạc? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là quả dị thục lạc.



XIX. PHẨM THÁNH ĐẠO
(*ARIYAMAGGAVAGGA*)[205]

I. KINH THÁNH ĐẠO (*Ariyamaggasutta*) (*A*. V. 278)

189. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về Thánh đạo và phi Thánh đạo. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Thánh đạo? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là phi Thánh đạo.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đạo? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đạo.

II. KINH HẮC ĐẠO (*Kaṇhamaggasutta*) (*A*. V. 278)

190. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về hắc đạo và bạch đạo. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là hắc đạo? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là hắc đạo.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bạch đạo? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là bạch đạo.

III. KINH DIỆU PHÁP (*Saddhammasutta*)[206] (*A*. V. 278)

191. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về Diệu pháp và phi Diệu pháp. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Diệu pháp? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là phi Diệu pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Diệu pháp? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Diệu pháp.

IV. KINH PHÁP BẬC CHÂN NHÂN (*Sappurisadhammasutta*)[207] (*A*. V. 279)

192. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp của chân nhân và pháp của phi chân nhân. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp của phi chân nhân? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp của phi chân nhân.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp của chân nhân? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp của chân nhân.

V. KINH CẦN LÀM CHO SANH KHỞI
(*Uppādetabbadhammasutta*) (*A*. V. 279)

193. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp cần đạt và pháp không cần đạt.

---

[205] Bản tiếng Anh của PTS chỉ liệt kê tiêu đề.

[206] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1052. 0274c19).

[207] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1054. 0275a08).

Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp không cần đạt? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp không cần đạt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp cần đạt? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp cần đạt.

VI. KINH PHÁP CẦN THỰC HÀNH (*Āsevitabbadhammasutta*) (*A*. V. 279)

194. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp cần thực hành và pháp không cần thực hành. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp không cần thực hành? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp không cần thực hành.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp cần thực hành? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp cần thực hành.

VII. KINH PHÁP CẦN TU TẬP (*Bhāvetabbadhammasutta*) (*A*. V. 280)

195. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp cần tu tập và pháp không cần tu tập. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp không cần tu tập? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp không cần tu tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp cần tu tập? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp cần tu tập.

VIII. KINH CẦN LÀM CHO SUNG MÃN (*Bahulīkātabbasutta*) (*A*. V. 280)

196. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp cần làm cho sung mãn và pháp không cần làm cho sung mãn. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp không cần làm cho sung mãn? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp không cần làm cho sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp cần làm cho sung mãn? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp cần làm cho sung mãn.

IX. KINH CẦN ỨC NIỆM (*Anussaritabbasutta*) (*A*. V. 280)

197. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp cần ức niệm và pháp không cần ức niệm. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp không cần ức niệm? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp không cần ức niệm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp cần ức niệm? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp cần ức niệm.

X. KINH CẦN CHỨNG NGỘ (*Sacchikātabbasutta*)[208] (*A*. V. 281)

198. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp cần chứng ngộ và pháp không cần chứng ngộ. Hãy nghe… Này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp không cần chứng ngộ? Sát sanh... tà kiến. Này các Tỷ-kheo đây gọi là pháp không cần chứng ngộ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp cần chứng ngộ? Từ bỏ sát sanh... có chánh kiến. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là pháp cần chứng ngộ.

---

[208] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1060. 0275c06); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1061. 0275c22).

XX. PHẨM CÁC HẠNG NGƯỜI (*APARAPUGGALAVAGGA*)

KINH KHÔNG NÊN THÂN CẬN (*Nasevitabbādisutta*)[209] (*A*. V. 281)

199. Này các Tỷ-kheo, người hội đủ mười pháp này là người không nên thân cận. Thế nào là mười? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi [nói lời đâm thọc], nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham ái, sân tâm, tà kiến.

Này các Tỷ-kheo, người hội đủ mười pháp này là người không nên thân cận.

Này các Tỷ-kheo, người hội đủ mười pháp này là người nên thân cận. Thế nào là mười? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi [từ bỏ nói lời đâm thọc], từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham ái, không sân tâm, chánh kiến.

Này các Tỷ-kheo, người hội đủ mười pháp này, là người nên thân cận.

200-209. Này các Tỷ-kheo, người hội đủ mười pháp này là người không nên giao thiệp... nên giao thiệp... không nên hầu hạ... nên hầu hạ... không nên đảnh lễ... nên đảnh lễ... không nên tán thán... nên tán thán... không nên tôn trọng... nên tôn trọng... không nên tỏ sự cung kính [không nên vâng thuận]... nên tỏ sự cung kính [nên vâng thuận]... không thành công... thành công... không thanh tịnh... thanh tịnh... không có chinh phục mạn... có chinh phục mạn... không tăng trưởng với trí tuệ... tăng trưởng với trí tuệ...

210. Này các Tỷ-kheo, người hội đủ mười pháp này là người tạo nhiều phi công đức… tạo nhiều công đức. Thế nào là mười? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi [từ bỏ nói lời đâm thọc], từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham ái, không sân tâm, chánh kiến.

Này các Tỷ-kheo, người hội đủ mười pháp này là người tạo nhiều công đức.

---

[209] Phần này trong bản tiếng Anh của PTS không trình bày nội dung.

XXI. PHẨM THÂN DO NGHIỆP SANH
(*KARAJAKĀYAVAGGA*)

I. KINH ĐỊA NGỤC VÀ THIÊN GIỚI THỨ NHẤT
(*Paṭhamanirayasaggasutta*) (*A*. V. 283)

211. Thành tựu mười pháp, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là mười?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh, hung bạo, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với tất cả loài hữu tình và sinh vật.

[Người này] lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy.

Người ấy sống tà hạnh trong các dục, tà hạnh với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh em che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa [đám cưới].

Người ấy nói láo, đến chỗ tập hội hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì ông biết"; dầu không biết, người ấy nói: "Tôi biết"; dầu biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay dầu không thấy, người ấy nói: "Tôi thấy"; hay dầu cho thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; như vậy lời nói của người ấy trở thành cố ý nói láo, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.

Người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đến chỗ này nói để sanh chia rẽ ở những người kia, như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích chia rẽ, vui thích chia rẽ, thích thú chia rẽ, nói những lời đưa đến chia rẽ.

Và người ấy là người nói lời thô ác; bất cứ lời gì thô bạo, thô tục, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phẫn nộ, không đưa đến thiền định, người ấy nói những lời như vậy.

Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi Pháp, nói những lời phi Luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích.

Người ấy có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!"

Người ấy có sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại!"

Người ấy có tà kiến, có tưởng điên đảo như: "Không có bố thí, không có cúng thí, không có tế tự; các hành vi thiện ác, không có kết quả dị thục, không có đời này, không có đời sau; không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau." Thành tựu mười pháp này, người ấy như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên cõi trời. Thế nào là mười?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm; biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh, các loài hữu tình và sinh vật.

Đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, bất cứ vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy.

Có người đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục, không hành tà hạnh với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

Người ấy đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đến chỗ tập hội hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này ông kia, hãy nói những gì ông biết"; nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết"; nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy"; như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.

Đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi đến chỗ này nói để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

Đoạn tận lời nói thô ác, từ bỏ lời nói thô ác; những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.

Người ấy đoạn tận lời nói phù phiếm, từ bỏ nói lời phù phiếm; nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói đúng Pháp, nói đúng Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có lợi ích.

Ở đây, có người không tham ái, không tham lam tài vật kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!"

Lại có người không có sân tâm, không khởi lên hại ý, hại niệm, nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân."

Người ấy có chánh kiến, không có tư tưởng điên đảo, nghĩ rằng: "Có bố thí, có cúng thí, có tế tự, các hành vi thiện ác có kết quả dị thục, có đời này, có đời sau; có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau." Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

II. KINH ĐỊA NGỤC VÀ THIÊN GIỚI THỨ HAI (*Dutiyanirayasaggasutta*)[210] (*A*. V. 285)

212. (Như kinh 211).

III. KINH NỮ NHÂN (*Mātugāmasutta*) (*A*. V. 286)

213. Này các Tỷ-kheo, thành tựu mười pháp này, nữ nhân như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là mười? Sát sanh... lấy của không cho... tà hạnh trong các dục... nói láo... nói hai lưỡi... nói lời thô ác... nói lời phù phiếm... tham ái... sân tâm... tà kiến... Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, nữ nhân như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, nữ nhân như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là mười? Đoạn tận sát sanh... đoạn tận lấy của không cho... đoạn tận tà hạnh trong các dục... đoạn tận nói láo... đoạn tận nói hai lưỡi... đoạn tận nói lời thô ác... đoạn tận nói lời phù phiếm... đoạn tận tham ái... đoạn tận sân tâm... chánh kiến... Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, nữ nhân như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

IV. KINH NỮ CƯ SĨ (*Upāsikāsutta*) (*A*. V. 287)

214. (Như kinh 212, chỉ thay thế "nữ cư sĩ").

V. KINH KHÔNG SỢ HÃI (*Visāradasutta*)[211] (*A*. V. 288)

215. Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo, người nữ cư sĩ sống ở gia đình không có sợ hãi. Thế nào là mười? Sát sanh... có tà kiến. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, người nữ cư sĩ sống ở gia đình không có sợ hãi.

---

[210] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.748. 0198b05).

[211] Bản tiếng Anh của PTS: *Diffident and Confident*, nghĩa là *Sợ hãi và vô úy*.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, người nữ cư sĩ sống ở gia đình không có sợ hãi. Thế nào là mười? Đoạn tận sát sanh... có chánh tri kiến. Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, người nữ cư sĩ sống ở gia đình không có sợ hãi.

VI. KINH PHÁP MÔN QUANH CO (*Saṃsappanīyasutta*)[212] (*A*. V. 288)

216. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về pháp môn quanh co và pháp môn Chánh pháp. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thế nào là pháp môn quanh co,[213] này các Tỷ-kheo, thế nào là pháp môn Chánh pháp?

Này các Tỷ-kheo, chúng sanh là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, là sanh căn của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nghiệp. Phàm họ làm nghiệp gì, thiện hay ác, họ là những kẻ thừa tự của nghiệp ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh, bạo ngược, bàn tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với tất cả loài hữu tình, sinh vật. Vị ấy quanh co với thân, quanh co với lời, quanh co với ý. Thân nghiệp của vị ấy quanh co, ngữ nghiệp của vị ấy quanh co, ý nghiệp của vị ấy quanh co, sanh thú quanh co, sanh thành quanh co. Với người có sanh thú quanh co, này các Tỷ-kheo, có sanh thành quanh co, Ta nói rằng có một trong hai sanh thú sau đây: Các địa ngục nhất hướng đau khổ hay các loài bàng sanh thuộc loại trườn bò. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các loài bàng sanh thuộc loại trườn bò? Loại rắn, bò cạp, con rết, con chồn hôi, con mèo, con chuột, con cú, và bất cứ loài súc vật nào, khi thấy người, trườn bò mà đi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là các sinh vật, sự sanh khởi của sinh vật. Do làm như thế nào, như vậy được sanh ra; và được sanh như thế nào, thời có những cảm xúc như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng các chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người lấy của không cho... có tà hạnh trong các dục... nói láo... nói hai lưỡi... nói lời thô ác... nói lời phù phiếm... có tham ái... có sân tâm... có tà kiến, có kiến điên đảo rằng: "Không có bố thí, không có cúng thí, không có tế tự; không có kết quả dị thục các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời sau; không có mẹ, không có cha, không có các loài hóa sanh; ở đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, những vị này, sau khi tự mình với thắng trí chứng ngộ đời này, đời sau và tuyên bố. Người ấy quanh co với thân, quanh co với lời, quanh co với ý. Thân nghiệp quanh co, ngữ nghiệp quanh co, ý nghiệp quanh co, sanh thú quanh co, sinh thành quanh co. Với người có sanh thú quanh co, này các Tỷ-kheo, có sanh

---

[212] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1046. 0273c21).

[213] *Saṃsappa*: Loài bò sát trườn bò mà đi, bò quanh co mà đi. *Phụ chú*: Sự phân vân không quyết định của con nít. *A*. III. 354 và *Chú giải* viết *paripphandati*.

thành quanh co, Ta nói rằng... Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng các chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình.

Này các Tỷ-kheo, chúng sanh là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, là sanh căn của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nghiệp. Phàm làm nghiệp gì, thiện hay ác, họ thừa tự nghiệp ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sau khi đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và các loài hữu tình. Vị ấy không quanh co với thân, không quanh co với lời, không quanh co với ý, thân nghiệp của vị ấy chánh trực, ngữ nghiệp chánh trực, ý nghiệp chánh trực, sanh thú chánh trực, sanh thành chánh trực. Với người có sanh thú chánh trực, này các Tỷ-kheo, có sanh thành chánh trực, Ta nói rằng có một trong hai sanh thú sau đây: Các thiên giới nhất hướng lạc, hoặc các gia đình cao quý, các Sát-đế-lỵ đại gia, các Bà-la-môn đại gia, các gia chủ đại gia, giàu có, tài sản lớn, vật thọ dụng lớn, vàng bạc nhiều, tài vật nhiều, tài sản lúa gạo nhiều. Do làm như thế nào, như vậy được sanh ra; và được sanh như thế nào, thời có những cảm xúc như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng các chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho... đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục... đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo... đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi... đoạn tận nói lời thô ác, từ bỏ nói lời thô ác... đoạn tận nói lời phù phiếm, từ bỏ nói lời phù phiếm... không có tham dục... không có sân tâm… có chánh kiến, không có các kiến điên đảo: "Có bố thí, có cúng thí, có tế tự; có kết quả dị thục các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời sau; có mẹ, có cha, có các loài hóa sanh; ở đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, những vị này, sau khi tự mình với thắng trí chứng ngộ, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau." Vị ấy không quanh co với thân, không quanh co với lời, không quanh co với ý, thân nghiệp vị ấy chánh trực, ngữ nghiệp chánh trực, ý nghiệp chánh trực, sanh thú chánh trực, sanh thành chánh trực. Với người có sanh thú chánh trực, này các Tỷ-kheo, có sanh thành chánh trực, Ta nói rằng có một trong hai sanh thú sau đây: Các thiên giới nhất hướng lạc, hoặc các gia đình cao quý, các Sát-đế-lỵ đại gia, các Bà-la-môn đại gia, các gia chủ đại gia, giàu có, tài sản lớn, vật thọ dụng lớn, vàng bạc nhiều, tài vật nhiều, tài sản lúa gạo nhiều. Do làm như thế nào, như vậy được sanh ra; và được sanh như thế nào, thời có những cảm xúc như vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng chúng sanh ấy là những kẻ thừa tự nghiệp của mình.

Này các Tỷ-kheo, các chúng sanh là chủ nhân của nghiệp, là những kẻ thừa tự của nghiệp, là sanh căn của nghiệp, là bà con của nghiệp, là chỗ nương tựa của nghiệp. Phàm làm nghiệp gì, thiện hay ác, họ là những kẻ thừa tự của nghiệp ấy.

VII. KINH TƯ NIỆM THỨ NHẤT (*Paṭhamasañcetanikasutta*)[214] (*A*. V. 292)

217. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp đã tư niệm, đã làm, đã tích tập, nếu không cảm thọ [kết quả] thời không có chấm dứt, dầu kết quả ấy sanh khởi ngay trong đời hiện tại hay trong đời sau. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp đã tư niệm, đã làm, đã tích tập, nếu không cảm thọ [kết quả] thời khổ không thể chấm dứt được.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, ba phần là sự lầm lỗi và phạm tội của thân nghiệp đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục. Bốn phần là sự lầm lỗi và phạm tội của ngữ nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục. Ba phần là sự lầm lỗi và phạm tội của ý nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba phần sự lầm lỗi và phạm tội của thân nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người sát sanh hung bạo, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với tất cả các loài hữu tình, các sinh vật. Lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Sống tà hạnh trong các dục, tà hạnh với hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh em che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa [đám cưới]. Như vậy, này các Tỷ-kheo, ba phần là sự lầm lỗi và phạm tội của thân nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, bốn phần là sự lầm lỗi và phạm tội của ngữ nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục? Người ấy nói láo, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì người biết"; dầu cho người ấy không biết, người ấy nói: "Tôi biết"; dầu cho người ấy biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói: "Tôi có thấy"; hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; như vậy, lời nói của người ấy trở thành cố ý nói láo, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi. Người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói, để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, đến chỗ này nói, để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, vị ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích chia rẽ, vui thích chia rẽ, thích thú chia rẽ, nói những lời đưa đến chia rẽ. Và người ấy nói lời thô ác, bất cứ lời gì thô bạo, thô tục, khiến người đau khổ,

---

[214] Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Ruin and Prosperity*, nghĩa là *Tổn giảm và tăng trưởng*. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.48.1. 0785c24); *Tư kinh* 思經 (*T*.01. 0026.15. 0437b24).

khiến người tức giận, liên hệ đến phẫn nộ, không đưa đến thiền định, người ấy nói những lời như vậy. Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi Pháp, nói những lời phi Luật, nói những lời không đáng gìn giữ; vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích. Như vậy, này các Tỷ-kheo, bốn phần là sự lầm lỗi và phạm tội của ngữ nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, ba phần là sự lầm lỗi và phạm tội của ý nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!" Có sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại." Người ấy có tà kiến, có tưởng điên đảo như: "Không có bố thí, không có cúng thí, không có tế tự; các hành vi thiện ác không có kết quả dị thục, không có đời này, không có đời sau; không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự mình với thắng trí chứng ngộ, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, ba phần là sự lầm lỗi và phạm tội của ý nghiệp, đã bất thiện tư niệm, dẫn đến khổ, đưa đến khổ dị thục.

Này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, sự lầm lỗi và phạm tội của thân nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Hay là, này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, sự lầm lỗi và phạm tội của ngữ nghiệp có bốn phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Hay là, này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, sự lầm lỗi và phạm tội của ý nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một hòn ngọc ma-ni viên mãn,[215] được quăng lên và rơi xuống chỗ nào, tại chỗ ấy nó khéo an lập. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, sự lầm lỗi và phạm tội của thân nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Hay là, này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, sự lầm lỗi và phạm tội của ngữ nghiệp có bốn phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Hay là, này các Tỷ-kheo, do nhân bất thiện tư niệm, sự lầm lỗi và phạm tội của ý nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

[215] *Apaṇṇako maṇi. AA*. V. 76: *Apaṇṇako maṇīti samantato caturasso pāsako* ("Hòn ngọc ma-ni viên mãn" nghĩa là viên ngọc tròn trĩnh, đều đặn).

Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm, được tích tập, nếu không cảm thọ [kết quả] thời không có chấm dứt, dầu quả ấy thuộc trong đời hiện tại, hay trong đời sau. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm, được tích tập, nếu không cảm thọ [kết quả] thời khổ không có chấm dứt. Ở đây, này các Tỷ-kheo, ba phần là sự thành đạt của thân nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc đưa đến lạc dị thục; bốn phần là sự thành đạt của ngữ nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục; ba phần là sự thành đạt của ý nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, ba phần là sự thành đạt của thân nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và các loài hữu tình. Đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho; bất cứ vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy. Đoạn tận sống tà hạnh trong các dục, không hành tà hạnh với hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh em che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa [đám cưới].

Như vậy, này các Tỷ-kheo, ba phần là sự thành đạt của thân nghiệp, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bốn phần là sự thành đạt của ngữ nghiệp, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đến chỗ tập hội hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì người biết." Nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết"; hay nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; hay nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy"; như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì. Đoạn tận lời nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi đến chỗ này nói để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Đoạn tận lời nói thô ác, từ bỏ lời nói thô ác; những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui ý nhiều người, người ấy nói những lời như vậy. Đoạn tận lời nói phù phiếm, từ bỏ lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ; vì nói hợp thời nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có lợi ích.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, bốn phần là sự thành đạt của ngữ nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là ba phần là sự thành đạt của ý nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, không có nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng món tài vật của người khác trở thành của mình!" Lại có người không có sân tâm, không khởi lên hại ý, hại niệm, nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân!" Có chánh kiến, không có tư tưởng điên đảo, nghĩ rằng: "Có bố thí, có cúng dường, có tế tự; các hành vi thiện ác, có kết quả dị thục, có đời này, có đời sau; có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chơn chánh hành trì, chơn chánh thành tựu, sau khi tự mình chứng ngộ với thắng trí, rồi tuyên bố cho đời này và cho đời sau."

Như vậy, này các Tỷ-kheo, ba phần là sự thành đạt của ý nghiệp đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục.

Này các Tỷ-kheo, do nhân ba phần là sự thành đạt của thân nghiệp, đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục, các chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, do nhân bốn phần là sự thành đạt của ngữ nghiệp, đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục, các chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, do nhân ba phần là sự thành đạt của ý nghiệp, đã thiện tư niệm, dẫn đến lạc, đưa đến lạc dị thục, các chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Ví như, này các Tỷ-kheo, hòn ngọc ma-ni viên mãn được quăng lên và rơi xuống chỗ nào, tại chỗ ấy nó khéo an lập. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do nhân thiện tư niệm, sự thành đạt của thân nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Hay là do nhân thiện tư niệm, sự thành đạt của ngữ nghiệp có bốn phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Hay là do nhân thiện tư niệm, sự thành đạt của ý nghiệp có ba phần, các chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng các nghiệp đã tư niệm, đã làm, đã tích tập, nếu chưa lãnh thọ [kết quả] thời không chấm dứt, dầu cho quả ấy thuộc đời hiện tại, hay trong đời sau. Và này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng các nghiệp đã tư niệm, đã làm, đã tích tập, nếu chưa lãnh thọ [kết quả] thời khổ không được chấm dứt.

VIII. KINH TƯ NIỆM THỨ HAI (*Dutiyasañcetanikasutta*)[216] (*A*. V. 297)

218. (Như kinh 217).

---

[216] Tham chiếu: *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.48.1. 0785c24); *Tư kinh* 思經 (*T.*01. 0026.15. 0437b24).

IX. KINH THÂN DO NGHIỆP SANH (*Karajakāyasutta*)[217] (*A*. V. 299)

219. – Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm, được tích tập, nếu không cảm thọ [kết quả] thời không có chấm dứt, dầu quả ấy thuộc trong đời hiện tại, hay thuộc trong đời sau. Ta tuyên bố rằng, này các Tỷ-kheo, các nghiệp được tư niệm, được làm, được tích tập, nếu không cảm thọ [kết quả] thời khổ không chấm dứt. Vị Thánh đệ tử ấy, này các Tỷ-kheo, như vậy từ bỏ tham, từ bỏ sân, từ bỏ si, tỉnh giác, chánh niệm, với tâm câu hữu với từ, an trú biến mãn một phương; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư; như vậy phía trên, phía dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy biết rõ như sau: "Trước kia, tâm này của ta là nhỏ,[218] không tu tập. Nhưng nay, tâm này của ta là vô lượng, khéo tu tập. Lại nữa, phàm nghiệp gì được làm có giới hạn, nay nó sẽ không sống trong giới hạn ấy nữa, nó sẽ không đứng trong giới hạn ấy nữa." Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, nếu đứa trẻ này, từ tuổi trẻ trở lên tu tập Từ tâm giải thoát, nó có thể làm nghiệp ác không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Do không làm điều ác, nó có cảm giác khổ hay không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn. Không làm điều ác, bạch Thế Tôn, từ đâu nó sẽ cảm giác khổ được?

– Này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát này cần phải tu tập bởi nữ nhân hay nam nhân. Này các Tỷ-kheo, thân này không bị nam nhân hay nữ nhân cầm lấy rồi mang đi. Này các Tỷ-kheo, con người phải chết này ở giữa những tư tưởng.[219] Vị ấy rõ biết như sau: "Phàm ác nghiệp nào do ta làm từ trước với cái thân do nghiệp làm ra này, tất cả cần phải cảm thọ ở đây, nó không thể theo ta và được hiện hữu về sau."[220] Như vậy, này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát được tu tập đưa đến không có trở lui,[221] đối với Tỷ-kheo có trí tuệ, có được trong đời này, nhưng vị ấy chưa thể nhập sự giải thoát hơn thế nữa.

Với tâm câu hữu với bi... Với tâm câu hữu với hỷ... Với tâm câu hữu với xả, vị ấy biến mãn một phương và an trú; như vậy phương thứ hai, như vậy phương thứ ba, như vậy phương thứ tư; như vậy phía trên, phía dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy biết rõ như sau:

---

[217] Bản tiếng Anh của PTS: *The Brahma-moods*, nghĩa là *Phạm thiên trú*. *Brahmavihāvā*: Phạm thiên trú. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.48.1. 0785c24); *Tư kinh* 思經 (*T*.01. 0026.15. 0437b24).

[218] *Paritta*. Xem *D*. I. 251.

[219] *AA*. V. 76: *Cittantaroti cittakārano, atha vā citteneva antariko* ("Giữa những tư tưởng" nghĩa là có thể trong sát-na tâm này con người ở đời này, hoặc trong sát-na tâm kế tiếp, tái sanh ở cõi trời hoặc nơi đau khổ nào đó).

[220] *Na taṃ anugaṃ bhavissatīti*. *AA*. V. 78 viết *anubhavissati* (= *na anugataṃ bhavissati*), chỉ cho một vị đang tu tập theo đạo lộ Tứ Thánh đế.

[221] *AA*. V. 78: *Anāgāmitāyāti jhānānāgāmitāya*. Đây là tầng thiền của bậc Bất Lai (*Jhānānāgāmitāya*).

"Trước kia, tâm này của ta là nhỏ, không tu tập. Nhưng nay, tâm này của ta là vô lượng, khéo tu tập. Lại nữa, phàm nghiệp gì được làm có giới hạn, nay nó sẽ không sống trong giới hạn ấy nữa, nó không đứng trong giới hạn ấy nữa." Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, nếu đứa trẻ này, từ tuổi trẻ trở lên tu tập Xả tâm giải thoát, nó có thể làm nghiệp ác không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Do không làm điều ác, nó có cảm giác khổ hay không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn. Không làm điều ác, bạch Thế Tôn, từ đâu nó sẽ cảm giác khổ được?

Này các Tỷ-kheo, xả tâm giải thoát này cần phải được tu tập bởi nữ nhân hay nam nhân. Này các Tỷ-kheo, thân này không bị nam nhân hay nữ nhân cầm lấy rồi đem đi. Này các Tỷ-kheo, con người phải chết này ở giữa những tư tưởng. Vị ấy rõ biết như sau: "Phàm ác nghiệp nào do ta làm từ trước với cái thân do nghiệp làm ra này, tất cả cần phải cảm thọ ở đây, nó không thể theo ta và được hiện hữu về sau." Như vậy, này các Tỷ-kheo, xả tâm này được tu tập, đưa đến không có trở lui, đối với Tỷ-kheo có trí tuệ, có được trong đời này, nhưng vị ấy chưa thể nhập sự giải thoát hơn thế nữa.

X. KINH PHI PHÁP HÀNH (*Adhammacariyāsutta*)[222] (*A*. V. 301)

220. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Bà-la-môn ấy bạch Thế Tôn:

– Do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?

– Do nhân phi pháp hành và bất bình đẳng hành, này Bà-la-môn, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

– Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này?

– Do nhân pháp hành và bình đẳng hành, này Bà-la-môn, như vậy ở đây, một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

– Lời tuyên bố vắn tắt này của Sa-môn Gotama, con không hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama như vậy thuyết pháp cho con, để con có thể như vậy hiểu được ý nghĩa một cách rộng rãi lời nói vắn tắt này của Sa-môn Gotama!

– Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, Tôn giả.

[222] Bản tiếng Anh của PTS: *After Death*, nghĩa là *Sau khi chết*.

Vị Bà-la-môn ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này Bà-la-môn, phi pháp hành, bất bình đẳng hành về thân có ba; phi pháp hành, bất bình đẳng hành về lời có bốn; phi pháp hành, bất bình đẳng hành về ý có ba. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là phi pháp hành, bất bình đẳng hành về thân có ba?... (Xem kinh 217).

Như vậy, này Bà-la-môn, phi pháp hành, bất bình đẳng hành về thân có ba. Như thế nào, này Bà-la-môn, phi pháp hành, bất bình đẳng hành về lời có bốn?... (Xem kinh 217).

Như vậy, này Bà-la-môn, phi pháp hành, bất bình đẳng hành về lời có bốn. Và như thế nào, này Bà-la-môn, phi pháp hành, bất bình đẳng hành về ý có ba?... (Xem kinh 217).

Như vậy, này Bà-la-môn, phi pháp hành, bất bình đẳng hành về ý có ba.

Như vậy, do nhân phi pháp hành, bất bình đẳng hành, này Bà-la-môn, ở đây có các loại chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này Bà-la-môn, pháp hành, bình đẳng hành về thân có ba; pháp hành, bình đẳng hành về lời có bốn; pháp hành, bình đẳng hành về ý có ba. Như thế nào, này Bà-la-môn, pháp hành, bình đẳng hành về thân có ba?... (Như kinh 217).

Như vậy, này Bà-la-môn, pháp hành, bình đẳng hành về thân có ba. Và này Bà-la-môn, như thế nào pháp hành, bình đẳng hành về lời có bốn?... (Như kinh 217).

Như vậy, này Bà-la-môn, pháp hành, bình đẳng hành về lời có bốn. Và này Bà-la-môn, như thế nào pháp hành, bình đẳng hành về ý có ba?... (Như kinh 217).

Như vậy, này Bà-la-môn, pháp hành, bình đẳng hành về ý có ba.

Như vậy, này Bà-la-môn, do nhân pháp hành, bình đẳng hành, như vậy, một số chúng sanh sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

XXII. PHẨM TƯƠNG TỰ (*SĀMAÑÑAVAGGA*)[223]

I. MƯỜI PHÁP[224] (*A*. V. 303)

221. Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là mười? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời phù phiếm, tham ái, sân tâm, tà kiến.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là mười? Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời thô ác, từ bỏ nói lời phù phiếm, không tham, không sân tâm, chánh kiến.

Thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

II. HAI MƯƠI PHÁP[225] (*A*. V. 304)

222. Thành tựu hai mươi pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là hai mươi? Tự mình sát sanh và khuyến khích người khác sát sanh; tự mình lấy của không cho và khuyến khích người khác lấy của không cho; tự mình tà hạnh trong các dục và khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục; tự mình nói láo và khuyến khích người khác nói láo; tự mình nói hai lưỡi và khuyến khích người khác nói hai lưỡi; tự mình nói lời thô ác và khuyến khích người khác nói lời thô ác; tự mình nói lời phù phiếm và khuyến khích người khác nói lời phù phiếm; tự mình tham và khuyến khích người khác tham; tự mình có sân tâm và khuyến khích người khác có sân tâm; tự mình có tà kiến và khuyến khích người khác có tà kiến.

Thành tựu hai mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

---

[223] Bản tiếng Anh của PTS: *Characteristics*, nghĩa là *Các đặc tính*. Trong bản tiếng Anh của PTS, 16 kinh (từ 221-236) được trình bày theo 7 nhóm với tiêu đề riêng: *Ten Qualities* (*Mười phẩm chất*), *Twenty Qualities* (*Hai mươi phẩm chất*), *Thirty Qualities* (*Ba mươi phẩm chất*), *Forty Qualities* (*Bốn mươi phẩm chất*), *Uprooted* (*Đoạn tận*), *After death* (b) (*Sau khi chết*), *Fool and Wise* (*Người ngu và bậc trí*).

[224] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.47.1. 0780c21); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1056. 0275a27).

[225] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1057. 0275b05).

Thành tựu hai mươi pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là hai mươi? Tự mình từ bỏ sát sanh và khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho và khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục và khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục; tự mình từ bỏ nói láo và khuyến khích người khác từ bỏ nói láo; tự mình từ bỏ nói hai lưỡi và khuyến khích người khác từ bỏ nói hai lưỡi; tự mình từ bỏ nói lời thô ác và khuyến khích người khác từ bỏ nói lời thô ác; tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm và khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm; tự mình không tham và khuyến khích người khác không tham; tự mình không có sân tâm và khuyến khích người khác không có sân tâm; tự mình có chánh kiến và khuyến khích người khác có chánh kiến.

Thành tựu hai mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

III. BA MƯƠI PHÁP[226] (*A*. V. 305)

223. Thành tựu ba mươi pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là ba mươi? Tự mình sát sanh, khuyến khích người khác sát sanh và tùy thuận sát sanh; tự mình lấy của không cho, khuyến khích người khác lấy của không cho và tùy thuận lấy của không cho; tự mình tà hạnh trong các dục, khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục và tùy thuận tà hạnh trong các dục; tự mình nói láo, khuyến khích người khác nói láo và tùy thuận nói láo; tự mình nói hai lưỡi, khuyến khích người khác nói hai lưỡi và tùy thuận nói hai lưỡi; tự mình nói lời thô ác, khuyến khích người khác nói lời thô ác và tùy thuận nói lời thô ác; tự mình nói lời phù phiếm, khuyến khích người khác nói lời phù phiếm và tùy thuận nói lời phù phiếm; tự mình có tham, khuyến khích người khác có tham và tùy thuận có tham; tự mình có sân tâm, khuyến khích người khác có sân tâm và tùy thuận có sân tâm; tự mình có tà kiến, khuyến khích người khác có tà kiến và tùy thuận tà kiến.

Thành tựu với ba mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu với ba mươi pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là ba mươi? Tự mình từ bỏ sát sanh, khuyến khích người khác từ bỏ sát sanh và không tùy thuận sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho, khuyến khích người khác từ bỏ lấy của không cho và không tùy thuận lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, khuyến khích người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục và không tùy thuận tà hạnh trong các dục; tự mình từ bỏ nói láo, khuyến khích người khác từ bỏ nói láo và không tùy thuận nói láo; tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, khuyến khích người khác từ bỏ nói hai lưỡi và không tùy thuận nói hai lưỡi; tự mình từ bỏ nói lời thô ác, khuyến khích

---

[226] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1058. 0275b17).

người khác từ bỏ nói lời thô ác và không tùy thuận nói lời thô ác; tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm, khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm và không tùy thuận nói lời phù phiếm; tự mình từ bỏ tham, khuyến khích người khác từ bỏ tham và không tùy thuận tham; tự mình từ bỏ sân tâm, khuyến khích người khác từ bỏ sân tâm và không tùy thuận sân tâm; tự mình có chánh kiến, khuyến khích người khác có chánh kiến và tùy thuận chánh kiến.

Thành tựu với ba mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

IV. BỐN MƯƠI PHÁP[227] (*A*. V. 306)

224. Thành tựu bốn mươi pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục. Thế nào là bốn mươi? Tự mình sát sanh, khuyến khích người khác sát sanh, tùy thuận sát sanh và tán thán sát sanh; tự mình lấy của không cho, khuyến khích người khác lấy của không cho, tùy thuận lấy của không cho và tán thán lấy của không cho; tự mình tà hạnh trong các dục, khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục, tùy thuận tà hạnh trong các dục và tán thán tà hạnh trong các dục; tự mình nói láo, khuyến khích người khác nói láo, tùy thuận nói láo và tán thán nói láo; tự mình nói hai lưỡi, khuyến khích người khác nói hai lưỡi, tùy thuận nói hai lưỡi và tán thán nói hai lưỡi; tự mình nói lời thô ác, khuyến khích người khác nói lời thô ác, tùy thuận nói lời thô ác và tán thán nói lời thô ác; tự mình nói lời phù phiếm, khuyến khích người khác nói lời phù phiếm, tùy thuận nói lời phù phiếm và tán thán nói lời phù phiếm; tự mình có tham, khuyến khích người khác có tham, tùy thuận có tham và tán thán có tham; tự mình có sân tâm, khuyến khích người khác có sân tâm, tùy thuận sân tâm và tán thán có sân tâm; tự mình có tà kiến, khuyến khích người khác có tà kiến, tùy thuận có tà kiến và tán thán có tà kiến.

Thành tựu bốn mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng bị rơi vào địa ngục.

Thành tựu bốn mươi pháp, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới. Thế nào là bốn mươi? Tự mình từ bỏ sát sanh, không khuyến khích người khác sát sanh, không tùy thuận sát sanh và không tán thán sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho, không khuyến khích người khác lấy của không cho, không tùy thuận lấy của không cho và không tán thán lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, không khuyến khích người khác tà hạnh trong các dục, không tùy thuận tà hạnh trong các dục và không tán thán tà hạnh trong các dục; tự mình không nói láo, không khuyến khích người khác nói láo, không tùy thuận nói láo và không tán thán nói láo; tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, không khuyến khích người khác nói hai lưỡi, không tùy thuận nói hai lưỡi và không tán thán nói hai lưỡi; tự mình không nói lời thô ác, không khuyến khích người khác nói lời thô ác, không tùy thuận nói lời thô ác và không tán thán nói

[227] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1059. 0275c01).

lời thô ác; tự mình từ bỏ nói lời phù phiếm, không khuyến khích người khác nói lời phù phiếm, không tùy thuận nói lời phù phiếm và không tán thán nói lời phù phiếm; tự mình từ bỏ tham, không khuyến khích người khác tham, không tùy thuận tham và không tán thán tham; tự mình từ bỏ sân tâm, không khuyến khích người khác sân tâm, không tùy thuận sân tâm và không tán thán sân tâm; tự mình có chánh kiến, khuyến khích người khác có chánh kiến, tùy thuận có chánh kiến và tán thán có chánh kiến.

Thành tựu bốn mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, như vậy tương xứng được sanh lên thiên giới.

V. TỔN HẠI (*A*. V. 307)

225-228. Thành tựu mười pháp, này các Tỷ-kheo, đem theo mình một tự ngã bị tổn hại, bị hủy hoại... đem theo mình một tự ngã không bị tổn hại, không bị hủy hoại...

Thành tựu hai mươi pháp, này các Tỷ-kheo...

Thành tựu ba mươi pháp, này các Tỷ-kheo...

Thành tựu bốn mươi pháp, này các Tỷ-kheo, đem theo mình một tự ngã bị tổn hại, bị hủy hoại... không đem theo mình một tự ngã bị tổn hại, bị hủy hoại.

VI. SAU KHI CHẾT THỨ NHẤT (*A*. V. 309)

229-232. Thành tựu với mười pháp, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục... ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Với hai mươi pháp, này các Tỷ-kheo... với ba mươi pháp, này các Tỷ-kheo... với bốn mươi pháp, này các Tỷ-kheo, ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục... ở đây, có người sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

VII. SAU KHI CHẾT THỨ HAI (*A*. V. 309)

233-236. Thành tựu với mười pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu cần phải được biết... người hiền trí cần phải được biết... với hai mươi pháp, này các Tỷ-kheo... với ba mươi pháp, này các Tỷ-kheo... với bốn mươi pháp, này các Tỷ-kheo, người ngu cần phải được biết... người hiền trí cần phải được biết. Thành tựu với bốn mươi pháp này, này các Tỷ-kheo, người hiền trí cần phải được biết.

XXIII. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT (*RĀGAPEYYĀLA*)[228] (*A*. V. 309)

237. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, mười pháp cần phải tu tập. Thế nào là mười? Bất tịnh tưởng, tưởng chết, tưởng nhàm chán trong các món ăn, tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng vô thường, tưởng khổ trong vô thường, tưởng vô ngã trong khổ, tưởng đoạn tận, tưởng ly tham, tưởng đoạn diệt. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, mười pháp này cần phải tu tập.

238. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, mười pháp cần phải tu tập. Thế nào là mười? Tưởng vô thường, tưởng vô ngã, tưởng nhàm chán trong các món ăn, tưởng không hoan hỷ đối với tất cả thế giới, tưởng bộ xương, tưởng trùng ăn, tưởng xanh ứ, tưởng nước mủ chảy ra, tưởng nứt nẻ, tưởng trương phồng lên. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, mười pháp này cần phải tu tập.

239. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, mười pháp cần phải tu tập. Thế nào là mười? Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, mười pháp này cần phải tu tập.

240-266. Này các Tỷ-kheo, để biến tri… để biến diệt… để đoạn tận… để trừ diệt… để hủy diệt… để ly tham… để đoạn diệt… để an tịnh… để bỏ đi… để từ bỏ tham… mười pháp này cần phải tu tập.

267-746. Để biến tri… để biến diệt… để đoạn tận… để trừ diệt… để hủy diệt… để ly tham… để đoạn diệt… để an tịnh… để bỏ đi… để từ bỏ sân… si… phẫn nộ… hiềm hận… gièm pha[229]… não hại… tật đố… xan tham… mê hoặc… gian trá… cứng đầu… bồng bột (hung hăng)… mạn… quá mạn… đắm say… phóng dật… mười pháp này cần phải tu tập.

---

[228] Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh từ 237-746 được trình bày tiếp theo Phẩm XXII. *Characteristics*, nghĩa là *Các đặc tính*.

[229] Theo Sanskrit, *makkho* có hai nghĩa là *giả dối* và *tức giận*. *Chú giải* giải thích là gièm pha giới hạnh của người khác.

CHƯƠNG XI
MƯỜI MỘT PHÁP (*EKĀDASAKANIPĀTA*)

I. PHẨM Y CHỈ
(*NISSAYAVAGGA*)

I. KINH CÓ LỢI ÍCH GÌ (*Kimatthiyasutta*)[1] (*A*. V. 311)

1. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, các thiện giới có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc.

– Nhưng bạch Thế Tôn, không hối tiếc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan.

– Bạch Thế Tôn, nhưng hân hoan có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ.

– Nhưng bạch Thế Tôn, hoan hỷ có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an.

– Nhưng bạch Thế Tôn, khinh an có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc.

– Nhưng bạch Thế Tôn, an lạc có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, an lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định.

– Nhưng bạch Thế Tôn, định có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến.

– Nhưng bạch Thế Tôn, như thật tri kiến có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, có lợi ích nhàm chán.

– Nhưng bạch Thế Tôn, nhàm chán có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

– Này Ānanda, nhàm chán có ý nghĩa ly tham, có lợi ích ly tham.

– Nhưng bạch Thế Tôn, ly tham có ý nghĩa gì, có lợi ích gì?

---

[1] Tham chiếu: *Hà nghĩa kinh* 何義經 (*T*.01. 0026.42. 0485a13).

– Này Ānanda, ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến.

Như vậy, này Ānanda, các thiện giới có ý nghĩa không hối tiếc, có lợi ích không hối tiếc. Không hối tiếc có ý nghĩa hân hoan, có lợi ích hân hoan. Hân hoan có ý nghĩa hoan hỷ, có lợi ích hoan hỷ. Hoan hỷ có ý nghĩa khinh an, có lợi ích khinh an. Khinh an có ý nghĩa an lạc, có lợi ích an lạc. An lạc có ý nghĩa định, có lợi ích định. Định có ý nghĩa như thật tri kiến, có lợi ích như thật tri kiến. Như thật tri kiến có ý nghĩa nhàm chán, có lợi ích nhàm chán. Nhàm chán có ý nghĩa ly tham, có lợi ích ly tham. Ly tham có ý nghĩa giải thoát tri kiến, có lợi ích giải thoát tri kiến. Như vậy, này Ānanda, các thiện giới thứ lớp dẫn đến tối thượng.

II. KINH NGHĨ VỚI DỤNG Ý (*Cetanākaraṇīyasutta*)[2] (*A*. V. 312)

2. (Như kinh 2, chương Mười pháp, chỉ khác "nhàm chán ly tham" chia thành 2 ý, nên thành 11 pháp).

III. KINH SỞ Y THỨ NHẤT (*Paṭhamaupanisāsutta*)[3] (*A*. V. 313)

3. (Tương tự kinh 3, chương Mười pháp[4] chỉ khác "nhàm chán ly tham" được chia thành 2 ý).

IV. KINH SỞ Y THỨ HAI (*Dutiyaupanisāsutta*)[5] (*A*. V. 315)

4. (Tương tự kinh 3, chương Mười pháp[6] chỉ khác ở đây là "Tôn giả Sāriputta thuyết" và "nhàm chán ly tham" được chia thành 2 ý).

V. KINH SỞ Y THỨ BA (*Tatiyaupanisāsutta*)[7] (*A*. V. 316)

5. (Tương tự kinh 3, chương Mười pháp, chỉ khác ở đây là "Tôn giả Ānanda thuyết" và "nhàm chán ly tham" được chia thành 2 ý, nên thành 11 pháp).

VI. KINH TAI HỌA (*Byasanasutta*) (*A*. V. 317)

6. Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào mắng nhiếc, chỉ trích, quở trách các bậc Thánh là những vị đồng Phạm hạnh, thời không có sự kiện, không có cơ hội rằng người ấy không gặp một trong mười một tai họa. Thế nào là mười một? Không chứng điều chưa chứng; đã chứng được thời mất đi; Diệu pháp không

---

[2] Tham chiếu: *Bất tư kinh* 不思經 (*T*.01. 0026.43. 0485b19).

[3] Bản tiếng Anh của PTS: *Lacking Basic* (a) (*by the Teacher*), nghĩa là *Không đủ điều kiện căn bản* (a) (*do bậc Đạo sư thuyết*). Kinh này và kinh kế tiếp, tham chiếu: *Tàm quý kinh* 慚愧經 (*T*.01. 0026.45-46. 0486a05-a21); *Giới kinh* 戒經 (*T*.01. 0026.47-48. 0486b23-c03); *Cung kính kinh* 恭敬經 (*T*.01. 0026.49-50. 0486c21-0487a15); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.495. 0129a09).

[4] Xem *A*. V. 4.

[5] Bản tiếng Anh của PTS: *Lacking Basic* (b) (*by Sāriputta*), nghĩa là *Không đủ điều kiện căn bản* (b) (*do Tôn giả Sāriputta thuyết*).

[6] Xem *A*. V. 5.

[7] Bản tiếng Anh của PTS: *Lacking Basic* (c) (*by Ānanda*), nghĩa là *Không đủ điều kiện căn bản* (c) (*do Tôn giả Ānanda thuyết*).

được tỏ rõ; hay là tự kiêu trong Diệu pháp; hay là không hoan hỷ sống Phạm hạnh; hay phạm một tội ô uế; hay từ bỏ Phạm hạnh và hoàn tục; hay là thọ bệnh nặng; hay là đạt đến điên cuồng loạn tâm; hay là bất tỉnh khi mệnh chung; sau khi thân hoại mệnh chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nào mắng nhiếc, chỉ trích, quở trách các bậc Thánh là những vị đồng Phạm hạnh, thời không có sự kiện, không có cơ hội rằng người ấy không gặp một trong mười một tai họa này.

VII. TƯỞNG KINH (*Saññāsutta*) (*A*. V. 318)

7. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đến lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đến, trong ấy, vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Này Ānanda, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đến lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đến, trong ấy, vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

– Nhưng bạch Thế Tôn, như thế nào một vị Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau... vị ấy có thể không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Ở đây, này Ānanda, vị Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này Ānanda, vị Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất, trong nước không tưởng đến nước... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau... vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Thế Tôn, rồi đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đến lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đến, trong ấy, vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Này Ānanda, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy... được ý suy nghĩ đến, trong ấy, vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

– Nhưng thưa Tôn giả Sāriputta, như thế nào một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy... được ý suy nghĩ đến, trong ấy, vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Ở đây, này Hiền giả Ānanda, Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này Hiền giả Ānanda, Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau... vị ấy không có tưởng đến; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

– Thật vi diệu thay, thưa Hiền giả! Thật hy hữu thay, thưa Hiền giả! Sự giải thích của Đạo sư và đệ tử tương hợp, tương hội, không tương phản nhau, nghĩa với nghĩa, lời với lời, tức là đối với câu tối thượng. Thưa Hiền giả, vừa rồi tôi đã đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này, Thế Tôn với những câu thế này, với những lời thế này, đã trả lời về ý nghĩa này, giống như Tôn giả Sāriputta. Thật vi diệu thay, Hiền giả! Thật hy hữu thay, Hiền giả! Sự giải thích của Đạo sư và đệ tử tương hợp, tương hội, không tương phản nhau, nghĩa với nghĩa, lời với lời, tức là đối với câu tối thượng.

VIII. KINH TÁC Ý (*Manasikārasutta*) (*A*. V. 321)

8. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, có thể không tác ý đến mắt, có thể không tác ý đến sắc, có thể không tác ý

đến tai, có thể không tác ý đến tiếng, có thể không tác ý đến mũi, có thể không tác ý đến hương, có thể không tác ý đến lưỡi, có thể không tác ý đến vị, có thể không tác ý đến thân, có thể không tác ý đến xúc, có thể không tác ý đến đất, có thể không tác ý đến nước, có thể không tác ý đến lửa, có thể không tác ý đến gió, có thể không tác ý đến Không vô biên xứ, có thể không tác ý đến Thức vô biên xứ, có thể không tác ý đến Vô sở hữu xứ, có thể không tác ý đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có thể không tác ý đến đời này, có thể không tác ý đến đời sau, và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tác ý?

– Này Ānanda, có thể như vậy: Một Tỳ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, có thể không tác ý đến mắt, có thể không tác ý đến sắc... được ý suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tác ý.

– Bạch Thế Tôn, nhưng thế nào, một Tỳ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, có thể không tác ý đến mắt, có thể không tác ý đến sắc... được ý suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tác ý?

– Ở đây, này Ānanda, Tỳ-kheo tác ý như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này Ānanda, Tỳ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, có thể không tác ý đến mắt, có thể không tác ý đến sắc... được ý suy nghĩ đến, vị ấy có thể không có tác ý. Tuy vậy, vị ấy vẫn có tác ý.

IX. KINH SADDHA (*Saddhasutta*)[8] (*A*. V. 322)

9. Một thời, Thế Tôn trú ở Nātika, tại ngôi nhà có lợp ngói. Rồi Tôn giả Saddha[9] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Saddha đang ngồi một bên:

– Này Saddha, hãy tu thiền với sự thiền định của con ngựa thuần thục, chớ có với thiền định của con ngựa chưa thuần thục. Và này Saddha, thế nào là thiền định của con ngựa chưa thuần thục?

Con ngựa chưa thuần thục, khi bị cột vào máng ăn, liền suy nghĩ: "Cỏ ăn, cỏ ăn." Vì sao? Này Saddha, con ngựa chưa thuần thục, khi bị cột vào máng ăn, không có nghĩ như sau: "Không biết hôm nay, người đánh xe điều phục ngựa sẽ bảo ta làm việc gì? Nay ta có thể làm gì để báo đáp?" Con ngựa bị cột vào máng ăn, chỉ suy nghĩ: "Cỏ ăn, cỏ ăn." Cũng vậy, này Saddha, ở đây có hạng người chưa được thuần thục, khi đi đến khu rừng, hay khi đi đến gốc cây, hay khi đi đến ngôi nhà trống, trú với tâm bị dục tham ám ảnh, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên. Người ấy tàng trữ dục tham vào trong, rồi thiền tư, thiền lự, thiền liên tục, thiền quán, trú với tâm bị sân ám

[8] Xem *A*. V. 336; *GS*. V. 216 (kinh 15 ở sau); *S*. II. 153. Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.926. 0235c27); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.151. 0430c10).

[9] Tôn giả Saddha còn được gọi tên là Sandha.

ảnh, bị sân chi phối... trú với tâm bị hôn trầm thụy miên ám ảnh, bị hôn trầm thụy miên chi phối... trú với tâm bị trạo hối ám ảnh, bị trạo hối chi phối... trú với tâm bị nghi hoặc ám ảnh, bị nghi hoặc chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly ra khỏi nghi hoặc đã khởi lên. Người ấy tàng trữ nghi hoặc vào trong, rồi thiền tư, thiền lự, thiền liên tục, thiền quán. Người ấy thiền tư y chỉ vào đất, thiền tư y chỉ vào nước, thiền tư y chỉ vào lửa, thiền tư y chỉ vào gió, thiền tư y chỉ vào Không vô biên xứ, thiền tư y chỉ vào Thức vô biên xứ, thiền tư y chỉ vào Vô sở hữu xứ, thiền tư y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiền tư y chỉ vào đời này, thiền tư y chỉ vào đời sau, và phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy tư, đều y chỉ vào đấy, người ấy thiền tư. Như vậy, này Saddha là người thiền tư không thuần thục.

Và này Saddha, như thế nào là thiền tư như con ngựa thuần thục?

Con ngựa hiền lương, này Saddha, con ngựa được thuần thục, khi bị cột vào máng ăn, không có suy nghĩ: "Cỏ ăn, cỏ ăn." Vì sao? Này Saddha, con ngựa đã thuần thục, khi bị cột vào máng ăn, suy nghĩ như sau: "Không biết hôm nay, người đánh xe điều phục ngựa sẽ bảo ta làm việc gì? Nay ta có thể làm gì để báo đáp?" Con ngựa bị cột vào máng ăn, không có suy nghĩ: "Cỏ ăn, cỏ ăn." Con ngựa hiền lương, này Saddha, được thuần thục, nhìn sự áp dụng cây gậy thúc ngựa như là món nợ, như là trói buộc, như là một thiệt hại, như là một điềm xấu.[10] Cũng vậy, này Saddha, người hiền thiện, thuần thục, khi đi đến khu rừng, khi đi đến gốc cây, khi đi đến ngôi nhà trống, trú với tâm không bị dục tham ám ảnh, không bị dục tham chinh phục, như thật quán tri sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên. Vị ấy an trú với tâm không bị sân ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị si ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị hôn trầm thụy miên ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị trạo hối ám ảnh... Vị ấy an trú với tâm không bị nghi hoặc ám ảnh, không bị nghi hoặc chinh phục, như thật rõ biết sự xuất ly ra khỏi nghi hoặc đã khởi lên. Vị ấy thiền tư không y chỉ[11] vào đất, thiền tư không y chỉ vào nước, thiền tư không y chỉ vào lửa, thiền tư không y chỉ vào gió, thiền tư không y chỉ vào Không vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Thức vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Vô sở hữu xứ, thiền tư không y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiền tư không y chỉ vào thế giới này, thiền tư không y chỉ vào thế giới sau, phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy tư, thiền tư không y chỉ vào cái ấy; tuy vậy, vị ấy vẫn có thiền tư. Lại nữa, này Saddha, với vị ấy thiền tư như vậy, chư thiên với Thiên chủ, các Phạm thiên với chúng Phạm thiên, dầu từ xa, đảnh lễ người hiền thiện thuần thục:

Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Con người hiền, thuần thục,

---

[10] Xem *GS*. II. 119.

[11] *Nā nissāya* hay *niyantiyā abhāveneva*, nghĩa là do không có sự chế ngự. Vị ấy chứng Niết-bàn với sự thành tựu các đề mục thiền định. Xem *AA*. V. 80.

Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Con người bậc thượng thủ,
Y chỉ gì Ngài thiền,
Chúng tôi không được biết?

Khi nghe nói như vậy, Tôn giả Saddha bạch Thế Tôn:

– Thiền tư như thế nào, bạch Thế Tôn, là người hiền thiện thuần thục thiền tư? Vị ấy thiền tư không y chỉ vào đất, thiền tư không y chỉ vào nước, thiền tư không y chỉ vào lửa, thiền tư không y chỉ vào gió, thiền tư không y chỉ vào Không vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Thức vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Vô sở hữu xứ, thiền tư không y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiền tư không y chỉ vào thế giới này, thiền tư không y chỉ vào thế giới sau, và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được tầm cầu, được đạt đến, được ý suy tư, vị ấy thiền tư, không y chỉ vào cái ấy; tuy vậy, vị ấy vẫn thiền tư. Thiền tư như thế nào, bạch Thế Tôn, là người hiền thiện thuần thục, khiến chư thiên với Thiên chủ, các Phạm thiên với chúng Phạm thiên, dầu từ xa, đảnh lễ người hiền thiện thuần thục:

Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Con người hiền, thuần thục,
Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Con người bậc thượng thủ,
Y chỉ gì Ngài thiền,
Chúng tôi không được biết?

– Ở đây này Saddha, với người hiền thiện thuần thục, tưởng đất trong đất được sáng tỏ, tưởng nước trong nước được sáng tỏ, tưởng gió trong gió được sáng tỏ, tưởng lửa trong lửa được sáng tỏ, tưởng Không vô biên xứ trong Không vô biên xứ được sáng tỏ, tưởng Thức vô biên xứ trong Thức vô biên xứ được sáng tỏ, tưởng Vô sở hữu xứ trong Vô sở hữu xứ được sáng tỏ, tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ được sáng tỏ, tưởng thế giới này trong thế giới này được sáng tỏ, tưởng thế giới sau trong thế giới sau được sáng tỏ, và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được tầm cầu, được đạt đến, được ý suy tư, tưởng ấy được sáng tỏ. Thiền tư như vậy, này Saddha, là người đã hiền thiện thuần thục, vị ấy thiền tư không y chỉ vào đất, thiền tư không y chỉ vào nước, thiền tư không y chỉ vào lửa, thiền tư không y chỉ vào gió, thiền tư không y chỉ vào Không vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Thức vô biên xứ, thiền tư không y chỉ vào Vô sở hữu xứ, thiền tư không y chỉ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thiền tư không y chỉ vào thế giới này, thiền tư không y chỉ vào thế giới sau, và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý suy tư, thiền tư không y chỉ vào cái ấy; tuy vậy, vị ấy vẫn thiền tư. Do thiền tư như vậy, này Saddha, là người hiền thiện thuần thục, khiến chư thiên với Thiên chủ, các Phạm thiên với chúng Phạm thiên dầu từ xa, đảnh lễ người hiền thiện thuần thục:

Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Con người hiền, thuần thục,
Chúng tôi đảnh lễ Ngài,
Con người bậc thượng thủ,
Y chỉ gì Ngài thiền,
Chúng tôi không được biết?

X. KINH RỪNG KHỔNG TƯỚC (*Moranivāpasutta*)[12] (*A*. V. 326)

10. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại chỗ nuôi dưỡng Khổng Tước ở khu vườn các du sĩ. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Thành tựu ba pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Vô học giới uẩn, vô học định uẩn, vô học tuệ uẩn.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.

Lại thành tựu ba pháp khác, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Biến hóa thần thông, Ký thuyết thần thông, Giáo hóa thần thông.

Thành tựu với ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.

Lại thành tựu ba pháp khác, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là ba? Với chánh tri kiến, với chánh trí, với chánh giải thoát.

Thành tựu ba pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.

Thành tựu hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người. Thế nào là hai? Với minh và với hạnh.

---

[12] Tham khảo: *A*. I. 291; III. 143; *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.925. 0235c06); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.149. 0429c11).

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh, cứu cánh an ổn khỏi các khổ ách, cứu cánh Phạm hạnh, cứu cánh mục đích, bậc Tối thượng giữa chư thiên và loài người.

Này các Tỷ-kheo, đây là những bài kệ do Phạm thiên Sanankumāra nói lên:

Sát-lỵ, chúng tối thắng,
Với người tin chủng tánh,
Bậc Minh Hạnh Đầy Đủ,
Tối thắng giữa nhân, thiên.

Này các Tỷ-kheo, những bài kệ này được khéo hát lên, không phải vụng hát, được khéo nói lên, không phải vụng nói, liên hệ đến mục đích, không phải không liên hệ đến mục đích và được Ta chấp nhận. Này các Tỷ-kheo, Ta cũng nói lên như vậy:

Sát-lỵ, chúng tối thắng,
Với người tin chủng tánh,
Bậc Minh Hạnh Đầy Đủ,
Tối thắng giữa nhân, thiên.



II. PHẨM TÙY NIỆM
(*ANUSSATIVAGGA*)

I. KINH MAHĀNĀMA THỨ NHẤT
(***Paṭhamamahānāmasutta***)[13] (*A*. V. 328)

11. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, ở khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Y làm xong, sau ba tháng, Thế Tôn sẽ bộ hành ra đi." Mahānāma dòng họ Thích được nghe: "Nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: 'Y làm xong, sau ba tháng, Thế Tôn sẽ bộ hành ra đi.'" Rồi Mahānāma dòng họ Thích[14] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahānāma dòng họ Thích bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghe nói, có nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Y làm xong, sau ba tháng, Thế Tôn sẽ bộ hành ra đi." Bạch Thế Tôn, giữa các người an trú với những an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú nào?

– Lành thay! Lành thay! Này Mahānāma, như vậy thật xứng đáng cho thiện nam tử các người, sau khi đến Như Lai, đã hỏi, như vậy: "Bạch Thế Tôn, giữa các người an trú với những an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú nào?"

Hãy nhập cuộc, này Mahānāma, với lòng tin, không phải với không lòng tin. Hãy nhập cuộc với tinh cần tinh tấn, không với biếng nhác. Hãy nhập cuộc với trú niệm, không với thất niệm. Hãy nhập cuộc với định, không với không định. Hãy nhập cuộc với trí tuệ, không với liệt tuệ.

Sau khi an trú trong năm pháp này, này Mahānāma, hãy tu tập thêm sáu pháp nữa.

Ở đây, này Mahānāma, ông hãy tùy niệm Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Này Mahānāma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh, tâm không bị sân ám ảnh, tâm không bị si ám ảnh, trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên Như Lai. Vị Thánh đệ tử, này Mahānāma, với tâm chánh trực, có được nghĩa tín thọ, có được pháp tín thọ, có được hân

---

[13] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.942. 0238b10); *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.157. 0433b10).
[14] Mahānāma được xem là vị Cư sĩ Bố thí đệ nhất.

hoan liên hệ đến pháp. Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Này Mahānāma, như vậy gọi là bậc Thánh đệ tử sống đạt được bình đẳng với chúng sanh không bình đẳng, sống đạt được vô sân với chúng sanh có sân, nhập được pháp lưu, tu tập Phật tùy niệm.

Lại nữa, này Mahānāma, ông hãy tùy niệm Pháp: "Khéo thuyết là pháp Thế Tôn thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu." Này Mahānāma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh, tâm không bị sân ám ảnh, tâm không bị si ám ảnh, trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên pháp. Vị Thánh đệ tử, này Mahānāma, với tâm chánh trực, có được nghĩa tín thọ, có được pháp tín thọ, có được hân hoan liên hệ đến pháp. Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Này Mahānāma, như vậy gọi là bậc Thánh đệ tử sống đạt được bình đẳng với chúng sanh không bình đẳng, sống đạt được vô sân với chúng sanh có sân, nhập được pháp lưu, tu tập Pháp tùy niệm.

Lại nữa, này Mahānāma, ông hãy tùy niệm Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Ưng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn, tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn là đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là vô thượng phước điền ở đời." Này Mahānāma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Tăng, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh, tâm không bị sân ám ảnh, tâm không bị si ám ảnh, trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên Tăng. Vị Thánh đệ tử, này Mahānāma, với tâm chánh trực, có được nghĩa tín thọ, có được pháp tín thọ, có được hân hoan liên hệ đến pháp. Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Này Mahānāma, như vậy gọi là bậc Thánh đệ tử sống đạt được bình đẳng với chúng sanh không bình đẳng, sống đạt được vô sân với chúng sanh có sân, nhập được pháp lưu, tu tập Tăng tùy niệm.

Lại nữa, này Mahānāma, ông hãy tùy niệm giới của mình: "Không có bể vụn, không có cắt xén, không có vết nhơ, không có chấm đen, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp trước, đi đến thiền định." Này Mahānāma, khi nào bậc Thánh đệ tử tùy niệm giới... trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên giới... nhập được pháp lưu, tu tập giới tùy niệm.

Lại nữa, này Mahānāma, ông hãy tùy niệm thí của mình:[15] "Thật là được lợi cho ta! Thật là khéo được lợi cho ta! [Vì rằng] với quần chúng bị cấu uế, xan tham chi phối, ta sống trong gia đình với tâm không bị cấu uế, xan tham chi phối, bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí." Này Mahānāma, khi nào bậc Thánh đệ

[15] Lời khuyên tương tự cho Mahānāma được đề cập trong *S.* V. 395.

tử tùy niệm thí... trong khi ấy, tâm được chánh trực nhờ duyên thí... nhập được pháp lưu,[16] tu tập tùy niệm thí.

Lại nữa, này Mahānāma, ông hãy tùy niệm thiên: "Có Bốn Thiên Vương thiên, có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba, có chư thiên Dạ-ma, có chư thiên Đâu-suất, có chư thiên Hóa Lạc, có chư thiên Tha Hóa Tự Tại, có chư thiên Phạm Chúng, có chư thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; lòng tin như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với giới như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; giới như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy, chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy, chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; thí như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với tuệ như vậy, chư thiên ấy sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; tuệ như vậy cũng có đầy đủ nơi ta." Trong khi vị ấy tùy niệm tín, giới, nghe pháp, thí và tuệ của tự mình và chư thiên ấy; trong khi ấy, tâm vị ấy không bị tham ám ảnh, tâm vị ấy không bị sân ám ảnh, không bị si ám ảnh; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực nhờ duyên chư thiên... nhập được pháp lưu, tu tập chư thiên tùy niệm.

II. KINH MAHĀNĀMA THỨ HAI (*Dutiyamahānāmasutta*)[17] (*A*. V. 332)

12. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ, Mahānāma dòng họ Thích, mới khỏi bệnh, khỏi bệnh không bao lâu. Lúc bấy giờ, nhiều Tỷ-kheo đang may y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Y làm xong, Thế Tôn sẽ ra đi, bộ hành..." (Như kinh 11). "Khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tùy niệm Phật này, này Mahānāma, ông cần phải tu tập khi đi, ông cần phải tu tập khi đứng, ông cần phải tu tập khi ngồi, ông cần phải tu tập khi nằm, ông cần phải tu tập khi chú tâm vào các công việc, ông cần phải tu tập khi ông sống tại trú xứ đầy những con nít."

Lại nữa, này Mahānāma, ông cần phải tu tập tùy niệm Pháp... tùy niệm Tăng... tùy niệm giới của mình... tùy niệm thí của mình... tùy niệm chư thiên: "Có Bốn Thiên Vương thiên, có chư thiên cõi trời Ba Mươi Ba; có chư thiên Dạ-ma, có chư thiên Đâu-suất, có chư thiên Hóa Lạc, có chư thiên Tha Hóa Tự Tại, có chư thiên Phạm Chúng, có chư thiên cao hơn nữa. Đầy đủ với lòng tin như vậy, chư thiên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh tại chỗ kia; lòng tin như vậy cũng có đầy đủ nơi ta. Đầy đủ với nghe pháp như vậy, chư thiên ấy, sau khi chết ở chỗ này, được sanh tại chỗ kia; nghe pháp như vậy cũng có đầy đủ ở nơi ta. Đầy đủ với thí như vậy... Đầy đủ với trí tuệ như vậy, chư thiên ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh tại chỗ kia; trí tuệ như vậy cũng có đầy đủ ở nơi ta." Trong khi vị ấy tùy niệm tín, giới, nghe pháp, thí, tuệ của tự mình và chư thiên ấy, trong khi ấy, tâm không bị tham ám ảnh; trong khi ấy, tâm không bị sân ám ảnh; trong khi ấy, tâm không bị si ám ảnh; trong khi ấy,

[16] Có chỗ gọi là "pháp nhĩ", như trong *GS*. III. 206; có chỗ gọi là "pháp lưu", như trong *GS*. III. 248.
[17] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.933. 0238c09).

tâm vị ấy được chánh trực nhờ duyên chư thiên. Này Mahānāma, vị Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, có được nghĩa tín thọ, có được pháp tín thọ, có được hân hoan liên hệ đến pháp. Khi có hân hoan, hỷ sanh; khi có hỷ, thân được khinh an; khi thân khinh an, cảm giác lạc thọ; khi có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Tùy niệm chư thiên này, này Mahānāma, ông cần phải tu tập khi đi, ông cần phải tu tập khi đứng, ông cần phải tu tập khi ngồi, ông cần phải tu tập khi nằm, ông cần phải tu tập khi chú tâm vào các công việc, ông cần phải tu tập, khi ông sống tại trú xứ đầy những con nít.

III. KINH NANDIYA (*Nandiyasutta*)[18] (*A*. V. 334)

13. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, khu vườn Nigrodha. Lúc bấy giờ, Thế Tôn muốn an cư vào mùa mưa tại Sāvatthi. Nandiya, dòng họ Thích, được nghe: "Thế Tôn muốn an cư vào mùa mưa tại Sāvatthi." Nandiya, dòng họ Thích, suy nghĩ như sau: "Ta hãy đến trú ở Sāvatthi vào mùa mưa. Tại đây, ta sẽ chăm lo công việc, và thỉnh thoảng có dịp được yết kiến Thế Tôn." Rồi Thế Tôn đến trú ở Sāvatthi trong mùa mưa; Nandiya, dòng họ Thích, cũng đến trú ở Sāvatthi vào mùa mưa, tại đấy chăm lo công việc, và thỉnh thoảng có dịp được yết kiến Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, nhiều vị Tỷ-kheo làm y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ bộ hành ra đi." Nandiya, dòng họ Thích, được nghe: "Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ bộ hành ra đi." Nandiya, dòng họ Thích, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Nandiya, dòng họ Thích, bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con nghe nói, nhiều Tỷ-kheo làm y cho Thế Tôn, nghĩ rằng: "Khi y làm xong, Thế Tôn sau ba tháng sẽ bộ hành ra đi." Bạch Thế Tôn, giữa những người an trú với các an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú của ai?

– Lành thay! Lành thay! Này Nandiya, như vậy thật xứng đáng cho thiện nam tử các ông, sau khi đi đến Như Lai, đã hỏi như vậy: "Bạch Thế Tôn, giữa những người an trú với các an trú khác nhau, chúng con nên an trú với an trú của ai?" Này Nandiya, hãy nhập cuộc với lòng tin, không phải với không có lòng tin. Hãy nhập cuộc với có giới, không phải với không giới.[19] Hãy nhập cuộc với tinh cần tinh tấn, không với biếng nhác. Hãy nhập cuộc với trú niệm, không với thất niệm. Hãy nhập cuộc với định, không phải với không định. Hãy nhập cuộc với trí tuệ, không với liệt tuệ. Sau khi an trú trong sáu pháp, này Nandiya, hãy tu tập thêm nữa năm pháp này.

Ở đây, này Nandiya, ông hãy tùy niệm Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô

---

[18] Tham chiếu: *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.858. 0218b13); *Phật thuyết Nan-đề thích kinh* 佛說難提釋經 (*T*.02. 113. 0505b18).

[19] Pháp này được thêm vào, khác với kinh trước.

Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn." Như vậy, này Nandiya, duyên vào Như Lai, ông hãy an trú niệm trong nội tâm.

Lại nữa, này Nandiya, ông phải tùy niệm Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo nói, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu." Như vậy, này Nandiya, duyên vào pháp, ông hãy an trú niệm trong nội tâm.

Lại nữa, này Nandiya, ông cần phải tùy niệm bạn lành: "Thật có lợi cho ta! Thật khéo có lợi cho ta, rằng ta có các bạn lành biết thương mến ta, muốn ta được lợi ích, giáo giới giảng dạy." Như vậy, này Nandiya, duyên vào bạn lành, ông hãy an trú niệm trong nội tâm.

Lại nữa, này Nandiya, ông cần phải tùy niệm thí của mình: "Thật có lợi cho ta! Thật khéo có lợi cho ta, rằng ta sống an trú với tâm ly cấu uế, xan tham, cùng với quần chúng bị xan tham ám ảnh, ta bố thí rộng rãi với bàn tay sạch sẽ, ưa thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, ưa thích phân phát vật bố thí." Này Nandiya, như vậy duyên vào thí, ông hãy an trú niệm trong nội tâm.

Lại nữa, này Nandiya, hãy tùy niệm chư thiên: "Các chư thiên ấy, vượt qua sự cộng trú với chư thiên dùng các món ăn đoàn thực,[20] được sanh với thân do ý tác thành, các chư thiên ấy quán thấy tự mình không có gì nữa phải làm, không cần phải làm lại những gì đã làm. Ví như, này Nandiya, Tỷ-kheo được phi thời giải thoát[21] quán thấy tự mình không có gì nữa phải làm, không cần phải làm lại những gì đã làm. Cũng vậy, này Nandiya, các chư thiên ấy vượt qua sự cộng trú với chư thiên dùng các món ăn đoàn thực, được sanh với thân do ý tác thành, các chư thiên ấy quán thấy tự mình không có gì nữa phải làm, không cần phải làm lại những gì đã làm." Như vậy, này Nandiya, duyên vào chư thiên, ông hãy an trú niệm trong nội tâm.

Thành tựu mười một pháp này, này Nandiya, vị Thánh đệ tử từ bỏ các ác, bất thiện pháp, không chấp thủ chúng. Ví như, này Nandiya, một cái ghè bị úp ngược, nước đã đổ ra, không thể đem hốt lại. Ví như ngọn lửa đốt một khóm rừng đầy cỏ khô đã được cháy lan tới, không có trở lui đốt lại vật đã bị cháy. Cũng vậy, này Nandiya, thành tựu mười một pháp này, vị Thánh đệ tử từ bỏ các ác, bất thiện pháp, không có chấp thủ chúng.

IV. KINH SUBHŪTI (*Subhūtisutta*) (*A*. V. 337)

14. Rồi Tôn giả Subhūti,[22] cùng với một Tỷ-kheo có lòng tin đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Subhūti đang ngồi một bên:

---

[20] Tham khảo: *A*. III. 379 viết *katassa paṭicayo natthi, karaṇīyaṃ na vijjati*. *A*. IV. 355 viết *natthi kiñci uttari karaṇīyaṃ, natthi katassa paṭicayo*. *UdA*. 218 viết *na hi bhāvitamaggo puna bhāvīyati.*

[21] *AA*. V. 82: *Asamayavimuttoti asamayavimuttiyā vimutto khīṇāsavo* ("Được phi thời giải thoát" nghĩa là được giải thoát, lậu tận nhờ "phi thời giải thoát"). Xem *A*. III. 173; *SA*. I. 182-83.

[22] Em trai của ông Anāthapiṇḍika. Xem *Pss*. *Breth*. 4. *Chú giải* cho rằng Tôn giả còn có tên Saddha là cháu của ông Anāthapiṇḍika. Xem *S*. II. 153.

– Này Subhūti, Tỷ-kheo này là ai?

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này là [Saddha] người có lòng tin, con một nam cư sĩ có lòng tin, đã vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

– Này Subhūti, Tỷ-kheo có lòng tin này, con một nam cư sĩ có lòng tin, đã xuất gia vì lòng tin, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, người ấy có được thấy là sống trong những tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin không?

– Bạch Thế Tôn, nay là thời cho vấn đề này! Bạch Thiện Thệ, nay là thời cho vấn đề này, để Thế Tôn thuyết các tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin, nay con sẽ biết được: "Vị Tỷ-kheo này có được thấy là sống trong những tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin hay không?"

– Vậy này Subhūti, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Subhūti vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Ở đây, này Subhūti, Tỷ-kheo có giới,[23] sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp. Này Subhūti, vị Tỷ-kheo nào có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp, này Subhūti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin.

Lại nữa, này Subhūti, Tỷ-kheo nghe nhiều, thọ trì những gì đã nghe, tích tập những gì đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã thọ trì, đã tụng đọc bằng lời, đã quán sát với ý, đã khéo thể nhập với chánh kiến. Này Subhūti, Tỷ-kheo nào nghe nhiều... với chánh kiến, này Subhūti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin.

Lại nữa, này Subhūti, Tỷ-kheo làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu. Này Subhūti, Tỷ-kheo nào làm bạn với thiện hữu, thân với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu, này Subhūti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin.

Lại nữa, này Subhūti, Tỷ-kheo là người dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới. Này Subhūti, Tỷ-kheo nào dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới, này Subhūti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin.

Lại nữa, này Subhūti, Tỷ-kheo phàm có những công việc gì cần phải làm, hoặc lớn, hoặc nhỏ, đối với các vị đồng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy khéo léo và tinh cần, thành tựu sự quán sát các phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức.

[23] Như *A*. V. 340; *GS*. V. 219 (kinh 17 ở sau).

Này Subhūti, Tỷ-kheo nào, phàm có những công việc gì... vừa đủ để tổ chức, này Subhūti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin.

Lại nữa, này Subhūti, Tỷ-kheo ưa pháp, lời nói dễ thương, hân hoan lớn trong Thắng pháp, trong Thắng luật. Này Subhūti, phàm Tỷ-kheo nào ưa pháp, lời nói dễ thương, hân hoan lớn trong Thắng pháp, trong Thắng luật, này Subhūti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin.

Lại nữa, này Subhūti, Tỷ-kheo sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp. Này Subhūti, phàm vị Tỷ-kheo nào sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các thiện pháp, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp, này Subhūti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin.

Lại nữa, này Subhūti, Tỷ-kheo đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Này Subhūti, phàm vị Tỷ-kheo đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức, này Subhūti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin.

Lại nữa, này Subhūti, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, sáu đời, bảy đời, tám đời, chín đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây." Như vậy, vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Này Subhūti, phàm Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời... vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết, này Subhūti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của một người có lòng tin.

Lại nữa, này Subhūti, Tỷ-kheo với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ngữ và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mệnh chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, ngữ và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến; những người này sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời,

cõi đời này. Này Subhūti, phàm Tỷ-kheo với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang; người đẹp đẽ, kẻ thô xấu; người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ... này Subhūti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của người có lòng tin.

Lại nữa, này Subhūti, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Này Subhūti, Tỷ-kheo do đoạn diệt các lậu hoặc... này Subhūti, đây là tiêu chuẩn về lòng tin của người có lòng tin.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Subhūti bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, các tiêu chuẩn về lòng tin của người có lòng tin này được Thế Tôn thuyết giảng là có trong Tỷ-kheo này, và Tỷ-kheo này được thấy là có chúng. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này là có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu học trong các học pháp. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này nghe nhiều, thọ trì những gì đã nghe, chất chứa, tích tập những gì đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, đề cao đời sống Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh; những pháp ấy, vị ấy đã nghe nhiều, đã thọ trì, đã tụng đọc bằng lời, đã quán sát với ý, đã khéo thể nhập với chánh kiến. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này làm bạn với thiện hữu, thân hữu với thiện hữu, giao thiệp với thiện hữu. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này là người dễ nói, thành tựu những pháp tác thành người dễ nói, kham nhẫn và khéo chấp nhận những lời giáo giới. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này, phàm có những công việc gì cần phải làm, hoặc lớn, hoặc nhỏ, đối với các vị đồng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy khéo léo và tinh cần, thành tựu sự quán sát các phương tiện vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này ưa pháp, lời nói dễ thương, hân hoan lớn trong Thắng pháp, Thắng luật. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này sống tinh cần tinh tấn, đoạn trừ các pháp bất thiện, làm cho đầy đủ các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không bỏ rơi gánh nặng đối với các thiện pháp. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này, đối với bốn thiền thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này nhớ đến nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời... nhớ đến nhiều đời sống quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân... rõ biết các chúng sanh, tùy theo hạnh nghiệp của họ. Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này do đoạn diệt các lậu hoặc... chứng ngộ, chứng đạt và an trú Vô lậu tâm giải thoát, Tuệ giải thoát. Bạch Thế Tôn, các tiêu chuẩn về lòng tin này được Thế Tôn thuyết giảng là có trong Tỷ-kheo này, và Tỷ-kheo này được thấy là có chúng.

– Lành thay! Lành thay! Này Subhūti, ông hãy an trú với Tỷ-kheo có lòng tin này. Khi nào, này Subhūti, ông muốn yết kiến Như Lai, hãy cùng với Tỷ-kheo có lòng tin này đi đến yết kiến Như Lai.

V. KINH TỪ TÂM (*Mettāsutta*)[24] (*A*. V. 342)

15. Này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được thành thạo, được thông suốt, được điêu luyện, được thiện xảo, được vững vàng, thời được chờ đợi là mười một lợi ích. Thế nào là mười một?

Ngủ an lạc; thức an lạc; không ác mộng; được loài người ái mộ; được phi nhân ái mộ; chư thiên bảo hộ; không bị lửa, thuốc độc, kiếm xúc chạm; tâm được định mau chóng; sắc mặt trong sáng; mệnh chung không hôn ám; nếu chưa thể nhập Thượng pháp (A-la-hán quả), được sanh lên Phạm thiên giới.

Này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được thành thạo, được thông suốt, được điêu luyện, được thiện xảo, được vững vàng, thời được chờ đợi là mười một lợi ích này.

VI. KINH GIA CHỦ Ở THÀNH AṬṬHAKA (*Aṭṭhakanāgarasutta*)[25] (*A*. V. 342)

16. Một thời, Tôn giả Ānanda trú ở Vesāli, tại Beluvagāmaka.[26] Lúc bấy giờ, gia chủ Dasama, trú ở thành Aṭṭhaka, đã đi đến Pāṭaliputta vì một vài công việc. Rồi gia chủ Dasama, dân ở thành Aṭṭhaka đi đến một Tỷ-kheo; sau khi đến, thưa với Tỷ-kheo ấy:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả Ānanda nay trú ở đâu? Thưa Tôn giả, con muốn yết kiến Tôn giả Ānanda.

– Này gia chủ, Tôn giả Ānanda nay trú ở Vesāli, tại Beluvagāmaka.

Rồi gia chủ Dasama, dân ở thành Aṭṭhaka, sau khi làm công việc xong ở Pāṭaliputta, đi đến Vesāli, Beluvagāmaka, đi đến Tôn giả Ānanda; sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Dasama, dân ở thành Aṭṭhaka, thưa với Tôn giả Ānanda:

– Có một pháp nào, thưa Tôn giả Ānanda, được Thế Tôn, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khéo nói, chính ở nơi đây, Tỷ-kheo trú không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần, sẽ giải thoát tâm chưa được giải thoát, hay sẽ đưa đến chấm dứt các lậu hoặc chưa được đoạn tận, hay đạt được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được?

– Này gia chủ, có một pháp, được Thế Tôn, bậc Đã Biết... hay đạt được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được.

– Nhưng thưa Tôn giả Ānanda, một pháp ấy là gì, được Thế Tôn, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác khéo thuyết, chính ở nơi đây, Tỷ-kheo trú không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần, sẽ giải thoát tâm chưa

---

[24] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.10. 0806a17); *Phật thuyết Thập nhất tưởng tư niệm Như Lai kinh* 佛說十一想思念如來經 (*T*.02. 0138. 0861a11).

[25] Xem *M*. I. 349, *Aṭṭhakanāgara Sutta*. Tham chiếu: *Bát thành kinh* 八城經 (*T*.01. 0026.217. 0802a11); *Thập chi cư sĩ bát thành nhân kinh* 十支居士八城人經 (*T*.01. 0092. 0916a17);

[26] *Chú giải*: Một làng ở dưới núi phía Nam thành Vesāli.

được giải thoát, hay sẽ đưa đến chấm dứt các lậu hoặc chưa được đoạn tận, hay đạt được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được?

– Ở đây, này gia chủ, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ấy quán sát như sau: "Thiền thứ nhất này thuộc tăng thượng tác thành, thuộc tăng thượng tâm." Phàm cái gì thuộc tăng thượng tác thành, thuộc tăng thượng tâm, vị ấy quán tri: "Cái gì là vô thường, chịu sự đoạn diệt." Vị ấy an trú ở đây, đạt được sự đoạn diệt các lậu hoặc. Nếu không đạt được sự đoạn diệt các lậu hoặc, với tham ái ấy đối với pháp, với hoan hỷ ấy đối với pháp,[27] với sự đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, tại đấy nhập Niết-bàn, không còn phải trở lui thế giới này nữa. Này gia chủ, đây là một pháp này, được Thế Tôn, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được.

Lại nữa, này gia chủ, Tỷ-kheo làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... và an trú Thiền thứ ba... và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy quán sát như sau: "Thiền thứ tư này thuộc tăng thượng tác thành, thuộc tăng thượng tâm." Phàm cái gì... không còn phải trở lui thế giới này nữa. Này gia chủ, đây là một pháp này, được Thế Tôn, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được.

Lại nữa, này gia chủ, Tỷ-kheo với tâm câu hữu với từ, an trú, biến mãn một phương; như vậy phương thứ hai, như vậy phương thứ ba, như vậy phương thứ tư,[28] như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy quán sát như sau: "Từ tâm giải thoát này thuộc tăng thượng tác thành, thuộc tăng thượng tâm." Phàm cái gì... không còn trở lui thế giới này nữa. Này gia chủ, đây là một pháp, được Thế Tôn, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được.

Lại nữa, này gia chủ, Tỷ-kheo với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... với tâm câu hữu với xả, an trú, biến mãn một phương; như vậy phương thứ hai, như vậy phương thứ ba, như vậy phương thứ tư, như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú, biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy quán sát như sau: "Xả tâm giải thoát này thuộc tăng thượng tác thành, thuộc tăng thượng tâm." Phàm cái gì... không còn trở

---

[27] *AA*. V. 85: *Dhammarāgena dhammanandiyāti padadvayenapi samathavipassanāsu chandarāgo vutto. Samathavipassanāsu hi sabbena sabbaṃ chandarāgaṃ pariyādiyituṃ sakkonto arahā hoti, asakkonto anāgāmī hoti* ("Với tham ái đối với pháp, với hoan hỷ đối với pháp" ý nói tham muốn thiền chỉ và thiền quán bởi 2 cách thức. Bậc A-la-hán có khả năng đoạn trừ hoàn toàn mọi tham muốn nhờ nơi thiền chỉ và thiền quán; bậc Bất Lai thì không thể).

[28] Xem *A*. V. 294; *GS*. V. 192 (kinh 208 ở trước).

lui thế giới này nữa. Này gia chủ, đây là một pháp, được Thế Tôn, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được.

Lại nữa, này gia chủ, Tỷ-kheo vượt qua một cách hoàn toàn các sắc tưởng, chấm dứt các tưởng chướng ngại, không tác ý các tưởng sai biệt, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Vị ấy quán sát như sau: "Chứng đắc Không vô biên xứ này thuộc tăng thượng tác thành, thuộc tăng thượng tâm." Phàm cái gì... không còn trở lui thế giới ấy nữa. Này gia chủ, đây là một pháp, được Thế Tôn, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được.

Lại nữa, này gia chủ, sau khi vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ... sau khi vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Vô sở hữu xứ", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Vị ấy quán sát như sau: "Chứng đắc Vô sở hữu xứ này thuộc tăng thượng tác thành, thuộc tăng thượng tâm." Phàm cái gì... không còn trở lui thế giới ấy nữa. Này gia chủ, đây là một pháp, được Thế Tôn, bậc Đã Biết, bậc Đã Thấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác... vô thượng an ổn khỏi các khổ ách chưa đạt được.

Khi nghe nói vậy, gia chủ Dasama, dân ở thành Aṭṭhaka, thưa với Tôn giả Ānanda:

– Thưa Tôn giả Ānanda, ví như một người tìm một cái cửa vào chỗ chôn cất, trong một lúc tìm ra được mười một cái cửa; cũng vậy, thưa Tôn giả, trong khi đi tìm một cửa bất tử, trong một lúc con tìm ra mười một cái cửa bất tử. Ví như, thưa Tôn giả, trong một ngôi nhà chỉ có một cái cửa, và nhà ấy bị cháy, người ấy chỉ có thể ra bằng một cửa để có thể được an toàn cho mình; cũng vậy, thưa Tôn giả, với mười một cửa bất tử này, con có thể tạo được sự an toàn cho con với chỉ một cửa bất tử. Thưa Tôn giả, đệ tử các ngoại đạo còn tìm cầu tiền của cúng dường cho vị thầy của mình, sao con lại không đảnh lễ cúng dường cho Tôn giả Ānanda!

Rồi gia chủ Dasama, dân ở thành phố Aṭṭhaka, thỉnh cúng các Tỷ-kheo ở Vesāli và Pāṭaliputta với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, tự tay dâng cúng cho đến khi chúng Tăng được thỏa mãn và cúng một đôi y cho mỗi Tỷ-kheo. Nhưng riêng đối với Tôn giả Ānanda, vị ấy cúng ba y đầy đủ và xây dựng một ngôi tinh xá giá trị năm trăm đồng tiền.

VII. KINH NGƯỜI CHĂN BÒ (*Gopālasutta*)[29] (*A*. V. 347)

17. Thành tựu mười một chi phần, này các Tỷ-kheo, một người chăn bò không thể lãnh đạo đàn bò và khiến đàn bò được tăng trưởng. Thế nào là mười một?

---

[29] Xem *M*. 33, *Mahāgopālaka Sutta* (*Đại kinh Người chăn bò*), *M*. I. 220. Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.49.1. 0704a07); *Phật thuyết Phóng ngưu kinh* 佛說放牛經 (*T*.02. 0123. 0546a13); *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1249. 0342c11); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.2. 0074a23).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chăn bò không biết sắc; không thiện xảo trong tướng; không trừ khử trứng ruồi; không băng bó vết thương; không có xông khói; không biết chỗ nước có thể lội qua; không biết chỗ nước uống được; không biết đường; không thiện xảo chỗ bò có thể ăn; nặn sữa đến kiệt quệ; đối với các con bò đực, con bò cha, con bò lãnh đạo, không có đặc biệt kính trọng.

Thành tựu mười một chi phần này, người chăn bò không thể lãnh đạo đàn bò và khiến đàn bò được tăng trưởng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu mười một pháp này, Tỷ-kheo không thể được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng rãi trong Pháp và Luật này. Thế nào là mười một?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không biết sắc; không thiện xảo trong tướng; không trừ khử trứng ruồi; không băng bó vết thương; không có xông khói; không biết chỗ nước có thể lội qua; không biết chỗ nước uống được; không biết đường; không thiện xảo chỗ bò có thể ăn; nặn sữa đến kiệt quệ; đối với Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, không có đặc biệt kính trọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không biết sắc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, phàm sắc gì do bốn đại hay do bốn đại tác thành, vị ấy không như thật quán tri sắc ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không biết sắc.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo không thiện xảo trong các tướng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không như thật quán tri nghiệp tướng của người ngu, nghiệp tướng của người trí. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không thiện xảo trong các tướng.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo không trừ khử trứng ruồi?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với dục tầm được khởi lên, chấp nhận, không từ bỏ, không tẩy sạch, không chấm dứt, không đưa đến không thể tái sanh … đối với sân tầm được khởi lên... đối với hại tầm được khởi lên, chấp nhận, không từ bỏ, không tẩy sạch, không chấm dứt, không đưa đến không thể tái sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không trừ khử trứng các loài ruồi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không có băng bó vết thương?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc,[30] nắm giữ tướng chung, nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến tham, ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo không tự chế ngự nguyên nhân ấy, không hộ trì nhãn căn, không thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức các pháp, vị ấy nắm giữ tướng chung, nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo

[30] Xem *A*. II. 16; *D*. I. 70; *KS*. IV. 63.

không chế ngự nguyên nhân ấy, không hộ trì ý căn, không thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không băng bó vết thương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không xông khói?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thuyết pháp rộng rãi cho các người khác như đã được nghe, như đã được hiểu biết. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không xông khói.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo không biết chỗ nước có thể lội qua?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều,[31] được trao truyền giáo điển, là bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, Tỷ-kheo thỉnh thoảng đến thăm những vị ấy, nhưng không đặt câu hỏi, không thẩm vấn: "Thưa Tôn giả, vấn đề này thế nào? Nghĩa vấn đề này là gì?" Các vị Tôn giả ấy không có khai mở những gì chưa khai mở, không có hiển lộ những gì chưa hiển lộ, không có tẩy sạch sự nghi ngờ đối với các pháp còn chỗ nghi ngờ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không biết chỗ nước có thể lội qua được.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không biết chỗ nước uống?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, không chứng được nghĩa tín thọ,[32] không chứng được pháp tín thọ, không được hân hoan liên hệ đến pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không biết chỗ nước uống.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không rõ biết con đường?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không như thật quán tri con đường Thánh đạo tám ngành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo không rõ biết con đường.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo không thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không như thật quán tri bốn niệm xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo nặn sữa bò cho đến khô kiệt?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi các tín nam, tín nữ cúng dường, đem lại hết sức đầy đủ các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, ở đây, Tỷ-kheo không biết thâu nhận vừa phải. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo nặn sữa bò đến khô kiệt.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào, đối với các Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, không có đặc biệt kính trọng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào là bậc trưởng lão, kỳ cựu, xuất

---

[31] Xem *GS*. I. 101.

[32] *Atthaveda* và *dhammaveda = somanassa. MA*. I. 173 viết *vedoti ganthopi ñāṇampi somanassampi*, nghĩa là lòng tin bất động. Xem *A*. V. 328; *GS*. V. 209 (kinh 12 ở trước).

gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, đối với các vị ấy, không có đối xử với từ thân hành, trước mặt và sau lưng... với từ khẩu hành... với từ ý hành, trước mặt và sau lưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, là bậc cha trong Tăng chúng, là bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, đối với các vị ấy không có đặc biệt tôn kính.

Thành tựu mười một pháp này, Tỷ-kheo không thể tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng rãi trong Pháp và Luật này.

Thành tựu mười một chi phần, này các Tỷ-kheo, người chăn bò có thể lãnh đạo đàn bò và khiến đàn bò được tăng trưởng. Thế nào là mười một?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chăn bò biết sắc; thiện xảo trong tướng; trừ khử trứng ruồi; băng bó vết thương; có xông khói; biết chỗ nước có thể lội qua; biết chỗ nước uống được; biết đường; thiện xảo chỗ bò có thể ăn; không nặn sữa đến kiệt quệ; đối với các con bò đực, con bò cha, con bò lãnh đạo, có đặc biệt quý trọng.

Thành tựu mười một chi phần này, người chăn bò có thể lãnh đạo đàn bò và khiến đàn bò được tăng trưởng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu mười một pháp này, Tỷ-kheo có thể được tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng rãi trong Pháp và Luật này. Thế nào là mười một?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết sắc; thiện xảo trong tướng; trừ khử trứng ruồi; băng bó vết thương; có xông khói; biết chỗ nước có thể lội qua; biết chỗ nước uống được; biết đường; thiện xảo chỗ bò có thể ăn; không nặn sữa đến kiệt quệ; đối với với Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, có đặc biệt kính trọng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết sắc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, phàm sắc gì do bốn đại hay do bốn đại tác thành, vị ấy như thật quán tri sắc ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết sắc.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo trong các tướng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri nghiệp tướng của người ngu, nghiệp tướng của người trí. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thiện xảo trong các tướng.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo trừ khử trứng ruồi?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với dục tầm được khởi lên, không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đưa đến không thể tái sanh… đối với sân tầm được khởi lên... đối với hại tầm được khởi lên, không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đưa đến không thể tái sanh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo trừ khử trứng ruồi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo băng bó vết thương?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến tham, ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn. Khi tai nghe tiếng... Khi mũi ngửi hương... Khi lưỡi nếm vị... Khi thân cảm xúc... Khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn được chế ngự, khiến tham ưu, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo băng bó vết thương.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo xông khói?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thuyết pháp rộng rãi cho các người khác, như đã được nghe, như đã được hiểu biết. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo xông khói.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo biết chỗ nước có thể lội qua?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo nghe nhiều, được trao truyền giáo điển, là bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu, Tỷ-kheo thỉnh thoảng đến thăm những vị ấy, đặt câu hỏi, thẩm vấn: “Thưa Tôn giả, vấn đề này thế nào? Nghĩa vấn đề này là gì?” Các vị Tôn giả ấy có khai mở những gì chưa khai mở, hiển lộ những gì chưa hiển lộ, tẩy sạch nghi vấn trong những vấn đề còn nghi vấn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo biết chỗ nước có thể lội qua.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo biết chỗ nước uống được?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, chứng được nghĩa tín thọ, chứng được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo biết chỗ nước uống được.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo rõ biết con đường?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri con đường Thánh đạo tám ngành. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo rõ biết con đường.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thật quán tri bốn niệm xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo nặn sữa bò còn để sữa lại?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, khi các tín nam, tín nữ cúng dường, đem lại hết sức đầy đủ các vật dụng như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, ở đây, Tỷ-kheo biết thâu nhận vừa phải. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo nặn sữa bò còn để sữa lại.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào, đối với các Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, có đặc biệt kính trọng?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào là bậc trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, đối với các vị ấy, có đối xử với từ thân hành, trước mặt và sau lưng... với từ khẩu hành... với từ ý hành, trước mặt và sau lưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đối với các Tỷ-kheo trưởng lão, kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, bậc cha trong Tăng chúng, bậc lãnh đạo trong Tăng chúng, đối với các vị ấy, có đặc biệt tôn kính.

Thành tựu mười một pháp này, Tỷ-kheo có thể tăng trưởng, tăng thịnh, tăng rộng rãi trong Pháp và Luật này.

VIII. KINH THIỀN ĐỊNH THỨ NHẤT (*Paṭhamasamādhisutta*) (*A*. V. 353)

18. Bấy giờ, có một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có thể chăng một Tỷ-kheo chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đến lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại có thể không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau có thể không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Này các Tỷ-kheo, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước; trong lửa không tưởng đến lửa; trong gió không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

– Nhưng bạch Thế Tôn, như thế nào một Tỷ-kheo khi chứng được Thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước... trong thế giới đời sau không tưởng đến thế giới đời sau; và trong những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý suy tư, tại đấy, vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

IX. KINH THIỀN ĐỊNH THỨ HAI (*Dutiyasamādhisutta*) (*A*. V. 354)

19. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước có thể không tưởng đến nước; trong lửa có thể không tưởng đến lửa; trong gió có thể không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ có thể không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ có thể không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ có thể không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ có thể không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại có thể không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau có thể không tưởng đến thế giới đời sau; và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý suy tư, tại đấy vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... được ý suy tư, tại đấy vị ấy không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

– Như thế nào, bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... được ý suy tư, tại đấy vị ấy không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất; trong nước không tưởng đến nước... được ý suy tư, tại đấy vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

X. KINH THIỀN ĐỊNH THỨ BA (*Tatiyasamādhisutta*) (*A*. V. 356)

20. Bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo nói với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể chăng một Tỷ-kheo chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất;… trong những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý suy tư, tại đấy, vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Này chư Hiền, có thể như vậy, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất;… trong những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý suy tư, tại đấy, vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

– Nhưng thưa Tôn giả Sāriputta, như thế nào một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất;… trong những gì

được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý suy tư, tại đấy, vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này chư Hiền, Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất;… trong những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý suy tư, tại đấy, vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

XI. KINH THIỀN ĐỊNH THỨ TƯ (*Catutthasamādhisutta*) (*A*. V. 357)

21. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta nói với các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền, có thể chăng một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định... được ý suy tư, tại đấy vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Thưa Hiền giả, chúng tôi từ xa đi đến để được biết ý nghĩa của lời nói này từ Tôn giả Sāriputta. Lành thay, nếu ý nghĩa lời nói này được Tôn giả Sāriputta nói lên! Sau khi nghe Tôn giả Sāriputta nói, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này chư Hiền, hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này các Hiền giả, Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... được ý suy tư, tại đấy vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

– Như thế nào, thưa Hiền giả Sāriputta, một Tỷ-kheo khi chứng được thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất không tưởng đến đất... được ý suy tư, tại đấy vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng?

– Ở đây, này các Hiền giả, Tỷ-kheo tưởng như sau: "Đây là an tịnh, đây là thù thắng, tức là sự tịnh chỉ tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự đoạn diệt khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn." Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi chứng được Thiền định như vậy, vị ấy có thể trong đất, không tưởng đến đất; trong nước, có thể không tưởng đến nước; trong lửa, có thể không tưởng đến lửa; trong gió, có thể không tưởng đến gió; trong Không vô biên xứ, có thể không tưởng đến Không vô biên xứ; trong Thức vô biên xứ, có thể không tưởng đến Thức vô biên xứ; trong Vô sở hữu xứ, có thể không tưởng đến Vô sở hữu xứ; trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có thể không tưởng đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; trong thế giới hiện tại, có thể không tưởng đến thế giới hiện tại; trong thế giới đời sau, có thể không tưởng đến thế giới đời sau; và phàm cái gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu, được ý suy tư, tại đấy vị ấy có thể không có tưởng; tuy vậy, vị ấy vẫn có tưởng.

III. PHẨM TƯƠNG TỰ
(*SĀMAÑÑAVAGGA*)[33] (*A*. V. 358)

22-29. Này các Tỷ-kheo, thành tựu mười một chi phần, người chăn bò không thể là người chăm sóc đàn bò và đưa đàn bò đến tăng trưởng. Thế nào là mười một?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chăn bò không biết sắc; không thiện xảo trong tướng; không trừ khử trứng ruồi; không băng bó vết thương; không có xông khói; không biết chỗ nước có thể lội qua; không biết chỗ nước uống được; không biết đường; không thiện xảo trong các chỗ bò ăn cỏ; nặn sữa đến kiệt quệ; đối với các con bò đực, bậc cha đàn bò, bậc lãnh đạo đàn bò, không có đặc biệt kính trọng.

Thành tựu mười một chi phần này, này các Tỷ-kheo, người chăn bò không thể chăm sóc đàn bò và không thể khiến đàn bò được tăng trưởng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu mười một pháp, vị Tỷ-kheo không thể trú tùy quán vô thường trong con mắt... không thể trú tùy quán khổ trong con mắt... không thể trú tùy quán vô ngã trong con mắt... không thể trú tùy quán hoại diệt trong con mắt... không thể trú tùy quán hủy diệt trong con mắt.. không thể trú tùy quán ly tham trong con mắt... không thể trú tùy quán đoạn diệt trong con mắt... không thể trú tùy quán từ bỏ trong con mắt.

30-69. … trong lỗ tai... trong lỗ mũi... trong lưỡi... trong thân... trong ý...

70-117. … trong các sắc... trong các thanh... trong các hương... trong các vị... trong các xúc... trong các pháp...

118-165. …trong nhãn thức... trong nhĩ thức... trong tỷ thức... trong thiệt thức... trong thân thức... trong ý thức...

166-213. … trong nhãn xúc... trong nhĩ xúc... trong tỷ xúc... trong thiệt xúc... trong thân xúc... trong ý xúc...

214-261. … trong thọ do nhãn xúc sanh... trong thọ do nhĩ xúc sanh... trong thọ do tỷ xúc sanh... trong thọ do thiệt xúc sanh... trong thọ do thân xúc sanh... trong thọ do ý xúc sanh...

262-309. … trong sắc tưởng... trong thanh tưởng... trong hương tưởng... trong vị tưởng... trong xúc tưởng... trong pháp tưởng...

---

[33] Bản tiếng Anh của PTS: *Recapitulation*, nghĩa là *Tóm lại*. Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh từ 22-501 có tiêu đề The *Cowherd* (b), nghĩa là *Người chăn bò* (b).

310-357. … trong sắc tư... trong thanh tư... trong hương tư... trong vị tư... trong xúc tư... trong pháp tư...

358-405. … trong sắc ái... trong thanh ái... trong hương ái... trong vị ái... trong xúc ái... trong pháp ái...

406-453. … trong sắc tầm... trong thanh tầm... hương tầm... trong vị tầm... trong xúc tầm... trong pháp tầm...

454-501. ... trong sắc tứ... trong thanh tứ... trong hương tứ... trong vị tứ... trong xúc tứ... trú tùy quán vô thường trong pháp tứ... trú tùy quán khổ... trú tùy quán vô ngã... trú tùy quán hoại diệt... trú tùy quán hủy diệt... trú tùy quán ly tham... trú tùy quán đoạn diệt... trú tùy quán từ bỏ.

Thành tựu mười một pháp, này các Tỷ-kheo, người chăn bò có thể chăm sóc đàn bò và khiến đàn bò tăng trưởng. Thế nào là mười một? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chăn bò biết sắc...

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thành tựu mười một pháp, Tỷ-kheo có thể trú tùy quán vô thường trong con mắt... có thể trú tùy quán từ bỏ trong pháp tứ.



IV. PHẨM THAM LƯỢC THUYẾT
(*RĀGAPEYYĀLA*)[34] (*A*. V. 360)

502. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, mười một pháp cần phải tu tập. Thế nào là mười một? Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, Từ tâm giải thoát, Bi tâm giải thoát, Hỷ tâm giải thoát, Xả tâm giải thoát, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ. Để thắng tri tham ái, này các Tỷ-kheo, mười một pháp này cần phải tu tập.

503-511. Để liễu tri tham ái, này các Tỷ-kheo,… để liễu diệt… để đoạn tận… để hoại diệt… để hủy diệt… để ly tham… để đoạn diệt… để xả ly… để từ bỏ... mười một pháp cần phải tu tập.

512-671. Để thắng tri sân... si... phẫn nộ... hiềm hận... gièm pha... não hại... tật đố... xan tham... man trá... lừa đảo... cứng đầu... hung hăng... mạn... quá mạn... say đắm... phóng dật... để liễu tri… để liễu diệt… để đoạn tận… để hoại diệt… để hủy diệt… để ly tham… để đoạn diệt… để xả ly… để từ bỏ... mười một pháp này cần phải tu tập.

Thế Tôn thuyết như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



[34] Trong bản tiếng Anh của PTS, các kinh từ 502-671 được trình bày tiếp theo trong Chapter III. *Recapitulation* nghĩa là *Tóm lại*.

PHỤ LỤC 1

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA BỘ

1. ĐÁNH SỐ THEO VRI

Các bản kinh được đánh số lại theo hệ thống VRI nhằm hỗ trợ cho các học giả dễ dàng tra cứu khi đối chiếu các văn bản: Pāli, Anh, Việt hoặc các ngôn ngữ khác. Nguồn: www.tipitaka.org.

2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIẾU HÁN VĂN

Nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pāli và bản Hán, bộ *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*ĐCT*) được sử dụng làm tài liệu chính để tham chiếu. Nguồn: http://cbeta.org/.

3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT SỐ DỊCH GIẢ

Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản sư", "chính niệm", "chúng sinh"… đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư", "chánh niệm", "chúng sanh"… đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền).

4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM

Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

4.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, địa vị, chức vụ

4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết

* Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v…

* Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết Vô nhân luận, thuyết Luân hồi tịnh hóa, v.v…

4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (*citta*), ý (*mana*), thức (*viññāṇa*), Tăng-già-lê (*Saṅghāṭi*), v.v…

4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v…

4.1.4. Các từ chỉ quả vị, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Thiền thứ hai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v… Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dư Niết-bàn, v.v…

4.1.5. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo, Ta nhắc các ông rằng…"

4.1.6. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, …

4.2. Danh từ riêng

4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc.

4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, cây Chiên-đàn, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già,...

4.2.3 Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

4.2.4. Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược "tiếp đầu ngữ" được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-đà" sửa thành "A-di-đà".

4.3. Mạo từ tôn xưng

Viết thường các mạo từ tôn xưng như "đức", "bậc", "đấng", thường

đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Nhất Lai, bậc Vô Sanh, bậc Đã Thấy Đã Biết.

4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm

4.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành.*

4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Trường bộ, Kinh Dược Sư, Kinh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược.*

4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: *The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics* (*A Translation of the Dhammasaṅgaṇī*).

4.5. Pháp số Phật học

4.5.1. Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, ngũ uẩn, lục căn, thất bảo, bát công đức thủy, cửu thiền, thập pháp giới.

4.5.2. Viết hoa từ đầu đối với các thuật ngữ quan trọng hoặc là lộ trình tu tập mà bài kinh đó đang nhấn mạnh. Ví dụ: – Hiền giả, có phải Giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn? (Trích *Kinh Trạm xe* (số 24) thuộc *Kinh Trung bộ*).

5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN

5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

5.2. Viết bằng số ở cước chú và trong các bài Dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách.

5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963.

5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963).

5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32.

5.6. Tỉnh lược số trang trong cước chú

- Trang 254-256 được viết là 254-56.

- *M.* I. 276-278 được viết là *M.* I. 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH

6.1. Chú thích theo ấn bản Pāli của PTS

- *S.* I. 70. Nghĩa là *Saṃyutta Nikāya*, tập I, trang 70.
- *S.* 56.25: 1. Nghĩa là *Saṃyutta Nikāya*, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1.
- *Dh.* 10. Nghĩa là *Dhammapada*, trang 10.
- *Sn.* 140. Nghĩa là *Suttanipāta*, trang 140.
- *Thag.* 10. Nghĩa là *Theragāthā*, trang 10.
- *J.* I. 389. Nghĩa là *Jātaka*, tập I, trang 389.
- *DA.* I. 41-2. Nghĩa là *Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā*, tập I, trang 41 đến 42.
- *UdA.* 217. Nghĩa là *Udāna Aṭṭhakathā*, trang 217.
- *Vin.* II. 287. Nghĩa là *Vinaya*, tập II, trang 287.
- *Vbh.* 351. Nghĩa là *Vibhaṅga*, trang 351.
- *Kvu.* 401. Nghĩa là *Kathāvatthu*, trang 401.

6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh

Tất cả các ấn bản tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản.

- *GS.* II. 42. Nghĩa là *The Book of the Gradual Sayings*, vol. II, translated by F. L. Woodward, London: PTS, 1933, p. 42.

- *PC.* 338, n. 1. Nghĩa là *Points of Controversy* (*A Translation of the Kathāvatthu*), London: PTS, 1915, p. 338, note 1.

6.3. Chú thích tên kinh theo ấn bản Pāli và tiếng Việt

- *D.* 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại niệm xứ*).
- *M.* 60, *Apaṇṇaka Sutta* (*Kinh Không gì chuyển hướng*).

6.4. Trật tự của chú thích trong kinh có nguồn gốc Pāli được viết như sau: Pāli (viết tắt là P.), Sanskrit (viết tắt là S.), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassara; S. Ābhāsvara; H. 光音天; E. The Radian gods).

6.5. Chú thích theo Hán văn

6.5.1. Tên kinh biệt dịch được nêu ra trước

- *Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T.*01. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20.

- *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T.*02. 0121. 0544b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12.

6.5.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ *Trường A-hàm kinh* và *Trung A-hàm kinh.*

- *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ *Trường A-hàm kinh*, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trường A-hàm kinh*; trang 0088, cột b, dòng thứ 12.

- *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0026 là số hiệu của bộ *Trung A-hàm kinh*, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trung A-hàm kinh*; trang 0569, cột c, dòng thứ 23.

6.5.3. Tên bộ kinh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ *Tạp A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhất A-hàm*, vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ *Tạp A-hàm kinh*; trang 0299, cột c, dòng thứ 06.

- *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.111. 0414a18). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0100 là số hiệu của bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*; trang 0414, cột a, dòng thứ 18.

- *Ly* 離 (*N*.15. 0006.28.1. 0354a05). Nghĩa là kinh này thuộc Nam truyền *ĐCT*, tập 15; 0006 là số hiệu của *Kinh Tương ưng bộ* tập III, nhóm 28, kinh số 1; trang 0345, cột a, dòng thứ 05.

6.5.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như *Pháp cú kinh* hoặc các bộ kinh Đại thừa.

- *Pháp cú kinh*, *Nê-hoàn phẩm* 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 04; 0210 là số hiệu của *Pháp cú kinh*, *Nê-hoàn phẩm* thứ 36; trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

6.5.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận.

- *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc *ĐCT*, tập 26; 1536 là số hiệu của *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận*, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22.

6.5.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng

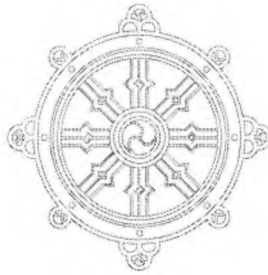
- *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0125 là số hiệu của *Tăng nhất A-hàm kinh*, 11 là số thứ tự của *Bất đãi phẩm*, số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

- *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.9-10. 0002a02-a12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-a12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12.

7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH

Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy bị thiếu, sót, nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc y theo cách dịch của chính dịch giả đã sử dụng trong dịch phẩm. Nhiều chú thích vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ *Đại Chánh tạng*.

Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn tham chiếu của các cước chú.



PHỤ LỤC 2

TÀI LIỆU THAM KHẢO PĀLI & TIẾNG ANH

(Được sử dụng trong các chú thích của bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PĀLI

Aṅguttara Nikāya, 6 vols., ed. by Morris, R., Hardy, E., Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1885-1910).

Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā (*Manoratthapūraṇī*), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.).

Apadāna, 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-1927).

Apadāna Aṭṭhakathā (*Visuddhajanavilāsinī*), ed. by Godakumbura, C. E. (London: PTS, 1954).

Buddhavaṃsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā, ed. by Horner, I. B. (London: PTS, 1946).

Cariyāpiṭaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939).

Cūlaniddesa, ed. by Stede, W. (London: PTS, 1918).

Cūlavaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1925-1927).

Dhammapada, ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda. (London: PTS, 1914).

Dhammapada Aṭṭhakathā, 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. C., and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906. etc.).

Dhammasaṅgaṇī, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dhammasaṅgaṇī Commentary, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dīgha Nikāya, 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910).

Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā (*Sumaṅgalavilāsinī*), 3 vols., ed. by Rhys David, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-1932).

Dīpavaṃsa, ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879).

Mahāvaṃsa, ed. Geiger, W. (London: PTS, 1908).

Mahāvaṃsa, Extended, ed. Malalasekera, G. P. (London: PTS, 1937).

Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889).

Itivuttaka Aṭṭhakathā, 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-1936).

Jātaka, 7 vols., ed. by Fausböll, V. (London: PTS, 1877-1896).

Kathāvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1894-1897).

Kathāvatthu Aṭṭhakathā, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979).

Khuddakapāṭha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915).

Majjhima Nikāya, 3 vols., ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1888-1899).

Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (*Papañcasūdanī*), 5 vols., ed. by Woods, J. H., Kosambi, D., and Horner, I. B. (London: PTS, 1922-1838).

Mahāniddesa, 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallée and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-1917).

Milindapañha - Milinda Ṭikā, ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880).

Nettipakaraṇa, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902).

Niddesa Ṭikā (*Saddhammapajjoṭikā*), 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-1940).

Paṭisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1905-1907).

Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (*Saddhammappakāsinī*), 3 vols., ed. by Joshi, C. V. (London: PTS, 1933-1947).

Paṭṭhāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1908).

Petavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Puggalapaññatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883).

Puggalapaññatti Aṭṭhakathā, ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1914).

Saṃyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1884-1904).

Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (*Sārattappakāsinī*), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-1937).

Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913).

Suttanipāta Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* II), 3 vols., ed. by Smith. H. (London: PTS, 1916-1918).

Theragāthā - Therīgāthā, ed. by Oldenberg. H., and Pischel. R. (London: PTS, 1883).

Theragāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-1959).

Therīgāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* VI), ed. by Müller. E. (London: PTS, 1893).

Udāna, ed. by Steinthal, P. (London: PTS, 1885).

Udāna Aṭṭhakathā, ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926).

Vinaya Piṭaka, 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-1883).

Vibhaṅga, ed. by Rhys David, C. A. F. (London: PTS, 1904).

Vibhaṅga Aṭṭhakathā, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH

A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1900).

Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910).

Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. W., and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1899).

Divyāvadāna, ed. Cowell, E. B. and Neil, R.A. (Cambridge: The University Press, 1886).

Points of Controversy (A Translation of the *Kathāvatthu*), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1915).

Psalms of the Early Buddhists I - *Psalms of the Sisters* (A Translation of the *Therīgāthā*), tr. by Mrs. Rhys Davids C. A. F. (London: PTS, 1909).

Psalms of the Early Buddhists II - *Psalms of the Brethen* (A Translation of the *Theragāthā*), tr. by Mrs. Rhys Davids C. A. F. (London: PTS, 1913).

The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the *Vinaya Piṭaka*), tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1881).

The Book of the Kindred Sayings, 5 vols., tr. by Mrs Rhys Davids C. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-1930).

The Book of the Gradual Sayings, 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-1936).

The Collection of the Middle Length Sayings, 3 vols., tr. Horner, I. B. (London: PTS, 1954-1959).

The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births (A Translation of the *Jātaka*), 6 vols. and Index, tr. by Cowell, E. B., Chalmers, R., Rouse, W. H. D., and Francis, H. T. (London: PTS, 1895-1913).

The Path of Purity, 3 vols., tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31).

The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. W. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Mrs. Rhys Davids, C. A. F., *A Manual of Buddhism* (London: Sheldon Press, 1932).

Mrs. Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism: A Study of the Buddhist Norm* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, T. W., *American Lectures on Buddhism* (New York: GP Putnam, 1896).

Mrs. Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism* (London: PTS, 1912).

Warren, Henry Clarke, *Buddhism in Translations* (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist Birth Stories,* Trübner's Oriental Series (London: Trübner and Co., 1880).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist India*, Stories of the Nations (New York: GP Putnam, 1903).

Journal of the Pali Text Society (London: PTS, 1882, etc.).

Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).

Geiger, Wilhelm, *Pali Literature und Sprache* (Strassburg: Karl J. Trübner, 1916).

D. TỪ ĐIỂN

Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953).

Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. C. (London: PTS, 1874).

A Critical Pali Dictionary, ed. Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).

Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. P. (London: John Murray, 1937-1938).

Encyclopaedia of Buddhism, 6 vols., ed. by Malalasekera, G. P, Buswell, R. E., Weeraratne. W.G. and others (Government of Ceylon, 1961-1999).

Encyclopedia of Religion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-1927).

English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955).

Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T.W. and Stede, William (London: PTS, 1921-1925).

SÁCH DẪN

A

C

D

E

G

H

I

J

K

L

M

N

O

P

R

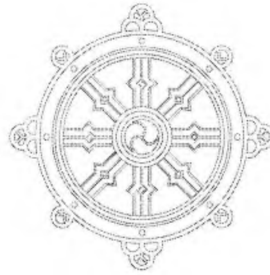
S

T

U

V

Y



TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO CAO QUÝ

Trân trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các Tổ đình, tự viện, tịnh xá. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

- Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: **3.000 bộ**.

- Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: **1.500 bộ**.

- Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: **500 bộ**.

- Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn.

Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

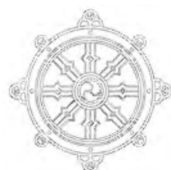
Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.



PHƯƠNG DANH ẤN TỐNG

Thực hiện
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM 04
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ 04
KINH TĂNG CHI BỘ
(Aṅguttara Nikāya)
Dịch giả: Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in
SC.TN. Hạnh Thường, SC.TN. Tịnh Huệ, SC.TN. Liên Kỉnh,
Liên Ngọc, Ngọc Thanh, Ngọc Hoa

Trình bày
Đặng Thái Trung

Đối tác liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm, Phường 4, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

In: 7.000 bản, khổ: 19 x 27 cm, tại ***Công ty CP In Khuyến học phía Nam*** *(Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh). Số Xác nhận đăng ký XB: 4596-2020/CXBIPH/02 – 91/HĐ. Số QĐXB của NXB: 798/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 10/11/2020. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.*
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-318-189-0

ISBN: 978-604-318-189-0

